CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

THANH HÓA

THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

THANH HOA
NEW IMAGE IN CENTURY XXI

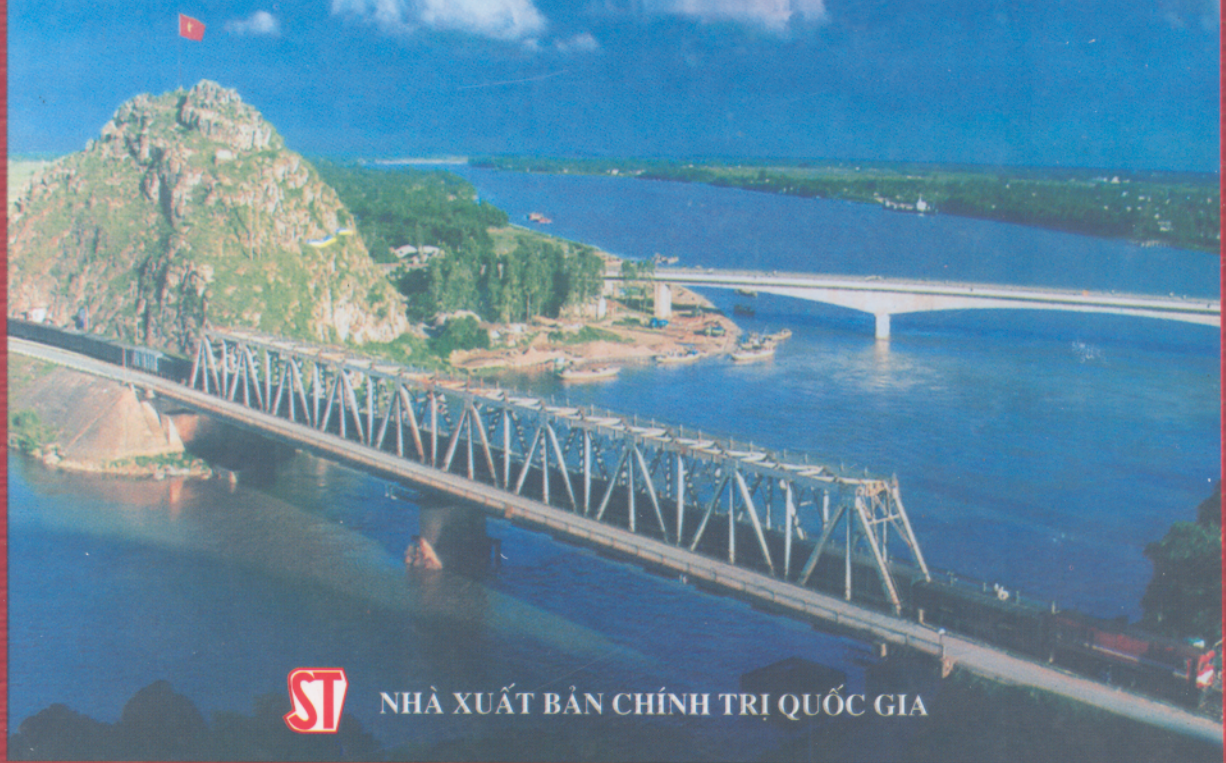

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

FEI CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

THANH HÓA
THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

Thanh Hoa - New Image in Century XXI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE
Hà Nội - 2003

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng ban Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương

PHẠM MINH ĐOAN
Phó Bí thư Tỉnh ủy
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

TRỊNH THÚC HUỲNH
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

CHỦ BIÊN

CHU VIẾT LUÂN
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

BAN BIÊN SOẠN

Lương Quang Huy, Phạm Minh Đương, Hà Thành
Nguyễn Mai An, Lê Mạnh Cương, Lê Việt Chung, Hoàng Tân, Kim Hoàng, Hồng Hạnh, Ngọc Minh, Nguyên Luận

BIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH TIẾNG ANH

Vũ Minh Tú, Đào Thuý Hoàn

TRÌNH BÀY

Nguyễn Thị Xuân Giao
Nhữ Kim Thoa
Đỗ Tuấn Anh

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thanh Hóa nằm ở Bắc Trung Bộ, điểm cực Bắc của Thanh Hóa cách Thủ đô Hà Nội 110 km. Vùng đất này là hình ảnh thu nhỏ của Việt Nam, nằm ở phía Nam vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ, với tiềm năng của ba vùng kinh tế: miền núi - trung du, đồng bằng và ven biển; nguồn tài nguyên phong phú bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và khoáng sản. Những lợi thế này đã giúp Thanh Hóa phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, phát triển công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thuỷ sản và phát triển tiềm năng du lịch và giao thông biển. Đặc biệt, Thanh Hóa có hệ thống giao thông thuận lợi, có các tuyến quốc lộ chạy qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 10, đường Hồ Chí Minh, sang Trung Lào theo quốc lộ 217, Thượng Lào theo đường xuyên ASEAN; có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua, các cảng biển, cảng pha sông.... tạo thuận lợi cho việc giao lưu - buôn bán.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, lãnh đạo, từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã nỗ lực phấn đấu, phát huy tiềm năng thế mạnh sẵn có, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách và giành được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình chính trị, quốc phòng - an ninh ổn định và giữ vững.

Trong những năm tới, để phát huy tiềm năng, thế mạnh sẵn có, Thanh Hóa cần phải có những giải pháp và bước đi phù hợp, trong đó chính sách thu hút vốn và mở rộng hợp tác với bên ngoài là vấn đề rất quan trọng.

Để giúp các địa phương trong cả nước và các đối tác gần xa hiểu thêm về Thanh Hóa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại xuất bản cuốn sách: ***Thanh Hóa - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI.***

Cuốn sách gồm 8 phần, được xuất bản bằng hai thứ tiếng Việt và Anh.

Phần I. Làm quen với mảnh đất và con người Thanh Hóa.

Phần II. Các tổ chức xã hội

Phần III. Tổ chức hành chính kinh tế - xã hội

Phần IV. Kết cấu hạ tầng

Phần V. Kinh tế - Bức tranh toàn cảnh

Phần VI. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế

Phần VII. Văn hóa - Xã hội.

Phần VIII. Bài học thành công

Với cách trình bày ngắn gọn, có hệ thống, cuốn sách không chỉ cung cấp những thông tin cơ bản, mà còn cho ta thấy được bức tranh toàn cảnh trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như các huyện, thị, các doanh nghiệp tiêu biểu, các gương mặt mới, những nhân tố mới trong sản xuất - kinh doanh và trong các lĩnh vực hoạt động xã hội, từ đó hình dung rõ hơn về hướng đi tới của Thanh Hóa trong tương lai.

Hy vọng cuốn sách sẽ mang lại nhiều điều bổ ích, giúp bạn đọc và các đối tác có thêm thông tin để nghiên cứu, tăng cường mở rộng hợp tác, tìm nơi đầu tư có hiệu quả trên vùng đất địa linh nhân kiệt và có truyền thống văn hóa lâu đời.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 2 năm 2004

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PUBLISHING HOUSE'S INTRODUCTION

Located in the Northern Central Vietnam, the northeast point of Thanh Hoa is 110 km from Hanoi. The province is a miniature of Vietnam, in the South of the Northern key economic zone with potentials of three economic zones: mountain-midlands, plain and coastal region with plentiful natural resources including land, forest, maritime and mineral resources. Those advantages enable the development of comprehensive agriculture, mineral exploitation, construction material production, agricultural-forestry-fishery product processing, tourism potentials and maritime transportation in Thanh Hoa. Especially, The province is endowed with a favourable traffic network with National Road No.1A, No.10; Ho Chi Minh Trail; National Road No.217 to the Central Laos and the trans-ASEAN road to the upper Laos; North-South railway; seaports and river-ports, creating favourable conditions for trade transaction.

Carrying out the Renovation guideline initiated by the Communist Party, since 1986, Thanh Hoa Party Committee, authorities, armed forces and people have made great efforts to develop their available potentials, taking opportunities, surmounting difficulties and challenges to gain remarkable achievements in socio-economic development, defense and security. The local people's economic, cultural and social life has been gradually improved; politics, defense - security have been stabilised and reinforced.

It is necessary for Thanh Hoa to map out appropriate measures and policies to bring into full play its potentials and strengths, especially policies for attracting investment and expanding external co-operation in the coming years.

With an aim to give some further information about Thanh Hoa to nation-wide and foreign partners the National Politics Publishing House coordinates with Foreign Economic Information to compile and publish the book titled ***Thanh Hoa - New Image in Century XXI.***

Part I: Presentation
Part II: The Social organisations
Part III: Socio-Economic administrative structure
Part IV: Infrastructure
Part V: Economy - Overview
Part VI: Mobilizing all forces for economic development
Part VII: Culture - Society
Part VIII: Lessons of success

Thanks to this condensed and systematic design, the publication provides readers with not only the basic information of Thanh Hoa but also the overall picture of the socio-economic growth of the province, districts, towns, outstanding enterprises and new businesses in their production-business and other social activities. As a result, the development direction of Thanh Hoa in the future can be extensively figured out.

Hopefully, this publication will present readers and foreign partners with useful information of Thanh Hoa for their surveys of co-operation expansion and effective investment opportunities in the province of celebrities and long-standing cultural tradition.

We would respectfully introduce the book as a small gift to all distinguished readers.

February 2004
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE

PHẠM MINH ĐOAN
Phó Bí thư Tỉnh uỷ
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn độc giả thân mến!

Điểm cực bắc của tỉnh Thanh Hoá cách thủ đô Hà Nội 110 km về phía Nam, là một tỉnh lớn và mạnh, có diện tích tự nhiên 11.106 km^2, dân số trên 3,6 triệu người, sinh sống và làm việc tại 27 huyện, thị xã và thành phố. Nằm ở Bắc Trung Bộ, Thanh Hoá là mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống văn hoá lâu đời, phong phú và đa dạng. Không những thế, xứ Thanh còn là vùng đất có truyền thống đấu tranh anh dũng kiên cường, nơi phát tích của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam. Người xứ Thanh xưa và nay đã viết nên nhiều trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, người dân xứ Thanh đã không quản ngại hy sinh gian khổ, cùng với cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu và đại thắng mùa xuân năm 1975.

Không những thế, với tiềm năng của ba vùng kinh tế: miền núi - trung du, đồng bằng và ven biển, nguồn tài nguyên thiên nhiên của xứ Thanh vô cùng phong phú, bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và tài nguyên khoáng sản. Những lợi thế này đã giúp Thanh Hoá có thể phát triển một nền kinh tế toàn diện trên tất cả các mặt từ sản xuất nông nghiệp đến công nghiệp (chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc - hoá dầu, các ngành công nghiệp công nghệ cao) và dịch vụ - du lịch. Bên cạnh đó, với nguồn nhân lực dồi dào (1,9 triệu người), thông minh, cần cù, sáng tạo người dân xứ Thanh đã góp phần làm nên nhiều "kỳ tích" trong lịch sử nghìn năm dựng nước của dân tộc Việt Nam.

Với những tiềm năng sẵn có, cùng sự chỉ đạo tập trung của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thanh Hoá luôn đoàn kết thống nhất, ra sức thi đua, nỗ lực phấn đấu cho tỉnh ngày càng giàu mạnh. Trong hơn 16 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt là những năm gần đây, kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đã có bước phát triển quan trọng. Tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh năm 2000 tăng gấp 2 lần so với năm 1990; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1996 - 2000 đạt 7,3%, riêng năm 2003 đạt 9,7%. Cơ cấu kinh tế đã và đang chuyển dịch theo hướng tích cực: năm 2003, công nghiệp - xây dựng chiếm 31,5% GDP (so với gần 10% năm 1990); tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 1996 - 2002 đạt gần 3.000 tỷ đồng/năm, riêng năm 2003 đạt 4.200 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2002.

Từ năm 2002 đến nay, trên cơ sở đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn của Đảng và Nhà nước, Thanh Hoá đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng hơn, nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp, bao gồm: chính sách giảm thuế, miễn, giảm tiền thuê đất, cải cách hành chính tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, tin cậy cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, Thanh Hoá còn hỗ trợ, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình

sản xuất - kinh doanh của một số dự án, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh. Cùng với những chính sách ưu đãi đầu tư, Thanh Hoá đã ban hành chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chính sách khuyến khích xuất khẩu, v.v.. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (cả trong và ngoài nước) đã lựa chọn Thanh Hoá làm điểm đầu tư và đầu tư - kinh doanh hiệu quả.

Thành tựu mà Thanh Hoá đạt được trong những năm qua là bước khởi đầu tốt đẹp, có ý nghĩa quan trọng, góp phần xây dựng Thanh Hoá ngày càng giàu mạnh và văn minh. Song, chúng tôi cũng ý thức được rằng, điểm xuất phát kinh tế của Thanh Hoá chưa cao, kết cấu hạ tầng còn yếu, cần phải nỗ lực hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, bên cạnh việc phát huy nội lực, Thanh Hoá mong muốn mở rộng hợp tác kinh tế; thu hút nguồn vốn dồi dào từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước để biến những tiềm năng sẵn có thành hiện thực.

Với mong muốn góp phần tăng thêm hiểu biết của độc giả, giới thiệu với các nhà đầu tư trong và ngoài nước về những thành tựu phát triển cũng như tiềm năng, thế mạnh của địa phương, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại xuất bản cuốn sách ***"Thanh Hoá - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI"***.

Hy vọng, cuốn sách này được xuất bản sẽ trở thành nguồn tư liệu cần thiết, giúp độc giả hiểu thêm về lịch sử, văn hoá, mảnh đất và con người xứ Thanh trong quá khứ cũng như hiện tại để các nhà khoa học, các nhà chính trị, kinh tế, văn hoá... hoạch định những công trình nghiên cứu, công trình xây dựng và chính sách của ngành mình trên mảnh đất xứ Thanh. Qua đó, phát huy sức mạnh tổng hợp, tận dụng tối đa mọi cơ hội đầu tư để đến năm 2010, GDP Thanh Hoá tăng gấp 2,6 - 2,8 lần so với năm 2000, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2001 - 2005 đạt 10,5% trở lên; từ đó đưa Thanh Hoá trở thành tỉnh giàu - mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

PHÓ BÍ THƯ TỈNH UỶ
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

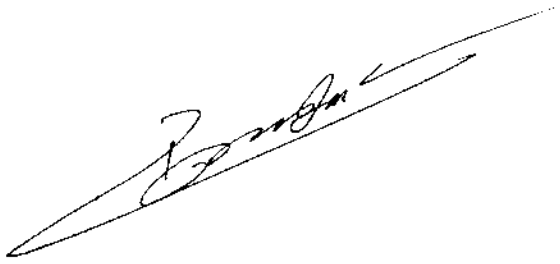

PHẠM MINH ĐOAN

PHAM MINH DOAN
Deputy Secretary of Thanh Hoa Party Committee cum Chairman of the municipal People's Committee

FOREWORD

Dear readers,

The northeast point of Thanh Hoa is 110 km away from Hanoi in the south. It is a large and prosperous province with the natural area of 11,106 sq.km, the population of 3.6 million people and the administration structure of 27 districts, towns and city. Located in the north of the Central Vietnam, Thanh Hoa is known as a holy land of celebrities with the various age-old cultural traditions. It is also the land of heroic traditions where rose up numerous feudal dynasties. Thanh Hoa people in the past and at present have made great contributions to the heroic history of the nation, especially the contributions to the nation's world-shaking Dien Bien Phu Victory and great victory of spring 1975 during the wars against the French and the American invaders.

Besides, the economic potentials of the mountainous, plain and coastal areas, Thanh Hoa enjoys rich natural resources of land, forest, marine and mineral. Those advantages have helped the province a lot in developing an overall economy in all fields ranging from agricultural to industrial production (agricultural, forestry and seafood processing, construction material production, petrochemistry, oil refine and other hi-tech industries) services and tourism. Moreover, with the rich intelligent, industrious and creative human resources (around 1.9 million people), Thanh Hoa has made numerous 'exploits' during the nation's thousands of years of history and country building.

With the available land and human potentials, the concentrated direction by the Central Communist Party and the local Party Committee, authorities and people have been in a great solidarity, making great efforts in emulating for the more and more prosperous Thanh Hoa. The province has been making important economic developments during the 16 years implementing the Renovation *(Doi moi)*, especially in the recent years. In 2000, the total GDP of the province doubled that in 1990, achieved the annual growth rate of 7.3% during 1996 - 2000. In 2003 particularly, the local GDP growth achieved 9.7%. The economic structure has been reformed in a positive way: industry - construction makes around 31.5% of the GDP in 2003 (it was 10% in 1990), the annual social investment capital in the period of 1996 - 2002 was nearly VND 3,000 billion, peaking at VND 4,200 billion in 2003, with an increase of 16.7% from 2002.

Since 2002, on the basis of the right socio-economic development policies by the Party and State, Thanh Hoa has adopted preferential policies, formed a more open investment environment

to lure the direct domestic and foreign investments. Those policies cover the tax reduction, land rent exemption and reduction, and administration innovation to create favourable trade environment to attract the investors. Besides, Thanh Hoa also gives timely assistance to the projects and enterprises working across the province in solving the difficulties and obstacles arisen during the business and production operation process. In addition to the investment incentive policies, Thanh Hoa has issued policies on industrial and handicraft development and preferential policies to boost the exports. Therefore, more enterprises of different economic sectors (both domestic and foreign) have selected Thanh Hoa as a destination for their effective investments and businesses.

The achievements that Thanh Hoa has made in the past few years are good commencement that plays a very important role in building Thanh Hoa more prosperous and civilised. However, we have a profound awareness of the fact that the economic starting point of the province is at a low point with poor infrastructure, so we have to make greater efforts in pursuing the socio-economic development. Therefore, besides mobilising the internal forces, Thanh Hoa would like to expand the economic co-operation and attract the domestic and foreign investments thus realising the available potentials.

In order to provide readers and investors with more information about the Thanh Hoa's achievements, potentials and strengths for development, the municipal Party Committee, People's Committee co-operates with the National Political Publishing House and Foreign Economic Information Join-stock Company to issue the publication: ***"Thanh Hoa - New Image Century XXI"***.

The publication provides readers with essential information about Thanh Hoa history, culture, land and people. Hopefully, the publication will help scientists, politicians, economists and culture researchers in planning policies, researches and construction works. In that way, the general strength will be mobilised and investment opportunities will be best utilised for the pursuit of the GDP in 2010 at 2.6 to 2.8 times greater than that in 2000 and the annual GDP growth rate in the period of 2001-2005 to be 10.5% up.

DEPUTY SECRETARY OF THANH HOA PARTY COMMITTEE
cum
CHAIRMAN OF THE MUNICIPAL PEOPLE'S COMMITTEE

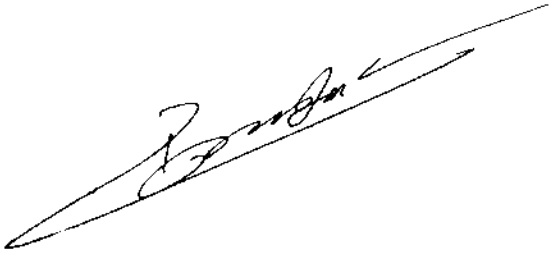

PHAM MINH DOAN

TIỀM NĂNG THẾ MẠNH KINH TẾ THANH HOÁ
VỮNG BƯỚC TRONG THẾ KỶ XXI

PHẠM MINH ĐOAN
Phó Bí thư Tỉnh uỷ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh đã đoàn kết, vượt qua khó khăn, thử thách, đạt nhiều thành tích khá toàn diện trong tình hình chính trị ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Đó là cơ sở vững chắc, tiền đề quan trọng thôi thúc 3,6 triệu người dân Thanh Hoá vươn lên hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Tiềm năng thế mạnh và những định hướng phát triển

Thanh Hoá có diện tích tự nhiên 11.106 km^2, dân số trên 3,6 triệu người, đứng thứ 2 của cả nước (sau thành phố Hồ Chí Minh) với 7 dân tộc sinh sống hoà thuận, đoàn kết. Diện tích nông nghiệp, đất rừng lớn, bờ biển dài trên 102 km với vùng lãnh hải rộng 17.000 km^2. Hệ thống đường sắt, đường quốc lộ 1A chạy qua vùng đồng bằng và ven biển, đường Hồ Chí Minh, đường 15A, đường 127 xuyên suốt vùng trung du, miền núi và các tuyến đường trục Đông - Tây... nối liền các vùng, miền trong tỉnh và với nước bạn Lào. Hệ thống sông ngòi phân bố khá đều, hệ thống cảng pha sông biển, cảng biển nước sâu, thuận lợi cho phát triển giao thông đường sông, đường biển. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, nhiều loại có trữ lượng lớn; phân bố rộng khắp, điều kiện khai thác thuận tiện. Nhiều danh lam thắng cảnh và di tích có giá trị lịch sử và văn hoá. Tiềm năng, thế mạnh đó cho phép Thanh Hoá phát triển nền kinh tế toàn diện, bao gồm cả nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, công nghiệp và ngành dịch vụ, du lịch.

Sau hơn 16 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo, Đảng bộ, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, phát huy tiềm năng thế mạnh sẵn có, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách giành được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tăng trưởng kinh tế thời kỳ 1996 - 2000 bình quân đạt 7,3%/năm, riêng năm 2003 đạt 9,7%; GDP bình quân đầu người năm 2003 đạt 366 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều lĩnh vực đã đạt được thành tựu quan trọng. Đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội của nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình chính trị, quốc phòng - an ninh ổn định và giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thanh Hoá còn không ít khó khăn, thử thách. Nền kinh tế tăng trưởng khá, nhưng so với mục tiêu 2001 - 2005 còn thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chất lượng tăng trưởng chưa cao. Đời sống của nhiều vùng dân cư còn khó khăn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Tiềm năng thế mạnh của tỉnh chưa được đầu tư khai thác đúng mức, có hiệu quả. Để tạo bước chuyển trong phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã đề ra định hướng nhằm khai thác tốt

các tiềm năng sẵn có:

Thứ nhất: trong những năm tới, Thanh Hoá sẽ tập trung khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển nền nông nghiệp toàn diện. Với 236,9 nghìn ha đất nông nghiệp, trên 600 nghìn ha rừng tự nhiên, gần 100 nghìn ha rừng trồng, trên 8 nghìn ha mặt nước lợ (có khả năng nuôi tôm, cua, rong câu,...), 1.300 ha mặt nước mặn, vùng lãnh hải rộng 17.000 km^2 đã tạo nên lợi thế rất lớn trong phát triển ngành trồng trọt và đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Bên cạnh đó, tiềm năng đất đai và nguồn lương thực cho phép Thanh Hoá có thể phát triển đàn trâu, bò với số lượng trên 430 nghìn con/năm; trên 1 triệu con lợn/năm, 8 triệu con gia cầm/năm. Nói chung, dư địa trong phát triển nông nghiệp Thanh Hoá còn lớn với nhiều giống cây, con có thể phát triển thành sản phẩm hàng hoá lớn như mía, lạc, cây ăn quả, nguyên liệu giấy, gia cầm, sữa thành phẩm, thuỷ, hải sản v.v..

Thứ hai: Thanh Hoá có nhiều lợi thế để phát triển công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc hoá dầu, công nghiệp điện, công nghiệp giấy da, may mặc. Khoáng sản Thanh Hoá rất đa dạng với khoảng 42 loại, trong đó có nhiều loại có trữ lượng lớn như: đá vôi và đất sét (nguyên liệu để sản xuất xi măng), đá ốp lát 2 - 3 tỷ m^3, mỏ quặng cromit (mỏ duy nhất cả nước), mỏ secpentin và nhiều loại kim loại khác có chất lượng tốt. Với vị trí tiếp giáp với vùng kinh tế động lực tăng trưởng phía Bắc, hệ thống giao thông tương đối thuận lợi và đang được mở rộng. Ngoài cảng Lễ Môn, cảng nước sâu Nghi Sơn đã được đầu tư giai đoạn I, phát huy hiệu quả tốt. Hiện nay, cảng biển này đang được xúc tiến xây dựng giai đoạn II, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển c trung tâm công nghiệp lớn của tỉnh, các khu v Nam Thanh - Bắc Nghệ và cả nước.

Để phát triển công nghiệp, từ nay đến năm 201 tỉnh Thanh Hoá đầu tư xây dựng 4 khu công nghiệ trong đó có 2 khu công nghiệp Lễ Môn và Nghi S đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định tron danh mục các khu công nghiệp ưu tiên xây dựng đ năm 2010. Các khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạc Thành diện tích 350 ha; khu công nghiệp Mục Sơn Lam Sơn diện tích 150 ha, đang được hình thành v hạt nhân là Nhà máy Đường Việt - Đài, Lam Sơn v Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn.

Thứ ba: tiềm năng du lịch của Thanh Hoá r phong phú, vừa có những địa danh được xếp hạn trong cả nước, vừa có những thắng cảnh đẹp với cá điểm du lịch hấp dẫn như: Sầm Sơn, Bến En, Hà Rồng, Lam Kinh, Thành nhà Hồ, động Từ Thức, suố cá Cẩm Lương, vườn cò Tiến Nông... Do đó, Than Hoá hội đủ các điều kiện cần thiết để phát triển đ dạng các loại hình dịch v và du lịch. Trong thời gia tới, Thanh Hoá sẽ tập trun đầu tư xây dựng kết cấu h tầng, phát triển các loạ hình dịch vụ và nâng ca chất lượng sản phẩm d lịch, để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế có v thế quan trọng trong phá triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

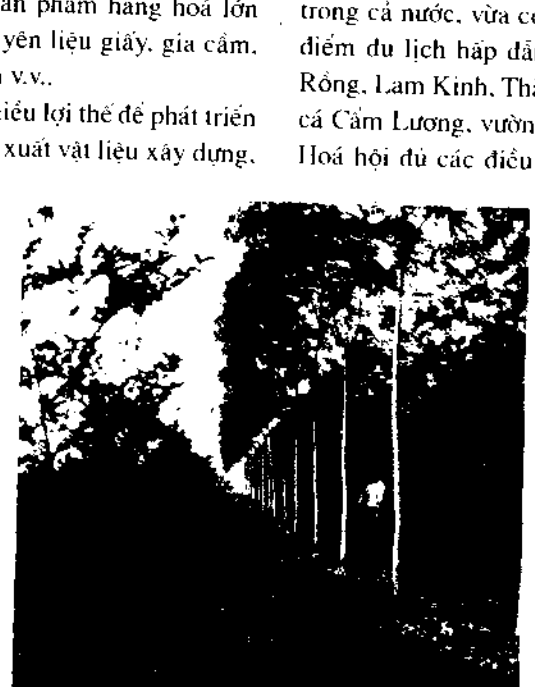

Trang trại cây cao su, chè - mô hình phát triển kinh tế mang lại hiệu quả cao

Foto: Tư Liệu

Thứ tư: là một trong những tỉnh đông dân nhất của cả nước, Thanh Hoá có tiềm năng lớn về nguồn nhân lực, trình độ dân tr tương đối cao. Toàn tỉnh hiện có 1.383 trường phổ thông với trên 900 nghìn học sinh hàng năm, nhiều học sinh của tỉnh đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc

tế. Hiện nay, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Phổ thông trung học Lam Sơn và hệ thống các trường lớp, các cấp học, ngành học là cái nôi đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ phát triển tri thức, kinh tế - xã hội cho tỉnh Thanh Hoá. Để phát huy tiềm năng này, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã đề ra định hướng phát triển sản xuất ở những lĩnh vực đòi hỏi nhiều lao động và lao động có trình độ cao.

Những trọng tâm được tập trung phát triển đến năm 2010

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 của tỉnh Thanh Hoá đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu: phấn đấu thoát khỏi tụt hậu, đuổi kịp và vượt mức trung bình của cả nước. Đến năm 2010, GDP tăng gấp 2,6 - 2,8 lần so với năm 2000; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 đạt 10,5% trở lên; cơ cấu kinh tế năm 2010, nông nghiệp 24 - 25%, công nghiệp 39 - 41%; dịch vụ 34 - 37%; GDP bình quân đầu người 750 USD/người, kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 300 triệu USD... Tạo sự chuyển biến về văn hoá, giáo dục - đào tạo, y tế và các vấn đề xã hội nhằm cải thiện một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI). Cụ thể đến năm 2010: tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%/năm, giảm hộ nghèo xuống 7 - 8%; hàng năm, giải quyết việc làm cho 3,4 - 4 vạn lao động, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, chất lượng đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, môi trường tự nhiên được bảo vệ; nâng cao khả năng ứng dụng các công nghệ tiên tiến, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế. Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu nhiệm vụ trên, Thanh Hoá sẽ tập trung vào các vấn đề chủ chốt và thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây:

1) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, từng ngành, từng đơn vị, từng doanh nghiệp nhằm nâng cao tốc độ phát triển kinh tế, đẩy nhanh tốc độ xoá đói giảm nghèo.

Về nông nghiệp, tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá lớn; đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất nhằm thực hiện các mục tiêu: tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, đảm bảo sản lượng lương thực 1,5 triệu tấn, đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp lên trên 28%, phát triển nhanh nuôi trồng thuỷ sản.

Tập trung chỉ đạo đổi mới cơ cấu cây, con, mùa vụ, mở rộng diện tích gieo cấy bằng giống lúa lai, ngô lai, lạc giống mới. Đẩy mạnh tiến độ triển khai các chương trình, dự án mới theo quy hoạch, kế hoạch như vùng nguyên liệu dứa, giấy, lợn hướng nạc, gà công nghiệp, bò sữa, các dự án nuôi trồng thuỷ sản, v.v.. Đối với các vùng nguyên liệu đã hình thành như mía, lạc, cói, phải tập trung chỉ đạo đầu tư, thâm canh phát triển theo chiều sâu, sớm hình thành các vùng nguyên liệu có khả năng cạnh tranh cao, cung cấp cho công nghiệp chế biến, thị trường trong nước và xuất khẩu.

Về công nghiệp, tập trung đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp, tạo sự vượt trội trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, làm nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, có hiệu quả và bền vững của toàn bộ nền kinh tế.

2) Tập trung thực hiện các giải pháp huy động vốn, khơi thông đầu tư phát triển.

Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích đầu tư; tạo thuận lợi về kết cấu hạ tầng, mặt bằng sản xuất, nguồn nguyên liệu, đào tạo và tuyển dụng lao động, đặc biệt quan tâm giải quyết thủ tục giao đất, giao mỏ cho chủ doanh nghiệp, thủ tục xây dựng cơ bản, đền bù giải phóng mặt bằng,v.v. nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hấp dẫn, thu hút đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh.

Cụ thể hoá các cơ chế huy động vốn đầu tư theo luật khuyến khích đầu tư trong nước, nước ngoài như: BOT, BTO, BO, BT,... đặc biệt quan tâm đến cơ chế "đổi đất lấy công trình". Thông qua đó, huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các công trình hạ tầng và phát triển sản xuất - kinh doanh; sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng; tạo điều kiện thuận lợi cho các công trình của Trung ương trên địa bàn tỉnh sớm đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả.

3) Ban hành những chính sách khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp Lễ Môn, khu công nghiệp Nghi Sơn và chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng dự án phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ, các ngành nghề, làng nghề, các loại hình dịch vụ trong nông thôn và cơ chế chính sách cho phát triển dự án; giải quyết nhanh thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất.

Đồng thời, tỉnh cũng đang phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xúc tiến triển khai thực hiện các dự án mới, đặc biệt là các dự án có ý nghĩa chiến lược như dự án khu liên hợp lọc - hoá dầu Nghi Sơn, dự án thuỷ lợi - thuỷ điện hồ Cửa Đạt, dự án nhiệt điện Nghi Sơn, dự án dệt may, dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn số 2...

4) Tập trung chỉ đạo phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, đặc biệt là du lịch và thương mại góp phần tạo lập thị trường, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch Sầm Sơn, gắn du lịch tắm biển với nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí. Xúc tiến đầu tư phát triển khu du lịch Hàm Rồng, kể cả đầu tư kết cấu hạ tầng và đầu tư phát triển các cơ sở kinh doanh để từng bước đưa Hàm Rồng trở thành trung tâm du lịch lớn của tỉnh và cả nước. Coi du lịch Sầm Sơn và Hàm Rồng là điểm nhấn của du lịch Thanh Hoá từ nay đến năm 2010.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các trung tâm thương mại quy mô lớn, góp phần đổi mới hoạt động thương mại theo hướng phát triển các cửa hàng, cửa hiệu, các siêu thị có chất lượng phục vụ cao.

5) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo động lực mới cho sản xuất - kinh doanh. Tiếp tục thực hiện các chính sách của tỉnh về lai tạo, du nhập các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng sản phẩm cao.

Ưu tiên đầu tư đối với các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ưu tiên chỉ đạo triển khai các chương trình công nghệ thông tin, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, điều hành sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp và thực hiện các dịch vụ công.

Ban hành chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ nông dân, các hội khoa học, các trung tâm, Trường Đại học Hồng Đức, các cơ sở nghiên cứu trong nước thực hiện việc liên kết trong nghiên cứu với triển khai sản xuất đại trà. Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong từng cơ sở sản xuất - kinh doanh.

6) Tập trung nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh nhanh tiến độ cổ phần hoá, mạnh dạn giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp nhà nước loại nhỏ, làm ăn thua lỗ kéo dài. Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác xã; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế liên doanh, liên kết, phát triển các hiệp hội ngành hàng để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Chế biến thuỷ sản - ngành kinh tế đầy tiềm năng cần được đầu tư phát triển

Foto: Tư Liệu

Là địa phương sớm đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, bỏ cơ quan chủ quản của doanh nghiệp nhà nước, trong năm 2003, Thanh Hoá sẽ tiếp tục thực hiện đổi mới phân cấp

quản lý, mạnh dạn phân cấp một số công việc cho cấp huyện; đổi mới cơ chế trách nhiệm, quy định trách nhiệm cá nhân của Giám đốc doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, trách nhiệm cá nhân của Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị ngành, cấp khi không hoàn thành nhiệm vụ...

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thực hiện nghiêm quy định về công khai tài chính công trong các cơ quan, đơn vị; tiến hành thí điểm khoán một số dịch vụ công như vệ sinh đô thị, cấp thoát nước; triển khai chủ trương khoán biên chế và kinh phí hoạt động cho các cơ quan hành chính; tiếp tục nghiên cứu cụ thể hoá các quy định về xã hội hoá trong các hoạt động văn hoá - xã hội nhằm thu hút các nguồn lực cho các hoạt động này, v.v..

7) Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh và giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc.

Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục và đào tạo; tăng cường kỷ cương trong dạy và học, trong quản lý thi tuyển, quản lý kinh phí và quản lý đội ngũ giáo viên; giải quyết có hiệu quả vấn đề dạy thêm và học thêm tràn lan; sớm củng cố, sắp xếp các chương trình dạy nghề để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề cho người lao động.

Tạo bước chuyển mạnh hơn về chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, ngăn chặn những tiêu cực trong khám, chữa bệnh; tăng cường kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể và xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm.

Tích cực chỉ đạo nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, báo chí, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Tập trung điều tra xác định số hộ đói nghèo của từng xã, từng huyện, làm rõ nguyên nhân gây nên đói nghèo, trên cơ sở đó đề ra kế hoạch cụ thể nhằm đẩy nhanh tốc độ xoá đói giảm nghèo, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác an ninh, quốc phòng; phát động toàn dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội; tập trung triệt phá các ổ nhóm buôn bán, vận chuyển, sử dụng ma tuý. Trong đó, phải đặc biệt phát huy vai trò của thôn, bản, khu phố trong đấu tranh chống buôn bán ma tuý và sử dụng ma tuý; nhân rộng mô hình cai nghiện tại cộng đồng và gia đình; củng cố tăng cường hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và an ninh thôn gắn với xây dựng thôn, bản, khu phố tự quản, phát động các phong trào quần chúng tham gia phòng chống tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng thôn, bản, khu phố, xã, phường không có tệ nạn xã hội, giữ cuộc sống yên bình cho nhân dân.

8) Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi người dân tham gia giao thông phải có trách nhiệm chấp hành Luật giao thông. Các cơ quan chức năng như công an, giao thông phải tăng cường lực lượng kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật giao thông. Tỉnh sẽ tổ chức tăng cường lực lượng có chuyên môn vững, tạo điều kiện để cán bộ làm nhiệm vụ tập trung cao độ cho kiểm soát hoạt động giao thông.

9) Đẩy mạnh công tác hành chính, tạo chuyển biến căn bản về thực hiện các thủ tục hành chính; mục tiêu là giải quyết nhanh nhất và chất lượng tốt nhất về các thủ tục hành chính, đặc biệt là giải quyết nhanh yêu cầu của các doanh nghiệp. Công khai về trình tự, thủ tục giải quyết công việc, thời gian giải quyết công việc, các khoản phí và lệ phí; tăng cường theo dõi đánh giá số lượng, chất lượng giải quyết công việc của từng cán bộ công chức, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ giao nhiệm vụ và quyền hạn cho Chủ tịch huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành tăng cường công tác thanh tra việc chấp hành các quy định, quy chế và các ý kiến chỉ đạo của cấp trên để xử lý kịp thời các vi phạm.

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên khoa học - công nghệ, kỷ nguyên của kinh tế tri thức, kinh tế Thanh Hoá đang đứng trước vận hội mới. Với thành tựu đã đạt được trong các năm qua và những thuận lợi mới do công cuộc đổi mới của đất nước đem lại, có thể tin tưởng vào sự thành công đối với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, xứng đáng là mảnh đất địa linh nhân kiệt, nơi sinh dưỡng nhiều danh nhân và anh hùng dân tộc của nước Việt nghìn năm văn hiến.

THANH HOA WITH ITS ECONOMIC POTENTIALS AND STRENGTHS
FIRMLY STEPPING FORWARDS IN THE 21ST CENTURY

BY **PHAM MINH DOAN**
Deputy Secretary of Thanh Hoa Party Committee cum Chairman of the municipal People's Committee

After years of efforts, the solidarity of Thanh Hoa's Party committee, authorities, people and the armed forces have helped them surmount difficulties and challenges with satisfactory achievements in maintaining the stable politic status, socio-economic growth, and reinforcing the national defence and security. It is a solid premise for 3.6 million people of Thanh Hoa to strive for the excellent pursuit of the socio-economic indices as well as the industrialisation and modernisation for the sake of "Wealthy people, prosperous nation, fair, democratic and civilised society".

Potentials, strengths and development orientations

Thanh Hoa province covers the natural area of 11,106 sq.km with the population of more than 3.6 million people ranking the second biggest across the country after Ho Chi Minh City with seven ethnic groups living in harmonious solidarity. The agricultural and forestry area is very large. The coast is over 102 km long with the sea territory of 17,000 sq.km. The railways system and the National Road No.1A running across the plain and coastal area. Ho Chi Minh Road, Road 15A and 127 running across the mountainous area and the midland, plus the eastern and western main roads make a good linkage from the local areas to Laos. The rivers system is evenly allocated with the estuaries and deep ports, creating favourable conditions for the waterway transport. The rich mineral source with grand deposits is easy to exploit. There are numerous landscapes and historical sites of high cultural values. All those potentials and strengths are good premises for Thanh Hoa to develop an overall economy including agriculture, forestry, fishery, industry, services and tourism.

During the 16 years implementing the Renovation policy put forward and directed by the Communist Party, Thanh Hoa Party Committee, authorities, armed forces and people of different ethnic groups have made non-stop efforts to bring the available potentials and strengths into play, taken advantages of the opportunities, surmounted challenges. As a result, they have made great achievements in socio-economic development and national defence and security. The annual economic growth achieved 7.3% in the period of 1996 - 2000, peaking at 9.7% in 2003; per capita GDP achieved US$366 in 2003. Economic structure is reforming in a positive way with important achievements. The local people's cultural and socio-economic life has been progressively improved, the politic situation, national defence and security has been maintained stable.

Aside from the achievements, Thanh Hoa has been facing great difficulties and challenges. Even though the economic growth is remarkable, it is still much lower than the target set for 2001 - 2005; the economic reform remains slow with the modest growth quality. People, especially those living in the mountainous, remote and isolated areas are suffering from the poor life. The local potentials and strengths have not yet been exploited satisfactorily. In order to make positive changes in socio-economic development, the municipal Party Committee and People's Committee has pro-

Seminar on Thanh Hoa - Opportunities for Investment and Business (reference)

posed the following orientations for the maximum exploitation of the available strengths:

Firstly, Thanh Hoa is focussing on making the best possible exploitation of the available potentials and strengths for the development of an overall agriculture in the coming years. The 236,900 ha agricultural land, 600,000 ha natural forests, nearly 100,000 ha plantations, over 8,000 ha brackish water (can be used for shrimps, crabs and alga breeding), 1,300 ha salt water, and the sea territory of 17,000sq.km have created great advantages for the development of cultivation and aquaculture. In addition, the land and food potentials allow Thanh Hoa to expand the oxen and buffalo herds to more than 430,000 heads a year, porkers to more than one million heads and poultry to eight million a years. In general, there still remain great land potentials for the agricultural development with such plants and animals to be made commodities as sugarcanes, peanuts, fruits, paper materials, poultry, dairy products and aquacultural products, etc.

Secondly, Thanh Hoa enjoys great advantages for the development of mineral exploitation, construction materials production, oil refine and petrochemistry terminal, electricity, leather and footwear, and garment industry. Thanh Hoa has various mineral resources with about 42 kinds of minerals, many of which are of grand deposits such as: limestone and clay (materials for cement production), ashlar (around two or three million cu.m), the only one chrome ore mine in Vietnam, secpentin and many other kinds of high quality metals. Located contiguous to the northern incentive economic region, Thanh Hoa enjoys a convenient traffic system which is being expanded. Besides Le Mon Port, Nghi Son Deep Port at the first phase of investment is working effectively. Nghi Son Port is now at the second phase of investment, creating favourable conditions for the development of the big industrial zones in not only Thanh Hoa, north of Nghe An but also over the country.

Focussing on the industrial development, Thanh Hoa is constructing four concentrated industrial zones including Le Mon and Nghi Son as the industrial zones to be given priority for construction by 2010 by the Prime Minister. Bim Son - Thach Thanh Industrial Zone and Muc Son - Lam Son Industrial Zone with the area of 350 and 150 ha respectively are on the way forming with Vietnam-Taiwan and Lam Son Sugar Factory and Bim Son Cement Factory.

Thirdly, Thanh Hoa has great potentials of tourism with many attractive landscapes such as Sam Son, Ben En, Ham Rong, Lam Kinh, Ho Dynasty's Wall, Tu Thuc Cave, Cam Luong Fish Stream, and Tien Nong Egret Garden. Therefore, Thanh Hoa has sufficient conditions for the development of various services and tourism types. In the coming time, Thanh Hoa will focus on the infrastructure construction and services, tourism product quality improvement so that tourism can really be an important economic sector in the local socio-economic development.

Fourthly, as one of the most populated province over the country, Thanh Hoa has great potentials in terms of human resources with rather high level of illiteracy. There are, at present, 1,383 schools with over 900,000 pupils in total across the province. Annually, many local pupils achieve international and national prizes for excellent students. Hong Duc

University, Lam Son School and the system of schools of different levels and sectors are the major cradles for the local human resources training, fostering talents for the sake of socio-economic development. In order to bring this potential into play, the municipal Party committee and people's committee have put forward orientations for the production development of the sectors that require high-qualified labourers.

Major developments to be focussed on by 2010

The overall planning for the socio-economic development of Thanh Hoa by 2010 with the target to get out of the backward situation, catch up with and surpass the average level of the country has got the approval from the Prime Minster. By 2010, the GDP should be 2.6 - 2.8 times greater than that in 2000 with the annual growth rate of 10.5% up in the period from 2001 to 2010. Economic structure in 2010 should be: 24-25% for agriculture, 39-41% for industry, 34-37% for services, per capita GDP of US$750, and export turnover of US$300 million in 2010. Positive changes in culture, education and training, health and social affairs will be created to improve the material and spiritual life of the local people and enhance the human development index (HDI). In concrete, by 2010, the annual natural population growth should be less than 1%, poor households will take only 7-8%, around 40,000 people will have jobs, compulsory secondary school scheme will be accomplished, the local people's material and spiritual life will be progressively improved in healthy social and natural environment. Advanced technology application will be intensified to progressively catch up with the regional and international standard. Pursuing those targets, Thanh Hoa is focussing on the major solutions as follows:

1) Focus on directing the economic reform, potentials and advantages exploitation of every locality, sector, unit and enterprise in order to boost the economic development and the hunger eradication and poverty alleviation.

In terms of agriculture, the cultivation and husbandry reform towards big commodity production should be continued and intensified. Intensive farming for higher productivity should be stimulated for the pursuit of the following targets: greater income brought about by an area measurement unit, food output of 1.5 million tonnes, rapid aquaculture expansion, and husbandry on agriculture of over 28%.

The reform of cultivation, husbandry and crops will be attached with special importance; the area for growing crossbred rice, maize and new peanut should be expanded. The implementation of new schemes and projects according to the plans such as materials areas of pineapple, paper, porker, industrial chicken, milch cow and aquaculture should be accelerated. For the available material areas such as sugarcane, peanut, sedge, it is essential to focus on the investment in intensive farming and formation of highly competitive materials areas to supply the processing industry, the domestic and foreign market.

In terms of industry, the industrial growth rates should be comprehensively raised to create great leaps in economic structure and labour structure as the foundation for the rapid, effective but sustained growth of the overall economy.

2) Focus on the implementation of the suggested solutions to mobilise capital and facilitate the development investment.

Continue researching the mechanisms and policies for investment stimulation. Prepare good infrastructure, production site, material sources, train and employ labourers, facilitate the land contract procedures to entrepreneurs, capital construction procedures, and compensation for site clearing so as to create a favourable environment to attract investment in business and production development.

Specialise the investment capital mobilisation mechanisms in accordance with the preferential investment laws on domestic and foreign investments such as BOT, BTO, BO, and BT, etc., especially the regulation of "give the land - get the works". In that way, encourage the economic sectors' participation in infrastructure works and business-production development, effectively use the income from land sources in constructing the infrastructure, create favourable conditions for the national works in the

province to be soon operated and used.

3) Adopt preferential policies to encourage the investment in Le Mon, Nghi Son industrial zones and on the industrial and handicraft development.

The province has directed the development plan for medium- and small-scale industrial complexes, sectors, occupations and services in rural areas and the mechanisms for the project development, quickly solve the administration procedures to facilitate the investment in the construction of production site.

In addition, the province is also co-operating with the Central ministries and industries in implementing the new projects, especially strategic ones such as: Nghi Son Oil-refine and chemistry Combine, Cua Dat Lake Irrigation and Hydro-electric, Nghi Son Thermo-electric project, textile and garment project, the second Bim Son Cement Plan's construction.

4) Focus on the strong development of services, especially tourism and commercial services to contribute to the market establishment and production expansion.

Thanh Hoa is focussing on the comprehensive implementation of the solutions to increase the quality of Sam Son tourism, attaching sea tourism with refreshment holidays and entertainment services. Ham Rong Tourism Zone's development investment, including the construction of infrastructure and trading enterprises, will be intensified to gradually make Ham Rong a big tourism centre of the province and the country. Sam Son and Ham Rong are considered the key spots of Thanh Hoa tourism from now onto 2010.

Thanh Hoa will continue intensifying the construction of large-scale trade centres to make the innovation of the commercial activities towards the development of shops and supermarkets with high service quality.

5) Intensify scientific and technological application, creating new incentives for business and production development. Continue the province's policies on crossbreeding and importing new seeds and breeds of high productivity and quality.

Priority will be given to scientific researches and new technology development to serve the economic reform. So will the implementation of information technology development programs, encouraging information technology application in business and production organisation and management of the enterprises and public services.

Preferential policies should be issued to assist enterprises, farmer households, scientific organisations, centres, Hong Duc University and research institutes across the country with the co-operation in researching and large-scale production. Application of new technologies in business and production is to be encouraged.

6) Focus on the study on the management mechanism renovation, intensifying and stimulating the equitisation progress. Daringly sell or rent small state-owned enterprises that have been in bad operation for a long. The operation effectiveness of co-operatives economic sector is to be enhanced thus facilitating the joint-venturing and co-operation of different economic sectors and development of industries' associations for the sake of competitiveness reinforcement.

As one of the first localities to renovate the enterprise management mechanisms and to abolish the organism in charge of the state-owned enterprises in 2003, Thanh Hoa will continue renovating the decentralised management, devolve works on the districts, innovate the responsibility regulations. Directors of the state-owned enterprises will be responsible for the failings of the enterprises. Private responsibilities will also be charged on directors, heads of the industries or sectors in case they do not fulfil their tasks.

Finance management mechanisms will be renovated and the regulations on publicising the public finance of the enterprises and units will be strictly implemented. Some kinds of services such as urban sanity, water supply and sewage should be contracted on trial. Personnel and operation expenditures will be contracted to the administration units and the socialisation regulations of socio-cultural activities should be studied and realised so as to lure the external forces.

7) Concentrate on directing the socio-cultural activities' quality improvement, reinforcement of the nation defence and security, and solve the urgent social problems in an effective way.

Thanh Hoa is concentrating on the enhancement of the education and training management, intensifying the rules obedience of teaching and learning, examinations, expenditures and teachers management. Greater concentration should be paid on solving the rampant overtime courses. Vocational training programs will soon be consolidated and rearranged and expanded for the better quality.

A greater change in quality of the public healthcare will be made so as to restrain the hospitals' bad deals. Control and investigations will be reinforced. Private and team's responsibilities will be clarified. Bad cases will be strictly dealt with.

Quality of the cultural activities sports and media will be satisfactorily enhanced as contributions to the improvements of the local people's spiritual life.

The province will also intensify the investigation on distinguishing the poor and hungry households of each commune and district, finding the causes and making clear plans to accelerate the hunger eradication and poverty alleviation cause thus improving the local people's life.

Controlling well the implementation of the nation defence and security, mobilising the people's participation in the struggle against crimes, social evils, especially the drug trafficking and drug abuse. It is especially necessary to realise the roles of villages, mountain villages and wards in the struggles against the drug abuse and drug trafficking, to multiply the drug abuse treatments given at home and in the community. The operation of village militia will be reinforced along with the formation of self-management villages, mountain villages and wards and the expansion of public movements against social evils. The emulation movements of non-evils villages, mountain villages, communes and wards are to be intensified, helping maintain of the local people's peaceful life.

8) Keep intensifying the education and propaganda to raise people's sense of obeying the traffic laws. Functional bodies, such as public security and traffic police, should consolidate the strictness in dealing with cases of breaking the laws. The province will reinforce these forces with high-qualified cadres and create favourable conditions for them to highly concentrate on the control of traffic operation.

9) Intensify the administration progress, make basic changes in implementing administration procedures with the aim to solve the administration procedures in the best and soonest possible way, especially, quickly solve the requirements of the enterprises. Publicising the procedures, time, fees and fairs, intensifying the control and assessment of the personnel's quantity and quality of work as well as their faults. The provincial People's Committee will entrust the chairmen of districts, towns and city as well as the directors of departments, industries and sectors, and intensify the investigation on regulations and seniors' instructions for the timely deal with bad cases.

Entering the new era - the era of science, technology and intellectual economy - Thanh Hoa's economy is facing new opportunities. With its recent achievements and the advantages created by the country's renovation, it is likely to believe in Thanh Hoa's successful implementation of the socio-economic development strategy in the first decade of the new century as the holy land of celebrities and national heroes of the aged-old Vietnam nation.

Aquaculture in Thanh Hoa (reference)

HÌNH ẢNH CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ THĂM THANH HÓA

Bức chân dung và bút tích chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa trong lần Người về thăm và làm việc tại Thanh Hóa tháng 12 - 1961

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn về thăm và làm việc tại Thanh Hóa, đến thăm công trường thuỷ lợi sông Lý tháng 4 - 1977

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm và làm việc tại Thanh Hóa tháng 10 - 1990

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về thăm và làm việc tại Thanh Hóa, đến thăm khu di tích Tây Đô (Thành Nhà Hồ) tháng 7-1993

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thăm và làm việc tại Thanh Hóa, đến thăm lực lượng vũ trang Thanh Hóa tháng 12-1998

Phần I

LÀM QUEN VỚI MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI THANH HÓA

Part I

PRESENTATION

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

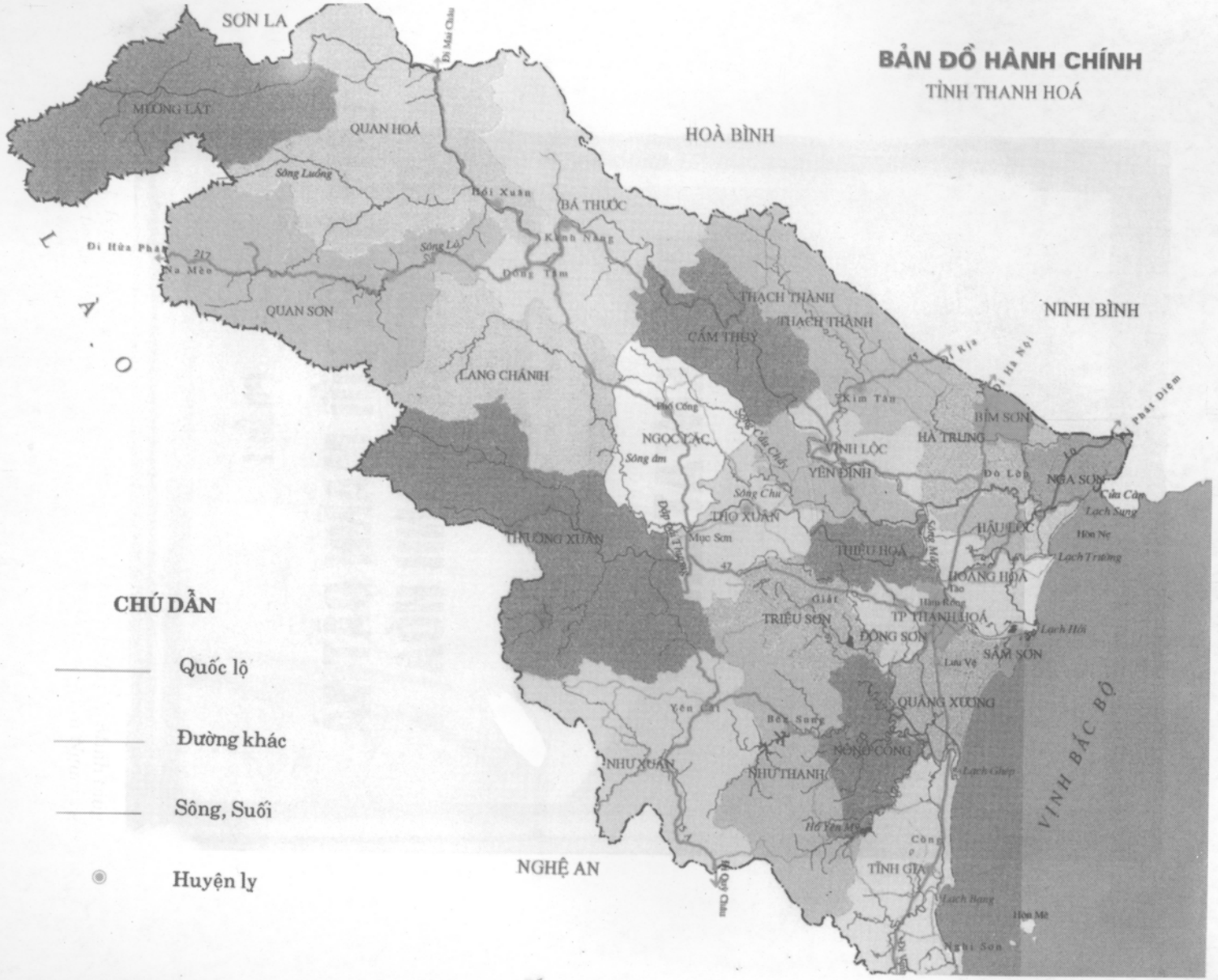

Chương 1: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH THANH HÓA

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

Thanh Hoá là vùng đất có từ lâu đời, một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam. Ngay từ thời tiền sử vùng đất này đã có người sinh sống. Qua những công cụ thô sơ trong những xưởng chế tác đá công cụ Núi Đọ (Thanh Hoá) cho thấy, người tiền sử đã sinh sống trên mảnh đất này từ thời đại đồ đá cũ. Ngoài ra, các nhà khảo cổ học còn tìm thấy nhiều công cụ đồ đá đẽo gọt tinh xảo ở Thiệu Dương (Thiệu Hoá), Đa Bút (Vĩnh Lộc),v.v.. Phát triển hơn nữa, nền văn hoá đồ đồng Đông Sơn với trống đồng và các loại đồ đồng tinh xảo khác không chỉ nổi tiếng ở Việt Nam, ở Đông Nam Á mà còn được cả thế giới biết đến. Mặt khác, Thanh Hoá còn có một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả trong lĩnh vực quân sự lẫn kinh tế. Vì vậy, mảnh đất này là nơi phát tích của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam gắn với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Với những kỳ tích đó, Thanh Hoá được ví như hình ảnh thu nhỏ của Việt Nam, theo lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đây là mảnh đất "địa linh, nhân kiệt, đất dai màu mỡ, phì nhiêu...". Cũng như nhiều vùng đất khác trên đất nước Việt Nam, trải qua quá trình lịch sử hàng nghìn năm, Thanh Hoá cũng có những thay đổi về địa giới hành chính và tên gọi.

1. Thời Hùng Vương

Nước Văn Lang chia làm 15 bộ, trong đó có bộ Cửu Chân. Bộ Cửu Chân trong nước Văn Lang thời các vua Hùng là miền đất rất khó xác định địa giới rành mạch, có thể bao gồm Thanh Hoá, một phần đất Nghệ An và một phần đất phía Nam Ninh Bình ngày nay.

2. Thời thuộc Hán - Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều (111 - 581)

Sang thời thuộc Hán (111 trước công nguyên - 210), đất Thanh Hoá ngày nay là một phần quận Cửu Chân, thuộc bộ Giao Chỉ. *"Tiền Hán thư"* chép: quận Cửu Chân gồm 7 huyện là Tư Phố, Cư Phong, Đô Lung, Dư Phát, Võ Thiết, Võ Biên, Hàm Hoan.

Sang thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều (210 - 581), theo Đào Duy Anh dẫn *Tấn thư*: cuối đời Ngô (Tam Quốc - Đông Ngô, năm Nguyên Hưng thứ nhất), Đào Hoàng xin "tách đất Cửu Chân mà đặt huyện Cửu Đức". Quận Cửu Đức tách ra là huyện Hàm Hoan đời Hán, phần đất tương đương với Nghệ An ngày nay. Như vậy, quận Cửu Chân cuối thời Tam Quốc là phần đất tương đương với Thanh Hoá ngày nay. Quận Cửu Chân thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều bao gồm 7 huyện: huyện Tư Phố, huyện Di Phong, huyện Trạm Ngô, huyện Sùng Bình (theo Đào Duy Anh, 2 huyện Kiến Sơ, Phù Lạc sáp nhập thành huyện Sùng Bình ở cuối đời Đường), huyện Thường Lạc, huyện Tùng Nguyên, huyện Quân Minh.

3. Thời Tùy - Đường

Nhà Tùy (581 - 617) đặt tên cũ là quận Cửu Chân (đổi châu thành quận). Quận Cửu Chân đời nhà Tùy gồm 7 huyện: huyện Cửu Chân, huyện Di Phong, huyện Tư Phố, huyện Long An, huyện Quận An, huyện An Thuận, huyện Nhật Nam. Sau khi tiêu diệt nhà Tùy, nhà Đường sắp xếp lại toàn bộ bộ máy hành chính và phân chia châu, quận. Năm Vũ Đức thứ 5 (năm 622), nhà Đường đặt Giao Châu đại tổng quản phủ để quản lĩnh 10 châu, trong đó có Ái Châu Cửu Chân quận (tức Thanh Hoá). Ái Châu đời Đường gồm 6 huyện: huyện Cửu Chân, huyện An Thuận, huyện Sùng Bình, huyện Nhật Nam, huyện Trường Lâm và huyện Quân Minh.

4. Thời Đinh - Lê

Thời Đinh - Lê Thanh Hoá vẫn là Ái Châu. Đào Duy Anh có ghi: "Sử chép rằng: Đinh Tiên Hoàng chia nước làm 10 đạo, hiện không rõ danh hiệu và vị trí các đạo là thế nào. Chỉ thấy sử cũ vẫn chép các châu đời Đường như Ái Châu, Hoan Châu, Phong Châu... thì biết rằng danh hiệu các châu đời Đường bấy giờ vẫn được dùng". Có lẽ, các huyện thuộc Ái Châu vẫn giữ như cũ.

5. Thời Lý

Đến thời Lý, năm Thuận Thiên thứ nhất, Canh Tuất (năm 1010), nhà Lý "đổi 10 đạo làm 24 lộ, Châu Hoan, Châu Ái làm Trại" (Toàn thư). Sách *"Toàn Thư"* và *"Cương Mục"* chỉ chép tên 12 lộ trong đó có Thanh Hoá lộ. Tên Thanh Hoá có từ đây (Tân Mão - 1111). Diễn Châu lộ, Thanh Hoá lộ (tức Hoan Châu và Ái Châu trước kia) thuộc Trại để phân biệt với Kinh (là các lộ thuộc vùng Thăng Long).

6. Thời Trần - Hồ

Trần Thái Tông (năm 1242) đổi 24 lộ đời Lý thành 12 lộ, trong đó có Thanh Hoá phủ lộ. Năm Quang Thái thứ 10 (Trần Thuận Tông - năm 1397) đổi làm trấn Thanh Đô. Trấn Thanh Đô lúc này gồm 7 huyện và 3 châu (mỗi châu có 4 huyện). Trong đó, 7 huyện là:

1) Huyện Cổ Đằng: một phần đất huyện Hoằng Hoá ngày nay.

2) Huyện Cổ Hoằng: một phần đất huyện Hoằng Hoá ngày nay.

3) Huyện Đông Sơn: là huyện Đông Sơn ngày nay

4) Huyện Cổ Lôi: huyện Thọ Xuân và một phần đất huyện Thường Xuân ngày nay.

5) Huyện Vĩnh Ninh: là huyện Vĩnh Lộc ngày nay.

6) Huyện Yên Định: là huyện Yên Định ngày nay.

7) Huyện Lương Giang: là huyện Thiệu Hoá ngày nay (dọc hai bờ sông Chu) cùng một phần đất của huyện Thọ Xuân thuộc tả ngạn sông Chu.

Ba châu bao gồm:

1) Châu Thanh Hoá gồm: huyện Nga Lạc (là huyện Ngọc Lặc và một phần đất huyện Thọ Xuân ngày nay); huyện Tế Giang (là vùng đất phía Tây huyện Thạch Thành ngày nay); huyện Yên Lạc (là phía Đông huyện Thạch Thành ngày nay); huyện Lỗi Giang (là huyện Cẩm Thuỷ và Bá Thước ngày nay).

2) Châu Ái gồm: huyện Hà Trung (phần lớn huyện Hà Trung và phía Tây thị xã Bỉm Sơn ngày nay); huyện Thống Bình (tương đương với huyện Hậu Lộc ngày nay); huyện Tống Giang (tương đương phía Bắc huyện Nga Sơn, Đông Bắc huyện Hà Trung và phía Đông thị xã Bỉm Sơn ngày nay); huyện Chi Nga (tương đương phía Nam huyện Nga Sơn ngày nay).

3) Châu Cửu Chân gồm: huyện Cổ Chiến (tương đương huyện Tĩnh Gia ngày nay); huyện Kết Thuế (tương đương phía Bắc huyện Tĩnh Gia và phía Nam huyện Quảng Xương ngày nay); huyện Duyên Giác (tương đương phía Bắc huyện Quảng Xương, bao gồm cả Bỉ Vệ, ngày nay); huyện Nông Cống (bao gồm các huyện Nông Cống, Như Thanh, Như Xuân và một phần huyện Triệu Sơn ngày nay).

Năm 1430, Hồ Hán Thương đổi phủ Thanh Hoá thành phủ Thiên Xương. Sách *"Đại Nam nhất thống chí"* chép: "Phủ này (tức phủ Thiên Xương) cùng Cửu Chân và Ái Châu làm "tam phủ" gọi là Tây Đô". Thời thuộc Minh, trấn Thanh Đô đổi thành phủ Thanh Hoá (năm 1407 - theo Đào Duy Anh). Sách *"Đại Nam nhất thống chí"* cũng ghi: "Thời thuộc Minh lại làm phủ Thanh Hoá, lãnh 4 châu là Cửu Chân, Ái Châu, Thanh Hoá, Quỳ Châu và 11 huyện". Trong đó, 11 huyện là Yên Định, Nông Cống, Vĩnh Ninh, Tống Giang, Cổ Đằng, Nga Lạc, Lương Giang, Lỗi Giang, Đông Sơn, Yên Lạc, Cổ Lôi.

7. Thời Lê - Nguyễn

Năm Thuận Thiên thứ nhất (năm 1428), chia nước làm 5 đạo. Thanh Hoá thuộc Hải Tây đạo. Năm Quang Thuận thứ 7 (năm 1466) đặt tên là Thừa Tuyên Thanh Hoá; đến năm Quang Thuận thứ 10 (năm 1469) đổi là Thừa Tuyên Thanh Hoa, tên Thanh Hoa có từ đây. Thanh Hoa Thừa Tuyên theo *"Thiên Nam dư hạ tập"* lãnh 4 phủ, 16 huyện và 4 châu. Trong đó:

1) Phủ Thiệu Thiên gồm 8 huyện: Lương Giang, Đông Sơn, Lôi Dương, Yên Định, Vĩnh Ninh, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành và Bình Giang.

2) Phủ Hà Trung gồm 4 huyện: Tống Giang, Hoằng Hoá, Thuần Hựu và Nga Giang.

3) Phủ Tĩnh Ninh gồm 3 huyện: Ngọc Sơn, Quảng Xương, Nông Cống.

4) Phủ Thanh Đô chỉ có 1 huyện là Thọ Xuân.

Thời Hồng Thuận (Lê Tương Dực 1509 - 1516), Thừa Tuyên Thanh Hoa lại đổi là trấn Thanh Hoa. Thời Lê Trung Hưng (1553 - 1788) gọi là nội trấn Thanh Hoa, sáp nhập thêm hai phủ Trường Yên và Thiên Quan của trấn Sơn Nam lệ vào trấn Thanh

Hoa, gọi là ngoại trấn Thanh Hoa.

Thời Tây Sơn lấy ngoại trấn Thanh Hoa lệ vào Bắc thành, tách khỏi nội trấn Thanh Hoa. Tên "trấn Thanh Hoa" được giữ cho đến năm 1831. Năm Minh Mệnh thứ 12 lấy nội trấn làm tỉnh Thanh Hoa và ngoại trấn làm tỉnh Ninh Bình, tên tỉnh Thanh Hoa có từ đây.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (năm 1843) đổi tên Thanh Hoa thành Thanh Hoá - đánh dấu sự ra đời của tên tỉnh Thanh Hoá. Tỉnh Thanh Hoá thời Nguyễn Sơ (Gia Long - Minh Mạng) gồm 4 phủ; 20 huyện, châu, thủy cơ; 89 tổng; 1.645 xã, thôn, động, sở. Trong đó:

1) Phủ Hà Trung gồm 4 huyện: huyện Tống Sơn (huyện Hà Trung ngày nay); huyện Hoằng Hoá; huyện Phong Lộc (Hậu Lộc ngày nay) và huyện Nga Sơn.

2) Phủ Thiệu Thiên (đời Lê Quang Thuận gọi là phủ Thiệu Thiên, sau Gia Long đổi thành Thiệu Hoá) gồm 8 huyện: huyện Quảng Bằng (là phần đất của huyện Thạch Thành ngày nay); huyện Thạch Thành (là phần đất Đông Nam huyện Thạch Thành ngày nay); huyện Thuỵ Nguyên (tương đương với phần đất Thiệu Hoá, một phần Thọ Xuân và Ngọc Lặc hiện nay); huyện Yên Định; huyện Lôi Dương (tương đương phần đất Thọ Xuân, Thường Xuân ngày nay); huyện Vĩnh Lộc; huyện Đông Sơn; huyện Cẩm Thuỷ (tương đương phần đất huyện Cẩm Thuỷ, Bá Thước và một phần huyện Quan Hoá ngày nay).

3) Phủ Tĩnh Gia: đời Lê Quang Thuận là phủ Tĩnh Ninh, đến thời Trung Hưng vì kiêng huý của Lê Trang Tông nên đổi làm Tĩnh Giang, sau đổi làm Tĩnh Gia. Phủ Tĩnh Gia gồm 3 huyện: huyện Ngọc Sơn (tương đương với huyện Tĩnh Gia ngày nay); huyện Nông Cống (tương đương với các huyện Nông Cống, Như Thanh và Như Xuân ngày nay); huyện Quảng Xương (tương đương với phần đất huyện Quảng Xương ngày nay).

4) Phủ Thanh Đô: sách *"Đại Nam nhất thống chí"* chép: "... Đời Lý, đời Trần mới khai thác, cuối đời Trần là đất trấn Thanh Đô... Đời Lê Quang Thuận đặt làm phủ Thanh Đô, lệ vào Thanh Hoá Thừa Tuyên, lãnh một huyện (Thọ Xuân miền núi) và 5 huyện, châu, thủy cơ".

Từ năm Minh Mệnh thứ 2 đến năm Khải Định thứ 10 (năm 1925), bản đồ địa giới hành chính tỉnh Thanh Hoá có thay đổi như sau:

1) Minh Mệnh thứ 2 (năm 1821) đổi phủ Thanh Đô thành phủ Thọ Xuân.

2) Minh Mệnh thứ 7 (năm 1826) nhập huyện Lôi Dương vào phủ Thọ Xuân.

3) Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835), đặt thêm phủ Quảng Hoá gồm 4 huyện là Vĩnh Lộc - Thạch Thành - Cẩm Thuỷ - Quảng Tế (bốn huyện này từ phủ Thiệu Hoá mà ra). Hợp nhất huyện Thọ Xuân (miền núi) vào châu Lang Chánh (huyện Thọ Xuân miền núi mất từ đây).

4) Minh Mệnh thứ 18 (năm 1837), đặt thêm châu Thường Xuân (lấy đất của các huyện Lôi Dương, châu Lang Chánh, huyện Nông Cống - châu Thường Xuân có từ đây).

5) Minh Mệnh thứ 19 (năm 1838) đặt thêm huyện Mỹ Hoá (lấy đất ở huyện Hoằng Hoá và huyện Hậu Lộc), đặt phân phủ Hà Trung.

6) Thiệu Trị thứ 3 (năm 1843) đổi tên Thanh Hoa thành Thanh Hoá, bỏ phân phủ Hà Trung. Huyện Hoằng Hoá kiêm luôn huyện Mỹ Hoá, (huyện Mỹ Hoá mất từ đây). Phủ Quảng Hoá kiêm thêm huyện Thạch Thành, huyện Quảng Tế và châu Quan Hoá. Phủ Thọ Xuân kiêm thêm châu Thường Xuân và châu Lang Chánh.

7) Thành Thái thứ 1 (năm 1889), huyện Thạch Thành kiêm luôn huyện Quảng Tế (tên huyện Quảng Tế mất từ đây).

8) Thành Thái thứ 5 (năm 1893) tách đất huyện Nông Cống (hai tổng Xuân Du và Lãng Lãng) đặt thành châu Như Xuân.

9) Thành Thái thứ 12 (năm 1900) đặt trị huyện Nga Sơn, tách huyện Thuỵ Nguyên đặt ra châu Ngọc Lặc. Huyện Thuỵ Nguyên nhập vào phủ Thiệu Hoá (tên huyện Thuỵ Nguyên mất từ đây).

10) Khải Định thứ 10 (năm 1925) đặt châu Tân Hoá (lấy đất 4 tổng của châu Quan Hoá là Thiết Ống, Cổ Lũng, Sa Lung và Điền Lư).

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đổi tên châu Tân Hoá thành huyện Bá Thước. Cho đến sau năm 1954, bản đồ hành chính tỉnh Thanh Hoá gồm 21 huyện, thị xã (các tên phủ, châu đều đổi thành huyện).

Từ năm 1965 đến ngày 5-8-1999, sau nhiều lần sáp nhập và chia tách, bản đồ hành chính tỉnh Thanh Hoá có 27 huyện, thị, thành phố với 633 xã, phường, thị trấn.

Chapter I : ESTABLISHMENT & DEVELOPMENT HISTORY OF THANH HOA PROVINCE

THANH HOA IN HISTORY

Thanh Hoa is land having existed for ages as one of the cradles of the Vietnamese people. Human beings started to spend their lives in Thanh Hoa since the pre-historical period. It has been found from the primitive tools in the stone tool workshops in Do Mountain (Thanh Hoa) that the primitive people used to live in the area since the old stone age. Besides, the archeologists have found sophisticatedly whet stone stools in Thieu Duong (Thieu Hoa District) and Da But (Vinh Loc District). Dong Son bronze culture has been famous not only in Vietnam and the Southeast Asia but also all over the world for its bronze drums and other sophisticated bronze tools. Apart from that, Thanh Hoa is also a strategic place of the country in not only military but also economic development, which used to be the home of many Vietnamese feudal dynasties during the nation's historical struggles for the country building and protection. With its great exploits, Thanh Hoa is likened to a miniature of Vietnam, which is considered "the Holy Land of celebrities with fecund soil..." as said in the instructions by President Ho Chi Minh. Like any other parts across Vietnam, Thanh Hoa has experienced many changes in land administration and has been renamed some times over the history of thousands of years.

1. Under Hung Vuong Dynasty

Van Lang (the former name of Vietnam) was divided into 15 parts including Cuu Chan. It is difficult to define the clear boundaries of Cuu Chan at that time, but it might cover the area of the present Thanh Hoa, some part of Nghe An and the south of Ninh Binh.

2. In the time of the domination by Chinese Han governors - three Chinese Nations - Twice Tan dynasty and north - south Kingdoms (111 - 581)

In the beginning of the Chinese Han's domination (111 BC to 210 AD). Thanh Hoa used to be a part of Cuu Chan District in Giao Chi. It is noted in the "Pre-Han Document" that: Cuu Chan District was composed of seven sub-districts: Tu Pho, Cu Phong, Do Lung, Du Phat, Vo Thiet, Vo Bien and Ham Hoan.

From 210 - 581, according to Dao Duy Anh's quotation from Tan thu: in late period of King Ngo (in the Eastern Ngo of the three Chinese nations, the first year of the King Nguyen Hung) Dao Hoang recommended "separating Cuu Duc District from Cuu Chan". Cuu Duc District was established on the basis of the Ham Hoan District under the Chinese Han domination, which is Nghe An nowadays. In conclusion, the present Thanh Hoa covers the land of the Cuu Chan District in the past. Cuu Chan District in the time of three Chinese nations, twice Tan and north-south Kingdoms included seven sub-districts: Tu Pho, Di Phong, Tram Ngo, Kien So and Phu Lac (according to Dao Duy Anh, Kien So and Phu Lac merged together to make Sung Binh at the end of Duong Dynasty), and Thuong Lac, Tung Nguyen, Quan Minh.

3. In the period of Tuy and Duong Dynasties

King Tuy (581 - 617) called the land by the same name: Cuu Chan District. During the time of King Tuy, Cuu Chan had seven districts: Cuu Chan, Di Phong, Tu Pho, Long An, Quan An, An Thuan and Nhat Nam sub-districts. After overthrowing Tuy Dynasty, Duong Dynasty rearranged the overall administration system and towns and districts. In the fifth year of King Vu Duc (622), Duong Dynasty established Giao Chau Town General Management (Giao Chau Dai tong quan phu) to be in charge of 10 mountain districts including Ai Chau Cuu Chan District (the present Thanh Hoa). Ai Chau in the time of Duong Dynasty included six districts: Cuu Chan, An Thuan, Sung Binh, Nhat Nam, Truong Lam and Quan Minh.

4. During the time of Dinh and Le Dynasty

According to Dao Duy Anh: "It is noted in the historical documents that Dinh Tien Hoang divided the country into 10 parts of which the names and exact locations are unknown today. However, the old historical documents during the time still noted the names of the mountain districts under the Duong Dynasty such as Ai Chau,

Hoan Chau and Phong Chau. It means that the old names used in Duong Dynasty were still used at that time." Thus, maybe the districts in Ai Chau remained the same.

5. During the time of Ly Dynasty

In the first year of King Thuan Thien, Ly Dynasty (1010 or Canh Tuat as the lunar calendar), Ly Dynasty "divided the country into 24 parts called *lộ* in Vietnamese. Chau Hoan and Chau Ai were called *Trai*" (cited from Toan Thu Document). Only 12 of the parts including Thanh Hoa Town could be found in *"Toan Thu"* and *"Cuong muc"* historical documents. Thanh Hoa remains the name since then (1111 or Tan Mao year according lunar calendar). Dien Chau and Thanh Hoa towns (the former Hoan Chau and Ai Chau) belonged to Trai to be distinguished from Kinh that were towns in Thang Long.

6. During the time of Tran and Ho dynasties

Tran Thai Tong merged the 24 towns under Ly Dynasty into 12 including Thanh Hoa in 1242. In the tenth Quang Thai year (King Tran Nhuan Tong - year 1397) Thanh Hoa was renamed Thanh Do with seven districts and three mountain towns (including four districts each). The seven districts are:

1. Co Dang District: one part of Hoang Hoa district nowadays

2. Co Hoang District: one part of the present Hoang Hoa District

3. Dong Son District: the present Dong Son District

4. Co Loi District: the present Tho Xuan District and some part of Thuong Xuan today

5. Vinh Ninh District: the present Vinh Loc District

6. Yen Dinh District: the present Yen Dinh District

7. Luong Giang District: which is now called Thieu Hoa (along both sides of Chu River) and a part of Tho Xuan on the left bank of Chu River.

The three mountain districts included:

1) Thanh Hoa Town: including Nga Lac District (the present Ngoc Lac and some part of Tho Xuan district), Te Giang District (in the west of the present Thach Thanh district), Yen Lac District (the east of Thach Thanh nowadays) and Loi Giang District (the present Cam Thuy and Ba Thuoc districts).

2) *Chau Ai Town:* including Ha Trung District (covering most of the present Ha Trung district and the west of Bim Son), Thong Binh District (the present Hau Loc District) Tong Giang (covering the north of Nga Son, north-east of Ha Trung District and the east of Bim Son nowadays), Chi Nga District (the south of the present Nga Son District).

3) Cuu Chan Town included Co Chien District (the present Tinh Gia District), Ket Thue (covering the north of Tinh Gia and the south of Quang Xuong, Duyen Giac (covering the north of Quang Xuong) including Bo Ve today), Nong Cong District (including Nong Cong, Nhu Thanh, Nhu Xuan districts and a part of Trieu Son nowadays).

In 1430, Ho Han Thuong renamed Thanh Hoa by Thien Xuong. It is noted in *"Dai Nam Nhat Thong Chi"* that: "This town (Thien Xuong) together with Cuu Chan and Ai Chau made Tay Do". Under the domination of the Chinese Minh Dynasty, Thanh Do Town was renamed Thanh Hoa in 1407 (according to Dao Duy Anh). *"Dai Nam Nhat thong chi"* document also wrote: "under the Minh Dynasty's domination, the town was once again renamed Thanh Hoa, expanded with Cuu Chan, Ai Chau, Thanh Hoa, Quy Chau and 11 districts". Of which the 11 districts included: Yen Dinh, Nong Cong, Vinh Ninh, Tong Giang, Co Dang, Nga Lac, Luong Giang, Loi Giang, Dong Son, Yen Lac and Co Loi".

7. During the time of Le and Nguyen Dynasties

In the first Thuan Thien year (1428), Vietnam was divided into five parts, Thanh Hoa belonged to Hai Tay. In the seventh Quang Thuan year (1466) the area was named Thua Tuyen Thanh Hoa. In the tenth Quang Thuan year (1469), Thanh Hoa covered four towns, 16 districts and four mountainous districts, of which:

1) Thieu Thien Town included of eight districts: Luong Giang, Dong Son, Loi Duong, Yen Dinh, Vinh Ninh, Cam Thuy, Thach Thanh and Binh Giang.

2) Ha Trung Town included of four districts: Tong Giang, Hoang Hoa, Thuan Huu and Nga Giang.

3) Tinh Ninh Town included of three districts: Ngoc Son, Quang Xuong and Nong Cong.

4) Thanh Do Town had only one district called Tho Xuan.

Thua Tuyen Thanh Hoa was renamed Thanh Hoa province under the King Hong Thuan (Le Tuong Duc 1509 - 1516). During the time of the King Le Trung Hung (1553 - 1788), it was called internal Thanh Hoa town. Thanh Hoa province merged with Truong Yen and

Thien Quang (cut from *Son Nam* belonged to Thanh Hoa province) and called external Thanh Hoa town.

In the time of Tay Son Dynasty, external Thanh Hoa town Le was separated from internal Thanh Hoa, joined Bac Thanh. The name Thanh Hoa Town remained the same until 1831. In the twelfth Minh Menh year, the internal Thanh Hoa became Thanh Hoa Province and the external Thanh Hoa became Ninh Binh Province. That was the beginning of the Thanh Hoa Province.

In the third year of the King Thieu Tri (1843) Thanh Hoa Province was officially established. Thanh Hoa Province under King Nguyen So (Gia Long - Minh Mang) included of four towns, 20 districts, mountain districts, 89 sub-districts, and 1.645 communes. Of which:

1. Ha Trung Town had four districts: Tong Son (the present Ha Trung district), Hoang Hoa, Phong Loc (the present Hau Loc) and Nga Son District.

2. Thieu Thien Town (called Thieu Thien during the time of the King Le Quang Thuan, later renamed Thieu Hoa by King Gia Long) included eight districts: Quang Bang District (the present Thach Thanh) Thach Thanh District (the south-east land of Thach Thanh), Thuy Nguyen (covered the present Thieu Hoa, a part of Tho Xuan and Ngoc Lac), Yen Dinh District, Loi Duong District (the present Tho Xuan and Thuong Xuan), Vinh Loc and Dong Son Districts, Cam Thuy District (covered the present Cam Thuy, Ba Thuoc districts and a part of Quan Hoa District).

3. Tinh Gia Town: called Tinh Ninh under the King Le Quang Thuan, but renamed Tinh Giang to avoid the taboo name of King Le Trang Tong, later called Tinh Gia. Tinh Gia Town included three districts: Ngoc Son District (the present Tinh Gia District), Nong Cong District (covered the area of the present Nong Cong, Nhu Thanh and Nhu Xuan districts), Quang Xuong District covered the present Quang Xuong).

4. Thanh Do Town: it is noted in *"Dai Nam Nhat Thong Chi"* document that: "the area started to be explored during the time of Ly and Tran dynasties, called Thanh Do at the end of Tran dynasty. King Le Quang Thuan called it Thanh Do Town that belonged to Thua Tuyen Thanh Hoa with six districts including the mountainous Tho Xuan."

From the second year of the King Minh Menh to the tenth year of the King Khai Dinh (1925) the land administration map of Thanh Hoa experienced some changes as follows:

1. In 1821 (the second year of King Minh Menh) Thanh Do Town was renamed Tho Xuan

2. In 1826 (the seventh year of King Minh Menh), Loi Duong District was merged with Tho Xuan Town.

3. In 1835 (the 16th year of Minh Menh), Quang Hoa Town was established with four districts: Vinh Loc, Thach Thanh, Cam Thuy, Quang Te (cut from Thieu Hoa Town). Tho Xuan District was joined with Lang Chanh (that's the end of Tho Xuan).

4. In 1837 (the 18th Minh Menh year), Thuong Xuan Town was established on the area of Loi Duong, Lang Chanh and Nong Cong districts).

5. In 1838 (the 19th Minh Menh year), My Hoa District was established on the land of Hoang Hoa and Hau Loc districts, Ha Trung sub-town was established.

6. In 1843 (the third Thieu Tri year) sub-town Ha Trung was abolished. Hoang Hoa managed My Hoa district also, Quang Hoa town managed Thach Thanh, Quang Te districts and Quan Hoa mountain district. Tho Xuan managed Thuong Xuan and Lang Chanh.

7. In 1889 (the first year of King Thanh Thai), Thach Thanh District managed Quang Te District.

8. In 1893 (the fifth year of King Thanh Thai) Xuan Du and Lang Lang sub-districts were separated from Nong Cong District to be Nhu Xuan mountain District.

9. In 1900 (the twelfth Thanh Thai year) Nga Son chief district and Ngoc Lac Town was established. Thuy Nguyen District was joined with Thieu Hoa Town.

10. In 1925 (the 10th year of King Khai Dinh), Tan Hoa Town was established with four sub-districts of Quan Hoa Town, including Thiet Ong, Co Lung, Sa Lung and Dien Lu.

Tan Hoa was renamed Ba Thuoc after the August Revolution in 1945. By 1954 and the following years, Thanh Hoa in the land administration map includes 21 districts and towns.

From 1965 to August 5th 1999, after many separations and merging, Thanh Hoa had 27 districts, towns and cities, 633 communes, wards and townships.

MỘT SỐ ĐỊA DANH NỔI TIẾNG

Thanh Hoá không chỉ được biết đến với vị thế là mảnh đất "địa linh, nhân kiệt", nơi phát tích của các vương triều tiền Lê, hậu Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, triều Nguyễn, mà người dân xứ Thanh còn tự hào vì đã có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng các công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn lịch sử, gắn liền với sự thịnh vượng và suy vong của các vương triều phong kiến Việt Nam.

1. Ly cung (còn gọi là cung Bảo Thanh), nằm ở phía Tây Nam núi Đại Lại, nay là thôn Kim Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung.

Toàn thư chép: "Mùa đông tháng 11 (Đinh Sửu - năm 1397), Quý Ly bức vua (Trần Thuận Tông) dời đô đến phủ Thanh Hoá. Trước là vua đi Yên Sinh bái yết các lăng, Quý Ly bắt ép vua cùng đến hành tại ở hương Đại Lại, gọi là cung Bảo Thanh".

Sách *"Đại Nam nhất thống chí"* ghi: "ở địa phận thôn Trung xã Kim Âu huyện Vĩnh Lộc, Hồ Quý Ly dựng Ly cung ở đây, phía tả có lầu Đẩu Kê đối diện; lại dựng chùa Phong Công ở bên cạnh. Nay cung này chỉ còn lại hai, ba phiến đá tảng, ba cái giếng xây đá và dấu vết thành cũ mà thôi. Về phía Tây thành lại có Dục thành, tường đều xây đá hoa, khắc hình rùa rồng hoa lá, dưới lát đá phiến bằng phẳng như mài, trên đặt máng tre để hứng lấy nước ở sườn núi chảy vào. Nay đá hoa mười phần chỉ còn lại một. Sử chép: Quý Ly dựng cung Bảo Thanh ở phía Tây Nam núi Đại Lại rồi bắt ép vua Trần Thuận Tông ra đấy ở, tức là chỗ này".

2. Thành nhà Hồ

Năm 1397, Hồ Quý Ly cho khởi công xây thành Tây Giai (còn gọi là thành An Tôn, thành nhà Hồ, Tây Đô), nay thuộc xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc.

Toàn thư chép: "Đinh Sửu, năm thứ 10 (năm 1397), mùa xuân, tháng Giêng, Thượng thư Lại bộ kiêm thái sử lệnh là Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mân) đi xem xét đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hoá, đắp thành đào hào, lập nhà Miếu đền Xã, mở đường phố, có ý muốn dời Kinh đô đến đây, 3 tháng làm xong".

Cửa tiền thành đá Tây Đô(Thành nhà Hồ)

Sách *"Đại Nam nhất thống chí"* ghi: "Sử chép là đô thành cũ của Hồ Quý Ly, cũng gọi là thành Tây Đô ở các xã Tây Giai, Xuân Giai, Phương Giai huyện Vĩnh Lộc, bốn mặt đều xây đá xanh, mỗi mặt dài 120 trượng, cao 1 trượng 2 thước. Lại xây con đường lát đá hoa từ cửa Nam dài suốt đến đàn Nam Giao ở Đốn Sơn phía ngoài thành. Mặt Nam thành xây cửa ba tầng bằng đá, như cửa Châu Tước ở thành Thăng Long; mặt Đông - Bắc - Tây đều mở một cửa xây bằng đá; quanh các cửa đều xây nền bằng đá xanh; thành xây bằng đá vuông, dày và rắn; dưới chân thành có hào ở ngoài. Trong thành ước hơn 300 mẫu, nay đều là ruộng, chỗ nào trũng thấp là hồ ao. Tả hữu

thành đều gần núi đá, phía trước thành là sông Mã. Phía ngoài thành lại đắp đất làm La thành: phía tả từ cổng Cổ Biện, phía Đông qua các xã Bút Sơn và Cổ Điệp theo ven sông Bảo chạy về phía Nam đến núi Đốn Sơn; phía hữu từ cổng Quan Hoàng huyện Cẩm Thuỷ theo ven sông Mã chạy về phía Đông thẳng đến núi Yên Tôn, mấy vạn trượng; nay đều đổ nát, dân sở tại vỡ làm ruộng".

3. Điện Lam Kinh

Điện Lam Kinh nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, xây dựng trên quê hương của vị anh hùng dân tộc Lê Lợi; là nơi phát tích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Phía Bắc điện Lam Kinh, dựa vào núi Dầu; phía Nam là sông Chu, núi Mục; hai bên núi đồi trùng điệp tạo nên bức tranh sơn thuỷ hoành tráng. *Toàn thư* chép: "Quý Sửu, tháng 12 (năm 1433), các quan theo hầu về Tây Kinh, dựng điện Lam Kinh". Điện Lam Kinh là nơi xây cất các phần mộ vua Lê (từ Lê Thái Tổ) và các Hoàng hậu... Hàng năm, các vua Lê về thăm viếng phần mộ tổ tiên hoặc cử các đại thần về tế lễ.

"Đại Nam nhất thống chí" chép: "Điện Lam Kinh nằm ở phía Đông núi Lam Sơn, tại xã Quảng Thi huyện Thuỵ Nguyên. Phía Nam trông ra sông Chu, phía Bắc gối vào núi, là đất dựng nghiệp của Lê Thái Tổ. Đầu đời Thuận Thiên lấy đất này đặt làm Tây Kinh, cũng gọi là Lam Kinh, xây dựng cung điện trông ra sông, đằng sau cung điện có hồ lớn, giống hồ Kim Ngưu, các khe núi đổ vào hồ này. Lại có khe nh bắt nguồn từ hồ chảy qua trước cung điện, ôm vòng lạ như hình vòng cung, bắc cầu lợp ngói ở trên khe, đ qua cầu mới đến cung điện".

Mặc dù trải qua thời gian và những biến cố lịch sử, nhưng những di tích còn lại ở Lam Kinh đều hàm chứa nội dung văn hoá phong phú và đa dạng, minh chứng cho một thời kỳ lịch sử vàng son của dân tộc. Năm 1994, Khu di tích lịch sử Lam Kinh đã được Nhà nước phê duyệt dự án tu bổ lại.

4. Cung điện Yên Trường

Cung điện Yên Trường, nay thuộc xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân. *"Đại Nam nhất thống chí"* chép "Phủ Yên Trường nhà Lê ở địa phận xã Yên Trường huyện Thuỵ Nguyên, là hành điện của nhà Lê hồ đầu trung hưng; đất rộng chừng bảy, tám mẫu, trước kia có cung phủ thành trì, nay đều thành ruộng chỉ còn lại dấu vết cũ và một cái hồ ở trong thành mà thôi. Sử chép năm Nguyên Hoà thứ 14 (năm 1546) Lê Trang Tông lập hành điện ở sách Vạn Lại. Đến năm Thuận Bình thứ 6 (năm 1554), Lê Trang Tông nhận thấy đất Lam Kinh chật hẹp mà địa thế Yên Trường thì phía tả có núi non, phía hữu có sông Cái, hình thế rộng rãi, hiểm trở, mới dời hành điện đến đây (tồn tại được 20 năm). Sau bị quân Mạc lấn cướp, vua Lê lại lui về đóng ở Vạn Lại, nhưng kho tàng vẫn ở Yên Trường. Sau khi trở về Thăng Long, thành Tây Đô và hành điện Vạn Lại ngày một hoang phế, nhưng cung phủ ở Yên Trường vẫn còn. Hơn 20 năm sau, họ Trịnh nhân chỗ cũ xây dựng phủ khố cung thất ở đấy, gọi là Nghi Kinh, đến thời Tây Sơn bị đốt phá hết".

Lăng mộ vua Lê Thái Tổ

Ngày nay, tại làng Sánh (xưa gọi là phố Sánh, nay gọi là xã Thọ Lập) và làng Lược (xưa gọi là phố Lược, nay là xã Thọ Minh) còn sót lại một số di vật đá (như nghê, sấu, cột đá, đá tảng, đá lan giai...) cùng một số cồn đất, gò đất, lùm cây... tương truyền là dấu vết của kinh đô Yên Trường xưa.

SOME FAMOUS SPOTS

Thanh Hoa is not only well-known for the homeland of "national heroes and celebrities", where tien Le, hau Le, Trinh and Nguyen reigns originally rose up but also proud of its people's great contributions to the architectural works, which are boldly carrying historical imprints relating to the prosperousness and decadence of the feudal dynasties of Viet Nam.

1. Ly palace (also named Bao Thanh palace), lying in the south-west of Dai Lai Mountain, now is called Kim Phat village of Ha Dong commune, which belongs to Ha Trung District.

The historical book recorded: "In Winter, on November 1397 (Dinh Suu lunar year), Quy Ly forced Tran Thuan Tong King to leave the capital for Thanh Hoa District. When the King was coming to Yen Sinh to visit the imperial tombs, Quy Ly forced him to turn to Dai Lai, which was called Bao Thanh palace.

The book *"Dai Nam nhat thong chi"* noted: " Ho Quy Ly set up Ly palace in the area of Trung village, Kim Au commune of Vinh Loc District with Dau Ke house on the right and built up Phong Cong pagoda on its side. Nowadays there are only several flagstones, three wells built of stones and the vestiges of the old citadel remaining. Duc citadel located in the west, the walls of which were constructed by marbles and engraved with tortoises and dragons, with the plaint flagstone beneath and trough above catching the water from the mountainside. The marbles so far remain only one tenth of the all. According to the historical book, Quy Ly set up Bao Thanh palace in the south-west of Dai Lai Mountain and forced Tran Thuan Tong King to move in".

2. Ho Citadel

In 1397, Ho Quy Ly ordered to construct Tay Giai citadel (also name An Ton, Ho Citadel, Tay Do), which now belongs to Vinh Tien commune of Vinh Loc District.

The book (Toan Thu) notes: "In the spring (January) of 1397, the tenth year of Dinh Suu lunar calendar, the Minister of Interior cum Dignitary Do Tinh (also recorded as Man in the other book) surveyed and measured An Ton District of Thanh Hoa, then entrenched the bastion, set up the temple and opened the roads in an attempt to move the capital there. All the works were finished after three months.

In the book *"Dai Nam nhat thong chi"* wrote: "The historical book recorded that the previous capital of Ho Quy Ly also named Tay Do Citadel, locating in Tay Giai, Xuan Giai, Phuong Giai of Vinh Loc District, of which four sites were built with green stones. Every site of the flagstone is of 1200 feet long and 12 feet height. One marble road was made starting from the southern door to Nam Giao of Don Son in the suburb. The three-layer stony door like the Chau Tuoc door of Thang Long was built in the southern side of the citadel. On the east - north - west sides, one rocky door was also opened, encompassing by the green stones; the citadel was constructed by the square, thick and solid stones, surrounded by the ditches. The citadel area was estimated over 300 acres, which now has become the rice-fields; the sunken lands are the ponds and lakes. The citadel located near the rocky mountain on the left and right, confronted by Ma River. The area outside the citadel was banked to make La Citadel, the left site lasted from Co Bien District, through But Son and Co Diep communes on the east, along Bao River to Don Son Mountain on the south. The right side initiated from Quan Hoang door of Cam Thuy District, along Ma River connecting to Yen Ton Mountain on the east. The citadel of hundreds of thousand miles was in ruin that the local farmers use those areas for rice planting.

3. Lam Kinh Palace

Lam Kinh Palace belonged to Xuan Lam com-

Lam Kinh Stony Dragon throne

mune of present Tho Xuan, was built up in the homeland of the national hero Le Loi, where Lam Son arms originally rose up. The north side of the palace leaned on Dau Mountain, the south was Chu River and Muc Mountain, the two sides with imposing hills and mountains create the monumental natural landscape. The book *Toan thu* notes: "In December 1433 (Quy Suu lunar year), the officials followed the King to Tay Kinh to build Lam Kinh palace". Lam Kinh palace was the place where the tombstones of Le dynasties (from Le Thai To) and of the Queens were set up. Every year, the Le King visited the tombstones of the ancestors or sent the high-ranking madarins there to worship.

The *"Dai Nam nhat thong chi"* recorded: "Lam Kinh Palace located in the east of Lam Son Mountain of Quang Thi commune, Thuy Nguyen District with the south side faced Luong River and the north side leaned on the mountain, was the land where Le Thai To established the country. At the beginning of Thuan Thien dynasty, in that area, Tay Kinh, (also called Lam Kinh) was chosen to build the palace facing the river, behind which was the large lake like Kim Nguu to catch the water sources from the mountain gorges. The another small gorge flows from the lake in front of the palace, curving in the arch shape, one bridge leading to the palace was built with the roof above".

Experiencing through times and historical changes, all the remaining vestiges in Lam Kinh imply the plentiful and diverse cultu al content, being the evidence of th national resplendent period of the hi tory. In 1994, the project on repairin Lam Kinh historical interests wa approved by the State.

4. Yen Truong Palace

Yen Truong Palace located in Th Lap commune of Tho Xuan Distri today. The book *"Dai Nam nhat thon chi"* noted: "Yen Truong Palace unde Le dynasty in Yen Truong commun of Thuy Nguyen District was th image of the Le dynasty at the beginning of th restoration period with the area of around seven t eight acres. The strong palace there previousl became the rice-fields nowadays, remaining only th old vestiges and a lake in the area. According to th historical books, in 1546, Nguyen Hoa year the 14t Le Trang Tong built the palace in Van Lai. In 155 Thuan Binh year the sixth, he recognized that Lan Kinh was narrow against wide and complicated Ye Truong with mountains on the left and major river o the right, then decided to move in and existed ther for 20 years.

After being attached by Mac troops, Le Kin retreated to Van Lai but the treasure was still kep in Yen Truong. After returned to Thang Long, Ta Do citadel and Van Lai palace became deserte day after day, but the palace in Yen Truong wa still remained. Over 20 years later, Trinh famil used this area to build the treasure palace name Nghi Kinh, which was fired up under the Tay So time".

Presently, in the Sanh village (previously calle Sanh street and now Tho Lap commune) and in Luo village (Luoc street before, Tho Minh commun today), some rocky relics (such as young lions, croc odiles, stony pillars and carved stones) with severa hillocks, sandbanks and brushes are remaining being the vestiges of previous Yen Truong capita according to the legend.

Chương II: NHỮNG NỀN TẢNG CƠ BẢN PHÁT HUY THẾ MẠNH

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

TIỀN ĐỀ DẪN ĐẾN SỰ THÀNH CÔNG

Điều kiện tự nhiên và đặc điểm vị trí địa lý là những nhân tố quan trọng tác động đến quá trình phát triển của kinh tế - xã hội. Việc nhận thức và đánh giá đúng những lợi thế tiềm năng và hạn chế của những nhân tố này sẽ là tiền đề, điều kiện hết sức cơ bản, giúp hoạch định những sách lược cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hoá.

Thanh Hoá là hình ảnh thu nhỏ của Việt Nam, nằm ở phía Nam vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ, có tiềm năng phát triển với chính sách đầu tư hấp dẫn, vị trí mang tính chiến lược lâu dài, rất thuận tiện để phát triển một nền kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ hiện đại và hoàn chỉnh.

1. Vị trí địa lý

Thanh Hoá là tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ. Phía Bắc giáp các tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình, Sơn La với đường ranh giới dài 175 km. Phía Nam và Tây Nam nằm liền kề Nghệ An với đường ranh giới hơn 160 km. Phía tây, nối liền sông núi với tỉnh Hủa Phăn của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, với đường biên giới dài 192 km. Phía đông, mở ra phần giữa của vịnh Bắc Bộ thuộc Biển Đông, với đường bờ biển dài trên 102 km và một thềm lục địa khá rộng. Phần đất liền của Thanh Hoá chạy dài theo hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

Điểm cực Bắc ở xã Trung Sơn, phía Đông Bắc huyện Quan Hoá (giáp tỉnh Hoà Bình), nằm ở vĩ độ 20^0 40' Bắc; điểm cực Nam ở xã Hải Hà gần bờ biển của huyện Tĩnh Gia (giáp Nghệ An), nằm ở vĩ độ 19^0 18' Bắc; Điểm cực Tây là núi Pha Long xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát (giáp Lào), nằm trên kinh tuyến 104^0 22' Đông; điểm cực Đông là xã Nga Điền (giáp Ninh Bình), nằm trên kinh tuyến 106^0 05' Đông.

Thanh Hoá có tổng diện tích vùng đất nổi rộng 11.168 km^2 (theo dư địa chí Thanh Hoá) và một thềm lục địa rộng 18.000 km^2. Chiều rộng hướng Bắc - Nam gần 100 km (đo theo đường thẳng gần bờ biển). Đường chéo lớn nhất của lãnh thổ, từ phía Tây Bắc đến điểm cực Nam kéo dài 200 km. Về diện tích, Thanh Hoá đứng thứ tư trong tổng số 61 đơn vị tỉnh thành trực thuộc Trung ương.

Các tuyến đường liên huyện đã góp phần thúc đẩy KT-XH Thanh Hoá phát triển

Foto: Mạnh Cương

Thanh Hoá có hệ thống giao thông thuận lợi. Trong đó, đường bộ có 6 tuyến quốc lộ với tổng chiều dài 800 km, gồm quốc lộ 1A, quốc lộ 10, đường Hồ Chí Minh.... sang trung Lào theo quốc lộ 217, đến thượng Lào theo đường xuyên ASEAN. Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua tỉnh Thanh Hoá dài 92 km, có nhánh rẽ vào Khu công nghiệp Bỉm Sơn, khu công nghiệp Nghi Sơn, cảng Nghi Sơn.

Hệ thống giao thông đường thuỷ bao gồm cảng biển tổng hợp Nghi Sơn (giai đoạn I năm 2002 - 2003) có thể tiếp nhận tàu trọng tải 10.000 DWT (dự

kiến sau năm 2003 có thể tiếp nhận tàu trọng tải 30.000 - 50.000 DWT, công suất xếp dỡ 15 - 20 triệu tấn/năm); cảng chuyên dùng xi măng cho phép tàu có trọng tải 35.000 tấn cập cảng. Hệ thống giao thông đường sông có thể khai thác hơn 1.000 km cho phép thuyền, sà lan đi lại dễ dàng. Cảng pha sông biển Lễ Môn có công suất xếp dỡ 300.000 tấn/năm, khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 600 tấn. Với lợi thế có đường bờ biển dài, tàu biển từ các cảng của Thanh Hoá như Lễ Môn, Nghi Sơn, Lạch Bạng có thể đi trực tiếp đến các cảng trong nước, đồng thời đi đến các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

2. Khí hậu

Khí hậu Thanh Hoá vừa mang đặc điểm của vùng khí hậu Bắc Bộ với một mùa đông (tuy ngắn) lạnh và khô; vừa mang những tính chất riêng của khí hậu Trung Bộ. Mùa mưa muộn hơn các nơi khác và bão muộn hơn Bắc Bộ. Đồng thời, Thanh Hoá còn có những ngày khô nóng do chịu ảnh hưởng phơn Tây - Nam thổi từ Lào sang. Nhìn chung, khí hậu Thanh Hoá có tính chất chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Trung Bộ với kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm 23^{0}C - 24^{0}C ở vùng đồng bằng - trung du; 20^{0}C ở vùng núi. Lượng mưa trung bình 1.600 - 2.000 mm/năm, số ngày mưa 130 - 150 ngày và mùa mưa thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10.

3. Địa hình, địa chất, đất đai

Thanh Hoá có đủ các dạng địa hình: từ núi tương đối cao đến đồi trung du, đồng bằng, đồng chiêm trũng (nhiều vùng mặt đất còn thấp hơn mực nước biển), đến bãi bồi, cồn cát, ruộng vùng ven biển, các đảo ven bờ và ngoài khơi.

Địa hình Thanh Hoá có đồi núi chiếm 3/4 diện tích cả tỉnh, nhiều đồi núi cao từ 1.000 m đến 1.500 m gắn liền với vùng rừng núi thuộc khu Tây Bắc và những dãy núi thuộc tỉnh Hủa Phăn (Lào). Từ đây, địa hình thoải dần, kéo dài và mở rộng về phía Đông Nam. Đến ngang vùng trung tâm của tỉnh, chỉ còn các núi đồi cao trên dưới 500 m, từ độ cao 20 m trở xuống là đồng bằng, tiếp theo là vùng thềm lục địa rộng và nông dưới dạng vịnh Bắc Bộ.

Khoáng sản của Thanh Hoá có trữ lượng, chất lượng tốt là đá vôi (dùng cho sản xuất xi măng), vôi, sô đa, bột nhẹ, đá xây dựng, đá ốp lát, đá mable màu đen, trắng, vân mây, v.v. đá mácma: gabro, spilit-diabaz, granit, v.v. và các loại đá khác có cát kết màu trắng. Nguyên liệu gốm sứ chịu lửa có các loại cao lanh, quaczit, cát thuỷ tinh, v.v.. Nhiều loại đất sét sản xuất xi măng, gạch, ngói, phụ gia sản xuất xi măng (bazan, quặng sắt....). Nguyên liệu hoá chất có barit, secpentin, đôlomit, v.v..

Đồng thời, Thanh Hoá cũng có một số quặng kim loại như: Cromit (mỏ duy nhất tại Việt Nam, trữ lượng trên 20 tấn), ilmenit, zircon, chì, kẽm, vàng, v.v. cùng nhiều nguồn nước khoáng thiên nhiên tinh khiết.

Lâm sản như tre, nứa, luồng: 183.622 ha, trữ lượng trên 1 triệu cây (4 triệu tấn); rừng trồng: bạch đàn, keo (18.000 ha), thông nhựa (7.200 ha), quế, v.v.. Khả năng khai thác các loại lâm sản như tre, nứa, luồng là 1 triệu tấn/năm. Trong thời gian tới, tiếp tục phát triển nguyên liệu tre, nứa, luồng, gỗ rừng trồng, v.v.. Trồng mới khoảng 125.000 ha rừng

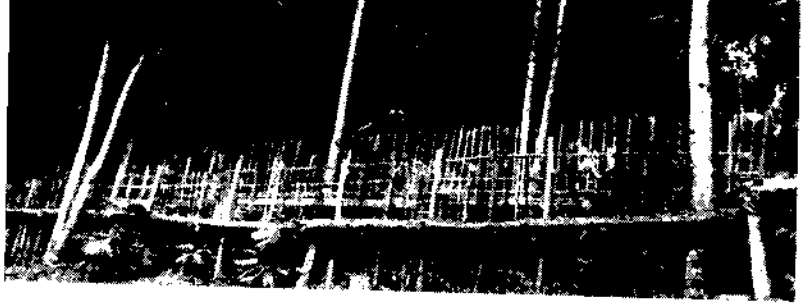

Mô hình trồng quế Trạnh Vạn - xã Vạn Xuân

Foto: Mạnh Cương

gồm: rừng nguyên liệu giấy, gỗ 110.000 ha, rừng quế 12.000 ha, cánh kiến 3.000 ha.

Sông ngòi, tổng diện tích chiều dài của 16 sông chính và nhánh là 1.072 km. Mật độ sông ngòi không lớn, biến đổi từ 0,1 - 1,06 km/km^2. Các sông đều ngắn (trừ sông Mã dài 528 km). Sông có độ dốc lớn biến thiên từ 5,4% đến 23,7%. Ở vùng sát biển, sông có độ dốc nhỏ và chịu ảnh hưởng của thuỷ triều. Thanh Hoá có bốn hệ thống sông chính là sông Hoạt, sông Mã, sông Yên và sông Lạch Bang.

1) Sông Mã: dài 528 km, trong đó phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam là 410 km. Riêng địa phận Thanh Hoá là 242 km. Các phụ lưu của sông Mã gồm 89 nhánh, trong đó có các sông, suối chủ yếu là: suối Sim, suối Quanh, suối Xia, sông Luống, sông Lồ, Hón Nủa, sông Bưởi, sông Cầu Chày, sông Chu, sông Khao, sông Âm, sông Đạt. Đây là hệ thống sông lớn nhất Thanh Hoá, trong phạm vi của tỉnh, lưu vực sông bao trùm tới 4/5 diện tích của toàn tỉnh.

2) Sông Yên: dài 94,2 km, trong đó có 50 km chảy qua vùng rừng, núi và hơn 40 km chảy qua vùng đồng bằng. Diện tích lưu vực là 1.996 km^2 (đồng bằng và bán sơn địa chiếm 49,5%, diện tích ngoài đê là 107 km^2, chiếm 5,3%; diện tích rừng núi là 900 km^2, chiếm 45,2%). Sông Yên có 4 nhánh chính: sông Nhơm, sông Hoàng, sông Lý, sông Thị Long.

3) Sông Hoạt: kể từ nguồn đến cửa sông khoảng 55 km, chảy qua hai huyện Hà Trung và Nga Sơn. Từ cầu Cừ trở lên thường gọi là sông Man Bảo, dưới cầu Cừ thường gọi là sông Hoạt.

4) Sông Lạch Bạng: dài 34,5 km, trong đó có 18 km chảy trên vùng đồi núi, 16,5 km chảy qua vùng đồng bằng. Diện tích lưu vực 236 km^2, trong đó miền núi chiếm trên một nửa. Sông chủ yếu có hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhưng trong vùng đồng bằng lại chạy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, tạo với hướng cũ thành hình chữ V với góc độ khoảng 120^0.

Biển ở đây là những đặc trưng thiên nhiên đặc sắc của tỉnh Thanh Hoá, nhân tố tác động thường xuyên đến nhiều hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên và ảnh hưởng đến nhiều hoạt động xã hội.

Nước ở vùng biển Thanh Hoá nóng ấm quanh năm, vào mùa đông nhiệt độ nước biển ít khi xuống dưới 20^{0}C, vào mùa hè nhiệt độ nước biển dao động ở mức 25 - 27^{0}C.

Thềm lục địa, đáy biển Thanh Hoá kéo dài ra xa với địa hình tương đối bằng phẳng, ít có rãnh sâu hoặc đảo núi như vịnh Hạ Long. Biển ở Thanh Hóa nông hơn so với biển của các tỉnh lân cận như Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam và Nghệ An.

Tài nguyên biển và thuỷ sản: Thanh Hoá có trên 102 km bờ biển, vùng lãnh hải rộng cùng với 7 cửa lạch lớn, nhỏ, rất thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ hải sản, cho tàu đánh cá ra vào, là những trung tâm nghề đánh bắt cá biển và dịch vụ hậu cần. Hiện nay, Thanh Hoá có 135 tàu đánh bắt xa bờ. Hàng năm, khả năng khai thác trên 100.000 tấn hải sản các loại. Nhiều loại đặc sản như: cá (cá chim, thu, nụ đé, cá hồng, cá nục, cá ngừ, cá lầm, cá trích,...); tôm (tôm he, tôm hộp, tôm sắt, tôm hùm); mực (mực ống, mực nang), cua, ghẹ, sứa, ngao, sò, ốc hương, v.v.. Vùng triều và vùng nước mặn gần bờ nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ như: tôm sú, tôm he, cua, cá song, trai ngọc, tôm hùm, rong câu, trồng cói, cây chắn sóng và làm muối. Dự kiến việc phát triển nguyên liệu thuỷ, hải sản đến năm 2010 của tỉnh: tổng sản lượng khai thác trên 80.000 tấn, trong đó có các loại đặc sản như: tôm, mực, v.v.. Sản lượng thuỷ sản nuôi nước mặn và nước lợ là 15.000 tấn, trong đó chủ yếu là các loại tôm và đặc sản.

Bên cạnh đó, Thanh Hoá còn có nguồn nông sản khá dồi dào, với 30.000 ha đất canh tác, cùng nhiều loại nông sản chính có sản lượng lớn, chất lượng cao như gạo, ngô, lạc, mía, dứa, cói, khoai lang, sắn, cây ăn quả, cao su, cà phê và những đàn gia súc, gia cầm lớn cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.

Với những lợi thế nêu trên có thể khẳng định, Thanh Hoá là địa phương hội đủ các nhân tố về nhân lực và vật lực để có thể phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tuy vậy, để Thanh Hoá trở thành nền kinh tế động lực của miền Trung, nhân dân Thanh Hoá cần phải hết sức nỗ lực và đoàn kết để có thể tận dụng tốt những lợi thế sẵn có, vượt qua khó khăn, khẳng định vị thế là một tỉnh lớn của cả nước.

Chapter II : FUNDAMENT TO DEVELOP STRONG POINT

NATURAL CONDITIONS AND GEOGRAPHICAL LOCATION

PREMISE OF SUCCESS

Natural conditions and geographical charateristics are the important factors impacting socio-economic development process. The right awareness and assessment of advantages and disadvantages of those factors will be the basic conditions and premise supporting blueprinting strategies for Thanh Hoa socio-economic development.

Thanh Hoa is the minimised picture of Viet Nam, locating in the south of the North economic pivotal zone, with development potentiality, investment-attracted policies, long-term strategic position that suitable for developing the modern and comprehensive industry - agriculture - service economy.

1. Geographical location

Thanh Hoa province lies in the north of the Central Viet Nam, bordering Ninh Binh, Hoa Binh, Son La provinces in the north with the borderline of 175 km. It adjoins Nghe An in the south-west and south with over 160 km borderline, and 192 km long with Hua Phan province of Laos in the west. The mainland of Thanh Hoa spreads from the north-west to the south-east, opening the middle zone of the Northern Gulf of the East Sea (Bien Dong) in the east with more than 102 km coast and the wide continental terrace.

The province's north pole is at Trung Son village, in the north-east of Quan Hoa District (adjoining Hoa Binh province) on the 20°40' of northern latitude. Its south pole is at Hai Ha village near the coast of Tinh Gia District (bordering Nghe An province) on the 19°18' of northern latitude. Its west pole is at Pha Long Mountain of Quang Chieu village, Muong Lat District (adjoining Laos), on the 104°22' of the eastern longitude and the east pole is at Nga Dien village (bordering Ninh Binh province) on the 106°05' of the eastern longitude.

Thanh Hoa possesses the total emerged land of 11,168 sq.km (according to Thanh Hoa geography book) and the continental terrace of 18,000 sq.km. The width from the north to the south is nearly 100 km (measuring on the straight line near the coast). The longest diagonal of the territory from the north-west to the south pole lasts 200 km. In terms of area, Thanh Hoa stands the fourth in the total 61 provinces and Centrally governed cities.

Thanh Hoa owns the favourable traffic system. Of which, the road consists of six highways with total 800 km long including highways 1A and 10 and Ho Chi Minh route, leading to Middle Laos along the high way 217, arriving at Upper Laos on the axial ASEAN road. The north-west railway through the province represents 92 km, which has the feeder-line to Bim Son and Nghi Son industrial zones and Nghi Son jetty.

The waterway includes Nghi Son General port (phase I from 2002-2003) accommodates vessel up to 10,000DWT (which proposes to 30,000 - 50,000DWT after 2003, with loading capacity of 15 - 20 millions tons a year). The cement exclusive jetty

available for the vessel up to 35.000 tons. The river ad system is capable for exploiting 1.000 km, nich easily facilitates transportation of the boats d ships. The Le Mon estuary port is available for ading 300,000 tons a year and for the vessel up to 0 tons. Making use of the long coast, the ships om Thanh Hoa ports such as Le Mon, Nghi Son, ch Bang can directly go to the other ports nation- de and to the countries in the South-east Asia and rldwide.

2. Climate

Climate in Thanh Hoa is carrying both the typical aracteristics of the climate of the North region th one short, cold and dry winter and of the Central gion. The rainy season there comes later than the her places and storms arrives later than in the rth zone. Concurrently, Thanh Hoa also suffers om the dry and hot days caused by the west-south ind from the Laos. In general, Thanh Hoa's climate rries the transition nature between the North and e Central Viet Nam with tropical monsoon type. he yearly average temperature is 23°C - 24°C in the ain and midland, 20°C in the mountainous area. he average rainfall is at 1,600 - 2,000 mm a year ith 130-150 rainy days, the rainy season normally arts from May to October.

3. Topography, geology and land

Thanh Hoa is home to diverse topographical pes such as relatively high mountains, hills, mid- nd, flooded rice areas (even lower than the sea vel), alluvial grounds, sand dunes, coastal rice elds and the onshore and offshore islands.

Thanh Hoa topography consists of many hills and ountains from 1,000m to 1,500m, connecting to the orest area of Tay Bac zone and the mountains of Hua han province (Laos). From there, the topography is oping, extending and broadening in the southeast. t the provincial centre there are the hills with 500m igh, from 20m downwards is the plain and the next, he wide and shallow continental terrace under the eabed of Northern Gulf.

Minerals of Thanh Hoa are of great capacity and good quality, including limestone (to produce cement), lime, soda, light powder etc and variety of stones, fireproof ceramic materials and chemicals. Concurrently, the province also owns some metal ores such as cromit (the unique one in Viet Nam, with capacity over 20 tons), ilmenit, zircon, lead, zinc, gold and many purified natural water resources.

Forest products like vary kinds of bamboo with more than one million trees (four millions tons) have been planted in 183.622 ha, artificial forest of eucalyptus in 18.000 ha, pine in 7.200 ha etc. Bamboo exploitation capacity is one million ton a year. In the time to come, the province will continue to develop bamboo and timber plantation, grow around 125.000 ha forest inclusive 110.000 ha for paper and wood materials, 12.000 ha cinnamon trees, 3.000 ha lac etc.

Rivers and streams of Thanh Hoa amount to total 1,072 km long (measurement of 16 main rivers). The river density is not high, fluctuating from 0.1-1.06km/sq.km. Most of the rivers are short except Ma River of 528km. The rivers' slope varies from 5.4% to 23.7%, reduces gradually at the coastal area, which is affected by the tide. The four major rivers of Thanh Hoa are Hoat, Ma, Yen and Lach Bang rivers.

1) Ma river has the total length of 528 km with the part flowing through Viet Nam of 410km and through Thanh Hoa of 242km. It consists of 89 branches with such main rivers and streams as Sim, Quanh and Xia streams, Luong, Lo, Hon Nua, Buoi, Cau Chay, Chu, Khao, Am and Dat rivers, being the biggest river system in the province, which accounts for 4/5 of its total area.

2) Yen river has the length of 94.2km including 50km flowing through the mountains and 40km through the plain. The valley area is 1,996 sq.km (of which the plain and haft-mountain haft-plain area represent 49.5%, area outside the dyke is 107 sq.km, amounts to 5.3% and mountainous area 900 sq.km, equal to 45.2%). Yen river consists of four main branches: Nhom, Hoang, Ly and Thi Long rivers.

3) Hoat river is about 55km from the riverhead to the estuary, flowing through Ha Trung and Nga Son districts. The upper part of Cu bridge is called Man Bao river, the remaining is named Hoat river.

4) Lach Bang river spreads 34.5 km, of which 18km run through the mountain and hill area, 16.5km through the plain. The valley area is 236 sq.km, majority of which is mountainous area. The river runs mainly on the northwest - southeast direction except the part in the plain on the southwest - northeast, creating V shape with the angle of approximately 120^0.

Thanh Hoa sea is the natural specific of the province, being the factor regularly influencing natural phenomenon and social activities.

Water in the Thanh Hoa sea is warm year-round, usually upper 20^0C in the winter and fluctuates between 25^0C-27^0C in the summer.

Continental terrace, seabed of Thanh Hoa widely spreads with relatively plain topography; there are fewer deep slots or mountainous islands than in Ha Long Bay. The sea in Thanh Hoa is more shallow in comparison with that in Ninh Binh, Nam Dinh, Ha Nam and Nghe An contiguous provinces.

As for sea resource and seafood, Thanh Hoa owns 102km coastline, rather wide sea territory and seven bays of diverse sizes, which suitable to develop aquaculture and relating services. Presently, the province has 135 offshore fishing ships. Annual exploitation capacity exceeds 100.000 tons seafood of variety. There are plentiful specialities such as fish (pomfret, mackerel, herring, red snapper, anchovy, tuna...), shrimp (prawn, lobster...), cuttle-fish, crab, jelly-fish, oyster, sweet snail etc. The onshore brine zones are able to breed aquatic product of salt and brackish waters like variety of prawns and fishes, oyster and seaweed, grow sedge and make salt. The province set a target by 2010 at total exploitation capacity of 80.000 tons inclusive the specialities like prawn and cuttle-fish, the products of brine and brackish waters of 15.000 tons, majority of which will be diverse shrimps and specialities.

Besides, Thanh Hoa also possesses abundant agricultural resources with 30.000 ha cultivating area, many main agricultural products of high quality such as rice, maize, peanut, sugar-cane, pineapple, sedge, sweet potato, manioc, fruit trees, rubber tree, coffee and the big herds of cattle and poultry, providing materials for the processing industry.

Those above-mentioned advantages affirm that Thanh Hoa is equipped with adequate human resource and material power to develop socio-economy comprehensively. However, to turn Thanh Hoa economy into the motive force of the Central Viet Nam, Thanh Hoa people should endeavour and unify to utilise up the existing advantages, overcome difficulties and affirm its position of a sound province nation-wide.

Fishery - a Great Potential Ecnomic Sector to be Efectively Exploited

Foto: Van An

THANH HOÁ - VÙNG ĐẤT ĐỊA LINH NHÂN KIỆT

Thanh Hoá là một vùng quần cư lâu đời, một vùng kinh tế, văn hoá phát triển. Nơi đây còn là địa bàn chiến lược quan trọng, là căn cứ địa vững chắc của nhiều cuộc kháng chiến chống lại giặc ngoại xâm của dân tộc từ hàng nghìn năm nay. Trong thời đại phong kiến, người dân Thanh Hoá đã ghi lại những móc son chói lọi trong lịch sử dựng nước, mở nước và giữ nước của cả dân tộc Việt Nam. Trong cách mạng hiện đại, người dân xứ Thanh cũng đóng góp xứng đáng đối với cả nước để xây dựng quê hương mình nhanh chóng trở nên giàu đẹp, phồn vinh.

Mảnh đất địa linh...

Khi nhìn vào đặc điểm của địa hình Thanh Hoá, nhiều người đã cho rằng: Thanh Hoá là một "Việt Nam thu nhỏ", bởi cấu tạo địa mạo của vùng đất này có cả núi tương đối cao đến đồi trung du, đồng bằng cao thấp bậc thang, đồng chiêm trũng (có nơi đất còn thấp hơn mực nước biển), đến bãi bồi, cồn cát, ruộng bùn ven biển, lại thêm các đảo ven bờ và ngoài khơi.

Những con sông chảy xiết đã nhiều lần đổi dòng, tạo ra những hồ nước rộng, hẹp khác nhau, những khúc sông chảy quanh co, khúc khuỷu. Bên cạnh đó, qua quá trình vận động của nội lực trong lịch sử địa chất, địa hình Thanh Hoá, nhiều vùng có lúc lên cao, có nơi thụt xuống, lúc thì biển tràn lấn vào, lúc lại rút ra. Các đợt sóng biển cùng với thuỷ triều đã góp phần làm nên những dải cồn cát cao thấp nhiều đợt, điều này nói rõ nhất ở vùng duyên hải phía Nam.

1) Đồng bằng Thanh Hoá

Với diện tích rộng 2.900 km^2, đồng bằng Thanh Hoá là vùng đồng bằng rộng lớn nhất của các tỉnh miền Trung và lớn thứ ba của cả nước. Không những thế, đồng bằng Thanh Hoá hội đủ tính chất của một đồng bằng châu thổ, do phù sa các sông bồi đắp trên một vịnh biển nông. Đồng bằng này có hình giống như một tứ giác mà cạnh đáy, cạnh lớn nhất, là đường bờ biển với một đỉnh ở trên sông Chu tại Đồng Mới (thuộc thị trấn Thường Xuân) và đỉnh còn lại nằm trên sông Mã (tại xã Vĩnh Quang - Vĩnh Lộc). Cả hai đỉnh này đều cách bờ biển hơn 50 km theo đường chim bay. Vì thế, giới hạn giữa miền núi và đồng bằng Thanh Hoá rất quanh co, khúc khuỷu. Ở hầu hết các nơi, đồi núi và đồng bằng đan xen nhau theo thế cài răng lược.

2) Biển Thanh Hoá

Vùng biển Thanh Hoá nằm trong vịnh Bắc Bộ,

Bên cạnh những tài nguyên thuỷ sản phong phú, trong lòng biển còn chứa nhiều tài nguyên khác như các loại khoáng sản và dầu khí. Độ mặn trung bình vào khoảng 3,2%, mùa mưa giảm xuống đến 3%, nhưng mùa khô có thể tăng lên 3,5%. Tại các cửa sông, nhất là vào dịp nước lũ độ muối của nước chỉ còn 1,5 - 2%.

Đáy biển Thanh Hoá kéo dài ra xa với địa hình tương đối bằng phẳng và nông. Nhiều nơi khi ra xa bờ đến 1km, độ sâu của đáy biển chỉ là 1m. Do đó, dù "biển lặng" thì nơi này sóng vẫn tạo nên những lớp bọt trắng xoá ào ạt xô vào bờ, lúc thuỷ triều xuống lộ ra cả vùng đất lầy ven bờ.

Từ đất liền có những dẫy núi kéo dài vươn ra tận biển như ở Nga Sơn, Lạch Trường, Sầm Sơn,v.v. ngoài biển cũng có những đảo như Hòn Nẹ cao 94 m, cách đất liền huyện Hậu Lộc 4 km; Hòn Mê cao 243 m, cách bờ biển ở huyện Tĩnh Gia 12 km; ở đảo Nghi Sơn, khi thuỷ triều xuống có thể lộ ra lạch nông để ra đảo. Nhờ đó, tàu biển ra vào cảng Nghi Sơn có thể đi theo lạch sâu hơn 10 m, thậm chí ngay trong cảng nước cũng sâu đến 13 m. Bên cạnh đó, dầu khí ở Thanh Hoá cũng đang hứa hẹn một tiềm năng lớn, góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế của địa phương.

.... Sinh dưỡng những nhân tài xuất chúng

Thanh Hoá là nơi sản sinh và hội tụ nhiều nhân tài kiệt xuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Cụ thể là:

Lê Thị Hoa (thế kỷ I): quê ở Nga Thiện (Nga Sơn), là một nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng. Bà đã cùng người con tham gia khởi nghĩa và đã lập được nhiều công tích.

Bà Triệu (226 - 248): quê ở vùng núi Quân Yên, xã Định Công (Yên Định). Năm 20 tuổi cùng anh trai là Triệu Quốc Đạt dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Ngô. Khi Triệu Quốc Đạt mất, nghĩa quân tôn Bà làm thủ lĩnh và tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Cuộc khởi nghĩa đã lan ra Giao Chỉ, vào tận Cửu Đức, Nhật Nam.

Đại Thăng Đăng (Pháp danh - thế kỷ VIII): người Thanh Hoá, tên Phạn là Mahayana Pridipa, uyên thâm Phật học, đến Trung Quốc, Ấn Độ nghiên cứu và truyền đạo, chú giải kinh phật. Ông mất tại chùa Niết Bàn (Ấn Độ), thọ 60 tuổi.

Khương Công Phụ (? - 805): quê ở làng Định Thành (Yên Định). Ông đỗ tiến sĩ năm 780, dưới thời Đường Đức Tông. Ông là vị tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam, nổi tiếng thanh liêm, chính trực. Ông đã để lại tác phẩm "Bạch vân chiếu xuân hải", một tác phẩm văn học vào loại sớm nhất của Việt Nam còn lại cho đến ngày nay.

Dương Đình Nghệ (? - 937): quê ở làng Giàng, xã Thiệu Dương (Thiệu Hoá). Ông là một vị hào trưởng yêu nước, biến trang trại của mình ở làng Giàng thành căn cứ khởi nghĩa chống quân Nam Hán. Năm 931, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công thành Đại La (Hà Nội), giành được thắng lợi, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc.

Ngô Chân Lưu (933 - 1011): quê ở huyện Tĩnh Gia. Năm 971, Đinh Tiên Hoàng ban hiệu Khuông Việt Đại sư. Ông được Lê Hoàn tin cẩn cho tham mưu những việc quan trọng của triều đình, đặc biệt trên lĩnh vực ngoại giao. Ông là tác giả của bài "Tống vương lang quý" nổi tiếng, v.v..

Lê Hoàn (941 - 1005): quê ở xã Xuân Lập (Thọ Xuân). Từ một người lính bình thường, Ông đã lập nhiều chiến công, được Đinh Bộ Lĩnh giao cho làm Thập đạo tướng quân tổng chỉ huy quân đội. Năm 980, trước sự xâm lược của quân Tống, ông đã được quân sĩ và triều đình Hoa Lư tôn làm Hoàng đế. Ông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt hoàn thành công cuộc kháng chiến chống giặc Tống. Ông là một nhà ngoại giao tài giỏi, có công lớn trong việc mở mang kinh tế, phát triển nông nghiệp, giữ yên bờ cõi đất nước.

Lê Phụng Hiểu (?): là người hương Băng Sơn, Châu Ái (nay là xã Hoằng Sơn - Hoằng Hoá). Ông có sức khoẻ hơn người, võ nghệ cao cường, nên được Lý Thái Tổ dùng làm vũ vệ tướng quân. Khi Lý Thái Tổ mất, các vương gây biến, ông là người có công dẹp loạn, tôn Lý Thái Tông lên ngôi, giữ yên triều Lý. Được phong Đô thống thượng tướng quân, tước hầu.

Ông còn có công lớn trong việc dẹp giặc Chiêm Thành giữ yên bờ cõi phía Nam. Khi chết được phong làm Phúc thần.

Đinh Củng Viên (? - 1294): quê ở huyện Đông Sơn, là một nhà ngoại giao tài giỏi dưới thời Trần Thánh Tông (1258 - 1278), khi ông mất được phong chức Thái phó.

Lê Văn Hưu (1230 - 1322): quê ở xã Thiệu Trung, Thiệu Hoá. Năm 1247, thi đỗ Bảng nhãn. Năm 1272, ông làm Hàn lâm viện học sĩ, kiêm Quốc sử viện quản tu. Trong sự nghiệp của mình, Ông đã hoàn thành bộ *"Đại Việt sử ký"*, gồm 30 quyển. Ông không chỉ là nhà viết sử lỗi lạc đầu tiên của Việt Nam, mà còn là nhà quân sự có tài. Ông đã từng giữ chức Thượng thư Bộ Binh kiêm Chưởng sử, tước Nhân uyên hầu.

Hồ Quý Ly (1336 - 1407): quê làng Kim Âu, xã Hà Đông (Hà Trung), là một vị quan lớn dưới triều Trần, ông đã cách tân đất nước. Năm 1400, ông truất ngôi vua Trần, lập ra nhà Hồ, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống giặc Minh, nhưng bị thất bại. Hồ Quý Ly không những là nhà cải cách táo bạo, mà còn làm thơ, soạn sách, với tác phẩm tiêu biểu Minh đạo, cùng một số bài thơ như: *Đáp bắc nhân vấn, An Nam phong tục, Từ trung uý Đỗ Tử Trừng*, v.v..

Lê Lai (1355 - 1418): quê ở xã Kiên Thọ (Ngọc Lặc), tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, giữ chức Đô tổng quản, tước Quan nội hầu. Năm 1418, nghĩa quân bị nhà Minh vây đánh ở Mường Một, quân ít, lương cạn, để bảo vệ Lê Lợi, ông đã giả làm Lê Lợi giải vây cho nghĩa quân và hy sinh anh dũng. Đời vua Thánh Tông, ông được truy phong làm Trung Túc Vương.

Lê Tắc (thế kỷ XIV): quê ở Đông Sơn, theo Trần Ích Tắc hàng giặc Nguyên, làm quan Phụng nghị đại phu ở Hán Dương (Trung Quốc). Ở Trung Quốc, Ông đã hoàn thành bộ An Nam chí lược gồm 20 cuốn nói về lịch sử Việt Nam từ thượng cổ đến đời Trần.

Lê Văn Linh (1367 - 1447): người làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương (Thọ Xuân), là một trong 18 người tại hội thề Lũng Nhai. Ông luôn ở bên cạnh Lê Lợi bàn mưu, tính kế, soạn thảo văn thư. Năm Triệu Bình thứ 4 (năm 1437), đời vua Lê Thái Tông, ông ra sức can gián việc vua giết Lê Sát nên bị giáng làm bộc xạ, sau đó ít lâu được phục chức. Ông được phong Thái phó.

Nguyễn Chích (1382 - 1448): quê ở Đông Ninh (Đông Sơn). Ông xây dựng căn cứ Hoằng Nghiêu chống lại giặc Minh. Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, ông đem nghĩa quân Hoằng Nghiêu theo Lê Lợi. Là một tướng tài ba, ông đã đề xướng ra kế hoạch đánh vào Nghệ An và giành được thắng lợi lớn, làm thay đổi tình hình nghĩa quân, mở đầu cho các thắng lợi liên tiếp của nghĩa quân Lam Sơn.

Đền thờ Lê Lợi tại Lam Sơn – Thọ Xuân

Foto: Mạnh Cương

Lê Thái Tổ (Lê Lợi, 1385-1433): quê ở Xuân Lam, Thọ Xuân trong một gia đình ba đời làm Hào trưởng. Năm 1407, cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ thất bại, biết Lê Lợi là người tài giỏi, giặc Minh mời ông ra làm quan nhưng ông đã từ chối. Năm 1418, ông lãnh đạo nhân dân tiến hành khởi nghĩa. Sau 10 năm kháng chiến, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi. Lê Lợi lên làm vua, lập triều đại hậu Lê. Ông không chỉ là nhà tổ chức, nhà quân sự lỗi lạc, mà còn là nhà quản lý đất nước xuất sắc trong lịch sử dân tộc.

Lê Ngân (?): người Đàm Dị, Lam Sơn, tham gia ngay từ ngày đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, ông có rất nhiều công tích trong trận chiến quan trọng: thắng giặc ở ải Khả Lưu, Thuận Hoá và hạ thành Nghệ An, bắt hàng Thái Phúc, được khắc biển công thần thứ 4 trong 93 người. Với chức trọng, quyền cao, năm

1435, làm Phụ tướng, ông bị kẻ gian ghen ghét dèm pha, vua bắt ông tội chết với lý do có kẻ tố cáo ông thờ Phật bà Quan Âm. Huệ Phi, con gái ông cũng bị giáng xuống làm tư dung. Đến năm Hồng Đức thứ 15 (năm 1484), ông được giải oan, truy tặng Thái phó Trương Quốc Công.

Phạm Vấn(? - 1435): quê ở Nguyên Xá (Đông Sơn). Tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ năm 1416, có công lớn trong các trận Bồ Mộng, Bố Đằng, giải phóng thành Nghệ An. Ông là một trong những trụ cột của triều đình nhà Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, với ngôi Tể tướng. Khi mất được truy tặng Thái phó, năm 1484 truy phong Trấn quận công.

Lê Sát (? - 1437): người thôn Bí Ngũ, Lam Sơn, Thọ Xuân, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ đầu, có nhiều công lao lớn: đánh thắng Trần Trí, Sơn Thọ ở ải Khả Lưu, phá thành Xương Giang, đập tan 20 vạn quân Liễu Thăng ở Chi Lăng. Thái bình thịnh trị, ông làm quan đến chức Tể tướng. Nhưng vì ngay thẳng và quá khuôn phép nên ông bị bọn gian thần xúc xiểng, ghép tội chết. Đến năm Hồng Đức thứ 15 (năm 1484), đời vua Lê Thánh Tông, ông mới được minh oan, truy tặng Thái bảo Cảnh quận công.

Lê Khôi (? - 1446): người Lam Sơn, Thuỷ Nguyên (Thọ Xuân ngày nay), là cháu gọi Lê Lợi bằng chú ruột và là một trong những người đầu tiên đứng dưới cờ nghĩa Lam Sơn. Ông đã lập được nhiều công lớn, đánh thắng trận Khả Lưu, hạ thành Xương Giang, mở mang bờ cõi, dẹp nội loạn Bế Khắc Triệu, Nông Đắc Thái, nhiều lần đánh thắng Ai Lao, giữ vững biên ải quốc gia. Ông có nhiều kế sách bình trị, lấy đức và chính làm đầu, dân được bình yên. Ông là người có công to, đức lớn, tài cao, nên các triều vua Lê (Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông), đều tin dùng, cho tham dự việc triều chính. Khi ông mất được triều đình truy tặng Thái uý Tam Quốc Công.

Nguyễn Mộng Tuân (thế kỷ XV): quê ở Đông Anh (Đông Sơn). Năm 1400, đậu Thái học sinh và tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, lập được nhiều công lớn. Dưới thời vua Lê Nhân Tông, ông được cử đi đánh quân Chiêm Thành. Nguyễn Mộng Tuân còn là nhà thơ với các tác phẩm "Cúc Pha thi tập", "Chí Linh sơn phú", v.v..

Trịnh Khả (1399 - 1451): người làng Kim (Vĩnh Lộc). Ông là một trong 18 người có mặt tr hội thề Lũng Nhai năm Bính Thân (năm 1416). Lê Lợi vây thành Nghệ An, ông cùng Lê Văn L được cử làm tướng văn, tướng võ. Cùng với Lê Tr Đinh Lễ đánh tan 5 vạn quân Vương Thông ở N Kiều, chặn đứng 2 vạn quân của Mộc Thanh ở ải Hoa. Ông được phong tới chức Nhập nội Thái Bình chương quân quốc trọng sự, Thượng trụ qu được ban kim ngư trang kim phù, tước Quốc thượ hầu. Tháng 9-1451, đời vua Lê Nhân Tông, ông cù con là Trịnh Bá Quát bị hại, do có kẻ gièm pha Thái hậu là cha con ông làm phản. Năm thứ 11 (n 1553), Lê Nhân Tông đã khôi phục lại quan tước c ông. Đời vua Lê Thánh Tông truy phong Hiển khá vương.

Lê Liệt (? - 1462): người Thuỷ Luân, Lam S (nay là xã Xuân Lam - Thọ Xuân), gọi Lê Lợi là cậ Ông cùng người anh là Lê Lễ có mặt trong hội t Lũng Nhai. Lúc thái bình đầu triều Lê, ông đư khắc biển phong công thần thứ 2, được thăng nhà nội tư mã tham dự việc triều chính. Khi Lạng Sơ vương (Lê Nghi Dân) giết vua, ông cùng Nguyễn X Lê Lăng dẹp loạn đón Lê Thánh Tông lên ngôi. Nă Hồng Đức thứ 2 (năm 1462), ông mất, triều đình tru tặng là Mục vương.

Lê Niệm (? - 1485): quê ở thôn Dật Tú, là chá Lê Lai di cư tới xã Văn Lộc, Hậu Lộc. Ông là một v quan thanh liêm, có công lớn trong cuộc kháng chống Chiêm Thành, được Lê Thánh Tông tin cẩ giao cho việc trông coi triều chính, khi vua về bái yế Sơn Lăng. Ông còn tham gia viết sách Anh Hoa hiệ tự. Làm quan tới chức Thái phó Tĩnh quốc công thần khi mất được truy tặng Thái uý.

Lê Thánh Tông (1442 - 1497): Lê Thánh Tông sinh ngày 20-7 năm Nhâm Tuất (năm 1442), huý là Tư Thành, con thứ tư của vua Lê Thái Tông và Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Dao, là cháu nội của vua Lê Thái Tổ, mất ngày 30-12 năm Đinh Tỵ (năm 1497). Năm 1460, ông lên ngôi vua và trị vì được 38 năm với 2 niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức

(1470 - 1497). Ông là nhà cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam. Bộ luật Hồng Đức là bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam, được soạn thảo dưới thời của ông. Ông là người sáng lập ra hội Tao Đàn, để lại nhiều tập thơ, 1 tập truyện ký và rất nhiều bài viết đặc sắc trong các tập "Hồng Đức thi tập", "Thánh Tông di cảo",v.v..

Hồ Nguyên Trừng (?): con trai Hồ Quý Ly, là nhà sáng chế kỹ thuật quân sự tài giỏi. Cuộc kháng chiến chống Minh thất bại, cha con ông bị bắt đưa về Trung Quốc. Tại đây, ông đã chế tạo được nhiều loại đại bác. Làm quan đến công bộ Thượng thư. Ông còn viết sách, làm thơ với tác phẩm tiêu biểu như "Nam ông mộng lục", tỏ rõ lòng nhớ quê hương đất nước.

Lương Đình Bảng (1472 - ?): người làng Hội Trào (Hoằng Hoá). Lúc bé nổi tiếng là một thần đồng, đến năm 27 - 28 tuổi ông đỗ hội nguyên, thi đình đỗ nhất giáp sĩ, tên thứ 2 (tức Bảng nhãn). Ông làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại, tước hiệu Đôn Trung Bá. Ông còn là một nhà giáo mẫu mực, là thầy dạy của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nhiều nhân tài, học thức của xứ Thanh và cả nước đã từng là học trò của ông.

Nguyễn Văn Nghị (?): người làng Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn, đỗ nhất giáp chế khoa (năm 1554). Ông là người học giỏi văn học, giàu kiến thức, làm hầu giảng ở toà Kính Duyên, giảng dạy cho vua Anh Tông, Thế Tông. Ông làm quan đến chức Tả Thị lang Bộ Lại, khi chết được truy phong Thượng thư Bộ Công, gia Thái Bảo, Phúc thần. Ông là bậc danh nho đức nghiệp.

Lê Trạc Tú(?): người làng Thượng Cốc, huyện Lôi Dương (Thọ Xuân ngày nay). Ông nội là Tán Thiện, chú là Tán Tương cùng đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (năm 1499). Ông đỗ Đệ nhất giáp chế khoa, khoa Đinh Sửu (năm 1577). Khi làm Thượng thư Bộ Lại và Tể tướng, ông đã cất nhắc người hiền tài. Ông sống cuộc sống ngay thẳng, thanh bạch.

Lương Hữu Khánh (thế kỷ XVI): quê ở làng Hội Triều, nay là xã Hoằng Phong (Hoằng Hoá). Ông đậu cử nhân năm 12 tuổi, đậu thứ 2 thi hội, không thi đình dưới triều Mạc Đăng Doanh. Ông có công trong việc khôi phục nhà Lê, được thăng tới chức Thượng thư Bộ Binh, tước Đạt quận hầu. Ông đã để lại các tác phẩm nổi tiếng như: *"Quan sử"*, *"Tàn quan văn kế phú"*.

Trịnh Duy Thuận (? - 1542): người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương (Thọ Xuân ngày nay), là cháu công thần An quốc công Trịnh Khắc Phục, được phong Lý quốc công, trấn giữ Thanh Hoá (năm 1522). Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (năm 1527), Ông là người bảo vệ che chở cho hoàng tử Lê Duy Ninh và cùng Chiêu Huân công Nguyễn Kim sắm sửa binh lương, chiêu tập hào kiệt, mở đầu cuộc trung hưng nhà Lê. Ông mất năm 1542.

Nguyễn Kim (? - 1545): là người Gia Miêu, huyện Tống Sơn (Hà Trung ngày nay). Ông là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc trung hưng nhà Lê. Sự nghiệp chưa thành, Ông bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu độc, mất năm 1545. Trước khi mất, ông đã sáng suốt nhìn nhận và giao quyền lực cho con rể là Trịnh Kiểm . Ông là người mở nghiệp cho dòng chúa Nguyễn, và vương triều Nguyễn.

Trịnh Kiểm (1503 - 1570): quê làng Sóc Sơn, Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc. Ông là người có công lớn trong việc trùng hưng nhà Lê. Ông là người mưu lược, cùng các tướng sĩ đánh lui 5 đợt tấn công của nhà Mạc, bảo vệ vững chắc Thanh Hoá. Ông cũng hết sức chăm lo triều đình, lập chế độ thuế khoá, khuyến khích nghề nông, mở rộng thi cử chọn nhân tài,v.v.. Ông là ông tổ của dòng chúa Trịnh sau này.

Phạm Đốc (1514 - 1559): người làng Thổ Sơn (Vĩnh Lộc). Ông là người có công lớn trong cuộc trung hưng nhà Lê, ông còn là người giỏi văn chương, thu phục nhân tâm, nhất là các sĩ phu. Được thăng tới chức Thái phó Đức quận công. Khi ông mất được truy tặng Thái úy Đức quốc công.

Nguyễn Mậu Tuyên (1518 - 1599): người làng Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương (Thọ Xuân ngày nay), dòng dõi công thần (cháu Thúc quốc công Nguyễn Như Lãm). Ông học sâu, hiểu rộng, mẫu mực, khuôn phép, làm quan đến chức Tể tướng. Khi mất, ông được truy tặng Thiếu sư.

Hoàng Đình Ái (1527 - 1607): quê ở Viện

Thượng (Vĩnh Lộc). Ông là người có công lớn trong cuộc trùng hưng nhà Lê, bắt sống đại tướng Nguyễn Quyện, lấy lại Đông Kinh (năm 1591), đánh đuổi Mạc Ngọc Liễn, Mạc Kính Cung ở châu An Bác, bắt sống Mạc Kính Cung ở Lục Ngạn (năm 1598), bình định Lạng Sơn, Hải Dương (năm 1602). Ông làm quan đến chức Tể tướng, mất năm 1607, thọ 81 tuổi.

Bùi Khắc Nhất (1533 - 1609): quê làng Bột Thái, huyện Hoằng Hoá (nay là xã Hoằng Lộc, Hoằng Hoá). Đời vua Lê Anh Tông, ông đậu Đệ nhất giáp Chế khoa đệ nhị danh, tương đương học vị Bảng nhãn của khoa thi tiến sĩ. Ông đã từng giữ chức Tả, Hữu Thị lang Bộ Công, Tả Thị lang Bộ Hình, Thượng thư Bộ Hộ, Thượng thư Bộ Binh. Ông là người trực tiếp quản lý việc tu sửa thành Thăng Long năm 1593 và có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế, tu bổ đê điều, thuỷ lợi, giữ cho pháp luật nghiêm minh, thái bình thịnh trị. Sau khi mất, ông được phong Phúc thần, với tôn hiệu cao nhất là Thượng đẳng thần.

Trịnh Tùng (1546 - 1623): người kế tục sự nghiệp của cha (Trịnh Kiểm) và hoàn thành sự nghiệp trùng hưng nhà Lê. Ông là chúa thứ 2 của dòng chúa Trịnh, ở ngôi chúa 54 năm và thiết lập nên thể chế nhà nước mới, tức là: vua - chúa ở Việt Nam.

Lê Bật Tứ (1562 - 1627): quê ở xã Tân Ninh (Triệu Sơn). Năm 1598, ông đỗ tiến sĩ. Năm 1619, ông được phong chức Thượng thư Bộ Binh, rồi Tham tụng. Ngoài ra, ông còn là nhà ngoại giao tài giỏi, một vị quan chính trực, nhiều lần khuyên chúa Trịnh trừng trị bọn gian thần.

Lương Đình Chất (1566 - 1627): người làng Quỳ Chử (Hoằng Hoá), là con của công thần Lâm Quận công Lưu Đình Thưởng. Năm 42 tuổi, ông thi đỗ Nhị giáp tiến sĩ. Mùa hè Quý Mùi (năm 1623), Trịnh Xuân gây biến, Ông đã giúp Thanh Vương (Trịnh Tráng) dẹp loạn. Vì là người có công và tài giỏi, nên ông đã vào phủ làm chức Tham tụng, tiến đến là chức Thượng thư Bộ hộ, Thiếu bảo, Phục quận công. Ông mất năm Đinh Mão (năm 1627), thọ 62 tuổi, được truy tặng Thiếu sư.

Đào Duy Từ (1572 - 1634): quê làng Hoa Trai, xã Nguyên Bình (Tĩnh Gia). Ông là một trong những vị khai quốc công thần, một nhà quân sự, nhà ngoại giao, nhà văn hoá giỏi. Ông đã có công giúp nhà Nguyễn phát triển kinh tế, giữ yên lãnh thổ, được phong tước Lộc Khê hầu và thờ trong Thái Miếu. Ông là tác giả của tác phẩm "Hổ trướng khu cơ", *"Ngoạ long cương văn"*, *"Tư duy văn"*, v.v..

Nguyễn Hữu Dật (1604 - 1681): quê ở Gia Miêu, xã Hoằng Long (Hà Trung), là một trong những trụ cột của chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên). Ông được giao làm Bố chánh Quảng Bình. Ông có tài về chiến lược quân sự và văn thơ. Khi ông mất được truy tặng Chiêm quận công.

Lê Đình Kiên (1620 - 1704): quê làng Thiết Định, xã Định Trường (Yên Định). Ông là người có công trong việc xây dựng phố Hiến (Hưng Yên) thành một trung tâm buôn bán lớn của đất nước. Ông là nhà ngoại giao, ngoại thương tài năng, góp phần quan trọng trong việc mở mang đất nước.

Nguyễn Quán Nho (1630 - 1709): người làng Văn Hà, huyện Thuỷ Nguyên (xã Thiệu Hưng, Thiệu Hoá ngày nay) đỗ đồng tiến sĩ. Ông làm quan đến chức Tể tướng, luôn giữ đại thể làm trọng, lượng thứ việc nhỏ, xử sự nhân hậu, nên được lưu truyền tên gọi "Tể tướng Vạn hà thiên hạ âu ca", tước Quận công.

Trịnh Thị Ngọc Trúc (?): con gái Trịnh Tráng, là chính cung Hoàng hậu của vua Lê Thần Tông (1619 - 1643). Đến nay, nhiều người cho rằng: Bà là tác giả bộ từ điển Hán - Nôm cổ nhất Việt Nam *"Chỉ nam Ngọc âm giải nghĩa"*.

Lê Hy (1646 - 1702): quê ở xã Đông Khê (Đông Sơn). Năm 1664, đỗ tiến sĩ, tài năng của ông được các chúa Trịnh tin dùng, cử đi sứ Trung Quốc và được phong chức Thượng thư Bộ binh, rồi Tham tụng (Tể tướng), tước Lai sơn bá. Ông là nhà viết sử nổi tiếng, trong đó tác phẩm "Bản kỷ lục biên" do ông chủ biên.

Nguyễn Hữu Hào (1647 - 1713): quê ở làng Gia Miêu, xã Hà Long (Hà Trung). Ông có công lớn với chúa Nguyễn trong các cuộc giao tranh với chúa Trịnh, được phong chức Cai cơ, Chưởng cơ rồi chức trấn thủ Quảng Bình, v.v.. Ngoài ra, ông còn là người sáng tác truyện thơ Nôm "Song tinh bất dạ" lưu

truyền rộng rãi trong nhân dân. Khi mất, ông được truy tặng Đôn hậu công thần trấn thủ.

Nguyễn Hiệu (1664 - 1753): là người làng Lan Khê, Nông Trường (Triệu Sơn). Năm 27 tuổi đỗ hội nguyên, thi đình đỗ đồng tiến sĩ. Ông là một người tài giỏi, trung hậu và ngay thẳng, nên được trọng dụng làm quan đến chức Tể tướng. Khi mất, năm 1735, được triều đình truy tặng Thái bảo, Đại tư đồ, gia phong làm Phúc thần.

Hà Tông Huân (1697 - 1790): người làng Kim Thành, huyện Yên Định. Năm 28 tuổi, ông đỗ Bảng nhãn. Ông là người thông minh, tài trí được trọng dụng, ra vào phủ Chúa bàn việc quân cơ yếu, làm đồng Tham tụng rồi nhập chính Tham tụng, kiêm việc ở Quốc Tử Giám. Khi về hưu vẫn được mời ra làm bậc ngũ lão, được gia thăng Thiếu bảo, tước Huy quận công, khi mất được thăng hàm Thái phó.

Trịnh Tuệ (còn gọi là Trịnh Huệ, 1704 - ?): quê ở Biện Thượng, nay thuộc xã Vĩnh Hùng(Vĩnh Lộc), (trú quán tại xã Bất Quần, nay là xã Quảng Thịnh, Quảng Xương). Ông đỗ Trạng nguyên, khoa Bính Thìn (năm 1736), đời Lê Ý Tông. Đây là người được phong Trạng nguyên cuối cùng của nước ta. Ông giữ chức Thượng thư Bộ hình, Tế tửu (hiệu trưởng) Quốc Tử Giám, Tham tụng. Khi mất được thăng chức Hữu Thị lang.

Nguyễn Hoàn (1713 - 1791): là con trai thứ hai của Hưng quốc công - Nguyễn Kim, vào trấn thủ Thuận Quảng, mở đầu cho sự nghiệp của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn.

Ngô Cao Long (thế kỷ XIX): tự là Lệnh Phù, hiệu là Viên Trai, quê ở xã Hoằng Long (Hoằng Hoá). Năm 1807, ông làm quan Tri phủ, sau đó vào Huế làm Quốc sử quán. Đồng thời, Ông còn là một nhà nghiên cứu uyên bác, viết nhiều sách về lịch sử như *Lịch triều tạp kỷ, Ngô Man phong thổ ký, Bắc Kỳ tạp biên*, v.v..

Nhữ Bá Sĩ (1787 - 1867): người làng Cát Xuyên (Hoằng Cát, Hoằng Hoá), đỗ cử nhân năm 1821, xin cáo quan về quê dạy học, sau đó ông mưu việc chống Pháp, việc chưa thành thì mất. Ông là người có học vấn uyên thâm, viết sách về giáo dục, văn hoá, lịch sử.... tiêu biểu nhất là các tác phẩm *"Việt sử tam bách vịnh", "Thanh Hoá tỉnh chí"*.

Nguyễn Thu (1799 - 1855): còn có tên là Nguyễn Bão, quê xã Nông Trường (Triệu Sơn), đậu cử nhân năm 1821, làm án sát và tham dự biên soạn Thực lục tiền biên, sau thăng Thị lang Bộ hộ. Ông để lại 17 tác phẩm lịch sử, triết học, văn thơ như: "Lê Quý ký sự", "Việt thi tục biên", v.v..

Phạm Bành (1825 - 1887): quê ở làng Trương Xá, xã Hoà Lộc (Hậu Lộc), đỗ cử nhân năm 1864, cùng Đinh Công Tráng xây dựng căn cứ và là một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

Nguyễn Đôn Tiết (1836 - ?): quê ở xã Hoằng Đức (Hoằng Hoá), đậu Phó bảng năm 1879. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương, Ông mộ quân, phối hợp với nghĩa quân Hoàng Bật Đạt tấn công đồn pháp ở Bút Sơn. Ông bị bắt năm 1886, bị tù đầy tại Lao Bảo và hy sinh tại đây.

Tống Duy Tân (1837 - 1892): quê ở Vĩnh Tân, Vĩnh Lộc. Ông đỗ tiến sĩ năm 1875, làm Tri huyện Vĩnh Tường, ấn sát Sơn Tây, Chánh sứ quan phòng Quảng Hoá. Năm 1886, Ông cùng con là Tống Như Mai lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh. Ông cùng Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt, Trần Xuân Soạn,v.v.. lãnh đạo nghĩa quân Ba Đình. Ông bị giặc Pháp bắt tại hang Niên Kỷ (Bá Thước) và hy sinh tại thị xã Thanh Hoá năm 1892.

Trần Xuân Soạn (1849 - 1923): quê ở làng Thọ Hạc, thành phố Thanh Hoá. Ông được phái đi kháng chiến trong triều đình Huế giao chức Đề đốc quân vụ

Đền thờ Cẩm Bá Thước

Foto: Mạnh Cương

(năm 1885), cùng Tôn Thất Thuyết tổ chức chống Pháp. Khi về Thanh Hoá, ông cùng các lãnh tụ nghĩa quân lập căn cứ Ba Đình, Mã Cao và được giao nhiệm vụ đóng quân tại Thạch Thành hỗ trợ cho nghĩa quân Ba Đình. Ông mất tại Long Châu (Trung Quốc).

Cầm Bá Thước (1853 - 1895): quê ở Trịnh Vạn, Thường Xuân. Năm 1895, phong trào Cần Vương của nhân dân Thanh Hoá phát triển mạnh mẽ. Ông lãnh đạo nhân dân lập căn cứ Trịnh Vạn tổ chức chống giặc Pháp. Ông được Tôn Thất Thuyết phong cho chức Tán tướng quân vụ và tiến hành các trận đánh đồn Pù Lọ, đồn Cửa Đặt, v.v. gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại. Bị sa vào tay giặc, ông không khai nửa lời và hy sinh anh dũng.

Cao Điển (1853 - 1896): quê ở làng Trinh Sơn, xã Hoằng Giang (Hoằng Hoá), được Tôn Thất Thuyết cử chỉ huy trận tấn công vào sứ quán và đồn binh Pháp ở Huế. Sau đó, ông về Thanh Hoá cùng Tống Duy Tân xây dựng căn cứ Hùng Lĩnh (Vĩnh Lộc) chống Pháp. Trên đường ra Bắc liên lạc với nghĩa quân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, ông bị Pháp bắt tại thị xã Bắc Giang và xử chém tại thị xã Thanh Hoá.

Lê Quát: tự là Bá Đạt, hiệu Mai Phong, người làng Phủ Lý (nay là xã Thiệu Trung, Thiệu Hoá). Ông làm quan đến chức Thượng thư hữu bật, Nhập nội hành khiển. Ông là người tài giỏi về văn học, chữ nghĩa, cho đến ngày nay vẫn còn được lưu truyền câu: văn chương Lê - Phạm (tức là Lê Quát và Phạm Sư Mạnh).

THANH HOA - THE HOMELAND OF THE NATIONAL HEROES AND CELEBRITIES

Thanh Hoa not only is the long-standing community, the developed economic and cultural zone but also the pivotal strategic area, the stable revolutionary base of the national anti-invader struggles for years. Under the feudalism, its people recorded the glorious historical pages in founding and defending the country of the Vietnamese nation. Presently, Thanh Hoa people have also made deserved contribution to building the homeland more and more well-off and prosperous.

The homeland...

As for topography, Thanh Hoa is considered Viet Nam's minimised picture because its geomorphology consists of relatively high mountains, hills and mid-land, high and low plain areas, flooded rice areas (even lower than the sea level), alluvial grounds, sand dunes, coastal rice fields and the onshore and offshore islands.

The swift-flowing rivers had changed the current for several times creating the large and small lakes and the roundabout and tortuous sections. Besides, the movement in geological history turned Thanh Hoa topography to be complicated with high and low lands. The sea waves and tide have contributed to creating the different sand dunes, which can be seen clearest in the south of the coastal area.

1) Thanh Hoa plain

With the area of 2,900 sq.km, Thanh Hoa plain is the largest one among the Central provinces and the third nation-wide, carries the characteristics of the delta area, which was extended with deposits of silt on the shallow territorial waters. The plain is seemly quadri-lateral with the base side - the longest one is the coast-

line from one grazing point on the Chu River in Dong Moi (Thuong Xuan township) to the other point on the Ma River (Vinh Quang village - Vinh Loc). Both those points are of 50km offshore as the crow flies. Hence, the bounds between the mountainous region and plain are very sinuous. In almost areas, hills, mountains and plains locate on the comb teeth position.

2) Thanh Hoa sea

Thanh Hoa territorial waters lie in Tonkin Bay. In addition to the abundant aquatic products, the seabed contains many other resources such as minerals, petroleum and gas complex. Average water's salinity is about 3.2%, reduces to 3% in the rainy season but might increase to 3.5% in the dry season. At the estuaries, especially in the flooded season the salinity drops to only 1.5 - 2%.

Thanh Hoa's seabed spread out with relatively even, flat and shallow terrain. In some places at one km offshore, the depth of the seabed is only one metre. Therefore, despite the "calm sea", the waves there still generate the dazzling white foams pushing to the shore, on the ebb-tide letting out the swampy area onshore.

From the mainland of Nga Son, Lach Truong and Sam Son etc there are the ranges of mountains reaching the sea. We can see the islands at sea like Hon Ne of 94m high locating about 4km from mainland of Hau Loc, Hon Me of 243m high at 12km out of Tinh Gia coast and the shallow rivulet leading to the island at Nghi Son island on the ebbing. Owning to that, the ships coming in and out Nghi Son port can go through the rivulet of 10m deep and even 13m in the deep port. Besides, petroleum in Thanh Hoa is promising the great potential, contributing considerably in local socio-economic development.

...Bringing up the outstanding talents

Thanh Hoa brought up and gathered many distinguished talents of Vietnamese nation in the history of thousands of years founding and defending the country.

Le Thi Hoa (1st Century) from Nga Thien (Nga Son) was the talent Woman general of Hai Ba Trung. She with his son participated in resistance and achieved remarkable feats.

Trieu Lady (226 - 248) was born in Quan Yen mountainous area of Dinh Cong commune (Yen Dinh). At the age of 20, she with his older brother Trieu Quoc Dat rose up in arms against Ngo enemy. When Dat died, the insurgent troops elevated her to the status of leader to continually conduct the people in the resistance. The resistance expanded to Giao Chi, Cuu Duc and Nhat Nam.

The tomb worshiping Trieu Lady on Tung Mountain of Trieu Loc commune (Hau Loc)

Dai Thanh Dang (Religious name - 8th Century) was born in Thanh Hoa, having the Buddhist name Mahayana Pridipa. As being profound of Buddhology, he went to China and India to study and preach a religion, annotate the Buddhist bible. He died at Niet Ban pagoda (India) when he was 60 years old.

Khuong Cong Phu (? - 805) from Dinh Thanh village (Yen Dinh) passed the exam to be a doctor in 780 under Duong Duc Tong dynasty. He was the first doctor of Viet Nam, famous for his uprightness and straightforwardness. He wrote "Bach van chieu xuan hai", which was among the earliest literature works of Viet Nam remaining so far.

Duong Dinh Nghe (? - 937) from Giang village of Thieu Duong commune (Thieu Hoa) was the patriotic notable, who turned his farm in Giang village into the revolutionary base against Nam Han enemy. In 931, he commanded the troops to attach Dai La rampart (Ha Noi), gained the victory and completed the cause of national liberation, ending thousands of years under the Chinese domination.

Ngo Chan Luu (933 - 1011) was born in Tinh Gia District. In 971, Dinh Tien Hoang conferred him Khuong Viet great master. He earned Le Hoan king's trust to give advice on the court's important issues, especially in diplomacy. He was the author of famous text "Tong vuong lang quy".

Le Hoan (941 - 1005) was born in Xuan Lap commune (Tho Xuan). As achieving many feats, he was promoted by Dinh Bo Linh from the solder to be general to command the army. In 980, when Tong troops invaded the country, the soldiers and Hoa Lu court elevated him to be the King, leading the Dai Viet civilian and military to complete the anti-Tong resistance. He was the talented diplomatist, having credits of expanding economy, developing agriculture and defending the country.

Le Phung Hieu (?) from Bang Son, Chau Ai (present Hoang Son - Hoang Hoa) was extremely strong, an eminent boxer. He was chosen by Ly Thai To king to be the General of the army. When the king died, he elevated Ly Thai Tong to be the King to rule the Ly dynasty. He was bestowed to be the head of the army, senior lieutenant - general. He also deserved the merit of quelling Chiem Thanh enemy, protecting the country's South region. After died, he was honoured the Good genius.

Dinh Cung Vien (? - 1294) from Dong Son District was the talented diplomatist under Tran Thanh Tong dynasty (1258 - 1278). He was honoured posthumously the First of the prince.

Le Van Huu (1230 - 1322) from Thieu Trung commune, Thieu Hoa, passed the exam to be first-rank doctorate second laureate in 1247. In 1272, he was academic cum head of national history institute. In his career, he accomplished the 30-book collection "Dai Viet Su ky". He was not only the first brilliant historian of Viet Nam but also the gifted militant, who used to hold the post of Infantry Minister.

Ho Quy Ly (1336 - 1407): was born in Kim Au village of Ha Dong commune (Ha Trung). As the great mandarin under the Tran reign, he renovated the country. In 1400, he overthrown Tran king, set up Ho dynasty and provided for the resistance against Minh enemy but he failed. He was not only the bold innovator but also the author of the books with the typical work Minh Dao and some poems such as *Dap bac nhan van, An nam phong tuc, Tu trung tuy Do Tu Trung*

Le Lai (1355 - 1418) from Kien Tho (Ngoc Lac) participated in Lam Son resistance, hold the position of vicar-general with title of royal imperial mandarin. In 1418, the Lam Son troops were encircled with Minh enemy in Muong Mot, due to inadequate troops and shortage of foodstuffs, aiming at protecting Le Loi King, he impersonated Le Loi to raise the siege and then sold his life dearly. Under the Thanh Tong reign, he was bestowed upon Trung Tuc Vuong.

Le Tac (14th Century) from Dong Son followed Tran Ich Tac to surrender Nguyen enemy, became the high-ranking mandarin in Han Duong (China). He accomplished the collection of An Nam chi luong consisting of 20 books about Viet Nam history from the utmost antiquity to Tran dynasty.

Le Van Linh (1367 - 1447) from Hai Lich of Loi Duong (Tho Xuan) was among 18 people at Lung Nhai swearing team. He was always with Le Loi to concoct a plot and compose the correspondents. In Trieu Binh year the fourth (1437), under Le Thai Tong dynasty, due to insisting in dissuading the King from killing Le Sat, he was demoted to be servant, then was reinstated for some times. He was bestowed the First of the prince.

Nguyen Chich (1382 - 1448) from Dong Ninh (Dong Son) built the Hoang Nghieu base for combating Minh enemy. When Le Loi rose up in arms, he conducted Hoang Nghieu troops to follow Le Loi. As the talented general, he proposed the plan of attaching to Nghe An and achieved great success, changed the situation, opening the consecutive feats and the final victory of Lam Son troops.

Le Thai To (Le Loi, 1385 - 1433) was born in Xuan Lam, Tho Xuan in the three-generation notable family. In 1407, when the anti-Minh resistance of Ho dynasty failed, having known that Le Loi was the talent, the Minh offered him the post of

mandarin but he refused. In 1418, he led the people to rise up in arms in Lam Son Resistance war and achieved success after ten years. He came to the throne, founded Post Le dynasty. He was not only the brilliant militant but also the country's distinguished manager in the national history.

Le Ngan (?) from Dam Di, Lam Son took part in Lam Son resistance right from the beginning. He deserved the merits of scoring a victory in the importance battles at Kha Luu pass, Tan Binh, Thuan Hoa and Nghe An, making Thai Phuc surrendered. His name was engraved the Fourth Meritorious official among 93 outstanding people. Being the influential lieutenant general, in 1435, he was accused of worshipping Bohisattva Kwan Yin by the evildoers and sentenced to death by the King. Ms Hue Phi, his daughter was reduced to lower rank. In Hong Duc year 15th (1484), he was cleared of a false charge and bestowed the post of First of the prince Truong Quoc Cong.

Pham Van (? - 1435) from Nguyen Xa (Dong Son) participated in Lam Son arms since 1416, who contributed great deal in the battles Bo Mong, Bo Dang and liberating Nghe An. He was one of the backbones of Le Thai To and Le Thai Tong dynasties as a Prime Minister. After died, he was bestowed to be Tran Duke.

Le Sat (? - 1437) from Bi Ngu village, Lam Son, Tho Xuan, took part in Lam Son army right from the beginning, deserved credits of wining Tran Tri, Son Tho at Kha Luu pass, destroying Xuong Giang rampart, defeated completely 200 thousands of Lieu Thang troops in Chi Lang. In the prosperity and peace time, he became the Prime Minister. Due to his uprightness and discipline, the dishonest courtiers instigated and charged him to death sentence. Not until Hong Duc year 15th (1484) under Le Thanh Tong rule had he been cleared of the false charge and bestowed posthumously to be Thai Bao Canh quan cong.

Le Khoi (1446) from Lam Son, Thuy Nguyen (Tho Xuan today) was the nephew of Le Loi and among the first people who joint Lam Son resistance. He achieved many great feats, won in Kha Luu and Xuong Giang, expanded the territory, quelled internal strife Be Khac Trieu, Nong Dac Thai and Ai Lao, defending the country's borders. He founded out many reigning policies, put morality and rightness on top priority, stabilised the people's life. As the man of great merit, morality, talent, he was trusted by all the Le reigns and allowed to participate in the court affairs. After died, he was bestowed high-ranking mandarin Tam Quoc cong.

Nguyen Mong Tuan (15th Century) from Dong Anh (Dong Son) participated in Lam Son arms and achieved great feats in 1400. Under the Le Nhan Tong dynasty, he was sent to combat with Chiem Thanh enemy. He was the poet with the works "Cuc Pha Thi tap" and "Chi Linh son phu" etc.

Trinh Kha (1399 - 1451) from Kim Boi (Vinh Loc) was among the 18 people of Lung Nhai swearing team in Binh Than year (1416). When Le Loi blockaded Nghe An rampart, he and Le Van Linh was assigned to be civil mandarin and commander respectively. Together with Le Trien and Dinh Le, he defeated 50 thousands of Vuong Thong troops in Ninh Kieu, stopped 20 thousands of Moc Thanh troops at Le Hoa pass. He was nominated high-ranking mandarin, granted gold fish and conferred the post of Quoc thuong hau. In September 1451, under Le Nhan Tong reign, the evildoer told to the Queen mother that he and his son Trinh Ba Quat were traitors. In the 11th year (1553), Le Nhan Tong recovered the mandarin's title for him. Under Le Thanh Tong rule, he was bestowed Hien Khanh Vuong.

Le Liet (? - 1462) from Thuy Luan, Lam Son (present Xuan Lam - Tho Xuan) was nephew of Le Loi. He presented at Lung Nhai swearing team with his older brother Le Le. During the peacetime at the early of Le dynasty, he was engraved the title of the Second Meritorious official, joined the imperial master of horse, participating in the court affairs. When Lang Son (Le Nghi Dan) killed the king, he with Nguyen Xi and Le Lang put down the revolt, elevating Le Thanh Tong to the status of the King. In Hong Duc year the second (1462), he died, being bestowed Muc Vuong.

Le Niem (? - 1485) from Dat Tu village was the grandson of Le Lai, migrated to Van Loc commune, Hau Loc. He was the upright mandarin, deserved the credits of resisting against Chiem Thanh enemy. The king entrusted him to be in charge of the court affairs when the king visited Son Lang. He also wrote the book Anh Hoa hieu tu, was the first of the prince Tinh quoc cong than, being bestowed to be the high-ranking mandarin after died.

Le Thanh Tong (1442 - 1497) was born on July 20th Nham Tuan (1442) with taboo name of Tu Thanh, being the fourth child of Le Thai Tong and the Queen Ngo Thi Ngoc Dao, grandson of Le Thai To king, died on December 30th 1497 (Dinh Ty). In 1460, he ascended the thrown, ruling the country in 38 years with two dynastic titles of Quang Thuan (1460 - 1469) and Hong Duc (1470 - 1497). He was the great innovator in Vietnamese history. Hong Duc Code - the first written code of Viet Nam was compiled during his reign. He initiated Tao Dan team, left many collections of poems, one life story and number of special texts in the collections "Hong Duc thi tap" and "Thanh Tong di cao" etc.

Ho Nguyen Trung (?) the son of Ho Quy Ly, was the talent military technical initiator. When the anti-Minh resistance failed, he and his father were arrested and brought to China, where he created diverse kinds of cannon. He held office as minister of public works. He also wrote the books and verses, the typical of which was *"Nam ong mong luc"*, expressing his homesickness.

Luong Dinh Bang (1472 - ?) from Hoi Trao (Hoang Hoa) was famous as a prodigy during the childhood. At the age of 27-28, he passed the First laureate at pre-Court Competition examination, came the first in the court's and second in doctoral examinations. He held post as minister of Interior with the tittle of Don Trung ba. He was also the exemplary teacher of Nguyen Binh Khiem and of the other talents of Thanh Hoa and across the country.

Nguyen Van Nghi (?) from Ngoc Boi of Dong Son District was the polymath, famous and virtuous scholar, well versed in literature. He taught at Kinh Duyen palace and was the teacher of Anh Tong and The Tong kings, the mandarin of ministry of Interior. He was bestowed posthumously as the minister of public works, great tutor and good genius.

Le Trac Tu (?) was born in Thuong Coc village of Loi Duong District (Tho Xuan nowadays). He with his grandfather Tan Thien and uncle Tan Tuong passed the doctoral examination in 1499 (Ky Mui lunar year). He came first in the giap che examination in Dinh Suu year (1577). As a minister of Interior and Prime Minister, he promoted the talented and righteous people. He lived the upright life.

Luong Huu Khang (16th Century) from Hoi Trieu village, present Hoang Phong commune (Hoang Hoa) passed the examination to be a bachelor at the age of 12, was the second in metropolitan examination. He deserved merits of restoring Le dynasty, was promoted to be defence minister with tittle of Dat quan hau. He left the well-known works such as *"Quan su"* and *"Tan quan van ke phu"*.

Trinh Duy Thuan (? - 1542) from Thuy Chu of Loi Duong District (Tho Xuan nowadays) was the nephew of the prince Trinh Khac Phuc. He was appointed to be the prince, defending Thanh Hoa in 1522. When Mac Dang Dung usurped the Le throne in 1527, he protected Le Duy Ninh and together with Nguyen Kim prepared the war supplies, recruit the talents to start the restoration of Le dynasty. He died in 1542.

Nguyen Kim (? - 1545) was born Gia Mieu of Tong Son District (present Ha Trung), initiated and led the restoration cause of Le dynasty. In 1545, he was died of poisoning by the Mac's General Duong Chap Nhat, leaving incomplete work. Before died, he was lucidly recognised and handed over the power to his son-in-law, Trinh Kiem. He was the initiator for Nguyen Lord and Nguyen royal dynasty.

Trinh Kiem (1503 - 1570) from Soc Son village of Vinh Hung, Vinh Loc deserved credits of restor-

ing Le dynasty. He was versed in planning and strategy, with the officers beats back five attacks of Mac troops, defending Thanh Hoa. He exerted himself to take care of the court affairs, set up taxation system, encouraged agriculture and expanded the examinations to select the talents. He was the ancestor of the Trinh Lords afterwards.

Pham Doc (1514 - 1559) from Tho Son village, Vinh Loc made great contribution to restoration of Le dynasty, was versed in literature and winning the heart of the people, especially of the feudal intellectuals. He was promoted to be first of the duke and after death to be high-ranking grand duke.

Nguyen Mau Tuyen (1518 - 1599) was born in Thinh My village of Loi Duong (present Tho Xuan) in the family of meritorious officials (nephew of the prince Nguyen Nhu Lam). He was erudite, exemplary, disciplined person, who held office as Prime Minister and the prince's tutor.

Hoang Dinh Ai (1527 - 1607) was born in Vien Thuong (Vinh Loc). He deserved well of restoring Le dynasty, took top-ranking general Nguyen Quyen alive, took Dong Kinh back in 1591, drove Mac Ngoc Lien and Mac Kinh Cung away at An Bac District, took Mac Kinh Cung alive in Luc Ngan in 1598, pacified Lang Son and Hai Duong in 1602. He entered the government to be prime minister, died in 1607 at the age of 81.

Bui Khac Nhat (1533 - 1609) was born in Bo: Thai of Hoang Hoa District (present Hoang Loc commune, Hoang Hoa). In the eighth Chinh Tri year under Le Anh Tong reign, he took a degree in first-rank doctorate second laureate. He used to be high-ranking mandarin of ministry of public works, of justice, finance and defence minister. He directly managed Thang Long repair in 1593 and made great contribution to economic development, dyke maintenance, irrigation, protection of strict and clear law, prosperous and peaceful country. After died, he was bestowed to be Good genius with the highest tittle "Thuong dang than".

Trinh Tung (1546 - 1623), the successor of his father, Trinh Kiem, had accomplished the restoration of Le dynasty. He was of second generation of Trinh lords, who held the post for 54 years and set up the new state system: King - Lord in Viet Nam.

Le Bat Tu (1562 - 1627) from Tan Ninh village of Trieu Son passed doctoral examination in 1598, was nominated to be defence minister in 1619. Besides, he was also the excellent diplomatist, the upright mandarin, who advised Trinh Lord to chastise the dishonest courtiers for several times.

Luong Dinh Chat (1566 - 1627) from Quy Chu (Hoang Hoa) was the son of Duke Luu Dinh Thuong. He passed second-rank doctorate examination at the age of 42. In the summer Quy Mui year (1623), Trinh Xuan rioted, he helped Thanh Vuong (Trinh Trang) quelled the revolt. Thanks to his merits and talent, he was promoted to be finance minister, second chamberlain. He was died in Dinh Mao year (1627) at the age of 62, being bestowed to be the Prince's tutor.

The Temple worshiping Dao Duy Tu at Nguyen Binh commune, Tinh Gia District

Dao Duy Tu (1572 - 1634) was born in Hoa Trai village of Nguyen Binh commune (Tinh Gia). He was one of the dynasty's founders, the brilliant militant, diplomatist and man of culture, being the author of the works *"Ho truong khu co"*, *"Ngoa long cuong*

van" and *"Tu duy van"*. Deserving the credits of helping Nguyen dynasty in economic development and country defence, he was conferred the tittle of Loc Khe hau and worshipped in the Thai Temple.

Nguyen Huu Dat (1604 - 1681) from Gia Mieu, Hoang Long commune (Ha Trung) was one of the backbones of Sai Lord (Nguyen Phuc Nguyen), who was assigned to be the financial mandarin of Quang Binh. He was talented in military strategy, prose and verse, being bestowed to be prince after died.

Le Dinh Kien (1620 - 1704) from Thiet Dinh village of Dinh Truong commune (Yen Dinh) had the credits of building up Hien Street (Hung Yen) into the big trading centre of the country. He was the talent diplomatist and foreign trader, making great contribution to the country's expansion.

Nguyen Quan Nho (1630 - 1709) from Van Ha village of Thuy Nguyen District (present Thieu Hung commune of Thieu Hoa) passed doctoral examination. He held the post of Prime Minister with the tittle of the prince, was so generous and tolerant that being called "Te tuong Van ha thien ha au ca" (the Prime Minister was beloved of all).

Trinh Thi Ngoc Truc (?) was the daughter of Trinh Trang - the official Queen of Le Than Tong king (1619 - 1643). She was said to be the author of the oldest Vietnam Han-Nom dictionary *"Chi nam Ngoc am giai nghia"*.

Le Hy (1646 - 1702) from Dong Khe (Dong Son) passed doctoral examination in 1664. Trusted his talent, the Trinh Lords sent him to China as the King's envoy, nominated him to a post of defence minister and then Prime Minister with the tittle of Lai Son ba. He was the famous historian, being chief editor of the work "Ban ky luc bien".

Nguyen Huu Hao (1647 - 1713) from Gia Mieu village of Ha Long commune (Ha Trung) deserved well of Nguyen Lord in the battles against Trinh Lord, was conferred a post of corporal, then manager and leader of Quang Binh. He also wrote verse story "Song sinh bat da" which was widely handed down among the people. He was posthumously bestowed as "Don hau cong than tran thu".

Nguyen Hieu (1664 - 1753) from Lan Khe village of Nong Truong (Trieu Son) passed first laureate at pre-court competition and court examination at the age of 27. As being talent, loyal and upright, he was used at an important function of Prime Minister. He died in 1735, was bestowed great tutor. Good genius.

Ha Tong Huan (1697 - 1790) from Kim Thanh village of Yen Dinh District passed the first-rank doctorate second-laureate examination when he was 28 years old. As an intelligent and capable person, he was entrusted to discuss the essential military issues in the Lord palace, then co-prime minister and Prime Minister cum taking care of Royal college. When he retired, he was offered to be adviser, promoted to second chamberlain with Prince title. After the death he was bestowed as the First of the prince.

Trinh Tue (also called Trinh Hue, 1704 - ?) from Bien Thuong of Vinh Hung commune (Vinh Loc) lived in Bat Quan commune of Quang Thinh, Quang Xuong. He was the first doctoral candidate in Binh Thin year (1736) under Le Y Tong dynasty. He was the last person of "first doctoral candidate" of Viet Nam. He was the justice minister, headmaster of the Royal college and Prime Minister, being bestowed posthumously as "Huu thi lang".

Nguyen Hoan (1713 - 1791) was the second son of Hung Prince, Nguyen Kim, baring at Thuan Quang, started the caused of Nguyen Lords and Nguyen dynasties.

Ngo Cao Long (19th Century) had courtesy name Lenh Phu, official name Vien Trai, from Hoang Long (Hoang Hoa). In 1807 he was county chief, then moved to Hue to be national historiographer's office. He concurrently was the profound researcher, who wrote many historical books such as *"Lich trieu tap ky"*, *"Ngo man phong tho ky"* and *"Bac Ky tap bien"*.

Nhu Ba Si (1787 - 1867) from Cat Xuyen village of Hoang Cat, Hoang Hoa passed an exam to be

bachelor in 1821. He left office for his homeland to be a teacher, then intended the anti-French provisions, but he died when the work was pending. He was erudite person, who wrote many books about education, culture and history, most typical of which were *"Viet su tam bach vinh"* and *"Thanh Hoa tinh chi"*.

Nguyen Thu (1799 - 1855) (another name was Nguyen Bao) from Nong Truong commune belonging to Trieu Son, passed exam to be bachelor in 1821, held the post of provincial judge and participated in composing Thuc luc tien bien, then became honorary finance minister. He wrote 17 historical, philosophic and literature works including "Le Quy ky su" and "Viet thi tuc bien".

Pham Banh (1825 - 1887) from Truong Xa village of Hoa Loc commune (Hau Loc) passed exam to be bachelor in 1864. He and Dinh Cong Trang set up the bases. He was one of the leaders of Ba Dinh resistance.

Nguyen Don Tiet (1836 - ?) from Hoang Duc village (Hoang Hoa) passed exam to be junior doctor in 1879. Responding to Can Vuong royal proclamation in 1885, he recruited the troops, in co-operation with Hoang Bat Dat insurgent troops attacked the French post in But Son. He was captured in 1886, sentenced at Lao Bao and sacrificed there.

Tong Duy Tan (1837 - 1892) from Vinh Tan, Vinh Loc passed exam to be doctor in 1875, became district chief in Vinh Tuong, provincial judge in Son Tay and chief envoy in Quang Hoa. In 1886, he and his son Tong Nhu Mai conducted Hung Linh resistance, together with Pham Banh, Hoang Bat Dat and Tran Xuan Soan led Ba Dinh troops. He was arrested by the French in Nien Ky cave (Ba Thuoc) and sacrificed at Thanh Hoa town in 1892.

Tran Xuan Soan (1849 - 1923) was born in Tho Lac village of Thanh Hoa city. He was nominated by Hue court the post of commander of a provincial army in 1885, with Ton That Thuyet to organise the anti-French plan. Returning Thanh Hoa, he and the leaders of the insurgent army set up Ba Dinh and Ma Cao bases and was entrusted to garrison at Thach Thanh to support Ba Dinh army. He died in Long Chau (China).

Incense-table worshiping Tran Xuan Soan at the Temple of Dong Tho ward, Thanh Hoa City

Cam Ba Thuoc (1853 - 1895) was born in Trinh Van, Thuong Xuan. In 1895, when Can Vuong movement of Thanh Hoa people developed strongly, he directed the people to set up the Trinh Van anti-French base. Ton That Thuyet nominated him the post in charge of military service to attack Pu Le, Cua Dat posts, causing numerous damage to the enemy. Falling into the enemy's hands, he did not declare anything and bravely sacrificed.

Cao Dien (1853 - 1896) was born in Trinh Son village of Hoang Giang (Hoang Hoa), whom Ton That Thuyet sent to conduct the attack to the French embassy and posts in Hue. After that, he returned Thanh Hoa together with Tong Duy Tan to set up Hung Linh base in Vinh Loc to oppose the French invader. On the way to the north region to contact with Yen The troops of Hoang Hoa Tham, he was arrested at Bac Giang town and executed by guillotine in Thanh Hoa town.

Le Quat (?), with courtesy name Ba Dat, official name Mai Phong, was born in Phu Ly village (present Thieu Trung, Thieu Hoa). He used to be minister, emissary and was so versed in literature that the saying "literature Le - Pham" (mean Le Quat and Pham Su Manh) has been passed by tradition so far.

Phần II

CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Part II

THE SOCIAL ORGANIZATIONS

MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH THANH HOÁ

CẦU NỐI VỮNG CHẮC GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN

HÀ VĂN THƯƠNG
Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá

Hơn 70 năm phấn đấu cho sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá đã không ngừng phát huy giá trị truyền thống và phẩm chất cách mạng cao quý, nâng cao năng lực, làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà Đảng bộ tỉnh và nhân dân giao phó.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá đã kế thừa và phát huy cao độ truyền thống của cha anh, biến truyền thống đó trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng Thanh Hoá giàu đẹp theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn.

Bí thư Tỉnh uỷ Trịnh Trọng Quyền cùng các đồng chí lãnh đạo Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá tới thăm đồng bào dân tộc

Đoàn kết các tầng lớp nhân dân đấu tranh giành chính quyền

Ngày 18-11-1930, Hội Phản đế Đồng Minh ra đời - tổ chức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam. Cùng thời gian đó, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức và lãnh đạo các phong trào quần chúng như Công hội Đỏ "Phản đối đánh đập, cúp phạt", Nông hội Đỏ (nổi bật là cuộc đấu tranh của Nông hội làng Long Linh Nội và Long Linh Ngoại chống lễ "Thượng điền", giải tán "Làng chức sự", chia lại ruộng đất công và cây lưu niên cho dân làng), kêu gọi hưởng ứng phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Năm 1936, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, Chiến tranh thế giới lần thứ hai đang đến gần, tổ chức lực lượng cách mạng của quần chúng và công tác Mặt trận trở thành trọng điểm thảo luận tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá đã có nhiều hình thức tập hợp quần chúng, vừa công khai hợp pháp, vừa bí mật hoạt động. "Hội tương tế ái hữu" được thành lập ở khắp nơi, các hội quần chúng theo nghề nghiệp phát triển mạnh. Toàn tỉnh có trên 15 nghìn người tham gia các tổ chức ái hữu, trong đó có 900 hội viên phụ nữ dân chủ, 15 nhóm thanh niên và 18 uỷ ban vận động cách mạng. Phong trào Đông Dương Đại hội, đấu tranh nghị trường, vận động quần chúng đòi các quyền lợi thiết thực đã lôi kéo được cả giai cấp tư sản, một bộ phận tầng lớp địa chủ và kể cả những người Pháp tiến bộ tham gia. Đó là cơ sở cho phong trào Mặt trận Dân chủ tỉnh Thanh Hoá hoạt động. Ngoài ra, Đảng bộ tỉnh đã chú ý xây dựng lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang, tiến tới thành lập chiến khu Ngọc Trạo năm 1941. Phong trào Phản đế Cứu quốc và chiến khu Ngọc Trạo là một

trong những cuộc đọ sức đầu tiên của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thanh Hoá đối với bọn đế quốc.

Tháng 5-1941, Trung ương Đảng thành lập Việt Nam Độc lập Đồng Minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Trong thời gian này, do chưa bắt được liên lạc với Trung ương nên Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá vẫn tiếp tục củng cố tổ chức Mặt trận Phản đế Cứu quốc tỉnh Thanh Hoá. Tiếp đó, thành lập "Thanh Hoá ái quốc hội" (một hình thức mặt trận để tập hợp, đoàn kết các phần tử yêu nước trong mặt trận cứu nước, giải phóng dân tộc) là tiền thân của Mặt trận Việt Minh Thanh Hoá.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Mặt trận Việt Minh Thanh Hoá đã tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kết thúc 80 năm nô lệ, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng từ tỉnh xuống cấp cơ sở, cùng nhân dân cả nước lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong thời gian này, vấn đề cấp bách đặt ra cho Mặt trận là phải tập trung giải quyết nạn đói, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, trồng hoa màu ngắn ngày cứu đói. Cuối năm 1945, toàn tỉnh đã quyên góp được 1.076 tấn gạo cứu đói. Năm 1946, nhờ được mùa, nạn đói bị đẩy lùi, đời sống nhân dân dần ổn định. Cùng với chống đói, Mặt trận còn tích cực vận động phong trào chống giặc dốt, mở mang kiến thức cho nhân dân.

Đoàn kết toàn dân xây dựng, bảo vệ hậu phương kháng chiến chống thực dân Pháp

Ngày 20-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Thanh Hoá. Trong chuyến thăm này, Người đã giao cho nhân dân xứ Thanh xây dựng Thanh Hoá thành một tỉnh kiểu mẫu, hậu phương vững mạnh toàn diện. Người dạy: "Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu... làm một người kiểu mẫu, một nhà kiểu mẫu, một làng kiểu mẫu". Thực hiện lời dạy của Bác, những chủ trương của Tỉnh uỷ, Việt Minh và Hội Liên Việt đã tích cực vận động giáo dục tư tưởng cho quần chúng thông qua các tổ chức thành viên như Công hội, Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên, Công giáo, Phụ lão, Đảng Dân chủ phát động các phong trào thi đua yêu nước rộng khắp, trên mọi mặt trận: sản xuất, văn hoá - giáo dục, y tế, quốc phòng, v.v. tiếp tục động viên đoàn kết toàn dân củng cố hậu phương chi viện kháng chiến để giành thắng lợi.

Qua 9 năm trường kỳ kháng chiến, Mặt trận Dân tộc Thống nhất tỉnh đã phấn đấu trở thành "một trong những trụ cột của Nhà nước Dân chủ Nhân dân, là sức mạnh vô biên của cuộc kháng chiến kiến quốc, là cơ sở quần chúng rộng rãi làm thành áo giáp vững bền của Đảng để đánh thắng quân xâm lược và bọn tay sai". Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất tỉnh Thanh Hoá tiếp tục chuyển sang giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Động viên toàn dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước

Bước vào thời kỳ mới, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hoá phải khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai. Mặt trận Liên Việt tỉnh Thanh Hoá nay đã đổi tên thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá, đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu trên mọi lĩnh vực về kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng.

Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, các tầng lớp nhân dân Thanh Hoá đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Tổ quốc tỉnh, ra sức thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng chiến đấu, chuyển hướng phát triển kinh tế, văn hoá, giao thông vận tải trong thời chiến để đánh thắng đế quốc Mỹ. Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã động viên quân và dân thi đua thực hiện các nhiệm vụ của Tỉnh uỷ đề ra. Gắn các phong trào thi đua của đơn vị với phong trào thi đua "Ba giỏi", đánh thắng đế quốc Mỹ như: Hội Phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang", Đoàn Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng", ngành giáo dục có phong trào "Hai tốt thắng Mỹ", ngành văn hoá có phong trào "Tiếng hát át tiếng bom", lực lượng vũ trang có phong trào thi đua "Ba nhất", các hợp tác xã nông nghiệp có phong trào "5 tấn 2 can thắng Mỹ", ngành sản xuất thủ công nghiệp có phong trào "lửa thành công",v.v..

Tăng cường sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành sự nghiệp đổi mới

Sau khi kết thúc chiến tranh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá đã phối hợp thống nhất hành động

với các tổ chức thành viên, các tầng lớp nhân dân, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai, đẩy lùi âm mưu đen tối của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

Cùng với đổi mới kinh tế, Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh Thanh Hóa đã kiên quyết đổi mới, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo quản lý và phương thức công tác. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh, mạnh dạn đổi mới tư tưởng nhận thức, tổ chức và phương thức hành động, nâng cao khả năng tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Trong 15 năm đầu thời kỳ đổi mới, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá đã phát động một số phong trào nổi bật là cuộc vận động toàn dân tham gia cảm hoá giáo dục những người lầm lỗi trên địa bàn dân cư và cuộc vận động xây dựng gia đình, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo. Tổ chức cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư do Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Đảng và Mặt trận đã góp phần tạo nên thành quả to lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực xã hội, là tiền đề cần thiết đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quê hương.

Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hoá luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo và bằng sự phấn đấu nỗ lực của chính mình, đã tạo ra nội lực to lớn tập hợp đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của Đảng. Đây là truyền thống vẻ vang, đồng thời là cơ sở cho chúng ta giữ vững niềm tin tất thắng vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc, ra sức thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sớm xây dựng Thanh Hoá thành tỉnh kiểu mẫu như sinh thời Bác Hồ hằng mong muốn.

THANH HOA COMMITTEE OF VIETNAM FATHERLAND FRONT

A SUSTAINED LINKAGE BETWEEN THE COMMUNIST PARTY AND PEOPLE

By **HA VAN THUONG**
Chairman of Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front

Over 70 years striving for the great national unity and successfully following the Party's revolutionary guidelines, Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front has continuously brought traditional values and noble revolutionary qualities into play. The Front has fulfilled well the glorious historical missions entrusted by the municipal Party Committee, and the local people along with its growing capacity.

Following the direction of the municipal Party Committee, Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front has continued well and made its predecessors' traditions the revolutionary heroism. In that way, the Front has made worthy contributions to the nation's liberalisation and union, and to building a beautiful and prosperous Thanh Hoa in the socialist orientation as expected by the Communist Party and President Ho Chi Minh.

Uniting classes of people in the struggle for political power

On November 18th 1930, the Anti-imperialism Coalition was established as the first organisation of

the Vietnam National United Front. The provincial Party Committee organised and led such public movements as the Red Union's "No beating and no punishing", Red Peasant's Association (typically the peasants' fights in Long Linh Noi and Long Linh Ngoai villages against Thuong Dien festival (dedicated to the Earth God at the beginning of a crop), "Lang chuc su", and re-allocated field and perennial crops for the local people), and the response to Xoviet Nghe Tinh movement.

The world experienced sophisticated changes in 1936 when the Second World War was coming. The people's revolutionary forces and the Front's operation became the key matters to be discussed at the Central Committee of the Party's Congress. The Congress decided to establish the Indochina Democratic Front. Under the direction by the Central Committee, Thanh Hoa Party Committee congregated the mass people by different ways and worked both legally and secretly. "The Association of Mutual Help" has been established everywhere along with the strong expansion of the public occupational associations. All over the province, more than 15,000 people participated the Mutual Help associations, including 900 democratic women union's members, 15 teams of young people and 18 revolutionary propaganda commissions. The Great Indochina Association (Dong Duong Dai Hoi) movement, parliament struggles and mass propaganda for people's practical rights have attracted the participation of the bourgeoisie, landowners and advanced French people, which became essential base for the movement of Thanh Hoa democratic front. Besides, the municipal Party Committee focussed on the building of political forces in addition to the armed forces, geared to the establishment of the Ngoc Trao Base in 1941. Ngoc Trao Base and the Anti-imperialism movement were two of the first fights between Thanh Hoa Party Committee and people and the imperialism.

In May 1941, the Central Committee of the Party established Vietnam Doc lap Dong Minh (Vietnam Independence Coalition), which is called Viet Minh Front in short. During the time, Thanh Hoa Party Committee continued consolidating the Thanh Hoa Anti-imperialism for National Salvation Front since the contact with the Central Party Committee had not been set up. Subsequently, Thanh Hoa Patriotic Association (a kind of front for the congregation and solidarity of patriots in the national salvation and liberation front) was established as the precursor of Thanh Hoa Viet Minh Front.

Following the direction by the municipal Party Committee, Viet Minh Thanh Hoa Front gathered and united the people of different classes, ethnic groups and religions to make the success of the August Revolution in 1945 that ceased the 80 years of being slaves. The people's revolutionary government of provincial and lower levels was established along with the establishment of Vietnam Republic Democratic. During the time, the Front faced an urgent problem of solving the famine, intensifying production expansion and crop cereals to save the starvation. By the end of the year 1945, totally 1,076 tonnes of rice had been raised for the starvation resistance. Subsequently, the bumper crop in 1946 controlled the famine and gradually stabilised the local people's life. Besides the starvation resistance, the Front actively implemented the movement of illiteracy eradication and knowledge widening.

Uniting the mass people to protect and reinforce the revolutionary rear for the war against the French colonists

On February 20th 1947, President Ho Chi Minh paid a visit to Thanh Hoa. On his visit, the President entrusted Thanh Hoa people with the task to build Thanh Hoa a sample province, a perfect and firm rear. "Thanh Hoa must become a sample province... sample person, sample family and sample village" - said President Ho Chi Minh. Following his words, the municipal Party Committee, Viet Minh Front and Vietnam Aligned Association positively propagandised the ideology education to the mass people through the medium of the membership organisations such as Worker's Union, Peasant's Union, Women's Union, Youth Union, Catholicism, Elder's Union and the Democratic Party. Nation-wide patriotic emulation movements were also mobilised in all fields: production, industry, national defence, culture, education and health, etc., encouraging the nation-wide unity for the rear supply to the revolution's success.

After nine years of the enduring war, the National United Front became "one of the backbones of the people's democratic State, great strength of the war for the nation building and a sustained armour for the Communist Party's struggle against the invaders and their lackeys". The history of Thanh Hoa National United Front turned to the period of socialism building in the north and liberalisation war in the south for the nation unification.

Mobilising the mass people for the socialism building, fighting against the American invaders for the nation salvation and unification

Entering the new period of time, Thanh Hoa Party Committee and people had to surmount the serious effects caused by the wars and natural disasters. Thanh Hoa's Vietnam Aligned Front was then renamed Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front. The Front encouraged the people of different classes all over the province to intensify the patriotic emulation movement and successfully pursue all the economic, cultural, social and national defence's targets.

With the profound belief in the Communist Party and President Ho Chi Minh's lucid guidelines, Thanh Hoa people of all classes were closely united in Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front, striving for the success of the Party Committee's Resolutions on preparing the people's war strategy and the armed forces, and converting to economic, cultural and transport development to defeat the American imperialism. The municipal National Front made good encouragement for the local soldiers and people to emulate for the excellent implementation of the Party Committee's Resolutions. Organisations' emulation movements were attached to the "Three Excellent" movements of the province in the war against the American imperialism, "Three responsibilities" movement of the Women's Union, "Three Ready" of the Youth Union, "Two Good against the American" movement of the education sector, "Singing voice is louder than the bombing sound" of the cultural sector, "three Bests" of the armed forces, "Five tonnes and two cans against the American" of the agricultural co-operatives, and "successful fire" of the handicraft production sectors, etc.

Reinforcing the nation-wide unity for the nation building and protection, renovation implementation

Since the end of the war, Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front have co-operated with its member organisations and people of different classes to soon overcome the war's consequences and natural disasters, control the enemies' villainous conspiracies against Vietnamese revolution, restore and develop production and stabilise the people's life.

Along with the economic renovation, the municipal Party Committee and the political system have been determined to first renovate the economic thinking, organisation, management and working methods. Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front has closely followed the municipal Party Committee's political responsibilities, daringly renovated their awareness ideology, action organisation and methods thus reinforcing the capacity to unite classes of people for the nation building and protection. During the first 15 years of the Renovation, Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front has put forward some movements. Typically, the movement of paragon adults and pious children and the movement of setting up new life in residential areas led by the Central Committee of Vietnam Fatherland Front. The Party and Front have made a great contribution to the overall achievements in all social fields as an essential premise for the acceleration of the country's industrialisation and modernisation.

Following the honourable leading flag of the Party and with the close direction by the municipal Party Committee, Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front has made great efforts to create great internal strength, gather people in solidarity for the successful pursuit of any tasks entrusted by the Party. That is a glorious tradition and also a firm premise for Vietnamese people to hold on the belief in the nation's bright future and to strive for the successful renovation of the country for the aim of: "Wealthy people, prosperous country, fair, democratic and civilised society" towards the socialism, and soon build Thanh Hoa a sample province as expected by Uncle Ho when alive.

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH THANH HOÁ

TRƯỞNG THÀNH CÙNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sau 57 năm kể từ khi thành lập (1946 - 2003), Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hoá luôn xứng đáng là tổ chức tin cậy của giai cấp công nhân, là lực lượng nòng cốt cùng nhân dân tỉnh Thanh Hoá thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, cũng như trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lực lượng xung kích trong kháng chiến

Trong bối cảnh toàn quốc kháng chiến, Liên đoàn Lao động Thanh Hoá đã đổi tên thành Liên hiệp Công đoàn Thanh Hoá. Trong thời kỳ này, mặc dù lực lượng còn phân tán, nhưng đoàn viên và tổ chức công đoàn luôn là lực lượng xung kích trên mọi trận tuyến nóng bỏng nhất; tham gia tích cực vào tổ chức sản xuất vũ khí tại các công binh xưởng (xưởng Đức Huấn, xưởng Phạm Hồng Thái,v.v.), phát động và duy trì rộng rãi phong trào thi đua "gây cơ sở, phá kỷ lục". Ngoài ra, Liên hiệp Công đoàn Thanh Hoá còn đảm nhận trước Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh nhiệm vụ huy động công nhân tham gia vào các chiến dịch Trung du - Hoà Bình - Bình Trị Thiên - chiến dịch Tây Bắc - Thượng Lào, sát cánh cùng giai cấp nông dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng. Với những thành tích xuất sắc trên tất cả các lĩnh vực, Công đoàn Thanh Hoá đã góp phần xứng đáng vào chiến công của dân tộc, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Truyền thống vẻ vang đó càng được phát huy trong thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng chủ

Trước Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), Thanh Hoá đã hình thành một đội ngũ công nhân đông đảo làm việc trong các lâm trường, công xưởng, nhà máy, hầm mỏ v.v.. Đồng thời, Thanh Hóa cũng là một địa phương có phong trào công nhân phát triển khá mạnh mẽ, nhất là từ khi Đảng bộ tỉnh được thành lập. Tháng 9-1931, đồng chí Nguyễn Văn Hoài - Đảng viên đầu tiên của Nhà máy Diêm Hàm Rồng từ Nghệ An trở về Thanh Hoá, vận động thành lập Công hội Đỏ (sau này được đổi tên thành Hội Công nhân Cứu quốc), tổ chức rải truyền đơn, kêu gọi công nhân đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm. Cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy Diêm Hàm Rồng đã đánh dấu một bước phát triển mới của lực lượng công nhân Thanh Hoá. Bởi đây là lần đầu tiên ở Thanh Hoá, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Công hội, cuộc đấu tranh đã thu hút sự tham gia của công nhân toàn nhà máy và giành được thắng lợi.

Sau này, phong trào đấu tranh dân chủ phát triển mạnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều tổ chức hội đã được hình thành như: Hội Tương tế ái hữu, Hội tương thân tương ái, v.v. và đã trở thành nòng cốt của phong trào công nhân trong tỉnh. Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 20-6-1946, Đại hội Công nhân Cứu quốc nhóm họp, quyết định đổi tên Hội Công nhân Cứu quốc thành tổ chức Công đoàn và quyết định thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Theo đó, Hội Công nhân Cứu quốc Thanh Hóa được đổi tên thành Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hoá. Từ đó, giai cấp công nhân Thanh Hóa đã có tổ chức của riêng mình, xứng đáng là lực lượng tiên phong lãnh đạo cách mạng, là đội quân chủ lực đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh.

nghĩa xã hội, cùng miền Nam quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tại thời điểm này, sản xuất là nhiệm vụ trọng tâm số 1. Vì thế, cùng với chủ động đánh địch, Liên hiệp Công đoàn Thanh Hoá tập trung cao độ vào việc tổ chức các phong trào thi đua như: tổ đội sản xuất xã hội chủ nghĩa, "mỗi người làm việc bằng hai", cuộc vận động "đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế, văn hoá miền núi" và các phong trào khác do Liên hiệp Công đoàn tỉnh phát động. Những phong trào này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, chính trị của tỉnh. Đặc biệt, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã chỉ đạo công đoàn các cấp tích cực cải tiến lề lối, tác phong làm việc, cử cán bộ xuống cơ sở trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, kết hợp tốt quan hệ Đảng - Đoàn thanh niên - Công đoàn trong công tác chỉ đạo, đồng thời phát huy ý thức làm chủ tập thể của mỗi người.

Với những thành tích mà phong trào công nhân viên chức và Công đoàn Thanh Hoá đạt được trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chủ tịch đã trao tặng các danh hiệu cao quý:

- 2 cờ thi đua phục vụ tiền tuyến khá nhất.
- 1 cờ "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".
- 57 huân chương các loại.
- 8 đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang.
- 10 anh hùng lao động, 26 anh hùng lực lượng vũ trang.
- 2.063 lượt tổ đội đạt danh hiệu lao động xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Liên hiệp Công đoàn Thanh Hoá tập trung chỉ đạo tổ chức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, khai thác mọi tiềm năng về vật tư, thiết bị,v.v. phấn đấu thực hiện các mục tiêu lao động - xã hội, đồng thời giáo dục, động viên công nhân viên chức thực sự phát huy tinh thần làm chủ trong sản xuất.

Vượt qua thách thức - vững tiến vào tương lai

Trong sự nghiệp đổi mới, đội ngũ công nhân lao động Thanh Hoá vẫn giữ được truyền thống cách mạng, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong các phong trào, là đội ngũ chủ lực đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của quá trình sắp xếp lại các doanh nhiệp nhà nước, cũng như sự phát triển vũ bão của khoa học - công nghệ, số lượng công nhân giảm đáng kể so với những năm 80 của thế kỷ XX (số lượng công nhân viên chức đã giảm từ 15 vạn người năm 1985 xuống còn 8.2 vạn người năm 2002). Số lượng lao động giảm, đòi hỏi chất lượng lao động phải tăng lên; nhưng nhìn chung, ở Thanh Hoá, tay nghề của đội ngũ công nhân còn thấp và không đồng đều, thợ lành nghề và thợ bậc cao chiếm tỷ lệ nhỏ.

Nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân trở thành vấn đề bức thiết đối với Đảng bộ và Công đoàn tỉnh, cũng như đối với chính bản thân người lao động. Đảng bộ và Công đoàn tỉnh Thanh Hóa đã xác định: đây là yêu cầu cơ bản để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, công tác đào tạo lại cũng như các chính sách giải quyết việc làm, chăm lo đến đời sống vật chất - tinh thần của công nhân rất được chú trọng, nhằm giúp lực lượng công nhân xứng đáng là lực lượng nòng cốt, xung kích trong sự nghiệp đổi mới.

Giai cấp công nhân Thanh Hoá - lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Foto: Tư Liệu

Bên cạnh đó, xác định công tác tổ chức cũng là vấn đề cốt yếu dẫn đến thành công. Do vậy, Liên đoàn Lao động tỉnh đã chăm lo xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh để đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới công tác tổ chức cán bộ (giảm dần cán bộ chuyên trách) nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện tốt chức năng là người đại diện bảo vệ cho quyền lợi của lực lượng công nhân viên chức. Ngoài ra, tổ chức Công đoàn còn đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng, tăng cường các hoạt động xã hội, phát triển công đoàn ngoài quốc doanh để tăng cường vai trò và sức mạnh của tổ chức công đoàn.

Với những nỗ lực không biết mệt mỏi, trong những năm gần đây, Công đoàn tỉnh Thanh Hoá đã không ngừng phát triển cả về lượng và chất. Công nhân viên chức và tổ chức công đoàn luôn gương mẫu đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn (chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, chuyển đổi giống cây trồng, thực hiện tốt chương trình xoá đói giảm nghèo của Chính phủ, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, v.v.) cũng như trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tham gia xây dựng đời sống văn hoá. Phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo được nhân rộng ở phần lớn các cơ sở; nhiều công trình, sản phẩm, đề tài khoa học và các hoạt động chuyên đề được xây dựng và thực hiện đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện mục tiêu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra: "Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa đã tích cực triển khai các chương trình hành động với các mục tiêu tổng quát: "Tích cực góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời đại mới. Đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế, nâng cao trình độ cán bộ, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đề ra".

THANH HOA PROVINCIAL FEDERATION OF LABOUR

GROWING UP WITH THE WORKER CLASS

Over 57 years since establishment (1946 - 2003), Thanh Hoa provincial Federation of Labour has always been the dependable organisation of the worker class. Together with Thanh Hoa people, the Federation has acted as the driving force to successfully implement the local political - economical - social tasks during the two great struggles for the national defence as well as in the cause of the country's industrialisation and modernisation.

Assaulting force in the struggle

In the context of the whole nation's struggle, Thanh Hoa Federation of Labour was renamed Thanh Hoa Trade Union. During that period, despite the disperse force, the Trade Union and its members always assaulted in the most hot fronts, actively participated in producing weapon at the military workshops (eg. Duc Huan and Pham Hong Thai workshops etc.), launched and spread the competition movement of "creating bases, breaking the record". Besides, in front of the provincial Administration Resistance Commission, Thanh Hoa Trade Union

Before the August Revolution (in 1945), Thanh Hoa set up the full worker staff, who worked in the afforestation yards, workshops, factories and mines. Concurrently, Thanh Hoa was also the locality with strongly developed worker movements, especially after the establishment of the Party's Committee. In September 1931, Nguyen Van Hoai the first Party Member of Ham Rong Match Factory, who returned Thanh Hoa from Nghe An, mobilised setting up the Red Union (later renamed the Worker Union for National Salvation), organised leaflets distribution calling on the workers to fight for raising salary, reducing working time. The fight of Ham Rong Match Factory marked the new development pace of Thanh Hoa working force, because that was the first time in the province, under the Red Union's leadership, the fight attracted participants of the entire factory and obtained success.

Later on, the democratic struggling movement strongly developed. Under the Party's leadership, many organisations were set up including the Union for Mutual help, Union for Mutual Affection and Love etc., which became the core of the worker movement in the province. Realising the Party's policy, on June 20th 1946, the Congress of 'National Salvation Workers' was held, decided to rename the 'Worker Union for National Salvation' to the 'Trade Union' and establish 'Viet Nam General Confederation of Labour'. Accordingly, 'Thanh Hoa Worker Union for National Salvation' was renamed to 'Thanh Hoa provincial Federation of Labour'. Thanh Hoa worker class had its own organisation that deserved the vanguard leading the revolution, the driving force making crucial contribution to the cause of the provincial socio - economic - cultural development since then.

also took on the task of mobilising the workers participate in the campaigns of Midland - Peace - Binh Tri Thien - Tay Bac - Upper Laos, side by side with the farmer class successfully carried out all revolutionary duties. With the comprehensive excellent achievements, Thanh Hoa Trade Union has made deserved contribution to the national feat and Dien Bien Phu world-shaking victory.

That glorious tradition was further developed in the area of socialism construction in the North and struggle against American invader in the South. At that time, production was put on top priority. Hence, along with actively fighting with enemy, Thanh Hoa Trade Union focused on organising the competitions such as socialist production teams, "every one works double", "the lowlanders take part in developing mountainous economy and culture" and the other ones launched by the provincial Trade Union. Such movements made active contribution to the provincial political socio-economic development. Particularly, the provincial Trade Union conducted Trade Unions of lower levels to improve working style, sent the cadres to the bases to directly deal with difficulties in production, intensified supervising work, effectively combined the relationship of the Party - Youth Union - Trade Union in the instruction, concurrently developed the spirit of collective ownership of each person.

Thanks to the achievements obtained in the cause of anti-American struggle and national salvation, Thanh Hoa labourers and Trade Union were awarded the noble titles by the National Assembly, Government and President Ho Chi Minh:

- Two stimulation flags for the front best supporting;
- One flag of "Resolutely defeat American aggressor";
- 57 Orders of different kinds;
- Eight Heroic Units of the Armed Force;

- Ten Labour Heroes, 26 Heroes of the Armed Force;
- 2,063 groups and teams worth socialism labour appellation.

After the nation unification, Thanh Hoa Trade Union centred on organising the movements on production emulation, economy implementation, exploitation of the material and equipment potentials, striving to realise the socio-labour targets, simultaneously educated and mobilised the workers and officials to develop the ownership spirit in the production.

Overcoming the challenges, firmly stepping into the future

In the cause of "Doi Moi" (renovation), Thanh Hoa workers has maintained the revolutionary tradition, worthy to be the vanguard in the movements, the key force playing important role in the provincial economic and socio-cultural expansion. However, being affected by the process of rearranging the State own enterprises as well as the stormy change of science - technology, the number of workers and officers reduced considerably compared to the 1980s (from 150,000 in 1985 to 8,200 in 2002). Although the labour quantity reduction requires improvement in quantity, the workers professional skills in Thanh Hoa in general are still low and unequal with only a limited number of skilful and high-grade workers.

Enhancing the workers' quality becomes the urgent problem for the provincial Party's Committee and Trade Union as well as for the labourers. That requirement is defined as the basic requirement on successful implementation of the national industrialisation and modernisation. The importance has been attached to retraining and the policies on generating employment, taking care of the workers' material and spiritual life with an aim of helping the workers become the backbone, the assault in the innovation era.

Moreover, defining the organisation as the decisive factor for the success, the provincial Federation of Labour has paid attention to building up the strong trade union to satisfy the social development, renewed the content and operation mode, renovated personnel organisation (gradually reduce the specialised cadres) targeted at effectively carrying out the function of the representative protecting labourers' interest. Besides, the Trade Union has also diversified the ways of mobilising the masses, enhanced the social activities, expanded trade union in the non-state enterprises to raise the trade union's role and strength.

With non-stop efforts in recent years, Thanh Hoa Trade Union has constantly improved in both quality and quantity, being the leader in the industrialisation, agricultural modernisation and rural development. The performance includes transferring technical advances in agriculture, converting crop-seeds, implementing the Government program of hunger elimination and poverty eradication, setting up rural infrastructure) as well as in the industrialisation production and building cultural life. The emulation movements for excellent and creative labourers have been widely spread out in the bases, a number of works, products, scientific theses and the specialised activities have been set up and implemented, contributing a great deal in the provincial socio-economic growth.

On implementation of the target set by the Ninth Party Congress "Focusing on speeding up industrialisation, modernisation, building up Viet Nam with the rich people, powerful country, equitable, democratic and civilised society", Thanh Hoa Federation Labour deployed actively the action programs with the total aims "Actively contribute to set up strong worker class, worthy the leading force in the national industrialisation and modernisation, play a role leading revolution in the new area. Boosting expansion union members and trade union in the economic sectors, enhancing the officials' qualification, renovating operation content and method of the trade union. Constructing powerful trade unions, taking part in building up clean, strong Party and State, making contribution to the success implementation of the socio-economic development tasks entrusted by the provincial authorities."

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN THANH HOÁ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Từ khi thành lập đến nay (tháng 3-1998), Đoàn Thanh niên Thanh Hoá đã qua 7 lần đổi tên để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước. Nhưng ở bất kỳ thời điểm lịch sử nào, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, Đoàn Thanh niên Thanh Hoá đã góp phần viết nên những trang sử vẻ vang cho quê hương. Từ hào khí của các phong trào "Ba sẵn sàng", "Năm xung phong", "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với những cái tên: Tô Vĩnh Diện, Lê Công Khai, Lò Văn Bường, Lê Mã Lương, Nguyễn Bá Ngọc, Ngô Thị Tuyến, Lê Đình Chinh đã khắc sâu vào hàng triệu con tim, khối óc và trở thành biểu tượng sáng chói trong tâm hồn các thế hệ trẻ Việt Nam.

Bước vào thời kỳ mới, thế hệ trẻ Xứ Thanh được hưởng những thành quả tốt đẹp của sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo. Là cháu con của một dân tộc anh hùng, một miền quê giàu truyền thống cách mạng, trọng đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", thế hệ trẻ luôn nhận thức rõ: để có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc như ngày hôm nay là do thành quả của cuộc trường chinh bền bỉ và quyết liệt, tinh nguyện chiến đấu hy sinh của bao thế hệ thanh niên đi trước. Họ luôn trân trọng và coi đó là những tấm gương sáng, là niềm tự hào, là động lực cổ vũ lớp trẻ hôm nay và mai sau trên con đường mưu sinh, lập nghiệp và xây dựng đất nước.

Lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo Trung ương Đoàn với các trí thức trẻ tình nguyện
Foto: Tư Liệu

Từ công tác giáo dục tư tưởng

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên trong giai đoạn cách mạng mới, vấn đề rèn luyện phẩm chất, đạo đức, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nâng cao ý thức công dân, đặc biệt là định hướng lý tưởng, là điều cần thiết nhất đối với thế hệ trẻ. Câu hỏi: Sống thế nào? Sống để làm gì? Sống cho ai? Phải làm gì để cống hiến cho xã hội, cộng đồng? Làm sao gắn lợi ích của mình vào lợi ích của đất nước?... luôn thường trực và thôi thúc mỗi cán bộ, đoàn viên thanh niên xứ Thanh. Bởi vậy trong những năm qua, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên thanh niên đã được các cấp bộ đoàn đặc biệt chú trọng. Các phong trào đã lôi cuốn hàng triệu lượt cán bộ đoàn viên thanh niên tham gia, nhất là việc quán triệt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện chương trình giáo dục về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống, tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, nâng cao hiểu biết về dân số - sức khoẻ -

môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội cho đoàn viên thanh niên. Nhiều hình thức sinh hoạt, hoạt động tuyên truyền được thực hiện. Nhiều cuộc thi tìm hiểu được tổ chức thường xuyên như cuộc thi tìm hiểu: "Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, đất nước phồn vinh tiến vào thế kỷ XXI", "Truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ", "Tuổi trẻ Việt Nam 65 năm dựng nước và giữ nước"... đã góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho đoàn viên thanh niên.

Những định hướng về tư tưởng đã mang lại kết quả khá quan: 100% cơ sở đoàn được trang bị kiến thức 5 bài học lý luận chính trị, với 80% số đoàn viên thanh niên tham gia. Đồng thời, phát động quyên góp ủng hộ 1,5 tỷ đồng xây dựng phòng học cho học sinh vùng cao còn gặp nhiều khó khăn, 1,5 tỷ đồng xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong chiến thắng, hơn 70 đợt tổ chức truyền thông, tạo dựng 142 câu lạc bộ thanh niên, 150 câu lạc bộ thanh niên phòng chống tệ nạn xã hội, hàng trăm triệu đồng "Quỹ vì bạn nghèo", "Quỹ khuyến học" và lập sổ tiết kiệm tặng các mẹ Việt Nam Anh hùng, ủng hộ đồng bào lũ lụt.

Các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao, các hoạt động nhân đạo từ thiện, uống nước nhớ nguồn và các hoạt động xã hội khác đã trở thành hoạt động thường xuyên, tạo thành phong trào sôi nổi trên địa bàn toàn tỉnh. Từ những phong trào hấp dẫn do Đoàn phát động đã phát hiện những tài năng trẻ đem lại vinh quang cho quê hương và Tổ quốc. Đó là Nguyễn Thị Nhung vô địch cờ vua thế giới lứa tuổi 12, đoàn viên Lưu Văn Hùng - giải nhì maraton quốc tế, 8 năm liền vô địch giải Việt dã báo *Tiền phong*, Đào Xuân Thắng vô địch thế giới môn Pencatxilat nam, đoàn viên Trịnh Thị Mùi vô địch thế giới về pencatxilat và nhiều lần vô địch khu vực Đông Nam Á, cô còn là một trong 10 vận động viên tiêu biểu toàn quốc năm 1999, v.v..

Hiện nay, Đoàn Thanh niên Thanh Hoá có 869.546 thanh niên, trong đó có 408.162 đoàn viên thanh niên. Qua quá trình hoạt động, tuổi trẻ Thanh Hoá được Đảng quan tâm giáo dục và rèn luyện, tạo môi trường thuận lợi để tu dưỡng, phấn đấu và trưởng thành. Trong nhiệm kỳ (1997 - 2002), toàn tỉnh đã kết nạp được 105.000 đoàn viên mới, 14.626 đoàn viên ưu tú vinh dự được kết nạp Đảng (tăng 2 lần so với nhiệm kỳ trước), tỷ lệ đảng viên mới trong độ tuổi thanh niên chiếm 61%. Tỷ lệ cơ sở Đoàn vững mạnh, khá, tăng nhanh, số cơ sở Đoàn vững mạnh là 925 (đạt 72,5%, tăng 15,5%), đã có 1.813 chi đoàn tái thành lập và thành lập mới. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập 24 Uỷ ban Hội cấp huyện, 544 chi hội cơ sở với 408.162 hội viên.

Sự chỉ đạo, tổ chức có hiệu quả các hình thức giáo dục chính trị - tư tưởng cho đoàn thanh niên của các cấp bộ đoàn đã cho thấy lý tưởng của đại bộ phận thanh niên đang phấn đấu vì độc lập, thực hiện "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đồng thời, trong những năm qua, các cấp bộ đoàn đã cụ thể hoá công tác giáo dục bằng nhiều nội dung và hình thức phù hợp, thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia, qua đó vị trí, vai trò của tổ chức Đoàn trong xã hội và trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội được khẳng định rõ nét.

Đến những thành quả lớn

Trong lực lượng trẻ, đoàn viên thanh niên nông thôn là lực lượng đông đảo, luôn cần sự quan tâm của lãnh đạo Đoàn các cấp để thực hiện tốt công cuộc xây dựng nông thôn mới, hình thành lớp thanh

niên năng động, sáng tạo trong làm kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương. Trong thời gian qua, thanh niên nông thôn đã đảm nhận thực hiện và hoàn thành 679 công trình tình nguyện cấp huyện, hơn 22.000 công trình tình nguyện cấp cơ sở, đào đắp hàng triệu m^3 đất đá, hàng trăm nghìn km đê điều, kè, đập, kênh mương, các công trình thuỷ lợi, công trình giao thông,v.v.. Đảm nhận triển khai 3 tỷ đồng vốn vay hỗ trợ sản xuất cho đoàn viên thanh niên thuộc 4 huyện (Như Thanh, Như Xuân, Đông Sơn, Ngọc Lặc) và chỉ đạo có kết quả 28 dự án hỗ trợ vốn theo chương trình 120 với tổng trị giá 1,2 tỷ đồng, góp phần giải quyết việc làm cho hàng vạn đoàn viên thanh niên, thành lập được 19 câu lạc bộ "Thanh niên nông thôn với kỹ thuật nghề nông", 75 điểm trình diễn, thu hút hơn 6.000 lượt đoàn viên thanh niên tham gia nhằm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi... góp phần tăng sản lượng lương thực của tỉnh. Thanh niên khối công nhân viên chức và thành phố, thị xã đã có nhiều đóng góp cho quê hương bằng các công trình nghiên cứu khoa học, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề. Trong hơn 10 năm đổi mới, 175 sáng kiến, 110 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, 130 đề tài cấp cơ sở, hơn 75 đề tài tham gia Hội thi "Tuổi trẻ sáng tạo" đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ song hành. Xác định rõ trách nhiệm to lớn của thế hệ trẻ trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, thời gian qua, các cấp bộ Đoàn đã quan tâm giáo dục đoàn viên thanh niên nêu cao ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự. Hàng năm, số thanh niên lên đường nhập ngũ đều đảm bảo số lượng, chất lượng. Phong trào "Xứng danh anh bộ đội Cụ Hồ" trong thanh niên quân đội và thực hiện "6 điều Bác Hồ dạy" trong thanh niên ngành công an đã được triển khai và thực hiện có hiệu quả. Các hoạt động tuyên truyền nếp sống, lối sống mới, chống các hủ tục lạc hậu, thực hiện chương trình 3 mục tiêu: dân số - sức khoẻ - môi trường và phòng chống các tệ nạn xã hội được đẩy mạnh thông qua các hoạt động cảm hoá giáo dục những người lỗi lầm, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Toàn tỉnh đã xây dựng được 180 đội tuyên truyền viên trẻ, 120 câu lạc bộ phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, v.v.. Xây dựng và tổ chức thi tìm hiểu về chương trình 138 của Chính phủ, các cuộc thi với hình thức sân khấu hoá "Tuổi trẻ với công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội", cuộc thi "Tuổi trẻ với an toàn giao thông". Nhiều hoạt động xã hội như:

Trong phong trào thanh niên lập nghiệp "Xuất hiện hàng nghìn thanh niên sản xuất kinh doanh giỏi, các chủ trang trại, các doanh nghiệp trẻ, trong đó phải kể tới đoàn viên Nguyễn Hồng Phong - Giám đốc Xí nghiệp Phân bón Tiến Nông đoạt giải thưởng Sao đỏ năm 2001; Ngô Văn Tuấn - Giám đốc Công ty Xây dựng I, đoạt giải thưởng Sao đỏ năm 2002; đoàn viên Lương Văn Ky, dân tộc Thái (Sơn Lư - Quan Sơn) phát triển kinh tế đồi rừng, mỗi năm thu nhập 50 - 60 triệu đồng; đoàn viên Lê Đình Ninh (Quảng Trung - Quảng Xương) nuôi trồng thuỷ sản, thu nhập 120 - 150 triệu đồng/năm, v.v..

hiến máu nhân đạo, chăm sóc người già, trẻ em tật nguyền, giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt, v.v.. đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng trong lực lượng đoàn viên thanh niên. Cùng với phong trào "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước", phong trào "Thanh niên tình nguyện" với phương châm: "Tình nguyện tại chỗ, chung sức vì cộng đồng, tích cực chi viện cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn" đang ngày càng lớn mạnh. Trong phong trào này, toàn tỉnh có 56 trí thức và 28 y - bác sỹ trẻ tình nguyện đem tri thức, ánh sáng văn hoá tới đồng bào các dân tộc vùng cao.

Thanh niên tình nguyện Thanh Hoá trong buổi ra quân tình nguyện về vùng sâu, vùng xa
Foto: Tư Liệu

Trong 3 tháng hè "Thanh niên tình nguyện năm 2002", chiến dịch đã thu hút được 715.000 lượt đoàn viên thanh niên, học sinh - sinh viên tình nguyện tham gia, đảm nhận 2.147 công trình tình nguyện với tổng trị giá 5 tỷ đồng, thành lập 1.249 đội thanh niên tình nguyện, 336 đội tuyên truyền ca khúc cách mạng, 360 đội thanh niên tình nguyện phòng chống tệ nạn xã hội, v.v.. Đoàn Thanh niên các cấp đã trao 5.904 suất quà, 1.428 suất học bổng trị giá 385.994 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; mở được 45 lớp học tình thương, trao tặng 2.935 suất quà cho 15 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và 2.920 gia đình chính sách neo đơn; khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho 459 lượt người, trị giá 229 triệu đồng, v.v..

Tự hào về những thành tích đạt được, tuổi trẻ tỉnh Thanh Hoá đã được Nhà nước khen thưởng 5 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; năm 1998 được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương. Liên tục từ năm 1996 đến nay, Đoàn Thanh niên Thanh Hoá còn được Trung ương Đoàn tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn quốc"; Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội đồng đội Trung ương được tặng cờ đơn vị xuất sắc và nhiều bằng khen. Đặc biệt, trong lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26-3-1931 - 26-3-2001), tuổi trẻ các dân tộc tỉnh Thanh Hoá đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.

Phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương, thế hệ trẻ xứ Thanh có quyền tự hào, hy vọng và tin tưởng vào thế hệ trẻ hôm nay đủ tài năng để gặt hái thêm những thành công. Học tập và rèn luyện để vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật - công nghệ, trau dồi lý tưởng độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII, góp sức trẻ thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

THANH HOA YOUTH UNION IN THE RENOVATION ERA

Since establishment (on March 1998), Thanh Hoa Youth Union experienced seven times changing the name to match with the national development. However, at any historical point of time, under the direct instruction of the provincial Party Committee, the Union has contributed to the glorious historical pages of the homeland. The spirit of such movements as "Three readies", "Five vanguards" and "Splitting Truong Son for national salvation" with the names To Vinh Dien, Le Cong Khai, Lo Van Buong, Le Ma Luong, Nguyen Ba Ngoc, Ngo Thi Tuyen and Le Dinh Chinh have deeply engraved in the millions of minds and hearts of the Vietnamese youth generations and become the brilliant examples for them.

Entering into the new era, Thanh Hoa youth generations enjoy the sound achievements in the renovation cause, which were initiated and conducted by Viet Nam Communist Party. Being the posterity of the heroic nation and the homeland with long-standing revolutionary tradition, respecting the morality "Drinking water should remember the source", the youth generation today are deeply aware that: The present comfortable and happy life resulted from the attainments of the fierce and enduring struggle of those forerunners, who volunteered to battle and sacrifice. Such forerunner generations have always been respected, being the brilliant examples, the pride of the youth generations today, motivating them living, working and building the country.

From the ideology education

Arising from the requirement and tasks of the Youth Union in the new revolutionary period, the issue on training morality, fostering patriotism, enhancing the citizen's consciousness and especially orienting ideology are essential for the young generations. The questions of how to live, for what, for whom, how to dedicate to the society and community and to attach personal interest to the national's profit, are always urging every member of the Thanh Hoa Youth Union. Therefore in the last years, the special importance was attached to the political and ideological education for the union's members. Millions of union's members have been attracted to the movements such as grasping the Party's policies, Resolutions and State's legal policies, implementing education program on Marxism - Leninism, Ho Chi Minh ideology and traditional education, taking part in

The leaders of the province and the provincial Youth union generations took a picture for a keepsake

the social and charitable activities, enhancing people's knowledge about the population - health - environment and protecting the social evils for the union's members. The implementation of the activities and regular studying contests including "Glorious Party, great Uncle Ho, prosperous country entering into the 21th Century", "Tradition of the Uncle Ho solders" and "Viet Nam Youth of 65 years of the country establishment and defence" made contribution to effectively carry out political - ideology education for the union's members.

The orientation on ideology earned the satisfactory results: 100% youth union bases were equipped with the knowledge of five political ratiocination lessons with participation of 80% youth union's members. Concurrently, the union mobilised the support of VND 1.5 billions to build classrooms for the pupils in the difficult mountainous area and the same amount to build the statue of the won youth vanguards, organized communication for over 70 times, set up 142 youth clubs, 150 clubs preventing and protecting social evils, supported hundreds of millions dong to the "Fund for needy friends" and "Fund for study encouragement", presented saving accounts to the Vietnamese heroic mothers and assisted the flood victims.

The culture, art, sport, charitable and other social and moral activities have been taken place frequently, creating the ebullient movements in the whole province. From the attractive movements launched by the Youth Union, the young talents have been discovered, bringing glory to the homeland and the fatherland. Those examples include Nguyen Thi Nhung, international chess champion of 12 years old, Luu Van Hung, the second prize's winner of international marathon race and champion of *Tien Phong Newspaper* race in eight consecutive years, Dao Xuan Thang awarded international champion of Pencatxilat and Trinh Thi Mui deserved Pencatxilat champion internationally and of the Southeast Asian region for several times and among ten nation-wide typical athletes in 1999.

The effective instruction and organization of the political - ideological education for the union members of different levels show that most of the youths is tending towards striving for the independence, implementing "Rich people, strong nation, equitable, democratic and civilized society". Simultaneously, in recent years, the union leaders at different levels had concretized the education work with the suitable contents and forms, attracting participants of many union members, through which affirming the position and role of the union in the society and in the cause of socio-economic development.

At present, Thanh Hoa Youth Union consists of 869,546 youths, of which 408,162 are union's members. During process of operation, Thanh Hoa youths enjoy the Party's concern in education and training, which facilitates them in self-improving, striving and growing. In the tenure of 1997-2002, the entire province enrolled 105,000 new union members in its organization, 14,626 excellent union members honorably adhered to the Party (doubled in comparison to the last tenure), rate of new union members at the youth age represents 61%. The number of strong union bases increases rapidly, to 925 bases, (reached 72.5%, rose 15.5%), 1,813 union's branches have been reestablished or newly set up. So far, in the whole province 24 Union's Committees at district level, 544 basic committee's branches were built up with 408,162 members.

In the movement "the youth setting themselves in business", thousands of young people gained success in production and business. Among whom, Nguyen Hong Phong - Director of Tien Nong Fertilizer Factory won the Red Star prize in 2001, Ngo Van Tuan - Director of Construction Company No 1 was awarded the Red Star prize in 2002. Luong Van Ky, (who is Thái minority in Son Lu - Quan Son) has developed forest economy, obtained annual income of VND 50-60 millions, Le Dinh Ninh (in Quang Trung - Quang Xuong) has bred aquatic product with annual income reached VND 120 -150 millions etc.

To the great achievements

The rural union members represent majority of the young force. Hence, the attention of the union leaders at different levels should be paid to them regularly to effectively build new rural area, set up the dynamic and creative young generations in doing business, contribute to the economic structure conversion in the countryside, hunger elimination and poverty reduction, strive to enrich themselves in their homeland. Over years, the rural youths had carried out and completed 679 volunteered works at district level, more than 22,000 works at grassroot level, dug and banked millions of cubic meter of gravelly soil, hundreds of thousands of km dykes, stone embankment and damps, irritation and traffic works. They also in charge of deployment of VND three billion loan supporting production for the union members of four districts (Nhu Thanh, Nhu Xuan, Dong Son and Ngoc Lac) and effectively instructed 28 projects on assisting capital in compliance with the program 120 with total value of VND 1.2 billions, contributing to creating jobs for thousands of union members. 19 clubs "rural youths with agricultural technique" were set up with 75 presentation points, attracting more than 6,000 union members to take part in, aiming at applying science-technological advances in agricultural production, breed and crop seed structure conversion, making contribution to raising the provincial food productivity. The youths in the State owned enterprises and urban areas supported their homeland by the scientific researches, non-stop improving their professional qualification and skills. During over ten years of reform, 175 initiatives, 110 scientific studying theses at provincial level, 130 at basic level, more than 75 theses participating in the Competition "Creative Youth" made great contribution to building and developing provincial social economy.

Building and protecting the Fatherland should be implemented abreast. Clearly defining the great responsibility of the young generation in the Fatherland defense, recently, the union leaders at different levels had focused on educating the union members to raise vigilance, be ready to struggle for the Fatherland protection, seriously obey the law on military obligation. Every year, the youths joining the army ensure the required quality and quantity; the movement on "Worthy of the title of Uncle Ho solder" among the military youths and implementation of "the Six sentences of Uncle Ho" among the police youths have been effectively deployed and realized. The activities on propagating new living style, against the backward customs, implementing the three-targets program "population - health - environment" and protecting the social evils have been sped up through converting and educating the mistaken cases,

actively fighting against criminals and social evils. The province has set up 180 groups of young disseminators, 120 clubs for preventing and protecting criminals and social evils, organized the contests on studying the Governmental program 138 and the art-like competitions such as "The youth in preventing and protecting criminals and social evils", "The youth with traffic safety". Such social activities as charitable blood supporting, taking care of the elders, invalid children, assisting the flood victim etc have widely spread out among the union members. Additionally, the movements on "The volunteered youth" with the motto "Volunteer at the spot, join force for the community, actively support the rural and remote and special difficult areas" has been day by day growing. Accordingly, in the whole province 56 intelligent people and 28 doctors and health workers volunteered to bring the knowledge and cultural light to the mountainous minorities.

During three months in the summer, the campaign "Volunteered youth 2002" attracted participants of 715,000 union members, pupils and students; 2,147 volunteered works valued VND five billion were undertaken, 1,249 volunteered youth teams, 336 teams for propagating revolutionary songs, 360 teams for preventing and protecting criminals and social evils etc were set up. The Youth Union presented 5,904 gifts, 1,428 scholarships worth VND 385,994 millions to the needy children, opened 45 classes of compassion, gave 2,935 presents to 15 Vietnamese Heroic mothers and 2,920 lonely families, examined, treated and distributed medicine free of charge for 459 people with the value of VND229 millions.

As a result, Thanh Hoa youth was honorably granted five Labor Orders of First, Secon and Third grades; Certificate of Merit of the Government and many other ones of the Ministries and Central industries. Consecutively since 1996, Thanh Hoa Youth Union was offered the flag "The leading unit in the nation-wide emulation movement" by the Central Youth Union, flag for the excellent unit and numbers of certificates of merit by the Central Youth League and Central Youth Council. Particularly, at the anniversary of 70-year establishment of the Ho Chi Minh Communist Youth Union (March 26th 1931 - March 26th 2001), the youths of Thanh Hoa nationalities were granted the Third-grade Independent Order.

Developing glorious traditional of the homeland, Thanh Hoa youths are able to be proud of, expect for and believe in the present capable young generations in achieving more success. Thanh Hoa youths will further study and train to grasp science - technique - technology, improve ideology on independence, nation and socialism, successfully carry out Resolution of the Eighth Nation-wide Youth Union Congress, contributing to effectively realizing the cause of the national industrialization and modernization.

Provincial Youth Union co-operated with inter-branches to organize the Final Contest "The Youth in preventing and protecting criminals and social evils"

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THANH HÓA

NOI GƯƠNG TRUYỀN THỐNG BÀ TRIỆU ANH HÙNG

Với truyền thống anh hùng, bất khuất từ thời Bà Triệu, cùng truyền thống lao động cần cù, trung hậu đảm đang, phụ nữ Thanh Hóa đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời kỳ đổi mới, phụ nữ Thanh Hóa đã cống hiến tài năng, trí tuệ, thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng các cấp, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp. Có được những thành tích ấy, có phần đóng góp không nhỏ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá.

Hơn 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá đã không ngừng phát triển và trưởng thành. Mặc dù tồn tại dưới nhiều tên gọi khác nhau, song mục tiêu và những thành tích mà Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá đạt được vẫn là tập hợp, đoàn kết đông đảo phụ nữ các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù, trung hậu đảm đang, đem tài năng, trí tuệ góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những trang sử hào hùng

Từ khi thành lập (năm 1930) cho đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá luôn xứng đáng với vai trò, vị trí của mình. Thời kỳ 1930 - 1945, hội đã tuyên truyền, giác ngộ hàng vạn phụ nữ tham gia cách mạng, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở đảng, làm giao thông liên lạc, tham gia lực lượng vũ trang, tham gia xây dựng và bảo vệ chiến khu Ngọc Trạo, góp phần xứng đáng vào thành công của Cách mạng Tháng Tám. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ đã phát động phụ nữ Thanh Hoá tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đưa phụ nữ Thanh Hoá trở thành lực lượng cách mạng hùng hậu, dũng cảm, đảm đang xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần không nhỏ làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Trong 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hóa đã phát động chị em tham gia phong trào "Phụ nữ 5 tốt".

Lễ đón nhận đơn vị xuất sắc do Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trao tặng

Foto: Tư Liệu

"Ba đảm đang". Những cánh đồng "Bà Triệu 5 tấn thắng Mỹ" và hàng nghìn đội cấy Thanh Hoá - Quảng Nam, hàng nghìn nữ kiện tướng cấy, kiện tướng cày, kiện tướng chăn nuôi... đã xuất hiện khắp mọi vùng miền trong tỉnh. Trên các lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, thương nghiệp... chị em cũng kiên cường bám trụ sản xuất, công tác và chiến đấu, lập nên những chiến công to lớn, góp phần xây dựng hậu phương Thanh Hoá vững chắc, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh leo thang của giặc Mỹ. Không những thế, phụ nữ Thanh Hoá còn tham gia lực lượng dân quân, chiếm 49% lực lượng toàn tỉnh. Nhiều trung đội như: Trung đội dân quân nữ Hoa Lộc, Thanh Thuỷ, Hoằng Trường, Hà Phú... đã được Bác Hồ gửi thư khen và tặng huy hiệu của Người.

Kế thừa phong trào "Ba đảm đang", từ năm 1978 đến năm 1988, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá đã phát động phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Chị em đã thi đua lao động - sản xuất và công tác, phấn đấu nâng cao trình độ, thực hiện nam nữ bình đẳng, xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc. Thực tiễn phong trào đã xuất hiện 130 nghìn bà mẹ nuôi dạy con tốt, 10 vạn phụ nữ đạt danh hiệu "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" 10 năm liên tục.

Đổi mới cùng đất nước

Trong thời kỳ đổi mới, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá không ngừng đổi mới nội dung, phương hướng hoạt động theo hướng chăm lo lợi ích thiết thực cho phụ nữ. Hội đã bám sát các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh, tuyên truyền vận động phụ nữ các dân tộc trong tỉnh hưởng ứng 2 phong trào thi đua lớn: "Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc" và "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước". Hội Phụ nữ đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ vốn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, tranh thủ khai thác các nguồn vốn trong nước và quốc tế, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu trên 1 triệu tấn lương thực/năm, hạ tỷ lệ đói nghèo (theo tiêu chí cũ) từ 23,77% (năm 1995) xuống còn 14% (năm 2000).

Trong các ngành kinh tế của tỉnh, lực lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ cao. Chị em đã thi đua học tập, lao động sáng tạo, đẩy mạnh phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà". Trong hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nhiều người đã có những đề tài nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế cao được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng lao động sáng tạo. Tiêu biểu cho những tấm gương năng động, sáng tạo trong hoạt động ngành nghề là tập thể lao động nữ ở Công ty Mía đường Lam Sơn, Công ty Bia Thanh Hoá...

Trong hoạt động xã hội, hội đã tăng cường phối hợp với các ngành chức năng chăm lo, bảo vệ sức khoẻ cho phụ nữ - trẻ em, thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc, xây dựng và vận dụng thành công mô hình "Ngày hội hạnh phúc", "Tổ phụ nữ không sinh con thứ 3"... Kết quả đã có hàng vạn phụ nữ và trẻ em được khám bệnh định kỳ, 62% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 từ 35% (năm 1995) xuống còn 20,4% (năm 1999), góp phần hạ tỷ lệ tăng trưởng dân số của tỉnh từ 1,98% (năm 1995) xuống còn 1,6% (năm 1999). Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hóa đã thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến phụ nữ - trẻ em và tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện. Đặc biệt, thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, tích cực tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào đỡ đầu chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các mẹ liệt sĩ không nơi nương tựa, thăm hỏi, tặng quà các chiến sĩ đồn biên phòng, các đơn vị lực lượng vũ trang, thanh niên nhập ngũ.

Đồng thời, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hoá còn thường xuyên tổ chức đoàn cán bộ khảo sát xuống tìm hiểu đời sống của đồng bào các dân tộc. Phối hợp với Ban Dân tộc - Tôn giáo Trung ương, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngân hàng người nghèo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hóa tập

huấn chương trình xoá đói giảm nghèo cho cán bộ hội chủ chốt ở 9 huyện trong tỉnh thuộc các xã vùng II. Bên cạnh đó, hội cũng phối hợp với Ban Tôn giáo tỉnh Thanh Hóa tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ hội chuyên trách về các chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Các cấp hội đã tham gia giải quyết những vấn đề bất bình thường ở một số địa bàn, tham gia các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng các ngày lễ trọng đại của tôn giáo.

Hoạt động đối ngoại, trong những năm vừa qua đã được các cấp hội từng bước triển khai dựa trên những điều kiện cụ thể của địa phương. Đặc biệt, hội phụ nữ các huyện biên giới Thanh Hoá - Hủa Phăn (Lào) đã tích cực tổ chức tuyên truyền chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, vận động chị em thực hiện chương trình hợp tác giữa 2 tỉnh và biên bản ghi nhớ của hội phụ nữ 2 tỉnh (ký năm 1998). Cuối năm 2002, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức đoàn cán bộ sang thăm hữu nghị và trao đổi kinh nghiệm công tác với Hội Phụ nữ tỉnh Hủa Phăn, góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa 2 tỉnh nói chung và hội phụ nữ nói riêng ngày càng tốt đẹp và bền vững.

Để hội phát triển vững mạnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hóa coi xây dựng, phát triển tổ chức hội cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm. Nhiều giải pháp được thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức hội cơ sở đã đem lại hiệu quả thiết thực. Tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt hội ngày càng cao, trong năm 2002 đã phát triển được 12.526 hội viên. Ngoài ra, các cấp hội còn quan tâm đến việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hội. Đến nay, 100% cán bộ hội được tập huấn về nghiệp vụ công tác hội, hơn 80% cán bộ chuyên trách cấp huyện có trình độ đại học chuyên môn, cao cấp lý luận chính trị, trung cấp; hơn 50% cán bộ hội chủ chốt cơ sở có trình độ trung, sơ cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

Bước vào năm 2003, nhằm không ngừng nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của các hội viên, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá đặt trọng tâm vào những công tác sau:

1) Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt của phụ nữ. Phối hợp với Sở Tư pháp và Hội đồng phổ biến giáo dục luật tỉnh Thanh Hóa, tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật có liên quan trực tiếp đến phụ nữ.

2) Chỉ đạo các cấp hội tham gia chương trình xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế gia đình, trong đó tập trung chỉ đạo các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo làm kinh tế, hoạt động dạy nghề mới, khôi phục nghề truyền thống...

3) Chỉ đạo hội cơ sở xây dựng "gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc". Tập trung chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức hội vững mạnh. Đặc biệt quan tâm xây dựng và phát triển mô hình mới tập hợp, thu hút hội viên, đạt tỷ lệ từ 70% trở lên, giảm tỷ lệ cơ sở hội yếu kém, xoá đơn vị trắng không có tổ chức hội. Qua đó, hội xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát thực trạng đội ngũ cán bộ hội ở 3 cấp, tổ chức hội nghị chuyên đề và bồi dưỡng nghiệp vụ hội cho đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp huyện và tỉnh, tổ chức hội thi cán bộ hội giỏi là người dân tộc thiểu số.

4) Phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Thanh Hóa tổ chức triển khai kế hoạch hành động "Vì sự tiến bộ của phụ nữ" đến năm 2005 trong toàn tỉnh để tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách bình đẳng nam - nữ.

Hơn 70 năm phấn đấu và trưởng thành, đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá đã có hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cơ sở với đội ngũ cán bộ hội chuyên trách cấp tỉnh và huyện là 150 người, trong đó số cán bộ có trình độ đại học là 37,5%, trung cấp là 58%. Đội ngũ cán bộ hội cơ cở ở 633 xã, phường là 6.870 người, trong đó đội ngũ cán bộ hội chủ chốt có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm 72%. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hoá có gần 1 triệu hội viên tham gia sinh hoạt ở 6.092 tổ phụ nữ và 1.000 ban nữ công, tổ nữ công trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh. Đây là lực lượng lao động to lớn góp phần cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh,

THANH HOA WOMEN'S UNION

FOLLOWING THE TRADITIONS OF HEROINE TRIEU

With the heroic traditions since the time of Lady General Trieu Thi Trinh and the traditions of industriousness, high sense of responsibilities in working, Thanh Hoa women have made great contributions to the nation's liberation, building and protecting. In the Renovation (Doi moi), they have been devoting their talents and mental powers in pursuing the Resolution of the Party at different levels to contribute in building the country more prosperous and beautiful. Thanh Hoa Women's Union has made a significant contribution to the pursuit of those achievements.

Over the past 70 years, Thanh Hoa Women's Union has made non-stop growth. The Union has been renamed many times but its targets and achievements are always gathering and maintaining the solidarity of women of different ethnic groups across the province to continue the traditions of patriotism, hard-working, generous and highly responsible and make great contributions to the nation liberty, building and protection.

Heroic history

Since its establishment in 1930, Thanh Hoa Women's Union has always deserved its role and positioning. In the period of 1930 - 1945, the union propagated and awakened thousands of women's participation in the nation's renovation, who secretly protected the revolutionary cadres, local Party committee, participated in the armed forces, contributed to the building and production of Ngoc Trao revolutionary base. The union's contributions to the success of the August Revolution were satisfactorily great. During the nine years of the nation's fight against the French colonists, Thanh Hoa Women's Union initiated the emulation movements, making Thanh Hoa women a brave revolutionary force who made a strong rear and made significant contributions to the world-shaking Dien Bien Phu Victory.

During the 10 years of the socialism building in the north, Thanh Hoa Women's Union put forward the movements of "Five-goods women" and "Three responsibilities". Across the province, thousands of women champions of rice transplanting, ploughing and breeding have been known. In terms of industry, transport, health and trade, women have also made great contributions in building the solid Thanh Hoa rear and defeating the American escalation war. Moreover, Thanh Hoa women took parts in the militia, making 49% of the province's forces. Many of their platoons such as Hoa Loc, Thanh Thuy, Hoang Truong and Ha Phu were granted with Uncle Ho's letters of commendation and insignias directly from Uncle Ho himself.

Continuing the "three responsibilities" movement, from 1978 to 1988, Thanh Hoa Women's Union promoted the movement of "New women to build and protect the nation". The local women emulated in working and production, strove to widen their knowledge, and pursued the equality between men and women and happy family life. The emulation movement has resulted in 130 excellent mothers and 100,000 women to be entitled "New women to build and protect the nation" during the 10 consecutive years.

Following the country's renovation

In the Renovation time (Doi moi), Thanh Hoa Women's Union has made non-stop innovation in operation contents and orientation towards the

women's practical benefits. The union closely follows the socio-economic, national defence and security targets of the province in propagating the women of all the local ethnic groups for the two grand emulation movements: "Women are active and creative in learning, working, nursing children and maintaining the happiness of their homes" and "Women help one another in making their families rich and are economic for the country building". Thanh Hoa Women's Union pays a special concern to intensifying such activities as: assisting women with capital, creating jobs and enhancing their incomes, taking advantage of the domestic and foreign investments, helping pursue the target of over one million tonnes of food per year and the reduction of poor households (according to the former criteria) to 14 per cent in 2000 instead of 23.77 per cent in 1995.

In the local economic sectors, women made up a high proportion of workers. They emulated in learning, creating and working, and intensifying the movement of "Managing well the responsibilities to nation and home concurrently". In scientific and technological researching, many women's researches have been applied in practice, bringing about high economic value and have been granted with the Certificates of Creative Work by the Vietnam National Labour Union. The most typical examples of the creative and active women collectives are those in Lam Son Sugarcane Company and Thanh Hoa Brewery Company.

In socio-economic activities, the union has reinforced the co-operation with the functional sectors in nursing and protecting the health of the children and women, implementing the population and family planning scheme, etc. As a result, tens of thousands of women and children have been regularly given health-checks, 62 per cent of the women at the procreation age are applying contraceptive methods. The 35 per cent of those having more than two children in 1995 has been reduced to 20.4 per cent in 1999, helping restrain the province's population growth at 1.6 per cent in 1999 (which was 1.98 per cent in 1995). Thanh Hoa Women's Union has been effectively supervising and controlling the implementation of policies for women and children, and taking part in various social charity works. Particularly, the union has fulfilled well the military supply, made significant contributions to the movement of gratitude, and sponsored Vietnam Heroine Mothers, martyrs' solitary mothers, visited and giving presents to the defending soldiers and armed forces.

In addition, Thanh Hoa Women's Union regularly sends its investigators to the localities to witness people's life. The union also co-operates with the National Peoples and Religions Committee, Vietnam Women's Union, Thanh Hoa Department of Labour, Invalid and Social Affairs and Bank for the Poor in training the key cadres in nine districts across the province for the hunger eradication and poverty alleviation scheme. It also co-operates with the provincial Religions Committee in training professional cadres with the Party and State's policies for religions. Bodies of the union of different levels take part in solving the irregular problems that may occur

Thanh Hoa Women's Union's delegation visits Hua Phan Women's Union (Laos)

Foto: Reference

here and there, attend and give congratulation to important religious festivals, etc.

People's external relations have been implemented on the basis of the practical conditions of the localities. Especially, the women's unions of the districts along the boundary between Thanh Hoa (Vietnam) and Hua Phan (Laos) have actively propagandised the Party and State's external policies, promoted the cooperation programs between the two provinces and the signed memorandum of the two provinces (signed in 1998). In the end of the year 2002, the Thanh Hoa Women's Union sent a delegation to Hua Phan to visit and exchange experience with their Laotian counterparts, aiming at the reinforcement of the friendship between the two provinces in general and the women's unions in particular.

Pursuing the strong development of the union, Thanh Hoa Women's Union considers the building and development of the local bodies of the union the key tasks. The union has applied different methods in improving the local bodies' operation quality and achieved practical effectiveness. The union's membership is expanding, peaking at 12.526 people in 2002. Besides, the union's bodies concern much about training the cadres. So far, 100 per cent of the union's cadres have been professionally trained, more than 80 per cent of the district's experts have finished the relevant university, higher politic ratiocination courses or intermediate levels. More than a half of the nuclear members in localities have finished primary and intermediate courses of politic ratiocination and state management.

Entering the year 2003, pursuing the persistent improvement of the capacity, knowledge and qualification of the union's members, Thanh Hoa Women's Union is emphasising the following tasks:

1. Training the women's virtuous characters and improving their qualification and knowledge of different fields. Co-operating with the Thanh Hoa Department of Judiciary and the municipal Laws Popularising Commission in intensifying the expansion of laws education that is related to women.

2. Directing the union's the participation in hunger eradication and poverty alleviation and household economic development at any levels, concentrating on the assistance to poor women in making themselves rich, new occupation training and traditional occupation restoration.

3. Directing the "rich, fair, progressive and happy families" movement in localities. Emphasising the firm development of the union. Especially, focussing on the expansion of a new collective model and attracting members with the proportion of at least 70 per cent, reducing the weak units and establishing union's bodies in any organisation across the province. In that way, the union plans and carries out the practical tests for cadres of three levels, organises seminars and professional training courses for the districts' and provincial cadres, organises women of the union contest for those from minority ethnic groups.

4. Co-operate with the For the Progressiveness of Women Board of Thanh Hoa Province in implementing the action plan for the progressiveness of women by 2005 across the province so as to build and supervise the implementation of men and women equality policy.

Over the 70 years striving for greater growth, Thanh Hoa Women's Union has so far expanded its organisation system over the province, even to the communes, with 150 experts, of which 37.5 per cent have finished university, 58 per cent have finished school education. The 633 communes and wards have totally 6.870 members of the union, of which 72 per cent meets the qualifications of school education and higher. In total, around one million members of Thanh Hoa Women's Union are attending 6.092 women teams and 1.000 feminine occupation boards and groups managed by the provincial Labour Union. That labour force has made great contributions to the success of such targets as socio-economic development, national defence and security, building new image for the rural areas, boosting the industrialisation and modernisation for the aim of wealthy people, strong nation and fair, democratic and civilised society.

HỘI CỰU CHIẾN BINH THANH HOÁ

NHỮNG CHIẾN CÔNG THẦM LẶNG TRONG THỜI BÌNH

ĐẶNG VĂN THƯ
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Thanh Hoá

Trong chiến tranh, những người lính ra trận với một lòng yêu nước nồng nàn, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng để giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Khi Tổ quốc đã sạch bóng quân thù, những người lính trở về quê hương vẫn mang trong mình bầu nhiệt huyết năm xưa, với ước muốn giản dị là được tiếp tục cống hiến sức lực của mình, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế địa phương. Sự ra đời của Hội Cựu chiến binh chính là nhằm đáp ứng tâm nguyện ấy của người lính.

Đồng chí Đặng Văn Thư - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Thanh Hoá

Từ khi Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh (06-2-1989), dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự hăng hái nhiệt tình của các quân nhân đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trở về địa phương, chỉ trong một thời gian ngắn Hội Cựu chiến binh tỉnh Thanh Hoá đã ra đời. Kể từ đó đến nay, Hội Cựu chiến binh Thanh Hoá đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị. Hội đã trải qua ba kỳ đại hội với tổng số 147.156 hội viên.

Vẫn không lùi bước

Thanh Hoá là một trong những tỉnh có số người góp sức vào hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đông đảo nhất. Vào đầu thập kỷ 90 (thế kỷ XX), toàn tỉnh có khoảng 430.000 quân nhân đã từng tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang, trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và làm nghĩa vụ quốc tế. Trong chiến tranh, họ có mặt ở hầu khắp các chiến trường, nay trở về địa phương, họ cũng có mặt ở khắp các địa bàn dân cư, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học. Hầu hết các cựu chiến binh đều có nguyện vọng được tiếp tục cống hiến sức lực, trí tuệ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mong muốn được tập hợp trong một tổ chức thống nhất để có điều kiện phát huy bản chất tốt đẹp của "bộ đội Cụ Hồ", giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Bên cạnh đó, trong bối cảnh phức tạp của địa bàn Thanh Hóa (là một trong những tỉnh có số dân đông nhất nước, trong đó có gần 1/3 dân số là đồng bào các dân tộc của 11 huyện miền núi, kết cấu hạ tầng còn rất thiếu thốn), trước những khó khăn bộn bề khi nền kinh tế Việt Nam chuyển từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự ra đời của Hội Cựu chiến binh Thanh Hoá đã góp phần tích cực kiềm chế, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, những điểm nóng ở địa bàn dân cư, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở,

ổn định lòng dân.

Trải qua gần 15 năm hoạt động với nhiều hình thức phong phú như tuyên truyền, vận động, tăng cường công tác giáo dục chính trị, Hội Cựu chiến binh Thanh Hóa đã góp phần nâng cao tinh thần cánh mạng cho cán bộ hội viên, kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, những biểu hiện tham nhũng, quan liêu ở cơ sở; bảo vệ chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hội đã vận động và tổ chức hội viên thực hiện có kết quả chương trình giúp nhau phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Nhận rõ ý nghĩa chiến lược về bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực, hội đã tích cực tham gia giáo dục truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần củng cố tổ chức Đoàn, Đội ở cơ sở.

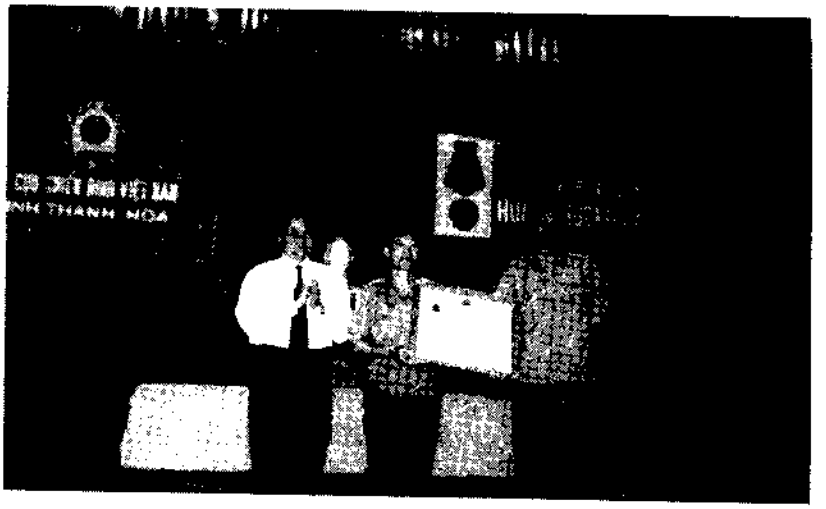

Đồng chí Phạm Minh Đoan - Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá tham dự lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Hội Cựu chiến binh tỉnh Thanh Hoá

Foto: Tư Liệu

Kết quả hoạt động cho thấy, hội đã thực sự trở thành tổ chức đại diện cho nguyện vọng, ý chí của cựu chiến binh, thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá; là chỗ dựa tin cậy của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng ở địa phương. Tổ chức hội ngày càng được củng cố và phát triển; vai trò, vị trí, uy tín của hội trong hệ thống chính trị, trong xã hội không ngừng được nâng cao. Đại đa số hội viên cựu chiến binh đã giữ vững và phát huy bản chất truyền thống "bộ đội Cụ Hồ", xứng đáng là lực lượng cách mạng trung thành của Đảng, xứng đáng với sự tin yêu của nhân dân.

Từng bước chiến thắng "nghèo, đói"

Sau những năm tháng làm nhiệm vụ trên các chiến trường của Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế, trở về với đời thường trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, với ý chí tự lực tự cường, tinh thần vượt khó của người lính Cụ Hồ, các hội viên Hội Cựu chiến binh đã giúp đỡ nhau về vốn, giống, kinh nghiệm, sức lao động để ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

Hội đã tận dụng khai thác từ nhiều nguồn vốn khác nhau như: vốn từ quỹ hội, quỹ giải quyết việc làm, đồng thời làm đại diện vay từ ngân hàng nhà nước, ngân hàng hỗ trợ người nghèo... Đặc biệt, với phương châm "lá lành đùm lá rách", hội đã huy động được 14.111 triệu đồng từ các cựu chiến binh có điều kiện kinh tế khá hơn để giúp các hội viên mở rộng sản xuất, xoá đói giảm nghèo. Tính đến cuối năm 2002, tổng số vốn huy động phục vụ sản xuất là 73.167 triệu đồng. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 31.264 hộ gia đình cựu chiến binh được vay vốn sản xuất. Nhờ vậy, số lao động có việc làm là 57.538 người, tăng 37% so với năm 1997.

Bằng ý chí và nghị lực được tôi luyện trong quân ngũ, cùng với lòng hăng say, đức tính cần cù, siêng năng, tinh thần dám nghĩ dám làm, các hội viên Hội Cựu chiến binh tỉnh Thanh Hoá đã vượt qua mọi khó khăn, góp sức làm giàu cho gia đình và quê hương.

Năm 2002, 42.677 hội viên đạt danh hiệu lao động sản xuất giỏi, tăng 27% so với năm 1997. Số hộ giàu và khá chiếm 28,7%, tăng 12%, số hộ trung bình chiếm 61%, số hộ đói nghèo chỉ còn 10,3%, giảm 7,7% so với năm 1997. Đặc biệt, hàng trăm hội viên cựu chiến binh đã gây dựng được những cơ sở sản xuất có quy mô lớn, đạt doanh thu hàng chục triệu đồng mỗi năm, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều cựu chiến binh khác. Điển hình là cơ sở sản xuất cót ép của chị Lê Thị Lan - một thương binh hạng 3 ở xã Xuân Thành (Thọ Xuân), doanh thu bình quân 150 - 200 triệu/năm, giải quyết việc làm cho gần 3.000 lao động (hầu hết là cựu chiến binh). Những kết quả này có được, ngoài sự trợ giúp tích cực của hội, phần lớn là nhờ vào bản lĩnh và nghị lực của những người lính.

Để xứng đáng với danh hiệu "bộ đội Cụ Hồ"

Trong giai đoạn kế tiếp (2005 - 2010), hội tiếp tục tiến hành vận động cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất "bộ đội Cụ Hồ": đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và các hình thức sinh hoạt của hội; tiếp tục xây dựng hội trong sạch vững mạnh, phát huy vai trò tham mưu cho cấp uỷ Đảng về công tác vận động cựu chiến binh; làm nòng cốt đoàn kết vận động cựu chiến binh tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Mục tiêu cơ bản trong xây dựng hoạt động của hội là: đoàn kết, tập hợp, vận động cựu chiến binh thành lực lượng cách mạng, gương mẫu thực hiện và bảo vệ các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng. Phấn đấu để tổ chức hội xứng đáng là đoàn thể chính trị - xã hội, chỗ dựa tin cậy của cấp uỷ Đảng, chính quyền, thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá, đại diện cho ý chí nguyện vọng của cựu chiến binh. Trên cơ sở đó, hội đề ra những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1) Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đấu tranh chống âm mưu gây bạo loạn của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2) Tổ chức, động viên hội viên, cựu chiến binh, cựu quân nhân tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giúp đỡ nhau nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cựu chiến binh.

3) Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ, phối hợp tham gia xây dựng củng cố và nâng cao chất lượng tổ chức đoàn, đội, hội ở cơ sở.

4) Phối hợp với các tổ chức, các ngành chức năng tập hợp động viên lực lượng cựu quân nhân phát huy truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam, thực hiện các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

5) Xây dựng hội trong sạch, vững mạnh về chính trị - tư tưởng và tổ chức, tham gia các cuộc vận động, các phong trào của địa phương, làm chức năng tham mưu cho cấp uỷ Đảng và đóng vai trò nòng cốt vận động cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới.

Với những thành quả đạt được có thể khẳng định: Hội Cựu chiến binh Thanh Hoá đã góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương. Với những bước đi vững chắc, hội sẽ mãi là tổ chức chính trị - xã hội, là lực lượng cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và Thanh Hóa nói riêng.

Mục tiêu chủ yếu trong giai đoạn 2002 -2010

1) Tập hợp 90% cựu chiến binh trở lên vào tổ chức hội, tiếp tục phát triển hội trong khối cơ quan, doanh nghiệp và những nơi có đủ điều kiện.

2) Hàng năm, 85% tổ chức hội đạt tiêu chuẩn "trong sạch vững mạnh", trong đó 35% đạt "trong sạch vững mạnh xuất sắc". "Hội viên gương mẫu" và "gia đình hội viên cựu chiến binh văn hoá" đạt từ 80% trở lên.

3) Tạo nguồn vốn vay từ 15 đến 20 tỷ đồng, hỗ trợ giải quyết việc làm cho 10.000 lao động trở lên; cơ bản xoá hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 5%, giúp đỡ nhau xoá hết nhà dột nát trong gia đình hội viên; 35% gia đình hội viên có mức sống khá và giàu; 100% hội cơ sở có quỹ hoạt động.

THANH HOA VETERANS' ORGANISATION

THE SILENT FEATS IN PEACETIME

DANG VAN THU
Head of Thanh Hoa Veterans' Organisation

During the war, the solders went out to battles with the impetuous patriotism, determining to fight and to win, seizing independence and unification for the Fatherland. When the enemy was absolutely expelled, the solders returned home, carrying zealousness with the simple wish to continually contribute their strength to stabilising social political situation and developing local economy. The Veterans' organisation therefore was established.

Since Politburo, Vietnam Communist Party's Executive Committee issued Decision on establishment of the Veterans' Organisation on February 06th 1989, under the conduct of the Party's Executive Committees and authorities, with the returnees' ardency and enthusiasm, shortly after that, the Thanh Hoa Veterans Organisation was set up. Since then, the Organisation has gradually renewed the operation contents and methods, made active contribution to socio-economic development, national defence and security consolidation and political stabilisation. The Organisation experienced three sessions with total 147,156 members.

Not to yield

Thanh Hoa is the province, which makes greatest human contribution to the struggles against French and American invaders. Early the 1990s, in the whole province there were approximately 430,000 servicemen who used to take part in the armed and haft-armed forces, directly battle or support battling in the struggle for the national independence and perform international obligation. Their presence was in almost fronts during the war and can be seen in every residence, organ, enterprise and school in the peacetime nowadays. Most of them are willing to continually devote their strength and understanding to the Fatherland construction and protection, hoping to join the united organisation, which enables them to develop the good character of Uncle Ho solder mutually assisting in the life. Besides, under the context of complicated Thanh Hoa (among the most populated province across the country, of which one third population is minorities belonging to eleven mountainous districts with poor and deficient infrastructure), facing an array of difficulties in transferring Vietnam economy into market economy or socialism orientation, the birth of the Thanh Hoa Veterans' Organisation contributed to restraining and preventing the negative phenomena and the hot spots at the residential areas, stabilising popularity, local politics and social order and safety.

Over 15 years of operation with diverse methods including propagating, mobilising and enhancing political education, the Organisation has made great contribution to raising its members' revolutionary spirit, timely detected and resolutely battled with the mistaken opinions, red tape and corruption at the bases, protected the Party's and State's policies, participated in building clean and strong Party and authorities. The Organisation has mobilised and effectively held the program on mutual assistance in production development, hunger elimination and poverty reduction, legally enrichment, material and spiritual living improvement, members' legitimate right protection, contributing to implementing socio-

economic task of the locality. Deeply aware about the strategic significance in fostering and training human resource, the Organisation has actively taken part in educating patriotism tradition and revolutionary heroism for the young generations, making contribution to consolidating basic Youth and Teenager organisations.

The gained achievements show that the Organisation actually became the representative for the veterans' wish and will, being the active member of Thanh Hoa Fatherland Front and the dependable support of the Party's Executive Committees and authorities of different levels in socio-economic development, national security and defence at the locality. The Organisation has been strengthened and expanded day after day, incessantly enhancing its role, position and prestige in the politic and social system. Most of the veterans have been keeping and developing the traditional character of "the Uncle Ho solders", worthy to be the Party's loyal revolutionary force, deserved the belief and love of the people.

Gradually win "poverty and hunger"

Returning home in the difficult context of the country after years served in the Fatherland's fronts and performed international obligation, the veterans with the Uncle Ho solder's spirit of self-help for self-improvement and overcoming hardships, have mutually supported capital, seeds and breeds, experience and labour power to stabilise and improve their material and spiritual life.

The Organisation has utilised up the diverse capital sources such as the fund of the Organisation, fund for employment concurrently with being representative in getting loan from the State bank and bank for the poor. Especially, under the motto "Protect and help the more difficult people", the Organisation has mobilised VND14,111 millions from those veterans who are in better economic conditions to assist the members in production expansion, hunger eradication and neediness decrease. By the end of 2002, total mobilised capital for production reached VND73,167 millions. Thanks to the loan for production, which reached 31,264 veterans' households in entire province, new jobs have been created for 57,538 labourers, increased 37% over 1997.

With the will and energy tempered during the army, the engrossment, laboriousness, assiduousness and boldness, the Organisation's members surmounted every challenge, contributed their strength in enriching their families and the homeland. In 2002, 42,677 members were worthy the title of excellent labourers, rose 27% compared to 1997. The number of rich households represented 28.7%, increased 12%, the average ones accounted for 61% and the needy ones dropped to 10.3%, decreased 7.7% in comparison to 1997. Particularly, hundreds of the Organisation's members have set up the production units of large scale, obtained revenue of tens of millions dong a year, generating employment for many other veterans. Typically, the unit producing

Former National Assembly Chairman Dang Quan Thuy and politburo member of the Communist Party of Viet Nam Central Committee, Thanh Hoa provincial Party Committee Secretary Trinh Trong Quyen visit Thanh Hoa Veterans' Organisation

Foto: Reference

fibreboards of Ms Le Thi Lan - the third-class invalid at Xuan Thanh village (Tho Xuan) earns VND150-200 millions a year, creating jobs for around 3,000 labourers (most of whom are veterans). Those performances have been obtained thanks to the active support from the Organisation and mostly the courage and perseverance of the veterans.

To deserve the appellation "Uncle Ho solder"

In next period (2005 - 2010), the Organisation will continually mobilise the veterans for preserving and developing the character of "Uncle Ho solder", renovating the content and mode of operation and activities; continue to build up clean and strong organisation, developing the advisory role for the Party's Executive Committees on veteran mobilisation in participating in building up the clean and strong Party and authorities, contributing in successfully implementing the Resolution of the provincial 15th Party Committee's Congress.

The basic targets of the Organisation's activities are mobilising the veterans to unify to be the revolutionary force, being exemplary in implementing and protecting the Party's policies and resolutions. The Organisation will strive to be worthy the socio-political organisation, the dependable mainstay of the Party's Executive Committees and authorities, the active member of Thanh Hoa Fatherland Front, representing for the will and expectation of the veterans. Based on that, the Organisation set up the key tasks as follows:

1) Participate in building up and protecting the Party and authorities, intensify the national defence and people security among the whole population, battling against the hostiles' plot to riot, keep fast political stabilisation and social order and safety.

2) Organise, mobilise the veterans in taking part in program of local socio-economic development, mutually helping in improving the material and spiritual live, protect the legitimate right of the veterans.

3) Contribute in educating the patriotism tradition and revolutionary heroism for the young generations, reinforcing and enhancing the quality of basic youth and teenager organisations.

4) Co-ordinate with the organisations and functional branches to mobilise the veteran forces in developing the tradition of Vietnamese People's Army, realising the movements and campaigns at the bases.

5) Build up the clean and powerful Organisation in political - ideology and mechanism, participate in the local campaigns and movements, function as the advisory for the Party's Executive Committees at different levels and play key role in mobilise the veterans in the new revolutionary period.

The obtained achievements affirm that Thanh Hoa Veterans' Organisation made considerable contribution in the cause of building and defending the homeland. With the stable steps, the Organisation will forever be the socio-political organisation, the revolutionary force in building and protecting the Fatherland in general and Thanh Hoa in particular.

Main targets for 2002 -2010

1) Gather at least 90% veterans into the Organisation, continually expand the organisation in the bodies, enterprises and the places available.

2) Every year, 85% organisations to satisfy "clean and strong" standard, of which, 35% reached "excellent clean and strong organisation". Number of "The exemplary member" and "The cultural veteran family" to achieve 80% upwards.

3) Loan VND15-20 billions, support creating jobs for 10,000 labourers upwards, basically eliminate hunger, reduce poor households to 5%, help mutually to eradicate the dilapidated houses for the members' families, 35% member families to become rich and relatively rich, 100% basic organisations to have fund for operation.

HỘI NÔNG DÂN THANH HOÁ

LỰC LƯỢNG NÒNG CỐT TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

ĐỖ ĐỐC NGHIỆN
Uỷ viên Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
Chủ tịch Hội Nông dân Thanh Hoá

Hoà chung vào không khí đấu tranh sục sôi của cả nước trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, Nông hội Đỏ Thanh Hoá - tiền thân của Hội Nông dân Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân Việt Nam đã chính thức được thành lập vào ngày 14-10-1930 với 200 hội viên của một số làng thuộc huyện Thọ Xuân, Thiệu Hoá, Đông Sơn. Nông hội Đỏ ra đời đã đưa phong trào nông dân Thanh Hóa lên một tầm cao mới. Tiếp bước truyền thống hào hùng ấy, Hội Nông dân Thanh Hóa đang phấn đấu không ngừng, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng quê hương, giàu mạnh.

Tham gia tích cực phát triển kinh tế - xã hội

Hàng năm, các cấp hội có nhiều chương trình kết hợp, liên kết với các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị kinh doanh, các nhà khoa học, các trường dạy nghề, các trường đại học trong và ngoài tỉnh, đem lại các hiệu quả khá thiết thực cho bà con nông dân. Bên cạnh đó, hội còn tham gia mở hơn 2.000 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hơn 100 nghìn lượt nông dân tham gia; mở hội thi kiến thức khoa học kỹ thuật nhà nông Thanh Hoá lần thứ nhất, thu hút được trên 1,1 triệu nông dân tham gia học tập và sinh hoạt.

Ngoài ra, Hội Nông dân tỉnh còn thành lập 2 trung tâm hỗ trợ nông dân cấp huyện, tuy mới đi vào hoạt động, nhưng đã cho thấy xã hội hoá các hoạt động, giúp nông dân có được những kinh nghiệm quý báu là chủ trương đúng đắn. Lần đầu tiên, chủ trương của Ban Thường vụ tỉnh Hội đã được cấp uỷ địa phương thảo luận và tiến hành thí điểm tại địa phương.

Tính đến năm 20002, 619 xã, phường, thị trấn có nông dân đã có cơ sở hội; củng cố được 1.537 chi hội, thành lập mới 4 chi hội nghề nghiệp tại thành phố Thanh Hoá, Đông Sơn; kết nạp thêm 20.291 hội viên, nâng tổng số hội viên trên toàn tỉnh lên 341.647 người, trong đó có 245.126 hội viên được cấp thẻ.

Với sự trợ giúp tích cực của Hội Nông dân Thanh Hóa, nhiều địa phương đã hình thành một số vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Phong trào chuyển diện tích lúa nước, cối kém hiệu quả, ao hồ, đầm lầy sang nuôi trồng thuỷ sản phát triển khá mạnh. Công tác trồng rừng được triển khai hiệu quả, cơ bản đã phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Các cơ sở vật chất phục vụ phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp được tăng cường. Đây là những tiền đề vật chất quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

Phong trào sản xuất - kinh doanh giỏi do Hội Nông dân Thanh Hoá phát động đã thu hút ngày càng nhiều nông dân các vùng miền trong tỉnh tham gia. Hàng năm, khoảng 35 đến 40 vạn hộ nông dân đăng ký phấn đấu trở thành gia đình nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi. Đến cuối năm 2002, toàn tỉnh có gần 300 hộ đạt

danh hiệu hộ sản xuất - kinh doanh giỏi cấp 3, tăng khoảng 30% so với năm 1998. Chất lượng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh ngày càng cao, nhiều hộ đã có số vốn lên đến hàng tỷ đồng, thu nhập trên 100 triệu đồng/năm. Không chỉ vậy, phong trào sản xuất - kinh doanh giỏi còn đóng vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế: cơ cấu vụ mùa, cây trồng, vật nuôi; phát triển ngành nghề mới, sử dụng vốn có hiệu quả, ủng hộ hàng tỷ đồng vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng (109 tỷ đồng xây dựng 3.006,6 km kênh mương, 11,5 tỷ đồng xây dựng 1.321 km đường giao thông nông thôn....), thực hiện các chính sách xã hội, xoá đói giảm nghèo tại nông thôn.

Các cơ sở hội đã tích cực xây dựng quỹ hội góp phần giúp hội viên nghèo vượt khó. Trong đó, năm 2002, quỹ hội thu được 433 triệu đồng, đưa tổng quỹ hội toàn tỉnh lên 5,732 tỷ đồng. Tại nhiều huyện, hội có nguồn quỹ từ 100 đến 200 triệu đồng. Cùng với nguồn quỹ ấy, Hội Nông dân tỉnh đã tích cực phối hợp cùng với ngân hàng phục vụ người nghèo hướng dẫn nông dân thành lập 4.992 tổ tín chấp vay vốn, cho 109.623 hộ vay với tổng số tiền trên 207 tỷ đồng, tăng so với năm 2001 là 286 tổ với 86.775 hộ và 25,3 tỷ đồng. Ngoài ra, hội còn phối hợp với ngân hàng thương mại, ngân hàng nông nghiệp theo Nghị quyết liên tịch số 2308 trong việc xây dựng 2.242 tổ tín chấp quản lý với hơn 100 tỷ đồng, cho 24.000 hộ vay vốn, đặc biệt là trên 80% nông dân nghèo có vốn đầu tư phát triển sản xuất,...

Với những hoạt động tích cực, năm 2002 là năm thành công của Hội Nông dân Thanh Hóa khi các cấp hội cùng bà con nông dân tích cực thực hiện việc đổi mới cơ cấu cây trồng, vụ mùa, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi lên cao nhất từ trước đến nay. Nhờ đó, tổng diện tích gieo trồng năm đạt 432.480 ha, tăng 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Năng suất lúa bình quân đạt 48,7 tạ/ha/năm, tăng 2,2 tạ/ha so với cùng kỳ, đưa tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt trên 1.408 triệu tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Ngành chăn nuôi tiếp tục được chú trọng, sử dụng giống mới, thức ăn công nghiệp và phát triển

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền - Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá, được uỷ quyền của Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba cho Hội Nông dân Thanh Hoá (21-4-2003)

theo hướng sản xuất hàng hoá. Nhiều hộ nông dân trong tỉnh đã đầu tư trang trại chăn nuôi lợn ngoại hướng nạc, thịt lợn xuất khẩu, bò thịt, bò sữa. Năm 2002, đàn lợn có 1,29 triệu con, tăng 2,9% so cùng kỳ. Đàn bò có 228.800 con, tăng 5,2% so cùng kỳ, trong đó 21.468 con bò lai sin và 350 bò sữa thuần.

Ngành thuỷ sản đạt khá cả về đánh bắt và nuôi trồng, trong đó diện tích nuôi trồng đạt 11.135 ha, tăng 8,2% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thuỷ sản năm 2002 đạt khoảng 58.200 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ. Nhiều hộ ngư dân nuôi tôm sú theo phương pháp công nghiệp, thâm canh, bán thâm canh; tổ chức cơ sở chế biến hải sản với quy mô lớn, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, các hộ ngư dân còn tích cực đầu tư tăng thêm 16 tàu đánh bắt xa bờ, 60 tàu bán khơi, bán lộng. Nông dân các địa phương miền núi và vùng trung du còn tích cực tham gia trồng 5.800 ha rừng tập trung, tăng 5,4% kế hoạch và 9,5 triệu cây phân tán, tăng 18%, nâng độ che phủ rừng lên 38,2%. Ngoài việc tham gia phát triển kinh tế địa phương, các hộ nông dân còn tích cực xây dựng nếp sống văn hoá mới, giữ gìn thuần phong mỹ tục của làng xã, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, nên đã hạn chế được phần nào các tệ nạn xã hội, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn.

Những khó khăn cần tháo gỡ

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực trạng nông nghiệp và nông thôn Thanh Hóa vẫn còn tồn tại

nhiều bất cập: sản xuất nông nghiệp phát triển chưa vững chắc; công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá còn chậm; đầu vào cho sản xuất nông nghiệp của một số sản phẩm công nghiệp còn quá cao; chất lượng các giống lúa lai, đặc biệt là dòng nhị ưu 63 chất lượng còn kém, giá thành lại cao; công tác quản lý nhà nước đối với các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu và một số loại giống cây trồng, vật nuôi còn nhiều lỏng lẻo; giá trị ngày công lao động nông nghiệp thấp; lực lượng lao động nông thôn thiếu việc làm ngày càng tăng. Bên cạnh đó, những cơ chế chính sách và nguồn lực bảo trợ rủi ro thiên tai, biến động thị trường đối với một số cây trồng, vật nuôi chính vẫn còn thiếu. Một số ngành nghề truyền thống chậm được khôi phục, nghề mới chưa được quan tâm phát triển. Vấn đề giao thông nông thôn, thuỷ lợi, nước sạch - vệ sinh môi trường ở một số vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Một số bộ phận nông dân còn mang nặng tư tưởng cam chịu, bảo thủ, ngại tiếp thu cái mới, thiếu ý thức hợp tác để vươn lên trong sản xuất và đời sống. Đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt tại các cấp hội chưa thật ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ mới. Một số bộ phận ngại khó, thiếu nhiệt tình với công tác hội. Vai trò chỉ đạo của các cấp hội chưa thật thường xuyên, chưa phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, chưa thật sự chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nông dân. Sự phối hợp giữa hội với các ngành liên quan chưa được nhuần nhuyễn.

Những mặt tồn tại, yếu kém này đặt ra thử thách lớn đòi hỏi Hội Nông dân Thanh Hóa phải nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động, sát cánh cùng bà con nông dân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tất cả còn đang ở phía trước

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XV đã đề ra mục tiêu: đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tăng tốc độ phát triển và vượt chỉ tiêu các kế hoạch đề ra trên tất cả các lĩnh vực, phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, ưu tiên đầu tư các ngành nghề có tiềm năng lợi thế, đáp ứng yêu cầu của thị trường; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đứng trước trọng trách lớn lao, Hội Nông dân Thanh Hóa đang cố gắng phát huy vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua của nông dân xây dựng kinh tế - xã hội; tổ chức tốt các dịch vụ hỗ trợ nhu cầu chính đáng của nông dân, tích cực tham gia phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; mở rộng mô hình tổ chức dạy nghề, tạo lập nghề; tăng cường hoạt động của trung tâm hỗ trợ nông dân, trung tâm dịch vụ việc làm của hội; tham gia các chương trình cải tạo đàn bò, chăn nuôi bò sữa, nuôi lợn hướng nạc xuất khẩu, chăn nuôi gia cầm. Tiếp tục truyền bá kiến thức nhà nông bằng cuộc thi "Kiến thức nhà nông" từ cơ sở. Làm tốt công tác, chức năng của hội trong việc chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần của các hội viên... Xây dựng tổ chức hội vững mạnh, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2008, 75% số hộ nông dân trở lên là hội viên, 100% thôn, bản có nông dân có tổ chức hội, phát triển mạnh chi hội nghề nghiệp; 85% tổ chức cơ sở hội trở lên hoạt động khá, phấn đấu không còn hội xã, phường, thị trấn yếu kém; 86% số hộ nông dân trở lên đạt danh hiệu gia đình nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi; 50% số hộ nông dân đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 100% chi hội và xã, phường, thị trấn xây dựng được quỹ hội....

Với những thành tích đã đạt được và sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo tỉnh cũng như lãnh đạo hội, phong trào nông dân Thanh Hoá sẽ ngày càng phát triển; góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng quê hương ngày một giàu mạnh, văn minh.

Những thành tích của Hội Nông dân Thanh Hoá

1) Được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.

2) Liên tục trong các 1999 - 2002, được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Hội Nông dân toàn quốc.

3) Ba năm liên tiếp (1999 - 2001), được Chính phủ tặng cờ thi đua cho công tác hội và phong trào nông dân Thanh Hoá.

THANH HOA FARMER ASSOCIATION

THE KEY FORCE IN RURAL AND AGRICULTURAL ECONOMIC DEVELOPMENT

DO DOC NGHIEN

Member of the Standing Committee of the Viet Nam Central Farmer Association
Chairman of Thanh Hoa Farmer Association

Keeping pace with the country's boiling spirit in the struggle for national independence, Thanh Hoa Red Peasant's association - the former Viet Nam Farmer Association, the political-social organisation of Vietnamese class was officially established on October 14th 1930 with 200 members from some communes of Tho Xuan villages, Thieu Hoa, Dong Son. Its establishment had lifted the provincial peasant movement to the new height. Following that magnanimous tradition, Thanh Hoa Farmer Association has been consistently striving, making great contribution to the cause of building the prosperous homeland.

Actively taking part in socio-economic development

Every year, the associations of different levels have worked out many programs on combining with the non-productive and business units, the scientists, occupational schools and universities in and out of the province, bringing the practical efficiency for the farmers. Besides, it has also organised more than 2,000 classes on transferring science-technique for over 100 thousands farmers, launched the first Thanh Hoa competition on studying science-technical knowledge, which attracted the participants of over 1,1 million farmers.

Additionally, the association has also set up two district-level incentive centres, which evidence the right policy of socialising the agricultural activities, providing farmers with the valuable experience despite its newly establishment. That was the first time the policy of the association's Standing Committee was discussed and implemented at the locality.

Up to 2002, 619 communes, wards and townships had the association's bases, consolidated 1,537 branches, built up four occupational branches in Thanh Hoa City and Dong Son District, admitted 20,291 members, raising the total members in the whole province to 341,647 people, of which 245,126 were given the membership cards.

With the active support of Thanh Hoa Farmer Association, some concentrated areas planting industrial trees have been set up in many localities, attaching production with processing and consumption. The rapid development has recorded in the movement of converting the areas of ineffective rice and sedge growing, ponds, lakes and swamps to the aquacultural cultivation zones. The afforestation has been effectively carried out, covering basically the wild lands and bold hills with green trees. The infrastructure supporting agriculture - forestry - fish-breeding production has been enhanced. Those factors are the important material premises for the rapid and stable development in the future.

The movement on good production - business launched by the association has attracted increasing number of farmers across the province. Every year, around 350 - 400 thousands of farmer households register to be the good production - business families. By late 2002, in the entire province approximately 300 households achieved the third-grade good production - business households, increased about 30% over 1998. Quality and efficiency in production - business are getting improved, many households owned capital of bil

Member of the Standing Committee of the Viet Nam Central Farmer Association, Chairman of Thanh Hoa Farmer Association, Do Doc Nghien reads the opening speech at the seventh Congress of Thanh Hoa Farmer Association

lions dong, annual income gained over VND100 millions. Additionally, that movement also contributes important role in converting economic structure, developing new occupations, investing capital effectively, realising the social policies, eradicating hunger and reducing poverty in the rural areas. It also supported billions dong in infrastructure construction, of which, VND109 billions was granted to reinforce 3,006.6km dykes and canals, VND11.5 billions for building 1,321km rural traffic roads.

With the active activities, 2002 was recorded as the successful year of Thanh Hoa Farmer Association. Its branches together with the farmers positively innovated cultivation structure, applied the science-technical advancements in production, contributing to raising productivity so that the cultivation and livestock output reached the highest top so far. Owning to that, total planting area achieved 432,480 ha, rose 22% and average rice yield gained 4.87 tonnes/ha, over 0.22tonnes/ha compared the same period last year. The importance was continually attached to livestock farming, using the new crop-seeds and industrial foods, developing on commodity production orientation. Many farmer households invested in the farms breeding imported supper-meat pigs and processing pork for export, rearing prolific and milk cows, reached 1.29 million pigs, rose 2.9% and 228,800 cows, increased 5.2% in comparison with the same period last year, of which 21,468 Sind cross-bred cows and 350 milk cows.

The aquatic sector obtained the good results in 2002 in both catching and breeding, of which the cultivation areas attained 11,135ha, exceeded 8.2% and total aquatic output estimated at 58,200 tonnes, rose 11% over 2001. A number of fishermen reared common tiger prawn by the industrial, intensive and semi-intensive methods, organised large-scale bases processing seafood, creating jobs and increasing income for the labourers. Besides, the fisherman households also actively invested in increase of 16 offshore fishing vessels, 60 in-shore fishing ones. The farmers from the mountainous and midland areas planted 5,800 ha concentrated forests, exceeded 5.4% plan and 9.5 millions trees, rose 18%, lifted the forest coverage to 38.2%. In addition to participating in local economic development, the farmer households have also actively built the new living style, remained the good habits and customs of the community, stabilised political security and social order and safety and therefore to restrict partly the social evils, contributing to changing the face of the rural area.

The association's bases have actively created funds to assist the poor members overcoming difficulties. Of which, in 2002, VND433 billions was collected, raising the total amount of funds in the whole province to VND5,732 billions. In many districts, the associations' funds accounted for VND100-200 millions. Parallel with such resources, the provincial association has actively co-ordinated with the bank for the poor to instruct the farmers to set up 4,992 insecure loan teams, granted loan to 109,623 households with the total amount of VND 207billions, exceeded 286 teams with 86,775 households and VND25.3 billions over 2001. Besides, the association has also co-operated with the commercial bank and bank for agriculture in line with Inter-Resolution No 2308 in setting up 2,242 insecure loan teams administering more than VND 100billions, granting loan to 24,000 households, especially assisting investment capital to 80% needy farmers for production development.

The difficulties need to be extricated

Apart from the obtained achievements, there are many impediments existing in Thanh Hoa agriculture

and rural reality including unstable agricultural development, slow economic structure transformation, high value of some industrial products' input, low quality and high price of the cross-breeding rice varieties, particularly the Nhi uu 63. Additionally, the State management over fertilizer, pesticide and several crops and seeds is slack, pay for the workday in agriculture is very low and the lack of employment is increasing. Besides, there is shortage of policies and resources insuring some main kinds of breeding animals and cultivated crops from natural disasters and market changes. Some traditional occupations are late to be recovered and the new ones require the due attention. The issues relating to rural traffic, irrigation and fresh water - environment hygiene in some rural and especially the remote areas are facing a range of difficulties. A number of the farmers are resigned and conservative, hesitating to perceive the updated knowledge and improve themselves in the production and living. The cadres, specifically the key leaders of the association's branches have not kept pace with the requirement of the new era. Some of them are fearful of hardships and unenthusiastic with the association's activities. Irregular guidance of the branches resulted in improperly discovering and solving the practically arising problems, inappropriately taking care of and protecting the farmers' legitimate right. The co-ordination between the association with the concerning sectors is carried out inharmoniously.

Those shortcomings created great hardships, which require Thanh Hoa Farmer Association to enhance further operation efficiency, together with the farmers to develop local socio-economy.

Impending tasks

The targets in the 15th Thanh Hoa provincial Party's Committee Congress's Resolution are: intensifying reform, speeding up growth rate, exceeding the planned targets of all sectors, utilising and exploiting the forces effectively, granting priority to investment in the potential occupations, satisfying the market requirements and continually converting economic structure towards industrialisation and modernisation.

Holding heavy responsibility, Thanh Hoa Farmer Association is striving for bringing into play the key role in the farmers' emulation movements to develop socio-economy. Of which, it will provide services supporting the farmers' legitimate demands, actively take part in expanding cooperative economy and agricultural co-operatives, extend the models of training and creating occupations, enhance the operation of the association's incentive centres and employment service centres. Participating in the programmes of improving the cowherds, breeding milk cows, supper-meat pigs for export and poultry is also of necessity. The association should continue to propagate the agricultural knowledge by launching the competition "The farmer's knowledge" from the basic level, well implement the association's functions in taking care of the material and spiritual living for the members, build strong organisations, contributing to rural socio-political stabilisation.

By 2008, the association should strive for approaching 75% farmer households and 100% communes and villages, developing strongly the occupational branches, 85% bases operating effectively and excellently upwards, 50% households deserving the cultural families, 100% branches and communes, wards and townships building up the funds.

With the obtained achievements and the prompt concern and direction of the provincial and association's leaders of different levels, Thanh Hoa farmer movement will be developed day after day, contributing in the cause of building the homeland more and more prosperous and civilised.

Thanh Hoa Farmer Association's performance

1) Was granted the Labour Orders of first, second and third grades by the Party and the State.

2) Was conferred the stimulation flags in four consecutive years (1999 - 2002) for the leading unit in the national Farmer Associations' emulation movement by the Viet Nam Central Farmer Association.

3) Was offered the stimulation flags for the association's activities and Thanh Hoa farmer movement in three consecutive years (1999 - 2001) by the Government.

Phần III

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Part III

SOCIO-ECONOMIC - ADMINISTRATIVE STRUCTURE

THÀNH PHỐ THANH HOÁ

SỨC BẬT CỦA MỘT THÀNH PHỐ TRẺ

BÙI TƯỜNG HỶ
Phó Bí thư Thành uỷ - Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá

Là một thành phố trẻ đầy tiềm năng của một tỉnh đất rộng người đông vào loại nhất nhì trong cả nước, trong những năm gần đây, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức song với lòng quyết tâm phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố, cộng thêm sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thường vụ Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự giúp đỡ nhiệt thành của các ban, ngành Trung ương và địa phương, thành phố Thanh Hoá đã giành được nhiều thắng lợi lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- **Diện tích tự nhiên: 57,8 km²**
- **Đơn vị hành chính: 18 phường, xã**
- **Tốc độ tăng GDP (1996 - 2000): 13,4%**
- **GDP đầu người năm 2002: 766 USD/năm.**

Bước đầu khẳng định vị thế của thành phố trẻ đầy tiềm năng

Ông Bùi Tường Hỷ
Phó Bí thư Thành uỷ - Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá

Kể từ khi trở thành đô thị loại III, kinh tế thành phố Thanh Hoá đã có bước chuyển biến mạnh mẽ. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1996 - 2000 đạt 13,4%, tăng hơn 3% so với thời kỳ 1995 - 1996. GDP bình quân đầu người năm 2000 đạt 633 USD. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra. Các hoạt động văn hoá - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng xã hội hoá, quốc phòng - an ninh được củng cố, trật tự trị an xã hội được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện.

Vài nét khái quát về thành phố Thanh Hoá

Hệ thống đô thị Thanh Hoá hình thành từ lâu đời và có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó, thành phố Thanh Hoá là đô thị trẻ, nằm bên bờ sông Mã, có vị trí, cảnh quan sinh thái rất thuận lợi, khí hậu khá ôn hoà: mùa đông ấm áp, mùa hè mát mẻ.

Quốc lộ 1A xuyên Việt chạy qua trung tâm thành phố dài gần 10 km, Cảng Lệ Môn, Sầm Sơn ở phía Đông, đường sắt Bắc - Nam chạy ở phía Tây, tạo thành một mạng lưới giao thông đa dạng và thuận tiện. Nhờ đó, thành phố Thanh Hoá đã trở thành trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá của tỉnh Thanh Hoá, đồng thời ở vào vị thế thuận lợi trong việc giao thương với tất cả các tỉnh trong nước.

Để phát huy và nâng cao vai trò, vị thế của trung tâm tỉnh lỵ của một tỉnh thuộc hàng lớn nhất cả nước, ngày 1-5-1994, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 37/CP nâng cấp thị xã Thanh Hoá lên thành phố Thanh Hoá với 18 phường, xã, tổng diện tích tự nhiên 57,8 km², dân số gần 20 vạn người.

Một số ngành kinh tế chủ yếu có mức tăng trưởng khá. Kết thúc năm 2002, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố đạt 643,86 tỷ đồng, tăng 11,5%, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 31,5%. Trong lĩnh vực nông nghiệp, do tác động của quá trình đô thị hoá, diện tích gieo trồng giảm 5%, nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn tăng 2,3%.

Thu ngân sách trên địa bàn tăng 7,3%/năm, riêng ngân sách thành phố thu tăng bình quân giai đoạn 1996 - 2000 là 6%/năm. Năm 2000, nhờ giải quyết tốt hơn công tác giải phóng mặt bằng, tạo mọi điều kiện để các dự án của Trung ương và của tỉnh triển khai thuận lợi, gắn với huy động sức dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nên vốn đầu tư trên địa bàn tăng đáng kể so với kế hoạch. Tổng thu, chi ngân sách năm 2002 tăng 5,2% so với dự toán tỉnh giao. Một số ngành sản xuất phát triển nhanh và có hiệu quả như: chế biến lương thực thực phẩm, vật liệu xây dựng, phân bón, v.v..

Các khu công nghiệp tập trung đang được hình thành và phát triển. Trong đó, Khu công nghiệp Lệ Môn, mới triển khai giai đoạn đầu với hơn 60 ha, đã có 6 nhà doanh nghiệp đầu tư xây dựng và 16 dự án được cấp giấy phép (6 dự án đã đi vào hoạt động, 10 dự án đã và đang trong quá trình xây dựng). Khu công nghiệp Đông Hương đã được quy hoạch lại. Khu công nghiệp Tây - Bắc Ga đang triển khai dự án đầu tư. Khu công nghiệp du lịch - văn hoá Hàm Rồng đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết, đang triển khai và kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng và xây dựng một số hạng mục công trình...

Văn hoá - xã hội cũng có sự chuyển biến tích cực. Sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh. Toàn thành phố đã hoàn thành chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đang từng bước triển khai phổ cập trung học phổ thông. Đặc biệt, những năm gần đây, ngành giáo dục - đào tạo đã quan tâm chỉ đạo, quản lý chất lượng dạy và học ở tất cả các cấp. Thành phố luôn là đơn vị dẫn đầu về giáo dục mũi nhọn, nhất là về số học sinh giỏi các cấp học hàng năm. Đến nay, trên địa bàn có 10 trường tiểu học đạt tiêu chuẩn quốc gia và 3 trường cận chuẩn. Phong trào xây dựng phố, làng văn hoá, nếp sống văn minh phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Theo thống kê, đến năm 2002, toàn thành phố có 140 phố, làng văn hoá khai trương xây dựng, tinh thần và đời sống văn hoá ngày càng cao, nếp sống văn hoá đô thị có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ sinh đẻ toàn thành phố giảm xuống còn 0,02%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 17%. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 6,4% xuống còn 5,9%. Công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống cháy nổ được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong quần chúng và được thực hiện tốt. Hàng năm, số vụ tai nạn lao động và mức thiệt hại về tài sản giảm mạnh.

Những năm gần đây công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được đặc biệt chú trọng, từng bước nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh, tăng cường xây dựng mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng 6 loại vắc xin, tiêm phòng chống bệnh sởi, uống Vitamin A đạt tỷ lệ cao. Do làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, nên trong thời gian qua thành phố không có dịch bệnh lớn xảy ra, nhất là việc xử lý dịch bệnh SARS. Bên cạnh đó, công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân cũng được lãnh đạo thành phố quan tâm và chỉ đạo sát sao.

Công tác xây dựng và phát triển đô thị có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, được sự quan tâm của tỉnh, sự lãnh đạo trực tiếp, sát sao của Thường vụ Thành uỷ, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, đến nay, 8 quy hoạch chi tiết đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các địa bàn dân cư như: Khu du lịch văn hoá Hàm Rồng, Nam cầu Hạc, Khu Trung tâm, Khu đô thị Đông Hương, Khu đô thị Đông Sơn.... Đồng thời, thành phố cũng triển khai quy hoạch đô thị mới, quy hoạch khu nghĩa trang phía Bắc và nhiều khu tái định cư cho các dự án trên địa bàn. Từ việc xây dựng quy hoạch, tốc độ đầu tư phát triển đô thị ngày càng tăng nhanh. Tính đến nay, tổng vốn đầu tư giai đoạn 1996 - 2000 đạt 1.200 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với thời kỳ trước. Riêng năm 2002, vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt gần 400 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương là 110 tỷ đồng. Chính nhờ những nguồn vốn này, hầu hết các tuyến đường nội thành được đầu tư nâng cấp, trên 40% tuyến đường được rải thảm bêtông nhựa. Hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh đang từng bước được đầu tư, các trục đường chính trong thành phố đã có điện chiếu sáng vào ban đêm. Hệ thống điện đang được đầu tư nâng cấp đồng bộ theo các dự án. Hệ thống cấp nước đã được đầu tư và đang được đưa vào khai

thác sử dụng. Tốc độ đầu tư xây dựng nhà ở tư nhân ngày càng tăng nhanh, đặc biệt nhiều khu đô thị mới được đầu tư kết cấu hạ tầng khang trang, hiện đại và đồng bộ như: khu dân cư Mai Xuân Dương, Đồng Vệ, Nam đại lộ Lê Lợi...

Định hướng phát triển và biện pháp đến năm 2005

Phát huy truyền thống sẵn có, cộng thêm tiềm năng về vốn, lao động và khoa học kỹ thuật, Đảng bộ, chính quyền thành phố đã vạch ra một số chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005. Trong đó, phấn đấu xây dựng thành phố Thanh Hoá trở thành trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội văn minh, hiện đại có tác động tích cực đến sự phát triển của các vùng trong tỉnh và khu vực; tập trung mọi nguồn lực phấn đấu đến năm 2005 thành phố Thanh Hoá sẽ trở thành đô thị loại II.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, lãnh đạo thành phố đã đề ra nhiều giải pháp có tính khả thi. Trong đó, thành phố xác định phải tập trung phát huy tối đa nội lực, kết hợp với đầu tư nước ngoài, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học - công nghệ làm nền tảng. Đặc biệt, thành phố sẽ tập trung phát triển công nghiệp hướng mạnh vào xuất khẩu. Thanh Hoá cũng xác định sẽ dành ưu đãi cho đầu tư sản xuất công nghiệp vào những vùng trọng điểm kinh tế như: Khu công nghiệp Lễ Môn, Khu công nghiệp Tây - Bắc Ga. Chú trọng đầu tư nước ngoài dưới tất cả các hình thức: liên doanh, 100% vốn nước ngoài, BOT, BTO, BT, v.v.. Bên cạnh đó, hình thành thêm một số khu công nghiệp có điều kiện thuận lợi cho phát triển thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống, tạo ra sản phẩm xuất khẩu. Thành phố sẽ củng cố phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư xây dựng hệ thống thương mại không chỉ phục vụ nhu cầu trong nước, mà còn đáp ứng nhu cầu xuất khẩu với các sản phẩm truyền thống như hàng nông sản, may mặc, da giày, hàng mỹ nghệ. Đồng thời, thành phố cũng đặc biệt coi trọng việc xây dựng, phát triển mạnh mẽ lĩnh vực du lịch, dịch vụ, coi đây là ngành kinh tế mũi nhọn đóng góp đáng kể cho GDP thành phố.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng thành phố Thanh Hoá thành đô thị loại II là khẩn trương xây dựng kết cấu hạ tầng. Điều đó có nghĩa là, từ nay đến năm 2005, thành phố sẽ tập trung khoảng 2.000 tỷ đồng cho đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó đầu tư 800 tỷ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Các hướng đầu tư của thành phố sẽ tập trung vào giao thông, cấp thoát nước, lưới điện. Cụ thể, các tuyến nội, ngoại thành sẽ tiếp tục được nâng cấp. Hệ thống giao thông vành đai và các trục đường giao thông hướng ngoại, các nút giao thông, bến tàu, bến xe,... sẽ dần được hoàn chỉnh. Dự án cấp nước thành phố Thanh Hoá, Sầm Sơn sẽ sớm được hoàn thành để đưa tỷ lệ hộ dùng nước sạch đạt 100%,

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005

Các chỉ tiêu	Trị giá
- Tốc độ tăng trưởng GDP	15 - 16%
- GDP bình quân đầu người	1.000 USD
- Thu ngân sách trên địa bàn	460 tỷ VND
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn.	
Trong đó:	870 tỷ VND
+ Giá trị sản xuất công nghiệp thành phố	290 tỷ VND
- Giá trị thương mại - dịch vụ.	
Trong đó:	400 tỷ VND
+ Giá trị thương mại - dịch vụ thành phố	180 tỷ VND
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2005	
+ Công nghiệp	38%
+ Thương mại - dịch vụ	57%
+ Nông nghiệp	5%
- Tốc độ tăng trưởng bình quân	
+ Công nghiệp	14 - 15%
+ Thương mại - dịch vụ	12 - 13%
+ Nông nghiệp	5 - 6%

Nguồn: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

Cầu Hoằng Long – Hàm Rồng (cầu sắt), hai cầu huyết mạch của thành phố Thanh Hoá

Foto: Tư Liệu

trong đó 80% dùng nước máy. Triển khai xây dựng hệ thống thoát nước đầu mối, khu nội thành, xây dựng cải tạo hồ chứa nước, xây dựng vỉa hè, cây xanh cho 100% đường phố nội thành. Cải tạo, xây dựng lưới điện thành phố bao gồm lưới điện hạ thế, các trạm biến áp, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng ở các trục đường chính, các khu dân cư đông đúc.

Mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra đối với Đảng bộ, Uỷ ban nhân dân và nhân dân thành phố Thanh Hoá là hết sức nặng nề. Trong quá trình thực hiện các mục tiêu trên, bên cạnh những thuận lợi sẽ gặp không ít khó khăn. Song vượt lên tất cả, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Thanh Hoá cùng quyết tâm sẽ hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra, đưa thành phố Thanh Hoá trở thành đô thị loại II vào trước năm 2005.

Địa chỉ liên hệ:
UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ
Địa chỉ: 27 Trần Phú - thành phố Thanh Hoá
Điện thoại: 037.852152 - 759426
Chủ tịch: BÙI TƯỜNG HỶ

THANH HOA CITY

BREAKTHROUGH OF THE YOUNG CITY

By BUI TUONG HY
Municipal Committee Deputy Secretary
Chairman of Thanh Hoa Municipal People's Committee

Thanh Hoa City is the potential young city of the almost widest and most populated province nationwide. Despite of numerous difficulties and challenges, with the constant resolute endeavour of the municipal Party's Committee, authorities and people, the close instruction of the provincial Standing Committee, People's Council and People Committee and enthusiastic supports of the Central and local sectors and branches, Thanh Hoa City in recent years achieved great successes in political - economic - cultural - social sectors.

Initially affirming image of the potential newly-established city

Since becoming the third-grade urban area, Thanh Hoa City's economy witnessed strong changes. Average GDP growth rate in the period of 1996 - 2000 hit a record of 13.4%, rose 3% over 1995 - 1996. Per capita GDP in 2000 numbered US$633. Economic structure

Natural area: 57.8 sq.km
Administrative structure: 18 wards and communes
GDP growth (1996 - 2000): 13.4% a year
Per capita GDP in 2002: US$766 a year

Briet of Thanh Hoa City

The Thanh Hoa urban system was formed for a long time, containing interactive close ties. Of which, Thanh Hoa City is the young urban area, lying along Ma River, enjoying favourable ecological location and landscapes and mild climate with warm winter and cool summer.

National Highway IA across Viet Nam running through the City's centre for 10km, Le Mon Port of Sam Son lying in the east and north-south railway in the west have created the diversified and convenient traffic system. Thanks to that, Thanh Hoa City has become the political - economic - cultural centre of Thanh Hoa province with the favourable location in commercial exchange with all the provinces nation-wide and the countries in the region and worldwide.

To develop and enhance the role and position of the province's centre, which is among the biggest ones nation-wide, on May 1st 1994, Prime Minister signed Decree 37/CP on upgrading Thanh Hoa town to Thanh Hoa City with 18 wards and communes, total natural area of 57.8sq.km and population of nearly 200 thousands people.

was continued to convert actively, reaching and exceeding the set targets. The effectiveness was recorded in socio-cultural development towards socialisation, defence and security consolidation, social order and safety reinforcement and people' material and spiritual life improvement.

Some key economic sectors have seen healthy growth. By late 2002, industrial - handicraft production value accounted for VND643.86 billions, rose 11.5%, of which value from non-State sectors increased 31.5%. As for agriculture, due to urbanisation process, the planting areas reduced 5% against an increase of 2.3% in agricultural production value.

Budget collection in the locality rose 7.3% a year, revenue from City's budget alone increased 6% a year in 1996 - 2000 at average. In 2000, thanks to better dealing with the site clearance to facilitate the implementation of the Central and provincial projects and mobilising people' strength in infrastructure construction, investment capital in the locality exceeded considerably over the plan. Total budget collection and expenditure in 2002 rose 5.2% compared to the estimates allotted by the province. The rapid and efficient development was seen in such sectors as foods and foodstuff processing, construction material and fertilizer manufacturing.

The concentrated industrial zones (IZs) have been establishing and extending. Of which, hardly had Le Mon IZ deployed its first phase with 60ha than six enterprises invested in and 16 projects were licensed (including six projects already started realisation and 10 others have been under construction). Dong Huong IZ was reprogrammed and Tay-Bac Ga IZ is carrying out investment project. Ham Rong Culture - Tourism site has obtained approval from the provincial People' Committee for its detailed plan, been implementing and attracting investment in building infrastructure and some other works.

Active changes also were recorded in socio-cultural activities. Education experienced sound development. The whole City accomplished universalising primary and lower secondary education promptly and gradually universalising upper secondary education. Specifically in recent years, the training - education sector has focused on instruction and management of teaching and studying quality of all levels. The City is always the leading unit in key education, especially in the number of excellent pupils yearly. So far, the City is home to 10 primary schools satisfying national standard and three schools being satisfied. The movements on building cultural streets and villages and civilised living style widely spread out among the community. According to statistics, by 2002 in the entire City, 140 cultural streets and villages started to be built, spiritual and cultural life were increasingly improved, urban cultural living style

changed actively. The City's rate of birth drop to 0.02%, of malnutrition children reduced to 17% and of needy households decreased from 6.4% to 5.9%. A firm guarantee for foodstuff hygiene safety and fire protection was widely propagated among the people and well implemented. The labour accidents and property damage reduced remarkably.

Great importance was attached to the community's health care in recent years, gradually enhancing quality of examination and treatment and intensifying basic health network building. The programme on six kinds of vaccines inoculation, measles vaccination and Vitamin A taking was effectively carried out. Thanks to good implementation of epidemics prevention and protection, especially SARS treatment, in the last years no large epidemic diseases were recorded in the City. The management over practising private medicine and pharmaceutics benefited from close conduct and concern of the municipal authorities.

The urban construction and development saw active progresses. Specifically, under the consideration, direction and closed instruction of the provincial Party's Standing Committee and tight co-orperation of the sectors and branches, so far eight detailed plans were approved by the provincial People's Committee and widely published through media in every residential areas. Those include Ham Rong Culture - Tourism site, Nam Cau Hac, Centre area, Dong Huong and Dong Son urban zones. Concurrently, the City has also implemented planning in the new urban zones, the north cemetery and a number of resettling areas for the locally-based projects. The planning's working out helped increase the urban expansion speed. So far, total investment capital for 1996 - 2000 gained VND1.200 billion, rose threefold over the last period. In 2002 alone, the construction investment capital approached VND400 billions consisted of VND110 billions of the Central. Making use of those capital resources, most of the inner roads were reinforced and upgraded, more than 40% roads were concreted or asphalted. The investment has also been granted to the water drainage system, pavements, green trees and the lights covering the inner main roads during the nights as well as comprehensive upgrade of the wiring in line with the projects. The water supply system earned investment and was put in operation. Investment speed in building residential areas privately is gradually increasing, especially in spacious, modern and synchronous infrastructure such as Mai Xuan Duong and Dong Ve IZs, and residence the South of Le Loi boulevard.

Development orientation by 2005

Bringing into play the existing traditions along with potentials in capital, labour and science-technology, the

Socio-economic targets by 2005

Indices	Value
- GDP growth rate	15% - 16%
- Per capita GDP	US$1,000
- Budget collection locally	VND 460 billions
- Industrial production value at the locality, inclusive:	VND 870 billions
+ Industrial production value of the City	VND 290 billions
- Trading - service value, inclusive:	VND 400 billions
+ Trading - service value of the City	VND 180 billions
- Economic structure by 2005	
+ Industry	38%
+ Trading - service	57%
+ Agriculture	5%
- Average growth rate	
+ Industry	14% - 15%
+ Trading - service	12% - 13%
+ Agriculture	5% - 6%

Source: Thanh Hoa municipal People's Committee

Thanh Hoa municipal Party's Committee and authorities mapped out the socio-economic development strategy for 2001 - 2005. Accordingly, striving for building Thanh Hoa City to be the modern and civilised political - economic - cultural - social centre, which has positive influences on the growth of the province and region and joining all forces to turn the City into the second-level urban area by 2005 should be carried out.

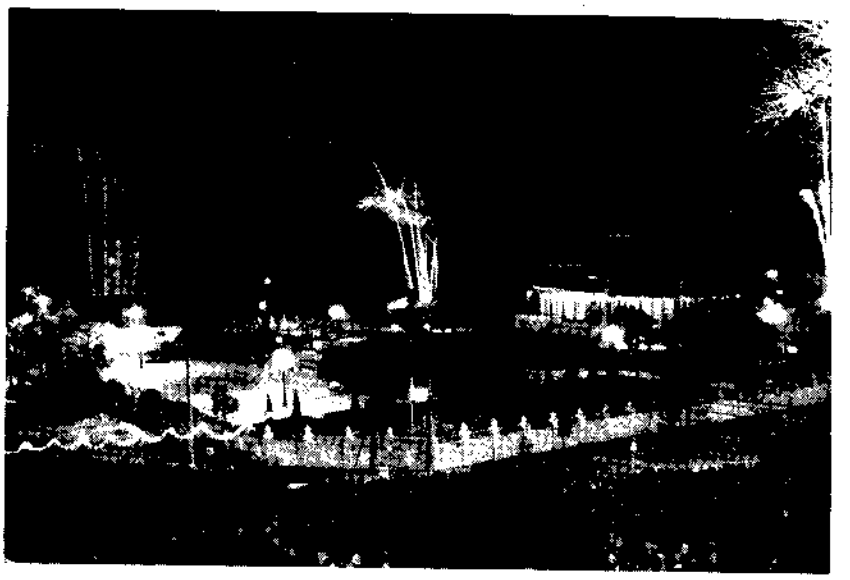

Ben Bac spring night

To make those targets achievable, the municipal leaders worked out many feasible solutions. Accordingly, the City should focus on utilising up internal forces in combination with foreign investment to create socio-economic structure conversion towards industrialisation and modernisation based on science-technology, particularly centre on industry development directing to export. Preferential investment will be given to developing industrial production in the pivotal economic zones such as Le Mon and Tay Ga IZs. The importance will be attached to foreign investment under all forms: joint-venture, 100% foreign-owned enterprises, BOT, BTO and BT. Besides, some IZs for expanding small industry and traditional handicraft to launch out the products for export should be formed. The City will consolidate developing import-export business, invest in building commercial system to meet demand not only locally but also for export with such traditional commodities as agricultural, garments, leather footwear and fine arts products. Simultaneously, building and developing tourism and services should be considered the City's key economic sector, making considerable contribution to the City's GDP.

One of the core tasks to turn Thanh Hoa City into the second-level urban area is quickly constructing infrastructure. That means, from now up to 2005 the City will pour around VND2,000 billions in capital construction, VND800 billions of which to technical infrastructure, focusing on building and upgrading traffic system, water supply and drainage and power network. Traffic system will continually be completed, especially the traffic belts, wharfs and bus stations. The project on supplying water for Thanh Hoa and Sam Son will be soon completed to provide 100% households with fresh water including 80% with tap water. Building the drainage system, the water reservoir and pavements and planting green trees in 100% streets within the City are of necessity. The City's power network consisting of low-voltage network, transformer stations and lighting system in the main roads and residential areas will be upgraded and built.

Under the implementation of such extremely heavy targets and tasks set forth for the Thanh Hoa municipal Party's Committee, Peoples' Committee and people, the difficulties will arise along with the favourablenesses. Above all, however, the Thanh Hoa municipal Party's Committee and people are bound to accomplish successfully the set tasks and targets, shifting Thanh Hoa City to the second grade urban area before 2005.

Contact :
THANH HOA MUNICIPAL PEOPLE' COMMITTEE
Address: 27 Tran Phu - Thanh Hoa City
Telephone: 037. 85 2152 - 75 9426
Chairman: BUI TUONG HY

CÔNG TY MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HOÁ

HƯỚNG TỚI MỘT MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong khi con người luôn cần môi trường sạch, các chất - khí thải từ các nhà máy toả ra ngày càng lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống. Những chất - khí có hại cho môi trường là tác nhân phá huỷ tầng ôdôn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của con người. Tổ chức Y tế thế giới đã liên tục đưa ra khuyến cáo, thậm chí còn lấy ngày 5-6 hàng năm là "Ngày vì môi trường thế giới". Điều đó cho thấy, mỗi chúng ta đều phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, vì bảo vệ môi trường không phải là nhiệm vụ của riêng ai.

Công ty Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá ra đời ngày 8-8-1977 theo Quyết định số 834 TC/UBTH của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, được thành lập lại doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 388/CP của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Quyết định số 206 QĐ/UBTH của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá ngày 10-3-1994, với chức năng thu gom, vận chuyển rác thải trong thành phố, nạo vét thông thoáng mương, cống rãnh, quản lý công viên cây xanh, điện chiếu sáng,...

Vì môi trường xanh - sạch - đẹp

Thành phố Thanh Hoá đang trên đà phát triển mạnh về mọi mặt, đặc biệt tốc độ đô thị hoá đang diễn ra ngày càng nhanh. Các khu đô thị, khu dân cư mới đang được xây dựng và hình thành, nhiều tuyến đường đang được cải tạo mở rộng hoặc làm mới. Các cơ quan công sở, trường học, bệnh viện cũng được đầu tư xây dựng mới. Tất cả các hoạt động này đều tác động và ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và phát triển cây xanh đô thị.

Cùng với các hoạt động giao thông, hoạt động sản xuất - kinh doanh cũng đã có những tác động xấu đến môi trường sống. Trong quá trình phát triển đô thị, việc xây dựng môi trường sống bền vững là yêu cầu cấp thiết cho môi trường sinh thái, cảnh quan, văn minh đô thị và cuộc sống của con người. Nhận thức được vấn đề này, ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường đô thị ngày càng tốt hơn, cải thiện đáng kể môi trường sống. Điều đó cũng được thể hiện qua việc đầu tư kinh phí cho việc mở rộng diện tích quét thu gom, bốc xúc, vận chuyển rác; đầu tư mua sắm, đổi mới phương tiện vận chuyển, nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng bãi chứa rác, xây dựng nghĩa trang nhân dân, v.v..

Phó Giám đốc
Nguyễn Hùng Vân

Trong 6 năm qua (1997 - 2002), cán bộ công nhân viên Công ty Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá luôn cố gắng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng của thành phố, nhất là qua việc nâng cao chất lượng phục vụ vệ sinh môi trường, cải tiến, đổi mới công cụ sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện việc làm cho người công nhân. Nếu như năm 1997, diện tích quét thu gom rác là 45,2 ha, thì đến năm 2002 đã tăng lên 73,2 ha, tăng 162%. Như vậy, diện tích quét thu gom rác tăng bình quân 12,4%/năm. Công tác bốc xúc, vận chuyển rác năm 2002 đạt 112.000 m^3, tăng 61,3% so với năm

1997, đạt mức tăng bình quân 11,7%/năm. Công tác nạo vét mương, thông thoát nước mương, cống, rãnh cũng tăng đều qua các năm. Nếu như năm 1997 Công ty đã thực hiện nạo vét 45 km mương, cống các loại, thì đến năm 2002 là 78 km, tăng 173%.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng (tăng 200%). Đồng thời, Công ty còn thiết kế và lắp đặt thiết bị đóng ngắt điện chiếu sáng công cộng, qua đó đã chủ động và tiết kiệm được hàng trăm triệu đồng mỗi năm. Công viên cây xanh, nghĩa trang liệt sỹ đã được đầu tư quy hoạch và đi vào quản lý có nền nếp.

Có được kết quả đáng tự hào trong suốt thời gian qua là nhờ sự chỉ đạo, lãnh đạo và đầu tư của Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố và các cấp, các ngành, các cơ quan đoàn thể cùng sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không mệt mỏi của tập thể lãnh đạo, công nhân viên trong Công ty và sự hưởng ứng đóng góp của nhân dân trên địa bàn. Những cố gắng đó đã tạo nên diện mạo mới cho bộ mặt cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp của thành phố. Đây cũng là tiền đề để thành phố Thanh Hoá tiến kịp cùng các đô thị trong cả nước, hội nhập với các đô thị văn minh trong khu vực.

Công nhân đang vận hành xe gom rác

Foto: Tư Liệu

Hướng tới một môi trường bền vững

Bước vào năm 2003 và các năm tiếp theo, trước tốc độ đô thị hoá của thành phố Thanh Hoá, đời sống vật chất ở các khu đô thị tăng lên, người dân xứ Thanh cũng cần có một môi trường trong sạch. Tuy nhiên, trước nhu cầu gia tăng hữu cơ thì các chất phế thải được thải ra ngày càng nhiều. Trước tình hình đó, Công ty Môi trường và Công trình đô thị đã đưa ra các khuyến cáo nhằm tuyên truyền sâu rộng, ý thức trách nhiệm của người dân trong toàn thành phố.

Bảng vàng thành tích

1) *Năm 2002, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.*
2) *Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen năm 1997.*
3) *Đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh (1999 - 2001).*
4) *Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng: bằng khen về thành tích trong sản xuất, công tác (năm 2000); bằng khen về thành tích hoàn thành nhiệm vụ năm 1999.*
5) *Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng bằng khen về công tác bảo hộ lao động (năm 2001).*
6) *Bộ Y tế tặng bằng khen về công tác vệ sinh an toàn lao động (năm 2001).*
7) *Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng bằng khen vì thực hiện tốt công tác thu nộp bảo hiểm xã hội (năm 2001).*
8) *Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng: bằng khen cho cán bộ đoàn viên công đoàn (năm 2001); cờ thi đua thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động (năm 2000); bằng khen và huy hiệu lao động sáng tạo cho chủ đề tài "sáng kiến cải tiến" (1998 - 1999); bằng khen về thành tích trong sản xuất và hoạt động công đoàn (năm 1997).*
9) *Liên đoàn Lao động tỉnh tặng cờ đơn vị thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động (năm 2001).*

Ngoài ra, Công ty còn đón nhận nhiều bằng khen, giấy khen do các cấp, các ngành tặng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đề ra các mục tiêu nhằm từng bước thực hiện xã hội hoá công tác vệ sinh môi trường, giảm chi ngân sách nhà nước bằng cách: các cơ quan và nhân dân đóng góp kinh phí. Đồng thời, điều chỉnh dần mức thu phí theo mức tăng thu nhập; tích cực vận động nhân dân xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng bằng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm, các cuộc vận động có thời gian, thời điểm cụ thể,...

Trong những năm tới, từng bước hiện đại hoá công tác vệ sinh môi trường bằng cách đầu tư công nghệ, dây chuyền trang thiết bị nhằm từng bước xử lý dứt điểm các chất thải rắn, thải lỏng, thải khí,... thông qua việc xây dựng lò xử lý rác tại các bệnh viện, lắp đặt dây chuyền phân loại, xử lý rác thải, bãi chôn lấp rác trơ. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị như: đường, vỉa hè, mương, cống; đầu tư các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường như: xe hút bùn mương, cống, xe phun nước, v.v.. Ngoài ra, các đơn vị trên địa bàn phải áp dụng triệt để hệ thống tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh môi trường ISO 14.000.

Để thực hiện tốt những vấn đề trên, ông Nguyễn Hùng Văn - Phó Giám đốc Công ty Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá cho biết: "Chúng tôi rất mong sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo sát sao hơn nữa của Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thành phố và sự phối kết hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và sự tham gia đóng góp của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, kết hợp với cán bộ, công nhân viên trong Công ty hướng tới một môi trường phát triển bền vững".

Địa chỉ liên hệ:
CÔNG TY MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HOÁ
Địa chỉ: 467 Lê Hoàn- thành phố Thanh Hoá
Điện thoại: 037.852228
Giám đốc: ĐỖ HUY TIẾP
Phó Giám đốc: NGUYỄN HÙNG VĂN

THANH HOA URBAN WORKS AND ENVIRONMENT COMPANY

TOWARDS A SUSTAINABLE DEVELOPMENT ENVIRONMENT

Whereas clean environment is always vital to the people's life, more waste matters and gases are going out of the factories, causing serious effects on the environment. The livings on earth are in a great danger caused by the poisonous gases and matters are the factors that are destroying the ozone layer. The WHO (World Health Organisation) has consecutively given out warnings and have choose the June 5th to be the "World's environment day". It is obvious that everybody, non-exception, must be responsible for the environment protection.

Thanh Hoa Urban Works and Environment Company was established on August 8th 1977 in pursuant to the Decision No. 834 TC/UBTH by Thanh Hoa People's Committee and recstablished pursuant to Resolution No.388/CP by the Board of Ministers (now called the Government) and the Decision No.206 QD/UBTH by Thanh Hoa People's Committee dated March 10th 1994. The company is in charge of collecting and transporting the urban rubbish, dredging canals, sewers and gutters, managing green parks and lighting system.

For the green, clean and beautiful environment

Thanh Hoa City is in a rapid overall development of all fields, especially the urbanisation. More urban areas and residential areas are being planned and

constructed, more roads are being upgraded or built. More investments have been spent on the construction of new offices, buildings, schools and hospitals. All those activities have great impacts on the existence and growth of the urban green trees.

Besides transport, business and production have also serious influence on the environment. It is vitally essential to maintain a healthy environment during the development of the urban image and civilisation for the sake of the ecosystem and people's life. Being better aware of this, people are more responsible for the urban environment protection and improvement. More investment has been spent on the rubbish collection and transportation, means of rubbish transportation, urban infrastructure, rubbish dumps and cemeteries, etc.

Over the past six years (from 1997 to 2002), the cadres and staff of Thanh Hoa Urban Works and Environment Company has made non-stop efforts in admirably pursuing the tasks to meet the requirements of the city expansion and development. The most acknowledgeable achievements that the company has made include the quality improvements of the environment sanity services, production tools, productivity and workers' working conditions. The area of 45.2 ha for rubbish collection in 1997 expanded to 73.2 ha in 2002, increasing by 162%. In general, rubbish collection area has achieved the annual growth of 12.4%. Rubbish transportation achieved 112,000 cu.m, increasing by 61.3% compared to that in 1997 with the annual increase of 11.7%. Yearly, more canals and sewers have been dredged, from 45 km in 1997 to 78 km in 2002, expanded by 173%.

In addition, the company covers the public lighting system (doubling the lighting area). Thanh Hoa Urban Works and Environment Company designs and installs electric circuit-breakers for the public lighting system and has saved hundreds of millions of dongs a year for the city. The planning of green parks and martyrs' cemeteries has been invested and managed in disciplines.

The admirable achievements of the company over the past six years are the result of the investment and direction by the municipal Party Committee and

Rolls of honour

1. *Labour Order - Third Class in 2002*
2. *Certificate of merits by the Prime Minister in 1997*
3. *Stainless Party Committee (1999 - 2001)*
4. *Certificate of merits for the achievements in production and business in 2000 and certificate of merits for excellent performance in 1999 conferred by the municipal People's Committee*
5. *Certificate of merits for labour safety by the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs in 2001*
6. *Certificate of merits for labour safety and sanity granted by the Minsitry of Health in 2001*
7. *Certificate of merits for good performance of social insurance collection conferred by the Vietnam Social Insurance Corporation in 2001*
8. *Certificates of merits for the Labour Union's members in 2001, emulation flags for good labour safety in 2000, Certificate of merits and insignia for creative work in pursuant to the theme: "improvement initiates" in 1998-1999, Certificate of merits for the production achievements and labour union activities in 1997 conferred by Vietnam Labour Confederation.*
9. *Emulation flag for good performance of labour safety by the labour Union in 2001. Besides, the company has been granted with many other certificates of merits and commendation by the industries and sectors.*

People's Committee, industries, organisations and the tireless efforts of the leaders and staff of the company reinforced with the contributions from the local people. All those efforts have made up a new image of the city's clean, green and beautiful environment, which is a good premise for Thanh Hoa City to catch up with other cities over the country and integrate with the development of the regional civilised cities.

Garbage trucks

Foto: Reference

Towards an ideal environment

In the rapid urbanisation pace of Thanh Hoa City, along with the better material life in the urban areas, Thanh Hoa people really need a clean environment whereas the volume of wastes is getting greater and greater. In that situation, Thanh Hoa Urban Works and Environment Company has given out recommendations in order to intensively call for the local people's sense of responsibility. In addition, the company is targeting the progressive environment sanity socialisation and the state's budget's expense reduction by calling for the contributions from organisations and people, adjusting the fees in accordance with the people's income and mobilising people's contributions to the infrastructure upgrading in addition to the state's budget.

In the coming years, the company will modernise the environment sanity works by investing advanced technology and machinery to gradually dealt completely with the solid, liquid and gas wastes, for example, building rubbish treatment dumps in hospitals and installing the rubbish treating lines and dumps for inert matters. The company will also continue the investment in the urban infrastructure such as roads, pavements, canals, and sewers; investment in means and machinery for the environment sanity works such as: dredgers and water ejectors. Besides, the local productions have to thoroughly apply the environment sanity standard system - ISO 14000.

According to Nguyen Hung Van - Deputy Director of Thanh Hoa Urban Works and Environment Company, to fulfil well those tasks, "We desire for the more close investment and direction from the municipal Party Committee, People's Committee and People's Council as well as the co-operations of industries, organisations and people in the region for a sustainable developing environment".

Contact:
THANH HOA URBAN WORKS AND ENVIRONMENT COMPANY
Address: 467 Le Hoan- Thanh Hoa City
Tel: (037) 852228
Director: DO HUY TIEP
Deputy Director: NGUYEN HUNG VAN

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ THANH HOÁ

ĐƠN VỊ CHỦ LỰC TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Mười năm - khoảng thời gian không phải là dài nhưng cũng đủ để một doanh nghiệp tự tin vươn lên trong quá trình xây dựng và trưởng thành. Một thập kỷ trôi qua, với bao thăng trầm trong công việc xây dựng và kinh doanh nhà ở, phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mạnh nhưng Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hoá đã tích luỹ được những kinh nghiệm quý báu để từng bước vươn lên khẳng định danh tiếng và thương hiệu của mình.

Giám đốc Nguyễn Xuân Phi

Foto: Mạnh Cương

Được thành lập theo Quyết định số 450 TC/UBTH ngày 26-3-1993 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước, Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hoá ngày nay (tiền thân là Công ty Dịch vụ và Phát triển Nhà ở thị xã Thanh Hoá) là một doanh nghiệp nhà nước với chức năng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà và thực hiện chính sách nhà đất trên địa bàn thành phố.

Phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Bám sát vào chức năng, nhiệm vụ được giao, cũng như căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế của đơn vị và tình hình thị trường trên địa bàn, đơn vị đã xác định các lĩnh vực hoạt động chủ yếu là: kinh doanh nhà, xây dựng nhà ở và các công trình khác, quản lý và cho thuê nhà.

Trong lĩnh vực kinh doanh nhà, để thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra, công ty luôn nghiên cứu kỹ các quy hoạch tổng thể và chi tiết, từ đó đưa ra những đề xuất đối với lãnh đạo thành phố trong việc lập thủ tục quy hoạch các khu dân cư từ những khu nhỏ lẻ đến các khu lớn. Công ty không chỉ thực hiện nhiệm vụ giao đất cho các hộ và giám sát xây dựng đúng chỉ giới mà còn duyệt kế hoạch của các hộ, quản lý chặt chẽ quá trình thi công xây dựng theo kế hoạch được duyệt, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý xây dựng, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho xã hội, đơn vị và khách hàng... Trên cơ sở phân tích thực trạng nhà dân tự xây, công ty đã đề ra nhiều biện pháp để khắc phục những hạn chế, đồng thời phát huy tối đa thế mạnh của mình. Nhờ vậy, uy tín, vị thế của công ty ngày càng được nâng cao. Hiện nay, tất cả các công trình do công ty xây dựng là sự lựa chọn ưa thích của khách hàng (xây đến đâu bán hết đến đó).

Trong công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị, công ty đã chủ động thành lập các dự án với nhiều mục đích khác nhau như: quy hoạch dân cư, công trình hạ tầng, chợ, công viên, các nhà hàng, khách sạn, xây dựng và di chuyển chung cư... Công ty đã triển khai thành công nhiều dự án từ đơn giản như dự án Đồng Vệ 4, Đông Hương, Bảo Ngoại, Sao Mai,v.v. đến phức tạp như dự án di chuyển khu Phan Chu Trinh. Ông Nguyễn Xuân Phi - Giám đốc Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hoá, cho biết: "Lần đầu tiên sau thời kỳ bao cấp, thành phố Thanh Hoá triển khai xây dựng chung cư cao tầng. Nhà chung cư số 1 Mai Xuân Dương đến nay đã được đưa vào sử dụng

(với diện tích sàn là 9.000 m², gồm 136 căn hộ). Chung cư này được xây dựng với mục đích di chuyển nhà số 4 Phan Chu Trinh và dành cho những người thu nhập thấp theo các chính sách ưu đãi của thành phố, các chế độ của Nhà nước và theo một số cơ chế do Công ty chúng tôi điều tiết lợi nhuận từ các dự án khác. Việc xây dựng chung cư Mai Xuân Dương đã đánh dấu sự trưởng thành của công ty cũng như việc thực hiện chính sách nhà đất trên địa bàn thành phố". Ngoài ra, các dự án gặp khó khăn về quan điểm, chủ trương, về dư luận trong quá trình xây dựng như khu công viên Trường Thi, chợ Thọ Đông, chợ Lam Sơn, v.v. cũng được công ty thực hiện khá tốt.

Khách sạn Sao Mai – công trình có ý nghĩa lớn, mở ra hướng đi mới cho công ty

Foto: Mạnh Cương

Bên cạnh đó, công tác tổ chức xây dựng và trình duyệt các dự án cũng luôn là thế mạnh của công ty. Không những thế, ban lãnh đạo công ty còn rất nhạy bén trong việc nắm bắt, chọn lọc những khâu không thể thiếu trong công tác phát triển đô thị, từ đó tìm ra được những hướng đi đúng đắn trong phát triển sản xuất - kinh doanh. Các dự án của công ty đều được sự chỉ đạo, phê duyệt của thành phố. Các cấp lãnh đạo thành phố cũng luôn tạo thuận lợi để công ty kinh doanh đạt kết quả cao nhất, giảm bớt được dư luận không đúng trong vấn đề kinh doanh nhà của công ty.

Ông Nguyễn Xuân Phi còn cho biết thêm: "Hiện nay, nhu cầu về nhà đất vẫn còn ở mức cao, trong khi chúng tôi lại chủ động được các dự án đã được phê duyệt, nên công tác kinh doanh nhà của công ty được triển khai thuận lợi. Bên cạnh đó, công ty luôn đảm bảo sự đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng nhà (chung cư, liền kề, nhà vườn), đáp ứng được nhu cầu của toàn xã hội. Công tác tiếp thị bán hàng của chúng tôi cũng không ngừng được cải tiến và xây dựng thành một quy chế công khai, dân chủ, tạo thuận lợi về thủ tục mua bán, công tác bàn giao, hoàn chỉnh các thủ tục nhà đất cho khách hàng. Nhờ vậy, các công trình do công ty xây dựng đều được tiêu thụ rất nhanh".

Những kết quả đạt được

Với mô hình xây dựng nhà để bán, tái định cư, và tổ chức sản xuất - kinh doanh, Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hoá đã từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng. Trong đó:

Năm 1999, công ty xây dựng thí điểm 4 nhà liền kề 3 tầng, được thị trường chấp nhận. Mô hình này đã được công ty nhân rộng trong các năm 2000 - 2001. Trong thời gian này, công ty đã tập trung xây dựng đồng bộ các khu dân cư với hình thức đa dạng, gồm nhà liền kề, nhà vườn, chung cư, tạo sự tăng trưởng bền vững của công ty và đóng góp tích cực vào công tác quản lý quy hoạch, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá của thành phố Thanh Hoá.

Năm 2000, công ty đã xây dựng 20 nhà 3 tầng tại các khu xen cư hồ Thành Công, khu Lương Thực 2; 8 nhà 4 tầng tại khu Nam đại lộ Lê Lợi và khu Trường Thi với diện tích xây dựng khoảng 1.700 m², tổng giá trị thực hiện là 3 tỷ đồng (bên trong các khu dân cư, công ty đã xây dựng các mương thoát nước, mặt đường, đường điện, trị giá 1,5 tỷ đồng).

Năm 2001, công ty đã xây dựng được 28.800m² sàn nhà ở liền kề, những dãy phố hoàn chỉnh gồm: đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện (trên 6.000 m² đường giao thông, 2.100 m mương các loại, 1.600 m đường điện sinh hoạt). Các hạng mục công trình do công ty xây dựng đều đảm bảo chất lượng, kiểu dáng kiến trúc đa dạng, bước đầu đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần làm thay đổi tâm lý của người dân về nhà chung cư, chung tường, chung móng.... Có thể nói, với việc đổi mới hình thức tổ chức kinh doanh, năm 2001 được xem là năm thắng lợi lớn của công ty với tổng sản lượng xây dựng cơ bản đạt 35 tỷ đồng, doanh thu đạt 55 tỷ đồng.

Kết quả sản xuất - kinh doanh giai đoạn 1999 - 2003

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	1999	2000	2001	2002	KH 2003
Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.829,6	10.870,1	55.270	80.174	81.000
Tổng các khoản nộp ngân sách	"	634,8	848,8	6.178,7	2.897,7	15.000 (cả tiền sử dụng đất)
Tiền cấp quyền sử dụng đất	"	593.545	1.699.966	5.317.205	8.983.803,5	
Lãi kinh doanh	"	184,7	467,9	1.500	2.000	2.000
Tổng số lao động	Người	30	38	65	122	
Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đồng	595	830	1.000	1.100	1.200

Năm 2002, công ty đã bàn giao được 209 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, tạo uy tín tốt với khách hàng. Tổng giá trị xây lắp đạt gần 40 tỷ đồng (hoàn thành 24.000 m^2 sàn, 17.200 m^3 nền đường, 12.200 m^2 mặt đường, 1.240 m mương các loại, 2.800 m đường điện sinh hoạt....).

Đầu tư chiều sâu - nâng cao năng lực cạnh tranh

Xác định yếu tố con người đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển, trong những năm qua, công ty luôn quan tâm đến lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đội ngũ trí thức trẻ. Ông Nguyễn Xuân Phi cho biết: "Công ty luôn tạo mọi điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, công ty còn rất chú trọng đến công tác tổ chức, sắp xếp nhân lực nhằm phát huy tối đa năng lực của mỗi cá nhân...".

Không những thế, công ty còn mạnh dạn đa dạng hoá đội ngũ sản xuất. Nhờ đó, đến nay, công ty có 11 đội sản xuất, 1 cửa hàng. Ngoài ra, công ty còn đầu tư 1 đội xe, máy xây dựng với tổng trị giá gần 20 tỷ đồng (với nhiều chủng loại như cần cẩu tháp, cẩu lốp lớn, máy đào xúc, xe vận chuyển bêtông tươi, trạm trộn bêtông....). Đây là đội xe xây dựng được đánh giá mạnh nhất nhì trong tỉnh, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu về máy móc, thiết bị cho các đội xây dựng, tăng sức cạnh tranh cho các công trình do công ty xây dựng.

Đặc biệt, trong tháng 8-2002, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã quyết định về việc chuyển giao nhà khách Sao Mai cho công ty quản lý, kinh doanh đã mở ra một hướng đi mới. Sau khi chính thức tiếp nhận, công ty đã tiến hành xây dựng lại khách sạn Sao Mai cao 11 tầng. Đây được xem là công trình chào mừng thành phố Thanh Hóa dự kiến sẽ trở thành đô thị loại II vào năm 2004. Bên cạnh đó, Công ty còn bố trí 2 địa điểm mới là cửa hàng ăn uống Sao Mai và nhà hàng Phù Đổng.

Để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động, Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hóa đã và đang tích luỹ vốn từ lợi nhuận, xin thành phố, tỉnh bổ sung vốn, đồng thời xây dựng tốt các mối quan hệ với các cấp, các ngành, các đơn vị trong và ngoài tỉnh; chuẩn bị tăng cường thêm nhiều chức năng mới phù hợp với xu thế phát triển của công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Đặc biệt, công ty cố gắng phấn đấu trở thành một doanh nghiệp nhà nước vững mạnh, đủ khả năng đấu thầu, cạnh tranh lành mạnh với các đơn vị khác trong và ngoài tỉnh; trở thành một đơn vị chủ lực của thành phố trong công tác xây dựng, quản lý đô thị cũng như khai thác quỹ đất để phát triển đô thị.

Địa chỉ liên hệ:

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ THANH HOÁ

Địa chỉ: 469 Lê Hoàn - Phường Ngọc Trạo - thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá

Giám đốc: NGUYỄN XUÂN PHI

Điện thoại: 037.851568 - 855046 - 852589

Fax: 037.757497

THANH HOA HOUSING COMPANY

THE MAIN FORCE IN URBAN CONSTRUCTION AND DEVELOPMENT

Ten years are not the long period of time but enable an enterprise to create its position on the market. Over a decade with numerous changes in housing building and trading activities, competing with the strong rivals, Thanh Hoa Housing Company however had accumulated the valuable experiences to gradually rise up, affirming its name and trademark on the market.

Thanh Hoa Housing Company (former Thanh Hoa Town Housing Development Service Company) was established under Decision 450TC/UBTH dated March 26th 1993 by Thanh Hoa provincial People's Committee's Chairman, operating in line with the model of State-owned enterprise with the functions of trading houses and realising the housing policies in the City.

Striving for successful performance

Basing on its allotted functions, tasks, practical capability and conditions as well as the market situation in the locality, the company has defined its business lines including building and trading houses and the other constructed works, managing and leasing houses.

As for housing, in order to effectively implement the set targets, the company always makes careful study on general and detailed planning to propose with the municipal leaders in setting up the procedures for planning residences from small to large ones. The company not only carries out handing over the land to the households and supervising construction within landmark but also inspects their plan, tightly manages the executing process according to the approved plan, contributing to enhancing construction management effectiveness, proving highest economic efficiency for itself, society and its clients. Based on analysing reality of the self-built residences, the company mapped out many solutions to surmount the limitations, concurrently utilise up its strength. Its prestige and position therefore is increasingly improved. Presently, the company's constructed works are of full sale.

As for urban planning, building and administering, the company has taken initiative in setting up the projects for different purposes such as residence planning, infrastructure works, markets, parks, hotels and restaurants and tenement building and moving etc. A rang of projects from the simple ones like Dong Ve 4, Dong Huong, Bao Ngoai, Sao Mai to the complicated ones such as displacement of Phan Chu Trinh zone have been successfully carried out. Director of Thanh Hoa Housing Company, Nguyen Xuan Phi said: "This was the first time after subsidiary period Thanh Hoa City constructed multisto-

The company's head-office overview

Foto: Manh Cuong

ried buildings. The Mai Xuan Duong tenement No.1 was put in use with the total area of 9,000sq.m consisted of 136 flats. That tenement was built for the low-income people under the preferential policies of the City, State and in line with some mechanisms of the company by regulating profits from other projects and aiming at moving the Phan Chu Trinh building No 4. The construction of Mai Xuan Duong tenement marked the growth of our company as well as the realisation of the policies on land in the City". Besides, the projects facing impediments relating to views, policy and opinion during construction period such as Truong Thi park, Tho Dong and Lam Son markets experienced healthy performance.

Apart from that, organising construction and putting projects for approval are always considered the strong point of the company. Additionally, the company's management is sharp in grasping and selecting the indispensable steps in urban development to find out the right heading in production - business. All the company's projects are under instruction and approval of the City. The municipal leaders always create favourable conditions for the company to reach highest business productivity, reducing the public opinion concerning housing issues of the company.

Mr. Phi also added: "Housing at present is of high demand, as we take initiative in realising the approved projects, our housing business is carried out smoothly. Besides, the company consistently ensures the diverse design and style (including tenement, adjoining house and garden house), satisfying demand of the entire society. The company's marketing activity saw incessant improvement, which was set up to be the published and democratic regulation, facilitating purchasing and land-relating procedures and house handing over for the customers. The works built by the company therefore were rapidly sold out."

The achieved outcomes

With the model of building houses for sale, resettlement and production - business, Thanh Hoa Housing Company has gradually improved the construction quality, of which:

In 1999, the company constructed under the test four adjoining buildings, which earned market's acceptance and were extended in 2000 - 2001. During that time, the company focused on synchronous construction of the residences inclusive adjoining houses, garden houses and tenements, making active contribution to the company's stable growth and planning management, speeding up urbanisation of Thanh Hoa City.

In 2000, 20 three-storied buildings at Thanh Cong and Luong Thuc half-residential areas, 8 four-storied buildings at the South of Le Loi Boulevard and Truong Thi areas on the area of around 1,700sq.km with total value of VND3 billions were completed. In which the company built the drainage, road and power systems worth VND1.5 billions.

In 2001, the company accomplished 28,800.sq.m floor areas of adjoining houses and the completed traffic, drainage and power systems (more than 6,000 sq.m, 2,100m canal of varieties, 1,600 m power line for support living). All of the works constructed by the company are of good quality and with diverse architectural styles, initially meeting the people' increasing demand, contributing to innovation of the habitants' thinking of tenements, adjoining and detached houses. It can be said that with the renovation in business organisation, 2001 was considered the company's successful year with total capital construction amounted to VND35 billions, revenue attained VND55 billions.

In 2002, the company handed over 209 land use and house ownership certificates, creating prestige in the clients. Total building and assembling value reached VND40 billions (completed 24,000 sq.m floor area, 17,200 cu.m road-beds, 12,200 sq.m road surface, 1,240 m canals of varieties, 2,800 m power line for living).

Invest in quality - enhance competitiveness

Defining human resource the essential factor for development, in last years the company always paid attention to personnel education and improvement, especially for the young intelligent people. "The company always facilitates the staff to attend the refresher training courses on improving professional qualification and skills, besides, attaches importance to the personnel organisation and arrangement aiming at utilising up individual capability", Phi said.

Tenement in the southeast of Le Loi Boulevard contributed to reform people' thinking of the tenements.

Foto: Manh Cuong

Additionally, the company has also boldly diversified the production organisation, created 11 production teams and one shop so far. Apart from that, the company invested in one truck group worth approximately VND20 billions with varied kinds of cranes, excavators, trucks transporting concrete and concrete mixers. That group is assessed among the strongest truck groups in the province, capable to satisfy requirement on machines and equipment of the construction teams, raising competitiveness of the works built by the company.

Particularly in August 2002, when the provincial People's Committee decided to hand over Sao Mai guest house to the company, its business was diverted to the new heading. After officially accepted, the company reconstructed Sao Mai hotel of 11 stories, which was considered the work of welcoming Thanh Hoa to be the second grade urban area in 2004. In addition, the company also arranged two new locations being Sao Mai and Phu Dong restaurants.

To raise competitiveness and broadening scope of operation, Thanh Hoa Housing Company has been accumulating capital from profits, asking supplemented capital from the city and province, creating good relationships with the sectors, branches and units concerning, providing for intensifying more new functions suitable to the company's growth tendency to satisfy the increasingly high demand of the market. Especially, the company will endeavour to become the key unit of the City in urban construction and management as well as land exploitation for urban development.

Contact :

THANH HOA HOUSING COMPANY

Address: 469 Le Hoan - Ngoc Trao Ward - Thanh Hoa City - Thanh Hoa Province

Director: NGUYEN XUAN PHI

Telephone: 037. 851568 - 855046 - 852589

Fax: 037. 757497

Production - Business Performance in 1999 - 2003

Economic targets	Unit	1999	2000	2001	2002	KH 2003
Total revenue	VND millions	4,829.6	10,870.1	55,270	80,174	81,000
Total budget contribution	"	634.8	848.8	6,178.7	2,897.7	15,000 (land rent included)
Spend for granting land use right	"	593,545	1,699,966	5,317,205	8,983,803.5	
Profits from business	"	184.7	467.9	1,500	2,000	2,000
Total laborers	Person	30	38	65	122	
Per capita income per month	VND1,000	595	830	1,000	1,100	1,200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĂN UỐNG DẠ LAN

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG

Thương hiệu Dạ Lan được thực khách trong và ngoài tỉnh biết đến bởi các dịch vụ đa dạng, đáp ứng được yêu cầu của những khách hàng khó tính nhất, giá cả phải chăng, phong cách phục vụ lịch sự, đậm đà bản sắc dân tộc. Giám đốc Công ty cổ phần ăn uống Dạ Lan - bà Trịnh Thị Loan tâm đắc: "Có được những thành quả đáng tự hào như ngày hôm nay là do Dạ Lan biết coi trọng nhân tố con người".

Mở rộng hoạt động kinh doanh

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần hoá, Công ty Dạ Lan phải đối mặt với muôn vàn khó khăn trong kinh doanh: thiếu vốn để đầu tư, nâng cấp đồng loạt các trang thiết bị (số vốn điều lệ lúc mới thành lập là 700 triệu đồng); lực lượng nhân viên mỏng, chỉ có 52 người trải đều cho 2 cơ sở kinh doanh gồm: nhà hàng Dạ Lan 1 (ở số 1 đường Phan Chu Trinh) và nhà hàng Dạ Lan 2 (ở 690 đường Quang Trung - thành phố Thanh Hoá). Do còn nhiều bỡ ngỡ khi chuyển sang hình thức quản lý mới nên hiệu quả kinh doanh của Công ty mới chỉ dừng lại ở mức khiêm tốn.

Sau hai năm cổ phần hoá, nhờ sự nỗ lực không ngừng, Công ty Dạ Lan đã từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Ngoài hai cơ sở trên, Công ty còn liên kết mở thêm cơ sở Dạ Lan 3 tại Khách sạn 205, đường Thanh Niên, thị xã Sầm Sơn nhằm phục vụ du khách trong những ngày hè. Bà Trịnh Thị Loan cho biết: "Chúng tôi luôn tâm niệm rằng, làm cho khách hàng hài lòng và nhớ đến Dạ Lan là chúng tôi đã thành công. Muốn làm được điều này, trước hết phải chú trọng đến vệ sinh an toàn thực phẩm và đảm bảo tính thẩm mỹ ngay trong những bữa ăn bình thường nhất. Công ty Dạ Lan chúng tôi luôn tâm niệm ngành kinh doanh dịch vụ ăn uống chính là văn hoá ẩm thực, mà đã là văn hoá thì mình phải có nhiệm vụ giới thiệu cho khách hàng những sản vật, những món ăn đặc trưng nhất của địa phương mình". Bên cạnh đó, Dạ Lan còn chú trọng đa dạng hóa các bữa ăn nhằm thoả mãn nhu cầu của mọi đối tượng, từ những bữa ăn sáng với đầy đủ chất dinh dưỡng; những bữa ăn trưa bình dị với các món ăn dân dã như giò tai bọc áo trứng, bánh chưng, bánh lá răng bừa, nem Dạ Lan, khoai môn chiên hải sản, ngô sữa chiên ròn, lươn om củ chuối, cá basa kho tộ,... đến các món ăn cao cấp được chế biến từ nguồn hải sản đặc trưng của địa phương như: tôm, cua, ngao, phi,... phục vụ tại các bữa tiệc, những buổi chiêu đãi. Trong các ngày lễ tết, Dạ Lan còn chế biến các loại thực phẩm chín, bảo đảm vệ sinh thực phẩm, tiện lợi và phù hợp với người tiêu dùng như: giò chả, bánh chưng, nem, rượu nếp, rượu cần,... Đặc biệt, sản phẩm rượu nếp cái hoa vàng "Thanh Hoá Dạ Lan tửu" do

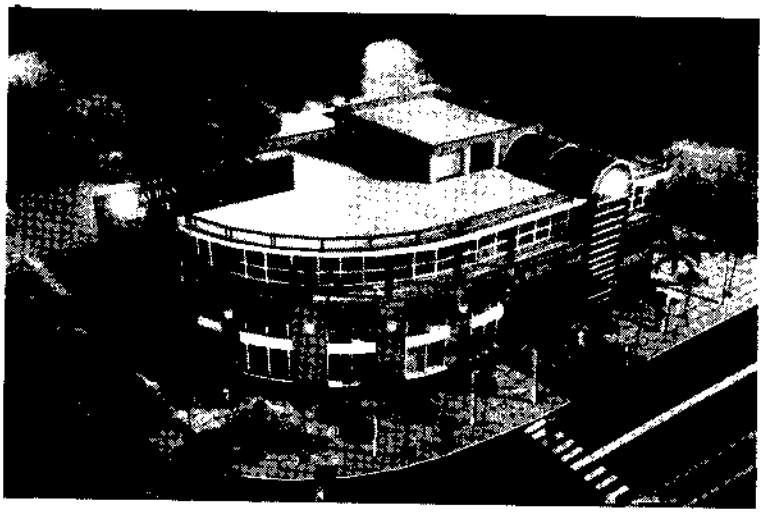

Phối cảnh tổng thể Nhà hàng Dạ Lan

Foto: Tư Liệu

Món ăn "Long phụng giao duyên" do nhà hàng Dạ Lan chế biến đạt huy chương Bạc tại Hội thi chế biến món ăn dân tộc Việt Nam do Tổng Cục Du lịch tổ chức được xem là tin vui, là niềm tự hào lớn lao cho tập thể nhân viên Công ty nói riêng và ngành dịch vụ Thanh Hoá nói chung. Thành tích này đã góp phần quảng bá rộng rãi thương hiệu Dạ Lan đến với mọi miền đất nước.

Món Long Phụng giao duyên đoạt huy chương Bạc tại Hội thi món ăn dân tộc toàn quốc năm 2002 tại Hà Nội

Ảnh: Tư Liệu

nhà hàng chưng cất được khách thập phương tìm đến thưởng thức và mua về làm quà mỗi khi ghé qua xứ Thanh. Đến với nhà hàng Dạ Lan, thực khách không chỉ được thưởng thức những món ăn thơm ngon, mà còn được chiêm ngưỡng những tác phẩm nghệ thuật được tạo nên từ những bàn tay khéo léo, tài hoa.

Đến cuối năm 2002, tổng số lao động trong Công ty đã tăng lên gấp 2 lần, doanh thu tăng gấp nhiều lần, nộp ngân sách nhà nước trên 500 triệu đồng, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động đạt mức khá. Vừa qua, để tăng cường tính chủ động và đa dạng hoá các loại hình phục vụ đến tận từng cơ quan, gia đình trên phạm vi toàn tỉnh cũng như các địa phương lân cận, Công ty đã trang bị xe ôtô cùng trang thiết bị chuyên dùng luôn sẵn sàng lên đường phục vụ khi có yêu cầu.

Nhân tố con người là quyết định

Có được những thành quả đáng tự hào trên, bà Trịnh Thị Loan tâm sự: "Ngay từ đầu Dạ Lan đã xác định nhân tố con người giữ vị trí then chốt. Chủ trương này được quán triệt thông suốt từ lãnh đạo đến toàn thể nhân viên trong Công ty. Sau khi cổ phần hoá, lãnh đạo Công ty đã đứng ra bảo lãnh vay vốn ngân hàng cho nhân viên mua cổ phần bởi chúng tôi không muốn Dạ Lan rơi vào tay người ngoài, nhất là những người không có nghề trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ăn uống. Chính điều này đã góp phần làm nên truyền thống đáng trân trọng ở Dạ Lan, đó là tinh thần đoàn kết, trên dưới đồng lòng chung sức thực hiện những quyết định đã được thông qua tại đại hội cổ đông. Vì vậy, trong thời gian qua, dù có lúc phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, song nhờ có sức mạnh đại đoàn kết, Dạ Lan đã từng bước vượt qua và tạo được vị thế xứng đáng trên thị trường".

Trong những năm qua, Dạ Lan liên tục đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho lãnh đạo và nhân viên thông qua các lớp học ngắn ngày hoặc mời các chuyên gia giỏi trong ngành từ Hà Nội về giảng dạy. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên của Dạ Lan rất được tín nhiệm trên thị trường kinh doanh dịch vụ ăn uống. Dù đến với nhà hàng hay ở bất cứ nơi nào mà Dạ Lan từng đến phục vụ, thực khách cũng đều cảm nhận được chất lượng dịch vụ hoàn hảo cùng thái độ phục vụ tận tình, chu đáo. Điều này đã khẳng định tính đúng đắn của chiến lược đầu tư vào con người.

Hàng năm, Dạ Lan đều tổ chức các chuyến tham quan, "vi hành", tìm hiểu thị trường để mọi người vừa được cải thiện đời sống tinh thần, vừa học tập kinh nghiệm, tiếp cận thị trường. Vì thế, chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ của Dạ Lan ngày càng được hoàn thiện hơn.

Tuy nhiên, để vươn lên tầm cao mới, toàn thể lãnh đạo và nhân viên Công ty cổ phần ăn uống Dạ Lan phải không ngừng cố gắng. Bà Trịnh Thị Loan cho biết:"Trong thời gian tới, Công ty chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp, các ngành có liên quan trong việc mở rộng địa bàn và phát triển mạng lưới phục vụ ngày một chu đáo hơn, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập kinh tế của tỉnh".

Những thành tựu mà Công ty cổ phần ăn uống Dạ Lan đạt được kể từ khi thành lập đến nay đã góp phần khẳng định tính ưu việt, tính đúng đắn của chủ trương cổ phần hoá các doanh nghiệp của Đảng và Nhà nước trong xu thế hội nhập kinh tế hiện nay.

DA LAN JOINT-STOCK FOOD-BEVERAGE COMPANY

AFFIRMING TRADEMARK ON THE MARKET

Da Lan trademark is famous for its diverse services satisfying the requirement of even the most demanded customers, for reasonable price as well as polite serving attitude carrying national characteristics. Director of Da Lan Joint-Stock Food-Beverage Company, Ms. Trinh Thi Loan said: "Da Lan obtained the proud achievements today thanks to attaching importance to human factor".

Expanding business

After equitization, Da Lan confronted with numerous difficulties: shortage of capital for equipment investment and synchronous upgrade (its charter capital at establishment was only VND700 millions) and few staff consisting of only 52 employees assigning evenly in two business units inclusive Da Lan Restaurant 1 (at No.1 Phan Chu Trinh street) and Da Lan Restaurant 2 (at 690 Quang Trung street, Thanh Hoa City). Due to being unfamiliar with the new management form, the company's business efficiency stood at a modest level.

Two years after equitization, thanks to consistent endeavour, Da Lan company has gradually affirmed own position on the market in and out of the province. Apart from those two units, the company also co-ordinated to open the Da Lan 3 in the Hotel 205 at Thanh Nien Street, Sam Son town to serve travellers in the summer. Loan said: "We always think that making customers satisfied and remember Da Lan means we succeed. To make this attainable, firstly we should focus on food hygiene and safety and aestheticism right from the ordinary meals. We consider food-beverage field is culture, therefore we are in charge of introducing the most specific products and dishes of our locality to the customers". Besides, the importance has also been attached to meal diversification aiming at satisfying varied demand, from the nutritious breakfast and the simple lunch with the popular dishes such as pig-ear sausages covering by egg, rice cake, Da Lan spring roll, fried Indian taro with seafood, fried corn, simmered eal with bulb of banana-tree, cooked basa fish with brine, to the high-grade meals for the parties making from the local specific seafood like pawn, crab and oyster. During the holiday or Tet festival, Da Lan also provides the well-done foodstuffs, ensuring food hygiene and safety, which are convenient and suitable to the consumers such as sausages,

The waiters of Da Lan Restaurant

Foto: Reference

rice cake, spring roll, fermented sticky rice and stem spirit. Especially, the spirit made from large-size-grained glutinous rice named "Thanh Hoa Da Lan spirit", which distilled by the restaurant was so well-known that many travellers buy it for themselves or for present at every time visiting to Thanh Hoa. Coming to Da Lan, the table companions not only enjoy the tasty dishes but also delight in the art works, which are created by the skilful hands.

By late 2002, the company's total number of labourers doubled, revenue multiplied, budget contribution exceeded VND 500 millions, the labourers' per capita monthly income witnessed healthy increase. Recently, to enhance the initiatives and diversify the services to satisfy the demand of every organisation and family in the province as well as the neighbouring localities, the company has purchased the cars along with the exclusive equipment for provision on demand.

Human resource is decisive factor

Loan said: "Right from beginning, Da Lan defined that human factor plays a key position. This policy has been grasped thoroughly from the leaders to the entire staff. After equitization, the company's management acted as a guarantee for the employees to buy stocks because we do not want Da Lan to fall into the outsiders, especially to those who are unprofessional in food-beverage field. That helped create the Da Lan good tradition of unification, unanimity, joining efforts to implement the decisions, which were approved at the shareholder meeting. Hence, in recent years, thanks to the consolidation power, Da Lan had gradually overcome all difficulties and challenges to create its own deserved position on the market".

In last years, Da Lan continually educated and fostered occupational skills for the leaders and employees by organising the short-term training courses or invited good professional experts from Ha Noi for teaching. Owning to that, Da Lan's staff has earned prestige in the food-beverage service market, created good image of service with perfect quality and wholehearted, thoughtful attitude in every place using Da Lan service, affirming its rightness of personnel investment Strategy.

The dish "Long phung giao duyen" of Da Lan restaurant was granted the Silver Medal at the "Competition cooking Vietnamese national dishes" held by Administration of Tourism, being the good news and great pride of the company's staff in particular and Thanh Hoa service sector in general. That achievement has contributed to the wide propaganda of Da Lan trademark across the country.

Every year, Da Lan organises the trips to study the market so that the employees can improve spiritual life, learn from experiences and approach the market. The serving quality and attitude of Da Lan therefore is more and more improved.

To reach the new height however, the entire management and staff of Da Lan Food-Beverage Joint-Stock Company should strive incessantly. Loan said: " In the time to come, our company wish to receive the concern and supports from the relating sectors and branches in expanding business and service network to be more thorough and suitable to the development tendency and economic integration of the province".

The attainments Da Lan Food-Beverage Joint-Stock Company achieved since its establishment has contributed to affirmation of the pre-eminence and rightness of the policy on equitizing the Party and State owned enterprises in the present economic integration trend.

Ambulatory service on customer demand

Foto: Reference

CÔNG TY ĂN UỐNG VÀ DỊCH VỤ THANH HOÁ

ĐI LÊN BẰNG UY TÍN VÀ CHẤT LƯỢNG

Trong gần 43 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá (tiền thân là cửa hàng ăn uống và dịch vụ thương mại) luôn phát huy tối đa tính độc lập, sáng tạo, lấy uy tín và chất lượng làm mục tiêu phấn đấu.

Nằm ở ngay trung tâm thành phố, 4 mặt tiếp giáp với trục đường giao thông, là trung tâm hội tụ, giao lưu kinh tế - văn hoá của tỉnh; là điểm dừng chân của khách thập phương vào Nam ra Bắc, cũng như du khách nghỉ mát ở Sầm Sơn, Bến En... Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá thực sự đã khai thác và phát huy được thế mạnh của mình trong quá trình xây dựng và phát triển.

Giám đốc Hà Thị Tường
Foto: Tư Liệu

Tập trung đầu tư, tất cả vì khách hàng

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá đã xác định chất lượng sản phẩm và thái độ phục vụ là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu, bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh của Công ty trong tâm trí khách hàng. Vì thế, ban lãnh đạo Công ty xác định muốn đứng vững và phát triển bền vững tại thị trường của một tỉnh đất rộng người đông, đầy tiềm năng nhưng cũng rất khó tính này, trước hết cần phải tập trung đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, đổi mới thiết bị, đầu tư vào con người, đồng thời đa dạng hoá sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu và thị hiếu khách hàng.

Tâm sự với chúng tôi, bà Hà Thị Tường - Giám đốc Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá cho biết: "Tiếp quản Công ty lớn với phạm vi hoạt động rộng khắp trên địa bàn tỉnh (23 huyện, thị), chúng tôi đã được kế thừa vị thế và nhiều kinh nghiệm vô cùng quý báu được tích luỹ qua nhiều năm". Vì thế, để không phụ sự tâm huyết, niềm tin yêu, sự kỳ vọng của các thế hệ đi trước, ban lãnh đạo Công ty đã nhiều lần mở rộng các cuộc đàm luận đến tận người lao động để tìm giải pháp hữu hiệu, đưa hoạt động của Công ty lên tầm cao mới.

Công ty đã tập trung huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong cán bộ, công nhân viên đầu tư mở rộng mạng lưới hoạt động. Năm 2000, Công ty tập trung đầu tư hàng trăm triệu đồng để mở rộng sản xuất cũng như đa dạng hoá sản phẩm. Chính nhờ sự năng động và mạnh dạn đầu tư, năm 2000, doanh thu của Công ty đã tăng trưởng khá: tổng doanh thu đạt 4.232 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 120 triệu đồng, thu nhập của người lao động đạt 450.000 đồng/tháng. Bước sang năm 2002, do tiếp tục đầu tư 990 triệu đồng cho kinh doanh, hoạt động của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực: doanh thu đạt 6.640 tỷ đồng, nộp ngân sách 450 triệu đồng, thu nhập bình quân của người lao động đạt gần 1 triệu đồng/người/tháng, tạo thêm 40 chỗ làm mới.

Bên cạnh đó, Công ty còn mở các lớp học ngắn hạn với hình thức mời các thầy về dạy hoặc gửi cán bộ, công nhân viên đến các trường, các cơ sở có uy tín trên cả nước như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... học tập kinh nghiệm.

Đến nay, Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá đã tạo dựng được cơ sở vật chất khá khang trang và một đội ngũ công nhân kỹ thuật tay nghề cao, đủ năng lực phục vụ khách hàng một cách tốt nhất. Giám đốc Tường tâm sự: "Thành công lớn nhất của Công ty là lúc nào cũng tạo đủ việc làm cho 150 lao động (bao gồm cả số hợp đồng thời vụ), mặc dù mức thu nhập bình quân hiện nay chưa làm cho ban lãnh đạo Công ty hài lòng". Hơn thế, với phương thức huy động vốn linh hoạt trong cán bộ, công nhân viên, từ năm 1995 đến trước khi cổ phần hoá, mọi thành viên trong Công ty đều có số vốn nhất định (ít nhất là 5 - 8 triệu đồng, nhiều là 15 - 20 triệu đồng) để có thể mua ngay cổ phần mà không phải băn khoăn. Phương thức này đã góp phần thắt chặt thêm sự gắn bó giữa tập thể cán bộ, công nhân viên với Công ty, tạo nền tảng vững chắc để tiến hành chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Những dự định cho tương lai

Để tạo ra sự đột phá trong sản xuất - kinh doanh, nhất là kinh doanh ăn uống, bên cạnh việc phát huy những thành tích đã đạt được, ban lãnh đạo Công ty đã đề ra một số chỉ tiêu cụ thể sau:

Thực hiện Nghị định số 64/CP về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hoá dự kiến trong quý III năm 2003 sẽ cho cán bộ, công nhân viên học điều lệ cổ phần hoá để đến cuối quý III và đầu quý IV sẽ tiến hành đại hội cổ đông. Đề án cổ phần hoá vừa phù hợp với quan điểm của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh, vừa đáp ứng nguyện vọng của tất cả cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Đồng thời, Công ty mong sẽ nhận được sự quan tâm, ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi của các cấp lãnh đạo tỉnh, thành phố để thực hiện đề án trên một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung trình duyệt đề án xây dựng Trung tâm thương mại - khách sạn Bờ Hồ - công trình hiện đại và quy mô nhất xứ Thanh với tổng số vốn dự kiến khoảng 50 tỷ đồng (huy động từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ, công nhân viên trong Công ty, đồng thời kêu gọi vốn liên doanh, liên kết trong và ngoài nước).

Công ty xác định trong thời gian tới sẽ tiếp tục đầu tư thiết bị để nâng cao chất lượng chế biến các mặt hàng ăn uống phong phú và đa dạng như: cơm đặt, tiệc hội nghị, tiệc cưới, tiệc phục vụ các cơ quan, xí nghiệp, v.v.. Tiếp tục duy trì và mở rộng thêm nhiều mặt hàng ăn sáng, giải khát các loại, mở ra nhiều mặt hàng mới gắn với thương hiệu của Công ty. Tiếp tục đầu tư nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty bằng cách mời giáo viên của các trường Trung ương về dạy.

Với bề dày lịch sử hơn 40 năm, cùng truyền thống đoàn kết và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể cán bộ, công nhân viên, chắc chắn khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty ăn uống và dịch vụ Thanh Hóa sẽ đạt được nhiều thành công mới, xứng đáng với sự kỳ vọng của các thế hệ đi trước.

THANH HOA FOOD-BEVERAGE AND SERVICE COMPANY

GROWING ON PRESTIGE AND QUALITY

During nearly 43 years of construction and growth, Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company (former food-beverage shop and trading service) had consistently maximised independence and creativeness, targeted at prestige and quality.

Lying in the city's centre with four sides adjoining traffic roads, being the province's hub for economic-cultural exchange, the halt of the travellers from the north to the south regions as well as the sightseers at Sam Son and Ben En etc, the Company actually has exploited and developed its strength in the construction and development process.

Focus on investment, all for customers

Right from establishment, Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company defined that product quality and serving attitude should be put of top priority, since it affects directly to the company's image in the customers. Moreover, with a view to stand firm and stably develop in the potential but difficult market of the large and populated province, firstly it should focus on infrastructure improvement, equipment renovation and human resource investment concurrently with product diversification suitable to the customers' demand and taste.

Director of Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company, Ha Thi Tuong told us: "Taking over the big company operating in all 23 districts and towns of the province, we inherited its position and valuable experiences, which were accumulated through years". Hence, in order not to disappoint the previous generations, the company's management has organised discussion for the labourers for several times to find out the effective solutions aiming at bringing the

Perspective of the Lakeside Hotel-Trading Centre - the most updated and largest-scale work of Thanh Hoa province

Foto: Reference

company's operation to the new height.

The staff' idle capital has been mobilised to expand operation network, collected hundreds of millions VND in 2000 to extend production as well as diversify its products. Thanks to the flexibility and bold investment, the company's revenue saw healthy growth in 2000: total revenue reached VND 4.232 billions, budget contribution represented VND 120 millions, employees' per capita income amounted to VND 450.000 per month. Entering 2002, owning to continual investment of VND 990 millions in business, the company's operation witnessed the active changes: revenue obtained VND 6.640 billions, budget contribution of VND 450 millions and average labourers' income reached VND one million per month, created 40 jobs more for the labourers.

Besides, the company also organised short-term training courses for the staff taught by the professional teachers or sent the employees to the prestigious schools and units across the country such as Ha Noi, Ho Chi Minh City and Hai Phong to learn from experiences.

So far, the company has created rather spacious material facilities and technician team with high professional skills, capable to serve the customers most effectively. Tuong confided: "The biggest success of the company is always to generate jobs for 150 labourers (including the seasonal contracted ones) although average income presently still not makes the company's management satisfied". Moreover, with the mode of mobilising capital from the staff, from 1995 to the moment before equitization, every company's employee had some amount of capital (from VND 5-8 millions to VND15-20 millions) that enable them to buy shares without any anxiousness. That mode contributed to tighten the relationship between the staff and company, creating solid foundation to shift the company's operation to the model of equitization.

Plans for the future

With an aim of creating breakthrough for production - business, especially food-beverage business, parallel with developing the achieved performances the company's leaders have mapped out the detailed targets as follows:

Under the implementation of Decree 64/CP on transforming the State-owned enterprises to joint stock companies, Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company intends facilitating its staff in studying equitization charter in the third quarter 2003 so that the shareholder meeting can be held in the fourth quarter of the same year. The equitization scheme is suitable to the opinion of the provincial Business Renovation and Development Committee and satisfies the expectation of all the company's staff. Concurrently, the company hopes to earn concern, support and facilitation from the provincial and municipal leaders, which enable it to realise that scheme by quickest and most effective way.

Additionally, the company will focus on putting forward for approval the scheme of building Lakeside Hotel-Trading Center - the most updated and largest-scale work of Thanh Hoa with total proposed capital of around VND50 billions (mobilising from the staff' shares simultaneously with calling capital for joint-venture and co-operation domestically and abroad).

In the time to come, the investment in equipment to enhance food and beverage processing quality and diversify its products including dish ordering for banquet party, wedding and feasts for the organisations and factories should be continued to focus on. Maintaining and expanding varieties of breakfast, drinks and launching out the new services attaching to the company trademark, investing in improving professional qualification for the employees by inviting the teachers from the Central school to teach in the refresher training courses will be continually carried out.

With the tradition rich of 40-year history, the company's staff unification and constant endeavour, Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company is certain to obtain new achievements in the process of converting to joint-stock company, deserving the forerunners' expectation.

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIN HỌC HITECH

CÙNG KHÁCH HÀNG VỮNG BƯỚC ĐẾN THÀNH CÔNG

Với kinh nghiệm thực tế được hình thành qua nhiều năm hoạt động, cùng với đội ngũ nhân viên trẻ, trình độ cao, năng động, nhiệt tình, Công ty Phát triển và ứng dụng công nghệ tin học Hitech đã mang đến sự hài lòng cũng như sự thành công cho rất nhiều khách hàng từ khi hoạt động đến nay.

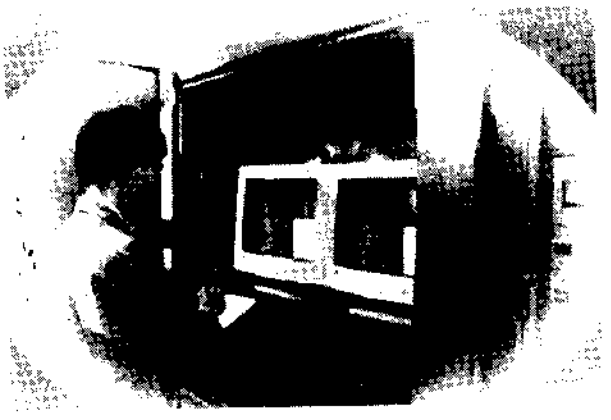

Kiểm tra tính năng kỹ thuật của máy tính bằng các phần mềm và phương tiện chuyên dụng

Nhân loại đang bước vào kỷ nguyên của nền kinh tế tri thức, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin. Nhờ công nghệ thông tin, các nước chậm phát triển có thể áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Việt Nam nói chung, Thanh Hoá nói riêng cũng nằm trong xu hướng phát triển đó. Nhận thức xu hướng phát triển tất yếu đó, Công ty Phát triển và ứng dụng công nghệ tin học Hitech đã ra đời trên nền tảng của Trung tâm tin học Hitech (thành lập năm 1998).

Chất lượng dịch vụ - đảm bảo vàng cho thành công

Hoạt động trong lĩnh vực còn tương đối mới mẻ, lại chịu áp lực cạnh tranh lớn, đòi hỏi phải có sự nhạy bén, linh hoạt và không ngừng đổi mới, cập nhật thông tin nên khi mới thành lập, Hitech gặp không ít khó khăn. Nhưng với phương châm "Phục vụ khách hàng bằng những công nghệ mới nhất, sản phẩm có chất lượng cao nhất và quan trọng nhất là chất lượng của dịch vụ bảo hành", Hitech đã dần tạo dựng được lòng tin đối với khách hàng và từng bước mở rộng thị phần trong tỉnh.

Hiện nay, Công ty tổ chức kinh doanh phân phối các sản phẩm tin học bao gồm: máy chủ, máy trạm, các thiết bị mạng, linh kiện máy tính và các sản phẩm phần mềm của các hãng nổi tiếng nhất trên thế giới như: HP (Hewlett Packard), IBM, ACER, Canon, Cisco System, Intel, Samsung, LG, Microsoft. Trong hoạt động tư vấn, từ kết quả nghiên cứu, tích hợp và phát triển các thành tựu mới nhất của ngành công nghệ thông tin thế giới, đồng thời căn cứ vào tình hình phát triển của tỉnh Thanh Hoá nói riêng và Việt Nam nói chung, Hitech đã cộng tác với khách hàng xây dựng hệ thống thông tin trọn gói nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, tính mở, chuẩn thông tin, tính bảo mật, độ bền và độ an toàn cao. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu công nghệ mới và phát triển ứng dụng cũng là một trong những định hướng chính của Công ty, với mục đích trở thành nhà tư vấn giải pháp, tích hợp hệ thống, cung cấp phần cứng, cũng như phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

Trong quá trình hoạt động của mình, Hitech đã thiết kế xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, phân tán, dùng chung, các chương trình xử lý và tra cứu thông tin (DOCMAN), hệ thống quản lý công văn (OFFICEMAN), trên cơ sở các hệ quản trị dữ liệu MS SQL, Server, DB2, v.v.. Xây dựng các ứng dụng

trên nền cơ sở hạ tầng Internet và intranet bao gồm dịch vụ thư tín điện tử, tra cứu thông tin trên trang web, đặc biệt có phần mềm Design WEB chuyên dụng để xây dựng và thiết kế website đã được Việt hoá. Đồng thời, Công ty cũng xác định khâu cuối cùng của chuyển giao công nghệ (khâu quan trọng nhất), đó là hướng dẫn đào tạo tới từng người sử dụng nhằm phát huy tối đa khả năng và hiệu quả do hệ thống này mang lại.

Dịch vụ bảo hành của Hitech được khách hàng đánh giá cao với hệ thống trung tâm bảo hành được trang bị đầy đủ, hiện đại, cùng sự hỗ trợ của các hãng lớn bằng việc cung cấp các linh kiện thay thế, và những kinh nghiệm đã được tích luỹ trong nhiều năm. Khi làm dịch vụ với các hãng khác nhau, Hitech đảm nhiệm sửa chữa hoặc thay thế tất cả các loại thiết bị hiện có trên thị trường. Trong quá trình bảo hành, Công ty luôn luôn đảm bảo sự hoạt động liên tục của khách hàng, bằng cách thay thế các thiết bị mới, hoặc các thiết bị có tính năng tương đương, thích hợp với hệ thống hiện thời.

Trong lĩnh vực đào tạo, hầu hết cán bộ, cộng tác viên của Công ty trước đây đều là giáo viên toán, lý phổ thông trung học đã được đào tạo kiến thức tin học chính quy. Chính vì vậy, bên cạnh khả năng về kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ của Công ty trực tiếp tham gia giảng dạy còn có năng lực sư phạm tốt, đủ khả năng truyền thụ kiến thức tin học cho học viên.

Với tính năng ưu việt của các dịch vụ này, Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng lớn, từ những khách hàng đơn lẻ đến những khách hàng mua với số lượng lớn và những khách hàng truyền thống như Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... Hiện nay, Hitech đã tạo dựng được quan hệ với nhiều hãng máy tính nổi tiếng ở trong và ngoài nước, hợp tác với nhiều cơ quan quản lý chuyên ngành như: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Công nghiệp, Viện Công nghệ thông tin. Đặc biệt Công ty còn là thành viên của Hội Tin học Việt Nam, Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam.

Thế mạnh trong những dự án lớn

Ngay khi mới thành lập, Công ty đã hợp tác để lựa chọn giải pháp về công nghệ và thiết bị tiên tiến nhất của các hãng sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ thông tin hàng đầu thế giới, góp phần rút ngắn khoảng cách về công nghệ thông tin giữa Việt Nam và thế giới. Đồng thời Công ty còn là đối tác trực tiếp của các hãng và đơn vị phân phối sản phẩm công nghệ thông tin trên toàn lãnh thổ Việt Nam: có đủ khả năng cung cấp tất cả các thiết bị, linh kiện thay thế của chính hãng cho dự án, ngay cả trong và sau thời gian bảo hành thiết bị. Do đó, Hitech thực sự có thế mạnh thực hiện những dự án công nghệ thông tin lớn của tỉnh Thanh Hoá. Đặc biệt, Hitech đã thành công trong quá trình triển khai các dự án "Tin học hoá quản lý hành chính nhà nước" của tỉnh. Nói về thành công này, Bà Đỗ Thị Lý - Giám đốc Công ty Hitech cho biết: "Ngoài thế mạnh trên, với đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có khả năng làm chủ công nghệ và am hiểu các loại thiết bị cung cấp cho các dự án, Hitech đảm bảo rằng, tất cả các thiết bị đều được giao đúng địa điểm, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của khách hàng".

Với những thế mạnh sẵn có, kể từ năm 1998 đến nay, Hitech đã triển khai thành công nhiều dự án tin học lớn: phối hợp với Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá thiết kế, xây dựng và tích hợp mạng LAN, WAN; cung cấp thiết bị tin học, thiết bị mạng LAN, WAN cho dự án: "Tin học hoá quản lý hành chính nhà nước" tại 3 huyện Cẩm Thuỷ, Yên Định, Hoằng Hoá và thành phố Thanh Hoá. Ngoài ra, Hitech còn thực hiện nhiều dự án tin học khác cho các sở, ban, ngành và các công ty khác trên địa bàn tỉnh.

Có thể khẳng định rằng, Công ty Hitech đã có những bước trưởng thành vượt bậc trong những năm qua, tạo dựng được chữ tín trên thị trường. Để theo kịp sự phát triển của công nghệ thông tin, Hitech liên tục đầu tư, tham dự các khoá học chuyên ngành, tổ chức các buổi thảo luận với các nhà cung cấp giải pháp công nghệ thông tin hàng đầu thế giới. Mong muốn của Công ty là được góp phần nhỏ bé vào công cuộc tin học hoá quản lý hành chính nhà nước của tỉnh Thanh Hoá nói riêng và của Việt Nam nói chung.

HITECH INFORMATION TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND APPLICATION COMPANY

STEP TO SUCCESS WITH CUSTOMERS

With the practical experiences, which accumulated from the years of operation along with the young, enthusiastic, flexible and highly educated staff, Hitech Information Technology Development and Application Company has brought satisfaction to a number of customers since its establishment.

Nowadays the humanity is entering the era of knowledge-based economy with the stormy development of science-technology, especially the information technology (IT). Owning to IT, the under-developed countries are able to apply rapidly the science-technical advancements in economic development, speeding up the process of industrialisation and modernisation. Being aware of that indispensable development tendency, in which Viet Nam in general and Thanh Hoa in particular is not exception, Hitech Information Technology Development and Application Company was established on the base of Hitech Information Technology Centre in 1998.

Assembling with modern technological lines

Service quality - golden guarantee for success

Operating in rather new field, under the great competitive pressure, which requires the flexibility, sharpness, incessant renovation and information update, Hitech faced a mountain of difficulties right from its establishment. However, with the motto: "Serving customers with the most updated technology, highest quality products and most important being the guarantee service quality", Hitech has gradually created belief in the customers and expanded its market-shares in the province.

Presently, the products distributed by Hitech include servers, clients, network equipment, computer devices and the software products of the most famous firms such as HP (Hewlett Packard), IBM, ACER, Canon, Cisco System, Intel, SAMSUNG, LG and Microsoft. As for consulting activity, basing on the results of study, integration and development of the latest IT advances world-wide simultaneously with the growth reality locally, Hitech has co-ordinated with the customers in building end-to-end information system aiming at ensuring technical criteria, preciseness, security, durability and high safety. Besides, studying up-to-date technology and developing application are also the company's major orientation with an aim of becoming the consultant on providing solution, integrating system, providing hardware, software and application software.

During its operation process, Hitech has designed the concentrated, dispersed and shared databases, the programs processing and looking up information (DOCMAN), correspondence management system (OFFICEMAN) basing on database management systems MS SQL, Server, DB2 etc. The company has also set up the Internet-based and intranet-based applications including e-mail service, looking up information through the web, especially the software

Design WEB exclusive for building and designing the website in Vietnamese. Concurrently, the company defines that the final and most important phase of the technology transfer is to conduct and educate the users targeted at utilising up the capability and efficiency of this system.

The guarantee service of Hitech earns high appreciation of the customers thanks to the adequately and modernly equipped guaranteeing centre together with supports of the well-known firms by providing the replacing components and the long-term accumulated experiences. Working with the different firms, Hitech undertakes repair or replacement of any equipment existing in the market. During guarantee term, the company always ensures the customers' operation consistence by replacing the outdated equipment with the up-to-date one or the one with equivalent functions, applicable to the present system.

As for education, most of the company's employees and co-ordinators used to be the teachers of maths and physics in the secondary schools, benefited from regular education in IT. For that very reason, apart from capability in technique and professional skills, the company staff, who directly participates in teaching activities has pedagogic ability that capable to transfer the IT knowledge for the trainees.

With the pre-eminence of those services, Hitech has created the large customer network, from the individual to the corporate ones with the great amount of purchase inclusive such traditional customers as Thanh Hoa provincial People' Committee, Thanh Hoa municipal People' Committee, Agency of Forestry, Department of Agricultural and Rural Development. Presently, Hitech has created relation with many famous computer firms locally and internationally, collaborated with the professional management bodies such as Department of Science and Technology, of Industry and Information Technology Institute, especially Hitech is also the member of Vietnam Information Technology Association and Vietnam Chamber of Commerce and Industry.

Strong point in the large-scale projects

Right from establishment, the company has co ordinated to chose the solution to most advanced technology and equipment of the world-leading IT producers and distributors, bridging the gap betwee Viet Nam and the world. Moreover, as being the direct partner of the IT product distributors acros Viet Nam, Hitech is able to provide all the origina equipment and auxiliaries for replacement even i and after the guarantee period. Hence, Hitech reall gained the strong position in carrying out the large I projects of Thanh Hoa province. Specifically, th company obtained success in the provincial projec deployment of "Applying IT in State administrativ management". Director of Hitech, Ms Do Thi L said: "Parallel with the above-mentioned strengt with the team of engineers and technicians of hig technical qualification, capable to master technolog and knowledgeable about the equipment providin for the projects, Hitech ensures the prompt deliver and quality on customers' demand".

With own strong position, since 1998 up to no Hitech has successfully implemented many large scale IT projects. Of which, it co-ordinated with th provincial People's Committee's Office to desig build and integrate the local and wide area network (LAN and WAN), provided IT and LAN, WA equipment for the project "Applying IT in Stat administrative management" at three districts o Cam Thuy, Yen Dinh, Hoang Hoa and Thanh Ho City. Besides, Hitech has also carried out many oth ers IT projects for the departments, sectors and com panies in the province.

It can be affirmed that Hitech experienced gre progress in recent years, created prestige on the mar ket. To keep pace with IT development, Hitech ha been continuing investment, participating in the spe cific training courses, organising the discussion with the world-leading IT solution providers. Th company hopes to make its contribution to the appl cation IT in State administrative management i Thanh Hoa province in particular and Viet Nam i general.

THỊ XÃ SẦM SƠN

PHÁT HUY THẾ MẠNH KINH TẾ BIỂN

NGUYỄN VĂN PHÙNG
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn

Thiên nhiên đã ưu ái cho Sầm Sơn một bãi biển kỳ thú, nên thơ cùng với nhiều tích sử - một tài sản vô giá của Sầm Sơn từ ngàn xưa để lại. Trong lần về thăm và làm việc với tỉnh Thanh Hoá (ngày 17 - 19 tháng 7 năm 1960), khi nghỉ lại đến Cô Tiên - Sầm Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Nếu nơi đây có một hệ thống dịch vụ khách sạn và có phương tiện đưa đón khách nghỉ mát để tới Hòn Mê thì sẽ thu được nhiều của cải từ đây...". Khắc ghi lời dạy của Người, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Sầm Sơn đã từng bước phát huy thế mạnh kinh tế biển, đưa ngành du lịch - thuỷ sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nằm trên bờ Vịnh Bắc Bộ, địa hình Sầm Sơn tương đối bằng phẳng, là vùng sơn thuỷ hữu tình với khí hậu trong lành, dải bờ biển cát vàng thoai thoải, nước trong xanh soi bóng núi Trường Lệ với những di tích văn hoá đã được xếp hạng quốc gia (Đền Độc Cước, Đền Cô Tiên, Hòn Trống Mái...). Hơn nữa, biển Sầm Sơn bao la là nơi trực tiếp cung cấp nguồn hải sản phong phú như tôm, cá mực, cua, các loại hải sản quý khác... Mặt khác, Sầm Sơn có bề dày lịch sử, truyền thống văn hoá lâu đời, với các hoạt động văn hoá mang đậm bản sắc quê hương như lễ hội bánh chưng - bánh dày (ngày 12-5 âm lịch hàng năm). Với những lợi thế này, Sầm Sơn có nhiều ưu thế trong sự phát triển của ngành du lịch và thuỷ sản.

Lấy ngành du lịch làm trọng tâm

Sầm Sơn là một trong những địa danh nổi tiếng, là niềm tự hào của ngành du lịch Thanh Hoá và cũng là của ngành du lịch Việt Nam. Ngay từ thời Pháp thuộc, làng núi Sầm Sơn cùng bãi biển chân núi Sầm được coi là khu nghỉ mát cho các quan chức người Pháp, dần dần trở thành bãi tắm lý tưởng thu hút khách du lịch thập phương. Sau năm 1960 và nhất là từ 1980 đến nay, Sầm Sơn thực sự trở thành thị xã du lịch, nghỉ mát nổi tiếng.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, chính quyền và nhân dân thị xã Sầm Sơn đã phát huy thế mạnh sẵn có, lấy du lịch làm ngành kinh tế trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy,

Trước thế kỷ XX, địa danh Sầm Sơn chưa xuất hiện trên bản đồ địa lý Việt Nam, chỉ có dãy núi Gầm án ngữ phía Nam vùng đất này mà ngư dân đi biển quen gọi là Mũi Gầm, sau dần dần đổi thành núi Sầm - Sầm Sơn, địa danh này cũng còn được gọi là núi Trường Lệ (làng chân núi này cũng gọi là Làng Núi hay làng Trường Lệ). Xưa kia vùng đất này thuộc huyện Quảng Xương. Thị xã Sầm Sơn chính thức được thành lập ngày 18-12-1981 theo Quyết định số 157/QĐ/HĐBT. Sầm Sơn cách thành phố Thanh Hoá 16 km về phía Đông. Diện tích tự nhiên khoảng 18 km², phía Bắc giáp sông Mã, phía Đông và Nam giáp biển Đông, phía Tây giáp huyện Quảng Xương. Sầm Sơn có 3 phường và 2 xã. Dân số năm 2002 khoảng 56.595 người.

Đồng chí Nguyễn Văn Hoà - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn phát biểu trong hội thảo xây dựng xa lộ thông tin của thị xã Sầm Sơn

Foto: Hoàng Tàn

kể từ năm 1996 trở lại đây, được sự hỗ trợ của Nhà nước, của tỉnh và sự đóng góp của nhân dân địa phương, Sầm Sơn đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng phát triển kết cấu hạ tầng như: khách sạn, giao thông, điện, nước và khu vui chơi giải trí,... Hầu hết các khách sạn đều được đầu tư xây dựng khang trang với những trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, thị xã đã tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, hoàn thiện và đưa vào sử dụng Khu du lịch văn hoá - vui chơi giải trí "Huyền thoại thần Độc Cước" và "Khu nhà luyện tập và thi đấu thể dục thể thao tổng hợp"; tiến hành quy hoạch: Khu sinh thái Quảng Cư, Khu du lịch văn hoá núi Trường Lệ. Vì vậy, số lượng khách đến với Sầm Sơn ngày một tăng. Nếu như năm 1996 là 506.740 khách/ngày thì đến năm 2002 tăng 60%, đạt 815.500 khách/ngày, dự kiến năm 2003 đạt 880.000 khách/ngày. Doanh thu từ ngành du lịch cũng liên tục tăng cao, từ 34 tỷ đồng (năm 1996) lên 77.058 tỷ đồng (năm 2002), đưa tỷ trọng ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế từ 40% (năm 1996) tăng lên 46,33% (năm 2002).

Kết quả nêu trên cho thấy, ngành du lịch ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế thị xã Sầm Sơn và phát triển theo hướng bền vững. Vai trò đó được khẳng định bằng tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội của Sầm Sơn như: thu hút hàng ngàn lao động tham gia kinh doanh dịch vụ du lịch; thay đổi tư duy, cách nghĩ cách làm của người dân trong cơ chế thị trường; góp phần nâng cao trình độ dân trí của người dân, đặc biệt là nhận thức về du lịch. Bên cạnh đó, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, nguồn thu từ du lịch được đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi như: trạm y tế, trường học, đường điện, giao thông; tôn tạo các danh lam thắng cảnh và khu di tích, góp phần làm thay đổi nhanh diện mạo của thị xã Sầm Sơn.

Hướng tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành thuỷ sản

Cùng với du lịch, trong những năm qua, ngành thuỷ sản cũng giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Sầm Sơn. Mặc dù đường bờ biển của thị xã chỉ dài 9 km, (trong đó khu vực dành cho du lịch là khá lớn), nhưng Sầm Sơn vẫn là nơi có nguồn lợi hải sản lớn của tỉnh Thanh Hoá. Biển Sầm Sơn được các chuyên gia trong ngành thuỷ sản đánh giá là có trữ lượng hải sản tương đối lớn, nhiều chủng loại. Ngay từ xa xưa, đánh bắt, chinh phục biển đã trở thành truyền thống của người dân Sầm Sơn.

Phát huy truyền thống sẵn có, kết hợp với áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hoạt động khai thác hải sản trong giai đoạn vừa qua (1996 - 2002) đã có bước tăng trưởng nhảy vọt cả về lượng và chất. Trong đó, thị xã đã từng bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu thuyền nghề theo hướng giảm áp lực khai thác ven bờ, loại bỏ dần các phương tiện

nhỏ, lạc hậu, đầu tư trang thiết bị đánh bắt mới với công suất lớn, thiết bị máy móc hiện đại, công nghệ khai thác tiên tiến, góp phần nâng cao sản lượng khai thác, năng suất lao động, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thuỷ sản gần bờ, từng bước đưa nghề khai thác thủy sản phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Số lượng tàu thuyền gắn máy các loại tăng nhanh, nếu như năm 1996 tổng số tàu thuyền có 513 chiếc thì đến năm 2000 tăng lên 805 tàu gắn máy, 110 tàu đánh bắt xa bờ. Đặc biệt, ngư dân Sầm Sơn đã được Nhà nước đầu tư 68 dự án gồm 79 tàu có công suất lớn từ 90CV đến 254CV phục vụ đánh bắt xa bờ. Nhờ vậy, sản lượng khai thác tăng đều qua các năm, từ 5.234 tấn (năm 1996) lên 8.500 tấn (năm 2002), dự kiến năm 2003 đạt 9.500 tấn. Trình độ chuyên môn kỹ thuật về đánh bắt hải sản và sử dụng thiết bị, máy móc của ngư dân dần được nâng cao. Sự có mặt của ngư dân ngoài khơi xa còn góp phần bảo vệ nguồn lợi hải sản, chống lại sự xâm nhập trái phép của tàu nước ngoài, bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

Nuôi trồng thuỷ, hải sản cũng từng bước được chú ý và mở rộng về quy mô. Tận dụng những tiềm năng sẵn có, những năm gần đây, Sầm Sơn đã tiến hành cải tạo vùng triều sông Mã, đầu tư hàng chục tỷ đồng để cải tạo ao nuôi, đưa khoa học - công nghệ mới vào nuôi trồng thuỷ sản. Đặc biệt, trong lĩnh vực nuôi tôm, thị xã đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích gieo trồng năng suất thấp sang nuôi trồng thuỷ sản, cho giá trị cao gấp 3 - 5 lần trồng lúa. Đồng thời, Sầm Sơn đã từng bước xoá bỏ hình thức nuôi quảng canh, chuyển sang nuôi bán thâm canh. Đến nay, tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản đạt 205 ha, tăng 46,4% so với năm 1996; tổng sản lượng nuôi trồng đạt 170 tấn, tăng 41,6% so với năm 1996. Nét đột phá trong sự phát triển của ngành thuỷ sản Sầm Sơn là đã xây dựng hai trại giống tôm sú, sản sinh được 21 triệu con, chủ động đáp ứng nhu cầu trên địa bàn. Hiện nay, thị xã đang phối hợp cùng với ban, ngành cấp tỉnh để lập dự án thi công khu nuôi tôm công nghiệp. Với tổng sản lượng bao gồm cả đánh bắt và nuôi trồng đạt 8.670 tấn, tổng trị giá 58,3 tỷ đồng, cùng với du lịch, ngành thuỷ sản đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của thị xã. Hàng năm, ngành đã giải quyết việc làm cho phần lớn lao động của thị xã.

Sản lượng thuỷ sản tăng mạnh trong những năm qua là cơ sở quan trọng để công nghiệp chế biến thuỷ, hải sản, công nghiệp đóng, sửa tàu thuyền và các dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển. Hiện nay, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn chủ yếu là chế biến thuỷ sản. Năm 2002, tổng giá trị công nghiệp chế biến đạt 5,2 tỷ đồng, dự kiến năm 2003 đạt 5,9 tỷ đồng. Trong thời gian vừa qua, Sầm Sơn đã triển khai nhiều dự án, điển hình là dự án chế biến hải sản Tân Hưng - xã Quảng Tiến với công suất 800 tấn/năm; dự án đầu tư xây dựng hai dây chuyền sản xuất bột cá và sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn nuôi tôm với công nghệ tiên tiến của Trung Quốc, tổng vốn đầu tư gần 6 tỷ đồng, mở ra triển vọng mới cho ngành thuỷ sản nói chung và lĩnh vực công nghiệp chế biến thuỷ sản nói riêng của thị xã Sầm Sơn.

Xây dựng một Sầm Sơn hiện đại, văn minh

Sự phát triển của các ngành kinh tế trọng yếu như du lịch, thuỷ sản đã tạo nên diện mạo mới cho Sầm Sơn: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11 - 12%/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 380 - 430 USD/năm; kết cấu hạ tầng được đầu tư khang trang, văn hoá - xã hội phát triển. Tuy nhiên, điểm hạn chế hiện nay của thị xã vẫn là du lịch mùa vụ, tốc độ phát triển nhanh gây mất cân đối giữa quy hoạch và tốc độ phát triển. Để đạt được mục tiêu đến năm 2005 trở thành đô thị loại IV và đến năm 2010 thành đô thị loại III, việc quy hoạch thị xã được phân thành các khu chức năng với bố cục như sau:

1) Khu trung tâm bao gồm:

- Trung tâm hành chính - chính trị như cơ bản hiện nay là phù hợp.

- Trung tâm thương mại - dịch vụ: xây dựng tại các bãi tắm, khu du lịch, dọc hai bên bờ biển tại các vị trí thích hợp, khu trung tâm chính ở phía Nam đường Lê Lợi và phía Đông đường Nguyễn Du.

- Trung tâm văn hoá - thể thao: núi Trường Lệ, khu nhà hát nhân dân, phường Trung Sơn và Quảng Cư.

- Trung tâm khu vực: tại mỗi phường, xã.

2) Khu khách sạn - nhà nghỉ:

- Cải tạo, nâng cấp các cơ sở hiện có tại các phường nội thị Bắc Sơn và Trường Sơn theo hướng hiện đại.

- Xây dựng mới khách sạn, nhà nghỉ phục vụ du lịch, nghỉ mát, dưỡng sức tại dải đất ven biển thuộc xóm Vinh Sơn, phường Trung Sơn và khu hồ đầm Quảng Cư.

- Phát triển về phía Nam Sầm Sơn các khách sạn, nhà nghỉ khi xã hội có nhu cầu.

3) Khu du lịch - vui chơi giải trí - tắm biển: xây dựng ba khu vực chính phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí có nội dung hoạt động khác nhau:

- Trên núi Trường Lệ: phục vụ cho du lịch văn hoá - vui chơi.

- Khu du lịch sinh thái Quảng Cư: nét đặc trưng của khu vực này là du lịch sinh thái.

- Tắm biển: tại các bãi tắm, tăng cường công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn khi tắm biển.

4) Khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Xây dựng khu công nghiệp chế biến hải sản và dịch vụ cho chế biến hải sản, đóng, sửa tàu thuyền... tại khu vực Quảng Tiến, Quảng Cư.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trong các hộ gia đình.

- Xây dựng một số cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm ở phường Trường Sơn phục vụ du lịch nghỉ mát.

5) Kho - bến cảng: chủ yếu xây dựng 2 cảng ở Quảng Tiến và Quảng Cư.

Bãi biển Sầm Sơn khu du lịch nổi tiếng c Thanh Hoá và cả nư

Foto: Hoàng T

6) Khu dân dụng: quy hoạch lại các khu dân cư hoàn chỉnh, xây mới và kiên cố hoá các nhà dân, phần đất còn lại trồng cây xanh để tạo cảnh quan phục vụ cho du lịch.

Quy hoạch tổng thể thị xã Sầm Sơn phải nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trong mối quan hệ với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh phía Bắc. Đồng thời phải cố gắng phát huy hơn nữa thế mạnh kinh tế biển, đưa các ngành du lịch, thuỷ, hải sản và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thị xã theo đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, tạo nên sức bứt phá mạnh mẽ, đưa Sầm Sơn bắt kịp với xu thế phát triển chung của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Địa chỉ liên hệ:
UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ SẦM SƠN
Chủ tịch: NGUYỄN VĂN PHÙNG
Điện thoại: 037. 821318 - 0913.293264

SAM SON TOWN

DEVELOPING POWER OF MARITIME ECONOMY

By NGUYEN VAN PHUNG
Chairman of Sam Son Municipal People's Committee

Sam Son town is endowed with the natural dreamlike beach and many long-lasting priceless historical vestiges. During the visit to Thanh Hoa on July 17th-19th 1960, when calling a halt at Co Tien temple in Sam Son, President Ho Chi Minh recommended: "A system of hotel service and means of travel to Hon Me to be built here will be profitable for this area". Engraving His recommendation, Sam Son municipal Party's Committee, authorities and the people have gradually developed the maritime economic strength, turning the tourism and aquaculture into the key economic sectors.

Lying along the Ton Kin Bay, Sam Son is the charming landscape with rather plain topology, the temperate climate, the sloping coast of gold sands and limpid water reflecting the Truong Le mountain and the nationally classified cultural vestiges including Doc Cuoc and Co Tien temples and Hon Trong Mai. Moreover, the vast Sam Son sea is the place where directly provides plentiful seafood such as shrimp, cuttlefish, crab and many other valued kinds. In addition, the long-standing history and cultural tradition with many activities carrying the homeland's characteristics like "Banh Chung - Banh Day" festival held on May 12th yearly (lunar calendar) will be the advantages of Sam Son for the tourism and aquatic development.

Tourism is the key economic sector

Sam Son is among the well-known place-names, the pride of Thanh Hoa as well as of Viet Nam tourism. Right from the time of French domination, the mountainous villages and beach of Sam Son was considered the resort for the French officers, then gradually became the ideal bathing beach for the travellers. After 1960, especially since 1980, Sam Son really became the famous tour site and resort.

Under the reform policy of the Party

Before the 20th Centrury, "Sam Son" had not appeared in Viet Nam geographical map but only Gam range of mountains, which located in the south of that area. The fishermen called it Mui Gam that gradually changed to "nui Sam" (mean Sam Son) and also called Truong Le mountain with the village beneath named Lang Nui or Truong Le village. Previously, that land belonged to Quang Xuong District. Sam Son town was officially established on December 18th 1981 under Decision 157/QD/HDBT. Sam Son town locates 16km from Thanh Hoa City in the east with the natural area of around 18 sq.km, bordering Ma river in the north, East ocean (Bien Dong) in the east and south, and Quang Xuong District in the west, possessing three wards and two communes. Its population amounted to approximately 56,595 people in 2002.

and the State, Sam Son municipal authorities and the people have brought the existing strength into play, attaching special importance to the tourism in socio-economic development. Therefore, since 1996, with the supports from the State, the province and the contributions of the local inhabitants, Sam Son town has invested hundreds of billions VND in infrastructure development including hotels, traffic, electricity, water and the entertainment zones etc. Thanks to that, most of the hotels are spacious and luxurious with the state-of-the-art equipment and furniture, meeting the international standard. Particularly, the town has focused on constructing and completing material and technical facilities of the cultural entertainment-tour site "Doc Cuoc Genie Legend" and "the General Sport House", implementing the projects on Quang Cu ecological zone and Truong Le cultural tour site. The number of tourists coming to Sam Son has been therefore increasing, reached 815,500 people a day in 2002 against 506,740 in 1996, rose 60% and expected to be 880,000 in 2003. Revenue of tourism increased continually, from VND 34 billions in 1996 to VND 77,058 billions in 2002, lifting the growth rate of tourism in economic structure from 40% in 1996 to 46,33% in 2002.

Detailed project of Quang Cu ecotourism area - Sam Son town

Foto: Hoang Tan

Such performance showed that tourism day by day affirms its important role in economic structure of Sam Son and its stable development. That crucial role is affirmed by the active impact on the town's socio-economic development including attracting thousands of laborers in traveling business, changing the people's mind and working way in the market mechanism, contributing to enhancement of their intellectual standard, especially the awareness about tourism. In addition to the State's support, revenue from tourism is used to invest in building such welfare works as medical stations, schools, power lines and traffic, embellishing the landscapes and vestiges, making contribution to changing Sam Son town's appearance.

Heading for aquaculture industrialization and modernization

Parallel with tourism, during last years, aquaculture sector had also played the crucial role in Sam Son economy. Despite of only 9 km - long coast with major part for tourism, Sam Son is still the home for great seafood source of Thanh Hoa province. The aquaculture experts assess that Sam Son is possessing the potential and plentiful seafood reserves. Long time ago, conquering the sea became the tradition of the Sam Son people.

Developing the existing tradition in combination with applying science-technical advances in production, the seafood exploitation in recent years (1996 - 2002) experienced a rapid leap in both quantity and quality. Of which, the town has gradually carried out fishing structure conversion by reducing onshore exploitation, eliminating the small and outdated fishing means, investing in up-to-date fishing equipment of great capacity and advanced exploitation

technology, contributing to raising exploitation and labor productivity, protecting and regenerating onshore aquatic resources. Basing on that, the aquatic product exploitation development has step by step turned into industrialization and modernization. The number of motorboats has rapidly increased, from 513 of the total in 1996 to 805 motorboats and 110 offshore fishing vessels in 2000. Especially, Sam Son's fishermen are benefited from the State's 68 projects including 79 boats of great capacity from 90CV to 254CV for offshore fishing. Owning to that, the exploitation productivity has recorded year-on-year increase, from 5,234 tons in 1996 to 8,500 tons in 2002 and expected to 9,500 tons in 2003. The fishermen' professional technical skill in catching seafood and using modern equipment has been gradually improved. The present of the fishermen offshore also contributes to opposing the illegal infiltration of the foreign ships, protecting seafood source and the country's sea territory.

Besides, breeding aquatic product has also been focused on and expanded. Making use of the existing potentiality, Sam Son recently has improved the Ma River area, invested tens of billions VND to the ponds breeding aquatic product and applied updated science-technology in aquaculture. As for rearing shrimp in particular, the town has boldly converted low yield planting area to aquaculture, achieved threefold - fivefold productivity compared to rice cultivating. Concurrently, Sam Son has gradually replaced extensive cultivation with haft-intensive cultivation. So far, total area for aquaculture reached 205 ha, rose 46.4% over 1996; total aquaculture productivity amounted to 170 tons, increased 41.6% compared to 1996. The breakthrough of Sam Son in aquatic development is building two farms for breeding sugpo prawn to provide 21 millions prawns, actively satisfying the local demand. Presently, the town is co-ordinating with the provincial sectors and branches to blueprint the area for breeding shrimp industrially. With total output of seafood catching and breeding accounted for 8,670 tons valued VND58.3 billions, aquaculture sector together with tourism play a pivotal role in socio-economic growth of the town, which create jobs for majority of the town's laborers.

The speedy increase of aquaculture productivity in recent years is the importance foundation to develop such industries as seafood processing, ships building and repairing, and the other logistic services. At present, the industry and small industry and handicraft in the locality mostly depend on seafood processing. Total value of processing industry represented VND5.2 billions in 2002 and is proposed to be VND5.9 billions in 2003. Sam Son town had deployed many projects in last years. Typically, the Tan Hung seafood processing project in Quang Tien commune with capacity of 800 tons a year and two assembly lines producing fish powder and food for cattle, poultry and shrimp applying advanced technology from Chinese with total capital of around VND six billions were implemented. Such projects have opened up new potentials for aquatic sector in general and aquatic processing industry of Sam Son town in particular.

Building modern and civilized coastal town of Sam Son

The development of the pivotal economic sectors like tourism and aquaculture has created new image of Sam Son with annual average economic growth achieved 11% - 12%, per capital income reached US$ 380 - 430, improved infrastructure and developed cultural - society. However, the limitation of Sam Son today is seasonal tourism, which rapidly extends that causing unbalance between the plan and growth rate. With an aim of becoming the fourth-grade urban in 2005 and the third-grade urban in 2010, the town's blueprinting is divided to the following functional areas:

1) The center, consisted of:

- The political - administration center: basically remaining as presently will be appropriate.

- The trading - service center: reconstructing the bathing beaches and tour sites along the coast at the suitable places, building the main centers in the

Workers of Huy Hai Garment enterprise are making goods exporting to Japan

Foto: Hoang Tan

south of Le Loi street and in the east of Nguyen Du street.

- The Culture-Sport center: to be built in Truong Le mountain, the People's Theater area and Trung Son and Quang Cu wards.

- The regional center: to be built at every ward and commune.

2) Hotel - guest-house

- Improving and upgrading the existing ones in Bac Son and Truong Son wards on the modern orientation.

- Building more hotels and guest-houses at the coastal area of Vinh Son village, Trung Son ward and Quang Cu lakes area.

- Expanding the hotels and guest-houses on demand in the south of Sam Son.

3) Tour site - entertainment - sea bathing: setting three main areas to meet the entertainment demand with the different contents:

- Truong Le mountain: for culture - tour - entertainment

- Quang Cu ecological area: its specific characteristic is ecotourism.

- Sea bathing: enhancing environmental hygiene at the beaches, ensuring safety when bathing.

4) Industry - small industry and handicraft:

- Building industrial zone for seafood processing and providing relating services, prohibiting boats and ships in Quang Tien and Quang Cu areas.

- Extending small industry and handicraft to meet demand on consumption domestically and export.

- Setting up some bases for food and foodstuff processing at Truong Son ward supporting vacation and travelling activities.

5) Store and wharf: to be built mainly in two ports of Quang Tien and Quang Cu.

6) Residential area: completing the existing ones, building and reinforcing people' houses, covering the remaining areas with green trees for tourism purpose.

The general plan for Sam Son town aims at developing the town's socio-economy in connection with the socio-economic development orientation of Thanh Hoa and the northern provinces. The town should further utilize up the maritime economic power to turn tourism, aquaculture, industry and small industry - handicraft into the town's key economic sectors in compliance with the Uncle Ho's instruction, creating the strong breakthrough to help the town catch up with the country's development tendency in the cause of industrialization - modernization.

Contact:

SAM SON MUNICIPAL PEOPLE'S COMMITTEE

Chairman: NGUYEN VAN PHUNG

Telephone: 037. 821318 Mobile: 0913293264

NHÀ NGHỈ BỘ TÀI CHÍNH

ĐIỂM SÁNG TRONG NGÀNH DU LỊCH SẦM SƠN

Sầm Sơn hiện có 247 doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh kinh doanh lĩnh vực: nhà nghỉ, khách sạn. Trong đó, Nhà nghỉ Bộ Tài chính được đánh giá là điểm sáng trong 75 doanh nghiệp nhà nước tham gia vào lĩnh vực này.

Năm 1989, trong bối cảnh đất nước đang chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Nhà nghỉ Bộ Tài chính ra đời với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là kinh doanh khách sạn du lịch, dịch vụ thương nghiệp. Nhà nghỉ được xây dựng trên một khuôn viên rộng 5.200 m², gồm: 65 phòng nghỉ, phòng ăn, quầy bar, sân để xe.... với không gian thoáng mát, địa điểm đẹp. Bên cạnh đó, cùng với đội ngũ cán bộ, nhân viên gồm 40 người (không kể số lao động thời vụ) được đào tạo chuẩn về nghiệp vụ, Nhà nghỉ Bộ Tài chính trở thành địa chỉ đáng tin cậy của du khách thập phương khi đến với Sầm Sơn.

Ông Hồ Xuân Hải – Giám đốc Nhà nghỉ Bộ Tài chính

Foto: Hoàng Tân

Chủ động trong cơ chế thị trường

Trong những năm qua, phần lớn các doanh nghiệp kinh doanh du lịch - dịch vụ tại Sầm Sơn đều hoạt động theo thời vụ, chưa biết tạo ra những loại hình dịch vụ đa dạng khác kèm theo nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Nhằm khắc phục hạn chế này, Nhà nghỉ Bộ Tài chính đã phối hợp với các vụ chức năng của Bộ Tài chính và các ban, ngành hữu quan khác tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo, điều dưỡng.... (ngoài những tháng hè) để nâng cao hiệu suất hoạt động, biến kinh doanh thời vụ thành kinh doanh đa vụ, đồng thời mở thêm một văn phòng đại diện tại thành phố Thanh Hoá. Nhờ có chiến lược phát triển đúng đắn, năm 2002, tổng doanh thu của Nhà nghỉ Bộ Tài chính đạt trên 2,3 tỷ đồng: kinh doanh khách sạn, kinh doanh thương nghiệp đạt 3,2 tỷ đồng, tăng 104,9% so với năm 2001; mức lương bình quân của cán bộ, nhân viên đạt 750.000 đồng/người/tháng. Ngoài duy trì việc làm quanh năm cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, đơn vị còn tạo việc làm cho lao động thời vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bởi tại thời điểm này, khối lượng công việc nhiều, công suất sử dụng buồng phòng liên tục quá tải.

Nhờ sự nhạy bén trong việc tìm hướng đi mới, sự năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện, chữ tín của Nhà nghỉ Bộ Tài chính đối với khách hàng ngày càng được nâng cao. Năm 2001, nhà nghỉ đã được hội đồng bình chọn của ngành du lịch Thanh Hoá công nhận đạt chuẩn khách sạn 1 sao.

Mục tiêu và định hướng phát triển

Phát huy những kết quả đạt được, năm 2003, đơn vị đề ra mục tiêu: đưa tổng doanh thu đạt trên 2,6 tỷ

đồng, dịch vụ thương nghiệp đạt 4,5 tỷ đồng, thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên đạt 850.000 đồng/người/tháng, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ của toàn ngành và thị xã Sầm Sơn trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và triển khai thực hiện quy hoạch thị xã Sầm Sơn đến năm 2010. Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu này, ông Hồ Xuân Hải - Giám đốc Nhà nghỉ Bộ Tài chính cho biết: "Chúng tôi luôn coi trọng chất lượng phục vụ từ tinh thần tư tưởng, kỹ - mỹ thuật giao tiếp, hình thức thể mỹ, giữ chữ tín và vị thế của đơn vị; tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đổi mới trong kinh doanh, năng động sáng tạo, sẵn sàng cạnh tranh, tạo sức hút cho du khách đến với đơn vị nhiều hơn; nêu cao tinh thần trách nhiệm, gắn trách nhiệm cá nhân vào trách nhiệm của tập thể, đoàn kết một lòng khắc phục mọi khó khăn, dám nghĩ, dám làm; tranh thủ sự giúp đỡ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương nhằm tạo thế phát triển ổn định cho đơn vị. Ngoài ra, để phát huy hơn nữa năng lực sẵn có, chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính cho phép đơn vị mở rộng cơ sở vật chất cho cả 2 cơ sở, trong đó chú trọng nâng công suất phòng giường, cơ sở dịch vụ thương nghiệp tại thành phố Thanh Hoá".

Phòng hội thảo

Foto: Tư Liệu

Thành công của Nhà nghỉ Bộ Tài chính đã mở ra hướng đi đúng đắn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ thương nghiệp tại Sầm Sơn nói riêng và cả nước nói chung. Mô hình này được nhân rộng sẽ góp phần tạo nên diện mạo mới, khởi sắc hơn cho ngành du lịch Thanh Hóa nói chung và thị xã Sầm Sơn nói riêng.

FINANCE MINISTRY'S RESORT

A SHINING STAR IN SAM SON TOURISM SECTOR

There are 247 state-owned and non-state enterprises in total engaging in the business of resorts and hotels in Sam Son. The Finance Ministry's Resort is assessed as a shining star of the 75 state-owned enterprises that do the business of resorts.

In 1989, when the country was shifting from the subsidiary economy to the market economy under the State's control, the Finance Ministry's Resort was established with the major functions doing hotel business, tourism and commercial services. The resort was built on a large spacious campus (5,200 sq.m) in a convenient location with 65 rooms including dinning-rooms, bars and the parking place. In addition, with the staff of 40 people (excluding seasonal workers) that are professionally qualified, the Finance Ministry's Resort has become a reliable address for the tourists from other parts of the world to Sam Son.

Active in the market mechanism

Over the past few years, most of the enterprises of tourism and services in Sam Son worked seasonally without creating extra services and consequently

made low effectiveness. To surmount this obstacle, the Finance Ministry's Resort has co-operated with the functional divisions of the Ministry of Finance and other related industry in organising training courses, conferences seminars and holidays (in addition to summer holidays). It is aiming at the enhancement of productivity, multi-seasonal businesses (instead of the seasonal businesses) and the establishment of a representative office in Thanh Hoa City. Thanks to the right development strategy, in 2002, the total revenue of Finance Ministry's Resort mounted to over VND2.3 billion, hotel and commercial businesses made VND3.2 billion (104.9 percent greater in comparison to that in 2001). The staff's average salary stood at VND750,000 per month. Not only maintaining employment for the staff during the year around, the resort also creates jobs for seasonal labourers from May to August when there is usually a great volume of work to be done and the rooms are always over-busy.

Thanks to its sensitiveness in finding new orientation, activeness and creativeness in implementation, the prestige of the Finance Ministry's Resort has been progressively reinforced. In 2001, the resort was certified one-star hotel by the selection board of Thanh Hoa Tourism sector.

Targets and development orientation

Continuing the achievements, the resort targets the total revenue of over VND2.6 billion, commercial services of VND4.5 billion and the average income of the staff at VND 850,000/person/month in 2003. Those targets will made great contribution to the successful pursuit of the sector's and Sam Son Town's tasks in the new periods of intensifying the industrialisation, modernisation and planning for Sam Son Town by 2010. According to Ho Xuan Hai, the Director of the Finance Ministry's Resort, for the success of those targets, "We attach a great importance to the service quality, the reinforcement of the organisation, business renovation, activeness and creativeness and the competitiveness. The sense of responsibility is highly raised. We also attach individual responsibilities with those of the community, maintain the unique solidarity to surmount any difficulties, continue the strong determination, take advantage of the assistance from the Central and local sectors and bodies of different levels so as to create a stable development. Besides, we would like to propose the Ministry of Finance to allow us to expand the facilities of the both the resort and its representative office, especially emphasise the improvement of the rooms' capacity and commercial services in Thanh Hoa City."

The success of the Finance Ministry's Resort is paving the way for exciting development of other hotel and commercial services enterprises in Sam Son in particular and across the country in general. The expansion of this model will make a significant contribution to making the image of the Thanh Hoa Tourism more attractive.

Panorama of the Finance Ministry's Resort

Foto: Reference

THỊ XÃ BỈM SƠN

CỬA NGÕ PHÍA BẮC CỦA TỈNH THANH HOÁ

LÊ ĐỨC HẠNH
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn

Trong những năm gần đây, thị xã Bỉm Sơn phát triển khá nhanh và bền vững. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, từ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ sang công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và nông - lâm nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12%/năm; GDP đầu người đạt gần 600 USD/người/năm. Hiện nay, thị xã Bỉm Sơn đang dần hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu đô thị mới, một số trung tâm thương mại, khách sạn lớn, điều đó cho thấy sức vươn lên mạnh mẽ của vùng đất được mệnh danh là "cửa ngõ phía Bắc" của tỉnh Thanh Hoá.

Vài nét về lịch sử hình thành thị xã Bỉm Sơn

Để đáp ứng kịp thời công tác quản lý hành chính cửa khu công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, ngày 29-6-1977, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng đã ký Quyết định số 140/BT-TTg thành lập thị trấn Bỉm Sơn trực thuộc tỉnh Thanh Hoá với nhiệm vụ bảo vệ và phục vụ tốt nhất cho việc xây dựng Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn - nhà máy sản xuất xi măng lớn nhất Việt Nam lúc bấy giờ. Vì thế, ngay từ khi mới thành lập, thị trấn Bỉm Sơn (nay là thị xã Bỉm Sơn) được Đảng và Nhà nước xác định là khu công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu là sản xuất xi măng.

Ngày 18-12-1981, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ký Quyết định số 157/HĐBT thành lập thị xã Bỉm Sơn gồm thị trấn Bỉm Sơn, thị trấn Nông trường Hà Trung và 2 xã Quang Trung, Hà Lan, thuộc huyện Trung Sơn (nay là huyện Hà Trung). Đến nay, thị xã có 7 đơn vị hành chính trực thuộc (5 phường và 2 xã), bao gồm các phường: Ngọc Trạo, Ba Đình, Bắc Sơn, Lam Sơn, Đông Sơn và 2 xã Hà Lan, Quang Trung. Từ ngày thành lập đến nay, thị xã Bỉm Sơn đã qua 8 khoá Hội đồng nhân dân, chính quyền các cấp ngày càng được hoàn thiện, năng lực điều hành và quản lý nhà nước từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Ông Lê Đức Hạnh - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn

Foto: Hoàng Tân

Thị xã Bỉm Sơn được xác định là trung tâm kinh tế của vùng kinh tế động lực, đồng thời là cửa ngõ phía Bắc tỉnh Thanh Hoá, cách thủ đô Hà Nội 120 km về phía Nam, cách thành phố Thanh Hoá 34 km về phía Bắc. Với tổng diện tích đất tự nhiên là 66,88 km^2, đồi núi ở khu vực này hàm chứa nhiều nguyên liệu rất phù hợp cho sự phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Ngoài ra, thị xã Bỉm Sơn còn nằm trên mạng lưới giao thông vận tải thuận lợi với tuyến đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A chạy qua, tạo nên mối giao thương rộng lớn với các tỉnh trong vùng và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Không chỉ có vậy, nét độc đáo của

thị xã Bỉm Sơn còn ở chỗ vừa là khu công nghiệp động lực, vừa có nhiều di tích lịch sử danh thắng được nhân dân cả nước biết đến (đặc biệt là "Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh").

Ưu đãi cho doanh nghiệp - động lực thúc đẩy kinh tế phát triển

Ngày 07-11-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thanh Hoá quyết định thành lập Đảng bộ thị trấn Bỉm Sơn (nay là thị xã Bỉm Sơn) trực thuộc Đảng bộ tỉnh. Qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Bỉm Sơn luôn đoàn kết nhất trí, lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân Bỉm Sơn vượt qua nhiều khó khăn, thách thức; khơi dậy tiềm năng sẵn có, kiên định và thực hiện có hiệu quả đường lối đổi mới của Đảng, góp phần xây dựng thị xã Bỉm Sơn ngày càng giàu đẹp, văn minh, xứng đáng là vùng kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh Thanh Hoá.

Đến nay, Đảng bộ thị xã Bỉm Sơn đã qua 7 kỳ đại hội, điều đáng ghi nhận là tính định hướng đúng đắn của Đảng bộ trong việc xác định chiến lược phát triển cho từng thời kỳ qua các kỳ đại hội đã thể hiện đúng quan điểm đổi mới của Đảng, coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

Sau hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1991 - 2002), kinh tế thị xã ngày càng ổn định và phát triển theo hướng tích cực với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 12 %/năm, GDP bình quân đạt gần 600 USD/người/năm.

Đóng góp đáng kể vào thành tích ấy phải kể đến sự gia tăng cả về số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp tham gia sản xuất - kinh doanh trên địa bàn thị xã, nhất là khu vực tư nhân. Tính đến ngày 31-12-2002, toàn thị xã có 10 doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng; 2 doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp; 13 đơn vị, doanh nghiệp, cửa hàng quốc doanh thuộc lĩch vực thương mại - dịch vụ, v.v.. Đặc biệt, loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mạnh nhất. Hiện nay, thị xã có 85 đơn vị, trong đó có 2 công ty cổ phần, 01 công ty có vốn đầu tư nước ngoài và hàng nghìn cơ sở sản xuất cá thể, góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống của người dân.

Trong thời gian qua, điều đáng ghi nhận là nhiều doanh nghiệp luôn chú trọng tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất. Điển hình như: Công ty Xi măng Bỉm Sơn, Công ty Gốm xây dựng, Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng, Công ty cổ phần Bao bì Bỉm Sơn, v.v.. Để có được thành công này, trong những năm vừa qua, thị xã đã có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào các khu công nghiệp. Theo đó, ngoài những chính sách đầu tư của Trung ương và của tỉnh, thị xã còn có những chính sách riêng như hỗ trợ 30% kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp thu hút trên 200 lao động; hỗ trợ một lần cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất thu hút trên 200 lao động với mức lương 300 nghìn đồng/lao động; cấp kinh phí để mở lớp bổ túc nghiệp vụ cho các đối tượng là giám đốc, kế toán trưởng của các doanh nghiệp.

Sự tăng nhanh cả về số lượng, lẫn chất lượng các doanh nghiệp đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội thị xã Bỉm Sơn phát triển. Trong đó:

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: năm 2002, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn, đạt 1.495 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 90,6% GDP, trong đó các doanh nghiệp địa phương đạt 105 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 12%/năm.

Thương mại - dịch vụ: phát triển với tốc độ nhanh và ngày càng mở rộng diện phục vụ, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân địa phương, trong đó năm 2002 đạt giá trị trên 120 tỷ đồng; tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế tăng từ 3,6% (năm 1991) lên 6,5% (năm 2002). Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 10%/năm với gần 3 nghìn hộ đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn. Đây là những kết quả khả quan, khẳng định tính đúng đắn trong chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị xã. Các loại hình dịch vụ như vận tải, sửa chữa cơ khí, điện, nước, bưu chính - viễn thông, khuyến nông, khuyến lâm ngày càng phát triển cả về chất và lượng, 100%

Hội thảo xây dựng xa lộ thông tin thị xã Bỉm Sơn (28-3-2003)
Foto: Hoàng Tân

số hộ được dùng điện sinh hoạt. Dịch vụ bưu chính - viễn thông phát triển tốc độ nhanh, tính đến ngày 31-12-2002 đạt 8 máy/100 dân. Hoạt động tín dụng - ngân hàng có nhiều đổi mới và ngày càng gắn với thị trường; 4 ngân hàng thương mại đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, xoá đói giảm nghèo, song vẫn bảo toàn được vốn đầu tư. Năm 2002, mức huy động đạt 431 tỷ đồng, dư nợ trên 600 tỷ đồng, trong đó số dư nợ cho hộ nghèo vay là 5,5 tỷ đồng.

Nông - lâm nghiệp: phát triển tương đối toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, tích cực chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và giống cây - con, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích, từng bước ổn định và cải thiện đời sống của nông dân, diện mạo nông thôn ngày một khang trang, sạch đẹp. Theo đó, năm 2002 giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp trên địa bàn đạt 54,8 tỷ đồng, trong đó doanh nghiệp địa phương đạt 40,7 tỷ đồng, tăng 18,5 lần so với năm 1991 (40,7/2,2 tỷ đồng). Diện tích gieo trồng tăng từ 1.017 ha (năm 1991) lên 2.445 ha (năm 2002). Sản lượng lương thực năm 2002 tăng gấp 3 lần so với năm 1991 (8.000/2.640 tấn)... Bên cạnh đó, thị xã Bỉm Sơn cũng đã quy hoạch lại các vùng chuyên canh, phát triển kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại, không những góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, mà còn góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc...

Nhằm đẩy mạnh sự phát triển đô thị, thị xã đã dành nhiều nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Năm 2002, tổng vốn đầu tư đạt 1.136 tỷ đồng, tốc độ đầu tư bình quân trên 15%/năm, tập trung chủ yếu vào đầu tư đổi mới công nghệ và xây dựng các công trình sản xuất vật liệu xây dựng, giao thông, điện, nước, bệnh viện, trường học và trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, chính quyền. Đặc biệt trong 3 năm trở lại đây, hệ thống giao thông nội thị được xây dựng theo cơ chế 4+5+1 (ngân sách thị xã hỗ trợ 40%, nhân dân tự đóng góp 50%, ngân sách phường, xã 10%) được nhân dân tích cực tham gia, kết quả đã xây dựng được gần 17 km đường giao thông. Hiện nay, hệ thống điện nước đã được quy hoạch hoàn chỉnh, mạng lưới cung ứng nước đã đến với mọi hộ dân; mạng lưới điện không những thắp sáng trong tất cả các hộ gia đình, đường phố, mà còn vươn ra các khu công nghiệp.

Tổng thu ngân sách thị xã trong nhiều năm liền đạt tỷ lệ cao, năm 2002 chiếm 1/6 tổng thu ngân sách toàn tỉnh (thậm chí có nhiều năm chiếm 1/2 tổng thu ngân sách toàn tỉnh). Chi ngân sách thị xã năm 2002 là 43.336 triệu đồng, tăng gấp 4,1 lần so với năm 1991, nguồn chi chủ yếu dành cho đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm chi hành chính.

Giáo dục - văn hoá - xã hội - an ninh phát triển mạnh

Theo số liệu điều tra ngày 1-4-1999, dân số thị xã Bỉm Sơn là 54.319 người, trong đó nam giới chiếm 50,5%, nữ giới 49,5%. Số người trong độ tuổi lao động trên 27.000 người, trong đó số người có trình độ cao đẳng - đại học chiếm 15%. Số công nhân đã qua đào tạo nghề chiếm tỷ lệ lớn trong số lao động ở địa phương. Có thể nói, thị xã Bỉm Sơn có nhiều tiềm năng về nguồn nhân lực, vật lực, có khả năng phát triển mạnh ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

Phát triển nguồn nhân lực bền vững, nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển nguồn nhân lực, Thị uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo phát triển công tác giáo dục cả về quy mô và chất

lượng. Cùng với đó, để tạo không khí học tập tốt, cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư. Từ tiểu học đến phổ thông trung học đều được xây dựng kiên cố, khang trang. 2 trường mầm non được xây dựng hoàn chỉnh (Ngọc Trạo và Xi Măng). Tỷ lệ lớp học tăng dần qua các năm, nếu năm 1991 mới chỉ có 288 lớp học, với 10.240 học sinh, thì đến nay đã có gần 600 lớp học, với tổng số 18.771 học sinh (tăng gấp 1,8 lần so với năm 1991). Năm học 2001 - 2002, 100% xã, phường của thị xã đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, trong đó có 7/8 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; 5/7 xã, phường hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; 100% các trường khai trương trường văn hoá. Đội ngũ giáo viên được tham gia các khoá học để nâng cao trình độ và chuẩn hoá theo các cấp học.

Về chất lượng, số học sinh giỏi tăng đều qua các năm. Số học sinh thi đỗ đại học đạt 38%/năm. Hiện tại, toàn thị xã có 3 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, bao gồm: Trường trung học Địa chính Trung ương 2, Trường Công nhân kỹ thuật xây dựng và Trường Công nhân kỹ thuật lắp máy, đáp ứng nhu cầu học nghề trên địa bàn và khu vực, góp phần bổ sung nguồn lao động có tay nghề cho xã hội.

Văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh và phát lại truyền hình đã cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Cơ sở phát thanh, phát lại truyền hình của thị xã và hệ thống truyền thanh cơ sở được đầu tư nâng cấp đảm bảo chất lượng, phát huy hiệu quả tuyên truyền. Nhờ đó đến nay, trên 90% số dân thị xã được nghe sóng phát thanh và xem phát lại truyền hình. Đồng thời, đến năm 2002, toàn thị xã đã có 57/61 làng, khu phố văn hoá, 33 doanh nghiệp, cơ quan và trường học đã khai trương đơn vị văn hoá; tỷ lệ gia đình văn hoá tăng từ 9% (năm 1991) lên 72,5% (năm 2002). Số người thường xuyên luyện tập thể thao tăng từ 19% (năm 1991) lên 36,5% (năm 2002). Số gia đình tham gia thể thao tăng từ 1,5% (năm 1991) lên 31,5% (năm 2002). Toàn thị xã hiện có 40 câu lạc bộ và 31 nhà văn hoá của khu phố, thôn, xóm, cơ quan, doanh nghiệp ra đời và đang hoạt động khá hiệu quả. Đây là động lực phát triển thể dục - thể thao, văn hoá quần chúng, là cơ sở để lựa chọn hạt nhân, tập thể có thành tích cao tham gia trong các giải cấp thị xã, cấp tỉnh.

Kinh tế thị xã tăng trưởng nhanh và ổn định đã góp phần cải thiện đời sống của người dân. Số hộ giàu tăng lên đáng kể, các chính sách xã hội được thực hiện nghiêm túc. Tỷ lệ hộ đói nghèo ngày một giảm, năm 2002 chỉ còn 7%. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện đã trở thành nét đẹp truyền thống của nhân dân thị xã Bỉm Sơn.

Về y tế, công tác chăm sóc sức khoẻ của nhân dân được cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm đúng mức. Trong những năm qua, thị xã đã đầu tư xây dựng 01 trung tâm y tế với quy mô 100 giường bệnh. Các cơ sở y tế của thị xã đã khám, chữa bệnh cho hơn 20 nghìn lượt người/năm; riêng năm 2002 có 38.926 lượt người khám bệnh, trong đó khám tại bệnh viện đạt 26.120 lượt người. Đối với công tác y tế dự phòng, thị xã luôn thực thi chiến lược "phòng bệnh hơn chữa bệnh". Do đó, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp được tuyên truyền và kiểm tra thường xuyên, không để xảy

Thị xã Bỉm Sơn - những trang sử vàng

Ghi nhận những đóng góp to lớn của Đảng bộ và nhân dân thị xã, nhiều đơn vị, tập thể được Nhà nước và các cấp khen thưởng:

- 1 đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- 1 Huân chương Độc lập.
- 3 Huân chương Lao động hạng Nhất.
- 4 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- 10 Huân chương Lao động hạng Ba.
- 2 Huân chương Chiến công.
- 3 cờ thi đua của Chính phủ.
- 9 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- 60 bằng khen của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Về cá nhân: 07 Bà mẹ được tặng và truy tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 03 Anh hùng Lực lượng Vũ trang; 2.168 người được Nhà nước khen thưởng có công trong kháng chiến.

Ngoài ra, nhiều đơn vị, cá nhân được tặng thưởng cờ thi đua của tỉnh; nhiều bằng khen, giấy khen của Uỷ ban nhân dân các cấp.

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2002 - 2005

Từ năm 2002 đến năm 2005, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, điều hành hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VII, Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã khoá VIII đề ra, theo cơ cấu: công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và nông - lâm nghiệp. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1) Cơ cấu kinh tế:
- Công nghiệp - xây dựng chiếm 91%
- Thương mại - dịch vụ chiếm 5,9%
- Nông - lâm nghiệp chiếm 3,1%

2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 11,3%/năm. Trong đó:
+ Công nghiệp - xây dựng: 11,4%/năm
+ Thương mại - dịch vụ: 9%/năm
+ Nông - lâm nghiệp: 13,5%/năm

3) Giá trị sản xuất đạt 2.125 tỷ đồng. Trong đó:
+ Công nghiệp - xây dựng: 1.933 tỷ đồng
+ Thương mại - dịch vụ: 125 tỷ đồng
+ Nông - lâm nghiệp: 67 tỷ đồng

4) Tốc độ tăng trưởng GDP: 5,9%/năm
5) GDP bình quân đầu người: 660 USD/năm
6) Giải quyết việc làm cho 400 lao động/năm
7) Hộ đói nghèo còn 2%
8) Số hộ được dùng nước sạch đạt 90%.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

1. Cơ cấu kinh tế:
- Công nghiệp - xây dựng chiếm 93%
- Thương mại - dịch vụ chiếm 6,35%
- Nông - lâm nghiệp chiếm 0,65 %

2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 11%/năm. Trong đó:
- Công nghiệp - xây dựng: 15%/năm
- Thương mại - dịch vụ: 13%/năm
- Nông - lâm nghiệp: 6%/năm

3. Giá trị sản xuất đạt 3.829 tỷ đồng. Trong đó:
- Công nghiệp - xây dựng: 3.439 tỷ đồng
- Thương mại - dịch vụ: 303 tỷ đồng
- Nông - lâm nghiệp: 87 tỷ đồng

4. Tốc độ tăng trưởng GDP trên 7 %/năm
5. Thu ngân sách tăng 18 - 20%/năm
6. GDP bình quân đầu người: 1.000 USD/năm
7. Giải quyết việc làm cho 500 lao động/năm
8. Phấn đấu xoá hết hộ đói nghèo
9. Số hộ được dùng nước sạch đạt 95%.

Công ty xi măng Bỉm Sơn – biểu tượng của ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của Thanh Hoá và cả nước

Foto: Tư Liệu

ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Năm 2002, tiêm chủng mở rộng đạt 100% cháu trong độ tuổi, đồng thời làm tốt công tác cứu trợ xã hội và phương án phòng, chống giảm nhẹ thiên tai.v.v..

Về quốc phòng - an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững và ổn định; an ninh chính trị trên địa bàn thị xã, trong các vùng giáo dân, vùng giáp danh, an ninh nội bộ, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, an ninh nông thôn - đô thị tiếp tục ổn định và củng cố vững chắc. Trật tự an toàn xã hội được tăng cường, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được quan tâm đúng mức, đặc biệt là đấu tranh chống tội phạm ma tuý, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông.

Quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Trong những năm tới thị xã tiếp tục phát huy nội lực, khai thác tốt tiềm năng sẵn có về đất đai, kết cấu hạ tầng, nhân lực dồi dào, an ninh chính trị đảm bảo kết hợp với tăng cường thu hút đầu tư, sớm đưa thị xã từ đô thị loại IV lên đô thị loại III. Nhằm đạt được những mục tiêu đã đề ra, thì phát triển kinh tế trở thành mục tiêu hàng đầu. Hiện nay, thị xã đang xúc

tiến san lấp mặt bằng thu hút đầu tư vào khu công nghiệp nhỏ và vừa ở phía Bắc, khu dịch vụ thương mại ở phía Nam; thông qua và đang trình tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2010 - 2020, quy hoạch khu dịch vụ thương mại phía Nam (khu đô thị mới), khu công nghiệp lớn phía Bắc với quy mô hàng trăm héctа và một số quy hoạch chi tiết khác nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Với việc đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, đặc biệt là công tác đền bù giải phóng mặt bằng đang và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế yên tâm bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất. Đối với các công trình trọng điểm, trong những năm tới sẽ tập trung cho xây dựng mới nhà máy xi măng công suất 2 triệu tấn năm, công nghiệp dệt - may và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh khác.

Có thể nhận định rằng, trong những năm vừa qua thị xã Bỉm Sơn đã có bước phát triển vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, chính trị - xã hội, an ninh - quốc phòng. Những thành quả đó đã tạo tiền đề vững chắc để thị xã có thể trở thành đô thị loại III, xứng đáng là một trung tâm kinh tế động lực và cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Thanh Hoá trong tương lai gần. Tuy nhiên, để Bỉm Sơn nhanh chóng trở thành thị xã công nghiệp, giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng, đẹp về nếp sống văn hoá, ngoài sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã, sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các cấp, các ngành từ tỉnh đến Trung ương và vai trò thông tin, quảng bá của các cơ quan thông tin đại chúng là hết sức quan trọng và cần thiết.

BIM SON TOWN
THE NORTHERN GATEWAY OF THANH HOA PROVINCE

BY LE DUC HANH
Chairman of Bim Son People's Committee

Bim Son has been making rapid and sustained developments over the past few years. The economic structure has been changing in a positive way from industry - handicrafts, agriculture and services to industry - construction, trade - services and agriculture - forestry. The town has achieved an annual economic growth of 12 percent, and per capita GDP of around US$600/year. Bim Son is now building concentrated industrial parks, new urban areas, some big commercial centres and hotels. That all show the strong growth of an area called the northern gateway of Thanh Hoa Province.

Bim Son, being 120 km from Hanoi in the south and 34 km from Thanh Hoa City in the north, is considered the economic centre of the motive economic region and also the northern gateway of Thanh Hoa Province. With the total natural area of 66.88 sq.km, there can be found many kinds of materials that are good for the development of construction material production industry in the local mountainous area. Bim Son also enjoys convenient location with the North - South Railway and the National Road running across that facilitate the communication and trading with other northern provinces and big economic centres across the country. Moreover, the most special thing about Bim Son is that it is not only a motive industrial region but also a places of nation-wide famous historical sites and landscapes (for example, Song Temple is well known for being the most marvellous place in Thanh Hoa).

A brief introduction about the establishment and history of Bim Son

To catch up with the administration management requirements of the construction material production industrial zone, on June 29th 1977, the head of the Prime Minister Palace signed the Resolution No.140/BT-TTg approving the establishment of Bim Son Township under Thanh Hoa Province. Bim Son Township was then put in charge of protecting and serving the establishment of Bim Son Cement Factory - the biggest cement factory in Vietnam at that time. Therefore, Bim Son has been considered the industrial region of construction material production, mainly cement production since its establishment.

On December 18th 1981, the Chairman of the Board of Ministers (now called the Prime Minister) signed the Resolution No.157/HDBT approving the establishment of Bim Son Town, which consisted of Bim Son Township, Ha Trung Plantation Township, Quang Trung and Ha Lan communes that used to belong to Trung Son District (the present Ha Trung District). So far, the town has seven subsidiary administration units, five wards (Ngoc Trao, Ba Dinh, Bac Son, Lam Son, Dong Son) and two communes (Ha Lan and Quang Trung). Since its establishment, Bim Son Town has experienced eight people's councils, the authorities of all levels have been better qualified, and the State's management capacity has been upgraded in accordance with the requirements of the Renovation of the country.

The former Secretary General Do Muoi visited Bim Son on July 28th 1993

Foto: Reference

Creating favourable conditions for the enterprises - an effective way to boost economic growth

During the 10 years of the renovation (from 1991 to 2002), the town has achieved positively sustained economic development with the annual growth rate of 12 per cent and per capita GDP of US$600/year.

It is the increasing number and better quality of enterprises, especially private ones, which are involved in the business and production across the town that make the most significant contributions to the achievements mentioned above. Until December 31st 2002, there had been totally 10 state-owned enterprises engaging in industry and construction, two state-owned agricultural enterprises, 13 state-owned services and trading enterprises and shops. The state-owned enterprises particularly make the greatest development. At present, there are totally 85 enterprises including two joint-stock companies, one foreign-invested and thousands of private productions, which make great contributions to creating employ-

On November 7th 1977, the standing committee of Thanh Hoa Party made a decision to establish Bim Son Township (the present Bim Son Town) under the management of the provincial Party Committee. Over the 25 years of building and growing, the Executive Board of Bim Son Party Committee has been always sustaining great solidarity in leading the committee and people to surmount great difficulties and challenges, awake the available potentials and effectively implement the Party's renovation policies. All those achievements help make a more and more prosperous and civilised Bim Son as the northern motive economic area of Thanh Hoa Province.

Up to now, the Party Committee of Bim Son Town has experienced seven Party's Congresses. The most acknowledgeable thing has been development strategy for each period after the congresses of the municipal Party Committee, which has been strictly following the renovation policies by the Central Communist Party: to put most emphasis on the economic development and the building of the Party.

Return to Bim Son

Foto: Reference

ment and improving the local people's living standard.

Most of the enterprises attach great importance to intensifying technology renovation and production capacity improvement. Typically, Bim Son Cement Company, Bim Son Ceramic Company, Assembling and Construction Company No.5, Construction Material Joint-stock Company, and Bim Son Packaging Joint-stock Company. To achieve that result, the town has adopted preferential policies for investment attracting and encouraging, especially the investment in industrial parks. Accordingly, besides the investment policies by the Central Government and the province, Bim Son Town also adopts its own policies such as assisting those enterprises employing more than 200 people with 30 per cent of the site clearing compensation, supporting VND300,000 per employee to thoe enterprises investing in the production that creates more than 200 jobs, funding the professional training courses for the trainee directors and chief accountants.

The rapid growth in both quantity and quality of the enterprises has made a great contribution to boosting Bim Son Town's socio-economic development. Of which:

As regard industry and handicrafts, industrial and handicraft production value across Bim Son achieved VND1,495 billion in 2002, accounting for 90.6 per cent of the GDP, of which the local enterprises achieved VND105 billion. The annual growth rate reached 12 per cent.

Trade and services sector is making a rapid development and service expansion, meeting the demands for the local people's production and consumption. In 2002, trade and services sector achieved the revenue of over VND120 billion, its proportion in the economic structure increased from 3.6 per cent in 1991 to 6.5 per cent in 2002, and the annual growth rate of this sector was beyond 10 per cent with around 3,000 households having registered their businesses across the town. Those satisfactory results are confirming the rightness in the town's economic reform strategy. Such kinds of services as transportation, engineering, electricity, water supplying, post and telecommunication, agriculture and forestry extension are growing better in both quality and quantity. At present, 100 per cent of the local households are equipped with electricity. The post and telecommunication service is expanding rapidly, achieving the rate of eight telephones per 100 people by December 31st 2002. The credit and banking operation has been continuously renovated, meeting better the market demands with four commercial banks assisting the expansion of production, the hunger eradication and poverty alleviation but still ensuring the investment capital. In 2002, those banks achieved the capital mobilisation of VND431 billion, debit balance of VND600 billion including VND5.5 billion loan to the poor households.

Agriculture and forestry are developing thoroughly geared towards commodity production, actively restructuring crops and seeds, increasing the production value per one unit of area measurement, gradually stabilising and improving the farmers' life, building more prosperous, clean and beautiful image for the rural areas. Accordingly, the total agriculture and forestry production value achieved VND54.8 billion in 2002, of which local enterprises made VND40.7 billion, making an increase of 18.5 times that in 1991 (VND40.7 per VND2.2 billion). Cultivation area has been expanded from 1,017 ha in 1991 to 2,445 ha in 2002. Food output in 2002 tripled that of the year 1991 (8,000 tonnes per 2,640 tonnes). Apart from that, Bim Son Town has re-planed the specialised cultivation areas, expanded hill and garden farming and farm productions, which has not only created employment for thousands of people but also helped covering bald hills

and lands with trees.

Intensifying the urban development, the town has spent a great deal of investment on capital construction. In 2002, the total investment was VND1,136 billion, achieving the annual investment rate of over 15 per cent. The investment mainly focuses on technology renovation and building construction material productions, transport, electricity, water supply, hospital, schools and Party and Government's bodies' offices. Particularly, over the past three years, the urban transport system has been built at the rate of 4+5+1 (40 per cent is supported by the town's budget, 50 per cent contributed by the people and 10 per cent from the budgets of wards and communes). With the strong support from the local people, around 17 km of road has been built. The electricity and water systems have been completed, supplying not only industrial parks but also streets and houses.

The total budget income of the town has made a great proportion in that of the entire province (one sixth in 2002), and sometimes reached its peak at a half of the total provincial budget income. Budget expense was VND43,336 million in 2002, equal to four times that in 1991, which has been mainly spent on development investment. The expense on administration has been restrained.

Strong developments in education - culture - society and public security

Developing sustained human resource, penetrating the importance of the human resource development, the municipal Party Committee, People's Committee and People's Council directs the strong development in both scale and quality of the education and training sector. Along with that, schools have been fully equipped with facilities, particularly Ngoc Trao and Xi Mang are the two recent completed kindergartens. An annual increase in number of classes has been made, which was 1.8 times more in 2002 than in 1991, from 288 classes with 10,240 pupils in 1991 to 600 classes and 18,771 pupils now. In the school year 2001-2002, 100 per cent wards and communes of the town has fulfilled the compulsory primary school scheme to the right ages, 100 percent of the local schools registered cultural schools. Courses for teachers of different school levels to improve and standardise their qualification have been organised.

According to the survey released on April 1st 1999, Bim Son Town has the population of 54,319 people, of which 50.5 per cent are male. There are more than 27,000 people at the working age, of which 15 per cent have finished colleges and universities. The number of local workers having taken vocational courses is rather big. It is likely to say that Bim Son Town is a potential place of human resources and property that is eligible for strong development of construction and construction material production sectors.

The number of excellent pupils annually increases. Every year, 38 per cent of the pupils become university students. At present, there are totally three vocational schools including the Central Land Administration School No.2, Construction Worker Training School and Engineering School. Those schools have met the local people's demands for vocational training, supplying highly skilful workers.

Culture - communication, physical and sports, broadcasting and television transmission has basically fulfilled the tasks to propagandise the Party's policies, State's laws and the local political responsibilities. Broadcasting and television transmit stations of the town and localities have been upgraded to be well-qualified and effective propaganda channels. As a result, more than 90% of the local people can now access television. In addition, totally 57/61 of the villages and wards have been certified cultural units, 33 enterprises, offices and schools having registered cultural units by 2002. The percentage of cultural families increased from 9 per cent in 1991 to 72.5 percent in 2002. The number of people who regularly play sports increased from 19 per cent in 1991 to 36.5 percent in 2002. Sports families made 31.5 percent in 2002 instead of 1.5 percent as it was in 1991. The present 40 clubs and 31 culture houses managed by wards, villages, organisations and enterprises are operating well. That is also a strong force to stimulate the public sports and cultural activities, train and

Bim Son Town with its golden historical pages

For the local Party committee and people's great contributions, Bim Son has been granted with many rewards by the State and government bodies:

- **Being certified Heroic Labour Unit of the Renovation**
- **One Independent Order**
- **Three Labour Orders of the First Class**
- **Four Labour Orders of the Second Class**
- **10 Labour Orders of the Third Class**
- **Two Military Exploit Orders**
- **Three emulation flags by the government**
- **Nine certificates of merits by the Prime Minister**
- **60 certificates of commendation by the ministries and equivalents**

Regarding individuals, seven women have been bestowed with Vietnam Heroine Mother, three people entitled Heroes of the Armed Forces, 2,168 people have been rewarded for having made contributions to the country's revolution.

Besides, many other organisations and individuals have been rewarded with the provincial emulation flags and certificates of merits or commendation by the people's committee bodies.

select seeds and teams for the town and provincial championships.

The rapid economic growth has improved the local people's living standard. There has been a remarkable increase in the number of rich households. Social policies are strictly implemented. A significant reduction in poor and hungry households is being made, which stood at 7 per cent in 2002. The movements of gratitude and charity works have become a very nice tradition of Bim Son people.

As regard health service, the municipal Party committee and authorities pay satisfactory concerns on the public healthcare. The town has, for the past few years, invested in building one health centre with 100 beds. More than 20,000 patients are given medical treatment every year by the town's healthcare centres. In 2002 particularly, 38,926 people were given medical examinations, of which 26,120 received medical cares at the hospital. In terms of preventive healthcare service, Bim Son always fulfils well the strategy "better prevent than cure". Therefore, food hygiene and safety, environment and industrial hygiene are regularly propagandised and controlled without any occurrences of serious epidemic. In 2002, the open vaccination scheme vaccinated 100 per cent of the local children at the appropriate ages; social relief and natural disaster prevention were both well implemented.

As regard national defence and politic security, social order and security have been maintained, political, economic and cultural security has been consolidated and sustained, social evils, traffic jams and traffic accidents have been restrained.

Socio-economic planning and development by 2010

The town is mobilising its internal strengths, exploiting better the available potentials of the soil, infrastructure, rich human resources and good political security in combination with intensifying the investment attraction in order to soon shift the town from a fourth-class city to the third-class one. Pursuing those targets, Bim Son attaches the foremost importance to economic development. The town is now putting forward the site clearing and investment attraction for the small and medium industrial parks in the north, commercial service centre in the south. It is also applying for the provincial authorities' approval for the planning regulation for

Socio-economic development targets for the period of 2002-2005

From 2002 to 2005, the municipal Party committee and people's committee focus on the management of fulfilling well the socio-economic targets according to the Resolution of the municipal Party Committee - the 7th Congress and the Resolution of the municipal people's council - 8th term. The target structure is industry - construction, trade - services and agriculture - forestry. Followings are the detailed indices:

1) Economic structure:
- Industry and construction: 91 percent
- Trade and service: 5.9 percent
- Agriculture and forestry: 3.1 percent

2) Annual economic growth: 11.3 percent. Of which:
- Industry and construction: 11.4 percent
- Trade and service: 9 percent
- Agriculture and forestry: 13.5 percent

3) Production value: VND2,125 billion. Of which:
- Industry and construction: VND1,933 billion
- Trade and service: VND125 billion
- Agriculture and forestry: VND67 billion

4) Annual GDP growth: 5.9 percent
5) Per capita GDP: US$660/year
6) 400 people are employed every year
7) Poor and hunger household reduction: 2 percent
8) Households supplied with clean water: 90 percent

Socio-economic strategy by 2010

1. Economic structure:
- Industry and construction: 93 percent
- Trade and service: 6.35 percent
- Agriculture and forestry: 0.65 percent

2. Annual economic growth: 11 percent per year. Of which:
- Industry and construction: 15 percent per year
- Trade and service: 13 percent per year
- Agriculture and forestry: 6 percent per year

3. Production value: VND3,829 billion. Of which:
- Industry and construction: VND3,439 billion
- Trade and service: VND303 billion
- Agriculture and forestry: VND87 billion

4. Annual GDP growth: over 7 percent
5. Annual budget income increase: 18 - 20 percent
6. Per capita GDP: US$1,000/year
7. 500 people are employed every year
8. No more poor and hungry households
9. Households supplied with clean water: 95 percent

Bim Son Physical Culture and Sports sector has achieved 700 medals of different kinds from the provincial, national and international championships over the past 10 years

Foto: Reference

the period of 2010 - 2020, planning for trade and service centre in the south (the new urban area) and large industrial park in the north (with an area of hundreds of hectares), and some other detailed plans so as to accelerate the local economic reform. The intensification of planning and land management, especially of site clearing compensation is creating favourable conditions for the enterprises of different economic sectors to invest in production expansion. A new cement factory with the capacity of 2 million tonnes a year, textile and garment and some other productions and businesses will be built in the coming years.

It is likely to say that Bim Son has, for the past few years, made great leaps in all sectors ranging from economic, cultural, socio-politic development to national defence. Those achievements have created a solid premise for Bim Son to soon become a third-class city, deserving the position of a motive economic centre and a gateway of Thanh Hoa Province. However, to make Bim Son an industrial town with strong economic development, stable national defence and security, nice cultural traditions, it is essential that the local authorities and people's efforts should be supported by assistance from provincial and governmental bodies and sectors as well as propaganda by the mass media.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIÊN SƠN

LẬP NGHIỆP BẰNG HAI BÀN TAY TRẮNG

Mặc dù trình độ văn hoá không cao, nhưng mong muốn lớn nhất của anh là không ngừng học hỏi, tìm tòi để vươn lên làm giàu không chỉ cho bản thân mà còn mang lại việc làm cho nhiều người khác.

Câu chuyện của đồng chí Lê Đức Hạnh - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn kể về vị Giám đốc đầy nghị lực, quyết tâm lập nghiệp bằng hai bàn tay trắng đã thôi thúc tôi tìm đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn để hiểu hơn về con người anh, về những nỗi khó khăn, vất vả mà anh đã vượt qua trên bước đường trở thành Giám đốc kinh doanh không chỉ vì lợi nhuận mà còn vì sự giàu đẹp của quê hương.

Bước đường khởi nghiệp

Nằm trên quốc lộ 1A chạy dọc theo thị xã, ngôi nhà khang trang với những chiếc ôtô đậu ở sân trước chính là trụ sở làm việc của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn. Đón tiếp chúng tôi là một người đàn ông bệ vệ, với vầng trán cao thông minh, mang dáng dấp của một ông chủ lớn. Sau khi nghe đồng chí phụ trách Phòng Thương mại giới thiệu, tôi được biết anh là Trịnh Xuân Lâm - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn. Sau những phút trò chuyện thân mật, anh bắt đầu kể lại chặng đường đã qua.

Sinh ra và lớn lên ở vùng quê xứ Thanh trong bối cảnh đất nước đang có chiến tranh, cùng với bao trai làng khác, anh dời quê hương tòng quân nhập ngũ với mong muốn góp một phần sức lực của mình cho Tổ quốc. Sau khi đất nước thống nhất, năm 1977, anh xuất ngũ với tấm thẻ thương binh loại 2/4. Dù thương tật, song người con trai xứ Thanh đã không chịu khuất phục trước số phận, trái lại anh đã đem nghị lực được tôi luyện qua những năm chiến đấu trên chiến trường để tiếp tục cống hiến xây dựng Tổ quốc.

Năm 1978, anh làm thư ký đội và là Đảng uỷ viên hợp tác xã. Với những thành tích xuất sắc trong một năm hoạt động và công tác, năm 1979, anh được bổ nhiệm vào chức vụ đội trưởng rồi làm Phó Chủ nhiệm hợp tác xã (năm 1980). Trong suốt quãng thời gian từ năm 1980 đến năm 1995, nhận thức được ý nghĩa vô cùng quan trọng của kiến thức, anh tiếp tục học bổ túc văn hoá mặc dù biết mình đã có tuổi. Sau một thời gian vừa học tập vừa làm việc, anh đã tích luỹ được số vốn đáng kể và những kinh nghiệm cần thiết để mở công ty riêng.

Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải chúc mừng Giám đốc Trịnh Xuân Lâm ký hợp tác thành công trong chuyến công tác tại Châu Âu và châu Mỹ

Foto: Tư Liệu

Làm giàu cho quê hương

Năm 1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn ra đời đánh dấu bước ngoặt lớn trong cuộc đời anh. Sau thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, năm 1996, Công ty chính thức đi vào hoạt động với số vốn rất khiêm tốn 550 triệu đồng. Ban đầu, mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Tiên Sơn là vật tư, thiết bị, đồ phế thải. Đến năm 1999, khi mức vốn tích luỹ đạt 1,9 tỷ đồng, anh bắt đầu mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực như: dịch vụ giao thông vận tải và chuyên chở hàng hoá như xi măng, đường, mía cho các nhà máy trong tỉnh Thanh Hoá. Nhờ đó, hiệu quả kinh doanh của Công ty tăng rõ rệt. Chỉ trong thời gian ngắn, doanh số của Công ty đã đạt 9,8 tỷ đồng.

Không dừng lại ở đó, với chiến lược đa dạng hoá mặt hàng sản xuất - kinh doanh, đầu năm 2002, xưởng xén kẻ giấy, sách vở học sinh chính thức ra đời đã góp phần mang lại doanh thu 32,3 tỷ đồng cho Công ty. Thành tích này đã đưa Công ty Tiên Sơn trở thành một

Quản đốc phân xưởng sơn mài đang giới thiệu sản phẩm

Foto: Hoàng Tân

trong những doanh nghiệp tư nhân có mức nộp ngân sách vào diện cao nhất trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn. Năm 2002, Công ty nộp ngân sách gần 200 triệu đồng, thu nhập của người lao động cũng ngày một nâng cao.

Mặc dù đạt được nhiều thành tích đáng tự hào, song nỗi trăn trở lớn nhất trong anh là phải làm một cái gì cho quê hương để giúp cho người dân sinh sống trên mảnh đất này có công ăn việc làm và làm giàu cho thị xã. Để biến ý tưởng đó thành hiện thực, anh đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực sản xuất hàng sơn mài xuất khẩu.

Nói về mặt hàng sản xuất mới, anh Lâm cho biết: "Tôi chính thức đưa vào sản xuất hàng sơn mài kể từ tháng 10-2002. Trước đó, tôi có 50 lao động phục vụ sản xuất - kinh doanh. Phải nói thật là năng lực của Công ty có thừa để đi vào sản xuất các ngành nghề khác mang lại lợi nhuận cao hơn, nhưng tôi muốn sản xuất mặt hàng nào đó có thể thu hút được nhiều lao động phổ thông, giúp dân mình có việc làm".

Cơ hội để có thể biến ý tưởng ấy trở thành hiện thực xuất hiện khi anh vinh dự được tháp tùng Thủ tướng Phan Văn Khải ra nước ngoài công tác trong đoàn doanh nghiệp Việt Nam. Tiếp xúc với đối tác ở nước ngoài, anh đã ký hợp đồng sản xuất hàng sơn mài, mỹ nghệ thời trang. Tháng 3-2003, sau ba tháng sản xuất, lô hàng đầu tiên gồm 3.000 sản phẩm được xuất sang Ôxtrâylia, sau đó là EU và Bắc Mỹ. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng đã mở ra bước phát triển mới cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn.

Để có thể tận mắt chứng kiến và hiểu thêm về sản phẩm sơn mài mỹ nghệ thời trang của Công ty, tôi đã tới thăm xưởng sản xuất mặt hàng này. Những dãy nhà được xây ngăn nắp trên ô đất mà anh đã đầu tư, trị giá 20 tỷ đồng đã trở thành "chỗ dựa" lý tưởng cho khoảng 1000 công nhân đang làm việc ở đây. Ngắm nhìn những sản phẩm sơn mài bóng đẹp với nhiều kiểu dáng thời trang được xếp ngăn nắp trên tủ kính, cảm nhận được không khí làm việc của những người lao động đang chú tâm thực hiện các công đoạn khá tỉ mỉ của quy trình sản xuất mặt hàng sơn mài mỹ nghệ thời trang trong lòng tôi trào dâng niềm tự hào dân tộc. Nhìn những sản phẩm đẹp và tinh xảo đang dần hoàn thiện khiến người xem có cảm giác, dường như những sản phẩm ấy chỉ đẹp và đầy tính nghệ thuật khi được làm bằng những đôi tay khéo léo của người thợ thủ công xứ Thanh.

Trước khi chia tay, tôi hỏi về kế hoạch của anh cũng như của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiên Sơn trong thời gian tới, anh cho biết: "Trong những năm kế tiếp, chúng tôi sẽ vẫn duy trì những ngành nghề kinh doanh và dịch vụ như vận tải, xén kẻ giấy... đồng thời tập trung vào sản xuất mặt hàng chủ lực là sơn mài mỹ nghệ thời trang. Củng cố mặt hàng này bằng việc đầu tư thêm 8 dây chuyền sản xuất với số lượng lao động khoảng hơn 800 người thay vì một dây chuyền sản xuất như hiện nay, khi hoàn thiện xong thủ tục cấp đất".

Với nghị lực của người lính được tôi luyện trong chiến tranh, sự năng động sáng tạo của vị Giám đốc thời kinh tế thị trường, hy vọng rằng những kế hoạch mà anh đặt ra sẽ sớm trở thành hiện thực, góp phần xây dựng thị xã Bỉm Sơn ngày càng giàu đẹp.

Mục tiêu cụ thể năm 2003

Dự kiến năm 2003, doanh thu từ dịch vụ vận tải khoảng 30 tỷ đồng, xưởng xén kẻ giấy đạt khoảng 5 - 6 triệu cuốn với doanh thu 7 tỷ đồng, thu hút 154 lao động, cùng với các dịch vụ kinh doanh khác cho doanh thu khoảng 15 - 20 tỷ đồng.

Đối với sản phẩm sơn mài mỹ nghệ thời trang, với 240 lao động, năm 2003, hiệu suất huy động phần đấu đạt 50% công suất thiết kế. Đến hết năm 2005, hiệu suất huy động phần đấu đạt 100% công suất thiết kế, tương đương 13.000 sản phẩm/tháng, doanh thu 13,2 tỷ đồng/năm.

TIEN SON CO., LTD

STARTING A BUSINESS FROM SCRATCH

Although not having high qualifications, his greatest desire is to keep learning and researching in order to not only make him rich but also create jobs for many other local people.

The story about a director starting his business from scratch told by Le Duc Hanh - the chairman of Bim Son Town - made me eager to visit Tien Son Company to have more information on the man and his efforts to make not only profits for himself but also remarkable contributions to his hometown.

Commencement of a business

I found the spacious head office of Tien Son Company with some cars parking in front which is located along o the National Road No.1A running across the town. The man who welcomed us looks stately with a wide intelligent forehead and built of boss. When the man accompanying with me introduced, I knew that he is Trinh Xuan Lam - the Director of Tien Son Company. After some friendly talks, he started recalled his past.

Born in and brought up in a rural area of Thanh Hoa, he and his village fellows left their home village to joint the army with the desire to make a small contribution to the national freedom. In 1977, when Vietnam regained its unity, Lam became a returnee with the certificate of invalid soldier of 2/4 level. Despite being wounded, Lam did not surrender the destiny but devoted his strong will, which had been trained during the war, in the national development.

In 1978, he worked as the village secretary and a member of the co-operatives. Thanks to the outstanding achievements during the year 1979, he was appointed to be the head of the village and later the vice head of the co-operatives in 1980. From 1980 to 1995 he took the continuation course ignoring the age. After a period of time learning and working, Lam accumulated a remarkable amount of money and experience to establish a private company.

Enriching his hometown

In 1995, the establishment of Tien Son Company was a landmark of his life. After a thorough preparation, the company officially started its operation in 1996 with a very modest capital of VND550 million. Initially, Tien Son engaged with the business of materials and offal. In 1999, the capital rose to VND1.9 billion, he started to expand the business lines in the transportation of cement, sugar and sugar canes for the local factories. Therefore, the company's business effectiveness remarkably increased. After only a short time, the company reached the revenue of VND9.8 billion.

Products made by the workers' skilful hands from Tien Son Company are catching the fancy of more customers

Foto: Hoang Tan

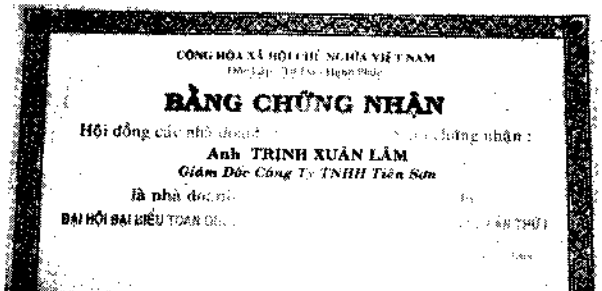

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẰNG CHỨNG NHẬN

Anh TRỊNH XUÂN LÂM

Giám Đốc Công Ty TNHH Tiến Sơn

The Certificate for Typical Young Enterprises granted to Director Trinh Xuan Lam by the Association of Vietnam Young Enterprises

Foto: Tư Liệu

With the strategy to diversify the business and products, in early 2002 a workshop specialising in school paper cutting and lining was built, bringing the revenue of VND32.3 billion. The achievement has made Tien Son become one of the private companies with the biggest contribution to the state budget in Bim Son Town. In 2002, the company contributed nearly VND 200 million to the state budget, and its employees' living standard has been much improved.

Though his achievements are really admirable, Lam kept wondering what to do to create jobs for the local labourers and to make the town richer. Pursuing his dream, he decided to invest in the production of export lacquer.

"I officially started to produce lacquer in October 2002. Before, I had a staff of 50 employees. Honestly, the company is capable of developing business lines which can more profits, but I want to produce items that can attract a great number of common labour force in my province." -said Lam.

The opportunity came when he was honoured to accompany the Prime Minister Phan Van Khai on his trip abroad with the delegation of Vietnamese enterprises. Meeting the foreign partners, he signed a contract with an Australian company to produce fashionable lacquer for them. In March 2003, after three months of the production, the first batch with 3,000 products was exported to Australia, and later to the EU and the North American. The expanding export market has created a new develop for Tien Son Company.

In order to witness and learn more about his fashionable lacquer handicrafts, I visited the workshop of this item. The tidy rows of houses built on the land he bought at VND2 billion has become the ideal "support" for about 100 workers. A great national pride grew in my heart when I looked at the beautiful shiny lacquer products of different designs displayed in the showcases and the working atmosphere in which the skilful workers are conducting meticulous work of the production processes. It came to me that the products could only be so fine when being done by the skilful craftsmen of the Thanh Hoa region.

Before saying goodbye to him, I asked about his plan for the near future. He answered: "In the coming years, the company will continue not only the business of the services, transportation and paper cutting, but also concentrate on the production of fashionable handicrafts as the main product. The production will be invested with eight production lines and 800 workers when the procedures for land license are fulfilled."

With the strong will trained during the war and creativeness of a director in the market economy, his plans will soon become true, making a significant contribution to the increasingly beautiful image of Bim Son town.

Targets for 2003

It is estimated that the revenue from transportation service will be about VND30 billion in 2003. The paper cutting workshops will accomplish about five or six million books with the investment of VND7 billion and 154 labourers, some other business services will achieve the revenue of around VND15-20 billion.

Regarding the fashionable lacquer handicrafts, the company with the total employees of about 240 people is striving to achieve 50 percent of the designed capacity in 2003. Until 2005, the production will be 100 percent of the designed capacity, making 13,000 products per month and VND13,200 million revenue per year.

CÔNG TY GREEN MORE VIỆT NAM

NGƯỜI MANG CÔNG NGHỆ MỚI VỀ XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG

Ra nước ngoài với khát vọng làm giàu, nhưng anh Nguyễn Văn Thọ vẫn một lòng hướng về quê hương. Bao nhiêu năm lăn lộn nơi đất khách quê người, anh đã miệt mài học hỏi, mong có một ngày được trở về giúp đỡ những người dân thôn quê vốn đang sống trong cảnh nghèo khó và thiếu việc làm.

Chúng tôi tới thăm Giám đốc Nguyễn Văn Thọ khi công ty của anh vừa tròn 4 tháng tuổi. Không có ai trong thị xã Bỉm Sơn lại không biết tiếng Công ty Green More Việt Nam - doanh nghiệp liên doanh đầu tiên và cũng là duy nhất hiện nay của thị xã, sản xuất mặt hàng mà người dân chưa từng nghe hoặc biết đến, đó là tăm từ tinh bột ngô.

Đi một ngày đàng...

Nguyễn Văn Thọ sinh năm 1972, là con trai cả của một gia đình thuần nông có 6 anh chị em ở huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa). Anh tâm sự: "Gia đình cho cậu con trai lớn đi lao động ở nước ngoài với mong muốn có một cuộc sống khấm khá hơn". Năm 1994, anh tạm biệt gia đình, quê hương sang Hàn Quốc lao động. Đặt chân đến đất khách, điều đầu tiên chàng thanh niên Việt Nam nhận thấy, người Việt luôn luôn khao khát học được một nghề cho riêng mình. Hơn nữa, sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế và công nghệ Hàn Quốc đã thôi thúc anh cố gắng học nghề để lập nghiệp. Công việc và ngành nghề ở Hàn Quốc tương đối nhiều, nhưng thật khó tìm được một nghề nghiệp thực sự hữu ích, có thể phát triển tại Việt Nam để giúp gia đình cùng những người dân thôn quê. Phải mất gần 2 năm làm quen và cuối cùng anh cũng tìm được một nghề không những có thể giúp mình và gia đình, mà còn có thể giúp được nhiều người khác, đó là sản xuất tăm từ tinh bột ngô và các loại ngũ cốc khác.

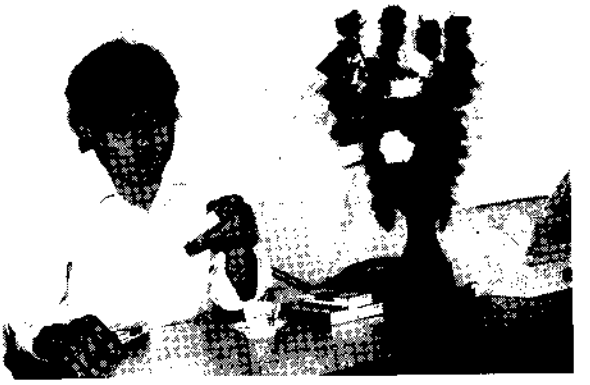

Giám đốc Nguyễn Văn Thọ

Foto: Hoàng Tân

Có lẽ người tiêu dùng Việt Nam sẽ thật sự ngạc nhiên khi được biết sản phẩm vừa lạ vừa quen này. Quen, bởi đây là vật dụng hết sức giản dị thường ngày, nhưng lạ là ở chỗ nó không phải làm bằng nguyên liệu thông thường là tre và gỗ mà được làm từ tinh bột ngô. Đây là một tiến bộ của khoa học - công nghệ Hàn Quốc. Thay vì sản xuất tăm từ tre - gỗ, tăm ngô mang ý nghĩa thiết thực đối với công tác bảo vệ môi trường nhờ chủng loại nguyên liệu và độ phân huỷ nhanh sau khi sử dụng. Song cái khó của nghề này là đòi hỏi kỹ thuật và độ chính xác cao trong quá trình vận hành máy móc. Sau gần 7 năm miệt mài học tập và làm việc trên đất bạn, cuối cùng anh đã thành công. Với tay nghề kỹ thuật vững vàng hơn nhiều so với những công nhân kỹ thuật ở Hàn Quốc, anh được cất nhắc lên cương vị Giám đốc một nhà máy của

Công nhân đang đóng tăm vào hộp

Foto: Hoàng Tân

Công ty Green More - nơi anh làm việc. Điều này có ý nghĩa vô cùng lớn lao, khích lệ anh hăng say làm việc. Bởi anh là hiện tượng hiếm có - một người Việt Nam giữ cương vị quản lý nhà máy ở Hàn Quốc.

... Mang công nghệ mới về dựng xây quê hương

Với sự nhạy bén, anh Thọ nhận thấy, sản phẩm tăm ngô nếu được sản xuất ở Việt Nam không chỉ mang lại lợi nhuận gấp nhiều lần so với sản xuất ở Hàn Quốc mà còn giải quyết công ăn việc làm cho người dân ở quê hương. Xuất phát từ suy nghĩ đó, anh đã mạnh dạn đề xuất ý tưởng mở công ty liên doanh với Công ty Green More Hàn Quốc ở Việt Nam. Ý tưởng đó đã được ban lãnh đạo Công ty Green More Hàn Quốc nhiệt tình ủng hộ.

Về Việt Nam, ý tưởng của anh cũng nhận được sự hoan nghênh của nhiều người, trước tiên là các đồng chí lãnh đạo thị xã Bỉm Sơn - nơi anh Thọ quyết định xây dựng nhà máy, tiếp đến là Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá. Với sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo thị xã Bỉm Sơn về vấn đề thủ tục, cùng quyết tâm vượt khó và ước muốn dựng xây quê hương đã được nung nấu trong tâm trí anh gần chục năm học tập và làm việc ở Hàn Quốc, ngày 1-10-2002, Công ty Green More Việt Nam ra đời. Sự kiện này đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp của anh nói riêng và công cuộc phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bỉm Sơn nói chung.

Sau gần bốn tháng hoạt động, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn như: kết cấu hạ tầng thiếu thốn, mới chỉ có một dây chuyền sản xuất, tay nghề của người lao động chưa vững, nhưng mỗi tháng Công ty cũng đã xuất sang Hàn Quốc, Nhật Bản 2 côngtennơ sản phẩm với doanh thu 20.000USD/tháng, thu hút được 40 lao động, với mức lương bình quân 550.000 đồng/người/tháng.

Cùng với quá trình vận động của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế, sản phẩm của Công ty trong một tương lai gần sẽ được người tiêu dùng biết đến như một vật dụng thiết yếu trong sinh hoạt hàng ngày. Khi hoạt động của Công ty đi vào ổn định, anh và phía đối tác sẽ đầu tư thêm nhiều dây chuyền sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Đông Nam Á, mở ra triển vọng cho Công ty Green More Việt Nam cũng như những người dân trên mảnh đất này.

Giải thích về sự khác biệt giữa tăm ngô và tăm tre thông thường, anh Thọ cho biết: "Sự khác biệt thứ nhất là nó giữ cho môi trường được xanh, sạch, đẹp. Thứ hai, mặc dù được chế biến từ tinh bột ngô, nhưng thời hạn sử dụng của sản phẩm là 3 năm, trong khoảng thời gian đó, tăm không bị hư hại do tác động của môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, sử dụng tiện lợi hơn so với sản phẩm thông thường". Đó chính là ưu điểm của tăm chế biến từ tinh bột ngô mà tăm thông thường không có được. Nhờ vậy, sản phẩm này được người dân Nhật Bản và Hàn Quốc ưa chuộng và đánh giá cao.

VIETNAM GREEN MORE COMPANY

THE MAN BRINGING UPDATED TECHNOLOGY TO THE HOMELAND

Going abroad with the aspiration of enriching himself but Nguyen Van Tho still felt anxious about the homeland. Over years grappling with difficulties in strange land, he became engrossed in study, hoping for one day returning home to help the farmers, who are living in the poverty and lack of employment.

We visited director Nguyen Van Tho when his company was established for four months. Everybody in Bim Son town is aware about Green More Viet Nam - the first and unique joint-venture enterprise of the town, producing the ever-heard or ever-known commodity - cornstarch toothpicks.

One day out...

Nguyen Van Tho was born in 1972, being the first-born son of the pure agricultural family with six children in Hoang Hoa District (Thanh Hoa province). He told us: "We let him go to work aboard hoping for a better life". In 1994, he left his family for North Korea. Setting foot in the strange land, he firstly recognised that Vietnamese people always aspire for learning one job for their own. Moreover, the great development of Korean economy and technology had urged him to study one job for his career. The works and jobs in Korea are plentiful, but it was difficult to find the useful job, which can be developed in Viet Nam, can help his family and the farmers. He spent nearly two years to get familiar with the jobs and finally found the suitable one - producing toothpicks from cornstarch and other cereals.

Vietnamese consumers might be surprise to know that strange but very familiar product. It is familiar, because toothpick is the people' daily ordinary things and strange as it is not made from the normal material such as bamboo or wood but from cornstarch, being the advance of Korea science-technology. Instate of producing toothpicks from

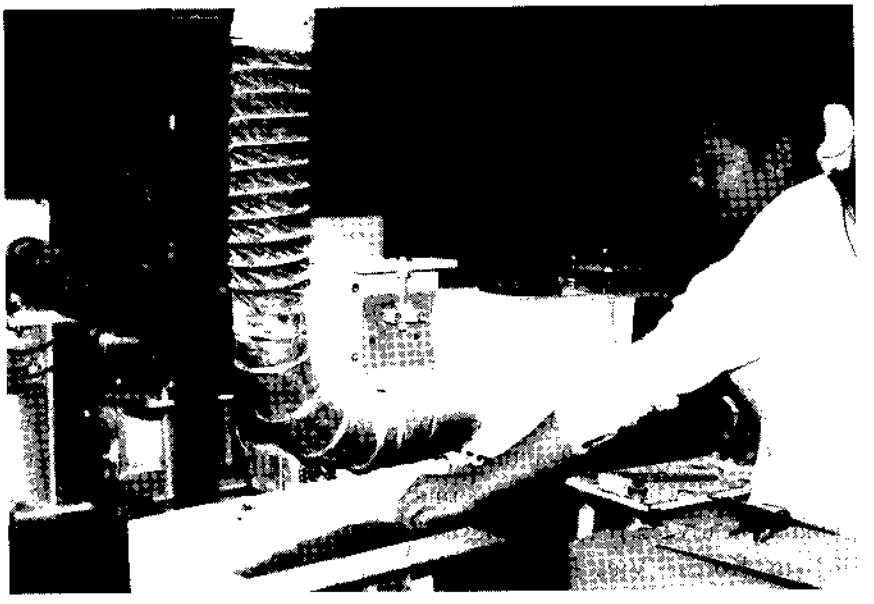

The workers are controlling the grinder
Foto: Hoang Tan

bamboo and wood, cornstarch toothpicks carry the practical significant in environmental protection thanks to its material and disintegration after use. The difficulty of this work however is to require high technique and preciseness in the machine operation process. After nearly seven years devoting his time to study and work in the foreign country, finally, he succeeded. With the technical skill better than the other Korean technicians, he was promoted to be the director of the factory of Green More Company, where he was working. That event had great meaning for him, encouraging him in working, as he was the rare case - the Vietnamese holding the position of director in Korean factory.

Explaining about the difference between the cornstarch toothpick and bamboo toothpick, Tho said: "First of all, it keep the environment green, clean and beautiful. The second, although is made from cornstarch, its expired date lasts after three years; during that period it will not be damaged by environment effect, ensuring the consumers' health and being more convenient for use than the normal one". That is the advantages, which makes cornstarch toothpick different from the normal one. Thanks to that, the product is being fond of and highly appreciated by the Japanese and Korean people.

... Bringing up-to-date technology to build the homeland

As a clear-headed businessman, Tho recognised that cornstarch producing in Viet Nam will not only bring multiple profits compared to Korea but also create jobs for the people there. From that thought, he boldly proposed the idea of opening the joint-venture company in Viet Nam with Korean Green More Company and received support from the management of Korean Green More Company.

Returning to Viet Nam, his idea was also earned popularity among many people, first of whom were the leaders of Bim Son town, where he decided to build the factory, and the second was Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment. With the enthusiastic supports of the Bim Son town's leaders relating to the procedures, along with Tho's determination of overcoming difficulties and expectation for building the homeland, which was smouldering in his mind for nearly ten years studying and working in Korea, Viet Nam Green More Company was established on January 1st 2002. That event marked the turning point in his career in particular and the cause of socio-economic development of Bim Son in general.

After nearly four months of operation, despite a range of impediments such as infrastructure privation, only one production line in operation and labourers' unprofessional skill, the company is able to export to Korea and Japan two containers of products with revenue reached US$20.000 per month, attracting 40 labourers with the monthly average per capita income of VND550.000.

Together with the social movement and economic development, the company's products in the near future will be familiar with the consumers as the essential thing in daily life. When the company comes in stable operation, Tho and the partner will invest in production line to satisfy the increasing demand of the Japanease, Korean and Southeast Asian markets, opening the new prospect for Viet Nam Green More Company as well as the people living in this land.

CÔNG TY GỐM XÂY DỰNG BỈM SƠN
VƯỢT KHÓ ĐI LÊN

Nợ nần chồng chất, vốn liếng hạn chế, cơ sở vật chất nghèo nàn, trang thiết bị thiếu đồng bộ.... đó là tình cảnh mà kỹ sư Hoàng Việt Chiến phải đối mặt khi được Tổng Công ty Thuỷ tinh và Gốm xây dựng (Viglacera) cử về làm Giám đốc một doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn - Công ty Gốm xây dựng Bỉm Sơn.

Giám đốc Hoàng Việt Chiến

Foto: Hoàng Tân

Là người con của mảnh đất Vĩnh Phú, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, anh đã tham gia quản lý một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty Thuỷ tinh và Gốm xây dựng (Viglacera) ngay tại quê nhà. Đến tháng 8-1997, anh được điều về làm Giám đốc một công ty yếu kém. Sau khi nhận nhiệm vụ trên cương vị công tác mới cũng là lúc anh phải đối mặt với vô vàn khó khăn, một bài toán nan giải mà để tìm ra lời giải không dễ chút nào. Điều duy nhất anh có được đó là sự hỗ trợ, giúp đỡ của Thị uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn. Từ sự hỗ trợ quý báu ấy, cùng với ý chí, nghị lực đã được tích tụ của bản thân qua những năm tháng lăn lộn với nghề, anh đã đề ra những bước cải cách táo bạo để xây dựng và kiện toàn Công ty, đưa doanh nghiệp từng bước đi lên.

Những giải pháp mang lại thành công

Việc đầu tiên mà anh bắt tay vào thực hiện là dành thời gian tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những khó khăn mà Công ty đang vấp phải. Nhận thức được tình hình bất ổn xuất phát từ lực lượng lao động và trình độ tay nghề của cán bộ, công nhân viên trong Công ty, anh đã đưa ra quyết định táo bạo, nhưng cương quyết, đó là rà soát lại toàn bộ năng lực của cán bộ, công nhân viên. Sau khi họp bàn với ban lãnh đạo, anh cho tiến hành khám sức khoẻ và tổ chức thi tay nghề. Cách làm này đã giúp anh chọn ra những lao động có đủ điều kiện để giữ lại, tổ chức học lại nội quy Công ty cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Nhờ đó, hầu hết cán bộ, công nhân viên bước đầu đã có tay nghề vững chắc và ý thức được trách nhiệm trên bước đường khôi phục lại Công ty.

Để khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực sản xuất, anh đã tiến hành tuyển thêm một số lao động theo tiêu chí "vừa hồng lại vừa chuyên". Chính sách này ngay lập tức đã phát huy hiệu quả, từng bước khôi phục và dần nâng cao năng lực sản xuất của Công ty. Qua đó, diện mạo của công ty chuyên sản xuất và cung ứng các loại gạch, ngói đất sét nung ở khu vực miền Trung đã dần thay đổi. Nếu năm 1998, năm đầu tiên anh tiếp quản Công ty, doanh thu chỉ đạt 7 tỷ đồng, thì đến năm 2002 đã là 20 tỷ đồng, (gấp gần 3 lần). Đồng thời, từ chỗ thiếu việc làm, không có lương trong nhiều tháng liền, giờ đây, người lao động đã có việc làm thường xuyên với mức lương bình quân 800 nghìn đồng/người/tháng, tăng gấp 2 lần so với năm 1998. Dự kiến, năm 2003, lương bình quân của mỗi cán bộ, công nhân viên là trên 1 triệu đồng/tháng.

Từng bước chiếm lĩnh thị trường

Vượt qua những khó khăn trong công tác kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại lực lượng lao động, song như vậy không có nghĩa là bài toán nan giải đã tìm ra lời giải. Bởi trong những năm gần đây, thị trường vật liệu xây

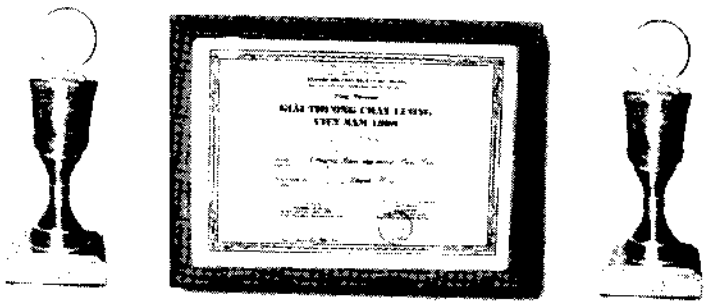

Bằng khen và Cúp Bạc về giải thưởng chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trao tặng

Foto: Tư Liệu

dựng là thị trường cạnh tranh khốc liệt nhất, đặc biệt vào thời điểm tốc độ đô thị hoá của Thanh Hóa nói riêng và khu vực miền Trung nói chung đang diễn ra nhanh chóng. Vì thế, thị trường Thanh Hóa đã trở thành "miếng mồi béo bở" của các công ty sản xuất vật liệu xây dựng. Nhiều chủng loại sản phẩm với đủ loại màu sắc, kích cỡ ồ ạt tràn vào thị trường Thanh Hóa đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.

Thực trạng này đã thôi thúc anh cần phải có những giải pháp khắc phục hữu hiệu để sản phẩm của công ty từng bước chiếm lĩnh thị trường và khẳng định uy tín nhãn hiệu. Trên cở sở phân tích và nhận định về thị trường, anh đã cùng với toàn thể ban lãnh đạo đi đến quyết định, phải thực hiện cùng lúc 2 mục tiêu: nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Để thực hiện thành công 2 mục tiêu này, giải pháp mang tính chiến lược là phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất và tiết kiệm chi phí, muốn vậy phải đầu tư đổi mới trang thiết bị hiện có. Nhiều máy móc, công nghệ đã được nhập về từ những quốc gia có ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiên tiến như: Ba Lan, Bungari, Ucraina... Không chỉ có vậy, với mục tiêu đưa sản phẩm của Công ty lên tầm cao mới, anh đã mạnh dạn đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất. Chẳng hạn, anh đã sử dụng chất phụ gia để cải thiện tình trạng chất lượng kém của đất nguyên liệu khai thác tại địa phương, tạo ra thế cân bằng về chất lượng và mẫu mã sản phẩm so với các đơn vị khác được thiên nhiên ưu đãi. Nhờ đó, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, trong khi giá bán sản phẩm lại được đông đảo khách hàng chấp nhận.

Ngoài ra, anh còn chú trọng đến công tác xây dựng

Công ty Gốm xây dựng Bỉm Sơn

Tên giao dịch quốc tế: **Bimson Ceramic Company (BCC)**
Địa chỉ: **Đường Trần Phú - Phường Lam Sơn - Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hoá**
Điện thoại: **037.760248 - 760.281 - 760.075 - 760.200**
Fax: 037. 760.547
Giám đốc: **KS. Hoàng Việt Chiến**

- Công ty Gốm xây dựng Bỉm Sơn thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (Bộ Xây dựng)
  - Trên 20 năm kinh nghiệm chuyên sản xuất và cung ứng các loại gạch, ngói đất sét nung.
  - Các sản phẩm sản xuất đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật có uy tín trên thị trường. Với đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Với dây chuyền thiết bị của Ba Lan - Bungari - Ucraina tiên tiến nung đốt trong lò tuy nen.
  - Liên tục 2 năm liền công ty được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) trao giải thưởng chất lượng Việt Nam. Ngoài ra, công ty còn nhận được nhiều bằng khen, giấy khen, của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và thị xã Bỉm Sơn.
- Các loại sản phẩm chính: ngói lợp 22 viên/m^2, gạch rỗng 2 lỗ, gạch đặc, gạch chống nóng 10 lỗ, gạch rỗng 6 lỗ, gạch blốc chống nóng 3 lỗ, gạch men chống nóng 4 lỗ, gạch nem chẻ, gạch lá dừa...

và tổ chức lại mạng lưới tiêu thụ sản phẩm rộng khắp khu vực miền Trung. Do đó, sản phẩm của Công ty luôn đạt mức tiêu thụ cao so với các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trong cùng lĩnh vực ở khu vực này. Những tín hiệu đáng mừng đó đã khích lệ toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty hăng say làm việc, yêu nghề, cùng nhau xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

Không dừng lại ở đó, cuối năm 2002, anh đã tập trung đầu tư mở rộng sản xuất, đưa thêm dây chuyền sản xuất gạch tuy nen tại huyện Đô Lương (Nghệ An) đi vào hoạt động, với tổng số vốn đầu tư 10 tỷ đồng. Dây chuyền này đi vào hoạt động, mở ra triển vọng mới cho Công ty trong chiến lược mở rộng mạng lưới cung ứng ra thị trường phía Nam. Trong giai đoạn kế tiếp, anh sẽ xây dựng nhà máy tại tỉnh Ninh Bình hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngoài hoạt động sản xuất - kinh doanh, anh cũng rất quan tâm đến đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhiều hoạt động khác được triển khai nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động. Trong đó, phong trào văn hoá, văn nghệ của Công ty phát triển rất mạnh và đạt được nhiều giải thưởng trong các hội diễn văn nghệ tỉnh, cùng nhiều bằng khen của Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng.

Khi nhận xét về Giám đốc Chiến, đồng chí Lê Đức Hạnh - Chủ tịch thị xã Bỉm Sơn cho biết: "Anh Chiến quả là một con người quả cảm, vượt khó đi lên, biến sỏi đá cũng thành cơm, thể hiện được tính năng động của một giám đốc trong thời kỳ đổi mới".

Khi được hỏi về bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn, đồng chí Giám đốc, kỹ sư kinh tế - xây dựng Hoàng Việt Chiến cho biết: "Để đạt được thành quả như ngày nay, tôi phải khẳng định rằng, trước hết là có sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng, Đảng bộ, chính quyền thị xã Bỉm Sơn, sau đó là sự nhạy bén của lãnh đạo đơn vị, đồng thời cần phải hết sức cương quyết không những đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên mà ngay cả với những định hướng của chính mình, có nghĩa là đã đặt ra mục tiêu chiến lược thì phải thực hiện bằng được; đoàn kết trong nội bộ cùng nhau xây dựng một công ty vững mạnh"

BIM SON CERAMIC COMPANY

SURMOUNTING DIFFICULTIES TO DEVELOP

Appointed by the Vietnam Glass and Ceramics Corporation (Viglacera) to be the Director of Bim Son Ceramic Company, an enterprise in difficulties, Engineer Hoang Viet Chien was faced with the situation of accumulative debts with small capital, poor facilities and asynchronous equipment.

Graduating from Hanoi University of Construction, Chien returned to his hometown (Vinh Phu) and worked as a manager of a state-owned enterprise under Vietnam Glass and Ceramics Corporation (Viglacera). In August 1997, he was sent to a weak enterprise to work as its director. Taking charge of the enterprise, he encountered innumerable difficulties, which seemed insolvable. The only thing he had was the assistance from the Party Committee, People's Committee and People's Council of Bim Son. With the precious assistance and his strong will accumulated deep inside him through many years of experiences, Chien put forward daring changes to build and consolidate the company for the progressive development.

Successful solutions

The first thing Chien decided to do in the new position was to spend time studying the causes of the difficult situation that his company was facing.

Finding out the factual causes created by the labour forces and professional skills of the staff, he made a bold but firm decision to test the capacity of all the staff. After discussing with other leaders of the company, he organised the medical check-up and professional skill tests, through which he could select the eligible employees and organise a re-training course on the factory's regulations for the entire staff. Thanks to his decisive actions, the staff started to have better skills and became aware of their responsibilities on the way restoring the company.

Head office

Foto: Reference

In order to surmount the low production capacity, he employed some more labourers with the criteria of "good skills and solid ideology". The policies immediately became effective and gradually improved the production capacity. Therefore, the image of a company specialising in the production and supply of baked clay bricks and tiles in the central Vietnam has been changed. In 1998, the first year he worked there, the company achieved the revenue of only VND7 billion, but in 2002, the number rose to VND20 billion (almost tripled). The employees were then no longer in the situation of being redundant with no payment, but worked regularly with the average salary of VND800,000 per month, doubling that in 1998, which is estimated to be more than VND1 million in 2003.

Gradually taking control of the market

Overcoming the difficulties in the organisation consolidation and labour rearrangement did not mean that the problem has been absolutely solved. For the

Bimson Ceramic Company (BCC)

Address: Tran Phu Street, Lam Son Ward, Bim Son Town, Thanh Hoa Province
Tell: (037) 760248 - 760281 - 760075 - 760200
Fax: (037) 760547
Director: Engineer **HOANG VIET CHIEN**

- Bimson Ceramic Company is a subsidiary of The Vietnam Glass and Ceramic Corporation (the Ministry of Construction)
  - Over 20 years' experience in baked clay bricks and tiles
  - All its products meet the standard technical requirements and are widely consumed in the market. Its skilful engineers, technicians and workers are eligible to accomplish any demands from the customers. Advanced Tylene machinery imported from Poland, Bulgaria and Ukraine.
  - Consecutively granted with Vietnam Quality Price by the Ministry of Science, Technology and Environment (now called Ministry of Technology). The company has also received many certificates of merits and commendations from the Ministry of Construction as well as Thanh Hoa and Bim Son People's committees.
- Major products: tile of 22 pieces/sq.m, 2-hole brick, 6-hole brick, mouldings, 3-hole fire-brick block, 10-hole asbestos bricks, 4-hole glazed fire-ceramic, etc.

past few years, construction materials market has been in the most intense competition, especially in the rapid urbanisation process of Thanh Hoa in particular and of the central Vietnam in general. As a consequence, Thanh Hoa became a sweet cake for companies producing construction materials. A variety of products with different colours and sizes have rampantly flown into the local market, causing the unfair competition.

The above situation urged him to find out effective solutions to control the local market with the company's products and to confirm its prestige and trademark. Upon the market researches and analysis, Chien and other leaders of the company decided to implement simultaneously two targets of quality improvement and price reduction.

For the success of both targets, the first strategic solution should be the technology renovation in order to reach higher productivity but lower cost. The investment in the machinery renovation became an essential need. Chien imported machines from the countries with the advanced construction material production such as: Poland, Bulgaria and Ukraine. Moreover, he boldly invested in the application of modern science and technology into production to make products of higher level. For instance, he used additives to improve the poor quality of the locally exploited clay, create the similar quality and patterns for his products with those produced by the others with natural endowed material sources. Therefore, the product quality has been increasingly improved whereas the prices become reasonable to the mass consumers.

About the lessons from his practical experiences, Director Hoang Viet Chien, an engineer of economics and construction says, "I should affirm that the close guidance from the Construction Glass and Ceramic Corporation and the municipal authorities as well as the company's leaders' sensitiveness all helped make the achievements. In addition, I had to be strict to not only the staff but also to myself in pursuing the targets and building a solidary union for the solid developments of the company."

Chien also built and reorganised the distribution network over the central Vietnam. As a result, the company achieved the highest product consumption in comparison with other local enterprises of the same production. All those satisfactory results encouraged all staff's working spirits and their eagerness to develop a strong company.

In late 2002, Chien concentrated on the production expansion, started the operation of the Tylene production line in Do Luong District, Nghe An with the total investment of VND10 billion. When the line starts production, a new prospect will be created for the company in the strategy of expanding the distribution network to the southern Vietnam. Subsequently, Chien will build a factory in Ninh Binh under the form of a joint-stock company.

Apart from business and production, Chien also pays great attention to the staff's life and often organises many activities to encourage their working spirits. The cultural movements in the company are strongly developed, achieving a number of prizes from the provincial performances and some certificates of merits from the Ministry of Construction and the Corporation.

"Chien is really a courageous person to surmount the difficulties, to "make rice from pebbles", a truly active director in the Renovation period" - said Le Duc Hanh, the Chairman of Bim Son Town.

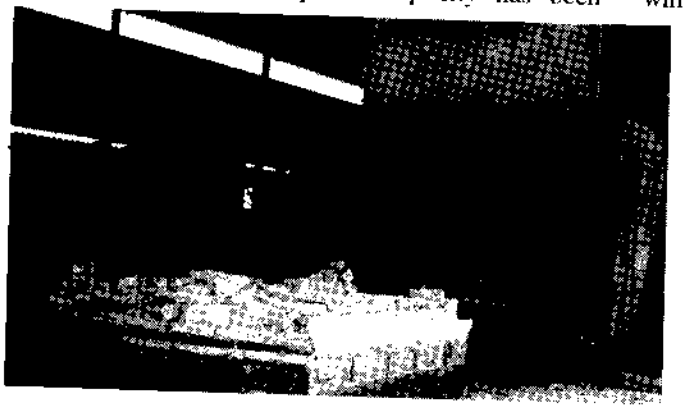

Batch of bricks coming out of the Tunnel oven

Foto: Hoang Tan

HUYỆN HOẰNG HÓA

TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Ông NGUYỄN ĐÌNH HIẾU
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hoằng Hoá

Hoằng Hoá hiện được đánh giá là một trong những huyện đi đầu của Thanh Hoá về phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trong giai đoạn 1991 - 2002, cơ cấu kinh tế của huyện đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng của nhóm hàng nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP của huyện đã giảm từ 70,3% xuống 51%; nhóm ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng từ 13,7% lên 29,7%; thương mại - dịch vụ từ 16% tăng lên 19,3%... Trên cơ sở phát huy những thành tựu đã đạt được, trong những năm tiếp theo, Hoằng Hoá tập trung phát triển nuôi trồng thuỷ sản, chăn nuôi gia cầm theo phương pháp công nghiệp, khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hoằng Hóa là một huyện đồng bằng ven biển, phía Đông giáp biển, phía Bắc giáp huyện Hậu Lộc, phía Tây giáp huyện Thiệu Hóa, Yên Định và Vĩnh Lộc, phía Nam giáp huyện Quảng Xương, thành phố Thanh Hóa và một phần huyện Đông Sơn. Với ưu thế về vị trí địa lý cùng tiềm năng về đất đai, tài nguyên và con người, trong những năm đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hoằng Hoá đã phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp, ngành nghề.

Tạo bước đột phá mới trong phát triển kinh tế

Với số dân 249.594 người sinh sống trên diện tích 224.580 ha, huyện Hoằng Hoá được coi là một huyện đất rộng người đông, giàu tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ (tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 9,8%), cơ cấu kinh tế huyện Hoằng Hoá nói chung, cơ cấu nông nghiệp nói riêng đã có những chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện, đa dạng hoá sản phẩm và từng bước gắn với nhu cầu của thị trường. Trong trồng trọt, cơ cấu giống cây trồng được chuyển đổi mạnh mẽ. Các giống lúa cũ, thoái hoá, cho năng suất thấp được thay thế bằng các giống lúa mới cho chất lượng cao như: F1, F2, Bắc Ưu 903... Cơ cấu trà vụ cũng được bố trí hợp lý, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh được chú trọng. Do vậy, kết thúc niên vụ 2002, tổng sản lượng lương thực đạt 110.000 tấn vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra và đạt cao nhất từ trước tới nay. Các loại cây màu khác như: ngô lai, lạc giống mới, vừng, đậu tương... cũng tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Nhiều địa phương đã hình thành vùng sản xuất lúa giống và lúa hàng hoá như Hoằng Đồng, Hoằng Minh, Hoằng Quỳ... Ngoài cây lúa, ở nhiều vùng đã đưa những cây có giá trị kinh tế

Ông Nguyễn Đình Hiếu
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hoằng Hoá
Foto: Tư Liệu

Tên gọi Hoằng Hóa qua các thời kỳ lịch sử

Thời Đinh - Lê gọi là giáp Cổ Hoằng, thời Lý - Trần gọi là Cổ Đằng, thời nhà Hồ đổi là huyện Cổ Linh, thời thuộc Minh gọi là huyện Cổ Đằng. Đến thời Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (năm 1470) đổi thành huyện Hoằng Hoá. Dưới thời Minh Mạng (năm 1838), một số làng, tổng ở phía Bắc được cắt ra cùng với tổng Đại Ly ở huyện Hậu Lộc lập nên huyện Mỹ Hoá do huyện Hoằng Hoá kiêm nhiệm.

Đầu thế kỷ XX, huyện Mỹ Hoá giải thể, các làng, tổng trên lại nhập về Hoằng Hoá. Từ đó địa giới Hoằng Hoá ổn định cho đến ngày nay. Địa hình tự nhiên và đất đai Hoằng Hoá được chia thành ba vùng rõ rệt: 17 xã phía Bắc huyện thuộc tả ngạn sông Tuần và sông Mã là vùng đất thích hợp với canh tác lúa nước hai vụ chính; 22 xã vùng giữa và phía Nam huyện thuộc hữu ngạn sông Tuần và tả ngạn sông Mã phần lớn đất cát pha, thích hợp thâm canh cây lúa và màu; 8 xã vùng biển ở phía Đông sông Cung hầu hết là đất cát, vừa sản xuất nông nghiệp vừa làm nghề nuôi trồng, khai thác thuỷ, hải sản.

cao vào sản xuất như: trồng dưa chuột xuất khẩu ở Hoằng Xuân, trồng lạc ở Hoằng Đông, Hoằng Đạo, trồng vừng ở Hoằng Kim, Hoằng Quỳ...

Cùng với sự lớn mạnh của ngành trồng trọt, một hướng đi mới đang mở ra cơ hội làm giàu cho nhiều địa phương và các hộ gia đình, đó là phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại kết hợp với kinh tế vườn đồi, trong đó phát triển nhanh trang trại chăn nuôi bò, lợn hướng nạc và gà. Tập quán chăn nuôi sản xuất nhỏ, coi chăn nuôi là kinh tế phụ trong gia đình nay đã chuyển sang sản xuất hàng hoá, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, nâng giá trị thu nhập từ chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp lên 33%. Theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Hoằng Hoá, hiện nay, toàn huyện có 30 trang trại đang được đưa vào chăn nuôi (trong đó có 24 trang trại chăn nuôi gia cầm, 6 trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc) và 9 trang trại đang tiếp tục đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở chế biến thức ăn gia súc, chế biến thịt lợn xuất khẩu, sản xuất lợn giống tư nhân được hình thành, cải tạo, nâng cấp và đầu tư đổi mới thiết bị.

Bên cạnh phát triển chăn nuôi, chính quyền và nhân dân huyện Hoằng Hoá còn biết tận dụng lợi thế và khai thác nguồn lợi từ biển để phát triển kinh tế thuỷ sản. Thực hiện Nghị quyết số 02 của Huyện uỷ và đề án của Uỷ ban nhân dân huyện, đến nay, toàn huyện đã phát triển gần 470 tàu thuyền khai thác đánh bắt hải sản, đưa 1.263 ha diện tích vùng nước mặn, lợ vào nuôi trồng thuỷ sản, trong đó có 950 ha được quy hoạch nuôi tôm sú (210 ha nuôi tôm sú bằng phương pháp bán thâm canh, 233,4 ha nuôi tôm sú bằng phương pháp quảng canh cải tiến cho năng suất bình quân 400kg/ha). Đặc biệt, năm 2002 huyện đã tập trung chỉ đạo xây dựng mô hình nuôi tôm sú bằng phương pháp nuôi công nghiệp ở xã Hoằng Phụ với diện tích 106 ha. Do vậy, sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản toàn huyện đạt hơn 7.800 tấn các loại (trong đó sản lượng khai thác đạt 5.000 tấn, nuôi trồng đạt 2.800 tấn), sản lượng tôm đạt 1.100 tấn cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Lĩnh vực khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho trên 6.500 lao động.

Phát triển chăn nuôi qua các năm

(Đơn vị tính: con)

Chủng loại gia súc	1999	2000	2001	2002
Đàn lợn	81.689	84.590	90.657	95.521
Đàn bò	11.987	13.608	14.105	15.006
Đàn trâu	4.322	3.667	3.197	2.919
Đàn gia cầm	874.530	875.976	922.928	998.200

Nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm Rồng Vàng - người bạn tin cậy của nhà nông

Foto: Tư Liệu

Không chỉ chú trọng phát triển nông nghiệp, Hoằng Hoá còn là địa phương đã tạo được bước đột phá trong phát triển công nghiệp, ngành nghề. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 04-HU và Kế hoạch số 234 của Uỷ ban nhân dân huyện, công nghiệp, ngành nghề ở Hoằng Hoá đã có bước phát triển khá. Kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã chuyển dần sang sản xuất hàng hoá, sản phẩm nông - lâm - thuỷ sản tăng nhanh. Thị trấn, thị tứ, cụm công nghiệp, làng nghề từng bước được hình thành. Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng giá trị sản xuất: từ 39,162 tỷ đồng, chiếm 7,5% (năm 1997) tăng lên 94,496 tỷ đồng, chiếm 10,8% vào năm 2002, tạo việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động mỗi năm.

Hoằng Hoá có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh mẽ công nghiệp, ngành nghề: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản rất phong phú, đa dạng; trữ lượng tài nguyên thiên nhiên tương đối lớn (cát xây dựng có khả năng khai thác 200.000 m^3/năm, sản xuất gạch, ngói 50 triệu viên/năm); kết cấu hạ tầng thuận lợi (hệ thống lưới điện quốc gia với 94 trạm tiếp áp hạ thế, hệ thống trung thế có dung lượng gần 9.000 kVA phủ kín 100% số xã, thị trấn, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trên địa bàn). Nhiều ngành nghề có chiều hướng ổn định và phát triển. Theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Hoằng Hoá, ngành chế biến nông sản thực phẩm với quy mô sản xuất như hiện nay đã chiếm tỷ trọng 28,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp ngành nghề của huyện. Ngành chế biến lâm sản như mây tre đan, hàng mộc dân dụng được duy trì và ngày càng mở rộng. Nghề dệt may được khôi phục. Bên cạnh đó, huyện còn mở thêm nghề dệt thảm, chiếu cói vì mặt hàng này có thị trường tương đối ổn định, có khả năng chiếm tỷ trọng tới 10%. Ngành vật liệu xây dựng đã đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng cơ bản. Nhiều xã đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành nghề phát triển, từ việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch các điểm tập trung công thương, khôi phục nghề truyền thống, đến tìm kiếm thị trường tiêu thụ...

Là một huyện đất rộng người đông, nên việc xây dựng nguồn thu ngân sách tại địa phương được các cấp uỷ, chính quyền huyện Hoằng Hoá rất quan tâm. Nếu như năm 1999 tổng thu ngân sách huyện đạt 10.052 triệu đồng và tổng thu ngân sách xã đạt 19.000 triệu đồng thì đến năm 2002 chỉ số trên là 11.500 triệu đồng và 32.000 triệu đồng, đạt và vượt kế hoạch giao, phản ánh đúng sự phát triển kinh tế - xã hội trên toàn địa bàn. Cấp uỷ, chính quyền các xã đã nhận thức đúng đắn về Luật ngân sách nhà nước cũng như vai trò, nhiệm vụ của địa phương mình.

Ngành giáo dục - đào tạo tiếp tục giữ vững danh hiệu đơn vị tiên tiến cấp tỉnh. Hoạt động y tế, chăm lo sức khoẻ cộng đồng được chú trọng cả về công tác khám, chữa bệnh và tăng cường phòng, chống dịch bệnh từ tuyến cơ sở đến huyện, tỷ lệ tăng dân số của huyện giảm 0,03% so với năm 2001. Quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện được tăng cường, trật tự trị an luôn giữ vững, tình hình chính trị luôn ổn định.

Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005 và năm 2010

Trong kinh tế thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trở thành một trong những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Để tạo được sự chuyển dịch cơ bản theo hướng tích cực, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện có gần 25 vạn dân như Hoằng Hoá, thì những kết quả đạt được trong hơn 10 năm qua mới chỉ được coi là giai đoạn đầu (giai đoạn khởi động) của sự phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, phát huy truyền thống đoàn kết giữa cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi thử thách, phát huy nội lực, khai thác các nguồn ngoại lực nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005 và năm 2010

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân: 12,6%/năm. Trong đó:
+ Nông nghiệp - thuỷ sản - lâm nghiệp chiếm 45% GDP
+ Công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 35% GDP
+ Thương mại - dịch vụ chiếm: 20%
- Thu nhập bình quân: 4,7 triệu đồng/người/năm trở lên
- Tổng sản lượng lương thực (có hạt) đến năm 2005 đạt trên 120.000 tấn
- Thu ngân sách nhà nước bình quân đạt 12,0 tỷ đồng/năm
- Thu ngân sách xã bình quân đạt 22,0 tỷ đồng/năm
- Đến năm 2005, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 0,75%
- Xoá hộ đói, giảm hộ nghèo còn 3,6% vào năm 2005
- 85% hộ dân được dùng nước sạch
- 63% số làng khai trương xây dựng làng văn hoá và 56% được công nhận làng văn hoá từ cấp huyện trở lên; trên 75% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá.

thôn. Huyện Hoằng Hoá tiếp tục tập trung phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh và bền vững. Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng, từng bước chuyển sản xuất nông nghiệp thành sản xuất hàng hoá, với tốc độ tăng trưởng nhóm hàng nông - lâm - thuỷ sản đạt 5,8% thời kỳ 2001 - 2005 và 3,5% thời kỳ 2006 - 2010. Chỉ tiêu xuất khẩu hàng hoá đến năm 2005 đạt 10 triệu USD. Đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời hình thành vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao, nâng giá trị sản xuất bình quân trên một hécta canh tác lên trên 28 triệu đồng và ứng dụng hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra bước phát triển nhanh trong sản xuất nông - công - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Gắn tăng trưởng kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái. Giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở xác định chăn nuôi là một trong những thế mạnh của Hoằng Hoá, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi toàn diện, vững chắc cả đại gia súc và tiểu gia súc, trong đó trọng tâm là phát triển đàn bò, đàn lợn và đàn gia cầm. Chú trọng chăn nuôi hộ gia đình với quy mô vừa, khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và trang trại (năm 2005, mỗi xã ít nhất phát triển được 7-10 trang trại và đến năm 2010 có khoảng 15 - 20 trang trại ở mỗi xã, thị trấn). Phấn đấu đưa ngành chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, nâng tỷ trọng từ 33,8% (năm 2001) lên 40% (năm 2005) và đến năm 2010 đạt 50% trở lên trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Phát triển đàn bò, đàn lợn, đàn gia cầm, trong đó đàn bò là 18.500 con năm 2005 và 24.000 con năm 2010; đàn lợn là 110.000 con năm 2005 và 160.000 con năm 2010, đàn gia cầm 1.150.000 con năm 2005 và 1.500.000 con năm 2010.

Để phát huy lợi thế và tạo bước đột phá mới trong phát triển công nghiệp, ngành nghề, Uỷ ban nhân dân huyện cũng đã có kế hoạch cụ thể trong giai đoạn 2001 - 2005 và giai đoạn 2006 -2010. Theo đó, mục tiêu cụ thể là phấn đấu đến năm 2005 đạt giá trị sản xuất 225.813 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 26,4%/năm và chiếm tỷ trọng 37% trong cơ cấu kinh tế huyện; năm 2010 đạt 353.855 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40 - 45%. Xây dựng một số cơ sở công nghiệp mới, một số làng nghề trọng điểm, xây dựng các khu tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề gắn với thương mại. Đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đưa tỷ trọng dịch vụ - thương mại trong cơ cấu kinh tế lên 23% năm 2005 và đến năm 2010 là 30%.

Với những chủ trương và biện pháp thích hợp, mục tiêu hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bằng chính nội lực và những bước đi hợp lý, chắc chắn kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngành nghề ở Hoằng Hoá sẽ có bước phát triển mới, vững chắc và toàn diện, góp phần xứng đáng vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nuôi trồng thủy sản nước lợ – hướng phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao

Foto: Tư Liệu

HOANG HOA DISTRICT

BREAKING THROUGH IN AGRICULTURAL AND RURAL ECONOMIC REFORM

Hoang Hoa is one of the districts that have leading socio-economic development towards agricultural and rural industrialisation and modernisation in Thanh Hoa. In the period of 1991 - 2002, the district's economic structure started to make positive changes. The proportion of agricultural - forestry - fishery products in the district's GDP reduced from 70.3 per cent to 51 per cent, industrial, handicraft and construction sectors reached the proportion of 29.7 per cent from 13.7 per cent, trade and service proportion grew from 16 per cent to 19.3 per cent. Continuing those achievements, Hoang Hoa is focussing on developing fishery and cattle husbandry in an industrial way, encouraging investment in establishing industry and handicrafts productions so as to create a breakthrough in economic reform.

Hoang Hoa is a flat coastal district, bordering the sea in the east, Hau Loc District in the north, Thieu Hoa, Yen Dinh and Vinh Loc districts in the west, Quang Xuong District, a part of Thanh Hoa City and Dong Son District in the south. Enjoying the advantageous location, soil, natural resources and human potentials, Hoang Hoa authorities, Party Committee and people have been continuing the heroic revolutionary traditions, striving for better growths and create strong development in the rural economic reform, industrial and occupation development during the Renovation time.

Breaking through in economic development

With the population of 249,594 people and natural area of 224,580 ha, Hoang Hoa is considered a large and crowded district with great potentials for socio-economic development. Therefore, apart from the strong economic growths (annually 9.8 per cent), the district's economic structure in general, agricultural structure in particular have made satisfactory changes over the past few years. Agricultural production has been growing towards the overall development, diversification of products and gradually met the market demands. Cultivation has been dra-

The name Hoang Hoa through historical periods

The district used to be called Co Hoang in the time of Dinh and Le Dynasty, Co Dang under Ly and Tran Dynasty. Under Ho Dynasty it was renamed Co Linh, and later called Co Dang during the time of the Chinese Ming's domination. In the time of King Le Thanh Tong and the first year of Hong Duc Dynasty (1470) the district was renamed Hoang Hoa. King Minh Mang (1838) cut some villages and sub-districts in the north and merged them with Dai Ly Sub-district in Hau Loc District to make My Hoa District, which was concurrently managed by Hoang Hoa District.

In the early 20th century, My Hoa District was disintegrated the above villages and sub-districts were merged into Hoang Hoa again. The area of Hoang Hoa remains the same since then. The natural terrain of Hoang Hoa is obviously divided into three parts. Seventeen communes in the north of the district that are situated on the left bank of Tuan and Ma rivers are of heavy soil that is suitable for wet rice cultivation in two main crops. Twenty-two communes in the central and southern parts of the district situated on the right bank of Tuan and left bank of Ma river are of sandy soil, good for specialised cultivation of rice and vegetables. Eight coastal communes in the east of Cung River are mostly of sandy soil and good for aquaculture.

Hoang Vinh Industrial Chicken Farm

Foto: Reference

matically reformed. The old degenerated and low quality rice have been replaced with new kinds of high quality seeds such as F1, F2, Bac Uu 903, etc. Crops have been reorganised in an appropriate way, scientific and technological application in rice tending and pests preventing have been attached with satisfactory importance. As a result, the total food output of the district reached its peak of 110,000 tonnes in 2002, exceeding the planned index. Cultivation and productivity of other kinds of cereals such as new crossbred maize, peanut, sesame and soybean have been expanded. Many production areas of rice seeds and rice products have been built in Hoang Dong, Hoang Minh, and Hoang Quy. Besides rice, other crops of high economic value have been applied in production such as export cucumber in Hoang Xuan, peanut in Hoang Dong and Hoang Dao, and sesame in Hoang Kim, Hoang Quy, etc.

Along with the strong development of cultivation, developing husbandry towards farming in co-operation with gardening has created a new way for the farmers to make themselves rich, especially focussing on cow, porker and chicken farms. The habit of doing small husbandry and production and considering them the additional income of the family has been changed. Commodity production with rapid expansion in both quality and quantity has been developed instead. The income that husbandry brings about makes 33 per cent of the agricultural production value. According to the statistics by Hoang Hoa People's Committee, 30 farms over the district have started working (of which 24 raise fowls, six raise porkers) and nine farms are being constructed. Aside from that, private enterprises processing cattle's food, export pork or producing breeding pigs have been established, upgraded and invested with new machinery.

Apart from husbandry expansion, Hoang Hoa authorities and people have utilised the sea advantages and benefits to develop fishery. Following the Resolution No.02 by the municipal Party Committee and People's Committee's scheme, the district has expanded the number of fishing ships to 470 and fishery farming areas to over 1,263 ha. Of the 950 ha for tiger prawn raising, 210 ha is semi-specialised and 233.4 ha is extensive farming with the average productivity of 400kg/ha. In 2002 particularly, the district focussed on building the model of raising tiger prawn by industrial methods on an area of 106 ha in Hoang Phu Commune. Therefore, the total fishery output of the district achieved 7,800 tonnes, of which exploitation achieved 5,000 tonnes and fishery farming 2,800 tonnes), prawn output reached 1,100 tonnes supplying the domestic and foreign markets. Aquaculture has in general made

Annual husbandry expansion

(Unit: heads)

Cattle	1999	2000	2001	2002
Pigs	81,689	84,590	90,657	95,521
Cows	11,987	13,608	14,105	15,006
Buffaloes	4,322	3,667	3,197	2,919
Fowls	874,530	875,976	922,928	998,200

great contributions to solving the problem of employment and increasing income for more than 6,500 people.

Aside from agricultural development, Hoang Hoa has also created a breakthrough in industry and occupation development. After five years implementing the Resolution No.04 on the Plan 234, industry and occupations in Hoang Hoa have made a significant development. Agricultural and rural economy is geared towards commodity production, and agricultural, forestry and fishery productions have made a rapid increase. More townships, sub-townships, industrial complexes and occupations are being established. Industrial production value is making higher proportion in the total production value: from VND39.162 billion (7.5 percent) in 1997 to VND94.496 billion (10.8 percent) in 2002, creating stable employment for thousands of people every year.

Hoang Hoa has great potentials for the intensive industrial and occupation development. The various cultivation, husbandry and aquaculture products, great deposits of natural resources (construction land exploitation can reach 200,000 cu.m per year, brick and tile production is capable of 50 million pieces per year). Favourable infrastructure (the national electricity grid with 94 low-voltage electric stations and a system of medium voltage stations capable of 9,000 KVA covers all over 100 per cent of the communes and townships, making good supply to the local production demands). Occupations tend to grow better. According to the statistics by Hoang Hoa People's Committee, the present agricultural products processing accounts for 28.5 per cent of the total industrial production value across the district. Forestry products processing such as rattan and bamboo weaving and civil carpentry have been maintained and expanded. Textile and garment occupation has been restored. The district has also developed carpet and mat weaving occupation because the market for these products is reliable and can take 10 per cent production in the industrial production. Construction materials production has satisfied the basic construction demands. Quite a few communes have created favourable conditions for the development of occupations by investing in infrastructure construction, planning the industrial and commercial meeting points, restoring traditional occupations and assisting enterprises with finding consumption markets.

As a large and crowded area, Hoang Hoa district pays much attention to the local budget income. The total budget income at the district level was VND10,052 million in 1999 and at the commune level was VND19,000 million, but came up to VND11,500 million and VND32,000 million in 2002 respectively, exceeding the planned task. Those numbers reflex the actual socio-economic development of the locality. The communal authorities and government bodies have all conceived the laws of State's Budget as well as their localities' roles and responsibilities.

The education and training sector continues maintaining the title of a provincial advanced unit. Health and public healthcare, particularly health examination and epidemic disease prevention have been attached with appropriate importance. The population growth of the district in 2002 was 0.03 per cent less than that in 2001. The local national defence and security is always reinforced, social security order and political life are stable.

Indices for socio-economic development by 2005 and 2010

- Annual GDP growth: 12.6 per cent. Of which:
+ Agriculture, fishery, and forestry: 45 percent
+ Industry, handicrafts and capital construction: 35 percent
+ Services and trade: 20 percent
- Per capita annual income: VND4.7 million up
-Total grain food output by 2005: 120,000 tonnes
-Total state's budget income: VND12 billion/year
-Communal budget income: VND22 billion/year
-Natural population growth by 2005: 0.75 percent
-Eradicate hunger and eliminate the number of poor households to 3.6 per cent in 2005
- 85 percent of the households can use clean water
- 63 per cent of the villages start the cultural villages building, 56 percent and more to be certified district's cultural villages, more than 75 percent of the households to be entitled cultural families.

Orientation and solutions for socio-economic development by 2005 and 2010

In the market economy, economic reform becomes one of the decisive factors to the local socio-economic development. What Hoang Hoa has achieved over the past 10 years are only the initial achievements as a start for creating positive reform, creating a breakthrough in socio-economic development in such a district with the population of 250,000 people.

Following the Resolution of the municipal Party Committee - Session XXIII, continuing the tradition of solidarity among the Party committee, People's Committee, People's Council, taking opportunity of the chances, surmounting challenges, mobilising internal and exploiting external forces so as to intensify the agricultural and rural industrialisation and modernisation. Hoang Hoa is striving to maintain the socio-economic growth at a rapid but sustainable rate. The emphasis is also put on intensifying infrastructure construction, shifting agricultural production to commodity production with the growth rate of agriculture, forestry and fishery of 5.8 per cent in 2001-2005 and 3.5 per cent in 2006-2010. Commodity exportation targets US$10 million by 2005. Ensuring food security, establishing commodity rice of high quality and striving for the average production value of VND28 million per hectare. Effectively applying scientific and technological advances in production, creating rapid development in industrial, handicraft and agricultural production and service. Attaching economic growth with the importance of national defence and security reinforcement, ecology protection. Solving social problems, improving the living standard, building clean and stainless party and politic system.

Defining husbandry as one of the advantages of Hoang Hoa, the municipal Party Committee and People's Committee focus their direction on the overall and firm development of both big and small cattle husbandry, especially on the development of cow, pig and fowl husbandry. The emphasis is also attached to household husbandry model of medium scale, encouraging husbandry development towards farming. In 2005, there were at least 7 - 10 farms in every commune, and 15-20 farms in every commune and township in 2010. The district is striving to make husbandry the main production sector, increasing its proportion in agricultural production value from 33.8 per cent in 2001 to over 40 per cent in 2005 and more than 50 per cent in 2010. Developing the cow, pig and cattle husbandry, striving to have 18,500 and 24,000 cows in 2005 and 2010 respectively, 110,000 and 160,000 pigs in 2005 and 2010 respectively and the cattle of 1,150,000 heads in 2005 and 1,500,000 in 2010.

In order to bring the advantages into play, creating a new breakthrough in industrial and occupation development, the municipal people's committee has made a detailed plan for the period of 2001-2005 and 2006-2010. Accordingly, the district targets the production value of VND225.813 billion in 2005 with the annual growth rate of 26.4 per cent and the proportion of 37 per cent in the district's economic structure, and VND353.855 billion of production value with the proportion of 40-45 per cent in 2010. Building some new industrial sites, commercial occupations. Intensifying the trade and service development in accordance to the socio-economic development. Striving to achieve the trade and service proportion of 23 per cent in the economic structure in 2005 and 30 per cent in 2010.

Applying appropriate policies and solutions, targeting the agricultural and rural modernisation with internal mobilisation and appropriate methods, it is believed that the industrial, handicraft sectors and occupations in Hoang Hoa will soon make new firm and overall development to make an adequate contribution to the local socio-economic development.

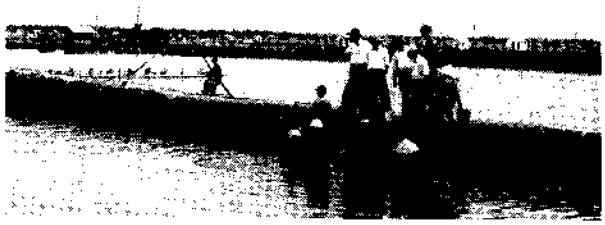

Dong Trieu – industrial shrimps breeding area in Hoang Hoa

Foto: Reference

MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở HOẰNG HOÁ

Nói đến Hoằng Hoá là nói về dức hiếu học, về những nghề truyền thống và sự khéo tay của người dân nơi đây. Nhiều nghề truyền thống đến nay vẫn được người dân trong huyện phát triển đi lên theo vòng quay của cuộc sống. Song bên cạnh đó, cũng có nghề đã mai một, hoặc không còn tồn tại cho đến ngày nay.

1. Nghề thợ mộc ở Đạt Tài, Hạ Vũ, Hà Thái

Ba làng Đạt Tài, Hạ Vũ, Hà Thái thuộc xã Hà Dương, tổng Bút Sơn (cũ). Theo lời kể của các cụ ở Hoằng Đạt, Hoằng Hà, nghề mộc ở 3 làng này nổi tiếng cách đây đã ba, bốn trăm năm. Người truyền nghề cho dân vùng này quê gốc ở Ý Yên, trấn Nam Sơn (cũ), nay là Hà Nam. Ông vốn là thợ cả của một đoàn thợ mộc, vào đây làm nhà, lấy vợ người Đạt Tài, truyền nghề cho dân Đạt Tài, sau đó lan sang Hạ Vũ, Hà Thái,...

Hươu và hoa (Thế Kỷ 16) chạm gỗ ở nghè Nguyệt Viên – Hoằng Quang

Thợ mộc ở ba làng này không chỉ làm nhà - đình - chùa - nghè - nhà thánh, cung điện mà còn kiêm cả nghề thợ khảm, chạm cửa võng hoàng phi, chạm long, ly, quy, phụng, chạm ngư tiều canh mục, chạm bát bửu và làm kiệu, hương án, khám thờ, tạc tượng phật, tượng thần.

Giờ đây, sắt thép và xi măng đang dần thay thế đồ gỗ trong các công trình kiến trúc. Vì thế, những người thợ mộc ở Đạt Tài, Hạ Vũ, Hà Thái tài năng đang phải đa dạng hoá sản phẩm, để phù hợp với điều kiện xã hội và tâm lý con người trong thời đại mới nhằm bảo tồn và phát huy nghề truyền thống của cha ông.

2. Nghề dệt vải tơ lụa ở Nghĩa Hưng

Nghề dệt vải đã có từ rất lâu đời ở nhiều làng của huyện Hoằng Hoá. Vải của mỗi làng đều mang nét riêng độc đáo và gắn với tên tuổi của làng đó như: vải kẻ Đằng (Phú Khê), vải kẻ Tổ (Quỳ Chử), vải kẻ Nhợm (Thanh Nga), vải kẻ Tào (Tào Xuyên), vải kẻ Đằng (Đằng Xá), vải làng Phùng (Phùng Dực), vải Đại Đồng (Hoằng Đồng),...

Song có lẽ nổi tiếng hơn cả là vải Nghĩa Hưng, hay còn gọi là vải vùng chợ Quăng. Bí quyết làm nên sự nổi tiếng của vải Nghĩa Hưng chính là ở đôi bàn tay khéo léo với tay nghề tinh sảo, kỹ thuật điêu luyện của những cô gái vùng chợ Quăng, nhờ đó hàng dệt ra đã đẹp lại bền. Vải nhuộm nâu hoặc nhuộm màu thì càng đẹp, càng bền, làm say lòng khách hàng thuộc mọi lứa tuổi.

Người kẻ Quăng dệt vải quanh năm, hầu như nhà nào cũng có khung dệt. Tuy không hợp thành phường, nhưng họ vẫn thường xuyên trao đổi và truyền lại kinh nghiệm cho nhau. Thậm chí, người dân trong vùng còn thi dệt tốt, dệt đẹp, để vải dệt ra "có tiếng". Vải "có tiếng" mới được nhiều người tiêu thụ, mới giữ được phẩm giá cho cá nhân và cả gia đình. Do vậy có câu ca dao:

Ai về Hoằng Nghĩa mà xem,
Chợ Quăng một tháng bốn mươi hai phiên điều (đều)
Trai mỹ miều gắng công đèn sách
Gái thanh tân chăm mạch cửi canh
Gái thì dệt cửi vừa nhanh vừa tài

Phải "dệt cửi vừa nhanh vừa tài" và giữ tiếng thì "gái thanh tân" mới được các chàng thư sinh mến, mới được các nhà khoa bảng "nhăm nhe" cho con trai mình. Do vậy, đến phiên chợ Quăng, đình làng vải đông nghịt người. Người đi mua vải, mua tơ lụa đã đông mà các chàng trai đi ngắm nhìn các cô gái Hằng Nghĩa, Nguyệt Viên,... ngồi bán vải, bán tơ lụa cũng đông không kém.

Ngày nay, bà con vùng kẻ Quãng dệt vải thước, vải màn bằng khung cải tiến, song chất lượng cũng không kém bất cứ nơi nào trong cả nước.

3. Nghề đúc lưỡi cày ở Đồng Lạc (Hoằng Trạch)

Người dân Đồng Lạc làm nghề đúc lưỡi cày đã gần 300 năm nay. Theo bà con trong làng kể lại: một người ở Thác Nghè (Thiệu Yên, Thanh Hoá) đã truyền nghề này cho họ Lê Thiệu.

Lưỡi cày Đồng Lạc bán khắp hạt Hoằng Hoá, sang cả Quảng Xương, Đông Sơn, qua Hậu Lộc, Hà Trung. Lưỡi cày và diệp cày được đúc bằng gang, nên người đi bán lưỡi cày, diệp cày cũng chính là người đi đổi lưỡi cày và diệp cày cũ đã cùn hoặc bị gãy mang về làm nguyên liệu.

Dụng cụ đúc lưỡi cày gồm một cái bể, làm bằng cây gỗ lim chẻ đôi, lọng ruột, ốp lại rồi gắn bằng hồ đặc biệt gồm vôi, lá bới lời, bồ hóng giã kỹ trộn với mật. Đường kính của bể khoảng 30 - 40cm, thân dài khoảng 4m. Gương bể hay lòng bể (piston) được kết bằng lông cổ gà trống. Lúc kéo gương bể phải dùng đến sức người để điều khiển lòng bể. Quan trọng nhất là người cầm cái guốc của cán lòng bể phải khoẻ và có kỹ thuật cao. Lòng bể có một cái rãnh, lỗ hơi ra để phụt vào nồi gang nằm giữa ống bễ. Lúc đúc lưỡi cày, bể phải để nghiêng khoảng 30°. Nồi đúc bằng gang, mặt nồi có trát một lớp đất mỏng. Gang chảy theo một cái khe, từ đó đổ vào khuôn. Khuôn làm bằng đất, cốt bằng gang. Gang đổ vào khuôn để nguội, dỡ khuôn ra, lấy lưỡi cày và diệp cày. Tất nhiên phải dùng dao, cái giũa,... kỳ cọ không nhiều để lưỡi cày và diệp cày được tinh tươm. Ngoài ra, muốn xem kỹ thuật cao hay thấp, lưỡi và diệp cày dẹp hay không còn phụ thuộc vào dòng chảy của gang, kỹ thuật đổ khuôn, và tay nghề của người thợ khi làm khuôn nữa.

Có thể nói, nghề đúc lưỡi cày ở Đồng Lạc khá vất vả. Song điều khiến nông dân huyện Hoằng Hoá luôn tự hào chính là ở danh tiếng của lưỡi cày Đồng Lạc.

4. Nghề làm nước mắm ở Khúc Phụ (Hoằng Phụ)

Không phải làng nào có nghề đánh cá biển cũng làm được nước mắm. Trong số 5 xã biển huyện Hoằng Hoá chỉ có làng Khúc Phụ (giờ đây có thêm Hoằng Trường cũng ướp chượp và nấu nước mắm) làm nước mắm. Để làm nước mắm ngon, công đoạn đầu tiên là phải chọn cá. Cá nục hoặc cá thu ù, nhưng thường là cá nục (vì cá nục có nhiều đạm) là nguyên liệu được người dân Khúc Phụ "ưu tiên" lựa chọn.

Nước mắm Khúc Phụ loại nỏ đầu, loại đặc biệt, để lâu là một "tài sản quý". Uống một chén nhỏ sẽ tăng sức chịu rét cho người đi biển vào mùa đông, tăng sức khoẻ cho người thợ lặn, chữa được bệnh đau bụng gió, đau bụng bão.

5. Nghề nhuộm ở Trinh Hà (Hoằng Trung)

Nghề nhuộm ở Trinh Hà đã có từ rất lâu đời và cũng do một người gốc Bắc truyền cho bí quyết làm nghề. Nghề nhuộm ở Trinh Hà cũng phân ra nhiều loại:

Nhuộm chàm, nguyên liệu nhuộm được lấy từ cây chàm. Khi cây chàm đã tốt, bà con bứt lá bỏ vào những chiếc thùng đặt cạnh rệ bờ sông và đổ nước vào ngâm. Ngâm đến khi lá mục ra, lấy gậy quấy lên, vừa quấy vừa vớt xương lá ra, quấy đến khi nào mặt nước sóng sánh màu xanh rồi chờ tinh bột lắng xuống. Khi tinh bột đã lắng hết, người dân Trinh Hà tháo nỏ cho nước trong chảy ra và gạn lấy tinh bột. Sau đó, làm cho tinh bột đặc quánh lại rồi mới đem cô để bỏ vào chum. Khi nhuộm chàm, thợ nhuộm múc tinh bột chàm hoà với nước. Tạp chất này tạo ra một loại vi khuẩn tựa như dấm thanh, để tinh chàm cắn vào vải, màu sẽ bền.

Nhuộm thâm, nguyên liệu chính để nhuộm thâm chính là bùn ao. Bùn càng dẻo càng đen thì vải nhuộm càng tốt. Để nhuộm thâm, vải, lụa khi mua về phải giặt cho hết hồ rồi nấu nước lá sòi, lá trâm, lá bàng cho thật đặc. Nếu là tơ, lụa thì lá sòi nhiều; nếu là vải thì lá trâm, lá bàng nhiều. Khi nhuộm thì phải nhuộm ba lần, mỗi lần nhuộm xong đem ra thổ lại cho hết bùn rồi lại nhuộm tiếp. Không chỉ có vậy, người thợ nhuộm Trinh Hà còn bỏ vải hoặc tơ lụa trên một hòn lăn nhẵn bóng, dùng vồ đập cho vải đều sợi, láng sợi rồi mới gấp lại đem bán.

Nhuộm nâu, nguyên liệu chủ yếu bằng củ nâu và vỏ rà. Vỏ rà phải nấu sôi lên để thật lâu; củ nâu phải giã nhỏ, giã xong đổ nước vào quấy đều, để bã lắng xuống rồi múc lấy nước đổ vào một cái chậu đem vải hoặc tơ lụa bỏ vào nhuộm. Nhuộm xong đem phơi khô rồi lại nhuộm tiếp, cứ thế nhuộm đi, nhuộm lại nhiều lần. Bà con làng nghề thường nhuộm nâu trước, nhuộm vỏ rà sau. Nhuộm đến khi đạt yêu cầu rồi hồ với nước keo da trâu, da bò hoặc nước cháo gạo nếp. Trước khi đem bán, thợ dệt cũng để lên hòn đá lăn đập qua cho bải hoặc tơ lụa đều sợi, mướt màu như nhuộm thâm.

Nghề nhuộm ở Trinh Hà nay không còn, nhưng nhân

Hình phượng, chạm gỗ (1827) ở nghè Nguyệt Viên - Hoằng Quang

dân cả vùng Hoằng Hoá và Hậu Lộc vẫn còn nhắc đến những người thợ nhuộm ở Trinh Hà đã đem lại cho họ những tấm quần, tấm áo bền màu để dãi dầu cùng sương gió trong những ngày lao động vất vả.

6. Nghề đục đá ở Xa Vệ (Hoằng Trung)

Ông tổ họ Lê Văn tên là Du đã khai sinh ra nghề này cách đây khoảng 300 năm. Xa Vệ ở dưới chân núi Trán Voi trong dãy núi Sơn Trang. Tương truyền rằng: tại núi Tráng Voi có loại đá, người dân ở đây thường lấy về làm đá tảng kê cột nhà, làm đá ghép mép hè, đá bao quanh sân, xây cống... Cụ Lê Văn Du thấy những hòn đá ấy trước mềm sau cứng, nhặt về mấy hòn đẽo làm đá mài, trước làm để dùng, sau đem đi bán. Do học hỏi được kinh nghiệm ở nhiều nơi, cụ này ra sáng kiến, lên núi vác nhiều hòn đá về, hý hoáy ngồi đục: mấy cái chậu (như chậu sành) đựng nước, đục đá gác cửa, đá tai cửa, đá ghép mép hè, đá ghép quanh sân... cho phẳng và đẹp. Công việc ngày càng hấp dẫn, cụ đục đá máng, đá cột nhà, đá cột nanh, đá tảng... sau đó là cối xay bột, cối xay ngô.

Lúc này, nhiều người ở Xa Vệ đã thấy được tác dụng của loại đá ở núi Trán Voi. Nhờ đó, nghề đục đá bắt đầu phát triển. Thợ đục đá ở Xa Vệ đã đục được cả cột hè, trếnh, rui mái hắt.... Nhưng có lẽ gay go nhất vẫn là việc tiêu thụ các sản phẩm này. Vì hàng đá nặng, cồng kềnh nên những ngày phiên chợ Già, họ phải đặt lên xe cút kít nào là đá mài, cối xay bột, cối xay ngô,... đẩy ra chợ bán. Còn máng, cột, đá tảng, đá ghép hè, ghép sân, trếnh,... phải có người đặt theo kích thước nhất định, họ mới làm. Nghĩa là, những loại hàng hoá ấy, những người thợ đục đá ở Xa Vệ đều làm theo các đơn đặt hàng của khách.

7. Nghề đan ở Đoan Vĩ, Thái Hoà

Nghề đan lát ở Đoan Vĩ và Thái Hoà (thuộc x Hoằng Thịnh và Hoằng Thái bây giờ) có từ khi nà không ai nhớ, chỉ biết là đã từ rất lâu, cách đây hàn trăm năm, ở hai làng này, không chỉ đàn bà đan giỏi m đàn ông làm nghề này cũng tài. Có một bài thơ trong đ có câu đã miêu tả về người thợ đan ở đây:

Nhe răng xẩu đá ngàm cái cạp
Thè lưỡi thờn bơn vuốt sợi mây

Những dụng cụ phục vụ cho nghề này cũng kh đơn giản, như: mấy con dao dùng để chặt, chẻ nan vót; vài cái dùi: dùi to nứt cạp nong, dùi nhỏ nứt cạ rổ rửa rau, một cái đòn kê, các loại rá; dùi vừa nứt cạ rổ gòng, rổ xảo,... cùng các loại nguyên liệu như: tre mây, nứa, vầu, luồng....

Gần đây, người Đoan Vĩ, Thái Hoà còn đan đồ mỹ nghệ như: hộp đựng đồ trang sức của phụ nữ, đồ chơ của thiếu nhi... Hàng đan của Đoan Vĩ, Thái Hoà đ có mặt ở khắp các chợ trong huyện, sang các huyện bạn, lên chợ tỉnh và đã xuất khẩu sang các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.

Hiện tại, người Đoan Vĩ, Thái Hoà đang gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt của một số mặt hàng nhựa. Do vậy, họ cần phải nâng cao tay nghề để những mặt hàng đan thật đẹp, thật tinh sảo, thật bền, thật sáng tạo, để giữ gìn nghề truyền thống của cha ông, có thêm uy tín với các khách hàng trong huyện, trong nước và nước ngoài.

8. Nghề ép dầu ở Đại An và Tào Xuyên

Người làng Đại An (Hoằng Lương) và Tào Xuyên (Hoằng Lý) trước đây có nghề ép dầu bông, dầu lạc; đem dầu và khô dầu đi bán khắp vùng. Dầu bông, dầu lạc dùng để thắp đèn. Riêng dầu lạc còn dùng để thay mỡ, nấu thức ăn. Cũng như các làng nghề thủ công khác ở Hoằng Hoá dầu và khô dầu các loại của Đại An và Tào Xuyên đã có mặt ở khắp các chợ trong vùng và được đông đảo người tiêu dùng ưa chuộng.

Đây chỉ là một số nghề tiêu biểu trong rất nhiều những làng nghề truyền thống ở Hoằng Hoá. Chính những người thợ này đã nâng cao nền văn hoá vật chất và tinh thần của Hoằng Hoá, làm cho nền văn hoá nơi đây không những có bề dày, mà còn có chiều cao tô thêm rạng rỡ cho mảnh đất Hoằng Hoá. Bởi nghề thủ công truyền thống xét cho cùng cũng là kỹ thuật và mỹ thuật.

TYPICAL OCCUPATION VILLAGES IN HOANG HOA

Hoang Hoa always makes people think about the local people's traditional fondness for learning, traditional occupations and skilful hands. Many of the traditional occupations have been developed along with the changes of the life but many others have been fallen into oblivion.

1. Carpentry in Dat Tai, Ha Vu and Ha Thai

Dai Tai, Ha Vu and Ha Thai are three of the villages in Ha Duong Commune in the former But Son District. According to the elders in Hoang Dat, Hoang Ha, carpentry of those three villages has been famous for three or four hundreds of years. The ancestor who taught carpentry to the local people came from Y Yen, Nam Son (now called Ha Nam). He was the carpentry foreman who came to Dat Tai and got married with a local woman. Later, he taught carpentry to Dat Tai people and later those people in Ha Vu and Ha Thai.

Carpenters from those three villages could make house, temple, pagoda, shrines and palace but also sculpture of dragon, lion, tortoise and phoenix, fisherman, woodsman, peasant and shepherd magic wands. They could even make palanquin, incense-table, and statue of Buddha or genies.

In the modern world, iron, steel and cement are replacing wood in architecture works. As a consequence, the talented carpenters in Dat Tai, Ha Vu and Ha Thai now have to diversify their products according to the social and psychological needs so as to continue the traditional occupation.

2. Silk textile in Nghia Hung

Silk textile is an old-aged occupation that has been continued in many villages across Hoang Hoa. The silk from each village has particular characteristics of its original villages such as: Dang, To, Nhom, Tao and Dang silks from Phu Khe, of Quy Chu, Thanh Nga, Tao Xuyen and Dang Xa, respectively and the silk from Phung and Dai Dong villages in Phung Duc and Hoang Dong.

However, the most famous silk is that from Nghia Hung, also called Quang market silk. It is the talented skills of the girls from Quang market that make the famous beautiful and durable Nghia Hung silk. The dyed silk even in brown is so lovely and durable that the customers of any ages can be strongly fascinated.

People in Quang area make the silk textile around the year. Almost all the family in the area has looms. No guild has been formed but the local people regularly have mutual experience exchanges. There have been even contests for talents of textile. Only well-known silks can be widely consumed and... That is the reason why there exists the folk verse:

Come to Hoang Nghia and see
Quang Market takes place
42 times a month
Good boys do their best for the study
Virgins work hard with the looms
Girls are so good at weaving
(Ai về Hoằng Nghĩa mà xem
Chợ Quăng một tháng bốn mươi hai
phiên điều (đều)
Trai mỹ miều gắng công đèn sách
Gái thanh tân chăm mạch cửi canh
Gái thì dệt cửi vừa nhanh vừa tài)

Any students would affectionate and scholars would choose only skilful weaver girls. Therefore, on market days of Quang, the silk village's communal house is often over-crowded with people. So many buyers but more are the young fellows wandering around gazing upon Hang Nghia and Nguyet Vien girls selling silk.

Nowadays, people in Quang are weaving by improved looms but their silk quality remains one of the best across the country.

3. Ploughshare casting in Dong Lac (Hoang Trach)

Ploughshare casting has been a traditional occupation in Dong Lac for around 300 years. According to the local people, a man from Thac Nghe (Thieu Yen, Thanh Hoa) taught the occupation to the Le Thieu family first.

Dong Lac ploughs used to be sold all over Hoang Hoa, Quang Xuong, Dong Son, Hau Loc and Ha Trung. Plough and the mould-boards are made of cast iron. Consequently, the sellers would always like to have the broken ploughs and mould-boards for changes to use as production materials.

Stools for plough casting include a bellow made of iron wood, hollow glued with a special kind of glue made of lime, Boi loi leaves and soot which are carefully mixed up and pounded to a pulp. The diameter of the bellow is about 30-40 cm and its length is 4m. The piston is made of the hair from cock's neck. The pulling of piston requires strong and skilful worker to operate. At the casting, the below must be put 30^0 incline. The cauldron is made of cast iron covered with a thin coat of clay. The melted cast iron runs through a pipe into the mould. The mould is made of clay with the cast iron frame. When the cast iron in the mould has got cool, the moulders would take the plough and mould-board out of the mould. It is, of course, necessary to rub the products with knives and files so as to make them fine. The success of the products depends much on the flow of the melted cast iron, moulding techniques and skills.

It is likely to say that plough casting is a hard job but the Hoang Hoa people are always proud of the famous Dong Lac ploughs.

4. Fish sauce producing in Khuc Phu (Hoang Phu)

Not all the fishing village can make fish sauce. Only Khuc Phu (and recently Hoang Truong) can make fish sauce ever since. Fish selecting is the most important factor to make good fish sauce. Usually, anchovies and codfishes are the best materials for fish sauce making, but Khuc Phu people prefer anchovies since their meat is rich of protein.

The especially good Khuc Phu fish sauce that has been preserved for a long time is a precious medicine. Only a small cup of that can warm the fishermen in winter, refresh the divers and can be a very effective treatment for bellyache.

5. Dyeing in Trinh Ha (Hoang Trung)

Dyeing is an aged-old occupation in Trinh Ha. The occupation was first taught to the local people by a person from the north. Dyeing in Trinh Ha is classified into different groups:

Cham dyeing with the materials from Cham (a special kind of plant). When the plants are mature and covered with verdant green leaves, people pluck the leaves and pour them into the vessels that have been put along the river and soak until the leaves got rotten. Then, take the rotten leaves out as stir them up as a mixture until the water become green and viscous. When the starch has absolutely precipitated, take it out and store in a big jar. The dyer would then took some starch out of the jar, mix it up with water and soak the cloth in. The mixture would make the cloth durably coloured.

Black dyeing with the main material is mood from the pond. The more plastic and blacker the mood is, the better the dyeing will be. The cloth or silk should be washed before put into the thick mixture of cooked leaves from Soi, Tram and Bang. More leaves of Soi should be used for the dyeing of silk but more of Tram and Bang for cloth dyeing. It requires three times dyeing. After each time, the dyer would wash the cloth. Especially, Trinh Ha dyers even use pestle to strongly beat the dyed cloth or silk on a glossy rock to make it really smooth before the finish.

Brown dyeing with the major material is brown tuber and coat of Ra plant. Ra coat should be boiled and keep for a long time, brown tuber should be carefully beaten into pulp, add some water and stir it up. When the sediment deposits, the liquid should be taken out, poured into a basin to soak the cloth or silk. After many times dyeing, drying and dyeing, the cloth or silk will be glued with cowhide glue or the glue starch of sticky rice. Like black dyeing, the cloth will then be beaten to make it smooth.

Even though Trinh Ha people no longer do the traditional dyeing now, people in Hoang Hoa and Hau Loc keep talking about the Trinh Ha dyers who have made durable coloured clothes that they used to wear in the hard time before.

6. Stone sculpture in Xa Ve (Hoang Trung)

The occupation was first brought into life by a man called Le Van Du three hundred years ago. Xa Ve is located in the valley of Tran Voi

Wooden statue of man riding an elephant in Bang Mon temple (17th century) in Hoang Loc Commune

Mountain in Son Trang Mountains. It is said that there is a kind of stone that can be used to make house pillar, threshold or to build sewer. Le Van Du recognised that the stone when taken out of the mountain was soft then would get harder. He decided to take some home, to make basin to contain water, threshold, and many other things. The more he did, the more attractive the occupation became, and he could do more products.

Later, when more people in Xa Ve saw the uses of the stone from Tran Voi Mountain, the stone sculpture started to thrive. Xa Ve sculptors soon made pillar and many other products from stone. However, the problem was how to make the products consumption. Due to the fact that the stone products are very heavy, people have to put them on the wheelbarrow to bring them to the market. Particularly, it is so difficult to transport such products as pillar, stone for threshold or yard that the sculptors only make them for customer orders.

7. Weaving in Doan Vi and Thai Hoa

The initial time of weaving in Doan Vi and Thai Hoa (belonging to the present Hoang Thinh and Hoang Thai communes) is unknown. It is said that the occupation has been existing for hundreds of years. Not only women but also men in the two villages are very good at weaving.

The occupation requires simple instruments such as knives, awls of different sizes for different purposes, a chock, baskets, etc and the materials such as bamboo, rattan, slender and reed.

Recently, people in Doan Vi and Thai Hoa have made art products such as women's jewel boxes and toys for children. It is necessary for the weavers to improve their skills to make really beautiful, sophisticated and durable products so as to not only maintain their ancestor's traditional occupation but also build up a greater prestige in the district, other parts of the country and the world.

8. Vegetable oil extracting

In the past, people in Dai An (Hoang Luong) and Tao Xuyen (Hoang Ly) used to extract cottonseed and peanut oil, bring their oil and oil-cakes to other parts of the region to sell. Cottonseed and peanut oils were used to fire the lamps. Peanut oil was also used as cooking oil instead of fat. Like other handicraft villages in Hoang Hoa, oils and oil-cakes made in Dai An and Tao Xuyen have been brought to all markets in the region and preferred by the mass consumers.

Above are only some of the typical traditional occupations in Hoang Hoa. It is the craftsmen of the occupations that have improved the material and spiritual life of Hoang Hoa people, enriching the local culture. In general, it is true to say that traditional handicrafts are the traditional arts and techniques.

HUYỆN HẬU LỘC

HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRỂN TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG

Phát huy tiềm năng, lợi thế, đồng thời thực hiện tốt các nghị quyết của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Hậu Lộc đã tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mở rộng thị trường, tăng cường đầu tư phát triển ngành nghề. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện khá cao (tăng 11% năm 2002), an ninh - quốc phòng và an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân ngày một nâng cao.

Hậu Lộc là huyện đồng bằng ven biển, cách trung tâm thành phố Thanh Hoá 25 km về phía đông bắc. Phía bắc giáp huyện Nga Sơn, Hà Trung; phía nam và phía tây giáp huyện Hoằng Hoá; phía đông giáp biển Đông nên khá thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Điều kiện tự nhiên rất đa dạng, giàu tiềm năng với 3 vùng: vùng đồi, vùng đồng bằng chủ yếu là phù sa và vùng ven biển. Hệ thống giao thông của Hậu Lộc khá phát triển do có Quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc - Nam và Quốc lộ 10 chạy qua. Những yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế Hậu Lộc phát triển trên các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thuỷ hải sản, công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ.

Ông Trịnh Ngọc Giao – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hậu Lộc

Phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh sẵn có

Hậu Lộc xưa kia sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt và đánh cá biển. Vùng đồng bằng luôn bị ngập úng chỉ sản xuất được 1 vụ lúa, vùng ven biển không có hệ thống tưới tiêu, cát trắng quanh năm khó canh tác. Trong lúc đó, nghề biển chủ yếu là khai thác thủ công, đánh bắt gần bờ, năng suất thấp, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Song, bức tranh ấy đã dần thay đổi. Hiện nay Hậu Lộc đã có đồng ruộng luôn thay mùa đổi vụ, ngành nghề phát triển, đường rộng, nhà cao, đời sống của người dân đã no đủ hơn xưa. Thành quả đó có được là do Hậu Lộc đã và đang phát huy tiềm năng thế mạnh để hướng tới không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng, tạo đà cho nền kinh tế phát triển toàn diện. Từ cơ cấu kinh tế truyền thống nông - lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp và dịch vụ đang dần thay đổi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong nhiều năm qua, ngành nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của huyện, vì thế chỉ có phát triển nông nghiệp mới đảm bảo sự ổn định để phát triển toàn diện. Từ những quan điểm phát triển trên, Hậu Lộc đã xác định: chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng mùa vụ; tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh công tác khuyến nông - khuyến lâm; tích cực ứng dụng các tiến bộ về sinh học, về giống; tăng hệ số sử dụng đất nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng các mặt hàng nông sản. Do đó, tổng sản lượng lương thực

Lịch sử mảnh đất và con người Hậu Lộc

Theo các địa chí và địa danh được ghi chép từ thời Lê, Nguyễn, từ thời Trần về trước, huyện Hậu Lộc có tên là huyện Thống Binh. Đến thế kỷ XIV đổi thành Thống Ninh (thuộc Ái Châu, phủ Thanh Hoa), sang thời Lê được gọi là huyện Thuần Hữu (thuộc phủ Hà Trung), sau này đổi tên là Thuần Lộc và Phong Lộc. Đến năm 1821, đổi thành huyện Hậu Lộc và tên này được gọi đến ngày nay.

Hậu Lộc là một vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa. Năm 1973 và năm 1976, các nhà khảo cổ học đã phát hiện di chỉ văn hóa Hoa Lộc và Gò Trũng (Phú Lộc) niên đại cách đây 4.000 - 5.000 năm. Điều đó chứng tỏ con người tiền sử ở Hậu Lộc sớm phát triển nền văn minh lúa nước, chăn nuôi và đánh bắt cá. Không những thế, Hậu Lộc còn là vùng đất có tinh thần yêu nước nồng nàn, là cái nôi của cách mạng Việt Nam. Từ xa xưa, mảnh đất này đã sinh dưỡng nhiều anh hùng dân tộc như: Triệu Thị Trinh (Bà Triệu), Phạm Bành (Hoà Lộc), Hoàng Xuân Viện, Đinh Chương Dương (Hải Lộc), Lê Hữu Lập (Xuân Lộc) - Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời đầu tiên của Thanh Hoá, Nguyễn Chí Hiền (Hoà Lộc), Mẹ Tơm... Bên cạnh đó, những địa danh như: Hanh Cát, Hanh Cù (xã Đa Lộc), làng Lộc Tiên - Y Bích (xã Hải Lộc), nhà thờ Họ Tăng (xã Hưng Lộc), Đò Lèn, Lạch Trường,... là những nơi được Nhà nước tặng bằng có công với nước, là "kho tàng lịch sử" quý báu không chỉ đối với Thanh Hoá mà với cả dân tộc Việt Nam.

của Hậu Lộc trong những năm gần đây tăng nhanh: từ 37 nghìn tấn (năm 1990) lên 67.018 tấn (năm 2002), tăng 195% so với năm 1990.

Với chủ trương đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, Hậu Lộc đã và đang thực hiện chương trình sind hoá đàn bò; nuôi lợn ngoại theo quy trình công nghiệp để xuất khẩu. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Hậu Lộc, hiện nay, toàn huyện có 14 nghìn con trâu bò, 55 nghìn con lợn và hàng trăm nghìn gia cầm khác. Phong trào nuôi lợn hướng nạc được đẩy mạnh và phát triển rộng khắp, hàng chục gia đình nuôi lợn ngoại xuất khẩu, có quy mô 20 - 30 con. Chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghiệp phát triển mạnh. Đến nay, Hậu Lộc có 21 trại gà công nghiệp (quy mô 4.000 - 5.000 con/trại), nhiều gia đình có tổng đàn trên 1.000 con. Hướng phát triển của huyện trong thời gian tới là tiếp tục chỉ đạo thực hiện đề án nuôi lợn, gà theo quy trình công nghiệp bằng cách mở rộng liên doanh, liên kết, vận động nhân dân cùng góp vốn xây dựng các tổ hợp, các khu trang trại, từng bước tạo thành vùng sản xuất tập trung, tiện cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Với đường bờ biển dài 12 km, cùng 2 cửa lạch lớn (Lạch Trường và Lạch Sung), Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII xác định: kinh tế biển là ngành kinh tế mũi nhọn, cần có sự tập trung chỉ đạo cả trong khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản. Từ kinh nghiệm được tích luỹ hàng nghìn năm nay, kết hợp với đầu tư đổi mới trang thiết bị, kỹ thuật đánh bắt, nuôi trồng và tập trung khai thác những loại hải sản có giá trị kinh tế cao, khai thác cả 3 vùng biển (vùng lộng, vùng trung và vùng khơi xa), tổng sản lượng và tổng giá trị hàng hoá năm sau cao hơn năm trước. Nếu năm 1990 sản lượng khai thác mới chỉ đạt 4.358 tấn thì đến năm 2000 đã là 8.700 tấn. Bình quân mỗi năm Hậu Lộc có trên 800 tàu thuyền đánh bắt hải sản, với tổng công suất trên 26.000 CV (30 tàu có công suất từ 75 đến 360 CV - thuộc chương trình đánh bắt xa bờ). Mấy năm gần đây phong trào nuôi trồng hải sản phát triển mạnh, toàn huyện đã đưa vào nuôi trồng trên diện tích hơn 400 ha vùng triều với các loại hải sản như: tôm sú, tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính... Dọc theo bờ biển, nhân dân đã khoanh vùng nuôi ngao, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhiều mô hình nuôi tôm sú bán thâm

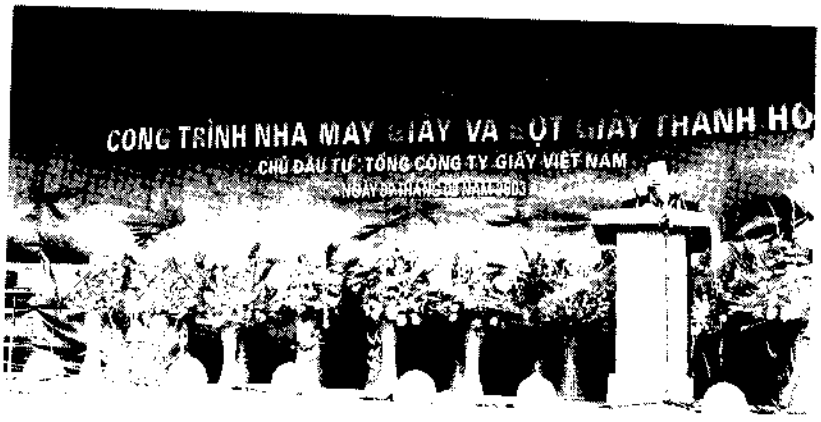

Lễ động thổ công trình Nhà máy giấy và bột giấy Thanh Hoá

canh, nuôi tôm càng xanh xen lúa nước đã được thử nghiệm thành công. Dự án nuôi tôm trên cát và sản xuất tôm giống tại chỗ đang được triển khai thực hiện. Đầu năm 2003, Hậu Lộc đã khởi công xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp Đa Lộc với diện tích 193 ha, đồng thời triển khai phương án quai đê lấn biển. Đây là một hướng đi mới để Hậu Lộc mở rộng diện tích nuôi trồng hải sản.

Biển Hậu Lộc có độ mặn cao, kết hợp với khí hậu, nắng, gió tạo nên nghề muối truyền thống (có từ năm 1897). Những năm gần đây, Hậu Lộc cung cấp cho thị trường 10 - 12 nghìn tấn muối/năm. Để tăng sản lượng và chất lượng muối, Hậu Lộc đã và đang bê tông hoá kênh mương đồng muối, đưa công nghệ sản xuất muối sạch và tổ chức sản xuất muối iốt vào sản xuất, nhằm thu hút lao động và nâng cao đời sống cho diêm dân.

Đồng thời, để khai thác có hiệu quả vùng đồi, Hậu Lộc tiến hành thực hiện trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc (năm 2002 huyện có 1.298,58 ha rừng), trồng cây chắn sóng và lấn biển. Cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả, hình thành thêm nhiều trang trại vườn rừng, phát triển mô hình kinh tế VAC, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

Cùng với phát triển nông nghiệp, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã không ngừng phát triển và tăng nhanh về tổng giá trị hàng hoá. Bình quân mỗi năm đạt giá trị từ 48 tỷ đồng trở lên. Các ngành nghề truyền thống như rèn, kim hoàn, sản xuất vật liệu xây dựng, đóng sửa tàu thuyền, sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu cói... vẫn được duy trì và phát triển. Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, Hậu Lộc đã du nhập thêm một số nghề mới như: thêu ren xuất khẩu, đan cót, sản xuất dâu tằm tơ, sản xuất các loại nấm thực phẩm, nấm nguyên liệu.

Năm 2003, được sự đầu tư của Nhà nước, Hậu Lộc đã khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất bột giấy tại Châu Lộc, công suất thiết kế 6 vạn tấn/năm. Nhà máy này ra đời là tiền đề để Hậu Lộc thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng Đô thị Bà Triệu.

Xây dựng kết cấu hạ tầng và văn hoá - xã hội

Bằng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, vốn tiết kiệm từ ngân sách huyện và huy động từ nội lực của nhân dân, bình quân mỗi năm Hậu Lộc đầu tư cho xây dựng cơ bản từ 110 đến 115 tỷ đồng (riêng năm 2002 là 126 tỷ đồng). Tính đến cuối năm 2002, toàn huyện đã có 19 km đường quốc lộ, 19 km đường nhựa tỉnh lộ, 30 km đường nhựa và bê tông liên xã và hàng trăm km đường bê tông liên thôn, 156 km mương bê tông, 46 trường học cao tầng, hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh cơ bản đã được nâng cấp và cải tạo. 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa, 90% số thôn, làng đã có nhà văn hóa thôn. Hệ thống lưới điện nông thôn được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Lưới điện quốc gia 35 KV chạy dọc theo chiều dài của huyện. Toàn huyện có 1 trạm biến áp trung gian công suất 8.000 KVA, 68 trạm hạ thế (công suất từ 75 đến 360 KVA). 100% khu dân cư đã có điện sinh hoạt, 99,6% số hộ dùng điện. Mạng lưới bưu chính viễn thông đã phủ khắp trên địa bàn huyện. Đến nay, Hậu Lộc đã có 1.700 máy điện thoại (bình quân 100 người/máy).

Là huyện có truyền thống hiếu học, sự nghiệp giáo dục của Hậu Lộc luôn phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, đồng thời là huyện dẫn đầu Thanh Hóa về xã hội hoá giáo dục. Cơ sở vật chất trường lớp luôn được quan tâm đầu tư. Đội ngũ giáo viên cơ bản đã được chuẩn hoá. Ngoài ra, Hậu Lộc là huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Toàn huyện đã xây

dựng được 16 trường đạt chuẩn quốc gia.

Công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng luôn được các cấp chính quyền quan tâm chỉ đạo. Đến nay, 100% số xã có trạm y tế và nhà truyền thông dân số đạt tiêu chuẩn theo quy định của ngành. Bệnh viện huyện có quy mô 120 giường bệnh, 1 phòng khám đa khoa khu vực, đã đảm bảo cơ bản công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nhiều năm liên tục không có dịch bệnh lớn xảy ra. Các hoạt động y tế dự phòng - vệ sinh môi trường được thực hiện tương đối tốt. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức 1%.

Hậu Lộc là một huyện có bề dày về lịch sử văn hóa với hàng chục di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng quốc gia và cấp tỉnh. Nhiều trò chơi, trò diễn dân gian mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc như: bơi thuyền, kéo co, đấu vật, thổi cơm thi... vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay. Cùng với việc bảo vệ gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, Hậu Lộc đã tập trung thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở". Điển hình là các phong trào xây dựng làng văn hóa, cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa. Đến nay, toàn huyện đã có 104/216 làng và 6 cơ quan khai trương xây dựng đơn vị văn hóa, 165 nhà văn hóa huyện, xã, thôn, 63 thư viện, 25 câu lạc bộ thể thao. Trong đó, làng Duy Tinh (Văn Lộc) là một điển hình về xây dựng đơn vị văn hóa của cả nước. Hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở đã được nâng cấp, cải tạo, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến 2005 - 2010

- Cơ cấu kinh tế năm 2005: nông, lâm nghiệp 35%, thuỷ, hải sản 18%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản 16%; dịch vụ 30%. Từng bước giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ để đến năm 2010 tỷ trọng nông nghiệp chỉ còn 32%.

- GDP đến năm 2010 đạt 948,5 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 8,5%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người: 4,962 triệu đồng/năm.

- Hạ tỷ lệ đói nghèo xuống dưới 5%.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

Trong nhiều năm liên tục, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của huyện Hậu Lộc được đảm bảo. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân luôn được phát huy, công tác tuần tra, bảo vệ an ninh tuyến biển được tổ chức thường xuyên. Các chỉ tiêu về tuyển quân và kế hoạch huấn luyện quân sự hàng năm đều hoàn thành.

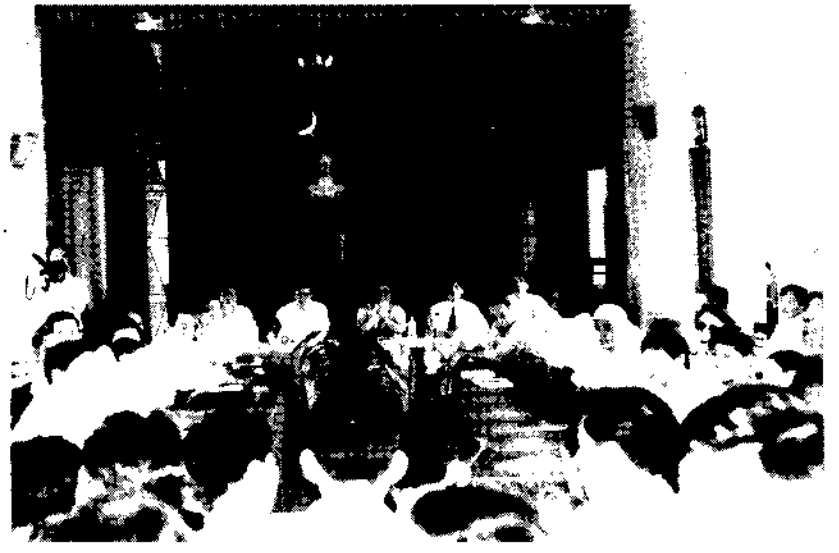

Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm cán bộ và nhân dân huyện Hậu Lộc

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ Thanh hóa về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2000 - 2020, huyện Hậu Lộc đã xây dựng các định hướng về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 như sau:

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra, huyện Hậu Lộc đã đề ra một số chủ trương, giải pháp cụ thể như:

1) Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế toàn diện, vững chắc theo hướng

công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách toàn diện trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

2) Tiếp tục đầu tư phát triển thủy sản theo hướng khai thác các sản phẩm có giá trị xuất khẩu, mở rộng diện tích nuôi trồng hải sản, phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ và chế biến. Chỉ đạo xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp Đa Lộc, chuyển đổi một số diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng hải sản.

3) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, coi đây là bước đột phá quan trọng để tăng thu nhập và giải quyết việc làm; sớm đưa nhà máy sản xuất giấy tại Châu Lộc vào hoạt động; tiếp tục phát triển các ngành nghề truyền thống, khuyến khích du nhập các ngành nghề mới. Xây dựng các thị tứ, các tụ điểm kinh tế, các cụm sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, tạo điều kiện tập trung hàng hoá, tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm.

4) Bằng nguồn vốn của Nhà nước, kết hợp sự huy động đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, trường học, cơ sở y tế, hệ thống đê, kè, cống, công trình thuỷ nông, hệ thống đường điện và các công trình phúc lợi tập thể.

5) Tăng cường quản lý hoạt động tài chính, ngân hàng, thực hành tiết kiệm, đảm bảo nhu cầu phát triển sản xuất, văn hóa xã hội và hoạt động của bộ máy. Đẩy mạnh phát triển nguồn thu, ưu tiên phần vượt thu để xây dựng kết cấu hạ tầng. Có kế hoạch huy động mọi nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

6) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đổi mới và đa dạng hoá các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao theo hướng xã hội hoá; nâng cao chất lượng hoạt động thông tin tuyên truyền; đẩy mạnh phong trào xã hội hoá giáo dục, nâng cao dân trí và đào tạo tay nghề cho nguồn nhân lực.

7) Quan tâm chăm sóc sức khoẻ nhân dân, làm tốt công tác dân số, vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm. Đảm bảo thực hiện tốt chính sách xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Phát huy những tiềm năng thế mạnh vốn có, Hậu Lộc đã và đang có những bước phát triển vững chắc trên các lĩnh vực, kinh tế tăng trưởng nhanh, an ninh chính trị được đảm bảo, văn hoá - xã hội không ngừng được nâng cao. Đạt được những thành công đó là do sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành cùng những nỗ lực phấn đấu của 174.077 người dân trong huyện. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để Hậu Lộc tiến nhanh, tiến vững chắc, bước vào thế kỷ mới - thế kỷ của kinh tế tri thức và hội nhập.

Các dự án kêu gọi đầu tư

1) Vùng nuôi tôm công nghiệp Đa Lộc: diện tích 193 ha; vốn đầu tư 41,6 tỷ đồng; sản lượng tôm thương phẩm 637 tấn/năm.

2) Khu đô thị mới Bà Triệu, diện tích 508,87 ha.

3) Cảng cá Hoà Lộc: sản lượng qua bến 10 - 15 nghìn tấn/năm. Tàu thuyền có công suất 400CV có thể ra vào dễ dàng.

4) Xây dựng 30 km đường nhựa liên xã, các công trình đê biển, đê, kè cống, hệ thống thuỷ nông.

5) Xây dựng nhà máy chế biến hải sản, chế biến thức ăn gia súc.

6) Các khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung và xây dựng làng nghề.

7) Hệ thống trường học, khu văn hoá thể thao của huyện.

HAU LOC DISTRICT

HEADING FOR COMPREHENSIVE AND STABLE DEVELOPMENT

Developing the district's potentialities and advantages concurrently fully realising Resolution of the provincial Committee of the Party, People' Council and People' Committee and the 23rd District's Party's Committee Congress, Hau Loc has focused on restructuring economy towards industrialisation and modernisation, expanding the market, intensifying investment in occupation extension. The district's economy therefore achieved healthy growth (an increase of 11% in 2002). National security and defence and social safety has been ensured, people' living standard has been increasingly improved.

The coastal district of Hau Loc locates around 25km from Thanh Hoa City in the north-east, bordering Nga Son and Ha Trung Districts in the north, Hoang Hoa District in the south and west, East Sea (Bien Dong) in the east, enjoying favourableness to develop maritime economy. Its natural condition is diversified, rich in potentials with three areas of hills, delta (majority from alluvium) and coast. Its traffic system is relatively developed owing to the national highway 1A, north-to-south railway and national highway 10. Those factors have facilitated the district's economic development in agro-forestry, aquaculture, industry, handicraft and service.

Bringing the available potentials and strong points into play

Hau Loc previously lived on husbandry and fishing. The waterlogged plaints can produce only one rice-harvest; difficulties in cultivating in the sand year-round caused by lack of irrigation system at the coastal area. Meanwhile, manual and inshore fishing with low productivity resulted in numerous impediments in the people' life. So far, however, that picture has been gradually changed. Arriving Hau Loc today, we can see the rice-fields in intensive cultivation, developed occupations, wide roads and spacious houses; the residents' life has been more well-off than before. To make those outcomes achievable, the district has been developing its potentiality and strength directing economic diversification, constant yield enhancement, creating impetus for the economic comprehensive development. The traditional economic structure of agro-forestry, fishery, handicraft, industry and service has been gradually shifted to industrialisation and modernisation.

Over years, agriculture sector had played crucial role in the district's economy, as a consequence, stability for comprehensive development can only be attained on the base of agricultural growth. From that opinion, Hau Loc determine to strongly restructure economy and crops, intensify transferring science-technological advances, speed up promoting agriculture and forestry, actively apply the biological and strain advancements, raise land occupancy aimed at heightening productivity and quality of the agricultural produces. Hence, its total food output recently witnessed rapid increase: from 37,000 tons in 1990 to 67,018 tons in 2002, exceeded 195% over 1990.

Under the policy on turning husbandry into the main production, Hau Loc has been fulfilling the program of breeding Red Sind hybrid oxen and raising industrially imported-strain porkers for export. According to the figures of Hau Loc People'

Hau Loc history and people

According to the geography books and the place-names recorded under the Le, Nguyen and Tran dynasties, Hau Loc District was named Thong Binh District. Until 14th Century it was renamed Thong Ninh (which belonged to Ai Chau of Thanh Hoa District), then changed to Thuan Huu town (of Ha Trung District) under the Le dynasty and later on, to Thuan Loc and Phong Loc. In 1821, it was called Hau Loc and remained this name until now.

Hau Loc is rich in long-standing history and cultural tradition. In 1973 and 1976, the archaeologists discovered the Hoa Loc and Go Trung cultural vestiges (Phu Loc) dated back 4,000 - 5,000 years, evidencing the early development of wet-rice civilisation, husbandry and fishing of the Hau Loc ancient people. Additionally, Hau Loc with the passionate patriotism was the cradle of Viet Nam revolution. Over years, it has been the homeland of many national heroes including Trieu Thi Trinh (Trieu Lady), Pham Banh (Hoa Loc), Hoang Xuan Vien, Dinh Chuong Duong (Hai Loc), Le Huu Lap (Xuan Loc) - the first temporary Provincial Party Committee Secretary of Thanh Hoa, Nguyen Chi Hien (Hoa Loc) and Mother Tom. Besides, such places as Hanh Cat, Hanh Cu (Da Loc commune), Loc Tien - Y Binh village (Hai Loc commune), Tang house of worship (Hung Loc commune), Do Len and Lach Truong were granted the State's certificates of merits for the contribution to the nation, becoming the valuable "historical treasure" of not only Thanh Hoa but also Vietnamese nation.

Committee, presently the district possesses 14 thousands of cattle heads, 55 thousands of pigs and thousands of others poultry varieties. The movement of breeding super-meat pigs has been sped up and widely spread out, of which, tens of households raise imported-strain porkers for export with 20 - 30 porker heads. Poultry husbandry industrially developed rapidly, reached 21 industrial chicken farms in the entire district (with 4,000 - 5,000 chickens of each), many families even own the flock of 1,000 chickens. The district's developing orientation in coming years is continually conducting program of raising pigs and chickens industrially by promoting joint-venture and co-ordination, mobilising the people to make financial contribution to building the combinations and farms, gradually creating the concentrated production areas convenient for product consumption.

The 23rd District Party Committee Congress defined that with 12km-long coast and two bays (Truong and Sung rivulets), maritime economy should be the key sector, which requires focused instruction in seafood exploitation, breeding and processing. From the experiences accumulating through years in co-ordination with investment in renovating equipment, catching and breeding, and exploitation of the seafood with high economic value in inshore, medium and offshore fishing areas, total output and goods value saw year-on-year increase, reached 8,700 tons in 2000 against 4,358 tons in 1990. Annually, Hau Loc has more than 800 fishing vessels with total capacity exceeded 26,000CV (including 30 vessels of 75 - 360CV belonging to the offshore fishing program). Recently, the movement of seafood growing also witnessed great development, obtaining over 400ha for breeding such varieties of seafood as prawn, green crayfish and unisexual tilapia in the whole district. Along the coast, the residents delineated areas for raising oysters, bringing high economic efficiency. The success was obtained in testing many models on keeping prawn by half-intensive cultivation and green crayfish mixed with planting wet rice. The project for rearing shrimp in sand and producing shrimp strains on the spot is carrying out. Early 2003, the district commenced con-

struction of Da Loc industrial shrimp breeding zone in 193ha area, concurrently deployed the project for building dyke encroaching on the sea, creating new heading to enlarge seafood raising areas.

With high salinity in seawater, favourable sunny and windy climate, Hau Loc developed traditional salt making occupation since 1897. Lately, it supplied for the market 10.000 - 12.000 tons of salts annually. To enhance salt productivity and quality, it has been concreting canals and salt fields, improving salt-marches, applying technology in producing clean and iodine salt aiming at attracting labourers and enhancing the salt workers' living standard.

Simultaneously, with a view to exploit effectively hill areas, Hau Loc has implemented afforestation to cover the bare hills (completed 1.298,58ha forest in 2002), grown trees to block waves and encroach on the sea. Turning miscellaneous gardens into the fruit gardens, establishing more forest-garden farms, developing VAC model (garden-pond-pigsty), creating scenery of green, clean and beautiful environment are also under way.

Parallel with agricultural development, industry - handicraft saw incessant growth and rapid increase in total goods value, annually reached VND48 billion upwards. The traditional occupations including forge, jewellery, construction material production, shipbuilding and repairing and making the products from sedge have been maintained and developed, some new ones like embroidering for export, sedge knitting, producing silks and mushrooms for food and for materials have been created during economic restructure process

In 2003, with the State's investment, Hau Loc started building the mill producing pulp in Chau Loc with designed annual capacity of 600 thousands tons, creating the premise for the district to carry out industrialisation and modernisation, contributing in boosting process of Ba Trieu urban area construction.

Ground breaking ceremony of the Thanh Hoa Paper and Pulp Mill construction

Building infrastructure and socio-culture

By using State's investment, capital saving from district's budget and mobilising from the people, the district pours VND110 - 115 billion yearly for basic construction at average (VND126 billion in 2002 alone). By late 2002, the whole district completed 19km national highways, 19km provincial roads, 30km inter-commune asphalted and concretised roads and hundreds kilometres inter-villages roads, 156 concrete canals, 46 multistoried schools, improved and upgraded health care system. 100% communes own cultural post stations, 90% communes and villages possess village houses of culture. The national power network 35KV was built along the district. The rural power network was set up rather completely with one immediate transmitter of 8,000KVA capacity and 68 low-voltage stations of 75 - 360KVA. Electricity

for daily living reached 100% residences, to 99.6% household. So far, the post and telecommunication network covered all the district areas, supplying 1,700 telephone sets in total with average rate of one set for every 100 people.

As a district with studious tradition, Hau Loc develops education in both quality and quantity, concurrently is leading Thanh Hoa Province in education socialisation. The due attention has always been paid to investment in school material facilities. Teacher standardization has fundamentally carried out. Additionally, the district has completed prompt universalization for primary and lower secondary schools, built 16 schools satisfying national standard.

Community's health care activity constantly enjoys consideration from the authorities. So far, 100% communes have the medical stations and houses of population propagation, which meet the sector's standard. The district hospital is equipped with 120 beds, one ,regional clinic, essentially ensuring examination, treatment and health care for the people, avoiding fatal epidemics in consecutive years. Preventive health care and environment hygiene recorded healthy performance. National population increase stands stably at 1%.

Hau Loc is rich in cultural history with tens of cultural historical vestiges, which have been ranked as national and provincial grades. Many games and national plays, which are imprinted with national cultural character such as rowing, dragging, wrestling, competition on cooking a meal have been handed down until now. Along with protecting and preserving national cultural character, it has focused on performing the movement "The entire people unite to build basic cultural life", typically, the movements of setting up the cultural villages, institutions, units and falies. So far, in the whole district, 104/216 villages and six institutions started to build cultural units, 165 district's, communes' and villages' houses of culture, 63 libraries and 25 sport clubs. Of which, Duy Tinh village (Van Loc) is the example in building cultural unit nationwide. The radiobroadcast system from the district to the bases has been upgraded and improved, satisfying the task of propagating the Party's policies and State's laws, serving the local political duties.

In consecutive years, it had ensured politics and security, social order and safety, incessantly developed the position of the whole people' national defence and people security, regularly organised patrolling and protecting security along the coastline and accomplished the targets of recruitment and annual military training plans.

Socio-economic development orientation by 2010

Under the implementation of Resolution of the Central Party and Thanh Hoa provincial Party Committee on socio-economic development for 2000 - 2020, Hau Loc District has mapped out the orientations by 2010 as follows:

In an attempt to fruitfully complete the set targets, the district issued the following detailed policies and solutions:

1) Strongly restructure economy, develop comprehensive and stable economy towards

Socio-economic development targets for 2005 - 2020

- *Economic structure by 2005:Agriculture: 35%, aquaculture: 18%, industry - handicraft and capital construction: 16%, service: 30%. Gradually reduce agriculture percentage to 32% in 2010, increase growth of industry - handicraft and services sectors.*
- *GDP by 2010: reach VND948.5 billion*
- *Economic growth: 8.5% a year*
- *Per capita average income: VND 4.962 million a year.*
- *Decrease needy households to 5%.*
- *Lower natural population increase to below 1%.*

industrialisation and modernisation. Focus on all-sided agricultural and rural development on the base of utilising advantages of every locality.

2) Continue to invest in aquaculture extension on the direction of exploiting the valuable produces for export, broadening the seafood growing area, intensifying service and processing activities. Conduct construction of Da Loc zone raising shrimp industrially and convert some low-yield planting rice areas to rearing seafood.

3) Speed up developing industry, handicraft and services, consider it the crucial breakthrough to raise labourers' income and create employment; put the paper mill at Chau Loc into operation soon; continually extend the traditional occupations, encourage creating the new ones. Build the economic townships and meeting points, the complexes producing industry - handicraft and occupational villages; facilitate commodity concentration, enhancing consumption availability.

4) Use the State's capital sources in coordination with the people' contribution to invest in building rural traffic system, schools, medical bases, irrigation system with dykes, dams and stone embankment, power network and the works of public welfare.

5) Enhance financial and banking management, practise economy, ensuring the sector's development demand on production, socio-culture and operation. Boost the sources of income and give priority to the surplus income for infrastructure construction. Plan to mobilise all the capital sources to develop local economy.

6) Carry on implementation of Central Resolution No.5 (session VIII) on renovating and diversifying culture, art, sport activities towards socialisation, improve propaganda quality, step up movement of education socialisation, enhance people' intellectual standard and train professional skill for the human resource.

7) Pay attention to the people' health care, fully perform population work, environment sanitation and food hygiene. Ensure implementation of the social policies, generate jobs and improve the people' material and spiritual life.

Bringing the available potentials and strong points, Hau Loc has been witnessing the stable development in all the sectors with speedy economic growth, ensured political security and enhanced socio-culture standard. Those outcome have been achieved owning to the consideration of the Provincial Party Committee, People' Council and People' Committee and the closed instruction of the Committees of the Party and administration of all levels as well as the endeavour of 174,077 inhabitants in the district. That factor will be the important premise for Hau Loc to progress fast and steady into the new century of the knowledge-based and integrated economy.

The projects attracting investment

1) *Da Loc industrial shrimp raising zone with the area of 193ha, investment capital of VND 41.6 billion, commodity output of 637 tons a year.*
2) *Ba Trieu new urban zone with the area of 508.87 ha.*
3) *Hoa Loc fish port with annual loading productivity of 10 - 15 tons, able to accommodate vessel up to 400CV.*
4) *Asphalt 30km inter-commune roads, reinforce dykes, stone embankments, drains and agricultural irrigation system.*
5) *Build factory processing seafood and animal food.*
6) *Set up concentrated zones for industry and handicraft production and craft villages.*
7) *Construct schools and culture-sport zone of the district.*

HUYỆN NÔNG CỐNG

PHÁT HUY NỘI LỰC - CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG

Với truyền thống đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo vượt qua khó khăn, thách thức, cùng những lợi thế về nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nông Cống đã giành được những thành tích khá toàn diện, chính trị ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, an ninh - quốc phòng được củng cố và tăng cường. Đó là tiền đề, là nhân tố quan trọng, nhân lên niềm tin thôi thúc 182.788 người dân Nông Cống hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra.

- **Vị trí địa lý: phía bắc giáp huyện Triệu Sơn và Đông Sơn; phía đông nam giáp huyện Tĩnh Gia và Quảng Xương; phía tây giáp huyện Như Thanh.**
- **Diện tích tự nhiên (dư địa chí 31-12-1997): 28.710 ha. Trong đó: đất nông nghiệp: 14.884,97ha, đất lâm nghiệp: 2.200,53ha, đất chuyên dùng: 3.577,12ha, đất ở 809,95ha, đất chưa sử dụng 7.257,43ha.**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế (1996 - 2000): 11,2%/năm.**
- **Lương thực bình quân đầu người (1996 - 2000): 600kg/năm.**

Phát huy nội lực để xây dựng quê hương giàu mạnh

Ngay trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, lãnh đạo huyện Nông Cống đã tập trung chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, mùa vụ; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, nhất là giống F1, Bắc ưu... đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư, nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng, đảm bảo an ninh lương thực. Kết thúc giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11,2%/năm. Tổng giá trị sản xuất đạt 650 tỷ đồng, trong đó nông - lâm - thuỷ sản chiếm 38,5%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 27%, thương mại dịch vụ chiếm 34,5%. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 109.155 tấn, đạt cao nhất từ trước tới nay. Bình quân lương thực đầu người đạt 600kg/năm, giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt gần 22 triệu đồng. Các loại cây màu khác như ngô lai, lạc giống mới, vừng, đậu tương,... cũng tăng cả về diện tích và sản lượng. Riêng cây mía - cây công nghiệp thế mạnh của Nông Cống không những diện tích tăng lên 1.100ha mà năng suất và trữ đường trong mía cũng đạt cao (50tấn/ha).

Với tiềm năng và thế mạnh của một huyện bán sơn địa, trong những năm gần đây, huyện Nông Cống đã tập trung phát triển chăn nuôi, ổn định đàn trâu, tăng nhanh đàn bò. Cụ thể, huyện đã xây dựng đề án về phát triển đàn bò lai sind, đàn bò sữa, nuôi lợn hướng nạc ở các xã Hoàng Sơn, Hoằng Giang, Trường Sơn. Mặt khác, để khuyến khích phát triển ngành chăn nuôi, huyện đã có những chính sách kích cầu phù hợp với nguyện vọng của người chăn nuôi, như cho vay không lãi suất đối với phát triển chăn nuôi bò lai sind..., tận dụng 778ha diện tích mặt nước bỏ hoang để nuôi trồng thuỷ sản. Đồng thời, huyện đã tập trung chỉ đạo nông dân làm quen với cách nuôi trồng thuỷ sản theo phương pháp công nghiệp. Với phương châm, nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến, hàng năm ngành thuỷ sản huyện Nông Cống đạt sản lượng từ 645 tấn trở lên. Đáng chú ý, diện tích nuôi tôm sú hiện nay ở Nông Cống phát triển mạnh và bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để phát huy lợi thế trên, huyện đang tổ chức và triển khai thực hiện dự án

Tên gọi huyện Nông Cống có từ bao giờ

Huyện Nông Cống xưa có tên là huyện Tư Nông. Tư Nông hay Nông Cống đều có chung một nghĩa là huyện có đặc trưng trồng lúa nước, sản lượng nhiều, đóng góp cao. "Nông là nông nghiệp, Cống là đóng góp cao".

Thời Tuỳ - Đường, Nông Cống là miền đất thuộc huyện Cửu Chân, tương đương với phần đất huyện Đông Sơn, Triệu Sơn, Nông Cống ngày nay. Sang thời Trần - Hồ, sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Lê Duy người xã Cổ Định huyện Nông Cống". Như thế, tên gọi Nông Cống đã được xác định từ thời Trần.

Thanh Hoá thời Trần gọi là trấn Thanh Đô có 7 huyện và 3 châu. Trong đó, châu Cửu Chân có 4 huyện là Cổ Chiến, Duyên Giác, Kết Thuế và Nông Cống. Thời Lê - Nguyễn, tên gọi vẫn không thay đổi, với miền đất bao gồm cả huyện Nông Cống, Triệu Sơn, Như Thanh, Như Xuân và một phần huyện Thường Xuân ngày nay. Năm Minh Mệnh thứ 18, tách tổng Như Lăng thuộc huyện Nông Cống nhập cùng 3 tổng của huyện Thọ Xuân và huyện Lôi Dương để lập châu Thường Xuân. Năm Thành Thái thứ 5 lại tách 2 tổng Xuân Du và Lãng Lăng của huyện Nông Cống để lập ra châu Như Xuân (nay là huyện Như Xuân và Như Thanh).

Tháng 2 năm 1965, cắt 20 xã của huyện Nông Cống và 13 xã của huyện Thọ Xuân để lập huyện Triệu Sơn, cắt 7 xã của huyện Tĩnh Gia lập với 24 xã còn lại để lập ra huyện Nông Cống ngày nay.

nuôi tôm công nghiệp ở xã Trường Giang trên diện tích 66ha. Từ kết quả của dự án này, trong vài năm tới, mô hình nuôi tôm công nghiệp sẽ được nhân rộng.

Kết quả của các ngành kinh tế - xã hội khác

Cùng với sự phát triển của ngành nông nghiệp, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại cũng được quan tâm phát triển. Theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Nông Cống, toàn huyện hiện có 33 làng nghề, trong đó có gần 2.200 hộ tham gia sản xuất trong các lĩnh vực: sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải, thảm cói xuất khẩu, sản xuất gạch, nung vôi, dệt chiếu cói... Sản phẩm của các ngành nghề trên không những góp phần phục vụ nhu cầu xã hội trong nước, mà còn tham gia xuất khẩu mang về lượng ngoại tệ không nhỏ cho đất nước. Năm 2002, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi toàn huyện đạt 23 tỷ đồng.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, ưu tiên cho các chương trình phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội, xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện được đầu tư với tổng số vốn 133 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách huyện, xã, nhân dân đóng góp gần 110 tỷ đồng, chủ yếu được đầu tư xây dựng các công trình như: giao thông, thuỷ lợi, trường học, trạm bưu điện văn hoá xã,...

Cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Đến nay, trên địa bàn huyện có 44 trường học các cấp được xây dựng cao tầng, không còn trường học tranh tre nứa lá và lớp học ba ca. Đáng chú ý, chất lượng dạy và học cũng được nâng lên khá rõ rệt. Đến nay, toàn huyện có 13 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 12 trường tiểu học, 1 trường mầm non. Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá phát triển rộng khắp. Điển hình là làng Đông Cao (xã Trung Chính) - cái nôi của phong trào xây dựng làng văn hoá sớm nhất của tỉnh. Cũng từ đây, mô hình làng văn hoá đã được nhân rộng trên phạm vi toàn huyện. Đến nay, toàn huyện đã khai trương 120 làng, cơ quan, đơn vị văn hoá, 86% làng, cơ quan đã xây dựng được quy ước và hương ước. Các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao phát triển đều khắp và đi vào nền nếp. Công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng luôn được các cấp chính quyền quan tâm. Nhờ đó, 100% số xã, thị trấn có trạm xá, có đội ngũ thầy thuốc khám chữa bệnh. Trung tâm y

tế đa khoa đã được thành lập tại 3 khu vực. Do đó, nhiều năm liền huyện Nông Cống không có dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình được đảm bảo, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 0,69%/năm. Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Đảng bộ Nông Cống 10 năm liền tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Định hướng và chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Nhằm phát huy những kết quả đạt được, trong những năm tới, huyện sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường; khai thác tối đa mọi nguồn lực, lợi thế của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, phát triển mạnh những ngành nghề có tiềm năng như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế tác đá mỹ nghệ, đá xây dựng, xây dựng giao thông, dịch vụ vận tải...

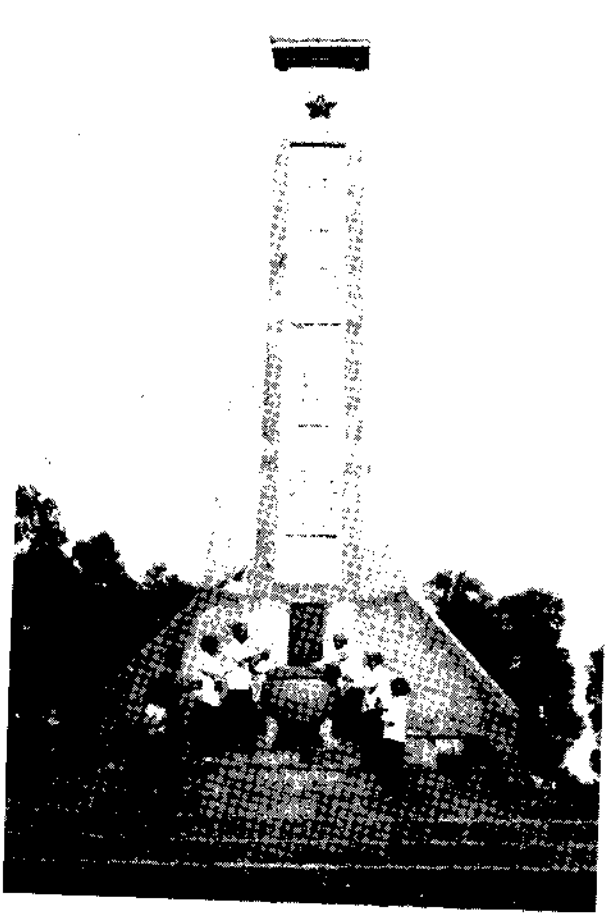

Tượng đài liệt sĩ huyện Nông Cống tại núi En

Một số mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

1) Diện tích cây lương thực: 10.250ha
2) Sản lượng lương thực: 109.000 tấn
3) Năng suất bình quân: 54,5tạ/ha
4) Diện tích mía nguyên liệu: 1.300ha
5) Trồng rừng và bảo vệ rừng: 1.110ha
6) Cải tạo nâng cấp 300km đường liên huyện, liên xã.

Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, lãnh đạo huyện Nông Cống đã triển khai một số giải pháp đồng bộ sau:

1) Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương để tập trung sản xuất hàng hoá có chất lượng cao nhằm nâng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích của huyện.

2) Tập trung chỉ đạo đưa đàn bò lai sind, đàn bò sữa, lợn hướng nạc vào chăn nuôi tại các vùng kinh tế trọng điểm của huyện, đồng thời khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại vừa và nhỏ.

3) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, coi đây là khâu đột phá quan trọng để phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo, nhằm tăng thu nhập cho người dân, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động dôi dư ở nông thôn. Xây dựng các thị tứ, các trung tâm thương mại, các cụm sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề tạo điều kiện trao đổi cũng như tiêu thụ hàng hoá.

Đảng bộ và nhân dân Nông Cống đã và đang tận dụng lợi thế từ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và sự năng động, phát huy nội lực tạo sức bật mới trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, chính quyền và tinh thần quyết tâm cao của người dân, chắc chắn Nông Cống sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, chỉ tiêu giai đoạn 2001- 2005 mà Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIII đề ra.

NONG CONG DISTRICT

BRINGING INTERNAL FORCES INTO PLAY – THE ROAD TO SUCCESS

With the tradition of unification, hardworking and initiative in overcoming difficulties and challenges along with the advantages in plentiful and diverse resources, the Committee of the Party, authorities and people of Nong Cong District have achieved the comprehensive performance, stable politics, developed socio-economy, consolidated and intensified national security and defence. Those are the premise, the important factor multiplying the belief that encourages 182,788 Nong Cong people to accomplish and exceed the socio-economic targets set forth at the 23rd District's Party Committee's Congress.

Developing internal forces to build prosperous homeland

Right from the first days implementing Resolutions of the 9th national Party Congress and the 15th provincial Party Committee's Congress, the district's leaders focused on converting economic and crop structure, enhancing application of science-technological advances in seeds, especially F1, Bac uu, encouraging agriculture and fishery aimed at raising output and quality, ensuring food security. By the end of 1996 - 2000, economic growth gained 11.2% a year. Total production value represented VND650 billions, of which, agro-forestry-fishery output accounted for 38.5%, industry-small handicraft and capital construction amounted to 27%, trade and service numbered 34.5%. Total food output of the entire district hit a highest record so far of 109,155 tons. Average per capita food output reached 600kg a year with the yield of VND22 millions per hectare. The other farmed produces such as cross-breed maize, new seed peanuts, sesames and soybeans saw an increase in cultivating area and yield. As for sugar-canes alone, the industrial tree representing the strong point of Nong Cong, not only planting area rose to 1,100ha but productivity and sugar capacity also achieved 50tons/ha.

- **Geographical position: bordering Trieu Son and Dong Son Districts in the north, Tinh Gia and Quang Xuong Districts in the southeast, Nhu Thanh district in the west.**
- **Natural area: (geography book December 31st 1997): 28,710ha. Of which: agricultural land: 14,884.97ha, forestry land: 2,200.53ha, exclusive land: 3,577.12ha, living land: 809.95ha, fallow land: 7,257.43ha.**
- **Economic growth rate (1996 - 2000): 11.2% a year.**
- **Per capita food output (1996 - 2000): 600kg a year.**

With the potentials and strong position of the half-mountain half-plain area, in recent years, Nong Cong District centred on developing livestock breeding, stabilising buffalo herds and increasing cowherds. Concretely, the district blueprinted the program of expanding sind-cross and milk cowherds, rearing super-meat pigs at the communes of Hoang Son,

Temple dedicated to Vo Uy in Tan Phuc commune, Nong Cong District

When the name of Nong Cong District appeared?

Previous Nong Cong District was named Tu Nong or Nong Cong, both of which had the meaning of the district specific in wet rice planting with high yield and great tribute. "Nong" meant agriculture and "Cong" meant tribute.

Under the Tuy-Duong dynasties, Nong Cong belonged to Cuu Chan District, which equalled to the land area of Dong Son, Trieu Son, Nong Cong districts presently. Under the Tran-Ho reigns, according to the historical book "Dai Viet su ky toan thu": "Le Duy was from Co Dinh commune of Nong Cong District". So, Nong Cong name was defined under the Tran dynasty.

Thanh Hoa under Tran dynasty was named Thanh Do region consisting of seven districts and three towns. Of which, Cuu Chan town had four districts being Co Chien, Duyen Giac, Ket Thue and Nong Cong. Under Le-Nguyen reigns, the names were not changed, with the land including Nong Cong, Trieu Son, Nhu Thanh, Nhu Xuan districts and a part of Thuong Xuan District nowadays. In Minh Menh year the 18th, Nhu Lang Canton of Nong Cong District was split to merge with three cantons of Tho Xuan and Loi Duong districts into Thuong Xuan District. In Thanh Thai year the 5th, Xuan Du and Lang Lang cantons of Nong Cong Districts were split again to establish Nhu Xuan District (now called Nhu Xuan and Nhu Thanh Districts).

In February 1965, 20 communes of Nong Cong District and 13 communes of Tho Xuan District were separated to set up Trieu Son District, seven communes of Tinh Gia District were split to merge with 24 remaining communes to form present Nong Cong District.

Hoang Giang and Truong Son. On the other hand, in an attempt to encourage livestock breeding development, the district issued the policies on rousing demand, suitable to the breeders' expectation like granting non-interest loan for sind-cross breeding extension. 778ha fallow water surface were utilised up for aquatic product rearing. Concurrently, the district focused on conducting the farmers to have acquaintance with rearing aquatic product industrially. Under the motto of extensive farming and advanced extensive farming, every year output of Nong Cong fishery sector reached 645 tons upwards. Especially, the prawn breeding area of Nong Cong expanded rapidly and initially brought high economic value. In order to bring those advantages into play, the district has been organising and realising the project on feeding prawn industrially at Truong Giang commune in the area of 66ha. From the result of this project, in the years to come the model of breeding prawn industrially will be spread out.

Performance from the other socio-economic sectors

Along with the agricultural development, production in industry - small handicraft, service and trade have also been paid due attention. According to statistics of Nong Cong People's Committee, the district is home to 33 craft villages including around 2.200 households participating in such fields as producing construction materials, transportation, knitting sedge screens and carpets for export, baking bricks and lime and weaving sedge mats. The products of those occupations not only have contributed to meeting the social demand domestically but also participated in export, bringing considerable foreign currencies for the country. In 2002, the production value of the industry and small-handicraft sector in the entire district reached VND23 billions.

With the motto: "the State and people work together, priority is given to the programs serving production and social welfare", capital construction in the district benefited from investment of VND133 billion. Of which, the district's and communes' budget and contribution of the people reached nearly VND110 billion, mainly for building such works as transportation, irrigation, schools and commune cultural post offices.

Parallel with the development of the economic sectors, the education-training sector witnessed active changes. So far, in the district 44 multistoried schools

at different grades were built, the school made from bamboo and thatch and three-shift classrooms were eradicated. Especially, the quality in teaching and studying improved remarkably. Up to now, the district possesses 13 schools satisfying national standard, of which, 12 primary schools and one kinder garden. The movement on building the cultural communes and families was widely expanded, typically, Dong Cao commune (of Trung Chinh commune) – the cradle of the movement. Also from there the model of cultural commune has been spreading out in the entire district. So far, 120 cultural communes, bodies and units were opened and 86% communes and bodies had own regulations. The cultural and sport activities have broadly developed, operating in order and discipline. The community health care always enjoys the concern from the authorities. Thanks to that, 100% communes and townships own medical stations, having health workers for examination and treatment. The polyclinic centres have been built up in three regions. Hence, in consecutive years, no big epidemic was recorded in the district. The population and family planning work has been ensured with the natural population growth rate of 0.69% a year. Stability in national defence and security, social order and safety was affirmed. Nong Cong District's Party's Committee deserved the appellation of the clean and strong Party Cell in 10 consecutive years.

Orientation and socio-economic development targets by 2005

With a view to bring the obtained achievements into play, in coming years, the district will continue to intensify reform cause, raise up the spirit of self-help for self-improvement, utilise up all forces and advantages of the locality. Economic structure conversion towards speeding up productivity of industry – small handicraft and trading service, developing such potential occupations as producing construction materials, processing art stones, construction stones, construction, traffic and transportation service will be carried out.

Some socio-economic development indices by 2005

1. Area for raising food trees: 10,250ha
2. Food yield: 109,000 tons
3. Average productivity: 5.45tons/ha
4. Area for sugar-cane material: 1,300ha
5. Forest plantation and protection: 1,110ha
6. Reinforce and upgrade 300km roads in the districts and communes.

To accomplish the set targets, the leaders of Nong Cong District has mapped out some synchronous solutions as follows:

1) Stormy transfer economic structure and develop comprehensive economy towards industrialisation and modernisation. Bring into play advantages of each area and locality to focus on producing high quality commodity aimed at raising the productivity.

2) Focus conduct on breeding sind-cross and milk cowherds and super-meat pigs in the farms of the district's pivotal economic areas, concurrently, encourage livestock breeding according to the model of medium and small farms.

3) Speed up development of industry, small-handicraft and service sectors as the important breakthrough in next years aiming at increasing people' income and creating job for the idle labourers in the rural areas. Build up the townships, trading centres, industrial – small handicraft production complexes and the occupational villages to facilitate commodity exchanges and consumption.

The Committee of the Party and people of Nong Cong District has been utilising up advantages from the supports of the Central and province as well as the flexibility in developing internal forces to create new breakthrough in construction and socio-economic development. Under the closed leadership and instruction of the Committee of the Party, authorities and the people' spirit of high determination, Nong Cong District is bound to complete and exceed the plan and targets of 2001 – 2005 set forth in the 23rd Party Congress.

HUYỆN BÁ THƯỚC

PHÁT HUY NỘI LỰC, KHẲNG ĐỊNH HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Là một huyện miền núi vùng cao của tỉnh Thanh Hoá, kinh tế - xã hội Bá Thước đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, kết cấu hạ tầng kém phát triển,... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhờ sự quan tâm trợ giúp của Nhà nước, các chương trình dự án của các tổ chức quốc tế, cùng những nỗ lực phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Bá Thước, diện mạo của một huyện miền núi vùng cao đang dần thay đổi.

Ông Bùi Văn Huy – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bá Thước

- **Diện tích tự nhiên: 777,2km²**
- **Dân số (1-1-2003): 101.107 người, với 3 dân tộc chủ yếu: Kinh, Mường, Thái**
- **Đơn vị hành chính: 23 xã, 1 thị trấn**

Huyện Bá Thước cách tỉnh lỵ 108 km; phía tây giáp huyện Quan Hoá và huyện Quan Sơn, phía bắc giáp tỉnh Hoà Bình, phía nam giáp huyện Lang Chánh và Ngọc Lặc, phía đông giáp huyện Cẩm Thuỷ và Thạch Thành. Diện tích đất tự nhiên 77.722,84 ha, trong đó đất nông nghiệp 8.203,16 ha (chiếm 10,6%), đất lâm nghiệp 43.385,81 ha (chiếm 55,8%), còn lại là đất chuyên dùng và đất chưa sử dụng. Đơn vị hành chính gồm có 23 xã và 1 thị trấn, trong đó có 14 xã miền núi đặc biệt khó khăn (thuộc chương trình 135 của Chính phủ). Đây là một trở ngại rất lớn để huyện Bá Thước thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Thành công trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Với diện tích đất nông - lâm nghiệp chiếm trên 66,4% tổng diện tích đất tự nhiên, trong những năm qua, Bá Thước đã bước đầu thành công trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực trồng trọt và khoanh nuôi bảo vệ rừng. Sau khi có chương trình 135 của Chính phủ, dự án Sida (Canada), IPM và Nghị quyết của Đảng bộ huyện đi vào cuộc sống, nhận thức của người dân trong phát triển kinh tế đã được nâng cao. Huyện đã tiến hành chuyển đổi cơ cấu mùa vụ hợp lý, thâm canh tăng vụ, đưa các loại giống mới và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt. Vì thế, năng suất lúa tăng đều qua các năm, bình quân đạt 38,96 tạ/ha/năm. Đặc biệt, những dự án lúa lai cho năng suất 50 - 60 tạ/ha. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2002 đạt 29.423 tấn, tăng 2,4% so với năm 2001. Cùng với cây lúa, các loại cây màu khác cũng cho năng suất cao như: cây đậu, lạc, vừng... Với kết quả này, Bá Thước không chỉ

Lịch sử hình thành

Vùng đất huyện Bá Thước xưa kia là vùng rừng núi đại ngàn, chỉ có đồng bào dân tộc Mường sinh sống. Trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, vùng đất này đều có sự thay đổi về địa giới hành chính. Trong đó:

- *Thời Lý trở về trước là phần đất nằm trong huyện Đô Lung, sau đó là huyện Vô Biển.*
- *Thời thời Trần, Hồ là phần đất nằm trong huyện Lỗi Giang.*
- *Thời thuộc Minh là phần đất nằm trong huyện Lạc Thuỷ.*
- *Thời Lê - Nguyễn là phần đất của huyện Cẩm Thuỷ thuộc phủ Thiệu Thiên.*
- *Đến năm Khải Định thứ 10 (năm 1925) thành lập châu Tân Hoá. Đến tháng 3 năm 1947, đổi tên thành huyện Bá Thước.*

đảm bảo được an ninh lương thực, mà còn tạo nguồn thức ăn dồi dào đáp ứng sự phát triển nhanh chăn nuôi trong những năm gần đây.

Song bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp của huyện Bá Thước thời gian qua lại bắt đầu từ cây sắn. Việc đưa cây sắn trở thành loại cây trồng chính, đồng thời chuyển mục đích trồng sắn từ phục vụ chăn nuôi sang sản xuất công nghiệp đã đưa diện tích cây sắn tăng lên rất nhanh, với năng suất 100 tạ/ha (năm 2002), sản lượng bình quân ước đạt 31.860 tấn/năm. Nhận thấy tiềm năng dồi dào của vùng nguyên liệu này, Tổng công ty Rau quả Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã đầu tư nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu tại xã Thiết Ống - Bá Thước. Qua đó, cây sắn đã gắn liền với nhiều hộ nông dân trong vùng, góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo và tham gia xuất khẩu.

Để khắc phục tình trạng chăn nuôi nhỏ lẻ, trong vài năm gần đây, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và người dân Bá Thước đã tích cực đầu tư cho ngành chăn nuôi, trong đó tập trung chủ yếu vào các vật nuôi truyền thống như gia cầm (năm 2002, đàn gia cầm có 477.000 con, tăng 26,9% so với năm 1998); đàn trâu, bò, lợn cũng phát triển mạnh với giá trị kinh tế cao. Mặc dù Bá Thước mới tiến hành áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, tạo giống mới như: sind hoá đàn bò, cải tạo tầm vóc đàn bò, nuôi lợn hướng nạc,... nhưng bước đầu đã thu được kết quả cao. Nhờ vậy, năm 2002, tổng giá trị chăn nuôi của huyện đạt 34.097 tỷ đồng, tăng gần 30% so với năm 1998.

Ngoài những thành công trong ngành trồng trọt và chăn nuôi, huyện Bá Thước còn được Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đánh giá là huyện làm tốt công tác quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng. Ngay từ khi có chủ trương giao đất, khoán rừng, chính quyền huyện đã tiến hành thực hiện và hoàn thành công tác giao đất, giao rừng. Qua đó, ý thức quản lý và bảo vệ rừng của người dân Bá Thước được nâng lên rõ rệt. Trong những năm gần đây, nạn chặt phá rừng, đốt rẫy làm nương không còn xảy ra, người dân đã chăm sóc và tái sinh thêm các đồi rừng. Vì thế, Bá Thước đã nâng độ che phủ của rừng lên mức 42% vào năm 2002. Kết quả này có ý nghĩa không nhỏ đối với Bá Thước. Trước hết nó góp phần cân bằng

Thị trấn Cành Nàng - huyện Bá Thước - Thanh Hoá

Trong những năm qua, thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, người dân huyện Bá Thước đã đưa cây luồng vào khai thác. Những rừng luồng được trồng mới không chỉ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, mà còn mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân nơi đây. Nhờ đó, đến nay Bá Thước đã trở thành một trong ba huyện dẫn đầu khối các huyện miền núi của tỉnh Thanh Hoá về diện tích luồng. Cây luồng phát triển mạnh đã cung cấp nguyên liệu cho nhà máy bột giấy đặt (thành lập tại xã Hậu Lộc). Trong những năm tới, cùng với cây sắn, cây luồng sẽ là cây chủ lực trong phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo của huyện Bá Thước.

Lễ đón nhận Huân chương Lao động

môi trường, sinh thái, tạo giá trị kinh tế cao. Điều đó được thể hiện thông qua kế hoạch nâng cấp khu bảo tồn Pù Luông thành rừng quốc gia, đây là một trong những điều kiện thuận lợi để huyện có thể khai thác du lịch sinh thái trong những năm kế tiếp.

Tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội Bá Thước trong tương lai

Có thể nói, trong những năm qua, kinh tế - xã hội của Bá Thước chuyển biến có những bước đáng mừng. Thành công đó có được là do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Bá Thước đã phát huy nội lực, đồng thời tận dụng các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình trợ giúp của Chính phủ và của các tổ chức nước ngoài.

Tính đến nay, các dự án đầu tư đã góp phần không nhỏ trong sự phát triển của huyện. Xét về góc độ kinh tế, các lĩnh vực phát triển tương đối toàn diện, nhờ vậy đời sống nhân dân dần cải thiện, tỷ lệ đói nghèo (theo tiêu chí mới) giảm trên 40% xuống còn 32% chỉ trong 2 năm trở lại đây.

Về góc độ xã hội, nhiều công trình trọng điểm được đầu tư xây dựng như: đường sá, trường học, trung tâm y tế... Nếu chỉ tính riêng nguồn vốn đầu tư từ Chương trình 135 của Chính phủ, huyện đã tiến hành xây mới và nâng cấp được nhiều trường học kiên cố. Hiện nay, Bá Thước cơ bản đã xoá được hơn 50% số phòng học tranh, tre, nứa lá. Các trục đường giao thông chính cũng được đầu tư nâng cấp. Nhờ đó, đến nay, 80% xã đã có đường ôtô đến trung tâm xã. Dự kiến, khi bến phà Kem đi vào hoạt động, huyện Bá Thước sẽ có thêm 3 xã có đường ôtô, nâng tổng số xã có đường ôtô đến trung tâm xã là 21/23 xã.

Không chỉ có vậy, đối với một huyện miền núi vùng cao, việc nâng cao trình độ dân trí cho người dân là mối quan tâm hàng đầu của các cấp lãnh đạo. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng hàng năm, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Bá Thước vẫn dành một nguồn vốn không nhỏ để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở phát thanh, truyền hình. Thông qua các dự án đầu tư này, huyện đã có 4 trạm thu phát lại sóng truyền hình và nhiều trạm phát thanh khác được đưa vào sử dụng, đảm bảo tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, huyện Bá Thước còn đầu tư xây dựng các tủ sách ở các xã, thư viện, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học hỏi của người dân nhằm đạt tới mục tiêu nâng cao trình độ dân trí của người dân. Đặc biệt, kể từ khi Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) đi vào cuộc sống, phong trào xây dựng làng văn hoá được đẩy mạnh. Đến ngày 12-6-2003, toàn huyện có 163 đơn vị khai trương làng và cơ quan văn hoá (153 làng, 10 cơ quan văn hoá). Phong trào văn hoá - thể thao được phát triển rộng khắp trên phạm vi toàn huyện.

Thành quả mà nhân dân các dân tộc ở Bá Thước đạt được còn thể hiện thông qua sự phát triển của ngành giáo dục - đào tạo. Kết cấu hạ tầng được đầu tư nâng cấp, chất lượng dạy và học được nâng lên; tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi tăng nhanh qua các năm, học sinh thi đỗ vào các trường trung học,

cao đẳng, đại học năm sau cao hơn năm trước (năm 2002 có khoảng 40 - 50 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng). Hiện nay, huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đang phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Toàn huyện hiện có 3 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Điều đó cho thấy, sự cố gắng nỗ lực của Bá Thước trong sự nghiệp trồng người.

Thành công trong lĩnh vực xã hội còn được khẳng định trong công tác dân số của huyện. Với các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các biện pháp tránh thai, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện giảm xuống còn 0,68%, góp phần không nhỏ giảm tỷ lệ hộ đói nghèo của huyện Bá Thước trong những vừa qua.

Phát huy tinh thần cách mạng kiên cường của cha ông, hàng năm, Bá Thước luôn làm tốt công tác tuyển quân, tổ chức tốt các đợt diễn tập, huấn luyện cho dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu, cử cán bộ đi học các lớp chính trị của tỉnh và Trung ương. Bên cạnh đó, an ninh - chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác điều tra tội phạm được đẩy mạnh. Chương trình phòng chống tội phạm, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh thường xuyên được duy trì có hiệu quả. Đây là một trong những tiền đề cơ bản để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong những năm qua và những năm sắp tới.

Có thể nói, trong những năm qua, kinh tế - xã hội của Bá Thước có những bước chuyển biến đáng khích lệ. Song nhìn chung, kinh tế - xã hội huyện Bá Thước hiện vẫn còn khó khăn, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng và trình độ dân trí của người dân vẫn còn thấp so với miền xuôi. Để khắc phục những khó khăn này, trong những năm kế tiếp, Bá Thước cần tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành, đồng thời phát huy tối đa nội lực để phát triển kinh tế - xã hội lên tầm cao mới.

BA THUOC DISTRICT

MOBILISING INTERNAL FORCES AND MANIFESTING INVESTMENT EFFECTIVENESS WITH ITS SOCIO-ECONOMIC PROGRAMS

As a high mountainous district of Thanh Hoa, Ba Thuoc faces great socio-economic difficulties, different levels of people's literacy and poor infrastructure. However, thanks to the State's support, international organisations' projects and schemes as well as the non-stop efforts by the municipal Party Committee, authorities and peoples, the image of a high mountainous district is changing.

Ba Thuoc District is 108 km away from the central town of Thanh Hoa, it borders Quan Hoa and Quan Son districts in the west, Hoa Binh Province in the north, Lang Chanh and Ngoc Lac districts in the south, Cam Thuy and Thach Thanh districts in the east. Of the natural area of 77,722.84 ha, 8,203.16 ha (10.6 per cent) is for agriculture, 43,385.81 ha (55.8 per cent) for forestry, the rest is specialised land and abandoned areas. In terms of administration, the district has 23 communes and one township, including 14 especially poor mountainous communes (as objects of the Government's Program 135). It is a great obstacle for Ba Thuoc to pursue the socio-economic development targets.

- **Natural area: 777.2 sq.km**
- **Population (January 1st 2003): 101,107 people with three major groups: Kinh, Muong and Thai**
- **Administration structure: 23 communes and one district**

History of establishment

In the past, Ba Thuoc was an area of high mountains and thick forests where living only Muong minority. Through historical periods, the area has experienced many changes in land administration such as:

- From the period of Ly Dynasty backward, Ba Thuoc was a part of Do Lung District and later Vo Bien District.

- In the period of Tran and Ho Dynasties, it was a part of Loi Giang District.

- In the time of Minh Dynasty, it was a part of Lac Thuy District.

- In the time of Le and Nguyen Dynasties, it was a part of Cam Thuy District in Thieu Thien Town.

- In the 10th year of King Khai Dinh (1925), Tan Hoa town was established and in March 1947, it was renamed Ba Thuoc District.

Achievements of the agricultural economic reform

With the agricultural and forestry area making 66.4 per cent of the total natural area, Ba Thuoc has, for the past years, achieved initial successes in agricultural and forestry economic reform, especially in cultivation and forest tendering. Since the commencement of the Government's Program 135, the IPM Scheme, Canadian SIDA Project and the municipal Party Committee's Resolution, the local people's awareness of economic development has been enhanced. They are making appropriate crop restructuring, implementing intensive farming with more crops, and applying new seeds and scientific, technological advances in cultivation. As a result, the rice yield is annually increased, achieving 3896 kg/ha. In particular, crossbred seed projects achieve the yield of 5,000-6,000 kg/ha. The total yield of grain food achieved 29,423 tonnes in 2002, increasing by 2.4 per cent in comparison to that in 2001. Besides rice, other kinds of crops such as bean, peanut and sesame, etc. also give high productivity. With those achievements, Ba Thuoc is not only ensuring food security but also creating profuse food supply to the recent rapid husbandry development.

However, the recent breakthrough of Ba Thuoc District should be cassava. Cultivating cassava as the majo crop for the purpose of industrial production instead o serving husbandry only as before, the area of cassav has been rapidly expanded with the productivity of 1 tonnes per ha in 2002 and the estimated annual yiel of 31,860 tonnes. Seeing the rich potential of thi material sector, Vietnam National Vegetabl Corporation (Ministry of Agriculture and Rura Development) has invested in building cassava starc processing factory in Thiet Ong Commune, Ba Thuo District. Cassava has become essential in the materia and spiritual life of many farmer households in the area, making a remarkable contribution to the hunger eradication and poverty alleviation and export.

To expand the trivial husbandry, the local Party

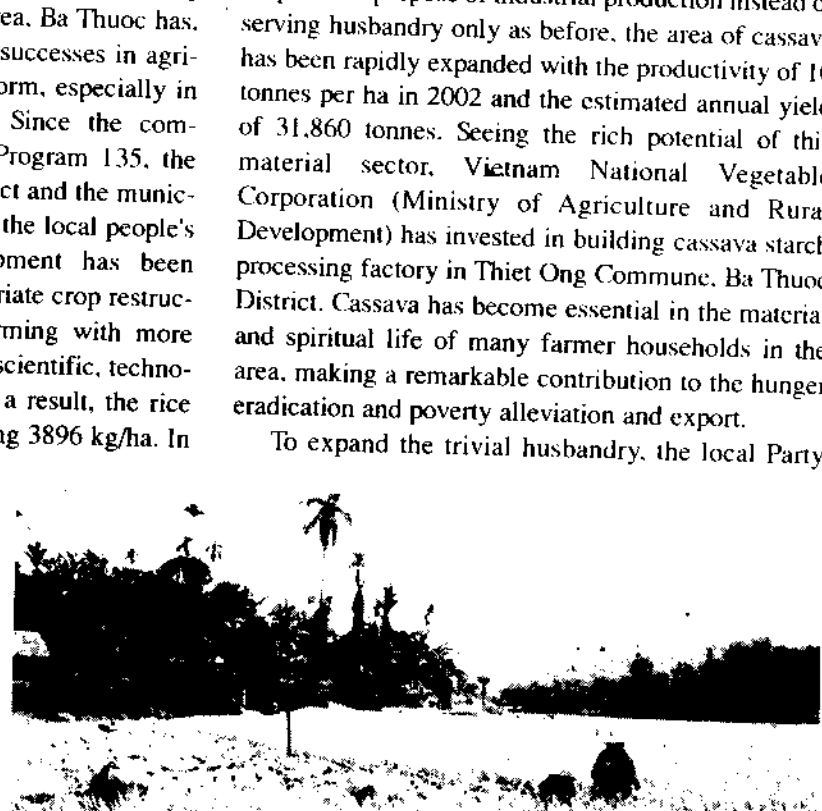

Harvesting srping cross-bred rice 2003 0in Lam Xa commune - Ba Thuoc district

Implementing the policy of contracting land and forest to the households, Ba Thuoc people have recently started the production of bamboo. The newly planted bamboo forests have covered the bare hills and abandoned land, bringing high income for the local people. Therefore, Ba Thuoc has now become one of the three leading mountainous districts in Thanh Hoa to have the largest area for bamboo growing. The rapid expansion of bamboo has made a good supply to the paper mill located in Hau Loc Commune. In the coming years, bamboo will become one of the main crops (including cassava) in the local agricultural and forestry economic development, making a significant contribution to the hunger eradication and poverty alleviation of Ba Thuoc District.

Committee, People's Committee and people have actively invested in husbandry, especially in the traditional breeds such as poultry with 477,000 heads in 2002, making an increase of 26.9 per cent from that in 1998. The number of buffaloes, oxen and pigs has strongly mounted with high economic value. Ba Thuoc District has initially gained great achievements though it has, for only a short time, applied scientific and technological advances in husbandry and creating new breeds such as Red Sindhi hybrid oxen, super-meat porkers. As a result, the total husbandry production value of the district achieved VND34.097 billion, increasing by 30 per cent compared to that in 1998.

The Thanh Hoa Provincial Party Committee, People's Committee and Forestry Branch appreciate Ba Thuoc District's forest tendering, management and protection activities. As soon as the policy of contracting land and forest to individuals and households, the district's authorities successfully implemented it. Since then, the Ba Thuoc people's awareness of forest management and protection has been obviously enhanced. In the recent years, there has happened no forest destroy for field production. Instead, the local has been tendering and regenerating forest-covered hills. That results in the fact that the forest-covered area across Ba Thuoc has been expanded to 42 per cent in 2002. The achievement means so much to Ba Thuoc District, especially in balancing the ecology and bringing high economic income. A plan has been made for upgrading Pu Luong Reservation Area to a National Garden, creating favourable conditions for the district to exploit its eco-tourism potentials in the coming years.

Cultural villages' propagators contest in Dac Thiet Group Ba Thuoc District

Premises for the future socio-economic developments of Ba Thuoc

It is likely to say that the Ba Thuoc has made satisfactory socio-economic developments over the past few years. That was the result of the fact that the municipal Party Committee, People's Committee have mobilised the district's internal strengths, taken advantages of the investments from the government's and foreign organisations' assistance schemes.

Until now, investment projects have made a great contribution to the district's development. Economic sectors have been developing rather wholly, people's living standard has been improved, the proportion of hunger and poor households (according to the new criteria) has been reduced from above 40 per cent to 32 per cent in the past two years.

In terms of society, many important public works have been built such as roads, schools, health centres. With the investment from the government's Program 135 alone, a number of schools have been

built and upgraded. Ba Thuoc District has basically eradicated more than 50 per cent of the thatched classrooms. Main roads have been upgraded and 80 per cent of the communes have now roads for automobiles to the commune centres. According to the plan, when Kem Ferry started its operation, three more communes of Ba Thuoc will have roads for automobile vehicles, making the total number of 21 communes of the 23 ones across the district has roads for automobile vehicles transport.

The National road No. 217, an important artery of Ba Thuoc District

Apart from that, for a high mountainous district like Ba Thuoc, it is the foremost concern of the leaders to enhance the public literacy. In spite of the numerous difficulties, the municipal Party Committee and people's Committee annually invest a remarkable capital in constructing and upgrading the radio and television transmission stations. By means of those investment projects, four television stations and many radio transmission stations have started working, ensuring the propaganda of the Party's policies and the State's laws. Communes and libraries have been equipped with bookcases to meet the demands for information and knowledge of the local people geared to the target of enhancing the local people's literacy. Especially, since the commencement of the Resolution No.5 by the Central Communist Party Committee (5th Session), the movement of cultural villages building has been boosted. By June 12th 2003, there have been totally 163 cultural units (153 villages and 10 offices). The cultural and sports movements have been expanded over the district.

Ba Thuoc people's significant achievements are also visible in the development of the education and training sector. The infrastructure has been upgraded, teaching and learning quality has been improved, the proportion of excellent teachers and students grow annually, and the number of pupils passing the entrance exams into the universities are yearly greater, peaking at 50 in 2002. The district has now finished the primary school compulsory scheme for the right age and is striving to finish that for secondary school. Ba Thuoc District has now three primary schools meeting the national standard. That shows Ba Thuoc's great efforts in cultivating the human resources.

Social achievements of Ba Thuoc District also cover the population planning. Thanks to the effective propaganda and instruction methods for the usage of contraceptive devices, the local natural population growth has dropped to 0.68 per cent, making a great contribution to restraining the hunger and poverty.

Continuing the ancestors' strong wills, Ba Thuoc annually fulfils well the military recruitment, military manoeuvres, militia training, and sends its cadres to the provincial and Central politic training courses. The stable security, politic and social order are sustained. Crime investigation has been intensified. The regular crime resistance programs and the national defence movement are effectively carried out. Those are important premises for the local Party Committee, authorities and people of different groups to successfully pursue its socio-economic targets.

It is likely to say that, Ba Thuoc has made encouraging socio-economic developments over the past few years. However, the district is still facing socio-economic difficulties, especially the poor infrastructure and low level of literacy. It is necessary for Ba Thuoc District to surmount those difficulties, take advantage of the assistance from the industries and sectors, and mobilise to the maximum its internal strengths to have greater socio-economic development.

HUYỆN QUAN HOÁ

THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG

Với tổng diện tích 99.617,08 ha, 5km đường biên giới quốc gia với nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào, Quan Hoá có tiềm năng phát triển kinh tế lớn. Sau hơn 15 năm đổi mới, nhất là những năm gần đây, nhờ sự năng động, nỗ lực không ngừng của các cấp uỷ Đảng, chính quyền cũng như mọi tầng lớp nhân dân trong huyện, Quan Hoá đã đạt được những thành tích to lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Hà Đức Lý - Chủ tịch Uỷ ban nhân huyện Quan Hoá

- **Diện tích tự nhiên: 996.17 km^2**
- **Dân số: 42.474 người**
- **Đơn vị hành chính: 17 xã, 1 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế (dự kiến năm 2003): 9%**
- **Thu nhập bình quân tính theo đầu người (năm 2002): 3,64 triệu đồng**

Quan Hoá là một huyện nằm ở phía tây bắc của tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá 134km theo hướng Quốc lộ 47 và Quốc lộ 15A. Phía bắc giáp tỉnh Sơn La và tỉnh Hoà Bình, phía nam giáp huyện Quan Sơn, phía đông giáp huyện Bá Thước, phía tây giáp huyện Mường Lát, tỉnh Sơn La và nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào. Dân số huyện Quan Hóa là 42.474 người với 5 dân tộc: Kinh, Thái, Mường, Mông và Hoa, sinh sống đoàn kết, hòa thuận trong cộng đồng đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Do địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, những năm trước đây, Quan Hóa gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội: nền kinh tế thuần nông, tự cung tự cấp, phương thức sản xuất lạc hậu, kết cấu hạ tầng yếu kém, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa. Vượt lên mọi khó khăn, từ năm 1998 đến năm 2002, Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc huyện Quan Hóa đã tập trung phát triển kinh tế - xã hội, từng bước bắt nhịp với tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh.

Về nông nghiệp, Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi giống, cơ cấu cây trồng, tăng diện tích cây trồng, từng bước đưa vụ đông vào sản xuất. Do diện tích trồng lúa nước ít, sản lượng lương thực hàng năm chỉ ở mức 7.500 - 8.000 tấn, bình quân lương thực đầu người chỉ đạt khoảng 150 - 200 kg/năm (không tính ngô, khoai, sắn) nên nhân dân huyện Quan Hóa đã tập trung trồng các cây màu và cây công nghiệp để tăng nguồn thu nhập. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi phát triển tương đối nhanh, sản phẩm phần lớn đã trở thành hàng hóa. Các giống vật nuôi mới như: bò lai sind, lợn Móng Cái sinh sản, hươu sao, dê Bách Thảo, ong lấy mật được du nhập vào địa phương ngày càng nhiều, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế. Đến nay, toàn huyện đã có 5.529 con trâu, gần 9.000 con bò, 17.204 con lợn.

Huyện Quan Hoá qua các thời kỳ lịch sự

Thời nhà Hán, vùng đất này thuộc miền đất cực tây huyện Đô Lung, thời Tề đổi tên từ Đô Lung thành Cát Lung. Đến thời Đường, vùng đất này thuộc huyện Trường Lâm. Thời Đinh, Lê, Lý không thay đổi.

Thời Lê có tên là châu Quan Gia (bởi có Mường Ca - Đa) thuộc phủ Thanh Đô (bên cạnh các châu khác là: châu Lang Chánh, châu Tâm, châu Sâm).

Năm Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835) hợp nhất châu Tâm với châu Quan Gia để lập ra châu Quan Hóa. Châu Quan Hóa có tên từ đây.

Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, châu Quan Hóa đổi tên thành huyện Quan Hóa với 32 xã và 1 thị trấn.

Thực hiện Nghị định 72/CP của Chính phủ ngày 18-11-1996 về việc điều chỉnh địa giới tỉnh Thanh Hóa, huyện Quan Hóa chia làm 3 huyện: huyện Quan Hóa, huyện Quan Sơn và huyện Mường Lát. Vì thế, huyện Quan Hóa ngày nay chỉ còn 17 xã và 1 thị trấn.

Lĩnh vực lâm nghiệp được xác định là thế mạnh của Quan Hoá. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Quan Hoá, hiện nay, rừng Quan Hoá có độ che phủ đạt khoảng 58%, trong đó có hơn 20.000 ha luồng và hàng chục ngàn ha nứa, vàu. Riêng cây luồng hàng năm có thể khai thác 10 - 15 triệu cây, nhưng trên thực tế mới chỉ khai thác và sử dụng khoảng 2 triệu cây/năm. Để khai thác tối đa tiềm năng lâm nghiệp, huyện đã thực hiện xong việc giao đất, giao rừng tới người nông dân và làm tốt công tác quy hoạch đất đai, nên việc trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng tái sinh phát triển nhanh. Năm 2002, toàn huyện đã trồng được khoảng 200 ha rừng tập trung. Đặc biệt, đến nay toàn huyện đã có 36 trang trại rừng, thu hút 170 lao động tham gia thường xuyên, tạo giá trị hàng hóa hàng với nguồn lợi từ rừng vào khoảng 1,2 tỷ đồng mỗi năm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến lâm sản cũng ra đời ngày một nhiều và ngày càng phát triển, tạo việc làm ổn định cho 143 lao động.

Ngoài ra, huyện còn tập trung huy động nguồn vốn cho nhân dân vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo. Vì thế, tỷ lệ hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất tăng từ 10% (năm 1999) lên 29,5% (năm 2002).

Nhờ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, kinh tế Quan Hóa đã có bước tăng trưởng cao. Nếu năm 2000, tổng sản phẩm quốc nội toàn huyện đạt 129.142,75 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người 3.110.000 đồng/người/năm thì đến năm 2002 là 154.550 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người là 3.638.000 đồng/người/năm. Dự kiến, tăng GDP năm 2003 là 9%. Đến nay, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống còn 25,6% và dự kiến trong năm 2003 phấn đấu giảm xuống còn 20,6%.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Bằng nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh, của huyện và sự đóng góp của nhân dân, trong thời gian qua, Quan Hóa đã hoàn thành 23 hạng mục công trình thuộc dự án 135 với tổng số vốn 18 tỷ đồng. Nhiều trường học, nhiều công trình thuỷ lợi, đường giao thông, nước sinh hoạt đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các công trình thuộc dự án định canh định cư như: đập Ta Bán (Trung Sơn), đập nước và mương Kame, đập Phú Nghiêm đã hoàn thành và phát huy hiệu quả. Trong khoảng thời gian 1998 - 2002, Quan Hóa đã hoàn thành 6 hạng mục công trình hỗ trợ di dân (chủ yếu là người Mông), khảo sát, quy hoạch xây dựng trường học, nước sinh hoạt, đường giao thông. Xây dựng trung tâm cụm xã Hiền Kiệt, Phú Lệ với tổng vốn gần 3 tỷ đồng. Hiện nay, các ngành nghề, dịch vụ như: mộc, rèn, sản xuất vật liệu xây dựng được củng cố và phát triển, đáp ứng

nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Do đặc thù là huyện giáp biên nên Quan Hóa đặc biệt quan tâm đến công tác quốc phòng - an ninh. Những năm gần đây, Quan Hóa thường xuyên kết hợp tốt việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với công tác xây dựng Đảng nên tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn ổn định, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quan Hóa nhiệm kỳ 2000 - 2005.

Cùng với tập trung phát triển kinh tế, huyện Quan Hóa luôn chú trọng đến công tác văn hóa - xã hội. Giáo dục và đào tạo đã có bước tiến mới. Đến nay, huyện đã thực hiện có hiệu quả đề án xã hội hóa giáo dục; hoàn thành quy mô và mạng lưới trường học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Toàn huyện hiện có 14.000 em học sinh theo học các cấp, bình quân cứ 3 - 3,5 người dân có 1 người đi học. Cơ sở vật chất dạy và học ở mỗi xã ngày càng được tăng cường: tất cả các trường cấp II được xây dựng kiên cố 2 tầng, các khu chính trường tiểu học đều xây dựng mái bằng. Trong những năm tới, huyện phấn đấu đạt 100% số trường lớp được xây dựng kiên cố. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đã được chú trọng nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật.

Các hoạt động văn hóa - thể thao, phong trào xây dựng làng bản, cơ quan, gia đình văn hóa, gia đình thể thao được đẩy mạnh. Thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở"; đẩy lùi các tệ nạn mê tín dị đoan, các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc. Trong năm 2002, huyện Quan Hoá đã khai trương 10 làng văn hóa, khu phố và cơ quan văn hoá, 12 đơn vị được công nhận làng văn hóa cấp huyện. Duy trì khai thác, vận hành tốt 4 trạm phát lại truyền hình, khả năng phủ sóng toàn huyện đạt 76,3%; tin và bài có nội dung phong phú, phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn. Phong trào toàn dân rèn luyện sức khỏe phát triển sâu rộng, đóng góp vào phong trào chung và cung cấp nhiều vận động viên xuất sắc cho tỉnh và quốc gia.

Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, từ năm 1998 đến năm 2002, dịch bệnh, nhất là dịch sốt rét đã được hạn chế và đẩy lùi. Công tác tiêm chủng mở rộng cho các cháu trong độ tuổi, công tác kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, hoàn thành tốt chỉ tiêu Nhà nước giao. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố và phát huy hiệu quả; 13 xã và thị trấn được xây dựng trạm y tế từ nguồn vốn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Đặc biệt, toàn huyện có 3 xã không có người sinh con thứ 3, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên chỉ còn 0,95% (năm 2002), tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm xuống còn 32%, 47,3% dân số được dùng nước sạch.

Định hướng và giải pháp phát triển đến năm 2005

Quan Hoá đang từng ngày thay da đổi thịt, cuộc sống của nhân dân các dân tộc Quan Hoá ngày một

1) Tăng trưởng kinh tế 7 - 8%/năm. Cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng lâm - nông nghiệp - dịch vụ - thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Trong đó, lâm - nông nghiệp chiếm 73,3%; thuỷ sản 0,7%; công nghiệp 1,3%; xây dựng 9,3%; thương mại 14,4%.

2) Văn hoá - xã hội:

- *Tăng dân số tự nhiên: 1%/năm.*
- *Đến năm 2005, 80% số xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.*
- *Xoá hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 20% (năm 2005).*
- *60% dân số sống ở nông thôn được dùng nước sạch (năm 2005).*
- *Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống còn 20% vào năm 2005.*
- *Phấn đấu đạt 65% số làng văn hoá (50 làng), 80% số hộ gia đình văn hoá.*

3) Xây dựng Đảng: tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 65 - 70%, phát triển 600 đảng viên mới.

Các dự án của ngành lâm nghiệp

- *Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 10.100ha, trong đó dự án 661 là 7.752ha, khu bảo tồn Pù Hu 1.550ha, khu bảo tồn Pù Luông 2.000ha.*
- *Bảo vệ rừng phòng hộ: 22.430ha, trong đó dự án 661 là 15.430ha, khu bảo tồn Pù Hu 5.000ha, khu bảo tồn Pù Luông 2.000ha.*
- *Trồng rừng tập trung: 575ha, trong đó dự án 661 là 400ha, vốn nhân dân: 50ha, khu bảo tồn Pù Hu 100ha, Pù Luông 25ha.*
- *Trồng cây phân tán vốn nhân dân từ 50.000-60.000 cây/năm, tỷ lệ che phủ từ 57-69,5%.*
- *Phát triển kinh tế trang trại vườn rừng kết hợp quy hoạch khai thác lâm sản. Đến năm 2005, cây chủ đạo là cây luồng, dự kiến mỗi năm phấn đấu khai thác 1,8-2,5 triệu cây, phải đưa được vào chế biến tại địa bàn 1-1,5 triệu cây. Khai thác 1.000-1.300 tấn nứa nan thanh, 25-30 ngàn cây nứa cây, 750m^{3}gỗ rừng và gỗ vườn các loại.*

ấm no hạnh phúc. Phát huy thành tích đạt được trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Quan Hoá tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đồng thời đề ra những phương hướng, mục tiêu và giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội từ nay đến năm 2005. Trong đó, Quan Hoá sẽ tập trung thực hiện những giải pháp sau:

1) Kinh tế lâm nghiệp vẫn giữ vai trò trọng tâm, cần đẩy mạnh phát triển trong thời gian tới, đặc biệt là công tác khoanh nuôi, bảo vệ, chăm sóc rừng. Đồng thời, Quan Hoá cũng xác định kinh tế rừng đi đôi với công nghiệp chế biến các sản phẩm từ rừng, chủ yếu là cây luồng.

2) Chú trọng phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện, với trọng tâm là cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và phát triển đàn gia súc. Sản xuất phải gắn với chế biến để sản phẩm làm ra có sức cạnh tranh trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, chú trọng phát triển cây đậu tương, bởi đây là loại cây công nghiệp ngắn ngày, có giá trị kinh tế cao và đã tìm được đầu ra cho sản phẩm. Vì thế, trong những năm tới, phấn đấu đưa diện tích cây đậu tương lên 800 - 1.000ha, năng suất bình quân đạt 16 - 17,5tạ/ha. Đồng thời, phấn đấu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm 25 - 30% giá trị sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt một số chương trình trọng điểm của ngành chăn nuôi như cải tạo đàn bò, lợn, ao cá, phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm,...

3) Chú trọng, chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội theo hướng xã hội hoá trên tất cả các mặt trận giáo dục, y tế, thông tin tuyên truyền,... Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo công bằng xã hội là mục tiêu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động công tác thông tin tuyên truyền, gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài.

Bước vào thiên niên kỷ mới, Đảng bộ và nhân dân Quan Hoá đứng trước nhiều cơ hội và thách thức. Vì vậy, nhiệm vụ của Đảng bộ Quan Hoá từ nay đến năm 2005 rất nặng nề. Với truyền thống đoàn kết, tinh thần cách mạng kiên cường và ý chí tự lực tự cường, trên cơ sở thành tích và bài học kinh nghiệm đã được đúc kết trong những năm qua, nhất định Quan Hoá sẽ vượt qua được mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, đưa Quan Hoá phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới - giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

QUAN HOA DISTRICT

ACHIEVEMENTS AND PROSPECT

With total area of 99,617.08ha and 5km national borderline with Laos Democratic Republic, Quan Hoa possesses great potential for economic development. After 15 years of renovation, especially recently, thanks to the consistent flexibility and endeavor of the Party Executive Committee of different levels, the district's authorities and people, Quan Hoa obtained sound achievements in the socio-economic sectors.

- **Natural area: 996.17 sq.km**
- **Population: 42,474 people**
- **Administrative structure: 17 communes and one township**
- **Annual economic growth (proposed for 2003): 9%**
- **Average per capita income in 2002: VND3.64 million**

Quan Hoa District lies in the northwest of Thanh Hoa Province, about 134km from Thanh Hoa City directing national highway 47 and 15A. It borders Son La and Hoa Binh Provinces in the north, Quan Son District in the south, Ba Thuoc District in the east, Muong Lat District, Son La Province and Laos in the west. Its population consists of 42,474 people from five nationalities: Kinh, Thai, Muong, Mong and Hoa, which are living in consolidation, unification in the community of the great Vietnamese families.

Speeding up economic restructuring

Due to complicated topology, difficult transportation and harsh climate, Quan Hoa previously faced an array of difficulties in socio-economic development: pure agriculture with self-supply, self-demand, backward production method, poor infrastructure, especially in the rural and remote areas. Overcoming all challenges, from 1998 to 2002, the district's Party Committee, authorities and residents focused on socio-economic development, gradually keeping pace with the provincial economic growth.

As for agriculture, the District's People' Committee conducted boosting crop and breed structure conversion, increasing planting area, gradually bringing the winter harvest to production. With small area for planting water rice, annual food yield only stood at 7,500 - 8,000 tons and average per capita food output numbered 150 - 200 kg a year (exclusive maize, sweet potato and manioc), consequently, the residents have centered on growing crops and industrial trees to increase income. Along with cultivation, livestock breeding saw relatively rapid development, most of the products became the commodities. The new breeds such as sind hybrid cow, Mong Cai prolific pig, spotted deer, Bach Thao goat, honey-bee have been introduced into the locality with the increasing number, initially bringing high economic efficiency. So far, the entire district breeds 5,529 buffalos, 9,000 cows and 17,204 pigs.

Forestry is defined the district's strong point. According to statistics of District's People' Committee, presently, its forest area approximates 58% coverage including more than 20,000ha luong (a kind of bamboo) and tens of thousands ha nua and vau (the species of bamboo). Annual exploitation capacity of luong can be reached 10 - 15 million trees but actual annual amount of exploitation and use gained only two million trees. In an attempt to exploit up forestry potentiality, the district completed allocation of land and forest to the farmers and implemented effectively land planning, leading to rapid development in planting, delineating and protecting regenerated forests. In 2002, around 200 ha

Head-office of Quan Hoa People' Committee

concentrated forest was grown in the whole district. Specifically, so far, the district is home to 36 forestry farms, attracting 170 regular laborers, creating annual profits from forest at around VND1.2 billion. Besides, the enterprises processing forest products are getting increased and developed, generating stable job for 143 laborers.

Additionally, the district has also paid attention to mobilizing capitals, giving loan to the people to develop production, create employment, effectively implement the program of hunger elimination and poverty reduction. Hence, the needy households benefited from loan for production development lifted from 10% in 1999 to 29.5% in 2002.

Thanks to boosting economic restructuring on active direction, Quan Hoa economy witnessed great growth. Total district's GDP value represented VND154,550 million and annual average per capita income achieved VND 3,638,000 in 2002 against VND129,142.75 million and VND 3,110,000 in 1999 respectively. GDP in 2003 is proposed to increase 9%. So far the rate of poor households dropped to 25.6% and expected to 20.6% in 2003.

Investment in infrastructure construction

Making use of capital from the Central, province and district and the inhabitants' contribution, Quan Hoa recently completed 23 works belonging to 135 projects with total capital of VND18 billion. Many schools and works of irrigation, traffic and supply water for living have been accomplished and put into operation. Such works under the project of settled agriculture and fixed residence as Ta Ban (Trung Son) and Phu Nghiem dams, Kame dam and canal were finished and developed efficiency. In 1998 - 2002, it implemented six works supporting emigrants (most of them were Mong minority), investigated and planned construction of the schools, clean water and traffic roads. Hien Kiet and Phu Le commune complexes were built with the total capital of approximately VND 3billion. Nowadays, the occupations and services such as carpentry, forge, production of construction materials have been consolidated and extended, satisfying the

Quan Hoa District through the historical periods

Under Han reign, this land belonged to the west pole of Do Lung District, which then renamed Cat Lung under the Te dynasty. Under Duong dynasty, it belonged to Truong Lam District and remained unchanged under the Dinh, Le and Ly dynasties.

Under Le dynasty it was named Quan Gia town (since it had Ca-Da village), belonging to Thanh Do District (adjoining Lang Chanh, Tam and Sam towns).

In Minh Menh year the 16th (1835), Tam and Quan Gia towns were merged to create Quan Hoa town and the name of Quan Hoa arose since then.

After the August Revolution in 1945, Quan Hoa town was renamed Quan Hoa District with 32 communes and one township. Under implementation of Decree 72/CP of the Government dated November 18th 1996 on adjustment the borderline of Thanh Hoa Province, Quan Hoa District was split into three districts: Quan Hoa, Quan Son and Muong Lat. Therefore, Quan Hoa presently consists of only 17 communes and one township.

people' demand on production and living.

As the border district, Quan Hoa pays special attention to the national defense and security. Lately, it had regularly attached implementing the democratic regulation at the bases to building the Party, affirming stability in local security, politics, social order and safety practically for the target of socio-economic development under the implementation of Resolution adopted by the district's Party Committee's Congress session 2000 - 2005.

Along with focusing in economic development, Quan Hoa has always attached importance to the socio-cultural activities. So far, education and training saw a new progress, achieving efficiency in fulfilling education socialization and accomplishing the school scope and network suitable to the local actual conditions. In the entire district, 14,000 pupils are studying in the different grades, reaching one pupil per 3 - 3.5 people at average. Material facilities for teaching and studying have been increasingly improved. All of the secondary schools were reinforced into two-storied buildings, most of the primary schools were built with flat roofs. In the years to come, the district will strive to reinforce 100% schools and classrooms. The special attention has also been paid to educating and fostering human resource aimed at improving professional qualification for the managerial and science-technical officers.

The cultural - sport activities and movement of building the cultural villages and families and sport families had been sped up. The movement of "Entire people unite to build the basic cultural life", pushing back the superstition evils and backward and depraving customs in funerals and weddings, preserving and developing national cultural characteristics had been well carried out. In 2002, the district set up 10 cultural villages, quarters and agencies, 12 bases were acknowledged the cultural villages at district level. Quan Hoa had exploited and effectively operated four television transmitters, covering 76.3% area of the district, transmitting the news with enriched content, promptly reflecting the socio-economic situation in the locality. The movement of health toughening among the entire people had widely expanded, contributing to the general movements and providing many excellent athletes for the province and the nation.

As for community's health care and protection, from 1998 - 2002, the epidemics, especially malaria was restrained and drove back, prompt expansion vaccination for the children and family planning was sped up, accomplishing successfully the entrusted targets set by the State. The medical network from the district to the basic levels was consolidated and developed efficiently, 13 communes and townships were granted loan from Asian Development Bank (ADB) to build medical stations. Particularly, three communes in the whole district saw no case of giving birth to the third child; the rate of natural population increase dropped to only 0.95% in 2002, of malnourished children to 32%, of people having clean water for living reached 47.3%.

1) ***Achieve annual economic growth of 7%-8% a year. Develop economic structure towards forestry-agriculture-service-trading and small handicraft. Of which, forestry-agriculture should be represented 73.3%, aquatic 0.7%, industry 1.3%, construction 9.3% and trading 14.4%.***
2) ***Cultural - society:***

- ***Natural population increase: 1% a year.***
- ***Complete universalizing lower secondary school for 80% communes by 2005.***
- ***Eradicate hunger households and reduce needy households to 20% by 2005.***
- ***Supply clean water for 60% population by 2005.***
- ***Decrease rate of malnourished children to 20% in 2005.***
- ***Strive for reaching 65% cultural villages (50 villages) and 80% cultural families.***

3) ***Party building: Attain 65% - 70% Party organizations satisfying strong and clean bases, increase 600 new Party members.***

The projects of forestry sector

- *Delineate natural regenerated forest of 10,100ha including the project 661 of 7,752ha, Pu Hu preservation area of 1,550ha and Pu Luong preservation area of 2,000ha.*
- *Preserve protective forest: 22,430ha, including the project 661 of 15,430ha, Pu Hu preservation area of 5,000ha and Pu Luong preservation area of 2,000ha.*
- *Plant concentrated forest: 557ha inclusive project 661 of 400ha, from the people of 50ha, Pu Hu preservation area of 100ha and Pu Luong preservation area of 25ha.*
- *Plant shadow trees by the people' capital from 50,000 to 60,000 trees a year with coverage of 57% - 69.5%.*
- *Develop garden-forest farmer economy in combination with exploiting forestry products. Propose annual exploitation of the main tree - luong bamboo at 1.8 - 2.5 million trees by 2005, put 1 - 1.5 million trees into processing in the locality. Exploit 1,000 - 1,300 tons of thin splint nua, 25 - 30 thousands of nua trees, 750cu.m timbers of varieties.*

Orientation and solution for development by 2005

Quan Hoa District witnesses daily changes, the life of nationalities in the district is getting more well-off and happy. Bringing the recently achieved outcomes into play, the district's Party Committee, authorities and people continue to intensify renovation cause, concurrently map out the detailed orientations, targets and solutions in the economic-cultural-social sectors between now and 2005 including:

1) Forestry sector still plays key role that should be intensified in near future, especially the forest delineating, protecting and caring. Simultaneously, Quan Hoa attaches forestry to the industry processing forestry products, mostly of which the luong trees.

2) Pay special attention to comprehensive agriculture development, focusing on cereals, seasonal industrial trees and expansion of cattle herds. Attach production to processing to create product competitiveness on the market, bringing high economic efficiency. Especially, center on developing soybean because it is the seasonal industrial trees with high economic value and the consumption market for it has been found. Therefore, strive to increase soybean planting-area to 800 - 1,000ha, average yield to 1.6 - 1.75tons/ha in coming years. Concurrently raise husbandry proportion to 25% - 30% of the total agricultural value. Fruitfully implement some crucial breeding programs such as improve cow and porker herds and fishponds, prevent and protect diseases for cattle and poultry herds.

3) Attach importance to dealing with the social issues towards socialization in all fronts such as education, health care and communication. Step up education and training aimed at enhancing people' intellectual standard, improving human resource and fostering talents. Effectively carry out the social policies and ensure social equitability - the objective in socialism construction. Improve quality in propaganda in connection with preserving and developing national cultural characters. Take care of people' health will be the key task targeted at raising energy for impending and long-term development of socio-economy.

Entering the new millenium, the Party Committee and people of Quan Hoa District are in the face of numerous chances and challenges, leading to the heavy tasks for them between now and 2005. With the united tradition, steadfast revolutionary and self-help for self-improvement spirit, basing on the performances and experiences accumulating over years, Quan Hoa determines to overcome all difficulties, fruitfully realize the 19th District's Party Committee's Congress's Resolution, turning the district to rapid and stable development in the new period of boosting industrialization and modernization.

HUYỆN VĨNH LỘC

TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN TRONG TƯƠNG LAI

Dưới sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện, trong những năm gần đây, Vĩnh Lộc có bước tăng trưởng cao, đặc biệt ngành nông nghiệp phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, với một huyện có truyền thống lịch sử lâu đời, nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hoá và tài nguyên đá phong phú thì sự phát triển kinh tế của Vĩnh Lộc thời gian qua vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Để tạo được bước đột phá trong phát triển kinh tế, Vĩnh Lộc cần tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng cho sự phát triển tiểu thủ công nghiệp và du lịch.

- **Diện tích tự nhiên: 157,62km²**
- **Đơn vị hành chính: 15 xã, 1 thị trấn**
- **Dân số: 86.980 người**
- **Bình quân lương thực tính theo đầu người: 545kg/năm**

Vĩnh Lộc là một huyện trung du miền núi, nằm ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp huyện Thạch Thành, phía nam giáp huyện Yên Định, phía đông giáp huyện Hà Trung và phía tây giáp huyện Cẩm Thuỷ. Hệ thống giao thông thuỷ bộ khá phát triển với tuyến đường huyết mạnh là quốc lộ 217, quốc lộ 45 và 2 con sông Bưởi, sông Mã chảy qua. Thêm nữa, những dãy núi của huyện Vĩnh Lộc có trữ lượng lớn, chất lượng đá tốt, đẹp, có thể sản xuất vật liệu xây dựng và đá mỹ nghệ. Đặc biệt, nhiều di tích lịch sử nổi tiếng như: thành nhà Hồ, phủ Trịnh... là tài sản vô giá của người dân Vĩnh Lộc nói riêng và của cả nước nói chung. Tất cả những nhân tố đó đã tạo cho Vĩnh Lộc những điều kiện hết sức cơ bản cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thành công trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực. Ngành trồng trọt phát triển mạnh. Cơ cấu trà vụ được bố trí hợp lý để thích ứng với điều kiện tự nhiên của từng vùng. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăm sóc các loại cây trồng, phòng trừ sâu bệnh cũng được chú trọng. Do vậy, năng suất tăng cao, sản lượng và chất lượng tăng khá. Nếu năm 1995, năng suất bình quân đạt gần 30 tạ/ha thì đến năm 2002 đã tăng lên 60 tạ/ha. Nhờ đó, Vĩnh Lộc đã giữ vững và ổn định an ninh lương thực với mức lương thực bình quân đầu người

Ông Phạm Ngọc Vy – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc

đạt 545 kg/năm, tăng 171 kg so với năm 1995.

Bên cạnh cây chủ lực lúa, các loại cây màu và cây công nghiệp cũng cho giá trị kinh tế cao. Cây thuốc lá một thời được coi là cây xoá đói giảm nghèo, giờ đã thay bằng cây mía, dâu, lạc... Diện tích các loại cây công nghiệp tăng đã góp phần nâng cao đời sống của nhiều hộ dân.

So với các huyện trong tỉnh, ngành chăn nuôi của Vĩnh Lộc phát triển chậm hơn. Tuy vậy, trong 2 năm gần đây, Vĩnh Lộc cũng đã đưa nhiều vật nuôi có giá trị kinh tế vào chăn thả như: bò lai sind, lợn hướng nạc, bước đầu đem lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, để khai thác có hiệu quả vùng đồng, đặc biệt là vùng đồng trũng, Vĩnh Lộc đã mạnh dạn kết hợp sản xuất xen canh lúa và nuôi trồng thuỷ sản bằng mô hình lúa - cá. Mô hình kết hợp này bước đầu cho giá trị kinh tế cao, tận dụng tối đa đất ruộng, biến những vùng đất vốn bất lợi trong trồng trọt thành thuận lợi trong nuôi trồng thủy sản.

Dưới sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, chương trình trồng rừng theo dự án 327, 661 được Vĩnh Lộc duy trì đều đặn qua từng năm. Với chủ trương cải tạo đất, phủ xanh đất trống đồi trọc, huyện đã tiến hành giao đất, giao rừng, tăng trách nhiệm của chủ sử dụng đất. Diện tích rừng tăng không những góp phần giữ vững môi trường sinh thái, mà còn là một nguồn nguyên liệu dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành chế biến và khai thác lâm sản trong tương lai.

Tiểu thủ công nghiệp và du lịch, nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế

Tuy nhiên, muốn thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện xác định: Vĩnh Lộc cần phải chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; giảm tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp.

Xét điều kiện tự nhiên của Vĩnh Lộc cho thấy, huyện hoàn toàn có khả năng đạt được mục tiêu này. Với tài nguyên đá phong phú, Vĩnh Lộc có thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất đá. Toàn huyện hiện đã hình thành cụm công nghiệp

Lịch sử và con người Vĩnh Lộc

Cũng như các vùng đất khác của Thanh Hoá, Vĩnh Lộc có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Từ thời Bắc thuộc, Vĩnh Lộc là miền đất thuộc Tư Phố của bộ Cửu Chân. Sang thời Trần, vùng đất này có tên gọi là huyện Vĩnh Ninh. Thời Lê Trung Hưng, được đổi tên thành Vĩnh Phúc. Thời Tây Sơn, đổi tên thành Vĩnh Lộc và được giữ cho đến ngày nay.

Trải qua thời gian của lịch sử, sau nhiều lần tách nhập, diện tích huyện Vĩnh Lộc hiện khoảng 157,62 km^2, bao gồm 15 xã và 1 thị trấn, trong đó có 5 xã miền núi. Dân số tính đến ngày 1-4-1999 là 86.980 người, gồm 2 dân tộc Kinh và Mường (dân tộc Kinh chiếm 95,2%).

Vĩnh Lộc là huyện có truyền thống yêu nước và tinh thần hiếu học, nơi phát tích của nhà Hồ và 12 đời chúa Trịnh. Thành nhà Hồ, phủ Trịnh - khu di tích lịch sử của huyện là những minh chứng lịch sử hào hùng của con người và mảnh đất nơi đây. Ngay từ thời phong kiến, huyện Vĩnh Lộc đã có nhiều người là những vị tướng giỏi cầm quân đánh giặc cứu nước như: Trần Khát Chân, Hoàng Đình Ái, Trịnh Khả, Tống Duy Tân. Phát huy truyền thống ấy, nhân dân Vĩnh Lộc đã hăng hái đi theo tiếng gọi của Đảng, đóng góp sức người, sức của cho hai cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc. Trong thời kỳ đổi mới, nhân dân Vĩnh Lộc đã và đang hăng hái tham gia sản xuất và giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Phạm Minh Đoan gắn huy chương lên quân kỳ "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" do Nhà nước trao tặng huyện Vĩnh Lộc tại sân vận động huyện (26 - 01 - 2001)

khai thác và sản xuất đá. Năm 2002, giá trị xuất khẩu từ đá đạt 250.000 USD, dự kiến năm 2003 đạt 300.000 USD. Bên cạnh đó, trong những năm qua một số ngành nghề truyền thống tiếp tục được duy trì và phát triển, ngành chế biến gỗ, sản xuất đồ mộc, chế biến lương thực - thực phẩm, đã khẳng định vị thế trong ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Vì thế, trong những năm kế tiếp, Vĩnh Lộc sẽ tập trung phát triển một số làng nghề như: mây giang đan, trồng dâu - nuôi tằm - ươm tơ nhằm đạt được mục tiêu tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế huyện.

Là một huyện có diện tích không rộng, nhưng bù lại Vĩnh Lộc có nhiều di tích lịch sử văn hoá, những dấu ấn lịch sử còn lại khá đậm nét với khu di tích thành nhà Hồ, phủ Trịnh và quần thể lăng miếu thờ họ Trịnh, đền thờ Trần Khát Chân... Đây là tiền đề, là thế mạnh để Vĩnh Lộc phát triển du lịch văn hoá lịch sử. Bên cạnh đó, những dãy núi, cùng dòng chảy của sông Bưởi và sông Mã đã tạo cho Vĩnh Lộc phong cảnh "sơn thuỷ hữu tình". Do đó, ngoài hệ thống hồ đập có thể khai thác để phát triển du lịch sinh thái, hệ thống hang động kéo dài, với những nhũ đá, suối nước là những địa điểm hết sức lý tưởng đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

Các ngành kinh tế - xã hội khác

Cùng với nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, ngành thương mại - dịch vụ Vĩnh Lộc cũng phát triển tương đối đa dạng, thị trường mở rộng đến các thôn, xã trong huyện. Tổng mức bán lẻ năm 2002 ước đạt 70 tỷ đồng, tăng gần 2,5 lần so với năm 1995.

Hoà nhịp với sự phát triển của nền kinh tế, hoạt động của ngân hàng, kho bạc đã đáp ứng yêu cầu lưu thông tiền tệ, phục vụ phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo. Nguồn vốn sử dụng năm 2002 đạt khoảng 50 tỷ đồng, trong đó số vốn cho vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt khoảng 36 tỷ đồng. Ngân hàng phục vụ người nghèo đạt khoảng 11 tỷ đồng. Các hộ vay vốn sản xuất - kinh doanh đều đạt hiệu quả cao, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế huyện, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và dần ổn định. Thu nhập bình quân tính theo đầu người tăng từ xấp xỉ 100 USD (năm 1995) lên gần 300 USD (năm 2002), tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống còn 10,5%.

Với sách lược tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế phát triển, kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện đã được củng cố và tăng cường. Trong những năm qua, Vĩnh Lộc đã tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ Trung ương, tỉnh, vốn trợ giúp của các tổ chức nước ngoài và nguồn vốn do nhân dân đóng góp để đầu tư xây dựng nhiều công trình trọng điểm. Đến nay, hầu hết các trường học, bệnh viện, công sở đã được xây dựng khang trang. Hệ thống giao thông nông thôn đang được nhựa hoá và bê tông hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển và thông thương giữa các địa phương. Mạng lưới bưu điện, thông tin liên lạc có những bước phát triển rộng khắp và đa dạng về loại hình dịch vụ với mức bình quân 1,5 máy/100 dân. Các trạm phát thanh, sau khi được đầu tư nâng cấp, đã đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Công tác giáo dục - đào tạo cũng đạt được những tiến bộ đáng kể với quy mô cấp học, ngành học được mở rộng. Tính đến năm 2002, toàn huyện đã hoàn

Bảng vàng danh dự

- *Ngày 17-6-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76/SL tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho đồng bào và cán bộ Vĩnh Lộc, vì đã xoá nạn mù chữ trước thời hạn quy định và sớm nhất trong các huyện miền Bắc.*
- *Được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (năm 2001).*
- *Lực lượng vũ trang huyện được tặng thưởng: 01 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 02 Huân chương Quân công hạng Nhì.*
- *5 xã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 xã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.*
- *Trường tiểu học Vĩnh Thành, Trường trung học phổ thông Vĩnh Lộc được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.*
- *Về cá nhân, huyện Vĩnh Lộc có 03 Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân, 01 Anh hùng Lao động và 37 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.*
- *Ngoài ra, Vĩnh Lộc còn được nhận nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh và các bộ, ngành cho tập thể, cá nhân.*

thành phổ cập tiểu học (đúng độ tuổi), trung học cơ sở; 01 trường trung học phổ thông, 06 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng về phát triển văn hoá cơ sở, đến hết năm 2002, toàn huyện đã khai trương 76 làng, cơ quan văn hoá, chiếm 70% tổng số làng, cơ quan trên toàn huyện.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng cũng đạt nhiều kết quả tốt. Các cơ sở khám, chữa bệnh được đầu tư nâng cấp, đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Đồng thời, do thực hiện tốt chương trình y tế dự phòng nên nhiều năm liền Vĩnh Lộc không để xảy ra dịch bệnh, sức khoẻ của nhân dân được đảm bảo.

Quốc phòng, an ninh - trật tự xã hội được củng cố và giữ vững. Các chỉ tiêu tuyển và giao quân đúng kế hoạch. Bên cạnh đó, huyện đã thực hiện tốt các chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách đối với người cao tuổi, người già cô đơn, gia đình chính sách...

Nhằm phát huy những kết quả đạt được, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc đã đề ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp là nhiệm vụ then chốt. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng khai thác những tiềm năng thế mạnh của huyện, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác và chế biến vật liệu xây dựng.

2) Tập trung phát triển ngành du lịch gắn với văn hoá truyền thống.

3) Từng bước đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để từng bước tăng giá trị kinh tế trên một ha đất nhằm thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

Có thể nói, trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Lộc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Những định hướng và tiềm năng cùng những thành tựu đạt được là động lực, nhân tố quan trọng giúp Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Lộc tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

VINH LOC DISTRICT

SMALL HANDICRAFT AND TOURISM – THE KEY ECONOMIC SECTORS IN THE FUTURE

Under the instruction and leadership of the District Party Committee, People' Council and People' Committee, in recent years, Vinh Loc witnessed considerable comprehensive growth, especially in agriculture. However, the economic development achieved lately did not worth available potentials of the district with long-standing historical tradition, numerous beautiful landscapes and plentiful cultural-historical interests. With a view to create breakthrough in economic development, Vinh Loc should utilise up and develop maximum potentials for handicraft and tourism development.

- **Natural area: 157.62 sq.km**
- **Administrative structure: 15 wards and one communes**
- **Population: 86,980 people**
- **Average per capita food output: 545kg a year**

The mountainous midland province of Vinh Loc locates in the northwest of Thanh Hoa Province, bordering Thach Thanh District in the north, Yen Dinh District in the south, Ha Trung District in the east and Cam Thuy District in the west. The water and road traffic system saw healthy development with the artery being national highway 217, highway 45 and two rivers Ma and Buoi. Moreover, the ranges of mountains there possess great reserves of fine and good quality stones suitable to produce construction materials and art stones. Particularly, a number of well-known historical vestiges such as Ho citadel, Trinh Lord palace etc are the invaluable assets of the district in particular and the country in general. All those factors create fundamental conditions for the district to develop socio-economy.

Success in agricultural restructuring

Along with the stormy economic growth, agricultural structure lately saw active changes with rapid development in cultivation and reasonable rice harvest arrangement, adaptable to national conditions of every area. The importance has been attached to application of science-technological advancements in plants caring and pest preventing. Hence, its food yield witnessed remarkable increase in both quality and quantity, from 3tons/ha in 1995 at average to 6tons/ha in 2002. Thanks to that, Vinh Loc has maintained and stabilised food productivity with annual per capita output at 545kg, an increase of 171kg compared to 1995.

In addition to rice – the important plant, the other crops and industrial trees bring high economic value. Tobacco, which used to be the tree of eradicating hunger and reducing poverty, now is replaced with sugarcane, mulberry and peanut. The increase in area for planting the industrial trees has contributed to improve living standard for many households.

Vinh Loc husbandry develops slower than that of the other districts in the province. However, in the last two years, the district started and initially succeeded in raising the animal breeds with high economic value such as Sind cows and super-meat pigs. Besides,

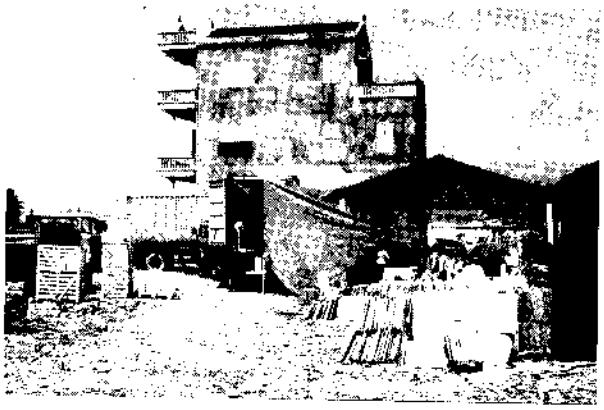

Stones for export – the key commodity of Vinh Loc District

targeted at effective exploitation of the fields, especially the flood plains, the district has boldly combined rice cultivation with aquatic produce on the model of rice-fish, initially generating high economic value, utilising up the field areas, turning the disadvantage land for planting to favourable land for aquatic growing.

Under the concentrated instruction of the district's Party Committee and People' Committee, every year the district has maintained the afforestation program under the project 327 and 661. With the policy on improving land, covering bald hills with green trees, the district has allocated lands and forests to the land users, enhancing their responsibility. The increase in forest area not only contributes to keeping ecological environment but also creates plentiful material resources, meeting the development demand on forest product processing in the future.

Handicraft and service, the crucial factors in economic development

However, with a view to approach the target of "wealthy people, powerful nation, equitable, democratic and civilised society", Vinh Loc should speedy restructure economy towards heightening industry – handicraft and trading – service proportion and decreasing agro-forestry proportion, the district Party Committee and People' Committee defined.

Natural conditions of Vinh Loc show that the district has full capability to reach this objective. With abundant stone resources, the district possesses advantage in producing stones and construction materials.

Vinh Loc history and people

Vinh Loc owns long-standing history of establishment and development like another lands of Thanh Hoa province. Under the French domination, it belonged to Tu Pho of Cuu Chan. Under Tran dynasty, this land was named Vinh Ninh, then renamed Vinh Phuc under Le Trung Hung reign, changed to Vinh Loc in Tay Son time and remained that name up to now.

Through the changes of history, after many times splitting and merging, the district's area presently numbers around 157,62 sq.km, consisting of 15 communes and one township including five upland communes. Its population by April 1st 1999 was 86,980 people from two origins being Kinh and Muong (Kinh people represented 95.2%).

With the patriotic and studious tradition, Vinh Loc was the place where Ho dynasty and 12 generations of Trinh Lords originally rose up. The vestiges of Ho citadel and Trinh Lord palace evidence the magnanimous history of the district's people and land. Right from the feudalism, the district was homeland of many talent generals, who led the troops to battle with the enemy for national salvation such as Tran Khat Chan, Hoang Dinh Ai, Trinh Kha and Tong Duy Tan. Developing that tradition, Vinh Loc people fervently followed the Party's appeal, contributed manpower and property to the two wars of resistance for the national salvation. In the renovation period, the district has been ardently participating in production and achieved considerable successes in socio-economy, national defence and security.

The industrial complex for stone exploitation and production was established in the locality with export value from stones achieved US$ 250.000 in 2002 and proposed to obtain US$ 300.000 in 2003. Besides, some traditional crafts have been continually preserved and expanded, of which, wood processing, carpentry, foods and foodstuffs processing recently affirmed the position in industry – handicraft sector. Hence, in coming years, Vinh Loc will focus on extending some occupational villages such as rattan knitting, planting mulberry – breeding silkworm - germinating silk cords with and aim of increase industry – handicraft proportion in the district's economic structure.

Ho Citadel – potential tour site of Thanh Hoa Tourism

As a compensation for the limited area, Vinh Loc is home to a range of cultural historical vestiges and imprints including Ho citadel, Trinh Lord palace, The Trinhs' shrine complex and Tran Khat Chan temple, which are the premise and strong point of Vinh Loc to develop cultural historical tourism. Besides, the ranges of mountains and the currents of Buoi and Ma Rivers create the charming natural scenery for Vinh Loc. In addition to the systems of lakes and dams, which can be exploited to develop eco-tourism, the stretched caves with stalactites and spring are the ideal tour sites for the domestic and foreign travellers.

The other economic sectors

Together with agriculture, Vinh Loc industry, tourism and trading - services also saw diversified development, expanding the market to the district's communes and villages. Total retail value in 2002 approximated VND70 billion, an increase of 2.5 times over 1995.

Keeping pace with economic development, the banking and treasury activities has met monetary circulation requirement for economic development, hunger eradication and poverty reduction. In 2002, the capital in use approximated VND50 billion including VND36 billion of loan from the Bank for agriculture and rural development and VND11 billion from the Bank for the poor. The bank loan has supported the households to attain high economic efficiency, contributing in boosting the district's economic growth, gradually improving and stabilising the people' living standard. Average per capita income increased from US$100 in 1995 to US$300 in 2002, the number of needy households dropped to 10.5%.

Pursuing the policy on bolstering economic sectors' development, infrastructure in the district has also been consolidated and enhanced. In recent years, Vinh Loc had effectively taken advantages of the capital resources from the Central and province, aid from the foreign organisations and mobilised financial contribution from the people to invest effectively in building many crucial works. So far, most of the schools, hospitals and offices have been spaciously built, rural traffic system have been reinforced by asphalt and concrete,

facilitating transportation and trading among the localities. The post and communication network recorded wide development in diversified services with average supply of 1.5 telephone sets for every 100 people. The broadcasting stations earning investment has met the requirement of propagating the Party's policies and State's laws and regulations.

The education - training works also witnessed remarkable progress in grade scope and learning profession. By 2002, the entire district accomplished prompt compulsory education for the secondary schools; one high school and six primary schools satisfied national standard.

Under implementation of Central Party Resolution 5 session VIII on basic cultural development, by late 2002, 76 cultural villages and bodies were set up, accounting for 70% total villages and bodies in the whole district.

The satisfactory results have also been obtained in community's health care. The medical stations received investment for upgrade, ensuring people' demand on examination and treatment. Concurrently, the preventive health care program has been well implemented, helping Vinh Loc avoid the epidemics in consecutive years, ensuring people' health.

National defence, security and social order have been consolidated and strengthened, achieving the planed targets of military recruitment and assignment. Apart from that, the district has effectively carried out the social policies, especially for the elderly and families under the priority policy.

In an attempt to bring the obtained outcomes into play, Vinh Loc Party Committee and People' Committee have mapped out the socio-economic development targets by 2005, focusing on realising the following basic tasks:

1) Restructuring economy towards increasing industry, handicraft, trade and service proportion, decreasing agriculture proportion will be the key duty. Simultaneously, speed up industry - handicraft development directing exploitation of the district's available potentiality and strong points, especially in construction material exploitation and processing.

2) Focus on tourism development in conjunction with traditional culture.

3) Apply science-technical advances to agricultural production to gradually raise productivity aiming at successfully carrying out rural agricultural industrialisation and modernisation.

It can be said that, Vinh Loc Party Committee and the people in recent years attained numerous important achievements with healthy development in economy, stability in politics and improvement in the people' material and spiritual life. The orientations and potentials along with the obtained performances are the motive forces, the crucial factors helping Vinh Loc Party Committee and people continually implement fruitfully the socio-economic development targets in the time to come.

Roll of honours

- On June 17th 1958, President Ho Chi Minh signed Decree 76/SL on granting the First Labour Order to Vinh Loc people for the accomplishment in eradicating illiteracy earlier than regulation and soonest in comparison with the northern provinces.

- Was granted the tittle "The Hero of people' armed forces" by the State in 2001.

The district's armed forces were presented the First Resistance Order, and 2 military order of the second class.

- 5 communes were conferred with first-class resistance order, 3 communes were given the Second Resistance Order.

- Vinh Thanh Primary School and Vinh Loc High School were offered the Third Labour Order.

- As for individual, Vinh Loc district has three Heroes of people' armed forces, one Labour Hero and 37 Vietnamese heroic mothers.

- Besides, Vinh Loc also received many certificates of merits granted to the corporations and individuals by the Prime Minister, province, sectors and branches.

HUYỆN CẨM THUỶ

ĐI LÊN TỪ SỰ KẾT HỢP HÀI HOÀ GIỮA PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP - DU LỊCH

Đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Trên tinh thần của chủ trương lớn đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Cẩm Thuỷ xác định: con đường phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn nhằm đạt tới ba mục tiêu cơ bản dân sinh, dân trí và dân chủ luôn gắn chặt với quá trình huy động, sử dụng hiệu quả mọi tiềm năng của địa phương, tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh và Trung ương; của các ngành, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước để xây dựng kết cấu hạ tầng, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- **Đơn vị hành chính: 18 xã, 2 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng GDP: 6,9%/năm**
- **GDP bình quân/người/ năm: 2,47 triệu đồng**
- **Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thuỷ sản 62,51%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản 9,16%; dịch vụ - thương mại 28,33%**
- **Tổng sản lượng lương thực: 43.225 tấn**
- **Bình quân lương thực đầu người: 392kg/năm**

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện khoá XVI và đẩy mạnh việc thực hiện 5 chương trình kinh tế lớn do Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, trong giai đoạn 1999 - 2002, kinh tế - xã hội Cẩm Thuỷ đã có bước phát triển toàn diện. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp đã đạt được kết quả khả quan, sản lượng lương thực tăng cao (43.225 tấn), lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực (85 trang trại); hệ thống giao thông, thuỷ lợi, xây dựng cơ bản phát triển khá, thương mại - du lịch phát triển bền vững.

Những kết quả đạt được từ đầu tư đúng hướng

Là một huyện thuần nông, sản xuất nông nghiệp chiếm vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, nên trong thời gian qua, Đảng bộ, Uỷ ban nhân dân cùng các ban, ngành trong huyện đã tích cực bám sát thực tế, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao hệ số sử dụng đất (từ 1 lần/năm lên 2,5 lần/năm), nhằm thúc đẩy kinh tế huyện phát triển toàn diện. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp huyện Cẩm Thuỷ phát triển khá vững chắc. Năng suất cũng như tổng sản lượng lương thực tăng nhanh, từ 33.800 tấn (năm 1995) lên 43.225 tấn (năm 2002). Nhiều xã trong huyện đạt năng suất 40 - 50 tạ/ha như: Cẩm Vân, Cẩm Tân, Cẩm Sơn, Cẩm Giang.... Bước đầu hình thành vùng cây công nghiệp mía (2.000ha), cây cao su, cây ăn quả.

Cẩm Thuỷ là huyện có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế vườn đồi rừng, thu hút nhiều lao động với thu nhập ổn định. Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết 07/TU của Tỉnh uỷ về phát triển trang trại, tốc độ phát triển và quy mô được nâng lên rõ rệt. Đến nay, Cẩm Thuỷ đã có 58 trang trại với quy mô vừa và nhỏ, trong đó có 43 trang trại được phân loại theo quy chuẩn của Trung ương và 45 trang trại quy chuẩn huyện. Các loại hình trang trại được cơ cấu theo hình thức kết hợp giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi (chiếm 72,2%); trang trại chăn nuôi - nuôi trồng thuỷ sản (chiếm 3,5%). Nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tận dụng tiềm năng đất, nguồn lao động, trong những

Các cán bộ ngành nông nghiệp thăm ruộng ngô và đậu tương trên đất 2 lúa tại cách đồng Phú Lai - xã Cẩm Giang

năm tới, huyện chủ trương tăng cường và khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế trang trại cả về quy mô, số lượng và hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, huyện cũng rất quan tâm đến sự phát triển của ngành lâm nghiệp. Hàng năm, huyện đã trồng mới khoảng 579,5ha rừng, đưa tổng diện tích rừng trồng của toàn huyện năm 2002 lên 2.716 ha (riêng năm 2002 diện tích trồng mới là 1.093,2 ha). Diện tích rừng được khoanh nuôi và bảo vệ là 9.685ha. Ngoài ra, huyện đã quy hoạch đất lâm nghiệp và giao rừng với tổng diện tích 18.925,38ha, bằng 75% đất lâm nghiệp, trong đó giao 14.745,8ha cho 6.171 hộ, 3.997,7ha cho lâm trường, 18ha cho các tổ chức xã hội.

Mặc dù là một huyện miền núi thuần nông, nhưng trong những năm gần đây, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hoạt động của các ngành giao thông, xây dựng, bưu chính - viễn thông, truyền hình vẫn đạt được những bước phát triển đáng kể. Việc đầu tư trang bị máy móc công nghệ mới hiện đại đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động khiến mọi mặt của đời sống xã hội có những thay đổi sâu sắc. Trong đó, giá trị sản lượng ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ bình quân đạt gần 17,93 tỷ đồng/năm với các mặt hàng chủ yếu như vật liệu xây dựng, mây tre đan, đồ mộc, may mặc...

Kết cấu hạ tầng - tiền đề quan trọng cho phát triển kinh tế

Đầu tư kết cấu hạ tầng sẽ là tiền đề quan trọng cho phát triển kinh tế. Nhận thức được vấn đề đó, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Thuỷ luôn

Tên gọi huyện Cẩm Thuỷ có từ bao giờ?

- *Từ thời Hán về trước, đây là vùng rừng núi đại ngàn, dân cư thưa, công tác quản lý hành chính chưa vươn tới vùng này.*
- *Thời thuộc Hán (năm 111 trước Công Nguyên), miền đất này thuộc huyện Đô Lung, về sau ghép huyện Đô Lung vào huyện Võ Biên. Đến thời Tề, Đô Lung được tách ra và đổi thành huyện Cát Lung.*
- *Thời Trần - Hồ đất Cửu Long Man thuộc huyện Lỗi Giang của châu Thanh Hoá.*
- *Thời Minh, ghép huyện Lỗi Giang vào huyện Nga Lạc của châu Thanh Hoá, sau đó lại tách Lỗi Giang khỏi huyện Nga Lạc và đổi tên thành huyện Lạc Thuỷ.*
- *Thời Lê Sơ, năm 1434 và năm 1454, đổi tên thành huyện Ba Long, sau đó là huyện Da Cẩm.*
- *Thời Lê Thánh Tông (1460 - 1469) đổi tên là huyện Cẩm Thuỷ.*
- *Thời Minh Mệnh, huyện Cẩm Thuỷ bao gồm cả huyện Bá Thước (ngày nay).*
- *Năm Thành Thái thứ 14 (năm 1902) tách 2 tổng của huyện Cẩm Thuỷ là Cổ Lũng ghép vào châu Quan Hoá và Thiết Ống ghép vào châu Lang Chánh. Năm Thành Thái thứ 16 (năm 1904) lại tách thêm hai tổng Sa Lung và Điền Lư ghép vào châu Quan Hoá.*
- *Năm Khải Định thứ 10 (năm 1925), tách 4 tổng Cổ Lũng, Thiết Ống, Sa Lung, Điền Lư để lập ra châu Tân Hoá. Sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) đổi thành huyện Cẩm Thủy và được gọi cho đến ngày nay.*
- *Địa giới hành chính huyện Cẩm Thuỷ được cố định từ cuối thế kỷ XIV gồm 5 tổng là: Quan Hoàng, Vân Tập, Cự Lữ, Mông Sơn và Gia Dụ. Hiện nay, huyện Cẩm Thuỷ có 18 xã và 2 thị trấn (thị trấn Cẩm Thuỷ và thị trấn Nông trường Phúc Do).*

Mục tiêu đến năm 2005, toàn huyện có 120 - 150 trang trại, nâng tỷ lệ số hộ nông dân, công nhân có trang trại lên mức 1,2 - 1,5%. Số lao động thường xuyên của một trang trại vào khoảng 10 người (hiện nay bình quân một trang trại có 3,05 lao động) với vốn đầu tư khoảng 80 - 100 triệu đồng, khuyến khích các chủ trang trại đầu tư đúng hướng, có chiều sâu, đưa khoa học kỹ thuật vào thâm canh, tăng năng suất

Suối cá thần Cẩm Lương - điểm du lịch đầy tiềm năng

coi trọng công tác đầu tư cho lĩnh vực giao thông, thuỷ lợi. Hàng năm, toàn huyện duy tu, bảo dưỡng 30,5 km đường giao thông, đào đắp hàng ngàn m^3 đất đá, làm mới 20,1 km đường cấp phối và 3km đường bê tông nông thôn. Tổng kinh phí đầu tư cho giao thông nông thôn vào khoảng 1.811 triệu đồng/năm và tổng kinh phí làm thuỷ lợi 2.339,6 triệu đồng/năm.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng cơ bản cũng luôn được huyện quan tâm chỉ đạo. Trong những năm qua, Cẩm Thuỷ đã phát huy được nội lực trong dân, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước để tập trung nguồn vốn xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, điện, bệnh viện, trường học... Đến nay, tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản lên tới 67,3 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đầu tư 16,8 tỷ đồng, trong đó vốn do nhân dân đóng góp chiếm 9,6%. Nhờ đó, đến nay điện lưới quốc gia đã đến 19/20 xã, thị trấn trong huyện với 83,8% số hộ được dùng điện. 100% số xã có nhà truyền thông dân số. Toàn huyện có trên 424 máy điện thoại và phấn đấu cuối năm 2005 có 100% xã, thị trấn có máy điện thoại.

Công tác xây dựng làng văn hoá thu được kết quả khả quan. Toàn huyện hiện có 96 làng, 2 cơ quan và 1 trường học đăng ký khai trương xây dựng đơn vị văn hoá. Trong đó, 40 làng đạt danh hiệu làng văn hoá cấp huyện, 9 làng đạt danh hiệu làng văn hoá cấp tỉnh. Hầu hết các làng văn hoá đều xây dựng hương ước, quy ước về thực hiện nếp sống văn hoá. Bên cạnh đó, huyện Cẩm Thuỷ còn có 5 di tích lịch sử được xếp hạng: chùa Mẫu (Cẩm Vân), chùa Chặng (Cẩm Sơn), chùa Rồng (Cẩm Thạch), suối cá (Cẩm Lương) và chùa Hà. Đặc biệt, suối cá Cẩm Lương đã được Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh quy hoạch thành khu du lịch sinh thái, một tiềm năng lớn của huyện.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng có nhiều tiến bộ, chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Đến nay, toàn huyện có 1 trung tâm y tế huyện, 2 trạm khám đa khoa, 20 trạm xá ở 20 xã, thị trấn, 100% thôn, bản có cán bộ chuyên môn hoạt động, 60% số xã có bác sỹ, 17/20 xã, thị trấn có nhà khám chữa bệnh kiên cố. Chính nhờ làm tốt công tác tuyên truyền kế hoạch hoá gia đình, tỷ lệ sinh con thứ ba giảm xuống chỉ còn 8,7%, tỷ lệ sinh giảm 0,6%/năm.

Ngoài ra, huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo một cách toàn diện. Toàn huyện hiện có 28 trường tiểu học, 21 trường trung học cơ sở

và 3 trường trung học phổ thông. Số học sinh tiểu học là 13.370 em, trung học cơ sở 13.289 em, trung học phổ thông 4.025 em. Đến nay, huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, 6 xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và 4 trường tiểu học đạt trường chuẩn quốc gia.

Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, nêu cao ý thức tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, tích cực khai thác nội lực, thu hút các dự án của Trung ương, các địa phương trong cả nước, nhằm tăng cường, cơ sở vật chất, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Thuỷ đề ra một số giải pháp phát triển kinh tế - xã hội như sau:

Về nông, lâm nghiệp: tranh thủ mọi nguồn lực cho xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình thuỷ lợi, kiên cố hoá kênh mương, chủ động tưới tiêu cho 4.000ha diện tích cây trồng 2 - 3 vụ/năm. Thực hiện dồn điền, đổi thửa hợp lý tạo điều kiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, các chế phẩm sinh học để áp dụng thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: xây dựng hoàn chỉnh 3 khu công nghiệp tập trung ở thị trấn Cẩm Thuỷ, Cẩm Tú và Cẩm Tân. Áp dụng các chính sách thu hút đầu tư, xây dựng ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phấn đấu đến năm 2010 có từ 1.500-2.000 lao động làm việc ở các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với mức thu nhập bình quân 4 - 5 triệu đồng/người/năm. Phấn đấu 100% xã có chợ nông thôn, mở rộng các nghề dịch vụ, buôn bán, hoàn chỉnh mạng lưới lưu thông hàng hoá từ huyện đến các khu dân cư, tăng số lao động trong khâu dịch vụ thương mại. Tập trung chỉ đạo xây dựng khu du lịch sinh thái suối cá Cẩm Lương, cửa Hà và các danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện nhằm phát triển lĩnh vực du lịch - một tiềm năng kinh tế lớn của huyện.

Về xây dựng kết cấu hạ tầng: áp dụng đồng bộ các giải pháp đầu tư, tranh thủ mọi nguồn lực để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, đồng thời huy động nội lực, phấn đấu đến năm 2010 đạt các mục tiêu về điện, đường, trường trạm hoàn chỉnh trên địa bàn huyện. Xây dựng các tuyến giao thông liên xã, đường Vân - Yên - Sơn, cầu treo Cẩm Lương, đường Ngọc - Long, đường 217-Cẩm Phú, đường Tú - Quý với tổng vốn đầu tư 38 tỷ đồng.

Với truyền thống đoàn kết trên dưới một lòng, quyết tâm cao của lãnh đạo và các dân tộc huyện Cẩm Thuỷ đã và đang nỗ lực phấn đấu góp phần xứng đáng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, xây dựng quê hương Cẩm Thuỷ giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2010

1) Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 55%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 20%, dịch vụ 25%.

2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7 - 8%/năm.

3) GDP bình quân đầu người: 350 - 400USD/năm.

4) Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp 7 - 8%/năm.

5) Sản lượng lương thực: 50.000 tấn/năm.

6) Bình quân lương thực/người: 400kg/năm.

7) Tỷ lệ tăng dân số 1%/năm.

8) Hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 8 - 10%, không còn hộ đói.

9) 100% số hộ dùng điện lưới quốc gia.

CAM THUY DISTRICT

GROWING WITH THE HARMONIOUS CO-OPERATIVE DEVELOPMENT OF AGRICULTURE - FORESTRY - TOURISM

It is an important policy by the Communist Party and State to boost the socio-economic development in mountainous areas. In pursuant to that policy, Cam Thuy Party Committee, authorities and peoples define that the socio-economic and rural development is geared to the close linkage of welfare, intellectual standard and democracy with local potential mobilisation and utilisation. Special importance has been attached to taking advantage of the assistance from the province, Central Party, sectors, domestic and foreign economic organisations to build the infrastructure for the rural modernisation and industrialisation.

- **Administration structure: 18 communes, two townships**
- **Annual GDP growth rate: 6.9%**
- **Per capita GDP VND2.47 million/year**
- **Economic structure: agriculture - forestry - fishery: 62.51%, industry - handicraft and capital construction: 9.16%, services and trade: 28.33%**
- **Total food output: 43,225 tonnes**
- **Per capita food output: 392 kg/year**

Exchange bureau of the Bank for Agriculture and Rural Development – Cam Thuy Branch

In line with the Resolution by the municipal people's council - the 16th course and five big economic programs put forward by the municipal Party Committee's Meeting, Cam Thuy achieved an overall socio-economic development during the period of 1999 - 2002. Especially, agricultural production achieved satisfactory growth (43.225 tonnes); forestry achieved positive changes (85 farms); the traffic system, irrigation, capital construction, service and tourism all made sustained developments.

Achievements of the right investment

Cam Thuy is an agricultural district where agricultural production takes an important part in the economic development. Therefore, the municipal Party Committee, People's Committee and sectors have actively based

Origin of the name Cam Thuy

- *From the Han time back, the land was a mountainous jungle with sparse population and without administration management.*
- *In 111 BC (Han time), the area belonged to Do Lung District. Later Do Lung was joined with Vo Bien District. Until the time of King Te, Do Lung was separated and renamed Cat Lung.*
- *In the time of Tran and Ho Dynasty, Cuu Long Man belonged to Loi Giang District of Thanh Hoa Town.*
- *In Minh Dynasty, Loi Giang joined Nga Lac District in Thanh Hoa. Later it was separated and renamed Lac Thuy District.*
- *In 1434 and 1454 (the time of King Le So), the district was renamed Ba Long District and later Da Cam.*
- *In the time of King Le Thanh Tong (1460-1469), the district was renamed Cam Thuy. In the time of the King Minh Menh, Cam Thuy include the land of present Ba Thuoc District.*
- *In 1902, (the 14th year of the King Thanh Thai), two sub-districts were cut from Cam Thuy: Co Lung was merged into Quan Hoa, and Thiet Ong joined Lang Chanh. In 1904 (the 16th year of the King Thanh Thai), Sa Lung and Dien Lu sub-districts were also joined into Quan Hoa.*
- *In 1925 (the 10th year of the King Khai Dinh), Co Lung, Thiet Ong, Sa Lung and Dien Lu were separated to make Tan Hoa Town. After the August Revolution (in 1945), Tan Hoa was renamed Cam Thuy District and remains the name until now.*
- *The administration land of Cam Thuy District remains the same as it was in the late 19th century with five sub-districts: Quan Hoang, Van Tap, Cu Lu, Mong Son and Gia Du. At present, Cam Thuy has 18 communes and two townships (Cam Thuy and Phuc Do Farm Townships).*

on the practical factors to give successful concentrated direction to the implementation of crop and husbandry transform, scientific and technological application and land-use co-efficient raise (from once a year to 2.5 times a year) in order to boost the overal development of the local economy. As a result, the district's agricultural production is developing firmly. Agricultural productivity and total output has made rapid increase, from 33,800 tonnes in 1995 to 43,225 tonnes in 2002. Many local communes such as Cam Van, Cam Tan, Cam Son and Cam Giang have achieved productivity of 4-5 tonnes per hectare. Zones of industrial crops such as sugarcane (2,000 ha), rubber and fruits have been established.

The natural conditions of Cam Thuy are convenient for the development of garden, hill and forest economies that can create employment for a great number of people with stable income. Since the implementation of the Resolution No.03/2000/NQ-CP by the Government and Resolution No.07/TU by the provincial Party Committee on the development of farm economy, the scale and development of those economic sectors have been obviously expanded. So far, there have been 58 farms of medium and small scale across Cam Thuy, of which 43 have been classified according to the Central standard and 45 have been standardised by the district. Types of farms have been organised by the co-operation of agriculture, forestry and husbandry (72.2%), husbandry farms - aquaculture (3.5%). Stimulating the agricultural and rural economic reform, taking advantage of the land potentials, labour forces, the district is going to intensify and encourage investments in farm economy development in scale, quantity and production effectiveness.

The district is targeting 120-150 farms in 2005, with the rate of 1.2-1.5% of the households to have farms, and the regular number of workers at a farm to be around 10 (which is now 3.05) with the investment capital of VND80-100 million. Farm owners are now encouraged to invest intensively and apply scientific and theological advances in intensive farming and productivity raising.

In addition, the district pays much attention to the development of forestry. Yearly, around 579.5 ha of forest is planted. By 2002, the total planted forest over the district has achieved 2,716 ha (particularly 1,093.2 ha in 2002 alone). The area of tendered and protected forest is 9,785 ha. Forestry land and forest contract to people achieved 18,925.38 ha in total, equal to 75% of the total forestry land. Of which 14,745.8 ha have been contracted to 6,171 households, 3,997.7 ha to plantation and 18 ha for social organisations.

35KW electric station under Cam Thuy Electricity Branch

In spite of being a mountainous agricultural district, the local handicraft, transport, construction, posts and telecommunications, and television have achieved prospective developments over the past few years. The investment in machinery of modern technology has made a great contribution to the economic reform and better labour productivity, which resulted in intensive changes in all fields of the social life. The average output value of handicraft and services achieved VND17.93 billion a year with the main products like construction materials, rattan and bamboo weaving, carpentry and garments, etc.

Infrastructure - a crucial premise for socio-economic development

Good investment in infrastructure is an important premise for the socio-economic development. Having profound awareness of the matter, Cam Thuy Party Committee and People's Committee attach great importance to the investment in transport and irrigation. Annually, 30.5 km of road is improved, 20.1 km of macadam and 3 km of rural concrete roads are built. The annual total investment in rural transport is about VND1,811 million and the total investment in irrigation achieved 2,339.6 million.

Aside from that, the district has paid adequate concerns on the capital construction. Cam Thuy has, for the past years, mobilised the internal strengths from the local people, and taken advantage of the State's assistance to concentrate capital in the construction of transport, irrigation, electric works, hospital and schools. So far, the total investment in capital construction has come up to VND67.3 billion. The annual investment is VND16.8 billion, of which 9.6% is contributed by people. As a result, the national electricity grid has covered 19/20 communes and townships with 83.8% of the households being supplied with electricity. Population communication houses have been built in 100% of the communes. There are more than 424 telephone sets all over the district now. Cam Thuy is targeting 100% of the local communes and townships to have telephones by 2005.

Satisfactory results have been achieved in building cultural villages. In the district, 96 villages, two offices and one school have registered cultural units, of which 40 villages have been certified district's cultural unit standard, nine certified town's standard. Almost all the cultural villages have set up conventions and regulations on the implementation of cultural lifestyle. Besides, there are five places in Cam Thuy District have been certified national historical sites: Mau Pagoda (Cam Van), Chang Pagoda (Cam Son), Rong Pagoda (Cam Thach), Ha Pagoda and Fish stream (Cam Luong). In particular, the fish

stream in Cam Luong, a big potential of the district, has been built as an eco-tourism zone by the provincial Department of Culture and Communication.

Health and public healthcare have made progresses. Quality of the health services has been constantly improved. So far, the district has one district-level health centre, two policlinics, 20 health centres in 20 communes and townships, 100% of the villages have professional cadres, 60% of which have doctors, 17/20 communes have well-equipped health centres. Thanks to the effective propaganda of the family planning, the district has achieved reductions in both birth rate (by 0.6% a year) and number of women having the third child (to 8.7%).

Besides, the district has focussed on the overall development of the education and training sector. The district has now 28 primary schools, 21 secondary and three high schools. The number of primary school pupils is 13,370, secondary 13,289 and high school pupils 4,025. So far, the district has fully accomplished the compulsory primary school to the right age, with four primary schools being certified national standard, and six communes have fulfilled compulsory secondary school.

Orientation and solutions for the socio-economic development by 2010

Continuing the tradition of solidarity among ethnic groups across the nation, raising the sense of self-help and creativeness, mobilising the internal strengths and attracting projects from other parts of the country to reinforce the infrastructure and socio-economic development, the municipal Party Committee and People's Committee have put forward the following solutions for the socio-economic development.

As regard forestry: take advantage of all forces for construction, upgrading of the irrigation works and canal consolidation. Manage the irrigation for 4,000 ha of yearly 2-crop or 3-crop cultivation. Arranging fields in an appropriate way for the agricultural production mechanisation. Actively apply scientific and technological advances, seeds, and biological products in intensive farming, husbandry and epidemic prevention.

As regard industry, handicraft and services: complete three concentrated industrial zones in Cam Thuy, Cam Tu and Cam Tan townships. Implementing policies to attract investment in industrial and handicraft occupations, striving for 1,500-2,000 people working in the sectors with the annual income of VND4-5 million by 2010. Build markets in 100% of the communes expand services, trade, and the commodity circular network from the district to residential areas. Focus on the construction of eco-tourism zones in Cam Luong Fish Stream, Cua Ha and other landscapes across the district so as to develop tourism, a big economic potential of the district.

As regard infrastructure construction: apply synchronously investment solutions, take advantage of all forces and mobilise internal strengths to focus on the infrastructure construction. Strive to fulfil the targets of perfect electricity, road, school and hospitals systems by 2010. Build inter-commune roads, Van - Yen - Son road, Cam Luong suspension bridge, Ngoc-Long, 217 - Cam Phu and Tu - Quy roads with the total investment of VND38 billion.

With the strong solidarity and high determination of the local leaders and peoples of different ethnic groups, Cam Thuy has been making great efforts and worthy contribution to the country's rural industrialisation and modernisation. Their efforts are making great contributions to the building of Cam Thuy's prosperous and attractive image along with the pursuance of the wealthy people, prosperous nation, fair, democratic and civilised society toward the socialism.

Socio-economic indices by 2010

1. *Economic structure: agriculture: 55%, industry and handicraft: 20%, services: 25%*
2. *Annual economic growth: 7-8%/year*
3. *Per capita GDP: US$350-400/year*
4. *Annual agriculture growth: 7-8%/year*
5. *Annual food output: 50,000 tonnes/year*
6. *Per capita food output: 400 kg/year*
7. *Annual population growth: 1%/year*
8. *Percentage of poor households: 8-10% without any hungry households*
9. *National electricity grid covered 100% of the households.*

HUYỆN TRIỆU SƠN

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP - HƯỚNG ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Huyện Triệu Sơn nằm cách thành phố Thanh Hoá 20km về phía tây, phía bắc giáp huyện Thọ Xuân, phía nam giáp huyện Như Thanh, Nông Cống; phía tây giáp huyện Thường Xuân, phía đông giáp huyện Đông Sơn. Ở vào vị trí chuyển tiếp giữa các huyện đồng bằng với các huyện trung du miền núi, thuộc khu vực hành lang kỹ thuật quốc gia (đường điện 500KV, 220KV, 110KV, quốc lộ 47 và hệ thống tỉnh lộ) và vùng kinh tế Tây Nam của tỉnh Thanh Hoá, Triệu Sơn rất thuận lợi trong giao lưu kinh tế - văn hoá với các huyện trong tỉnh và cả nước.

Ông Lê Văn Phan - Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Sơn

- **Diện tích tự nhiên: 292,2km²**
- **Dân số: 212.450 người, gồm 3 dân tộc Kinh, Mường, Thái**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 9,1%/năm, trong đó: nông - lâm nghiệp tăng: 5,5%; công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng: 24%; dịch vụ tăng: 12,5%**
- **Cơ cấu kinh tế: nông - lâm nghiệp 55%; công nghiệp - xây dựng cơ bản 18%; dịch vụ 27%.**

Huyện Triệu Sơn có địa hình thấp dần từ tây sang đông, chia làm hai vùng trung du miền núi và đồng bằng. Là huyện có cơ cấu kinh tế nông nghiệp nổi trội với 98,4% dân số sống ở nông thôn, tiềm năng về khoáng sản khá phong phú: mỏ quặng crôm trữ lượng 5 triệu tấn ở Tân Ninh, Thái Hoà, Vân Sơn, núi đá vôi trữ lượng 8 triệu m^3, đất sét làm gạch ngói trữ lượng 5 triệu m^3,... đã tạo nên thế mạnh cho Triệu Sơn trong phát triển ngành nông nghiệp và công nghiệp khai khoáng.

Phát huy tiềm năng và thế mạnh sẵn có

Với những tiềm năng sẵn có, từ năm 1999 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, nhân dân Triệu Sơn đã nỗ lực phát huy những điều kiện thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, không ngừng đổi mới tư duy, quán triệt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế và đã đạt được những kết quả quan trọng.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, những năm gần đây, Triệu Sơn tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt việc đưa giống lúa lai vào sản xuất mang lại kết quả khả quan cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Bên cạnh cây lúa - cây lương thực chủ đạo - huyện cũng tập trung chỉ đạo mở rộng diện tích cây màu vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, trong đó đưa cây ngô và khoai đông vào chân đất hai vụ lúa. Nhờ đó, tổng diện tích gieo trồng năm 2002 đạt 26.557ha, tăng 543ha so với năm 2001. Tổng sản lượng lương thực đạt 118.000 tấn, tăng 4.000 tấn so với năm 2001, đây là năm được mùa lớn nhất của Triệu Sơn từ trước đến nay.

Ngàn Nưa với Bà Triệu và tên gọi Triệu Sơn

Từ thế kỷ III đến nay, nhân dân vẫn lưu truyền sự nghiệp, công trạng của một nữ nhân hào kiệt có khí phách lớn lao, đó là Vua Bà - Triệu Thị Trinh.

Bà sinh ngày 2-10-226, lúc nhỏ có tên là nàng Ẩu, người vùng đất Nưa Sơn, quận Cửu Chân (Thanh Hoá). Thời ấy, phía Bắc, Tam quốc tranh bá đồ vương, đất Nam bị nhà Ngô cai trị, dân chúng khổ cực. Bà Triệu bỏ vào rừng Na Sơn dựng cờ khởi nghĩa. Chỉ trong vài năm, uy danh lừng lẫy, Bà Triệu đã thu phục cả vùng đất Cửu Chân.

Nhà Ngô bèn sai Hành Dương đốc quân Đô uý Lục Dận làm Thứ sử Giao Châu, kiêm chức Hiệu uý đem đại quân xuống phía Nam. Lục Dận mấy phen bị thua trận liên tiếp bèn dùng kế đưa quân Ngô trần truồng tiến đánh. Bà Triệu bình sinh hay e thẹn, nay đột nhiên thấy hình dáng như vậy không khỏi xấu hổ, liền cắp giáo che mặt quay đi, quân sỹ tan tác. Nhìn bốn phía đều thấy giặc Ngô vây bọc, Bà Triệu lên núi phóng hoả tự đốt mình, khi ấy bà mới 23 tuổi.

Người con gái họ Triệu anh hùng hào kiệt, quả cảm tài năng ấy đã để lại cho lịch sử đất Việt cũng như đất Cửu Chân (Thanh Hoá), đất Ngàn Nưa (Triệu Sơn, Như Thanh) một tấm gương sáng ngời về ý thức tự chủ, đoàn kết đánh giặc, không chịu kiếp nô lệ.

Năm 1965 thành lập huyện mới, người đời lấy tên họ Triệu (họ Bà Triệu) và dấu ấn chiến tích Nưa Sơn để tạo nên một tên mới huyện Triệu Sơn, nghĩa là huyện Bà Triệu anh hùng.

Cùng với phát triển cây lương thực, huyện chú trọng vận động nhân dân trồng cây công nghiệp ngắn ngày như mía, lạc, đậu tương và các cây công nghiệp dài ngày như cây tre, cây cà phê, các loại cây ăn quả, bước đầu cho kết quả khả quan. Ngoài ra, dưới sự chỉ đạo của huyện, nhiều xã du nhập nghề sản xuất nấm, mộc nhĩ, bước đầu đã đem lại hiệu quả, hứa hẹn một hướng đầu tư mới cho nông dân.

Để chuyển đổi cơ cấu kinh tế một cách toàn diện, Triệu Sơn còn tập trung phát triển chăn nuôi, chủ yếu nuôi bò lai sind và lợn hướng nạc theo mô hình kinh tế trang trại; tận dụng mặt nước ao hồ nuôi trồng thuỷ sản (tôm càng xanh, cá chim trắng). Trong đó, huyện chủ trương phát triển đàn bò sinh sản kết hợp nhằm tạo sức cày kéo, lấy thịt, lấy sữa, đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao dinh dưỡng bữa ăn cho nhân dân. Với sách lược phát triển đúng đắn, hiện nay, đàn trâu bò của huyện Triệu Sơn đã lên tới 22.500 con, trong đó có 16.000 bò. Cùng với phát triển đàn bò, Triệu Sơn đã xây dựng thành công mô hình chăn nuôi lợn nái ngoại với quy mô 5 - 10 con/hộ. Đến nay, đàn lợn của huyện có 96.000 con, trong đó đàn nái ngoại đã sinh sản được trên 1.000 lợn con. Bên cạnh đó, huyện cũng đang xúc tiến xây dựng cơ sở chế biến thịt lợn đông lạnh xuất khẩu, nhằm chủ động tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Song, thành công nổi bật nhất của Triệu Sơn những năm qua, đó là hoàn thành mục tiêu dự án Tây Nam di hơn 1.000 hộ dân lên vùng kinh tế mới, cùng với đồng bào dân tộc ở xóm Thoi, Bao Lâm lập xã mới Bình Sơn. Với số vốn tự có của nhân dân, kết hợp cùng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, những năm qua, Triệu Sơn đã trồng được 300ha chè, 1.000ha mía, 350ha cà phê, 600 cây bồ đề, hàng trăm ha cây ăn quả các loại, trồng mới và khoanh nuôi trên 3.000ha rừng, chăm sóc và bảo vệ 830ha. Kinh tế trang trại đang dần được hình thành và phát triển khá sôi nổi. Hiện tại, Triệu Sơn có 370 trang trại, trong đó 50 trang trại với diện tích 2 - 50ha, vốn đầu tư 200 - 330 triệu đồng. Thêm vào đó, sự ra đời của một số cơ sở chế biến chè, gỗ,... đang tạo ra cơ cấu kinh tế lâm - nông - công nghiệp trong vùng, tạo thêm việc làm cho hàng ngàn lao động. Từ những thành công này, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Triệu Sơn xác định kinh tế vùng đồi là nhân tố mới có tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tạo sức bật cho kinh tế huyện phát triển nhanh, mạnh trong tương lai.

Cùng với nông - lâm nghiệp, các ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại cũng có nhịp độ tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2002 đạt 76 tỷ đồng, tăng 15,1% so với

năm 2001, trong đó tập trung vào một số ngành truyền thống như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản, đan lát mây tre, mộc dân dụng.... Các tổ hợp tiểu thủ công nghiệp chế biến nông - lâm sản tư nhân đã và đang hình thành ở nhiều nơi, quy mô từng bước được mở rộng.

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền - Bí thư Tỉnh uỷ cùng lãnh đạo huyện về thăm Thọ Ngọc

Kết cấu hạ tầng cũng đạt được những kết quả đáng ghi nhận

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, ưu tiên cho các chương trình phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội, công tác xây dựng kết cấu hạ tầng trong những năm qua thu được kết quả đáng ghi nhận. Các tuyến đường giao thông nông thôn (do dân đầu tư) được mở rộng, 5 trạm bơm chống úng, chống hạn, hệ thống kênh mương được kiên cố hoá; hệ thống đê điều, hồ đập thuỷ lợi được nâng cấp, khơi thông dòng chảy như: kênh tiêu Tân - Dân - Thế, Nổ Hẻn, sông Nhơm, sông Hoàng.... Những công trình này đã tạo thế chủ động trong tưới tiêu, phòng chống lũ lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, đáp ứng nhu cầu thâm canh ngày càng cao.

Hoạt động văn hoá - xã hội cũng thu được nhiều kết quả khả quan. Năm 2001, Triệu Sơn là một trong 3 huyện đi đầu tỉnh Thanh Hoá hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục được nâng lên, số học sinh giỏi, học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Năm 2002, Triệu Sơn có 2 trường tiểu học được công nhận trường chuẩn quốc gia, đưa tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 9 trường. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trong trường học được tăng cường với 10 trường cao tầng được xây dựng mới trong năm 2002, 4 trung tâm giáo dục cộng đồng được thành lập và đi vào hoạt động ở các xã: Thọ Tân, Vân Sơn, Phú Thọ, Bình Sơn. Đến nay, 100% số xã đã có đài truyền thanh, phong trào thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, chất lượng hoạt động y tế đã được nâng lên, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Sau hơn 15 năm đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Triệu Sơn đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: kinh tế tăng trưởng khá, chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Để đảm bảo sự phát triển bền vững, phát huy những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, từ nay đến năm 2005, huyện Triệu Sơn đặt nhiệm vụ trọng tâm là tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tạo bước chuyển mạnh trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Để các mục tiêu trên trở thành hiện thực, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Triệu Sơn đã đề ra nhiều giải pháp có tính khả thi, trong đó:

1) Tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đưa nhanh các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất, chuyển đổi mạnh

Các chỉ tiêu kinh tế đến năm 2005

- *Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân: 9 - 10%/năm. Trong đó:*
+ *Nông nghiệp 5,5%.*
+ *Công nghiệp và xây dựng 14 - 15%.*
+ *Dịch vụ 12%.*
- *Bình quân GDP/đầu người: 350 - 370USD/năm.*
- *Tổng sản lượng lương thực: 130.000 - 140.000 tấn.*
- *Hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5%.*

cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với các vùng trong huyện. Theo đó, mỗi năm đưa lúa lai vào gieo cấy từ 50% diện tích vụ chiêm xuân trở lên, 20% diện tích vụ mùa, số còn lại gieo cấy bằng giống lúa cấp I; phấn đấu đạt 5.000ha cây vụ đông, trong đó 60 - 70% diện tích được gieo trồng bằng các giống ngô lai hoặc giống mới có hiệu quả kinh tế cao... tiến tới xây dựng các mô hình 40 - 50 triệu đồng/ha canh tác, xây dựng các nông trại chăn nuôi công nghiệp, đạt lợi nhuận hàng trăm triệu đồng/hộ.

2) Để đạt được mục tiêu phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ với tốc độ tăng trưởng 14 - 15%/năm, Triệu Sơn sẽ tiếp tục mở rộng các ngành nghề truyền thống như: sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác đá, chế biến nông, lâm sản, đan lát mây tre.... Tuy nhiên, để thực hiện hoàn thành mục tiêu này, Triệu Sơn cần quy hoạch đất đai, xây dựng các chính sách thu hút đầu tư nhằm phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân địa phương và vươn ra thị trường trong nước và thế giới, đồng thời tăng thêm việc làm cho người lao động.

3) Huy động sức mạnh nội lực trong nhân dân kết hợp với tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, tập trung đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đồng thời, quy hoạch các thị trấn, thị tứ thành các khu trung tâm kinh tế - văn hoá, dịch vụ - thương mại nhằm kích thích sản xuất phát triển và mở rộng giao lưu kinh tế với các vùng xung quanh, thu hút các xí nghiệp sản xuất, chế biến vừa và nhỏ vào địa phương đầu tư, tạo động lực mới hướng tới đô thị hoá nông thôn.

Có thêm nghề phụ – làng quê Minh Dân ngày càng giàu đẹp

4) Đi đôi với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hoá - xã hội như giáo dục, y tế, văn hoá thông tin, công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm,... cũng được quan tâm nhằm tạo nên diện mạo nông thôn mới, ngày một đổi mới, đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao.

Bước vào thiên niên kỷ mới với những thuận lợi và khó khăn, thách thức, nhiệm vụ của Đảng bộ Triệu Sơn từ nay đến năm 2010 rất nặng nề. Song với truyền thống đoàn kết, tinh thần cách mạng kiên cường và ý chí tự lực tự cường, cùng những kinh nghiệm đúc kết trong thực tiễn hoạt động, nhất định Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Triệu Sơn sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV,... đưa Triệu Sơn tiến nhanh, tiến mạnh trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm

1) Chương trình sản xuất lương thực thực phẩm.

2) Chương trình phát triển kinh tế vùng đồi.

3) Chương trình tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

4) Chương trình xây dựng thị trấn, thị tứ.

5) Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng.

6) Chương trình giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo.

7) Chương trình nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

TRIEU SON DISTRICT

AGRICULTURAL STRUCTURE CONVERSION PRIORITY FOR ECONOMIC DEVELOPMENT

Trieu Son District locates 20km from Thanh Hoa City in the west, bordering Tho Xuan District in the north, Nhu Thanh and Nong Cong Districts in the south, Thuong Xuan District in the west and Dong Son District in the east. Lying in the transition location between the plains and midland-upland areas, belonging to the trans-national technical zone (with power grid 500KV, 220KV, 110KV, national highway 47 and provincial highways) and the provincial west-east economic zone, it enjoys advantages in cultural-economic exchange with the districts across the province and country.

- **Natural area: 292.2 sq.km**
- **Population: 212,450, consists of Kinh, Muong and Thai nationalities**
- **Annual economic growth: 9.1%, of which, agro-forestry: 5.5%, industry - capital construction: 24%, service: 12.5%**
- **Economic structure: agro-forestry: 55%, industry - capital construction: 18%, service: 27%.**

Previous poor hill area of Tho Son became the area for cattle breeding today

Trieu Son District's topology is sloping down from the west to the east, splitting into midland-upland and plain areas. Agricultural structure with 98.4% rural population, plentiful mineral potentials of 5 million tons crome ore in Tan Ninh, Thai Hoa and Van Son, 8 million cu.m limestone and 5 million cu.m clay reserve for producing bricks and tiles create advantages for it to develop agriculture and mine ore industry.

Bringing available potentials and powers into play

Exploiting its potentials as advantages, since 1999, under the leadership of the District's Party Committee and People' Committee, Trieu Son people has endeavoured to overcome difficulties, constantly renew the thought, grasp thoroughly and join all forces to realising the policy on developing multiform economy. As a result, it obtained the important achievements.

As for agriculture, Trieu Son in recently years focused on boosting crop restructure, applying science-technical advances to production, especially grown crossbred rice, which brought satisfactory results in planting areas, productivity and yield. Apart from rice - the key plant, the district centred on broadening area for winter harvest crops and turning that harvest into the major crop, of which, maize and potato were cultivated between two rice harvests. Thanks to that, total cultivation areas in 2002

reached 26,557ha, rose 543ha over 2001, became the biggest bumper crop ever seen with total food yield amounted to 118,000 tons, increased 4,000 tons compared to 2001.

Along with expanding cereal crops, the district attaches importance to mobilising the people in planting seasonal industrial trees such as sugarcane, peanut, soybean and the perennial ones like bamboo and fruit trees, which initially brought good performances. Besides, under the district's instruction, some new occupations was introduced into many communes and gained efficiency such as growing mushrooms and cat's ears, promising the new investment heading for the farmers.

To comprehensively convert economic structure, Trieu Son has also concentrated on developing husbandry, mostly on Sind-cows and super-meat pigs on the model of farming economy and taking full advantages of water surfaces to raise aquatic products (green prawn and white pomfret). Of which, the district's sound policy on developing prolific and milk cows to meet the market demand on productive forces, beef and milk and to improve nutrition for the people' meals has been carried out. The cattle herds of Trieu Son therefore increased to 22,500 heads including 16,000 cows. Moreover, the model of breeding imported sow with 5 - 10 heads per household has been successfully set up so far with the pig herd in the whole district numbered 96,000 heads including more than 1,000 produced sows. Additionally, the district has been promoting construction of the bases processing frozen meat for export to actively consume the products for the farmers.

The most salient success of Trieu Son in recent year, however, was accomplishment of the objective of Tay Nam project on moving more than 1,000 households to the new economic area, together with the residents of Thoi and Bao Lam villages established new commune, Binh Son. With the people' capital in combination with the State's investment, in past years, Trieu Son has grown 300ha tea, 1,000ha sugarcane, 350ha coffee, 600 styraxes and hundreds hectares fruit trees of varieties, planted and partitioned more than 3,000ha forest, taken care of and protected 830ha forest. Farming economy has been gradually built and ebulliently developed. Presently, the district is home to 370 farms comprising of 50 farms of 2ha - 50ha area and investment capital of VND200 - 330 million. Additionally, the establishment of some bases processing tee and woods has been creating forestry - agriculture - industry structure of in the region, generating employment for thousands of labourers. From those outcomes, the district's Committee of the Party, authorities and

Ngan Nua with Trieu Lady and Trieu Son name Since

The 3rd Century, the people have been handing down the career and merits of the great heroine - Queen Trieu Thi Trinh. She was born on October 2rd 226 in Nua Son of Cuu Chan District (Thanh Hoa), called Au girl during her childhood. At that time, three northern countries were fighting for the thrown, the south country was under Ngo rule, causing the people' miserable life. Trieu Lady left to Na Son forest to raise the banner of revolt. Only during some years, with the celebrated prestigious fame, she won over all Cuu Chan land.

Ngo ringleaders sent Hanh Duong aide-de-camp of the king, Luc Dan, Thu su of Giao Chan cum Officer, to lead the great army to attach the south country. After consecutive defeats, Luc Dan, taking advantages of Trieu's shyness, led the naked troops to battle, scattering the south' soldiers. She set herself on fire on the mountain at the age of 23.

That heroic, courageous and talent girl with family name Trieu bequeathed to the history of Viet Nam as well as Cuu Chan (Thanh Hoa) and Ngan Nua (Trieu Son, Nhu Thanh) the brilliant example of the consciousness of seft-control, solidarity for combating with the enemy and death sooner than slavery.

In 1965, when the new district was established, her family name (Trieu) and Nua Son remaining imprint (Son) were used to create the new name, Trieu Son District, with the meaning: the district of heroic Trieu Lady.

people define hill economy is the new factor, which accelerates economic structure conversion, hunger elimination and poverty reduction, creating breakthrough for the district to develop economy rapidly and strongly in the future.

Along with agro-forestry, the handicraft, service and trading sectors also recorded healthy growth. Total handicraft production value in 2002 reached VND76 billion, increased 15.1% over 2001, mainly in the traditional occupations such as construction material production, agro-forestry product processing, rattan knitting and civil carpentry. The private handicraft combinations processing agro-forestry products have been establishing in many places with growing expanded scale.

Tray rice seeding – the updated science-technological advance applying to production

Acknowledgeable achievements in infrastructure

With the motto The State and people work together, priority should be paid to the program supporting production and social welfare, the infrastructure construction task in last years obtained remarkable achievements. The rural traffic roads invested by the people were widened, five anti-waterlogged and anti-drought pump-stations and the irrigation canals were reinforced, dyke and dam systems were upgraded such as draining canals Tan - Dan - The, No Hen, Nhom and Hoang rivers. Those works have created the initiatives in irrigation, protected floods and decreased loss causing by natural disaster, satisfying the increasingly high cultivating demand.

The socio-cultural activities also saw good results. In 2001, Trieu Son was one among three districts leading Thanh Hoa Province in completing compulsory secondary education. Quality of education has been improved with the number of excellent pupils, pupils passing entrance exams into universities and colleges is multiplied. In 2002, the district had two primary schools satisfying national standard, lifting this number to nine in total. The schools' material facilities were strengthened with ten multi-story schools were newly built in 2002, four accomplished public education centres were put into operation in the communes of Tho Tan, Van Son, Phu Tho and Binh Son. So far, 100% communes has radio; the sport movements takes place ebulliently; health care quality is enhanced and the people' material and spiritual life is improved day after day.

Socio-economic development orientation by 2005

After over 15 years of renovation, Trieu Son District's Party Committee, authorities and people have reaped the acknowledgeable achievements: healthy developed economy, stable politics and considerable improved material and spiritual life of the people. To ensure the stable development, bring the available potentials and strong points into play, the

Economic targets by 2005

- ***Annual average GDP growth: 9% - 10%, consisting:***
- ***+ Agriculture: 5.5%***
- ***+ Industry and construction: 14%-15%***
- ***+ Service: 12%***
- ***Average per capita GDP: US$ 350 - 370 a year***
- ***Total food yield: 130,000 - 140,000 tons***
- ***Decrease poor household rate to 5%.***

The crucial socio-economic programs

1) Program on producing foods and foodstuffs
2) Program on developing economy in the hill areas
3) Program on handicraft, industry and service
4) Program on building the towns and townships
5) Program on infrastructure construction
6) Program on creating jobs, eliminating hunger and reducing poverty
7) Program on enhancing people' intellectual standard, training human resources, fostering talents, taking care of people' health and building cultural life at the bases.

district set the core targets by 2005 as follows:

Joining all forces to develop social economy, intensifying economic restructuring of agro-forestry, handicraft, service - trading towards industrialising and modernising agricultural and rural areas, boosting education-training, enhancing people' material-spiritual life, ensuring national defence and security and building powerful political system.

To make the above-mentioned objectives attainable, Trieu Son Committee of the Party and People' Committee put forwards many feasible solutions. Of which:

1) Focus on speeding up economic restructuring and develop agricultural and rural economy directing industrialisation and modernisation. Apply soon the bio-technical advancements to production, strongly convert crop and breed structure to be suitable to the district's different areas. Accordingly, every year cultivate hybrid rice seed in 50% upwards of fifth-month crop areas and 20% summer-autumn crop areas and grow first-grade rice seed in the remaining areas. Strive to plant for 5.000ha area of winter crop including 60% - 70% areas of hybrid maize seed or new seed with high economic value, build the models of VND 40 - 50 million per hectare, setting up the industrial husbandry farms, reaching profits of hundreds of million dong for every household.

2) With a view to reach the aims of developing industry - handicraft and service with growth rate of 14% - 15% a year, the district will continually expand the traditional occupations such as producing construction materials, exploiting stones, processing agro-forestry products and knitting rattan and bamboo. However, in an attempt to attaint those objectives, Trieu Son should carry out land planning, issue the policies on attracting investment to develop industry - handicraft, meeting the consumption demand of the local residents and approaching home and world markets concurrently generating more jobs for the labourers.

3) Mobilise the people' internal strength in combination with taking full advantages of the external forces, centre on construction of material facilities and socio-economic infrastructure. Simultaneously, carry out planting the towns and townships into the cultural-economic and trading-service centres targeting at encouraging production development and economic exchange extension with the neighbouring areas, luring investment from the medium and small producing and processing factories in the locality, creating driving force towards rural urbanisation.

4) Parallel with developing economy, the district will pay attention to the socio-cultural sectors such as education, health care, culture and information, hunger elimination and poverty reduction and employment generating with an aim of creating new rural image with gradual renovation and increasingly improved material and spiritual live of the people.

Entering the new millennium with numerous advantages and challenges, the District's Party Committee's task from now to 2010 therefore is extremely heavy. However, with solidarity tradition, steadfast revolutionary and self-help for self-improvement spirit, with experiences accumulating in the practical operation, Trieu Son is bound to surmount all difficulties, fruitfully realize the 14th District's Party Committee's Congress's Resolution, bringing about rapid and stable development in the new period of boosting industrialization and modernization.

HUYỆN THỌ XUÂN

TỪNG BƯỚC ỔN ĐỊNH, VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO TƯƠNG LAI

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Thọ Xuân đã đạt nhiều thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện từ kinh tế - xã hội đến quốc phòng - an ninh. Thành tựu đó được thể hiện rõ nét ở mức tăng trưởng kinh tế hàng năm gắn với kết quả giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Những tiến bộ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; những công trình kiến trúc hạ tầng cơ sở được xây dựng mới và nâng cấp; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Những thành quả đó đã tạo tiền đề để Thọ Xuân vững tiến vào tương lai.

Nằm ở phía tây tỉnh Thanh Hoá, Thọ Xuân là vùng đất "địa linh nhân kiệt" có vị thế chiến lược trọng yếu trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước. Huyện lỵ Thọ Xuân - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá - cách thành phố Thanh Hoá (đi theo quốc lộ 47) 36km về phía tây và nằm ngay bên hữu ngạn sông Chu - con sông lớn thứ hai của Thanh Hoá, hàm chứa nhiều huyền thoại đẹp về lịch sử, văn hoá...

Đặc biệt, khu đô thị công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, một trong bốn khu kinh tế động lực của tỉnh Thanh Hoá và khu di tích lịch sử Lam Kinh đang trở thành vùng đất đầy tiềm năng, mở ra triển vọng lớn cho sự phát triển của ngành công nghiệp và du lịch. Không chỉ vậy, huyện còn được cấu tạo bởi hai dạng địa hình: bán sơn địa (trung du) rất thích hợp với trồng cây công nghiệp và đồng bằng châu thổ phì nhiêu, cùng với hệ thống sông Chu, sông Cầu Chày, sông Nhà Lê, hệ thống nông giang, Đập Bái Thượng đã khẳng định thế mạnh của Thọ Xuân trong phát triển nền nông nghiệp toàn diện.

Năm 2002:
- **Diện tích tự nhiên: 303,22 km²**
- **Dân số: 233.255 người**
- **Đơn vị hành chính: 38 xã và 3 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân: 11,1%/năm**
- **Thu nhập bình quân đầu người: 371,5 USD/năm**
- **Bình quân lương thực: 495 kg/người/năm.**

Ông Lê Công Minh - Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân

Hiệu quả từ chiến lược phát triển đúng hướng

Phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang, trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Thọ Xuân đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực với mức tăng trưởng cao. Trong đó, năm 2002 mức tăng trưởng GDP của huyện đạt 11,7%, GDP bình quân đầu người đạt 371,5 USD/năm, tăng 41,6% so với năm 1997. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp.

Có được thành tựu đó là do Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện Thọ Xuân đã vạch ra chiến lược phát triển đúng đắn, hợp lý, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện. Điều đó được minh chứng bằng tốc độ tăng trưởng cao của các ngành kinh tế:

Sản xuất nông nghiệp, với quỹ đất 15.347 ha, trong những năm qua, huyện đã hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh theo hướng sản xuất hàng hoá, tạo khả năng khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế vùng, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác. Theo đó, Thọ Xuân đã thành lập nhanh các hợp tác xã nông nghiệp và phi nông nghiệp, hoàn thành công tác dồn điền, đổi thửa để tích tụ đất. Sau 3 năm thực hiện, Thọ Xuân đã có 61 hợp tác xã được thành lập. Bên cạnh đó, các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được ứng dụng rộng rãi hơn, các giống mới có năng suất và chất lượng cao đã được đưa vào sản xuất, tạo ra khả năng chuyển dịch cơ cấu mùa vụ. Nhờ đó, năng suất và sản lượng lương thực tăng nhanh (gần 5.000 tấn/năm). Cụ thể, nếu năm 1997, tổng sản lượng lương thực đạt 92.220 tấn thì đến năm 2002 đạt 115.888 tấn (tăng 20,4%).

Với mục tiêu tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Thọ Xuân đã tập trung khai thác và phát triển vùng kinh tế động lực Lam Sơn, hình thành vùng chuyên canh, thâm canh cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Đặc biệt là cây mía, Thọ Xuân đã hình thành vùng nguyên liệu mía gần 4.000 ha, trong đó đưa diện tích mía công nghệ cao cho năng suất cao (140 - 150 tấn/ha) vào sản xuất năm 2002. Quy hoạch vùng nguyên liệu mía đã trở thành thế mạnh của kinh tế vườn đồi, mang lại nguồn thu nhập cao và ổn định cho nhân dân, cung cấp nguyên liệu hàng hoá, tạo điều kiện cho khu công nghiệp mía đường Lam Sơn phát triển vững chắc.

Cùng với quy hoạch vùng cây công nghiệp, Thọ Xuân cũng quy hoạch lại diện tích đất rừng hiện có. Tính đến nay, hơn 1.000 ha đồi rừng đã được giao cho kinh tế hộ quản lý và chuyển từ khai thác là chủ yếu, sang khoanh nuôi chăm sóc bảo vệ. Đồng thời, việc trồng mới 200 ha rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, không những tạo ra khả năng khai thác có hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động, cải tạo môi trường sinh thái trên địa bàn, mà còn tạo vùng cung cấp nguyên liệu cho Công ty Giấy

Lịch sử hình thành và tên gọi của huyện Thọ Xuân

1. Tên gọi và địa giới hành chính:

Thời thuộc Hán (năm 111 trước công nguyên đến năm 210 sau công nguyên), vùng đất Thọ Xuân thuộc huyện Tư Phố; từ năm 581 đến năm 905 thuộc huyện Di Phong, và sau đó là huyện Trường Lâm.

Thời Trần, Thọ Xuân thuộc huyện Cổ Lôi. Từ năm 1466, Thọ Xuân có tên là Lôi Dương. Thời Nguyễn (năm 1826), huyện Lôi Dương hợp với huyện Thụy Nguyên thành phủ Thọ Xuân. Lỵ sở phủ Thọ Xuân trước năm 1895 đóng ở Thịnh Mỹ (nay thuộc xã Thọ Diên) sau dời về Xuân Phố (Xuân Trường ngày nay). Sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), phủ Thọ Xuân đổi thành huyện Thọ Xuân.

2. Lịch sử hình thành

Ngay từ thời tiền sử, vùng đất Thọ Xuân ngày nay đã có người cư trú. Dấu ấn về thời kỳ dựng nước còn lại khá đậm nét. Ở vùng tả ngạn sông Chu, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều trống đồng, thạp đồng và công cụ sản xuất.

Từ thế kỷ thứ X, Thọ Xuân đã là vùng đất phát triển. Đến thế kỷ XV, Thọ Xuân là căn cứ của nghĩa quân Lam Sơn. Là huyện có truyền thống yêu nước, cách mạng, Thọ Xuân là nơi sinh dưỡng nhiều vị vua sáng, tôi hiền như: Lê Đại Hành, Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông; Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Lê Văn Linh, Trịnh Khắc Phục,... đã làm rạng danh quê hương. Truyền thống ấy đã được hun đúc phong trào Cần Vương (Thọ Xuân là căn cứ chống Pháp). Đi theo tiếng gọi của Đảng, người dân Thọ Xuân đã đóng góp sức người, sức của cho các cuộc kháng chiến cứu quốc của dân tộc.

Trong thời kỳ đổi mới, với truyền thống hiếu học, thượng võ, cần cù, nhẫn nại, trọng nghĩa khí, đùm bọc san sẻ khi gặp khó khăn, hoạn nạn, người dân Thọ Xuân - lớp cha trước, lớp con sau đã và đang giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Cơ cấu kinh tế của Thọ Xuân (1997 - 2005)

Đơn vị: %

Năm	1997	1999	2000	2002	2003	2005 (Dự kiến)
Nông - lâm nghiệp	57,4	54,6	51,4	47,2	44,4	39,8
Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	15,8	15,7	16,5	18,4	20	21,1
Thương mại - dịch vụ	26,8	29,7	32,1	34,4	35,6	39,1

Mục Sơn. Kết quả này cho thấy sự kết hợp giữa lâm nghiệp với vùng nguyên liệu đã tạo nên sự gắn bó nông - lâm nghiệp với công nghiệp, công nhân với nông dân, làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế - xã hội các xã trung du, miền núi trong những năm gần đây.

Bên cạnh đó, Thọ Xuân còn chú trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, nâng cao chất lượng, tận dụng tốt lợi thế của từng vùng, từng địa phương, từng mùa vụ để phát triển vật nuôi thích hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Mô hình chăn nuôi trong các hộ gia đình, trang trại đã và đang phát triển tốt. Giá trị thu nhập từ chăn nuôi tăng cao, nếu năm 1997 đạt 69,8 tỷ đồng thì đến năm 2002 đã tăng lên 86,4 tỷ đồng, chiếm 29,3% GDP nông - lâm nghiệp. Hiện nay, ngành chăn nuôi Thọ Xuân đang tập trung vào các vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: lợn hướng nạc, bò lai sind, bò sữa, đưa Thọ Xuân trở thành huyện có sản lượng thịt bò, thịt lợn cao nhất tỉnh. Đặc biệt, trong vài năm gần đây, Thọ Xuân đã kết hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa, bước đầu đã du nhập và lai tạo, cung cấp 1.500 bò sữa giống cho các hộ nuôi ở các xã Quảng Phú, Xuân Thiên, Thọ Xương (trong đó có 1.000 con bò sữa nhập từ Niu Dilân). Sản lượng sữa nuôi thực nghiệm đạt khá, tạo hướng phát triển mạnh trong các năm tới. Ngoài ra, chăn nuôi lợn, gia cầm, thuỷ sản, ong... cũng được đẩy mạnh, đã góp phần tận dụng tốt lợi thế của từng địa phương, mang lại hiệu quả kinh tế cao trong từng hộ sản xuất.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển khá nhanh với tốc độ tăng trưởng 16 - 18%/năm. Bên cạnh những ngành nghề truyền thống như: sản xuất cót ép, rèn, kim hoàn... đã xuất hiện một số nghề mới như trồng dâu nuôi tằm, thêu ren xuất khẩu, sản xuất bột giấy thô nguyên liệu, chế tác đồ mộc cao cấp,... Nhưng so với sự phát triển của nông - lâm nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thọ Xuân phát triển chưa xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có. Tuy nhiên, việc quy hoạch các cụm làng nghề, một loạt các nhà máy chế biến nông - lâm sản như: nhà máy chế biến sữa, nhà máy chế biến cồn và khu đô thị công nghiệp Lam Sơn được hình thành, trong những năm kế tiếp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sẽ phát triển mạnh mẽ hơn.

Thương mại - dịch vụ đang trên đà phát triển mạnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15 - 16%, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế huyện. Các loại hình dịch vụ công cộng, dịch vụ tập thể, dịch vụ tư nhân ngày càng đa dạng, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ. Đặc biệt, trong dịch vụ nông nghiệp, sản xuất - kinh doanh của các loại hình hợp tác xã đang từng bước khẳng định vai trò, vị trí trong kinh tế nông thôn. Các trung tâm thương mại, thị tứ được hình thành và nhanh chóng đi vào kinh doanh sầm uất đã đáp ứng yêu cầu giao lưu hàng hoá của người dân trong huyện. Bên cạnh đó, với 15 km đường Hồ Chí Minh chạy qua khu kinh tế động lực Lam Sơn và sát với khu di tích lịch sử Lam Kinh đang trong quá trình tôn tạo sẽ mở ra triển vọng to lớn, điều kiện hết sức thuận lợi để Thọ Xuân phát triển du lịch, góp phần đưa ngành thương mại - dịch vụ trở thành một ngành trọng tâm trong phát triển kinh tế của huyện.

Kết cấu hạ tầng đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận

Kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được ổn định khiến diện mạo huyện Thọ Xuân có biến chuyển lớn. Kết cấu hạ tầng được chú trọng đầu tư xây dựng, hàng loạt công trình mới đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Có được đổi thay như vậy là nhờ

Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm vùng nguyên liệu mía tại xã Quảng Phú – huyện Thọ Xuân

sự quan tâm, trợ giúp vốn của Nhà nước, cùng cố gắng, nỗ lực của nhân dân nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển nguồn nhân lực, Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phát triển công tác giáo dục, đẩy nhanh cả về quy mô và chất lượng. Đội ngũ giáo viên được nâng cao về trình độ và chuẩn hoá theo các cấp học. Số học sinh giỏi tăng đều qua các năm. Đến nay, huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở đạt trên 95% số xã, 16/41 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Đặc biệt, trường phổ thông cơ sở Sao Vàng là trường chuẩn quốc gia đầu tiên của tỉnh.

Cơ sở phát thanh, phát lại truyền hình và hệ thống truyền thanh cơ sở được đầu tư nâng cấp đảm bảo chất lượng, phát huy được hiệu quả tuyên truyền. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã và đang được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân hưởng ứng tích cực. Đến cuối năm 2002, huyện có 130 làng văn hoá, 2 cơ quan văn hoá, 11/38 xã đã hoàn chỉnh khai trương 100% làng văn hoá.

Công tác chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được cấp uỷ Đảng và chính quyền huyện quan tâm. Vì vậy, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cũng như đội ngũ cán bộ y tế luôn đảm bảo hoàn thành tốt công tác khám, chữa bệnh theo tuyến, theo khu vực. Đối với y tế dự phòng, với quan điểm phòng bệnh hơn chữa bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh nước sạch luôn được tuyên truyền và kiểm tra, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Quốc phòng- an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định. Các nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ kế hoạch quân sự địa phương được hoàn thành tốt, đảm bảo chất lượng tuyển quân, giao quân.

Di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng quốc gia

1) ***Di tích lịch sử kiến trúc Lê Hoàn tại xã Xuân Lập, gồm: đền thờ, lăng Hoàng Khảo, lăng Quốc Mẫu, lăng bố nuôi Lê Đột và đền sinh thánh.***
2) ***Khu di tích lịch sử Lam Kinh (xã Xuân Lam và thị trấn Lam Sơn) gồm: đền thờ Lê Thái Tổ, cung điện, lăng bia các vua và hoàng hậu nhà Lê.***
3) ***Đền thờ và lăng mộ Thứ quốc công Nguyễn Nhữ Lãm (tại xã Thọ Diên và Xuân Lập).***
4) ***Quần thể di tích cách mạng xã Xuân Hoà, Thọ Xuân.***
5) ***Quần thể di tích lịch sử cách mạng xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân.***

Ngoài ra, Thọ Xuân còn nhiều di tích được xếp hạng cấp tỉnh như: đền thờ khắc Quốc công Lê Văn An (làng Diên Hào - xã Thọ Lâm), đền thờ Quốc Mẫu (làng Thịnh Mỹ - xã Thọ Diên).

Định hướng phát triển đến năm 2005

Phát huy những thành quả đạt được, trong những năm tới, Thọ Xuân tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nêu cao ý thức tự lực tự cường, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại và những ngành nghề có tiềm năng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị trường, hình thành sự liên kết kinh tế nông - công nghiệp - dịch vụ. Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Để đạt được mục tiêu trên Thọ Xuân tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, tập trung mọi nguồn lực để tạo bước đột phát trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế - đây là nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn tới. Trong đó, tập trung mọi nguồn lực cho một số ngành có khả năng tăng tỷ trọng trong GDP như công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

1) Tăng diện tích mía hiện có lên mức 4.500 ha, phát triển vùng nguyên liệu mía thâm canh theo hướng công nghệ cao, phát triển nghề nuôi bò thịt, bò sữa và chế biến thức ăn gia súc. Vùng trọng điểm lúa sẽ tập trung đầu tư theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng. Đẩy nhanh việc thành lập hợp tác xã, trang trại trong trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp để tích tụ đất, từ đó tăng hiệu quả sử dụng quỹ đất lên mức bình quân 45 - 50 triệu đồng/ha/năm.

2) Đẩy nhanh công tác tôn tạo các di tích lịch sử để đưa vào khai thác du lịch, từ đó tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ.

3) Cần nhanh chóng triển khai thực hiện các dự án "dâu - tằm - tơ" tại vùng bãi bồi sông Chu; khôi phục các làng nghề truyền thống, đưa thêm ngành nghề mới, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Chủ động tìm nguồn vốn đầu tư, thành lập các nhà máy chế biến nông - lâm sản, tìm đầu ra cho sản phẩm nông - lâm sản.

Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, huy động nguồn lực trong dân để phát triển nhanh mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện, nhất là hệ thống giao thông nông thôn, tạo thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Những thành tựu to lớn mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thọ Xuân đạt được trong những năm qua là thành quả tất yếu từ sự quan tâm đầu tư có hiệu quả của Nhà nước, sự giúp đỡ của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, cùng sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện. Đồng thời, đây cũng chính là động lực, tạo bước phát triển nhanh, mạnh và vững chắc trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện Thọ Xuân.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2005

- *Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 11,1%/năm. Trong đó: nông nghiệp 5,5%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 15,4%; dịch vụ 15,3%.*
- *Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 39,8%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản: 21,1%; dịch vụ, ngành khác: 39,1%.*
- *Thu nhập bình quân tính theo đầu người: 475 USD/năm trở lên.*
- *Tổng sản lượng lương thực: 110.000 tấn (ngũ cốc có hạt).*
- *Sản lượng mía nguyên liệu: 330.000 - 350.000 tấn.*
- *Bình quân giá trị thu nhập trên 1ha canh tác: 30 triệu đồng trở lên.*
- *Thu ngân sách tăng bình quân: 5%/năm trở lên.*

THO XUAN DISTRICT

GRADUALLY STABILIZE, ENTER INTO THE FUTURE

On implementation of Doi Moi cause initiated and leaded by the Party, Tho Xuan District's Party's Committee, authorities and people have obtained a range of important and comprehensive outcomes in social economy and national defense and security. Those performances have been clearly evidenced in the annual economic growth as well as the results in dealing with the urgent social issues. The progresses were seen in agricultural and rural structure conversion, the newly built and upgraded infrastructure works and the people' increasingly improved material - spiritual life, creating premise for Tho Xuan to steadily enter into the future.

Lying in the west of Thanh Hoa Province, Tho Xuan is considered the homeland of "national heroes and celebrities", which possesses the crucial strategic position in the struggling for national establishing and defending. Its township - the economic, politic and cultural center locates 36km from Thanh Hoa City (on the national highway 47) in the west, and on right bank of Chu river, the second largest river of Thanh Hoa province that carries many interesting legends about the history and culture.

Especially, Lam Son - Sao Vang industrial urban zone, one of the four motive economic zones of Thanh Hoa Province, and Lam Kinh historical interests are becoming the potential lands, opening the great prospect for industry and tourism development. Moreover, the topologic structure consisting of half-mountain half-plain areas suitable to planting industrial trees, fecund delta areas together with the rivers of Chu, Cau Chay, Nha Le, irrigation canals and Bai Thuong dam have empowered Tho Xuan to develop comprehensive agriculture.

In 2002

- **Natural area: 303.22 sq.km**
- **Population: 233,255 people**
- **Administrative structure: 38 communes and three townships**
- **Annual economic growth: 11.1%**
- **Annual per capita income: US$ 371.5**
- **Annual average per capita food output: 495kg**

Efficiency from right development strategy

Bringing glorious historical tradition into play, in Doi Moi period, Tho Xuan District's Party's Committee, authorities and people have attained sound performances with high growth rate in all the sectors. Of which, the district's GDP growth in 2002 represented 11.7%, average per capita GDP accounted for 371.5%, rose 41.6% over 1997. Economic structure was actively shifted towards raising proportion of industry - handicraft and trading - services, and decreasing agro-forestry proportion.

To make those outcomes achievable, the Tho Xuan District's Party Committee, People' Council and People' Committee have drawn out the right and reasonable development strategy to effectively exploit the potentials and strong points of the district, which have been evidenced by high growth rate of the economic sectors:

In terms of agricultural production, with 15.347ha land, the district in past

Establishment history and place-names of Tho Xuan District

1. Place-names and administrative borderlines:
Under the Han domination (111 AD - 210 BC), previous Tho Xuan land belonged to Tu Pho District, from 581 to 905, belonged to Di Phong District and later on, to Truong Lam District.
Under Tran dynasty, it belonged to Co Loi District. Since 1466, it was named Loi Duong.
Under Nguyen dynasty (1826), Loi Duong and Thuy Nguyen Districts were merged to establish Tho Xuan District. Its township before 1895 was in Thinh My (now belongs to Tho Dien commune), later on moved to Xuan Pho (present Xuan Truong). After the August Revolution in 1945, Tho Xuan phu (district as the feudal administrative unit) was named Tho Xuan district.
2. History of establishment
Right from the prehistory, Tho Xuan land had the residents. The imprints of the country foundation period remained boldly. At the left bank of Chu river, the archeologists had found a number of copper drums and jars and the production tools.
Tho Xuan developed since the 10th Century. In The 15th Century, it was the base of Lam Son troops. As the district with tradition of patriotism and revolution, Tho Xuan gave birth and brought up many wise kings and loyal servants such as Le Dai Hanh, Le Thai To, Le Thai Tong; Nguyen Trai, Tran Nguyen Han, Le Van Linh and Trinh Khac Phuc, who brought fame to the homeland. This tradition was developed in the Can Vuong movement (as Tho Xuan was the anti-French revolutionary base). Following the Party appeal, its inhabitants contributed manpower and properties to the resistance for the national salvation. In the Renovation, with their traditions of eager for knowledge, hard-working, patient and helpful in need, Tho Xuan people through generations have been making great achievements insocio-economy, national defense-security, contributing to their more and more prosperous homeland.

years set up the areas for specialized and intensive cultivation directing commodity production, facilitating effective exploitation of the regional economic potentials, speeding up growth speed and heightening the productivity. Accordingly, the district has soon established the agricultural and non-agricultural co-operatives and completed land accumulation, reached 61 co-operatives after three years of implementation. Besides, the science-technique advancements were wider applied, bringing new high-yielding rice varieties into production, fostering crop structure conversion. Thanks to that, the food productivity and yield saw rapid increase of around 5.000 tons a year, achieved 115.888 tons in 2002 against 92.220 tons in 1997 of the total food output. (rose 20.4%).

To go on economic structure conversion. Tho Xuan has focused on exploiting and developing Lam Son motive economic zone, setting up the specialized areas for cultivation and intensive cultivation of industrial trees with high-economic efficiency. Especially, the district formed the sugarcane material area of 4.000ha, of which, put the areas growing high-efficient sugarcane (of 140 - 150 tons/ha) into operation in 2002, turning it into the strong position of hill economy, bringing high and stable income for the people, supplying commodity materials, facilitating stable development of Lam Son sugarcane industrial zone.

Additionally, the district has carried out the existing forest area planning. So far, the management of more than 1.000ha hills and forest were handed over to the households, shifting from major forest exploitation to partition, care and protection. Concurrently, the afforestation of 200ha protective and forests for special use has created capability for efficient exploitation of land and labor potentials, improved local ecological environment, as well as generated the material resources areas supplying to Muc Son Paper Company. Those results showed that the co-ordination between forestry and material areas has connected agro-forestry to industry, workers to farmers, radically changed the socio-economic life in the midland and mountainous communes in recent years.

Moreover, Tho Xuan has also attached importance to boosting livestock breeding towards industrialization, enhancing quality and making use of advantages of every locality and season to develop suitable livestock, bringing high economic value. The breeding model in the households and farms has been well expending. Income from livestock breeding witnessed considerable increase, from VND69.8 billions in 1997 to VND86.4 billions in 2002, represented 29.3% GDP of agro-forestry value. Presently, the attention is paid to breeding of the animals with high economic efficiency such as super-meat pigs, Sind-cows, milk cows, which turns Tho Xuan to be the district leading Thanh Hoa Province in beef and pork output. Specifically, lately, the district co-operated with Lam Son Sugarcane Company to carry out the program on milk cow breeding extension, initially created and supplied 1,500 cross-bred milk cows for the households in Quang Phu, Xuan Thien and Tho Xuong (including 1,000 imported milk cows from New Zealand). Milk output under the test was attained positive results, opening new development direction in coming years. Besides, raising pigs, poultry, aquatic products and bees has also been intensified, contributing in taking advantages of each locality, earning high economic efficiency.

Minister of Agriculture and Rural Development, Le Huy Ngo visited program on milk cow breeding development at Xuan Chau commune

Industry - handicraft experienced speedy development with annual growth rate of 16% - 18%. In addition to the traditional professions such as fiberboard production, forge and jewelry, the new occupations were introduced including mulberry growing -silkworms breeding, embroidery for export, crude pulp producing for materials and high-class wood processing. In comparison with agro-forestry growth, the district's industry - handicraft has not developed in correspondence to its available potentials. However, the planning of occupational complexes and many factories processing agro-forestry comprising of processing milk, alcohol and Lam Son industrial zone was completed, industry - handicraft therefore will be developed stronger in the time to come.

Economic structure of Tho Xuan District (1997 - 2005)

Unit: %

Year	1997	1999	2000	2002	2003	2005 (Proposed)
Agro - forestry	57,4	54,6	51,4	47,2	44,4	39,8
Industry - handicraft	15,8	15,7	16,5	18,4	20	21,1
Trading - service	26,8	29,7	32,1	34,4	35,6	39,1

Trading - service is on the rapid impetus. Annual average growth reached 15% - 16%, accounted for high proportion in economic structure. The public, corporate and private services became diverse, contributing to enhancing service quality. In agricultural production - business specifically, the co-operatives of different forms have been gradually affirming their position in rural economy. The trading centers and townships were established and gradually put into stable operation, satisfying the local people' requirement on commodity exchange. Apart from that, Tho Xuan enjoys the great potentials and favorable conditions to develop tourism, making contribution to turning trading - service to be the vital sector in the district's economic development thanks to its location with 15km Hochiminh Highways, adjoining Lam Kinh historical vestiges, which is on embellishment process.

Acknowledgeable achievements in infrastructure construction

Tho Xuan image witnessed sound changes thanks to developed economy and the people' stabilized standard of living. The importance has been attached to investment in infrastructure construction of many works, which have been completed and started realization. Those changes were obtained owning to the State's consideration and supports along with the people' great efforts to join forces in developing social economy.

Learning of personnel training significance, the district's Party's Committee, People' Council and People' Committee have conducted education intensification in both scale and quality. The teachers' qualification have been improved and standardized according to the grades. The number of excellent students saw year-on-year increase. So far, in the entire district, prompt compulsory education for primary schools was accomplished, for secondary schools reached 95% communes; 16/41 primary schools satisfied national standard, the first of which, especially, was Sao Vang primary school

Investment has been granted to upgrading the basic broadcasting and televising system, ensuring quality and developing propaganda efficiency. The movement on building cultural life under the spirit of the 5th Central Resolution (session VIII) is earning popularity of the Party's Committee, authorities and people. By late 2002, the district had 130 cultural villages and 2 cultural institutions; 11/38 communes completed inauguration for 100% cultural villages.

Health care for the community enjoys consideration of the district's Party's Committee and authorities. Examination and treatment activities therefore have also been effectively carried out thanks to adequate material facilities as well as considerate health officers. In terms of preventive health care, considering prevention is better than cure, the works concerning food hygiene and safety, environment sanitation and fresh water have always been under control, avoiding the spreading epidemics.

Steadiness and stability have been constantly affirmed in national defense, political security and social safety. The national defense and local military tasks have been well implemented, ensuring quality in military recruitment and assignment.

Nationally classified cultural historical vestiges

1) Le Hoan architectural historical interests at Xuan Lap commune, consisting of the temples, Hoang Khao mausoleum, Quoc Mau mausoleum and Le Dot mausoleum (his stepfather).

2) Lam Kinh historical vestiges (at Xuan Lam commune and Lam Son township) including Le Thai To temple, palace, tombs of the kings and queens of the Le dynasty.

3) Temple and tomb of grand duke Nguyen Nhu Lam (Tho Dien and Xuan Lap Communes).

4) Revolutionary historical vestiges in Xuan Hoa, Tho Xuan.

5) Revolutionary historical vestiges in Xuan Minh commune.

Besides, in Tho Xuan many vestiges have been ranked provincial standard such as temple of grand duke Le Van An (in Dien Hao village, Tho Lam commune), temple of Quoc Mau in Thinh My village of Tho Dien commune.

Development orientation by 2005

Bringing the obtained achievements into play, in next years Tho Xuan is continuing to intensify Doi Moi process, enhance a sense of self-help for self-improvement, develop internal forces, make use of external powers, effectively exploit the available potentials and advantages, speed up agricultural and rural structure conversion. Focus on agriculture development towards producing commodity attaching to developing industry - handicraft, trading - service and potential occupations on the direction of industrialization and modernization. Diversify and enhance product quality, increase competitiveness, expand markets, create agro-industry-service association, attach economic growth to dealing with the social issues, improve people's standard of living and practice social equitableness and progress. Develop social economy in connection with consolidating national defense and security and build strong political system.

Aiming at those above-mentioned targets, Tho Xuan is required to step up economic restructuring process in the locality, join all forces to create breakthrough in economic structure conversion - the key task of the district in next period. Of which, special attention should be paid on the sectors of great potentials in GDP increase such as industry - handicraft and trading - service.

1) Increase existing sugarcane planting area to 4,500ha, develop sugarcane material intensive cultivation towards hi-technology, expand prolific and milk cow breeding and animal food processing. The key rice growing area should receive focused investment towards commodity production and increase of productivity and quality. Intensify establishment of the husbandry, breeding and forestry co-operatives and farms to accumulate lands targeting heightening effectiveness in land occupancy to VND45-50 million/ha a year at average.

2) Speed up historical vestiges' embellishment to exploit tourism potentials so as to accelerate trading - service proportion.

3) Rapidly implement the project "mulberry - silkworm - silk cord" at the warp of River Chu. Recover the traditional crafts and develop the new ones, create jobs and increase income for the laborers. Actively search for investment capital, build factories processing agro-forestry products and find the consumption market for them.

Make use of the investment capital sources, mobilize the people' forces to accelerate the local traffic system, especially in rural areas, facilitate socio-economic development.

The recently attained great achievements of the district's Party's Committee, authorities and people are the natural achievements thanks to the State's efficient investment, the supports from the provincial Party's Committee, People's Council and People' Committee as well as the close instruction of the district's Party's Committee, People's Council and People' Committee. Simultaneously, those are the motive force to create speedy, strong and stable progress for Tho Xuan on the way to industrialization and modernization.

Main targets by 2005

- *Annual average economic growth: 11%. Of which, agriculture: 5.5%, industry - handicraft: 15.4%, service: 15.3%.*
- *Economic structure: agriculture 39.8%, industry - handicraft - capital construction 21.1%, service and others 39.1%.*
- *Per capita income: US$ 475 upward.*
- *Total food output: 110,000 tons (grain cereals).*
- *Sugarcane material output: 330,000 - 350,000 tons.*
- *Average income value per hectare: VND30 million upward.*
- *Average budget collection: 5% a year upward.*

HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

ĐI LÊN NHỜ ĐỔI MỚI TƯ DUY

Quảng Xương được xem là một huyện nghèo của tỉnh Thanh Hoá, đồng đất không mấy thuận lợi, lại chịu nhiều thiên tai. Song, hiện nay, kinh tế của huyện vào diện khá của tỉnh, GDP liên tục tăng qua các năm, thu nhập bình quân đầu người có mức tăng khá (298,7 USD năm 2002), đời sống nhân dân ngày càng cải thiện. Thêm nữa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại. Sự đổi thay kỳ diệu đó có được là do Quảng Xương đã đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cánh làm.

Là một huyện đồng bằng ven biển có diện tích đất tự nhiên 227,63 km^2. Quảng Xương đã từ lâu được coi là trọng điểm lúa của tỉnh. Với chiều dài bờ biển gần 18km, Quảng Xương là một trong những huyện có tiềm năng về thuỷ, hải sản. Hơn nữa, nằm trên các trục quốc lộ 1A, quốc lộ 45, 47, tỉnh lộ số 4, phía bắc là thành phố Thanh Hoá với khu công nghiệp Lễ Môn, phía nam là Khu công nghiệp động lực Nghi Sơn - Tĩnh Gia, đồng thời là huyện có vị trí trọng yếu về an ninh - quốc phòng của tỉnh. Đây là lợi thế đặc biệt quan trọng để thu hút đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng.

Kinh tế tăng trưởng nhờ chuyển dịch cơ cấu cây trồng

Với 41 xã, thị trấn, huyện Quảng Xương chia thành hai vùng rõ rệt: đồng bằng và ven biển. Song phần lớn số dân vẫn sống bằng sản xuất nông nghiệp là chính, nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn không chỉ là sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, mà còn là nỗi trăn trở của bà con nông dân. Bởi vậy, các cấp uỷ Đảng và chính quyền xã, huyện cùng lo với dân, cán bộ huyện thường xuyên xuống xã để điều tra, xem xét từng vùng đất để từ đó vận động khuyến khích dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sao cho hợp lý.

Với chủ trương, sách lược phát triển hợp lý, đến nay, nhiều xã trong huyện đã lựa chọn cho mình hướng đi đúng. Trong đó có những xã đã chuyển hàng chục ha đất cấy lúa bị thoái hoá sang trồng cói, phục vụ nhu cầu phát triển thủ công nghiệp. Điển hình là xã Quảng Khê, từ một xã trong nhiều năm thuộc diện đói nghèo, đất thoái hoá đã chuyển 100 ha lúa năng suất thấp sang trồng cói, giá trị thu nhập từ một sào trồng cói gấp 4 lần giá trị thu nhập từ 1 sào trồng lúa. Các xã Quảng Hợp, Quảng Ninh... cũng chuyển sang trồng hàng trăm ha dâu nuôi tằm. Nhờ vậy, hiện nay, giá trị thu từ những ha trồng cói, dâu được nâng lên, qua đó tạo nguồn nguyên liệu góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Nếu năm 2001 tốc độ phát triển chỉ đạt 15% thì sang năm 2002 đã tăng lên 17%, năm 2003 đạt khoảng 18,5%. Đối với các xã đất ruộng màu mỡ, Uỷ ban nhân dân xã đã chỉ đạo người dân tích cực chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, coi trọng cả ba vụ trong năm, tăng nhanh diện tích cây vụ đông trên đất 2 lúa, đồng thời đưa vào triển khai canh tác những giống lúa cho năng suất cao. Trong đó, giống lúa lai F1 được đưa vào canh tác đã cho năng suất ban đầu khá cao, giống lúa Bắc Ưu 903 đạt 22 tạ/ha. Do đó, dù nhiều xã đã chuyển sang trồng cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nhưng sản lượng lúa của huyện Quảng Xương vẫn khá cao. Huyện Quảng Xương vẫn được coi là huyện trọng điểm lúa của tỉnh.

Ông Nguyễn Đức Dũng - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Xương

Vùng đất chua ven biển chi chít hố bom ở phía bắc sông Yên một thời để có, lau mọc um tùm, giờ đây đã được cải tạo thành đồng nuôi trồng thủy sản nước lợ. Từ Quảng Trung, Quảng Chính... qua vùng bãi ngang,

cát trắng đến các xã Quảng Phú ở hạ lưu sông Mã, diện tích trồng triều cứ thế nhân rộng mãi, kéo dài đến hút tầm mắt. Vẫn đất cũ, người cũ (dân xứ Quảng), nhưng tư duy kinh tế, phương thức sản xuất mới đang được nhân rộng, đánh thức tiềm năng vùng triều. Cùng với chủ động ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thời gian qua, các địa phương đã quy hoạch lại diện tích vùng triều, mở rộng đồng nuôi, mạnh dạn chuyển nhiều ha đất trồng lúa và cói cho năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản nước lợ. Theo số liệu thống kê, năm 2002, sản lượng thu hoạch thủy sản nước lợ ở Quảng Xương đạt 849 tấn trong đó có 450 tấn tôm sú, nâng sản lượng khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ, hải sản ở Quảng Xương lên 6.700 tấn, tăng 15% so với năm 2001.

Không những tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của Quảng Xương tăng lên qua các năm, mà tỷ trọng dịch vụ thương mại cũng theo một hướng đi mới. Nếu năm 2001 tốc độ tăng trưởng là 11,97%, chiếm 28,14% GDP, thì đến năm 2002 đạt 13,7% chiếm 19,09%. Trong đó, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại tăng cả về tốc độ lẫn tỷ trọng trong GDP, tạo nên sự phát triển bền vững lâu dài cho Quảng Xương.

Mục tiêu, định hướng phát triển đến năm 2005

- *Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 11 - 12%/năm. Trong đó:*
+ *Nông nghiệp: 6 - 6,5%/năm.*
+ *Ngư nghiệp: 17% - 18%/năm.*
+ *Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản: 17,5 - 18%/năm.*
+ *Dịch vụ - thương mại: 13,5 - 14%/năm.*
- *Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp: 38 - 39%, ngư nghiệp: 14 - 15%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 17 - 18%, dịch vụ - thương mại: 29 - 30%.*
- *Thu nhập bình quân: 400 USD/người/năm.*
- *Giá trị xuất khẩu: 6 - 6,5 triệu USD.*
- *Tổng sản lượng lương thực (quy thóc): 130.000 tấn.*
- *Đến năm 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo dưới 10%.*
- *Giải quyết việc làm cho 5.000 lao động/năm*

Kết cấu hạ tầng, giao thông phát triển mạnh

Cùng với sự tăng trưởng cao của kinh tế, các vấn đề xã hội và kết cấu hạ tầng của Quảng Xương ngày càng được củng cố và cải thiện. Là huyện có số dân đông nhất nhì trong tỉnh, năm 2002, toàn huyện có 110.850 lao động, thường xuyên có 9 -10% lao động thiếu việc làm. Lượng lao động dồi dào, tạo nên lợi thế về nhân lực, nhưng hiện nay vẫn chưa phù hợp với sự phát triển của kinh tế, hàng năm huyện vẫn phải tổ chức làm đầu mối để đưa dân đi phát triển kinh tế ở nhiều tỉnh. Năm 2002, bằng nhiều hình thức khác nhau như tạo việc làm tại chỗ, tham gia xuất khẩu lao động, huyện đã giải quyết việc làm cho gần 5.000 lao động, góp phần giảm số hộ đói nghèo xuống còn 16,5%.

Đến nay, hệ thống giao thông thuỷ lợi cơ bản đã được hoàn thiện. Hiện nay, 100% số xã đã có đường ôtô đến xã, toàn huyện có 60 km đường rải nhựa, hệ thống cầu cống trên các trục đường giao thông đảm bảo thông tuyến, không những tạo nên thuận lợi cho việc đi lại, mà còn là một trong những tiền đề cơ bản để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đối với hệ thống thuỷ lợi, hiện có 65% diện tích sản xuất được tưới bằng nguồn nước tự chảy (8.000 ha), 35% diện tích còn lại được tưới bằng nguồn nước tạo nguồn với hình thức chủ yếu là bơm điện và bơm dầu (4.000 ha), kênh mương tưới phần lớn đã được xây dựng và kiên cố, tạo thuận lợi lớn cho nông nghiệp phát triển. Mạng lưới điện, nước không ngừng được củng cố, đến nay, hiện có 85% số dân được dùng nước hợp vệ sinh, 99% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia.

Mạng lưới thông tin liên lạc được phát triển nhanh và từng bước được hiện đại hoá, đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu thông tin liên lạc phục vụ cho việc trao đổi thông tin trong sản xuất cũng như nhu cầu tình cảm. Hiện nay, toàn huyện có 37 trạm bưu điện văn hoá xã.

Giáo dục và y tế là hai vấn đề luôn được quan tâm ở Quảng Xương, kết cấu hạ tầng phục vụ cho việc giảng dạy và học tập ngày càng được xây dựng và hoàn thiện. Hầu hết các xã đều có cơ sở khám chữa bệnh, đáp ứng được sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ của người dân. Văn hoá xã hội phát triển, an ninh chính trị ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư.

Giải pháp phát triển các ngành sản xuất chính

Về nông nghiệp - ngư nghiệp:

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, coi trọng cả ba vụ mùa trong năm, tăng nhanh diện tích cây vụ đông trên đất 2 lúa, đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2,45 - 2,5 lần vào năm 2005. Đảm bảo vững chắc về an toàn lương thực, gắn tăng năng suất cây trồng với giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích.

Mở rộng quy hoạch vùng sản xuất cây công nghiệp và cây xuất khẩu đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp (cói, đay, dâu tằm...) và sản phẩm cho xuất khẩu (tơ, tằm, lạc...).

Quy hoạch vùng nuôi trồng thuỷ sản ở phía nam, phía bắc huyện và vùng ven biển. Phấn đấu đến năm 2005 nuôi trồng được 1.500 ha tôm, cua xuất khẩu. Trước mắt bố trí nuôi tôm công nghiệp ở các xã ven biển và các xã vùng phía nam huyện trên 300 ha.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh với tốc độ tăng GDP năm 2005 là 20%.

Quy hoạch cụm công nghiệp du lịch Tiên Trang trên 300 ha (hiện nay, Công ty SOTO đã sử dụng 40 ha, thu hút gần 1.000 lao động dệt len xuất khẩu), dành quỹ đất tạo điều kiện cho các đối tác vào sản xuất công nghiệp, du lịch sinh thái.

Phát triển các ngành dịch vụ và du lịch:

Xúc tiến triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch nam Sầm Sơn, quy hoạch 512 ha giai đoạn I: quy hoạch chi tiết 270 ha, hướng bố trí xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng sức và tắm biển, vui chơi giải trí, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Tiếp tục lập các dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng để sớm khai thác tiềm năng vùng biển.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển các cơ sở dịch vụ tạo ra nhiều loại hình dịch vụ có quan hệ mật thiết với nhau trên địa bàn như: dịch vụ tư nhân, tổ hợp tác dịch vụ...

Để có thể đạt được mục tiêu đã đề ra đến năm 2005, thu hút được các nhà đầu tư vào các dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội của huyện, Quảng Xương ngoài việc thực thi tốt những chính sách thu hút đầu tư của Nhà nước và tỉnh Thanh Hoá còn có những chính sách riêng của huyện như: mặt bằng sản xuất và điều kiện thuê khá thuận lợi; chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng mức giá thấp nhất trong khung giá Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định; liên doanh cùng địa phương để tổ chức sản xuất; tạo một hành lang pháp lý bảo vệ an ninh - trật tự và môi trường trong sạch; giải quyết nhanh gọn về thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... Tất cả những chính sách đó đã và đang phát huy tác dụng trong những năm qua, nó được minh chứng bằng sự phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Xương, thể hiện được sự đổi mới tư duy của một huyện với truyền thống sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, giờ đây đã nhận thức được cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển.

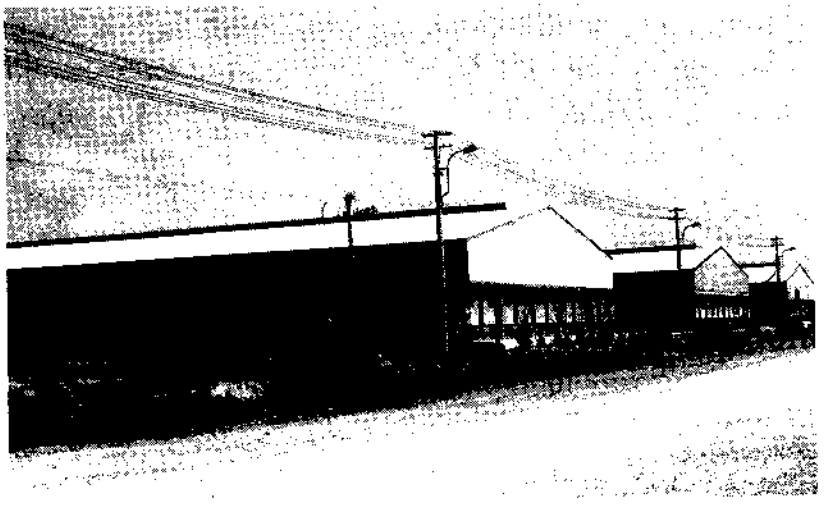

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Soto – một trong những doanh nghiệp đóng góp không nhỏ cho phát triển kinh tế – xã hội huyện Quảng Xương

Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư

1) *Xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp 300 ha (ở xã Quảng Trung, Quảng Chính) và các xã vùng ven biển có khả năng nuôi trồng thuỷ, hải sản.*
2. *Đầu tư vào Khu du lịch nam Sầm Sơn giai đoạn I: 270 ha. Xây dựng khu nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí phục vụ cho du khách trong và ngoài nước.*
3) *Xây dựng cụm công nghiệp - du lịch Tiên Trang với quy mô 300 ha, tập trung vào các hạng mục: đầu tư mới các hoạt động sản xuất công nghiệp; khu du lịch tắm biển, vui chơi giải trí; xây dựng cảng cá Quảng Nham; xây dựng các cơ sở chế biến hải sản biển.*
4) *Thực hiện quy hoạch mở rộng thị trấn, là trung tâm của huyện lỵ. Trong đó, xây dựng khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng khu vui chơi giải trí, thể thao; xây dựng khu giới thiệu quảng bá sản phẩm trong huyện.*
5) *Xây dựng cơ sở chế biến súc sản, hải sản đông lạnh tại xã Quảng Lĩnh công suất 2.000 tấn/năm, vốn đầu tư 5 tỷ đồng.*
6) *Cần đầu tư cho các tuyến đường giao thông chính và cơ sở vật chất trường học cao đẳng.*

QUANG XUONG DISTRICT

GROWING WITH NEW POLICIES

Quang Xuong used to be one of the poorest districts in Thanh Hoa. It suffers from poor soil and serious natural disasters. However, things have been changed, the district has achieved acknowledgeable economic developments with year-on-year GDP growth, significant per capita income increase (that achieved US$298.7 in 2002) and great improvements in the local people's living standard. In addition, Quang Xuong's economy is reforming positively towards the smaller proportion of agriculture and forestry but greater proportion of industry, handicraft and services. Those spectacle changes are the results of the local authorities' renovation policies.

As a plain coastal district with the natural area of 227.63 sq.km, Quang Xuong has been always considered a granary of Thanh Hoa Province. With the total length of 18 km along the coast, Quang Xuong is one of the districts that are rich of fishery potentials. Apart from that, the district borders Thanh Hoa City with Le Mon Industrial Park in the north and Nghi Son - Tinh Gia Industrial zones in the south. Located in core position of the province's national defence and security with the National Road No.1A, 45 and 47, and the provincial road No.4 running across, Quang Xuong enjoys great advantages to lure investment for the local economic development and reinforce the national defence.

Rapid economic growth thanks to the cultivation reform

With 41 communes and townships, Quang Xuong is obviously divided into two areas: the delta and the coastal. Due to the fact that most of the local people are

living on agricultural production, the agricultural and rural economic reform is not only the authorities' concern but also a great worry of the farmers. Therefore, the Party bodies and municipal authorities work with the farmers, the district cadres regularly visit the production sites to examine the soil thus giving practical advice and encourage the local people to implement the cultivation reform in the best possible way.

Thanks to the appropriate policies of development, many communes across the district have found good ways to develop. Some of them have even decided to grow sedge instead of paddy over hectares of impoverished soil for the supply to handicraft development. Typically, Quang Khe, which used to be a poor commune for years, converted 100 ha of impoverished soil from low productivity rice growing to sedge growing with the income of four times greater. Other communes such as Quang Hop and Quang Ninh started to cultivate hundreds of hectares with mulberry for sericulture. As a result, cultivation income has been raised, creating good material source to contribute to the acceleration of industrial and handicraft development. The growth rate of the sector stood at 15 per cent in 2001 but went up to 17 per cent in 2002 and is estimated to be 18.5 per cent in 2003. For the communes that enjoy fertile soil, the municipal People's Committee directs the local crop transfer to giving the all three crops in a year the same importance, rapidly expanding the area of winter crop and producing high productivity rice. Typically, the rice crossbreed F1 being cultivated has initially brought high economic value, and Bac Uu 903 crossbreed brought the output of 2,200 kg a hectare. Thanks to the cultivation of high productivity rice, the rice output of Quang Xuong District is rather high even though some of the local communes have turned their production to industrial crops and fishery. Therefore, Quang Xuong is still considered the key rice supplier of Thanh Hoa Province.

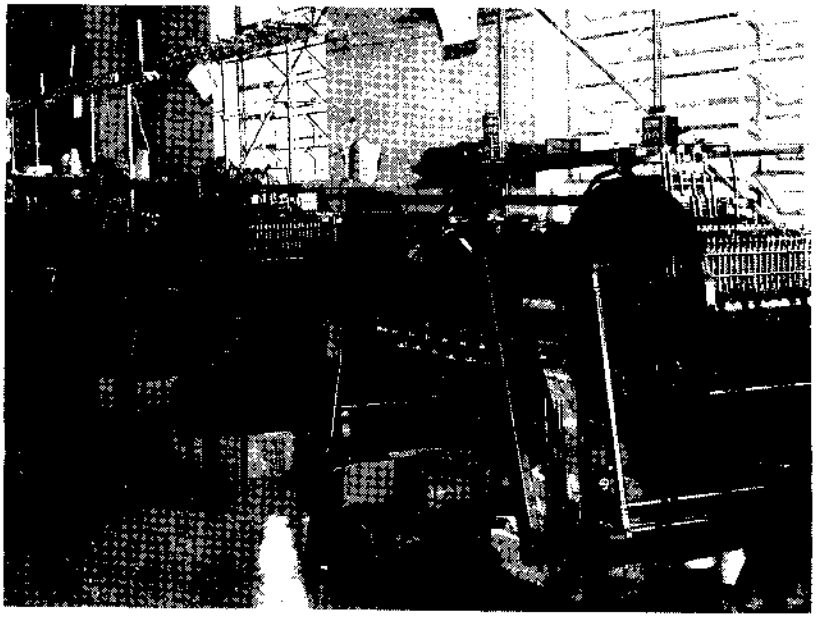

Automatic weaving machine of SOTO Co. Ltd.

The coastal land, which is full of craters in the north of Yen River with luxuriant grasses and reeds, has been improved to be a field for brackish aquaculture. The tidal cultivation area has been expanded larger and larger from Quang Trung, Quang Chinh, across the sunny white beach to Quang Phu in the lower section of Ma River. The land and people are the same but the expanding application of new economic and production methods is awakening the potentials of the area. In addition to effective scientific and technological applications in production, the localities have re-planned the tidal flat area, expanded the aquaculture area and boldly replaced low productivity rice and sedge cultivation by brackish fishery farming. According to the statistics, the output of brackish fishery farming in Quang Xuong in 2002 achieved 849 tonnes, including 450 tonnes of tiger prawns that helped raise the

total aquaculture output of Quang Xuong to 6,700 tonnes, increasing by 15 per cent in comparison to that in 2001.

The proportion of industry and handicraft is yearly mounting and that of the service sector is also growing positively. In 2001, the growth rate was 11.97 per cent, accounting for 28.14 per cent in the economic structure but came up to 13.7 per cent in 2002, accounting for 19.09 per cent in the economic structure. The rapid increase of industry and handicraft, services and trade proportions is creating sustained development for Quang Xuong District.

Development targets and orientation by 2005

- *Annual economic growth: 11-12 per cent. Of which:*
+ *Agriculture: 6-6.5 per cent*
+ *Aquaculture: 17-18 per cent*
+ *Industry – handicraft – capital construction: 17.5-18 per cent*
+ *Service and trade: 13.5-14 per cent.*
- *Economic structure: Agriculture: 38-39 per cent, Aquaculture: 14-15 per cent, Industry – handicraft: 17-18 per cent, Service – trade: 29 – 30 per cent.*
- *Annual income: US$400 per capita*
- *Export revenue: US$6-6.5 million*
- *Total food output (converting into paddy):130,000 tonnes*
- *No hunger households, poor households will decline to less that 10 per cent by 2005*
- *Creating 5,000 jobs for the local people every year.*

Strong development of infrastructure and transport

Along with high economic growth rates, the local infrastructure and social matters have been increasingly improved. Quang Xuong has the largest population in Thanh Hoa, which went up to 110,850 people at the working age in 2002, of which 9-10 per cent was unemployed. The plenty of people at the working age creates advantages in human resources, but as they could not yet met the demands of the economic development, the district has to annually take its people to other provinces to seek for job opportunities. In 2002, by different methods such as creating local employment and labour export, the district has brought jobs to around 5,000 people, reduced the number of poor and hunger households to 16.5 per cent.

The transport and irrigation system has so far been basically completed. Across the district, 100 per cent of the communes have roads for automobiles, totally 60 km of roads over the district have been asphalt in addition to a good bridge and locks system, which not only facilitates transport and is one of the most basic premise for industrial and handicraft development. Regarding the irrigation system, 65 per cent of the production area is now watered naturally (8,000 ha), the other 35 per cent (4,000 ha) is watered by machinery, the canals system has been mostly built and consolidated, creating favourable conditions for the agricultural development. The electricity grid and water supply have been regularly improved. So far, 85 per cent of the population have been supplied with clean water and 99 per cent have been supplied with the national electricity grid.

The communication network has been rapidly expanded and progressively modernised to catch up with the communication demands of the production and personal contacts. There are now totally 37 communal cultural post offices across the district.

Education and health are two of the most important concerns of the Quang Xuong District, the school infrastructure is continuously built and upgraded. Almost all of the communes over the district have now health centres to meet the local people's demands for public healthcare services. The solid socio-economic development and stable political security are favourable conditions for luring investment.

Solutions to develop the major production sectors

As regard agriculture and aquaculture:

Continue crop reform, emphasise all the three crops a year round, expand the area growing winter crop, raise the land use coefficient to 2.45 – 2.5 times in 2005. Ensure food safety and attach the cultivation productivity to the income value per an area measurement unit.

Expand the industrial and export crops production planning so as to ensure the materials for industrial and handicraft production (sedge, jute and mulberry) and export products (silk, silkworm, peanut, etc.)

Plan the aquaculture area in the north and south of the district and the coastal areas. Strive to achieve 1,500 hectares breeding export shrimps and crabs by 2005. Soon start the industrial shrimps breeding in the coastal and the southern communes of the district over 300 ha.

As regard industry – handicraft:

Focus on the industry and handicraft development toward higher production efficiency and competitiveness with the GDP growth of 20 per cent in 2005.

Plan the Tien Trang industrial and tourism complex over 300 ha. (SOTO Company is using 40 ha and creating jobs for 1,000 people involved in export wool textile work). Spend appropriate area for the investors to come and set up their businesses of industrial productions and eco-tourism.

As regard services and tourism:

Carry out the investment project on the construction of the Southern Sam Son Tourism Zone. Plan 512 ha in the first phase, especially detailed plan for 270 ha geared to the construction of resorts and beaches, entertainment centres for Vietnamese and foreign tourists. Making more projects for the investments in the infrastructure construction to make greater exploitation of the coastal potentials.

Encourage all economic sectors to invest and develop services such as private service or service co-operatives.

In order to pursuing the targets by 2005, attract investors for the local socio-economic development projects, Quang Xuong, applies its own policies besides those adopted by the state and Thanh Hoa Province for luring investment. For example, the district creates favourable production sites and rental conditions, applies the lowest price in the price framework set by the Provincial People's Committee for converting the land use purposes, creates a legal framework to ensure social order and security, protect the environment, simplify the administration procedures for land rent and land use purpose change. All those policies have been effectively applied during the past years. It can be seen through the socio-economic development of Quang Xuong, and shows the great renovation of a district with a long tradition of agricultural production as the major in economic reform.

Lists of projects to attract investment

1. ***Building the industrial shrimp breeding area over 300 ha in Quang Trung and Quang Chinh and some coastal communes.***
2. ***Investing in the Southern Sam Son Tourism Zone of the first phase: 270 ha. Building the resorts, eco-tourism zone and entertainment centres for the foreign and Vietnamese tourists.***
3. ***Building Tien Trang Industrial and Tourism Complex with the scale of 300 ha, focussing on new investments in industrial productions, beaches, entertainment centres, and building Quang Nham fishing jetty and seafood processing works.***
4. ***Implementing the planning for the district expansion to be the central district with industrial and handicraft zones, entertainment centres, sports and an area for product presentation.***
5. ***Building the seafood processing work in Quang Linh Commune with the capacity of 2,000 tonnes per year and the investment capital of VND5 billion.***
6. ***Investing in the main roads and school facilities.***

HUYỆN NHƯ THANH

TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

Thực hiện Nghị định 72/CP của Chính phủ ngày 18-11-1996, Như Thanh được thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Như Xuân. Kể từ đó, Như Thanh bước vào giai đoạn phát triển mới, thời kỳ thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn bằng việc ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư có trọng điểm để hình thành một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá; đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá huyện nhà nhằm hướng tới mục tiêu "Dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Ông Trần Văn Tuấn – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Như Thanh

Theo quốc lộ 45A về phía nam, qua huyện Nông Cống là địa phận huyện Như Thanh. Với vị thế của một huyện miền núi, nằm ở phía tây tỉnh Thanh Hoá, Như Thanh tiếp giáp với huyện Triệu Sơn, Thường Xuân ở phía bắc; huyện Tĩnh Gia và tỉnh Nghệ An ở phía nam; huyện Nông Cống ở phía đông và huyện Như Xuân ở phía tây.

Sức trẻ Như Thanh

Ngay từ khi được thành lập, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với một đội ngũ cán bộ trẻ, năng động được bố trí, sắp xếp hợp lý đã tạo cho Như Thanh nền tảng vững cho sự phát triển vượt bậc trong những năm qua. Theo đó, với mục tiêu dẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế huyện, Đại hội Đảng bộ huyện Như Thanh lần thứ I (nhiệm kỳ 1997 - 2000) đã chỉ rõ: "Phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, vượt qua mọi khó khăn thách thức, tổ chức khai thác tiềm năng thế mạnh và các nguồn lực của địa phương; qua đó tạo bước phát triển mới và tăng trưởng nhanh, phát huy hiệu quả cao của nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhiều thành phần theo cơ cấu: nông - lâm, công nghiệp - thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, là những ngành trọng tâm, hướng tới giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, tiến tới tăng nhanh cơ cấu về du lịch. Mục tiêu của huyện đề ra với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 14,5%/năm".

Để đạt được những mục tiêu cơ bản đó, huyện đã nỗ lực phấn đấu với quyết tâm đưa Như Thanh lên một tầm cao mới. Nhờ đó, những mục tiêu này bước đầu đã được thực hiện thành công. Trong đó:

Về sản xuất nông nghiệp, thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh trong phát triển kinh tế các huyện miền núi, Như Thanh đã tập trung triển khai công tác khuyến nông trên phạm vi toàn

- **Diện tích tự nhiên: 587,12 km²**
- **Dân số: 80.629 người, với 3 dân tộc chủ yếu: Kinh, Thái, Mường**
- **Đơn vị hành chính: 1 thị trấn, 6 xã**
- **Sản lượng lương thực (quy thóc): 26.418 tấn**
- **Cơ cấu kinh tế: nông - lâm nghiệp: 74,2%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 11,4%, thương mại - dịch vụ: 14,4%**
- **Thu nhập bình quân đầu người: 2,2 triệu đồng/năm**
- **Bình quân lương thực đầu người: 335 kg/năm**

huyện. Việc tích cực chuyển hướng cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đầu tư thâm canh, tăng năng suất cây trồng, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hiện kiên cố hoá kênh mương (67km); tập trung canh tác các loại cây trọng điểm đã thu được nhiều kết quả khả quan.

Trong năm 2002, tổng diện tích gieo trồng đạt 12.415 ha, trong đó cây lúa chiếm 5.865 ha (lúa cạn: 150 ha), cây ngô 780 ha, cây khoai lang 1.080 ha, cây sắn 150 ha, cây lạc 600 ha, các cây rau, đậu, vừng 876 ha. Đặc biệt, huyện đã tích cực xây dựng vùng cây công nghiệp tập trung, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Trong đó, diện tích trồng cây mía đạt 3.000 ha (năng suất bình quân đạt 60 tấn/ha), cây dứa đạt trên 700 ha, dâu tằm 150 ha và 1.000 ha cao su, cà phê... Những thành quả đạt được trên mặt trận nông nghiệp đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, chuyển nền nông nghiệp Như Thanh từ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

Trọng tâm trong sản xuất nông - lâm nghiệp huyện Như Thanh thời gian qua là canh tác cây lúa nước. Việc đưa 50% lúa lai có năng suất cao, đủ sức chịu hạn trong thời tiết khắc nghiệt đã mang lại những kết quả khả quan, đưa tổng sản lượng (quy thóc) năm 2002 đạt 26.418 tấn, tăng 418 tấn so với năm 2001, trong đó sản lượng cây có hạt đạt 24.815 tấn. Bình quân lương thực tính theo đầu người năm 2002 đạt 335kg/năm.

Về chăn nuôi, tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II đã xác định: "Đưa chăn nuôi phát triển ngang tầm với ngành công nghiệp". Hiện nay, đàn gia súc của toàn huyện Như Thanh ngày một tăng, trong đó đàn trâu có 14.204 con, đàn bò 5.078 con, đàn lợn có 26.120 con. Ngoài ra, huyện đang triển khai dự án sind hoá đàn bò, từng bước cải tạo đàn bò hiện có và phát triển đàn bò sữa. Đặc biệt trong những năm gần đây, ngoài chăn nuôi đại gia súc, nhân dân huyện Như Thanh cũng đưa thêm một số giống con khác vào chăn thả để đa dạng hoá vật nuôi như: chăn nuôi gia cầm, dê, ong. Ngoài ra, toàn huyện còn có 214 ha ao hồ nuôi cá với sản lượng cá ước tính đạt 406 tấn/năm. Huyện đã chú trọng thực hiện dự án phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc xuất khẩu ở Yên Thọ và thị trấn Bến Sung (với 132 con lợn giống). Cho đến nay, huyện Như Thanh đang dẫn đầu các huyện miền núi trong tỉnh về triển khai nuôi lợn hướng nạc xuất khẩu. Để đạt được kết quả đó, huyện đã tổ chức cho bà con xã viên đi tham quan học tập mô hình chăn nuôi giỏi tại các huyện, tỉnh lân cận. Mô hình các gia đình, trang trại nuôi lợn hướng nạc xuất khẩu thành công (với quy mô 100 - 300 con), được xem như tiền đề thúc đẩy các hộ dân khác trong huyện chuyển từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

Song, nét nổi bật trong sản xuất nông-lâm nghiệp huyện Như Thanh thời gian qua là phát triển nhanh mô hình kinh tế trang trại. Đến nay, toàn huyện hiện có trên 1.200 trại rừng, trong đó có 144 trại rừng đạt tiêu chuẩn quy mô cấp tỉnh. Đây chính là những động thái quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện, mở ra vùng nguyên liệu mía với khoảng 3.200 ha, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Nhà máy Đường Nông Cống; vùng nguyên liệu dứa quy hoạch được hình thành với gần 2.000 ha phục vụ cho nhà máy chế biến dứa xuất khẩu sẽ được xây dựng tại Như Thanh. Bên cạnh đó, dự án trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ cũng đang tiếp tục được huyện triển khai hiệu quả.

Những thành công trong phát triển kinh tế trang trại, vườn rừng đã và đang tạo ra cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp hợp lý, thu hút hàng ngàn lao động, đồng thời khẳng định vai trò và tác dụng của các nhân tố mới trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo mối quan hệ hợp tác đồng bộ giữa các thành

phần kinh tế, nâng cao vai trò chủ đạo của các lâm trường và tự chủ của kinh tế hộ, hình thành các tổ hợp tác trong sản xuất-kinh doanh. Hiện nay, huyện Như Thanh đã cơ bản hoàn thành việc giao đất lâm nghiệp cho các doanh nghiệp, tập thể, hộ gia đình với diện tích gần 44.000 ha rừng và đất rừng. Việc chuyển hướng nghề rừng sang nền lâm nghiệp xã hội với trọng tâm là khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc, bảo vệ, kết hợp với trồng mới, nhất là đối với rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn đã mang lại những kết quả khả quan. Nếu năm 1997 có 37% độ che phủ của rừng thì đến năm 2002 đã đạt 51,3%.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có những bước chuyển biến mạnh trong những năm gần đây, chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến. Sản phẩm ngày một phong phú và đa dạng, nhiều mặt hàng đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, như gia công kim loại, chế biến lương thực, thực phẩm, ươm tơ, đá xẻ,... Đồng thời, với nguồn tài nguyên đá, quặng dồi dào đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp khai thác phát triển. Nhiều cơ sở mới được thành lập như khai thác phụ gia (Yên Lạc, Thanh Tân), quặng crôm (Mậu Lâm), quặng sắt (Thanh Kỳ), đá xẻ và đá xây dựng (Hải Vân, Hải Long, Xuân Khang). Năm 2002, sản lượng khai thác quặng crôm đạt 10.700 tấn, đá xây dựng các loại 32.500m^3, khai thác phụ gia xi măng 5.200 tấn, quặng sắt 3.500 tấn, cát sỏi 24.000 m^3,... Tốc độ phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt xấp xỉ 16%/năm.

Hoạt động dịch vụ - thương mại đã mở rộng đến các thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hoá, cung cấp những nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ cho đời sống của các dân tộc trong huyện. Giá trị dịch vụ - thương mại tăng bình quân 16%/năm, chiếm tỷ trọng 14,4% GDP (năm 2002). Giá trị hàng xuất khẩu năm 2002 tăng hơn 200% so với năm 1997 (năm 1997 đạt 220.000 USD).

Hoạt động ngân hàng, kho bạc đã thực sự góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống ngân hàng, kho bạc huyện đã làm tốt công tác huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân, kết hợp nguồn vốn nhà nước, tăng vốn cho vay đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, xoá đói giảm nghèo. Trong những năm qua, số vốn mà hệ thống ngân hàng, kho bạc huyện huy động đã tăng từ 14 tỷ đồng (năm 1997) lên 72 tỷ đồng (năm 2002). Tổng dư nợ cho vay xoá đói giảm nghèo đến nay là 12,5 tỷ đồng.

Như Thanh với những dấu tích lịch sử (Lê Lợi trước khi vào Nghệ An đã trú quân tại các xã Thanh Kỳ, Phượng Nghi, Xuân Khang, Xuân Thái,...), Đồng Mười xã Hải Vân là căn cứ của phong trào Cần Vương chống Pháp do Tôn Thất Hàm lãnh đạo. Thời kháng chiến chống Pháp, lò cao Hải Vân được xây dựng để phục vụ kháng chiến. Vườn Quốc gia Bến En có diện tích 16.643 ha (dự kiến mở rộng thành 32.000 ha): bảo tồn rừng nguyên sinh với các nguồn gen động - thực vật quý hiếm như: voi, hổ, báo,... lim xanh, táu, sến, trắc, gụ,... kết hợp với hồ sông Mực có hơn 100 đảo nhỏ nổi trên mặt hồ tạo thành một quần thể du lịch sinh thái hấp dẫn; với Phủ Sung (thờ Bà chúa Thượng ngàn) ở xã Hải Vân, phủ Na (thờ Bà Triệu Thị Trinh) ở xã Xuân Du, hồ Ông Quận ở thị trấn Bến Sung (chuyện về vị tướng nghĩa quân Lam Sơn). Những di tích, cảnh vật đó đã mở ra triển vọng to lớn cho sự phát triển của ngành du lịch Thanh Hoá.

Những động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội

Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba

Để có được những thành tích trong phát triển kinh tế, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc phát huy nội lực, kết hợp vốn của nhân dân với nguồn vốn đầu tư nhà nước đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Trong 6 năm qua, huyện đã đầu tư hơn 91,6 tỷ đồng, xây dựng 70 công trình phục vụ cho kết cấu hạ tầng, nâng cấp 25 km quốc lộ 45, tu sửa cải tạo 81 km đường liên xã, tạo thuận lợi cho giao lưu giữa các vùng miền, mở mang phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Kiên cố hoá 63,7 km kênh mương nội đồng, tu bổ làm mới nhiều công trình thuỷ lợi.

Sáu năm, một chặng đường không dài, nhưng hệ thống thông tin liên lạc huyện Như Thanh đã có bước phát triển nhảy vọt. Nếu năm 1997, mới có một trạm bưu điện huyện thì đến nay đã xây dựng thêm được 10 điểm bưu điện văn hóa xã; 12/17 xã, thị trấn có điện thoại. Đến nay, toàn huyện đã có 630 máy hoà mạng, tạo điều kiện cho thông tin liên lạc thông suốt, kịp thời, phục vụ đắc lực cho công tác lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành và các hoạt động dịch vụ thương mại, phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu tình cảm của nhân dân. Bên cạnh đó, toàn huyện hiện có 79 làng xây dựng làng văn hoá, 4 cơ quan văn hoá, 8 trường văn hoá, trong đó có 25 làng được công nhận làng văn hoá cấp huyện và 3 làng công nhận làng văn hoá cấp tỉnh.

Để Như Thanh vững bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhất là trong khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn, trước tiên cần phải đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục. Nhận thức được vấn đề này, huyện Như Thanh đã triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII). Nếu năm 1997, toàn huyện chỉ có 45 trường, 915 lớp và 24.000 học sinh, trong đó phòng học tranh tre, nứa lá chiếm gần 60% thì đến nay đã có 54 trường, 992 lớp và 29.470 học sinh. Hiện nay, toàn huyện chỉ còn 27% phòng học tranh tre, nứa lá. Chất lượng giảng dạy được tăng lên, chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi tăng đều qua các năm. Tính đến hết quý I-2003, toàn huyện có 100% xã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 9 xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở đúng độ tuổi; 3 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Hàng năm, số học sinh tốt nghiệp các cấp đạt 97 - 98%; số học sinh phổ thông trung học thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đạt trên 15%. Những kết quả đó thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ, các ngành, đặc biệt là ngành giáo dục Như Thanh trong sự nghiệp ***"Vì lợi ích trăm năm trông người"***.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân được quan tâm đúng mức. Mạng lưới y tế được mở rộng từ cấp huyện đến cấp cơ sở; thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư mới. Nhờ vậy, số lượt người được khám, chữa bệnh đạt trên 20 người/vạn dân. Chất lượng khám, chữa bệnh được đảm bảo, công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm và chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện tốt. Đến nay, toàn huyện đã có 85% số hộ gia đình được dùng nước sạch, trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 27%. Bên cạnh đó, công tác kế hoạch hoá gia đình được triển khai rộng khắp trên địa bàn huyện, nếu năm 1997 tỷ lệ tăng dân số là 2,3% thì đến năm 2002 đã giảm xuống còn 0,97%.

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn huyện. Bằng nguồn vốn đền ơn đáp nghĩa, phong trào đã xây dựng được

17 nhà tình nghĩa và sửa chữa hàng trăm nhà cho các đối tượng chính sách; xây dựng 01 đài tưởng niệm ở huyện và 05 nhà bia tưởng niệm liệt sỹ tại các xã. Chăm lo tốt cho các đối tượng cứu trợ xã hội do hậu quả chiến tranh, những người già cô đơn, tàn tật. Bằng nguồn vốn vay của các chương trình định canh định cư, kinh tế mới và các chương trình, dự án khác đã tạo thêm việc làm, khai thác tiềm năng đất đai, lao động, góp phần tích cực vào công tác xoá đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 37% (năm 1997) xuống còn 13% (năm 2002). Đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn đồng bào các dân tộc trong huyện đã được cải thiện, tạo nên diện mạo nông thôn mới.

Công tác an ninh, chính trị - quốc phòng, nhất là trong công tác an ninh nông thôn, an ninh vùng miền núi, an ninh tôn giáo được giữ vững. Phong trào quần chúng bảo vệ Tổ quốc phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, chống các tệ nạn xã hội được triển khai thường xuyên, đồng bộ, đã góp phần đảm bảo an toàn xã hội, giảm số vụ phạm tội phạm và các vụ trọng án, giữ vững sự bình yên cho nhân dân.

Phương hướng, mục tiêu đến năm 2005

Phát huy truyền thống đại đoàn kết giữa các dân tộc, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi thử thách, phát huy nội lực, khai thác nguồn ngoại lực nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ***"nông - lâm nghiệp; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại - dịch vụ "***; tăng cường đầu tư cho kết cấu hạ tầng, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá và ứng dụng tốt nhất các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo ra bước phát triển nhanh về chất lượng trong sản xuất nông - lâm nghiệp, công - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ để đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, vững chắc; gắn tăng trưởng kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái; giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; xây dựng đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã đề ra những mục tiêu cơ bản sau:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 10%/năm trở lên. Phấn đấu tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu đến năm 2005 đạt 289,8 tỷ đồng, trong đó giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp đạt 174 triệu đồng; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 69,8 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 46 tỷ đồng. GDP bình quân đầu người đạt 3.450 nghìn đồng trở lên.

2. Sản lượng lương thực đạt 30.000 tấn trở lên, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt mức 375 kg/người (năm 2005).

Bảng vàng thành tích của huyện Như Thanh

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001).

- 04 năm liên tục (1998 - 2001) được tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Bằng khen của Bộ Giao thông - Vận tải về phát triển mạng lưới giao thông (năm 1998).

- Bằng khen của Bộ Công an về thực hiện Nghị quyết 09 và Quyết định 138 về phòng chống tội phạm (năm 2002).

- Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (năm 2000).

- Cờ thi đua tiên tiến của Bộ Văn hoá - Thông tin (năm 2002).

- 02 xã Hải Vân, Cát Khê được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang.

Ngoài ra còn nhiều bằng khen, giấy khen của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành.

3. Phấn đấu đến năm 2005 độ che phủ đạt 60% diện tích trở lên.

4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - thương mại, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp. Trong đó, nông - lâm nghiệp giảm từ 74,2% (năm 2002) xuống còn 60% (năm 2005); công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 11,4% (năm 2002) lên 24% (năm 2005); dịch vụ-thương mại tăng từ 14,4% (năm 2002) lên 16% (năm 2005).

5. Giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt 700 nghìn USD (năm 2005), bình quân đạt 500 nghìn USD/năm (2001 - 2005) (không tính kim ngạch xuất khẩu dứa).

6. Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo ở mức bình quân 2%/năm trở lên, để đến năm 2005, hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%, không còn hộ đói; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 36,26% (năm 2000) xuống còn 23% (năm 2005); 90% số hộ được sử dụng nước sạch.

7. Phấn đấu đến năm 2005, 100% đảng bộ, chi bộ cơ sở được công nhận là đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Sau 6 năm xây dựng và trưởng thành, sức trẻ Như Thanh đã được khẳng định là nhờ vào sự chỉ đạo, lãnh đạo, sáng suốt, năng động của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, xã hội và sự đoàn kết một lòng giữa các dân tộc trong huyện đã chung sức, chung lòng, quyết tâm dựng xây Như Thanh giàu về kinh tế, mạnh về chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Mặt khác, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, cùng các ban, ngành chức năng, Như Thanh đã biết phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh sẵn có, dần trở thành huyện miền núi dẫn đầu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

NHU THANH DISTRICT

ON THE WAY RENOVATING

Pursuant to the Decree No. 72/CP dated November 18th 1996 by the Government, Nhu Thanh District was established on the separation from Nhu Xuan District. Since then, Nhu Thanh started a new period of development with agricultural and rural economic reform with the applications of scientific and technological advances, intensive investment in forming commodity production agriculture. Along with that, the district's industrialisation and modernisation progress is stimulated and geared to the target: "wealthy people, powerful district and fair, democratic and civilised society".

- **Natural area: 587.12 sq.km**
- **Population: 80,629 people with three main groups: Kinh, Thai and Muong**
- **Administration structure: one township and six communes**
- **Food output (converted to rice): 26,418 tonnes**
- **Economic structure: agriculture and forestry: 74.2 per cent, industry and handicraft: 11.4 per cent, service and trade: 14.4 per cent.**
- **Per capita income: VND2.2 million a year**
- **Per capita food output: 335 kg/year**

Along the National Road No.45A towards the south, across Nong Cong District, you will reach Nhu Thanh District. As a mountainous district located in the west of Thanh Hoa Province, Nhu Thanh borders Trieu Son and Thuong Xuan districts in the north, Tinh Gia District and Nghe An Province in the south, Nong Cong in the east and Nhu Xuan in the west.

Nhu Thanh with its new energy

Since the establishment of Nhu Thanh District, the appropriate organisation of young and active

cadres have created a solid foundation for Nhu Thanh to make such leaps in developments over the past years irrespective of great difficulties. With the aim to boost the local economic development, the municipal Party Committee's first meeting (term 1997 – 2000) defined the district's tasks as follows: "Continue the tradition of solidarity, sense of self-reliance and creativeness, seize the opportunities, surmount any obstacles or challenges, and exploit the available strengths. Create new developments and rapid growth rates, enhance the effectiveness of the multi-sector commodity production economy with agriculture - forestry, industry- handicraft, trade - service as the core sectors, gearing to the smaller proportion of agriculture but greater proportion of industry, handicraft, trade and services, aiming at rapid growth of tourism sector. The district is targeting the annual economic growth of 14.5 per cent".

Pursuing those basic targets, the district is making great endeavours with the resolution to grow to a higher level. Thus, Nhu Thanh has initially gained successes in pursuing those targets.

In terms of agricultural production, following the province's policies in developing the economy of the mountainous districts, Nhu Thanh focuses on the agriculture extension across the district. Also, the district has achieved satisfactory results in shifting cultivation and husbandry structure, investing in specialised cultivation, increasing the crop productivity, applying scientific and technological advances in production, consolidating canals (67 km), and intensive exploitation of key crops.

In 2002, the total cultivation area achieved 12,415 ha, of which 5,865 ha is for rice growing (dry rice covers 150 ha), sweet potatoes are grown over 1,080 ha, cassava 150 ha, peanut 600 ha, vegetable, pea and sesame 876 ha. Especially, the district has actively created intensive industrial crop area to supply materials for the food processing industry. The area for growing sugarcane has covered 3,000 ha with the average productivity of 60 tonnes/ha, pineapples are grown over 700 ha, mulberry 150 ha, rubber and coffee 1,000 ha. Those achievements has made great contributions to increasing the local agricultural production, shifted Nhu Thanh agriculture from self-demand for self-supply to commodity production.

The most important point in agricultural and forestry production of Nhu Thanh District has been the wet rice cultivation. The production of 50 per cent high productivity crossbreeds that can suffer the harsh weather has brought about satisfactory results, achieved the food output (converted to rice) of 26,418 tonnes in 2002, increasing by 418 tonnes compared to that in 2001, of which the grain output achieved 24,815 tonnes. The per capita food output was 335 kg in 2002.

In terms of husbandry, the district keeps focussing investment in the sector's development. A decision was made at the second meeting of the municipal Party Committee decision to "develop husbandry to the level of an industry". The number of cattle across Nhu Thanh is increasingly expanded with 14,204 buffaloes, 5,078 oxen and 26,120 pigs. Nhu Thanh is also implementing the oxen crossbreed project, improving the available oxen and the milch cows. In the recent years, Nhu Thanh people have diversified their husbandry with some new breeds besides the grant species of cattle such as poultry, goats and bees. Apart from that, there are 214 fishponds with the estimated output of 406 tonnes per year. Especially, the project on export porker breeding in Yen Tho District and Ben Sung Township with 132 breeding pigs has been carried out. So far, Nhu Thanh District is the leading mountainous district in breeding export porkers over Thanh Hoa Province. Pursuing those results, the district has organised excursions for the local farmers to learn experience from the typical farmers in the neighbouring provinces and districts. The examples of successful households and farms in breeding export porkers (with the scale of 100-300 heads) are considered good impetuses for the local households to shift their production from self-supply for self-demand to commodity production.

However, the most typical achievement of Nhu Thanh's agricultural and forestry production is the

rapid development of the farm economic model. So far, there have been more than 1,200 forest farms across the district, of which 144 have been certified of district's standard scale. Those are important impetuses to stimulate the district's economic reform. Sugarcane material zone of 3,200 ha to supply the production of Nong Cong Sugar Factory, pineapple material zone of around 2,000 ha to supply the export pineapple processing factory to be built in Nhu Thanh in the near future have been formed. In addition, the project on planting 5 million hectares of forest made by the government has been being carried out effectively.

The successes in farm economy and forest garden development has created appropriate agricultural and forestry economic structure, attracted thousands of labourers, confirmed the importance of new factors in agricultural economic reform, created synchronous co-operation among different economic sectors, enhanced the key role of plantation, household economic, and formed the business and production collaboration groups. Nhu Thanh District has so far basically finished the plantation site contracting to enterprises, collectives and households with the total area of around 44,000 ha. The shifting from forest production to social forestry with regeneration, tendering, protecting and planting, especially for protective and watershed forests has brought about satisfactory achievements. The percentage of forest-covered area of 37 per cent in 1997 came up to 51.3 per cent in 2002.

Industry – handicraft sector has made vigorous changes over the past few years, especially in processing industry. Products are increasingly diversified with more high quality products and better supply to the local people's demands such as metal contracting, food processing, silkworm drawing and rock splitting, etc. in addition, the rich resource of stones and minerals have facilitated the exploitation industry. New exploitation workshops have been established such as: rock additives in Yen Lac and Thanh Tan, chrome in Mau Lam, iron ore in Thanh Ky, construction and sawn stone in Hai Van, Hai Long and Xuang Khang. In 2002, chrome exploitation achieved the output of 10,700 tonnes, construction stones: 32,500 cu.m, cement additives: 5,200 tonnes, iron: 3,500 tonnes, sand and gravel: 24,000 cu.m. The annual growth rate of the industry and handicraft sector is standing at approximately 16 per cent.

Trade and services sector has been expanded over the villages and remote areas to meet the demands for commodity exchange supply necessities for the local peoples' life. The total value of the sector annually increases by 16 per cent, accounting for a proportion of 14.4 per cent of the GDP in 2002. Export turnover of US$220,000 in 1997 made an increase of more than 200 per cent in 2002.

Bank and treasury operation has made great contributions to the socio-economic development. The banking and treasury system has successfully carried out idol capital mobilisation, co-operation with the state's capital in providing more loans to business and production expansion, hunger eradication and poverty alleviation. The mobilised capital has grown from VND14 billion in 1997 to VND72 billion in 2002. The total debit balance of the loan to hunger eradication and poverty alleviation has come up to VND12.5 billion so far.

Incentives that boost the socio-economic development

Investment in socio-economic infrastructure is especially meaningful in pursuing achievements in the economic development. The internal mobilisation and the co-opera-

tion of the state's investment with the capital mobilised from the people have brought about acknowledgeable achievements. Over the past six years, the district has invested more than VND91.6 billion in building 70 infrastructure works, upgrading 25 km of the National Road No.45 and 81 km of the inter-communal roads to facilitate the communication and socio-economic and cultural development. 63.7 km of the inner-field canals has been consolidated and many irrigation works have been built.

Although six years does not mean a long time, the communication system of Nhu Thanh District has achieved a great leap in development. There was only one district post-office in 1997, but 10 more have been built so far with 12 of the 17 communes and townships having totally 630 telephones. The telephone network facilitates the smooth and prompt communication and efficiently serves the leadership and management of the sectors and bodies as well as trade and service activities for the socio-economic development and people's contacts. In addition, 79 villages, four organisations, and eight schools across the district have been certified cultural units, of which 25 district cultural villages and three provincial ones.

It is necessary to first intensify the educational development so that Nhu Thanh can step firmly forward the industrialisation and modernisation, especially in agriculture and rural economic development. Thoroughly penetrating that, Nhu Thanh District is implementing the action program of the Party Central Committee's Resolution No.2 (the 8th Session). The number of 45 schools with 915 classrooms and 24.000 pupils (60 per cent are thatched cottages) has been increased to 54 schools with 992 classrooms and 29,470 pupils (with only 27 per cent are thatched cottages). The local education sector is achieving better and better quality with more excellent students. Until the end of the first quarter of 2003, 100 per cent of the local communes have been certified accomplishing compulsory primary school for the right age, nine communes have accomplished the compulsory secondary school for the right age, and three primary schools have been standardised national. Annually, 97-98 per cent of the local pupils pass the graduation examinations, more than 15 per cent of the high school gradu-

Nhu Thanh with the historical relics such as Thanh Ky, Phuong Nghi, Xuan Khang and Xuan Thai communes where Le Loi stationed his troop, Dong Muoi and Hai Van is the base of Can Vuong movement against the French colonists led by Ton That Ham. During the war against the French invaders, Hai Van glue-furnace was built to serve the national revolution. Ben En National Garden with the area of 16,643 ha (which is being planned to be expanded to 32,000 ha) is the place to keep and protect precious animals such as elephant, tiger, panther, and woods such as green ironwood, teakwood, bassia, kingwood, and sindrona. The garden and Muc Lake with more than 100 small islands make an attractive eco-tourism area. Phu Sung (dedicated to the genie of the riverhead) in Hai Van commune, Phu Na (dedicated to Trieu Thi Trinh- a Lady General) in Xuan Du, Sir Quan Lake in Ben Sung township (generated from the story about a general of Lam Son troop). All those historical sites and landscapes are opening great prospects for the development of Thanh Hoa tourism sector.

ates pass the entrance exams into universities, colleges and vocational schools. The above achievements show the great efforts of the local Party Committee and sectors, especially the education sector in pursuing the motto: "Cultivating human resources for he ever benefits"

The public health care is put with appropriate concern. Healthcare network has been expanded over the districts with newly invested machinery for medical treatments. As a result, 20 of every 10,000 people are given medical treatments every year. Health examination and cure quality is good, the preventive medicine, food hygiene and safety as well as the extensive vaccination program are effectively implemented. To date, 85 per cent of the local households have been supplied with clean water, the number of malnourished children has been declined to 27 per cent. The family planning is widely applied over the district. The percentage of population grows of 2.3 per cent in 1997 reduced to 0.97 per cent in 2002.

The movement of gratitude has become a district-wide movement. With the fund raised for the movement, 17 houses of gratitude have been built and hundreds of others have been repaired for the disadvantaged people, one monumental stone and five monumental stele halls have been built and dedicated to the revolutionary martyrs in the communes. Social cases to be relief, lonely old and invalid people are given good care. With the loan from the settled agriculture and life programs and others, more jobs have been created, soil and labour potentials have been well exploited, making a significant contribution to the hunger eradication and poverty alleviation. The percentage of 37 per cent poor households in 1997 has been reduced to 13 per cent in 2002. The material and spiritual life of the local peoples has been much improved, creating a new image for the rural areas.

In terms of national defence and politic security, especially in rural security, the mountainous areas', people's and religious security is sustained. The movement of people's national defence has been intensively and widely expanded. The fight against social evils and crimes are regularly carried out in a synchronous way, making great contribution to ensuring the social safety, reducing criminal cases and protect the peaceful life of the people.

Orientation and targets by 2005

Continuing the nation's tradition of great solidarity, taking opportunities of the chances, overcoming challenges, mobilising internal and exploring external forces in order to reinforce the agricultural and rural industrialisation and modernisation and the economic reform geared to the structure of ***"agriculture – forestry, industry – handicraft, trade – service"***. Intensifying the investment in infrastructure. Boosting the economic reform toward commodity production and the scientific and technological advances applications, creating rapid quality growth in agricultural, forestry, industrial, handicraft productions and services with the aim to ensure the rapid and sustained economic growth. Consolidating the national defence and security along with ecological environment protection. Striving to solve well the social matters, improve the people's living standard, building the Party and stainless politic system. Pursuing all those targets, the municipal Party Committee and People's Committee is targeting:

1. Economic growth of 10 per cent up. Total production value of the major indus-

tries to be VND289.8 billion by 2005, of which the agricultural and forestry production value: VND174 million, industry and handicraft: VND69.8 billion, trade and service: VND46 billion. Per capita GDP: VND3,450,000 up.

2. Food output: 30,000 tonnes up, per capita food output:375 kg in 2005.

3. Forest covered area: at least 60 per cent by 2005.

4. Economic reform toward rapid increase in the industry and handicraft proportion and gradual reduction of agriculture and forestry proportion. Of which, the 74.2 per cent of agriculture and forestry in 2002 should decline to 60 per cent in 2005, industry and handicraft mount from 11.4 per cent in 2002 to 24 per cent in 2005, trade and service from 14.4 per cent in 2002 to 16 per cent in 2005.

5. Export revenue:US$700,000 in 2005, and US$500,000 on average (from 2001 to 2005), excluding pineapple export revenue.

6. Reduction in proportion of poor and hunger households: 2 per cent or greater, aiming at the proportion of 10 per cent poor households by 2005 without any hunger ones. The 36.26 per cent of malnourished children in 2000 should drop to 23 per cent in 2005, 90 per cent of the local households to be supplied-with clean water.

7. Stainless Party committees and divisions: 100 per cent

Over six years building and growing, Nhu Thanh District has manifested its young power thanks to the active and perspicacious direction of the municipal Party Committee, government, organisations and the strong solidarity of the peoples in building a Nhu Thanh with a prosperous economy, powerful political situation and stable social order and security. On the other hand, thanks to the close directions from the provincial party committee, People's Committee, and the related sectors, Nhy Thanh has mobilised its internal strengths, exploited the available potentials and advantages and is gradually becoming a leading mountainous district in the agricultural and rural economic reform toward the industrialisation and modernisation.

Nhu Thanh-s achievements

- *Labour Order – Third Class in 2001*
- *Consecutively granted with emulation flags by the Government from 1998 to 2001.*
- *Certificate of merits by the Ministry of Transport for transport network expansion in 1998.*
- *Certificate of merits by the Ministry of Public Security for the good implementation of the Resolution No.09 and Decision No.138 on crime resistance in 2002.*
- *Certificate of merits by the Ministry of Agriculture and Rural Development in 2000.*
- *Emulation flag for progressing units by the Ministry of Culture and Communication in 2002*
- *Hai Van and Cat Khe communes were entitled Hero of the People's Armed Force.*

Many other certificates of merits and commendation granted by the provincial party Committee, people's Committee, departments, and sectors.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM DƯƠNG

ĐI LÊN TỪ SÓNG GIÓ

Trải qua bao nhiêu gian nan sóng gió, đến nay, ông Lê Phú Tiến gần như đã có được tất cả những gì mà nhiều người mong muốn: một gia đình đầm ấm, hạnh phúc, con cái thành đạt. Mặc dù vậy, ông không cho phép mình được nghỉ ngơi, trái lại ông vẫn muốn đem hết những kinh nghiệm, tâm huyết của mình để xây dựng quê hương Như Thanh ngày một phát triển.

Tìm được ông quả là không khó, bởi bất cứ người dân nào trong huyện Như Thanh cũng biết đến khu nhà vườn Khe Rồng của ông - khu nhà vườn lâu nay đã được xem là điểm nghỉ ngơi cuối tuần lý tưởng với khung cảnh rất gần gũi với thiên nhiên. Nếu lần đầu tiên tiếp xúc, ít người đoán được chính xác độ tuổi của ông. Một mái tóc gần như bạc trắng, những nếp nhăn trên trán, đôi bàn tay đầy những vết chai, vết xước ngang dọc,... đã nói lên phần nào những thăng trầm trong cuộc đời mà ông đã trải qua.

Không chùn bước trước gian khó

Ông Lê Phú Tiến sinh năm 1948, là con út trong một gia đình tiểu thương tại xã Hoằng Thanh - huyện Hoằng Hoá, một huyện miền biển, đất chật người đông, đã hăng hái lên đường đi khai hoang phát triển kinh tế miền núi. Đến năm 1966, anh thanh niên Lê Phú Tiến được chính quyền địa phương cử đi học lớp cán bộ miền núi. Năm 1968, theo tiếng gọi của Tổ quốc, chàng thanh niên miền đất Như Xuân khoác ba lô lên đường nhập ngũ. Qua những trận đánh vô cùng ác liệt, bản lĩnh cách mạng kiên cường của anh bộ đội cụ Hồ đã toả sáng trong anh trên mỗi bước hành quân trên đường Trường Sơn lịch sử. Anh thanh niên Lê Phú Tiến năm nào đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ những "người chiến sĩ tiên phong".

Chiến tranh kết thúc, với hành trang là chiếc ba lô đã bạc màu, người con trai của mảnh đất Như Xuân, một đảng viên Đảng Cộng sản, rời quân ngũ trở về địa phương với những hoài bão lớn. Một năm sau ngày xuất ngũ, anh được Uỷ ban nhân dân huyện cử đi học lớp chính trị và giữ chức bí thư chi bộ liên chi của 3 xóm Quyết Tâm - Cầu Đất - Đồng Xuân. Với cương vị là bí thư chi bộ, anh Lê Phú Tiến nhận thấy: cuộc chiến chống đói nghèo và lạc hậu cũng khó khăn không kém cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Với những kiến thức tiếp thu sau những lần được cử đi học, anh Tiến đã rút ra kết luận: phải hướng dẫn nhân dân sản xuất các sản phẩm ngành tiểu thủ công nghiệp để cải thiện đời sống như nấu vôi, làm gạch. Nhưng nói suông thì dân không nghe "Đầu tàu phải gương mẫu, thành công dân mới làm", do vậy anh đã cùng gia đình làm trước để nhân dân học tập. Hàng ngày, từ 5 giờ sáng, anh đã cùng gia đình đóng gạch, nấu vôi, sau đó lại làm nông nghiệp, phát triển chăn nuôi,... Trưa, chiều, anh lo gánh vác trách nhiệm mà địa phương giao phó. Mặc dù công việc vất cả, nhưng với tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết, thành công đã đến, anh được nhân dân yêu quý và tin tưởng. Đến tháng 4-1978, anh trúng cử thường vụ Đảng uỷ xã Hải Vân. Tháng 7-1980, anh chuyển sang Thường vụ, Phó chủ tịch phụ trách kinh tế của xã. Phải làm nhiều việc cùng một lúc, một

lần nữa những nhiệm vụ, trọng trách nặng nề lại đặt lên vai anh. Trước cảnh người dân quê không đủ gạo ăn, khiến anh phải suy nghĩ trăn trở, biết bao đêm mất ngủ... cuối cùng anh đi đến quyết định mở rộng cơ sở sản xuất của hộ gia đình mình và tăng thêm lao động nhằm giải quyết việc làm tháo gỡ phần nào khó khăn trước mắt cho người dân nơi đây. Song chính quyết định này đã bị nhiều kẻ cơ hội tạo dư luận để hạ thấp uy tín của anh. Nhưng với bản lĩnh của anh bộ đội cụ Hồ, anh đã dần vượt qua và được quần chúng nhân dân hết lòng ủng hộ. Anh được nhân dân, tổ chức tín nhiệm bầu giữ chức Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Hải Xuân.

Với những kiến thức kinh tế cơ bản được đào tạo từ khi còn trong quân ngũ, nên khi đảm đương công việc chủ nhiệm hợp tác xã, anh đã mạnh dạn phát động phong trào thi đua sản xuất. Với lòng nhiệt huyết của mình, anh đã mạnh dạn vay tiền ngân hàng đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất. Xác định rõ vai trò, vị trí và nhiệm vụ "Phải chăm lo cho dân và dựa vào dân", anh Tiến đã đứng lên chỉ đạo bà con trong hợp tác xã ra quân làm thuỷ lợi, chống hạn, khai hoang, kéo điện về sản xuất.... Những việc anh làm đều xuất phát từ ý tưởng tốt đẹp với cái tâm, cái đức của người lính đã từng chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Trong khi lúc bấy giờ, do trình độ năng lực cán bộ ở đây còn nhiều hạn chế, nặng tư tưởng bảo thủ... đã gây mất đoàn kết nội bộ trong bộ máy cấp uỷ Đảng, chính quyền, tạo dư luận xấu đối với nhân dân, huỷ bỏ nhân tố tích cực đang trên đà phát triển. Với công việc bề bộn của hợp tác xã đang còn dở dang, đời sống của bà con nông dân vừa mới thoát khỏi cảnh đói nghèo, nhiều việc đang cần phải lo, phải nghĩ, phải làm, cùng biết bao dự định của anh buộc phải dừng lại. Ngày 19-5-1984, anh bị thuyên chuyển sang làm Chủ nhiệm Hợp tác xã mua bán. Không những thế, những việc làm của anh bị các phần tử cơ hội xuyên tác, vu khống khiến anh bị kiểm điểm, truy cứu trách nhiệm. Sau 8 tháng tiến hành điều tra, bản chất của con người quả cảm dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận hy sinh mất mát đã được lãnh đạo huyện Như Thanh làm sáng tỏ và trả lại sự công bằng.

Ông Lê Phú Tiến với lò hàng may giang xiên đã được hấp sấy

Sau khi được minh oan, được Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện Như Xuân và Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã hết lòng giúp đỡ, với bản lĩnh kiên cường, không quản ngại khó khăn, anh đã trở về công việc cùng những hoài bão đang còn dang dở... Năm 1988, anh được Uỷ ban nhân dân huyện Như Xuân, Uỷ ban nhân dân xã giao làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Hải Long với số vốn ban đầu vẻn vẹn 1.5 triệu đồng. Do nguồn vốn eo hẹp nên việc phát triển hợp tác xã gặp rất nhiều khó khăn. Một lần nữa anh lại được gia đình, bạn bè, những người đồng chí giúp đỡ vượt qua khó khăn, thử thách. Với biết bao thăng trầm, Hợp tác xã Hải Long đã dần phục hồi và đứng vững trong cơ chế thị trường. Không những thế, những hoài bão ấp ủ bấy lâu nay đã có cơ hội để trở thành hiện thực.

Bắt đầu cho một trang sử mới

Hai mươi bảy năm lặn lội trên thương trường, trải qua biết bao nhiêu sóng gió của cuộc đời, những tâm huyết của anh giờ đã thành hiện thực, sau khi Nghị quyết 03 của Thường vụ Tỉnh uỷ và Nghị quyết 467/NQ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh được ban hành. Đây thực sự được xem như chiếc đòn bẩy trong phát triển các ngành nghề truyền thống tại địa phương, là liều thuốc kích thích cho những con người dám nghĩ, dám làm như anh Tiến tiếp tục cống hiến xây dựng quê hương. Đến nay, mặc dù gia đình anh đã có được số tài sản trên 1 tỷ đồng, bản thân anh đã trở về làm kinh tế hộ gia đình, nhưng khi thấy bà con nông dân gặp khó khăn vẫn còn nghèo khổ, anh lại đứng ra bỏ vốn đầu tư vào ngành tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, giúp cho bà con nông dân tăng thêm thu nhập. Cụ thể, anh Tiến đã đầu tư thiết bị, mở xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ những nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương như: giang, mây, luồng, nứa, gỗ bạch đàn, gỗ keo chàm, từ đó khai thác và phát huy những tiềm năng thế mạnh làm giàu cho quê hương.

Những hoài bão và công việc thầm lặng của anh Tiến đã được Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Như Thanh ủng hộ. Không những thế, chính quyền huyện còn cho anh mượn xe đi học tập tại các làng nghề tỉnh bạn để mở rộng thêm kiến thức về phục vụ quê hương. Với sự hỗ trợ của chính quyền huyện, xã và sự giúp đỡ chân thành của bạn bè, sự hậu thuẫn của gia đình, Công ty TNHH Nam Dương đã chính thức được thành lập với chức năng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu (ban đầu là mặt hàng mây, giang đan), sản xuất đá các loại, vật liệu xây dựng, xây dựng dân dụng, giao thông thuỷ lợi nhỏ. Dự kiến, khi công ty đi vào hoạt động sẽ đào tạo và giải quyết việc làm cho khoảng 50 - 60 lao động tại chỗ. Theo định hướng đến năm 2004, công ty sẽ tiếp tục đào tạo và giải quyết việc làm cho 200 lao động trở lên.

Đến nay, tuy tuổi đã cao, ông Tiến lại nghĩ đến việc đào tạo đội ngũ kế cận, tiếp tục gánh vác những trọng trách và ý tưởng mà ông đã từng theo đuổi trong suốt đời. Ông Tiến tâm sự: "Thời trẻ tôi đã cống hiến hết sức mình cho Tổ quốc, sau này khi bước chân vào thương trường mặc dù gặp rất nhiều những trắc trở nhưng tôi vẫn không lùi bước. Điều đáng quý nhất đối với tôi là đã tạo dựng được uy tín của mình đối với bạn hàng và nhất là đã góp một phần nhỏ bé, giúp người dân quê nhà vươn lên làm giàu từ nông nghiệp. Để có được những kết quả như ngày hôm nay, trước tiên tôi phải cảm ơn người vợ, người bạn đời đã cùng tôi đồng hành trên con đường đầy chông gai và nước mắt; những người bạn, những người đồng đội, đồng chí trong chiến tranh cũng như trong thời bình đã luôn tin tưởng vào tôi".

Ngày nay, đến thị trấn Bến Sung - nơi ông đến lập nghiệp khi còn là người thanh niên theo tiếng gọi khai hoang vùng đất mới, nhiều người dân vẫn còn nhớ đến một anh Bí thư chi bộ, một chủ nhiệm hợp tác xã năng nổ, một Phó chủ tịch Thường vụ Đảng uỷ xã Hải Vân xông pha ngày nào, nay vẫn còn lao động để cống hiến với một ước muốn giúp người dân quê mình thoát khỏi đói nghèo. Lê Phú Tiến, một tấm gương quản lý kinh tế giỏi, làm giàu chính đáng, một chiến sĩ kiên cường phục vụ và cống hiến bình dị lặng lẽ giữa đời thường như những đồng chí vẫn còn giữ nguyên nhân cách người lính, nhân cách Việt Nam.

NAM DUONG CO.,LTD

MATURING THROUGH VICISSITUDES

After experiencing so many ups and downs, Le Phu Tien has now got almost all what people desire for: a happy family and successful children. However, Tien has not retired from work but still desires to devote his mind and experience to the development of Nhu Thanh - his homeland.

It is not difficult to find the man because his Khe Rong Garden is well-known to everybody all over Nhu Thanh District, which has been considered an ideal place for people to spend their weekends thanks to the close natural surroundings. It would be difficult for those who first meet Tien to guess his age. The almost white hair, the wrinkles on his forehead, and the hands full of callosities and scratches all show his difficult life.

Not to flinch from difficulties

Le Phu Tien was born in 1948 in a petty trader family in Hoang Thanh Commune, Hoang Hoa District (a small but crowded coastal district). His family was ardent to go reclaiming virgin soil in the mountainous area. In 1966, Le Phu Tien was sent to the course for cadres from mountainous areas. Answering the nation's call, he joined the army in 1968. The young man from Nhu Xuan has manifested his strong will of a Ho Chi Minh's soldier through the operation along the historical Truong Son Road. Thanks to his contributions, Le Phu Tien honourably became one of the "vanguard soldiers".

When came the end of the war, the child of Nhu Xuan, who had then become a member of the Communist Party, returned to his hometown with only an old backpack but great ambitions. One year later, he was sent to the politics course by the district's People's Committee and appointed to be the secretary of the associated Party cells of three villages: Quyet Tam, Cau Dat and Dong Xuan. In his position, Le Phu Tien realised that the struggle against hunger and poverty is no less difficult than the struggle for the country protection. With the knowledge gained through the training courses, Tien came to the conclusion that it is necessary to guide the local people with handicraft productions such as: lime and brick productions so as to improve their living standard. However, words alone can not persuade people. Tien and his family started the business first as an example because "People will only follow if the model turns successful". He often began a working day from five o'clock in the morning. In the morning, Tien and his family produced bricks, lime, agricultural and husbandry works. In the afternoon, he worked as a secretary of the Party cells. In spite of the hard jobs, his strong will brought success and he soon won people's trust and love. In April 1978, he was elected to be a member of the standing Party Committee of Hai Van Commune. In July 1980, he became Deputy Chairman who was in charge of the commune's economy. Once again, he had to bear the burden of many important responsibilities at the same time. The man experienced sleepless nights thinking about the poverty of his villagers. At last, he made up his mind to expand his household production and employ people in order to help the local people with the problem of unemployment

Le Phu Tien's farm

and income. However, some malevolent individuals created rumours on Tien's decision to tarnish his good repute. Tien did not surrender that, with the strong will of a Ho Chi Minh's solider, he gradually overcame the situation and won the support from the public. He was then appointed to be the head of Hai Xuan agricultural co-operative.

Applying the fundamental economic knowledge that he learnt when being a soldier, Tien made a daring decision to put forward the production emulation movement. Besides, he boldly borrowed money from the bank to invest in production machinery. Having a profound awareness of the essentiality to "Give concerns to and base on the people", Tien directed farmers in his co-operative with the irrigation, drought fighting and electricity installing for production. All what he did started from his kind heart and soul as a soldier who have ever devoted himself to the struggle for the nation's independence and freedom. Sad to say, few people could understand his kind ideas. The local officials with limited knowledge, conservative and insular minds then caused the internal disunion in the Party committee and among the authorities, creating bad rumours to the people. In the time when his work at the co-operative was on the way implementing, the local people's life had just become a little better, many things and his plans had to cease. Tien was reshuffled to the position of the head of the local trading co-operative. What he had done was even distorted, resulting in the fact that he had to be blamed. Nevertheless, the leaders of Nhu Thanh District, after eight months investigating, finally clarified and gave back his sound reputation.

Being exculpated, Tien returned to his half-done works and ambitions under the support from Nhu Xuan Party Committee, People's Council and

People's Committee. In 1988, Nhu Xuan people's Committee and his commune's committee assigned him with the position of the head of Hai Long Co-operative with the initial capital of only VND1.5 million. The small capital made it almost impossible to expand the co-operative. His family, friends and comrades gave him a hand to surmount difficulties and challenges. Through so many ups and downs, Hai Long has gradually recovered and created a firm position in the market economy, and brought about the opportunities for him to fulfil his long nurtured ambitions.

Commencement of a new historical period

After 27 years struggling in the business world, experiencing great ups and downs of the life, his ambitions have come true when the Resolution No.03 by the provincial standing Party Committee and Resolution No.467/NQ-UBND by Thanh Hoa People's Committee for the encouragement to industrial and handicraft production development were issued. The resolutions were real levers for the local traditional occupation development and good treatments to stimulate such daring people like Tien to continue their contributions to the country building. So far, Tien has return to the household business with the property of more than one million dongs. But he willingly invested in handicraft to create employment for the poor people in the area. For example, Tien invested in machinery and workshops for the processing of the products with locally available materials such as rattan, bamboo, eucalyptus and Cham. In that way, the local potentials and strengths have been exploit to have a more prosperous image of the area.

Tien's plans have got support from Nhu Thanh Party Committee and People's Committee. With the assistance from the authorities and his friends, and the support from his family, Tien established Nam Duong Company Limited, specialising in producing export handicrafts (firstly, rattan and bamboo woven products), stone production, construction materials, civil construction and small irrigation and transport. It is planned that when the company begins its operation, about 50-60 labourers will be employed. By 2004, the company will train and employ at least 200 people.

As he is now at the high age, Le Phu Tien is thinking about training the followers to carry on the tasks and ideas that he has been pursuing all his life. "When I was young, I devoted all my capacity to the nation's liberation. Later, when doing business, I have never given up though facing a great deal of obstacles. The most precious things I have done are the prestige to my partners and a modest contribution to my fellow-country men's making rich with agricultural production. I would like to thank firstly my wife who has been always by my side on the long way full of obstacles and tears, and secondly my friends and comrades who always believe in me." - said Tien.

Nowadays, many people across Ben Sung Township - where he came and settled down when young - keep remembering him as an active secretary of the Party cell, head of the co-operative and a brave deputy standing chairman of Hai Van Party Committee. That man is now still working and devoting his best to the poverty reduction of his homeland. Le Phu Tien is a very good example of economic management, a strong-minded soldier who is silently devoting to the country with his soldier personality (or Vietnamese personality in other words).

HUYỆN ĐÔNG SƠN

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VÀ THẾ MẠNH SẴN CÓ

Là huyện đồng bằng, trước đây, kinh tế Đông Sơn chủ yếu là thuần nông độc canh cây lúa nên đời sống vật chất cũng như văn hóa tinh thần của người dân tương đối thấp. Những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, Tỉnh uỷ, nhất là thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ về phát triển kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại; đặc biệt là ngành khai thác vật liệu xây dựng và chế tác đá mỹ nghệ phát triển mạnh, cơ cấu kinh tế huyện Đông Sơn dịch chuyển dần theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Sự chuyển dịch này đã góp phần tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Sơn.

Từ trung tâm thành phố Thanh Hoá đi khoảng 5 km về hướng tây, sẽ tới trung tâm huyện Đông Sơn. Là huyện đồng bằng, Đông Sơn nằm ở vị thế giáp thành phố Thanh Hoá ở phía đông, một phần huyện Thiệu Hoá và huyện Triệu Sơn ở phía tây, huyện Nông Cống ở phía nam, huyện Thiệu Hoá ở phía bắc. Qua nhiều giai đoạn phát triển, tính đến năm 1996, diện tích huyện Đông Sơn là 106,4km^2, trong đó đất nông nghiệp chiếm 7.065,93 ha, chiếm 66,4%; còn lại là đất chuyên dùng, đất đô thị, đất lâm nghiệp. Theo tổng điều tra dân số cuối năm 1999 là 109.800 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 54.000 người, lao động nông nghiệp chiếm 60%.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đông Sơn lần XXI (2000 – 2005)

- **Diện tích tự nhiên: 106,4km^2**
- **Dân số: 109.800 người**
- **Đơn vị hành chính: 19 xã và một thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 11%/năm**
- **Thu nhập bình quân: 352 USD/người/năm**
- **Bình quân lương thực: 620 kg/người/năm**

Phát huy tiềm năng để phát triển kinh tế

Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, diện tích đất tự nhiên của huyện Đông Sơn tuy không rộng, nhưng đất đai lại rất màu mỡ, xen kẽ là những núi đá vôi nhỏ đã tạo nên thế mạnh trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và ngành tiểu thủ công nghiệp khắc chạm đá mỹ nghệ. Hơn nữa, với bề dày truyền thống của vùng đất mà ở đó nền văn hóa Đông Sơn phát triển rất rực rỡ, huyện Đông Sơn được coi là một trong những cái nôi của nền văn hoá Việt Nam. Từ xa xưa, những người dân sinh sống trên mảnh đất này luôn được biết đến với đức tính cần cù, chịu khó và khéo léo trong lao động sản xuất. Với đôi bàn tay tài hoa ấy, nhiều sản phẩm truyền thống như: chế tác đá mỹ nghệ, nghề gốm sứ mỹ nghệ đã trở nên nổi tiếng và được nhiều người biết đến. Đây chính là nguồn sức mạnh tiềm ẩn giúp cho người dân Đông Sơn đạt được nhiều thành tích trong phát triển kinh tế - xã hội.

Một số địa danh gắn liền với mảnh đất và con người Đông Sơn

1. *Núi Nhồi (tên xưa là núi Khế hay Nhuệ Sơn): thuộc làng Nhồi, tên chữ là núi An Hoạch thuộc xã Đông Hưng. Đá có màu xanh, thường dùng làm khánh Bia, bia đá, cột đá, chân cầu, tượng đá... Xưa kia, các thái thú lấy đá làm khánh chở về Trung Quốc. Khánh đá Nhồi kêu ngân vang như tiếng chuông. Trên đỉnh núi còn có hòn Vọng Phu.*
2. *Núi Kim Đồng Ngọc Nữ (gọi là núi Kim Đồng): thuộc xã Đông Hưng. Sách Đại Nam nhất thống chí chép về núi Ngọc Nữ: "... Mọc lên ngọn núi nhỏ, đứng xa trông như người con gái đẹp, nên gọi thế. Về phía bắc, núi có một khối đá hình người chắp tay đứng. Vua Lê Thánh Tông tuần du phương Nam đã viết bài thơ quốc âm khắc vào đá, dựng lại chùa Đại Bi ở cạnh núi, trong chùa đặt tượng phật, bên cạnh tượng phật tạc chân dung nhà Vua".*
3. *Núi Sơn Việt (còn gọi là núi Phượng Lĩnh): dãy núi đất lẫn đá, trên núi trồng thông nên còn gọi là Rừng Thông. Núi có độ cao trung bình 100m, đỉnh Rừng Thông cao 162m so với mực nước biển.*
4. *Núi Chiểu (còn có tên gọi Nhuận Thạch, hình con ngựa) ở làng Thọ Sơn xã Đông Tiến. Sách Đại Nam nhất thống chí chép: "ở xã Thọ Sơn cách huyện Đông Sơn 12 dặm về phía tây bắc. Núi có hai ngọn, chất đá cứng rắn, sắc đá trắng tinh nên gọi là Bạch Thông; dưới núi có mộ Thiếu Thốn".*
5. *Hệ thống thuỷ nông sông Chu: từ đập Bái Thượng chảy xuống qua Thọ Xuân - Thiệu Hoá sang Đông Sơn và về xuôi. Sông Nông Giang đem nước tưới cho đồng ruộng Đông Sơn, đóng vai trò thuỷ lợi rất quan trọng trong đời sống, sản xuất nông nghiệp của người dân Đông Sơn.*

Từ lợi thế của một huyện ven thành phố Thanh Hoá, giao thông thuận lợi do có các quốc lộ 45, quốc lộ 47 và tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua, huyện Đông Sơn có nhiều ưu thế trong giao lưu hàng hoá, phát triển kinh tế. Thêm nữa, huyện Đông Sơn với hai đô thị vệ tinh của thành phố Thanh Hoá là thị trấn Rừng Thông, đô thị Nhồi đã mở ra triển vọng lớn trong việc hình thành các tụ điểm kinh tế của huyện.

Trong những năm qua, nhất là 3 năm gần đây (2000 - 2003), dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền huyện và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, kinh tế - xã hội huyện Đông Sơn đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Các chỉ tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế đều đạt và vượt kế hoạch năm, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ huyện Đông Sơn lần thứ XXI đề ra. Kết quả đó trước hết được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 11%/năm, tăng 2% so với giai đoạn 1996 - 2000. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt mức tăng bình quân 18 - 20%/năm. Nếu năm 1997

Cơ cấu kinh tế qua các năm

Đơn vị: %

Các ngành	2000	2001	2002
Nông - lâm - thuỷ sản	57,2	56,7	54,7
Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	31,4	31,7	31,8
Dịch vụ - Thương mại	11,4	11,6	13,5

Nguồn: Uỷ ban nhân dân huyện Đông Sơn

tổng giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 13.764 tỷ đồng thì đến năm 2002 tăng 5,2 lần, đạt 72.390 tỷ đồng (tính theo giá cố định năm 1994). Trong đó, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng như đá ốp lát, đá xây dựng các loại phục vụ cho xây dựng và giao thông phát triển nhanh. Trong đó, năm 2002 tổng sản lượng khai thác đá các loại (đá hộc, đá xẻ thô, đá xẻ tinh, đá phiến) đạt 959.167 m^3, tăng 6,28 lần so với năm 1997. Sản phẩm này không chỉ có mặt trên phạm vi toàn tỉnh, tham gia vào nhiều các công trình trọng điểm như xây dựng Lăng Bác (đá ốp), tượng đá ở núi Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam, Đà Nẵng).... mà còn vươn ra thị trường thế giới với kim ngạch xuất khẩu năm 2002 đạt 2,7 triệu USD. Ngoài ra, sản lượng một số loại vật liệu xây dựng khác cũng đạt mức tăng trưởng khá, trong đó sản lượng vôi cục năm 2002 đạt 49.600 tấn, tăng 4,9 lần so với năm 1997; gạch xây dựng đạt 7,65 triệu viên, tăng 6,3 lần so với năm 1997. Các lĩnh vực công nghiệp sửa chữa, cơ khí, chế biến tiếp tục được mở rộng và phát triển. Tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá cao. Các làng nghề có truyền thống như chế tác đá mỹ nghệ (Đông Hưng, Đông Tân), gốm sứ (xã Đông Vinh) đang dần được khôi phục và tiếp tục phát triển; một số ngành nghề khác cũng được đưa vào sản xuất như: nghề sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, chế biến rau quả xuất khẩu, sản xuất đồ mộc cao cấp... góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp.

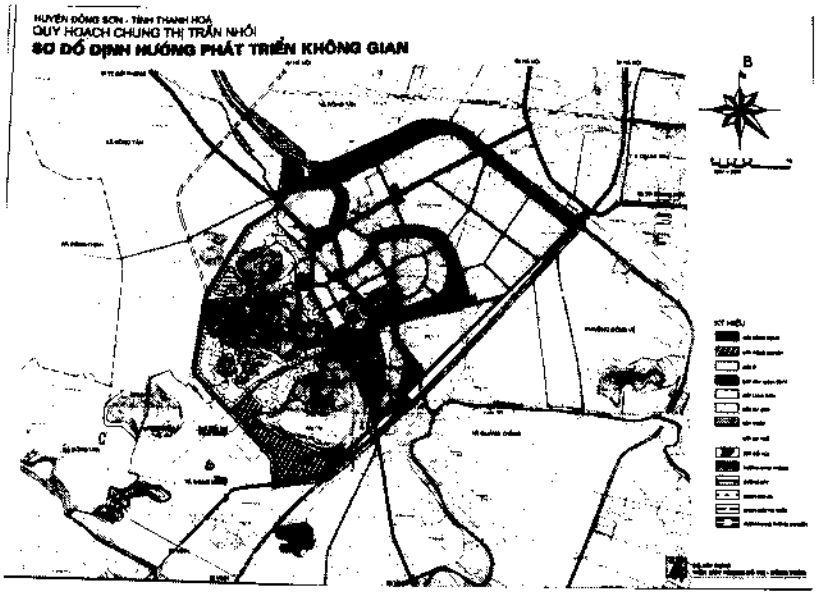

Sơ đồ định hướng phát triển không gian của thị trấn Nhồi

Phát huy thế mạnh của vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử với một nền văn hóa Đông Sơn đậm nét, cùng nhiều danh thắng nổi tiếng, lại ở vào vị trí giao thông thuận tiện đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thương mại - du lịch - dịch vụ phát triển. Đến cuối năm 2002 tổng số cơ sở hoạt động thương nghiệp là 1.616 cơ sở. Dịch vụ giao thông vận tải năm 2002 thu hút 1.282 lao động tham gia. Ngành bưu chính - viễn thông cũng không ngừng phát triển qua các năm. Hiện nay, số máy điện thoại đưa vào khai thác đạt bình quân 2 máy/100 dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và giao lưu tình cảm của nhân dân. Hàng năm, mức tăng trưởng của ngành thương mại - dịch vụ vào khoảng 13 - 15%, đưa tổng giá trị các ngành này đạt 51,8 tỷ đồng vào năm 2002, góp phần tăng tỷ lệ thu ngân sách trên địa bàn huyện.

Trong sản xuất nông nghiệp, với những chính sách phát triển hợp lý trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa các giống lúa lai cho năng suất cao vào gieo trồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác nên giá trị sản xuất nông nghiệp tăng khá nhanh, ở mức 6,5 - 7%/năm. Nếu năm 1996, tổng giá trị ngành nông nghiệp đạt 109.682 triệu đồng thì đến năm 2002 đạt 203.372 triệu đồng, tăng 85%. Trong đó, giá trị chăn nuôi tăng trên 6% năm.

Về trồng trọt: năng suất lúa gieo trồng năm 2002 đạt 115,2 tạ/ha, tăng gấp hai lần so với năm 1996. Sản lượng lương thực đạt 69.149 tấn, tăng gần 2 lần so với năm 1996. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 136.351 triệu đồng, tăng 83,6% so với năm 1996; bình quân lương thực đạt 620 kg/người/năm.

Về chăn nuôi: trong những năm qua với chủ trương đẩy mạnh giá trị ngành chăn nuôi bằng các hình thức như đưa giống lợn nạc hướng ngoại, cải tạo đàn bò theo hướng sind hoá, chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, đến năm 2002, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 59.579

triệu đồng, tăng 73% so với năm 1996.

Có được kết quả trên là do Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Đông Sơn đã biết phát huy sức mạnh tổng hợp từ việc phát huy những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh để từ đó ban hành và thực thi nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế huyện phát triển. Theo đó, đối với nông nghiệp, huyện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ chuyển đổi ruộng đất với mục đích phát triển kinh tế trang trại, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác. Để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Đông Sơn đã "trải thảm đỏ" mời gọi các nhà đầu tư vào lĩnh vực này như: kéo dài thời gian miễn hoặc giảm thuế sử dụng đất cho các nhà đầu tư, hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, làng nghề; xây dựng đường giao thông vào các cụm khai thác đá. Nhờ vậy, kinh tế Đông Sơn có mức tăng trưởng cao, đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt. Nếu năm 2001, thu nhập bình quân đầu người là 320 USD thì đến năm 2002 là 352USD, tăng 10%. Số hộ khá, giàu tăng khá, hộ nghèo giảm xuống còn 11,3% và hiện không còn hộ đói, củng cố an ninh quốc phòng. Bởi đây là những nền tảng, là tiền đề quan trọng cho kinh tế huyện phát triển bền vững trong tương lai.

Kết cấu hạ tầng phát triển, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội

Cùng với phát triển kinh tế, Đông Sơn luôn chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng. Trong đó:

Về kết cấu hạ tầng, với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đến nay, các tuyến đường liên xã cơ bản được nhựa hoá, giao thông nông thôn được bê tông hoá, cấp phối hoàn toàn. Các tuyến đường dẫn đến các khu kinh tế, đô thị và các làng nghề được rải nhựa, thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông và phát triển kinh tế. Hệ thống kênh mương nội đồng cơ bản hoàn thành, tạo thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Đời sống văn hóa - tinh thần cũng từng bước được nâng cao. Với bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử, những di tích, di chỉ của nền văn hoá Đông Sơn đã trở thành kho tàng quý báu không chỉ của người dân Thanh Hoá, mà của cả dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh việc gìn giữ và phát huy nền văn hoá cổ, việc xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu. Vì thế, phong trào xây dựng làng văn hoá, cơ quan văn hoá đã phát triển rộng khắp. Đến nay, toàn huyện đã khai trương được 66 làng và cơ quan văn hoá. Đồng thời, với mục tiêu từng bước nâng cao trình độ dân trí cho người dân, đến nay, 100% số xã trong huyện đã có đài truyền thanh và điểm bưu điện văn hoá xã, tủ sách pháp luật.

Về giáo dục - đào tạo: nhận thức được tầm quan trọng của ngành giáo dục - đào tạo trong việc giáo dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, nhiều năm qua sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện Đông Sơn phát triển nhanh cả về chất, lẫn lượng. Hiện nay, toàn huyện có 14 trường tiểu học và một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; 95,7% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 84,7% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Đến tháng 10-2000, toàn huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Cơ sở vật chất của các trường học cũng được quan tâm đầu tư xây dựng. Hầu hết các trường và cơ sở dạy học đều khang trang, sạch đẹp, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu dạy và học. Với những kết quả này, trong nhiều năm liền, huyện Đông Sơn được đánh giá là một trong các huyện dẫn đầu tỉnh Thanh Hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Về y tế, công tác chăm lo sức khoẻ cộng đồng được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Vì thế, các chương trình y tế được tổ chức và thực hiện tốt. Các cơ sở khám, chữa bệnh không ngừng được cải tạo, nâng cấp đã góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân. Đến nay, 80% trạm xá trong huyện đã có bác sỹ, 100% các thôn, xóm đều có cán bộ y tế. Các hiệu thuốc được phân bố hợp lý đã đáp ứng ngày càng cao nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Các chương trình y tế quốc gia, đặc biệt là y tế dự phòng được triển khai kịp thời, hiệu quả. Nhờ đó, trong nhiều năm qua, huyện Đông Sơn không để xảy ra dịch bệnh.

Các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm đúng mức, chu đáo, nhất là đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với đất nước,

người có hoàn cảnh khó khăn, người cô đơn. Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình được duy trì và triển khai rộng khắp bằng nhiều hình thức tuyên truyền hướng dẫn tới tận các xã, các hộ gia đình... Vì thế, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 0,7% vào năm 2002. Ngoài ra, huyện còn chú trọng tới việc giải quyết việc làm cho nhân dân bằng các hình thức như tổ chức đi lao động ở nước ngoài, giải quyết lao động tại chỗ... Năm 2002 huyện đã giải quyết việc làm cho 1.000 lao động, trong đó có 215 người đi lao động ở nước ngoài.

Không chỉ có vậy, tình hình an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì, các nghị quyết liên tịch giữa Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Bộ Công an, Nghị quyết liên tịch giữa quân đội nhân dân - công an, Nghị quyết liên tịch giữa Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ với Công an được triển khai, thực hiện tốt. Đoàn Thanh niên cùng các tổ chức quần chúng cố gắng vươn lên để xứng đáng là lực lượng hùng hậu trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự an toàn xã hội. Tinh thần sẵn sàng chiến đấu được phát huy, đủ khả năng ứng phó với mọi tình huống. Hàng năm, công tác giáo dục quốc phòng toàn dân được duy trì thường xuyên, đảm bảo hoàn thành tốt các đợt huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ và chỉ tiêu tuyển gọi thanh niên nhập ngũ.

Phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Nhằm phát huy hơn nữa kết quả đã đạt được, trong những năm tới, huyện sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường; khai thác tối đa mọi nguồn lực, lợi thế của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng về giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - thương mại, phát triển mạnh những ngành nghề có tiềm năng như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế tác đá mỹ nghệ, đá xây dựng, xây dựng, giao thông, dịch vụ vận tải...

Để đạt được mục tiêu đó, trong những năm tới, huyện sẽ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học nhằm tăng nhanh giá trị thu nhập trên một ha canh tác. Quy hoạch và xây dựng hoàn chỉnh cụm công nghiệp Vức (sản xuất vật liệu xây dựng); cụm công nghiệp Nhồi (sản xuất chế tác đá xuất khẩu, đá mỹ nghệ); cụm công nghiệp thị trấn Rừng Thông - cụm công nghiệp sạch, phục vụ cho du lịch và vùng công nghệ cao, cụm công nghiệp Đông Nam - Đông Phú (sản xuất vật liệu xây dựng, du lịch...), cụm công nghiệp Đông Vinh - Đông Quang.

Đồng thời, huyện sẽ tăng cường hợp tác với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; mở rộng kinh tế đối

Mục tiêu đến năm 2005

1. **Nhịp độ tăng trưởng kinh tế:** 10 - 11%/năm.
2. **GDP bình quân:** 440 USD/người/năm.
3. **Cơ cấu kinh tế:** nông nghiệp: 49%, công nghiệp - Xây dựng cơ bản: 35%, dịch vụ - thương mại: 16%.
4. **Năng suất lúa:** 12 tấn/ha/năm, tỷ lệ lúa lai 50%; sản lượng lương thực: 72.000 tấn.
5. **Giá trị thu nhập** trên ha canh tác 25,4 triệu đồng.
6. **Thu ngân sách:** tăng 5%/năm.
7. **Giá trị xuất khẩu:** tăng 10%/năm.
8. Quy hoạch trên 20% diện tích làm lúa chất lượng cao.

Mục tiêu đến năm 2010

1. **Nhịp độ tăng trưởng kinh tế:** trên 10%/năm.
2. **GDP bình quân:** 650 USD/người/năm.
3. **Cơ cấu kinh tế:** nông nghiệp: 40%, công nghiệp - - Xây dựng cơ bản: 40%, dịch vụ - thương mại: 20%.
4. **Năng suất lúa:** 13 tấn/ha năm; sản lượng lương thực: 75.000 tấn trở lên.
5. **Giá trị thu nhập** trên ha canh tác trên 30 triệu đồng.
6. **Thu ngân sách:** tăng 15%/năm.
7. **Giá trị xuất khẩu:** tăng 20%/năm.
8. Quy hoạch trên 20% diện tích làm lúa chất lượng cao.

Các dự án mời gọi đầu tư

1) *Xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp Vúc, công nghiệp Đông Tân - Đông Hưng, công nghiệp Đông Lĩnh.*
2) *Đầu tư xây dựng khu danh thắng Nhồi, nhà vườn - du lịch thị trấn Rừng Thông.*
3) *Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu chức năng của thị trấn Rừng Thông và đô thị Nhồi.*
4) *Dự án cung cấp nước sạch cho thị trấn Rừng Thông và các xã phụ cận, xây dựng tuyến đường nối thị trấn Bắc Cầu Hạc - thành phố Thanh Hoá.*
5) *Các dự án du nhập ngành nghề mới, phát triển kinh tế nông thôn.*
6) *Dự án khôi phục và cải tạo hồ Mao Rủn (xã Đông Khê) gắn với di tích lịch sử văn hoá đền thờ Lê Hy.*
7) *Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, khu di tích.*

ngoại, ban hành những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện tăng trưởng với tốc độ cao và bền vững.

Thường xuyên chăm lo, bảo đảm các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo. Quan tâm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở để mọi người dân được khám, chữa bệnh kịp thời.

Với những thành tích đã đạt được, huyện Đông Sơn đã được tặng thưởng danh hiệu đơn vị lực lượng vũ trang anh hùng năm 1995. Các xã Đông Văn, xã Đông Hưng, xã Đông Nam, công an huyện cũng được tặng thưởng danh hiệu cao quý đó.

Có thể nói, trên chặng đường đã qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Đông Sơn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Những thành công ấy là động lực quan trọng để Đông Sơn tiếp tục phát triển trong tương lai và thực hiện thắng lợi mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt, huyện Đông Sơn (Thanh Hoá) có bề dày lịch sử khá hào hùng, vẻ vang, là mảnh đất "địa linh, nhân kiệt".

1. Quá trình hình thành và tên gọi của huyện Đông Sơn qua các thời kỳ

- Thời thuộc Hán - Tam Quốc - Lưỡng Tấn là miền đất thuộc huyện Tư Phố và một phần (phía nam) thuộc huyện Cư Phong.

- Thời Tuỳ - Đường thuộc huyện Cửu Chân. Theo sách "Dị Biên" của Cao Biền, thời bấy giờ vùng đất này được gọi là huyện Đông Dương, sau đổi thành Đông Cương.

- Thời Đinh - Lê - Lý giữ nguyên như thời Tuỳ - Đường.

- Thời Trần đặt tên là huyện Đông Sơn thuộc trấn Thanh Đô, tên huyện Đông Sơn có từ đây.

- Thời thuộc Minh thuộc phủ Thanh Hoá.

- Thời Lê Quang Thuận: thuộc phủ Thiệu Thiên, sau Gia Long đổi Thiệu Thiên thành Thiệu Hoá. Huyện Đông Sơn thuộc phủ Thiệu Hoá.

- Đầu thế kỷ thứ XIX, huyện Đông Sơn gồm 6 tổng, 145 xã, thôn, trang, vạn, giá, giáp, sở, phường.

- Năm 1928, huyện Đông Sơn đổi thành phủ, bao gồm có 7 tổng, 115 làng và 5.794 dân đinh.

- Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến cuối năm 1946, chính quyền cách mạng đã chia 7 tổng cũ của Đông Sơn thành 22 xã.

- Năm 1948, đơn vị hành chính của huyện được tổ chức lại với 13 xã.

- Cuối năm 1954, chia Đông Sơn thành 25 xã.

- Năm 1972, Đông Sơn còn lại 20 xã (xã Đông Giang cắt về thị xã Thanh Hoá. Trước đó, năm 1963, 4 xã Đông Thọ, Đông Cương, Đông Vệ, Đông Hải cắt về thị xã Thanh Hoá - thành phố Thanh Hoá ngày nay).

- Ngày 5-7-1977 theo Nghị định số 177/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), huyện Đông Sơn sáp nhập 16 xã của huyện Thiệu Hoá và đổi tên huyện Đông Sơn thành huyện Đông Thiệu. Lúc này, huyện Đông Thiệu có 36 xã.

- Ngày 30-8-1982, theo Nghị định số 149/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đổi tên thành huyện Đông Sơn.

- Ngày 28-4-1992, thành lập thị trấn Rừng Thông (trung tâm huyện lỵ được thành lập). Lúc này huyện Đông Sơn có 36 xã và một thị trấn (thị trấn được thành lập trên cơ sở cắt một phần đất của các xã: Đông Xuân, Đông Tân và Đông Lĩnh).

- Thực hiện Nghị định số 72/CP ngày 18-1-1996 của Chính phủ, tách 16 xã của huyện Thiệu Hoá được sáp nhập

Tích sử huyện Đông Sơn

vào Đông Sơn trước kia ra khỏi Đông Sơn. Trong 16 xã đó, 15 xã để tái lập huyện Thiệu Hoá, 1 xã Đông Cương còn lại sáp nhập vào thành phố Thanh Hoá. Huyện Đông Sơn còn lại 19 xã và 1 thị trấn huyện lỵ.

2. Di tích lịch sử - văn hoá

● Đông Phố: quận lỵ Cửu Chân thời Tiền Tống từ Tứ Phố chuyển về đây (420 - 1009). Đông Phố là làng Đồng Pho thuộc các xã Đông Hoà và Đông Minh ngày nay.

● Kinh đô Trường Xuân: nay là thôn Trường Xuân xã Đông Ninh. Năm 618, đời vua Tuỳ Đại nghiệp, Lê Ngọc là thái thú quận Cửu Chân đã phát động nhân dân chống lại nhà Đường. Lê Ngọc tự xưng là Hoàng đế, xây dựng kinh đô ở đây. Ngoài ra, tại đây, các nhà khảo cổ đã phát hiện tấm bia cổ nhất Việt Nam "gọi là bia Trường Xuân" có tên "Đại Tuỳ Bải an đạo trường chi vi văn" (năm 618).

● Đền thờ Nguyễn Nghi ở làng Phúc Tuyền hiện được bảo tồn tốt. Nguyễn Khải là con Nguyễn Nghi, được tôn xưng là Thánh Hẹ. Khu đền thờ hiện đặt ở làng Ngọc Tích.

● Chùa An Hoạch trên núi Nhồi, xã Đông Hưng. Chùa còn có tên gọi là Báo Ân.

● Bia Đá: theo thống kê của Phòng Địa chí thư viện Thanh Hoá, huyện Đông Sơn hiện có trên 300 bia đá lớn nhỏ ở các thời kỳ khác nhau.

● Di tích cách mạng:

- Làng Hàm Hạ, xã Đông Tiến là nơi thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Thanh Hoá.

- Rừng Thông là nơi Bác Hồ về thăm Thanh Hoá, gặp cán bộ và đại biểu nhân dân Thanh Hoá trên núi Rừng Thông ngày 20-2-1947.

● Đất học Đông Sơn: nổi tiếng đất học giỏi là "tứ xã Bôn". Tứ xã Bôn là 4 làng: Ngọc Tích, Phúc Triền, Kim Bôi, Quỳnh Bôi có nhiều vị đại khoa.

3. Nhân vật lịch sử

Kể từ năm 1844 trở về trước, Đông Sơn có 32 Tiến sĩ (1 Trạng nguyên, một Bảng nhãn, 2 Thám hoa).

● Thiều Thốn: ở làng Thọ Sơn, xã Đông Tiến. Thiều thống là Phò Kỳ lang (Phò mã), chức vụ Phòng Ngự sứ Lạng Sơn đời Trần rất được tướng sĩ dưới trướng yêu mến.

● Lê Trắc: ở huyện Đông Sơn. Viết sách "An Nam chí lược" đời Trần

● Nguyễn Chính: ở làng Vạn lộc, xã Đông Ninh, dũng tướng Lam Sơn, khai quốc công thần thời Lê.

● Nguyễn Như Soạn: Tướng thờ Lê Lợi, cùng cha khác mẹ với Nguyễn Trãi.

● Nguyễn Mộng Tuân: ở làng Viên Khê, xã Đông Anh, đậu Thái học sinh đời Trần. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan tới chức Tả Nạp Ngôn, Vinh lộc đại phu. Ông có tập thơ "Cúc pha tập".

● Triệu Quy Linh ở xã Doãn Xá, xã Đông Ninh. Tử tiết chống Mạc.

● Lê Hy: quê làng Thạch Khê, đỗ Tiến sĩ, giữ chức Tham Tụng, Sách quận công. Lê Hy còn là nhà sử học thế kỷ XVII chức Quốc sử quán tổng đài, biên soạn và hoàn thành bộ Đại Việt sử ký toàn thư đến đời Lê Gia Tông (năm 1692) và viết "bản kỷ tục biên".

● Nguyễn Nghi: ở làng Ngọc Bôi, xã Đông Thanh, làm quan tới chức Tả thị lang Bộ Lại kiêm Đông các đại học sĩ, tước Thái Bảo, thầy dạy hai vua Lê Anh Tông và Lê Thế Tông.

● Nguyễn Khải: (con thứ Nguyễn Nghi) võ tướng thời Lê Trung Hưng, tước Đặng quận công.

● Nhà thơ Nguyễn Chính: ở làng Vạn Lộc, xã Đông Ninh.

● Các bậc đại nho: Nguyễn Mộng Tuân, Lưu Ngạn Quang, Thiều Quý Linh, Ngô Văn Thông, Nguyễn Nghi, Nguyễn Văn Lễ, Lê Khả Trù, Nguyễn Thế Khanh, Cao Cử, Lê Vĩnh, Lại Đăng Tiến, Lê Liêu, Lê Hy, Thiều Sĩ Lâm, Lê Khả Trinh, Lê Dị Tài, Trần Bá Tần, Lê Thế Thứ...

4. Loại hình nghệ thuật tiêu biểu

● Dân ca Đông Anh: đây là làn điệu dân ca có từ lâu đời và rất nổi tiếng trong nền văn hoá dân gian Việt Nam.

● Trò diễn dân gian:

- Trò Rủn phổ biến tại các làng trong tổng Thạch Khê (Lễ Rủn). Trò Rủn có ngũ trò (5 trò) là múa đèn, trống mõ, tiên cuội, ngô quốc và mí mẫn. Ngoài ra còn có các trò như tô vũ (tô tượng, đúc chuông), tú huần (một mẹ, mười con).

- Trò Bôn phổ biến trong các làng ở Kẻ Bôn (xã Đông Thanh). Trò Bôn có 5 trò diễn là ngô phường - lam phường - tiền phường - thuỷ phường và làng ba khúc.

DONG SON DISTRICT

BRINGING TRADITIONS AND AVAILABLE STRENGTHS INTO PLAY

As a flat district, Dong Son used to be a rice monoculture area where the people's material, spiritual and cultural life is rather poor. Recently, implementing the policies issued by the Communist Party, State and City's Party Committee, especially those resolutions by the district Party Committee on the development of industry – handicraft, service – trade, with the strong development of construction material exploitation and fine art stone processing sectors, Dong Son economic structure is growing towards the increasing proportion of industry – handicraft and service – trading, but smaller proportion for agriculture. The reform has made a great contribution to the strong socio-economic development of Dong Son District.

The central Dong Son District is five kilometres away from the central Thanh Hoa City in the west. Dong Son borders Thanh Hoa City in the east, partially borders Thieu Hoa and Trieu Son in the west, Nong Cong in the south and Thieu Hoa in the north. Through periods of development until 1996, the total area of the district was 106.4 sq.km, of which 7,065.93 ha (66.4 per cent) was agricultural land, the rest was specialised, urban and forestry land. According to the nation-wide population study in 1999, the local population was 109,800 people, of which 54,000 were at the working age and 60 per cent were engaged in agricultural production.

- **Natural area: 106.4 sq.km**
- **Population: 109,800 people**
- **Administration structure: 19 communes and one township**
- **Annual economic growth: 11 per cent**
- **Per capita income: US$ 352 a year**
- **Per capita food output: 620 kg a year**

Potentials mobilisation for economic development

According to the statistics by the People's Committee of Thanh Hoa Province, the natural area of Dong Son is not so large but fertilised, and enriched with small limestone hills, which are advantages in the development of agriculture, construction material industry and fine-art stone engraving handicraft. Moreover, with the rich history of a land where the Dong Son culture once throve, Dong Son District is considered one of the cradles of Vietnamese culture. Long ago, the local people used to be known as industrious and skilful people in production. With their talents, such traditional products as: fine-art stone creation and fine-art porcelain and ceramic production have become widely famous. Those are the potential strengths that have helped Dong Son people gain so many socio-economic achievements.

As a suburban district of Thanh Hoa City, with the convenient traffic system created by the National Road No.45 and 47, and the North-South Railway which run across the district, Dong Son enjoys many advantages in goods exchanging and economic development. In addition, Dong Son with its two big satellite urban areas of Thanh Hoa City (Rung Thong and Nhoi townships) promises great prospects in forming economic rendezvous.

Over the past years, especially from 2000 to 2003, with the direction and leadership of the Party committees, the district authorities and the people's efforts, Dong Son has achieved encouraging socio-economic results. The importance indices of the economic devel-

Well-known places of Dong Son

1. *Nhoi Mountain (named Khe or Nhue Son in the past): also called An Hoach in Nhoi Village, Dong Hung Commune. It is a green rock mountain, which is even well known in China. People usually use the rocks from Nhoi Mountain to make steles, pillars, piers and statues, etc. In the past, the Chinese governors used to make musical stones with those rocks and took them to China. Musical stones made of rock from Nhoi Mountain usually make sound echoes as the bells do. A rock named Hon Vong Phu stands on the top of the mountain shaping like a mother carrying a child in her hands and some other children are sitting behind her, looking towards the sea.*
2. *Kim Dong - Ngoc Nu Mountain (also called Kim Dong): located in Dong Hung Commune, next to Nhoi Mountain in the south. It is said in the Dai Nam nhat thong chi (Dai Nam unification documents) that: Ngoc Nu is "... a mall mountain that looks like a beautiful girl. In the north of the mountain, there is a rock looking like a man pressing his palms together. On his royal progress around the south of the country, the King Le Thanh Tong came and engraved a poem in national language on the rock. He also rebuilt Dai Bi Pagoda on the side of the mountain. Inside the pagoda, a statue of the king was built next to the Buddha statue."*
3. *Son Viet Mountain (also called Phuong Linh): are rocky soil mountains covered with pines and also called Rung Thong (Pine Forest). The average height of the mountain is 100m, the peak of Rung Thong mountain is 162m above the sea level.*
4. *Chieu Mountain (also called Nhuan Thach) is shaped like a horse. It is located in Tho Son Village, Dong Tien Commune. It is noted in the book Dai Nam nhat thong chi that: the mountain is "in Tho Son Commune, 12km from Dong Son District in the north-west. The mountain has two peaks, the rocks are especially hard and purely white, which makes it called Bach Thong (White Pine). The tomb of Thieu Thon was put in the valley.*
5. *Chu River irrigation system: beginning at Bai Thuong dyke, running through Tho Xuan – Thieu Hoa to Dong Son and down to the lowland. Nong Giang River waters the fields in Dong Son, playing a crucial part in the irrigation and agricultural production of Dong Son people.*

opment have all exceeded the yearly plan, contributing to the successful fulfilment of the targets set at the Dong Son Party Committee's XXI Congress. That is shown in the annual GDP growth rate of 11 per cent, increasing by 2 per cent that in 1996-2000. The economic structure is changing in a positive way, the proportion of industry - handicraft and service is expanded and that of agriculture is reduced.

Industry and handicraft sector achieves the annual growth rate of 18-20 per cent. The total value of the industry and handicraft reached VND13.764 billion in 1997, but VND72.390 billion in 2002, increasing by 5.2 times (at constant price of 1994). Of which, construction material production, including ashlar and construction stones, has helped accelerate the development of the construction and transport. In 2002, the total production of stones achieved 959,167 cu.m, increasing by 6.28 times that in 1997. The products have been brought to other parts of the country, used in great works such as Ho Chi Minh Mausoleum (ashlar) and the stone statues on Ngu Hanh Son mountain (Quang Nam, Da Nang) as well as to the world market with the export turnover of USD2.7 in 2002. Apart from that, some other construction materials productions also achieved good growths. For example, quicklime block production in 2002 achieved 49,600 tonnes, increasing by 4.9 times that in 1997, brick production achieved the total number of 7.65 million pieces, increasing 6.3 times that in 1997. Engineering and processing industries were both expanding. Handicraft made high growth rate. Traditional occupation villages such as fine-art stone processing (Dong Hung, Dong Tan), porcelain and ceramic (Dong Vinh) are restoring and developing, some other productions

such as: mushroom, pharmaceutical mushroom, export vegetable and fruit processing, high-class carpentry, etc. are also making a remarkable contribution to the handicraft's development.

The strengths of a land of history with the Dong Son culture and famous landscapes as well as the convenient location have created advantages for the development of trade, tourism and service sectors. By the end of the year 2002, the total number of trading companies reached 1,616. Transportation created employment for 1,282 people. Postal and telecommunication sector is making increasingly great annual growth. At present, there are two telephones used per 100 people on average, meeting the economic development and communication demands. Annually, the trade and service sector achieves the growth rate of 13-15 per cent, making the total value of VND51.8 billion in 2002, contributing to the bigger budget income of the district.

In agricultural production, applying appropriate development policies in cultivation restructuring, growing rice crossbreeds of high quality, and applying scientific and technological advances in farming, the agricultural production value of Dong Son District makes the annual growth rate of 6.5-7 per cent. The total agricultural value was VND109,682 million in 1996, but reached VND203,372 million in 2002, increasing by 85 per cent, of which the husbandry value grew by 6 per cent per year.

Cultivation: in 2002, rice productivity achieved 11,520 kg/ha, doubling that in 1996. Food output reached 69,149 tonnes, nearly doubling that in 1996. Cultivation production revenue reached VND136,351 million, increasing by 83.6 per cent compared to that in 1996 and the annual food output was 620 kg per capita.

Husbandry: planning to intensify the husbandry revenue by raising foreign imported porkers, improving the cows, breeding the poultry by the industrial and semi-industrial methods, the husbandry production value achieved VND59,579 million in 2002, 73 per cent higher than that in 1996.

Those achievements are resulted from the fact that the Dong Son Party Committee, authorities and people have actively mobilised the general strength of the available forces and potentials, creatively applied the policies issued by the provincial Party Committee, People's Council, People's Committee in promulgating and implementing important policies to accelerate the local economic development. Accordingly, the district always creates favourable conditions for the households to develop farming sector, restructure the cultivation and husbandry so as to maximise the income brought about by the same cultivated area. Striving for the development of industry and handicraft, Dong Son has "spread out red carpets" to lure the investors by: prolonging the land-tax exemption and reduction period, assisting some of the expenses on the infrastructure construction for the industrial zones and occupation villages, building roads and rock exploitation sites. As a result, the economic growth rate of Dong Son is rather high and the local people's living standard has been significantly improved. The per capita income was only US$320 in 2001 but went up to US$352 in 2002, achieving an increase of 10 per cent. There has been a remarkable increase in the number of rich households whereas that of the poor households has dropped to 11.3 per cent with no more hungry families. National defence andsecurity has been reinforced.

Mushroom growing - cultivation transfer direction that brings high economic gains.

Better infrastructure - premises for the socio-economic development

Along with economic development, Dong Son attaches great importance to the infrastructure. Infrastructure: following the motto: "the State and people work together", the inter-communal roads have been basically tarred, rural roads have been all concrete and macadam. Roads to economic, urban areas and occu-

Economic report

Unit: Perc

Sectors	2000	2001	2002
Agriculture- forestry- fishery	57.2	56.7	54.7
Industry- handicraft	31.4	31.7	31.8
Services and trade	11.4	11.6	13.5

ource: Dong Son People' Committee

ation villages have all been beautifully tarred, creating favourable conditions for the economic exchange nd development. The field canals system has been asically completed, facilitating the agricultural and ural economic structure reform.

The cultural and spiritual life of the local people as been progressively improved. The rich tradition of culture, history, historical sites and relics of the Dong Son Culture has become a valuable treasure of not only Thanh Hoa but also Vietnamese people in general. However, in addition to preserving the ancient culture, it is the foremost task to build a modern culture full of national colours. Therefore, the movement of building cultural villages and cultural offices has been widely expanded. So far, there have been 66 cultural villages and offices across the district. In addition, aiming at the people's higher literacy, 100 per cent of the communes now have radio transmision stations, communal cultural post-offices and bookcases of laws.

Education and training: understanding the importance of the education and training sector in teaching and developing the human resources, the education and training sector of Dong Son has achieved rapid growth in both quality and quantity. There are now totally 14 primary schools and one kindergarten that meet the national standard, 95.7 per cent of the communes meet the standard compulsory primary school for the right age, 84.7 per cent meet the standard compulsory secondary school. Until October 2000, the compulsory secondary school program has been widely fulfilled over the district. Facilities of the schools have been fully invested. Almost all schools and classes are clean and spacious, meeting the requirements of the teaching and learning cause. For those achievements, Dong Son has been consecutively assessed as one of the leading districts in Thanh Hoa education and training cause.

Health service: public healthcare is considered one of the key tasks of Dong Son socio-economic development program. Therefore, Health schemes are all well organised and implemented. Health centres are continuously upgraded, helping improve the medical care quality. So far, 80 per cent of the local Health centres have doctors, 100 per cent of the villages and hamlets have medical cadres. The reasonable distribution of the chemist's shops is meeting better the local people's demand for medical care. The national Medicare, especially on preventive medicine, has been timely and effectively implemented. Therefore, there has been no epidemic disease in the district for many years.

Disadvantaged people, especially those families of wounded soldiers and martyrs, those who have made contributions to the nation's revolution, the poor and lonely people are all taken into the authorities' concern. Population and family planning is maintained and expanded over the communes and households by different methods. As a result, the natural population growth was reduced to 0.7 per cent in 2002. Besides, the district attaches great importance to creating employment for the local people by sending them abroad or locally solving the problem. In 2002, 1,000 people were employed, 215 of whom were sent abroad to work.

The political and social security is well stable over the district. The movement of the whole people take part in the national defence has been maintained, the joint Resolutions between the Central Committee of the Vietnam Fatherland Front and the Ministry of Public Security, among the Youth Union, Women's Union and

the police are all being successfully implemented. The Youth Union and public organisations all strive to be powerful forces in reinforcing the nation defence and social security. They are capable of dealing with any situations with the strong willingness to fight for the nation. The overall national defence training is regularly organised, ensuring successful recruitment to arms and military training courses for the militia.

Solutions for the socio-economic development by 2010

Continuing the achievements, Dong Son will continue intensifying the Renovation (Doi Moi), raising the sense of self-help for self-improvement, exploiting to the maximum the local sources and advantages. Reforming the economic structure towards the rapid increase of industry – handicraft and service – trade value, developing potential industries such as: construction material production, fine-art stone and construction stone creation, construction, transport and transportation services, etc.

Pursuing those targets, Dong Son will intensify the agricultural production towards commodity production, applying technical and bio-technological advances thus increasing the income value over one hectare cultivation. Planning and building Vuc Industrial Zone (construction materials production), Nhoi (export and fine-art stones production and processing), Rung Thong Township Industrial Zone (clean industrial zone serving tourism and hi-tech sectors), Dong Nam Dong Phu (construction materials production and tourism) and Dong Vinh – Dong Quan Industrial Zone.

The district will also intensify the co-operation with foreign and domestic investors, broaden foreign economic activities, issuing policies to lure investment so as to stimulate and strengthen the local socio-economic growth.

Social matters are regularly concerned and ensured, and the hunger eradication and poverty alleviation scheme is successfully implemented. Education development is considered the foremost national policy. Health service network is improved from the district to communes serving the local public healthcare.

Dong Son District was entitled Hero unit of the People's Armed Forces in 1995. Dong Van, Dong

Targets to be pursued by 2005

1. Annual economic growth: 10-11 per cent. Of which:
- Agricultural growth: 5 per cent up
- Industry and handicraft growth: 14 per cent up
- Service and trade growth: 30 per cent up
2. Per-capita GDP: US$440/year
3. Economic structure:
- Agriculture: 49 per cent
- Industry and capital construction: 35 per cent
- Service and trade: 16 per cent
4. Annual rice productivity: 12 tonnes/ha, cross-bred rice 50 per cent, food output 72,000 tonnes
5. Per hectare income: VND25.4 million
6. Annual budget contribution growth: 5 per cent
7. Annual export value growth: 10 per cent
8. High quality rice production is planned over 20 per cent of the area

Targets to be pursued by 2010

1. Annual economic growth: over 10 per cent. Of which:
- Agricultural growth: 5 per cent up
- Industry and handicraft growth: 21 per cent up
- Service and trade growth: 18 per cent up
2. Per-capita GDP: US$650/year
3. Economic structure:
- Agriculture: 40 per cent
- Industry and capital construction: 40 per cent
- Service and trade: 20 per cent
4. Annual rice productivity: 13 tonnes/ha, food output 75,000 tonnes up
5. Per hectare income: over VND30 million
6. Annual budget contribution growth: 15 per cent
7. Annual export value growth: 20 per cent
8. High quality rice production is planned over 20 per cent of the area

Hung and Dong Nam communes and the district police are also rewarded with that honourable title.

Likely to say, so far, the Dong Son Party Committee, authorities and people have gained important achievements such as good economic growth, stable political life, and a great improvement in the local people's material and spiritual life. Those achievements are crucial premises for Dong Son to continue its development in the future and to successfully pursue the target: "Wealthy people, powerful nation and fair, democratic and civilised society".

Investment attraction projects

1. ***Projects on infrastructure construction of Vuc, Dong Tan – Dong Hung, and Dong Linh industrial zones.***
2. ***Investment project on the building of Nhoi landscape, garden houses and tourism in Rung Thong Township.***
3. ***Projects on the infrastructure construction of functional sub-regions in Rung Thong Township and Nhoi urban area.***
4. ***Clean water project for Rung Thong and its neighbouring communes, building the road connecting Bac Cau Hac Township and Thanh Hoa City.***
5. ***Projects on new occupations access and rural economic development.***
6. ***Mao Run Lake Reconstruction Project (the lake is located in Dong Khe commune and always recalls Temperature dedicated to Le Hy).***
7. ***Infrastructure and historical sites construction investment projects.***

The legend Dong Son District

Throughout thousand years of Vietnamese people's country building and protecting, Dong-Son has a rich and honourable history and become a "supernatural land of pre-eminent celebrities".

1. Establishment and former names of Dong Son District through historical periods of time

- Under the Chinese dominators: belonged to Tu Pho District with the some southern part belonging to Cu Phong District.
- Under Tuy Duong Dynasty: belonged to Cuu Chan District. According to "Di Bien" document by Cao Bien, it was called Dong Duong District and later renamed Dong Cuong.
- Under Dinh, Le and Ly Dynasties: belonged to Cuu Chan as it used to be under Tuy Duong Dynasty.
- Under Tran Dynasty: named Dong Son District in Thanh Do Town
- Under the domination of the Chinese Ming Dynasty: Dong Son belonged to Thanh Hoa town.
- Under the King Le Quang Thuan: belonged to Thieu Thien that is later named Thieu Hoa by King Gia Long.
- In the early 19th Century: Dong Son District was divided into six townships with 145 communes, villages, and wards, etc.
- In 1928, Dong Son became a town including seven townships, 115 villages and 5,794 inhabitants
- After the August Revolution in 1945, the revolutionary government divided the former seven townships of Dong Son into 22 communes in 1946.
- In 1948, the district's administration structure was reorganised with 13 communes
- In the end of the year 1954, Dong Son was divided into 25 communes
- In 1972, Dong Son had 20 communes (Dong Giang commune was taken over by Thanh Hoa Town. Before, in 1963, Dong Tho, Dong Cuong, Dong Ve and Dong Hai communes were all taken over by the Thanh Hoa Town – the present Thanh hoa City).
- On July 1977, according to the Resolution No.177/HDBT by the Ministers Commission (now called the Government), Dong Son and the 16 communes of Thieu Hoa District were joined together to make Dong Thieu District with 36 communes in total.
- On August 30th 1982, according to the Resolution No.149/HDBT by the Ministers Commission, Dong Thieu was renamed Dong Son
- On April 28th 1992, Rung Thong Township was established and the central town was built. Dong Son then consisted of 36 communes and one township (the town ship was built on some parts of the land of Dong Xuan, Dong Tan and Dong Linh communes).
- Following the Resolution No.72/CP dated January 18th 1996 by the Government, the 16 communes that used to belong to Thieu Hoa

were cut off from Dong Son. 15 of those communes once again made up Thieu Hoa District and the other one integrated into Thanh Hoa City. Dong Son has 19 communes and one township since then.

2. Historical and cultural sites

● Dong Pho: Cuu Chan district capital was cut from Tu Pho since Pre-Tong Dynasty (420 – 1009). Dong Pho used to be Dong Pho village that belonged to Dong Hoa and Dong Minh communes.

● Truong Xuan Capital City: the present Truong Xuan hamlet in Dong Minh Commune. In 618, under Tuy Dai Nghiep King, Le Ngoc, the governor of Cuu Chan District advocated the war against the Chinese invaders. Le Ngoc appointed himself the King and built the capital city in this place. In the place, the archaeologists have found the oldest stele in Vietnam called "Truong Xuan Stele" made in 618.

● The temple dedicated to Nguyen Nghi in Phuc Truyen village is now well preserved. Nguyen Khai, a child of Nguyen Nghi, was respectfully called He Saint. A temple dedicated to him is located in Ngoc Tich Village.

● An Hoach Pagoda (also called Bao An) is located on Nhoi Mountain, Dong Hung Commune.

● Stone steles: according to the statistics by Monograph Office - Thanh Hoa Library, there exist more than 300 stone steles of different kinds and different historical periods in Dong Son.

● Revolutionary historical sites:

- Ham Ha Village, Dong Tien Commune is the cradle of the first committee of the Communist Party in Thanh Hoa.

- Rung Thong was the place where President Ho Chi Minh came on his visit to Thanh Hoa, where he met the cadres and Thanh Hoa people's delegate on February 20th 1947.

● Dong Son is famous as a land of talents, especially the "four Bon communes", which include: Ngoc Tich, Phuc Trien, Kim Boi and Quynh Boi villages where born many high-ranking graduates of competition – examinations.

3. Historical celebrities

From 1844 back, Dong Son had 32 doctorates (one first, one second and two third laureates in doctoral examinations)

● Thieu Thong: born in Tho Son village, Dong Tien commune. Thieu Thong, the princess's consort, also Lang Son Defence Commander under Tran Dynasty, was especially admired by the soldiers.

● Le Trac: born in Dong Son, wrote the book: "An Nam chi luoc" about Tran Dynasty.

● Nguyen Chinh: from Van Loc village, Dong Ninh commune, was the hero of Lam Son, rendered outstanding service under Le Dynasty.

● Nguyen Nhu Soan: a shogun of Le Loi, Nguyen Trai's half-brother.

● Nguyen Mong Tuan: a grand student under Tran Dynasty, from Vien Khe village, Dong Anh Commune. He joined the Lam Son struggle and later became Ta Nap Ngon mandarin and Vinh Loc high-ranking mandarin. He wrote a poem collection named: "Cuc pha tap".

● Trieu Quy Linh from Doan Xa Village, Dong Ninh Commune. He committed suicide for his loyalty to Le Dynasty in the war against the Mac.

● Le Hy: from Thach Khe Village, was a doctorate and Tham Tung mandarin. Le Hi was a historian of the 17th Century in the position of National historian who compiled and completed Dai Viet History encyclopaedia till the King Le Gia Tong's time (1692) and wrote the book "Ban Ky Tuc Bien".

● Nguyen Nghi: from Ngoc Boi Village, Dong Thanh Commune, was Left honorary minister of interior and concurrently an academician, entitled Great tutor of Le Anh Tong and Le The Tong Kings.

● Nguyen Khai: second child of Nguyen Nghi, a general under the King Le Trung Hung, entitled Dang Duke.

● Nguyen Chinh: a poet from Van Loc Village, Dong Ninh commune.

● Great scholars: Nguyen Mong Tuan, Luu Ngan Quang, Thieu Quy Linh, Ngo Van Thong, Nguyen Nghi, Nguyen Van Le, Le Kha Tru, Nguyen The Khanh, Cao Cu, Le Vinh, Lai Dang Tien, Le Lieu, Le Hy, Thieu Si Lam, Le Kha Trinh, Le Di Tai, Tran Ba Tan, and Le The Thu, etc.

4. Typical folk arts

● Dong Anh folk song: has been existing for ages and famous in Vietnam folk culture.

● Folk games:

- Run: is popular in Thach Khe (Le Run), including five games: candle dance, tomtom, Tien Cuoi, Ngo quoc and Mi man. There are also such games as To vu (painting the statues and bell casting) and Tu huan (one mother with ten children).

- Bon is popular in villages in Ke Bon (Dong Thanh commune). Bon game consists of five stages: ngo phuong, lam phuong, tien phuong, thuy phuong and lang ba khuc.

HUYỆN THẠCH THÀNH

KHƠI DẬY NHỮNG TIỀM NĂNG VÀ THẾ MẠNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, huyện Thạch Thành đã có những bước đi hợp lý, đúng hướng trong phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, đồng thời dần hình thành các khu công nghiệp và dịch vụ mới.

- **Diện tích tự nhiên: 558,11km²**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 8%/năm**
- **Tổ chức hành chính: 25 xã, 3 thị trấn**

Ông Lê Văn Đốc - Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành phát biểu tại hội nghị tiếp xúc cử tri của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hoá

Huyện Thạch Thành nằm ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp huyện Nho Quan (tỉnh Ninh Bình), phía tây giáp huyện Cẩm Thuỷ và huyện Bá Thước, phía nam giáp huyện Vĩnh Lộc, phía đông giáp huyện Hà Trung. Theo điều tra thổ nhưỡng của Sở Địa chính, phần lớn chất đất ở đây rất thích hợp cho phát triển cây công nghiệp, đây là tiềm năng thế mạnh vô cùng quý giá của Thạch Thành trong quá trình phát triển kinh tế. Ngoài ra, Thạch Thành còn có mạng lưới giao thông thuận lợi với tuyến đường quốc lộ 45, tỉnh lộ 7 nối các huyện trong tỉnh, đi thị xã Bỉm Sơn, huyện Hà Trung, huyện Vĩnh Lộc, huyện Cẩm Thuỷ, tạo điều kiện cho Thạch Thành giao thương với các huyện trong tỉnh và cả nước. Đặc biệt, với tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua vùng đệm của rừng quốc gia Cúc Phương và được Bộ Giao thông Vận tải xác định là "điểm nghỉ chân" đã tạo cho Thạch Thành lợi thế phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái.

Phát huy tiềm năng và thế mạnh của huyện miền núi

Thành quả nổi bật trong thời gian qua của huyện Thạch Thành là kinh tế tăng trưởng khá nhanh ở mức 7 - 8%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng cơ bản, thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Thế mạnh về đất đai, lao động, lợi thế về địa lý, giao thông từng bước được khai thác hiệu quả. Vùng kinh tế hàng hoá được hình thành, cây công nghiệp mũi nhọn (cây mía) được xác định rõ, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, diện mạo nông thôn không ngừng đổi mới. Trong đó:

Ngành nông - lâm - ngư nghiệp, thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh về phát triển kinh tế các huyện miền núi, Thạch Thành đã tập trung triển khai thực hiện công tác khuyến nông - khuyến lâm. Đặc biệt, lãnh đạo Uỷ ban nhân dân huyện và các ngành đã tích cực chuyển hướng cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đầu tư thâm canh tăng năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đi sâu nghiên cứu và trồng thử các cây trọng điểm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Chiến lược phát triển này đã mang lại kết quả khả

quan, góp phần tích cực vào việc kích thích sự tăng trưởng nâng cao sản lượng nông nghiệp trên địa bàn, chuyển nông nghiệp từ mô hình tự cung, tự cấp sang mô hình sản xuất hàng hoá. Năm 2002, ngành nông - lâm - ngư nghiệp tăng 15,3% so với năm 1997.

Với ngành lâm nghiệp, nhiều chỉ tiêu về trồng rừng, trồng cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh chăm sóc bảo vệ rừng và khai thác lâm sản tăng mạnh qua các năm. Đến nay, các khu rừng của Thạch Thành được chăm sóc tốt, độ che phủ của rừng hầu như đạt kế hoạch đã đề ra. Công tác phòng cháy, chữa cháy được thực hiện tốt, nên không có vụ cháy rừng nào xảy ra. Ngoài ra, để khai thác triệt để quỹ đất của huyện miền núi, trong những năm gần đây, huyện đã có chủ trương hình thành các trang trại trồng cây ăn quả (vải thiều, nhãn, bưởi, cam) ở tầm trung các triền đồi, núi. Vì thế, tính đến năm 2002, toàn huyện có 395,1ha cây ăn quả. Trong những năm tới, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện chủ trương tăng diện tích trồng cây ăn quả, đồng thời xây dựng các nhà máy chế biến trái cây, mở ra triển vọng lớn cho ngành công nghiệp chế biến của huyện.

Với tiểu ngành chăn nuôi, nếu những năm trước đây chỉ là nghề phụ thì nay đã có những chuyển biến quan trọng về cơ cấu giống, vật nuôi và mô hình tổ chức sản xuất, theo hướng sản xuất hàng hoá. Với những vùng đồi, vùng đất rất phù hợp với chăn nuôi bò, đặc biệt là bò sữa, bò lai sind. Bò sữa được đưa vào chăn nuôi ngày càng nhiều, đưa tổng số đàn bò lên 7.109 con (năm 2002), tăng 15% so với năm 1997. Do đẩy mạnh phát triển đàn bò và cơ giới hoá nên tổng số đàn trâu giảm, theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện, toàn huyện hiện chỉ còn 18.293 con. Bên cạnh đó, giống lợn hướng nạc cũng được đưa vào chăn nuôi khá phổ biến và đạt kết quả cao. Tổng đàn lợn tính đến năm 2002 là 58.588 con, tăng 39,9% so với năm 1997. Các loại gia súc, gia cầm, vật nuôi khác như: dê, hươu, gà, vịt, ong cũng phát triển mạnh.

Với tiểu ngành trồng trọt, nếu như năm 1997 tổng diện tích gieo trồng lúa đạt 8.397,5 ha, năng suất bình quân đạt 33,3 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 27.998,2 tấn thì đến năm 2002 tổng diện tích gieo trồng tuy không tăng nhiều (8.970,8 ha) nhưng năng suất bình quân đạt 36,3 tạ/ha, tổng sản lượng (quy thóc) đạt 32.556 tấn. Kết quả đó đã góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn. Ngoài ra, Thạch Thành còn đẩy mạnh trồng các loại cây cho bột khác như khoai, sắn, ngô.

Lịch sử hình thành huyện Thạch Thành

Thời thuộc Hán là miền đất thuộc huyện Dư Phát. Thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều là miền đất thuộc huyện Phù Lạc. Thời Tuỳ - Đường, Đinh - Lê - Lý là miền đất thuộc huyện Nhật Nam. Thời Trần - Hồ, miền đất này nằm trong hai huyện Tế Giang và Yên Lạc. Vì thế, huyện Thạch Thành ngày nay được hình thành từ hai huyện Tế Giang và Yên Lạc thời Trần - Hồ mà thành. Quá trình hình thành và sáp nhập diễn ra như sau:

1) Huyện Yên Lạc thời Lê Quang Thuận (năm 1460) đặt là huyện Thạch Thành, cho lệ vào phủ Thiệu Thiên (nay là phần đất thuộc đông nam huyện Thạch Thành bây giờ).

2) Huyện Tế Giang thuộc lưu vực sông Bưởi (còn gọi là sông Bảo, sông Tế Giang). Đời Lê Quang Thuận đổi tên Tế Giang thành Bình Giang, đời Trung Hưng gọi là huyện Quảng Bình. Thời Tây Sơn đổi là huyện Quảng Bằng. Đầu thời Nguyễn đổi lại thành huyện Quảng Bình. Năm Minh Mệnh thứ 2 (năm 1821), đổi tên thành Quảng Địa, sau lại đổi tên là huyện Quảng Tế.

3) Năm Thành Thái thứ 1 (năm 1889) nhập huyện Quảng Tế vào huyện Thạch Thành và hình thành huyện Thạch Thành ngày nay.

4) Năm 1977, ghép hai huyện Thạch Thành và Vĩnh Lộc thành huyện Vĩnh Thạch. Đến năm 1982, lại tách hai huyện như cũ và lại lấy tên là huyện Thạch Thành. Ngày nay, huyện Thạch Thành có 25 xã và 3 thị trấn.

Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng các bộ - ngành - địa phương đi khảo sát đường HCM xuyên qua xã Thạch Lâm - Thạch Thành - Rừng Quốc Gia Cúc Phương

Bên cạnh đó, với địa chất được đánh giá tương đối thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, đặc biệt là cây mía và cây cao su, lãnh đạo huyện đã xác định: đây là hai loại cây chủ lực, mũi nhọn trong phát triển kinh tế của huyện. Nhờ đó, diện tích cây cao su đã không ngừng tăng lên, từ hơn 400 ha cao su (đa phần được trồng thời Pháp thuộc, già cỗi, lượng mủ không nhiều) năm 1997 lên 4.000 ha (cây trồng mới cho lượng mủ nhiều, chất lượng tốt) năm 2002.

Là huyện đầu tiên trong tỉnh kết hợp mô hình kinh tế nông trường và kinh tế hộ đạt kết quả cao, đến nay, Thạch Thành hiện có 3 nông trường tham gia trồng mía (Thạch Thành, 26/3 và Vân Du) hoạt động theo mô hình này. Đồng thời, bằng nhiều chính sách như trợ giá, trợ giống, vốn, kỹ thuật canh tác, trong vài năm trở lại đây, diện tích trồng mía của Thạch Thành lên tới trên 4.507,7 ha, năng suất bình quân đạt 504,1 tạ/ha, sản lượng vụ ép năm 2002 đạt 227.146,8 tấn. Giá trị kinh tế cây mía đem lại không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế huyện nhà, mà còn giải quyết công ăn việc làm cho nhiều hộ gia đình, nâng cao đời sống của người dân Thạch Thành.

Thế mạnh của các loại cây công nghiệp được khẳng định bằng tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong những năm gần đây (bình quân đạt 10%/năm). Trong đó, giá trị của cây mía chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị ngành công nghiệp. Năm 2002, tổng giá trị ngành công nghiệp đạt 219.148 triệu đồng, trong đó công nghiệp chế biến mía đường (Công ty liên doanh Đường mía Việt Nam - Đài Loan) là 207.705 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 94,8%. Ngoài ra, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của Thạch Thành còn phát triển trong các lĩnh vực chế biến nông - lâm sản, thực phẩm; khai thác vật liệu xây dựng, khai thác đá...

Là một huyện miền núi, ngành thương mại - dịch vụ của Thạch Thành tuy phát triển mạnh nhưng không toàn diện, chủ yếu là cung cấp nhu yếu phẩm thiết yếu và dịch vụ trong nông nghiệp. Giá trị ngành thương mại - dịch vụ năm 2002 đạt 84.903 triệu đồng, chiếm 19,2% GDP. Tuy vậy, trong những năm tới, khi tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua huyện hoàn thành, các loại hình dịch vụ, thương mại sẽ có điều kiện phát triển nhanh hơn. Hiện nay, huyện đang tập trung trùng tu, tôn tạo lại chiến khu Ngọc Trạo - một địa danh lịch sử trong kháng chiến, cải tạo lại các hồ đập, suối nước nóng, các cụm rừng để khai thác du lịch lịch sử và du lịch sinh thái.

Đẩy mạnh đầu tư cho kết cấu hạ tầng, quốc phòng an ninh

Kinh tế tăng trưởng đã thúc đẩy kết cấu hạ tầng của Thạch Thành phát triển mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Hàng năm, Thạch Thành đầu tư một nguồn vốn khá lớn cho xây dựng cơ bản. Với nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, của huyện và vốn đóng góp của nhân dân, Thạch Thành đã đầu tư nhiều công trình giao thông, kết cấu hạ tầng quan trọng. Đến nay, ngoài hệ thống đường quốc lộ nối liền với các huyện trong tỉnh được trung ương đầu tư xây dựng như tuyến đường về Ngọc Trạo, đường số 7 từ Bỉm Sơn lên phố Cát và các xã vùng cao Thành Minh, Thạch Trực đi qua vùng cao Thạch Quảng, quốc lộ 45 chạy qua huyện đến tận Rịa... Ngoài ra, huyện còn tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn. Các tuyến đường liên xã, liên thôn được nhựa hoá và cấp phối hoàn toàn, tạo điều kiện thông thương, giao lưu của người dân. Bên cạnh đó, hệ thống kênh mương nội đồng cũng được kiên cố hoá, đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho cây lúa và các loại cây hoa màu chủ yếu. Nhiều công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, công sở cũng được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới. Cùng với phát triển kết cấu hạ tầng, mạng lưới điện trong những năm qua được đầu tư mở rộng. Tính đến nay, toàn huyện đã có 24/25 xã được sử dụng điện lưới quốc gia, xã còn lại sẽ được triển khai trong năm 2003.

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực, Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phát triển công tác giáo dục, đẩy nhanh cả về quy mô và chất lượng. Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 95 - 99% (năm 2002 tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 99,14%, trung học cơ sở đạt 97,73%, trung học phổ thông đạt 93,95%). Với mục tiêu tạo không khí học tốt, cơ sở vật chất của các trường từ tiểu học đến phổ thông trung học đã được xây dựng kiên cố và ngày càng khang trang sạch đẹp. Tính đến nay, Thạch Thành đã ngói hoá, lầu hoá hầu hết các trường học trên toàn huyện. Về chất lượng đào tạo, toàn huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đang thực hiện phổ cập trung học cơ sở (trong đó có 14 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở). Trong những năm tới, Thạch Thành đang xúc tiến xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh - truyền hình được quan tâm đúng mức. Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương được thực hiện tốt. Các cơ sở phát thanh, phát lại truyền hình huyện và hệ thống truyền thanh cơ sở được đầu tư nâng cấp, đảm bảo chất lượng và phát huy được hiệu quả thông tin tuyên truyền. Thực hiện chủ trương xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội, tính đến năm 2002, toàn huyện có 156 đơn vị khai trương làng, cơ quan, trường học văn hoá. Trong đó, xã Ngọc Trạo có 100% làng khai trương xây dựng làng văn hoá. Hoạt động thể dục - thể thao có nhiều chuyển biến, công tác xã hội hoá hoạt động thể dục thể thao được củng cố và đẩy mạnh, các phong trào hoạt động thể dục thể thao cơ sở thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia...

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được cấp uỷ Đảng và Chính quyền quan tâm, củng cố cả về chất lượng và số lượng. Do đó, số bệnh nhân vào khám và điều trị tại trung tâm y tế huyện, các trạm xá, thị trấn ngày càng nhiều, số bệnh nhân vượt tuyến ngày càng giảm. Hoạt động y tế dự phòng được củng cố và tăng cường, công tác an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường được kiểm tra thường xuyên. Nhờ làm tốt công tác phòng chống, trong nhiều năm liền, Thạch Thành không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Tình hình quốc phòng - an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định, tạo được khối đại đoàn kết toàn dân. Quốc phòng luôn được củng cố, xây dựng cơ sở vững mạnh, duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu và làm tốt công tác tuyển quân.

Những kết quả nêu trên là hệ quả tất yếu từ chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự đoàn kết nhất trí cao trong việc vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Thạch Thành. Đó chính là tiền đề, là cơ sở để Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đề ra những chủ trương, giải pháp sát thực, phù hợp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh và nội lực của một huyện miền núi; huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân, hăng hái thi đua học tập, lao động sản xuất xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2000 - 2005

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân: trên 10%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng 10 - 15%/năm.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng 5%/năm.
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân trên 10% năm.
- Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 20 - 25%/năm.
- Cơ cấu kinh tế: 4 +3 + 3. Trong đó: công nghiệp - xây dựng cơ bản: 40%, nông - lâm nghiệp: 30%, dịch vụ - thương mại: 30%.
- Tổng sản lượng lương thực: 42.000 tấn.
- Thu ngân sách huyện tăng bình quân: trên 8%/năm.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,3%/năm.
- Hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 7%, xoá hộ đói.
- Hạ tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn 25%.
- Lao động qua đào tạo đạt 25%.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh trên 70%.
- Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở

THACH THANH DISTRICT

ARISING POTENTIALS AND STRONG POINTS FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

Under the close instruction of the provincial Party's Committee, People' Council and People' Committee, Thach Thanh District have made right steps in socio-economic development, restructuring economy towards growing industrial trees and accelerating industry - handicraft, trade - service's and reducing agro - forestry – fishery' proportion, concurrently gradually establishing new industrial and service centres.

- **Natural area: 558.11 sq.km**
- **Economic growth: 8% a year**
- **Administrative structure:25 communes and 3 townships**

Thach Thanh District locates in the north-west of Thanh Hoa Province, bordering Nho Quan (Ninh Binh Province) in the north, Cam Thuy and Ba Thuoc Districts in the west, Vinh Loc District in the south and Ha Trung District in the east. According to the soil study by the Department of Land Administration, most of its land is suitable to developing industrial trees as the district's valuable potentials in economic development. Besides, the district also possesses the favourable traffic system with the national highway 45, provincial highway 7 connecting the districts across the province and to Bim Son town, Ha Trung, Vinh Loc and Cam Thuy districts, facilitating the district in commercial exchanging with the other ones across the province and country. Especially, the Hochiminh Highway running through the outskirts of Cuc Phuong National forest, which Ministry of Transport defined "the halt", has created advantages for Thach Thanh in trade - service and ecotourism development.

Developing potentials and strong points of the upland district

The outstanding outcome Thach Thanh achieved in recent years was the speedy economic growth at 7% - 8% a year. Economic structure was converted on the direction of increasing capital construction and trade - service and decreasing agro - forestry - fishery proportion. Efficiency was seen in gradual exploitation of land, labour, geography and traffic potentiality. The commodity economic zone was established; sugarcane was defined the key industrial trees. The people' living standard gradually witnessed improvement and the rural image was constantly renovated. Of which:

Chairman Le Van Doc in the ceremony of announcing the decision on planning Van Du industrial zone

In terms of agro - forestry - fishery, under the province's policies on developing mountainous districts' economy, Thach Thanh focused on implementation of encouraging agriculture and forestry. Specifically, the leaders of district's People' Committee's and concerning sectors actively converted crop and livestock structure, invested in high-yield intensive cultivation, applied science - technical advances, carefully researched and planted under the test the crucial trees serving agricul-

Establishment history of Thach Thanh District

Belonging to Du Phat District under Han domination and to Phu Lac District in Tam Quoc - Luong Lan - Nam Bac Trieu time, Thach Thanh later on was of Te Giang and Yen Lac Districts under Tuy - Duong and Dinh - Le - Ly dynasties. Therefore, Thach Thanh District nowadays was established from those two districts since Tran - Ho reigns.

The establishment process took place as follows:

1) *Yen Lac District in Le Quang Thuan time (1460) was named Thach Thanh, belonging to Thieu Thien District (which is now the south-east area of present Thach Thanh District).*
2) *Te Giang District located along the Buoi River valley (also called Bao River, Te Giang River). The name Te Giang was changed to Binh Giang in Le Quang Thuan time, then Quang Binh District in Trung Hung time and changed to Quang Bang District in Tay Son period. In the early of Nguyen dynasty it was renamed Quang Binh again, then to Quang Dia and Quang Te in Minh Menh year the second (1821).*
3) *In Thanh Thai year the First (1889), Quang Te District was merged to Thach Thanh District to establish the district as presently.*
4) *In 1977, Thach Thanh and Vinh Loc districts were merged to form Vinh Thach District and split as previously in 1982. Present Thach Thanh District has 25 communes and three townships.*

tural production. That development strategy brought about satisfactory results, making active contribution to stimulating development and raising agricultural output in the locality, shifting this sector from self-demand self-supply model to commodity production. In 2002, value of agro - forestry - fishery sectors exceeded 15.3% over 1997.

As for forestry, numerous targets of forest planting, partitioning, caring, protecting and exploiting recorded stormy increase through years. So far, full care of the district's forests has been well carried out, almost meeting the planned forest coverage. The fire protecting and extinguishing tasks were effectively implemented, so no case of forest fire occurred. Besides, with a view to radically exploit its lands, Thach Thanh recently has laid down the policy on forming the farms growing fruit trees (such as litchi, longan, grapefruit and orange) in the middle sides of mountains and hills and therefore reached 395.1 ha in the entire district by 2002. In next years, the district's Committee of the Party, People' Committee are intending to expand areas planting fruit trees, simultaneously building the factories processing fruits, creating great prospect for the processing industry of the district.

Livestock breeding, which used to be the supplementary work, now witnessed many important changes in crops and livestock breeds and model directing commodity production. With many hills and land areas appropriate to raising dairy and Sind cows, the number of bred milk cows were increasing, numbered 7,109 heads in 2002, rose 15% compared with 1997. Due to intensifying expansion of cowherds and mechanism, the buffalo heads dropped to only 18,293 according to statistics of the district's People' Committee. Apart from that, breeding super-meat pigs became popular and obtained good results with total 58,588 pigs in 2002, exceeded 39.9% over 1997. The other variety of cattle and poultry such as goats, stags, chickens, ducks and bees were also widely developed.

As for husbandry, in 2002, despite the modest increase in total rice planting area (only 8,970.8 ha), average food productivity reached 3.63 tons/ha, total food yield converting to rice achieved 32,556 tons/ha against 8,394.5 ha, 3.33 tons/ha and 27,998.2 tons in 1997 respectively. Those performances have contributed to ensuring food supply in the locality. Additionally, Thach Thanh has also intensified cultivating other cereal crops such as potato, manioc and maize.

Based on the geographical characters, which are suitable to spreading industrial trees, especially sugarcane and

High-yield hybrid-rice was put in cultivation in Thach Thanh District

rubber trees, the district's leaders have defined those two kinds as the key and crucial trees in the district's economic development. Owing to that, the area planting rubber trees was incessantly enlarged, from 400 ha in 1997 (most of which were old and with little latex due to being planted under the French domination) to 4,000 ha in 2002 (which have been newly grown with much latex of good quality).

Being the leading district in the province obtained sound outcomes in combining model of economic farms with households, so far it owns three sugarcane farms (being Thach Thanh, 26/3 and Van Du) cultivating according to that model. Moreover, thanks to the policies on supporting price, seeds, capital and cultivation techniques, in last years, the district's sugarcane planting area amounted to 4,507.7 ha, average productivity reached 50.41 tons/ha and forced crop output of 2002 attained 227,146.8 tons. Economic value of sugarcanes not only contributes a great deal to the district's economic growth but also creates jobs for a number of households, enhancing standard of living for the people.

The strong position of the industrial trees was affirmed by growth rate of industry - handicraft sector in recent year (10% a year at average). Of which, sugarcanes accounted for major proportion in total industrial value. In 2002, total industrial value attained VND 219,148 million including VND 207,705 million of Vietnam - Taiwan Sugar-cane Joint-venture Company, representing 94.8%. Besides, the district's industry - handicraft also experienced development in agro - forestry product processing, construction materials and stone exploitation.

As the mountainous district, it develops trade - service at a modest scale, mainly in supplying agricultural necessities and services. Trade - service value in 2002 reached VND 84,903 million, amounted to 19.2% GDP. However, in coming years, when the passage of Hochiminh Highway through the district completes, the variety of services and trading activities will be facilitated for further development. Presently, the district is focusing on restoration and embellishment of Ngoc Trao base - the historical place-name during the resistance, improvement of the lakes, dams, hot water springs and the forest complexes to exploit historical tourism and ecotourism.

Intensifying investment in infrastructure, national defence and security

Economic growth has accelerated the district's infrastructure development, especially in basic construction. Every year, Thach Thanh invested considerable capital in basic construction. With the supports of the Central, province, district and the people' contribution, a number of the district's important traffic and infrastructure works were benefited with due investment. So far, the State has invested in the national highway system connecting the provincial districts such as the highway to Ngoc Trao, highway 7 from Bim Son to Cat street and upland communes of Thanh Minh, Thanh Truc and Thach Quang and highway 45 running through the district to Ria. Additionally, the district has also focused investment in upgrading rural traffic system. The inter-commune, inter-village roads have been reinforced with asphalt and macadam, facilitating commercial exchange among the people. Moreover, the internal canals have also been reinforced, meeting irrigation demand for rice and other main crops. A range of welfare works, schools, hospitals and offices earned investment to be upgraded and built. Parallel with infrastructure development, investment was also poured in the power grid in recent years for wider expansion. So far, the national power lines approached 24/25 communes in the entire district and the last one will be supplied in 2003.

Learning of the importance in human resources development, the district's Party Committee, People' Council and People' Committee have instructed developing education, speeding up in both scale and quality. Every year, the rate of pupils passing exams reaches 95% - 99% (this number in 2002 of primary schools was 99.14%, secondary schools 97.73% and high schools 93.95%). With an aim of creating healthy studying environment, infrastructure of the schools of all grades was

constructed to be more solidly, spaciously and neatly. Up to now, most of the schools in Thach Thanh have been roofed with tiles, upgraded or built to be multi-storey buildings. The district has completed prompt compulsory primary education and been realising compulsory secondary education. Of which, 14 communes and townships satisfied national standard on compulsory secondary education. The district is planning to promote the schools satisfying national standards. In coming years.

The due attention has been paid to culture, information, sports, broadcasting and televising. The propaganda on the Party's policies, the State's laws and regulations and local political, economic and social tasks has been fully carried out. Investment has been poured in the district's broadcasting and televising bases and grassroot broadcasting systems for upgrade, ensuring quality and developing the information propagation efficiency. Under implementation of the policy on building basic cultural life, gradually enhancing quality of the socio - cultural activities, by 2002 the entire district was home to 156 units inaugurating cultural villages, bodies and schools. Of which, Ngoc Trao commune has 100% cultural villages. Sport activities saw active changes with consolidation and accel tion in sport socialisation; the basic sport moveme have attracted increasing number of participa among the masses.

- Medical and community's health care enjoy con eration and consolidation from the Party Commi and authorities of all levels in both quality and qua ty. Hence, the number of patients coming to the trict's health care centre, medical stations for exami tion and treatment is growing, the patients approachi to the higher line are decreasing. Preventive health c has been underpinned and enhanced; food safety a environmental sanitation have been put under regu control. Thanks to effectively carrying out disease pr vention and protection, in consecutive years Tha Thanh experienced no case of big epidemic.

National defence, political security and soci order and safety have been continually consolidate and stabilised, creating the united bloc among th whole people. National defence has always bee underpinned, building the strong bases, maintainin the regulation of being ready for battle and fully car rying out the recruitment.

Those results are the natura corollary of the close instructior of the Provincial Party Committee, People' Council and People' Committee, high solidarity in initiatively making use of the Party's renovation policy towards agricultural and rural industrialisation and modernisation of Thach Thanh district's Party Committee, authorities and people. Those factors are the premise, the fundament for the Provincial Party Committee to map out the practical and suitable policies and solutions to develop the potentials and strong points of the mountainous district, mobilise the solidarity strength among the entire people to ardently compete in study, labour and production to build the prosperous homeland.

Socio - economic targets for 2000 - 2005

- *Anual average economic growth: over 10%*
- *Anual average per capita income: increase 10% - 15%*
- *Agro – forestry – fishery production value: increase 5% a year*
- *Industry – handicraft production value: increase over 5% a year*
- *Average growth rate of services value: 20% - 25% a year.*
- *Economic structure: 4+3+3. Of which:*
+ *Industry – capital construction proportion: 40%*
+ *Agro – forestry proportion: 30%*
+ *Trading – service proportion: 30%*
- *Total food output: 42,000 tons*
- *Average district's budget collection: increase over 8% a year*
- *Natural population increase: 1.3% a year*
- *Decrease poor households to 7%, eradicate hunger households*
- *Reduce rate of malnourished children to 25%*
- *Trained labourers reach 25%*
- *Rate of strong and unblemished Party bases: over 70%*
- *Accomplish compulsory secondary education.*

HUYỆN LANG CHÁNH

PHÁT HUY NỘI LỰC - KHAI THÁC TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH SẴN CÓ

Thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá do Đảng khởi xướng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Lang Chánh đã phát huy tiềm năng, thế mạnh sẵn có, khai thác hiệu quả nhiều chương trình dự án mà Đảng và Nhà nước dành cho huyện Lang Chánh. Nhờ đó, diện mạo nông thôn, vùng cao, biên giới đã khởi sắc. Sản xuất nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - thương mại có bước phát triển đáng kể. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 5,4%/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 2,4 triệu đồng.

- **Diện tích tự nhiên: 586,58 km^2**
- **Dân số: 42.259 người**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 5,4%/năm**
- **Thu nhập bình quân đầu người: 2,4 triệu đồng/năm**

Quyết tâm thoát đói nghèo

Là một huyện miền núi, những năm trước đây, đời sống của người dân các dân tộc ở Lang Chánh gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng từ khi Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng, mùa vụ, với tinh thần đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động cùng với sự hỗ trợ của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, kinh tế - xã hội huyện Lang Chánh đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Về nông nghiệp, ngay từ những năm đầu thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, các cấp, các ngành đã tập trung khắc phục khó khăn, kịp thời chống hạn, tăng diện tích gieo trồng, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất lúa nước tăng từ 25 tạ/ha (năm 1996) lên 39 tạ/ha (năm 2002). Đồng thời, huyện cũng tập trung đầu tư phát triển các loại cây công nghiệp. Đặc biệt, việc đầu tư phát triển vùng trồng mía đã đưa sản lượng các sản phẩm từ cây công nghiệp tăng từ gần 5.000 tấn (năm 1999) lên trên 6.000 tấn (năm 2002), đem lại hiệu quả kinh tế cao, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo. Ngoài ra, các loại cây lấy củ có bột và rau đậu các loại cũng được phát triển mạnh cả diện tích gieo trồng và sản lượng.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, được sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền huyện, ngành chăn nuôi ở Lang Chánh đã dần khởi sắc. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng trong việc cải tạo đàn bò, tạo giống lợn mới cho năng suất cao, góp phần tăng giá trị sản lượng ngành chăn nuôi huyện

ông Lê Quang Tích - Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh

Lang Chánh từ 5.612 triệu đồng (năm 1995) lên 6.135 triệu đồng (năm 2000). Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Lang Chánh, đến nay, toàn huyện có 9.665 con trâu, 2.250 con bò, 12.724 con lợn, đàn gia cầm cũng có chiều hướng tăng mạnh. Ngoài ra, huyện còn tập trung cải tạo đàn bò ở 3 xã: Yên Khương, Yên Thắng, Trí Nang; đầu tư đưa giống bò lai sind về các đơn vị chăn nuôi để cải tạo và nâng cao chất lượng đàn bò địa phương. Bên cạnh đó, các cơ sở chăn nuôi đã chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật

nuôi nên đã hạn chế được dịch bệnh.

Lâm nghiệp là thế mạnh của huyện Lang Chánh, vì thế, trong chiến lược phát triển kinh tế, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã xác định: rừng là một tài nguyên vô giá. Do vậy, công tác bảo vệ và phát triển rừng đã được các cơ sở rất quan tâm, chấm dứt hiện tượng phá nương làm rẫy. Từ cuối năm 1997, huyện đã hoàn thành kế hoạch giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP với tổng diện tích 51.678,30 ha. Trong đó, 4.688 hộ nông dân nhận 25.022,44ha, doanh nghiệp nhà nước nhận 17.590,18ha, các đơn vị, thành phần kinh tế khác nhận 9.065,7ha. Từ kết quả trên, cùng với những biện pháp tăng cường quản lý - khai thác hợp lý tài nguyên rừng, hiện nay, rừng và đất rừng Lang Chánh được phục hồi và phát triển mạnh. Nhiều hộ gia đình đã xây dựng, hình thành các vườn trại rừng mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Bình quân hàng năm khai thác được 4.500m^3 gỗ, 1 triệu cây luồng, hàng trăm ngàn cây nứa. Đặc biệt, thực hiện dự án 661 trong chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ, năm 2002, toàn huyện đã trồng được 165ha rừng tập trung, 270.000 cây phân tán và bảo vệ khoanh nuôi 16.423ha. Ngoài giá trị kinh tế, rừng Lang Chánh còn đem lại nguồn lợi quý giá, đó là độ che phủ, giữ độ ẩm cho đất, nguồn nước tạo điều kiện để ngành nông nghiệp phát triển ổn định.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy quy mô sản xuất nhỏ, phân tán nhưng vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định, tập trung chủ yếu ở các hộ tư nhân. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 3.520 triệu đồng, với các sản phẩm chủ yếu là: vật liệu xây dựng, cát sỏi, công cụ cầm tay, chế biến lương thực - thực phẩm, may mặc,... phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất.

Huyện Lang Chánh có tổng diện tích đất tự nhiên 58.658 ha. Phía bắc giáp huyện Bá Thước, phía nam giáp huyện Thường Xuân, phía tây giáp huyện Quan Sơn và Sầm Tớ (thuộc tỉnh Hủa Phăn - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), phía đông giáp huyện Ngọc Lặc.

Địa hình cao dần từ đông sang tây, nhưng do đồi núi liên tiếp, điệp trùng và kết cấu địa chất không thuần nhất, nên cấu tạo địa chất huyện Lang Chánh khá phức tạp, có nhiều nét khác biệt so với các huyện Ngọc Lặc, Bá Thước, Quan Hoá,...

Huyện Lang Chánh gồm có các dân tộc: Mường, Dao, Thái, Kinh, Hoa. Mật độ dân số phân bố không đều, đồng bào các dân tộc thiểu số sống ở vùng cao, người Kinh và người Hoa phần lớn sống ở thị trấn.

Lịch sử hình thành và tên gọi huyện Lang Chánh

Lang Chánh xưa kia là một vùng rộng lớn có tên gọi là Mường Một (bao gồm cả địa phận huyện Lang Chánh ngày nay và một phần huyện Thường Xuân). Cuối thế kỷ XV, nhà Lê đổi Mường Một thành châu Lang Chánh (Lang Chánh có nghĩa là "tốt", vì nhân dân Lang Chánh có công trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh nên khi đất nước thái bình được nhà Lê ban tặng cho tên gọi đó). Từ nhà Lê cho đến đầu nhà Nguyễn (thời vua Gia Long), Lang Chánh chưa đặt tên châu lỵ riêng mà thuộc phủ Thanh Đô (huyện Thọ Xuân). Thời Tây Sơn đổi thành Lương Chính.

Năm 1829, nhà Nguyễn quyết định thành lập châu Quan Hoá bao gồm: châu Quan Gia, châu Tàm (thuộc vùng đất Quan Hoá ngày nay), cắt một phần đất Lang Chánh và một phần đất Nông Cống lập châu Thường Xuân. Tách châu Lang Chánh ra khỏi phủ Thanh Đô, lập châu lỵ tại Ninh Lương (nay thuộc xã Quan Hiền). Như vậy, đến năm 1829, Lang Chánh chỉ còn lại một số động.

Năm 1834, vua Minh Mạng, đã đổi động, thôn thành xã, đặt thêm tổng, đồng thời xuống dụ đặt các thổ ty, lang đạo dưới quyền kiểm soát của các chánh tổng, hợp pháp hoá vai trò của thổ ty, lang đạo để phục vụ chính quyền phong kiến ngày càng đắc lực hơn. Sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), đổi thành huyện Lang Chánh.

Có được kết quả trên, ngoài sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Lang Chánh trong việc phát huy những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, huyện còn được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, trong việc ban hành và thực thi nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế huyện phát triển. Đối với nông nghiệp, huyện luôn luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hộ chuyển đổi ruộng đất với mục đích phát triển kinh tế trang trại, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác. Đối với ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Lang Chánh sẵn sàng mời gọi các nhà đầu tư với các chính sách ưu đãi như: miễn giảm thuế sử dụng đất, phát triển mạng lưới giao thông, hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, trung tâm làng nghề,...

Nét nổi bật của rừng Lang Chánh là cây luồng. Luồng được trồng thành rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, trải rộng và vươn dài gần khắp huyện. Với số lượng lớn, chất lượng tốt, cây luồng Lang Chánh đã được phong là "Vua Luồng". Vì thế, rừng và cây luồng là nguồn lợi cơ bản và lâu dài của đồng bào các dân tộc huyện Lang Chánh.

Đầu tư hạ tầng, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển

Cùng với phát triển kinh tế, Lang Chánh luôn chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và củng cố an ninh quốc phòng. Trong đó, về xây dựng cơ bản, trong 5 năm qua, huyện đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ các dự án hỗ trợ của Nhà nước, động viên nhân dân tham gia đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phục vụ sản xuất và đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, xã hội phát triển. Đến nay, toàn huyện đã hoàn thành 11 công trình thuỷ lợi chủ động tưới tiêu cho 233ha lúa, với tổng vốn đầu tư 4.031 triệu đồng. Các công trình này đã được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả cao. Bên cạnh đó, huyện cũng đã triển khai dự án điện lưới quốc gia, xây dựng được 26,7km đường dây 35KV, 12 trạm biến thế, động viên nhân dân tham gia đóng góp, đưa điện lưới về các xã, bản xung quanh

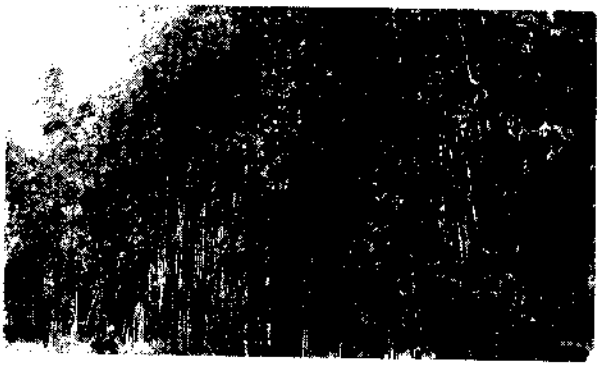

Cây luồng – một trong những cây mũi nhọn trong phát triển kinh tế huyện

huyện lỵ phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phong trào làm đường giao thông nông thôn được duy trì và phát triển. Năm 2002, các đơn vị cơ sở đã ra quân làm đường giao thông, các tuyến đường liên thôn, liên xã cơ bản đã được tu sửa, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại thuận lợi, phục vụ kịp thời cho sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, năm 2002, huyện đã đầu tư 376 triệu đồng để sửa chữa tuyến đường Trí Nang đi Giao Thiện (hiện đã hoàn thành 70% khối lượng công việc). Tuyến đường từ thị trấn đi Yên Khương được Nhà nước đầu tư, hiện nay đang tiến hành thi công, dự kiến công trình sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng cuối năm 2003. Đây là đầu mối giao thông quan trọng tạo điều kiện giao lưu thương mại giữa các vùng miền trong huyện với nước bạn Lào. Đồng thời là cơ sở tiền đề quan trọng để Lang Chánh mở ra hướng phát triển du lịch sinh thái - một tiềm năng chưa được khai thác - trong tương lai gần.

Nhận thức được vai trò quan trọng của giáo dục - đào tạo trong việc giáo dưỡng dân sinh và phát triển nguồn nhân lực, nhiều năm qua, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện Lang Chánh có nhiều tiến bộ, phát triển nhanh cả về lượng và chất. Đến nay, toàn huyện có 52 phòng học nhà cao tầng và 2 khu nhà ở cho giáo viên, từng bước khắc phục những phòng học tạm bợ, khắc phục cơ bản tình trạng thiếu trường lớp, phòng học cho học sinh (không còn tình trạng học 3 ca). Mỗi xã trong huyện đã xây dựng 1 trường phổ thông cấp I và 1 trường phổ thông cấp II. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã tích cực học bổ túc văn hoá. Nhiều người đang phấn đấu hoàn thành phổ cập chương trình cấp II và được cử đi học các trường chuyên nghiệp. Năm 1996, huyện đã đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục

tiểu học, xoá mù chữ và đang triển khai chương trình phổ cập trung học cơ sở. Riêng Trường tiểu học thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng thu được nhiều kết quả khả quan. Trong đó, huyện đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, thực hiện phong trào xanh, sạch, đẹp. Ngành y tế đã tổ chức được mạnh lưới khám chữa bệnh đến từng thôn, bản, điều trị kịp thời cho nhân dân các dân tộc trong huyện, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Đồng thời, do làm tốt công tác truyền thông và kế hoạch hoá gia đình nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,38% (năm 1995) xuống còn 1,43% (năm 2002).

Các phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở được duy trì thường xuyên, bám sát định hướng phát triển của Đảng: "Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Trong thời gian qua, huyện đã đi sâu vận động, tổ chức thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, làng văn hoá. Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá tăng đều qua các năm. Đồng thời, huyện đã khai trương xây dựng 39 làng văn hoá và 2 cơ quan văn hoá (trong đó đã có 7 làng được công nhận đạt làng văn hoá cấp tỉnh và 100% làng, bản đăng ký hương ước). Hoạt động thông tin tuyên truyền đã có sự phối hợp đồng bộ, tổ chức nhiều hình thức, nội dung thiết thực, nâng cao chất lượng, thời lượng tiếp sóng truyền thanh - truyền hình, phát hành báo chí. Kịp thời đưa tin hoạt động của cấp uỷ và chính quyền địa phương, biểu dương người tốt việc tốt, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng - Nhà nước... Xây dựng và đưa vào sử dụng trạm phát sóng truyền hình Yên Khương, Lâm Phú, đến nay đã có 2.900/8.318 hộ có tivi, 320 máy điện thoại, xây dựng 2 điểm bưu điện văn hoá xã và đang khảo sát xây dựng hệ thống cáp quang để nâng cao chất lượng hoạt động ngành bưu chính - viễn thông.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội

Để thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005, Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện Lang Chánh đã đề ra một số giải pháp cơ bản có tính khả thi:

1) Tiếp tục phát huy nội lực, khai thác hợp lý thế mạnh đất đai, tài nguyên lao động để đẩy mạnh phát triển sản xuất lâm - nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ một cách toàn diện, ổn định vững chắc theo hướng thâm canh, chuyên canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; từ đó tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá lâm - nông sản phục vụ đời sống nhân dân và cung cấp cho thị trường. Đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa tỷ lệ giống lúa lai, ngô lai và giống có năng suất cao vào sản xuất đạt trên 60%. Tiếp tục chỉ đạo sản xuất vụ đông xuân để đưa vụ đông xuân thành tập quán canh tác của nhân dân. Hướng dẫn phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông - lâm kết hợp, làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp, phát triển vốn rừng gắn với khai thác hợp lý tài nguyên rừng hiện có, nâng độ che phủ của rừng từ 57% lên 65%.

2) Đẩy mạnh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, hướng vào sản xuất, chế biến nông, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, đan lát, đồ mộc dân dụng, dệt thổ cẩm truyền thống... tạo sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập cho nhân dân.

3) Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005

- *Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 6,5% - 7%/năm.*
- *Tổng sản phẩm kinh tế năm 2005: trên 150 tỷ đồng.*
- *Giá trị sản phẩm và cơ cấu kinh tế đến năm 2005:*
+ *Nông - lâm nghiệp đạt 58,6 tỷ đồng, chiếm 42,3%.*
+ *Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 33 tỷ đồng, chiếm 24,2%.*
+ *Dịch vụ - thương mại đạt 46 tỷ đồng, chiếm 33,5%.*
- *Thu nhập bình quân: trên 3,5 triệu đồng/người/năm.*
- *Sản lượng lương thực: trên 10.000 tấn*
- *Sản lượng cây lấy củ có bột: 4.500 tấn.*
- *Bình quân đầu người/năm: 230kg lương thực và 100 kg củ có bột quy khô.*
- *Bảo vệ và phát triển vốn rừng, bảo đảm độ tán che của rừng đạt trên 65%.*
- *Tỷ lệ tăng dân số dưới 1,5%.*
- *Xoá cơ bản hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 30%.*

nhân dân. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu chương trình các dự án phát triển kinh tế - xã hội như: dự án 135, dự án định canh định cư, dự án CIDA (Canada), WB... đã được phê duyệt.

4) Làm tốt công tác thu thuế, thu các loại quỹ đóng góp theo quy định, thực hiện tốt việc quản lý điều hành chi ngân sách đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực chủ động triển khai nhiệm vụ công tác. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn phát triển nguồn thu ngân sách xã để tạo điều kiện cho các xã vươn lên khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

5) Tăng cường chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Hàng năm, huy động 97 - 100% trẻ từ 6 tuổi vào lớp 1, 95% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6, 60% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 phổ thông trung học và bổ túc văn hoá, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện phát triển một cách đồng bộ, toàn diện. Mở rộng các hình thức dạy nghề- học nghề để nâng cao chất lượng lao động, giải quyết việc làm. Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị trường học, đảm bảo cho việc dạy và học trong các nhà trường. Không để học sinh phải học ca 3, đưa tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 50% trở lên. Nhanh chóng ổn định bộ máy và cơ sở vật chất cho trường phổ thông trung học và trường cấp 2 dân tộc nội trú. Phấn đấu đến năm 2005, toàn huyện có 1 đến 2 trường đạt chuẩn quốc gia.

6) Thường xuyên giữ vững an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, phát động toàn dân tham gia truy quét các loại tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội, làm tốt công tác cảm hoá giáo dục, quản lý những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư và gia đình theo tinh thần Nghị quyết 09, giữ vững kỷ cương pháp luật Nhà nước.

Phát huy thành tích đạt được trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Lang Chánh đã và đang chung sức, đồng lòng khai thác và phát huy tối đa nội lực, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Với những kết quả đạt được trong những năm qua, nhân dân huyện Lang Chánh vững tin vào tương lai tươi sáng của sự nghiệp đổi mới do Đảng bộ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo.

LANG CHANH DISTRICT

INTERNAL STRENGTH MOBILISATION, AVAILABLE POTENTIALS AND ADVANTAGE EXPLOITATION

In line with the Renovation (Doi moi), industrialisation and modernisation put for ward by the Communist Party, Lang Chanh Party Committee, authorities and people have mobilised the locally available potentials and strengths, and effectively carried out the Party and State's programs and projects. The local agricultural production, handicraft, service and trade have made significant growth. The annual economic growth rate stands at 5.4% and per capita income at VND2.4 million.

Strong determination to alleviate hunger and poverty

Since Lang Chanh is a mountainous district, its people's life was really poor in the past. However, when the municipal Party Committee and People's Committee implemented the economic and crop reform, Lang Chanh has made acknowledgeable socio-economic achievements thanks to the local people's good sense of solidarity, industriousness and creativeness supported by the assistance from the municipal Party Committee and People's Committee.

As regard agriculture, as soon as the cultivation and crop reform was carried out, the levels and sectors focussed on overcoming difficulties, fought

- **Natural area: 586.58 sq.km**
- **Population: 42,259 people**
- **Annual economic growth: 5.4%/year**
- **Per capita income: VND2.4 million/year**

against droughts, expanded the cultivation area and applied scientific and technological advances in production. As a result, the yield of wet rice increased from 2.5 tonnes per ha in 1996 to 3.9 tonnes per ha in 2002. Along with that, the district also focussed its investments in the development of industrial crops. In particular, the investments in sugarcane growing has expanded the industrial production from under 5,000 tonnes in 1999 to over 6,000 tonnes in 2002, bringing high economic gains, solving the problem of employment and contributing to the hunger eradication and poverty alleviation. Besides, other crops and vegetables have been also expanded in terms of both area and yield.

As regard husbandry, the sector has gradually developed thanks to the close direction and concerns from the municipal Party Committee and authorities. The application of scientific and technological advances in improving the oxen and creating new pig breeds has brought high productivity and increased the husbandry output value of Lang Chanh from VND5,612 million in 1995 to VND6,135 million in 2000. According to the statistics by Lang Chanh People's Committee, the district has now totally 9,665 buffaloes, 2,250 cows, 12,724 pigs and rapidly expanding poultry. Apart from that, the district focuses on improving the oxen in three communes: Yen Khuong, Yen Thang and Tri Nang, invests in buying and raising hybrid Sin cows for the improvement of the local oxen breeds. Thanks to the active epidemic prevention there have been no serious epidemics in husbandry so far.

As regard forestry, it is a strong industry in Lang Chanh. Therefore, it is defined in the economic development strategy by the municipal Party Committee and People's Committee that forest is an invaluable natural resource. Forest protection and expansion have been satisfactorily concerned, ceasing the deforestation for cultivation. The district has finished the plan for afforestation land contracting in line with the Resolution No.02/CP with the total area of 51,678.30 ha. 4,688 farmer households receive 25,022.44 ha, state-owned enterprises 17,590.18 ha, other units and economic sectors 9,065.7 ha. With the appropriate methods to reinforce forest resources management and exploitation, forest and forestland of Lang Chanh has been progressively restored and developed. Households have established forest farms and gardens that are bringing high economic value. Annually, 4,500 cu.m of timber, one million bamboo and hundreds of slender bamboo trees are exploited. Implementing the Project 661 in the program on plantation over 5 million hectares that was put forward by the government, the district planted 165 ha concentrated forests, 270,000 plants in dispersal and 16,423 ha in protection. Aside from economic value, Lang Chanh's forests bring precious benefits such as the coverage, humidity maintenance and water source for the sustainable development of the agriculture.

As regard industrial production and handicraft, the sector maintains its stable growth rate though the production scale is small and dispersed, especially in household businesses. The industrial production value of the area achieves VND3,520 with the major

The natural area of Lang Chanh District is 58,658 ha, of which 4,841 ha is for agricultural production, 31,663 ha for forestry, 428,46 ha for special purposes, 218,50 ha for residence and 24,506.94 ha abandoned. The district borders Ba Thuoc District in the north, Thuong Xuan District in the south, Quan Son District and Sam To (in Hua Pan - Laos) in the west, and Ngoc Lac District in the east.

The terrain inclines from the east to the west. As hills and mountains run one after another and the geologic structure is changeable, Lang Chanh's geography is complicated with great differences to Ngoc Lac, Ba Thuoc and Quan Hoa.

There are Muong, Dao, Thai, Kinh and Chinese-origin people living in Lang Chanh. The population density is uneven. The ethnic minorities live in the highland whereas Kinh and Chinese-origin people live in Lang Chanh Township.

History and the name Lang Chanh

Lang Chanh in the past was a very large area called Muong Mot, which covered all over the area of the present Lang Chanh and part of Thuong Xuan. In the late 15th Century, Le Dynasty renamed it Lang Chanh, which means good (the Kinh gave the region that name because Lang Chanh people made great contributions to the war against the Chinese Minh invaders). From then to the first King of Nguyen Dynasty (King Gia Long), there were no distinguished sub-districts in Lang Chanh since it belonged to Thanh Do (Tho Xuan District). Tay Son Court renamed it Luong Chinh.

In 1829, Nguyen Dynasty decided to establish Quan Hoa Town which included Quan Gia, Tam (the land belonged to the present Quan Hoa), part of Lang Chanh and part of Nong Cong were cut to make Thuong Xuan Town. Lang Chanh was then separated from Thanh Do with the central town in Ninh Luong (an area in Quan Tien nowadays). Therefore, in 1829, Lang Chanh had only some villages.

In 1834, Kinh Minh Mang turned villages into communes, established sub-districts and a network of Tho ty (hereditary chief) and Lang dao under Chanh Tong (canton chief) to strengthen his feudal government. After the August Revolution in 1945, the area has been called Lang Chanh District.

products as construction materials, sand and gravel, stools, food processing and garments for the consumer and production demands.

The achievements mentioned above are made thanks to not only the local Party Committee, authorities and people in mobilising the available strengths but also the provincial Party Committee, People's Committee and departments, sectors and industries in implementing important policies to boost the economic development. For agricultural production, the district always create favourable conditions for the households to converse field uses with the purpose to develop the farm economy, transfer the cultivation and husbandry structure for the higher income from a cultivation area unit. For industry and handicraft, Lang Chanh is willing to lure investors by its preferential policies for investments such as; land tax exemption and reduction, transport network expansion, fund support to the construction of the industrial complexes' infrastructures and occupation villages.

The outstanding plant in Lang Chanh's forests is Luong bamboo. Luong is planted in forests, covering the abandoned lands and bare hills, and covering almost all over the district. With good quality and great quantity, Lang Chanh's Luong has been called "God of the bamboo". Forests and Luong are thus basic and long-term source of income for the Lang Chanh people.

Investment in infrastructure boosting socio-economic development

Along with economic growth, Lang Chanh always attaches special importance to infrastructure and national security reinforcement. Regarding capital construction alone, the district has, for the past five years, effectively utilised the capital from the state's assistant project, encouraged people to take part in technical infrastructure construction, production and socio-cultural activities. So far, 11 irrigation works have been completely built with the total investment of VND4.031 million, watering 233 ha paddy field, and working effectively. The national electric grid has also been installed with 26.7 km of the 35 KV line, 12 electric transformer stations. With the contribution from the local people, the communes and mountainous villages around the central district have been equipped with electricity for the daily life and private production.

Implementing the guideline "the State and people work together", the movement of rural transport building has been continued and developed. In 2002, with the support from the local organisations and offices,

Head office of Lang Chanh People's Committee

inter-commune and inter-village roads have been upgraded, facilitating the local transport, living and socio-economic development. In 2002 particularly, the district invested VND360 million in repairing the road from Tri Nang to Giao Thien (70% of the work has been done). The road from the township to Yen Khuong invested by the state is on the way of construction, planned to be accomplished and start its operation in the end of the year 2003. This would be an important transport clue in trade exchanging between the local areas and Laos. It is, at the same time, an important premise for Lang Chanh to boost eco-tourism development - an untapped potential - in the near future.

Fully aware of the importance of education and training in people's livelihood and human resources development, Lang Chanh has, for years, made significant progresses in both quality and quantity. So far, the district has 52 classrooms in high buildings and two residential areas for teachers. Temporary classrooms and the lack of classrooms have been controlled (eliminating three-shift classrooms). One primary school and one secondary school are built in every commune. The local cadres, members of the Party and people all actively take the continuation training courses. Many of them are striving to finish the compulsory secondary school to be sent to professional school for training. In 1996, the district has finished the scheme of compulsory primary school and illiteracy elimination. Compulsory secondary school is now being carried out. The township's school has been certified national standard.

Health and public healthcare have achieved positive results. The district has fulfilled well the propaganda for sanity and environment protection with the movement of green, clean and beautiful. The health sector has set up a network of health services to villages for timely medical treatments to the local people and not to let epidemic occur. In addition, thanks to the effective propaganda and family planning, the natural population growth has reduced from 2.38% in 1995 to 1.43 in 2002.

Cultural life movements are regularly maintained in line with the development orientation directed by the Communist Party: "Building an advanced but profound national colours". Until now, the district has been intensively applying the criteria of civilised lifestyle, cultural villages and cultural families. Stable annuals increase is made in number of the families that have been certified cultural. Along with that, the district has 39 cultural villages, two cultural offices (seven villages have been certified town standard and 100% of the local villages have registered village convention). A synchronous co-operation has been made in communication and propaganda with practical and useful programs, higher quality and time volume of the radio and television transmission and of newspaper distribution. Yen Khuong and Lam Phu television stations have been completed and started working. At present, 2.900 of the 8.318 households have TV, 320 have telephone sets. Two communal cultural post offices have been built and the cable network is being built to enhance the quality of the post and telecommunication sector's operation.

Socio-economic development orientation

Pursuing the socio-economic targets by 2005, Lang Chanh Party Committee and People's Committee has found some feasible projects as follows:

1. Keep mobilising internal strengths and appropriately exploiting the land and labour force to boost the agricultural, forestry and handicraft production and services, intensifying intensive farming and specialising farming for better production of cultivation and husbandry, aiming at richer supply of forestry and agricultural products. Investing in scientific and technologic application in production, produce high quality seeds over 605 of the production. Continue directing the winter-spring crop production to gradually make this a farming custom of the local people. Direct the farming economy development towards

the model of agricultural and forestry combination production, expand forest and forest coverage from 57% to 65% along with appropriate exploitation of the available forest resources.

2. Intensify handicraft and service production, especially forestry and agricultural products processing, handicraft production, garments, weaving, civil carpentry and traditional brocade weaving to increase people's income.

3. Invest more in technical facilities equipment for the production and life. Effectively fulfil the targets of socio-economic development projects such as Project 135, settle agriculture and residence project, CIDA project (by Canada), and WB that have been approved.

4. Fulfil well the tax and fund collection in accordance with the regulations and the expense management at requests to facilitate industries and sectors' task implementation. Continue direct the communal fund income expansion to create favourable conditions for the communes to overcome difficulties and strive for the political assignments.

Some socio-economic development indices in the period of 2001 - 2005

- Annual economic growth: 6.5-7% per year

- GDP in 2005: VND150 billion

- Production value and economic structure by 2005:

+ Agriculture - forestry: VND58.6 billion (42.3%)

+ Industry- handicraft: VND33 (24.2%)

+ Services and trade: VND46 billion (33.5%)

- Per capita income: over VND3.5 million/year

- Food output: over 10,000 tonnes

- Starchy food output: 4,500 tonnes

- Annual per capita output: 230 kg of food and 100 kg of dry starchy food

- Forest protection and development: over 65%

- Population growth: under 1.5%

- Poor households reduction to less than 30%, basically alleviate hunger.

Rubber and tea plantation in line with farm production model bringing high economic gains (Photo: reference)

5. Intensify the compulsory education to the right ages. Strive for the percentages of 97-100% of the 6-year-old children to start school, 1.95% graduate from primary school and move to 6th grade, 60% graduate from secondary school and enter 10th grade and continual education centres, aiming at the synchronous and overall development of the district's education development. Open more vocational training courses to improve the labour quality and create employment. Schools should be fully equipped with necessary facilities. Eliminate three-shift learning and increase the proportion of well-built classrooms to at least 50%. Soon stabilise facilities and management of high schools and secondary boarding schools for minority ethnic students. Strive for one or two schools certified national standard by 2005.

6. Always maintain security and political life as well as social orders. Create strong and firm people's security front, call for the whole people's participation into capturing crimes, prevent and deal with social evils, fulfil well conversion education, handle criminals among their communities and families in line with the Resolution No.09, following strictly the State's laws and rules.

Continuing the achievements gained through the past years, Lang Chanh Party Committee and people have been jointly mobilising their internal strengths to the maximum for the successful rural and agricultural industrialisation and modernisation. With those achievements, Lang Chanh people have a firm belief in the bright future of the Revolution under the direction of the municipal Party Committee and People's Committee.

HUYỆN NHƯ XUÂN

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG - ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Kể từ khi thành lập đến nay, kinh tế - xã hội Như Xuân đã có những chuyển biến tích cực, kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao. Đặc biệt, nông - lâm nghiệp phát triển mạnh nhờ vào chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên cơ sở khai thác những tiềm năng, thế mạnh của huyện.

Năm 2002:
- Tốc độ tăng trưởng GDP: 7,6%/năm
- Thu nhập bình quân đầu người: 200 USD/năm
- Cơ cấu kinh tế: nông - lâm nghiệp 68,1%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 15%; dịch vụ - thương mại 16,9%

Chủ tịch UBND huyện Như Xuân Lê Nhân Đồng phát biểu tại đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX

Huyện Như Xuân nằm ở phía tây nam tỉnh Thanh Hoá, được thành lập trên cơ sở 17 xã thuộc huyện Như Xuân cũ (1-1997). Phía bắc giáp huyện Thường Xuân, phía nam và phía tây giáp tỉnh Nghệ An, phía đông giáp huyện Như Thanh. Tốc độ phát triển kinh tế của huyện Như Xuân vào diện trung bình so với các huyện vùng cao trong tỉnh (7,6%/năm). Cơ cấu kinh tế gồm nông - lâm nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong đó nông - lâm nghiệp giữ vai trò chủ đạo.

Bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp

Với diện tích đất lâm nghiệp rộng 42.761ha, chiếm 59% tổng diện tích đất tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm nhiều loại gỗ quý hiếm như lim, lát, dổi... là tài sản vô giá của nhân dân huyện Như Thanh. Bên cạnh đó, trữ lượng lớn, tre, nứa - nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất giấy - cũng được đánh giá có trữ lượng lớn nhất tỉnh. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các tổ chức quốc tế, nhiều dự án đã được triển khai như: dự án định canh định cư, chương trình 135. Do đó, diện tích rừng của Như Xuân được bảo vệ tốt hơn, nâng độ che phủ của rừng lên mức 61%.

Bên cạnh đó, Như Xuân còn có trên 2.722 ha đất trồng cây lâu năm và 482 ha đất vườn tạp, chất đất rất phù hợp với cây công nghiệp. Vì thế, Như Xuân có lợi thế rất lớn trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tuy nhiên, để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, sản xuất lâm nghiệp ngày càng được xã hội hoá, huyện đã thực hiện công tác giao đất giao rừng đến từng hộ dân, tạo cho nông dân yên tâm phát triển kinh tế đồi, rừng, kinh tế trang trại. Nhờ vậy, tập đoàn cây công nghiệp như sắn, mía, cà phê, cao su... đưa vào địa bàn ngày càng nhiều, bước đầu phát triển theo hướng tập trung.

Theo báo cáo của Phòng Thống kê huyện Như Xuân, tính đến nay, toàn huyện có 1.637 ha sắn (trong đó diện tích giống sắn mới là 400 ha, chiếm 24,4%), năng suất dự kiến 30 tấn/ha, sản lượng đạt 48.000 tấn. Đây là nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp cho Nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu

Như Xuân. Ngoài ra, Như Xuân còn có 1.422 ha mía, năng suất ước đạt 42 tấn/ha, sản lượng 59.000 tấn, cũng là một trong những nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho các nhà máy đường trong tỉnh. Do chính sách giao đất được triển khai sớm, diện tích đất trồng cây công nghiệp của Như Xuân tăng nhanh. Năm 2002, toàn huyện có 2.085 ha trồng cà phê, trong đó có 1.560 ha đã cho thu hoạch, năng suất đạt 15 tấn/ha, sản lượng đạt 2.200 tấn quả tươi và 2001 ha cây cao su đang chăm sóc. Phong trào cải tạo vườn tạp; trồng cây ăn quả trong nhân dân cũng phát triển mạnh. Năm 2002 có 445 ha trồng cây ăn quả, trong đó cây dứa chiếm 143 ha.

Phát triển lâm nghiệp là trọng tâm trong quá trình chuyển đổi kinh tế, nhưng Như Xuân không xem nhẹ đầu tư phát triển nông nghiệp, bởi đảm bảo an toàn lương thực và đưa người dân thoát khỏi đói nghèo là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp lãnh đạo huyện. Vì vậy, ngay từ khi thành lập, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi. Huyện Như Xuân trở thành một trong những huyện có tỷ lệ giống mới đưa vào trồng trọt và chăn nuôi khá cao. Năm 2002, diện tích giống lúa lai chiếm 61,5%, năng suất đạt trên 45 tạ/ha. Cây màu được phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá nên có nhiều loại giống mới cho năng suất, sản lượng cao như: giống lạc mới, cà phê Ca Ti Mo, mía, sắn... Với việc áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong gieo trồng và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, sản lượng lương thực của huyện Như Xuân những năm gần đây tăng mạnh, từ 15.392 tấn (năm 1997) lên 19.748 tấn (năm 2002).

Sản lượng lương thực tăng nhanh không những bảo đảm an toàn lương thực cho người dân, mà còn là nguồn cung cấp thức ăn dồi dào cho đàn gia súc, gia cầm đang ngày càng phát triển, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, mang lại nguồn thu khá cho các hộ gia đình. Nếu trước kia, người dân Như Xuân tập trung chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), thì nay chuyển hướng sang nuôi lợn và gia cầm. Tính đến năm 2002, tổng đàn lợn là 15.438 con, tăng 12%; đàn gia cầm 2.003 nghìn con, tăng 19% so với năm 1998.

Là ngành kinh tế chủ lực (chiếm 68,1% GDP), lại phát triển nhanh, nông - lâm nghiệp đã thực sự trở thành đòn bẩy thúc đẩy kinh tế của Như Xuân tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây. Nếu năm 2000 tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 4%, thì đến năm 2002 là 7,6%, thu nhập bình quân đầu người đạt 200 USD/năm, đời sống người dân dần được cải thiện. Tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm nhanh, trên 50% (năm 2001) xuống còn 43,9% (năm 2002), dự kiến năm 2003 giảm xuống dưới 40%.

Có được thành tích trên là do huyện Như Xuân luôn nhận được sự hỗ trợ của các chương trình dự án của Trung ương và của tỉnh, sự lãnh đạo sát sao của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, sự phối kết hợp đồng bộ của các cấp chính quyền từ huyện đến xã; tích cực chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kịp thời có các nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Bên cạnh đó, nhân dân các dân tộc trong huyện đã có nhận thức đúng đắn về quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; phát huy truyền thống đoàn kết, lao động cần cù sáng tạo và ý chí tự lực, tự cường trong sản xuất - kinh doanh.

Kết quả hoạt động của các ngành kinh tế - xã hội khác

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chế biến như: chè xuất khẩu của Xí nghiệp công nông nghiệp chè Bãi Trành, các cơ sở sơ chế cà phê, cùng những tổ hợp khai thác đá, chế biến lâm sản... Vì thế, tuy tốc độ tăng trưởng của ngành này đạt 16% (năm 2002), nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP (15%). Lĩnh vực dịch vụ - thương mại tập trung chủ yếu vào kinh doanh vật tư nông nghiệp và nhu yếu phẩm, vận tải nên tỷ trọng trong GDP chỉ là 16,9% (năm 2002).

Mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện dần được cải thiện trong hai năm qua. Mặc dù vậy, hệ thống các con đường liên xã, liên bản hiện nay vẫn còn rất nhiều khó khăn. Mạng lưới điện đã được củng cố và phát triển, năm 2002 có 15/17 xã có điện thắp sáng. Trong năm 2003, Như Xuân cố gắng đưa điện thắp sáng đến từng hộ dân trên 17/17 xã.

Văn hoá - giáo dục luôn được đặt lên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện Như Xuân. Bởi đối với một huyện vùng cao, văn hoá và giáo dục phát triển sẽ góp phần nâng cao trình độ dân trí cho người dân, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế. Nhận thức được tầm quan trọng đó, kể từ khi thành lập, ngành giáo dục Như

Đồi chè cao sản của Xí nghiệp công nông nghiệp chè Bãi Trành

Xuân đã có những bước tiến dài cả về chất và lượng. Nếu năm 1997 - năm đầu tiên sau khi tách huyện, trên địa bàn huyện có 51 trường học, trong đó chỉ có 15 lớp học cao tầng còn lại là bằng tre, nứa; thì đến năm 2002 toàn huyện đã có 54 trường học các cấp với 80% số phòng học được xây dựng kiên cố, khang trang, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Đội ngũ giáo viên được tăng cường. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học - xoá mù chữ được duy trì tốt ở tất cả các xã. Nhờ vậy, kết quả bước đầu rất đáng khích lệ, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hàng năm đạt 97 - 100%, số học sinh đoạt giải năm 2002 là 47 em. Đồng thời, một trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề với 10 lớp học, mỗi năm tốt nghiệp 400 - 460 học sinh, đang từng bước đáp ứng nhu cầu học nghề của người dân trong huyện.

Công tác văn hoá, thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới. Đến nay, toàn huyện có 3 trạm truyền hình, 2 bộ thu vệ tinh loại nhỏ, xây dựng thêm và đưa vào hoạt động 2 trạm truyền thanh cấp xã, cùng với mạng lưới thư viện - báo... góp phần nâng cao dân trí cho người dân.

Sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của người dân ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Với mạng lưới y tế được trang bị đầy đủ dụng cụ, thuốc men phủ khắp các xã, cụm dân cư đã phần nào đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Đồng thời, công tác y tế dự phòng trên địa bàn huyện được làm tốt nên trong nhiều năm liền không có bệnh dịch xảy ra, sức khoẻ của người dân được nâng lên rõ rệt.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Nhằm phát huy những thành tích đạt được trong những năm qua, huyện Như Xuân đã đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 như sau:

1) Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, từ đó khai thác triệt để tiềm năng thế mạnh trong và ngoài huyện. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, từ đó nâng cao đời sống vật chất - tinh thần nhân dân, đưa huyện Như Xuân thoát khỏi huyện nghèo, tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2010 trở thành một huyện nông - lâm nghiệp và công nghiệp theo hướng hiện đại hoá.

2) Phấn đấu đưa nhịp độ phát triển kinh tế giai đoạn 2001 - 2005 đạt 8 - 10%/năm, trong giai đoạn 2001 - 2010 đạt 9,5%/năm trở lên, thu nhập bình quân đầu người đạt từ 680 - 700 USD vào năm 2010; căn bản đến năm 2010 xoá hết hộ nghèo trên địa bàn huyện; số lao động học nghề đạt 30% vào năm 2010.

Để thực hiện thành công những mục tiêu trên, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Như Xuân đã đề ra những giải pháp cụ thể sau:

1) Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, trong đó tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng, đưa các giống mới vào sản xuất, sử dụng có hiệu quả diện tích đất nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện "ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh tăng năng suất cây trồng", đồng thời khai hoang những vùng đất mới đưa vào canh tác.

2) Đưa các ngành nghề mới vào sản xuất để có thể khai thác tốt, hiệu quả những tiềm năng về đất, lao động, tài nguyên của huyện. Ví dụ: mở rộng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; phát triển nghề mây tre đan để khai thác nguồn nguyên liệu tre, nứa của huyện. Từng bước khai thác tài nguyên đất phù hợp với cây trồng lâu năm bằng việc tăng diện tích trồng cây cà phê, cao su...

3) Tuyến đường quốc lộ 45 đi từ thành phố Thanh Hoá đến trung tâm huyện lỵ và nối liền đường quốc lộ Hồ Chí Minh đi qua trên địa bàn huyện sẽ là lợi thế lớn để Như Xuân phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Theo đó, trong những năm tới, Như Xuân sẽ quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Hoá Qùy, tập trung phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tìm kiếm và xác lập thị trường tiêu thụ hàng hoá để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

4) Sắp xếp các cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân huyện sau khi thực hiện quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh, tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở (nhất là cán bộ quản lý nhà nước) để xây dựng và củng cố chính quyền.

5) Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối và phương án kế hoạch về quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Là một huyện mới thành lập, nhưng trong những năm qua, Như Xuân đã có những bước trưởng thành vượt bậc trên mọi lĩnh vực. Với những kết quả đã đạt được, cùng những tiềm năng, lợi thế, trong những năm tới, Như Xuân sẽ hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đề ra, trở thành một huyện phát triển vững mạnh, toàn diện.

NHU XUAN DISTRICT

CROP STRUCTURE CONVERSION - MOTIVE FORCE FOR ECONOMIC DEVELOPMENT

Since establishment, Nhu Xuan witnessed active changes in social economy with high economic growth rate. Especially, agro - forestry developed stormy thanks to strong shift of crop and livestock structure on the base of exploiting the district's potentials and powers.

In 2002:
- **Economic growth: 7.6%**
- **Average per capita income: US$ 200 a year**
- **Economic structure: agro - forestry: 68.1%, industry - handicraft: 15%, service - trading: 16.9%**

Lying in the south-west of Thanh Hoa Province, Nhu Xuan District was established from 17 communes of former Nhu Xuan District (in January 1997). It borders Thuong Xuan District in the north, Nghe An Province in the south and west and Nhu Thanh District in the east. Its economic growth is considered as of medium rate in comparison to the provincial upland districts (7.6%/year). Economic structure consists of agro - forestry, industry - handicraft and trade - service, of which agro - forestry plays a key role.

Breakthrough in agro - forestry restructuring

Nhu Thanh possesses forestry area of 42.761 ha, representing 59% total area with the natural resources including many valuable and rare kinds of timbers such as lim (iron wood), lat and doi,

Apart from that, great reserves of bamboo and Nua (a slender and long-sectioned kind of bamboo), the major materials supplying paper-processing industry, are also assessed the province's biggest reserves. In recent years, thanks to the consideration of the provincial Party Committee, People' Council and People' Committee and the international organisations, a number of projects have been implemented such as settling agriculture fixed residence and program 135. The district's forest area therefore has been better protected, raising the forest coverage to 61%.

Besides, Nhu Xuan also owns more than 2,722 ha areas planting perennial trees and 482 ha miscellaneous garden with the land suitable to growing industrial trees, creating considerable advantages in shifting crop structure. However, with a view to reach high efficiency in agro-forestry economic restructuring and in gradual socialisation of forestry production, the district has carried out the forest allocation and hiring to every household, helping farmers feel secured in developing hill, mountain and farm economy. The number of such industrial trees as manioc, sugarcane, coffee and rubber growing in the locality is increasing, initially developing on concentrated direction.

According to the report of Nhu Xuan Chamber of Statistics, so far the whole district has 1,637 ha manioc (including 400ha planting new seed, amounted to 24.4%), estimated productivity will be of 30 tons/ha and output of 48,000 tons. Those are the main material resources supplying Nhu Xuan Cassava Processing Export Factory. Additionally, the district also possesses 1,422 ha sugarcane with estimated productivity of 42 tons/ha and output of 59,000 tons, which are also among the major material supply resources for the sugar factories in the province. The district's soon implementation of land allocation policy has accelerated industrial tree planting areas. In 2002, in the whole district there were 2,085

Thanh Hoa Provincial Party Committee Secretary, Trinh Trong Quyen pays a working visit at Nhu Xuan District.

ha growing coffee, 1,560 ha of which brought yield of 15 tons/ha, output of 2,200 fresh fruits; 2001 ha rubber trees have been under the care. The movements of improving miscellaneous gardens to cultivate fruit trees developed speedy, reached 445 ha in 2002 including 143 ha pineapple.

Though developing forestry is the key task in economic restructuring process, Nhu Xuan does not make light of investment in agricultural development, because ensuring food supply and helping the people escape from hunger and poverty are the first task of the district's leaders. For that very reason, right from establishment, the district's Party Committee and People' Committee has realised the policy on converting crop and livestock structure, which turned Nhu Xuan to be one of the district with rather high rate of putting new seeds and strains into agricultural production. In 2002, the area plating hybrid rice seed accounted for 61.5%, output exceeded 4.5 tons/ha. As crops have been expanded towards commodity production, many new seeds have been planted, bringing high yield like new peanut seed, Ca Ti Mo coffee, sugarcane and manioc. By application of technical advancements in cultivation and reasonable conversion of crop structure, the district's food output in recent years wit-

nessed speedy increase, from 15,395 tons in 1997 to 19,748 tons in 2002.

The rapid increase in food yield not only ensures food secure for the people but also supplies profuse food sources for the cattle and poultry, turning livestock breeding into the main production field, bringing remarkable income for the households. If previously Nhu Xuan people focused only on breeding cattle (buffalo and cow), now they convert to raising pig and poultry. By 2002, total pig herd numbered 15,438 heads, rose 12%, poultry flock amounted to 2,003 heads, increased 19% over 1998.

As the key economic sector with 68.1% GDP and fast development, agro - forestry actually became the lever stimulating Nhu Xuan economic speedy growth in recent years. Against 4% economic growth rate in 2000, this number in 2002 approached 7.6%, per capita income reached US$ 200 a year and people' standard of living was gradually improved. The rate of needy households dropped from over 50% in 2001 to 43.9% in 2002 and proposed to be below 40% in 2003.

Those performances were achievable thanks to regular supports of the Central and provincial projects, close leadership of the district's Party Committee and People' Committee, synchronous coordination among the authorities of all levels from the district to the communes. Additionally, Nhu Xuan also actively transferred science-technical advances to production and timely issued the Resolutions specialising on economic development, which earned popularity among the people. Besides, the district's inhabitants, being aware rightly of the agricultural and rural industrialisation and modernisation process, have developed tradition of solidarity, actively and diligently toiling and the spirit of self-help for self-improvement in production - business.

Performance of the other socio-economic sectors

Industry and handicraft of Nhu Xuan mainly focus on tee, coffee and forestry product processing, for example tee for export of Bai Tranh Tee Industry - Agriculture Factory, and stone exploitation. Hence, this sector's growth rate of 16% in 2002 represented only small proportion of GDP (15%). As service - trade sector centred mostly in agricultural materials and necessities business and transportation, its proportion in GDP stood only at 16.9% in 2002.

Rubber farm - investment direction bringing about high economic efficiency

Traffic network in the district was gradually improved during the last two years. However, the inter-commune and inter-village roads have been still facing a bundle of difficulties. Power grid was consolidated and developed with 15/17 communes being supplied with light in 2002. Nhu Xuan is striving for light supply for the people in 17/17 communes.

Culture - education has always been put on top priority in Nhu Xuan socio-economic development strategy, since development of culture and education in the upland district will contribute to enhancing the people' intellectual standard, create solid premise for economic growth. Learning about this importance, right from establishment, the district education sector has stepped out in both quantity and quality. In 2002, the district owned 54 schools of all grades with 80% classrooms solidly and spaciously built, satisfying teaching and studying demand against 51 schools of all grades with only 15 multi-story classrooms out of the remaining made from bamboo in the first year of district's splitting, 1997. The teacher team has been enhanced: the compulsory primary education and illiteracy eradication tasks have been well maintaining at the communes, achieving the initial encouraging results with 97% - 100% pupils passing exams, 47 pupils winning the prizes in 2002. Additionally, a regular education - vocational centre with 10 classrooms and 400 - 460 graduated trainees yearly has been step by step meeting the district people' requirement on occupational training.

New changes saw in cultural and information propagation task. So far, the entire district is home to three televising stations, two small-scale satellite receivers, two new radiobroadcast stations of commune level being in operation and the library and newspaper supplying system, contributing to improving people' standard of living.

Health care and protection for the people has been consolidated and perfected day by day. The well-equipped health care system with medical equipment and drugs in every commune, village and residence has partly satisfied the people' demand on examination and treatment. Concurrently, thanks to full implementation of the preventive health care, no case of epidemic was recorded in the locality in consecutive years, the people' health therefore has been considerably improved.

Socio-economic development orientation by 2010

With an aim of bringing the recently obtained achievements into play, Nhu Xuan District blueprinted the socio-economic development direction by 2010 as follows:

1) Continually convert agricultural and rural economic structure towards commodity production so as to exploit up the potentials and strong points in and out of the district. Speed up economic growth rate to enhance people' material and spiritual live, leading Nhu Xuan to escape from poverty, creating firm foundation to turn it into the agro - forestry - industry district directing modernisation in 2010.

2) Strive for attaining 8% - 10% economic growth in 2001 - 2005 and 9.5% upwards in 2001 - 2010; reaching average per capita income at US$ 680-700, basically eliminating the poor households in the district and achieving 30% vocationally-trained labourers in 2010.

To successfully realise those above-mentioned targets, Nhu Xuan District's Party Committee and People Committee mapped out the following detailed solutions:

1) Focus on agricultural and rural economic development on commodity production direction, of which continue to restructure crops by growing new seeds, use effectively agricultural land, step up "application of science - technical advancements to intensive cultivation for raising crops' productivity, simultaneously reclaiming virgin soil for cultivation".

2) Put the new occupations into production to effectively exploit the district's potentials in land, labour and material resources. For instance, expand area planting seasonal industrial trees supplying processing factories with materials and develop rattan and bamboo knitting to utilise up the bamboo materials of the district. Gradually exploit land resources suitable to growing perennial trees by enlarging the areas planting coffee and rubber trees etc.

3) The national highway 45 from Thanh Hoa City to the township centre and connecting Hochiminh Highway through the district area will be the great potentials for Nhu Xuan to develop industry and handicraft. Accordingly, in next years, Nhu Xuan will make plan and build Hoa Quy Industrial zone, focus on developing multi-sector economy directing socialism, finding the commodity consumption market to push up shifting economic and labour structure towards industrialisation and modernisation.

4) Arrange the specialised bodies of the district's People' Committee after implementing Decision of the Provincial People' Committee, well organise training and fostering professional skills for the basic personnel (specifically the State managing officers) to build and consolidate the authority.

5) Continue to grasp thoroughly and fully realise the policies, regulations and planning projects on national defence and security in the new situation, ensure political stability and social order and safety.

Although being newly established, in recent years Nhu Xuan District has recorded great progress in all the sectors. With the gained achievements along with the available potentials and advantages, in coming time, Nhu Xuan will accomplish successfully the set targets, turning it to the comprehensively strong developed district.

HUYỆN YÊN ĐỊNH

ĐI LÊN TỪ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Những năm trước đây, Yên Định không phải là huyện có sự phát triển khá của tỉnh, nhưng từ khi đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, tạo bước đột phá về tốc độ tăng trưởng kinh tế, mở ra hướng phát triển rất khả quan, GDP bình quân giai đoạn (2000 - 2002) tăng 9%/năm, trong đó riêng năm 2002 là 9,6%.

Năm 2002:
- **Diện tích tự nhiên: 210,24km²**
- **Tổ chức hành chính: 27 xã, 2 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002: 9,6%/năm**
- **Thu nhập bình quân đầu người: 3,32 triệu đồng/năm**
- **Sản lượng lương thực (quy thóc): 129.792 tấn**

Yên Định là một huyện bán sơn địa nằm dọc theo sông Mã, cách thành phố Thanh Hoá 28 km về phía tây bắc, phía bắc và phía tây giáp huyện Cẩm Thuỷ và huyện Vĩnh Lộc, phía đông giáp huyện Vĩnh Lộc (lấy sông Mã làm ranh giới), phía tây và tây nam giáp huyện Thọ Xuân, phía nam giáp huyện Thiệu Hoá. Phát huy truyền thống huyện anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, luôn luôn đoàn kết, tự lực, tự cường, năng động sáng tạo, cần cù trong lao động, đặc biệt được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, nhân dân Yên Định tiếp tục giành được những kết quả toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Khai thác tối đa tiềm năng cho phát triển kinh tế

Do địa hình nằm dọc theo sông Mã nên tài nguyên đất đai của Yên Định phần lớn là đất phù sa phân bố tập trung. Diện tích tự nhiên 21.024,12ha, trong đó đất nông nghiệp là 12.608,94 ha, chiếm 58,50%, đất lâm nghiệp 836,77ha, chiếm 4,17%, đất chuyên dùng 2.994,99 ha, chiếm 16,45%, đất ở 853,30 ha, chiếm 4,05% và đất chưa sử dụng 3.730,12ha, chiếm 16,83% (theo dư địa chí ngày 31-12-1997). Trong đó chủ yếu là đất phù sa phân bố tập trung, thuận lợi cho việc đầu tư hạ tầng cơ sở, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, tạo vùng chuyên canh cây lương thực phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá và vùng nguyên liệu cho phát triển công nghiệp. Ngoài ra, Yên Định còn nằm trên trục đường quốc lộ 45, các tuyến tỉnh lộ nối với các trọng điểm kinh tế lớn của tỉnh như: Khu công nghiệp Lam Sơn, Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành, thành phố Thanh Hoá, thị xã Sầm Sơn. Các tuyến đường này thực sự là cầu nối quan trọng thúc đẩy kinh tế huyện phát triển toàn diện. Đồng thời, Yên Định còn có lực lượng lao động hùng mạnh, với khoảng 82,2 nghìn lao động, trong đó số lao động đã qua đào tạo chiếm 1,7% tổng số lao động của huyện.

Chăn nuôi gia cầm - hướng đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao

Với vị trí thuận lợi, cùng với tiềm năng về đất đai, tài nguyên, con người, trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, cán bộ, nhân dân huyện Yên Định đã nỗ lực phấn đấu và giành được nhiều kết quả khả quan. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu kinh tế đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Nếu tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn

Vùng đất và con người Yên Định

Gần hai ngàn năm trước, đây là vùng đất tạo nên các huyện Từ Phố và Võ Biên thuộc quận Cửu Chân, sau đó đổi tên thành các huyện Quân An và Ninh Duy. Thời thuộc Đường, hợp lại thành huyện Quân Ninh. Đến thời Đại Việt tự chủ, huyện được gọi là An Định rồi Yên Định.

Sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), Yên Định vẫn là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Thanh Hoá, bỏ đơn vị hành chính trung gian là cấp tổng và thành lập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó có 6 xã được bắt đầu bằng chữ Yên (Phong, Phú, Ninh, Thọ, Khang, Quý) và 6 xã bằng chữ Định (Hoà, Thanh, Tân, Hưng, Long, Tường).

Đến năm 1949 - 1950, 12 xã được tách thành 24 xã. Khi thực hiện giảm tô (1954 - 1955) huyện được chia thành 28 xã. Năm 1976 còn 27 xã do hai xã vùng Yên (Yên Quý và Yên Lộc) nhập thành xã Quý Lộc.

Ngày 18-11-1996, Chính phủ ra Nghị định số 72/CP tái lập lại các huyện cũ. Huyện Yên Định trở lại tên gọi truyền thống với 27 xã, hai thị trấn: Quán Lào và Nông trường Thống Nhất.

1996 - 2000 đạt mức 6,68% thì đến năm 2002 là 9,6%. Bình quân thu nhập đầu người tăng từ 2,564 triệu đồng (năm 2000) tăng lên 3,32 triệu đồng (năm 2002). Không những thế, Yên Định còn tạo ra bước đột phá mới trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chăn nuôi. Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) tăng mạnh, đến năm 2002 đạt 129.792 tấn, tăng 12,3% so với năm 2000. Giá trị sản xuất bình quân 1 ha canh tác đạt 28,15 triệu đồng. Các loại cây hoa màu khác như: lạc giống mới, ngô lai, vừng, đậu tương... cũng tăng về diện tích, năng suất và sản lượng.

Ngoài việc đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất sản lượng cây trồng, Yên Định cũng chú trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, chế biến nông sản thực phẩm. Uỷ ban nhân dân huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình phát triển chăn nuôi lợn nái ngoại và lợn choai siêu nạc nhằm nâng cao năng suất, giảm giá thành và tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Đồng thời, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các hộ phát triển chăn nuôi lợn nái ngoại và lợn choai xuất khẩu như: hỗ trợ không phải trả lãi suất mua lợn giống trong vòng 12 tháng; chăn nuôi với quy mô lớn thì nuôi 50 con lợn nái ngoại được hỗ trợ 1 triệu đồng... Nhờ đó, phong trào chăn nuôi ở Yên Định phát triển khá nhanh. Giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm tới 25,46%. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Yên Định, đến nay, toàn huyện đã có tới 8.300 con trâu, 17.583 con bò, 67.993 con lợn và hàng trăm nghìn con gia cầm. Hiện nay, huyện có kế hoạch xây dựng 20 trang trại tập trung với quy mô mỗi trại có 40 - 50 lợn nái ngoại và 150 con lợn choai xuất khẩu nhằm hướng tới mục tiêu chăn nuôi chiếm tỷ trọng 35% GDP ngành nông nghiệp. Ngoài ra, huyện còn tập trung đầu tư xây dựng dự án để trong giai đoạn 2001 - 2005, đàn lợn nái ngoại có 6.000 con và đàn lợn choai siêu nạc xuất khẩu có 120 nghìn con.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 09 của Tỉnh uỷ và Quyết định 1795/QĐ-UBND về chuyển đổi, đổi mới và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác xã ở nông thôn, qua hơn 6 năm xây dựng và phát triển, huyện Yên Định đã có 26 hợp tác xã kiểu mới hoạt động theo Luật hợp tác xã, trong đó có 23 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và 3 hợp tác xã phi nông nghiệp.

Bên cạnh phát triển kinh tế, trong những năm qua, văn hoá - xã hội huyện Yên Định thu được nhiều kết quả khả quan.

Công tác giáo dục - đào tạo phát triển khá toàn diện. Đến nay, toàn huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học và xoá mù chữ (được công nhận hoàn thành chuẩn Quốc gia và bằng khen của Chính phủ). Bên cạnh đó, huyện Yên Định còn có 6 trường đạt tiêu chuẩn cấp tỉnh, 24 trường đạt tiêu chuẩn cấp huyện. Với kết quả này, Yên Định đã trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu ngành giáo dục tỉnh Thanh Hoá. Theo con số thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Yên Định, toàn huyện hiện có 7 xã và một thị trấn hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.

Hoạt động y tế và công tác chăm lo sức khoẻ cộng đồng được chú trọng cả về công tác khám, chữa bệnh và tăng cường phòng chống dịch bệnh, từ tuyến cơ sở đến tuyến huyện. Nghề y học cổ truyền dân tộc đang được khôi phục và phát triển. Công tác quản lý, kiểm tra ngành nghề y - dược được chấn chỉnh.

Hoạt động văn hoá - thông tin, thể dục thể thao có chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao

Chức năng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp kiểu mới ở Yên Định chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực làm dịch vụ một số khâu thuộc sản xuất nông nghiệp có tính xã hội cao như: tưới, tiêu, dự tính, dự báo diễn biến sâu bệnh, bảo vệ hoa màu và công tác khuyến nông. Ngoài ra, một số hợp tác xã đang vươn lên làm dịch vụ cung ứng vật tư cho sản xuất nông nghiệp, quản lý điện sinh hoạt, sản xuất nông - lâm sản hàng hoá như: Hợp tác xã Yên Tường, Hợp tác xã Quý Lộc... Với mô hình hợp tác xã kiểu mới, hiện nay, người dân Yên Định rất an tâm với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bởi tất cả về giống mới, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh... đã có hợp tác xã dịch vụ bảo đảm.

đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ của nhân dân. Công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ và pháp luật của Nhà nước được quan tâm, chất lượng các chương trình phát sóng từng bước nâng cao. Hệ thống truyền thanh ở huyện và 27 xã được nâng cấp và xây dựng mới. Phương tiện nghe nhìn ngày càng phát triển, 52% số hộ có máy thu hình, 42% số hộ có máy thu thanh. Phát hành và sử dụng báo chí được mở rộng... góp phần nâng cao dân trí và nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, nếp sống văn hoá ngày càng mở rộng. Đến nay, toàn huyện đã có 83 làng và cơ quan văn hoá, 55% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Hoạt động văn hoá - nghệ thuật được củng cố và tăng cường. Nhiều di tích lịch sử - văn hoá được gìn giữ và tôn tạo đã khơi dậy truyền thống tốt đẹp để các thế hệ trẻ noi theo.

Định hướng và chỉ tiêu phát triển đến năm 2005 và năm 2010

Với những thành tựu kinh tế - xã hội đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, Yên Định tiếp tục phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, đảm bảo kinh tế có tốc độ khá và bền vững, giải quyết việc làm cho người lao động, thực hiện xoá đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống dân cư. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2010 mức sống toàn huyện từ mức trung bình trở lên.

Để đạt được mục tiêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Yên Định, một mặt cần thực hiện tốt các giải pháp mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra, mặt khác phải tạo chuyển biến cơ bản và toàn diện về quản lý điều hành trên các mặt cụ thể sau:

Về nông nghiệp tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, sản phẩm đa dạng, năng suất, chất lượng cao. Tích cực, chuyển đổi cơ cấu vụ mùa, coi trọng cả 4 vụ sản xuất trong năm, tăng diện tích lúa xuân muộn và mùa sớm, tạo điều kiện để sản xuất vụ đông. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước sản xuất các giống lúa lai, ngô lai, góp phần đưa năng suất lúa lên mức trên 11 tấn/ha/năm. Chú trọng phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lấy gỗ ở vùng đồi phía tây - bắc của huyện. Khôi phục lại và đưa thêm nghề mới vào sản xuất. Đầu tư hệ thống thuỷ lợi đảm bảo chủ động tưới tiêu, tạo thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững.

Giai đoạn 2001 - 2005

- Tốc độ tăng trưởng GDP 8 - 9%/năm. Trong đó:
+ Nông nghiệp: 6,6 - 7,0%/năm
+ Công nghiệp - xây dựng: 14 - 16%/năm
+ Dịch vụ: 8,5 - 9,0%/năm
- GDP bình quân đầu người: 2,7 - 3 triệu/năm
- Sản lượng lương thực: 130 nghìn tấn
- Đến năm 2005, 70% trạm y tế xã có bác sĩ
- Đến năm 2005 có 50% số làng đạt tiêu chuẩn làng văn hoá.

Giai đoạn 2006 - 2010

- Tốc độ tăng trưởng GDP: 9 - 10%/năm. Trong đó:
+ Nông nghiệp: 6,0 - 7,0%/năm
+ Công nghiệp - xây dựng 17 - 19%/năm
+ Dịch vụ - thương mại: 9%/năm
- GDP bình quân đầu người: tăng gấp 1,5 lần so với năm 2005
- Sản lượng lương thực: 150 nghìn tấn
- Năm 2010, hoàn thành nâng cấp hệ thống y tế cơ sở, 100% trạm y tế xã có bác sĩ
- Năm 2010, 80% số làng, 100% số gia đình đạt gia đình văn hoá

Chức năng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp kiểu mới ở Yên Định chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực làm dịch vụ một số khâu thuộc sản xuất nông nghiệp có tính xã hội cao như: tưới, tiêu, dự tính, dự báo diễn biến sâu bệnh, bảo vệ hoa màu và công tác khuyến nông. Ngoài ra, một số hợp tác xã đang vươn lên làm dịch vụ cung ứng vật tư cho sản xuất nông nghiệp, quản lý điện sinh hoạt, sản xuất nông - lâm sản hàng hoá như: Hợp tác xã Yên Tường, Hợp tác xã Quý Lộc... Với mô hình hợp tác xã kiểu mới, hiện nay, người dân Yên Định rất an tâm với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bởi tất cả về giống mới, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh... đã có hợp tác xã dịch vụ bảo đảm.

đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ của nhân dân. Công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ và pháp luật của Nhà nước được quan tâm, chất lượng các chương trình phát sóng từng bước nâng cao. Hệ thống truyền thanh ở huyện và 27 xã được nâng cấp và xây dựng mới. Phương tiện nghe nhìn ngày càng phát triển, 52% số hộ có máy thu hình, 42% số hộ có máy thu thanh. Phát hành và sử dụng báo chí được mở rộng... góp phần nâng cao dân trí và nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, nếp sống văn hoá ngày càng mở rộng. Đến nay, toàn huyện đã có 83 làng và cơ quan văn hoá, 55% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Hoạt động văn hoá - nghệ thuật được củng cố và tăng cường. Nhiều di tích lịch sử - văn hoá được gìn giữ và tôn tạo đã khơi dậy truyền thống tốt đẹp để các thế hệ trẻ noi theo.

Định hướng và chỉ tiêu phát triển đến năm 2005 và năm 2010

Với những thành tựu kinh tế - xã hội đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, Yên Định tiếp tục phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, đảm bảo kinh tế có tốc độ khá và bền vững, giải quyết việc làm cho người lao động, thực hiện xoá đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống dân cư. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2010 mức sống toàn huyện từ mức trung bình trở lên.

Để đạt được mục tiêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Yên Định, một mặt cần thực hiện tốt các giải pháp mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra, mặt khác phải tạo chuyển biến cơ bản và toàn diện về quản lý điều hành trên các mặt cụ thể sau:

Về nông nghiệp tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, sản phẩm đa dạng, năng suất, chất lượng cao. Tích cực, chuyển đổi cơ cấu vụ mùa, coi trọng cả 4 vụ sản xuất trong năm, tăng diện tích lúa xuân muộn và mùa sớm, tạo điều kiện để sản xuất vụ đông. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước sản xuất các giống lúa lai, ngô lai, góp phần đưa năng suất lúa lên mức trên 11 tấn/ha/năm. Chú trọng phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lấy gỗ ở vùng đồi phía tây - bắc của huyện. Khôi phục lại và đưa thêm nghề mới vào sản xuất. Đầu tư hệ thống thuỷ lợi đảm bảo chủ động tưới tiêu, tạo thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững.

Giai đoạn 2001 - 2005

- Tốc độ tăng trưởng GDP 8 - 9%/năm. Trong đó:
+ Nông nghiệp: 6,6 - 7,0%/năm
+ Công nghiệp - xây dựng: 14 - 16%/năm
+ Dịch vụ: 8,5 - 9,0%/năm
- GDP bình quân đầu người: 2,7 - 3 triệu/năm
- Sản lượng lương thực: 130 nghìn tấn
- Đến năm 2005, 70% trạm y tế xã có bác sĩ
- Đến năm 2005 có 50% số làng đạt tiêu chuẩn làng văn hoá.

Giai đoạn 2006 - 2010

- Tốc độ tăng trưởng GDP: 9 - 10%/năm. Trong đó:
+ Nông nghiệp: 6,0 - 7,0%/năm
+ Công nghiệp - xây dựng 17 - 19%/năm
+ Dịch vụ - thương mại: 9%/năm
- GDP bình quân đầu người: tăng gấp 1,5 lần so với năm 2005
- Sản lượng lương thực: 150 nghìn tấn
- Năm 2010, hoàn thành nâng cấp hệ thống y tế cơ sở, 100% trạm y tế xã có bác sĩ
- Năm 2010, 80% số làng, 100% số gia đình đạt gia đình văn hoá

Cùng với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chăn nuôi sẽ là một trong những hướng đột phá mới của huyện, là ngành sản xuất chính tạo khối lượng hàng hoá lớn, thu hút lao động, tăng thu nhập cho các hộ nông nghiệp. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, thực hiện các chương trình sind hoá đàn bò, nạc hoá đàn lợn, tăng nhanh đàn gia cầm. Phát triển nhanh chăn nuôi theo hướng công nghiệp với quy mô vừa, lấy hộ gia đình làm cơ sở. Phấn đấu đến năm 2005, đàn trâu - bò có 28.000 con, đàn lợn 100 nghìn con, đàn gia cầm 1,5 triệu con, nâng tỷ trọng chăn nuôi lên 25% giá trị sản xuất nông nghiệp.

Huy động mọi nguồn lực, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp. Tạo cơ sở pháp lý để phát triển các tổ hợp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Đầu tư nâng quy mô một số ngành nghề khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, chế biến gỗ, mây tre đan và may mặc. Phát triển ngành cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp, dịch vụ sửa chữa điện - điện tử. Lập dự án gọi vốn đầu tư cơ sở chế biến nông sản, chế biến thực phẩm, phát triển thị trấn, thị tứ thành trung tâm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Phát triển hợp tác xã và các hình thức hợp tác ở các lĩnh vực kinh tế. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ để hợp tác xã nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đứng vững và phát triển trong điều kiện mở cửa và cạnh tranh của kinh tế thị trường, chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Với những mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra từ nay đến năm 2010, trước mắt có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng không ít khó khăn, song nhân dân Yên Định tin tưởng rằng, phát huy những thành tích đã đạt được trong 5 năm qua, nhất định Đảng bộ, Uỷ ban nhân dân và 107.729 người dân Yên Định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ XXIII đã đề ra là: xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

YEN DINH DISTRICT

DEVELOPMENT WITH AGRICULTURAL ECONOMIC REFORM

In the past, Yen Dinh used to be one of the poor districts in Thanh Hoa. However, the economic reform and administration innovation has created a breakthrough in economic growth rate, opening a perspective development orientation. The district has made an annual increase of 6.7% in GDP during the period of 1996 - 2002. Particularly, it made 9.6% in 2002.

In 2002:
- **Natural area: 210.24 sq.km**
- **Administration structure: 27 communes and two townships**
- **Annual economic growth: 9.6%**
- **Per capita income: VND3.32 million/year**
- **Food output (converted to rice): 129,792 tonnes**

Yen Dinh is a half-mountain district located along Ma River, 28 km from Thanh Hoa City in the Northwest. The district borders Cam Thuy and Vinh Loc districts in the north and the west, Vinh Loc in the east (with Ma River as the boundary), Tho Xuan District in the west and Southwest and Thieu Hoa in the south. Continuing the tradition of a people's heroic armed force which is always in a solid union, self-reliant, creative, active and industrious in working, with the close direction from the municipal Party committee and people's committee, Yen Dinh people have achieved good results in socio-economic fields, national defence and security.

Maximum potential exploitation for the economic growth

Located along Ma River, Yen Dinh's land sources are mainly alluvium. According to the geography collection dated December 31st 1997, in the natural area of 21,024.12 ha, 12,608.94 ha is agricultural land

(58.50%), 836.77 ha forestry land (4.17%), 2,994.99 ha specialised land (16.45%), 853.30 ha residential land (4.05%) and 3,730.12 ha abandoned (16.83%). The alluvium land intensively distributed in the region creates favourable conditions for the investment in infrastructure, technological application in production, intensive farming, crops productivity improvement and the formation of specialised farming zones for cereal development in line with commodity production and material zones for industrial development. Added to that, Yen Dinh is located along the National Road No.45 with provincial roads running to the province's key economic areas such as Lam Son Industrial Zone, Bim Son - Thach Thanh Industrial Zone, Thanh Hoa City and Sam Son Town. Those roads are really important channels to boost the district's overall economic growth. Moreover, Yen Dinh has a rich source of labour with around 82,200 labourers, of which 1.7% have been trained.

With the advantageous location and the favourable potentials of land, natural resources and human, Yen Dinh people have made great efforts and achieved satisfactory results during the years of Renovation (Doi moi) led by the Party. The local economic reform is in a good progress with the fulfilment and exceeding of economic indices. The GDP growth rate in 1996-2000 stood at 6.68% but went up to 9.60% in 2002. Per capita income increased from VND2.564 million in 2000 to VND3.32 million in 2002. Furthermore, Yen Dinh has made a new breakthrough in agricultural production, handicraft and husbandry. The total food output (converted to rice) has been strongly increased, peaking at 129.792 tonnes in 2002, up 12.3% from that in 2000. The average agricultural production value per hectare has reached VND28.15 million. Other crops such as peanuts (new seeds), crossbred maize, sesame, and soybean have been widely cultivated with higher productivity and yield.

Apart from the stronger intensive farming for higher productivity and output, Yen Dinh also attaches great importance to husbandry in industrial direction and agricultural food processing. The municipal has established the Board of Management for the program of raising foreign origin sows and porker in order to reduce the price and made products that meet the requirements of the markets. The municipal Party committee and people's committee have adopted preferential policies to encourage household husbandry of foreign origin sows and export porkers such as: lending without interest for farmers to buy pig seeds within 12 months and supporting large-scale husbandry with VND1 million per 50 foreign origin sows, etc. As a result, husbandry in Yen Dinh is rapidly developing. Husbandry production value makes 25.46% in the agricultural production. According to the statistics by the Yen Dinh People's Committee, the district now has 8,300 buffaloes, 17,583 oxen, 67,993 pigs and hundreds of thousands of poultry. The district is making a plan for the construction of 20 concentrated farms with the scale of 40-50 foreign origin sows and 150 export porkers each, geared to the proportion of 35% in the agricultural GDP. Aside from that, Yen Dinh focuses its investment in planning the projects for the target of 6,000 foreign origin sows and 120,000 porkers in the period of 2001-2005.

Yen Dinh land and people

Around two thousand years ago, the area was separated into two districts called Tu Pho and Vo Bien under Cuu Chan Town, which were later renamed Quan An and Ninh Duy. Under the Chinese Duong, the two districts were integrated to make Quan Ninh District. Until the country (Dai Viet) regained its dependence, the district was called An Dinh and later Yen Dinh.

After the August Revolution in 1945, Yen Dinh was still an administration unit at the district level in Thanh Hoa Province. Tong (sub-district) was abolished and communes were established. Six of the local communes have the names beginning with the word Yen (Yen Phong, Yen Phu, Yen Ninh, Yen Tho, Yen Khang and Yen Quy) and six others began with letter Dinh (Dinh Hoa, Dinh Thanh, Dinh Tan, Dinh Hung, Dinh Long and Dinh Tuong).

In 1949-1950, 12 communes were divided into 24. When started the rent reduction policy in 1954-1955, the district was divided into 28 communes. In 1976, Yen Quy and Yen Loc was joined to make Quy Loc Commune, the district had only 27 communes left.

On November 18th 1996, the Government issued the Resolution No.72/CP, re-establishing the former districts. Yen Dinh regained its name with 27 communes and two townships: Quan Lao and Thong Nhat Farm.

New-style agricultural service co-operatives in Yen Dinh mainly cover the services for some highly social stages in agricultural production such as irrigation, pest forecast, crop protection and farming extension. Some co-operatives are trying the material supply services to agricultural production, electricity control and agricultural and forestry commodity production such as: Yen Tuong and Quy Loc. With new-style co-operatives models, Yen Dinh people are now ensured with the cultivation and husbandry reform as well as scientific and technological application in production because all the services such as new seeds, farming techniques and pesticides are now done by the service co-operatives.

Penetrating the Resolution No.09 by the provincial Party Committee and Decision No.1795/QD-UBND on rural co-operative reform, renovation and development, Yen Dinh District has, over the past six years, built 26 new-style co-operatives that are operating in line with the Co-operatives Law. Of those 26 co-operatives, 23 are agricultural services and three non-agricultural co-operatives.

Apart from economic development, Yen Dinh has made satisfactory socio-cultural achievements in recent years.

The education and training sector has been developed well. The district has now fulfilled the compulsory primary school scheme and eliminated illiteracy (certified National standard and a Certificate of merits from the Government). Yen Dinh has now six schools meeting the provincial standard, 24 schools meeting the district standard. With that achievement, Yen Dinh has become one of the leading education units of Thanh Hoa Province. According to the statistics by the Yen Dinh People's Committee, seven communes and townships of the district have accomplished the compulsory secondary school scheme.

Health and public healthcare are attached with appropriate importance; epidemic prevention from the localities to the district has been intensified. The national traditional medicine is being restored and developed. The control and management of health and medicines is being consolidated.

Cultural activity, communication, physical culture and sports have made satisfactory changes, meeting better the demands of people's physical training and spiritual life improvement. Information and propaganda for the Party and Government's policies and the State's laws have been paid with appropriate concerns with better quality of the TV programs. The radio network in 27 communes has been upgraded and invested. Audio-vision facilities have been rapidly developed with 52% of the households having televisions and 42% having radios. Newspaper publication and distribution have been expanded, making a significant contribution to the improvement of the people's literacy and cultural enjoyment

The application of F1 crossbred rice in production has made great a contribution to the Yen Dinh District's higher food output

The movement of cultural village, families and cultural lifestyle has been increasingly expanded. So far, 83 villages and offices have been certified cultural, 55% of the local households have been certified cultural families. Cultural activities have been strengthened. Historical and cultural sites have been preserved and embellished reminding the young generations of the ancestors' fine traditions.

Development orientation and indices by 2005 and 2010

With the socio-economic achievements during the Renovation time, Yen Dinh is continuing the mobilisation of internal strengths, effective exploitation of sources to develop, ensure the sustainable economic development, create employment for the labourers, fulfil the hunger eradication and poverty alleviation program and gradually improve the people's life. Socio-economic development will be pursued in close co-operation with national defence and security. Yen Dinh District is striving for the target living standard at the national average by 2010.

Pursuing those targets, Yen Dinh Party Committee, authorities and people have to not only apply well the solutions set at the district's 23rd Party Meeting but also

From 2001 to 2005

- *Annual GDP growth: 8-9%. Of which:*
+ *Agriculture: 6.6-7%/year*
+ *Industry and construction: 14-16%*
+ *Services: 8.5-9.0%/year*
- *Per capita GDP: VND2.7-3 million/year*
- *Food output: 130,000 tonnes*
- *By 2005, 70% of the communal health centres will have doctors*
- *By 2005, 50% of the villages will be certified cultural villages*

From 2006 to 2010

- *Annual GDP growth: 9-10% of which:*
+ *Agriculture: 6-7%/year*
+ *Industry and construction: 17 - 19%/year*
+ *Services and trade: 9%/year*
- *Per capita GDP: up 1.5 times from that in 2005*
- *Food output: 150,000 tonnes*
- *By 2010, complete the rural health service network with doctors working in 100% communal health centres*
- *By 2010, 80% of the villages will be certified cultural villages and 100% will be cultural families*

create a basic but overall change in management of the following fields:

Agriculture is to be developed perfectly and reformed towards commodity production with diversification of products, high quality and productivity. Cultivation should be actively restructured with the satisfactory focus on all the four crops in a year, area expansion of late spring crop and the early summer crop to facilitate the winter crop. Apply scientific and technological advances in production, gradually produce rice and maize crossbred seeds, aiming at the annual production of 11 tonnes of rice per hectare. Focus on the development of industrial and fruits crops as well as wood in the hilly region in the Northwest of the district. Restore traditional and create more occupations. Invest in the irrigation system to ensure its operation thus facilitating the sustainable agricultural production development.

New cross bred maize variety increases cultivation productivity

Along with cultivation reform, husbandry will be one of the new directions for the district as a major production sector that create a great volume of commodities, employment and income for the farmers. The district will intensify the scientific and technological application in husbandry, raise more Sind hybrid oxen, super-meat porkers and poultry. Husbandry should be developed rapidly, geared to the medium-scale household husbandry as the basic solution. Yen Dinh targets 28,000 oxen, 100,000 pigs and 1.5 million fowls in 2005, increasing the husbandry's proportion in the agricultural production value to 25%.

Mobilise all forces and encourage all economic sectors to invest in the handicraft development. Create legal bases for the development collectives, co-operatives and households engage in handicraft production and services in rural areas. Invest in upgrading the scale of some industries such as construction material exploitation and production, agricultural processing, wood processing, rattan and garments. Develop the small-scale engineering to serve agricultural production, electric and electronic services. Plan projects to attract investment in agricultural products processing, food processing, developing townships and town-lets to handicraft and service centres. Develop co-operatives in economic fields. Implementing well the assistant policies to enhance the co-operatives' production and business capacity so that they can maintain their firm positions, grow and actively find markets for the products consumption in the open but intense competitiveness of the market economy.

It is not easy to fulfil all the tasks for the period from now to 2010 though Yen Dinh enjoys some advantages. However, it is believed that the municipal Party Committee, People's Committee and 107,729 local people will continue the achievements of the past five years, overcome any challenges to successfully build the hometown more and more prosperous and civilised as set by the municipal Party Committee's 23rd Meeting.

HUYỆN THIỆU HOÁ

VÙNG TRỌNG ĐIỂM LÚA CỦA TỈNH THANH HOÁ

Mảnh đất Thiệu Hoá là một trong những cái nôi của người Việt cổ, nơi sinh dưỡng nhiều anh hùng hào kiệt và các bậc khai quốc công thần được lưu danh, nơi có truyền thống văn hoá đặc sắc, truyền thống chống giặc ngoại xâm kiên cường. Những tinh hoa, những truyền thống vẻ vang đó được nhân dân Thiệu Hoá phát huy cao độ trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Ông Trịnh Văn Chiến - Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch UBND huyện

Những lợi thế cơ bản

Nằm ở khu vực đồng bằng tỉnh Thanh Hoá, phía bắc tiếp giáp với huyện Yên Định, phía nam giáp huyện Đông Sơn, phía tây giáp với hai huyện Triệu Sơn và Thọ Xuân, phía đông giáp huyện Hoằng Hoá và thành phố Thanh Hoá.

Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, diện tích tự nhiên của huyện Thiệu Hoá là 170,358 km^2, trong đó có 10.565,7 ha đất nông nghiệp với 10.289,08 ha đất canh tác hàng năm. Đồng bằng Thiệu Hoá có đủ các loại đất như phù sa cổ, phù sa mới bồi đắp, cát, sét. Thêm vào đó, chế độ thuỷ văn trên địa bàn Thiệu Hoá khá phong phú với 5 sông lớn nhỏ chảy qua: sông Mã, sông Chu, sông Cầu Chầy (Ngọc Chuỳ Giang), sông Dừa và sông Mậu Khê. Trong đó, sông Mã và sông Chu là 2 con sông chính tạo nên vùng châu thổ và bãi bồi ven sông rộng lớn, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp. Vì thế, Thiệu Hoá được coi là một huyện thuần nông, nằm trong vùng trọng điểm lúa của xứ Thanh. Ngoài ra, huyện còn có 101,13 ha đất lâm nghiệp, 291,10 ha mặt nước nuôi trồng thuỷ sản, 1.543,17 ha đất thổ cư, 2.185,02 ha đất chưa sử dụng, trong đó 298,91 ha đất có khả năng làm lâm nghiệp. Nguồn tài nguyên của Thiệu Hoá chủ yếu là vật liệu xây dựng (đá vôi, đá xây dựng, cát). Trữ lượng lớn về đất sét - nguyên liệu chính để sản xuất gạch ngói - hứa hẹn nhiều tiềm năng cho sự phát triển kinh tế Thiệu Hoá.

Sống trên mảnh đất giàu truyền thống, đời sống văn hoá tinh thần của người dân Thiệu Hoá khá phong phú. Các lễ hội ra đời sớm và có nhiều nét độc đáo, hầu hết đều có trò diễn. Trò Ngô với 3 phường Ngô ở Bằng Trình (Thiệu Hợp), Chí Cường (Thiệu Quang) và làng Chuộc (Thiệu Tiến) - nằm trong hệ trò Văn Vương. Lại có hát chèo chãi, múa đèn, chạy chữ ở Thiệu Quang, nghề múa rối cổ diễn lại tích Lê Lợi đánh giặc, Lê Lợi chém Liễu Thăng, Đào viên kết nghĩa, Phụng Nghi đình,... ở làng Chuộc. Kho tàng ca dao - tục ngữ của Thiệu Hoá thực sự là một tài sản vô giá của nền văn học dân gian Việt Nam.

Ngoài ra, đời sống tinh thần của nhân dân Thiệu Hoá còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các tư tưởng Phật giáo, Nho giáo và Thiên Chúa giáo. Nhiều đền thờ ở Thiệu Hoá đã trở thành quốc miếu như đền thờ Dương Đình Nghệ ở Thiệu Dương, miếu Lê Đại Hành, đền Lê Văn Hưu, đền Nguyễn Quán Nho ở Thiệu Hưng. Đồng thời, nhân dân Thiệu Hoá còn có

Thiệu Hoá qua các thời kỳ lịch sử

Thiệu Hoá ngày nay được kiến tạo từ hai vùng đất thuộc huyện Quân Ninh và huyện Tư Phố trong quận Cửu Chân. Dấu tích thành Tư Phố - trị sở của quận và lỵ sở của huyện, điểm hội tụ, đầu mối giao thông thuỷ - bộ của cả khu vực hiện vẫn còn tại làng Giang (Dương Xá - Thiệu Dương).

Sang thời Lý - Trần, các huyện trên đổi tên là Lương Giang và Cửu Chân. Đến thời Lê, các tên gọi Thuỵ Nguyên và Đông Sơn lần lượt được thay thế.

Sở dĩ Quân Ninh được gọi là Lương Giang vì có sông Lương, tên gọi cũ của sông Chu. Đến thế kỷ XV, vào đầu thời Lê Thuận Thiên (năm 1428), do là nơi phát tích của nhà Lê nên triều đình đem đất này đặt làm Tây Kinh và đổi tên huyện là Thuỵ Ứng. Khi Lê Hồng Đức định bản đồ, đưa huyện lỵ vào phủ Thiệu Thiên, lấy lại tên cũ là Lương Giang. Đời Đoan Khánh đổi tên thành huyện Thuỵ Nguyên.

Thời Nguyễn, dưới triều Gia Long, huyện lỵ dời về Mật Vật. Dưới thời Minh Mệnh đóng ở Kiến Trung (nay thuộc xã Thiệu Hưng). Năm 1815, phủ Thiệu Thiên đổi tên thành phủ Thiệu Hoá. Cách mạng Tháng Tám thành công, ngoài việc bỏ đơn vị hành chính cấp trung gian là tổng, đổi phủ Thiệu Hoá thành huyện Thiệu Hoá. Đứng trước hoạch định lớn về vai trò của cấp huyện, ngày 5-7-1977, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 177/CP về việc giải thể huyện Thiệu Hoá. 15 xã nằm trong vùng tả ngạn sông Chu sáp nhập vào huyện Yên Định, lập ra huyện mới mang tên Thiệu Yên, 16 xã còn lại ở hữu ngạn sông Chu sáp nhập vào Đông Sơn, lập ra huyện Đông Thiệu (năm 1982 đổi theo tên cũ là Đông Sơn).

Sau 20 năm, ngày 18-11-1996, huyện Thiệu Hoá được tái lập theo Nghị định số 72/CP của Chính phủ. Ngày 1-1-1997, địa giới và tổ chức hành chính trở lại như Thiệu Hoá của 20 năm trước đây.

truyền thống hiếu học, khoa bảng với những tên tuổi lẫy lừng như: Lê Văn Hưu - người được xưng tụng là Đại thủ bút đời Trần và ông tổ của nền sử học Việt Nam với bộ Đại Việt sử ký đồ sộ gồm 30 quyển; Đào Tiêu đỗ Trạng nguyên khoa Thái học sinh năm 1275; Lê Quát đỗ Thái học sinh đời vua Trần Minh Tông.

Phát huy tiềm năng

Từ những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, trong 5 năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền cùng sự nỗ lực phấn đấu, tích cực tham gia sản xuất của nhân dân, nền kinh tế huyện Thiệu Hoá có tốc độ tăng trưởng khá, tương đối đồng đều giữa các ngành, các vùng trong huyện. Nhiều mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, nhất là về sản xuất lương thực và xây dựng kết cấu hạ tầng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng 8,9%, trong đó nông nghiệp tăng 7,8%. Thu nhập bình quân tính theo đầu người là 3,54 triệu đồng/năm. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới.

Với chiến lược phát triển coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, những năm qua, Thiệu Hoá đã tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp: tập trung mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa lai nhằm bảo đảm an ninh lương thực, đồng thời mở rộng diện tích cây màu vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính. Trong vụ đông, huyện quan tâm đưa cây ngô vào chân đất 2 vụ lúa, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực toàn huyện năm 2002 đạt 118.639 tấn, tăng 17,4% so với năm 2001. Bên cạnh đó, huyện đã chuyển đổi diện tích cấy lúa bấp bênh sang nuôi trồng thuỷ sản và sản xuất những cây con có giá trị hàng hoá cao như dưa chuột, ớt, dâu tằm,... Bước đầu, Thiệu Hoá có sản phẩm tham gia thị trường xuất khẩu, mang lại giá trị kinh tế cao, tăng thu nhập cho các hộ nông dân.

Để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, Thiệu Hoá đã coi trọng yếu tố thời vụ, tăng

cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, làm tốt công tác khuyến nông, khắc phục kịp thời hậu quả do thời tiết bất lợi gây ra như: lúa trổ sớm, nắng hạn kéo dài, rét đậm, rét hại.... Việc chuyển đổi ruộng đất theo Nghị quyết 2B của Ban chấp hành Huyện uỷ đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc quy hoạch vùng sản xuất, vùng giống lúa nhân dân và đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thuỷ lợi, hệ thống giao thông nội đồng thuận tiện cho cơ giới hoá và thâm canh tăng vụ.

Để chuyển đổi cơ cấu kinh tế một cách toàn diện hơn, Thiệu Hoá đã tập trung phát triển chăn nuôi, chủ yếu là nuôi bò sinh sản và lợn hướng nạc. Phát triển đàn bò sinh sản kết hợp với tạo sức cày kéo, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng đàn bò theo chương trình sind hoá, tạo ra đàn bò cái có 50% máu ngoại làm cơ sở cho việc chăn nuôi bò sữa sau này. Đồng thời, một số địa phương trong huyện đã và đang hình thành mô hình trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm theo hướng hộ gia đình. Dự án nuôi trồng thuỷ sản đã được triển khai ở Thiệu Công, thị trấn Vạn Hà, mô hình trang trại 2 cây 1 con hoặc 2 cây 2 con được hình thành ở một số xã thị trấn bước đầu có hiệu quả. Công tác quản lý thú y được thực hiện tốt hơn, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Cùng với sự phát triển của ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại cũng có nhịp độ tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2002 đạt 47.034 tỷ đồng, trong đó tập trung vào một số ngành truyền thống như: sản xuất vật liệu xây dựng, cót nan, cót ép, mộc dân dụng.... Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã tuyên truyền, vận động nông dân duy trì diện tích dâu tằm hiện có để ổn định mặt hàng truyền thống về ươm tơ dệt lụa.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, ưu tiên cho các chương trình phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội, công tác xây dựng kết cấu hạ tầng trong những năm qua có bước phát triển khá. Tổng giá trị xây lắp lên tới hàng trăm tỷ đồng, với nhiều chương trình như: trạm bơm tiêu úng Thiệu Thịnh, Thiệu Duy, Thiệu Châu, nâng cấp hầu hết các tuyến đường lớn nội huyện, trụ sở làm việc của các cơ quan huyện, bưu điện văn hoá xã, trạm xá xã, công trình điện sáng cho khu đồng cách,...

Hoạt động tín dụng ngân hàng đã có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội: mở rộng mạng lưới giao dịch đến cụm dân cư, mở sổ đăng ký vay vốn đến tất cả các xã, thôn, đa dạng hoá hình thức huy động và cho vay, góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ sở vật chất, phúc lợi xã hội và xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế, hoạt động văn hoá - xã hội cũng thu được nhiều kết quả khả quan. Chất lượng giáo dục được nâng lên, số học sinh giỏi, học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Năm học 2001 - 2002 huyện có thêm 5 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia là Thiệu Hoà, Thiệu Minh, Thiệu Trung, Thiệu Ngọc, Thiệu Tiến, cơ sở vật chất và trang thiết bị trong trường học được tăng cường với 50 phòng học kiên cố. Đến nay, 100% số xã đã có đài truyền thanh, phong trào thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, chất lượng hoạt động y tế đã được nâng lên. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Có thể nói sau hơn 10 năm đổi mới, Đảng bộ và nhân dân huyện Thiệu Hoá đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Để đảm bảo sự phát triển bền vững, khai thác tối đa những tiềm năng sẵn có, từ nay đến năm 2005, Đảng bộ và nhân dân huyện Thiệu Hoá đặt nhiệm vụ trọng tâm là tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và bắt kịp tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh và đất nước. Phấn đấu có bước chuyển mạnh trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Để các mục tiêu trên trở thành hiện thực, lãnh đạo huyện Thiệu Hoá đã đề ra nhiều giải pháp có tính khả thi. Trong đó, huyện xác định tập trung vào phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Dành 1.000ha đất 2 lúa để sản xuất lúa hàng hoá có giá trị kinh tế cao, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ theo hướng: tăng lúa mùa sớm, xuân muộn để mở rộng vụ đông hàng năm đạt từ 5.500ha trở lên. Đưa tỷ lệ lúa lai vụ chiêm xuân

Những chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005

1) Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 55%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 20%; dịch vụ: 25%.
2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân: 10%/năm trở lên.
3) Bình quân thu nhập đầu người đến năm 2005: 4 triệu đồng/năm.
4) Sản lượng lương thực (quy thóc): 110 nghìn tấn/năm trở lên.
5) Năng suất lúa: 11 tấn/ha/năm trở lên.
6) Bình quân lương thực tính theo đầu người: 500 kg/năm trở lên.
7) Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác: 25 triệu đồng/năm trở lên.
8) 100% xã phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; 90% xã trở lên đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.
9) Hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 0,7%/năm.
10) Hạ tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 15%.
11) Không có hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 3% (theo tiêu chí hiện nay).
12) 60% các gia đình đạt gia đình văn hoá, 50% trở lên các làng khai trương xây dựng làng văn hoá, có thêm 10 làng được công nhận là làng văn hoá cấp tỉnh.
13) 95% đảng viên trở lên đủ tư cách loại 1, 75% cơ sở đảng trở lên trong sạch, vững mạnh.
14) Xây dựng Đảng bộ huyện là đơn vị trong sạch, vững mạnh.

lên mức 60 - 70% và vụ mùa 20 - 25%, phấn đấu năng suất vụ chiêm xuân đạt 70tạ/ha, vụ mùa 50tạ/ha, vụ đông từ 45tạ/ha trở lên. Củng cố trạm khuyến nông theo hướng chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ, làm dịch vụ cung ứng một số giống cây con và đầu ra cho một số loại sản phẩm.

Để đưa ngành chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, chiếm tỷ trọng 35 - 40% trong nông nghiệp, huyện Thiệu Hoá tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi gia súc theo hướng ổn định đàn trâu, tăng đàn bò sinh sản kết hợp cày kéo và lấy thịt. Bên cạnh đó, huyện Thiệu Hoá còn khuyến khích chăn nuôi gia cầm theo kiểu trang trại hoặc trang trại trồng trọt kết hợp thả cá, và chăn nuôi gia cầm.

Huyện đã có dự án chuyển toàn bộ diện tích đất bãi ven sông trồng cây màu lương thực không hiệu quả sang trồng dâu nuôi tằm, đưa diện tích dâu tằm trong vài năm tới lên 800ha. Các làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa tiêu biểu như Hồng Đô (Thiệu Đô) tiếp tục được đầu tư và mở rộng thêm ở các xã Thiệu Tân, Thiệu Minh,... nhằm đưa Thiệu Hoá thực sự trở thành trung tâm dâu tằm tơ của cả tỉnh. Đồng thời, Thiệu Hoá chú trọng phát triển các làng nghề truyền thống theo hướng sản xuất hàng hoá mỹ nghệ và những nghề có thế mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, đúc đồng nhôm.

Đi đôi với việc cải thiện đời sống vật chất của nhân dân, Thiệu Hoá còn tiếp tục đưa các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) vào cuộc sống, nhằm nâng cao đời sống văn hoá tinh thần và sức khoẻ của nhân dân theo hướng xã hội hoá ngày càng cao.

Những thành quả mà Đảng bộ và nhân dân Thiệu Hoá đạt được trong thời gian qua là vô cùng to lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Phát huy những thành tựu đã đạt được, trong những năm tiếp theo, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, cùng sự nỗ lực, năng động, sáng tạo của nhân dân, Thiệu Hoá sẽ tiếp tục đổi mới, hoàn thành vượt mức các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra.

THIEU HOA DISTRICT

CORE RICE AREA OF THANH HOA PROVINCE

Thieu Hoa is one among the cradles of ancient Vietnamese people, the homeland of the national heroes and celebrities and the country founders, meritorious officials, which have been gone down in history, where imprints the traditions of special culture and unyieldingly fighting aggressor. The quintessence and glorious traditions have been well developing in the cause of reform (Doi Moi), socio-economic development for the prosperous and happy life and construction of well-off homeland.

Basic advantages

Thieu Hoa lies in the plain of Thanh Hoa Province, bordering Yen Dinh District in the north, Dong Son District in the south, Trieu Son and Tho Xuan Districts in the west and Hoang Hoa District and Thanh Hoa City in the east.

According to the latest figures of Thanh Hoa provincial People' Committee, its natural area is 170.358 sq.km, of which 10.565.7 ha agricultural land with 10,289.08 ha annual cultivation. Its plain comprises of old and newly raised alluviums, sandy soil and clay. Moreover, its hydrographical system is diverse with 5 different rivers named Ma, Chu, Cau Chay (Ngoc Chuy), Dua and Mau Khe. Of which, Ma and Chu are two main rivers creating the large delta alluviums along the riverside, forming the area for agricultural production. Hence, it is considered the pure agricultural district in the core rice growing area of the province. Besides, the district also possesses 101,13 ha forestry land, 291,10 ha water surface for raising aquatic products, 1,543.17 ha land tenure, 2,185.02 ha unused land including 298.91 ha suitable to forestry production. Major resources of the district are construction materials (limestone, construction stone and sand). Big resources of clay, the main materials for processing tiles and bricks, are promising great potentials for the district's economic development.

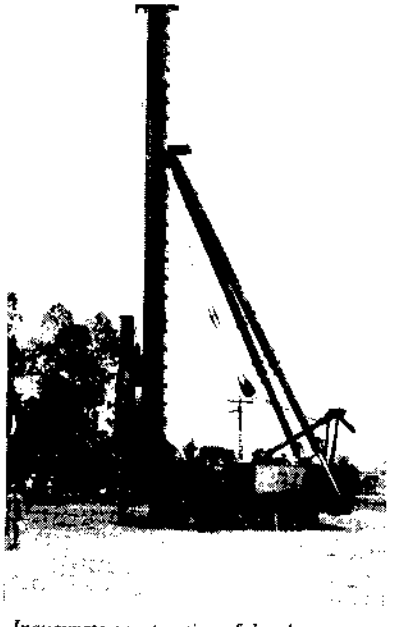

Inaugurate construction of the clean water factory in Thieu Hoa by grant aid from Japan

Living in the land rich of traditions, the cultural and spiritual life of Thieu Hoa people is rather profound. The festivals appeared early and carried many special characters, mostly with the play. The Ngo play with three Ngo wards in Bang Trinh (Thieu Hop), Chi Cuong (Thieu Quang) and Chuoc village (Trieu Tien) belonged to Van Vuong play series. Many forms of art still remain there including Vietnamese popular opera, lamp dancing and chay chu, and the ancient water puppets performing the story of 'Le Loi fought the enemy' and 'Le Loi cut off Lieu Thang's head', "Dao Vien ket nghia" and "Phung Nghi dinh" in Chuoc village. The treasure of folk-verses and proverbs of Thieu Hoa actually became the invaluable fortune of Vietnamese folk literature.

Besides, its people' spiritual live has also been strongly affected by the ideologies of Buddhism, Confucianism and Catholicism. A number of shrines there became the national temples such as temples worshipping Duong Dinh

Thieu Hoa through the historical periods

Thieu Hoa presently has been created from the areas of Quan Ninh and Tu Pho Districts of Cuu Chan canton. The vestiges of Tu Pho citadel, headquarter of the District, the hub of the water-road traffic system of the whole region has been remaining at Giang village (of Duong Xa, Thieu Duong).

Under Ly – Tran dynasties, those districts were renamed Luong Giang and Cuu Chan, later on changed to Thuy Nguyen and Dong Son under Le reign.

Quan Ninh was named Luong Giang since there was Luong River, the old name of Chu River. In the 15th Century, early of Le Thuan Thien year (1428), because that was the place, where Le dynasty originally rose up, the court set up Tay Kinh in that land and renamed it Thuy Ung. When Le Hong Duc fixed the map, putting the district under the management of Thieu Thien, the previous name Luong Giang was used, then changed to Thuy Nguyen under Doan Khanh rule.

In the Nguyen time, under Gia Long dynasty, the township moved to Mat Vat and set up in Kien Trung (now belongs to Thieu Hung commune) in the Minh Menh time. In 1815, Thieu Thien palace was renamed Thieu Hoa. When the August Revolution succeeded, the State abolished canton, the intermediate administrative unit, formed Thieu Hoa District. Facing the great definition of the role of district level, on July 5th 1977, the Government Council issued Decision 177/CP on dissolving Thieu Hoa District. 15 communes locating in the left bank of Chu River were merged to Yen Dinh District to establish the new district entitled Thieu Yen. 16 remaining communes in the right bank of Chu River were merged to Dong Son to form Dong Thieu district, which was renamed Dong Son again in 1982.

After 20 years, on November 18th 1996, Thieu Hoa District was re-established pursuant to Decree 72/CP of the Government. On January 01st 1997, the geographical and administrative borders were fixed as that of 20 years previously.

Nghe (in Thieu Duong), Le Dai Hanh, Le Van Huu, and Nguyen Quan Nho (in Thieu Hung). Moreover, Thieu Hoa has been famous for its traditions of studiousness and competition-examinations with the famous names through generations. Those include Le Van Huu, The greatest writer under Tran dynasty and ancestor of Vietnamese history with the grandiose Dai Viet Su ky (consisting of 30 books), Dao Tieu passing exam to be first doctoral candidate in 1275 and Le Quat passing first doctoral exam under Tran Minh Tong dynasty.

Bringing potentials into play

Making use of the available potentials and strong points, during past five years, under the leadership of the Party Committee and authorities in combination with the people' active endeavour in production, Thieu Hoa economy saw healthy growth with the relatively sameness among the sectors and areas in the district. A number of targets and tasks set by the 15th district's Party Committee Congress's Resolution were achieved and even exceeded the plan, especially in foods processing and infrastructure construction. Annual average economic growth rate increased 8.9%, of which agriculture rose 7.8%. Average per capita income reached VND3.54 million a year. The people' standard of living has been remarkably improved and rural image has been renewed day after day.

Following the development strategy of considering agriculture the first-rank front, Thieu Hoa lately has actively restructured agricultural economy, of which it focused on enlarging the hybrid-rice variety planting areas aimed to ensuring foods supply, concurrently extending the areas for cultivating winter crops, turning winter crops into the major one. During this crop, the district cultivates maize between two rice harvests, contributing to raising total district's food output in 2002 to 118,639 tons, an increase of 17.4% over 2001. Besides, the district has shifted unstable growing rice areas to raising aquatic products and producing the strains and breeds with high economic efficiency such as cucumbers, peppers and mulberries. Thieu Hoa initially has products for export, bringing high economic value and heightening income for the farmer households.

With a view to enhancing agricultural production efficiency, the district has attached importance to seasonal factor, intensified application of science-technical advancements in production, fully encouraged agriculture, timely surmounted the consequences causing by the disadvantageous weather including early blossoming, prolonged drought, very coldness and damaging coldness. The rice-field conversion in compliance with Resolution 2B by the district's Executive Committee has facilitated planning for production zones and popular rice zones and investing in synchronous construction of irrigation and interior field traffic systems that convenient for mechanisation and intensive cultivation.

For more comprehensive economic restructuring, Thieu Hoa has also centred on developing livestock breeding, mostly on raising super-meat pigs and prolific cows for beef and productive force, of which importance has been attached to improving cow herds towards Sind cross-bred, generating the basic cow herds with 50% hybrid bred. Simultaneously, the farming model of raising pig and poultry within the households has been formed in some localities in the district. The project on raising aquatic products has been realising in Thieu Cong of Van Ha township; farming model of cultivating trees and breeds at two - one or two – two rate in some townships has initially seen efficiency. The veterinary management has been better carried out, helping to avoid the big epidemics.

Parallel with agricultural development, handicraft, trade and service also experienced healthy progress. Total handicraft value in 2002 obtained VND 47,034 billion, mostly of some traditional crafts such as producing construction materials, bamboo laths and fiberboards and civil carpentry. The district's People' Committee has conducted the communes in propagating and mobilising the farmers in maintaining the existing mulberry growing areas with an aim of stabilising the traditional occupation - silk germinating and weaving.

Under the motto 'The State and people working together, priority granting to the works supporting production and social utilities', infrastructure construction in past years witnessed sound development. Total assembling value amounted to hundreds of billion dong with a number of programs such as Thieu Thinh, Thieu Duy, Thieu Chau drainage pumping stations, upgrading most of the internal district main roads, the head-offices of the district institutions, commune cultural post offices, medical stations and lighting systems.

Great efforts were achieved in credit banking activities to mobilise capital for socio-economic development requirement. Those include extending transaction networks to residences, creating capital registering books in every commune and village, diversifying capital mobilising method and granting loans targeted at making contributions to economic growth, enhancing infrastructure and social welfare, eradicating hunger and reducing poverty in the district.

Along with economic growth, the satisfactory results have also been attained in socio-cultural activities. Education quality has been improved with the increasing number of the bright pupils and students passing entrance exams into universities and colleges. In 2001 - 2002, the district recorded five more primary schools satisfying national standards being Thieu Hoa, Thieu Minh, Thieu Trung, Thieu Ngoc and Thieu Tien; the schools' infrastructure and equipment have been intensified with 50 reinforced classrooms. So far, 100% communes have radios, sport movements have been ebulliently taken place; health care quality has been remarkably enhanced. The people' material and spiritual live is getting more improved day after day.

Socio-economic orientation by 2005

It can be said that after 10 years of Doi Moi, Thieu Hoa Party Committee and people attained acknowledgeable outcomes. In order to ensure stable development and utilise up the available potentials, between now and 2005 the district Party Committee and people work out the core targets of joining all forces for socio-economic development. Boosting agriculture, handicraft and service-trade structure transfer towards agricultural and rural industrialisation and modernisation and keeping pace with the general economic growth rate of the province and country and striving for stormy progress in education and training, improving the people' standard of material and spiritual life. Stabilising national defence and security and building powerful political system.

To make those targets attainable, the district's

leaders have mapped out many feasible solutions. Of which, the district defines to centre on agricultural production directing agricultural and rural industrialisation. It will set aside 1,000 ha land of two rice crops for cultivating high-yield rice variety, boosting intensive cultivation towards increasing early winter crop and late spring crop to push winter crop to 5,500ha upwards annually. Hybrid-rice spring crop should be lifted to 60% - 70%, winter crop to 20% - 25%, approaching summer harvest productivity at 7 tons/ha, winter' 5tons/ha and late winter from 4.5 tons/ha upward. The agricultural encouragement stations will be consolidated directing transferring science-technological advances, providing services supporting crop seeds and livestock breeding and ensuring consumption market for the products.

To turn livestock breeding into the main production industry, representing 35% - 40% of agricultural value, it will continually speed up cattle breeding on the orientation of stabilising buffalo herds, increasing prolific cowherds for beef and productive force. Besides, the district has also stimulated poultry raising on the farming model or planting farm in combination with stocking with young fish and breeding poultry.

The district planned to shift all the riverside areas of ineffective crop planting to growing mulberry and silkworms, expanding the areas for mulberry growing to 800 ha in coming years. The typical villages growing mulberry and silkworms and weaving silk such as Hong Do (Thieu Do) will be further invested in, enlarging the new ones of Thieu Tan and Thieu Minh etc with an aim to bring Thieu Hoa into the silkworm hub of the province. Concurrently, the importance has also been attached to developing the traditional crafts on the orientation of producing handicraft and fine arts, construction materials, foods, foodstuffs producing and copper, aluminium casting, which have been the strong points of the district.

Together with improving the people' material life, Thieu Hoa has also continued to work out the operational programs on introducing the Second and Fifth Central Resolutions (premium VIII) into the life with an objective of enhancing the material and spiritual living standard of the people directing socialisation.

The performances Thieu Hoa Party Committee and people achieved during the recent years were great, especially in developing economy and improving people' material life. Bringing those attained outcomes into play, in the time to come, under the instruction of the district's Party Committees, People' Committee in co-ordination with the people' endeavour, flexibility and creativeness, Thieu Hoa will carry on renovation, accomplish and exceed the targets set forth by the 16th Party Committee Congress.

Socio - economic indices by 2005

1. *Economic structure: agriculture 55%; industry – handicraft 20%, services 25%.*
2. *Average economic growth: 10% a year upward.*
3. *Average per capita income by 2005: VND 4 million a year.*
4. *Food output (converted to rice): 110,000 tons a year upward.*
5. *Annual rice yield: 11 tons/ha upward.*
6. *Average per capita food output: 500kg a year upward.*
7. *Productivity: VND 25 million/ha a year upward.*
8. *100% communes to accomplish prompt primary compulsory education; at least 90% communes to satisfy lower secondary compulsory education.*
9. *Decrease natural population growth to 0.7% a year*
10. *Reduce rate of malnourished children to below 15%*
11. *Eradicate hungry households and eliminate poor households to below 3% (according to the present criteria).*
12. *60% families to satisfy cultural family standard, 50% villages upward to inaugurate cultural villages, 10 more cultural villages to be ranked at provincial level.*
13. *95% Party members to meet the first status, at least 75% Party bases to be strong and unblemished bases.*
14. *Build the district's Party Committee to be the strong and unblemished committee.*

HUYỆN NGA SƠN

ĐI LÊN TỪ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ BIỂN

Nga Sơn, với chiều dài 20 km bờ biển, gồm 8 xã nằm dọc theo bờ biển là vùng triều màu mỡ đã tạo nên thế mạnh để phát triển nông nghiệp và kinh tế biển. Ở đây, cây lúa và cây cói được coi là hai chân trụ đảm bảo ổn định về an ninh lương thực và tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, việc nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thuỷ, hải sản cũng phát triển mạnh, tạo đà cho Nga Sơn có những bước tiến dài trong những năm qua.

- **Diện tích tự nhiên: 144,95 km²**
- **Dân số: 142.526 người (tính đến 1-4-1999)**
- **Đơn vị hành chính: 01 thị trấn và 26 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 9,5%/năm**
- **Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp: 51,4%, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản 19,2%, dịch vụ-thương mại 29,4%**
- **Bình quân lương thực: 367 kg/người/năm**

Huyện Nga Sơn nằm ở cực đông bắc tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá 42km, phía bắc và đông giáp tỉnh Ninh Bình và thị xã Bỉm Sơn, phía tây giáp huyện Hà Trung, phía nam giáp huyện Hậu Lộc. Với đường bờ biển dài 20km, mỗi năm Nga Sơn lấn ra biển từ 80 đến 100m do phù sa sông Hồng và sông Đáy bồi lắng.

Thành công từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Về nông nghiệp: thực hiện Nghị quyết 02 của Huyện uỷ, Nga Sơn đã có những chuyển biến lớn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đồng thời trở thành một trong những huyện đi đầu trong công tác đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất như: giống lúa lai, ngô lai, đậu tương, lạc,... Đến nay, toàn huyện đã gieo trồng được 80% diện tích giống lúa lai cho năng suất cao, góp phần đưa năng suất bình quân trên vụ đạt 5.2 tấn/ha (cả 2 vụ sản xuất Nga Sơn đều đạt năng suất 11.4 tấn/ha/năm). Vì thế, dù diện tích lúa có giảm so với năm trước, nhưng tổng sản lượng lương thực năm 2002 vẫn đạt khoảng 54.000 tấn, tăng 4,1% so với năm 2001.

Đồng chí Đặng Duy Cương
Bí thư Huyện uỷ Nga Sơn

Với những vùng cho diện tích năng suất lúa thấp, huyện đã tích cực chuyển đổi sang trồng những cây

Nga Sơn là huyện mới thành lập do lấn biển mà thành. Theo truyền thuyết Mai An Tiêm, thời các vua Hùng, đất Nga Sơn chỉ là hòn đảo ngoài biển khơi, gồm các dãy núi như: núi Thiết Giám, núi Vạn Sơn, núi Vân Nham, núi Thần Đầu, núi Song Ngư, núi Chích Trợ và các con sông như sông Hoạt, sông Báo Văn, sông Lèn. Diện tích đất tự nhiên 15.617,95ha. Trong những năm gần đây, Nga Sơn đã có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế: tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 1996 - 2000 đạt 7,2%/năm, tăng 1,7% so với giai đoạn 1990 - 1995. Riêng năm 2002, tốc độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 9,5%/năm. GDP tính theo đầu người đạt mức 2,94 triệu đồng/người/năm, tăng 16,2% so với năm 2000, lương thực (quy thóc) đạt 367 - 370 kg/người/năm.

Lịch sử hình thành và tên gọi của huyện Nga Sơn

Thời thuộc Hán, huyện Nga Sơn thuộc vùng đông bắc của huyện Dư Phát. Đến thời Lưỡng Quốc, Lưỡng Tấn Nam Bắc - Triều thuộc huyện Kiến Sơ. Bước sang thời Tuỳ, Nga Sơn là vùng đất thuộc huyện Long An, đời Đường thuộc huyện Sùng Bình.

Trong các triều Đinh, Lê, Lý, địa giới hành chính được giữ nguyên như thời Đường. Đến thời Trần - Hồ bắt đầu lập huyện Chi Nga thuộc châu Ái. Thời Lê đổi tên huyện Chi Nga thành huyện Nga Giang thuộc phủ Hà Trung. Bước sang thời Nguyễn, đổi tên thành huyện Nga Sơn.

Sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), vẫn giữ nguyên là huyện Nga Sơn. Năm 1977, ghép hai huyện Hà Trung và Nga Sơn, lấy tên là huyện Trung Sơn. Năm 1982, Trung Sơn lại tách ra thành hai huyện và lấy lại tên cũ là Hà Trung và Nga Sơn.

Tên gọi và địa giới hành chính huyện Nga Sơn được giữ nguyên cho đến ngày nay với huyện lỵ là thị trấn Nga Sơn.

có giá trị kinh tế cao. Trong đó, diện tích cây đậu tương tăng 170 ha, lạc tăng 100 ha, cói tăng 660 ha so với cùng kỳ năm trước. Năm 2002, năng suất cói đạt 81 tạ/ha, sản lượng đạt 27. 729 tấn, tăng 115% so với năm 2001; năng suất lạc đạt 18,3 tạ/ha, sản lượng đạt 2.620,2 tấn, tăng 94,8% so với năm 2001,... Huyện Uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã và bà con nông dân thực hiện quy trình thâm canh lúa, cói, các loại cây trồng và từng bước mở rộng diện tích lúa lai (ở cả hai vụ), lạc lai, ngô lai trên địa bàn toàn huyện.

Đối với lâm nghiệp, mặc dù không phải là huyện vùng cao, nhưng công tác trồng rừng vẫn được coi trọng. Nhờ đó, năm 2002, toàn huyện trồng mới được 65.000 cây phân tán; cải tạo 70 ha vườn tạp; 4 ha rừng tập trung; chuyển 30 ha rừng bạch đàn sang trồng cây ăn quả (chủ yếu tại các khu vực Hoàng Cương, Nga Thiện, Nga Điền, vùng khe Niễn - Nga An).

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi của huyện Nga Sơn những năm qua cũng thu được nhiều kết quả khả quan. Đến nay, huyện đã chỉ đạo tốt đề án cải tạo đàn lợn, đề án chăn nuôi lợn ngoại xuất khẩu. Năm 2002, tổng đàn lợn là 50.941 con (tăng 6,3% so với năm 2001), trong đó đàn lợn nái ngoại có 250 con, tăng 42 con so với năm 2001, tổng lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 4.023 tấn.

Trong chương trình cải tạo đàn lợn, đàn bò, người nông dân đã thực hiện tốt các kỹ thuật mới. Năm 2002, trạm truyền tinh nhân tạo lợn đã tiêu thụ được 3.400 liều tinh, truyền phối tinh viên cải tạo đàn bò được 304, đưa tổng số đàn bò trên toàn huyện lên 6.884 con năm 2002, bằng 100,9% so với năm 2001. Tổng số đàn trâu hiện là 1.458 con, bằng 96,5% so với năm 2001. Mô hình nuôi gia cầm, chủ yếu là chăn nuôi gà cũng phát triển tốt. Trong đó, xã Nga Bạch có 5 trại với tổng số 20.000 con gà đang phát triển tốt là một trong những xã điển hình thành công trong chăn nuôi gà của toàn huyện.

Về thuỷ sản, thực hiện Nghị quyết 02 của Huyện uỷ, Nga Sơn xác định phải đưa ngành thuỷ sản trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn. Nhờ đó, năm 2002, ngành thuỷ sản Nga Sơn đã có bước tăng trưởng nhanh, nuôi trồng thuỷ sản (nước mặn, lợ) tăng 20,7%, nuôi tôm sú tăng 46%, nuôi cua tăng 12,5%, nuôi nước ngọt tăng 2,1% so với năm 2001. Tổng sản

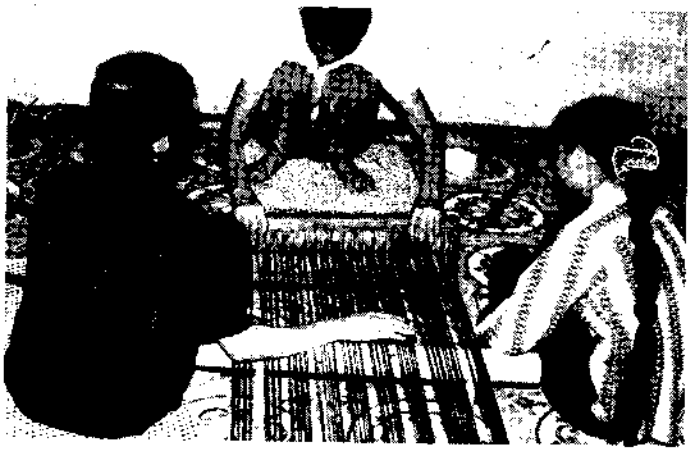

Dệt chiếu xuất khẩu sang Nhật Bản

lượng khai thác và nuôi trồng đạt 2.393 tấn, bằng 95,7% năm 2001. Trong đó, sản lượng khai thác tự nhiên là 1.589 tấn (bằng 90,8% năm 2001), sản lượng nuôi trồng đạt 804 tấn (tăng 7,2 % so với năm 2001). Qua những kết quả thu, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo từng hộ dân phải nâng cao chất lượng giống tôm, đưa và nhân rộng mô hình chăn nuôi các loại con nuôi có giá trị kinh tế cao như cá chim trắng, cá rô phi đơn tính, tôm càng xanh trên địa bàn toàn huyện.

Với ngành tiểu thủ công nghiệp, đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo Nghị quyết 02 và Nghị quyết 04 của Huyện uỷ đã cho thấy sự tăng trưởng rõ rệt trong sản xuất, tạo sự sôi động cho thị trường tiêu thụ hàng cói và các sản phẩm được làm từ cói đang ngày càng phong phú và đa dạng. Các sản phẩm chủ yếu như chiếu chẻ 2.400 nghìn lá, bằng 100,8%; quại cói 19.000 tấn bằng 126,6% so với năm 2001.

Hiệu quả sản xuất - kinh doanh đạt chỉ số khá cao, đời sống của người dân trong huyện dần được ổn định. Số cơ sở, tổ sản xuất mặt hàng cói tăng khá nhanh ở một số xã vùng chiêm, vùng màu. Hiện nay, toàn huyện có 9.600 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, thu hút 13.388 lao động. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo mở rộng cả 3 vùng sản xuất cói. Nhiều xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng tổ sản xuất thu mua các sản phẩm về cói, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, góp phần đưa nghề cói trở thành nghề truyền thống của người dân trong huyện, các sản phẩm cói được tiêu thụ trên mọi miền đất nước.

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng

Cùng với phát triển các ngành kinh tế, đời sống văn hoá, tinh thần của người dân trong huyện từng bước được cải thiện. Trong những năm qua, ngành bưu điện đã cung cấp báo chí kịp thời trong ngày, thông tin liên lạc thông suốt phục vụ tốt cho đời sống kinh tế - xã hội của huyện. Hiện nay, số máy điện thoại được hoà mạng của toàn huyện đạt mức bình quân 2,1 máy/100 dân. Ngoài ra, công tác bưu chính cũng được triển khai tốt như: bưu phẩm, bưu kiện, thư tín.... được chuyển trả kịp thời, nhanh chóng và chính xác.

Phong trào làm đường giao thông nông thôn trên địa bàn có những bước phát triển khá. Số đường làm mới, nâng cấp, kiên cố hoá tăng nhanh, chất lượng khá. Có được kết quả đó là do Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chức năng hướng dẫn cơ sở quy trình kỹ thuật, quy trình lập dự toán, tổ chức tham quan.... nhằm khuyến khích các đơn vị thi đua làm đường giao thông nông thôn. Đến năm 2002, Nga Sơn đã làm mới được 4,3km đường nhựa, 38km đường bê tông, 38km đường đá dăm, 64km đường cấp phối, làm mới và tu sửa 135 cống thoát nước, huy động nhân dân đóng góp hơn 9 tỷ đồng và hơn 30.000 ngày công làm đường giao thông nông thôn. Bên cạnh đó, huyện cũng phối hợp với Khu quản lý đường bộ 4, triển khai thực hiện dự án cải tạo nâng cấp, mở rộng đường 10 đoạn qua Nga Sơn và phối hợp với Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá nâng cấp, duy tu, xây mới nhiều tuyến đường, cây cầu với trị giá hàng trăm triệu

đồng, từ đó tạo nên những huyết mạch giao thông thông suốt trong và ngoài huyện.

Xác định giáo dục - đào tạo là mục tiêu quan trọng hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong đào tạo nguồn nhân lực. Năm 2002, huyện Nga Sơn đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở ... Riêng Trường Chu Văn An được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Trường Ba Đình được tặng cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ.... Bên cạnh đó, Nga Sơn còn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Nhờ đó, đến nay, toàn huyện có 183 giáo viên giỏi cấp huyện, 19 giáo viên giỏi cấp tỉnh, 01 nhà giáo ưu tú... Cơ sở vật chất trường học được tăng cường, trong đó toàn huyện đã có thêm 17 trường học được kiên cố với 144 phòng học, nâng tổng số phòng học kiên cố của toàn huyện lên 51% tổng số phòng học.

Công tác y tế dự phòng thu được những kết quả khả quan. Chương trình tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, tổ chức tập huấn công tác phòng chống sốt xuất huyết, dịch tả cho toàn bộ cán bộ trên phạm vi 27 xã, thị trấn, tiêm chủng mở rộng đạt 98%, uống Vitamin A đạt 100% số cháu trong độ tuổi. Khám, chữa bệnh cho 17.534 lượt người. Do đó, Nga Sơn không có những dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

Các hoạt động văn hoá - thể thao, phong trào xây dựng làng văn hoá, các cơ quan, gia đình văn hoá, gia đình thể thao được đẩy mạnh. An ninh - quốc phòng được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Hàng năm, công tác giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên đạt 100%, hoàn thành 100% các chỉ tiêu khám tuyển, giao quân.

Định hướng phát triển giai đoạn 2005 - 2010

Nắm vững quan điểm: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với từng bước củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, làm cho sản xuất "bung ra đột biến", nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế với những nhiệm vụ chủ yếu được đặt ra: tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.

Về nông nghiệp phấn đấu đến năm 2005 đạt 60.000 tấn và năm 2010 đạt 64.000 tấn lương thực. Chuyển diện tích cấy lúa 1 vụ ở ven sông Hoạt, sông Lèn và đất lúa vùng Hoàng Cương, Chính Đại sang trồng cói. Chuyển một phần diện tích ven đê Ngự Hàm 3 của xã Nga Tân, Nga Thuỷ, Nga Tiến sang nuôi tôm sú. Tập trung hoàn thiện các dự án vùng ven biển để giải quyết nước ngọt cho cói, đi đôi với quá trình thâm canh cói, phấn đấu đến năm 2005 toàn bộ diện tích cói phải được cắt 2 vụ, đưa sản lượng cói tăng 1,5 lần so với năm 2000, đến năm 2010 có 1/3 diện tích cho thu hoạch 3 vụ trong năm.

Lâm nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh phong trào cải tạo vườn tạp thành vườn kinh tế hàng hoá, phát triển thêm một số vùng cây ăn quả tập trung ở vùng đồi núi phía bắc, gắn mô hình trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây ngắn ngày và bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh với phát triển du lịch.

Về chăn nuôi phát triển toàn diện và từng bước chuyển lao động từ trồng trọt sang chăn nuôi, chuyển dần chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi công nghiệp trang trại (năm 2005 có 70% số xã tham gia) với quy mô thích hợp, đủ cung cấp sản phẩm cho thị trường. Phấn đấu đến năm 2005, giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm 30 - 40%, từng bước áp dụng công nghệ trong chăn nuôi và hình thức các trang trại theo chuyên môn hoá. Đối với chăn nuôi bò, phấn đấu năm 2005 đạt 7.000 con, năm 2010 đạt 12.000 con.

Với ngành thuỷ sản, nuôi tôm sú được xem là thế mạnh của huyện, tiềm năng còn rất lớn. Vì thế, mục tiêu đến năm 2005 của huyện là nuôi quảng canh cải tiến trên diện tích 230ha; nuôi tôm bằng phương pháp công nghiệp trên diện tích 40ha. Kết hợp nuôi trồng với khai thác chế biến hải sản, đầu tư phương tiện đánh bắt bán khơi, bán lộng và

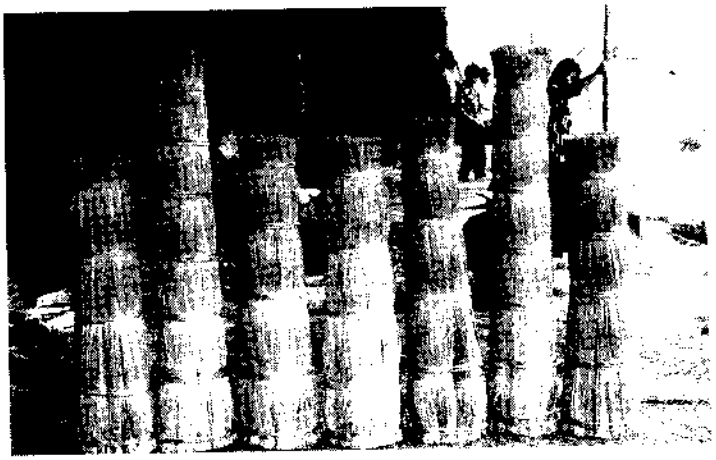

Cói thành phẩm

xa bờ; xây dựng các cụm dịch vụ nghề cá ở Nga Bạch, Nga Thuỷ và khu vực cống Mộng Đường II.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các cấp, các ngành phải tập trung cao cho nhiệm vụ phát triển tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là sản xuất chế biến từ cói. Coi đây là tiềm năng, lợi thế lớn của huyện, là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phấn đấu đến năm 2005, toàn huyện có 70% số hộ và 40% lao động làm thủ công nghiệp, đưa giá trị sản xuất đạt 131 tỷ đồng và đến năm 2010 tăng lên 233 tỷ đồng.

Dịch vụ - thương mại, quy hoạch mạng lưới dịch vụ - thương mại trên địa bàn huyện, gắn sản xuất với dịch vụ thương mại ở các xã, các vùng, kích thích giao lưu hàng hoá thúc đẩy sản xuất - kinh doanh phát triển ở các chợ nông thôn; phấn đấu mỗi xã có 1 - 2 chợ, quy hoạch mở rộng thị trấn, xây dựng các tụ điểm kinh tế ở các xã, các điểm Hói Đào, Điền Hộ, Tư Si, Báo Văn, ngã 5 Hạnh, ngã 3 Dún, cống Mộng Dường, cống T3, Hồ Vương, Ngã Tư Si, Nga Trường, Ba Đình,...

Quy hoạch du lịch Nga Sơn đến năm 2010, tôn tạo, nâng cấp các khu du lịch: động Từ Thức, chùa Tiên, Mai An Tiêm, khu di tích lịch sử văn hoá Ba Đình; kết hợp với việc tìm hiểu truyền thống văn hoá và con người Nga Sơn.

Các ngành kinh tế quan trọng khác, quy hoạch hệ thống điện, đưa ra dự báo nhu cầu tiêu thụ điện cho các giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010 để có kế hoạch cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường điện và hệ thống trạm biến áp, xây dựng mới tuyến đường điện Nga Thanh đi cống T3 Nga Tân để khai thác tiềm năng vùng triều, đẩy mạnh phong trào sử dụng Biogas thay thế năng lượng điện.

Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, phấn đấu đến năm 2005 nâng cấp, kiên cố hoá kênh chính trạm bơm Vực Bà Nga Thắng. Phân cấp quản lý sử dụng kênh đã được bê tông hoá, xây dựng một số đập điều tiết nước,... Phát huy nội lực và kết hợp với những nguồn lực bên ngoài để thực hiện chương trình giao thông nông thôn theo hướng nhựa hoá, bê tông hoá, gạch hoá.

Tập trung đầu tư cho giáo dục đào tạo, đến năm 2005, 100% các xã phổ cập trung học cơ sở, năm 2010, 30% số xã phổ cập trung học phổ thông; củng cố nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề cho người lao động trước hết là thanh niên. Phấn đấu đến năm 2005 có 19% lao động được đào tạo nghề. Mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo của tỉnh và Trung ương để mở các lớp dạy nghề, đào tạo trung học và đại học với những hình thức đào tạo thích hợp,... Đầu tư nâng cấp hệ thống trạm y tế xã, 100% trạm xá có y bác sĩ, 100% số thôn có cán bộ y tế,...

Để tạo được những bước đột phá, hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong thời gian tới, Nga Sơn cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; từng bước hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt hiệu quả cao, góp phần cùng toàn tỉnh đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng Nga Sơn thành một huyện miền biển giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng.

NGA SON DISTRICT

GROWING FROM CONVERSION OF AGRICULTURAL STRUCTURE AND MARITIME ECONOMY

With 20km coastline (inclusive of eight coastal communes), Nga Son District is the fertile tidal area, enjoying strength to develop agricultural and maritime economy. Particularly, rice and sedge are considered as the piers ensuring sustainability of foods security, facilitating agricultural and rural economic restructure. Additionally, strong development has been seen in cultivating, catching and processing of aquatic products and seafood, creating impetus for Nga Son to step forward in the past years.

- **Natural area: 144,95 sq.km**
- **Population: 142,526 (by April 1st 1999)**
- **Administrative structure: one township and 26 communes**
- **Annual economic growth: 9.5%**
- **Economic structure: agriculture: 51.4%, handicraft - capital construction: 19.2%, service - trading: 29.4%**
- **Average per capita food output: 367kg a year**

Nga Son District is located in the north-east pole of Thanh Hoa Province, 42km from Thanh Hoa City, bordering Ninh Binh Province and Bim Son Town in the north and east, Ha Trung District in the west, Hau Loc District in the south. With 20km coastline, the district gains 80m -100m on sea by silts from Hong and Day rivers every year.

Success from economic restructuring

As regard agriculture: Implementing Resolution 02 of the District Party Committee, Nga Son recorded remarkable changes in agricultural and rural economic restructuring. Concurrently it became one of the leading districts in applying science – technical advances and new high-yield crop seeds to production such as hybrid rice and maize varieties, soybeans and peanuts. So far, 80% high-yield hybrid rice has been cultivated, contributing to raising average crop productivity to 5.2 tonnes/ha (reached 11.4 tonnes/ha for two harvests annually). Thus, despite the decreased rice plating area in comparison to the previous year,

Nga Son is the new district formed by encroaching on the sea. The Mai An Tiem legend has it that under the dynasties of Hung Kings, Nga Son was only the offshore island including a range of mountains such as Thiet Giam, Van Son, Van Nham Than Dau, Song Ngu and Chich Tro and the rivers called Hoat, Bao Van and Len. The district has natural land area of 15,617.95 ha. In recent years, Nga Son witnessed rapid economic development with GDP in 1996 – 2000 reached 7.2% a year, an increase of 1.7% over 1990 – 1995. In 2002 alone, average GDP growth achieved 9.5% a year. Annual per capita GDP attained VND 2.94 million, rose 16.2% compared to 2000 and per capita food productivity (converted to rice) gained 367 – 370 kg a year.

Establishment history and names of Nga Son District

Under Han domination, Nga Son belonged to the north-east area of Du Phat District, then to Kien Son District under Luong Quoc of Luong Tan Nam Bac-Trieu time. Entering Tuy dynasty, it was of Long An District, and under Duong reign, of Sung Binh District with unchanged administrative border until the Dinh, Le and Ly dynasties. The Tran and Ho dynasties started to establish Chi Nga District of Ai Canton, then was renamed Nga Giang of Ha Trung District. Until Nguyen dynasty that name was changed to Nga Son District.

After the August Revolution in 1945, that name remained unchanged. In 1977, Ha Trung and Nga Son districts were merged to form Trung Son District, which was split into two districts with their previous names in 1982.

The name and administrative border of Nga Son have been unchanged until now with the district capital being Nga Son town.

total food output in 2002 of the district amounted to 54,000 tonnes, exceeded 4.1% over 2001.

The low-yield rice planting areas have been converted to growing crop plants with high economic efficiency. Of which, increase of planting area for soybeans is 170 ha, peanut 100 ha and sedge 660 ha compared to the same period last year. In 2002, sedge productivity obtained 8.1 tonnes/ha, output accounted for 27,729 tonnes, rose 115% compared to 2001. Peanut productivity attained 1.83 tonnes/ha, output of 2,620.2 tonnes, exceeded 94.8% over 2001. The District Party Committee and People Committee have directed the communes and farmers to implement intensive cultivation of rice, sedge and other crop plants and gradually extended areas for hybrid rice (of both harvests), cross-bred peanut and maize in the locality.

As for forestry, although Nga Son is not the upland district, it still attaches importance to afforestation. Thanks to that, in 2002 the whole district planted 65,000 shade trees, improved 70 ha miscellaneous gardens, 4 ha concentrated forests, shifted 30 ha eucalyptus to planting fruit trees (mainly in Hoang Cuong, Nga Thien Nga Dien areas and Nga An canyon).

In addition to cultivation, animal husbandry of Nga Son in last years also achieved satisfactory results. So far, the district has well implemented the project of improving pig herds and project of rearing imported pigs for exports. In 2002, total pig herds numbered 50,941 heads (increased 6.3% compared to 2001), including 250 imported sow heads, rose 42 sows over 2001, and total 4,023 tonnes of pork (live weight).

In program on improving pig herds and cowherds, the farmers have efficiently applied advanced techniques. In 2002, the artificial insemination station has consumed 3,400 doses of semen, the station's workers have created 304 cows by cross-breeding, raising total cowherds in the entire district to 6,884 heads in 2002, reached 100.9% compared to 2001. Presently, total of buffalo herds numbered 1,458 heads, represented 96.5% in comparison with 2001. The model rearing poultry, especially chickens saw considerable development. Of which, Nga Bach commune with five farms rearing total 20,000 chickens on healthy growth is one of the successful examples in the local chicken husbandry.

In terms of aquaculture, implementing Resolution 02 of the District Party

Committee, Nga Son defines to turn this into the key economic sector. Owning to that, in 2002, aquaculture of Nga Son witnessed speedy growth. Increase in cultivation of aquatic product (in salty and brackish water) was 20.7%, of common tiger prawns 46%, crab 12.5%, and in fresh water 2.1% against 2001. Total exploitation and cultivation output amounted to 2,393 tonnes, representing 95.7% compared to 2001 including natural exploitation of 1,589 tonnes (equalled to 90.8% of 2001) and cultivation of 804 tonnes (rose 7.2% over 2001). The District Party Committee and People's Committee have directed every household to improve shrimp breeding quality, introduce and expand in the locality the model of rearing white pomfrets, unisexual tilapias and green crayfishes, which bring about high economic efficiency.

As regard handicrafts, speeding up the economic restructuring in light with Resolutions No. 02 and 04 of the District Party Committee has shown the remarkable growth in production, boosting consumption market of sedge products with increasingly abundant and varied products. The major products made from sedge such as mats of 2,400 thousand leaves represented 100.8% in comparison with 2001.

High efficiency was recorded in production – business activities, the people' life in the district has gradually become stable and a number of production groups in some communes saw rapid increase. At present, the entire district is home to 9,600 small and medium industrial and handicraft producers, attracting 13,388 labourers. The District Party Committee and People's Committee have conducted to broaden three sedge-producing areas. Many communes have instructed farmers to set up the production groups purchasing sedge products, facilitating production development, contributing to turning sedge-producing craft into the traditional occupation, and helping sedge products to be consumed nation-wide.

Boosting infrastructure development

Along with economic growth, cultural and spiritual life of the district's residents has gradually improved. In recent years, the postal sector has ensured timely delivery of newspapers daily and uninterrupted communication to serve local socio-economic life. Presently, the district achieved 2.1 telephone subscribers per every hundred people. Besides, the postal services such as prompt, fast and precise delivery of mailers, postal parcels and mails have been well carried out.

The movement on constructing rural roads saw healthy development with rapid increase and good quality in the new-built, upgraded and reinforced roads. Those outcomes were attainable thanks to the District Party Committee and People's Committee in directing the functional departments and commissions to instruct technical process, formulate estimate as well as organise the tours to stimulate the units competing in rural transport system accomplishment. By 2002, Nga Son built 4.3 km asphalt, 38 km concrete, 38 km macadam and 64 km lattrite roads, constructed and maintained 135 drains, mobilised more than VND 9 billion and over 30,000 working days for building rural traffic roads. Besides, the district, in co-ordination with Road Management No.4, realised the project of upgrading and extending the phase of road No. 10 through Nga Son, with Thanh Hoa Department of Transports, upgraded, repaired and built many roads and bridges worth hundreds of VND, thereby created the uninterrupted life-lines in and out of the district.

Defining education – training the leading important target that plays the core role in human resource training. In 2002, Nga Son was acknowledged satisfying national standard in universalising prompt education, accomplishing compulsory education for secondary schools... Chu Van An school was granted the certificate of merits by Prime Minister and Ba Dinh school was given the stimulation flag by the Government.

Additionally, Nga Son has also attaches importance to fostering teachers. Thanks to that, so far the entire district has 183 good teachers of district level, 19 teachers of provincial level and one excellent teacher. Infrastructure of the district's schools was intensified with 17 additional schools with 144 classrooms were reinforced, raising total solid classrooms in the whole district to 51% of the total.

Satisfactory outcomes were seen in preventive health care. The programs on propagating food hygiene and secure, environment sanitary, training prevention from dengue fever and cholera for entire cadres were launched in 27 townships, extended inoculation reached 98%. All the children in the district took Vitamin A promptly. Examination and treatment were carried out for 17,534 patients. Hence, no big epidemic was recorded in the locality.

Cultural – sport activities, movement on building cultural villages, institutions and families and sport families have been strongly accelerated. Solidity in national defence and security and stability in social order and safety have been affirmed. Every year, the training political education for the militias and the reserves achieves 100%, all the targets of check-up, recruitment and allotment are accomplished.

Development orientation for 2005 - 2010

Thoroughly grasping the opinion: developing economy is the core task; developing production forces should be with gradually consolidating new production relations, creating "sudden boom" production to speed up economic restructuring with main targets of continuing agricultural growth towards commodity production, solidly ensuring foods security and increasing productivity.

As for agriculture, strive for attaining 60,000 tonnes and 64,000 tonnes of foods in 2005 and 2010 respectively. Convert one-crop rice planting area along the banks of the Hoat and Len rivers and Hoang Cuong and Chinh Dai to growing sedge. Transfer a part of area on the dike edge Ngu Ham 3 of Nga Tan, Nga Thuy, Nga Tien communes to rearing pawns. Focus on completing the coastal projects to provide fresh water for sedge in concurrence with sedge cultivation. Strive for obtaining two-crop sedge in 2005 to raise output by 1.5 times over 2000 and reach three crops for one third areas planting sedge by 2010 a year.

In terms of forestry, continue to boost the movement of transforming miscellaneous gardens into the gardens of commodity economy, extend some areas planting fruit trees in the north hills, attach model of planting forests, fruit trees and seasonal trees and protecting environment to tourism development.

As for livestock breeding, comprehensively develop and step by step transfer labour from farming to animal husbandry, gradually convert traditional breeding to farming breeding (with participation of 70% communes by 2005) at suitable scale, adequately providing products for the market. Strive for 30 - 40% breeding value by 2005, gradually apply technology in breeding and specialised farming model. Struggle to increase cowherds to 7,000 heads and 12,000 heads in 2005 and 2010 respectively.

As regard aquaculture, pawns are considered the strong point of the district with great potentials. Thus, the district's 2005 target is extensive innovated farming in 230 ha, rearing

The workers are operating drying sedge machines imported from China

Training sedge mat knitting occupation in Nga Son District

pawns industrially in 40 ha. Combine seafood breeding with processing, invest in in-shore and offshore fishing means; set up the fishing service complexes at Nga Bach, Nga Thuy and Mong Duong II sewer.

In terms of industry – handicraft, the sectors and institutions should focus on handicraft development, especially on sedge production, consider this as great potentials and advantages speeding up economic restructuring. Strive for 70% households and 40% labourers working in handicrafts, achieve production value of VND 131 billion and increase to VND 233 billion in 2010.

Service – trading: planning trading service network in the locality, attach production to trading service at the communes and areas, stimulate goods exchange, boost production – business development on the rural markets. Strive to set up one to two markets in every commune, plan to enlarge the township, build economic gathering places at the communes and in Hoi Dao, Dien Ho, Tu Si, Bao Van, Hanh cross-road, Dun T-junction, Mong Duong sewer, Ho Vuong, Si intersection, Nga Truong and Ba Dinh.

Plan tourism for Nga Son by 2010, embellish and upgrade the tour sites such as Tu Thuc cavern, Tien Pagoda and Ba Dinh cultural historical interests in co-ordination with learning about Nga Son cultural tradition and people.

Other important economic sectors: plan power system, forecast electricity consumption demand for 2001 - 2005 and 2006 - 2010 in order to prepare plans for improving and upgrading some power lines and transformation station system. Build power line from Nga Thanh to Nga Tan T3 drainage to exploit tideway potentiality, speed up movement of using Biogas instead of power energy.

. Carry on implementation of canal and drainage reinforcement, strive to upgrade and reinforce the main canal from Vuc Ba Nga Thang pumping station. Decentralise administration for the concretised canals and build some dams regulating water. Develop internal forces and combine with the external forces to realise the rural traffic programmes on the direction to asphalt, concrete and brick the roads.

Grant focused investment in education - training to reach compulsory education of secondary schools for 100% communes by 2005 and of high schools for 30% communes by 2010. Strengthen regular education centre, implement vocational training for the labourers, first of whom are young people. Strive to have 19% labourers being benefited from vocational training. Extend connection with the Central and provincial education bases to open the vocational classes and train at high school and university levels with the appropriate forms. Invest in upgrading commune health care system with 100% dispensaries to have doctors and all the villages to have health workers.

To create breakthroughs to complete the set socio-economic targets in the time to come, Nga Son should continue to boost economic restructuring on the direction of industrialisation and modernisation. Gradually complete high-efficient industry – handicraft production system, contribute to the whole province's speeding up economic growth and solving social problems, build Nga Son to the coastal district rich in economy and strong in national defence and security.

HUYỆN TĨNH GIA

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Địa hình bán sơn địa, bao gồm những hang động hoang sơ, vùng đồng bằng và đất bãi ven biển, đường bờ biển dài với những dải cát mịn, cùng quần thể các hòn đảo nhỏ, 3 cửa lạch, 2 cảng biển lớn đã tạo cho Tĩnh Gia tiềm năng và lợi thế "đặc biệt". Những tiềm năng và lợi thế đó cùng với những thành tựu đạt được trong thời kỳ đổi mới đang và sẽ là điểm tựa để Tĩnh Gia vươn mạnh, khẳng định vị thế của mình trong thế kỷ XXI.

Ông Hoàn Bá Hộ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tĩnh Gia

Tĩnh Gia là huyện cực nam của tỉnh Thanh Hoá, phía nam giáp tỉnh Nghệ An, phía đông giáp biển, phía bắc giáp huyện Quảng Xương, phía tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh. Vừa có biển, vừa có núi rừng cùng nhiều danh thắng, huyện Tĩnh Gia có nhiều lợi thế phát triển kinh tế tương đối toàn diện, đặc biệt là phát triển du lịch, công nghiệp và thuỷ, hải sản.

- **Diện tích tự nhiên: 450 km2**
- **Dân số: 220.000 người**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 11%/năm (năm 2002)**

Phát huy những tiềm năng sẵn có

Với tiềm năng biển, đất rừng, trong những năm qua, kinh tế huyện Tĩnh Gia đã có bước phát triển vượt bậc với tốc độ tăng trưởng GDP cao (11% trong năm 2002) và tương đối toàn diện. Có được thành công ấy là do huyện Tĩnh Gia đã thực hiện thành công chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thuỷ sản. Theo đó, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 53,75% trước đây xuống còn 41,5% (năm 2002), tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 18,6% lên 24,5% (năm 2002).

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển khá. Các loại cây lương thực và công nghiệp tăng nhanh cả về diện tích lẫn năng suất. Trong đó, năng suất lúa năm 2002 đạt 40,5 tạ/ha. Đặc

Chính phủ đã phê duyệt định hướng quy hoạch Khu công nghiệp Nam Thanh - Bắc Nghệ (Quyết định số 847/TTg ngày 10-10-1997) với quy mô 1.400 ha trên địa bàn huyện Tĩnh Gia. Đồng thời, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá cũng xác định Tĩnh Gia là một trong bốn vùng động lực lớn của tỉnh.

Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 604/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng đô thị mới Nghi Sơn đến năm 2020. Khu đô thị này có vị trí đặc biệt quan trọng, tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế của huyện Tĩnh Gia, cũng như của tỉnh Thanh Hoá như: sự ra đời của Nhà máy xi măng Nghi Sơn, cảng cá Đảo Mê - Lạch Bạng, cảng Thương mại Nghi Sơn, dự án Liên hiệp Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn,...

Tĩnh Gia qua các thời lịch sử

Huyện Tĩnh Gia có lịch sử lâu đời, thời thuộc Hán là phần đất phía đông nam huyện Cư Phong. Thời Tam Quốc là miền đất tương đương huyện Thường Lạc. Thời Tuỳ - Đường là miền đất tương đương với huyện An Thuận. Thời Đinh, Lê, Lý, giữ nguyên như thời Tuỳ - Đường. Thời Trần - Hồ, huyện Tĩnh Gia bao gồm huyện Cổ Chiến và phía bắc huyện Tĩnh Gia ngày nay, sau đó thuộc huyện Kết Duyệt (hay Kết Thuế - gộp với Quảng Xương ngày nay). Thời thuộc Minh đổi tên thành huyện Cổ Bình. Thời Lê Quang Thuận đổi tên là huyện Ngọc Sơn thuộc phủ Tĩnh Gia (còn gọi là phủ Tĩnh Ninh). Phủ Tĩnh Gia, gồm cả Ngọc Sơn, Nông Cống và Quảng Xương. Thời Nguyễn vẫn giữ nguyên do phủ Tĩnh Gia kiêm lý.

Đến đầu thế kỷ XX, các huyện Nông Cống và huyện Quảng Xương trực thuộc cấp tỉnh, tên huyện Ngọc Sơn không còn mà gọi là phủ Tĩnh Gia trực thuộc tỉnh Thanh Hoá. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đổi phủ thành huyện Tĩnh Gia với 34 xã và 1 thị trấn.

biệt, diện tích cây lạc - cây chủ lực trong sản xuất hàng hoá xuất khẩu - tăng rất nhanh do toàn huyện tập trung thực hiện chiến lược mở rộng diện tích lạc thu, thu đông bằng phương pháp phủ nylon. Nhờ đó, diện tích cây lạc năm 2002 đạt 5.219 ha, tăng 71% so với năm 2000; năng suất bình quân năm 2000 đạt 21,3 tạ/ha, tăng 63% so với năng suất bình quân 3 năm (1997 - 1999).

Chăn nuôi cũng phát triển mạnh nhờ triển khai chương trình sind hoá đàn bò, đưa giống lợn nạc ngoại vào chăn nuôi. Hiện nay, tổng số đàn trâu, bò của toàn huyện là 34.000 con, đàn lợn 85.000 con. Năm 2003, thực hiện chương trình phát triển 300 lợn nái ngoại và đưa giống bò sữa vào chăn nuôi, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi huyện Tĩnh Gia ngày càng cao hơn.

Bờ biển dài 42 km với 3 cửa lạch và hệ thống sông ngòi khá dày đặc, bãi triều rộng lớn đã tạo nên thế mạnh để Tĩnh Gia phát triển thuỷ, hải sản. Do vậy, trong những năm gần đây, kinh tế biển có chuyển biến rõ rệt và thu được kết quả quan trọng cả trong khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề biển. Phương tiện khai thác phát triển theo hướng nâng cao công suất tàu thuyền để khai thác cả vùng lộng, vùng trung và vùng khơi xa. Hiện nay, toàn huyện có 270 tàu thuyền công suất 45CV trở lên, tăng hơn 100 chiếc so với năm 2001. Nhờ đó, tổng sản lượng khai thác trong năm 2002 đạt 9.500 tấn, tăng 1.000 tấn so với năm 2001.

Nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh. Hầu hết diện tích các vùng triều, bãi bồi đều được đưa vào nuôi trồng thuỷ sản với tổng diện tích 1.200 ha, trong đó có 800 ha nuôi quảng canh cải tiến và trên 100 ha nuôi công nghiệp. Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản hàng năm ước đạt trên 1.000 tấn. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành thuỷ sản tăng 6,85% trong giai đoạn 1996 - 2002, đưa tỷ trọng ngành này tăng mạnh trong tổng cơ cấu kinh tế (từ 12,32% năm 1995 lên 14,33% năm 2001). Để đẩy mạnh tốc độ phát triển ngành thuỷ sản, đồng thời khai thác triệt để tiềm năng kinh tế biển, hiện nay, huyện đã bắt đầu đưa vùng cát ven biển vào khai thác để nuôi tôm công nghiệp trên cát.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp được duy trì, ngành nghề được mở rộng, chất lượng sản phẩm từng bước được nâng lên. Một số ngành nghề có tiềm năng, lợi thế được khuyến khích phát triển, hoạt động có hiệu quả như đóng sửa tàu thuyền sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí dân dụng, đồ mộc, chế biến

Chủ tịch Trần Đức Lương về thăm Khu đô thị mới Nghi Sơn

thuỷ, hải sản. Tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2002 ước đạt 29,5 tỷ đồng, tăng 3,9 tỷ đồng so với năm 2001. Tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 8,17% (năm 1996) lên 24,5% (năm 2002). Trong những năm tới, mức tăng trưởng và tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sẽ còn cao hơn khi Khu công nghiệp - đô thị mới Nghi Sơn đi vào hoạt động và các Nhà máy xi măng Nghi Sơn, Liên hiệp Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn và nhiều nhà máy chế biến nông hải sản khác sẽ được xây dựng.

Dịch vụ - thương mại có bước chuyển biến mạnh mẽ. Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển tương đối đa dạng ở tất cả các thành phần kinh tế và trên khắp các vùng, miền trong huyện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Hệ thống chợ cũng góp một phần không nhỏ trong sự tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ, trong đó có những chợ nổi tiếng như: chợ Chào, chợ Kho, chợ Chìa, chợ Công, chợ Du Xuyên,...

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Hệ thống giao thông được chú trọng phát triển. Một số các trục giao thông liên xã được nâng cấp, cứng hoá. Hệ thống thuỷ lợi Yên Mỹ, bao gồm đập chính, kênh chính được nâng cấp, kiên cố hoá. Hầu hết các hồ đập nhỏ được nâng cấp đảm bảo 75% diện tích canh tác chủ động nước tưới. Hệ thống điện lưới được xây dựng đến 34/34 xã, thị trấn với 93,6% số hộ được dùng điện. Hệ thống bưu chính - viễn thông phát triển nhanh, đã có 24/34 xã có trung tâm bưu điện - văn hoá xã, tỷ lệ sử dụng điện thoại đạt 2,2 máy/100 dân.

Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo dục, văn hoá, truyền thanh - truyền hình được tăng cường đáng kể. 100% số trạm xá được mái bằng hoá, ngói hoá, trung tâm y tế huyện được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới với tổng kinh phí hàng chục tỷ đồng.

Văn hoá - xã hội thu được nhiều kết quả đáng mừng

Hoà nhịp cùng với sự đi lên của các ngành kinh tế, văn hoá - xã hội huyện Tĩnh Gia cũng đạt được những kết quả đáng mừng. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc. Theo đó, Tĩnh Gia luôn chú trọng kết hợp vốn đầu tư của Nhà nước với công tác xã hội hoá để đảm bảo cho sự phát triển của ngành giáo dục - đào tạo, văn hoá, y tế, thể dục thể thao, chăm sóc và bảo vệ bà mẹ trẻ em.

Đến nay, đài truyền thanh, truyền hình được lắp đặt hệ thống thu phát với công suất lớn, đồng thời phát triển thêm 1 số trạm thu phát lại ở những địa phương vùng sâu vùng xa. Đề án phát triển mạng lưới truyền thanh cơ sở đang được tích cực triển khai, phấn đấu đến cuối năm 2003, 15 xã xây dựng được trạm truyền thanh. Với Tĩnh Gia, đạt được kết quả này là sự nỗ lực rất lớn của nhân dân địa phương và có sự quan tâm đặc biệt của các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá và các tổ chức quốc tế.

Hệ thống giáo dục - đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông với các loại hình công lập và bán công. Toàn huyện hiện có 3 trường phổ thông trung học, 1 trường trung học bán công, một trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề có đủ khả năng thu hút trên 70% số học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở. Hệ thống các trường học được tầng hoá và ngói hoá với tốc độ nhanh. Trong hai năm 2001 - 2002, toàn huyện đã xây mới 27 trường cao tầng ở 25 xã, thị trấn.

Quy mô các cấp học, ngành học ổn định, chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp học đạt 96%/năm trở lên. Tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng và trung cấp đạt 21 - 25%/năm. Huyện đã hoàn thành sớm công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đang phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.

Mạng lưới y tế được củng cố và tăng cường về cơ sở vật chất, đội ngũ thầy thuốc từ cấp huyện đến cơ sở. Các xã, thị trấn đều có y, bác sỹ, qua đó đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân (1.000 dân có một bác sĩ).

Bên cạnh đó, Tĩnh Gia cũng chú trọng đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, quan tâm đến vùng xa và những vùng còn nhiều khó khăn. Thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các đối tượng chính sách, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (toàn huyện có 99 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng), người có công với cách mạng. Cuộc vận động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa đã thu được gần 1 tỷ đồng. Toàn huyện xây dựng được 120 nhà tình nghĩa, tặng 2.500 sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách; giải quyết việc làm cho 2.500 - 3.000 lao động; hạ tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 14% (theo chuẩn mới), giảm hơn 10% so năm 2000. Do làm tốt chính sách lao động, thương binh, xã hội, huyện Tĩnh Gia đã được Đảng, Nhà nước tặng một Huân chương Lao động hạng Nhất, 2 Huân chương Lao động hạng Hai, 1 Huân chương Lao động hạng Ba. Không những thế, huyện Tĩnh Gia còn được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang (năm 1976), 12 xã được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang, 6 người được phong tặng anh hùng lực lượng vũ trang; ngoài ra còn một số đơn vị khác như: Trạm biên phòng Nghi Sơn, Dân quân Thanh Thuỷ, Bộ đội Đảo Mê cũng được tặng thưởng danh hiệu cao quý đó.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010

Những kết quả đạt được trên các mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh những năm qua là kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện, đã và đang tạo ra thế và lực mới để Tĩnh Gia tiếp tục phát triển, đi lên. Tuy nhiên kết quả đó chỉ là những thành công bước đầu, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của huyện. Để phát triển nhanh và bền vững, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Tĩnh Gia đã xác định:

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh, động viên tối đa các nguồn lực xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; tập trung đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, có lợi thế so sánh; giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đảm bảo ổn định chính trị; tăng cường công tác quốc

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đến năm 2010

(Chưa tính Khu công nghiệp - đô thị mới Nghi Sơn)

- *GDP (giá cố định 1994): 609,7 - 800 tỷ đồng.*
- *Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp: 46,32 - 33,75%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 18,53 - 28,75%; dịch vụ: 32,31 - 37,5%.*
- *Thu nhập bình quân đầu người: 2.675 - 3.150 nghìn đồng/năm (theo giá cố định năm 1994).*
- *Lương thực bình quân đầu người: 255 - 277 kg/năm.*
- *Số lao động có việc làm: 108.662 - 122.500 người.*
- *Số lao động được đào tạo: 18.926 - 21.700 người.*

Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trồng cây lưu niệm tại Nhà máy xi măng Nghi Sơn

phòng an ninh - trật tự an toàn xã hội.

Để đạt được những chỉ tiêu đã đề ra, huyện Tĩnh Gia đã đề ra giải pháp, trong đó tập trung chủ yếu vào những giải pháp chính như:

1) Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế đảm bảo sự phát triển nhanh, toàn diện và bền vững.

2) Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế.

3) Chăm lo phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hoá - xã hội, vì mục tiêu con người và phát triển nguồn lực.

4) Kiện toàn, củng cố, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền.

5) Tiếp tục thực hiện phương châm: phát triển toàn diện, tập trung vào những khâu đột phá; khơi dậy và phát huy nội lực bằng sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng thuận trong xã hội vì sự nghiệp phát triển của huyện.

Trên nền tảng của những thành quả đã đạt được trong những năm vừa qua, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, những nỗ lực của huyện sẽ là nguồn động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, kinh tế du lịch, khai thác - nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, nâng cao dân trí phát triển nguồn nhân lực ngang tầm với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Vì đây là những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, vừa đáp ứng các nhu cầu phát triển trước mắt của Khu công nghiệp Nghi Sơn, vừa là tiền đề thúc đẩy kinh tế huyện phát triển nhanh, mạnh và bền vững trong những năm tới.

Tĩnh Gia - điểm đến mới của du khách

Sự kết hợp hài hòa giữa các cảnh quan biển, đảo, đồng bằng, trung du và miền núi đã tạo cho Tĩnh Gia thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch. Vì vậy, trong những năm qua, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá chủ trương đưa Tĩnh Gia trở thành điểm du lịch mới của Việt Nam nói chung, Thanh Hoá nói riêng.

Đến với Tĩnh Gia, du khách không thể không ghé thăm những địa danh nổi tiếng như: Hòn Bảng, Hòn Biện Sơn, Hòn Mê, núi Ngọc Sơn, núi Am, núi Thề Nguyền, hồ Yên Mỹ, động Trúc Lâm, nhà thờ Bùi Thị Xuân, di tích kiến trúc núi đá nghệ thuật thờ Quận công Lê Đình Châu, nhà thờ xứ Ba Làng xây dựng năm 1893, đền thờ Lương Chí thờ Đào Duy Từ,... Tất cả tạo thành quần thể du lịch vô cùng độc đáo, là sự tổng hoà giữa những cảnh đẹp do thiên nhiên ban tặng cùng các truyền thuyết, dấu tích lịch sử.

Bên cạnh đó, Tĩnh Gia còn có hệ thống giao thông thuận lợi với 40 km đường quốc lộ 1A chạy qua huyện theo chiều dài Bắc - Nam; tuyến đường sắt Bắc - Nam và hệ thống tỉnh lộ nối liền với các huyện và tỉnh bạn; đặc biệt, 3 cửa Lạch với cảng Nghi Sơn, tuyến đường nối cảng Nghi Sơn với đường Hồ Chí Minh cùng hệ thống sông cũng là một thế mạnh để Tĩnh Gia phát triển du lịch.

TINH GIA DISTRICT

ECONOMIC STRUCTURE REFORM AND SOCIO-CULTURAL DEVELOPMENT

Tinh Gia enjoys special geographical potentials and advantages with half-mountain half-plain terrain consisting of deserted caves, plain area, coastal land, a stretching coastline with a smooth sandy stretch together with small islands, three small estuaries and two harbours. Those advantages along with achievements Tinh Gia obtained during the renovation process have been and will be a solid fulcrum for the district to make a rapid progress, affirming its position in the 21th century.

- **Natural area: 450 sq. km**
- **Population: 220.000**
- **Annual economic growth: 11% (2000)**

Tinh Gia is the extreme-southern district of Thanh Hoa, bordering Nghe An Province in the south, East Sea in the east, Quang Xuong District in the north, Nong Cong and Nhu Thanh districts in the west. Accordingly, Tinh Gia has geographical advantage of sea, mountains, and beautiful sports to develop economy in all fields, especially tourism, industry and aquatic foods.

Promote Inherent potentiality

In last years, Tinh Gia economy made rather comprehensive and great progress with high GDP growth (11% in 2000) thanks to sea, forest and land potentials. Those outcomes were attainable owing to Tinh Gia's successful implementation of the policy on crop, livestock and aquatic food transformation. Accordingly, economic structure has positively been changed, agriculture-forestry-fishery proportion decreased from 53.75% previously to 41.5% in 2000, industry - construction proportion increased from 18.6% to 24.5% in 2002.

Agricultural production has made a remarkable progress. Food crops and perennial plants have rapidly increased in terms of area and productivity. Of which, in 2002, rice yield reached 40.5 quintals per hectare. Especially, the area of peanut - the key plant in export- import goods is rapidly expanded thanks to the district's effort to implement the strategy of peanut's area extension in the autumn and autumn-winter crops by the nylon covering method. The peanut area in 2002 therefore reached 5,219 hectares, an increase of 71% over 2000; average productivity in 2000 gained 21.3 quintals per hectare, up 63% over that of 3-year period (1997-1999).

The livestock breeding is also on an increase thanks to the implementation of breeding Red Sind

The orientation on planning 1,400 ha Nam Thanh - Bac Nghe industrial zone in Tinh Gia District was approved by the Vietnamese Government (Decision No 874/TTg dated October 10th 1997), which Thanh Hoa Provincial People's Committee considers as one of the province's four great incentive zones.

Soon after that, Vietnamese Prime Minister issued Decision No 604/QD-TTg approving the master project on building Nghi Son new urban area by 2020. This urban area has an extremely important position, making a great impact on the economic development of Tinh Gia District in particular and of the whole province in general including the building of Nghi Son Cement Plant, Dao Me - Lach Bang fish port, Nghi Son Commercial Port, and Nghi Son petrochemistry refinery combination project.

Tinh Gia history

Tinh Gia has an ancient history. Under Han domination, it was a southeast area of Cu Phong District. It was an equivalent area to Thuong Lac District in the Tam Quoc time (three northern countries) and to An Thuan District under Tuy and Duong dynasties.

It remained unchanged until the Dinh, Ly and Le dynasties. In the period of Tran-Ho regime, it consisted of Co Chien District and a northern part of present Tinh Gia District, then belonged to Ket Duyet District (or Ket Thue, which was integrated into Quang Xuong District nowadays). Under the Minh rule, it was renamed as Co Binh District. In Le Quang Thuan rule, that name was changed to Ngoc Son District of Tinh Gia Province (also called Tinh Ninh Province), which consisted of Ngoc Son, Nong Cong and Quang Xuong and remained a part under administration of Tinh Gia in the Nguyen reign.

Since the beginning of 20th century, Nong Cong and Quang Xuong districts were put under the provincial administration. The name "Ngoc Son" was turned into "Tinh Gia" under Thanh Hoa province. After the August Revolution 1945, Tinh Gia phu is changed into Tinh Gia District with 34 communes and one town

hybrid oxen programme, phasing in imported super-meat pig breeds in livestock breeding. For the time being, the total number of cows and buffaloes and of pigs in the district is 34.000 and 85.000 respectively. In 2003, under implementation of the program of developing 300 imported-breed sows and milk cow breeding, the value of livestock breeding keeps rising.

The long coastline of 42 kilometres with three small estuaries and high-density system of rivers and canals and a large flood plain create a strong force for Tinh Gia to develop aquaculture. Hence, in recent years, Tinh Gia's economy changed remarkably and obtained important achievements in seafood catching, raising, processing and in maritime service. The catching equipment are now modernised with the aim to push the capacity of catching ships and boards to operate in the inshore, offshore and mid sea areas. Presently, in Tinh Gia district, the number of boards at 45CV upward is 270, up 100 over that of 2001. Consequently, the total catch in 2002 reached 9,500 tonnes, an increase of 1,000 tonnes compared to 2001.

Aquatic product breeding has dramatically developed. Most of the flood plains and alluvial soils are used for sea product rearing with the total area of 1,200 hectares, 800 hectares of which applied extensive culture and over 100 hectares applied industrial culture. The annual aquaculture production is expected to exceed 1.000 tonnes. The fishery growth rate increased by 6.85% in the period 1996-2002, pushing the proportion of this sector in economic structure (from 12.32% in 1995 to 14.33% in 2001). To boost the fishery growth as well as fully exploit sea potentials, the district authorities have presently exploited coastal sandy land to rear shrimp industrially.

Production of handicraft has been preserved with expanded occupations and improved product quality. Several potential crafts have been encouraged to develop and operate effectively such as ship repair and building, construction materials production, civil engineering and aquatic food processing. The total handicraft production in 2002 is projected to reach VND29.5 million, an increase of VND3,9

million compared to 2001. The industry and handicraft proportion increased from 8.17% in 1996 to 24.5% in 2002. In the coming years, the industry and handicraft growth proportion will be higher if Nghi Son new urban area comes into operation and Nghi Son Cement Plant, Nghi Son petrochemistry refining combination and many other agricultural and marine product processing factories are built.

Service and trade have also taken a vigorous growth. The trading service activities have been diversified in all economic sectors across the district, meeting better the people's demand on production and living. The market system including the famous markets named Chao, Kho, Chia, Cong, Du Xuyen etc has also greatly contributed to the development of the trade-service sector.

The district's socio-economic infrastructure has been enhanced. An importance has been attached to local transport system development. Several inter-commune transport systems have been reinforced and solidified. Yen My irrigation system (including provincial main dams and dykes) has been upgraded. Most of small dams were upgraded to adequately provide water for 75% of cultivated area. Power grid was built in 34/34 communes and townships, serving 93.6% households. Telecommunication system saw rapid growth with the cultural post offices in 24/34 communes in the district; and the rate of telephone users reached 2.2 sets per every 100 people.

Infrastructure for health care, education, culture and broadcasting and televising sectors have been remarkably enhanced. 100% of medical stations were built with flat roofs and covered with tiles. Tens of billion dong were poured to upgrade and build the district's heath centre.

Ex-General Secretary is planting a memorial tree in Nghi Son cement factory

Satisfactory achievements in socio - culture

Keeping pace with the economic sectors' growth, socio-culture in the district has gained remarkable achievements. The people's living standard has distinctly been improved, creating new image for rural areas. Tinh Gia focuses on State investment capital distribution and social activities to ensure the development of education and culture sector as well as of social aspects, health care, sports, children and women protection and care.

So far, the district's radio and television have been equipped with high capacity transmission systems. Additionally, transmission stations have been installed in remote areas. The district is actively carrying out the project on expansion of broadcasting network, striving to establish broadcasting stations in 15 communes by the end of 2003. This goal can only be attained with great efforts of the local people and special concern of the Central bodies and ministries. Thanh Hoa

provincial Party Committee and People's Committee, and the international organisations.

Tinh Gia education system is relatively comprehensive with all levels from pre-school to senior high schools in the public and semi-public education. There have been now three senior high schools, a semi-public school and a regular education and vocational training centre available to recruit over 70% pupils finished junior high schools. Schools have been covered with tiles and rapidly upgraded to multi-storied buildings. During 2001-2002, 27 multi-storied schools were built in 25 communes and towns. Training scale and occupation have been stable; comprehensive training quality has been gradually improved. The school attendance and completion rate at all levels account for 96% a year. The ratio of students who enter tertiary education level gains 21-25% each year. The district has completed compulsory education for primary schools and is on the way to universalize junior high schools

Health care network has been intensified with improved infrastructure and available health staff from commune to district levels. All the communes have doctors and nurses to effectively provide public primary healthcare service (a doctor serves 1,000 people).

Besides, Tinh Gia has given emphasis on hunger eradication poverty reduction activity and job generation, paid attention to the remote and disadvantaged areas. The district also well implements the gratitude movement, taking care of the social welfare beneficiaries, Vietnamese Heroic Mothers (there are totally 99 Heroic Mothers in the district) and those who has made contributions to the revolution. VND1 trillion was mobilised for fund of gratitude. 120 houses of gratitude have been built and 2.500 saving-books have been given to the families of social welfare beneficiaries. Thanks to effective implementation of the policies on labours, invalids and social affairs, Tinh Gia has been given the one first-class Labour Order, two second-class Labour Orders and one third-class Labour Order. 2,500-3,000 jobs have been created every year. The rate of the poor households dropped to 14%, reduced more than 10% compared to 2000. In 1976, Tinh Gia was entitled Hero of Armed Force. This honour title has also been given to 12 communes, six people and the units including Nghi Son border-guard station, Thanh Thuy militia and Dao Me army force.

Major socio-economic indices by 2010

(Excluding Nghi Son New urban Industrial Zone)

- *GDP (fixed price in 1994): VND609.7 billion - 800 billion;*
- *Economic structure: agro - forestry - fishery: 46.32 - 33.75%; Industry-handicraft: 18.53 - 28.75%; Service: 32.31 - 37.5%;*
- *Annual per capita income 2,675,000-3,150,000 (by fixed price in 1994)*
- *Annual per capita food output: 255 - 277kg;*
- *Job creation: 108,662 - 122,500 people;*
- *Trained labourers: 18,926 - 21,700 people*

Socio-economic development orientation by 2010

The achievements in socio-economy, national defence and security during the last years resulted from endless efforts of district's Party Cell, authorities and local people, creating a new strength for Tinh Gia on the road to development. However, those outcomes are only the initial success, when many potentials in the district have been remained unexplored. To gain rapid and sustainable development, the district's party cell and local people have set out the orientations:

Promote the district's potentials and strength, fully mobilise the social resources

to get high and stable economic growth rate, focus investment on the development of key and comparatively advantaged economic sectors and branches; tackle hot social issues, push back and prevent social evils; keep improving the people's physical and spiritual life; ensure political stability; intensify national defence, security and social order.

To attain the set targets, Tinh Gia has drawn out numerous resolutions, mainly:

1) Keep shifting economic structure toward industrialisation and modernisation to exploit the district's potentials for the rapid, comprehensive and sustainable development.

2) Attach special importance to investment in infrastructure, efficiently exploit the potentials and advantages.

3) Pay attention to quality development and improvement in respect of socio-culture for the aim of people and resources development.

4) Consolidate and raise effectiveness of State administration management at all levels.

5) Carry on the guideline: develop comprehensively, focus on sectors which can make breakthroughs; promote internal forces by the district's solidarity and consensus for the shake of its development cause.

Based on the recently obtained achievements and the leadership of provincial Party committee, People's Council and People's Committee, Tinh Gia will successfully achieve the targets of developing handicraft, tourism, aquaculture, raise the people's intellectual standards in order to promptly fulfill economic growth tasks in new period. Those advantaged sectors can not only meet impending development demand of Nghi Son industrial zone but also be a premise to the district's rapid, strong and sustainable development in the coming years.

Tinh Gia- New destination of tourists

The harmonious combination between sea, island, plain, midland and mountain create a strength for Tinh Gia to develop socio-culture, especially tourism. Therefore, during the last years, Tinh Gia has become a new destination of tourists in Thanh Hoa in particular and in Vietnam in general under the Policy of Thanh Hoa People Council.

Visiting Tinh Gia, tourists have opportunities to see some famous spots such as Hon Bang, Hon Bien Son, Hon Me, Ngoc Son mountain, Am mountain, The Nguyen mountain, Yen My lake, Truc Lam cavern, Bui Thi Xuan church, an architectural rocky mountain heritage with the house of worship of Le Dinh Chau duke, Ba Lang church (built in 1893), Luong Chi and Dao Duy Tu temple... All are in an original and harmonious beauty, making a eco-tourism community out of naturally beautiful spots related to heroic legends and historical vestiges.

Besides, Tinh Gia has a comparatively favourable transport system with 40 km of 1A highway in the north-south, north-south railway and provincial roads linking Thanh Hoa's districts with neighbouring provinces. Especially, 3 small estuaries, Nghi Son port, the road linking Nghi Son port with Ho Chi Minh city and a river system are also Thanh Hoa's advantage in tourism.

HUYỆN THƯỜNG XUÂN

KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Là huyện vùng cao, nằm ở phía tây nam thành phố Thanh Hóa, huyện Thường Xuân được xếp vào hàng khó khăn nhất, nhì tỉnh Thanh Hoá. Thị trấn Thường Xuân là trung tâm kinh tế - văn hóa của huyện, nằm trên đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15A, tỉnh lộ 507. Với vị thế này, Thường Xuân đã trở thành huyện trọng điểm của tỉnh Thanh Hóa về phát triển lâm nghiệp, nơi gặp gỡ giao lưu kinh tế - văn hóa của ba dân tộc Thái, Mường, Kinh.

Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân

Khơi dậy và phát huy những tiềm năng sẵn có

Sau 16 năm đổi mới, kinh tế Thường Xuân đã có những dấu hiệu khởi sắc. Các định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Cơ cấu kinh tế lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tiếp tục khẳng định ưu thế, phát huy tốt những tiềm năng, thế mạnh sẵn có. Trong 5 năm qua, GDP tăng từ 5,6%/năm lên 6,4%/năm, GDP tính theo đầu người tăng từ 1,3 triệu đồng lên 2,6 triệu đồng/người/năm; lương thực bình quân tính theo đầu người (quy thóc) đạt 201 - 234 kg/năm. Trong đó:

Về lâm nghiệp, thực hiện Chương trình 327 và 661 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích trồng rừng tập trung tăng nhanh, đạt 4.299 ha, đưa độ che phủ rừng lên mức 65,5% (năm 2002). Đến nay, Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện và các cấp, ngành xác định đây là ngành sản xuất chính có tính chiến lược, nên sản xuất lâm nghiệp ngày càng phát triển, tạo tiền đề vững chắc cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV. Thực hiện tốt Nghị định số 02/NĐ-CP của Chính phủ về giao đất giao rừng lâu dài cho các thành phần kinh tế, Quyết định số 163/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về chia đất lâm nghiệp bổ sung và chia tách nhóm hộ, đã hạn chế nạn phá rừng, các trang trại, vườn rừng ngày càng được khuyến khích phát triển

Về nông nghiệp: trong 5 năm qua, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 9,6%/năm. Năm 2002, diện tích gieo trồng trên toàn huyện đạt trên 10 nghìn ha, bằng 98,56 % năm 2001. Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 20.113 tấn, tăng 9,9% so với năm 2001. Trong đó, năng suất vụ chiêm xuân

- **Diện tích tự nhiên: 1.105,05 km²**
- **Dân số: 86.109 người (năm 2002)**
- **Đơn vị hành chính: 19 xã và 1 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng GDP: 6,4%/năm**
- **Cơ cấu kinh tế: lâm nghiệp: 40%; nông nghiệp: 30%; dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp: 30%**
- **Bình quân lương thực/người: 234 kg/năm**

Lịch sử hình thành và tên gọi qua các thời kỳ

Thời thuộc Hán là phần đất của huyện Vô Biên và huyện Cư Phong. Từ thời Tam Quốc đến thời Tuỳ là phần đất thuộc huyện Di Phong. Thời Đường là phần đất thuộc huyện Trường Lâm. Thời Đinh - Lê - Lý vẫn giữ nguyên như thời Đường. Thời Trần - Hồ và thuộc Minh gồm hai phần: một phần lớn thuộc huyện Nga Lạc (châu Thanh Hoá); phần còn lại thuộc huyện Nông Cống (châu Cửu Chân). Thời Lê vẫn là miền đất thuộc huyện Nga Lạc và Nông Cống (chưa có châu Thọ Xuân). Thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 18 (năm 1837) mới đặt ra châu Thường Xuân. Quá trình hình thành châu Thường Xuân diễn ra như sau:

- Năm Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835), nhập huyện Thọ Xuân cũ (gồm 2 tổng Mậu Lộc và Quân Nhân) vào châu Lang Chánh. Huyện Thọ Xuân cũ (miền núi) mất tên, xoá đơn vị hành chính (huyện Thọ Xuân cũ không phải là huyện Thọ Xuân ngày nay. Huyện Thọ Xuân ngày nay lúc đó là huyện Lôi Dương)

- Năm Minh Mệnh thứ 18 (năm 1837): tách 2 tổng Mậu Lộc và Quân Nhân (của huyện Thọ Xuân cũ), cộng với tổng Luận Đạm (tức Luận Khê thuộc huyện Lôi Dương), cùng tổng Như Lãng (huyện Nông Cống) để lập thành châu Thường Xuân.

- Năm Tự Đức thứ 3, bỏ tri châu, cho phủ Thọ Xuân kiêm lý.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đổi châu Thường Xuân thành huyện Thường Xuân.

Huyện lỵ: trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, châu lỵ Thường Xuân đóng tại Trịnh Vạn, nay là xã Vạn Xuân. Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến năm 1965, huyện lỵ Thường Xuân chuyển về phố Cửa Đặt. Năm 1966, chuyển về Đồng Mới, nay là thị trấn Thường Xuân.

đạt 35,04 tạ/ha; vụ mùa đạt 35 tạ/ha.

Bên cạnh đó, huyện cũng đã tư vấn, cung ứng 76.825 kg giống lúa mới các loại, 4.266 kg ngô lai, 1.000kg lạc giống mới cho các hộ nông dân. Tổ chức tập huấn cho 22 thôn, bản với 1.330 hộ tham gia, cấp 6.265 trang tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật trồng 87 ha mía thâm canh công nghệ cao cho nông dân các xã vùng thấp. Tổ chức cho 75 hộ nông dân thăm và học tập kỹ thuật trồng giống lạc L08. Nhờ đó, nhiều hộ gia đình đã dần thoát khỏi đói nghèo.

Phát huy tiềm năng thế mạnh của một huyện miền núi, ngành chăn nuôi huyện Thường Xuân những năm qua đã có nhiều tiến bộ rõ rệt. Trong đó, đàn trâu có 20.500 con, đàn bò 4.550, đàn lợn có 27.750 con. Đặc biệt, trong vài năm gần đây, việc cung ứng 1.000 con gà giống Hoa Long Phượng, 170.000 con cá giống nước ngọt, 800 con vịt siêu trứng cho các xã Thọ Thanh, Ngọc Phụng, Luận Khê, Xuân Cẩm đã cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của bà con nơi đây. Thành công này đã góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá có giá trị kinh tế cao.

Kiên cố hoá kênh mương nội đồng đã góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển

Hiện nay, mô hình kinh tế hợp tác xã và trang trại phát

triển khá mạnh do nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện. Đến nay, toàn huyện có khoảng 149 hợp tác xã, trong đó có 4 hợp tác xã kiểu mới, được thành lập theo Nghị quyết 09 của Tỉnh uỷ, hoạt động trong các lĩnh vực: dịch vụ mía, giống lâm nghiệp, dịch vụ việc làm. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân, tính đến hết năm 2001, toàn huyện có 84 trang trại với mức thu nhập bình quân 20,2 triệu đồng/trang trại/năm. Trong đó có 64 trang trại trồng cây hàng năm, 2 trang trại chăn nuôi, 8 trang trại vườn rừng, 7 trang trại nông lâm kết hợp. Các trang trại này đã thu hút và giải quyết công ăn việc làm cho 1.434 lao động.

Về tiểu thủ công nghiệp có những bước phát triển đáng kể với sự tham gia của đông đảo các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, từng bước tiếp cận và thích ứng với cơ chế thị trường. Các làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát mây tre, đan cót đang dần được khôi phục và phát triển đã tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động trong lúc nông nhàn. Tuy nhiên, hoạt động tiểu thủ công nghiệp của huyện vẫn còn nhỏ lẻ. Trong giai đoạn 1996 - 2000, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện đạt 1.906 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 34,2%/năm.

Về dịch vụ - thương mại, mạng lưới thương mại được phân bố hợp lý và đều khắp trên toàn huyện tại các khu vực Đồng Mới, Khe Hạ, Bát Mọt, Lương Sơn, Bù đồn,... Các cơ sở thương nghiệp, các trung tâm xã, cụm xã đã có chợ và các điểm bán hàng, tạo nên mạng lưới thương mại từ huyện đến các xã, tạo dòng chảy trong lưu thông hàng hoá, kích thích nền kinh tế hàng hoá phát triển, cải thiện đời sống nhân dân. Tính đến hết năm 2002, toàn huyện có hơn 400 hộ kinh doanh thương mại và dịch vụ với doanh thu trên 30 tỷ đồng. Tuy nhiên, mặt hàng xuất khẩu của huyện còn khá đơn điệu, chủ yếu là hàng nông lâm sản xuất khẩu thông qua uỷ thác,...

Kết cấu hạ tầng

Cùng với phát triển kinh tế, trong những năm qua, kết cấu hạ tầng cũng được huyện chú trọng đầu tư, góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Thường Xuân phát triển. Trong đó:

Xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình thuỷ lợi là nhiệm vụ hàng đầu, nhằm hướng tới mục tiêu hội nhập và phát triển kinh tế. Bằng nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh, huyện và vốn đóng góp của nhân dân, hàng chục tỷ đồng đã được huy động để thi công xây dựng các công trình phúc lợi như: tu sửa, nâng cấp, làm mới hàng trăm km đường liên thôn, liên xã; 3 tuyến đường chính trong huyện được nâng cấp là: Bái Thượng đi Biên Giới; Tân Thành đi Năm Xuân; Đồng Mới đi Cửa Đặt.

Xác định giáo dục - đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu, giữ vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, thời gian qua, huyện Thường Xuân đã tăng cường đầu tư cho công tác dạy và học, do đó đã thu được những kết quả khả quan. Đến nay, 100% số xã, thị trấn đã có trường trung học phổ thông, trung học cơ sở. Cơ sở vật chất của Trường tiểu học Ngọc Phụng I, Trường tiểu học Xuân Dương đã được xây mới với trị giá 1.049 triệu đồng. Năm học 2001 - 2002, huyện Thường Xuân có 6 trường tiên tiến cấp tỉnh, 20 trường tiên tiến cấp huyện. Chất lượng dạy và học ngày một nâng cao. Trong năm học 2001 - 2002, toàn huyện có 3 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 104 giáo viên giỏi cấp huyện, 60 học sinh giỏi cấp tỉnh, 304 học sinh giỏi cấp huyện. Công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn lực đã được chú trọng nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật,...

Công tác y tế dự phòng thu được nhiều kết quả khả quan. Chương trình tiêm chủng đạt 96% kế hoạch. Chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện với 47,51% số dân được dùng nước sạch.

Mặc dù còn khó khăn, nhưng đến hết năm 2000, toàn huyện đã có 3 nhà bưu điện - văn hoá xã. Số máy điện thoại đăng ký thuê bao cố định đạt 259 máy (3 máy/1.000 dân). Các hoạt động văn hoá - thể thao, phong trào xây dựng các làng văn hoá, cơ quan, gia đình văn hoá, gia đình thể thao được đẩy mạnh.

Việc quản lý điều hành ngân sách đã đáp ứng nhu cầu vốn cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động nguồn vốn cho nhân dân vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, thực hiện có hiệu quả chương trình xoá đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất tăng từ 12% (năm 1996) lên 34,5% (năm 2002).

Công tác chính trị, an ninh - quốc phòng, an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được ổn định. An

ninh biên giới, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế - văn hoá tư tưởng, nhất là an ninh tôn giáo được giữ vững. Trong những năm qua, phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ Tổ quốc phát triển cả về chiều rộng, lẫn chiều sâu. Công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, chống các tệ nạn xã hội được tổ chức thường xuyên, đồng bộ, đảm bảo an toàn xã hội. Số tội phạm và các vụ trọng án giảm, đã thực sự tạo điều kiện cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn phấn đấu, hăng hái thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo.

Định hướng phát triển giai đoạn 2005 - 2010

Nằm trong khu vực rừng phòng hộ quan trọng của Thanh Hoá, thuộc phần lớn rừng đầu nguồn sinh thuỷ sông Chu, một vị trí môi trường sinh thái đặc biệt, nằm trong cụm kinh tế Tây Nam của tỉnh, có đường biên giới quốc gia, huyện Thường Xuân có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh Thanh Hoá. Vì thế, phát huy ý thức tự lực tự cường, khai thác nội lực, tận dụng nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội là nhân tố vô cùng quan trọng trong giai đoạn 2001 - 2010.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, chủ trương của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân là tiếp tục chỉ đạo các ban, ngành thực hiện tốt các dự án đã đầu tư. Với phương châm "phát huy nội lực và tranh thủ sự đầu tư từ bên ngoài" để tiếp nhận và thực hiện các dự án mới theo kế hoạch, hoàn thành tốt 5 chương trình: lương thực, xoá đói giảm nghèo, xây dựng hạ tầng cơ sở, giải quyết việc làm và trồng rừng; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tăng cường phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt những vấn đề xã hội, chống tụt hậu về kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Trong chiến lược phát triển kinh tế, đến năm 2005, Uỷ ban nhân dân huyện đã xây dựng những nhiệm vụ cụ thể qua việc thu hút đầu tư vào nhiều chương trình, dự án quan trọng như: cầu cứng Bái Thượng, dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Chu, khôi phục và sửa chữa nâng cấp tuyến đường từ trung tâm huyện đi biên giới, dự án đường nội huyện, các dự án định canh, định cư, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, Chương trình 135, trung tâm cụm xã Bát Mọt,... tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế nông - lâm nghiệp và nông thôn, từng bước hoàn chỉnh hệ thống sản xuất lâm - nông sinh thái, gắn sinh thái với du lịch.

Về lâm nghiệp, đưa 28.000 ha ở khu vực Xuân Liên vào dự án bảo tồn thiên nhiên. Đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng kinh tế, rừng phòng hộ và rừng đặc sản quế; hình thành vùng nguyên liệu cho chế biến bột giấy; phấn đấu đạt từ 500 đến 700 ha vùng quế xuất khẩu, cơ bản chấm dứt tình trạng khai thác rừng tự nhiên bừa bãi, chọn phương án khai thác rừng hợp lý; tạo mọi điều kiện có thể để nhân dân yên tâm sản xuất - kinh doanh nghề rừng, từng bước hoàn thiện môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2010, trồng mới 2.500 ha rừng tập trung, 600 nghìn cây phân tán, nâng độ che phủ của rừng từ 64% (năm 2000) lên 80% (năm 2010).

Về nông nghiệp, tích cực đưa các loại giống, cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh xây dựng vùng lúa giống cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 2010, sản lượng lương thực đạt 30.333 tấn. Phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm tại 4 xã cụm đường 15; trồng mới 700 - 1.000 ha sắn nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy chế biến sắn tại Như Xuân; tăng diện tích sản lượng cây công nghiệp ngắn ngày có thế mạnh như: mía, lạc, đậu tương,... Riêng diện tích cây mía đạt 2.000 - 2.500 ha vào năm 2005.

Chăn nuôi phát triển theo hướng toàn diện, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao, hướng tới xuất khẩu. Đẩy mạnh công tác áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, chú trọng đầu tư các giống bò lai sind, lợn hướng nạc, giống gia cầm lai bằng phương pháp nuôi thả vườn. Phát triển chăn nuôi theo hướng bán chuyên nghiệp quy mô vừa, lấy hộ gia đình làm cơ sở. Phấn đấu đến năm 2010, đàn trâu đạt 25.000 con, đàn bò đạt 7.000 con, đàn lợn 31.000 con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 1.800 tấn.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, củng cố và tổ chức lại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất khai thác tốt tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng nguồn lao động tại địa phương. Đặc biệt chú ý đến các ngành nghề

truyền thống như chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt thổ cẩm,... Xây dựng nhà máy chế biến sơ chế bột giấy công suất 200 nghìn tấn/năm.

Thương mại - dịch vụ, thực hiện tốt chính sách thương mại miền núi, mở rộng các loại hình kinh doanh, củng cố các chợ trung tâm, các tụ điểm buôn bán, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Tổ chức quản lý thị trường, chống hàng giả, gian lận thương mại, gây mất ổn định về giá cả. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ bao gồm dịch vụ vận tải, vật tư, ngân hàng, bưu điện. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ ở nông thôn, tạo ra nhiều loại dịch vụ tư nhân, dịch vụ tổ hợp.

Đại hội thể dục - thể thao toàn huyện lần thứ IV

Các ngành kinh tế quan trọng khác, hoàn thành chương trình kiên cố hoá nội đồng, xây dựng hồ đập cho 12 xã thuộc Chương trình 135. Phấn đấu đến năm 2010, 100% số xã có điện; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 15%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,88%, phòng chống có hiệu quả các bệnh xã hội như biếu cổ, bệnh phong,...

Để tạo được những bước đột phá, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010, trong thời gian tới, huyện Thường Xuân cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; từng bước hoàn chỉnh hệ thống sản xuất lâm - nông sinh thái đạt hiệu quả cao và gắn bảo vệ sinh thái với phát triển du lịch. Đồng thời, quan tâm đến các vấn đề xã hội, đặc biệt chú trọng đến công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá - xã hội. Phấn đấu tốc độ tăng bình quân GDP đạt mức 8 - 10%/năm, góp phần cùng toàn tỉnh đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng Thường Xuân thành huyện giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng.

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội (2002 - 2010)

	Đơn vị	2002	2003	2005	2010
GDP tăng bình quân	%	6 - 7	7 - 8	8,2	11,2
GDP đầu người	(USD/người)	230	260	300	500
Sản lượng lương thực	Tấn	19.978,6	21.096	27.659	30.333
Bình quân lương thực/người/năm	Kg	234	240	333	357
Tổng thu ngân sách	Triệu đồng	1.564	1.700		
Giảm tỷ lệ sinh	%	0,6	0,6	0,8	0,7
Tỷ lệ hộ đói nghèo	"	47,2	47,1	14	5
Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng	"	33	30	25	10

Nguồn: Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân

THUONG XUAN DISTRICT

ENCOURAGING INVESTMENT TO DEVELOP SOCIO-ECONOMY

As a mountainous district located in the southwest of Thanh Hoa City, Thuong Xuan is one of the poorest districts of Thanh Hoa Province. Thuong Xuan Township is the economic-cultural center of the district, situated on Ho Chi Minh National Road No. 15A, and provincial road 507. With geographic advantages, Thuong Xuan District becomes a key district of Thanh Hoa Province in forestry development and economic-culture exchange clue of the Thai, Muong and Kinh nationalities.

Awaking and developing available potentials

After 16 years of renovation, Thuong Xuan economy has seen many positive signals. The orientations and policies of the State and Party have gone into life, creating premise for the district's socio-economic development. The economic structure of forestry - agriculture - handicraft - service continues to affirm its advantages and fully develop its available strengths. Over the past five years, GDP has increased from 5.6% to 6.4% per year, annual per capita GDP rose from VND1.3 million to VND2.6 million. Annual per capita food output (converted to rice) gained 201-234 kg. Of which:

Regarding forestry, under the implementation of programs 327 and 661 of the Prime Minister, the concentrated afforestation area has rapidly increased, reached 4,299 hectares, lifting forest coverage to 65.5% (in 2002). So far, the district forestry sector has been significantly developing, creating a firm premise for the economic structure transformation pursuant to the 15th District Party Congress Resolution owing to the consideration of the district Party Committee, People's Council and People's Committee and all levels, defining this a strategic production sector. Effectively implementing Decree No 02/ND-CP of the Prime Minister on handing over land and forest to the economic sectors, Decision 163/TTg of the Prime Minister on allocating supplemented forestry land and dividing groups of households, the district has limited deforestation. Its farms and forestry gardens therefore have been encouraged to develop.

- **Natural area: 1,105.65 sq. km**
- **Population: 86,109 (in 2002)**
- **Administrative structure: 19 communes and 1 township**
- **GDP growth rate: 6.4%/year**
- **Economic structure: Forestry: 40%; agriculture: 30%; service-handicraft: 30%**
- **Average per capita food output: 234 kg/year**

As for agriculture, over the past five years, average annual agricultural production value has increased 9.6%. In 2002, total cultivation area in the entire province gained 10 million hectares, equal to 98.56% in 2001. Total foods output (converted to rice) obtained 20,113 tonnes, an increase of 9.9% over 2001, in which productivity of the spring crop and the seasonal crop was 35.04 quintals and 35 quintals per hectare respectively.

In addition, the district also consulted and provided households with 76,825 kg of new rice seeds of variety, 4,266 kg of hybrid maize, 1,000 kg of seed peanuts. Besides, the district organized training courses for 22 small villages with the participation of 1,330 households, provided 6,265 technical document pages, guiding farmers in low areas the method of growing 87 hectares of high technological- intensive sugarcanes. At the same time, the district arranged 75 households to visit and learn the techniques of planting peanut L08. On that basis, many households in the district have been gradually overcoming poverty.

Fully developing its available strengths of a mountainous district, during past years, the husbandry sector of Thuong Xuan District has gained

Thuong Xuan's establishment history and its names over periods

Thuong Xuan District was a part of Vo Bien and Cu Phong districts under Han domination, of Di Phong District from the 3-Kingdoms to Tuy dynasty, and of Truong Lam District under Duong dynasty. Then, it remained unchanged in the Dinh-Le-Ly dynasties. In Tran-Ho dynasties and the time of Minh domination, Thuong Xuan included two sections: a large one belonged to Nga Lac District (Thanh Hoa District), and the remainder was a part of Nong Cong District (Cuu Chau District). In Le dynasty, Thuong Xuan belonged to Nga Lac and Nong Cong (there was no Tho Xuan District at that time). Under Nguyen dynasty - in the 18th Minh Menh year (1837) Thuong Xuan District was established. The establishment process of Thuong Xuan District took place as follows:

- In the Minh Menh's 16th year (1835), Tho Xuan-old district (included Mau Loc and Quan Nhan cantons) was integrated into Lang Chanh District. The name of Tho Xuan old district (mountainous area), which was different with the present Tho Xuan District, was removed. The present Tho Xuan District was Loi Duong District at that time.

- In the Minh Menh's 18th year (1835), the old district of Tho Xuan was divided into Mau Loc and Quan Nhan cantons to integrate with Luan Dam canton (Luan Khe – a part of Loi Duong District) and Nhu Lang canton (Nong Cong District) to establish Thuong Xuan District.

- In 3rd Tu Duc year, the districts were put under the administrative of Tho Xuan District.

- After the August Revolution (1945) previous Thuong Xuan was changed into Thuong Xuan District as presently.

District capital: Before the August Revolution, Thuong Xuan center located in Trinh Van area (now is Van Xuan town). After the August Revolution from 1945 to 1946, Thuong Xuan district capital relocated in Cua Dat Street. In 1966, it moved to Dong Moi, which is now Thuong Xuan township.

significant advances, in which there have been 20,500 buffaloes, 4,550 cows and 27,750 pigs. Especially in recent years, the provision of 1,000 Hoa Long Phuong chickens, 170,000 clean-water fishes, 800 ducks to Tho Thanh, Ngoc Phung, Luan Khe and Xuan Canh communes has considerably improved the life of the local people. These successes have been positively contributing to the process of agricultural structure transformation towards goods production with high economic value.

At present, the model of co-operative and farming economy has been developing strongly thanks to the special attention of the district Party Committee, People's Council and People's Committee. So far, the entire district has about 149 co-operatives including four ones under new models, which established pursuant to Decree No.09 of the provincial People's Committee, operating in the fields of sugarcane services, forestry seeds and job services. According to statistic by the district People's Committee, by the end of 2001, the whole district had 84 farms with annual average income of VND20.2 million per farm inclusive of 64 farms for yearly trees plantation, two for livestock husbandry, eight for afforestation, and seven for agriculture - forestry combination. These farms has attracted and created jobs for 1,434 labourers.

As for handicraft, the district has gained remarkable results with the participation of many enterprises of all economic sectors, gradually approached and adapted to market mechanism. The occupational villages such as brocade weaving, bamboo and rattan knitting, bamboo mat knitting have been gradually restored and developed, creating more jobs for laborers in agricultural leisure. However, the production of the district's handicraft sector has remained at a small scale. In 1996-2000, total production value in the district reached VND1.906 billion; annual average growth rate was 34.2%.

Regarding service - trade, the trading network has been reasonably and widely allocated across the district at Dong Hoi, Khe Ha, Bat Mon, Luong Son and Bu Don areas. Trading areas, the centres of communes and villages have had markets and shops, creating a trading network from the district to communes, making a positive contribution to commodity circulation, accelerating goods economic development and improving the local people's life. By the end of 2002, the entire district had more than 400 households doing trade and service business with revenue of over VND30 billion. However, export items of the district have not been diversified, mainly agro-forestry products exported through middlemen.

Infrastructure

Parallel with economic development, over past years, investment has been channeled to infrastructure, contributing positively to socio-economic development of the district. In which:

Building infrastructure and irrigational works has been of top priority with a view to implementing the target of integration and economic development. With the capital sources of the Central, province, district and people's contributions, tens of billions VND have been mobilised to build welfare works such as: repairing, upgrading and renewing hundreds of kilometres of inter-village and communes roads. Particularly, three main roads in the district that have been upgraded include Bai Thuong to the border, Tan Thanh to Nam Xuan and Dong Moi to Cua Dat.

Defining education and training as the top task, keeping the important role in training human resources, during past time, Thuong Xuan District has increasingly invested in education and gained satisfactory achievements. So far, 100% of towns and communes have secondary schools and high schools. Material facilities of Ngoc Phung I and Xuan Duong primary schools have been newly built with investment of VND1.049 million. In the school year of 2001-2002, Thuong Xuan District has six schools and 20 schools received the good titles at provincial and district level respectively. Teaching and learning quality have been unceasingly enhanced. In 2001-2002 school year, three teachers received the excellent title at provincial level, 104 teachers obtained excellent title at district level. Besides, 60 pupils gained very good pupil title at provincial level and 304 pupils gained this title at district level. Great importance has also been attached to training and fostering human resources with a view to improving the capacities of staff, managers, scientists, and technicians.

Preventive healthcare has made significant progresses. Vaccination program gained 96% of plan. The quality of the local people's life has been improved with 47.51% of population using clean water.

Although facing with many difficulties, by the end of 2000, the entire district had three cultural post offices and 259 telephone subscribers (reaching the rate of three sets per 1,000 people). Cultural-sports activities, the movements of building cultural villages, offices, families and sport families were strengthened.

The efficient budget management of the district has satisfied capital demands for its construction and development. Additionally, the district has enjoyed capital sources to meet the loan demands of the local people to develop production, creating jobs and effectively implementing hunger alleviation and poverty reduction. The rate of needy households borrowing loans to extend production has increased from 12% (in 1996) to 34.5% (in 2002).

Politics, national defense - security and social safety in the district have been stabilised. Bordering, internal, economic-ideological and especially religious security has always been steady maintained. Over past years, the public movements participated in national protection have been developing intensively. The activities of criminal prevention and anti-social evils have been implemented regularly and synchronously, ensuring social safety and order. The rate of crimes and criminal cases have decreased, facilitating the local people in special difficult areas to enthusiastically emulate and endeavor in production activities and strengthen hunger alleviation and poverty reduction.

Development orientations for 2005-2010

Located in important preventive forests of Thanh Hoa Province, majority in the watershed of Chu river - a special ecological environment location - in south-west economic zones of the province, having national borderlines, Thuong Xuan District enjoys very

The opening of building the cultural village in Chieng village - Bordering town Bat Mot

favourable geographical location in the provincial development of socio-economy and national defense - security. Hence, fully developing self-help for self-improvement spirit, exploiting internal strengths and external resources for its socio-economic development are very important factor in 2005-2010.

To successfully accomplish those targets, Thuong Xuan District Party's Committee and People's Committee laid out as a policy to continue directing agencies and sectors to effectively realize the invested projects. With the motto "fully developing internal strengths and making use of external investment resources" to attract and implement new blueprinted projects, efficiently complete five programs: foodstuffs, hunger reduction, infrastructure construction, employment creation and afforestment; continue to restructure economy towards forestry - agriculture - handicraft - services. In addition, strengthening economic development on the basis of solving effectively social problems, avoiding falling behind on economy, improving the local people's life and gradually fulfilling social advance and equitableness are also of top priorities.

In economic development strategy by 2005, the district People's Committee has mapped out concrete tasks through investment attraction in important programs and projects. Those include Bai Thuong bridge construction, preventive afforestation at watershed of Chu river, recover, repair and upgrade of the roads from the district centre to border, inner-district roads building, resettlement projects, malnourished prevention for children and program 135, formulation of Bat Mot commune complex center. Besides, the Committee has also focused its tasks on strengthening forestry - agriculture - handicraft - service structure transformation on the orientation of industrializing and modernizing agro - forestry and rural economy, gradually completing ecological forestry - agriculture production system, attaching ecological condition to tourism.

With respect to forestry, the district will put 28,000 hectares in Xuan Lien area into natural preservation project; strengthening forest regeneration, growing economic, preventive and special cinnamon forests. Besides, the district will form material areas for pulp processing, concurrently attempt to gain from 500 to 700 hectares of cinnamon export area, radically stopping rash exploitation of natural forests, selecting reasonable forest exploitation method. The district will also pay special attention to facilitate the local people in forestry business, gradually completing ecological environment, striving to plant 2,500 hectares of concentrated forests, 600,000 dispersed trees by 2010, raising the forest coverage from 64% in 2000 to 80% in 2010.

In terms of agriculture, new high-productivity seeds, trees, livestock breeds and updated science - technology will actively be put into production. Additionally, the district will speed up establishment of rice seed areas for the farmers; strive to gain foods output of 30,333 tonnes by 2010, develop mulberry growing and silkworm breeding in four communes of complex 15; grow 700-1,000 hectares of cassava materials to provide Cassava Processing Factory in Nhu Xuan. The area of growing potential seasonable crops such as sugarcane, peanut and soybeans will be expanded, in which the area of sugarcane will be 2,000 - 2,500 hectares in 2005.

Livestock breeding will be developed to make products with high economic value and for export. Additionally, applying science - technological advances in husbandry will be boosted; importance will be attached to investing in hybridized cows, porker pigs, hybridized poultry animals by garden breeding method. Besides, breeding will be developed on the direction of medium-size semi-profession based on the households. The district is striving to have 25,000 buffaloes, 7,000 cows, 31,000 pigs and porker output of 1,800 tonnes by 2010.

In terms of industry-handicraft, the district will

Xuan Chinh secondary school built by capital source of program 135

attach importance to consolidating and reorganizing handicraft production workshops, strengthening material facilities to effectively exploit natural resources, enhancing quality of the district's labor force. Moreover, special attention will be paid to traditional occupations such as agro-forestry processing, construction material producing, brocade weaving, and building pulp processing factory with the annual capacity of 200,000 tonnes.

Regarding trade-service, Thuong Xuan District will focus on implementing trading policy in mountainous areas, expanding business forms, consolidating markets in the centres and trading places, meeting the inhabitants' consumption demands, especially essential goods. Attention will be paid to market management, struggle against counterfeit goods and commercial fraudulence that cause unstable prices. Developing various kinds of services including transport, materials, banking and post office services, encouraging economic sectors to invest in the development of services in the rural areas to create many private and general services will be of importance.

As for the other important economic sectors, the district is intend to complete rice fields reinforcement programs, build dams for 12 communes subjects to program 135, strive to provide 100% of communes with electricity by 2010, decrease the rate of malnourished children under 5-year old to 15% and population growth rate to 0.88%; social diseases like leprosy and goitre will be prevented effectively.

To make breakthroughs, complete socio-economic targets in 2001-2005 and 2006-2010, in coming times, Thuong Xuan District should continue to accelerate the economic restructuring towards industrialization and modernization; gradually complete the system of ecological forestry-agriculture production with high efficiency, concurrently attach ecological protection to tourism development. In addition, the district needs to pay attention to solving social problems, especially to alleviating hunger and reducing poverty, creating jobs for labourers and speeding up the socialization of socio-cultural activities. The district is striving to reach annual average GDP growth rate of 8-10%, together with the entire province accelerating economic growth rate, solving social problems, making Thuong Xuan become a wealthy and powerful district.

Socio-economic Indices (2002-2010)

	Unit	2002	2003	2005	2010
Average GDP growth rate	%	6-7	7-8	8.2	11.2
Per capita GDP	USD/capital	230	260	300	500
Food output	Tonne	19,978.6	21,096	27,659	30,333
Annual per capita food output	Kg	234	240	333	357
Turnover	VND million	1,564	1,700		
Birth rate	%	0.6	0.6	0.8	0.7
Rate of needy households	%	47.2	47.1	14	5
Rate of malnourished children	%	33	30	25	10

Source: Thuong Xuan District People's Committee

HUYỆN HÀ TRUNG

VƯỢT KHÓ ĐI LÊN

Là một vùng đồng chiêm trũng, chịu nhiều thiên tai, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, cùng những chủ trương đúng đắn của Huyện uỷ và đặc biệt là sự cố gắng, nỗ lực vượt khó, khai thác tốt những tiềm năng sẵn có, trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội huyện Hà Trung đã có bước phát triển nhanh, mạnh. Các ngành kinh tế tiếp tục ổn định và phát triển mạnh mẽ, văn hoá - xã hội có nhiều khởi sắc, nhất là trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Dọc theo quốc lộ 1A, qua thị xã Bỉm Sơn, sẽ tới Hà Trung - huyện phía bắc tỉnh Thanh Hoá. Huyện Hà Trung, phía bắc giáp thị xã Bỉm Sơn và tỉnh Ninh Bình, phía nam giáp huyện Hậu Lộc, phía tây giáp huyện Thạch Thành và huyện Vĩnh Lộc, phía đông giáp huyện Nga Sơn. Cũng như nhiều vùng đất của Việt Nam, Hà Trung có một truyền thống lịch sử lâu đời với những di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng như: quần thể lăng miếu triều Nguyễn, Ly cung nhà Hồ, chùa Long Cảm, chùa Ban Phúc, đền Hàn Sơn,... Những di tích đó không chỉ góp phần làm đẹp cho vùng đất Hà Trung, mà còn là tiềm năng phát triển du lịch - văn hoá. Ngoài ra, do cấu tạo địa hình với hơn 40% diện tích là đồi, núi đá, Hà Trung có thế mạnh phát triển ngành khai thác, chế biến vật liệu xây dựng. Hệ thống giao thông thuỷ, bộ đều thuận tiện với quốc lộ 1A và đường sắt Bắc- Nam chạy qua và hệ thống sông Lèn, sông Tống, sông Hoạt, sông Chiếu Bạch... Đây là lợi thế giúp Hà Trung giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước cũng như với khu vực và thế giới.

Khơi dậy những tiềm năng

Trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hà Trung đã chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, đưa kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, quốc phòng - an ninh được giữ vững. GDP tăng trưởng nhanh: từ 6,7% (năm 1996) lên 12% (năm 2002), đời sống nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, thu nhập bình quân đạt 200 USD/người (năm 2002).

Về nông - lâm - ngư nghiệp: huyện Hà Trung đã tập trung đầu tư xây dựng hệ thống công trình thuỷ lợi như đê, kè, cống,... nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra. Nhờ vậy, diện tích gieo trồng tăng nhanh, từ 11.400 ha (năm 1996) lên 16.443 ha (năm 2002). Đặc biệt, những năm gần đây, huyện Hà Trung đã mở rộng sản xuất vụ đông trên đất 2 lúa trên 210 ha, đạt kết quả tốt.

Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hà Trung

Nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, huyện đã mạnh dạn chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu mùa vụ theo hướng tăng nhanh diện tích xuân muộn (40%) và mùa sớm (40%), chỉnh lịch thời vụ sớm hơn 10 - 15 ngày so với toàn tỉnh; bố trí cơ cấu giống lúa có năng suất cao, chủ yếu như X20 , X21, Xi23,... Nhờ vậy, năm 2002, năng suất lúa đạt 44,15 tạ/ha, tăng 7,8% so với năm 1996; sản lượng đạt 57.911 tấn, tăng gấp 2,4 lần so với năm 1996; lương thực bình quân đầu người đạt gần 500 kg/người/năm, góp phần ổn định và giữ vững an ninh lương thực.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả cũng được huyện quan tâm đầu

- **Diện tích tự nhiên: 244,02km²**
- **Dân số: 119.926 người (tính đến 1-4-1999)**
- **Đơn vị hành chính: 1 thị trấn và 24 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế (năm 2002): 12%**
- **GDP tính theo đầu người (năm 2002): 200 USD**

Những mốc lịch sử hình thành huyện Hà Trung

Huyện Hà Trung được hình thành từ rất sớm, là một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam: Thời thuộc Hán là miền đất thuộc huyện Dư Phát. Thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc triều là miền đất thuộc huyện Kiến Sơ. Thời Tuỳ - Đường là miền đất thuộc huyện Nhật Nam và một phần thuộc huyện Sùng Bình. Thời Đinh - Lê - Lý, địa giới giữ nguyên như thời Đường. Thời Trần - Hồ, huyện Hà Trung thuộc châu Ái, trấn Thanh Đô; phần đất phía Bắc huyện Hà Trung ngày nay nằm trong huyện Tống Giang, thuộc châu Ái. Thời thuộc Minh là phần đất chủ yếu của huyện Tống Giang. Thời Lê đổi Tống Giang thành Tống Sơn và đặt phủ Hà Trung gồm 4 huyện (Tống Sơn, Hoằng Hoá, Hậu Lộc, Nga Sơn). Trong đó, huyện Tống Sơn là huyện Hà Trung ngày nay. Thời Nguyễn, huyện Tống Sơn do phủ Hà Trung kiêm lý (vào năm Minh Mệnh thứ 19 - năm 1838). Tống Sơn là đất xuất tích của triều Nguyễn. Năm Gia Long thứ 3, Tống Sơn được gọi là quý huyện, Gia Miêu được gọi là quý hương. Về sau, huyện Tống Sơn được đổi thành phủ Hà Trung.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phủ Hà Trung được đổi thành huyện Hà Trung. Năm 1977, sáp nhập hai huyện Hà Trung và Nga Sơn thành huyện Trung Sơn. Năm 1982, lại tách thành hai huyện như trước đây và lấy lại tên huyện Hà Trung, tách một phần đất của huyện để thành lập thị xã Bỉm Sơn, trực thuộc tỉnh.

tư phát triển, đặc biệt là cây mía và cây thuốc lá. Tổng diện tích mía trên toàn huyện năm 2002 đạt 925ha, tăng 85% so với năm 1996, năng suất đạt 55 tấn/ha. Diện tích cây thuốc lá năm 2002 là 37,5ha, tăng 46,6% so với năm 1996. Ngoài ra, các loại cây công nghiệp khác như: lạc, vừng, dâu, cói cũng phát triển mạnh. Diện tích trồng cây ăn quả đạt trên 600 ha, chủ yếu là vải, nhãn, na dai, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên, một trong những thành tích lớn nhất mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hà Trung đã đạt được, đó là việc chuyển đổi thành công những vùng đất trũng trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thuỷ sản theo mô hình sản xuất kết hợp lúa - cá, lúa - tôm. Trong đó, mô hình cá - lúa đã mang lại thu nhập 25 - 30 triệu đồng/ha/năm, tăng 8 - 10 triệu đồng so với trồng lúa. Hiện nay, toàn huyện có trên 150 ha sản xuất theo mô hình kết hợp lúa - cá, 25 ha theo mô hình lúa - tôm đạt kết quả tốt. Trong lĩnh vực chăn nuôi, huyện đã tập trung phát triển những con nuôi có thế mạnh như bò, dê, lợn, vịt,... với tốc độ tăng trưởng bình quân 10 - 15%/năm.

Là một huyện có diện tích đất lâm nghiệp chiếm 1/3 tổng quỹ đất, Hà Trung có điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp. Theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện Hà Trung, đến nay, toàn huyện đã thực hiện xong công tác giao đất, giao rừng cho người dân, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác trồng cây, phủ xanh đất trống, đồi trọc trên địa bàn huyện. Công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng cũng được nhân dân huyện Hà Trung quan tâm. Năm 2002, Hà Trung đã hoàn thành kế hoạch trồng 100ha rừng theo dự án 661 và trên 900 nghìn cây phân tán, chủ yếu là cây ăn quả và cây bóng mát.

Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển mạnh do huyện có tiềm năng về phát triển sản xuất vật liệu xây dựng như phụ gia xi măng, đá ốp lát các loại (đá thạch anh, đá Granit,...). Đây cũng chính là nguồn cung cấp nguyên liệu lớn cho các nhà máy xi măng trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, Hà Trung còn được đánh giá là huyện có hệ thống đất sét rất phù hợp cho ngành sản xuất gạch ngói và gốm. Trong những năm vừa qua, để khai thác tiềm năng này, huyện đã quy hoạch 2 cụm công

Nuôi trồng thuỷ sản – hướng phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao

nghiệp làng nghề, trong đó Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã phê duyệt dự án cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong.

Đồng thời, để thu hút đầu tư, Hà Trung luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Nhờ đó, trong 2 năm 2001 - 2002, toàn huyện đã thu hút được 14 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh vào sản xuất - kinh doanh trên địa bàn. Một số ngành nghề mới được đưa vào sản xuất như xe lõi cói, nuôi tằm, tăm hương,... thu hút gần 800 lao động, với thu nhập bình quân từ 15 - 20 nghìn đồng/người/ngày, đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Tuy nhiên, hiện nay, tốc độ phát triển của ngành công nghiệp huyện Hà Trung vẫn chưa xứng với tiềm năng vốn có, tỷ trọng trong GDP chưa cao.

Với hệ thống giao thông thuận lợi, lại là huyện nằm trong vùng động lực phía bắc của tỉnh (Bỉm Sơn - Thạch Thành), ***ngành dịch vụ - thương mại*** của huyện Hà Trung có những bước phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng tương đối cao trong GDP (năm 2002, chiếm 32,2%). Trong những năm qua, các hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển tương đối đa dạng và phong phú, đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Hiện nay, toàn huyện có 1.525 cơ sở dịch vụ thương nghiệp và 447 cơ sở dịch vụ vận tải, với trên 2.600 lao động tham gia. Với lợi thế đường thuỷ sông Lèn, Hà Trung đã phát triển mạnh về vận tải đường thuỷ, kinh doanh than, luồng, nứa, cát, sỏi đem lại thu nhập cao.

Hơn nữa, với bề dày lịch sử, cùng nhiều đền, chùa đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia và cấp tỉnh, Hà Trung có tiềm năng phát triển văn hoá - du lịch. Đặc biệt, trong những năm qua, được sự quan tâm hỗ trợ của tỉnh, nhiều di tích lịch sử - văn hoá đã được tôn tạo, tạo điều kiện cho Hà Trung phát triển du lịch, văn hoá, đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ - thương mại lên một tầm cao mới.

Đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo tiền đề phát triển bền vững

Cùng với phát triển kinh tế, trong những năm qua, Hà Trung cũng rất quan tâm đến phát triển kết cấu hạ tầng. Trong đó:

Về xây dựng cơ bản: nhiều công trình, dự án được hình thành, chủ yếu tập trung vào các trục giao thông và thuỷ lợi. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện, hiện nay, hệ thống giao thông liên xã trên địa bàn huyện đã được nhựa hoá 70%, các tuyến đường còn lại đã được cấp phối. Tốc độ đô thị hoá được đẩy nhanh, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc. Không những thế, trong những năm qua, các công trình thuỷ lợi luôn được huyện quan tâm đầu tư đúng mức. Đến nay, nhiều công trình lớn đã được khởi công xây dựng và đưa vào sử dụng như: đê, kè Hà Hải; kè Hà Sơn; cấp phối đê Hà Lâm; hệ thống đập Hà Tân, Hà Lĩnh,... Một số dự án lớn đang thực hiện như dự án tiêu thoát lũ sông Hoạt, hệ thống tiêu Cống Phủ...

Hoạt động ***bưu chính - viễn thông*** được đẩy mạnh và mở rộng, đưa mật độ máy điện thoại lên 1,3 máy/100 dân; nâng tổng số điểm bưu điện - văn hoá xã lên 23/24 xã, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Giáo dục - đào tạo là lĩnh vực thu được nhiều kết quả khả quan, đặc biệt là công tác cải tiến phương pháp dạy và học, phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Hiện nay, toàn huyện hiện có 129 giáo viên đạt giỏi cấp huyện, 26 giáo viên đạt giỏi cấp tỉnh và 1 giáo viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú. Số học sinh giỏi các cấp tăng liên tục qua các năm (riêng năm 2002 có 239 học sinh đạt giỏi cấp tỉnh, tăng 47% so với năm 2001); gần 500 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng; tỷ lệ học sinh vào phổ thông trung học đạt 70%. Đồng thời, huyện đã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 24/25 xã, thị trấn đạt phổ cập trung học cơ sở. Cùng với nâng cao chất lượng dạy và học, cơ sở vật chất của các trường học cũng được quan tâm đầu tư nâng cấp và xây mới (hiện số trường học kiên cố và cao tầng chiếm 40%). Đến nay, 11 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Riêng Trường phổ thông trung học Hà Trung được đánh giá là trường đứng thứ hai trong khối các trường phổ thông trung học cấp huyện của tỉnh

Hoạt động ***văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao*** ngày càng phát triển rộng khắp, nhất là ở các làng văn hoá. Trong những năm gần đây, Hà Trung đã khôi phục và phát triển nền văn hoá - văn nghệ dân gian và các lễ hội truyền thống, khôi phục và phát triển loại hình nghệ thuật ca trù. Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá từng bước được chú trọng cả về chất, lẫn lượng. Đến nay, toàn huyện đã khai trương xây dựng 62 làng văn hoá, chiếm 40% tổng số làng trên địa bàn huyện. Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh về quy mô, chất lượng và đồng đều, kể cả khối cơ quan và các xã, thị trấn. Vì vậy, Hà Trung được coi là một trong những huyện có

Một số di tích lịch sử văn hoá

Khu lăng miếu Triệu Tường ở làng Gia Miêu, xã Hà Long, di tích của dòng họ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng và các công thần triều Nguyễn trên một phần đất của Gia Miêu nội và Gia Miêu ngoại. Khu lăng miếu Triệu Tường xưa có thành bao bọc, chiếm một vùng rộng lớn, bao bọc xung quanh là núi non trùng điệp, có rừng lim đại ngàn và khe suối chảy qua.

Khu lăng miếu Triệu Tường có nhiều đền miếu như: miếu thờ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng; miếu Tướng quốc công thờ Nguyễn Hoằng Dự; lăng Trường Nguyên dựng ở trong núi Triệu Tường, nơi cất mộ Nguyễn Kim; đền thờ Nguyễn Uông. Ngày nay, khu lăng miếu Triệu Tường chỉ còn dấu vết trên nền đất. Dấu xưa còn lại là đình làng Gia Miêu đã được tôn tạo và được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là di tích quốc gia.

Ly cung nhà Hồ được họ Hồ xây cất tại làng Đại Lại (Kim Âu); còn gọi là cung Bảo Thanh hay cung Kim Âu (nay là xã Hà Đông).

Ngoài ra, huyện Hà Trung còn có các đền chùa nổi tiếng khác như: chùa Khổng Lộ, do Thái tổ Gia dụ Hoàng đế Nguyễn Hoàng xây dựng (1558 - 1613); chùa Khánh Quang ở xã Trạch Lâm, do bà Nguyễn Thị Ngọc Tú con gái của Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng, chính phi của Thanh Đô vương Trịnh Tráng xây dựng vào thế kỷ thứ XVII; chùa Linh Xứng ở phía nam núi Ngưỡng Sơn thuộc xã Hà Ngọc do Thái uý Lý Thường Kiệt cho xây dựng trong 4 năm (1085 - 1089) khi ông còn giữ chức Tổng trấn Thanh Hoá; điện thờ Lý Thường Kiệt ở xã Hà Ngọc.

phong trào thể dục thể thao mạnh của tỉnh. Hàng năm, huyện đều có vận động viên tham gia đội tuyển của tỉnh và đạt kết quả cao. Đặc biệt tại SEAGAME 21, vận động viên của huyện trong đội tuyển quốc gia đã đạt huy chương vàng môn Pencátxilát.

Công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được quan tâm đứng mức, đặc biệt là hoạt động y tế dự phòng. Nhờ triển khai tích cực các biện pháp tuyên truyền, phòng chống bệnh nên trong nhiều năm liền Hà Trung không để xảy ra dịch bệnh, không những thế còn đạt được một số chỉ tiêu quan trọng như: 100% phụ nữ có thai được chăm sóc y tế, tiêm phòng uốn ván, 100% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm phòng viêm não Nhật Bản miễn phí. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp; tinh thần, thái độ phục vụ và chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Các phong trào đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, vệ sinh lao động, vệ sinh học đường cũng được phát động thường xuyên. Nhờ đó, Hà Tân đã trở thành xã đầu tiên trên địa bàn tỉnh được công nhận là đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững và củng cố. Các lực lượng quân đội, công an hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần cùng các ngành, các cấp thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện đã đề ra.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Trong những năm tới, Hà Trung phấn đấu giữ vững ổn định chính trị, phát huy nội lực, nêu cao truyền thống anh hùng của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang; tiếp tục công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng; xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh. Phấn đấu xây dựng huyện giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để đạt được những mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong thời gian tới, huyện Hà Trung sẽ tập trung chỉ đạo phát triển mạnh kinh tế, trọng tâm là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống.

Giống lúa lai được đưa vào gieo cấy đã góp phần đưa năng suất lúa đạt 44,15 tạ/ha

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đến năm 2005

- *GDP tăng bình quân: 9 - 10%/năm.*
- *GDP bình quân đầu người đến năm 2005: 350 - 400 USD.*
- *Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp 45%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 20%, dịch vụ - thương mại 35%.*
- *Bình quân lương thực đầu người: trên 500 kg/năm.*
- *Thu nhập bình quân/ha canh tác: 25 triệu đồng/ha/năm.*
- *Hàng năm, giảm 2 - 3% hộ nghèo và giải quyết việc làm cho trên 2.000 lao động.*

Về nông nghiệp, mở rộng sản xuất vụ đông, phấn đấu tăng diện tích vụ đông lên mức 1.500 ha, trong đó diện tích đất 2 lúa là 500 ha; phát triển mạnh nuôi trồng thuỷ sản những nơi cấy lúa kém hiệu quả với diện tích 500 - 1.000 ha, theo mô hình lúa - cá, lúa - tôm; tập trung quy hoạch phát triển kinh tế trang trại cả đất nông nghiệp và lâm nghiệp, góp phần giải quyết tốt vấn đề lao động - việc làm; đẩy mạnh chương trình chăn nuôi những con có thế mạnh như bò, lợn, vịt, dê, trong đó chú trọng đến chương trình bò lai sind, lợn hướng nạc.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hoàn thiện cụm công nghiệp làng nghề tại xã Hà Phong với tổng diện tích 7,0 ha; tiếp tục xây dựng các cụm làng nghề tại các xã, trước mắt là Hà Tân, Hà Lĩnh; quản lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên trên địa bàn huyện.

Tăng cường xây dựng ***kết cấu hạ tầng*** như giao thông, điện, thông tin liên lạc,... phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, huyện đang đề nghị tỉnh, Bộ Giao thông - Vận tải cho xây dựng cảng Đò Lèn.

Về thương mại - dịch vụ, tập trung xây dựng các tụ điểm kinh tế, các trung tâm thương mại, nâng cao hệ thống chợ hiện có; tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động thương mại - dịch vụ.

Về văn hoá - xã hội, tập trung xây dựng trường chuẩn quốc gia, xã chuẩn quốc gia về y tế; đẩy mạnh phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá; tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử - văn hoá, gắn văn hoá với phát triển du lịch; đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm.

Thường xuyên chú trọng công tác huấn luyện quốc phòng; xây dựng cơ sở vững mạnh, an toàn làm chủ; xây dựng phòng tuyến an ninh nhân dân, tổ chức đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội, đảm bảo giữ vững quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị.

Có thể nói, những thành quả đạt được trong những năm qua đã thể hiện tinh thần vượt khó đi lên, đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hà Trung. Phát huy những thành quả đã đạt được, cùng với sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, huyện Hà Trung sẽ thực hiện thắng lợi những phương hướng và mục tiêu mà Đại hội Đảng các cấp đề ra.

HA TRUNG DISTRICT

GROWING FROM DIFFICULTIES

Ha Trung is the sunken area, suffers from a number of natural disasters. However, under the conduct of the Provincial Party Committee, People's Council and People Committee in parallel with the right policies by the District's Party Committee and especially the great efforts to overcome difficulties and exploit the available potentials, in recent years, Ha Trung witnessed rapid and strong development. The economic sectors are continuing to stably and stormy developed, socio- cultural aspect saw prosperity, particularly in education and training sector.

Along National Highway 1A through Bim Son Town, we will arrive in Ha Trung - the northern district of Thanh Hoa Province. It borders Bim Son Town and Ninh Binh Province in the north, Hau Loc District in the south, Thach Thanh District and Vinh Loc District in the west and Nga Son District in the east. Alike other lands of Vietnam, Ha Trung has long-standing tradition with the famous cultural historical interests such as royal tombs and temples of Nguyen dynasty, Ly palace of Ho dynasty, Long Cam and Ban Phuc pagodas and Han Son temple. Those vestiges have not only contributed to making Ha Trung beautiful but also been the potentials for cultural - tourism development. Besides, with the topography of more than 40% areas of hills and stony mountains, Ha Trung is strong in

- **Natural area: 244.02 sq.km**
- **Population: 119,926 (by April 01st 1999)**
- **Administrative structure: one township and 24 communes**
- **Annual economic growth (2002): 12%**
- **Average per capita income in 2002: US$ 200**

developing exploitation and processing of construction materials. The district's convenient water and road traffic systems with national highway 1A and north - south rail way and the system of Len, Tong, Hoat and Chieu Bach rivers have been the advantages facilitating Ha Trung's exchanges with the other provinces nation-wide as well as with the region and the world.

Arousing potentialities

In recent years, Ha Trung District's Committee of the Party and the people have unanimously joint efforts to overcome all the difficulties, achieving constant socio-economic development, sustainable national defence and security. GDP of the district was speedy increased, from 6.7% in 1996 to 12% in 2002. The people living standard has gradually been stabilised and improved with annual per capita average income of US$ 200 in 2002.

In terms of agro - forestry - fishery, the district has focused investment in building irrigation system such as dikes, drainage etc with a view to minimise damages caused by natural disasters. Thanks to that, the crop areas were extended rapidly, from 11,400 ha in 1996 to 16,443 ha in 2002. Particularly in last years, Ha Trung has expanded winter crop in two-harvest rice cultivation in 210 ha and gained satisfactory results.

To mitigate damages by natural disasters, the district has boldly conducted crop restructuring on the direction of increasing areas for late spring crop (40%) and early summer - autumn crop (40%), adjusting harvest calendar 10 - 15 days earlier than the whole province, planting high-yield rice varieties such as X20, X21, Xi23. Owning to that, in 2002, rice yield reached 4,415 tonnes/ha, exceeded 7.8%

Establishment milestones of the district

Ha Trung was found very early, being the cradle of Vietnamese nation.

It belonged to Du Phat District under the Han domination, to Kien So District in the time of Tam Quoc - Luong Tan - Nam Bac Trieu, and to a part of Sung Binh District under Tuy - Duong reigns. Its geographic border remained unchanged until the Dinh - Le - Ly dynasties. Under Tran - Ho rules, it was of Ai Canton, Thanh Do region, the north area of present Ha Trung was situated in Tong Giang District of Ai Canton, then became the main area of Tong Giang under Minh domination. The Le dynasty renamed Tong Giang into Tong Son and established Ha Trung canton from four districts (Tong Son, Hoang Hoa, Hau Loc and Nga Son), of which, Tong Son was Ha Trung District nowadays. In the Nguyen time, Tong Son was under management of Ha Trung canton (in Minh Menh year 19th). Tong Son was the place where Nguyen dynasty originated. In the 3rd Gia Long year, Tong Son was called the noble district, Gia Mieu was called the noble homeland. Later on, Tong Son District was renamed Ha Trung and remained that name after the August Revolution 1945 succeeded. In 1977, Ha Trung and Nga Son districts were merged into Trung Son District, then split again in 1982 as previously. A part of the district's area was separated to form provincial-governed Bim Son town.

over 1996, productivity achieved 57,711 tonnes, increased 2.4 times compared to 1996, per capita food output reached 500 kg a year, contributing to stabilising and maintaining food security.

Along with boosting food production, due investment has also been granted to developing industrial and fruit trees, especially sugarcanes and tobacco-plants. Total sugarcane areas in the entire district in 2002 amounted to 925 ha, rose 85% compared to 1996, productivity obtained 55 tons/ha. Tobacco planting areas in 2002 accounted for 37.5 ha, increased 46.6% over 1996. Additionally, the other industrial trees such as peanut, sesame, mulberry, sedge have also been strongly developed. Areas for growing fruit trees exceeded 600 ha, mainly of which litchi, longan and custard-apple have achieved high economic efficiency.

One of the greatest outcomes of the district's Committee of the Party, authorities and people is the successful conversion of low-yield sunken rice planting areas to cultivating aquatic products under the models of combining rice - fish, rice - shrimp. Of which, the model fish - rice has brought about income of VND 25 - 30 million per hectare a year, attained VND 8 - 10 million more than planting rice. Presently, the entire district has effectively cultivated in over 150 ha under the rice - fish production model and 25 ha under rice - shrimp model. As for livestock breeding, Ha Trung has focused on developing such animals as cows, goats, pigs and ducks, which have been considered as its strong point, with annual average growth of 10 - 15%.

With forestry land representing one-third of the total areas, Ha Trung enjoys favourable condition to develop forestry. According to the statistics of the district's People's Committee, so far the entire district has accomplished forest allocation for the residents, contributing to heightening efficiency of planting, covering land and bare hills with green trees in the locality. Forest care, protection and expansion have

Cultural historical interests

Trieu Tuong royal tombs and temples were built at Gia Mieu village of Ha Long commune, the vestiges of Nguyen Kim, Nguyen Hoang, and the meritorious official under Nguyen dynasty were located in a part of inner Gia Mieu and outer Gia Mieu. Trieu Tuong royal tombs and temples previously were surrounded by the ramparts, occupied a large area, which were enclosed by endless mountains, immense ironwood forest and stream.

Those included a number of temples and shrines such as temple worshipping Nguyen Kim and Nguyen Hoang, royal temple worshipping Nguyen Hoang Du, mausoleum Truong Nguyen in Trieu Tuong mountain, where kept Nguyen Kim tomb, and temple Nguyen Uong. Presently, Trieu Tuong royal tomb and temple area has remained only the traces in the ground. The remained old vestige was the Gia Mieu communal house, which was embellished and been ranked national vestiges by Ministry of Culture and Information.

Li place of Ho dynasty was built at Dai Lai village (Kim Au), also called Bao Thanh or Kim Au palace (Ha Dong commune nowadays).

Besides, Ha Trung also has other famous pagodas and temples. The Khong Lo Pagoda, built by Nguyen Hoang (1558 - 1613), a founder of a dynasty; Khanh Quang pagoda in Trach Lam commune that was built in 17th century by Nguyen Thi Ngoc Tu, the girl of prince Nguyen Hoang and legal queen of Thanh Do king Trinh Trang. Linh Xung pagoda in the south of Nguong Son mountain of Ha Ngoc commune, constructed by high-ranking mandarin Ly Thuong Kiet during four years (1085 - 1089) when he hold the position of Thanh Hoa governor. Shrine worshipping Ly Thuong Kiet was situated at Ha Ngoc commune.

also earned due attention of Ha Trung inhabitants. In 2002, the district completed plantation of 100 ha forest in line with the project 661 and more than 900,000 trees, major of which were fruit and shadow trees.

Industry - handicraft also witnessed strong development in recent years. With 40% area of hills and mountains, Ha Trung possesses potentials and advantages in developing construction material production such as additive cements and varied ashlar paving stones (quartz and granitz stones). Those are the big materials supplying resources for the cement factories in and out of the province. Besides, Ha Trung is regarded as the district with clay resource suitable to brick and ceramic production. To exploit those potentialities, during the past years the district has planned two craft village complexes (of which Ha Phong complex project has been obtained approval of Thanh Hoa provincial People's Committee).

Concurrently, to lure investment, Ha Trung always facilitates the enterprises' production - business. The district attracted 14 enterprises inside and outside the province to carry out production - business in the locality in 2001 - 2002. However, growth rate of the district's industry has not yet been corresponding to the available potentials, representing low proportion in GDP. Some new crafts have been introduced into production such as twining sedge cores, rearing silkworms and making aromatic toothpicks, creating jobs for 800 labourers with average per capita income of VND 15 - 20,000 per day, contributing to solving many urgent social problems.

With favourable transport system, lying in the north motive area of the province (Bim Son - Thach Thanh), the district's ***trading - service*** saw speedy development with relatively high proportion in GDP (eg. 32.2% in 2002). In last years, trading - service activities witnessed diverse and plentiful development, satisfying demand on production and consumption of the society. Today, the district is home to 1,525 trading - service establishments and 447 transport service establishments with more than 2,600 labourers. Advantage in Len river waterway helps Ha Trung rapidly develop water transport, trade in bamboo of varied kinds, sands and gravel, bringing about high income to the labourers.

Moreover, with the long-standing history and a number of temples and pagodas at national and provincial cultural historical grades, Ha Trung is potential in cultural - tourism development. Lately, under the supports of the province, many cultural historical interests have been embellished, creating favourable conditions for Ha Trung to develop tourism, culture and speed up trading - service to the new height.

Rice - fish model has contributed to improving the farmers' life.

Investing in infrastructure, creating premise for sustainable development

Parallel with economic growth, in recent year Ha Trung has also paid attention to infrastructure, of which:

As for capital construction: a number of projects were formulated, mainly focused on transport and irrigation systems. According to the statistics of the district's People' Committee, at present, 70% of the inter-commune transport system in the locality was spread with asphalt, the remaining were absolutely reinforced. Urbanisation speed has been fast accelerated, rural image has become prosperous day after day. Furthermore, in last years, Ha Trung always attached an importance to building irrigation works. So far, a number of large-scale works have been initiated and put into operation such as embanked dykes of Ha Hai, Ha Son Ha Lam and the dams Ha Tan and Ha Linh. Some big proj-

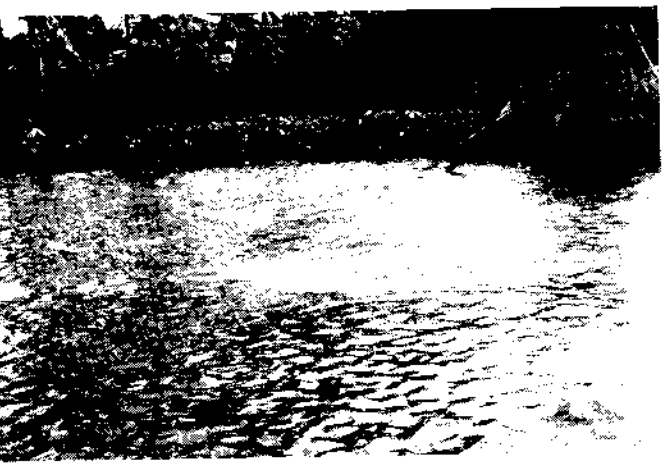

Rearing aquatic products – development orientation with high economic efficiency

ects are under implementation like drainage of Hoat river spate and Cong Phu drainage.

Posts and telecommunications have been intensified and expanded, lifting density of telephone service to 1.3 sets for every 100 people, raising total cultural post offices to 23/24 communes, contributing to improving living standard for the people.

Education - training is the sector attaining satisfactory performances, especially in renovating teaching and studying methods, launching movement on good teaching, good studying competition. At present, the entire district has 129 good teachers at district level, 26 good teachers at provincial level and one teacher deserved "Excellent Teacher" appellation. Number of good pupils at different grades sees year-on-year increase (in 2002 alone there were 239 good pupils at provincial level, rose 47% compared to 2001). Nearly 500 pupils passed entrance examinations to the universities and colleges and 70% entered high schools. Simultaneously, the district was acknowledged as accomplishment of compulsory education for primary schools at right age and for secondary schools in 24/25 communes and townships. Along with improvement of teaching and learning quality, investment has also been granted to upgrading and building schools' infrastructure (the solid and multi-storied schools now represents 40% of the total). So far, 11 primary schools satisfy national standard. Ha Trung high school is assessed the second among the high schools at district level in the province.

Cultural - art and sport activities has been increasingly expanded, especially in the cultural villages. In last years, Ha Trung has recovered and developed folklore culture - art and the traditional festivals, particularly Ca Tru (ceremonial song). The importance has been gradually attached to quality and quantity of the movement on setting up cultural villages and families. Up to now the entire district has built 62 cultural villages, amounted to 40% of the total district's villages. Sport movement has been strongly developed day by day in both scale and quality, synchronously in the institutions and communes, townships. Hence, Ha Trung is considered one of the districts with strong sport movement in the province. Every year, the district has athletes participating in the provincial team with high achievements. Specifically at SEA Games 21, the district's athlete in the national team won golden medal in Pencatxilat.

Community health care and protection earned due attention, especially preventive health care. Thanks to active implementation of propaganda measures in disease protection, in consecutive years, Ha Trung recorded now epidemics and attained some important indices such as 100% pregnant women benefited from prenatal check-up and inoculation against tetanus, 100% under-year-old children were inoculated against Japan encephalitis free-of-charge. Owning to the strengthened and developed basic medical network, Ha Trung became the first district in the province being acknowledged satisfying Health care National standard with upgraded infrastructure, improved serving attitude and quality of treatment and examination, effectively ensuring the cause of people' health care. The movements on keeping environment sanitary, food secure, labour hygiene and school hygiene have been regularly launched.

Sustainability and consolidation have been ensured in national defence and security. The military and police forces have completed the entrusted tasks, together with the sectors and branches making contribution to successfully implement the targets set by the Provincial Committee of the Party, People' Council and People' Committee.

Major economic indices

- *Annual average GDP growth: 9 - 10%*
- *Average per capita GDP by 2005: US$ 350 - 340*
- *Economic structure: agro - forestry - fishery: 45%, industry - handicraft: 20%, trade - service: 35%*
- *Average per capita food output: more than 500 kg a year*
- *Annual average income: VND 25 million/ha*
- *Decreasing 2 - 3% poor households a year and generating employment for more than 2,000 labourers.*

Socio - economic orientation by 2005

In coming years, Ha Trung is striving to maintain stable politics, develop internal forces, raise heroic tradition of the district's Party Committee, people and armed forces, carrying on renovation cause, developing economy towards industrialisation and modernisation. The district should tightly attach the task of developing social economy to strengthening national defence and security, bring the people' ownership into play, struggle against red tape and corruption, build strong Party, administration, Father Front and the organisations. It is required to strive for building Ha Trung into the rich and powerful district with fair, democratic and civilised society.

To make the above-mentioned socio - economic targets attainable, Ha Trung in the time to come will focus instruction on stormy economic development, the core of which will be economic, crop and seed restructuring

In terms of agriculture, it will broaden winter crop production, strive for increasing winter crop to 1,500 ha, of which two-crop rice area will be 500 ha; robustly develop aquatic products cultivation in 500 - 1,000 ha low-yield areas under the model of rice - fish and rice - shrimp. The district will concentrate on planning of agriculture and forestry land for farming economic development, contribute to solve the labour - employment issues, speed up program of breeding the animals of strong points such as cows, pigs, ducks, goats, of which importance should be attached to sind-cows and supper-meat pigs.

As regard industry - handicraft, it is necessary to complete craft village complexes at Ha Phong commune with total area of 7 ha, continue to set up the vocational village complexes at the communes, first of all at Ha Tan and Ha Tinh; effectively manage and exploit the district's material resources.

Intensifying infrastructure construction such as traffic, power and communication serving socio - economic development is of essentiality. Presently, the district requests the provincial authorities and Ministry of Transport for permission to build Do Len port.

Regarding trade and services concentrating on the establishment of economic rendezvous, trade centres, improving the existing marketing system, reinforcing the management of trade and services.

Regarding socio – culture, the district will focus on building national standardised schools and communes in health care; strengthen the movement on setting up cultural villages and families; embellish and restore the cultural – historical vestiges, attach culture to tourism development; speed up hunger elimination and poverty reduction process, create employment.

Regularly attaching special importance to drilling national defence and security; building strong, safe and self-mastered bases; setting up the people security defence lines, efficiently struggling against the crimes and social evils, ensuring national defence and security and political sustainability are essential.

It can be said that, the performances Ha Trung achieved in last years have expressed the will of overcoming difficulties, spirit of solidarity and great endeavours of its Party Committee, authorities and people. Bringing the attained outcomes into play, under the consideration and conduct of the provincial Party Committee and People's Committee, Ha Trung District will successfully implement the orientations and targets set forth by the Party Conference of different levels.

LÂM TRƯỜNG HÀ TRUNG

XÃ HỘI HOÁ NGHỀ RỪNG

Trong thời gian qua, Lâm trường Hà Trung đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc đẩy nhanh tiến trình xã hội hoá nghề rừng. Thực hiện chủ trương của Đảng, lâm trường đã giao khoán đất trồng rừng lâu dài và cung cấp các dịch vụ đến từng hộ gia đình, góp phần cải thiện đáng kể đời sống của cán bộ, công nhân viên. Tuy nhiên, tập thể cán bộ và kỹ sư lâm trường vẫn đang trăn trở tìm lời giải cho bài toán phát huy kinh tế lâm nghiệp, đưa kinh tế rừng huyện Hà Trung đi vào sản xuất ổn định.

Lâm trường Hà Trung được giao nhiệm vụ quản lý 4.200ha đất lâm nghiệp, trong đó đất của lâm trường chiếm 1.815ha, còn lại là đất của các hộ nông dân trong huyện Hà Trung tham gia dự án 661 do lâm trường quản lý. Đến nay, diện tích đất có rừng là 3.200ha với các loại cây chủ yếu là thông, keo, sở, sến.... còn lại là đất trống giao cho các hộ nông dân trồng và quản lý theo chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (Chương trình 327, 661 nhằm tái tạo 5 triệu ha rừng).

Khu nhà làm việc của Lâm trường Hà Trung

Thực hiện mục tiêu xã hội hoá lâm nghiệp

Thời gian dài trước đây, với tính chất trồng rừng theo sự chỉ đạo tập trung của Nhà nước, diện tích rừng trồng của huyện Hà Trung tăng không đáng kể. Nhưng từ khi Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương giao đất, giao rừng và thực hiện các dự án 327, 661, Lâm trường Hà Trung được giao nhiệm vụ làm chủ các dự án và được hỗ trợ vốn ngân sách để trồng và bảo vệ rừng. Lâm trường đã tập trung thực hiện việc khoán quản đến từng hộ, hướng dẫn quy trình, quy phạm, kỹ thuật trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khách....

Với phương thức giao khoán rừng trồng đến các hộ dân, thực hiện xã hội hoá lâm nghiệp, trong những năm gần đây, Lâm trường Hà Trung đã đưa diện tích rừng trồng mới lên hàng nghìn ha, giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho hơn 700 hộ, hiệu quả kinh tế đồi rừng tăng lên rõ rệt. Bên cạnh đó, Lâm trường Hà Trung còn thực hiện tốt vai trò là trung tâm khoa học kỹ thuật lâm nghiệp, là đơn vị nòng cốt trong việc tổ chức sản xuất - kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện.

Thúc đẩy kinh tế đồi rừng phát triển ổn định

Đó không chỉ là niềm trăn trở của đội ngũ cán bộ, kỹ sư, mà còn là nguyện vọng của tập thể công nhân viên lâm trường. Hiện nay, diện tích rừng được giao

Hiện nay, Lâm trường Hà Trung đang làm chủ dự án "Khu bảo tồn thiên nhiên rừng sến Tam Quy" với tổng diện tích 349ha. Nằm trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia, tuy diện tích không lớn, nhưng lại là khu rừng có giá trị về bảo tồn nguồn gen, môi trường sinh thái và nghiên cứu khoa học (lá Sến làm thuốc chữa bỏng cung cấp cho quân đội). Dự án này được tiến hành thực hiện trong khoảng thời gian 4 năm (2002 - 2006) với mục tiêu lớn nhất là bảo tồn loài Sến, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngoài ra, nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, gần quốc lộ 1A, Khu bảo tồn thiên nhiên rừng sến Tam Quy là địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, hứa hẹn tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.

đến mỗi hộ gia đình của lâm trường vẫn ở mức thấp (10 - 15ha/hộ). Các hộ dân đã chủ động sản xuất - kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại, vườn rừng, nông - lâm kết hợp. Tuy quỹ đất còn hạn chế, nhưng Lâm trường Hà Trung đã dành 50ha chia cho 50 hộ để trồng cây nông nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi, hình thành mô hình trang trại VAC.R, mỗi năm cho thu nhập bình quân 5 - 7 triệu đồng/hộ. Đây là một giải pháp "kích cầu" có tính sáng tạo và năng động của cán bộ Lâm trường Hà Trung, tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ rừng và phát triển kinh tế đồi rừng trên địa bàn huyện.

Hiện nay, tại Lâm trường Hà Trung, những diện tích trồng rừng theo dự án 327 đã đến lúc phải tỉa thưa, nhưng cán bộ nơi đây vẫn băn khoăn trong việc khai thác nguồn lợi này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/QĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, diện tích trồng thông trong vòng 20 - 40 năm mới cho khai thác nhựa, song dự báo cho thấy: năng suất thu hoạch nhựa thông chỉ đạt 3 - 5kg nhựa/cây/năm. Thực tế này khiến cán bộ lâm trường ngày đêm trăn trở để tìm ra giải pháp công nghệ đột phá từ khâu giống. Thêm vào đó, Lâm trường Hà Trung còn là một điểm giống quốc gia. Vì thế, để nâng cao chất lượng và hiệu quả trồng rừng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lâm trường đang chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ trong công tác nhân tạo giống tại chỗ; xây dựng hệ thống vườn ươm công nghiệp, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô và râm hom để tạo các giống mới, giống quý hiếm chất lượng cao.... Trên cơ sở đó, phát huy vai trò nòng cốt trong dịch vụ vật tư giống, hướng dẫn kỹ thuật đến người trồng rừng.

Đến Hà Trung hôm nay, chúng ta được đắm mình trong bầu không khí trong lành, được chiêm ngưỡng phong cảnh núi rừng khoáng đạt với những cánh rừng thông chạy dài hút tầm mắt. Rừng đã không phụ công người, rừng bao bọc và đem đến niềm hạnh phúc cho mỗi gia đình, đồng thời mở ra hướng đầu tư mới về du lịch sinh thái, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hà Trung những năm tiếp theo.

HA TRUNG PLANTATION

FORESTRY SOCIALISATION

In recent years, Ha Trung Plantation has made positive contribution to speeding up the process of forestry socialisation. To implement the Vietnamese Communist Party's policy, it has contracted the permanent plantation land and delivered service to each household, contributing considerably to improve the living standard of its officials and workers. However, plantation staff is now pondering to find the solutions to promote and stabilise Ha Trung forestry economy.

Ha Trung Plantation is entrusted to manage 4,200 hectares of forestry, of which 1,815 hectares belong to the plantation and the remaining areas are the participation of the local households in the project 661 under administration of the plantation. So far, forestland area is totally 3,200 ha with main trees such as pines, keo, so, sen (some other kind of ironwoods). The other uncovered area has been contracted with households to afforest and manage under the programs 327 and 661 on afforestation of uncovered lands and bear hills to reforest 5 hectares of land.

Attaining forestry socialisation target

During a long time previously, under the centralised management of the Vietnamese Government, Ha Trung district saw modest increase in man-made forest area. However, since the Party and State formulated the policy to contract forest and land to households and implement the projects 327 and 661, Ha Trung Plantation has been in charge of management of those projects, forest plantation and protection with support of the State budget. The plantation emphasizes in afforestation contraction, instruction on process, norm and technique of forest

For the time being, Ha Trung Plantation is managing the project "Tam Quy Sen forest nature preservation zone" with the total area of 349 hectares. Among national special-used forests, despite having small area, it is a valuable forest in genetic conservation, ecological environment and science research (Sen leaves can be used for burn treatment in the army). This project will be operated in 4-year period 2002-2006 with the biggest aim of preserving Sen, contributing to environmental protection. In addition, having the geographically favourable location, bordering highway IA, "Tam Quy Sen forest nature preservation zone" is lucrative destination for local and foreign investors, having potentials for eco-tourism development.

plantation, classification and protection as well as technology transfer and other services.

With afforestation contraction method and forestry socialisation implementation, in recent years, Ha Trung Plantation has increased the afforestation land area up to thousands of hectares, creating more jobs and stable income for over 700 households. Forest production effectiveness is distinctly increasing. Furthermore, the plantation has successfully played a role of a science-technology centre - a key unit in management of forestry production and business, technical service and product consumption in the district area.

Promoting stable forest production development

This is not only the concern of the officials and engineers but also the aspiration of the workers in Ha Trung Plantation. Presently, the contracted forestland area stands at relatively low level (10-15 hectares/household). The households have been actively carried out their production - business under the production model of farming - garden and agro-forestry combination. Despite limited land area, Ha Trung Plantation has allocated 50 hectares to 50 households for agricultural trees, fruit trees and animal husbandry under the model VAC.R, bringing about annual average income of VND 5-7 million per household. This is a "demand boosting", creative and dynamic solution of the plantation's staff to make a positive change in the forest protection and development in the district area.

The nursery garden of Ha Trung Plantation

Presently, in Ha Trung Plantation, it is time to prune the afforestation area under the project 327. However the plantation's officials are worried about the exploitation of these resources as the Ministry of Agriculture and Rural Development has not issued the circular to instruct the implementation of Decision No.178 of Vietnamese Government. In addition, pine can only produce resin in 20-40 years but annual pine yield can only reach 3-5 kg resins a tree as forecasted. This reality makes the plantation's officials pondered day and night to find the technological solutions to create breakthroughs from selecting the seeds upwards. Additionally, Ha Trung Plantation is a national seed provision centre. Therefore, to improve the afforestation quality and effectiveness toward industrialisation and modernisation, the plantation is emphasizing on technological renovation investment in multiplying on-site seeds, establishing the system of nursery gardens and applying technology in transplantation to create new high –value and precious seeds... Based on that, the key role of Ha Trung Plantation in delivery of seed service and technical assistance has been developed.

Today, coming to Ha Trung, we wallow in a fresh air and can have a chance to admire vast mountainous landscape with the endlessly spreading pine forest. Forest is worthy of the people's care, protecting and bringing happiness to every family as well as opening a new investment orientation in eco-tourism, making a contribution to Ha Trung's socio-economic development in coming years.

HUYỆN NGỌC LẶC

ĐI LÊN TỪ TIỀM NĂNG THẾ MẠNH CỦA MỘT HUYỆN MIỀN NÚI

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá XX, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện luôn đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước nhằm khơi dậy tiềm năng, tính sáng tạo của nhân dân, tạo bước phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, hướng tới xây dựng huyện Ngọc Lặc trở thành đô thị loại 3 vào năm 2010.

Bà Phan Thị Châm
Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Lặc

Ngọc lặc là huyện miền núi nằm ở giữa tỉnh Thanh Hoá. Phía bắc giáp huyện Cẩm Thuỷ, phía tây giáp huyện Lang Chánh, phía nam giáp huyện Thường Xuân, phía đông giáp huyện Thọ Xuân. Khi nói về huyện Ngọc Lặc, nhà thơ Tố Hữu đã viết:

"Đẹp sao Tráp Ngọc chốn này
Xanh xanh đồi trẩu đổi thay đồi luồng
Cao su thẳng tắp nông trường
Trâu đàn, bò mộng trên đường nhởn nhơ"

Phát triển kinh tế toàn diện

Trong những năm qua, Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện đã tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, hình thành các vùng chuyên canh để đầu tư thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng và giá trị sản phẩm. Với chiến lược phát triển đúng đắn, kinh tế huyện Ngọc Lặc hiện phát triển khá toàn diện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, một số ngành sản xuất có nhịp độ tăng trưởng khá, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng từ 9,17%/năm (1996 - 2000) lên 11,66%/năm (2001 - 2003). Trong đó:

Sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Việc chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu vụ mùa, cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với khai thác tiềm năng lợi thế của từng vùng, nhanh chóng đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Nổi bật là việc đưa giống lúa lai, giống ngô có năng suất cao vào sản xuất đã góp phần đưa sản lượng lương thực năm

- **Diện tích tự nhiên: 489,9km²**
- **Dân số: 131.688 người, bao gồm các dân tộc Kinh, Mường (chiếm 68% dân số), Dao**
- **Đơn vị hành chính: 3 thị trấn và 20 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 11,66%/năm (2001 - 2003)**
- **Cơ cấu kinh tế: nông - lâm nghiệp 67,21%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản 10,9%; dịch vụ - thương mại 21,9%**
- **Thu nhập bình quân (tính theo giá hiện tại): 2,640 triệu đồng/người/năm**
- **Lương thực bình quân đầu người: 285kg/năm**

Quá trình hình thành và tên gọi huyện Ngọc Lặc

- *Thời thuộc Hán là miền đất thuộc huyện Võ Biến.*
- *Thời Tuỳ là miền đất thuộc huyện Di Phong.*
- *Thời Đường thuộc huyện Trường Lâm.*
- *Thời Đinh - Lê - Lý vẫn giữ như thời Đường.*
- *Thời Trần - Hồ thành lập đơn vị hành chính lấy tên là huyện Nga Lặc thuộc châu Thanh Hoá.*
- *Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, đổi tên thành huyện Ngọc Lặc nhập vào huyện Thường Xuân.*
- *Năm 1977, nhập hai huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh thành huyện Lương Ngọc. Đến năm 1982, lại tách thành hai huyện như trước, lấy lại tên cũ là huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh.*
- *Năm 1989, lấy phố Cống thuộc xã Ngọc Khê để lập ra thị trấn Ngọc Lặc.*

2002 đạt 38.115 tấn, tăng gần 6% so với năm 2001.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng, Nhà máy đường Lam Sơn (nay là Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn) được thành lập đã đưa Ngọc Lặc trở thành một trong những huyện trọng điểm của vùng mía nguyên liệu cho nhà máy. Với nhận thức nhà máy muốn tồn tại và phát triển, trước hết phải có đủ nguyên liệu, nhiều năm nay, phần lớn diện tích đất đồi màu mỡ đã chuyển sang trồng mía. Theo thống kê của Uỷ ban nhân dân huyện, toàn huyện trồng được 5.989ha mía nguyên liệu, diện tích mía công nghệ cao là 242ha. Năng suất bình quân đạt 57 tấn/ha. Sản lượng vụ ép năm 2003 đạt 340 nghìn tấn. Đến nay trồng mía đã trở thành hướng phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần xoá đói giảm nghèo và làm giàu cho người dân Ngọc Lặc.

Chăn nuôi phát triển toàn diện. Đến nay, toàn huyện có 22.105 con trâu, 5.183 con bò, đàn lợn đạt 46.119 con. Đáng chú ý là tỷ lệ bò lai sind ngày càng tăng, đây là tiền đề quan trọng để cải tạo đàn bò của huyện. Ngoài ra, huyện còn phát triển nghề nuôi tằm, ong, dê ở một số địa phương như: Minh Sơn, Phùng Minh, Thuý Sơn, Lộc Thịnh, Ngọc Khê,... phối hợp với Công ty mía đường Lam Sơn triển khai chương trình nuôi bò sữa.

Trong lâm nghiệp, Ngọc Lặc là một trong bốn huyện miền núi trọng điểm vùng kinh tế luồng của tỉnh. Hiện nay, cây luồng đã phủ khắp núi rừng, góp phần đáng kể trong chương trình xoá đói giảm nghèo của tỉnh nói chung, huyện Ngọc Lặc nói riêng. Không những thế, huyện đã hoàn thành cơ bản giao đất rừng lâu dài đến các hộ gia đình, tổ chức lại sản xuất theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp, tập trung thực hiện tốt dự án 327 (nay là dự án 661), dự án CARE, đẩy mạnh trồng cây tập trung và cây phân tán, chú trọng trồng cây bản địa và cây nguyên liệu giấy. Nhờ đó, hàng năm, huyện trồng mới được 1.300ha rừng tập trung và 130 nghìn cây phân tán, khoanh nuôi bảo vệ 5.270ha, nâng độ che phủ lên mức 55%, phấn đấu đến năm 2005, nâng độ che phủ lên 65%. Do làm tốt công tác quản lý và bảo vệ rừng, tình trạng phá rừng làm nương rẫy đã cơ bản được khắc phục, tổ chức khai thác hợp lý nguồn tài nguyên rừng (năm 2002 huyện đã khai thác được 2.500 triệu cây luồng và 400m^3 gỗ).

Thực hiện quy hoạch lại sản xuất, huyện đã tập trung xây dựng vườn rừng, trại rừng. Đến nay, toàn huyện có 261 trang trại, đa số quy mô vừa và nhỏ. Trong đó, 131 trang trại có mức thu nhập bình quân 40 triệu đồng/năm trở lên, các trang trại còn lại phát triển một cách tự phát, chưa được hướng dẫn hỗ trợ đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật. Vì thế, kinh tế trang trại của Ngọc Lặc phát triển chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Trước thực trạng này, huyện đã tổng kết rút kinh nghiệm, thành lập hội làm vườn để hướng dẫn theo dõi, giúp đỡ loại hình kinh tế này phát triển đúng hướng và có hiệu quả.

Triển khai các nghị quyết của Trung ương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn; phát triển ngành nghề, tạo việc làm trong nông nghiệp, nông thôn; đổi mới cơ cấu, chính sách khuyến khích

Hình thành vùng nguyên liệu mía đường – hướng phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao

và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã quan tâm và tạo môi trường thông thoáng để khuyến khích các doanh nghiệp, các nhà đầu tư và các hộ gia đình tham gia đầu tư mở rộng phát triển sản xuất. Những ngành nghề được tập trung đầu tư phát triển như khai thác đá phục vụ xây dựng cơ bản và xuất khẩu, chế biến lương thực thực phẩm, lâm sản như: mộc xuất khẩu, đũa xuất khẩu đã góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, tăng giá trị ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản. Tính đến năm 2002, tổng giá trị ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản đạt 52,48 tỷ đồng.

Các hoạt động dịch vụ - thương mại phát triển đa dạng và năng động ở tất cả các thành phần kinh tế. Việc cung ứng vật tư, hàng hoá đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trong huyện được đảm bảo. Tổng doanh số bán ra trong năm 2002 đạt 105,96 tỷ đồng.

Đầu tư kết cấu hạ tầng - tiền đề phát triển trong tương lai

Cùng với phát triển kinh tế, Ngọc Lặc luôn chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng và củng cố an ninh - quốc phòng. Trong đó:

Về xây dựng cơ bản, trong thời gian qua, huyện đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ các dự án hỗ trợ của Nhà nước, động viên nhân dân tham gia đóng góp để tăng cường xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật, phục vụ sản xuất và mạnh các hoạt động văn hoá hội. Đến nay, toàn huyện đã thành một số công trình thủy lợi tu sửa: cống đập hồ Sơn Phong, Thịnh; đập hồ Bai Sơn, Bai N Bai Ao, Bai Manh; đập Văn Tha Kiên Thọ, Bai Lim - Đồng Th đập Bu Bu - Quang Trung. Kiê hoá kênh mương nội đồng tại các Phúc Thịnh, Phùng Minh, Kiên T Ngọc Trung với chiều dài gần km. Xây dựng mới các công t điện bằng nguồn vốn ngân sách nước và vốn huy động trong dân trạm và đường dây của các xã V Nam, Cao Ngọc, Phùng Mi Phùng Giáo, Phúc Thịnh,... Đến nay, toàn huyện 16/23 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, đưa tỷ lệ dùng điện tăng từ 36,1% (năm 2000) lên 75% (n 2003).

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cù làm, phong trào làm đường giao thông liên thôn, li xã đã tu sửa, nâng cấp hàng trăm km đường với vốn lên đến 16.403 triệu đồng từ nguồn vốn nội lự vốn các dự án và các nguồn vốn khác. Đồng thời, v 30,5 km chiều dài của tuyến đường Hồ Chí Min cùng quốc lộ 15A chạy qua gần suốt chiều dài c huyện, mạng lưới giao thông trong toàn huyện kh hoàn chỉnh, phục vụ đắc lực cho sản xuất, vậ chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân, tạo tiền đ quan trọng để Ngọc Lặc phát triển du lịch sinh thái một tiềm năng đang được khai thác.

Giáo dục - đào tạo của huyện Ngọc Lặc những năm gần đây phát triển nhanh cả về chất lượng v số lượng. Đến nay, huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và đang tiến hành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xây dựng trường chuẩn tiểu học quốc gia và các công tác chuẩn hoá giáo viên. Đặc biệt, sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), ngành giáo dục - đào tạo đã có chuyển biến tích cực, đúng hướng trong việc chấn chỉnh nền nếp, kỷ cương giáo dục, từng bước hạn chế dạy thêm, học thêm tự do và những bất cập trong thi cử. Tỷ lệ học sinh lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp các cấp đạt 98,99% trở lên, trong đó bậc tiểu

học đạt 99,81%/năm; bậc phổ thông trung học, giáo dục thường xuyên và dân tộc nội trú đạt 100%. Chủ trương xã hội hoá giáo dục đã tạo thêm động lực mới cho phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Cùng với giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề cũng được quan tâm đúng mức. Trung tâm dạy nghề đã mở được nhiều lớp dạy nghề cho con em các dân tộc trong huyện và các huyện bạn.

Công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng có nhiều tiến bộ. Công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là phòng chống sốt rét, chỉ đạo tuyến trước khám bệnh, điều trị thu được nhiều kết quả khả quan. Trung tâm y tế huyện đã làm tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, được Bộ Y tế công nhận là huyện thanh toán hoàn toàn bệnh phong. Công tác vệ sinh môi trường có chuyển biến tốt với trên 70% hộ dùng nước sạch và sử dụng hố tiêu hợp vệ sinh. Ngoài ra, do thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá, nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 1,53% (năm 2002), tỷ lệ sinh con thứ 3 là 15% trong độ tuổi sinh đẻ. Công tác chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em có nhiều chuyển biến tích cực với việc xây dựng quỹ bảo trợ trẻ em cấp huyện và cấp xã, duy trì lớp học tình thương ở xã Minh Tiến, tổ chức cho các cháu có dị tật đi phẫu thuật, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 35%, không có trẻ em đi lang thang.

Hoạt động văn hoá - thông tin tuyên truyền có bước phát triển mới. Cơ sở vật chất được tăng cường. Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của huyện. Tập trung xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang lễ và lễ hội; xây dựng gia đình văn hoá, làng, khu phố, cơ quan văn hoá, khơi dậy hoạt động văn hoá truyền thống, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Đến năm 2002, toàn huyện đã khai trương xây dựng 29 làng và cơ quan văn hóa, đưa tổng số làng và cơ quan văn hóa lên 107 đơn vị. Ngoài ra, phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao có bước chuyển biến tích cực, duy trì được phong trào cơ sở. Toàn huyện hiện có 40 sân bóng đá, 312 đội bóng chuyền nam và 300 đội bóng chuyền nữ, xuất hiện nhiều gia đình văn hoá thể thao, góp phần phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân.

Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, huấn luyện, diễn tập tại các khu vực phòng thủ của huyện, xây dựng cơ sở an toàn, sẵn sàng chiến đấu.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Phát huy những thành quả đã đạt được, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, khai thác hiệu quả nguồn lực, tài nguyên, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Lặc đã đề ra định hướng phát triển đến năm 2005, bao gồm: ưu tiên đầu tư cho giáo dục - đào tạo, nông - lâm nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và mở rộng dịch vụ - thương mại. Phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao dân

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005

- *Tốc độ tăng trưởng (GDP): 11,5%/năm*
- *Thu nhập bình quân đầu người năm 2005: 3,5 triệu đồng*
- *Cơ cấu kinh tế đến năm 2005: nông - lâm nghiệp 65,5%, công nghệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản 13%, dịch vụ - thương mại 21,5%*
- *Sản lượng lương thực đến năm 2005: 44.000 tấn*
- *Lương thực bình quân đầu người: 330kg/năm*
- *Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2005: 1,45%*
- *Cơ bản xoá hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 20%*
- *Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005*

trí, đảm bảo việc làm cho người lao động, xoá đói giảm nghèo. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xuất phát từ định hướng trên, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Để thực hiện thành công những mục tiêu đã đề ra, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Lặc đã đưa ra một số giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005 như sau:

Phát triển nông nghiệp toàn diện, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh cây lúa, ngô, mía, cao su, cà phê, tạo ra các sản phẩm có giá trị hàng hoá lớn tham gia chương trình xuất khẩu. Tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hướng chuyển đổi phải gắn sản xuất với chế biến, tạo thị trường ổn định cho mặt hàng nông sản, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp, đưa sản xuất lâm nghiệp thành ngành kinh tế chủ lực lâu dài nhằm hướng tới mục tiêu cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, sản phẩm hàng hoá cho thị trường. Sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp, thực hiện hiệu quả dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, tích cực trồng rừng kinh tế và rừng phòng hộ, khoanh nuôi, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng tái sinh, nâng độ che phủ của rừng lên 65%. Định hình diện tích luồng với diện tích 14.000ha, trồng lát xoan, dổi, vàng tâm, quế, các loại cây có giá trị kinh tế cao, hình thành vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và nhu cầu thị trường, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn để xây dựng, mở rộng các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, khôi phục nghề truyền thống. Lập quy hoạch xây dựng các tụ điểm công nghiệp thị trấn Ngọc Lặc, thị trấn sông Âm, thị trấn Lam Sơn và thị tứ Phố Châu. Khảo sát và lập dự án xây dựng cơ sở chế biến mủ cao su, nước hoa quả và cơ sở khai thác và chế biến vật liệu xây dựng. Du nhập ngành nghề mới, từng bước có hàng hoá tham gia xuất khẩu với tỉnh. Tập trung vào các sản phẩm chính: khai thác đá xây dựng và đá xuất khẩu, mộc dân dụng, sản xuất công cụ, đan cót, làm dũa xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ - thương mại phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Chú trọng mở rộng mạng lưới dịch vụ, đáp ứng sức mua và nhu cầu phát triển sản xuất, đảm bảo kích thích sản xuất phát triển; khuyến khích phát triển các hợp tác xã, các hộ kinh doanh, tổ chức chợ nông thôn, mở thêm các tụ điểm lưu thông hàng hoá.

Củng cố và phát triển các loại hình liên doanh và hợp tác với tất cả các thành phần kinh tế, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ mới vào sản xuất và đời sống. Trong 5 năm tới, khoa học kỹ thuật, công nghệ là động lực chủ yếu cho sự phát triển, do vậy phải tích cực đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời phải coi trọng tổng kết, rút kinh nghiệm những mô hình, những cách làm ăn có hiệu quả trong huyện, để phổ biến cho nhân dân trong huyện học tập, vận dụng.

Tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện cả về dạy và học, duy trì ổn định và phát triển các lớp học ở cấp học, ngành học, đẩy mạnh cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học, tạo điều kiện để mọi người, mọi vùng đều được học tập, nâng cao mặt bằng dân trí.

Nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền, đưa các hoạt động văn hoá - thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng cao. Động viên toàn dân tham gia phát triển văn hoá - xã hội. Xây dựng nếp sống mới, xoá đói giảm nghèo, đấu tranh loại trừ các hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội.

Thực hiện tốt chương trình, mục tiêu chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành y tế từ tuyến huyện đến trạm xá xã; phòng chống sốt rét, bướu cổ, sức khoẻ học đường, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em, người cao tuổi.

Phát huy thành tích đạt được trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Ngọc Lặc đã và đang chung sức, đồng lòng khai thác và phát huy tối đa nội lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, nông thôn.

NGOC LAC DISTRICT

GROWING WITH ITS POTENTIALS AND STRENGTHS AS A MOUNTAINOUS DISTRICT

Implementing the District Party Committee - 20th Session's resolution, the local Party's committee, authorities and people in the district has been in great solidarity, overcome all difficulties and challenges, creatively applied the Party and State's policies, and elicited the people's creative ability. That has resulted in strong developments in the socio-economic, national defence and security, striving to build Ngoc Lac a third-grade city by 2010.

Ngoc Lac is a mountainous district situated in the middle of Thanh Hoa province. It borders Cam Thuy district in the north, Lang Chanh district in the west, Thuong Xuan district in the south and Tho Xuan district in the east. To Huu (a famous Vietnamese poet) wrote:

"So lovely Trap Ngoc is!
Green Trau and Luong hills changing
Plantation covered with growing rubber trees
Buffaloes and bulls strolling around"

Comprehensive economic development

Over the past years, the district's Party Committee, People's Council and People's Committee have focused on strengthening economic structural transfer toward agriculture reduction, and industry, handicraft and proportion increase in proportion. Specialised cultivation areas have been established for intensive cultivation aiming at productivity and product value increase. With its appropriate development strategy, the present economic situation of Ngoc Lac district is growing comprehensively with the active economic structural transfer, a number of production industries have achieved high growth rate, as a result, people's spiritual and material life is continually improved. Annual GDP growth rate increased from 9.17% (1996-2000) to 11.66% (2001-2003), in which:

Agricultural production has made active changes. The intensive cultivation, crop and husbandry reform geared toward commodity production, combined with advantage and potential exploitation in localities and technological and scientific achievement applications in production has achieved acknowledgeable results. Notably, productive crossbred rice and maize have been grown, helping raise the food productivity to 38,115 tonnes in 2002, 6% up from 2001.

Following the Party's renovation policy, Lam Son Sugar Plant (presently Lam Son Sugar-cane Joint-stock Company) was established, made Ngoc Lac one of the leading material sugarcane supplier to the plant. Having a profound awareness that the plant can only

- ***Natural area: 489.9 sq.km***
- ***Population: 131,688 people including Kinh, Muong (68% of total population) and Dao ethnic groups.***
- ***Administrative structure: 3 towns and 20 communes.***
- ***Annual economic growth: 11.66% (2001-2003)***
- ***Economic structure: agro-forestry 67.21%; industry and handicraft - capital construction 10.9%; service and trade 21.9%.***
- ***Per capita income: VND 2,640 million/year***
- ***Per capita food output: 285kg/year.***

Establishment process and the name Ngoc Lac

- *In Han dynasty, it was a part of Vo Bien district*
- *In Tuy dynasty, it was a part of Di Phong district*
- *In Duong dynasty, it belonged to Truong Lam district*
- *In Dinh - Le - Ly dynasties, it remained the same as under Duong dynasty*
- *In Tran - Ho dynasties, an administrative unit was established, named Nga Lac district in Thanh Hoa province.*
- *After the August Revolution in 1945, Nga Lac was renamed Ngoc Lac and later joined into Thuong Xuan District.*
- *In 1977, the two districts of Ngoc Lac and Lang Chanh merged into Luong Ngoc until their re-separation in 1982.*
- *In 1989, Ngoc Lac township was established from Cong street in Ngoc Khue commune.*

develop if it has enough material sugarcanes for production, the district has used most of the fertilised land in planting sugarcanes. According to the statistics by the local People's Committee, the entire district has already planted 5,989 ha of sugarcane and the high-tech sugarcane growing area has reached 242 ha. The average productivity achieved 57 tonnes/ha. Sugarcane pressing in 2003 achieved 340,000 tonnes. Planting sugarcane has become a highly economic development orientation to help alleviate hunger, reduce poverty and enrich Ngoc Lac residents.

Husbandry has been comprehensively developed. Up to now, the entire district owns 22,105 buffaloes, 5,183 cows and 46,119 pigs in total. Particularly, the increasing rate of Sind crossbred oxen is an important premise for the local oxen improvement. In addition, the district has been expanding production of silkworms, bees and goats in some localities like Minh Son, Phung Minh, Thuy Son, Loc Thinh, Ngoc Khe... in co-operation with Lam Son Sugar-cane Company to carry out the milch cow raising programme.

In regards to forestry, Ngoc Lac is one of the four leading mountainous districts for Luong (a kind of bamboo) planting in the province. Currently, mountains and forests have been covered with Luong, making considerable contribution to the hunger alleviation and poverty reduction programme of the province in general and Ngoc Lac district in particular. Besides, the district has fundamentally completed long-term forest land allocation to households, reorganised forestry as socialisation-oriented production made great efforts to fulfil well the Project 327 (now called Project 661) and CARE Project, intensified concentration plantation and shadow plants, focused on planting indigenous plants and paper material plants. Annually, the district plants 1,300 ha of concentration forest more and 130,000 shadow plants, protects 5,270 ha raising the coverage to 55% geared to 65% by 2005. Thanks to the well-done forest protection and management, the deforestation for temporary crops has been partly reduced and the forest natural resources have been properly exploited (in 2002, the district exploited 2,500 million Luong trees and 400 cu.m of wood).

Re-planning production, the district has focussed on creating forest gardens and camps. So far, the entire district has 261 farms, most of which are of medium and small scale, including 131 farms achieving annual income of VND 40 million upwards and other spontaneously developing farms without scientific and technical instruction and investment. Therefore, farm economic development in Ngoc Lac is unsatisfactory to its potential. In such

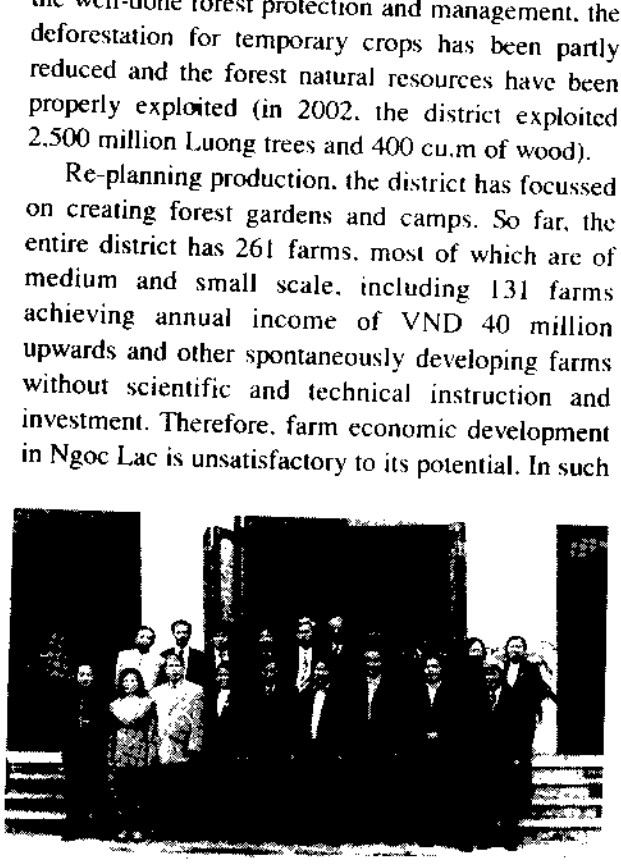

The leaders of Thanh Hoa Province on a working visit to Ngoc Lac District

a situation, the district has made summations, found out lessons of experience and established the gardening association to assist this economic sector's proper and effective development.

Applying the Central Party's resolutions on strengthening rural industrialisation and modernisation; developing occupations, creating agricultural jobs in rural areas; reforming mechanism, adopting encouraging policies and, facilitating private economic sector, the local governmental authorities and Party's executive committees have paid much concern on creating open investment environment to encourage production expansion. Productions that are intensively invested such as stone exploitation for capital construction and exports, foods and forest products processing like export timber and chopsticks has made significant contributions to creating employment for the local people, increasing the value of industry, handicraft and capital construction. By 2003, the total value of industry, handicraft and capital construction has come up to VND52.48 billion.

Services and trade developments have been actively expanded in a diversification over all economic sectors. The commodity and material supply has caught up with the local people's consumption and production demands. Total revenue reached VND105.96 billion in 2002.

Infrastructure investment - a premise for future development

Apart from economic development, Ngoc Lac also focuses its investment on infrastructure, national defence and security reinforcement.

As for capital construction, over the past time, the district has efficiently used capital sources from the State-funded projects, encouraged people to make their own contributions to promoting technical infrastructure construction, production, social and cultural activities. Up to now, the entire district has completed a number of irrigation works such as repairing dams and drains of Son Phong, Loc Thinh lakes, dams of Bai Son, Bai Ngoc, Bai Ao, Bai Manh lakes; dams of Van Thanh - Kien Tho, Bai Lim - Dong Thinh and Bu Bu - Quang Trung. Nearly 30 km of inner-field canals have been solidified in the communes of Phuc Thinh, Phung Minh, Kien Tho and Ngoc Trung. Electrical works like stations and electricity network in Van Nam, Cao Ngoc, Phung Minh, Phung Giao, Phuc Thinh... have been newly built with the investments from the State's budget and mobilised capital from the local community. So far, 16/23 communes and townships of Ngoc Lac have been equipped with national grid, raising the proportion of electricity using households from 36.1% in 2000 to 75% in 2003.

Based on the motto that the State and people cooperate, the movement of repairing inter-hamlet and inter-commune roads has helped upgrade hundreds of kilometres of road with the total capital of VND16,403 million raised from the district's internal strengths projects and others. Moreover, the 35 km of Ho Chi Minh Highway and the National Road No.15A running across the district result in a rather perfect traffic network of the district that provides excellent service to the local production, transportation and travelling. That creates an important premise for Ngoc Lac's eco-tourism development - a blooming potential.

As for education and training, in recent years, the local education and training sector have made much progress and achievements in both quality and quantity. Up to now, Ngoc Lac has completed compulsory primary education scheme and is now on the way accomplishing compulsory junior secondary school, standardising primary schools and teachers. Particularly, after 3 years putting the Central Resolution No.2 (Session VIII) into practice, the education and training sector has made positive changes in recognising educational order and discipline, gradually restricting the rampant overtime teaching as well as shortcomings in examination. The percentage of students passing to higher grades and levels reaches over 98.99%, of which the primary school level stands at 99.81%/year; secondary school, continual education and boarding ethnic minority at 100%. The implementation of education socialisation has given further strength to the education and training development cause. Together with compulsory education, the vocational education is also attached with proper importance. Vocational training centres provide numerous courses for the local ethnic young people and those from the neighbouring districts.

Medical services and public healthcare have made much progress. Epidemic disease prevention, especially malaria, and conducting the communal and village services in implementing medical examination and treatment has achieved satisfactory results. The district health centre has successfully performed the medical examination and treatment for the local people. Ngoc Lac thus has been certified a non-leprosy district by the Ministry of Health. The environmental sanitation has got better with over 70% households having access to clean water and hygienic latrines. Furthermore, thanks to the family planning policy, the natural population growth rate decreased to 1.53% in 2002, the rate of women giving birth to the third child is 15%. The healthcare for mothers and children has brought about many positive changes with the establishment of Save the Children Fund at the district and commune levels, the operation of charity classes in Minh Tien Commune, free surgeries for children of deformities. Notably, number of malnourished children has been reduced to 35% and there are now no street children across the district.

Cultural activities and propaganda have obtained significant achievements. Material facilities have been consolidated. The propaganda of the Party and State's policies and laws offers a good service to the district's political tasks. The district makes great efforts to promote the cultural life, civilised lifestyle in marriage, funeral and festival: set up cultural families, villages, wards and agencies, promote traditional cultural activities, and fight against social evils. In 2002, totally 29 cultural villages and agencies were put in motion, raising the number of cultural villages and agencies up to 107 in total. In addition, musical, cultural and sports movements have experienced positive changes, and the movements at grassroots level have been maintained. Presently, the entire district has 40 football stadiums, 312 men's volleyball teams and 300 women's, a lot of sporting cu families. Those make a significant contributi enriching the local people's spiritual life.

National defence and security and social have been preserved. Military recruitment, tra and practice at defence areas of the district have fulfilled with the establishment of local secure a cies to be well-prepared for fights against the ener

Socio-economic development orientation by 200

Continuing what have been achieved, intensif the Renovation (Doi Moi), mobilising inte strengths, and effectively take advantage of the l human and natural resources and advantages socio-economic development, the provincial P Committee, People's Council and People's Commi of Ngoc Lac have mapped out the development entation by 2005, which includes priority to edu tion and training, agro-forestry, industry and han craft; services and trade expansion. It is also targe that economic development must be associate w solving social issues, improving literacy standa ensuring employment for labourers, alleviati hunger and reducing poverty. Economic developm should be closely linked with national defence a security reinforcement, political stability, social sec rity and order, and improvement in the people's spi tual and material life. On the basis of that orientatio Ngoc Lac Party Committee and People's Committ have set up some major targets as follows:

Indices of socio-economic development by 2005

- *Annual GDP growth: 11.5%*
- *Per capital income in 2005: VND 3.5 million*
- *Economic structure by 2005: agro-forestry standing at 65.5%, industry - handicraft and capital construction 13%, services and trade 21.5%*
- *Food productivity by 2005: 44,000 tonnes*
- *Annual Per capita foot output: 330 kg/year*
- *Population growth by 2005: 1.45%*
- *Basically, the rate of hunger eradication and poverty reduction remains under 20%*
- *Compulsory junior secondary education to be accomplished by 2005.*

For the success of the above targets, Ngoc Lac Party Committee, People's Council and People's Committee have proposed some key solutions for socio-economic development by 2005 as follows:

Expanding agriculture comprehensively, forming concentration production areas specialising in rice, maize, sugarcane, rubber and coffee, producing commodities of great value for exports. Actively reforming the economic structure, seasonal crop and husbandry geared to the combination between production and processing, establishing a stable market for agricultural products and socio-economic development in the orientation of rural and agricultural industrialisation and modernisation.

Promoting forestry production, turning it into long-term leading economic sector to have sufficient supply of materials to industry and commodities to the market. Making full use of forestry land, implementing effectively the project of planting five million hectares of new forest area, planting more economic and preventive forests, protecting and growing riverhead and regeneration forests in delineation, raising the coverage to 65%. Delineating the 14,000-ha area to plant Luong (a kind of bamboo), and planting China-tree, Doi, canary-wood, cinnamon-tree and others of high economic value, forming tree - growing areas as raw materials for processing industry, consumption and exportation.

Developing industry and handicraft in the orientation of raising effectiveness and market demand, encouraging economic sectors to finance the construction and expansion of industrial and handicraft productions, agro - forestry products processing, consumer goods, construction material production, and the restoration of traditional occupations. Making plans for industrial complexes establishment in Ngoc Lac, Am River, Lam Son and Pho Chau townships. Surveying and planning the projects on the establishment of rubber latex, fruit-juices processing and construction material exploiting and processing, importing new occupations and step by step producing export goods to join the provincial exportation. Focusing on major products: construction and export stone, civil carpentry, tool production, bamboo mats and export chopsticks.

Boosting the development of services and trade sector to serve the local production and people's living standard. Expanding service network to satisfy the purchasing power and production development demand, stimulating production development; encouraging business household and co-operative expansion, opening up rural markets and goods exchanging areas.

Consolidating and expanding joint-venture businesses and co-operation with all economic sectors so as to enhance business - production efficiency and develop socialist-oriented market economy.

Applying latest scientific and technological advances in production and life. In the five years to come, science and technology will be essential development incentives. Therefore, it is necessary to apply science and technology into production, at the same time, attach much importance to summation and experience lessons from the most effective business models and methods in the district, then disseminate them to the local people.

Making basic and comprehensive changes in teaching and learning methods, maintaining stability and expanding classes at school levels and branches, strengthening material facilities, teaching and learning equipment, creating favourable conditions for education to be brought to everybody in all parts of the district for the sake of higher literacy standard.

Enhancing propagation and information quality, disseminating cultural activities and information to the localities, remote and isolated areas. Encouraging people to take part in the socio-cultural development, build new lifestyle, eradicate hunger, reduce poverty, and fight against bad cases and social evils.

Effectively carrying out the primary public healthcare scheme, investing facilities and equipment for the health sector at district and communal; malaria and goitre prevention; and healthcare services for pupils, mothers, children and the old.

Promoting obtained achievements over the past years, Ngoc Lac Party Committee, authorities and people have been working together to make full use of the district's internal strengths and striving for the successful implementation of the agricultural and rural industrialisation and modernisation.

HUYỆN MƯỜNG LÁT

QUYẾT TÂM GIỮ VỮNG AN NINH QUỐC PHÒNG, ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Là huyện biên giới vùng cao phía tây của tỉnh Thanh Hoá, trình độ dân trí thấp, tình hình chính trị - xã hội gặp rất nhiều khó khăn khi mới thành lập, song với sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Nhà nước, của tỉnh Thanh Hoá, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Mường Lát đã đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt khó đi lên, dựng xây quê hương. Bước chuyển biến này là tiền đề quan trọng để Mường Lát phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Là huyện mới được tách ra từ huyện Quan Hoá (cũ) theo Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 18-11-1996 của Chính phủ, phía tây và nam huyện Mường Lát giáp huyện Viêng Xay và huyện Xốp Pau (tỉnh Hủa Phăn - Lào); phía bắc giáp tỉnh Sơn La; phía đông giáp huyện Quan Hoá (mới). Diện tích đất tự nhiên 80.865,06 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 3,8%, đất lâm nghiệp chiếm 52,7%, đất chưa sử dụng chiếm 42,9%, còn lại là đất chuyên dùng và đất ở. Kể từ khi có Quyết định số 133-QĐ/TU ngày 16-12-1996 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Quyết định số 2563-QĐTC/UB ngày 18-12-1996 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, tình hình chính trị - an ninh - quốc phòng được ổn định, kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện Mường Lát

Những đổi thay mang tính bước ngoặt

Huyện Mường Lát trước kia thuộc địa phận 6 xã vùng cao của huyện Quan Hoá (cũ), giao thông vô cùng khó khăn, thường bị ách tắc vào mùa mưa lũ, địa hình chia cắt, dân cư phân bố không đồng đều. Bên cạnh đó, trình độ dân trí thấp, trung bình cứ 20 người mới có 1 người đi học, tỷ lệ hộ đói nghèo còn quá cao (trên 70%), kết cấu hạ tầng chưa có gì đáng kể. Nhiều phong tục tập quán còn mang nặng tư tưởng lạc hậu, nhất là việc ma chay, cưới xin. Vệ sinh môi trường kém, ý thức phòng chống chưa cao nên nhiều dịch bệnh hoành hành, nhất là dịch sốt rét. Hơn nữa, một bộ phận dân cư địa phương còn mang nặng tập quán du canh, du cư.

- **Diện tích tự nhiên: 808,65 km²**
- **Dân số: 29.408 người, có 6 dân tộc: Thái, Mông, Mường, Dao, Khơ Mú và Kinh, trong đó dân tộc Thái và Mông chiếm đa số.**

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Lát lần thứ II nhiệm kỳ 2000 – 2005

Đồng bào Mông một số tỉnh phía bắc di cư tự do tràn vào địa bàn huyện với số lượng khá đông (gần 8.000 người) kéo theo việc đốt phá rừng bừa bãi, truyền đạo trái phép và một số tệ nạn khác, gây mất đoàn kết nội bộ và làm mất ổn định về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Với xuất phát điểm thấp như vậy, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, đầu tư có hiệu quả của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá và các cơ quan, ban ngành hữu quan, sự động viên cổ vũ to lớn của các huyện bạn trong tỉnh, nhất là huyện Quan Hoá và Quan Sơn, Mường Lát đang thực sự chuyển mình.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, những sườn đồi hoang vu, cằn cỗi nay đã biến thành những ruộng lúa, nương ngô mùa tiếp mùa trĩu hạt, nặng bông. Nếu năm 1998, tổng sản lượng lương thực đạt 5.953 tấn thì đến năm 2002 đạt 9.829 tấn, tăng 65,1%. Từ chỗ thiếu đói quanh năm, đến nay, lương thực bình quân đầu người đạt 300 - 334 kg/năm. Nhờ vậy, tỷ lệ đói nghèo giảm từ trên 70% xuống còn 49% (theo tiêu chí mới). Tuy nhiên, điểm hạn chế trong sản xuất nông nghiệp của huyện Mường Lát hiện nay là sử dụng phương thức sản xuất truyền thống, chưa áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Vì vậy, trong những năm tới, Mường Lát cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá nông sản có chất lượng tốt, mang lại hiệu quả kinh tế cao, quy hoạch các vùng chuyên canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Bước chuyển biến tích cực trong sản xuất lâm nghiệp của Mường Lát là người dân từ chỗ chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy tràn lan làm cạn kiệt tài nguyên rừng, huỷ hoại môi trường sinh thái gây hậu quả nghiêm trọng, thì nay đã biết bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng. Hiện nay, huyện đã hoàn thành công tác giao đất lâm nghiệp tới từng hộ. Nhờ đó, nhiều khu rừng được trồng mới qua các chương trình, dự án như chương trình định canh định cư,... đã góp phần nâng độ che phủ rừng của huyện Mường Lát lên 40%. Với những thành tích xuất sắc này, năm 2003, huyện Mường Lát đã được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ rừng.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển tương đối chậm. Các ngành nghề chủ yếu vẫn là sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản và dệt thổ cẩm - nghề truyền thống của các dân tộc trong huyện với sản phẩm bền, đẹp, mang đậm sắc thái văn hoá truyền thống. Nhưng hiện nay, sản phẩm làm ra vẫn mang tính tự cung, tự cấp, nên chưa trở thành nghề chính mang lại thu nhập cao cho người dân. Trong tương lai, nếu được đầu tư hỗ trợ, nghề dệt thổ cẩm của Mường Lát sẽ trở thành một ngành nghề mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Kết cấu hạ tầng cũng có sự chuyển biến tích cực. Nhà nước đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng xây dựng nhà ở, trụ sở làm việc, các công trình phúc lợi,... Chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều ngôi nhà cao tầng đã mọc lên san sát ở trung tâm huyện

lỵ và một số thị tứ trong huyện. Ánh điện đã toả sáng không chỉ ở trung tâm huyện lỵ, mà còn vươn tới các thị tứ, một số xã vùng cao nhờ mạng lưới điện quốc gia và hàng nghìn chiếc máy thuỷ điện mini, góp phần thay đổi diện mạo dải đất biên cương phía tây của Tổ quốc.

Thông qua các chương trình, dự án như: Chương trình 135, trung tâm cụm xã, định canh định cư,... Nhà nước đã đầu tư hàng chục tỷ đồng xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ phục vụ sinh hoạt, sản xuất như: công trình thủy điện Tén Tằm (vốn đầu tư 26 tỷ đồng), Pom Buôi, đập Chai Lách, đập Xim, Pùng,... Hệ thống giao thông cũng được đầu tư nâng cấp: đường giao thông liên thôn, liên xã thường xuyên được tu bổ và nâng cấp; xe ôtô đã đến được trung tâm 6/7 xã trong huyện; nhiều cây cầu được xây mới, kết nối các vùng trong huyện với nhau, tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu và phát triển kinh tế.

Cầu treo bắc qua sông Lò chảy qua địa phận huyện Mường Lát

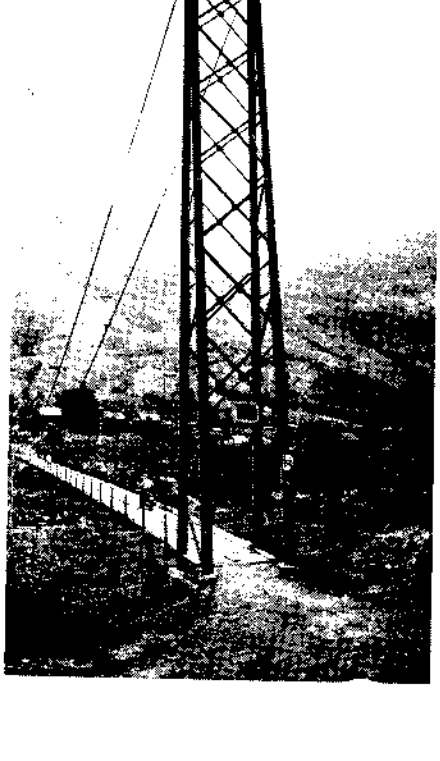

Văn hoá - xã hội có chuyển biến mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Ngoài trường phổ thông trung học và dân tộc nội trú của huyện được xây dựng cao tầng, trường học ở các xã cũng được xây dựng khang trang, tạo điều kiện thuận lợi để con em các dân tộc trong huyện học tập ngày càng tốt hơn. Huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ vào cuối năm 1998, hiện đang triển khai công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng đạ được những kết quả rất đáng khích lệ. Nhờ làm tốt công tác y tế dự phòng, trong những năm gần đây, toàn huyện không đ xảy ra các dịch bệnh lớn. Tay nghề củ các thầy thuốc từng bước được nâng cao. Cơ sở vật chất ngành y tế từ trung tâm đến các bản được cải thiện, nhiều trang thiết b hiện đại được đưa vào sử dụng đã kịp thờ cứu chữa những căn bệnh hiểm nghèo mà trước kia phải bó tay.

Bên cạnh đó, Mường Lát còn lập quy hoạch nhằm ổn định cuộc sống cho hầ hết đồng bào dân tộc di cư tự do ở gần hế các xã - hiện chỉ còn 2 bản chưa ra nơi ở mới. Đặc biệt, huyện đã hoàn thành công tác giao đất, giao rừng theo Nghị định số 02 của Chính phủ để bà con các dân tộc không còn khai thác rừng một cách tà phát, góp phần giữ vững môi trường sinh thái trên địa bàn huyện.

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng - an ninh cũng luôn được các cấp uỷ Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm. Tình hữu nghị giữa hai dân tộc, hai nước Việt - Lào ngày càng được thắt chặt. Chính trị, an ninh biên giới, an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội ổn định. Khối đại đoàn kết toàn dân được giữ vững, tạo điều kiện vững chắc cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Vươn tới tương lai

Phát huy những thành quả đạt được, Đại hội Đảng bộ huyện khoá II xác định: tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới; công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trọng tâm trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng. Coi trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn, khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Phát triển nguồn nhân lực gắn với nâng cao trình độ dân trí để tiếp thu những tiến bộ của thế giới và phát huy năng lực nội sinh;

tạo lập và cải thiện các yếu tố vật chất đảm bảo an toàn và điều kiện cơ bản cho sự phát triển trong tình hình mới. Trước hết đảm bảo an toàn lương thực, coi đó là nền tảng giữ vững ổn định kinh tế - chính trị - xã hội; tăng khả năng đáp ứng về năng lực để phát triển sản xuất và tiêu dùng, về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với chất lượng tốt, đảm bảo an toàn và giải quyết, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống thiên tai.

Trong đó, mục tiêu cụ thể là phấn đấu đưa nhịp độ tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước, rút ngắn khoảng cách về kinh tế so với mức trung bình của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2005 thu nhập bình quân đầu người bằng 55% và đến năm 2010 bằng 86% mức trung bình của tỉnh. Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhân rộng các vùng cây nguyên liệu, cây ăn quả sẵn có,... Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn bằng cách đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống mới có giá trị cao vào trồng trọt như: giống lúa lai, ngô lai, đậu tương,... vừa để ổn định an ninh lương thực, vừa có sản phẩm để xuất khẩu; phát triển mạnh đàn gia súc; khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là xây dựng các trung tâm làng nghề văn hoá truyền thống sinh thái. Phát triển kết cấu hạ tầng tạo sự hỗ trợ cho nông nghiệp và nông thôn làm tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo; mở mang dân trí, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho nhân dân, chú trọng thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bước vào thời kỳ mới thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước và hướng tới hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Mường Lát quyết tâm phấn đấu hơn nữa để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan, Mường Lát hiện nay vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Vì thế, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện rất cần sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ và đầu tư của Nhà nước, của tỉnh Thanh Hoá để theo kịp các huyện trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

MUONG LAT DISTRICT

RESOLVING TO SUSTAIN NATIONAL DEFENCE AND SECURITY, POLITIC STABILITY AND SOCIO-ECONOMIC GROWTH

As a mountainous district in the west of Thanh Hoa Province, Muong Lat people's intellectual standard was low and its socio-political situation faced with many difficulties at the establishment. However, enjoying close concern, conduct and assistance by the State and Thanh Hoa Province, Muong Lat Party Committee, authorities and the people have shown their solidarity and efforts to overcome difficulties for a wealthy district. The significant change is an important premise for Muong Lat's socio-economic development in the coming time.

Separated from the former Quan Hoa District according to Decree No.72/ND-CP dated November 18th, 1996, Muong Lat adjoins Vieng Xay and Xop Pau districts (Hua Phan Province-Laos) in the west and south; Son La in the north and the new Quan Hoa District in the east. Muong Lat covers 80,865.06 hectares, in which agricultural area accounts for 3.8%, forestry 52.7%, unused land 42.9%, and the rest is for special purposes and housing land. Since adopted Decision No.133-QD/TU

Le Kha Phieu – Former General Secretary of the Communist Party of Vietnam visiting Muong Lat District on January 17th 2002

dated December 16th, 1996 by the Standing Committee of Provincial Party and Decision No.2563-QDTC/UB dated December 18th 1996 by Thanh Hoa People's Committee, the district's stable politics - security - national defence have been sustainable; socio-economic development has seen active changes.

Turning changes

Muong Lat was previously among six mountainous communes of Quan Hoa District with poor transport conditions, frequent congestion during flood seasons, geographical separation and uneven population distribution. Moreover, the local people's intellectual standard was low, particularly, only one out of 20 people goes to school; the rate of needy households was very high (over 70%), infrastructure was underdeveloped. Additionally, many customs and practices remained backward, especially in weddings and funerals. The sense of environment sanitary and epidemic prevention was poor, resulting in widely spread diseases, especially malaria. Furthermore, a number of local people were still heavily affected with the habit of unsettled cultivation and residence.

A large number of Mong people (abou 8,000 people) in some northern province freely settled down in the district resulting i the rash deforestation, illegal preaches an other social evils, which caused internal dis unity, and instability in socio-economy national defence and security. Despite such a poor starting point, under sound leadership and effective investment by the Party and State, Thanh Hoa Party Committee, People's Council, People's Committee and relating agencies enriched by great encouragement by its neighbouring districts, especially Quan Hoa and Quan Son districts, Muong Lat has been on the way to development.

In terms of agriculture, bare hills and mountains were changed into rice and maize fields with seasonally higher productivity. The local total food output increased from 5,953 tonnes in 1998 to 9,829 tonnes (65.1%) in 2002. From year-round hunger, the present district's average per capita food output gained 300 - 334 kg a year. As the result, rate of needy households reduced from over 70% to 49% (according to new criteria). However, the current limitation in agricultural production of Muong Lat is to use traditional production methods, not apply advanced science and technology as well as cultivate new high-productivity and quality seeds causing low economic value. In the wake of actual situations, Muong Lat needs to radically shift rural and agricultural economic structure toward producing high quality agricultural products, planning specialised cultivation areas, apply advanced science and technology in production in the years to come.

The people in Muong Lat are now aware of protecting environment and

- **Natural area: 808.65 sq.km**
- **Population: 29,408 including the Thai, Mong, Muong, Kho Mu, and Kinh groups in which the Thai and the Mong account for a great majority.**

Delegation of bordering districts of Thanh Hoa Province visiting and working in Sam Nua – Hua Phan (Laos) on May 4th 2000.

reforesting. This is a significant change in forestry production in Muong Lat against the negative attitude as previously when the people rashly deforested and reclaimed led to the exhaustion of forestry resources and bad impacts on ecology leading to serious consequences for environment. At present, the district has accomplished handling over forestry land to households. Hence, through execution of forest planting and resettlement projects, the district has increased the ratio of forest coverage by 40%. With the recently attained great achievements, in 2003, Muong Lat was rewarded the Stimulation Flag for forestry protection by Chairman of Thanh Hoa Provincial People's Committee.

Industry and handicraft have been developing slowly. Major occupations in the district are construction materials production, process of forestry products and brocade weaving - a traditional craft of ethnic groups in the district - with special high quality products expressing traditional identity. However, the traditional craft products are currently self-provided self-supplied that have not been the main commodity-producing occupation creating a high income for the district's people. In the future, brocade weaving, once earns supported investment, will become a traditional handicraft generating high economic value.

Infrastructure in Muong Lat saw active changes. The State has invested hundreds of billion VND in building houses, offices, welfare works, etc. Consequently, after a short time, many buildings have been constructed in the centre and in some townships of the district. The electricity network has been installed not only in the centre but also in some townships and mountainous communes of the district owing to the national power grid and thousands of small hydro-electric generators, contributing to creating a new image of the bordering area in the West of the country.

Through such programs as No.135, commune's centre and resettlement programs, the State has invested billions VND in building many small and medium-sized water irrigation works such as Ten Tam irrigation and hydro-electric (investment capital: VND26 billion); Pom buoi, Chai lach, Xim and Pung dams etc supporting living and production. Transportation system, particularly inter-hamlet and inter-commune roads, has also received investment to be upgraded; many new bridges connecting the district areas have been built, facilitating economic growth.

The district's socio-culture has been significantly changing, especially in education and training. Apart from the secondary and boarding school of the district having spacious buildings, schools in communes are also built solidly facilitating ethnic students to study better. The district also completed the universalization of primary education and illiteracy eradication by the end of 1998 and is now implementing compulsory primary education at the required age and secondary education. Community's health care and protection have achieved encouraging results. Thanks to good implementation of preventive healthcare services, fatal diseases have not appeared. Professional skills of doctors and nurses have been improving. Material facilities of medical networks have been continuously strengthened from the district to the villages and state-of-the-art equipment has put in to operation.

contributing to the effective treatment of serious diseases that could not do previously.

In addition, Muong Lat also has planned and built new villages with the aim to stabilise the life of most free evacuees in almost communes; presently there are only two villages living in old places. Especially, the district completed handling over forestry land to households pursuant to Decree No.02 of the Government to stop illegal forest exploitation, contributing to ecological protection in the locality.

Beside the task of socio-economic development, national defence and security have always enjoyed special attention of the local Party Committees and authorities. The friendships between Laos and Vietnam have been tied. Political and security situation, social order, bordering security and rural security are stable. The great unity of the people is kept. All these factors have been creating solid conditions for the socio-economic development of the district.

Heading for the future

Bringing gained achievements into play, the second Session of the district's Communist Party Congress defined: implementing renovation cause; considering modernisation and industrialisation the key tasks in orientation of socio-economic growth; developing infrastructure; paying attention to rural and agricultural development, recovering and strengthening traditional handicrafts. Additionally, the Session also oriented on developing human resources in concurrence with improving intellectual standard for the people to take advantages of the progress of the world and utilise up internal strength. Simultaneously, building and improving material factors to ensure the safety and generate the basic conditions for the development in a new context. Firstly, the district needs to ensure food safety, considering this a solid foundation for the political - economic stabilisation. Moreover, the district should raise capabilities to develop production and consumption, enhance the capabilities of provide socio - economic infrastructure with high quality to assure environmental safety, solve effectively arising environmental problems, manage and prevent environmental pollution, prevent and struggle against natural disasters.

. Of which, specific goals of the district are to reach year-on-year increase in the annual GDP growth rate, narrow the economic gap compared to the average level of the province. The district is striving to reach average per capita income to 55% by 2005, and gain 86% by 2010 compared to the provincial average. Accelerating agriculture and rural economy, intensively expanding the area growing fruits and material plants, rapidly transforming rural and agricultural economic structure by application of updated science-technology in production, growing such new seeds as hybrid rice, hybrid maize varieties, soy-beans both to stabilise food security and to produce export products. Significantly developing livestock husbandry; recovering and expanding handicraft, especially building the centres of ecological traditional cultural craft villages. Continuing infrastructure improvement for a facilitation of agriculture and rural development, concurrently creating premise for the next progress, enhancing the people's higher intellectual standard, improving their material and spiritual life; effectively carrying out State and Party policies on ethnic groups, consolidating national defence and security, political stabilisation and social order and safety.

Entering into a new stage implementing national modernisation and industrialisation and heading for international integration, Muong Lat district's Party's Committee, People's Committee, authorities and the entire people determinedly endeavour to successfully realise the set targets of socio-economic development. However, Muong Lat is now facing with many difficulties due to the objective conditions. Thus, the Party's Committee and People's Committee of the district need due attention, leadership, direction and investment of the State, the Province to pace up with the other districts in the province in particular and in the country in general.

HUYỆN QUAN SƠN

LÂM NGHIỆP - TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong vài năm trở lại đây, nhờ sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, thông qua Chương trình 135 của Chính phủ, cùng sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu, đoàn kết một lòng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đưa Quan Sơn từ một huyện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp, hạ tầng cơ sở kém từng bước vươn lên thoát khỏi đói nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Quan Sơn là một huyện biên giới vùng cao của tỉnh Thanh Hoá (6/11 xã vùng biên giới), nằm cách thành phố Thanh Hoá 141 km về hướng tây bắc. Được thành lập ngày 1-1-1997 theo Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 18-11-1996 của Chính phủ trên cơ sở tách ra từ huyện Quan Hoá (cũ), phía tây bắc huyện Quan Sơn giáp huyện Quan Hoá, phía Đông giáp huyện Bá Thước, phía nam giáp huyện Lang Chánh và phía tây giáp huyện Viêng Xay, huyện Sầm Tớ tỉnh Hủa Phăn nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Diện tích tự nhiên là 93.109 ha, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 66,4%, đất nông nghiệp 6,4%, còn lại là các loại đất khác. Dân số huyện Quan Sơn là 32 vạn người, bao gồm các dân tộc Mường, Mông, Kinh và Thái (chiếm 85,5%).

Ông Phạm Văn Thư – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quan Sơn

Hiệu quả từ hướng đầu tư đúng

Ngay từ khi thành lập, được sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chương trình định canh định cư, Chương trình 135, chương trình trung tâm cụm xã, chương trình biên giới, bình quân mỗi năm huyện Quan Sơn được đầu tư hàng chục tỷ đồng. Do vậy, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, số hộ nghèo giảm từ 53,6% (năm 1997) xuống còn 38% (theo tiêu chí mới năm 2002).

Các chương trình đầu tư thường tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu giúp đồng bào các dân tộc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, tăng cường kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh phát triển tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện phát triển bền vững ở vùng miền núi. Với diện tích đất rừng chiếm 66,4%, Quan Sơn đã xác định đi lên bằng kinh tế đồi rừng là chính. Vì vậy, công tác quản lý và phát triển rừng được huyện xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Chỉ trong vòng 5 năm (1998 - 2002), Quan Sơn đã tăng độ che phủ của rừng từ 40% lên 67,7%. Hiện nay, Quan Sơn được đánh giá là huyện có diện tích rừng che phủ lớn nhất của tỉnh Thanh Hoá và là huyện đi đầu trong công tác xã hội hoá nghề rừng. Đại bộ phận diện tích rừng Quan Sơn là cây nguyên liệu, trong đó diện tích cây luồng là 8.000ha, cây quế là 600ha. Nhưng do vị trí địa lý tương đối xa vùng trung tâm, nên nguồn nguyên liệu này chưa được sử dụng theo hướng công nghiệp, nhân dân trong huyện mới chỉ có thể khai thác nhỏ lẻ phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày.

Cùng với phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp trong những năm qua cũng được Đảng bộ, chính quyền huyện Quan Sơn quan tâm đúng mức. Với quỹ đất nông nghiệp chỉ có 5.924,34 ha, nhưng Quan Sơn đã nhanh chóng đưa các loại giống mới vào gieo trồng, áp

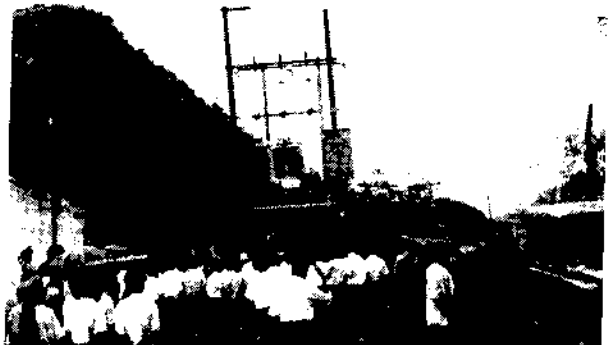

Trạm điện hạ thế 110 KVA được đưa vào sử dụng tháng 1-2000 tại trung tâm huyện Quan Sơn

dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất. Đến nay, hầu hết các xã đều đưa giống lúa lai vào canh tác mùa vụ theo chương trình hỗ trợ giống 135 của Chính phủ với năng suất lúa ruộng đạt 31,3 tạ/ha. Với cây lúa cạn, ban định canh định cư phối hợp với các phòng ban chức năng đưa giống lúa chịu hạn vào trồng thí điểm ở các xã Sơn Lư, Mường Mìn,... theo chương trình định canh định cư đã cho năng suất cao hơn 17% so với giống lúa địa phương. Bên cạnh đó, Quan Sơn cũng chủ động đưa các lại cây công nghiệp như: lạc, đậu tương vào trồng thử, bước đầu cho giá trị kinh tế cao. Đặc biệt, đậu tương - loại cây có giá trị kinh tế cao - mới được đưa vào trồng trong mấy năm gần đây đã giúp người nông dân cải thiện đời sống.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện tuy phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của huyện. Các ngành chủ yếu là khai thác đá, cát sỏi, mộc dân dụng và hàng may đo, dệt thổ cẩm,... Trong đó, nghề dệt thổ cẩm là một ngành nghề truyền thống của người dân Quan Sơn. Sản phẩm thổ cẩm ở đây bền, đẹp nhưng hiện vẫn chưa có thị trường tiêu thụ. Đây cũng là một trong những khó khăn của Quan Sơn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Là huyện miền núi vùng biên, Quan Sơn có nhiều lợi thế trong phát triển thương mại - dịch vụ. Trong những năm qua, cửa khẩu Na Mèo, nơi thông thương giữa Việt Nam và Lào là nhân tố quan trọng trong sự phát triển ngành dịch vụ - thương mại của huyện. Hàng năm, giá trị ngành thương mại - dịch vụ tăng cao. Các hoạt động thương mại, số chủng loại hàng hoá tương đối đa dạng,

Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo - động lực thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển

Thực hiện Quyết định số 891/TTg ngày 23-11-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 1996 - 2010, tại kỳ họp thứ nhất Đại hội Đảng bộ huyện Quan Sơn (năm 1997), Đảng bộ, chính quyền huyện Quan Sơn đã xác định rõ vai trò, vị trí chiến lược của khu kinh tế mở cửa khẩu Na Mèo. Theo đó, khu kinh tế này thuộc bản Na Mèo (km 88 xã Na Mèo), với diện tích đất quy hoạch xây dựng đô thị là 120 ha, nằm trên quốc lộ 217.

Thực tế cho thấy, từ lâu, khu vực này đã hình thành tụ điểm kinh tế và dân cư của huyện Quan Sơn. Na Mèo là cửa ngõ phía tây của tỉnh Thanh Hoá - Việt Nam với tỉnh Hủa Phăn - Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, đồng thời cũng là nơi giao lưu hàng hoá và thương mại giữa hai tỉnh. Từ đó, cửa khẩu Na Mèo giữ vị trí hết sức quan trọng về kinh tế, quốc phòng - an ninh và văn hoá - xã hội.

Cửa khẩu Na Mèo có vị trí địa lợi, cách thành phố Thanh Hoá 194 km, cách trung tâm huyện lỵ Quan Sơn 53 km về phía Việt Nam và cách tỉnh lỵ Hủa Phăn 80 km, huyện lỵ Viêng Xay 40 km về phía Lào. Đô thị cửa khẩu Na Mèo, phía bắc giáp sông Luồng; phía đông giáp sông Luồng và quốc lộ 217; phía nam giáp đồi rừng, phía tây giáp tỉnh Hủa Phăn (Lào). Với địa giới hành chính như vậy, Na Mèo không những đã khẳng định vị thế là vùng động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quan Sơn, mà còn là vị trí quan trọng trong an ninh - quốc phòng của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và Việt Nam nói chung. Do vậy, đây là hướng đầu tư đúng của Đảng, Nhà nước trong quan hệ hợp tác trước mắt cũng như lâu dài đối với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các nước trong khu vực.

đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong huyện.

Được đánh giá là huyện sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trợ giúp từ Chính phủ, của tỉnh và các tổ chức quốc tế, trong thời gian qua, huyện Quan Sơn đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận trong phát triển kết cấu hạ tầng. Theo đó, trong lĩnh vực giao thông, quốc lộ 217 đoạn từ km số 0 ngã ba Đồng Tâm, qua huyện lỵ Quan Sơn, lên cửa khẩu Na Mèo sang Lào đã được nhựa hoá. Hàng chục tuyến đường liên xã, liên thôn được đầu tư nâng cấp và làm mới. Nhiều cầu treo kiên cố đã được xây dựng thay cho cầu phao bắc tạm. Tuy vậy, vào mùa mưa, ôtô khó có thể đến được trung tâm xã (dù hiện nay 11/11 xã đã có đường ô tô đến được trung tâm xã). Do vậy, Quan Sơn rất cần sự trợ giúp từ bên ngoài để hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn huyện. Ngoài ra, các công trình phúc lợi như: trường học, trung tâm y tế cũng được đầu tư xây dựng khang trang; dự án nước sạch do UNICEP tài trợ, chương trình định canh định cư đã góp một phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hệ thống lưới điện quốc gia đã đến được 7/11 xã; 3/11 xã đã có hệ thống thông tin liên lạc, điểm bưu điện - văn hoá xã. Các trạm phát thanh, truyền hình được đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Thông qua đó, người dân hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, từ đó nhận thức và tiếp thu những phương thức sản xuất tiên tiến, góp phần xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Trong lĩnh vực giáo dục, Quan Sơn đã xoá bỏ hơn 50% trường tranh, tre, nứa, lá. Các trường học được

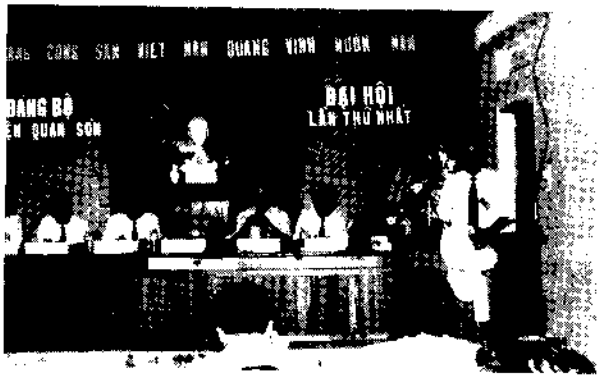

Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ huyện Quan Sơn

đầu tư xây dựng mới đã đáp ứng yêu cầu dạy và học. Đến nay, Quan Sơn đã xây dựng được 4 trường chuẩn quốc gia, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vào năm 2000. Hiện nay, huyện đang phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Chất lượng dạy và học nâng lên rõ rệt. Số học sinh thi học sinh giỏi cấp tỉnh mang lại kết quả đáng khích lệ. Số học sinh đỗ tốt nghiệp các cấp ngày càng tăng cao. Năm 2002, tốt nghiệp tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 98,35%, trung học phổ thông đạt 100%.

Sau khi trung tâm y tế huyện, các trạm xá xã, thôn, bản được đầu tư xây dựng đã đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân trong huyện và người dân các tỉnh của Lào giáp biên giới với Việt Nam. Ngoài ra, trung tâm y tế huyện còn làm tốt nhiệm vụ tiếp nhận và cấp thuốc không thu tiền theo Chương trình 135, quá trình tiếp nhận cấp phát thuốc được đảm bảo tới từng hộ. Do vậy, sức khoẻ người dân ngày càng đảm bảo.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được đảm bảo, tình hình hoạt động thương mại hai chiều ở địa bàn biên giới diễn ra thường xuyên. Đặc biệt trong quan hệ đối ngoại với huyện Viêng Xay của Lào rất được Quan Sơn chú trọng, qua đó tạo nên tình đoàn kết hợp tác hữu nghị giữa hai địa phương nói riêng và hai quốc gia nói chung.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2005

- *Tổng diện tích gieo trồng: 5.214 ha/năm.*
- *Tổng sản lượng lương thực (quy thóc): 12.946 tấn.*
- *Năng suất bình quân: 40 tạ/ha.*
- *Bình quân lương thực: 340 kg/người/năm.*
- *Giá trị tiểu thủ công nghiệp tăng 5%/năm.*
- *Định hình vùng kinh tế luồng 10.000 ha, nứa vầu 40.000 ha, độ che phủ rừng lên 83%.*
- *Giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn 30%.*
- *Hệ thống giao thông đến trung tâm xã đạt 100%.*
- *Điện lưới và thông tin liên lạc phủ 100% xã.*
- *Số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh: 90 - 95%/năm.*

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005

Phát huy những thành tích đạt

được trong những năm qua. Quan Sơn tiếp tục công cuộc đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân các dân tộc, nâng cao trình độ dân trí của nhân dân, qua đó tạo tiền đề để tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của huyện và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - thương mại với định hướng chung là: lấy cây lương, cây vầu, cây nứa làm kinh tế mũi nhọn; lấy cây lúa, cây ngô, cây sắn làm cây lương thực chính; lấy chăn nuôi đại gia súc, gia cầm làm con nuôi chủ yếu; lấy trang trại vừa và nhỏ làm hình thức sản xuất cơ bản; lấy ổn định xã hội là một trong những điều kiện để phát triển.

Song song với việc xây dựng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2005, Quan Sơn luôn mong muốn khu kinh tế mở cửa khẩu Na Mèo sớm được khởi công xây dựng, đưa cửa khẩu Na Mèo trở thành cửa khẩu quốc tế, góp phần thắt chặt mối quan hệ giao thương giữa hai địa phương, giữa hai quốc gia Việt - Lào và nhân dân các dân tộc hai nước.

Từ những thành quả trên, Quan Sơn luôn khắc sâu và ghi nhận sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của các cấp lãnh đạo tỉnh Thanh Hoá. Bên cạnh đó, Quan Sơn cũng có một số kiến nghị với Đảng, Nhà nước, cùng các cấp uỷ Đảng, chính quyền tỉnh Thanh Hoá sớm có những phương sách trong đầu tư xây dựng nhà máy sơ chế giải quyết đầu ra cho sản phẩm vùng cây trồng lâm nghiệp; sản phẩm tơ tằm dệt thủ công truyền thống của các dân tộc giữ nét dân tộc Việt Nam mà Quan Sơn vẫn gắng lưu truyền. Để từ đây, Quan Sơn sẽ đồng sức, đồng lòng từ cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc sống trên địa bàn phát huy hơn nữa nội lực, xây dựng huyện nhà, tỉnh nhà và quê hương Việt Nam ngày càng phồn vinh.

QUAN SON DISTRICT

FORESTRY - PREMISE FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

In the last few years, thanks to the State due investment, through Programme No 135 by the Government together with the great efforts and high consensus by the district Party committee, authorities and local people, Quan Son, from a district with special difficult socio-economy, low intellectual standard and undeveloped infrastructure, has gradually escaped from hunger and poverty. Moreover, the people's material and spiritual life have been remarkably improved.

Quan Son is an upland frontier district of Thanh Hoa province with 6/11 communes in frontier areas. It is 141km far from Thanh Hoa City in the northwest. Founded on January 1st 1997 under the Decree No 72/NĐ-CP dated November 18th 1996 by the Government on the basis of the separation from former Quan Hoa District, Quan Son shares the northwest, east, south, and west borders with Quan Hoa, Ba Thuoc, Lang Chanh and the Socialist Republic of Laos's Vieng Xay and Sam To districts respectively. The district's natural area covers 93,109ha, of which forestry and agriculture land area accounts for 66.4% and 6.4%. Quan Son has the population of 320,000 including the Muong, the Mong, the Kinh and the Thais (occupying 85.5%).

Success from appropriate investment

Right after establishment, thanks to the state support via the settlement, No.135, commune center and frontier programmes, the State annually invests tens of billion dongs in Quan Son. As a result, the people's living standard has gradually improved; the number of poor households declined to 38% from 53.6% in 1997 (according to new criterion of 2002).

Investment programmes are mostly focused on the main tasks inclusive of helping people minorities

to shift their economic structure towards multi-sector commodity production; promoting infrastructure synchronously; accomplishing forest resource development; protecting ecological environment and enhancing sustainable development in mountainous areas. With the total forest area of 66.4%, Quan Son decided to achieve a rise from forestry. Therefore, forest management and development are considered the principal task. For only 5 years (1998-2002) Quan Son increased the coverage area to 67.7% from 40%. Quan Son is now regarded as the largest coverage area district in ThanhHoa province and a leading district in forestry socialization. Majority of forest area in Quan Son is used to grow raw-material trees, of which the area for planting Luông (a kind of bamboo) and cinnamon trees covers 8,000ha and 600ha respectively. However, because of being located far from the center, these raw-material resources have not been used for industrial production yet. Instead, the local inhabitants only use them for their daily needs.

Not only forestry but also agriculture, in recent years, has earned due attention from the district Party Committee and authority. In spite of 5,924.34ha agriculture land area in total, Quan Son has rapidly cultivated new breeds, applied scientific and technological advances to increase productivity. Up to now, under the Government's breed support programme No.135, most of the district's communes have grown hybrid rice that can bring about 31.3 quintal/ha. As for dry rice, the district settlement board together with the functional boards, under the settlement programme, firstly grew drought-bearing high productive rice (17% higher than that produced by local rice) in Son Lu, Muong Lin communes. Besides, Quan Son has actively cultivated such industrial trees as peanut and soybean, which initially gained high economic

Na Meo frontier economic zone motivation for socio-economic development

Under Decision No.891/TTg dated November 23rd 1996 by the Prime Minister on approval to Thanh Hoa Socio - economic Development Orientation period 1996-2002, in the first session of Quan Son Party Committee Meeting (1997), the district's Party Committee and authority clearly defined role and strategic position of Na Meo Frontier Pass' open economic zone. Accordingly, the economic zone belongs to Na Meo village (at km88, Na Meo commune), with 120ha of total planning area for urban construction in highway 217.

In reality, quite a few Quan Son's economic and residential zones were built in this area. Na Meo is the western gateway joining ThanhHoa Province (Viet Nam) with Hua Phan Province (the Socialist Republic of Laos), concurrently the place for goods and trading exchanges of the two provinces. Consequently, Na Meo frontier pass plays a vital role in economy, national defence and security and social culture.

Na Meo frontier pass has favourable location, is 194km and 53km far from Thanh Hoa City and Quan Son centre to Viet Nam; 80km and 40km far from Hua Phan and Vieng Xay municipal centres to Laos respectively. Na Meo frontier urban area borders Luong River in the north, Luong River and highway No.217 in the east, forest in the south and Hua Phan province (Laos) in the west. With such administrative borderlines, Na Meo asserted its important motivation area not only in Quan Son's socio-economic development but also in security and defence of Viet Nam in general and Thanh Hoa Province in particular. Hence, investing in Na Meo is the Party and government's appropriate way in the immediate and long co-operative relations with the neighbouring Laos country and regional countries.

Headquarter of Quan Son District People's Committee

value. Particularly, soybean - a high economic value plant - which has just been grown for the past three years, has helped farmers to improve their lives.

Despite strong growth during recent years, the district's industry and handicraft production development has not been in correspondent to the district's potentials. Main industries are rock, sand and gravel exploitation, civil wooden furniture, garment and textile, and brocade knitting. Although being the traditional craft of Quan Son that can produce high quality goods, brocade knitting craft has had no consumption market, causing one of the difficulties facing Quan Son in its economic restructuring.

As a frontier mountainous district, Quan Son earns advantages to develop trade and services. In last few years, Na Meo frontier pass, where Viet Nam and Laos' trading activities take place, is an important factor for the district's trade and service development. Bustling business activities and abundant goods variety have met the local people's demands.

Being regarded as a district having used effectively supported capital from the governmental, municipal and international organizations, Quan Son has recently made acknowledgeable changes in infrastructure development. Accordingly, in terms of transport, highway No.217 from Km0 in Đông Tâm T-junction crossing Quan Son District Centre and Na Meo Frontier Pass to Laos neighbouring country was asphalted. Tens of inter-commune, inter-village roads were upgraded and renewed. Many temporary floating bridges were replaced with solid suspension ones. However, in rainy seasons, automobile can hardly reach the communal centre (although 11/11 communes have automobile ways to the communal centres). Hence, Quan Son needs supports from external resources to accomplish its transport system. In addition, such welfare works as schools and health care centres have been well-built; UNICEF-supported clean water programme and settlement programme have made a great contribution to the district's socio-economic development. The national power grid has supplied electricity to 7/11 communes; 3/11 communes had telecommunication systems, cultural post offices. Radio and television stations, which were built and put into operation, have not only aided the local people' intellectual standard improvement but also propagated the Party's and State's policies so as to perceive the advanced production methods, contribute to the district's hunger elimination and poverty alleviation.

Regarding education, Quan Son replaced over 50% of thatched schools with newly-built ones to meet teaching and studying demands. So far, Quan Son has built four national standard schools, accomplished compulsory primary schools for the right age in 2002. At present, Quan Son is making great efforts to get compulsory junior secondary school. Teaching and studying quality has been drastically improved. The number of pupils attending municipal competitions made encouraging achievements. The proportion of pupils passing the final exams is increasing. In 2002, the final exam passing rate at primary, junior and senior secondary levels accounted for 100%, 98.35% and 100% respectively.

District and communal health care centres after constructed have met the demands on examination and treatment of the local and the neighbouring Laos' people. Moreover, the district health centre has effectively carried out the tasks of receiving and distributing medicines free-of-charge to each household under Programme No.135, ensuring the local people' heath.

Steadiness has been maintained in the national defence and security. The district's political situation

and social order and safety are stabilised. Bilateral business activities in frontier areas are in the best operation, of which diplomatic relations with the neighbouring Laos' Vieng Xay district draw more attention from Quan Son authority, setting up friendly solidarity and co-operation between the two countries in general and the two localities in particular.

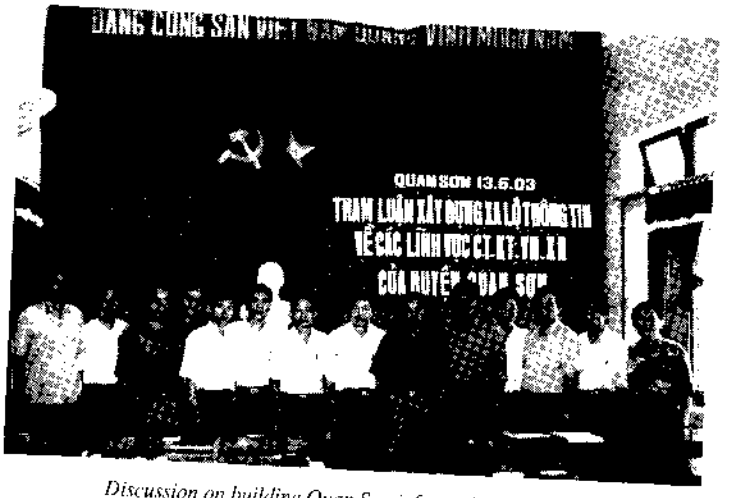

Discussion on building Quan Son information expressway

Socio-economic development target by 2005

Promoting the past few years' achievements, Quan Son has continued its renovation, political stabilisation, the Party and local people' solidarity enhancement, people intellectual standard improvement. That creates premises for the district to exploit effectively its potentialities and strengths; accelerate economic restructuring in agriculture - forestry - handicraft and trade - services based on the general orientations: considering Luong, Vau, Nua trees as spearheaded economy; rice, maize, cassava as key food trees; cattle and poultry as main livestock; small and medium farms as the principal production method; social stability as a development condition.

Parallel with setting up the district's socio-economic development targets by 2005, Quan Son expects Na Meo open economic zone to be soon constructed and become an international frontier pass, leading to close diplomatic and commercial relationship between the two localities, the two countries Viet Laos as well as their people.

From these above-mentioned results, Quan Son engraves and acknowledges the Party, State and Thanh Hoa's leaders' investment. However, Quan Son needs the Party, State and Thanh Hoa's Party executive committees and authorities' guidelines for preliminary-production factory construction to ensure output for the forestry, traditional handicraft silk produces, which the district has endeavoured to preserve. Quan Son will be unanimous with the district party committee, authorities and people to bring internal sources into play, making the district, province and Viet Nam more and more prosperous.

Major targets by 2005

- *Total cultivation area: 5,214ha/year*
- *Total food output (converted to rice): 12,946 tonnes*
- *Average productivity: 40quintal/ha*
- *Average per capita food output: 340kg/year*
- *Increase handicraft production value by 5%/year*
- *Rise Luong economic zone area: 10,000ha; Nua, Vau: 40,000ha; forest coverage area to 83%*
- *Decrease hunger and poverty rate to 30%*
- *Transport system to communal centre: 100%*
- *Power grid and telecommunication: 100% communes*
- *Pure and powerful Party grassroots units: 90 – 95%/year.*

Phần IV

KẾT CẤU HẠ TẦNG

Part IV

INFRASTRUCTURE

ĐIỆN LỰC THANH HOÁ

VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Thanh Hoá là một tỉnh có diện tích rộng lớn với 11 huyện miền núi, địa hình đa dạng, phức tạp và không ít vùng hiểm trở. Đây là một trở ngại lớn đối với ngành điện lực Thanh Hoá trong việc phát triển lưới điện, mang ánh sáng đến với mọi người dân. Song vượt lên mọi khó khăn, điện lực Thanh Hoá đã phát huy truyền thống của một đơn vị anh hùng, khẳng định vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá quê hương.

Khởi đầu từ một nhà máy điện với công suất 600 KW do Liên Xô giúp xây dựng năm 1956, đến nay, Thanh Hoá đã có 2 trạm biến áp 220 KV, 9 trạm biến áp 110 KV, 36 trạm trung gian 35 KV và gần 2.000 trạm biến áp phụ tải, trên 6.000 km đường dây các cấp điện áp, đem ánh sáng đến mọi nhà, góp phần đắc lực trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Các đồng chí lãnh đạo tỉnh và ngành điện lực gặp gỡ các thế hệ cán bộ ngành Điện lực Thanh Hoá nhân kỷ niệm 30 năm ngày truyền thống ngành (4-4-1965 - 4-4-1995)

Truyền thống hào hùng

Nhà máy Điện Thanh Hoá (là tiền thân của Điện lực Thanh Hoá ngày nay) được thành lập từ tháng 4 năm 1961 trên nền tảng thống nhất 4 cơ sở phát điện trong tỉnh gồm: Lô Cô - Hàm Rồng công suất 600KW, thuỷ điện Bàn Thạch công suất 900 KW, nhiệt điện Cổ Định công suất 1.500 KW và nhiệt điện Hàm Rồng công suất 3.000 KW. Bốn cơ sở phát điện này được liên kết với nhau bằng hệ thống đường dây 35 KV. Đội ngũ công nhân viên nhà máy lúc bấy giờ có khoảng 400 người với 2 kỹ sư chuyên ngành điện. Tuy lực lượng ít ỏi nhưng ngành đã cung cấp nguồn điện năng lớn phục vụ sản xuất công - nông nghiệp của tỉnh và điện làm việc, sinh hoạt cho các cơ quan, nhân dân thị xã Thanh Hoá.

Trong thời kỳ đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, Thanh Hoá là một trong những trọng điểm đánh phá của đế quốc Mỹ, bởi đây là cửa ngõ cung cấp nguồn lực cho chiến trường miền Nam. Trong hai ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1965, hai cơ sở phát điện của Nhà máy điện Thanh Hoá tại khu vực gần cầu Hàm Rồng bị bắn phá ác liệt. Trong những ngày tháng tiếp theo, đế quốc Mỹ liên tiếp bắn phá các cơ sở phát điện còn lại của Nhà máy điện Thanh Hoá là nhiệt điện Cổ Định và thuỷ điện Bàn Thạch. Bom đạn đã chà đi sát lại hàng trăm lần, hàng ngàn tấm bom đã dội xuống các cơ sở của nhà máy khiến các cơ sở, thiết bị hư hỏng nặng. Nhưng với quyết tâm giữ vững dòng điện như giữ vững mạch máu của chính mình, cán bộ, công nhân viên nhà máy đã không kể ngày đêm sửa chữa, khôi phục kịp thời, đảm bảo dòng điện thông suốt. Không chỉ có vậy,

Nhà máy điện Thanh Hoá (nay là Điện lực Thanh Hoá) còn không ngừng xây dựng, phát triển lưới điện trên phạm vi toàn tỉnh. Do đó, đến năm 1975 toàn tỉnh Thanh Hoá đã có 10 trạm biến áp trung gian 35 KV, 79 trạm biến áp phụ tải, 215 km đường dây 35 KV, 129 km đường dây 6 và 10 KV. Mạng điện đã đi sâu vào vùng nông thôn đến các nông trường, xí nghiệp, các trạm bơm điện, kịp thời phục vụ sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh.

Với những chiến công lừng lẫy ấy, ngành điện lực Thanh Hoá đã được Chính phủ tuyên dương và phong tặng danh hiệu Anh hùng (12-1966). Trong bài diễn văn đọc tại lễ tuyên dương có đoạn: "Giặc Mỹ đánh 170 trận bom, ném hàng ngàn quả bom, nhưng cán bộ, công nhân, nhà máy vẫn vững vàng trên vị trí sản xuất, kiên cường đánh trả địch, bảo vệ nhà máy, xông pha dưới bom đạn, phục vụ chiến đấu, hăng hái cứu chữa xí nghiệp bạn, bảo vệ tài sản của nhân dân".

Cái được lớn nhất không phải là lợi nhuận

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, nhà máy được đổi tên thành Sở Quản lý phân phối điện Thanh Hoá (năm 1977). Cùng với sự đổi thay của đất nước, nhiệm vụ của ngành điện lực Thanh Hoá càng thêm nặng nề. Trong các 1980 - 1982, sở được giao nhiệm vụ cung cấp điện phục vụ việc xây dựng Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, tạo tiền đề cho sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh trong khí thế cả nước bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước sau chiến tranh. Lúc này, ngành điện lực Thanh Hoá đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh với 1 trạm biến áp 220 KV, 7 trạm biến áp 110 KV, 36 trạm biến áp trung gian 35 KV và gần 2000 trạm biến áp phụ tải. Đến cuối năm 2001, ngành đã cấp điện lưới quốc gia cho huyện Mường Lát, một huyện xa nhất với địa hình phức tạp nhất của tỉnh, hoàn thành cấp điện lưới quốc gia cho 100% huyện.

Hiện nay, Điện lực Thanh Hoá cung cấp trên 900 triệu kWh điện thương phẩm mỗi năm, doanh thu bán điện trên 500 tỷ đồng, nộp ngân sách cho địa phương gần 30 tỷ đồng. Điện lưới quốc gia đã về 27/27 huyện thị, thành phố, hơn 80% số xã và hộ dân.

Tuy nhiên, cái được lớn nhất không phải là lợi nhuận, với Thanh Hoá - một tỉnh có diện tích rộng lớn, địa hình phức tạp, dân số đông và thu nhập chưa cao thì hạch toán kinh tế không phải mục tiêu chính. Thực tế cho thấy việc thu hồi vốn từ bán điện cho dân không đủ chi phí mở rộng hệ thống lưới điện. Mặc dù ngành điện lực Thanh Hoá đã chuyển sang hình thức kinh doanh, nhưng lợi nhuận không phải là mục tiêu mà cái được lớn nhất là toàn dân trong tỉnh được sử dụng điện để sinh hoạt và sản xuất.

Với phương châm hoạt động như vậy, những năm gần đây, Điện lực Thanh Hoá đã bám sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kết hợp chặt chẽ với ngành và địa phương lập kế hoạch, từng bước thực hiện cải tạo toàn bộ hệ thống lưới điện trong tỉnh.

Đối với 48 xã miền núi vùng sâu, vùng xa, ngành điện có chủ trương: trước mắt tỉnh cho địa phương vay vốn đầu tư xây dựng công trình điện, tiền lãi suất hàng năm địa phương phải trả. Sau 3 năm hoàn thành công trình, ngành điện sẽ hoàn trả lại vốn theo quyết toán của cơ quan kiểm toán.

Đối với điện lưới nông thôn, ngành chỉ tập trung cải tạo, xây dựng từ máy biến áp trở lên, còn hạ thế

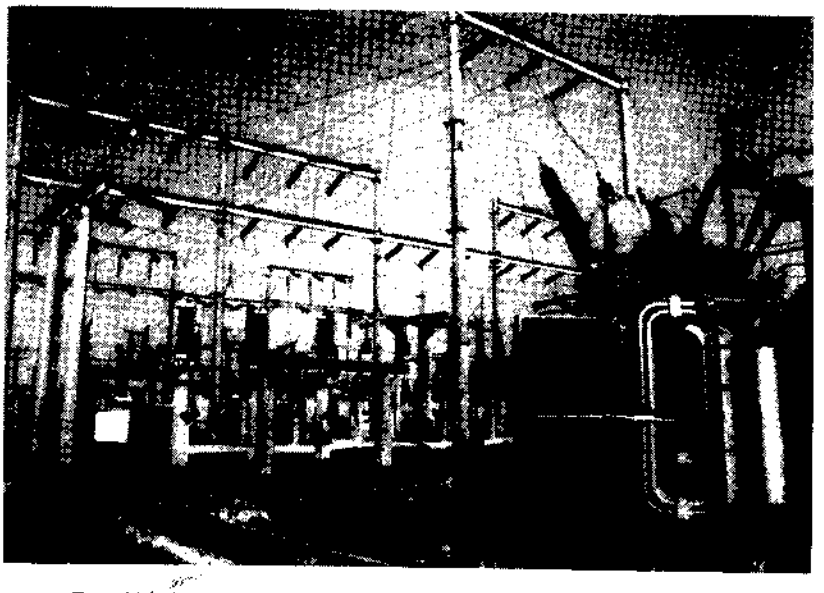

Trạm biến áp 110KV Núi Một – trạm biến áp 110KV đầu tiên của tỉnh Thanh Hoá

do chính quyền địa phương tự đầu tư cải tạo, mở rộng nhưng có sự tham gia ý kiến của ngành điện để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Vì thế, ngành luôn luôn hoàn thành kế hoạch trong từng năm.

Những khó khăn cần khắc phục

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, hiện nay ngành điện đang phải đối mặt với nhiều tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục.

Thứ nhất, ý thức sử dụng điện của nhân dân còn nhiều bất cập. Đa phần người dân chưa nhận thức một cách sâu sắc về vai trò của chính mình trong việc sử dụng và bảo vệ hệ thống điện. Vì thế, tình trạng thất thoát điện năng vẫn còn. Đây cũng là nhân tố tạo nên sức ép đối với ngành điện. Thực trạng này đòi hỏi cán bộ, công nhân viên trong ngành phải không ngừng tập trung làm tốt công tác kiểm tra, quản lý nhằm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh bán điện đang ngày một cao.

Thứ hai, việc bảo quản các thiết bị điện cũng gặp nhiều khó khăn. Thanh Hoá là một tỉnh có địa bàn rộng, địa hình phức tạp trong khi thiết bị lại không đồng bộ. Thêm vào đó, một đặc thù của ngành điện là thiết bị nằm rải rác khắp nơi, lại nhanh xuống cấp do phải chịu tác động của mưa nắng, đòi hỏi toàn xã hội cùng phải có ý thức bảo vệ. Song để nâng cấp trang thiết bị và khắc phục sự thiếu đồng bộ về thiết bị không dễ, bởi số vốn đầu tư đổi mới thiết bị của ngành điện là rất lớn, trong khi nguồn vốn thu được từ kinh doanh bán điện trong giai đoạn hiện nay chưa đủ để đáp ứng nhu cầu này.

Có thể nói, sau hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, ngành điện lực Thanh Hoá đã góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, đưa Thanh Hoá tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Với những thành quả đã đạt được, tập thể và nhiều cá nhân ngành điện lực Thanh Hoá đã vinh dự được Nhà nước và Chính phủ tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: danh hiệu đơn vị Anh hùng (năm 1966), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2003), 1 Huân chương Quân công hạng Ba, 3 Huân chương Chiến công, 8 Huân chương Lao động, 2 Anh hùng Lao động (1966 - 1975), 1 Chiến sỹ thi đua toàn quốc (năm 2000).

THANH HOA ELECTRICITY

IN THE INDUSTRIALIZATION, MODERNIZATION

Thanh Hoa is a large province made up of 11 mountainous districts with complicated and diversified terrain and numerous rough areas. This is a big obstacle to the Thanh Hoa Electricity in expanding power network and bringing light to residents. However, surmounting difficulties, Thanh Hoa Electricity has promoted traditions of a heroic unit, asserting its important role in the cause of industrialization, modernization.

Originating from a 600-KW power plant built in 1956 with assistance of the former Xoviet Union, Thanh Hoa has had two 220-KV transformer stations, nine 110-KV transformer stations, 36 intermediate stations of 35KV, nearly 2,000 additional charge transformer stations and more than 6,000 km of electric wire at all voltages providing light for every household, making remarkable contribution to the local socio-economic development cause.

Heroic tradition

Thanh Hoa Power Plant (the precursor of present Thanh Hoa Electricity) was founded in April 1961 on

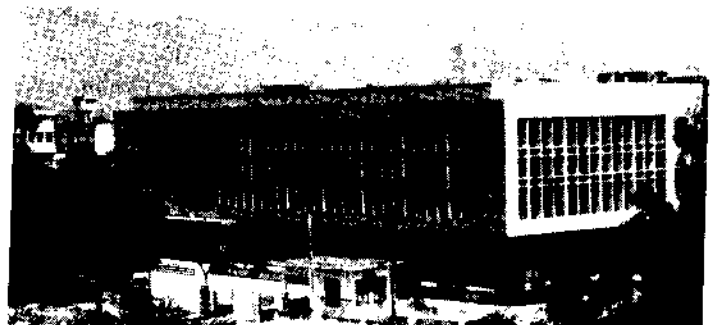

Panorama of Thanh Hoa Electricity head office

the basis of combining four provincial electricity generating installations including Lo Co - Ham Rong with capacity of 600 KW, Ban Thach Hydroelectricity of 900 KW, Co Dinh Thermo-electricity of 1,500 KW and Ham Rong Thermo-electricity of 3,000 KW, which connected each to other by 35-KV wire network. At that time, the plant staff consisted of nearly 400 workers and two electrical engineers. In spite of small human resource, Thanh Hoa Electricity has provided giant power source for industrial - agricultural production in the province, for daily use of agencies and residents in Thanh Hoa Town.

In the period of U.S troops escalating into a war in the North, Thanh Hoa was one of the key invading positions of U.S troops because it was the gateway providing forces for Southern battlefield. U.S troops fiercely attacked the two electricity generating installations of Thanh Hoa Power Plant near Ham Rong Bridge on April 3rd - 4th 1965, then Co Dinh Thermo-electricity and Ban Thach Hydroelectricity. Bombs and bullets were ceaselessly pouring forth. Thousands of tonnes of bombs thrown down the installations of the plant that made equipment heavily damaged. However, owing to determination to treasure electric current as their own blood vessel, regardless of days and nights, all the workers and engineers of the plant tried their best to quickly restore the damage and guarantee electricity availabl Moreover, Thanh Hoa Power Plant (preser day Thanh Hoa Electricity) kept up buildi and expanding power grid throughout t province. Thus, until 1975, Thanh H Province had 10 intermediate transform stations with the capacity of 35 KV, 79 add tional charge transformer stations, 215k electric wire of 35 KV, 129 km electric wi of six and ten KV. Power network h reached to rural areas, plantations, enterpri es and electric pumping stations for the sak of production, socio-economic developme and stability contributing to healing th wounds of war.

Thanks to that great success, the indus try of Thanh Hoa Electricity has been com mended and granted with the Title o Heroes (December 1966). The speech mad in the commendation recorded: "Th American invaders have bombarded 17 times with thousands of bombs. Howeve workers and engineers of the plant still kep their foothold in production, steadfastl fought against invaders to protect the plant regardless bombs and bullets served the struggle, enthusiastically gave help t neighboring enterprises and protected peo ple's properties".

Profit is not greatest success

After the South was fully liberated and the country reunified, the plant changed its name into Thanh Hoa Department of Power Distribution Management (in 1977). Parallel with the nation's changes, the tasks of Thanh Hoa Electricity became heavier. During 1980 - 1982, the department was assigned to supply electricity for building Bim Son Cement Plant, creating premises for the provincial economic development in the context that the entire population started to rebuild the nation after the war. At that time, Thanh Hoa Electricity industry built relatively comprehensive technical and material facilities including a 220-KV transformer

station, seven 110-KV transformer stations, 36 intermediate transformer stations of 35 KV and approximately 2,000 additional charge transformer stations. By the end of 2001, the industry supplied national power grid for Muong Lat - the most isolated district with the most complicated terrain in the province, and completed its national power grid supply for all the districts.

Presently, every year Thanh Hoa Electricity has supplied more than 900 million kwh of commercial electricity with the total revenue of over VND500 billion. Approximately VND30 billion is contributed to the local budget. The national power grid has reached to 27/27 districts and towns consisting of over 80% of the communes and households.

However, greatest achievement is not profit. Cost accounting is not main target for Thanh Hoa, a large province with complicated terrain, crowded population and low income. In fact, the capital withdrawn from power sale for residents is insufficient to pay for power grid extension. Although Thanh Hoa Electricity industry has shifted to business, profit is not the target; the greatest attainment is to supply the provincial entire people with electricity for living and production

With such a working motto, in recent years, Thanh Hoa Electricity has kept pace with provincial socio-economic development strategy, closely co-ordinated with the industry and locality to make plans and gradually improved the entire provincial power network.

For 48 remote and isolated mountainous communes, the industry has proposed polices as follows: initially, the province grants loan to the locality to invest in building electrical work, of which the locality pays yearly interests. Three years after completing the work, the electricity industry will refund capital according to balance sheet by an auditing agency.

For the rural grid electricity, the industry only focuses on improving and building transformers upward; low voltage electrical works are invested and expanded by the local authorities consulted by the electricity industry to ensure technical standards. Hence, the industry has always fully accomplished the annually plans.

Difficulties need to be surmounted

Apart from obtained achievements, the electricity industry is facing existing shortcomings and limitations that need to be surmounted.

Firstly, people's consciousness of electricity use stands at low level. Most of them are not fully aware of their role in using and protecting electricity network resulting in electricity losses. This factor places a pressure on the electricity industry and requires its electrical workers to incessantly focus on the tasks of control and supervision aimed at fulfilling the increasing electricity sales targets.

Secondly, the electrical equipment maintenance meets with numerous difficulties. Thanh Hoa occupies an extensive area with complicated terrain while equipment is asynchronous. Moreover, a distinct feature of the industry is equipment scattered everywhere and rapidly deteriorated due to effects of weather conditions, requiring sense of protection of the entire society. However, it is not easy to upgrade equipment and deal with equipment asynchronism because of big amount of investment capital on electrical equipment renovation while the capital source withdrawn from present power sale fails to meet this demand.

It can be said that after over 40 years of establishment and development, Thanh Hoa Electricity industry has made a significant contribution to accelerating production, developing economy, raising people's spiritual life, speeding up Thanh Hoa's industrialization and modernization. With the obtained achievements, the entire industry of Thanh Hoa Electricity and its members had honor of receiving a number of noble rewards from the Government and State including the title of Heroic Unit (in 1996), a Third-class Independence Order (in 2003), a Third-class Military Order, three Glory Orders, eight Labor Orders, two Labor Heroes (1966 - 1975), a National Emulation Soldier (in 2000).

NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HOÁ

XÂY DỰNG NỀN MÓNG VỮNG CHẮC CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

LÊ ĐÌNH THỌ
Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải tỉnh Thanh Hoá

Giao thông vận tải có vị trí vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh. "Phát triển giao thông vận tải sẽ tạo tiền đề, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong việc kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước" là mục tiêu hàng đầu của Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì thế, trong những năm gần đây, Thanh Hoá đã có nhiều cố gắng, tập trung thực hiện tốt việc phát triển giao thông vận tải.

Đồng chí Lê Đình Thọ - Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải tỉnh Thanh Hoá

Diện mạo giao thông vận tải không ngừng thay đổi

Sau ngày miền Nam giải phóng, phát huy truyền thống anh hùng, hoà nhịp với khí thế thi đua xây dựng và khôi phục đất nước, ngành giao thông vận tải Thanh Hoá không những khôi phục nhanh chóng hệ thống giao thông vật tải bị đánh phá nặng nề trong chiến tranh, mà còn mở rộng mạng lưới giao thông vận tải trên khắp vùng, miền trong tỉnh. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, song với tinh thần cố gắng, nỗ lực không ngừng, ngành giao thông - vận tải Thanh Hóa đã hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao với thành tích năm sau cao hơn năm trước cả về số lượng và chất lượng. Tính đến nay, sau gần 30 năm với sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Giao thông Vận tải, hệ thống giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đã dần hoàn chỉnh. Diện mạo giao thông Thanh Hoá từng bước đổi thay, từ quốc lộ đến tỉnh lộ, các đường liên huyện, liên xã, thôn, bản, từ miền đồng bằng lên đến vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, đã có hàng nghìn km đường được làm mới, nhiều công trình cầu cống được xây dựng đã nối nhịp sống của người dân nông thôn và miền núi với thành thị, tạo sự liên kết giữa các vùng, miền trong phạm vi toàn tỉnh.

Giao thông đường bộ: Thanh Hoá là một tỉnh có mạng lưới giao thông đường bộ lớn, được phân bố tương đối đồng đều, đặc biệt đối với khu vực miền xuôi. Hiện tại, Thanh Hoá có 7.811 km đường bộ, trong đó quốc lộ: 699 km, tỉnh lộ: 1.094 km, còn lại là các tuyến đường liên huyện, liên xã. Các trục chính từ thành phố Thanh Hoá đi các vùng, miền trong tỉnh được ưu tiên đầu tư xây dựng. Đó là các tuyến đường từ miền xuôi lên miền ngược; các tuyến đường phục vụ cho khu công nghiệp, khu du lịch,... được nâng cấp, với quy mô kỹ thuật ngày càng cao. Trong vòng hai, ba năm trở lại đây, ngành giao thông vận tải Thanh Hoá đã nâng cấp, cán đá rải nhựa, bê tông nhựa, hàng trăm km đường, phục vụ

Đôi nét về giao thông vận tải thời chiến

Trong suốt 20 năm (1955 - 1975) vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhưng năng lực ngành giao thông Thanh Hoá vẫn không ngừng phát triển. Đặc biệt trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến", hệ thống giao thông của Thanh Hóa nhanh chóng được khôi phục để đảm bảo con đường chi viện cho miền Nam luôn được thông suốt. Các đơn vị vừa sản xuất vừa chiến đấu đánh trả nhiều cuộc ném bom ác liệt của địch để giữ vững các tuyến đường, cầu phà... Trong đó, điển hình là các đơn vị như: Lực lượng tự vệ Công ty vận tải thuyền nan, Đội cầu 1, Hạt giao thông Tĩnh Gia, Hạt giao thông Nông Cống... Nhiều chiến sĩ làm nhiệm vụ ở các bến phà đã dũng cảm vượt qua bãi bom từ trường để đưa phà qua sông an toàn, viết lên những trang sử sáng ngời như: Bến trưởng Trần Hữu Thon, anh hùng liệt sĩ Mai Xuan Điểm, anh hùng Vũ Hùng Út...

Cùng với mạng lưới giao thông được mở rộng, năng lực vận tải trong tỉnh cũng không ngừng phát triển. Số lượng phương tiện vận tải tăng mạnh, đảm bảo yêu cầu vận chuyển hàng hoá, hành khách và những vận dụng thiết yếu cho chiến trường.

cho các khu công nghiệp của tỉnh như: Thanh Hoá - Sầm Sơn, Bỉm Sơn - Thạch Thành, Lam Sơn và Khu công nghiệp Nghi Sơn. Nhựa hoá tuyến đường Hồi Xuân - Tén Tằn và tuyến Đồng Tâm - Na Mèo, mở rộng thông thương với các tỉnh thuộc nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Bên cạnh hàng trăm km đường đã được cải tạo, nâng cấp, hàng chục cây cầu cũng đã được khởi công xây dựng với kỹ thuật hiện đại. Nhiều điểm vượt sông trước đây là các bến phà, cầu phao, nay đã có cầu bắc qua, trong đó có các cầu lớn như cầu Hoàng Long, cầu Thiệu Hoá, cầu Bái Thượng, cầu Kiểu, cầu Công, cầu Hồi Xuân, cầu Na Sài... đã được đưa vào sử dụng. Công tác duy tu sửa chữa đường bộ cũng được thực hiện thường xuyên. Thực hiện phương pháp khoán tự quản đến từng hạt, từng cung đường và người lao động. Nhiều hạt đã có phong trào thi đua "giữ đường" bảo đảm tuyến đường xanh, sạch, an toàn cho phương tiện và người qua lại. Nhiều huyện, xã thậm chí thôn, bản đã có cầu, đường nối liền, thoát khỏi tình cảnh "ốc đảo" như trước đây.

Trên lĩnh vực giao thông nông thôn và miền núi, Thanh Hoá là một trong những tỉnh có phong trào thi đua sôi nổi và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Thanh Hoá cũng là nơi khởi sướng phong trào toàn dân làm giao thông, nhất là việc đa dạng hoá kết cấu nền, mặt đường trong điều kiện một tỉnh có nguồn nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Phong trào từng bước đi vào chiều sâu, nơi ít vốn thì làm đường cấp phối, nơi có điều kiện hơn làm đường bê tông, lát gạch, cán đá rải nhựa... Chỉ từ năm 1998 - 2003 mạng lưới giao thông nông thôn và miền núi đã thay đổi lớn, tạo điều kiện cho việc vận chuyển và tiêu thụ nông sản, hàng hoá, đi lại của bà con nông dân thuận lợi hơn, góp phần xoá đói giảm nghèo, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông thôn.

Giao thông đường thuỷ, cùng với việc phát triển hệ thống giao thông đường bộ, ngành giao thông vận tải Thanh Hoá cũng chú trọng phát triển mạng lưới giao thông đường thuỷ. Với 30 con sông lớn nhỏ thuộc 2 hệ thống sông chính là sông Mã (gồm sông Mã, sông Chu, sông Lèn, sông Bưởi, sông Hoạt, sông Tào Xuyên...), và sông Yên với tổng chiều dài là 1768 km (trong đó, sông tự nhiên dài 1.488 km, sông kênh đào dài 280 km) là tiềm năng to lớn cho phát triển mạng lưới giao thông đường thuỷ nội địa Thanh Hóa. Đặc

biệt, hai hệ thống sông trên được nối với nhau bằng hệ thống kênh đào nhà Lê ra đời từ những năm 982 - 983 trải qua các thời kỳ được mở rộng, khơi sâu thêm tạo thành một tuyến kênh sông thông suốt từ Nam Định qua Thanh Hoá vào Nghệ An. Sông kênh nhà Lê đã nối hệ thống sông kênh của Thanh Hoá với với mạng lưới đường thuỷ phía Bắc làm cho vai trò kinh tế - xã hội của nó được tăng lên rõ rệt.

Những năm gần đây, nhờ được đầu tư thêm cơ sở vật chất nên cảng Lễ Môn có thể tiếp nhận tàu thuyền có trọng tải lớn hơn, tăng cường thiết bị chuyển tải, giải phóng nhanh phương tiện. Nhưng đáng kể nhất trong những công trình mà ngành giao thông vận tải Thanh Hoá xây dựng thời gian qua là công trình cảng nước sâu Nghi Sơn, đã được đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với tổng vốn đầu tư 198 tỷ đồng (chưa kể hệ thống ra vào cảng). Sau 3 năm thực hiện, đến năm 2002 đã chính thức đưa vào sử dụng đảm bảo cho tàu 10.000 tấn ra vào thuận lợi. Trong tương lai, hoạt động của cảng Nghi Sơn cùng với các khu công nghiệp khác sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Thanh Hoá điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, giải phóng sức lao động của nông thôn, phát triển kinh tế dịch vụ, đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa...

Giao thông đường sắt, Thanh Hoá có tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua với chiều dài 92 km, tạo sự đa dạng trong mạng lưới giao thông tỉnh.

Đổi mới và phát triển vận tải

Cùng với nhiệm vụ đảm bảo giao thông, trong nhiều năm qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, do nhu cầu thông thương ngày càng lớn, ngành giao thông - vận tải Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng vận tải hành khách và hàng hoá. Nhiều tuyến xe khách chất lượng cao đã hình thành và đưa vào khai thác. Công tác quản lý, củng cố hoạt động ở các bến xe được tăng cường như mở thêm bến xe phía nam, phía bắc thành phố Thanh Hoá, và ở cả 28 huyện thị trong tỉnh để đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của nhân dân, đồng thời tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động trong lĩnh vực vận tải. Nhờ đó, trong 5 năm qua số lượng hành khách vận chuyển lên đến

Bảng vàng thành tích

Qua quá trình xây dựng, chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, cán bộ, công nhân, lực lượng tự vệ ngành giao thông - vận tải Thanh Hoá đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Những thành tích đó đã được Nhà nước, quân đội của nước ta và nhân dân Lào ghi nhận, phong tặng các danh hiệu cao quý: 01 đơn vị anh hùng (tập thể Đội cầu 3 - 4 bến Ghép); 02 cá nhân được phong tặng danh hiệu anh hùng là anh hùng liệt sĩ Mai Xuân Điểm và anh hùng Vũ Hùng Út; 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Nhất; 12 Huân chương Chiến công hạng Ba; 12 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 02 Huân chương Kháng chiến hạng Hai; 12 Huân chương Kháng chiến hạng Ba; 01 Huân chương Lao động hạng Nhất; 06 Huân chương Lao động hạng Hai; 42 Huân chương Lao động hạng Ba; 02 Huân chương Ít-Xa-La. Ngoài ra, ngành Giao thông vận tải Thanh Hoá còn nhận được nhiều huân, huy chương, bằng khen,... của Bộ Giao thông, Bộ Nội vụ, Quân khu 4, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh,... tặng thưởng về thành tích sản xuất, chiến đấu, xây dựng lực lượng tự vệ, giữ vững an ninh - quốc phòng.

Đặc biệt, tháng 8-1998, cán bộ, công nhân viên lực lượng tự vệ ngành giao thông vận tải Thanh Hoá được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân. Đây là phần thưởng xứng đáng do những đóng góp to lớn cuả cán bộ, công nhân viên, lực lượng tự vệ, ngành giao thông - vận tải Thanh Hoá.

Ngày 01-04-2002, Đồng chí Lê Đình Thọ, lúc đó là Phó giám đốc Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá, kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án cảng Nghi Sơn đọc báo cáo quá trình xây dựng cảng Nghi Sơn - Thanh Hoá

11,7 triệu lượt người, trên 15 triệu tấn hàng hoá các loại, nộp ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

Sản xuất công nghiệp, trong những năm qua, các đơn vị sản xuất công nghiệp trong ngành đã mạnh dạn tìm hướng đi, đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng lĩnh vực hoạt động. Trong đó có nhiều đơn vị đạt doanh thu cao như: Công ty cổ phần đóng tàu Thanh Hoá, Công ty cổ phần cơ khí ôtô 19/5. Sản phẩm chủ yếu là sửa chữa phương tiện vận tải, máy thi công công trình, đóng mới tàu thuyền... đã đáp ứng được nhu cầu trong tỉnh. Đặc biệt, công nghiệp đóng tàu phát triển mạnh. Hiện nay, Công ty cổ phần đóng tàu Thanh Hoá đã đóng mới được tàu có trọng tải từ 600 đến 1.000 tấn.

Nhìn chung, với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự Đảng, lãnh đạo ngành, các đơn vị được sắp xếp lại, có định hướng sản xuất và phương thức làm ăn mới, nên trong những năm qua toàn ngành luôn đạt giá trị sản lượng cao và hoàn thành nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Định hướng phát triển và giải pháp

Bước sang thế kỷ XXI, ngành giao thông - vận tải Thanh Hoá phấn đấu nâng cao năng lực sản xuất, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá các lĩnh vực từ xây dựng cơ bản, vận tải đến sản xuất công nghiệp, đóng mới và sửa chữa phương tiện, không ngừng tổ chức quản lý có hiệu quả các cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Từ định hướng chung đó, ngành tập trung vào những mục tiêu cụ thể sau:

Về mạng lưới giao thông: ưu tiên nâng cấp các tuyến đường phục vụ cho phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp, nông nghiệp nói riêng, đặc biệt những vùng trọng điểm lúa, cây công nghiệp. Quy hoạch hệ thống giao thông vận tải trong thành phố Thanh Hoá và các nút giao thông trọng điểm... Bên cạnh đó, nâng cấp đường phục vụ cho các khu du lịch, nghỉ mát, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử. Đối với hệ thống

Hạng mục đầu tư và vốn đầu tư mạng lưới giao thông đến năm 2020

Tên các hạng mục	Chiều dài (Km)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Giai đoạn 1996 - 2010	Giai đoạn 2010 - 2020
Hệ thống đường bộ	845	4419,5		
Các công trình lớn trên mạng quốc lộ	19/3009 m	503,5	503,5	
Hệ thống tỉnh lộ	750	316,36	206,16	110,2
Các công trình lớn trên mạng tỉnh lộ	9/1.258 dự án	72	72	
Đường huyện và giao thông nông thôn	1061	324,7	193,5	131,2

Nguồn: Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá

cầu phà, ngành phấn đấu thay thế các bến phà, cầu phao, đường ngầm bằng các công trình thích hợp, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống.

Mạng lưới đường sắt, ngoài tuyến đường sắt quốc gia đi qua, ngành giao thông vận tải Thanh Hóa đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xây dựng đoạn đường sắt nối cảng Nghi Sơn với tuyến đường sắt Thống Nhất dài 12 km, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển Khu công nghiệp Nghi Sơn.

Hiện nay, Thanh Hoá vẫn chưa có hệ thống cảng hàng không. Tuy nhiên, mục tiêu của ngành trong giai đoạn 2005 - 2020 là nghiên cứu dự án tiền khả thi mở rộng sân bay Sao Vàng phục vụ cho quân sự và dân sự. Nghiên cứu dự án tiền khả thi phục hồi sân bay Lai Thành (thành phố Thanh Hoá) hoặc xây dựng sân bay mới tại khu vực xã Quảng Thọ và Quảng Tâm (huyện Quảng Xương) hoặc vùng Tĩnh Gia để phục vụ vận tải hàng không và nghỉ mát.

Hệ thống vận tải: phát triển phương tiện vận tải đường bộ có trọng tải vừa và nhỏ mang tính cơ động và tính năng thông qua cao, thích ứng với vùng nông thôn, miền núi. Xây dựng mới và củng cố các bến xe khách tại các thị trấn, trung tâm của huyện, và các cụm kinh tế. Khai thác triệt để vận tải đường thuỷ nội địa để các phương tiện vận tải nhỏ có thể đến các vùng sâu, vùng xa, theo hệ thống sông Mã, sông Chu và kênh đào. Lập dự án kéo dài, mở rộng cảng số I Nghi Sơn, phát huy hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh trong những năm kế tiếp.

Yêu cầu đối với định hướng phát triển của tỉnh Thanh Hoá là phải tận dụng ưu thế kinh tế mở, tạo động lực bằng nhiều đòn bẩy kinh tế để huy động các nguồn lực, đảm bảo đáp ứng chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư cho các thành phần kinh tế. Trong đó, giải pháp chủ yếu tập trung vào giải quyết vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2020 là rất lớn. Vì thế, để đạt được những mục tiêu và thực hiện được các phương án của quy hoạch đã nêu, cần tiến hành những giải pháp đồng bộ sau:

1) Hoàn chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020.

2) Nhu cầu phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020 là rất lớn. Vì vậy, để đạt được những mục tiêu và thực hiện được các phương án của quy hoạch đã nêu cần có một nguồn vốn lớn. Ngoài nguồn vốn cấp từ ngân sách nhà nước cần phải tận dụng các nguồn vốn từ các nguồn khác nhau như: nguồn vốn huy động từ nhân dân; vốn nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp, vốn ODA). Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh các hình thức BOT, BTO, BT... để phát triển hệ thống giao thông vận tải của tỉnh trong giai đoạn tới.

3) Ban hành những chính sách đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực bao gồm đào tạo lại, đào tạo mới.

4) Cần phải ứng dụng khoa học, công nghệ vào tất cả các khâu, các dự án thi công, đặc biệt là thi công cầu và đường...

5) Ban hành những cơ chế chính sách đồng bộ để tạo tiền đề cho sự phát triển hệ thống giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá.

Nhìn lại chặng đường đã qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, ngành giao thông vận tải Thanh Hoá càng nhận thức sâu sắc hơn vai trò động lực trong phát triển kinh tế của mạng lưới giao thông Vận tải. Trước thời cơ và thách thức mới, được sự quan tâm của Bộ Giao thông Vận tải, của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và sự giúp đỡ của các ngành, các cấp trong tỉnh, ngành giao thông vận tải Thanh Hóa phấn đấu đưa giao thông vận tải đi trước một bước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh, là hành trang, cùng cả nước vững vàng trong thiên niên kỷ mới.

THANH HOA TRANSPORT

CREATING SOLID FOUNDATION FOR THE INDUSTRIALISATION, MODERNISATION

BY LE DINH THO
Director of Thanh Hoa Department of Transport

Transport plays a crucial part in the province's industrialisation, modernisation. Thanh Hoa Party Committee and People's Committee defines the foremost target of the province as: "Development of transport will create good premises and incentives for the socio-economic development and facilitate both domestic and foreign investment appealing and encouraging. Therefore, Thanh Hoa has made great efforts and emphasised the transport development for the past few years.

Non-stop changing image of Thanh Hoa transport sector

Since the liberation day of the Southern Vietnam, continuing the heroic traditions and joining the emulation atmosphere of the country re-building, Thanh Hoa transport has not only rapidly restored the seriously destroyed transport system but also expanded it all over the province. With the strong will and great efforts, Thanh Hoa transport sector has fulfilled its functions and responsibilities, pursued the entrusted targets with yearly more and greater achievements in spite of the hard socio-economic situation. After nearly 30 years, Thanh Hoa transport system has been gradually perfected under the concerns of the municipal Party Committee, People's Council and People's Committee and the Ministry of Transport. The image of Thanh Hoa transport is changing progressively. Thousands of kilometres of roads and quite a few bridges and locks have been built bridging the rural and mountainous people with the urban life, creating a good link between the areas over the province.

Traffic: Thanh Hoa is one of the provinces to have the greatest system of roads that is rather fairly allocated, especially in the flat areas. There are totally 7,811 km of roads across Thanh Hoa Province, of which national roads account for 699 km, provincial roads make up 1,094 km and the rest are inter-district and inter-commune roads. The province has given priority to the construction of the main roads from Thanh Hoa City to the local areas. The roads from the flat to mountainous areas, and those serving the industrial and tourism zones have been upgraded with increasingly higher technologies levels. Over the past two or three years, hundreds of kilometres of the roads have been asphalt and tarred to serve the local industrial zones such as: Thanh Hoa – Sam Son, Bim Son – Thach Thanh, Lam Son and Nghi Son industrial parks. The Hoi Xuan – Ten Tan and Dong Tam- Na Meo roads have been asphalt, expanding trade with some provinces in Laos. Apart from that, tens of bridges have been built with modern technologies. Big rivers have been bridged including Hoang Long, Thieu Hoa, Bai Thuong, Kieu, Cong, Hoi Xuan and Na Sai bridges. Road reparation and upgrading are also implemented regularly.

Thanh Hoa transport during the nation's wars in brief

During the 20 years of production and war (from 1955 to 1975), Thanh Hoa transport sector was making non-stop improvements. Especially, through the years of the national fights against the American destroying war, restoration of Thanh Hoa's transport system was always made quickly, ensuring the well-working roads for military supplies to the south with the motto: "All for the front". People heroically worked as producers while fighting against the enemy's violent bombings to protect the roads, bridges and ferries. The most typical examples should be: Thuyen nan Transportation Company's militia, Bridge Team No.1, Tinh Gia Traffic Service and Nong Cong Traffic Service. Many of the soldiers who bravely crossed bomb falls to drive the ferries across the river safely have made the golden historical pages of the nation such as: Tran Huu Thon (chief of the ferry), Mai Xuan Diem (heroic martyr) and Hero Vu Hung Ut.

Along with the transport system expansion, the local transportation capacity was also continuously improved. A significant increase in number of transportation vehicles ensured the demands for goods, passengers and military supplies transportation to the front.

Works are contracted to certain traffic services, sub-services and individuals. Many stations have carried out the emulation movement of "protecting the roads" to keep the green, clean and safe roads for transport. Many districts, communes and even villages now have bridges and roads to other parts of the countries and become no longer isolated.

In terms of rural and mountainous transport, Thanh Hoa is one of the provinces to have the most exciting emulation movements with remarkable achievements. It is also the place where initiated the nation-wide transport movement, especially the diversification of the roadbed and surface structure. The movement has been progressively intensified with more macadam, cement concrete, paved and asphalt roads. In 1998 - 2003, the rural and mountainous transport system has been obviously changed, facilitating the agricultural products, goods and passengers transportation, making significant contributions to the hunger eradication and poverty alleviation, and helping boost the rural industrialisation and modernisation pace.

Waterway transport: Along with the road system, Thanh Hoa transport sector attaches great importance to the waterway transport. The 30 rivers in the two main river systems: Ma River (including Ma river, Chu, Len, Buoi, Hoat and Tao Xuyen rivers) and Yen River (1768 km long in total, of which natural rivers make 1,488 km and canals make the rest) are great potentials for Thanh Hoa's internal waterway transport expansion. Especially, the above two river systems are connected by the system of canals built in 982 - 983 under the Le Dynasty that have been expanded and deepened to be a through waterway from Nam Dinh, across Thanh Hoa to Nghe An. The Le Dynasty's canals link Thanh Hoa's canals with the north waterway, reinforcing their socio-economic importance.

Over the past few years, thanks to the intensive investment in facilities, Le Mon Port has become capable of receiving ships of greater load, unloading promptly, and

been reinforced with more transportation equipment. The most acknowledgeable works that Thanh Hoa transport has made recently should be deep water Nghi Son Port. The port's construction has finished the first phase with the total investment of VND198 billion (excluding the system of entries). After three years building, the port has started its operation in 2002 facilitating the landfall of 10.000 - tonne ships. In the future, the operation of Nghi Son Port and other industrial zones will create favourable conditions for Thanh Hoa to regulate its economic structure, enhance the industry's proportion, cut down that of agriculture, liberate the labour of rural areas, and boost the expansion of services and import - export.

Nghi Son Port, one of the most important trade rendezvous of Thanh Hoa Province

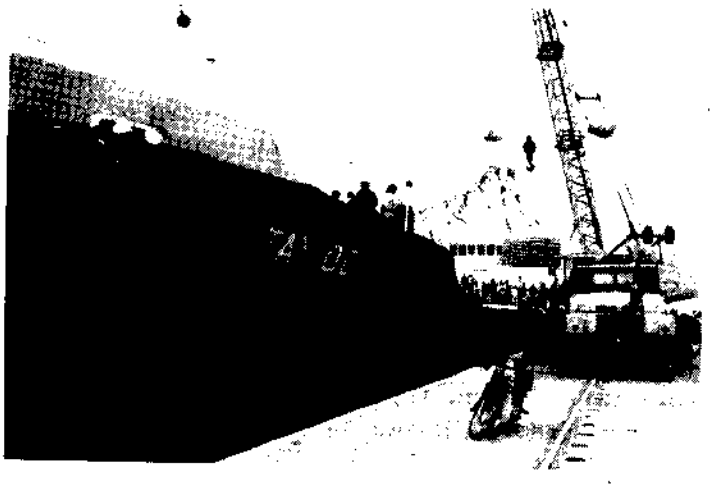

Railway transport: The North-South Railway running across Thanh Hoa with the total length of 92 km helps diversify the provincial transport system.

Transportation renovation and development

Apart from the responsibility to ensure transport, due to the increasing demands, Thanh Hoa transport sector has been focussing on improving the quality of goods and passengers transportation over the past years, especially during the Renovation time (Doi Moi). High-quality coach lines have been established and exploited. Coach stations management and consolidation has been reinforced. More stations in the south and the north of the city and in 28 districts and towns have been opened to meet the demands for transportation of the local people and create favourable conditions for all economic sectors to participate in transportation. As a

Rolls of honours

Through the building process and the struggles against the American invaders, the cadres, workers and militia of Thanh Hoa transport sector have made great contributions to the nation's liberation cause. Those achievements have been acknowledged and granted with honourable rewards of the Laotian State, military and people. One heroic unit (Bridge team No.3 and 4 in Ghep wharf) two heroes: Mai Xuan Diem (martyrs) and Vu Hung Ut, one Independence Order - Third Class, 12 War Resistance Orders of the first class, two of the second class and 12 of the third class, one Labour Order of the first class, six of the second and 42 of the third class, two It-Xa-La's Orders. Apart from that, Vietnamese Ministry of Transport, Ministry of Internal Affairs, the Fourth Military Zone, Thanh Hoa People's Committee and the municipal Military Command have rewarded Thanh Hoa transport sector for its satisfactory achievements in production, war resistance, militia building and national defence sustaining.

Especially, in August 1998, the cadres, workers and militia of Thanh Hoa transport sector were entitled the Hero of the People's armed forces by the State for their worthy contributions.

result, 11.7 million passengers and 15 million tonnes of goods have been transported over the past five years, making yearly bigger contributions to the State's budget.

Industrial production: Industrial productions have been boldly finding their own ways of development by investing in machinery renovation, product quality improvement and business expansion. Many of the local businesses have achieved high revenues such as Thanh Hoa Shipbuilding Joint-stock Company, 19/5 Automobile Engineering Joint-stock Company. Major products such as transportation vehicles, machinery and new ships have caught up with the local demands. In particular, shipbuilding industry has made an especially strong development. Thanh Hoa Shipbuilding Joint-stock Company can now build even ships with the capacity of 600 - 1.000 tonnes.

In general, with the concerns, direction and control from the Party's Civil Affairs Committee, the sectors' leaders and businesses have been re-organised with new production orientations and methods. Therefore, the entire industry always achieves high output value and fulfilled well the contribution to the State's budget.

Development orientations and solutions

Entering the 21st Century, Thanh Ho transport sector is striving to reinforce it production capacity, especially industria productions, gradually industrialise, mod ernise the capital constructions, transporta tion, and engineering, enhance the effec tiveness of the local transport facilities an infrastructure. In that general orientation the sector focuses most on the following targets:

In terms of transport network: giving priority to the upgrading of the arteries tha serve the economic development in genera and industrial and agricultural developmen in particular, especially in the key areas o rice cultivation and industrial production Planning the internal transport system o the city and the key arteries. Upgrading the roads to tourism zones and resorts, landscapes and historical sites. As regard bridges and ferries, the sector is striving to replace ferries, pontoon bridges and tunnels with appropriate works to ensure the smooth-going transport in any cases.

Railway network: besides the national railway running across the province, Thanh Hoa transport sector recommends the Ministry of Transport to build a stretch of 12-km railway linking Nghi Son Port with

Investments in transport system by 2020

Items	Length (km)	Total investment (VND bil.)	Periods 1996 - 2010	Periods 2010 - 2020
Road system	845	4419.5		
Main works along the national roads	19/3009m	503.5	503.5	
Provincial roads system	750	316.36	206.16	110.2
Main works along provincial roads	9 /1258 projects	72	72	
Rural and district roads	1061	324.7	193.5	131.2

Source: Thanh Hoa Department of Transport

the Thong Nhat Railway to create more favourable conditions for the development of Nghi Son Industrial Park.

Thanh Hoa has not built an airport system yet. But the local transport sector is targeting the research of a pre-feasible project on expanding Sao Vang Airport to serve not only the military but also people's demands. The pre-feasible project on restoring the operation of Lai Thanh Airport in Thanh Hoa City or building a new airport in Quang Tho and Quang Tam communes, (Quang Xuong District) or Tinh Gia to serve the air transport and holiday-takers.

Transportation system: Thanh Hoa transportation is developing transportation vehicles of medium and small capacity that are highly mobile and appropriate to rural and mountainous areas transportation. Building new and upgrading the existing coach stations in townships, district's centres and economic complexes. Thoroughly exploiting the internal waterway transportation so that the small transportation mediums can approach remote areas through Ma and Chu rivers and canals system. A project on expanding Nghi Son Port No.1 has been outlined to boost the local export efficiency in the years to come.

It is essential that Thanh Hoa should take opportunity of the open economy to create incentives with its numerous economic levers to mobilise forces and ensure the provincial socio-economic development scheme implementation on the basis of all economic sectors' effectiveness. Of which, the major solution focuses on solving the investment in capital construction. The demand for investment in Thanh Hoa transport development from now onto 2020 is great. Consequently, the following solutions should be implemented synchronously to pursue the targets and accomplish the planning.

1. Finish the amendments of planning for Thanh Hoa transport development by 2020.

2. A great investment is required for the Thanh Hoa transport development by 2020. In addition to the investment from the State's budget, capitals from other sources such as mobilised capital from the people, foreign investment (including direct investment and ODA) should be utilised. Apart from that, such methods as BOT, BTO, BT should be intensified thus developing the local transport system development in the time to come.

3. It is also essential to adopt preferential policies on training and fostering human resources including both training and re-training.

4. Scientific and technological applications are essential for projects and phases especially in bridges and roads building.

5. Synchronous policies and mechanisms should be adopted to create premise for the local transport system expansion.

Looking back the past, especially the Renovation time, Thanh Hoa transport sector has increasingly penetrated the incentive role of the transport network in economic development. Facing new challenges but also opportunities, enjoying concerns from the Ministry of Transport, municipal Party Committee and People's Committee and the assistance from the local sectors and industries, Thanh Hoa transport sector is striving to lead the local transport ahead in the national industrialisation, modernisation, serving better the people's demands for transportation and contributing to the success of the socio-economic development targets, and ensuring the national defence in the locality. Those achievements will be good equipment for Thanh Hoa to move steadily forwards abreast of other parts of the country in the new millennium.

GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THANH HOÁ
VỮNG BƯỚC TRONG THẾ KỶ XXI

CHU THỊ HUỆ
Quyền Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Thanh Hoá

Thanh Hoá không chỉ được biết đến với truyền thống lịch sử oai hùng mà nơi đây còn nổi tiếng bởi truyền thống văn hoá lâu đời và cũng là quê hương của nhiều học giả lỗi lạc. Xứ Thanh "Địa linh nhân kiệt" vừa phát rạng đường văn, vừa quyền uy nghiệp võ, là vùng quê có truyền thống "Tôn sư trọng đạo". Đó là cội nguồn nuôi dưỡng tình cảm, tâm hồn, đạo đức và là nguyên mẫu rèn luyện trí tuệ cho mỗi thế hệ học trò xứ Thanh. Kế tục truyền thống đó, ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá ngày nay đã đạt được nhiều thành tích rất đáng tự hào.

Sức sống mới trong thế kỷ mới

Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII) của Đảng ra đời đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và trở thành "thời cơ vàng" cho ngành giáo dục - đào tạo cả nước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, trong đó có Thanh Hoá. Tuy vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước, nhưng trong những năm gần đây, ngành giáo dục - đào tạo xứ Thanh đã có những chuyển biến tích cực cả về quy mô, chất lượng giáo dục đến đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công tác xã hội hoá giáo dục.

Quy mô giáo dục- đào tạo được mở rộng, số học sinh tăng nhanh ở tất cả các cấp học, ngành học, các vùng, miền trong tỉnh, nhất là khối trung học cơ sở, trung học phổ thông. Năm học 2001 - 2002, Thanh Hoá có hơn 2.000 trường học, gần 1,2 triệu học sinh, sinh viên, bình quân 3 người dân có một người đi học. Hầu hết các xã trong tỉnh đều có đủ 3 cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở. Ngành học mầm non đã chấm dứt thời kỳ có nguy cơ tan rã khi chuyển sang cơ chế mới, từng bước ổn định và phát triển mạnh. Bậc tiểu học đã xoá tình trạng "bản trắng" (bản không có lớp). 27/27 huyện, thị, thành phố có trường trung học phổ thông, 26/27 đơn vị có trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề. Hiện nay, 11/11 huyện miền núi có trường phổ thông dân tộc nội trú, 7 trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề trực thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo Thanh Hóa. Tháng 12-1997, Thanh Hoá được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ trước dự kiến một năm, đánh dấu sự vươn lên về mặt bằng dân trí - ước mơ ngàn đời của các dân tộc trong tỉnh. Cũng trong năm 1997, Trường Đại học Hồng Đức được thành lập, mở ra một thời kỳ mới, đánh dấu sự phát triển về chất của ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá.

Đồng chí Phạm Minh Đoan – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (người đứng giữa) trao bằng khen cho Hiệu trưởng Trường Mầm non xã Quảng Long (Quảng Xương) đơn vị đạt chuẩn Quốc gia đầu tiên của ngành học mầm non Thanh Hoá

Chất lượng giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh học lực khá, giỏi, hạnh kiểm tốt hàng năm đều tăng. Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp các cấp học trung bình đạt 97%/năm trở lên. Năm học 2001 - 2002, toàn tỉnh có 7.138 học sinh đạt giải cấp tỉnh, 8 năm liên tục có học sinh đạt giải quốc tế và là năm thứ ba có học sinh đạt giải trong trận trung kết cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia".

Đội ngũ nhà giáo được củng cố cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII), Thanh Hoá đã cơ

Kết thúc năm học 2001 - 2002, Thanh Hoá đã 8 năm liên tục có học sinh đạt giải Olympic quốc tế, Sở Giáo dục- Đào tạo Thanh Hoá đã hoàn thành xuất sắc 12/12 chỉ tiêu thi đua của Bộ Giáo dục - Đào tạo, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo tặng bằng khen và cờ thi đua trong "nhóm" đơn vị dẫn đầu cả nước. Đây là kết quả của những nỗ lực, phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ giáo viên toàn ngành, tạo tiền cho ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá tự tin vững bước trong thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

bản giải quyết đủ số giáo viên bậc tiểu học, trung học phổ thông, từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trầm trọng ở cấp trung học cơ sở và giáo viên các môn học đặc thù như hát, nhạc, mỹ thuật.... Hiện nay, toàn tỉnh có trên 5 vạn cán bộ, giáo viên. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn cũng tăng nhanh: khối giáo viên mầm non đạt chuẩn tăng từ 42% (năm 1996) lên 60% (năm 2002); bậc tiểu học cũng tăng lên tương ứng từ 89% lên 90,6%; bậc trung học cơ sở tăng từ 83% lên 85%; bậc trung học phổ thông đạt 95,31%. Số cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong 5 năm qua cũng tăng nhanh ở nhiều bậc học. Đến lần phong tặng thứ 8, Thanh Hoá có 2 Nhà giáo Anh hùng, 3 Nhà giáo Nhân dân, 58 Nhà giáo Ưu tú, cùng hàng nghìn giáo viên giỏi cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia. Với bề dày truyền thống, "đội ngũ nhà giáo đất Thanh rất tâm huyết với nghề và đây là một nhân tố quyết định nâng cao chất lượng giáo dục".

Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học cũng được đổi mới, nâng cấp. Số lượng phòng học kiên cố, phòng học cao tầng tăng nhanh. Trong đó, tỷ lệ phòng học kiên cố tăng từ 14% (năm 1996) lên 30% (năm 2002). Khuôn viên của hầu hết các trường ngày càng khang trang, xanh - sạch - đẹp. Các địa phương đã triệt để tận dụng các nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), SIDA.... với tổng số vốn 110 - 120 tỷ đồng để xây dựng lớp học, phấn đấu giải quyết dứt điểm phòng học tranh, tre, nứa, lá ở 11 huyện miền núi vào năm 2005.

Công tác xã hội hoá giáo dục thu được kết quả đáng khích lệ. Với những hoạt động thiết thực, trong những năm qua, ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hóa đã góp phần nâng cao nhận thức về giáo dục của nhân dân, từ vận động con em ra lớp học tập đến đóng góp tiền của, công sức xây dựng nhà trường, đóng bàn ghế, mua sắm trang thiết bị dạy học, nhường đất xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.... Hội khuyến học đã được thành lập tới cấp xã, phường, dòng họ. Quỹ "khuyến học, khuyến tài" có tới hàng trăm tỷ đồng, các trung tâm học tập cộng đồng phát triển mạnh.

Một số chỉ tiêu của ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá

	Năm học 1980 - 1981	Năm học 2001 - 2002
Tổng số trường	**640** - Cấp 1 và cấp 2 (phổ thông cơ sở): 603 - Trung học phổ thông: 37	**2.123** - Tiểu học: 715 - Trung học cơ sở: 646 - Trung học phổ thông: 84 (có 22 trường ngoài công lập) - Mầm non: 646 - Trung học chuyên nghiệp: 5 - Đại học: 1 (Đại học Hồng Đức) - Trung tâm Giáo dục thường xuyên: 26

Nguồn: Sở Giáo dục - Đào tạo Thanh Hoá

Các đồng chí trong đoàn công tác của Sở giáo dục – đào tạo thăm Trường trung học Cơ Pù Nhi (Mường Lát)

Những định hướng chiến lược

Để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của công cuộc đổi mới, ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hóa đã xây dựng "Đề án phát triển giáo dục và đào tạo 2000 - 2005 và đến năm 2010". Theo đó, trong những năm tới, ngành phải tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế gi phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phục vụ th thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội c đất nước, của tỉnh, của từng vùng, miền, đ phương; chú trọng nâng cao chất lượng giáo d đại trà, giữ vững và nâng cao chất lượng giáo d mũi nhọn, tăng cường giáo dục chính trị tưởng, giáo dục nhân cách, giáo dục truy thống yêu nước cho học sinh các cấp học, ngà học.

Tiếp tục đa dạng hoá các loại hình và phươ thức đào tạo, chú trọng đào tạo nguồn nhân l cho miền núi. Mở rộng quy mô, ngành nghề đ tạo; nâng cao năng lực và chất lượng đào t nguồn nhân lực kỹ thuật, đưa tỷ lệ người l động qua đào tạo đạt 25% trở lên vào năm 2005 38% vào năm 2010.

Giữ vững thành quả phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu h đúng độ tuổi vào năm 2005 và phổ cập giáo d trung học cơ sở vào trước năm 2007, tiến hành p cập giáo dục trung học phổ thông ở những đ phương có điều kiện thuận lợi. Đẩy mạnh việc x

Những thành tích đáng ghi nhận

- *Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1984)*
- *Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1990)*
- *Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1995)*
- *Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo về việc hoàn thành xuất sắc 12/12 chỉ tiêu thi đua của Bộ Giáo dục - Đào tạo (năm 2002)*
- *Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu cả nước (năm 2002)*
- *Trường Anh hùng trong thời kỳ đổi mới: Trường Trung học phổ thông Lam Sơn.*
- *Đến tháng 12-2002, toàn tỉnh có 9 trường mầm non, 209 trường tiểu học, 3 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông (Trường Trung học Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh) đạt chuẩn quốc gia.*
- *Năm 1997, thành lập trường Đại học Hồng Đức - hoàn thiện hệ thống giáo dục Thanh Hoá có từ mầm non đến đại học*
- *Đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ tháng 12- 1997 (trước dự kiến 1 năm)*
- *Ngành hiện có 2 Nhà giáo Anh hùng lao động, 3 Nhà giáo Nhân dân, 58 Nhà giáo Ưu tú.*
- *8 năm liên tục có học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế.*

(Tổng hợp từ nguồn lưu trữ Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thanh Hoá).

dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2005 có 80 trường mầm non, 300 trường tiểu học, 20% trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và đến năm 2010 số trường đạt chuẩn quốc gia tăng gấp đôi so với năm 2005.

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới nội dung, chương trình sách giáo khoa, giáo trình và phương pháp giáo dục ở các cấp học, ngành học. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đến năm 2010 cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn, chuẩn hoá về trình độ đào tạo, vững vàng về tư tưởng chính trị, nghiệp vụ sư phạm và quản lý giáo dục, trong đó có 20% đạt trình độ trên chuẩn vào năm 2005 và 40% vào năm 2010.

Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường học, ưu tiên đầu tư trang thiết bị dạy nghề cho các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, nhất là các trường trọng điểm; phấn đấu đến năm 2005 có 60% phòng học được xây dựng kiên cố, không còn phòng học tranh tre. Đến năm 2010, 100% phòng học và nhà ở của giáo viên khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Đầu tư đúng mức để mua sắm và tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học, đảm bảo các yêu cầu cơ bản giữa học và hành. Phát triển giáo dục không chính quy, nhất là xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn và ở các doanh nghiệp lớn. Đến cuối năm 2003, mỗi huyện, thị, thành phố có từ 15 - 20% số xã, phường, thị trấn xây dựng được trung tâm học tập cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2005, hầu hết các xã, phường, thị trấn tổ chức được trung tâm học tập cộng đồng.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hóa, bên cạnh việc phát huy tối đa nội lực, ngành rất cần sự hỗ trợ tích cực của các ban, ngành khác ở Trung ương và của tỉnh, cũng như của các cấp chính quyền địa phương trong việc xây dựng cơ sở vật chất và phát triển công tác xã hội hoá giáo dục. Với những nỗ lực không ngừng và định hướng phát triển đúng đắn, ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá chắc chắn sẽ gặt hái được những thành quả đáng khích lệ.

THANH HOA'S EDUCATION AND TRAINING SECTOR
FIRM DEVELOPMENTS IN THE 21ST CENTURY

CHU THI HUE
Acting Director of Thanh Hoa Department of Education and Training

Thanh Hoa is not only famous for its mighty history but also for its long-lasting cultural tradition as well as pre-eminent scholars. Thanh Hoa as the "supernatural land of celebrities", a region with well-known literature and strong military force, is an area of "Teacher and morality to be revered" tradition, which is the foundation for generations of pupils in Thanh Hoa to build up their emotions, souls, morality and promote their intelligence. Continuing that tradition, Thanh Hoa's education and training sector has now gained numerous proud achievements.

New strengths in the new century

The Party's Resolution No.2 (Session VIII) was rapidly put into effect and became a "golden chance" for the comprehensive development of the country's education and training in general and Thanh Hoa's education and training in particular. In spite of many difficulties and challenges, in the past few years Thanh Hoa's education and training has made satisfactory changes in educational scale, quality, teaching staff, infrastructures and education socialisation.

The education scale has been broadened. The number of pupils has increased rapidly at all levels, branches and in all regions of the province, especially at junior and senior secondary levels. In school year 2001-2002, Thanh Hoa had more than 2,000 schools, nearly 1.2 million pupils and students (one out of three of the population goes to school on average). Almost all communes in the province have three educational levels from nursery to senior secondary. Applying new structure, nursery education has surmounted the danger of closing and gradually stabilised and developed. Primary education managed to remove no-school village. All 27 districts, towns and cities have senior secondary schools, 26/27 have continual and vocational training centres. At present, 11/11 of the mountainous districts have ethnic boarding schools. Seven vocational secondary schools are now under the management of the provincial Education and Training Department. In December 1997, Thanh Hoa was certified having accomplished compulsory primary education and eliminated illiteracy one year earlier than targeted. That marked the improvement of the intellectual standard - the local ethnic minorities' dream for years. In 1997 also, Hong Duc University was established, started a new period and marked the development of the local education and training's quality.

Education and training quality has made satisfactory changes. The proportion of excellent and well-behaved students increases annually. The number of students passing final exams at all levels

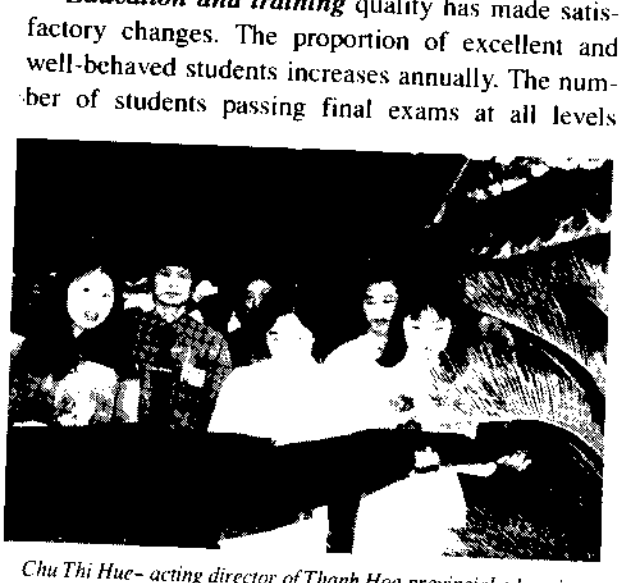

Chu Thi Hue- acting director of Thanh Hoa provincial education and training bureau is cutting ribbon in the ceremony of provincial handmade teaching equipment competition

By the end of the school year 2001-200
many pupils of Thanh Hoa had we
. International Olympic Prizes in eight consec
tive years. Thanh Hoa Department of Educatio
and Training completed 12/12 of emulative ta
gets proposed by Minister of Education an
Training, and was granted with Certificate o
merits and emulation flag for national leadin
units by the Minister of Education and Training
Those are the results of non-stop efforts by th
province's teaching staff, which helps creat
premises for Thanh Hoa's education and train
ing to develop vigorously in the new period of th
country's industrialisation and modernisation.

accounts for 97% upward each year. In school ye 2001-2002, 7,138 local pupils won the provinc competitions and many others won internatio competitions for eight consecutive years. That is al the third year Thanh Hoa pupils won prizes "Road to Olympia peak" competition.

Teaching staff has been improved in terms quality, quantity and organisation. After five yea implementing Resolution No.2 (Session VIII), Than Hoa has mainly had enough primary and senior se ondary teachers, gradually solved the problem lacking junior secondary teachers and teachers music and arts... At present, there are over 50,00 educators and teachers across the province. The pro portion of standard and over-standard teacher increases rapidly. For examples, from 1996 to 200 the number of standard nursery, primary and junio secondary teachers rose from 42%, 89%, 83% t 60%, 90.6%, 85% respectively. The quantity of sen ior secondary teachers alone increased to 95.31% The number of educational managers who have beer intensively trained has been also on a drastic rise a many levels over the past five years. On the eighth conferment, there were two heroic teachers, three national teachers, 58 eminent teachers and thou sands of excellent teachers at school, provincial and national levels. With the long-standing tradition in

teaching. "Thanh Hoa teachers are devoted to teaching, which is a decisive factor to education quality improvement."

Infrastructures and equipment for education have been upgraded. A rapid rise has been made in number of well-built and high-rise classrooms, of which the proportion of well-built classrooms increased from 14% (1996) to 30% (2002). School campuses are kept more spacious, greener, cleaner and more beautiful. Localities thoroughly make use of loans, of approximately VND110-120 billion in total, from such international organisations as the World Bank (WB), the Asian Development Bank (ADB), SIDA... to build classes. At the same time, they are trying to remove definitely temporary classrooms in 11 mountainous districts by 2005.

The education socialisation has gained numerous encouraging achievements. By practical activities, in the past few years Thanh Hoa's education and training has helped improve the people' perception to education. For example, the province succeeded in encouraging children to go to school, parents to contribute their money and labour for school construction and teaching equipment, even give their land to build national standard schools. Study promotion societies have been established in many communes, quarters and families. Fund for "study and talent encouragement" has raised hundreds of billion of dongs. Public study centres have developed dramatically.

Strategic orientations

To better meet the demands of the Renovation, Thanh Hoa's education and training set up "Education and Training Development Scheme from 2000 to 2005 and 2010". Accordingly, in the years to come, sector shall make great changes in its comprehensive education quality on the basis of approaches to international and regional advanced standards, but practical to the present situation of Vietnam. Besides, the changes should make practical contributions to the national, provincial and localities' socio-economic development. Moreover, it is important to increase large-scale education quality, sustain and improve spearheaded education, intensify political, ideological, personality and patriotic tradition education to pupils at any level.

Keep diversifying training types and methods, lay emphasis on training human resources for mountainous areas; widen education scales and subjects; increase the capability and quality of technical training; raise the number of trained workers to over 25% by 2005 and 38% by 2010.

Continue the achievements gained in compulsory primary education and illiteracy elimination; accomplish compulsory primary education for the right age by 2005 and junior secondary before 2007. Applying compulsory senior secondary education in favourable localities. Promote national standard schools; strive for the totals of 80 nursery schools, 300 primary schools and 20% of junior and senior secondary schools to be certified national standard by 2005 and double that by 2010.

Effectively implement reforms on education contents, textbooks, curriculum and teaching methods;

Targets set by Thanh Hoa's education and training

	School year 1980 - 1981	School year 2001 – 2002
Total number of schools	640	2,123
	- Primary and secondary (junior) : 603 - Senior secondary: 37	- Primary : 715 - Junior secondary: 646 - Senior secondary: 84 (including 22 non-public schools) - Nursery: 646 - Vocational secondary: 5 - University: 1 (Hong Duc University) - Continual education centre: 26

Source: Thanh Hoa Department of Education and Training

Outstanding teachers and pupils in the provincial people committee's meeting on international children day

improve and expand teaching staff and educational managers to have adequate quantity of teachers with qualification standardisation, political and ideological consistency, good pedagogy and educational management capability, of whom 20% and 40% are over-standard by 2005 and 2010 respectively.

Give priority to investing in infrastructures for schools, especially in equipment for vocational training in universities, vocational schools, particularly for leading schools. It is targeted that there will be 60% well-built and no thatched classrooms by 2005; 100% of classrooms and teachers' houses in remote mountainous areas will be well-built by 2010. Appropriate investment shall be made in procuring and making teaching equipment to meet the demands for study and practice. Develop non-regular education, especially public study centres in communes, quarters, districts and big enterprises. By the end of 2003, from 15 to 20% of the communes, quarters and towns in each district, city will have public study centres, which will be put into operation by 2005.

To reach the above goals, Thanh Hoa Education and Training, apart from its full capacity mobilisation, needs the supports from central and local committees and organisations as well as local authorities for infrastructures construction and educational socialisation development. With its non-stop efforts and appropriate development orientations, Thanh Hoa Education and Training will definitely "harvest new abundant crops".

Noteworthy achievements

- *Third-class Labour Order (1984)*
- *Second-class Labour Order (1990)*
- *Third-class Independence Order (1995)*
- *Certificate of merit by Minister of Education and Training (MOET) for the excellent accomplishment of 12/12 emulation targets proposed by the MOET (2002)*
- *Emulation flag for national leading units (2002)*
- *Heroic schools in the Renovation: Lam Son senior secondary school*
- *By December 2002, nine nursery schools, 209 primary schools, 3 junior secondary schools and one senior secondary school (the provincial ethnic boarding senior secondary school) have been certified national standards.*
- *In 1997 Hong Duc University was established, which helped perfect Thanh Hoa education system from primary to tertiary education.*
- *Certified national standards for compulsory primary education, eliminating illiteracy in December 1997 (one year earlier than targeted)*
- *There are now two labour heroic teachers, three national teachers and 58 eminent teachers.*
- *Local pupils won prizes at International Olympic competitions for eight successive years.*

(Source: Thanh Hoa Department of Education and Training).

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HOÁ

CÁI NÔI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã mở rộng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các địa phương. Được rèn luyện trong môi trường học tập nghiêm túc này, đội ngũ cán bộ cơ sở sẽ có được kiến thức toàn diện, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước.

Ông Lê Văn Thơ – Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá

Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá được thành lập theo Quyết định số 853 TC/UBTH ngày 28-7-1994 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, trên cơ sở hợp nhất Trường Đảng Hoàng Văn Thụ và Trường Hành chính pháp lý tỉnh. Chín năm qua, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy, trở thành địa chỉ tin cậy, đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở nhằm thích ứng với tình hình, nhiệm vụ mới.

Không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo

Trong 9 năm qua, nhà trường đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh giao trên cả 3 mặt quy mô, chất lượng và hiệu quả. Nhà trường đã chú trọng và đặt lên hàng đầu công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên về mọi mặt, trong đó đặc biệt chú ý tới công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực để đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

Hiện tại, nhà trường có 80 giảng viên, trong đó có 2 tiến sỹ, 13 thạc sỹ, 1 nghiên

Chức năng, nhiệm vụ

Nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn); trưởng, phó phòng các ban, ngành của tỉnh; trưởng phó phòng huyện, thị, thành phố; cán bộ theo quy hoạch các chức danh trên.

Đào tạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành Quản lý Hành chính Nhà nước, pháp lý cho cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn và công chức quản lý hành chính và pháp luật. Bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và địa phương, kiến thức quản lý cho từng đối tượng thích hợp.

Tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn về đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ để không ngừng cải tiến nội dung chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo - bồi dưỡng. Đặc biệt, trường còn được Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ liên kết với các học viện, các trường đại học mở các lớp đại học không chính quy (Cử nhân Chính trị, Cử nhân xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Cử nhân luật, Cử nhân hành chính, Cử nhân Công đoàn).

Hội thảo về đạo đức Hồ Chí Minh (10-05-2000)

cứu sinh và 3 giảng viên đang học cao học. Đến nay, quy mô đào tạo và bồi dưỡng của nhà trường (cả tập trung và tại chức) không ngừng được mở rộng. Trong đó, hệ trung học chính trị đào tạo được 6.420 học viên, trung cấp hành chính 4.900 học viên, trung cấp pháp lý 1.720 học viên, trung cấp văn thư lưu trữ 160 học viên. Cùng với đào tạo hệ trung học chính quy, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã phối kết hợp với các học viện, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp của Trung ương tổ chức đào tạo hệ cử nhân. Nhà trường đã đào tạo được 664 học viên có trình độ cử nhân chính trị, 329 cử nhân xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, 960 cử nhân luật, 308 cử nhân hành chính, 82 cử nhân công đoàn. Nhà trường còn tập trung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ như: bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước cho công chức nhà nước ngạch cán sự, chuyên viên, cán bộ chính quyền cơ sở (xã, phường, thị trấn, các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước) được 2.200 học viên.

Trong quá trình đào tạo, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá luôn thực hiện nghiêm túc quy chế về chương trình các hệ đào tạo, các lớp học. Qua các kỳ thi tuyển, kiểm tra chương trình, nhà trường đều chú ý tăng cường trách nhiệm của giám thị, của hội đồng chấm thi, thông qua đó đánh giá chất lượng học tập của học viên, đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác. Những năm qua, nhà trường đã thường xuyên phát động phong trào thao giảng ở các khoa và toàn trường, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ của giảng viên và chất lượng bài giảng. Nhờ vậy, nội dung bài giảng luôn kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực hành, cập nhật các thông tin và tri thức mới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Đa dạng hoá các đề tài nghiên cứu khoa học

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa còn đặc biệt quan tâm đến công tác nghiên cứu khoa học theo hướng đa dạng hoá các đề tài thực nghiệm, thiết thực phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nhà trường. Vừa qua, đề tài khoa học cấp tỉnh về "Xây dựng giáo trình trung học chính trị - phần Thanh Hoá" do nhà trường tiến hành nghiên cứu đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá phê duyệt và giao cho trường thực hiện từ năm học 2001 - 2002. Hiện tại, nhà trường đã tổ chức hội thảo giai đoạn I về luận cứ khoa học và đề cương bài giảng. Bên cạnh đó, nhà trường còn phối hợp với Viện Nghiên cứu Hành chính - Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức thành công hội thảo đề tài: "Phương pháp giảng dạy tình huống trong quản lý nhà nước", "áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực vào chuẩn bị và thi công bài giảng". Các đề tài nói trên đang được áp dụng, triển khai rộng rãi trong trường.

Do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, từ năm 1994 đến nay, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì. Hai cán bộ của trường đã được nhận Huân chương Lao động hạng Ba. Tập thể nhà trường được nhận cờ thi đua của Chính phủ, bốn cá nhân được nhận bằng khen của Chính phủ. Ngoài ra, nhà trường còn được nhận nhiều bằng khen của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia và Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Đảng bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu đảng bộ trong sạch, vững mạnh; Công đoàn nhà trường được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường được Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

Chín năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá đã từng bước trưởng thành, trở thành cái nôi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại địa phương. Có được thành công này trước hết là nhờ sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng như của các cấp, các ngành. Nhưng nhân tố quan trọng nhất, quyết định sự vững mạnh của nhà trường chính là sự khiêm tốn, thầm lặng, miệt mài cống hiến của những người thầy trong Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá.

THANH HOA POLITICAL SCHOOL

LOCAL CRADLE FOR POLITICS EDUCATION AND FOSTERING

Under implementation of the Party's renovation policy, Thanh Hoa Political School has extended its system of political and professional qualification education and fostering for the leaders and managers in the localities. In this serious training environment, the officials of grassroots level will be equipped with the comprehensive knowledge, steady political ideology, contributing to the successful realization of the national industrialization and modernization cause.

Thanh Hoa Political School was established pursuant to Decision 853TC/UBTH dated 28 July 1994 of Thanh Hoa provincial People's Committee, based on merging the Party School Hoang Van Thu and the provincial Legal Administration School. During the last nine years of carrying out its tasks, Thanh Hoa Political School has consistently improved its teaching skills, becoming the reliable address, meeting the demand on training and fostering political professional qualification for the most important officials at grassroots level suitable to the new situation and tasks.

Training scale and quality to be incessantly extended and improved

During the last nine years, the school has excellently accomplished the political tasks confided by the provincial Party Committee and People's Committee in three aspects: scale, quality and efficiency. The school has attached initial importance to training and fostering professional qualification for the officials and lectures in all aspects, special attention of which has been paid to politics, ideology, morality and capability aiming at the

The ceremony of school-year ending and granting of Bachelor of Law degree for in-service class C, course IV in Thanh Hoa

Function and task

The school's major tasks include training political ratiocination for the key leaders and managers of the Party, authorities and organizations at basic level (commune, ward and township) and for the heads, deputy heads and officials of the provincial and municipal institutions. Training professional knowledge on legal and State administration management for the key cadres at the communes, wards and townships, training the officials at above-mentioned titles. Fostering the Party and State policies, Central Resolutions and local instructions and management skills for the respective cases. Participating in scientific research, practical summation on official training, fostering, management and assignment to continually improve training - fostering content and quality. Especially, the school has also been entrusted by the provincial Party Committee and People's Committee to associate with the trainees and universities to organize the non-formal university courses (Bachelors of politics, law, administration, trade unions and of building Party and State authorities).

immediate and long-term requirements.

Presently, the school has 80 lectures including two doctors, 13 masters, one postgraduate and three teachers attending master training courses. The school's training and fostering scale saw continual expansion in the last nine years. Of which, the school trained 6,420 learners of political secondary system, 4,900 of administration secondary, 1,720 of legal intermediate level, 160 of archives intermediate level. Parallel with formal secondary education and training form, Thanh Hoa Political School has co-ordinated with the trainees and the Central vocational universities and secondary schools to organise the form for bachelor degrees. During the last nine years, the school trained 664 bachelors of politics, 329 bachelors of building Party and State authorities, 960 bachelors of law, 308 bachelors of administration and 82 bachelors of trade unions. The school fostered professional knowledge such as State administration for 2,200 trainees inclusive of the state officials at junior and expert levels, grassroots authorities (at communes, wards, townships, non-business administrative units and state enterprises).

Carrying out training process, Thanh Hoa Political School has always seriously obeyed the regulations on training systems and courses. Responsibilities of the proctors and examining boards have been strengthened through the exams and program tests, thereby to evaluate the trainees' studying quality, ensuring earnest, objectives and rightness. In recent years, the school has regularly launched the teaching movements in the faculties and entire school, contributing to enhance teacher professional skills and lecture quality. Hence, the lecture contents are always cleverly combined theory and practice with updated information, contributing to the improvement of training quality, satisfying real practical requirement.

Diversifying scientific researching theses

Apart from improving training quality, the school has also paid special attention to scientific researching work towards diversifying experimental theses appropriate to the training and fostering tasks in the school. Recently, the school's scientific thesis of provincial level on "Building political secondary textbooks - Thanh Hoa volume" earned the approval of Thanh Hoa People's Committee and was entrusted to be implemented since

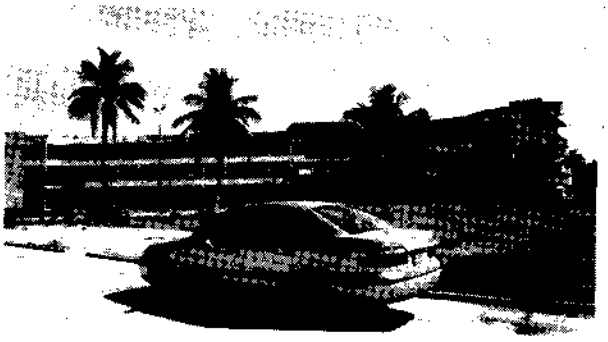

Lecture-rooms area

2001 - 2002 school year. At present, the school has organized the 1-phase seminar on scientific basis and lecture draft. Besides, it has also co-operated with the Administration Research Institute - National Administration Institute to successfully hold the seminars on the theses: "Communicative-oriented teaching method in state management", "Application of active methods to the lecture preparation and implementation". Those theses have been widely applying in the school.

Thanks to excellent accomplishment of the entrusted tasks, since 1994 Thanh Hoa Political School was granted the Labor Orders of second and third grades by the State. Two officials of the school were offered the second-grade Labor Order, entire staff honorably received Stimulation Flags and four individuals were granted Governmental Certificates of Merits. Additionally, the school was given many Certificates of Merits by the Hochiminh National Political Institute, National Administration Institute and Thanh Hoa provincial People's Committee. The school's Party Cell constantly obtained the appellation of transparent and strong Party Cell; its trade union was offered the Certificate of Merits by the Vietnam General Confederation of Labor. The Youth Union of the school received the Certificate of Merits from the Central Youth Union.

In the past nine years, Thanh Hoa Political School has gradually grown up, becoming the cradle training and fostering political and professional knowledge for the leaders and managers in the locality. Those achievements were attainable owing to the consideration of the provincial Party Committee, People's Council and People's Committee as well as the sectors and branches. But the most important and decisive factor for the school's strength is the teachers' modest, silent and devoted contributions of the Thanh Hoa Political School.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

THÀNH CÔNG TỪ MỘT MÔ HÌNH ĐÀO TẠO MỚI

Ngày 24-9-1997, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 797/TTg thành lập Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở 3 trường: Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Cao đẳng Sư phạm và Cao đẳng Y tế Thanh Hoá. Đây là kết quả của quá trình phấn đấu không ngừng, thể hiện nguyện vọng và quyết tâm to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng một trường đại học cho riêng mình, nhằm hoàn chỉnh hệ thống giáo dục quốc dân của Thanh Hoá từ mầm non đến đại học, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đại học Hồng Đức là trường đại học đầu tiên được xây dựng theo mô hình đào tạo mới trong hệ thống giáo dục đại học cả nước. Đây là trường đa lĩnh vực, đa ngành, đa cấp, trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá và sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành Trung ương hữu quan, với nhiệm vụ: đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và thấp hơn, nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hoá.

Chất lượng đào tạo - chìa khoá của sự phát triển

Ngay sau khi có quyết định thành lập, Ban Giám hiệu Đại học Hồng Đức đã xác định: xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ và phẩm chất cao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây cũng chính là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Sau hơn 5 năm thành lập, số giảng viên có trình độ trên đại học đã tăng từ 21% lên 33,13%; phấn đấu đến năm 2005 sẽ có 50% giảng viên đạt trình độ trên đại học, trong đó 15% có trình độ tiến sỹ.

Thực hiện nhiệm vụ đã đề ra, trong 5 năm qua, Trường Đại học Hồng Đức đã cố gắng huy động mọi nguồn lực và thực hiện nhiều biện pháp tích cực để vừa đảm bảo về số lượng và cơ cấu ngành nghề theo kế hoạch tỉnh giao hàng năm, vừa từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, mở thêm nhiều ngành đào tạo mới và chuyển đổi những ngành nghề không còn phù hợp.

Từ khi thành lập đến nay, trường đã liên tục phát triển đào tạo bậc đại học cả về số lượng, ngành nghề và quy mô đào tạo với tinh thần chỉ đạo là phát triển một cách vững chắc, phù hợp với các điều kiện về giảng viên, cơ sở vật chất của nhà trường, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo vì đó là yếu tố hàng đầu cho sự tồn tại và phát triển của trường. Đến nay, trường đã đào tạo được 17 ngành bậc đại học với gần 2.000 sinh viên.

Lễ kỷ niệm 5 năm ngày thành lập trường và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba

Cùng với phát triển đào tạo bậc đại học, trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành, nghề từ bậc cao đẳng trở xuống với quy mô hợp lý, phù hợp với nhu cầu của các ngành trong tỉnh cũng như của xã hội. Đây là chủ trương đúng đắn trong giai đoạn hiện nay, khi tình trạng thừa thầy, thiếu thợ đang đặt ra những vấn đề hết sức bức xúc, đặc biệt là đối với Thanh Hoá - một tỉnh có nguồn lao động dồi dào nhưng mặt bằng kiến thức không đồng đều.

Trong 5 năm (1998 - 2002), trường đã đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 233 người, cao đẳng 7.538 người và trung cấp 6.127 người, thuộc các lĩnh vực: sư

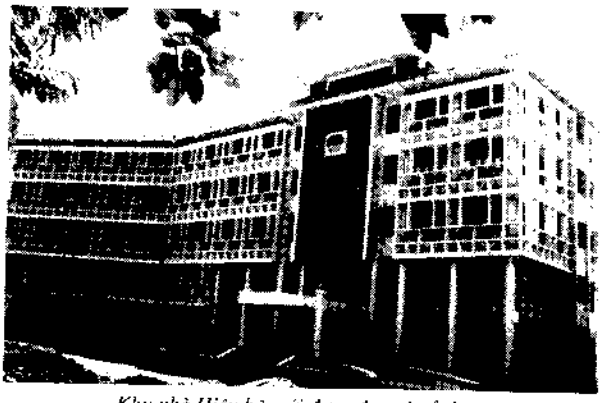

Khu nhà Hiệu bộ mới được đưa và sử dụng

phạm, y tế, nông - lâm nghiệp, kinh tế và tin học. Đặc biệt, trường đã đào tạo một số lượng lớn giáo viên trung học cơ sở trình độ cao đẳng sư phạm (4.581 người), góp phần giải quyết tình trạng thiếu giáo viên trung học cơ sở trong những năm qua. Đối với ngành giáo dục mầm non, trường cũng đã có những đóng góp quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hoá và trên chuẩn cho đội ngũ giáo viên, trong 5 năm đã có 2.900 giáo viên mầm non được đào tạo đạt trình độ trung học và cao đẳng sư phạm mầm non. Ngoài ra, trường còn đào tạo trình độ sơ cấp cho 2.660 người (giáo viên mầm non, y tá, dược tá), dạy nghề ngắn hạn và giảng dạy tin học, cấp chứng chỉ cho 3.360 người.

Với những kết quả trên, Trường Đại học Hồng Đức đã góp phần đáng kể nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề và nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân trong tỉnh. Nhận xét về vấn đề này, TS. Nguyễn Văn Tường - Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức cho biết: Đào tạo hệ cao đẳng trở xuống rất cần có sự điều chỉnh hợp lý, phù hợp với nhu cầu không chỉ của các ngành trong tỉnh mà còn phải phù hợp với nhu cầu của xã hội. Nghĩa là đào tạo nghề để người lao động không chỉ tìm kiếm được việc làm trong và ngoài địa bàn tỉnh mà còn có thể tự tạo ra việc làm cho mình và cho cộng đồng.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học

Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo, trường xác định cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, coi đây là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm được giao trong định mức lao động cho từng giảng viên.

Trong 5 năm qua, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học do các giảng viên thực hiện đã được ứng dụng phục vụ hoạt động của trường và của tỉnh như: nhóm các đề tài nghiên cứu xác định luận cứ khoa học phát triển trường và các khoa là cơ sở để trường xây dựng hoàn chỉnh "Kế hoạch phát triển trường Đại học Hồng Đức đến năm 2010"; nhóm các đề tài điều tra nhu cầu đào tạo đã cung cấp số liệu cho trường và tỉnh xác định các ngành, nghề và quy mô đào tạo đến 2005 và năm 2010; nhóm các đề tài về xây dựng chương trình và đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; nhóm các đề tài ứng dụng đã đưa tin học vào hoạt động của trường, ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa lai 2 dòng, thực nghiệm trồng một số giống lúa, khoai lang, lạc, sắn... cho năng suất cao và bảo quản phụ phẩm nông nghiệp cho chăn nuôi. Ngoài ra, trường còn tham gia 5 dự án cấp quốc gia: "Giáo dục đại học Việt Nam", "Phát triển giáo dục trung học cơ sở", "Đào tạo giáo viên trung học cơ sở", "Giáo dục phòng chống ma tuý trong trường sư phạm", "Dân số và sức khoẻ gia đình" và dự án cấp tỉnh như "Đào tạo cán bộ kỹ thuật phục vụ chương trình sản xuất hạt giống lúa lai F1 của tỉnh Thanh Hoá". Phong trào sáng kiến,

Những phần thưởng cao quý

1) Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể nhà trường (năm 2002)

2) Huân chương Lao động hạng Ba cho khoa Sư phạm mầm non (năm 2002)

3) Huân chương Lao động hạng Ba cho 4 cán bộ, giảng viên (1999 - 2002)

4) Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho tập thể Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phòng Đào tạo, Khoa Khoa học Tự nhiên (năm 2002) và 7 cán bộ, giảng viên (1999 - 2002)

5) Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Trung ương Đoàn tặng cờ thi đua

6) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng công nhận "Cơ sở văn hoá".

Dự án phát triển tổng thể Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2010

(Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt)

Theo dự án này, Trường Đại học Hồng Đức sẽ có 3 cơ sở với tổng kinh phí xây dựng 493 tỷ đồng:

- Cơ sở I: Số 307, đường Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hoá. Diện tích hiện có 4,8 ha, được mở rộng thêm để có diện tích 26 ha với tổng kinh phí là 89 tỷ đồng. Cơ sở này sẽ là nơi đào tạo sinh viên các ngành sư phạm, tin học, ngoại ngữ.

- Cơ sở II: Số 177, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Diện tích hiện có 3,1 ha, được mở rộng thêm để có diện tích 10 ha với tổng kinh phí 45 tỷ đồng. Cơ sở này sẽ là nơi đào tạo sinh viên các ngành y, dược.

- Cơ sở III: Đường Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Diện tích hiện có 4,4 ha, được mở rộng thêm để có diện tích 40 ha với tổng kinh phí là 359 tỷ đồng. Cơ sở này sẽ là khu trung tâm của nhà trường, nơi đào tạo sinh viên các ngành kinh tế - kỹ thuật.

kinh nghiệm bước đầu thu được kết quả tốt, toàn trường có hơn một trăm sáng kiến, kinh nghiệm được báo cáo và ứng dụng có hiệu quả tốt, trong đó 5 sáng kiến, kinh nghiệm được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng "Lao động sáng tạo". Hiện nay, trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học trong và ngoài nước.

Cùng với công tác chuyên môn, trường luôn chú trọng tới các hoạt động văn hoá - xã hội như: định kỳ tổ chức sinh hoạt văn học - nghệ thuật, thể dục - thể thao, thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình nhà giáo văn hoá, phòng chống ma tuý, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Định hướng phát triển trong tương lai

Để đáp ứng yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ tốt cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh, trường đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2010 và tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ ưu đãi đối với các giảng viên, đặc biệt là những người đang theo học trên đại học. Chính chủ trương này đã tạo thuận lợi và mang lại niềm tin cho cán bộ, giảng viên nhà trường cùng phấn đấu xây đắp tương lai. Kế hoạch từ nay đến năm 2010, trường tập trung chỉ đạo phấn đấu đủ về số lượng giảng viên, tương đối đồng bộ về cơ cấu ngành, nghề. Quy mô đào tạo của trường đến năm 2005 được xác định: hàng năm có 10.000 học sinh, sinh viên, trong đó có 6.000 học sinh, sinh viên hệ chính quy.

Những năm tiếp theo, trường sẽ thực hiện đào tạo các chuyên ngành mới theo "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức thời kỳ 2001 - 2010" đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tranh thủ mọi nguồn lực, khẩn trương thực hiện dự án xây dựng trường đã được Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Nâng cấp ký túc xá sinh viên, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn ngân sách. Tiếp tục chuẩn bị các cơ sở thực hành, thực tập mới để nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường các điều kiện sinh hoạt tinh thần, phối kết hợp với các cơ quan chức năng để cùng xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh.

Tuy còn bộn bề những khó khăn, nhưng với những thành tích đã đạt được, Trường Đại học Hồng Đức đã bước đầu khẳng định được vai trò và hiệu quả hoạt động của mô hình mới trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.

DANH SÁCH BAN GIÁM HIỆU

TS. NGUYỄN VĂN TƯỜNG
Quyền Hiệu trưởng

TS. NGUYỄN VĂN BẢO
Phó Hiệu trưởng

BSCKII LƯƠNG ĐỨC LIÊM
Phó Hiệu trưởng

TS. NGUYỄN SONG HOAN
Phó Hiệu trưởng

HONG DUC UNIVERSITY

SUCCESS FROM NEW TRAINING MODEL

Hong Duc University was established pursuant to Resolution No.797/TTg by Prime Minister dated on September 24th 1997 based on three schools being the Technical -Economic College, Teachers Training College and Thanh Hoa College of Medicine. The establishment of this university resulted from non-stop efforts of Thanh Hoa's Party Committees and the people, reflecting their wish and aspiration of having an own university aimed at completing educational system from pre-school to higher education, meeting the people's demand on study and training human resources for the provincial socio-economic development.

Hong Duc University is the first one built under the new training model in the higher education system nation-wide, with various fields, faculties and levels. Directly under Thanh Hoa Provincial People's Committee and state management of the Ministry of Education and Training and other relevant Central ministries and sectors, the university is in charge of training scientific and technological officials at higher education upward.

The noble rewards

1. ***The Labour Order – Third Class to the whole staffs of the university in 2002.***
2. ***The Labour Order – Third Class to pre-school teachers' training faculty in 2002.***
3. ***The Labour Order – Third Class to four staffs and lecturers (1999 - 2002).***
4. ***Certificate of Merit by Prime Minister to Ho Chi Minh Communist Youth Union, Training Bureau and Natural Science faculty in 2002 and for seven officials and lecturers (1999 - 2002).***
5. ***Emulative flags to Trade Union and Ho Chi Minh Communist Youth Union by Vietnam General Federation of Labour and Central Youth Union.***
6. ***"Cultural Base" credited by Vietnam General Federation of Labour.***

Rector Nguyen Van Tuong made a speech at Conference of officials and cadres in school-year 2002 - 2003.

studying scientific and technological applications for Thanh Hoa socio-economic development targets.

Training quality - a key to development

Right after establishment, the university's managing board has defined that creating well-qualified officials and lecturers not only have specially crucial significance but also are the decisive factor for training quality, scientific research and other activities. After over five years of establishment, the number of post-graduated lecturers has increased from 21% to 33.13% and expected to reach 50% by 2005 including 15% at doctoral qualification.

Realising the set targets, during past five years, the university mobilised all the forces and implemented positive measures to ensure vocational quantity and structure according to yearly plans entrusted by the provincial authorities, gradually raise training quality, creating more new training faculties and changing no longer suitable ones.

Since its establishment, the university has been developing higher education in all quantity, occupations and scale under the instruction spirit of firm development in correspondence with the university's conditions in regard to lecturers and material facility. Concurrently, training quality has also been improved since it is the initial factor for the university's existence and development. So far, the university has trained 17 occupations at higher education with nearly 2,000 students.

Together with developing higher education, the university has been continuing to maintain and improve vocational training quality at college level downward at rational scale conformable to demand of the industries in the province and society. Under the situation of superfluous white-collar workers and insufficient technicians causing urgent problems for Thanh Hoa where its labour force is plentiful but unequal, this solution is the right policy in recent days.

During 1998 – 2002, the number of the university's graduates from higher education was 233, college 7,538 and immediate level 6,127 in the fields of teachers training, health care, agro-forestry, economics, and information technology (IT). Especially, the university trained 4,581 secondary school teachers at pedagogic college qualification, contributing to solve the problem of lacking secondary school teachers existing for years. As for pre-school education, the university has also made important contributions to training, improving and standardizing the teachers, of which 2,900 pre-school teachers were trained at college and immediate levels during five years. Besides, the university has trained 2,660 people at elementary level (including pre-school teachers, nurses and druggists), carried out short-term vocational training and IT courses and granted certificate to 3,360 people.

With all those results, the university has remarkably contributed to increasing rate of the trained labourers and raising the provincial people's intellectual standard. Regarding this issue, the university's acting rector Nguyen Van Tuong commented: "For college level and downwards, it requires a reasonable adjustment suitable to demand of not only the provincial industries but also society. It means that vocational training not only enable the labourers to find the jobs in and out of the province but also create jobs for themselves and for community".

Strengthening scientific research

Along with training task, scientific research has also been defined to strengthen aimed at contributing to raising training quality and serving provincial socio-economic targets, considering this as one of the two key tasks within labour norm entrusted to each teacher.

The project for comprehensive development of Hong Duc University by 2010

(The project for infrastructure construction approved by Prime Minister)

Accordingly, Hong Duc University will include three areas with a total construction budget of VND493 billion.

- The first base: in No. 307 Le Lai Street, Dong Son Ward, Thanh Hoa City with the existing area of 4.8 hectares and expanded to 26 hectares with total budget of VND89 billion. This base will be for pedagogy, IT and foreign languages faculties.

- The second base: in No. 177 Hai Thuong Lan Ong Street, Dong Ve Ward, Thanh Hoa City with existing area of 3.1 hectares and expanded to 10 hectares with total budget of VND45 billion. This will be the training base for health care and pharmacy faculties.

- The third base: in No. 3 Quang Trung Street, Dong Ve Ward, Thanh Hoa City with area of 4.4 hectares and expanded to 40 hectares with total budget of VND359 billion. This location will be technical-economic training centre of the university.

During past five years, a number of scientific studies of the university's teachers were applied to support the university and province operation. Those include the scientific theses determining developing the university and its faculties as the foundation for the university to accomplish "Development plan of Hong Duc University by 2010"; the theses on a survey of training needs provided data to the university and province to define training scale and occupations by 2005 and 2010; theses on creating training programme and innovating teaching method to improve training quality; application theses on applying IT to the university activities, applying techniques to grow two-descent seed rice, experiment planting some high-yield rice seeds, sweet potato, peanut and cassava, and preserving agricultural by-product for breeding. Besides, the university also took part in five national projects such as "Vietnam higher education", "Secondary education development", "Secondary teacher training", "Anti-drug education in teacher training college", "Population and family health" and one provincial project "Training technical staffs for growing F1 rice seed program in Thanh Hoa". The creation and experience movement initially has attained sound achievements with more than 100 creations and experiences reported and effectively applied for five years, of which five creations and experience were awarded "Creating Labour" title by Vietnam General Federation of Labour. At present, the university has co-operative relations in training and scientific research with many domestic and international universities.

Along with the professional qualification, the university has always attached importance to cultural-social activities such as organising periodical art-literature activities; sports-physical exercises; carrying out the campaign of cultural teacher families; preventing drug, crime and social evils; taking part i humanitarian and charitable activities.

Future development orientation

Targeted at satisfying requirement on trainin human resources to serve the provincial modernisa tion and industrialisation, the university had mappe out the plan of staff development by 2010, advise the Provincial People's Committee in issuing prefer ential mechanism to the lecturers, especially to thos who attend the post-graduation courses. This polic itself has created advantages and belief for staffs an lecturers in a great solidarity to develop the univers ty. Target by 2010 of the university is to focus o providing sufficient quantity of the lecturers and re atively synchronous occupational structure. The un versity has defined its yearly training scale by 200 with 10,000 students including 6,000 ones of regula training.

In the time to come the university will train ne occupations in line with the "Strategic plan of devel oping Hong Duc University period 2001-2010 approved by the Provincial People's Committee Taking full advantage of all sources, the universit will implement the project on building universit approved by Prime Minister and the Provincia People's Committee; upgrade students' hostels an economically use all the budget sources; continue t prepare new bases experiment and practice t enhance teaching and studying quality; improve con ditions for spiritual activities, co-operate with th functional bodies to jointly create a healthy training environment.

Despite a range of difficulties, Hong Du University, with obtained outcomes, has initiall affirmed its role and effectiveness of a new educatio model in the national education system.

UNIVERSITY MANAGEMENT BOARD

DR. NGUYEN VAN TUONG
Acting Rector

DR. NGUYEN VAN BAO
Vice Rector

Specialised Doctor LUONG DUC LIEM
Vice Rector

DR. NGUYEN SONG HOAN
Vice Rector

TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH THANH HOÁ
VƯỜN ƯƠM TRỒNG CÁN BỘ VÙNG CAO

TRẦN VĂN HOÀ
Hiệu trưởng Trường Dân tộc Nội trú tỉnh Thanh Hoá

Thành lập năm 1970, trải qua các thời kỳ phát triển với các tên gọi Trường Thanh niên Dân tộc, Trường Bổ túc Công nông và nay là Trường Trung học phổ thông Dân tộc Nội trú Thanh Hoá, nhà trường đã đào tạo hàng nghìn học sinh dân tộc thiểu số trở thành cán bộ văn hoá, khoa học - kỹ thuật, cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp ở Thanh Hoá, đặc biệt là khu vực miền núi và dân tộc của tỉnh. Quy mô đào tạo hàng năm của nhà trường là 450 học sinh thuộc 6 dân tộc thiểu số miền núi Thanh Hoá. Đội ngũ cán bộ giáo viên là 60 người.

Trần Văn Hoà – Hiệu trưởng Trường Dân tộc Nội trú tỉnh Thanh Hoá

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, đặc biệt trong những năm gần đây, trường đã vươn lên trở thành điểm sáng của ngành giáo dục - đào tạo Thanh Hoá, là trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia đầu tiên trong giai đoạn 2001 - 2010, đơn vị điển hình trong việc thực hiện đổi mới giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá của Đảng.

Chất lượng giáo dục học sinh ngày càng được nâng cao. Hàng năm, tỷ lệ học sinh khá, giỏi toàn diện đạt trên 75%, học sinh tốt nghiệp các cấp học từ 98% trở lên, học sinh thi đỗ vào các trường chuyên nghiệp trên 90%, trong đó có gần 70% đỗ vào các trường đại học và cao đẳng; không có học sinh hạnh kiểm trung bình hay yếu kém. Liên tục nhiều năm trở lại đây, nhà trường là một trong những đơn vị đứng đầu về số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh. Qua 4 lần dự Hội thi Văn hoá - Thể thao các trường dân tộc nội trú toàn quốc, trường luôn đứng từ thứ ba đến thứ nhất toàn đoàn, giành được 128 huy chương các loại. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng giáo dục văn hoá, hạnh kiểm và thể chất, nhà trường còn chú trọng đến công tác dạy nghề cho học sinh như: tin học, nghề may, y tế bản, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ở cơ sở, định hướng nghề nghiệp sát với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Cơ sở đào tạo tin học - ngoại ngữ của trường đang triển khai mạnh mẽ: dạy ngoại ngữ, tin học trình độ A, B, C cho học sinh. Mỗi học sinh khi ra trường biết sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học, truy cập internet và nắm vững nghiệp vụ quản lý nhà nước ở cơ sở.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường 100% đạt chuẩn. Trong đó, gần 20% giáo viên là thạc sỹ, trên 70% giáo viên giỏi các cấp, không có cán bộ giáo viên trung bình, yếu kém về chuyên môn và đạo đức. Đây là tập thể sư phạm vững mạnh về chuyên môn, thiết tha với sự nghiệp đào tạo học sinh các dân tộc, say mê nghiên cứu khoa học và đúc rút sáng kiến kinh nghiệm, tích cực đổi mới phương pháp giáo dục. Trường đang phấn đấu từ nay đến năm 2010 có giáo viên trình độ tiến sỹ, 40% giáo viên trở lên có trình độ thạc sỹ, nâng cao hơn nữa tỷ lệ giáo viên giỏi và cán bộ giáo viên người dân tộc công tác tại trường.

Về cơ sở vật chất, đến nay nhà trường đã có đầy đủ các

Liên tục 10 năm qua, Đảng bộ nhà trường luôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; tỷ lệ Đảng viên đạt gần 60% cán bộ giáo viên. Công đoàn, Đoàn Thanh niên nhiều năm liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc, được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Trung ương Đoàn tặng cờ thi đua năm 2002. Hội Khuyến học, Ban Đại diện cha mẹ học sinh, Hội Chữ thập đỏ, Chi hội Cựu chiến binh của nhà trường đã phát huy vai trò tích cực trong công tác giáo dục học sinh và xây dựng nhà trường vững mạnh. Chi hội Khoa học Tâm lý giáo dục của nhà trường gồm 26 hội viên trực thuộc Tỉnh hội Thanh Hoá hoạt động rất sôi nổi và hiệu quả.

Trường Dân tộc Nội trú – niềm tự hào của nhân dân các dân tộc trong tỉnh

thiết bị, đồ dùng dạy học tiên tiến, hiện đại, các phòng học bộ môn: vật lý, sinh vật, hoá học, tin học, ngoại ngữ, nhà tập luyện đa chức năng, thư viện truyền thống, thư viện điện tử được kết nối trực tuyến trên mạng internet. Trường lớp khang trang, môi trường giáo dục thực sự an toàn, lành mạnh, xanh - sạch - đẹp.

Hiện nay, trường đang được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh: "Điều tra đánh giá năng lực trí tuệ, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh các dân tộc thiểu số miền núi Thanh Hoá". Kết quả nghiên cứu của đề tài là những tư liệu quan trọng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục miền núi và dân tộc ở Thanh Hoá nói riêng, và cả nước nói chung.

Trải qua 33 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục, dân chủ hóa trong trường học; phối kết hợp chặt chẽ với các cấp uỷ, chính quyền trong công tác đào tạo cán bộ cho miền núi. Với những thành tích xuất sắc này, Trường Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hoá đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, nhiều bằng khen của bộ, ngành Trung ương và của tỉnh; vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh, nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và nhiều đoàn đại biểu cấp cao ở Trung ương và quốc tế đến thăm. Nhà trường trở thành địa chỉ quen thuộc trong việc trao đổi kinh nghiệm xây dựng trường chuẩn quốc gia bậc trung học phổ thông giữa các tỉnh thành trong cả nước, là niềm hy vọng, tự hào của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

THANH HOA BOARDING ETHNIC SCHOOL

UPLAND'S CADRES NURTURING NURSERY

TRAN VAN HOA
The Principal of Thanh Hoa Boarding Ethnic School

Established in 1970, experiencing development periods under the names of the Ethnic Youth School, Peasant - Worker Continuation School and presently Thanh Hoa Boarding Ethnic Senior Secondary School, the school has trained thousands of ethnic minority students to be cultural, scientific and technological officials, cadres in political system at various levels in Thanh Hoa Province, especially in its mountainous and ethnic areas. The school trains 450 students from the provincial six mountainous ethnic minorities every year. The team of teaching staff includes 60 people.

During the country's renovation period, particularly in recent years, the school has grown into a highlight of Thanh Hoa's Education and Training sector, the first nationally standardised senior secondary school in 2001 - 2010, the typical unit in education and training reform implementation toward standardisation, modernisation and socialisation of the Party.

Education quality has been increasingly improved. Annually, percentage of good and comprehensively excellent students achieves more than 75%, the students graduating from all school levels reaches 98% upwards, the students passing vocational schools exceeds 90% including nearly 70% succeed in the university and college entrance exams; there are no students classified fair or weak conduct. In recent consecutive years, the school ranks one of the top units in regards to the quantity of excellent students at provincial level. After four times taking part in the Cultural

and Sporting Competition among the ethnic boarding schools nationwide, the school ranks from the third to the first levels and won 128 medals of all kinds. Apart from enhancing the conduct, physical and compulsory education quality, the school also attaches much importance to vocational guidance to students such as information technology (IT), tailoring, village health care, fostering the State management skills at grassroots levels, occupational guidance closely linked with mountainous socio-economic development demand. The school's IT and foreign language training centre is vigorously carrying out teaching foreign languages and IT levels A, B, C. After graduation, each student is able to fluently use foreign languages, IT, access internet and master the State management skills at grassroots levels.

100% of the school's team of teaching staff and cadres reach standardisation, of which approximately 20% of the teachers are masters, more than 70% of them are excellent teachers at all levels and there are no professionally and morally average and weak teaching staff. This is a pedagogic team superior in professional knowledge, devoted to the cause of training ethnic students, keen on scientific research and learning lessons of experience as well as active in reforming education methods. The school plans to have teachers at doctoral level, 40% teachers upward at master level, and increase the proportion of excellent teachers and ethnic teaching staff by 2010.

As for material facilities, so far the school has been well equipped with modern and advanced teaching aid,

In recent ten consecutive years, the school's Party Committee has continually gained the title of transparent and strength; the percentage of Party members reaches around 60% of the teaching staff. The Trade Union and Youth Union have obtained the outstandingly good title in many consecutive years and been conferred the emulation flag of 2002 by the Vietnam General Federation of Labour and Central Trade Union. The Study Encouragement Association, the Representative Board of Students' Parent, the Red Cross, the Veteran Branch of the school have promoted the active role in educating students and building the powerful school. The school's Branch of Education Psychological Science including 26 members under Thanh Hoa Province Association operate ebulliently and efficiently.

Former General Secretary Le Kha Phieu and the Provincial Party Committee Secretary Trinh Trong Quyen on a visit to Thanh Hoa Boarding Ethnic School on the occasion of nationally standardised school event.

studying rooms for subjects of physics, biology, chemistry, IT, foreign languages, multipurpose exercise house, traditional library, electronic library connected on-line through the internet. The classrooms are spacious; education environment is virtually safe, healthy, green - clean - beautiful.

Currently, the school is being assigned by the Provincial People's Committee to carry out the provincial technological development and scientific research theme: "Examine, evaluate intellectual capacity, put forward solutions to raise education quality for Thanh Hoa's mountainous ethnic minority students". The theme's findings will be the important documents for building and expanding mountainous education and ethnic groups in Thanh Hoa in particular and throughout the country in general.

After 33 years of establishment and development, the school has well fulfilled the education socialisation, democratisation at school, closely co-ordinated with executive committees and authorities in training cadres for the mountainous area. With those excellent achievements, Thanh Hoa Boarding Ethnic School was conferred the Third-Class Labour Order by the State, a number of congratulatory certificates from the ministries, Central and provincial agencies. It had great honour of receiving the National Assembly Chairman Nong Duc Manh, former President Le Duc Anh, former Vice President Nguyen Thi Binh, former General Secretary Le Kha Phieu and many Central and international high-ranking delegations' visits. The school has become a familiar address in exchanging experiences in building nationally standardised senior secondary schools with the other provinces and cities nationwide, and a pride, a hope of the provincial ethnic people.

NGÀNH Y TẾ THANH HOÁ
VÌ SỰ NGHIỆP CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ CỦA NHÂN DÂN

Là một tỉnh rộng lớn, lại có điều kiện tự nhiên khá đặc biệt, bao gồm đường biên giới, miền núi vùng cao, bờ biển và hải đảo, lại chịu chi phối bởi nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, vì thế việc kiểm soát các loại dịch bệnh và công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, với những nỗ lực cố gắng của toàn ngành nên công tác quản lý, phát triển mạng lưới y tế và khám chữa bệnh cho nhân dân được triển khai đồng bộ, khoa học đã mang lại kết quả theo yêu cầu đề ra.

Trong suốt 48 năm qua, Y tế Thanh Hoá đã từng bước trưởng thành, vững mạnh và có nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Những thành quả đó đã góp phần tạo nên thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Thanh Hoá đạt được trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

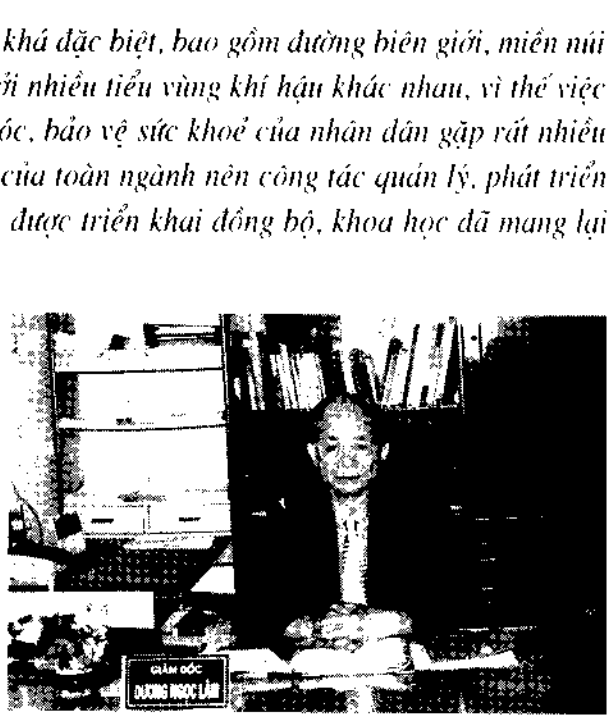

Ông Dương Ngọc Lâm – Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

Những chặng đường đã qua

Thanh Hoá với diện tích 11.168 km^2 và trên 3 triệu dân với 11/27 huyện miền núi, chiếm 2/3 diện tích toàn tỉnh. Địa hình các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa rất phức tạp, đây là những nơi có nhiều núi cao, sông ngòi, khe suối chia cắt, gây khó khăn, trở ngại rất lớn tới việc triển khai mạng lưới y tế cơ sở. Đặc biệt vào mùa mưa, cán bộ y tế muốn đến khám, chữa bệnh cho dân bản ở một số nơi thuộc các huyện miền núi thì chỉ có cách duy nhất là đi bộ. Tuy nhiên với truyền thống và đạo đức của người thầy thuốc - "Lương y như từ mẫu", các cán bộ ngành Y tế Thanh Hoá đã không ngừng nỗ lực, vượt mọi khó khăn để đến với người bệnh kịp thời dù ở bất kỳ nơi đâu, bất kể hoàn cảnh nào. Phương châm đó không phải tới bây giờ mới được thực hiện mà đã được đội ngũ thầy thuốc xứ Thanh khẳng định ngay từ ngày đầu thành lập ngành.

Ngay khi giành được chính quyền cách mạng (tháng 8-1945), Ty Y tế Thanh Hoá đã được thành lập tại thôn Quảng Hán, xã Yên Hùng, huyện Yên Định với 5 cán bộ do đồng chí Đỗ Khải làm Trưởng Ty. Hoà bình lập lại, Ty Y tế Thanh Hoá chưa có các đơn vị trực thuộc, duy nhất có nhà thương của tỉnh do người Pháp để lại với quy mô nhỏ, chỉ đơn thuần làm công tác chữa bệnh cho nhân dân (nay là Bệnh viện đa khoa tỉnh). Trong những ngày đầu thành lập, các cán bộ của Ty Y tế đã tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới, vệ sinh, bài trừ các hủ tục lạc hậu có hại cho sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh và giải quyết một số bệnh tật cho nhân dân do hậu quả của chế độ cũ để lại.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954), Hiệp định Giơnevơ được ký kết, công cuộc kiến thiết xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh,

ngành Y tế Thanh Hoá đã phát triển hết sức nhanh chóng. Trong giai đoạn 1960 - 1975, ngành Y tế Thanh Hoá đã hình thành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh bao gồm các đơn vị trực thuộc Ty như các bệnh viện cấp tỉnh, các trạm chuyên khoa (vệ sinh phòng dịch, phòng chống sốt rét, trạm lao, da liễu, bướu cổ, tâm thần, mắt, kiểm nghiệm dược phẩm, nghiên cứu dược liệu...). Các bệnh viện huyện cũng được thành lập cùng với các đội vệ sinh phòng dịch chống sốt rét. Mạng lưới y tế cơ sở phát triển đến các xã với một hệ thống các trạm y tế hoạt động theo cơ chế "dân nuôi". Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Bộ Y tế, Thanh Hoá đã tích cực chỉ đạo xây dựng các đơn vị tiên tiến ở quy mô cấp xã và huyện, đồng thời đã đạt được một số thành tựu trong sự nghiệp y tế.

Trước tiên, ngành Y tế Thanh Hoá đã đẩy mạnh xã hội hoá công tác y tế, xây dựng và củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, nhân dân các địa phương đã tự nguyện đóng góp công sức, tiền của xây dựng các trạm y tế kiên cố, khang trang. Đến hết năm 1975, huyện Hoằng Hoá đã đạt 100% các trạm y tế được xây dựng khang trang, kiên cố.

Bên cạnh đó, phong trào xoá bỏ các công trình vệ sinh và thanh toán các bệnh dịch như lao, quặm, sốt rét... phát triển mạnh mẽ và xuất hiện nhiều điểm sáng. Trong đó, năm 1973, Nông Cống là huyện đầu tiên của miền Bắc được công nhận dứt điểm thanh toán quặm. Trạm Y tế Hoằng Lộc (huyện Hoằng Hoá) là điểm sáng về y tế xã của miền Bắc vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch 2 lần về thăm. Năm 1975, Bộ Y tế tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến, xã Hoằng Sơn (huyện Hoằng Hoá) là một trong 6 xã của toàn quốc được tham dự hội nghị và báo cáo kinh nghiệm điển hình.

Ngoài làm tốt nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, ngành Y tế Thanh Hoá còn đảm nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ là hậu phương lớn chi viện cho chiến trường miền Nam. Theo đó, Thanh Hoá đã tổ chức tốt nhiệm vụ đào tạo cán bộ y tế cung cấp cho chiến trường miền Nam, đồng thời phục vụ tốt công tác chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Thời kỳ này, công tác ngoại khoa của Y tế Thanh Hoá đã phát triển và đạt nhiều thành tích, theo phương châm ngoại khoa hoá toàn tỉnh, được báo cáo điển hình tại hội nghị tổng kết công tác ngoại khoa chiến tranh của Bộ Y tế năm 1965.

Những thành tích của ngành Y tế Thanh Hoá trong thời kỳ này đã được ghi nhận qua phần thưởng cao quý - danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" do Chủ tịch nước trao tặng năm 2000.

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, sự giao lưu giữa 2 miền Nam - Bắc tăng lên làm bùng phát một số bệnh dịch vốn đang lan truyền và phát triển mạnh ở các tỉnh phía Nam như: sốt rét, dịch tả, dịch sốt xuất huyết... Thêm nữa, đây cũng là thời kỳ Thanh Hoá nói riêng và miền Bắc nói chung chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, bão lụt do các cơn bão số 4 - 5 (năm 1975), cơn bão số 6 (năm 1980) cơn bão số 7 (năm 1981) gây ra, tạo môi trường thuận lợi cho bệnh dịch phát triển. Thời kỳ này cũng là những năm tháng khủng hoảng về kinh tế - xã hội, đời sống của cán bộ y tế gặp rất nhiều khó khăn, quỹ "dân nuôi" cho y tế xã ở nhiều địa phương không còn. Nhiều cán bộ y tế bỏ việc, bỏ trực trạm, cơ sở vật chất các trạm y tế xuống cấp nghiêm trọng không được tu sửa.... đây cũng là những điều kiện thuận lợi để các bệnh dịch như: tả, lỵ, thương hàn, sốt rét, sốt xuất huyết phát triển mạnh. Dù trong hoàn cảnh khó khăn ấy, cán bộ y tế Thanh Hoá vẫn luôn có mặt ở những nơi gian khổ nhất, thực hiện "3 cùng" với nhân dân (cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt) để chống dịch, giải quyết vệ sinh môi trường, thanh khiết nguồn nước.

Đi lên cùng cả nước

Trong giai đoạn này, ngành Y tế Thanh Hoá có những bước phát triển mạnh, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, từ củng cố tổ chức, mạng lưới y tế cơ sở đến đào tạo cán bộ, phát triển khoa học - kỹ thuật, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và hợp tác quốc tế. Đến hết năm 2002, toàn ngành có gần 4.500 cán bộ, nhân viên (trong đó 5 tiến sỹ, 29 thạc sỹ, 10 bác sỹ chuyên khoa II, 274 bác sỹ chuyên khoa I, 5 dược sỹ chuyên khoa II, 41 dược sỹ chuyên khoa I); 33 bệnh viện các loại (6 bệnh viện tuyến tỉnh và 27 trung tâm tuyến huyện);

Đồng chí Trịnh Trọng Quyến - Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá trao danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" cho các đồng chí lãnh đạo ngành Y tế Thanh Hoá

1 khu điều trị bệnh phong; 54 phòng khám đa khoa khu vực; 633 trạm y tế xã; 1 trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ, 1 trung tâm y tế dự phòng và các trung tâm y tế phòng chống bệnh xã hội như: trung tâm sốt rét, da liễu, mắt; 27 đội vệ sinh phòng dịch, 1 trung tâm nội tiết. Thực hiện phương châm: "Vững tuyến xã, mạnh tuyến huyện, giỏi tuyến tỉnh", ngành đã tập trung chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Trong củng cố mạng lưới y tế cơ sở, ngành đã tập trung mọi nguồn lực củng cố nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho các trạm y tế. Từ năm 1990 đến năm 2002, bằng các nguồn vốn (kể cả dự án dân số sức khoẻ gia đình), ngành đã đầu tư xây dựng kiên cố 621 trạm y tế xã; đầu tư cho 543 trạm y tế xã được vay vốn để xây dựng tủ thuốc; trang bị túi cứu thương và cơ số thuốc thiết yếu cho 1.346 y tế chòm bản vùng cao (trị giá 100.000 đồng/túi). Đến hết năm 2000, 100% các trạm y tế xã đều bảo đảm có cán bộ y tế trực trạm 24/24 giờ, không còn xã trắng về y tế; tỷ lệ bác sỹ về công tác tại trạm y tế xã đạt 48,4%; nhiều huyện có tỷ lệ bác sỹ công tác đạt trên 70% như Hoằng Hoá, Hà Trung.

- Công tác đào tạo cán bộ cũng đạt nhiều thành tựu. Trong 7 năm (1995 - 2002), ngành đã đào tạo 3 tiến sỹ, 29 thạc sỹ, 6 bác sỹ chuyên khoa cấp II; gần 200 bác sỹ chuyên khoa I, 1 dược sỹ chuyên khoa II. Đến nay, 27/27 huyện và 480/630 xã có cán bộ chuyên khoa. Hiện nay, toàn tỉnh có hàng trăm bác sỹ đang theo học các chương trình đào tạo nghiên cứu sinh, thạc sỹ, chuyên khoa cấp II, cấp I. Đến hết năm 2002, ngành Y tế Thanh Hoá đã cơ bản đào tạo chuyển đổi y tá trung học sang điều dưỡng viên.

- Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cũng được đẩy mạnh. Trong giai đoạn này, bằng các nguồn vốn Trung ương và địa phương, ngành Y tế Thanh Hoá đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư mua sắm các trang thiết bị kỹ thuật. Nhờ đó, đến hết năm 2000, 100% các trung tâm y tế huyện, thị, thành phố đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đơn nguyên kỹ thuật 1, nhiều trung tâm đang tiếp tục được đầu tư và hoàn chỉnh đơn nguyên kỹ thuật 2, đáp ứng yêu cầu

Bảng vàng thành tích

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, ngành Y tế Thanh Hoá đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc. Trong đó, Đảng và Nhà nước đã phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho đội tự vệ Ty Y tế (nay là Sở Y tế Thanh Hoá) và được tặng thưởng 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 03 Huân chương Lao động hạng Nhất, 09 Huân chương Lao động hạng Nhì, 34 Huân chương Lao động hạng Ba (18 tập thể, 16 cá nhân), 02 lẵng hoa Bác Tôn và 6 cờ luân lưu của Chính phủ; 01 người được phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, 29 Thầy thuốc ưu tú; Đảng bộ Sở Y tế Thanh Hoá liên tục đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2010

1. Y tế tuyến huyện:

- *Đến năm 2010, 100% nhà mái bằng kiên cố, cung cấp đủ trang thiết bị chuyên sâu cho các hệ theo tuyến kỹ thuật.*
- *Phấn đấu đến năm 2005, toàn tỉnh đạt tỷ lệ 4 bác sỹ/vạn dân, năm 2010 là 5 bác sỹ/vạn dân, 1 dược sỹ/vạn dân; tỷ lệ y tá điều dưỡng và kỹ thuật viên phù hợp.*
- *Tăng giường bệnh theo nhu cầu của nhân dân để đạt 13 giường/vạn dân năm 2005 và 15 giường/vạn dân năm 2010.*

2. Y tế tuyến xã:

- *Đến năm 2005, xoá trắng về trạm y tế, có cơ chế thích hợp để 100% trạm y tế có kinh phí hoạt động, 70% số xã có bác sỹ (miền núi 60%), 100% số xã có y sỹ sản nhi. 30% số xã đạt "Chuẩn quốc gia về y tế xã".*
- *Đến năm 2010, 100% số xã đảm bảo định biên cán bộ y tế theo quy định, 100% trạm y tế có mái bằng kiên cố và trang thiết bị theo quy định. Trên 80% số xã đạt "Chuẩn quốc gia về y tế"*

3. Y tế thôn, bản:

- *Đến năm 2005, 90% thôn, bản có nhân viên y tế và được hưởng phụ cấp theo chế độ hiện hành.*
- *Đến năm 2010, 100% thôn, bản có nhân viên y tế và được trang bị các phương tiện phù hợp phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu.*

4. Về chuyên môn:

- *Giảm tỷ suất trẻ chết dưới 1 tuổi xuống còn 30/1.000 trẻ vào năm 2005 và còn 23/1.000 trẻ vào năm 2010.*
- *Giảm tỷ suất chết của trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 35/1.000 vào năm 2005 và xuống dưới 30/1.000 vào năm 2010.*
- *Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 23% vào năm 2005 và xuống còn 15% vào năm 2010.*
- *Giảm tỷ suất chết của phụ nữ khi sinh đến năm 2005 còn 70/100.000 ca sinh, đến năm 2010 là 50/100.000 ca sinh.*
- *Giảm tỷ lệ mắc sốt rét xuống còn 10 - 15%/năm.*
- *Giảm tỷ lệ mắc bướu cổ xuống còn 1,2 - 1,7%/năm ở miền núi và 0,5 - 0,7%/năm ở đồng bằng, tiến tới thanh toán tình trạng rối loạn do thiếu iốt vào năm 2005.*
- *Giảm 50% số bệnh nhân lao vào năm 2010, duy trì kết quả khỏi bệnh lao trên 85% bằng hoá trị liệu ngắn ngày có kiểm soát.*

phục vụ nhân dân ngày càng tăng. Các bệnh viện và trung tâm y tế tuyến tỉnh, cùng các trạm chuyên khoa cũng được đầu tư nâng cấp và xây dựng hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ của nhân dân trong tỉnh.

Năm 2002, Y tế Thanh Hoá đã được đầu tư mua sắm tương đối đầy đủ các trang thiết bị kỹ thuật cơ bản cần thiết phục vụ cho công tác điều trị, dự phòng và nghiên cứu khoa học. 100% các trung tâm y tế huyện, thị, thành phố đã có máy chụp X-quang, máy siêu âm, máy xét nghiệm sinh hoá đa chức năng; Bệnh viện Đa khoa tỉnh cũng được đầu tư nhiều thiết bị hiện đại như: máy Citi-scaner, máy thở, máy nội soi, máy chạy thận nhân tạo, bộ phẫu thuật nội soi tiết niệu...

- Công tác cung ứng thuốc cũng đạt nhiều kết quả quan trọng. Hết năm 2002, bình quân tiền thuốc đầu người dân đạt xấp xỉ 50.000 đồng/năm. Trung bình mỗi xã đạt 3 - 4 điểm phân phối thuốc của doanh nghiệp nhà nước. Tỷ trọng thuốc do Công ty Dược - Thiết bị vật tư Thanh Hoá sản xuất chiếm hơn 50% tổng giá trị thuốc tiêu dùng trong toàn tỉnh.

Nhờ bước đi đúng hướng và công tác điều hành kiên quyết, nhất quán, linh hoạt, trong giai đoạn 1990 - 2002, ngành Y tế Thanh Hoá đã đạt nhiều thành tích tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực điều trị, dự phòng và thực hiện các chương trình y tế quốc gia.

- Trong lĩnh vực y tế dự phòng, nhiều năm liền không để dịch xảy ra ở quy mô xã; các bệnh truyền nhiễm trung bình mỗi năm giảm 1,5 - 2 lần. Những bệnh dịch nguy hiểm như tả, dịch hạch, thương hàn, sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở trẻ em được khống chế; số ca mắc bệnh sốt rét giảm 20 - 28%/năm; liên tục trong 5 năm (1997 - 2002) không có bệnh dịch sốt rét và không có bệnh nhân tử vong do sốt rét. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em đạt nhiều kết quả: Tỷ lệ phụ nữ khám thai trung bình đạt 2,85 lần/thai kỳ, tỷ lệ bà mẹ sinh nở có cán bộ y tế can thiệp đạt 93,9%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 28%.

- Trong lĩnh vực điều trị, công suất sử dụng giường bệnh liên tục tăng, bình quân đạt gần 100% ở tuyến huyện, thị, thành phố và hơn 100% ở tuyến tỉnh. Số ngày nằm điều trị trung bình ngày càng giảm, nhiều kỹ thuật mới được áp dụng như phẫu thuật nội soi, điều trị vô sinh, chạy thận nhân tạo, truyền máu chọn lọc qua thực hiện tách chiết các thành phần của máu... Các chương trình y tế quốc gia và quốc tế đều đạt và vượt các chỉ tiêu được giao.

Phương hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển đến năm 2010

Để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, giảm tỷ lệ mắc các bệnh tử vong, nâng cao thể chất và tăng tuổi thọ trung bình cho người dân, từ nay đến năm 2010 ngành Y tế Thanh Hoá tiếp tục giữ vững phương châm: "Vững tuyến xã, mạnh tuyến huyện, giỏi tuyến tỉnh", dự phòng tích cực và chủ động, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, coi công tác y tế dự phòng là trọng tâm và không để dịch lớn xảy ra. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trong tỉnh; đảm bảo cho mọi người dân đều được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản; đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong giai đoạn mới. Cải thiện các chỉ tiêu về sức khoẻ, từng bước nâng cao thể chất và tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh. Trong đó, ngành sẽ thực hiện những mục tiêu cụ thể sau:

Để thực hiện thành công những mục tiêu trên, ngành sẽ tập trung chủ yếu vào các giải pháp sau:

1) Củng cố và từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức mạng lưới y tế từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, bao gồm: y tế dự phòng, khám chữa bệnh, sản xuất cung ứng thuốc và vật tư y tế theo hướng tinh gọn và đạt hiệu quả cao. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý ngành đạt yêu cầu: "Giỏi tuyến tỉnh, mạnh tuyến huyện, vững chắc tuyến xã". Trong đó, giai đoạn 2001 - 2005, hoàn thành đầu tư hiện đại hoá Bệnh viện Đa khoa tỉnh, nâng cấp Bệnh viện Ngọc Lặc trở thành bệnh viện đa khoa khu vực; thành lập mới Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Nghi Sơn. Mở thêm một số chuyên khoa của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Phụ sản.... Từng bước nâng cấp các bệnh viện trở thành bệnh viện hạng nhất. Tái thành lập Trường Cao đẳng Y tế từ Khoa Y trường Đại học Hồng Đức. Giai đoạn 2006 - 2010, thành lập Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Nội tiết, đồng thời tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế địa phương.

Tiêm vắcxin phòng bệnh sởi tại huyện Lang Chánh

2) Có quy hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tiêu chuẩn hoá đối với cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến huyện, xã. Tập trung đào tạo bác sỹ chuyên khoa đầu ngành ở tuyến tỉnh; tăng cường đào tạo sau đại học (tiến sỹ, thạc sỹ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II) cho các tuyến, các hệ. Cán bộ phụ trách chuyên môn các khoa, phòng, các đơn vị y tế tuyến tỉnh phải có trình độ trên đại học.

3) Củng cố tuyến y tế cơ sở, phấn đấu đến năm 2005 đạt 100% phòng khám đa khoa khu vực, phòng khám cụm liên xã được xây dựng kiên cố, có đủ cán bộ, trang thiết bị và hoạt động đúng chức năng theo quy định của Bộ Y tế: 70% số xã có bác sỹ (riêng miền núi đạt 60%). Đến năm 2010, đạt 100% số xã có bác sỹ, 100% số trạm y tế có dược tá hoặc dược sỹ trung học phụ trách công tác dược và các cán bộ được bổ túc về y học cổ truyền; 100% thôn, bản cán bộ y tế có trình độ cơ bản trở lên; 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện thực tế phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

4) Tiếp tục đẩy mạnh công tác y tế dự phòng. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch bệnh, củng cố hệ thống thông tin, giám sát, báo cáo dịch tễ. Tăng cường giám sát và xử lý chất thải bao gồm: chất thải công nghiệp, chất thải bệnh viện, hoá chất bảo vệ thực vật, các chất gây ô nhiễm môi trường tác động xấu đến sức khoẻ. Thực hiện và duy trì kết quả chương trình chăm sóc sức khoẻ trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, tiêm chủng đầy đủ Vắcxin cho trẻ em đạt 98 - 99% hàng năm, chú trọng sức khoẻ vị thành niên, nha học đường, phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thấp tim, giun sán.

5) Từng bước nâng cao chất lượng toàn diện khám chữa bệnh kể cả về đầu tư, nhân lực, trang thiết bị. Phấn đấu đưa Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện hạng nhất. Nâng cao hệ số cán bộ phục vụ trên giường bệnh ở các bệnh viện tuyến tỉnh, tăng giường bệnh theo nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Đa dạng hoá các loại hình khám, chữa bệnh theo Nghị định 73/CP của Chính phủ. Từng bước đưa một số khoa của Bệnh viện thành phố Thanh Hoá và sau đó là chuyển bệnh viện sang hoạt động theo mô hình bán công. Đối với các bệnh viện khác, chuyển dần một số bộ phận sang hoạt động khám, chữa bệnh theo mô hình bán công khi có điều kiện.

6) Tiếp tục triển khai chính sách quốc gia về thuốc, bảo đảm đủ thuốc, thuốc có chất lượng cao cho phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Thực hiện sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả. Nâng cao chất lượng thuốc trong tỉnh đạt tiêu chuẩn GMP. Thuốc sản xuất bằng dược liệu địa phương đạt 30% giá trị sản lượng và 35% nhu cầu thuốc trong tỉnh.

7) Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá công tác y tế, đa dạng hoá các loại hình chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục củng cố, phát triển năng lực của trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ tỉnh và mạng lưới truyền thông giáo dục sức khoẻ cơ sở nhằm tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức về y tế thường thức để nhân dân tự giác trong chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ.

8) Có chính sách ưu tiên cho đào tạo cán bộ y tế xã, vùng núi, vùng cao đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân từng vùng, miền. Thực hiện tốt chủ trương tăng cường cán bộ chuyên môn y tế cho các huyện, xã vùng sâu, vùng xa còn thiếu.

9) Đẩy mạnh thu viện phí và bảo hiểm y tế, mở rộng bảo hiểm y tế tự nguyện và tăng cường quản lý thu, chi trong y tế theo quy định của pháp luật. Không để xảy ra những tiêu cực, thất thoát trong cấp phát và sử dụng kinh phí sự nghiệp y tế. Có chính sách thoả đáng đối với việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho các đối tượng thuộc diện đói nghèo trong tỉnh.

Cùng với bao thách thức của thời gian, ngành Y tế Thanh Hoá bằng những kết quả đã đạt được trong thời gian qua và những kế hoạch trong thời gian tới không chỉ giữ một vị trí quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân mà còn góp phần đáng kể vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước.

THANH HOA HEALTH SECTOR

FOR THE PEOPLE'S HEALTH CARE AND PROTECTION CAUSE

Being the large province with special natural condition including border, high mountainous areas, coast and islands, with diverse climate sub-regions, Thanh Hoa faces numerous difficulties in epidemics control and people's health care and protection. However, with tremendous efforts of the whole sector, the management and development of the health care network and examination, treatment for the people have been synchronously and scientifically carried out, bringing about good results as proposed requirements.

Chairman of Thanh Hoa provincial People's Committee, Pham Minh Doan (by order of Viet Nam President) granted the sixth appellation of "the Excellent Doctor" (February 02, 2003)

During past 48 years, the sector has gradually grown, making active contribution to the people's health care and protection cause. Those outcomes have contributed to the achievements gained by Thanh Hoa Party's Committees and habitants in the two long-term wars of resistance as well as in the cause of country's renovation and socialism construction today.

The past stages

Thanh Hoa province has 11,168 sq.km area and over three million inhabitants with 11/27 mountainous districts, accounting for two third of the province area. The extremely complicated topology of high, remote and rural areas partitioned by many high mountains, rivers and streams causes a range of obstacles in expanding basic health care network. Especially in the rainy season, the health workers can only walk to some of the mountainous districts to examine and treat for the people. However, with the doctor's morality "Doctor is a gentle mother", Thanh Hoa health officers have constantly exerted their strength to overcome the difficulties to cure the patients in any circumstances. This motto has been confirmed right from the sector's commencing days.

Right after the revolution political power was seized (in August, 1945), Thanh Hoa Medical Department was established at Quang Han village, Yen Hung commune, Yen Dinh District with five health officers, leaded by the department's director, Do Khai. When peace was restored, the department did not have the belonging units, possessed unique small hospital left by the French that could only be in charge of treatment (now called the provincial general hospital). In commencing days, the health workers of the medical department had actively motivated the people to implement the hygienic new life-style, abolish the backward depraved customs that affected people's health, prevent and protect the epidemics and cure some diseases as consequence of the previous regime.

After Dien Bien Phu victory (in 1954), Geneva Agreement was signed, the cause of socialism construction in the Northern area was stepped up. Thanh

Hoa Health sector experienced rapid development. In the period of 1960-1975, the sector had formed the relatively-completed system consisted of such units belonging to the Medical Department as the provincial hospitals and the special medical stations (including anti-epidemic hygiene, malaria prevention and protection, tuberculosis, dermatology, goitre, mentality, ophthalmology, pharmaceutical product test and drug research). The districts' hospitals were also built concurrently with the groups of anti-malaria sanitation. The basic medical network was expanded to the communes with the system of health care stations operating according to the mechanism of "people bring up". Under the direction of Ministry of Health, Thanh Hoa has actively conducted the formation of the advanced units at commune and district levels, simultaneously obtained remarkable achievements in the cause of health care.

Firstly, the sector has sped up the medical socialisation, constructed and consolidated the fundamental health care network. Under the conduct of the Party's Committees, the local inhabitants had spontaneously contributed their strength and wealth to build the solid and spacious medical stations. At the end of 1975, Hoang Hoa District had reached hundred percent of reinforced and well-built medical stations.

Apart from that, the movement on eradicating the outdated public toilets and the epidemic diseases such as tuberculosis, entropion, malaria had strongly expanded, many highlights appeared. Of which, in 1973, Nong Cong was the first district in the North being acknowledged as definitively eliminated entropion. Hoang Loc medical station (of Hoang Hoa District), the health care highlight in the North had honourably welcomed Minister of Health Pham Ngoc Thach twice. In 1975, Ministry of Health organised the Conference on advanced typical examples, Hoang Son (of Hoang Hoa District) was one of the six communes nationwide chosen to attend the conference and report typical experiences.

In addition, Thanh Hoa Health sector has also undertaken and successfully carried out the task of great rear supporting the South front. Accordingly, Thanh Hoa has perfectly trained health workers to serve on the South front, concurrently supported struggle against American empire in the North. At that time, the hospital surgical work had developed and attained a range of achievements, under the motto of expanding surgery in the entire province, been selected to address typical report at the conference on summarising the surgical task during the war held by Ministry of Health in 1965.

The outcomes of Thanh Hoa Health sector had been acknowledged by the noble award - the appellation "The Hero of people's armed forces" granted by Viet Nam President in 2000.

After the South liberation and county's unity, the increase in connection between the North and the South had made outbreak of the diseases spreading in the Southern provinces such as malaria, cholera, dengue fever etc. Furthermore, that was the period when Thanh Hoa in particular and the South in general bore the severe affect of the natural disasters caused by the storms No 4 and No 5 (in 1975), No 6 (1980), No 7 (1981) that enable the epidemics to arise and expand. That was also the time of socio-economic crisis leading to obstacles in the health workers' life, the "people bring up" fund for the commune health care was nearly over. Several health workers left their work, the infrastructure seriously deteriorat-

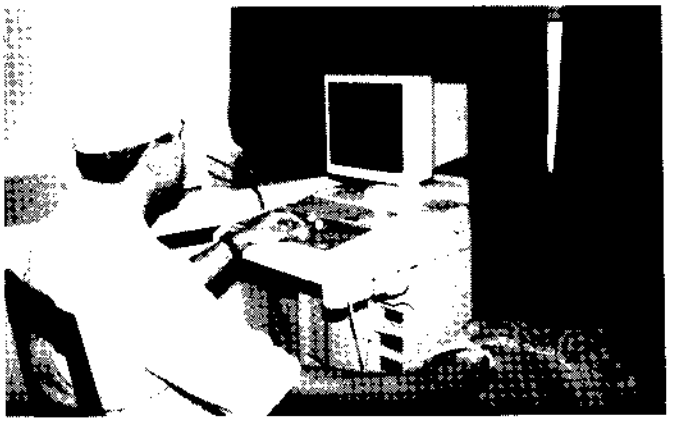

Diagnose by Dople colour scanner at Thanh Hoa provincial General Hospital

ed without reparation that resulted in spread of such epidemics as cholera, dysentery, typhoid, malaria and dengue fever. In spite of that difficult circumstance, many employees of the sector had always presented at the most hardship places, implementing "three together" with the people (eat together, life together, act together) to oppose the disease, deal with environment hygiene and clean the water source.

Growing up with the whole country

During that time, the sector experienced strong and comprehensive development in every aspect, from consolidating medical network to training the staff, developing science-technique, investing infrastructure construction and implementing international co-operation. By the end of 2002, the sector's staff consisted of nearly 4,500 employees (of whom five doctors, 29 masters, 10 second-grade specialised doctors, 274 first-grade specialised doctors, five second-grade specialised pharmacists and 41 first-grade specialised pharmacists). The entire sector now possesses 33 different hospitals (six of which at provincial level and 27 centres at district level), a leprosy treatment area, 54 regional clinics, 633 commune medical stations, a communication centre for health education, a preventive health centre, several medical centres for social disease treatment like dengue fever, dermatology, ophthalmology, 27 preventive hygiene stations and one endocrine centre. Under the motto of "Reinforce the communes', strengthen the districts' and perfect the provincial levels", the sector has paid focused direction to the solutions for the following issues:

As for consolidation of basic health network, the sector has exerted all forces to consolidate and upgrade technical equipment for the medical stations. From 1990 to 2002, by using the capital resources (including project on population and family health), the sector had invested in solid construction of 621 commune medical stations, granted loan to 543 commune medical stations to create medicine cabinets, equipped with first-aid kits and the essential drugs for 1,346 villages health groups (valued VND100,000/kit). By the end of 2000, hundred percent of communes has health worker on duty 24/24 hours a day, the rate of communes having doctor reached 48.8 percent and even 70 percent as in some districts such as Hoang Hoa and Ha Trung.

The attainments were also seen in training task. In seven years (1995-2002), the sector had trained three doctors, 29 masters, six specialised doctors at second-grade, nearly 200 at first-grade and one specialised pharmacist at second-grade. So far, 27/27 districts and 480/630 communes are served with specialised health officers. Presently, the whole province has hundreds of doctors attending post-graduate, master, first and second grade specialised training courses. By the end of 2002, Thanh Hoa Health sector has basically trained intermediate nurses into professional nursing staff.

The infrastructure construction and investment in technical equipment have also been sped up. In this period, with the capital sources from the Central and locality, Thanh Hoa Health sector has poured hundreds of billions dongs into infrastructure construction and technical equipment. Thanks to that, by late 2000, hundred percent of health centres at district's town's and city's levels benefited with construction investment in completing one technical unit, the second technical units are being invested in many centers, satisfying the people's increasing requirements on examination and treatment. The hospitals and medical centers at provincial level and the specialized stations have also enjoyed investment to reinforced and modernly build, meeting the growing demand of the cause of people's health care and protection in the province.

In 2002, Thanh Hoa Health sector had been investment in purchase of relatively adequate technical equipment for diagnosing, prevention and scientific research. All the districts' towns' and city' medical centers are equipped with X-ray machines, scanners and multifunction bio-chemical testing machines. The provincial General Hospital also possesses such updated equipment as CT-scanners, breath-supporter, scanners, artificial-kidney support-

The outstanding outcomes

After years of formation and development, Thanh Hoa Health sector had gained excellent achievements, deserved the appellation of "the Hero of people's armed force" granted by the Party and State (for Self-defense unit of the Medical Department, which now called Thanh Hoa Department of Health). It also honorably received one Third-grade Independent Order, three First-grade Labor Orders, nine Second-grade Labor Orders, 34 Third-grade Labor Orders (for 18 collectives and 16 individuals), two flower baskets from Uncle Ton and six challenge banners of the Government. One person was conferred the title of "the People Doctor", 29 of "the Excellent Doctors", the Party's Committee of Thanh Hoa Health sector continuously obtained the strong and clean unit.

er, uroscopy operation device.

The important results have been recorded in the medicine supply. By the end of 2002, average per capita drug expense accounted for nearly VND50.000 a year. Every commune reached three to four medicine distribution stations of the State-owned enterprises at average. The medicine proportion produced by Thanh Hoa Pharmaceutical Medical-Equipment Company amounted to 50 percent of the total value of consumed drug in the whole province.

Owning to the right steps and resolute, consistent and flexible management, during 1990-2002, the sector had obtained relatively comprehensive achievements in the health treatment, prevention and implementation of national health programs.

As for preventive health care, in the consecutive years no epidemics had recorded in the communes, the infectious diseases decreased 1.5 to 2 times yearly. The fatal epidemics such as cholera, bubonic plague, typhoid, dengue fever and children' dangerous infectious diseases were under control, the cases contracted malaria reduced 20-28 percent a year and no malaria epidemic and malaria-caused death cases were recorded in five consecutive years (1997-2002). The considerable results were attained in caring and protecting mothers' and children' health: average prenatal check-up rate reached 2.85 times in a pregnancy period, the rate of medical-supported bearing mothers amounted to 93.9 percent and of malnourished under-five-year children drop to 28 percent.

In treatment, the bed-use capacity continually increased, achieved around hundred percent all levels at average. The average treatment duration has decreased day by day, number of updated techniques have been applied including scanner operation, barren therapeutic, artificial kidney support, blood refined transfusion by splitting blood elements. In implementation of national and international health care programs, the targets had been reached and exceeded.

Development direction, target, solution by 2010

To improve examination and treatment quality, enhance people's health and lengthen their longevity as well as reduce the death rate, by 2010 Thanh Hoa Health sector will maintain the motto of "Reinforce the communes, strengthen the districts' and perfect the provincial levels", actively attach traditional to updated medicine and focus on preventive health care to avoid the epidemics. The sector's plans to improve the health care quality, ensure provision of medical service to every person, satisfying the requirement of people's health care and protection in the new period, ameliorate the health-relating targets, gradually enhance constitution and lengthen average longevity for the people in the province. Of which the sector will realize the detailed targets as follows:

To achieve those targets successfully, the sector will focus on the following solutions:

1) Effectively consolidate and complete the med-

ical network from the provincial to the basic levels including preventive health care, examination and treatment, drug and medical equipment production and supply. Continue to improve the sector's management mechanism to meet the requirement "Reinforce the communes', strengthen the districts' and perfect the provincial levels". Of which in the period of 2001-2005, complete investment in modernising provincial General Hospital, upgrade Ngoc Lac Hospital to the regional hospital, build up Children and Nghi Son hospitals. Open Obstetric Hospital and some specialised departments of the provincial General Hospital. Gradually upgrade the hospitals to the first grade ones. Re-establish Medical College from the Medicine Department of Hong Duc University. In 2006-2010 build up the Ophthalmology Hospital, Endocrine Hospital, concurrently continue to consolidate and enhance the quality of the local health care network operation.

2) Plan to train and develop human resource on the direction of standardising health workers from the provincial to the district and commune levels. Focus on train specialised leading doctors at provincial level, intensify post-graduate training (doctor, master, first-grade and second-grade specialised training course) for the levels. Equip the departments' leaders with post-

Targets by 2010

1. *Health care at district level*

- *By 2010: reinforce hundred percent plat-root houses, adequately provide specialized equipment according to the technical lines.*
- *Strive to reach the rate per ten thousands residents at four doctors in 2005, five doctors and one pharmacist in 2010 and appropriate rate of nurses and technicians.*
- *Increase number of beds on people's demand to approach 13 beds/ten thousands habitants in 2005 and 15 beds in 2010.*

2. *Health care at commune level*

- *By 2005, ensure hundred percent communes having medical station; issue suitable regulation to finance all the stations to operate; assign doctors to 70 percent communes (60 percent to mountainous communes) and obstetric nurses to hundred percent communes. 30 percent commune to meet "National standard on commune health care".*
- *By 2010, all the communes to have regular health workers and possess solid flat-root medical stations and equipment as regulated. Over 80 percent communes to meet "National standard on commune health care".*

3. *Health care at village level*

- *By 2005, reach 90 percent villages having health workers that can be benefited with allowance according to the prevailing regulations.*
- *By 2010, hundred percent villages to have health workers, be equipped with suitable means for first-hand health care.*

4. *Professional issues*

- *Decrease the death rate of under-one-year children to 30/1,000 in 2005 and 23/1,000 in 2010.*
- *Decrease the death rate of under-five-year children to less than 35/1,000 in 2005 and under 30/1,000 in 2010.*
- *Decrease the rate of under-five-year malnourished children under 23 percent in 2005 and 15 percent in 2010.*
- *Reduce the death rate of bearing mothers to 70/100,000 normal cases in 2005 and 50/100,000 in 2010.*
- *Drop the rate of malaria-contracted cases to 10-15 percent a year.*
- *Decrease the goiter-infected cases to 1.2 - 1.7 percent a year in the mountainous and 0.5 - 0.7 percent in the delta areas, reach to eliminate the confusion caused by lack of iodine in 2005.*
- *Reduce 50 percent of tuberculosis-infected patients in 2010, maintain the result at 85 percent of recovery by controlled short-term chemotherapy.*

graduate profession qualification.

3) Strengthen the basic health care network. Strive to reach 2005's target of hundred percent regional clinics and commune complexes' surgeries reinforced with infrastructure, having adequate health officers and equipment, functioning in line with the regulations of the Ministry of Health. 70 percent communes (60 percent of mountainous ones) to have doctors. By 2010, all the communes to have doctors, hundred percent medical stations to have pharmaceutical clerks or intermediate pharmacists and the cadres supplemented with traditional medical knowledge. Hundred percent villages to have health workers with primary education upward; 100 percent communes to have medical stations appropriate with the practical conditions to serve people's health care requirement.

4) Carry on speeding up preventive health care. Actively prevent and treat the epidemics, strengthen system of information, supervision and report about the epidemics. Intensify supervising and treating waste including industrial and hospital waste, vegetation protection chemicals, environment pollution-caused substance affecting people's health. Implement and maintain the results of children' health care program, prevent and protect malnutrition, ensure 98-99 percent vaccination for the children every year, centre on juvenile's health, school dentistry, prevent and protect infected respire acute, rheumatic heart and parasitic worms.

5) Gradually raise the comprehensive quality of examination and treatment in all capital investment, human resource and equipment. Strive to turn the provincial General Hospital into the first-grade one. Heighten the number of health officers serving patients at provincial level, increase the number of beds on people's demand. Examination and treatment to be improved in quality and diversified in types according to Decree 73/CP of the Government. Step by step turn several departments of other hospitals into semi-public models if possible.

6) Continually Implement the national policy on medicine, ensure sufficient and high quality medicine for preventing and protecting epidemic diseases and taking care of people's health. Use medicine safely, reasonably and effectively. Raise the medicine quality in the province to reach GMP standard. Produce medicine by using local materials to achieve 30 percent of production value and 35 percent of drug demand in the province.

7) Continue to push medical socialisation and health care type diversification. Carry on strengthening and developing the capability of the provincial health education centre and the basic health education network aiming at propagating and educating the people about the general medical knowledge to help them be self-conscious in the health care and protection.

8) Issue preferential policy on training health workers at the communes, mountainous and high areas to meet the requirement on examination and treatment of the people of each area. Effectively implement the policy on intensifying medical specialised officers to the districts and communes of the rural and remote areas.

9) Promote collection of hospital fee and health insurance, expand self-conscious insurance and intensify collection-expenditure management in health sector according to the laws. Avoid losses in distribution and use of non-productive medical expenditure. Issue the proper policy on health care and protection for the needy cases in the province.

Co-existing with numerous challenges over time, Thanh Hoa Health sector, with the obtained outcomes in recent years and plan for forthcoming time, not only plays an important role in the people's health care and protection but also remarkably contributes to empower the industrialisation and modernisation cause of Thanh Hoa province in particular and of the whole country in general.

HỘI ĐÔNG Y THANH HOÁ
GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY Y HỌC CỔ TRUYỀN

Bác sỹ PHẠM MINH CHÍNH
Chủ tịch Hội đông y Thanh Hoá

Hơn 45 năm xây dựng và trưởng thành, Hội đông y Thanh Hoá không ngừng kế thừa, phát huy những kinh nghiệm y học quý báu của dân tộc. Hội đã thực sự trở thành tổ chức của những người làm nghề y, dược cổ truyền, nơi các hội viên tập hợp, cùng học hỏi và đem những kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn cống hiến cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

Bác sỹ Phạm Minh Chính – Chủ tịch Hội đông y Thanh Hoá

Xứ Thanh là vùng đất có nền y học cổ truyền không ngừng phát triển. Trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, người dân nơi đây đã nhận thấy, nhiều cây lá, động vật và khoáng vật có tác dụng chữa bệnh, tăng cường sức khoẻ cho con người. Những phát hiện ấy được tổng kết lại và trải nghiệm qua thực tế đã khẳng định: ở Thanh Hoá, y học cổ truyền trở nên thiết thực, gần gũi với đời sống của người dân, được gìn giữ, phát triển cho đến ngày nay.

Quá trình thành lập

Khi Hội đông y Việt Nam tổ chức Đại hội tại Thủ đô Hà Nội, cùng với các đoàn đại biểu của cả nước, đoàn đại biểu Thanh Hoá gồm những lương y với kiến thức và kinh nghiệm của mình đã nhiều năm chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho người dân do Lương y Nguyễn Huy Cừ làm trưởng đoàn đã tham dự lễ khai hội.

Sau khi các đại biểu đi dự Đại hội lần thứ nhất trở về, công tác chuẩn bị thành lập Hội ở Thanh Hoá được xúc tiến khẩn trương. Lương y Lê Hồng Cơ, Lê Mậu Biển, Lê Văn Thi, Hoàng Sâm, Đỗ Tấn Long là những người đầu tiên, đặt viên gạch xây dựng nền móng cho Hội đông y Thanh Hoá. Trong ngày đầu thành lập, lòng hăng say miệt mài với sự nghiệp đông y của các bậc lương y tiền bối thật đáng khâm phục. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và điều kiện sinh hoạt, nhưng các lương y đã tận dụng mọi khả năng sẵn có để hoạt động của hội diễn ra thường xuyên.

Được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, với quyết tâm và lòng nhiệt tình của các lương y trong ban vận động, cùng tấm lòng vì sự nghiệp đông y, trong 3 ngày 5, 6, 7-11-1958, Đại hội đông y Thanh Hoá đã được tổ chức tại Hội trường Ty Y tế dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Hành chính tỉnh với 160 đại biểu tới dự.

Đại hội lần thứ nhất của phân hội Đại hội Tỉnh là mốc son đánh dấu sự ra đời, phát triển của hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng làm công tác y, dược học cổ truyền Thanh Hoá chính thức thống nhất hoạt động trong tổ chức Hội quần chúng nghề nghiệp, có kinh nghiệm khám và điều trị bệnh. Hơn thế, hội còn có điều kiện để khẳng định vai trò, vị trí trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như các tổ chức quần chúng khác. Hội vừa là nơi để mọi người phản ánh tâm tư, nguyện vọng, trao đổi học tập lẫn nhau, vừa khích lệ tìm tòi, phát minh sáng tạo mới, cùng nhau đem hết tinh thần và trí tuệ phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, xây dựng nền y học Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bốn mươi lăm năm - một chặng đường

Trong quá trình hoạt động, Hội đông y Thanh Hoá đã trải qua 12 kỳ đại hội. Đồng thời, hội đã tập hợp, động viên, giáo dục và đoàn kết những người làm nghề y, dược học cổ truyền trong tỉnh; động viên họ đóng góp tài năng, kinh nghiệm chuyên môn cho công tác phòng, chữa bệnh cho nhân dân, nhằm kế thừa hiệu quả và phát huy, phát triển nền y, dược học cổ truyền dân tộc.

Cùng với những thay đổi lớn của đất nước, phong trào đông y Thanh Hoá cũng trải qua những bước thăng trầm, nhưng giới đông y Thanh Hoá vẫn phát triển mạnh mẽ, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, thể hiện tính tự lực tự cường, tìm tòi, học hỏi những gì tinh túy mà nền y học dân tộc truyền lại. Để từ đó, các lương y tài năng và đức độ dốc lòng phục vụ nhân dân, góp phần vào thắng lợi to lớn của cách mạng.

Trong suốt chặng đường hoạt động, Hội đông y Thanh Hoá không ngừng củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn của các hội viên trong quá trình xây dựng tổ chức hội. Trong đó, tỉnh hội đã mở lớp bồi dưỡng chuyên môn đông y thời gian 9 tháng cho các hội viên, con em lương y và cán bộ y tế có nhu cầu học đông y. Từ năm 1997 đến năm 2001, Hội đông y Thanh Hoá đã mở lớp cho 250 hội viên; kết hợp với trường Trung học Tuệ Tĩnh, Sở Y tế Thanh Hoá, Bệnh viện Đông y tỉnh mở lớp chuẩn hoá lương y cho 152 học viên và mở 2 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý cho cán bộ hội cơ sở, lớp Hán Nôm cho hội viên, từng bước khôi phục phong trào trồng và sử dụng thuốc nam ở tuyến cơ sở. Nhờ vậy, đến nay, Hội đông y tỉnh Thanh Hoá phát triển được gần 1.400 hội viên, 222 chi hội cơ sở, 18/27 huyện, thị hội và 6 chi hội trực thuộc tỉnh hội. Các huyện thị hội đều có phòng chẩn trị, vừa là nơi khám chữa bệnh phục vụ nhân dân, vừa là nơi ứng dụng, kế thừa các bài thuốc hay, cây thuốc quý, đồng thời là nơi tuyên truyền phòng chữa bệnh, sử dụng thuốc nam, dưỡng sinh xoa bóp để bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, xứng đáng là tổ ấm của các hội viên, được nhân dân tin yêu. Với một mạng lưới rộng lớn, vươn khắp ra toàn tỉnh lên đến tận các vùng sâu, vùng xa, đông y đã thực sự là một liều thuốc bổ ích đối với sức khoẻ của người dân.

Ngoài ra, hội còn tiến hành những công việc cụ thể để chăm sóc sức khoẻ của nhân dân được tốt. Trong đó, hội thường xuyên khám miễn phí cho người cao tuổi, gia đình chính sách, đối tượng cô đơn không nơi nương tựa, tổ chức những buổi nói chuyện về dưỡng sinh, xoa bóp để phòng và chữa bệnh; tổ chức cho các hội viên huyện, thị hội đi tham quan học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

Nhận thức được ý nghĩa vô cùng to lớn của đông y trong công tác khám, chữa bệnh, các bậc lương y Thanh Hoá luôn chú trọng đến công tác dịch thuật. Một số thầy thuốc có uy tín, giỏi chuyên môn và chữ Hán, tâm huyết với nghề, vừa khám chữa bệnh, vừa viết sách, dịch các tác phẩm có giá trị chuyên về y học cổ truyền như: Lương y Đỗ Tấn Long, Lương y Trương Quốc Bảo, Bác sỹ Phạm Minh Chính... Đến nay, nhiều bộ sách quý đã được sưu tầm tập hợp và dịch ra quốc văn: bệnh học nội khoa, ngoại khoa, Trung y học khái luận, Bát trận tân phương, Khiêm trai y học giảng cảo,... Các bài thuốc gia truyền có uy tín trong và ngoài tỉnh được kế thừa và khuyến khích sử dụng như: Cam thảo nghè, Thấp tam đồng, Sản kẻ

Kết quả hoạt động giai đoạn 1998 - 2002

Năm	1998	1999	2000	2001	2002
Khám chữa bệnh	208.583	235.842	260.120	293.013	399.829
Châm cứu	29.731	36.302	42.815	81.975	109.134

(Không tính số bệnh nhân do các lương y khám, chữa bệnh tại nhà)

Nguồn: Hội đông y Thanh Hoá

Những thành tích đáng tự hào

Trong quá trình hoạt động và cống hiến, các thế hệ lương y Thanh Hoá được nhân dân tin yêu, Đảng và Nhà nước đánh giá cao, Tỉnh Hội đông y Thanh Hoá đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý như bằng khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Trung ương hội, ngành y tế, và Liên hiệp các Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam cho các tập thể và cá nhân. Bên cạnh đó, Hội đông y Thanh Hoá đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1981), Huân chương Lao động hạng Hai vào năm 1997.

Năm 2001 Bác sỹ Phạm Minh Chính - Chủ tịch hội đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú. Ngày 20-9-2002, Hội đông y Thanh Hóa được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất theo Quyết định số 604/2002/QĐ-CTN, đây là một vinh dự lớn cho toàn Hội và là sự khẳng định niềm tin của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân đối với công lao của cán bộ, hội viên toàn tỉnh trong sự nghiệp phát huy, phát triển y học cổ truyền dân tộc.

điệp, Sài kẻ sến, Phong bà Giằng.... Các cây thuốc quý được chú ý bảo tồn và khai thác như: Quế Trịnh Vạn, Sâm báo.... Nhiều chuyên san do các lương y tham gia biên soạn với mục đích cung cấp thông tin cũng như kiến thức y dược cổ truyền cho người dân: bệnh tỳ vị, bệnh phụ khoa.... Bên cạnh đó, các lương y còn chọn lọc những bài thuốc hay, cây thuốc quý để tập hợp lại thành chuyên san phổ biến cho các hội viên, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học hỏi về đông y của người dân.

Trong quá trình đổi mới cơ chế kinh tế vào những năm cuối thập kỷ 90 (thế kỷ XX). Nhiều huyện, thị hội như: Bỉm Sơn, Tĩnh Gia, thành phố Thanh Hoá,... đã phát huy được tính năng động, sáng tạo tranh thủ sự hỗ trợ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đã tu sửa nâng cấp được toàn bộ văn phòng Hội. Nhiều huyện hội đã được xây dựng nhà hai tầng khang trang, rộng rãi như: Triệu Sơn, Hoằng Hoá. Bên cạnh đó, nhiều huyện hội đã duy trì được phong trào khôi phục lại vườn thuốc nam, như: Hậu Lộc, Thọ Xuân, Nga Sơn, Hoằng Hoá. Trong đó, điển hình là vườn thuốc nam ở Trường địa chính rộng 3 - 4 ha. Nhiều lương y còn có vườn thuốc gia truyền đạt hiệu quả kinh tế cao như: lương y Chuyên ở Quảng Xương, lương y Sáng ở Tĩnh Gia, lương y Kiều ở Thạch Thành. Nhiều phòng chẩn trị huyện hội đã hoạt động có hiệu quả tốt và thu hút được nhiều bệnh nhân chữa trị các loại bệnh như: Hoằng Hoá, Nga Sơn, Triệu Sơn, Thọ Xuân.

Bằng những hoạt động thiết thực và bổ ích đó, trong những năm gần đây, số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh ở các phòng chẩn trị đông y ngày càng tăng.

Kế hoạch trên chặng đường kế tiếp

Cùng với toàn dân tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước, toàn thể cán bộ, hội viên Hội đông y tỉnh Thanh Hoá phấn đấu tiếp cận sự chuyển giao của các thế hệ lương y cao tuổi, đáp ứng nhiệm vụ kế thừa và phát triển đông y bằng việc tập trung đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu:

1) Tiếp tục và thường xuyên củng cố, ổn định hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cơ sở, phát triển hội viên, tăng cường cán bộ giỏi cho cơ quan lãnh đạo hội, khôi phục và thành lập mới các tổ chức ở các huyện miền núi.

2) Đẩy mạnh hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phòng chẩn trị, các khoa đông y tuyến huyện, thị xã. Khôi phục và tăng cường các hoạt động đông y ở tuyến cơ sở và trạm y tế xã, phường.

3) Sưu tầm nghiên cứu, ứng dụng thừa kế các bài thuốc hay, môn thuốc gia truyền, những cây, con làm thuốc, các bộ sách quý còn tiềm ẩn trong nhân dân.

4) Kết hợp cùng ngành y tế đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thầy thuốc theo chương trình của Bộ Y tế để đến năm 2010 mỗi xã, phường có một lương y trực trạm y tế.

5) Quy hoạch, nuôi trồng, bảo tồn, khai thác các

cây, con làm thuốc ở các vùng, miền trong tỉnh, phục hồi vườn thuốc nam tuyến xã, phường vận động hướng dẫn nhân dân trồng và biết sử dụng 3 loại cây vừa làm rau, ăn quả, làm cảnh vừa làm thuốc, khí công xoa bóp, day, ấn để chữa các chứng bệnh thông thường ở cộng đồng, thực hiện phương châm "thầy tại nhà, thuốc tại vườn", "tủ thuốc xanh" gia đình đạt 3 mục tiêu: y tế, kinh tế, cải tạo cảnh quan môi trường sống, góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, gắn liền với phát triển kinh tế gia đình ở cộng đồng.

Với tri thức và lòng yêu nghề, các thế hệ thầy thuốc đông y của Hội đông y tỉnh Thanh Hoá đã thể hiện lòng tin đối với Đảng, tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, so với yêu cầu và tiềm năng của ngành y học cổ truyền Việt Nam còn rất khiêm tốn. Vì thế, Hội đông y Thanh Hoá đề nghị Đảng và Nhà nước quan tâm hơn nữa đến tổ chức hội, ban hành những chính sách cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Mong rằng, với sự phối kết hợp chặt chẽ của ngành y tế và sự hỗ trợ có hiệu quả của các ngành, các đoàn thể, hội sẽ phát huy thế mạnh của mình trong sự nghiệp kế thừa, phát triển y học cổ truyền tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ liên hệ

Hội Đông y Thanh Hoá
Địa chỉ: 130 Tống Duy Tân - Thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá
Chủ tịch: Bác sỹ Phạm Minh Chính

THANH HOA ASSOCIATION OF ORIENTAL MEDICINE

PRESERVING AND PROMOTING TRADITIONAL MEDICINE

Over 45 years of development, Thanh Hoa Association of Oriental Medicine has incessantly inherited and promoted precious experience from traditional medicine. The association has actually been an organisation for the doctors working in traditional medical and pharmacy, the place where the association members meet and learn experiences from each other and contribute accumulated professional knowledge to the people's health care and protection.

Thanh Hoa has an ever-developed traditional medicine. In the struggles with nature, the local people have found many kinds of leaves, animals and minerals useful for decease treatment and people's health enhancement. The summarisation and real experience from those medical discoveries have affirmed that a traditional medicine in Thanh Hoa has become practical and closed to the people's life, been preserved and developed until now.

Establishment progress

Together with the medical delegations nationwide, Thanh Hoa medical delegation inclusive of those Galenic doctors who are fully equipped with long-standing experiences and medical knowledge in treatment and care of the people's health lead by herbalist Nguyen Huy Cu attended Vietnam Association of Oriental Medicine Congress held in Hanoi Capital.

After attending the First Medical Congress, the doctors quickly prepared for the establishment of Thanh Hoa Association of Oriental Medicine. The doctors Le Hong Co, Le Mau Bien, Le Van Thi, Hoang Sam and Do Tan Long are the first people who laid the foundation of the association and made admirable engrossment to oriental medicine in the association's

The 45 th anniversary of Thanh Hoa Association of Oriental Medicine's establishment (1957 – 2002).

commencing days. Despite initial difficulties of material facilities and living conditions, the herbalists have made use of the available capability to ensure the association's frequent operation. Thanks to the consideration of the local Party committees and authorities, the doctors' determination and enthusiasm along with their whole heart for the oriental carrier, Thanh Hoa Oriental Medicine Congress, under the leadership of the Provincial People's Committee and Administrative Committee, was organised from 5th to 7th November 1958 at the hall of Provincial Department of Health with participation of 160 delegates.

The first Congress of the provincial Association was the landmark of the establishment and development of Thanh Hoa Association of Oriental Medicine. Under the Party's leadership, the people working for Thanh Hoa Association of Oriental Medicine have officially joint the Public Professional Association that is experienced in examination and treatment. Moreover, the association has had a chance to affirm its role and position in building and protecting the nation like other public organisations. The association is the place for people who learn experience from one another and for people who have creations serving for public health care as well creating a Socialist Republic medicine of Vietnam.

45 years - process of development

During its operation, the association has experienced 12 congresses, concurrently gathered, encouraged, educated and united doctors working in the provincial oriental medicine, stimulated them to contribute their professional experience to people's health care and protection, aiming at effectively inheriting and promoting the traditional oriental medicine and pharmacy.

Along with the great changes of the nation, Thanh Hoa Oriental Medicine movement has also gone ups and downs. The association alone, otherwise, has firmly promoted national valuable tradition, reflecting its self-help for self-improvement, researching and inquiring quintessence of traditional medicine. Hence, the talented and righteous doctors have made considerable efforts serving the people, making contributions to great revolutionary victory.

Throughout the development process, the association have incessantly consolidated and improved professional qualification for its members. Of which, The Provincial Association has organised the nine-month fostering course of oriental medicine for the members, doctors' relatives and health workers on their demand. From 1997 to 2001, the association organised courses for 250 members, co-operated with Tue Tinh professional secondary school, Thanh Hoa Department of Health and Provincial Oriental Medicine Hospital to open course on doctor standardisation for 152 members, two fostering courses on management skills for the grassroots officials, and a Sinology course for members; gradually restored the movement of growing and using medicinal herbs at grassroots level. Consequently, Thanh Hoa Association of Oriental Medicine has now been extended with nearly 1,400 members, 222 grassroots branches, 18/27 district and township branches and six ones under the provincial association. All the association's district and township branches have diagnostic rooms not only for examination and treatment but also for application and inheritance of the good remedies and valuable medicinal plants.

Concurrently, those rooms have also been the place to propagate health protection and treatment, use medicinal herbs and massage method to protect people's health, worthily becoming home for members, earning the people's belief. With its enlarged network to remote areas, oriental medicine has been really useful to people health.

Besides, the association has conducted specific works to strengthen the people's health care through free examinations for the old, families under the preferential policy and lonely cases; making public speeches of massage for health protection and treatment; organising excursions for members to exchange experiences.

Being aware of great significances of oriental medicine in the people's health examination and treatment, the doctors in Thanh Hoa have always attached special importance to translating medical documents. Some prestigious and whole-hearted doctors, who are proficient in medical treatment and Sinology, have carried out health treatment simultaneously written books and translated valuable oriental medical documents into Vietnamese such as doctors Do Tan Long, Truong Quoc Bao, doctor Pham Minh Chinh. So far, many valuable books including internal and surgical diseases, general Chinese medical outline, Bat tran tan Phuong, Khiem trai y hoc giang cao, etc. have been collected and translated into Vietnamese. The traditional prestigious remedies inside and outside the province have been inherited and encouraged to use such as Cam thac nghe, Thap tam dong, San ke diep, Sai ke sen and Phong ba giang. Several precious medicinal plants have been preserved and exploited like Que Trinh Van and Sam Bao. Many doctors have compiled special publications to provide the people with information and knowledge of traditional medicine and pharmacy in respect of spleen and stomach, gynaecological diseases, etc. In addition, good remedies and valuable medicinal plants have been chosen and collected to popularise in the special issues to the association's members, satisfying their demand for learning about oriental medicine.

In the economic reform of late 1990s, district and town branches of Bim Son, Tinh Gia districts and Thanh Hoa City etc have promoted their flexibility and creativity in making use of the support by the Party and authorities to upgrade the whole branch office. Some district branches have built spacious two-storied office such as Trieu Son and Hoang Hoa, the others have maintained the movement of restoring medicinal herbs including Hau Loc, Tho Xuan, Nga Son and Hoang Hoa. Typically of which is was 3-4 hectare medical garden of Land Administration School. Besides, a number of doctors, who have traditional medical gardens with high economic effi-

Proud achievements

During process of operation and devotion, the generations of Thanh Hoa galenic doctors have attained people trust, the Party and State's high appreciation. Thanh Hoa Provincial Association of Oriental Medicine has been awarded many valuable certificates of merit by the provincial People's Committee, Central Association, Health care sector and Vietnam Federation of Sciences and Economics to its teams and individuals. The Labour Order – Third Class and Second Class have been given to Thanh Hoa Association of Oriental Medicine in 1981 and 1997 respectively.

Remarkably, on September 20th 2002, the President issued Decision No.604/2002/QD-CTN on awarding Labour Order – First Class to the association. In 2001, Dr. Pham Minh Chinh - Chairman of the Association, has conferred the title of Excellent Doctor which has not only become a honour of the association but also affirmed the belief of the Party, State and the people towards its officials and members in cause of traditional medicine development.

Operation results for 1998-2002

Year	1998	1999	2000	2001	2002
Medical examination and treatment	208,583	235,842	260,120	293,013	399,829
Acupuncture	29,731	36,302	42,815	81,975	109,134

(exclusive of number of patients treated at home)

Source: Thanh Hoa Association of Oriental Medicine

ciency such as doctor Chuyen in Quang Xuong, doctor Sang in Tinh Gia and doctor Kieu in Thach Thanh District. Examining rooms in Hoang Hoa, Nga Son, Trieu Son and Tho Xuan districs have operated effectively.

Through such practical and useful activities, in recent years, a number of patients being examined and treated in the oriental medicine bases has been increasing.

Plans for the future

Together with the continuous national industrialisation and modernisation, Thanh Hoa Association of Oriental Medicine entire staff and members are striving for approaching experience from elderly doctors, inheriting and developing oriental medicine by intensifying the following targets:

1. Continually and frequently consolidating and stabilising organisation system from provincial to grassroots levels, increasing the number of members as well as well-qualified officials for the association's management. Restoring and establishing new organisations in mountainous districts.

2. Strengthening operation quality and effectiveness of the examining rooms and district and township oriental medicine branches. Restoring and promoting oriental medicine in grassroots level and in the medical stations of the communes and wards.

3. Collecting, researching, applying and inheriting good traditional remedies, medicinal plants and valuable medical books remaining among the people.

4. Co-ordinating with Health care sector to boost training and improving doctors according to Ministry of Health's programme so as to have one doctor available in each medical station by 2010.

5. Planning, growing, preserving and exploiting medicinal herbs in the provincial areas, restoring medicinal herbal gardens in villages and precincts. Instructing how to grow and use three kinds of plants which have functions of vegetable, fruit, decoration and medicine, introducing massage usefulness for common treatment, realising the motto of "doctor at home, medicine in garden", "family's green medicine cabinet" aimed at three targets of health care, economy and living environment improvement, contributing to hungry elimination and poverty reduction in rural areas as well as to develop household economy in community.

Likely to say that since establishment, the generations of Thanh Hoa Association of Oriental Medicine doctors have created their belief in the Party and whole-hearted spirit serving the people by their own knowledge and enthusiasm. However, the Association's achievements are modest compared to requirements and potentials of Vietnam oriental medicine. Thus, the association has proposed the Party and State's concern and specific policies suitable to every phase of the national development. Hopefully, with tight co-ordination of the health care sector and effective supports by the organisations and sectors, the association will bring its strength into play in the cause of inheritance and development of Thanh Hoa oriental medicine.

CONTACT ADDRESS

Thanh Hoa Association of Oriental Medicine
Address: No.130 Tong Duy Tan Street, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province.
Chairman: Doctor Pham Minh Chinh

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HOÁ

PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH BỆNH VIỆN HẠNG I

LÊ BÁ HƯNG
Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá

Để có được bề dày thành tích trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của người dân, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá đã không ngừng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Giờ đây, trong xu hướng phát triển đi lên trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, Bệnh viện đang từng bước đầu tư hiện đại hoá và phấn đấu trở thành bệnh viện hạng I.

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền – Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá thăm Bệnh viện Đa khoa tỉnh (năm 2003)

Nhớ lại những năm 80 của thế kỷ XIX (trước khi được thành lập năm 1899), Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá chỉ là một cơ sở khám, chữa bệnh với một đội ngũ thầy thuốc khá ít ỏi, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn. Nhưng kể từ khi thành lập đến nay, nhất là trong những năm gần đây, xác định rõ vai trò: "Trung tâm kỹ thuật và chất lượng khám chữa bệnh của tỉnh"; đồng thời lại được sự quan tâm của các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương, trên cơ sở phát huy nội lực, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã không ngừng vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao từ công tác khám, chữa bệnh đến chỉ đạo các bệnh viện tuyến dưới...

Từng bước đầu tư, đổi mới

Bước đi đầu tiên mang lại kết quả như ngày hôm nay, đó là bệnh viện đã thực hiện thành công chủ trương của tỉnh về hiện đại hoá trang thiết bị. Theo đó, bệnh viện đã kết hợp với ngành y tế Thanh Hoá để huy động bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, tài trợ khác nhau từ ngân sách địa phương, đến việc tranh thủ viện trợ của các tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước như Uỷ ban Quốc gia Dân số Kế hoạch hóa Gia đình, Đại sứ quán Nhật Bản, Đại sứ quán Anh tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế khác. Nhờ đó, các dự án xây dựng, đầu tư nâng cấp trang thiết bị đã được triển khai tốt, mang lại hiệu quả cao. Giờ đây, bên cạnh những toà nhà cao tầng được xây dựng trước đây, đã xuất hiện một trung tâm kỹ thuật cao khang trang với các thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh hiện đại. Cùng với đó là nhà hành chính, khoa nội A, một trung tâm giặt là, hấp sấy tiệt khuẩn cho toàn bệnh viện và hệ thống xử lý chất thải mới được lắp đặt.

Song song với đầu tư xây dựng cơ bản, bệnh viện cũng đầu tư thêm nhiều trang thiết bị sử dụng công nghệ cao. Một loạt các trang thiết bị được mua sắm từ các nước có nền y học tiên tiến như Nhật Bản, Đức, Pháp bao gồm: máy siêu âm màu, máy nội soi ống

GS. TS. Lê Ngọc Trọng – Thứ trưởng Bộ Y tế, cùng đồng chí Giám đốc bệnh viện thăm hỏi bệnh nhân

mềm, máy X-quang màn hình tăng sáng, máy chạy thận nhân tạo, máy mổ nội soi, máy CT-Scanner, hệ thống máy phục vụ công tác hồi sức.... được đưa vào sử dụng đã mang lại hiệu quả cao trong khám và chữa bệnh. Không dừng lại ở đó, trong toàn bệnh viện từ các khoa, phòng đều đã xây dựng và thực hiện nghiêm các quy chế, quy trình và bảo quản máy móc.

Để làm chủ và phát huy tối đa công dụng của các trang thiết bị, máy móc, Bệnh viện hiện đã, đang thực hiện chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao và sâu. Hàng năm, chúng tôi đều cử đi tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nhiều y, bác sỹ để nâng cao chuyên môn và trình độ lý luận, chính trị. Nhờ đó, việc chẩn đoán ngày càng chính xác hơn, hiệu quả điều trị không ngừng được nâng cao. Ngoài ra, hàng tháng, bệnh viện còn tổ chức họp Hội đồng người bệnh để bệnh nhân có thể thẳng thắn nêu các ý kiến đóng góp đối với thầy thuốc và bệnh viện, từ đó góp phần nâng cao tinh thần phục vụ và tác phong lề lối làm việc của đội ngũ y, bác sỹ trong toàn bệnh viện.

Thành quả từ quá trình đầu tư

Từ kết quả của những dự án đầu tư xây dựng cơ bản, cũng như đổi mới trang thiết bị y tế nhằm phát triển chuyên khoa sâu. Đến nay, Bệnh viện Đa khoa Thanh Hoá đã thành lập thêm 5 khoa, phòng, đưa tổng số khoa lên con số 35, số cán bộ công nhân viên chức biên chế là 686 người, trong đó có 97 cán bộ có trình độ trên đại học và đại học (2 tiến sỹ, 14 thạc sỹ, 19 bác sỹ chuyên khoa, 2 bác sỹ chuyên khoa 1, 72 dược sỹ chuyên khoa 2 và chuyên khoa 1), 188 cán bộ có trình độ đại học thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau.

Khó có thể nói hết ý nghĩa xã hội, thậm chí là cả ý nghĩa kinh tế của việc nâng cấp bệnh viện trong những năm vừa qua. Nhưng điều đáng ghi nhận là hàng năm bệnh viện đã tiếp nhận hàng chục nghìn bệnh nhân từ khắp các địa phương trong tỉnh và các khu vực lân cận đến khám và điều trị tại bệnh viện. Thậm chí có cả bệnh nhân là người nước ngoài như:

Phương hướng, mục tiêu đến năm 2010

1) Thực hiện tốt các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế về việc nâng cao tinh thần và thái độ phục vụ bệnh nhân.

2) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các dự án cải tạo nâng cấp bệnh viện (Nhà hợp khối ngoại 7 tầng, dự án ODA về trang thiết bị, máy móc ...).

3) Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt chú ý đi sâu vào chất lượng, có ý nghĩa thực tiễn trong khám, chữa bệnh đạt hiệu quả cao.

4) Tạo điều kiện thực hiện thành công chương trình đào tạo cán bộ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng cho nhu cầu phát triển bệnh viện trong thời gian tới.

chuyên gia Nhật Bản, Lào... Nhiều người bị mắc bệnh hiểm nghèo đã được các y, bác sỹ ở đây cứu chữa với tấm lòng y đức của người thầy thuốc.

Hiệu quả đầu tư, cũng như công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa trước hết được thể hiện: Năm 2001, cùng với thành lập Khoa Phẫu thuật thần kinh lồng ngực, bệnh viện đã trang bị máy chụp cắt lớp vi tính (CT-Scanner), nhờ đó đã giải quyết được nhiều ca bệnh hiểm nghèo mà trước đây phải chuyển lên Hà Nội, vừa tốn kém vừa gây nguy hiểm cho bệnh nhân. Các máy phẫu thuật nội soi, máy chạy thận nhân tạo.... đã giúp cho việc chẩn đoán và điều trị được nhiều ca khó, phức tạp mà trước đây không thể giải quyết được. Qua đó, các chỉ tiêu kế hoạch mà bệnh viện thực hiện mỗi năm đều tăng và tăng rất cao. Trong năm 2002, công suất sử dụng giường bệnh vượt kế hoạch 13%, bệnh nhân đến khám bệnh vượt 20%, chụp X-quang vượt 71%, chụp CT-Scanner vượt 44%, số máu sử dụng vượt 34%, số bệnh nhân vượt 75%.... Ngoài ra, bệnh viện còn ứng dụng thành công tiến bộ khoa học vào chẩn đoán và điều trị các bệnh như: tim mạch, phẫu thuật tạo hình cơ mặt, phẫu thuật nội soi tiết niệu, phẫu thuật sọ não, lồng ngực, cắt dạ dày toàn phần, tạo hình cơ quan vận động, phẫu thuật cột sống...

Để ghi nhận những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, năm 2002, Nhà nước đã trao tặng bệnh viện Huân chương Lao động hạng Nhất, Bộ Y tế tặng bằng khen công nhận bệnh viện đạt danh hiệu "Bệnh viện tình thương". Ngoài ra, nhiều cá nhân còn đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua" của bệnh viện, nhiều tập thể và cá nhân được Chính phủ, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương khen thưởng, công nhận là đơn vị văn hoá, cơ quan an toàn, vững mạnh và toàn diện.

Nhằm thực hiện nhiệm vụ ngày một tốt hơn, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá tiếp tục thực hiện phương án nâng cấp tổng thể và hiện đại hoá bệnh viện (giai đoạn 2001 - 2010). Theo đó, trong giai đoạn 2001 - 2005, bệnh viện sẽ hoàn thành đầu tư hiện đại hoá và từng bước phấn đấu đưa bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện hạng I. Xác định được nhiệm vụ vô cùng lớn lao đó, Ban Chấp hành Đảng bộ và lãnh đạo bệnh viện không ngừng phấn đấu rèn luyện, nâng cao y đức và tay nghề cho toàn thể y - bác sỹ, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

THANH HOA GENERAL HOSPITAL

ENDEAVOURING TO BE THE FIRST GRADE HOSPITAL

LE BA HUNG
Director of Thanh Hoa General Hospital

With a view to achieve the notable outcomes in the cause of people's health care and protection, Thanh Hoa General Hospital has been incessantly striving to successfully complete the entrusted tasks. Presently, on the development tendency in every aspects of the socio-economic life, the hospital has been gradually investing in modernisation and striving to be the first grade hospital.

Looking back the 1880s (before its establishment in 1899), Thanh Hoa General Hospital was only the medical station with a few health workers and poor infrastructure. However, after establishment, especially in recent years, the hospital has clearly defined its role of "the technical and quality centre for examination and treatment of the province". Concurrently, under the consideration of the sectors and organisations from the Central to the locality, the hospital has been developing internal

Excellent Docter Le Ba Hung - Director of Thanh Hoa General Hospital

forces with an aim to effectively implement its tasks including examining and treating the patients and conducting the hospitals at lower levels.

Gradually investing and renovating

The first step bringing about the achievements today was the hospital's successful implementation of the provincial policies on equipment modernisation. Accordingly, the hospital co-ordinated with Thanh Hoa Health sector to mobilise capital from different sources such as local budget and the supports from the domestic and foreign organisations including National Committee of Population and Family Planning, Vietnam-based Japanese and British Embassies and other international organisations. Owning to that, the projects on construction and investment in upgrading equipment have been effectively carried out. Presently, the spacious hi-tech centre with the updated equipment for examination and treatment was built next to the existing multistory buildings. Besides, the administrative house, the therapeutic department A, the centre on washing, ironing, drying and sterilising for the whole hospital and the system for waste treatment have also been newly assembled.

Parallel with investment in capital construction, the hospital has also invested in many high technological equipment and machines. A range of equipment purchased from the countries with advanced healthcare like Japan, Germany and France including colour scanner, internal scanner with soft tube, X-ray machine with the lighting screen, artificial kidney supporters, machines for internal operation and rehabilitation and CT-scanners has brought high effectiveness in examination and treatment. Furthermore, all the hospital departments and offices have worked out and implemented seriously the regulations and processes of equipment preservation.

In order to utilise up the use of machines and equipment, the hospital had been carrying out the strategy on qualification training for the health officers in both quality and quantity. Every year we send the doctors and nurses to the refresher training courses to improve their professional, political and ratiocination qualification. Thanks to that, the diagnosis preciseness and treatment effectiveness has been improving ceaselessly. Additionally, the hospital also organises the Patient Council monthly meeting for the patients to express their opinion directly to the health officers and the hospital targeted at enhancing the staff' working spirit and style in the whole hospital.

Gaining achievements by investment

From the outcomes in projects investing in capital construction and renovation of medical equipment aiming at specialised development, Thanh Hoa General Hospital so far has built more five departments, lifting the total number of departments to 35. In addition, it has employed 686 regular health officers, of which 97 post-graduates (including two doctors, 14 masters, 19 doctors with grade 1 and grade 2 specialisation, 72 pharmacists with grade 1 and grade 2 specialisation), 188 university graduates from different specialities.

It is difficult to count the social and the economic significance of the hospital upgrade in the recent years. Remarkably, the hospital annually has received thousands of patients from every localities in

First - class labour Order

the province and the adjoining areas, even the foreigners such as Japanese and Laos specialists coming there for examination and treatment. Many cases infected fatal diseases were cured with the whole-hearted doctors.

The effects of the investment as well as the examination and treatment of Thanh Hoa General Hospital has been shown. In 2001, parallel with establishing the Department of Thorax nerves operation, the hospital equipped with CT-Scanner helping cure the serious diseases that had to be taken to Ha Noi, which were costly and dangerous for the patients. The scanner for endoscopy operation, the artificial kidney supporter etc., are able to diagnose and treat many complicated cases, which were considered incurable previously. Therefore, the targets, which the hospital realises every year, have been increasing rapidly. In 2002, the figures exceeded the plan reached 13 percent of bed-use, 20 percent of number of patients coming for examination, 71 percent of patients taken X-ray and 44 percent taken CT-scanner, 34 percent of blood users and 75 percent of the patients etc. Besides, the hospital has also applied successfully the scientific advance in diagnosing and treating the diseases such as cardiac, face plastic surgery, urinal endoscopy operation, brain operation, thorax, stomach operation, plastic surgery and spinal column operation.

To acknowledge the recent hospital's attainments, in 2002, the State granted it the First-grade Labour Order, the Ministry of Health offered the Certificate of merit recognising its deserved appellation of "The hospital of compassion". Furthermore, many employees have been worthy of the name of the hospital's "Emulation Soldier", a number of teams and individuals were granted the commendations and awards of the Government, the sectors and organisations from the Central to the locality. The hospital has been acknowledged the unit of culture, comprehensive strength and safety.

To better fulfil the task day after day, Thanh Hoa General Hospital continually carries out the project on comprehensive upgrade and modernisation of the hospital (for the phase of 2001 - 2010). Accordingly, in the period of 2001 - 2005, the hospital will complete investment in modernisation and gradually strive to turn it to be the first-grade hospital. Defining that greatly sound task, the hospital Executive Party Committee and leaders will continually endeavour to enhance healthcare morality and professional qualification of all the doctors and nurses for the cause of people's health care and protection.

Orientation and the planned targets by 2010

1) Thoughtfully realising Instruction Decision's Premier and Ministry of Health on raising the staff's working spirit and attitude in serving the patients.

2) Enhancing the leading role, conducting strict implementation of the projects on improving and upgrading the hospital (building the 7-floor surgical house, ODA project on equipping the machines and accessories etc).

3) Improving the scientific research in both quality and quantity, especially in quality, which contains practical significance in effective examination and treatment.

4) Facilitating successful implementation of training programme for the staff to ensure the quality and quantity satisfying the development requirement of the hospital in the time to come.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ

CHẤT LƯỢNG - UY TÍN LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU

Với truyền thống trên 40 năm xây dựng và phát triển, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hoá luôn là một trong những đơn vị có tốc độ tăng doanh số cao của Thanh Hoá. Đồng thời, công ty cũng là một trong những đơn vị đầu tiên nhận cờ thi đua và bằng khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế và Chính phủ. Có được thành tích ấy là do toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty không ngừng phấn đấu cho mục tiêu "chất lượng, uy tín là ưu tiên hàng đầu".

Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hoá, tiền thân là Quốc doanh Dược phẩm Thanh Hoá, được thành lập ngày 10-4-1961, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh dược phẩm. Với những nỗ lực không ngừng trong hơn 40 năm qua, công ty đã góp phần không nhỏ vào công tác bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Chất lượng làm nên chữ tín

Theo đó, để tạo dựng uy tín với khách hàng, công ty đã chú trọng đến chất lượng bằng cách tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lý hoá sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý tiền hàng. Trong đó, riêng năm 2002, công ty có 70 sáng kiến cải tiến, nghiên cứu khoa học được áp dụng vào sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm điện năng, nguyên liệu, cải tiến mẫu mã, tạo công ăn việc làm và thu nhập cao cho cán bộ, công nhân viên. Đồng thời, công ty cũng hoàn thành đề tài "Nghiên cứu khoa học sản xuất thuốc uống Biofil". Đề tài nghiên cứu này đã nhận được giải thưởng sáng tạo khoa học Việt Nam năm 2001 và được Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) tặng cờ thi đua. Ngoài ra, công ty còn hoàn thành đề tài nâng cấp sản xuất viên Hydan phục vụ người tiêu dùng và xuất khẩu. Đề tài này đã được cấp giải thưởng Khoa học sáng tạo Việt Nam năm 2002.

Đồng chí Trương Mỹ Hoa - Phó Chủ tịch nước thăm gian hàng trưng bày sản phẩm viên Hydan, đạt giải thưởng Khoa học sáng tạo Việt Nam, năm 2002

Đồng thời, công ty đã triển khai xây dựng xưởng sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP và phòng kiểm nghiệm thuốc tốt đạt tiêu chuẩn GLP. Bên cạnh đó, được sự đồng ý của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế, công ty đã khởi công xây dựng xưởng thuốc viên "không lactam" đạt tiêu chuẩn GMP (ASEAN) trên diện tích

1.180m², công suất thiết kế 1,5 tỷ - 1,8 tỷ viên nén/năm. Cùng với xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc, công ty còn chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên. Trong gần 2 năm qua, công ty đã gửi 15 cán bộ kỹ thuật đi đào tạo theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP tại Cục Quản lý Dược Việt Nam, Trường Đại học Dược Hà Nội và cử nhiều đoàn cán bộ đi học tập các đơn vị trong nước và nước ngoài về xây dựng nhà xưởng, soạn thảo quản lý văn bản phục vụ công tác đào tạo và huấn luyện cho 210 cán bộ, công nhân viên trực tiếp và gián tiếp sản xuất trong đơn vị. Trong đó, công ty tập trung đào tạo chuyên sâu cho 70 cán bộ, công nhân viên làm trực tiếp ở xưởng GMP và phòng kiểm nghiệm GLP.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức cung ứng thuốc kịp thời cho các đơn đặt hàng từ xa, tổ chức mỗi tháng 2 lần đưa thuốc xuống các hiệu thuốc và các quầy bán thuốc theo yêu cầu của hiệu thuốc và mậu dịch viên. Tham mưu cho Sở Tài chính quy định giá bán nhằm đảm bảo về giá cho tất cả các đơn vị, đối tượng mua hàng.

Với những nỗ lực không ngừng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, công ty đã tập trung sản xuất nhiều chủng loại thuốc phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Không chỉ đa dạng về chủng loại, chất lượng các loại thuốc do công ty sản xuất không ngừng tăng, được người tiêu dùng, bạn hàng và Bộ Y tế đánh giá cao. Chính vì vậy, sản phẩm của công ty đã được tiêu thụ trong toàn tỉnh. Với 1.203 quầy, trong đó có 493 quầy do mậu dịch viên của công ty đảm nhận, 300 quầy đại lý, mạng lưới bán lẻ đã vươn tới tận vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Đồng thời, công ty cũng phối hợp với các trung tâm y tế huyện, thị tổ chức đưa thuốc xuống hầu hết các xã trong toàn tỉnh theo chủ trương của Sở Y tế Thanh Hoá. Không những thế, sản phẩm thuốc của công ty hiện còn vươn ra các tỉnh bạn. Bằng chữ tín và mạng lưới cung ứng rộng khắp, giá trị tổng sản lượng hàng hoá do công ty sản xuất (theo giá cố định) tăng đều qua các

Xưởng sản xuất thuốc tốt (GMP) và Phòng kiểm tra thuốc tốt (GLP)

Mục tiêu phát triển trong giai đoạn 2003 - 2007

Trong giai đoạn 2003 - 2007, công ty phấn đấu tăng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức bình quân 30%/năm. Để tới năm 2007, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 85 tỷ đồng, tăng 3,4 lần so với năm 2002 (mục tiêu này có thể đạt được trong năm 2005). Doanh thu bán hàng tăng 16 - 20%/năm, phấn đấu tới năm 2007 đạt 225 tỷ đồng, tăng 2,05 lần so với năm 2002; tăng nộp ngân sách nhà nước, lãi cổ tức cổ đông, tăng vốn điều lệ, tiếp nhận thêm lao động và nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân viên. Tăng thị phần tại thị trường nội tỉnh từ 65% hiện nay lên đến 70 - 80% đến cuối giai đoạn.

năm. Sản xuất công nghiệp giai đoạn 1999 - 2002 tăng 25% - 30%/ năm. Doanh thu bán hàng tăng bình quân 15 - 20%/năm.

Cổ phần hóa đã tạo đà cho sự phát triển

Để phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được, đồng thời thực hiện chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp, tạo bước phát triển mới trong cơ chế thị trường, nâng cao năng lực và hiệu quả cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, ban lãnh đạo đã quyết định cổ phần hoá công ty.

Có thể nói, việc chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã thực sự tạo bước chuyển về chất hết sức quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của người lao động, tăng hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh, cùng sự phát triển bền vững của công ty. Điều đó đã tạo động lực thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp dược Thanh Hoá nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ đủ thuốc và thuốc tốt cho nhu cầu trong tỉnh, mở rộng mạng lưới kinh doanh ra toàn quốc và hướng ra thị trường nước ngoài.

Thực tế cho thấy, chỉ sau 3 tháng cổ phần hoá, hiệu quả sản xuất - kinh doanh của công ty tăng trưởng nhanh. Năm 2002, các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh tăng từ 15 đến 38% so với năm 2001, chiếm lĩnh 65% thị trường thuốc trong tỉnh. Kinh doanh có hiệu quả, nhờ đó mức thu nhập của cán bộ công nhân viên được cải thiện, phấn đấu mức tăng trưởng về đời sống từ 10%/năm trở lên. Đến năm 2003, tổng doanh thu đạt 180.000 triệu đồng, (tăng 159% so với cùng kỳ năm trước, tăng 130% so với kế hoạch), thu nhập bình quân của cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất đạt 1 triệu đồng, trả cổ tức 10,65%.

THANH HOA PHARMACEUTICAL AND MEDICAL MATERIALS JOINT-STOCK COMPANY

QUALITY AND PRESTIGE - THE FIRST AND FOREMOST TARGETS

Over 40 years growing, especially the during the renovation, Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company has always been one of the enterprises with the highest revenue growth in Thanh Hoa. It is also one of the first enterprises to be granted with the emulation flag and certificates of merits by the Thanh Hoa People's Committee, by the Ministry of Health and the government. Those all are the results of the tireless efforts made by the entire cadres and staff of the company in pursuing the motto: "quality and prestige are the first and foremost concerns".

Thanh Hoa State-run Medicine Company (the present Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company) was officially established on April 10th 1961 specialising in pharmaceutical production and trading. With its tireless efforts over the past 40 years, the company has made significant contributions to the public healthcare.

Quality making the solid reputation

It is likely to say that the foremost target and also motto of Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company is "quality and prestige of the products".

Accordingly, to create a solid prestige, the company keeps intensifying the scientific and technological researches and application, mobilising the initiatives, and improving the production, business and capital management. In 2002 particularly, the company applied 70 initiatives for improvement and scientific researches in its production, which helped a lot in

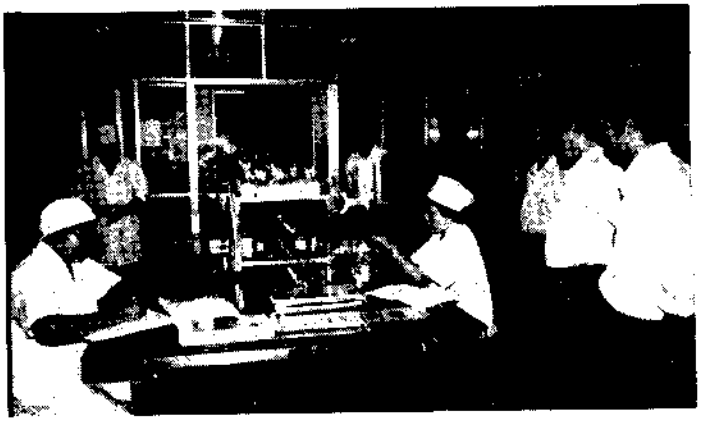

Pham Minh Doan - Chairman of People's Committee of Thanh Hoa visited and worked at the company

improving the product quality, saving the electricity and materials, diversifying the designs and creating employment with high incomes for the staff. In addition, the "Scientific researches for Biofil production" project has been implemented, which later received the Vietnam scientific creative prize in 2001 and an emulation flag from the Ministry of Science, Technology and Environment (the present Ministry of Science and Technology). The company has also completed the project on improving Hydan production quality for the local as well as foreign consumption, which was rewarded with Vietnam Scientific Initiative in 2002.

Concurrently, Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company has started building the GMP standard production workshop and good Laboratory production room of GLP standard. In addition, with the approval of the chairman of Thanh Hoa People's Committee and the Ministry of Health, the company has begun the construction of a GMP standard workshop producing non-b-lactam tablets on an area of 1,180 sq.m with the capacity of 1.5 to 1.8 billion tablets per year. Besides the investment in building the infrastructure and machinery, the company has paid great attention to staff training. For the past two years, 15 employees of the company have been sent to Vietnam Bureau of Medicines Management and Hanoi University of Medicines for GMP, GLP and GSP standard training. Many others were sent to other Vietnamese and foreign medicine production workshops to learn from their experience on workshops building, document compiling and management to serve the training for 210 employees of the company, especially the 70 people directly working at the GMP workshop and GLP testing room.

Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company always timely deliver medicines to the distant places when ordered and twice a month, to the chemist's and pharmacies according to their demands. The company also consults the Department of Finance in regulating the prices so as to assure a common price for all the buyers.

With its non-stop efforts, especially during period of the renovation, Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint-stock Company has produced a variety of medicines to satisfy the public demand of healthcare. Besides the product diversification, their qualities are continuously improved and highly appreciated by the customers and the Ministry of Health. Therefore, the products made by the company has become popular throughout the province by the medium of 1,203 pharmacies, including 493 pharmacies managed by the company's shop assistants, 300 agencies and a widely expanded retail network covering even the remote areas. Besides, the company has also co-operated with district healthcare services to bring medicines to all the local communes according to the policies by Thanh Hoa Health Department. Moreover, the company's products are now also sold in other parts of the country. With the prestige and large distribution network, Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint-

stock Company achieves annual production value increase (in accordance to the fix rice). In 1999-2002, its industrial production value increased by 25-30 percent, and the average wholesale turnover made an annual growth of 15-20 percent.

Equitisation gears up the development

Continuing the achievements and implementing the Party's and the State's policies on renovating and rearranging enterprises to create a new development in the market mechanism, improving the competition capacity and effectiveness in the regional and international integration, the leaders decided to equitise the company.

As a matter of fact, the equitisation has really made a crucial quality change that helps a lot in improving the labour value, increasing the business effectiveness and competitiveness as well as the solid development of the company. All those are strong motivation for the development of Thanh Hoa Pharmaceutical industry to wards the full supply of good quality medicines to the local demands and expand its business network to other parts of Vietnam and the world.

After only three months of the equitisation, the business and production of the company has made a rapid growth. The business and production indices in 2002 was 15 - 38 percent higher than those in 2001, accounting for 65 percent of the medicine market in Thanh Hoa. The effective business has resulted in the remarkable improvement in its staff's income and the company is striving to reach the 10 percent growth of its staff's living standard in the future.

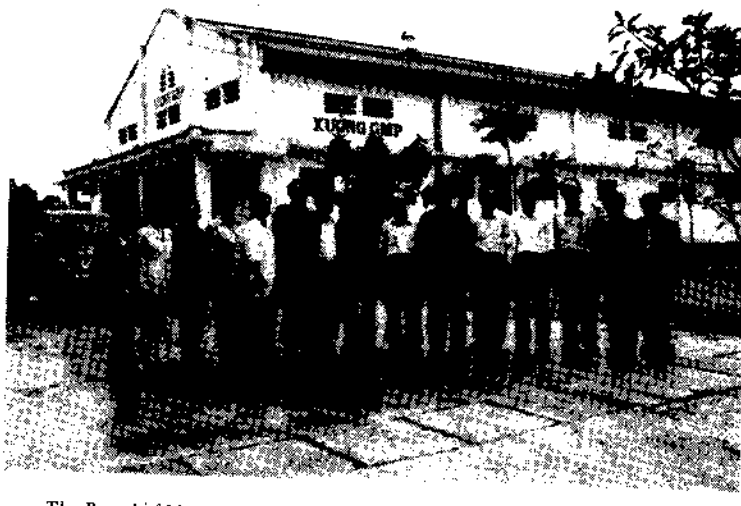

The Board of Management is taking photographs on Pham Minh Doan's visit (the chairman of the People's Committee of Thanh Hoa)

The company achieved the total revenue of VND180.000 million in 2003, increasing to159% from the previous year. Its direct managers and workers achieved the income of VND1 million and the stock interst stood at 10.65%.

Business and production targets for the period 2003-2007

Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint- stock Company is striving for the annual increase of 30 percent average value of the industrial production in the period of 2003-2007, so as in 2007, the industrial production value will reach VND85 billion, swelling by 3.4 times compared to that in 2002. In fact, this target can be fulfilled in 2005. The annual revenue will rise 16-20 percent, and attempting to reach VND225 billion in 2007, 2.05 percent higher in comparison to that in 2002. Increase the contribution to the state's budget, shareholders' dividend interests, authorised capital and the number of staff as well as their living standard. Boosting the market share of 65 percent in Thanh Hoa market at present to 70-80 percent by the end of the period.

BƯU ĐIỆN TỈNH THANH HOÁ

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Liên lạc là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh..., trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, phát huy truyền thống "trung thành - dũng cảm - tận tuỵ - sáng tạo - nghĩa tình", cán bộ nhân viên Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, ra sức thi đua, cần cù, sáng tạo trong lao động, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, làm chủ khoa học - công nghệ, xây dựng mạng lưới bưu chính - viễn thông - tin học hiện đại và rộng khắp, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, góp phần quan trọng thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước và xây dựng doanh nghiệp ổn định, phát triển bền vững.

LÊ NGỌC ĐỨC
Giám đốc Bưu điện tỉnh Thanh Hoá

Dưới ánh sáng các Nghị quyết của Đảng, được sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo ngành, và của tỉnh, sự ủng hộ giúp đỡ của các ngành, các cấp và nhân dân địa phương, Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã năng động, sáng tạo, tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị, nhanh chóng phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông rộng khắp, ưu tiên phát triển những dịch vụ mới, dịch vụ giá rẻ; quan tâm đầu tư mạng bưu chính - viễn thông nông thôn, vùng sâu, vùng xa; từng bước tạo ra thị trường bưu chính - viễn thông - tin học đa dạng, phong phú. Nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ; nâng cao hiệu quả kinh doanh với phương châm "chúng tôi sát cánh bên khách hàng cùng phát triển". Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị, phát huy vai trò của công cụ quản lý nhà nước.

Trụ sở Bưu điện tỉnh Thanh Hóa

Trưởng thành từ truyền thống vẻ vang

Ra đời cách đây gần 60 năm, Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã trải qua thời kỳ vô cùng khó khăn, gian khổ. Với cơ sở vật chất thiếu thốn và đơn sơ, toàn tỉnh chỉ có một tổng đài từ thạch 100 số, hơn 300 máy điện thoại, 2 máy điện thoại truyền chữ được sản xuất từ thời Pháp thuộc. Trước thực trạng trên, được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cùng với sự quyết tâm cao độ của toàn thể cán bộ, nhân viên, Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã từng bước khắc phục khó khăn, góp phần đáng kể vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Với tinh thần "tim có thể ngừng đập nhưng mạch máu thông tin liên lạc của Đảng quyết không ngừng chảy", những công nhân dây máy, hộ tổng viên, lái xe thư, điện thoại viên đã ngày đêm bám trụ, vượt qua mưa bom, bão đạn để duy trì thông tin liên lạc, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, thông suốt. Nhiều cán bộ, công nhân viên Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã anh dũng hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ. Lịch sử sẽ mãi khắc ghi, nhân dân cả nước sẽ mãi biết ơn tấm gương hy sinh của các anh, các chị - những người đã

góp phần xây đắp nên truyền thống "trung thành - dũng cảm - tận tuỵ - sáng tạo - nghĩa tình" của ngành bưu điện nói chung và Bưu điện tỉnh Thanh Hoá nói riêng. Ghi nhận những đóng góp và thành tích xuất sắc trong công cuộc chống Mỹ cứu nước, năm 1999, Đảng và Nhà nước đã phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang" cho Bưu điện tỉnh Thanh Hoá.

Kết quả đổi mới tư duy, đầu tư đổi mới công nghệ

Bước vào thời kỳ đổi mới, xác định rõ vai trò của ngành bưu chính - viễn thông vừa là cơ sở hạ tầng sản xuất, vừa là cơ sở hạ tầng xã hội do đó cần phải "đi trước một bước", bằng nội lực trí tuệ và sự thống nhất cao độ trong từng doanh nghiệp. Đến nay, mạng lưới bưu chính - viễn thông của tỉnh đã được hiện đại hoá. Bưu điện tỉnh đã thực hiện thắng lợi chiến lược tăng tốc độ trong thời kỳ 1993 - 2000 và vững bước trong giai đoạn hội nhập và phát triển. Khắc phục khó khăn của một tỉnh rộng với 27 huyện thị, trong đó có 11 huyện miền núi cao, địa hình phức tạp, mạng lưới bưu chính hiện nay đã có 85 bưu cục, 435 điểm bưu điện văn hoá xã, hàng trăm điểm đại lý. Do đó, bán kính phục vụ đã giảm từ 10 km trước đây xuống còn 2,5 km, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với nhiều dịch vụ mới, hiện đại. Trong đó, bưu điện tỉnh đã triển khai nhiều dịch vụ mới phục vụ bà con tại các điểm bưu điện văn hoá xã như: dịch vụ thư chuyển tiền, dịch vụ điện thoại giá rẻ... Mỗi điểm bưu điện văn hoá xã có trên 200 đầu sách, báo phục vụ miễn phí cho bà con đến đọc. Mạng đường thư cấp 2 đã được cơ giới hoá 100%, hiện tại đã có 578/633 (91,3%) có báo đọc trong ngày xuất bản. Toàn tỉnh hiện có trên 70 tổng đài điện thoại với dung lượng lắp đặt gần 100.000 số, và hàng chục trạm thu phát sóng di động. Tốc độ phát triển máy điện thoại tăng hàng năm đều cao, đến nay đã có gần 90.000 máy, trong đó có trên 17.000 máy di động, mật độ điện thoại đạt 2,4 máy/trăm dân, tuy còn ở mức thấp so với bình quân cả nước nhưng đã khẳng định tốc độ phát triển vượt bậc, về trước 3 năm so với mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra.

Cài đặt phần mềm tại Tổng đài HOST2 NEAX - 61 phục vụ gọi 171

Thông tin liên lạc ở các huyện, xã miền núi cao biên giới luôn được đảm bảo thông suốt bằng các thiết bị vệ tinh VSAT, thiết bị vô tuyến CT10. Mạng truyền dẫn chủ yếu sử dụng các tuyến cáp quang nội tỉnh, liên tỉnh; mạng vi ba số rộng khắp toàn tỉnh. Để tăng tốc độ truy cập, năm 2001, Bưu điện tỉnh Thanh Hóa đã đầu tư lắp đặt POP Internet. Cùng với số thuê bao VNN hiện có, bưu điện tỉnh đang đẩy mạnh việc đưa Internet đến trường học, thực hiện mục tiêu 100% số trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông... nối mạng Internet trong năm 2003.

Quá trình tăng tốc độ phát triển, cạnh tranh và hội nhập đòi hỏi phải liên tục đổi mới, phát huy tối đa các nguồn lực, đặc biệt là nội lực. Trên cơ sở nhận thức đó, Bưu điện tỉnh Thanh Hóa đã chủ động xây dựng, phát huy nguồn lực con người - nhân tố quyết định cho sự phát triển bền vững: có chính sách hợp lý để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên; có quy chế tuyển dụng phù hợp để tạo điều kiện tiếp nhận những lao động có trình độ cao, chất lượng, đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn mới.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh

Là một tỉnh điều kiện kinh tế có nhiều khó khăn, địa hình rộng, đòi hỏi phải đầu tư lớn nên trong nhiều năm, hiệu quả kinh doanh của Bưu điện tỉnh Thanh Hóa còn ở mức khiêm tốn, phải nhận điều tiết của Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. Bằng kinh nghiệm và năng lực của thời kỳ đổi mới, năm 2002, Bưu điện tỉnh Thanh Hoá đã vượt qua ngưỡng cân bằng thu chi tài chính và nộp điều tiết về Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. Doanh thu năm 2002 tăng 44% so với kế hoạch thực hiện năm 2001, các chỉ tiêu về phát triển máy điện thoại, phát hành báo chí... đều vượt kế hoạch được giao. Với những

thành tích xuất sắc ấy, Bưu điện tỉnh Thanh Hóa đã được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2002.

Phát huy thành tích đã đạt được, trong năm 2003 và những năm tiếp theo, Bưu điện tỉnh Thanh Hóa ra sức thi đua, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đưa doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển bền vững với những định hướng, mục tiêu chủ yếu là: công nghệ bưu chính - viễn thông - tin học - truyền thông, quảng bá là cơ sở phát triển công nghệ của mọi ngành kinh tế - xã hội, do đó phải tiếp tục đi trước một bước. Nhiệm vụ đặt ra là nâng cao năng lực và chất lượng mạng bưu chính - viễn thông - tin học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh của ngành. Cung cấp đa dịch vụ, tốc độ cao, băng thông rộng, hội tụ công nghệ viễn thông - máy tính - truyền thông, tạo ra hạ tầng thông tin cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh.

Với những bước đi vững chắc, Bưu điện tỉnh Thanh Hoá tiếp tục đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, tự tin trên con đường hội nhập và phát triển.

THANH HOA POST OFFICE

ON THE WAY DEVELOPING AND INTEGRATING

Penetrating President Ho Chi Minh's words that Communication is the foremost important factor in the revolution cause and continuing the tradition of "Loyal, brave, devoted, creative and considerate" during the past 60 years, the whole staff of Thanh Hoa Post Office have made great efforts in creatively and industriously working and emulating to surmount all the challenges, grasping the science and technologies, and building the nation-wide modern network of posts, telecommunication and information. Those efforts resulted in the stable and sustainable development of the enterprise, good service for the socio-economic development, ensuring the national defence and play an important part in the nation's industrialisation and modernisation.

LE NGOC DUC

Director of Thanh Hoa Post Office

Under the light of the Party's Resolution, the directions and concerns from the leaders of the industry and province, the assistance from the authorities, sectors and local people, Thanh Hoa Post Office has actively and creatively concentrated its investment in technology and equipment for the expansion of the posts and telecoms networks. Especially, priority has been given to the development of new services, low price services, and the postal and telecommunication services in the rural, remote and isolated areas. In that way, Thanh Hoa Post Office has step by step created a diversified market for posts, telecommunication and information services. With the following message to the customers: "We are by your side for the development", both service quality and business effectiveness of the post office have been much improved. The communication has been ensured to serve the political purposes as a medium of the state management.

Growing with the honourable traditions

Like the posts and telecommunication sector of

Meeti... on yearly plan of 2003

the country in general. Thanh Hoa Post Office has experienced very difficult time over the past 60 years since its establishment. At first, Thanh Hoa Post Office had very poor facilities with only one magnetite switchboard, more than 300 telephone sets and two telegraphic machines produced during the French domination. Enjoying the concerns and directions of the Party Committees, authorities, the whole cadres and staff of Thanh Hoa Post Office have gradually surmounted difficulties, making a significant contribution to the victory of the nation's two great wars against the French colonists and the American Emperor. With the motto: "Our hearts can stop beating but the Party's communication arteries will never stop running", the workers, mechanics, escorts, post-drivers and telephonists of Thanh Hoa Post Office steadily protected the communication connection irrespective of the bomb and bullet rains to maintain the harmonious guidelines and directions. Many of them have bravely scarified their lives for the sake of the work. The history records their sacrifice, the people and generations of staffs of Thanh Hoa Post Office will never forget them who made great contributions to the formation of the tradition "Loyal - Brave - Devoted - Creative - Considerate" of the Posts and Telecommunications sector in general and Thanh Hoa Post Office in particular. Acknowledging its eminent achievements during the war against the American invaders, the Party and State conferred "Hero of the Armed Forces" on Thanh Hoa Post Office in 1999.

Results of the policy renovation and technology investment

Entering the Renovation time put forward by the Communist Party, Posts and Telecommunications sector was defined as the production and social infrastructure that should "make a development in advance". With the enterprises' internal mental forces and firm solidarity, the local posts and telecommunication network has been widely modernised. Thanh Hoa Post Office has successfully implemented the acceleration strategy of the Posts and Telecommunications sector in the period of 1993 - 2000 and stepping firmly forwards in the period of integration and development. Overcoming the disadvantages of a large province with 27 districts including 11 high mountainous districts with complex terrain, the posts and telecommunications network of Thanh Hoa has been expanded with 85 post offices, 435 village post offices and cultural places and hundreds of agents. This has facilitated the local people's access to the postal and telecommunication services. The provincial post-office has brought new services to the communal cultural post-offices such as: money transference and cheap telephone services. There are more than 200 books and magazines in every village post-office to be served free of charge. The letter delivery network has been perfectly mechanised. As a result, 91.3% (578/633) of the communes across the province have their newspapers delivered right on the publishing day. There are totally more than 70 switch boards with the volume of more than100,000 numbers and tens of mobile Base Transceiver Stations. A rapid annual growth in number of telephone sets has been made, achieving nearly 90,000 sets, including more than 17,000 mobile phones. The present teledensity is 2.4 lines per 100 inhabitants. Even though the percentage if much lower than the average level of other parts of the country in general, it shows the

great leap in development of the local posts and telecommunications sector three years in advance to the schedule set by the Resolution by the municipal Party's 15th Meeting. The communication with the boundary high mountainous communes is always ensured with the VSAT satellites and CT10 wireless equipment. The transmission network mainly uses the internal and inter-provincial cable and the province-wide digital microwave network. In 2001, the provincial post-office invested POP Internet network in Thanh Hoa to improve the access speed. Besides the available VNN subscribers, Thanh Hoa Post Office is accelerating the implementation of equipping schools with internet, pursuing the target of 100% of the universities, colleges and schools to be equipped with internet by the end of the year 2003.

The development acceleration, competitiveness and integration acceleration process requires non-stop innovation and maximum mobilisation of the forces especially internal ones. Thanh Hoa Post Office actively builds and develops the human resources as the decisive factor for the solid development. Appropriate policies have been adopted in training and re-training the staff's with professional knowledge. Thanh Hoa Post Office's effective regulations are also facilitating employment with high-qualified labourers that meet the requirements of the new period.

Enhancing the business effectiveness

In a large province with the economy in difficulty, Thanh Hoa Post Office has to make big investments, resulting in the modest business effectiveness during the past years, and the post office had to receive accommodations from the Vietnam National Posts and Telecommunications Corporation. However, with its capacity and the experience accumulated through the 10 years of the renovation, Thanh Hoa Post Office started to exceed the balance of financial income and outlay account and contribute accommodation to the Vietnam National Posts and Telecommunications Corporation in 2002. In same year, the post office achieved the increase of 44% in revenue compared to that of the previous year, it also exceeded all the indices for telephone development and newspaper distribution. For its excellent achievements, Thanh Hoa Post Office was granted with the flag for leading units in the emulation movement of the year 2002 by the Prime Minister.

From 2003 on, continuing its achievements, the entire Thanh Hoa Post Office are striving to pursue it tasks, creating stable developments with the following major targets: posts, telecommunication, information and popularisation technology is the basis for the development of any other socio-economic sectors' technological development. Consequently, a development in advance is indispensable. The foremost task is to enhance the capacity and quality of the posts, telecommunication and information network to ensure the development of the locality and accomplish the business and production indices of the industry. In addition, it is essential to supply multi-services of high speed, creating information infrastructure for the development and application of the information technology across the province.

With its firm steps, Thanh Hoa Post Office is speeding up its growth rate and promoting the emulation for the successful pursuit of the targets and tasks and firmly stepping forward on the way integrating and developing.

Lotting for 171 lucky calls

CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC THANH HOÁ

HƠN 70 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Thành lập năm 1931, Công ty cấp thoát nước Thanh Hoá (tiền thân là Nhà máy nước Thanh Hoá) lúc bấy giờ chỉ có công suất sản xuất cấp nước là 500m³/ngày đêm. Sau hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, công suất sản xuất cấp nước đã đạt mức 38.000m³/ngày đêm. Hiện nay, Công ty cấp thoát nước Thanh Hoá có 355 cán bộ, công nhân viên, 5 phòng ban, 8 đơn vị sản xuất - kinh doanh trực thuộc, hoạt động trên nhiều lĩnh vực như: sản xuất cấp nước, tư vấn xây dựng, thi công công trình cấp thoát nước, xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, kinh doanh khách sạn, kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành. Trong nhiều năm qua, tất cả các sản phẩm của công ty đều được các cơ quan chức năng, người tiêu dùng đánh giá đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng.

Ông Nguyễn Văn Mạnh - Giám đốc Công ty cấp thoát nước Thanh Hoá

Là doanh nghiệp duy nhất được Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá giao nhiệm vụ sản xuất cấp nước tại một số đô thị lớn của tỉnh như: thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn, thị xã Sầm Sơn, thị trấn Bút Sơn. Với đặc thù của các đô thị này là mật độ dân cư thấp, phân bố không đồng đều, trình độ dân trí chưa cao. Đây là trở ngại lớn cho công tác phục vụ cấp nước. Song với quan điểm lấy hiệu quả sản xuất - kinh doanh làm trọng tâm, phục vụ tốt làm gốc, cộng với tinh thần đoàn kết, vượt khó, phát huy nội lực cao, trong những năm qua, Công ty cấp thoát nước Thanh Hoá đã từng bước khắc phục và vượt qua khó khăn, phát huy điều kiện thuận lợi, phấn đấu hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch mà tỉnh, ngành giao hàng năm với kết quả tốt, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững. Đặc biệt, công ty đã hoàn thành đúng tiến độ dự án cấp nước và vệ sinh Thanh Hoá - Sầm Sơn với các hạng mục:

1) Xây dựng mới nhà máy sản xuất nước công suất giai đoạn I là 10.000 m³/ngày đêm, giai đoạn II là 30.000 m³/ngày đêm, giai đoạn III là 50.000 m³/ngày đêm.

2) Lắp đặt mới 40,2 km đường ống chuyển tải có sức chuyển tải đáp ứng công suất sản xuất giai đoạn III là 50.000 m³/ngày đêm.

3) Lắp đặt 86,6 km đường ống phân phối nước (ϕ60 đến ϕ100) phủ khắp các phường nội thành, nội thị, các xã ngoại thành, ngoại thị của thành phố Thanh Hoá, thị xã Sầm Sơn.

Kết quả trên đặt cơ sở vững chắc cho việc phát triển sản xuất, cấp nước lâu dài tại thành phố Thanh Hoá, thị xã Sầm Sơn, các thị trấn lân cận như thị trấn Quảng Xương, Đông Sơn, Tào Xuyên, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các khu công nghiệp lớn của tỉnh như Khu công nghiệp Đình Hương, Lễ Môn, Tây Ga...

Tuy nhiên, để thực hiện định hướng phát triển về công tác cấp nước của tỉnh, công ty sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó có những khó khăn xuất phát từ quan điểm nhận thức, song cũng có những khó khăn do cơ chế chính sách đối với sản phẩm nước mang lại. Vì vậy, trong những năm tới, Nhà nước và các cấp chính quyền cần có cơ chế, chính sách đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, sản phẩm nước đồng bộ và phù hợp như: cơ chế xây dựng và quyết định giá nước, về thuế, lãi suất, khấu hao và thời gian hoàn vốn đầu tư, về quản lý, thực hiện các dự án cấp nước đáp ứng thực tiễn khách quan là đầu tư trong ngành nước kinh phí rất lớn và cần thiết đầu tư đón đầu, nên khi thiết kế xây dựng công suất thường cao hơn nhiều so với nhu cầu hiện tại. Đây là nguyên nhân khiến nhà máy nước mới xây dựng thường xuyên phải hoạt động trong tình trạng non tải, chi phí sản suất cao, hiệu quả kinh tế thấp.

Tuy còn nhiều khó khăn và bất cập, song trong những năm qua, Công ty cấp thoát nước Thanh Hoá đã tự khẳng định vị trí, vai trò trong việc cụ thể hoá chủ trương, định hướng lớn của tỉnh Thanh Hoá, góp phần cùng các cấp, các ngành tạo lập tiền đề vững chắc cho quá trình phát triển các đô thị trong tỉnh ngày một giàu đẹp, văn minh và hiện đại.

THANH HOA WATER SUPPLY COMPANY

OVER 70-YEAR GROWTH

At its establishment in 1931, Thanh Hoa Water Supply Company (the former Thanh Hoa Water Factory) was capacity of only 500 cu.m/day. 70 years later, the company has grown up and its production and supply capacity has reached 38,000 cu.m/day. Thanh Hoa Water Supply Company has a staff of 355, five offices, eight subsidiaries, and covers such business lines as: water production and supply, construction consultancy, water works, construction, transport, irrigation, hotel business, specialised materials and equipment trade. Over the past years, products made by the company have been appraised to meet the requirements of techniques and quality by functional organisations and the mass consumers.

As the only enterprise that the People's Committee of Thanh Hoa entrusts with the water production and supply for the big urban areas of the province such as: Thanh Hoa City, Bim Son Town, Sam Son Town and But Son Township. The low density of uneven population distribution and the low general literacy are great obstacles for the water supply services. However, as the guideline of taking the business effectiveness the key concern and good service the root of the business is reinforced by the firm solidarity and willingness to surmount difficulty

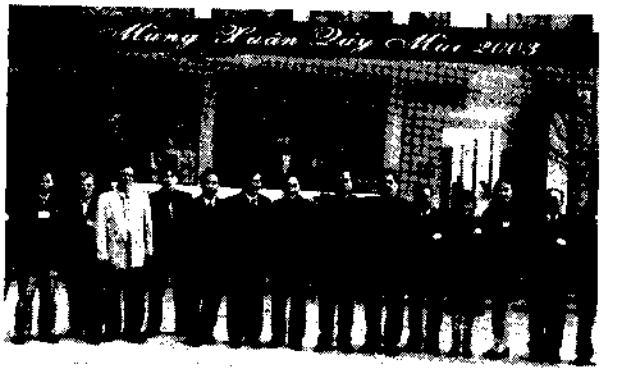

The secretary of the Provincial Party Committee, Trinh Trong Quyen on a visit to convey New Year's greetings to the company (2003)

and mobilise internal strengths, Thanh Hoa Water Supply Company has, for the past years, progressively overcome those obstacles. The company has taken opportunity of the advantages, managed to exceed all the planned indices set by the province and the industry, creating good foundation for the future sustainable development. In particular, the company has finished the Thanh Hoa - Sam Son water supply and sanity project as scheduled with the following items:

1. Building a water factory with the capacity of 10,000 cu.m/day at the first phase, 30,000 cu.m/day at the second and 50,000 cu.m/day at the third phase.

2. Assembling 40.2 km of new pipes that meet the requirements of the production capacity of 50,000 cu.m/day at the third phase of the project.

3. Assembling 86.6 km water-pipes of ϕ60 - ϕ100 over the urban wards and suburban communes of Thanh Hoa City and Sam Son Town.

The above achievements set a firm foundation for the long-term water production and supply development in Thanh Hoa City, Sam Son Town and the neighbouring townships like Quang Xuong, Dong Son, and Tao Xuyen. They also mean a premise for good water supply to the big local industrial parks such as: Dinh Huong, Le Mon and Tay Ga.

However on the way implementing the province's development orientation for water supply service, the company will confront many more challenges and obstacles ahead. Some of the obstacles are caused by the local people's poor knowledge, others by the policies on water products. Therefore, in the coming time, the State and

Commencement ceremony of Ham Rong Water Factory construction and Mat Son Water Factory upgrading

authorities should have appropriate policies for the enterprises of water supply and production such as: setting up and deciding the water price, tax, interests, amortisation and investment regaining duration, managing and implementing the water supply project. It is the fact that water supply always requires great investment for the long-term use, which results in the much greater capacity than current demands. This is one of the reasons why new water factories often have to work with only some part of its capacity, resulting in high production cost and low economic effectiveness.

Despite so many great obstacles, Thanh Hoa Water Supply Company has, for the past years, asserted its position and role in Thanh Hoa Province's important orientation implementation. Together with the management levels and industries, the company has contributed to establishing solid premises for the development of more wealthy, civilised and modern urban areas in Thanh Hoa.

Phần V

KINH TẾ - BỨC TRANH TOÀN CẢNH

Part V

ECONOMY - OVERVIEW

CHƯƠNG I: CÁC NGÀNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

NGÀNH CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, đa dạng các làng nghề truyền thống, khả năng cung cấp các nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp, nhất là ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm và vật liệu xây dựng khá phong phú, ngành công nghiệp Thanh Hoá có nhiều điều kiện thuận lợi để có thể phát triển lớn mạnh. Song đến nay, Thanh Hoá vẫn là tỉnh nông nghiệp. Vì thế, việc khai thác và tận dụng triệt để tiềm năng và các lợi thế để ngành công nghiệp Thanh Hoá đạt được mục tiêu hội nhập và phát triển là mối quan tâm hàng đầu của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Sở Công nghiệp Thanh Hoá đón nhận cờ thi đua của Chính phủ

Trong những năm 90 (thế kỷ XX), ngành công nghiệp Thanh Hoá có quy mô nhỏ bé, chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong GDP toàn tỉnh (15,8% năm 1990). Thêm vào đó, những tác động của nền kinh tế trong nước và khu vực đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành công nghiệp Thanh Hoá. Từ năm 2000 trở lại đây, ngành công nghiệp Thanh Hoá đang có dấu hiệu khởi sắc, hứa hẹn những tăng trưởng mới, khả quan. Nhiều nhà máy, xí nghiệp được đầu tư xây dựng, nhiều dự án đầu tư nâng cấp trang thiết bị hiện đại được triển khai đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp Thanh Hoá.

Những tín hiệu khả quan

Trong năm 2001, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn thời kỳ 2001 - 2005 và 2001 - 2010, ngành công nghiệp Thanh Hoá dần đi vào thế cân bằng, phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng 15,8%. Những khó khăn, tồn tại dần được khắc phục, các doanh nghiệp quốc doanh dần lấy lại đà tăng trưởng sau thời gian "ốm yếu".

Trong đó, ngành công nghiệp Thanh Hoá được phát triển ở tất cả các thành phần kinh tế thuộc 3 vùng kinh tế của tỉnh. Những lợi thế, tiềm năng về vị trí địa lý, tài nguyên và lao động đã được khai thác

Theo thống kê của Sở Công nghiệp Thanh Hoá, năm 2001, ngành công nghiệp Thanh Hoá có 9 doanh nghiệp quốc doanh Trung ương; 35 doanh nghiệp quốc doanh địa phương; 14 hợp tác xã; 33 doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế hỗn hợp, trong đó có 20 doanh nghiệp cổ phần; 9 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 53 nghìn cơ sở - hộ cá thể sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

hợp lý theo khả năng của từng vùng, phát triển sản xuất trên quy mô từ nhỏ đến lớn, huy động vốn và nhân lực cả trong và ngoài nước cho sản xuất công nghiệp để làm giàu cho địa phương và đất nước. Cụ thể, trong năm 2001, dự án đầu tư mới, cải tạo, hiện đại hoá Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn (vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng); các dự án sản xuất quạt điện, que hàn, phân bón tại các công ty mía đường, Khu Công nghiệp Lễ Môn; các dự án cải tạo, nâng cấp năng lực sản xuất của ngành vật liệu xây dựng, sản xuất nước khoáng đã được triển khai thực hiện.

Bước sang năm 2002, ngoài 23 dự án của năm 2001 chuyển tiếp, 26 dự án mới đã chuẩn bị hoặc hoàn tất thủ tục thi công xây dựng. Trong đó phải kể đến dự án kéo cáp nhôm của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực, dự án nâng cao năng lực sản xuất của Công ty Bia Thanh Hoá, dự án chế biến tinh bột sắn ở Bá Thước và Như Xuân; dự án sản xuất bê tông đúc sẵn Nghi Sơn,... Đến nay, tại Khu công nghiệp Lễ Môn, 19 dự án đăng ký đã được phê duyệt, trong đó có 13 dự án đã tiến hành xây dựng, 5 dự án đã đi vào hoạt động. Khu Công nghiệp Nghi Sơn có thêm 4 dự án đăng ký, ngoài ra còn có một số dự án đang đầu tư và chuẩn bị đầu tư với số vốn khá lớn như: dự án cải tạo dây chuyền số 2 Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn (công suất 2 triệu tấn/năm, đưa công suất của nhà máy lên 3,8 triệu tấn/năm); dự án Nhà máy giấy và bột giấy Châu Lộc (Hậu Lộc) 6 vạn tấn/năm; chuẩn bị các điều kiện đón nhận dự án Khu Liên hiệp Lọc - Hoá dầu số 2 tại Nghi Sơn. Theo báo cáo của Sở Công nghiệp Thanh Hoá, tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 là 4.171 tỷ đồng.

Nét nổi bật của hoạt động sản xuất công nghiệp Thanh Hoá trong những năm gần đây là các doanh nghiệp đã có sự chuyển biến trong cách nghĩ, cách làm, tích cực đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng mẫu mã, sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Một số doanh nghiệp đã xây dựng lộ trình hội nhập AFTA, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 như: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, Công ty cổ phần Hàm Rồng, Công ty bao bì Thanh Hoá, Công ty xi măng Nghi Sơn,...

Với chiến lược đầu tư đúng đắn, giá trị sản lượng ngành công nghiệp Thanh Hoá năm 2002 đạt 5.340 tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2001. Đồng thời, các chủng loại sản phẩm ngày một phong phú và đa dạng. Bên cạnh các mặt hàng truyền thống, năm 2002, ngành công nghiệp Thanh Hoá đã sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới, năng lực sản xuất và sản lượng một số mặt hàng như: xi măng, bia, giấy, thủy sản đông lạnh, phân bón, thuốc lá,... tăng cao hơn bình quân của cả nước khoảng 14,5%. Nhiều doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có bước phát triển khá, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh

Một số chỉ tiêu tăng trưởng ngành công nghiệp giai đoạn 2001 - 2005

Thành phần kinh tế	2000	2005	2010	2001 - 2005	2001 - 2010
1. Khu vực kinh tế trong nước					
- Tỷ trọng (%). Trong đó:	75,6	76,8	83,8		
+ Khối kinh tế hỗn hợp	19	22	37		
- Tăng trưởng (%)				17	17,4
+ Khối doanh nghiệp quốc doanh				15,8	12,3
+ Khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh.				19	21,8
Trong đó: khối hỗn hợp				21	24,7
2. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài					
- Tỷ trọng (%).	24	23	16,2		
- Tăng trưởng (%)				15,1	11,4

Nguồn: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

Máy dệt SL4 và SL61; YJ4/820

Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty cổ phần, doanh nghiệp dân doanh. Những thành quả này đã góp phần đưa ngành công nghiệp Thanh Hoá đứng vào hàng 10 tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất cả nước.

Thành công này có được là do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi cho các dự án đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để mời gọi các dự án đầu tư lớn. Đồng thời, việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng mà nổi bật là dự án xây dựng cảng nước sâu Nghi Sơn và các khu công nghiệp tập trung là tiền đề quan trọng, góp phần không nhỏ cho sự phát triển của ngành công nghiệp Thanh Hoá, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của một tỉnh nông nghiệp trong thời gian qua.

Giải pháp đẩy nhanh sự tăng trưởng

Trong giai đoạn tới, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá chủ trương tiếp tục sắp xếp đổi mới cơ chế quản lý khối công nghiệp quốc doanh, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để khối dân doanh phát triển, thúc đẩy tiến độ xây dựng các cụm, khu công

Các ngành sản xuất chính

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Thanh Hoá đã hình thành được một số ngành công nghiệp chính:

Ngành Khai thác mỏ: theo đánh giá của Sở Công nghiệp Thanh Hoá, tỷ trọng của ngành khai thác mỏ ít có sự biến đổi, dao động trong khoảng 5,3% - 5,2% - 5,1%, tương ứng trong các năm 2000 - 2005 - 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân 16%/năm (2001 - 2010), trong đó giai đoạn 2001 - 2005 tăng 16,6%/năm.

Ngành chế biến: vẫn là ngành sản xuất chủ lực. Tỷ trọng của ngành này giảm nhẹ từ 94,5% (năm 2000) xuống 93,7% và 94% trong năm 2005 và năm 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân 16%/năm (2001 - 2010), trong đó giai đoạn 2001 - 2005 tăng 16,4%/năm. Trong đó, các ngành cấp II chủ lực thuộc ngành chế biến:

- Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống: dự kiến sẽ chiếm vị trí hàng đầu kể từ năm 2005. Tỷ trọng của ngành này trong năm 2005 sẽ là 36% và 37% (năm 2010). Tốc độ tăng trưởng bình quân 22%/năm (2001 - 2005) và 19%/năm (2001 - 2010).

- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng: tỷ trọng của ngành này giảm xuống còn 36% (năm 2005) và 37% (năm 2010). Tốc độ tăng trưởng bình quân 13%/năm (2001 - 2005) và 14%/năm (2001 - 2010).

- Ngành sản xuất hoá chất: tăng bình quân 20%/năm (2001 - 2005) và 24%/năm (2001 - 2010).

- Ngành sản xuất gỗ và lâm sản: tăng bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2001 - 2005 và 2001 - 2010.

- Ngành sản xuất thuốc lá: tăng bình quân 9 - 10%/năm.

- Ngành sản xuất giấy bao gì công nghiệp: tăng bình quân 23%/năm (2001 - 2005) và 20%/năm (2001 - 2010).

- Ngành sản xuất hàng may mặc: tăng bình quân 19%/năm (2001 - 2005) và 17%/năm (2001 - 2010).

- Ngành sản xuất thép, thiết bị các loại: tăng bình quân 14 - 15%/năm.

- Ngành sản xuất sản phẩm da các loại: tăng bình quân 19 - 21%/năm.

nghiệp, các làng nghề truyền thống.... nhằm đón bắt nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Đặc biệt, tỉnh sẽ chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về nguyên liệu và nguồn nhân lực như: công nghiệp chế biến nông - lâm - thuỷ hải sản, cơ khí, dệt may, thuộc da, điện tử.

Phải tăng trưởng nhanh và tạo sự vượt trội trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, làm nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, có hiệu quả và bền vững của toàn bộ nền kinh tế, phù hợp với xu thế chung của cả nước. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2003 đạt từ 19% đến 20%. Khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có, đẩy mạnh phát triển cả về quy mô và chất lượng các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản, khai thác quặng.... Coi trọng và khuyến khích sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống và du nhập phát triển ngành, nghề mới phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã khởi công xây dựng và triển khai thực hiện các dự án có ý nghĩa chiến lược đối với tỉnh như dự án Khu Liên hiệp lọc - hoá dầu Nghi Sơn, dự án Nhà máy giấy và bột giấy Châu Lộc, dự án thủy lợi - thuỷ điện Cửa Đạt.... Với chủ trương tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, tỉnh đã quy hoạch và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Đến năm 2005, toàn tỉnh sẽ có 21 cụm công nghiệp và đến năm 2010 phấn đấu mỗi huyện, thị, thành phố có ít nhất 01 cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Với những bước đi mới, theo dự tính đến năm 2005, cơ cấu kinh tế sẽ có chuyển biến tích cực, vượt kế hoạch đề ra (tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong GDP là 33%).

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp Thanh Hoá cũng đã lập danh sách các dự án kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước, với quan điểm: các dự án lớn của Trung ương cần được thu hút đầu tư để tạo ra bước phát triển đột phá cho ngành công nghiệp. Các dự án của địa phương nên thực hiện theo quy mô nhỏ, chủ yếu giải quyết vấn đề khai thác lợi thế tại chỗ và các vấn đề xã hội khác. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô khác nhau thì tuỳ thuộc vào khả năng đáp ứng của đối tác.

Ngoài ra, Thanh Hoá cũng đang dần hình thành một cơ cấu công nghiệp theo hướng đa dạng hoá các

Từ nay đến năm 2010, ngành công nghiệp Thanh Hoá dự kiến sẽ triển khai 79 dự án lớn, 13 dự án nhỏ. Trong đó, dự kiến 44 dự án lớn sẽ được bố trí tại các khu công nghiệp. Ngoài ra, một số dự án khác sẽ được triển khai trên các địa bàn thuận lợi về nguồn nguyên liệu đặc chủng như: giấy, dứa, sắn, ngô,...

Giai đoạn 2001 - 2010 có 57 dự án lớn thuộc 16 ngành sản xuất cấp II, trong đó hầu hết là các dự án mới đầu tư. Một số dự án đã có sự chuẩn bị như: giấy 6 vạn tấn/năm, chế biến dứa và hoa quả, tinh bột sắn, ngô,...

Nhiều dự án lớn đã được Bộ Công nghiệp nhất trí định hướng đầu tư sớm như Cụm Công nghiệp Dệt May, Nhiệt điện Nghi Sơn, Thuỷ điện Cửa Đạt, lắp ráp xe ôtô thông dụng,... Gọi vốn đầu tư nước ngoài (Nhật Bản) vào dự án nhiệt điện Nghi Sơn để cân đối nguồn phát điện của khu vực miền Trung. Hiện nay, dự án trọng điểm là Nhà máy lọc - hoá dầu số 2 đang lập dự án khả thi.

Giai đoạn 2006 - 2010 có 22 dự án lớn, chủ yếu là các dự án công nghiệp nặng, công nghiệp sử dụng công nghệ cao trong các khu công nghiệp tập trung.

- Các dự án nhỏ: bố trí tại các huyện, thị, các khu công nghiệp phân tán. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ thực hiện các dự án đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có.

- Cân đối tổng nhu cầu vốn đầu tư cho ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 khoảng trên dưới 60.620 tỷ đồng, với sự tham gia của các thành phần kinh tế trong nước và đóng góp quan trọng của các nhà đầu tư nước ngoài.

lĩnh vực, đối tượng và quy mô đầu tư, thể hiện ở một số nét chính sau:

- Nâng cao vai trò và hoạt động của công tác quản lý nhà nước về công nghiệp trên địa bàn tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh; phối kết hợp với các ngành, các cấp trong tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của các bộ ngành để chỉ đạo thực hiện quy hoạch. Trong đó, Thanh Hoá sẽ đóng vai trò là nhân tố quyết định thành công.

- Các huyện, thị, thành phố đề ra cơ chế chính sách cụ thể, thực sự thông thoáng và hấp dẫn, đậm nét riêng của Thanh Hoá, mang tính cạnh tranh với các địa phương khác trong nước để thu hút vốn và chất xám cho việc thực hiện quy hoạch.

- Huy động vốn cho ngành công nghiệp trong giai đoạn 2001 - 2010, trong đó dự kiến vốn của tỉnh là 4.000 tỷ đồng (chiếm 13%), của Trung ương 17.000 tỷ đồng (57%) và vốn nước ngoài 9.000 tỷ đồng (30%).

- Tích cực tìm kiếm, khai thác thị trường trong tỉnh, trong nước và nước ngoài bằng cách tự vận động của các doanh nghiệp dưới sự chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương và địa phương, nhất là đối với thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, việc hoà nhập với thị trường thế giới và khu vực, đặc biệt là khai thác các thị trường mới nhưng giàu tiềm năng như: Mỹ, Nhật Bản, Trung Đông và châu Phi. Phát triển và tham gia vào các hiệp hội ngành, nghề không chỉ của Việt Nam mà của cả nước ngoài.

- Tích cực đầu tư cho công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bởi hiện nay, nhu cầu tuyển dụng lao động phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế là rất lớn, khoảng 8 - 10 nghìn công nhân mỗi năm với trình độ tối thiểu là đã qua đào tạo sơ cấp; 3 - 4 nghìn người có trình độ cao đẳng trở lên. Nâng cấp, mở rộng hệ thống giáo dục - đào tạo chuyên nghiệp của tỉnh để đủ sức chủ động khoảng 30% nhu cầu đào tạo nhân lực. Việc gửi người đi đào tạo trong và ngoài nước là việc làm cần thiết, cần lên kế hoạch và có những chính sách cụ thể.

CHAPTER I: KEY ECONOMIC SECTORS

THANH HOA INDUSTRY

HEADING FOR INTEGRATION AND DEVELOPMENT TARGETS

With the abundant natural and human resources, variety of traditional crafts available to provide the industries with plentiful materials, especially foods - foodstuff processing and construction materials, Thanh Hoa industry enjoys numerous favorable conditions for sound development. So far however, Thanh Hoa is still the agriculture-based province. Hence, the great consideration of the provincial Party Committee and People's Committee has been firstly paid to full exploitation and utilization of the available potentials and advantages to help Thanh Hoa industry achieve the target of integration and development.

During the 1990s, Thanh Hoa industry was at a limited scale, represented the modest proportion in the provincial GDP (15.8% in 1990). Additionally, the changes of the national and regional economy affected the provincial industrial development. Since 2002, Thanh Hoa industry has seen prosperous signals, promising satisfactory growth. Investment was granted to building a number of plants, factories and

Starex - 1400 - 120/30D making machine

modernizing equipment, making contribution to the provincial industrial development acceleration.

Satisfactory signals

In 2001, the first year of five-year plan (2001 - 2005) implementation under the spirit of the 15th provincial Party Conference's Resolution and local industrial development plan for 2001 - 2005 and 2001 - 2010, Thanh Hoa industry sector has gradually balanced with stable 15.8% growth. The difficulties and shortcomings have step-by-step been overcome, the state-own enterprises have seized the impetus after the "weak" period.

Of which, Thanh Hoa industry experienced development in every economic sector belonging to three economic zones in the province. The geographical, natural, and laborious advantages and potentials have been sound exploited in light with respective regions to develop production from small to large scales, mobilizing domestic and oversea capitals and human resources for industrial production to richen the country. Concretely, in 2001, a range of projects were realized including building, improving and modernizing Bim Son Cement Plant (invested capital of VND1,000 billion), producing electric fans, soldering sticks and fertilizers for the sugar-cane factories in Le Mon Industrial Zone (IZ), improving and upgrading productivity of construction materials and mineral water industries.

In 2002, out of 23 projects transited from 2001, 26 new ones have been preparing or completed construction execution formality. Those include the projects on pulling aluminum cables of the Electrical Assemble Joint-stock Company, raising productivity of Thanh Hoa Brewery Company, processing cassava in Ba Thuoc and Nhu Xuan, and producing Nghi Son prefabricated concrete etc. So far, at Le Mon IZ, 19 registered projects were approved, 13 of which were under construction process and five came into operation. Nghi Son IZ has added four registered projects in addition to a number of projects have been and will be invested in with rather great capitals. Those include the projects on upgrading production line No.2 from capacity of 2 - 3.8 million annually of Bim Son Cement Plant, building Chau Loc Paper and Pulp Factory (Hau Loc) (60 thousand tonnes/year) and preparation for the implementation of Petrochemistry Refining combination No.2 in Nghi Son. According to the reports of Thanh Hoa Department of Industry, total capital construction investment in 2002 amounted to VND4,171 billion.

Highlights in Thanh Hoa industrial production activities in recent years were seen in renovation of the enterprises in their ways of thinking, working, actively investing in technological update, improving style and product quality to increase competitiveness on the market. Some enterprises have formulated their route to AFTA integration, applied quality management system ISO 9001 such as Lam Son Sugar-cane Joint-stock Company, Ham Rong Joint-stock Company, Thanh Hoa Wrapping Company and Nghi Son Cement Corporation.

With the right investment strategy, Thanh Hoa industrial production value in 2002 achieved VND5,340 billion, increased 18.1% over 2001.

According to the statistics of Thanh Hoa Department of Industry, the provincial industry sector is home to nine central state-run enterprises, 35 local state-run enterprises, 14 co-operatives, 33 enterprises of mixed economic sectors, of which, 20 joint-stock businesses, nine foreign invested ones and 53 thousand handicraft establishments.

Concurrently, the product varieties have been increasingly plentiful and diversified. Parallel with the traditional commodities, in 2002, Thanh Hoa industry has produced many new articles: productivity: output of commodities like cements, beers, papers, frozen aquatic products, fertilizers and tobaccos rose around 14.5% over national average. Healthy development saw in the enterprises of all economic sectors, especially the province-based central state-own and foreign invested enterprises as well as private establishments. Such outcomes have contributed to turning Thanh Hoa into the first ten provinces with highest industrial productivity nation-wide.

Those performances were attainable thanks to the provincial Committee of the Party and People's Committee in issuing the preferential policies for the invested projects on innovation of administrative procedures, creation of attractive investment environment to lure the potential investors. Simultaneously, investment in upgrading infrastructure, most outstanding of which is the project on building Nghi Son deep port and the concentrated IZs, is the crucial premise that makes great contribution to the development of Thanh Hoa industry, boosting economic restructuring of the agriculture-based province in the past years.

Solution to growth acceleration

In coming time, Thanh Hoa Party Committee and People's Committee intend to carry on management apparatus rearrangement and renovation in the state-own industrial sector, stimulate and fully facilitate development of the private sector, intensify the process of building IZs, industrial complexes and traditional craft villages to attract the capital resources from outside. Particularly, the special importance will be attached to developing such industrial sectors with advantages of materials and human resources as processing of agro - forestry - aquatic products, engineering, garments and textiles, leather tanning, electronics.

It is necessary to develop rapidly and create great progress in economic and labour structures, making foundation for the speedy, effective and sustainable growth of the entire economy suitable to the common tendency nation-wide. The province will strive to reach 19 - 20% growth of industrial production value in 2003, exploit up available productivity, boost development in quality and quantity of the industrial produces with competitive advantages and having consumption market like production of construction materials, processing of agro - forestry - aquatic products and exploiting ores. An attention and encouragement should be attached to produc-

Industrial growth indices for 2001 - 2005

Economic sectors	2000	2005	2010	2001 - 2005	2001 - 2010
1. Domestic economic sectors					
- Proportion (%). Of which:	75,6	76,8	83,8		
+ Mixed economy	19	22	37		
- Growth rate (%)				17	17,4
+ State-own sector				15,8	12,3
+ Non-state sector. Of which:				19	21,8
Mixed economy				21	24,7
2. Foreign invested sector					
- Proportion (%).	24	23	16,2		
- Growth rate (%)				15,1	11,4

Source: Thanh Hoa Department of Industry

Major production industries

In industrial production, Thanh Hoa province has formed a number of major industries:

Mine exploitation: according to the evaluation of Thanh Hoa Department of Industry, proportion of mine exploitation will change not much, fluctuate from 5.3% to 5.2% and 5.1% in 2000, 2005 and 2010 respectively. Annual average growth rate will be at 16% (2001 - 2010), of which, at 16.6% in 2001 - 2005.

Processing will remain the key industry with unnoticeable decrease in proportion from 94.5% in 2000 to 93.7% and 94% in 2005 and 2010 respectively. Annual average growth will be 16% (2001 - 2010), of which 16.4% in 2001 - 2005 including the 2-grade key sectors belonging to processing field:

- *Production of foodstuffs and drinks: proposed to occupy the leading position since 2005. Its proportion will be 36% and 37% in 2005 and 2010 respectively. Average annual growth will be 22% (in 2001 - 2005) and 19% (2001 - 2010).*
- *Production of construction materials: its proportion will be reduced to 36% and 37% in 2005 and 2010 respectively. Annual average growth will reach 13% (2001 - 2005) and 14% (2001 - 2010).*
- *Production of chemicals: average increase of 20% a year (2001 - 2005) and 24% (2001 - 2010).*
- *Production of woods and forestry products: average increase of 10%/year in 2001 - 2005 and 2001 - 2010.*
- *Production of tobaccos: average increase of 9 - 10% a year.*
- *Production of wrapping papers in heavy industry: annual average increase of 23% (2001 - 2005) and 20% (2001 - 2010).*
- *Production of garment articles: annual average of 19% (2001 - 2010) and 17% (2001 - 2010).*
- *Production of steels and equipment of variety: average increase of 14 - 15% a year.*
- *Production of leather: average increase of 19 - 21% a year.*

tion of consumption commodities, traditional fine art and handicraft articles and development of the new occupations serving consumption and export. It is essential to speed up process of implementing the projects, which have been started construction, realising the provincial strategic significant projects such as Nghi Son Petrochemistry Refining Combination, Chau Loc Paper and Pulp Factory, Cua Dat Irrigation - Hydroelectricity plant. Intending to facilitate the small and medium business development, the province has planned and issued policies on supporting development of the small and medium industrial complexes. The entire province will have 21 industrial complexes by 2005 and strive to set up at least one small and medium industrial complex in each district, town and city by 2010. Taking the new steps, the provincial 2005's proposed economic structure will actively change, exceed the set targets (the construction - industrial proportion in GDP will be 33%).

Besides, Thanh Hoa Industry has also set up the list of the projects attracting domestic and oversea investment, defining that the attracted investment should be channeled to the Central large-scale projects to create breakthrough for the industry development. The realization of the local projects should be done at a small scale, mostly to solve the issue of exploiting on-the-sport advantages and the other social problems, and of the foreign invested projects of different scales should depend on the partner capability.

Additionally, Thanh Hoa has gradually formed the industrial structure on the orientation of diversifying investment sectors, objectives, and scales as follows:

- Enhance state administration role and activities in respect of industry in the province under the leadership and conduct of the provincial Party Committee, People's Council and People's Committee. Co-ordinate with the sectors and branches in the area to make use of the Central and ministries' and sectors' support to instruct the plan realization. Of which, Thanh Hoa will play a decisive factor for success.

- The districts, towns and city should issue the concrete, really open, attractive and competitive policies, which carry the special characters of Thanh Hoa, to lure capital and intelligence for the plan realization.

- Mobilize capital for the industry in 2001 - 2010, of which proposed capital of the province will be VND4,000 billion (accounting for 13%), of the Central VND17,000 billion (57%) and foreign investors VND9,000 billion (30%).

- The enterprises should actively look for and exploit the local, national, especially international markets under the Central and local instruction and supports. In addition, integrate into the international and regional market, specifically exploit the new but potential markets including USA, Japan, Middle East and Africa, actively develop and participate in not only Vietnamese but also oversea occupational associations.

- Zealously invest in training, improving human resource quality because of high demand on labor recruitment serving the economic development programs presently: around eight to ten thousands workers yearly with minimum qualification at elementary training, three to four thousand laborers at college degrees upwards. Improve and extend the provincial professional education - training system so as to meet at least 30% demand on personnel training. Send the employees to the local and oversea fostering training courses, which requires plans and concrete policies.

Between now and 2010, Thanh Hoa industry proposes to implement 79 large-scale projects and 13 small-scale ones. Of which, 44 large-scale projects are expected to be allocated in the IZs, the other ones in the propitious areas with such specific materials as paper, pineapple, manioc and maize.

In 2001 - 2010 there have been 57 large-scale projects belonging to 16 sectors of second grade, most of which are the newly-invested ones. Some new projects were under preparation like production of 60 thousands tonnes papers a year, processing of pineapple and other fruits, and cassavas and maize starch.

The Ministry of Industry agreed to early orient the investment to a number of large-scale projects such as Garment and Textile Industrial Complex, Nghi Son Thermo-electric plant, Cua Dat Hydro-electric plant, common automobile assemble. Foreign investment (Japanese) has been attracted to Nghi Son Thermo-electric projects to balance the power dispatching resources of the Central region. Presently, the core project being Petrochemistry Refining combination No.2 is on the feasibility study process.

During 2006 - 2010, 22 large-scale projects, most of which are of heavy industrial and hi-tech ones in the concentrated IZs, will be carried out.

- The small-scale projects: land rearrangement to create the dispersed districts, towns and IZs. Besides, the province will implement the intensive projects, extend investment in the existing workshops.

- Balance total investment demand for the provincial industry for 2001 - 2010 at around VND60,620 billion, with the participation of the domestic economic sectors and foreign investors' important contributions.

SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THANH HOÁ

VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

PHAN ĐÌNH PHÙNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

Trong suốt 55 xây dựng và trưởng thành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần phát huy lợi thế về tài nguyên, môi trường, nguồn lao động, đưa nền kinh tế phát triển nhanh, ổn định. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, ngành nông nghiệp Thanh Hoá phấn đấu đến năm 2005 đạt sản lượng lương thực 1,5 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản đạt 30 triệu USD.

Ông Phan Đình Phùng – Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa

Nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, mấy năm gần đây, Tỉnh uỷ Thanh Hoá tập trung chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất hàng hoá gắn liền với công nghiệp chế biến. Các cơ quan, ban, ngành chức năng đã tham mưu với Tỉnh uỷ và hỗ trợ cho các xã, huyện, thành phố quy hoạch, rà soát lại các vùng sản xuất, phân bố lực lượng sản xuất, đồng thời nghiên cứu đề xuất các chính sách thu hút đầu tư như: ưu đãi thuế, đào tạo nhân lực và tăng cường cán bộ cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Nhờ đó, nhiều chỉ tiêu của Đảng bộ tỉnh đã đề ra đều đạt và vượt mức kế hoạch.

Khai thác những tiềm năng hiện có

Tỉnh Thanh Hoá thuộc khu vực đồng bằng Bắc Trung Bộ có tổng diện tích đất tự nhiên là 1.110.609,05 ha, trong đó diện tích dành cho sản xuất nông nghiệp là 239.842,19 ha, chiếm 21,59%. Mặt khác, Thanh Hoá còn có hệ thống sông ngòi, kênh mương dày đặc với tổng lượng nước trung bình 19,52m^3/năm, đảm bảo cung cấp đủ nước tưới tiêu cho đồng ruộng quanh năm.

Đường bờ biển dài 102 km, với 7 cửa lạch lớn, nhỏ, trong đó có 5 cửa sông, lạch lớn là: lạch Sung, lạch Trường, lạch Hới, lạch Ghép, và lạch Bạng; diện tích mặt nước rộng 11.032 ha, trong đó có 7.112 ha ruộng chiêm trũng và đầm lầy là điều kiện thuận lợi để Thanh Hoá phát triển nuôi trồng thuỷ sản. Ngoài ra, Thanh Hoá còn có lực lượng lao động lớn vào khoảng 1,7 triệu người, cần cù chịu khó. Tất cả các yếu tố trên, cùng với hệ thống kênh, mương nội đồng kiên cố, giao thông thuận tiện đã tạo nên tiềm năng phát triển nông nghiệp rất lớn, để phát triển một nền nông nghiệp phong phú và toàn diện.

Kết quả từ chuyển dịch cơ cấu

Sau nhiều năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, ngành nông nghiệp Thanh Hoá có bước chuyển biến tích cực và đạt kết quả cao. Nếu như năm 1999, sản lượng lương thực toàn tỉnh chỉ đạt trên 1,26 triệu tấn thì đến năm 2002 đã là 1,4 triệu tấn (1,25 triệu tấn lúa và 158 nghìn tấn ngô), tăng 78.000 tấn so với năm 2001. Đây là năm Thanh Hoá đạt cao nhất về sản lượng lương thực từ trước đến nay, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh lương thực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và cả nước.

Trong cơ cấu ngành trồng trọt, lúa được xác định là cây lương thực chủ lực. Nhờ có chính sách trợ giá giống cho nông dân, với kinh phí hỗ trợ khoảng

Tổng sản lượng lương thực các năm

Các năm	Sản lượng đạt được (tấn)
1975	473.800
1985	800.108
1995	1.000.000
1999	1.263.500
2000	1.222.564
2001	1.330.000
2002	1.346.000
2003 (dự kiến)	1.500.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

4 - 5 tỷ đồng/năm, nên hiện nay, chất lượng giống lúa của Thanh Hoá đã dần được cải thiện. Các giống lúa trước đây như CR203, C70, Mộc tuyền dần được thay thế bằng các giống mới cho năng suất và chất lượng cao, có tính thích ứng rộng, phù hợp với thổ nhưỡng Thanh Hoá như lúa lai F1, X21, X19, Xi 23, Q5... Việc thay đổi giống lúa đã tạo bước nhảy vọt về năng suất: nếu như năm 1999 mới chỉ đạt 36,7 tạ/ha thì đến năm 2002 đã đạt 51,5 tạ/ha; bình quân lương thực tăng từ 264,3 kg/người (năm 1990) đã lên 365,7 kg/người (năm 2000). Đồng thời, một số vùng chuyên canh trồng lúa chất lượng cao đã được hình thành ở Yên Định, Thiệu Hoá, Nga Sơn, v.v..

Cùng với chuyển dịch cơ cấu giống và bố trí mùa vụ hợp lý, Thanh Hoá cũng chú trọng tăng mức đầu tư cho các công trình thuỷ lợi từ 150 tỷ đồng (năm 2001) lên 181 tỷ đồng (năm 2002), thực hiện kiên cố hoá kênh mương trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống bơm điện ở các huyện miền núi, nâng cấp các công trình hiện có, đảm bảo chủ động tưới tiêu cho hầu hết diện tích gieo cấy lúa và rau màu với quy mô 300.270 ha.

Ngành chăn nuôi cũng có tốc độ tăng trưởng mạnh trong mấy năm gần đây. Từ năm 1994, thực hiện chương trình nạc hoá đàn lợn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa đã chỉ đạo các huyện mua 700 lợn nái ngoại từ thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó, đến nay, đàn lợn ngoại đã có 3.000 lợn nái và hàng chục nghìn lợn thịt phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Ngoài ra, chăn nuôi gia cầm cũng là một thế mạnh của Thanh Hoá. Những loại vịt cho năng suất thịt, trứng cao hiện đang được nuôi thả với số lượng lớn như vịt bầu Thanh Hóá, SuperM, Kaki CamFem, Anh đào, CV200, v.v..

Thuỷ sản cũng là một trong những thế mạnh của Thanh Hoá. Tính đến nay, Thanh Hoá đã phát hiện được 120 loài hải sản thuộc 82 giống, 58 họ gồm 53 loài cá nổi, 69 loài cá đáy và một số loài đặc sản quý hiếm khác, có tổng trữ lượng 165.000 tấn (trong đó xa bờ 100.000 tấn, ven bờ 65.000 tấn). Hiện nay, toàn tỉnh có 1.043 thuyền được trang bị máy định vị tầm ngư, vô tuyến điện thoại, góp phần hạn chế rủi ro trên biển, hỗ trợ nhau trong việc tìm ngư trường và nâng cao hiệu quả khai thác. Đặc biệt, trong những năm gần đây, ngành thuỷ sản Thanh Hoá bước đầu thành công trong việc chỉ đạo đề án nuôi trồng thuỷ sản. Nhờ đó, năm 2001, giá trị sản xuất đạt 430.132 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2000. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng năm 2001 đạt 53.000 tấn, tăng 10,1% so với năm 2000. Kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản tăng từ 17,840 triệu USD (năm 2001) lên 22,2 triệu USD (năm 2002). Hiện nay, Thanh Hoá đang triển khai xây dựng cơ sở chế biến mới ở Khu công nghiệp Lễ Môn với thiết bị công nghệ hiện đại, công suất 3.000 tấn/năm; đóng mới 2 tàu công suất 320 - 500 CV để thu mua sản phẩm do Công ty xuất nhập khẩu thuỷ sản Thanh Hoá quản lý.

Định hướng và biện pháp phát triển đến năm 2010

Để phát huy những thành tích đạt được, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, Sở

Cánh đồng lúa Cao Sơn

Kết quả chăn nuôi qua các năm

Loại hình	1975	1985	1995	2000
Trâu (con)	166.716	183.800	220.856	216.461
Bò	102.150	105.000	209.442	233.571
Lợn	586.971	647.600	962.984	1.088.061
Gia cầm	3.200.000	3.900.000	6.300.000	8.180.824

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đề ra mục tiêu phát triển trong giai đoạn 2001 - 2010: phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng trong cơ cấu GDP 5 - 5,5%. Để đạt được mục tiêu này cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ kinh tế thuần nông sang kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, đồng thời đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi lợn hướng nạc, chuyển diện tích ruộng trũng, ruộng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Thực hiện quy trình kỹ thuật và công nghệ tiên tiến theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời đưa nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Phát triển công nghiệp chế biến và đầu tư công nghệ sau thu hoạch, tập trung vào chế biến thức ăn chăn nuôi, chế biến thịt gia súc gia cầm, chế biến và xuất khẩu thuỷ sản. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân, nhất là các sản phẩm có lợi thế phát triển.

Sản xuất lương thực tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo an ninh lương thực và sản xuất hàng hoá xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2005, sản lượng lương thực đạt 1,5 triệu tấn trở lên. Để đạt được chỉ tiêu trên, ngoài các biện pháp bố trí sử dụng, cải tạo đất, thuỷ lợi, phân bón, biện pháp cơ bản và then chốt là phải đảm bảo và tăng nhanh diện tích lúa được gieo cấy bằng các giống lúa lai, giống nguyên chủng và giống xác nhận. Cụ thể: phấn đấu nâng diện tích gieo cấy lúa lai đạt 36% vào năm 2004, 50% vào năm 2005; lượng lúa lai F1 cần 2.250 tấn vào năm 2004, 3.200 tấn vào năm 2005. Ngoài ra, Thanh Hoá cần tập trung xây dựng vùng chuyên canh lúa với tổng diện tích 72.000 ha ở 8 huyện: Thọ Xuân (8.400 ha), Triệu Sơn (10.000 ha), Đông Sơn (6.300 ha), Nông Cống (10.000 ha), Quảng Xương (11.000 ha), Hoằng Hoá (10.000 ha), Thiệu Hoá (8.800 ha), Yên Định (8.000 ha) để sản xuất lúa hàng hoá và xuất khẩu, nhằm đạt được mục tiêu 25.000 tấn gạo vào năm 2005. Coi trọng cả thâm canh và tăng vụ, mở rộng và thâm canh cây vụ đông, nhất là cây ngô đông, thâm canh tăng năng suất khoai lang. Riêng cây sắn, trước mắt phải tập trung thâm canh diện tích hiện có, đồng thời quy hoạch 6.000 ha sắn tại huyện Như Xuân, Như Thanh, Thường Xuân, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu có công suất 60 tấn tinh bột/ngày tại huyện Như Xuân.

Về cây công nghiệp, đến năm 2005, ổn định diện tích trồng mía là 32.500 ha (trong đó vùng mía Lam Sơn 13.000 ha, năng suất 70 tấn/ha; vùng mía phía Bắc 15.000 ha, năng suất 60 tấn/ha; vùng mía phía Tây Nam 4.500 ha, năng suất 50 tấn/ha) đạt sản lượng 2,02 triệu tấn mía nguyên liệu cho 3 nhà máy đường hoạt động 100% công suất. Muốn vậy, trước mắt phải hoàn thiện vùng nguyên liệu tập trung cho nhà máy, đồng thời mở rộng diện tích mía ở vùng gần nhà máy để giảm chi phí vận chuyển. Bố trí cơ cấu giống mía hợp lý, thích ứng với từng loại đất và yêu cầu chế biến của từng nhà máy, phấn đấu từ năm 2001 bố trí 70 - 80% giống mới có

Mục tiêu cụ thể đến năm 2005

Loại hình	Chỉ tiêu	Loại hình	Chỉ tiêu
Sản lượng lương thực (tấn)	1.500.000	Tổng đàn trâu (con)	218.000
Diện tích mía (ha)	32.500	Tổng đàn bò (con)	270.000
Diện tích lạc (ha)	17.500	Tổng đàn lợn (con)	1.400.000
Diện tích cao su (ha)	7.800	Sản lượng thịt hơi (tấn)	132.000
Diện tích cà phê (ha)	8.000	Trong đó thịt hơi (tấn)	112.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

năng suất 70 tấn/ha gồm ROS1, ROS4, ROS10,... Chăm sóc 7.800 ha cao su hiện có, đồng thời xúc tiến hình thành vùng nguyên liệu với diện tích 11.000 ha vào năm 2010, phấn đấu đạt sản lượng 10 - 12 nghìn tấn mủ cao su khô.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, tập trung chỉ đạo xây dựng vùng chăn nuôi nguyên liệu về thịt, sữa, gắn với công nghiệp chế biến, nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi công nghiệp lên mức 28% (năm 2005) và 30% (năm 2010).

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp toàn diện, khai thác rừng theo hướng đa canh, đa dạng các sản phẩm nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng vùng nguyên liệu, đáp ứng yêu cầu sản xuất 100 - 160 nghìn tấn giấy và bột giấy mỗi năm.

Đầu tư đồng bộ để phát triển nuôi trồng thuỷ sản, trọng tâm là nuôi tôm xuất khẩu. Đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện đánh bắt, nâng cao hiệu quả đánh bắt bán khơi, bán lộng và đánh bắt xa bờ. Phấn đấu tăng GDP ngành thuỷ sản bình quân 10,5 - 12%/năm, sản lượng thuỷ sản đạt trên 100 nghìn tấn vào năm 2010, (trong đó sản lượng khai thác đạt 65 - 70 nghìn tấn, nuôi trồng 35 nghìn tấn), đạt kim ngạch xuất khẩu trên 50 triệu USD, giải quyết việc làm cho 70 nghìn lao động.

Với kinh nghiệm được tích luỹ từ hàng nghìn năm nay, cùng với những tiến bộ khoa học - kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất, sự nỗ lực, quyết tâm cao độ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các địa phương, nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa, nhất định Thanh Hóa sẽ thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra.

THANH HOA DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

WITH THE CAUSE OF AGRICULTURAL AND RURAL INDUSTRIALISATION AND MODERNISATION

During 55 years of building and growth, Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development has always effectively fulfilled the assigned tasks, helped promoting the advantages of natural resources, environment and labour force, attaining rapid and stable economic developments. Promoting the obtained achievements, Thanh Hoa Agricultural sector strives to achieve the food output of 1.5 million tonnes, agricultural product export turnover of US$30 million by 2005.

With a view to boost agricultural and rural industrialisation and modernisation, in recent years, Thanh Hoa Provincial Party Committee has focussed on conducting the development of goods production areas in close attachment with processing industry. The functional agencies and departments have advised the Provincial Party Committee and assisted the communes, districts and towns to plan and check production areas, allocate production forces, simultaneously research the proposals regarding investment attraction policies such as tax preference, human resource training and staff enhancement for agricultural and rural sectors. A number of targets put forward by the Provincial Party Committee therefore have been achieved and exceeded.

Exploiting available potentials

Thanh Hoa Province is located in the North Central plain with the total natural land area of 1,110,609.05 ha, in which agricultural area occupies 239,842.19 ha making up 21.59%. In addition, Thanh Hoa also possesses a system of condensed rivers and streams, canals and ditches with total

Striving by 2010, husbandry Livestock breeding sector sectoris striving to makes up 30% GDP of Thanh Hoa agriculture's GDP by 2010

average capacity of 19.52cu.m water yearly, ensuring year-round sufficient irrigation supply to the fields.

The coastline is 102 km long with seven small and large rivulet mouths including five large river and rivulet mouths namely the Sung, Truong, Hoi, Ghep and Bang rivulets; the water surface area is 11,032 ha wide, in which 7,112 ha of low-lying fields and marshes, facilitating Thanh Hoa's aquaculture development. Furthermore, Thanh Hoa holds an abundant labour force of approximately 1.7 million hard-working people. Together with above advantages in addition to the system of solidified inner-field canals and convenient traffic, great agricultural development potentials have been created so as to expand a comprehensive and copious agriculture.

Results from economic restructuring

After many years implementing the Ninth National Party Congress Resolution, Thanh Hoa Agricultural sector has achieved positive changes and attainments. The provincial food output increased from 1.26 million tonnes in 1999 to 1.4 million tonnes in 2002 (1.25 million tonnes of rice and 158 thousand tonnes of maize) - an increase of 78,000 tonnes over 2001. It was the year Thanh Hoa gained the highest food output so far, making significant contribution to stabilising people's life, ensuring food safety and security, speeding up socio-economic developments across the province and nationwide.

As for farming sector's structure, rice is defined to be a core food crop. Thanks to the price-supported policy to the farmers, with the annual assistance finance of nearly four to five billion dongs, presently, quality of rice variety in Thanh Hoa has been considerably improved. The former varieties of rice namely CR203, C70, Moc Tuyen have been gradually replaced by new varieties such as cross-bred rice F1, X21, X19, Xi 23, Q5... of high productivity and quality, wide adoption suitable to Thanh Hoa's soil. The change in rice varieties has made a rapid leap in productivity with 51.5 quintal per ha in 2002 against only 36.7 quintal per ha in 1999; per capita food output increased from 264.3 kg (in 1990) up to 365.7 kg (in 2000). Concurrently, some high-yield intensive cultivation areas have been established in the districts of Yen Dinh, Thieu Hoa and Nga Son.

Coupled with variety restructuring transfer and proper crop arrangement, Thanh Hoa has also attached an importance to increasing investment volume in irrigation works from VND150 billion (in 2001) up to VND181 billion (in 2002), implementing canal solidification throughout the province, giving priority to investment in building electric pumping system in the mountainous districts, upgrading existing works, actively ensuring irrigation to most of the vegetable and rice growing areas on a scale of 300,270 ha.

Livestock breeding also achieved rapid growth rate in recent years. Since 1994, realising the porker raising scheme, Thanh Hoa Department of

Total food output over years

Years	Achieved output (tonne)
1975	473,800
1985	800,108
1995	1,000,000
1999	1,263,500
2000	1,222,564
2001	1,330,000
2002	1,346,000
2003 (expected)	1,500,000

Source: Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development

Agriculture and Rural Development has conducted the districts to buy 700 imported sows from Ho Chi Minh City. Hence, so far, the number of imported pigs has reached 3,000 sows and tens of thousands of porkers for consumption and export. Besides, poultry breeding is also an advantage of Thanh Hoa. The species of ducks namely Thanh Hoa fat ducks, SuperM, Kaki CamFem, Anh dao, CV200... producing egg and meat with high productivity are now being raised in a great quantity.

Aquatic product is also one of Thanh Hoa's advantages. Up to now, Thanh Hoa has found out 120 kinds of sea animals belonging to 82 species, 58 families including 53 species of floating, 69 species of demersal fishes and other rare and valuable species with the total capacity of 165,000 tonnes (of which off-shore fishing of 100,000 tonnes, on-shore fishing 65,000 tonnes). Currently, the entire province has 1,043 boats equipped with fish detecting device, walkie-talkies, contributing to limit risks at sea, supporting each other in searching fishing place and lift up exploiting efficiency. Specifically, in recent years, Thanh Hoa fishery sector has made initial success in conducting aquaculture scheme. Thanks to that, 2001's production value achieved VND430,132 billion, an increase of 10% over 2000. Total raising and exploiting productivity attained 53,000 tonnes in 2001, an increase of 10.1% over 2000. Aquatic products export turnover increased from US$17,840 million (in 2001) to US$22.2 million (in 2002). Presently, Thanh Hoa is building new processing establishment in Le Mon Industrial Zone with advanced technological equipment with the annual capacity of 3,000 tonnes; building two new ships with the capacity of 320 - 500 CV so as to purchase the products managed by Thanh Hoa Seafood Import - Export Company.

Breeding results over years

Type	1975	1985	1995	2000
Buffalo (head)	166,716	183,800	220,856	216,461
Cows/oxen	102,150	105,000	209,442	233,571
Pigs	586,971	647,600	962,984	1,088,061
Poultry	3,200,000	3,900,000	6,300,000	8,180,824

Source: Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development

Orientation and development plan by 2010

To promote obtained achievements, simultaneously satisfy the market's increasing demand, Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development has set up development target in the period of 2001 - 2010: striving to reach the GDP growth rate at 5 - 5.5%. To achieve this target, it is necessary to intensify rural economic restructuring from completely agricultural economy to agricultural - industrial - service economy, simultaneously accelerate the husbandry and crop structure conversion toward commodity production, lean meat pig and cow raising expansion, shift low-lying area and low productivity rice fields to aquaculture production. Carrying out technical procedures and advanced technology targeted at enhancing product quality, meeting the market's demand, simultaneously swiftly putting high quality and productivity husbandry and crop breeds into production. Developing processing industry and post-harvest technology, focusing on processing breeding foods, cattle and poultry meat and aquatic products for consumption and export, boosting trade promotion to look for consumption markets for the people's products, especially for those with development advantage.

Food production is continually defined as a core task targeted at guaranteeing food security and goods production for export. Striving by 2005, food output will achieve 1.5 million tonnes upwards. To make that target attainable, apart from arrangement of land use and fertilisation as well as irrigation, the key and fundamental measures are to assure and extend areas sowing with the varieties of cross-bred, original rice seeds. Specifically, striving to raise cross-bred rice growing area up to 36% by 2004, 50% by 2005; 2,250 tonnes of F1 cross-bred rice are in demand by 2004, 3,200 tonnes by 2005. Additionally, Thanh Hoa should focus on establishing specialised intensive cultivation areas with 72,000 ha totally in eight districts: Tho Xuan (8,400 ha), Trieu Son (10,000 ha), Dong Son (6,300 ha), Nong Cong (10,000 ha), Quang Xuong (11,000 ha), Hoang Hoa (10,000 ha), Thieu

Hoa (8,800 ha), Yen Dinh (8,000 ha) to produce rice for trade and export aimed at 25,000 tonnes of rice by 2005. Laying an emphasis on both intensive cultivation and multi-crops, expanding and intensively cultivating winter crops, especially winter maize, intensively growing sweet potato and increasing its productivity. As for cassava alone, firstly, it's necessary to focus on intensive cultivation on the available land area, at the same time, make plan for 6,000 ha cassavas in the district of Nhu Xuan, Nhu Thanh and Thuong Xuan, ensuring to supply sufficient materials to the export cassava starch processing company with the daily capacity of 60 thousand tonnes of starch in the Nhu Xuan District.

As for industrial plants, by 2005, stabilising sugarcane growing area of 32,500 ha (of which Lam Son area occupies 13,000 ha with capacity of 70 tonnes/ha; the northern area 15,000 ha with capacity of 60 tonnes/ha, the southwest area 4,500 ha with capacity of 50 tonnes/ha) targeted at 2.02 million tonnes of material sugarcanes to provide three sugar factories of full capacity. To achieve that target, firstly, the concentrated material area for the factory must be accomplished, simultaneously, the sugarcane growing area in the location near the factory should be expanded so as to reduce transportation expenses. Arranging proper varieties of sugarcane appropriate to each kind of soil and processing requirements of each factory, since 2001, striving to have 70 - 80% new varieties including ROS1, ROS4, ROS10... with the productivity of 70 tonnes/ha. Looking after 7,800 ha of existing rubber, simultaneously promoting the establishment of material zone with 11,000 ha area by 2010, gearing toward productivity of 10 - 12 thousand tonnes of dry rubber latex.

In terms of livestock breeding sector, focusing on setting up meat and milk material breeding area attached to processing industry, raising industrial breeding proportion up to 28% (by 2005) and 30% (by 2010).

As for forestry sector, comprehensively developing forestry, exploiting forests directing polyculture and diversification of agro-forestry products closely linked with processing industry, setting up material area satisfying annual production demand of 100 - 160 thousand tonnes of paper and pulp.

Synchronously investing to expand aquaculture, the core is to raise shrimps for export. Investing in material facilities and means of catching fishes, strengthening efficiency of semi-offshore, semi-inshore and offshore fishing. Endeavouring to increase GDP of seafood industry at 10.5 - 12% anually, reaching aquatic product output of over 100 thousand tonnes by 2010 (in which exploiting output reaches 65 - 70 thousand tonnes, aquaculture 35 thousand tonnes), the export turnover of over US$50 million and generating jobs for 70 thousand labourers.

With the accumulated experience over thousands of years and scientific - technological achievements applied to production as well as great efforts and strong determination by the local Party committees, authorities and relevant institutions, especially Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development, the province will certainly make great success in fulfilling the targets put forward at the 15th Party Committee Congress.

Concrete targets by 2005

Type	Target	Type	Target
Food output (tonne)	1,500,000	Total buffaloes (head)	218,000
Sugarcane area (ha)	32,500	Total cows (head)	270,000
Ground-nut area (ha)	17,500	Total pigs (head)	1,400,000
Rubber area (ha)	7,800	Live pig meat output (tonne)	132,000
Coffee area (ha)	8,000	In which, live pig meat	112,000

Source: Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development

Thanh Hoa department of agriculture and rural development

45 Le Loi Avenue - Thanh Hoa City
Director: Phan Dinh Phung
Tel: 091 329 3467

CÔNG TY THUỶ NÔNG SÔNG CHU

NGƯỜI BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY CỦA NHÀ NÔNG

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách, biện pháp thiết thực trong công tác phát triển thuỷ lợi, đặc biệt là đầu tư kết cấu hạ tầng, giải quyết chống úng và đảm bảo an toàn cho các hồ đập, bảo vệ an sinh kinh tế. Với bề dày kinh nghiệm, Công ty Thuỷ nông Sông Chu luôn là chỗ dựa vững chắc của bà con nông dân, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Tiền thân là Ban quản trị Nông Giang thuộc Sở Giao thông - Công chính. Công ty Thuỷ nông Sông Chu được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác hệ thống thuỷ nông Bái Thượng để tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vùng. Đến nay, công ty đã mở rộng diện tích tưới tiêu cho 100 nghìn ha đất canh tác nông nghiệp thuộc 14 huyện và thành phố Thanh Hoá. Ngoài ra, công ty còn phục vụ nước sản xuất cho một số nhà máy như: Nhà máy đường Lam Sơn, Nông Cống, thuỷ điện Thạch Bàn, giấy Mục Sơn, nhà máy nước và cung cấp nước sinh hoạt cho gần 1 triệu dân trong vùng.

Phát huy vai trò trong phát triển nông nghiệp

Trong công tác điều hành, quản lý sản xuất - kinh doanh, công ty gặp không ít khó khăn mang tính đặc thù như: diễn biến thời tiết thất thường, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp; kinh phí dành cho sản xuất - kinh doanh và công tác tu sửa còn thấp, không đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, những chính sách đối với doanh nghiệp thuỷ

Những kết quả đạt được trong 5 năm (1998 - 2002)

Chỉ tiêu	1998	2002
1. Diện tích tưới (ha)		
- Lúa	80.783	83.710
- Vụ đông	15.000	17.000
2. Sản lượng thu thuỷ lợi phí (tấn)	15.284	16.000
3. Thực thu thuỷ lợi phí	14.368	15.940
4. Doanh thu (tỷ đồng)	25	27
5. Nộp ngân sách nhà nước (triệu đồng)	728	1.233
6. Kiên cố hoá kênh mương (km)	186	gần 400
7. Hỗ trợ các xã, hợp tác xã khảo sát, thiết kế, chỉ đạo thi công kênh mương (km)	106	900
8. Số đề tài được ứng dụng vào sản xuất - kinh doanh	5	30
9. Đầu tư đổi mới trang thiết bị (triệu đồng)	487	1.200

Nguồn: Công ty Thuỷ nông Sông Chu

nông còn nhiều bất cập, chậm thay đổi như: chính sách thu thuỷ lợi phí; các nghị định, thông tư hướng thực hiện Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi, v.v..

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng công ty đã biết phát huy hiệu quả từ những lợi thế vốn có để tổ chức sản xuất ổn định và phát triển bền vững. Cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị được đầu tư cải tạo, nâng cấp; các công trình kênh mương được kiên cố hóa ngày càng nhiều, hiệu quả phục vụ ngày càng cao. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân bậc cao của công ty luôn được trau đổi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tiếp thu những công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tế sản xuất và quản lý.

Những định hướng và mục tiêu phát triển

Năm 2003 là năm thứ 3 thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra. Theo đó, công ty xác định: công tác quản lý khai thác công trình thuỷ lợi là nhiệm vụ vô cùng quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, trực tiếp thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hoàn thành mục tiêu 1,5 triệu tấn lương thực trong năm 2003.

Để đạt được mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra, trong thời gian tới, công ty xác định: Khai thác triệt để khả năng hiện có của các công trình đã được cải tạo, nâng cấp; ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ để khai thác ổn định và hiệu quả hệ thống thuỷ nông trong vùng một cách bền vững, tiếp tục quan tâm đầu tư lĩnh vực tưới tiêu nước, đảm bảo an toàn cho sản xuất, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do úng lụt gây ra.

- Tiếp tục thực hiện quản lý hệ thống thuỷ lợi theo chiều sâu, hiện đại hoá, công nghiệp hoá phục vụ yêu cầu thâm canh và chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư kiên cố hoá kênh mương, đổi mới thiết bị, máy móc; mở rộng diện tích tưới lúa, tưới màu và tưới cây công nghiệp để tăng sản lượng; từng bước đa dạng hoá sản phẩm nhằm tăng thêm nguồn thu cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào tưới tiêu cùng với các biện pháp thâm canh trong nông nghiệp để nâng cao năng suất sản lượng.

- Giúp nông dân thực hiện tốt các hoạt động khuyến nông có liên quan đến công tác quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi như: quy hoạch thuỷ lợi nội đồng, kỹ thuật tu bổ, sửa chữa và kiên cố hóa hệ thống thuỷ lợi đồng ruộng, quy trình kỹ thuật trong tưới tiêu nước phục vụ thâm canh.... Phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực để đầu tư giải quyết những khâu trọng yếu như kiên cố hoá kênh mương và an toàn hồ đập.

Những mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2003 là sự cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ công ty lần thứ VIII. Trong quá trình thực hiện, bên cạnh những mặt thuận lợi cũng còn không ít khó khăn, song với truyền thống đoàn kết, cần cù lao động và kinh nghiệm được đúc kết hàng chục năm nay, chắc chắn cán bộ, công nhân viên Công ty Thuỷ nông Sông Chu sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, chung vai sát cánh cùng bà con nông dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Địa chỉ liên hệ:

CÔNG TY THUỶ NÔNG SÔNG CHU
24 Phạm Bành - thành phố Thanh Hoá
Giám đốc: Trương Văn Côn
Điện thoại: 037.852469

CHU RIVER IRRIGATION COMPANY

A RELIABLE COMPANION OF FARMERS

In the country's industrialisation and modernisation, the Party and State promulgated guidelines, policies and measures practical to irrigation development, especially investing in infrastructure, preventing waterlog, ensuring lake and dam safety and protecting economic welfare. With thick experiences, Chu River Irrigation Company is always a firm mainstay of farmers, practically contributing to the local rural industrialisation and modernisation.

Formerly being Nong Giang Administrative Board of the Provincial Department of Communication and Public Works, Chu River Irrigation Company was responsible for Bai Thuong irrigation system management and exploitation to serve local agriculture production. So far, the company has expanded the irrigation area to 100 thousand cultivation hectares in 14 districts and Thanh Hoa City. In addition, the company has supplied some factories being Lam Son Sugar Factory, Nong Cong Sugar Factory, Thach Dan Hydro-electricity Plant, Muc Son Paper Factory, Water Works with water for their production and nearly one million local people for domestic use.

Enhancing role in agricultural development

In terms of business and production management, the company confronted numerous typical difficulties like unpredicted weather changes exerting direct impacts on agriculture production; limited finance for business, failing in meeting increasing demands for agricultural development. Besides, there have been insufficiency and limitations in policy on irrigation businesses such as irrigation fee collection, decrees and guiding circulars of Law on Irrigation System Exploitation and Protection.

Although the company had to face many hindrances and challenges, it took effectively available advantages to organise a stable production and a sus-

Achievements in five years (1998 - 2002)

Indices	1998	2002
1. Irrigation area (ha)		
- Rice	80,783	83,710
- Winter season	15,000	17,000
2. Output of fee collected irrigation (tonne)	15,284	16,000
3. Real revenue from irrigation fee collection	14,368	15,940
4. Revenue (billion VND)	25	27
5. State budget contribution (million VND)	728	1,233
6. Canal solidification (km)	186	nearly 400
7. Support communes and co-operatives in canal investigation, design and construction conduction (km)	106	900
8. A number of research applied in business and production	5	30
9. Investment in equipment renovation (million VND)	487	1,200

Source: Chu River Irrigation Company

tainable development. Infrastructure and equipment of the company have been improved and upgraded; more canals have been solidified with highly effective operation. A great number of scientific and technological officials and high level workers have been improved in professional qualification and quality to be able to approach to technological advances and apply them in the production and management.

Development orientations and targets

In 2003 is the third year implementing the five-year socio-economic development plan (2002 - 2005) put forward in the 15th Provincial Party Committee Congress. Accordingly, the company defined irrigation management and exploitation a vital task in rural and agriculture industrialisation and modernisation, directly pushing up the local socio-economic development cause and reaching the target of 1.5 million tonne food output by 2003.

To reach the targets set forth by the 15th Provincial Party Committee Congress, in the time to come, the company defines:

- Utilise up the improved and upgraded existing irrigation systems' potentialities; apply scientific and technological advances to develop local irrigation works steadily and effectively; keep investing in irrigation systems, ensuring production safety and minimising flood caused damages.

- Keep intensively managing irrigation systems towards industrialisation and modernisation to meet the demands for intensive cultivation and crop structure conversion in agriculture.

- Keep investing in canal solidification, renovating equipment, expanding water supply to area planting rice, agricultural and industrial trees to increase productivity; diversifying products to raise businesses' income.

- Accelerate application of scientific and technological advances in irrigation together with intensive cultivation methods in agriculture to increase output.

- Support farmers to efficiently implement agriculture encouragement activities relating to irrigation work management and exploitation such as inner field irrigation planning, repairing techniques, solidification and repair of field irrigation system, and technical rules in irrigation for intensive cultivation, etc. Promote internal forces and make use of external forces to solve such key problems as canal solidification and lake and dam safety.

The targets, tasks and methods to implement 2003's plan are the concretization of the company's Eighth Party Committee Congress Resolution. During implementation, out of the advantages, there have been many disadvantages. However, with the tradition of solidarity, hardworking and experiences accumulated over years, officials and workers of Chu River Irrigation Company will surely fulfil and exceed the set targets and tasks, joining with farmers in the successful realisation of rural and agricultural industrialisation and modernisation.

Contact address:

CHU RIVER IRRIGATION COMPANY
24 Pham Banh - Thanh Hoa City
Director: Truong Van Con
Tel: 037. 852469

KIÊN CỐ HOÁ KÊNH MƯƠNG

NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ MỚI

Những năm gần đây, phong trào kiên cố hoá kênh mương ở Thanh Hoá đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, nhất là kênh mương liên huyện, liên xã, phần do Nhà nước đầu tư, phần do nhân dân tự đóng góp. Vì thế, đến nay, toàn tỉnh đã kiên cố hoá được 2.700/3.500 km kênh mương, đảm bảo cung cấp 60% nước sạch cho người dân.

Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2003, Thanh Hoá phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP 10%/năm, sản xuất lương thực đạt 1,45 triệu tấn, trong đó tỷ trọng cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp chiếm 35,3%. Để đạt được mục tiêu trên, ngoài tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, kiên cố hoá kênh mương nội đồng được xác định là công tác quan trọng, là bước đi đầu tiên trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

Bước đột phá trong kiên cố hóa kênh mương

Theo ông Đinh Quang Dương - Chi cục phó Chi cục Quản lý nước và Công trình thuỷ lợi, công tác kiên cố hóa kênh mương nội đồng ở tỉnh Thanh Hoá đã được triển khai vào những năm 1998 - 1999, nhưng hiệu quả của dự án còn rất thấp và tồn tại nhiều bất cập. Nguyên nhân là nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình chủ yếu dựa vào tỷ lệ thu nộp của người nông dân chiếm tới 70%, trong khi khả năng đóng góp lại có hạn. Ngoài ra, nguồn kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước không kịp thời, nhỏ giọt, nhiều khi công trình phải nằm chờ kinh phí. Nhiều ý kiến cho rằng: nếu vẫn giữ cung cách đầu tư theo kiểu "tự phát" thì phải mất 10 - 20 năm nữa Thanh Hoá mới có thể kiên cố hoá kênh mương nội đồng.

Trước thực trạng trì trệ này, lãnh đạo tỉnh, cũng như Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá, Chi cục Quản lý nước và Công trình thuỷ lợi đã mạnh dạn thực hiện chính sách "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Theo tính toán của Chi cục, để tiến hành kiên cố hoá 1km kênh mương nội đồng thì kinh phí cần khoảng 100 triệu đồng, trong đó Nhà nước đầu tư 40 triệu đồng (trước đây là 30%) còn nhân dân đóng góp 60 triệu đồng. Với

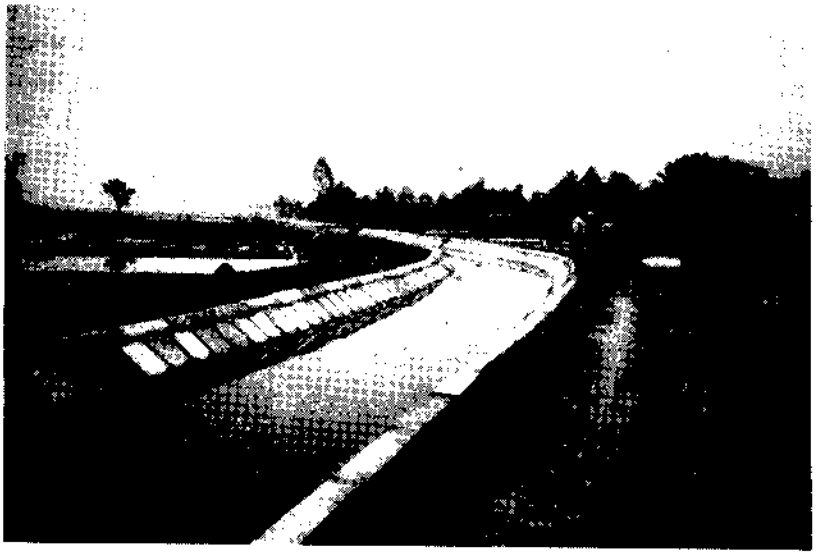

Đưa nước về đồng ruộng

cách làm này, thời gian qua, Thanh Hoá không những đã đẩy nhanh tiến độ kiên cố hoá kênh mương mà còn phát động rộng khắp trên phạm vi cả tỉnh, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an toàn an ninh lương thực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá.

Kết quả từ một chủ trương đúng

Nếu như kết thúc năm 1999, toàn tỉnh Thanh Hoá mới thực hiện được 556 km kênh mương nội đồng, đạt 7% kế hoạch tỉnh giao, thì đến năm 2002 Thanh Hoá đã thực hiện được 2.700 km trên tổng số 3.500 km, đạt trên 77%. Đây là bước đột phá mới trong công tác kiên cố hóa kênh mương của tỉnh Thanh Hoá. Theo ông Dương, đạt được kết quả như hôm nay, trước tiên phải kể đến sự nỗ lực, quyết tâm của người nông dân, tiếp đó là sự chỉ đạo đúng đắn của lãnh đạo Sở, Chi cục khi gắn quyền lợi thiết thực của người dân đối với công trình.

Cụ thể: việc kiên cố hoá kênh mương nội đồng đã tiết kiệm cho người dân 0,1 - 0,7 ha/km đất canh tác, giảm chi phí điện năng 14 - 47%, giảm thời gian và sức tưới 1/2 - 1/3, tiết kiệm nước, giảm hạn úng cục bộ. Ngoài ra, việc kiên cố hoá kênh mương đã giúp cho người dân thuận lợi trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng và mùa vụ. Nếu như trước đây, khi chưa kiên cố hoá kênh mương, toàn tỉnh Thanh Hoá chỉ gieo cấy được khoảng 150 - 180 nghìn ha/năm, đến nay toàn tỉnh đã gieo cấy được 220 nghìn ha, tăng từ 22 đến 47%. Trong đó, vụ mùa đạt 119 nghìn ha, vụ chiêm đạt 125 nghìn ha và khoảng trên 3 nghìn ha hoa màu. Như vậy, với hệ thống kênh nội đồng hiện nay, toàn tỉnh Thanh Hoá đã đảm bảo tăng tỷ lệ gieo trồng khoảng 10%/năm.

Cùng với công tác kiên cố hoá kênh mương nội đồng, Chi cục còn tập trung chỉ đạo, đầu tư xây dựng 342 hồ chứa nước, 335 đập tràn và 556 trạm bơm lớn, nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp nước tưới, cũng như chống úng ngập. Trong đó, đáng chú ý là những công trình lớn được Chi cục tập trung đầu tư xây dựng như: hồ Sông Mã đảm bảo tưới tiêu cho 11.800 ha, hồ Yên Mỹ: 5.800 ha, công trình Nam Sông Mã: 14.000 ha, công trình Bắc Sông Mã: 16.000 ha.

Không chỉ tập trung đầu tư kiên cố hoá kênh mương nội đồng ở vùng đồng bằng, thời gian qua, Chi cục còn tập trung đầu tư công trình thuỷ lợi miền núi. Với 11 huyện miền núi chiếm khoảng 17% diện tích gieo trồng của toàn tỉnh, địa hình lại phức tạp, nhận thức của người dân còn hạn chế, song Chi cục đã quyết tâm đầu tư tu sửa và nâng cấp hệ thống thuỷ lợi ở 11 huyện miền núi, đảm bảo hàng năm khoảng 20 nghìn ha có thể canh tác ổn định. Đây là việc làm không chỉ đảm bảo nhu cầu tự cung, tự cấp lương thực cho các tỉnh miền núi, mà còn xoá bỏ tập quán du canh du cư của nhiều vùng dân tộc thiểu số ở Thanh Hoá.

Năm 2003, Chi cục Quản lý nước và Công trình thuỷ lợi Thanh Hoá đang tập trung triển khai một số công trình thuỷ lợi trọng điểm, trong đó đáng chú ý là công trình Cửa Đạt với tổng kinh phí khoảng 5.300 tỷ đồng. Công trình hoàn thành sẽ đảm bảo tưới tiêu cho 86.862 ha, công suất phát điện 88 - 97 MW, công suất giảm lũ 6%. Ngoài ra, Chi cục tập trung chỉ đạo chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho các địa phương trong tỉnh, tập huấn công tác quản lý và bảo vệ môi trường, tài nguyên.

Mục tiêu lớn nhất của tỉnh Thanh Hoá là lập dự trù và kế hoạch thay thế một số thiết bị, máy móc trên địa bàn tỉnh, đến năm 2005, 100% kênh mương trên địa bàn được kiên cố hoá, góp phần đạt 1,5 tấn lương thực.

IRRIGATION CANAL CONSOLIDATION

NEW BREAKTHROUGHS

The movement of irrigation canal consolidating in Thanh Hoa province has been intensively developed in the recent years, especially the consolidation of inter-district and inter-commune canals with the investment from the State and contributed by the local people. To date, 2,700 per 3,500 km of canals has been consolidated over the province, supplying 60 percent of clean water for the farmers.

In the socio-economic development orientation for the year 2003, Thanh Hoa strives to gain the GDP growth of 10 percent per year, food production of 1.45 million tones, and the agriculture and forestry proportion of 35.3 percent. Pursuing that target, besides speeding up the agriculture and rural economic transformation, interior field canal consolidation is also attached with great importance as the first step of the agricultural transformation.

Breakthroughs of canal consolidation

According to Dinh Quang Duong - Deputy Director of the Water and Irrigation Project Control Branch, the interior field canal consolidation was implemented during 1998 and 1999, but with low effectiveness and a great deal of shortcomings. Because 70 percent of the assistant investment was collected from the local people who are still facing great financial. Moreover, the supported capital from state is not timely but released in drops, many projects have been delayed waiting for capital. It was said that keeping this way of spontaneous investment would take at least 10 - 20 years more to complete the canal consolidating projects in Thanh Hoa.

Facing this situation, Thanh Hoa province's leaders, Department of Agriculture and Rural Development, and Water and Irrigation Project Control Branch made a daring decision to apply the policy of "state and people working together". According to the estimation by the Water and Irrigation Project Control Branch, it will take around VND100 million to consolidate one kilometre of interior field canal, of which the investment from the state will be 40 percent (it used to be 30 percent in the past) and the people's contribution 60 percent. In that way, Thanh Hoa has not only speeded up the progress but also expanded the movement

Examining the inner – field canal system

widely over the province, making an important contribution in stabilising the local people's life, ensuring food security, and accelerating the local socio-economic development.

Achievements of a right policy

Till the end of 1999, Thanh Hoa had only consolidated 556 km of interior field canals; fulfilling 7 percent of their plan, but accomplished 2,700 km of the total 3,500 km (more than 77 percent) in 2002. This is a new breakthrough in canal making of Thanh Hoa province. According to Duong, to achieve this result, the most important factor is the farmers' determination and also the judicious guidance of the Department and Branch's leaders in uniting the essential benefits of the farmer and the projects.

In specified, the strengthening of interior field canals saved from 0.1-0.7 ha/km cultivated land for the farmers, making a reduction of 14 - 47 percent of the expenses on electric power, reducing the time and labour to a half or one third of that, saving water and controlling the partial waterlogged. Apart from that, the canal consolidation has facilitated the local cultivation and crop transformation. Since consolidated the irrigation canal network, Thanh Hoa has expanded its cultivation area from 150-180,000 ha before the consolidation to 220,000 ha, increasing by 22 - 47 percent. Of which, main crop achieved 119,000 ha, fifth-month crop covered 125,000 ha, and around more than 3,000 ha of cereals. With the present interior canal system, Thanh Hoa ensures the cultivation area extension of 10 percent per year.

The Water and Irrigation Project Control Branch has also intensified the investment in building 342 reservoirs, 335 spillways and 556 pump stations, facilitating irrigation supply as well as resisting waterlogging. The most remarkable projects are the investments in Song Ma Lake (ensuring the irrigation for 11,800 ha), Yen My Lake: 5,800 ha, South Ma River's project: 14,000ha, North Ma River's project: 16,000 ha.

Not only emphasising the canal consolidation, the Water and Irrigation Project Control Branch has also intensified the investment in mountainous irrigation works. 17 percent of the cultivation area of Thanh Hoa covers 11 mountainous districts. In spite of the changing terrain and local people's limited knowledge, the branch decided to invest in the upgrading of the irrigation system in those 11 districts to supply water to the production of 20,000 ha cultivation each year. This meets the demand of self-supply food in the mountainous provinces and eliminates the habits of shifting cultivation of the minority ethnic communities in Thanh Hoa province.

Entering the year 2003, Thanh Hoa Water and Irrigation Project Control Branch is carrying out some important irrigation projects, especially the Cua Dat project with the total investment of VND5,300 billion. Once completed, this project will ensure the irrigation for 86,862 ha, power generating with the capacity of 88 - 97MW. Besides, the branch also directs the transferring of science and technique to other places in the province, training management and environment and natural resources protection.

The biggest target of Thanh Hoa now is to replace the outdated machines and pump stations in order to obtain the target of 100 percent irrigation consolidated, helping pursue the target 1.5 tonnes of food in 2005.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG - KHUYẾN LÂM

NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH CỦA NHÀ NÔNG

Năm 2002, Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm và bà con nông dân Thanh Hoá đã tích cực thực hiện đổi mới cơ cấu cây trồng, mùa vụ; áp dụng thành công nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng năng suất sản lượng cây trồng, vật nuôi; đưa tổng sản lượng lương thực cả tỉnh đạt hơn 1,4 triệu tấn.

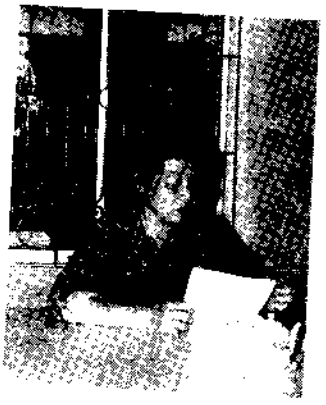

Bà Chu Thị Hằng – Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm

Được thành lập năm 1993, đến nay, Trung tâm Khuyến nông - khuyến lâm đã tròn 10 tuổi. Với một khoảng thời gian như vậy chưa phải là dài, song trung tâm đã khẳng định được vai trò và vị thế của mình trên mặt trận nông nghiệp tỉnh. Đặc biệt, trong những năm qua, được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, ban, ngành, trung tâm đã đạt được nhiều kết quả khả quan trên các lĩnh vực như: thông tin tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn, hỗ trợ bà con nông dân áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Những kết quả đáng tự hào

Trong 3 năm trở lại đây, nhu cầu cung ứng giống lúa lai của tỉnh ngày một tăng. Nếu như năm 1998, lượng lúa lai mới du nhập vào tỉnh khoảng 10 tấn thì đến năm 2001 đã tăng lên 2.000 tấn. Nắm bắt được nhu cầu đó, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá có chủ trương tự sản xuất giống lúa lai để từng bước phấn đấu tự trang trải nhu cầu giống trên toàn tỉnh, phục vụ thâm canh tăng năng suất, nhằm thực hiện mục tiêu 1,5 triệu tấn lương thực vào năm 2005.

Thực hiện chủ trương này, Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm Thanh Hoá đã tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, công ty, trạm trại và bà con nông dân sản xuất hạt giống lúa lai F1 tại một số huyện như: huyện Yên Định, Nga Sơn trên diện tích 45 ha với các tổ hợp lai Bác Ưu 903, Bác Ưu 63. Kết quả là, năng suất bình quân của hai tổ hợp lai này đạt 19,4 tạ/ha, sản lượng là 87,4 tấn giống. Năm 2001, chương trình này được mở rộng ra một số huyện khác như Hoằng Hóa, Quảng Xương... với năng suất bình quân đạt 12,6 tạ/ha. Đến vụ đông xuân 2002, tại các địa phương khác, trung tâm cùng với các cơ quan hữu quan đã tổ chức sản xuất trên 160,45 ha bằng các tổ hợp lai Bác Ưu 903, Bác Ưu 64 và Nhị Ưu 63, năng suất bình quân đạt 18 tạ/ha.

Bà Chu Thị Hằng - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - khuyến lâm cho biết: "Nói đến cây lúa lai F1 của Thanh Hoá là phải kể tới Yên Định. Hiện nay, diện tích sản xuất giống lúa lai của huyện Yên Định chiếm khoảng 50% diện tích toàn tỉnh, năng suất ổn định từ 17 - 23,4 tạ/ha. Từ thành công của các huyện điển hình như Yên Định, đến nay, giống lúa lai của trung tâm đã được nhân rộng ra hầu hết các huyện trong tỉnh. Điều đáng nói ở đây là hạt giống lúa lai F1 của Thanh Hoá đã được Trung tâm Khảo nghiệm Cây trồng Trung ương đánh giá có chất lượng đảm bảo và được bà con nông dân chấp nhận. Hạt giống khi đưa ra sản xuất đại trà cho năng suất tương đương giống lai nhập ngoại, nhưng giá chỉ bằng 50%".

Không chỉ có vậy, với vị thế là trung tâm khuyến nông - khuyến lâm của tỉnh có tới 80% dân số sống bằng nghề nông nghiệp, trung tâm đã không ngừng nghiên cứu, triển khai nhiều đề tài khoa học giúp bà con nông dân nâng cao chất lượng, năng suất vật

nuôi. Trong đó, đề tài nuôi lợn hướng nạc - một trong 5 loại sản phẩm thế mạnh của tỉnh - không chỉ góp phần tăng sản lượng thịt cung cấp cho thị trường trong nước, mà còn xuất khẩu. Hiện nay, trung tâm đã triển khai chương trình nuôi lợn hướng nạc tại 3 địa phương chính như thành phố Thanh Hoá, huyện Triệu Sơn và huyện Vĩnh Lộc với số lượng 254 con, quy mô 5 con/hộ trở lên. Cùng với hướng dẫn kỹ thuật nuôi lợn hướng nạc đạt năng suất cao, trung tâm còn hướng dẫn bà con nông dân xử lý chất thải bằng phương pháp biôga, mở ra hướng đi mới mang lại hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo môi trường trong sạch.

Bên cạnh việc triển khai mô hình nuôi lợn hướng nạc, trung tâm cũng triển khai đề tài cải tạo đàn bò theo phương pháp thụ tinh nhân tạo tại các huyện Thiệu Hoá, Quảng Xương, Hà Trung.... với số lượng khoảng 531 con. Mô hình khuyến nông đàn bò sữa cũng đang được trung tâm triển khai tại một số huyện Nông Cống, Thọ Xuân, Hoằng Hoá. Theo đó, trung tâm đã tổ chức cho cán bộ kỹ thuật xuống tận các huyện tập huấn kỹ thuật nuôi bò sữa cho bà con nông dân.

Ngoài ra, trung tâm còn triển khai một số mô hình khuyến nông - khuyến lâm khác như: trồng tre măng, trồng dứa, trồng sắn, măng bát độ, lục trúc, điền trúc... Kết quả của những chương trình này tương đối khả quan. Hiện nay, toàn tỉnh đã trồng được 5.000 ha dứa nguyên liệu, 3.000 - 4.000 ha sắn nguyên liệu, 20 - 30 nghìn ha lạc nguyên liệu và 3.000 ha đậu tương.

Để công tác khuyến nông - khuyến ngư thực sự là người bạn đồng hành của nhà nông, góp phần vào mục tiêu chung là xoá đói giảm nghèo, trung tâm đã đẩy mạnh việc tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân. Chỉ tính riêng trong năm 2002, trung tâm đã phối hợp với các đơn vị tổ chức 25 lớp tập huấn cho 1.890 lượt người tham gia. Ngoài ra, thông qua các trạm khuyến nông huyện tổ chức được 26 lớp tập huấn cho 2.650 lượt hộ nông dân ở các thôn, bản thuộc các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Những kiến nghị

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu 1,5 triệu tấn lương thực trong năm 2005 và sự tăng trưởng bền vững của ngành nông nghiệp Thanh Hoá, nhiệm vụ của Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm trong thời gian tới là hết sức nặng nề. Chính vì vậy, trung tâm kiến nghị Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh nên có kế hoạch cụ thể trong công tác đào tạo, mở rộng lực lượng khuyến nông - khuyến lâm xuống tận các làng, bản. Lực lượng này sẽ là chân rết vững mạnh và tin cậy của trung tâm, đồng thời là đội ngũ trợ giúp tích cực cho trung tâm trong việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật mới đến người dân, nhất là người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Thêm nữa, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các ban, ngành hữu quan, cần có chính sách đầu tư cụ thể cho trung tâm về trang thiết bị máy móc. Bởi đây là một ngành nghiên cứu khoa học - kỹ thuật chuyên sâu, hỗ trợ đắc lực cho người nông dân trên lĩnh vực chuyển đổi cây trồng, vật nuôi.

Cuối cùng, một chiến lược đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ trẻ chuyên sâu cho trung tâm trên cơ sở cân đối đồng đều với các ngành là hết sức cần thiết.

Hoạt động tích cực của công tác khuyến nông - khuyến lâm trong thời gia qua đã thể hiện vai trò là người bạn đồng hành của nhà nông, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với sự chỉ đạo sát sao của tỉnh và ngành, sự quyết tâm, tích cực hoạt động của trung tâm cùng với người nông dân sẽ thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển của ngành nông nghiệp mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh đề ra.

GRICULTURE AND FORESTRY EXTENSION CENTRE

A COMPANION OF FARMERS

In 2002, the Agriculture and Forestry Extension Centre together with the farmers in Thanh Hoa ctively reformed the cultivation structure; successfully applied technical and scientific achieve- ents in improving the production of cultivation and husbandry; helped increased the total food utput of the province to over 1.4 million tonnes.

Established in 1993, the centre is now ten years old (2003). Although the ten-year operation is not so long, the centre has asserted its ole and position in the local agriculture. For the past ew years in particular, under the guidance of the rovincial leaders, the centre has achieved encouraging results in such fields as: information propagandising, training, technical transferring, setting up and expanding the performance model, assisting the farmers with the application of advanced scientific and technological achievements.

Admirable achievements

Over the past 3 years, the demand for crossbred rice seeds in Thanh Hoa has been rapidly increasing. The imported quantity was raised from 10 tonnes in 1998 to 2,000 tonnes in 2001. Seeing the matter, the Party Committee and People's Committee of Thanh Hoa decided to produce the crossbred to gradually supply the demand for seeds over the province, serving the intensive cultivation to increase the productivity, aiming at the target of 1.5 million tonnes of food in 2005.

Carrying out the policy, the Agriculture and Forestry Extension Centre has, for the past three years, been directing the companies, farms and farmers in Yen Dinh and Nga Son districts to produce F1 rice crossbreeds like Bac Uu 903 and Bac Uu 63 over an area of 45 hectares. The average productivity of these two production groups is 1,940 kg/ha with the yield of 87.4 tonnes of seeds. In 2001, this program was expanded to some other districts such as Hoang Hoa, Quang Xuong, etc with the average productivity of 1,260 kg/ha. In the winter-spring crop of the year 2002, the centre and related sectors implemented the production over an area of 160.45 ha in other places with the such crossbreeds as Bac Uu 903, Bac Uu 64 and Nhi Uu 63 with the average productivity of 1,800 kg/ha.

Chu Thi Hang - Director of the centre said: "Yen Dinh is the most typical district in growing the F1 crossbred rice. Its area for crossbred rice production accounts for 50 percent of the total area in Thanh Hoa and the productivity is from 1,700 kg to 2,340 kg/ha. Following the success of the typical districts like Yen Dinh, the crossbred rice of the centre has so far been grown almost all over Thanh Hoa province. The most important thing is that the quality of F1 crossbred seed in Thanh Hoa has been appraised by the Central Crop Testing Centre, and widely accepted by the farmers. The crossbreeds cost only 50 percent of the imported ones but the productivity is the same."

Apart from that, as the Agriculture and Forestry Extension Centre of a province with 80 percent of population are farmers, the centre has been continuously researching and developing scientific theses on assisting the farmers with the cultivation and husbandry quality and productivity improvement. Typically, the program on raising lean pig - one of the five top best-selling products of Thanh Hoa, has contributed a lot to the meat supply for the local market and also for exports. At present, the centre is developing this program in 3 main areas such as

Thanh Hoa City, Trieu Son and Vinh Loc districts with 254 pigs on total (each household has at least 5). Not only instructs lean-pig breeding techniques, the centre also helps the farmers with biogas waste treatment method, paving the way for higher economic effectiveness and cleaner environment.

Besides, the centre has also developed the programme on improving the cow's herd in Thieu Hoa, Quang Xuong and Ha Trung districts by artificial insemination to around 531 cows. The model of milch cow extension program is being expanded over other districts like: Nong Cong, Tho Xuan and Hoang Hoa. Accordingly, the centre sends its cadres to those places to teach the farmers the techniques of milch cow breeding.

In addition, the centre is also carrying out some other programs of agriculture and forestry extension models such as: growing bamboo shoots, pineapple, cassava chips, ivory bamboo etc. Those programs are achieving encouraging results. At present, the Thanh Hoa has covered its 5,000 hectares with pineapples, 3,000-4,000 hectares with cassava, 20,000-30,000 hectares with peanuts and 3,000 hectares with soybeans.

To become a truly friend of the farmers, making contributions to the nation's target of poverty reduction and hunger elimination, the centre had accelerated the training and instructing techniques to the farmers. In 2002 alone, the centre co-operated with other units to organise 25 training courses with 1,890 participants. Aside from that, through the mediums of agriculture extension centres, the centre organised 26 training courses for 2,650 households in the remote and mountainous regions.

Recommendations

It's a great task for the Agriculture and Forestry Extension Centre to successfully achieve the target of 1.5 million tonnes of food in 2005 and sustainable growth of Thanh Hoa agriculture. Therefore, the centre would like to recommend the Party Committee and People's Committee of Thanh Hoa Province to make detailed plans in training and expanding the agriculture and forestry extension force to the mountainous villages. They will be strong and reliable branches to do good assistance to the centre in transferring the latest scientific and technological achievements to the people, especially in remote and mountainous areas.

Moreover, the provincial committee of the Party, people's committee and the concerned parties should have practical policies for the investment in machinery and equipment of the centre because it is in charge of special professional scientific researches that help a lot in implementing the cultivation and husbandry transformation.

Finally, it is essential to carry out a strategy to train and enrich the young and specialised forces for the centre on the basis of the balanced forces amongst sectors.

The centre's satisfactory operation in agriculture and forestry extension has confirmed its role as a companion of the farmers, making important contributions to the province's socio-economic development. Under the close direction of the provincial authorities and the sector leaders, it is believed that the centre and local people will successfully achieved the agricultural targets set in the Resolution of the province.

NGÀNH KIỂM LÂM THANH HOÁ

THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

LÊ NAM
Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá

Cùng với quá trình vận động đi lên của nền kinh tế, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự hỗ trợ của nhân dân, trong những năm qua, lực lượng kiểm lâm Thanh Hoá đã trưởng thành và không ngừng lớn mạnh, thật sự trở thành lực lượng không thể thiếu trong sự nghiệp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Thanh Hoá có 705.567 ha đất lâm nghiệp, chiếm 2/3 diện tích đất tự nhiên của tỉnh, trong đó đất có rừng là 436.360 ha. Tài nguyên rừng của Thanh Hoá khá phong phú, đa dạng về thực vật và động vật với nhiều giống loài quý hiếm, đặc hữu sinh trưởng và phát triển tập trung ở các khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu, Pù Luông, Xuân Liên, Vườn Quốc gia Bến En và một phần trong hệ sinh cảnh Vườn Quốc gia Cúc Phương. Không chỉ có vậy, tài nguyên rừng Thanh Hoá còn có giá trị phục vụ cho đời sống con người, xã hội, sinh cảnh, môi trường và nghiên cứu khoa học. Vì vậy, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp nói chung, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá nói riêng.

Đồng chí Lê Nam - Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá

Lịch sử hình thành

Cùng với sự ra đời của lực lượng kiểm lâm Việt Nam (21-5-1973) theo Pháp lệnh quản lý bảo vệ rừng, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá được thành lập vào ngày 15-11-1973. Trong buổi đầu thành lập, do điều kiện đất nước còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn quyết định, lực lượng kiểm lâm Thanh Hoá còn khá mỏng. Với diện tích rừng rộng lớn, nhưng chỉ có 270 cán bộ, viên chức, trong đó số cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng là 10 người (3,7%), trung cấp 22 người (8,2%), sơ cấp 25 người (9,1%), còn lại đều chưa qua đào tạo (213 người, chiếm 79%). Bộ máy của Chi cục gồm 5 phòng, 15 hạt, 54 trạm. Sau gần 10 năm thành lập, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá có sự thay đổi về cơ cấu và đơn vị chủ quản, từ đơn vị trực thuộc tỉnh chuyển về trực thuộc Ty Lâm nghiệp (năm 1980). Đồng thời, bộ máy của Chi cục cũng giảm còn 2 phòng (Phòng quản lý bảo vệ rừng và Phòng pháp chế), các phòng khác

nhập vào Văn phòng Ty Lâm nghiệp. Đối với cấp huyện, công tác kiểm lâm được phân cấp cho lâm trường và thí điểm chuyển giao cho uỷ ban nhân dân huyện quản lý.

Vào những năm cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 (thế kỷ XX) do nhiều nguyên nhân, rừng Thanh Hoá bị suy giảm nghiêm trọng cả về diện tích lẫn trữ lượng. Theo số liệu thống kê của Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá năm 1990, độ che phủ của rừng chỉ còn 28%, giảm 15% so với năm 1943. Tài nguyên rừng bị cạn kiệt, hệ sinh thái rừng phần lớn bị phá vỡ, động - thực vật quý hiếm bị giảm sút đáng kể, khả năng cung cấp nguồn lợi lâm sản phục vụ cho con người bị hạn chế, tác dụng phòng hộ, điều hoà môi trường của rừng đối với đời sống xã hội suy giảm trầm trọng.

Trước thực trạng đó, Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức lại lực lượng kiểm lâm, theo đó Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá là đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc Ty Lâm nghiệp. Biên chế toàn lực lượng được tăng lên 400 người.

Ngành kiểm lâm Thanh Hoá trong cơ chế mới

Bước vào thời kỳ mới, giai đoạn phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp bảo vệ rừng đã gặp nhiều khó khăn và thách thức mới. Nhiều khu rừng bị chặt phá, một phần do đốt nương làm rẫy để sinh sống, một phần do khai thác trái phép để kiếm lời bất chính. Xuất phát từ yêu cầu cấp bách của công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, năm 1991, Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Đến năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/CP quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm lâm các cấp. Theo đó, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá được chuyển từ Sở Lâm nghiệp sang trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh. Cùng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Thanh Hoá đã có nhiều chương trình, giải pháp trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm bảo vệ diện tích rừng hiện có và phát triển rừng bằng các biện pháp như trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc rừng kết hợp với phòng, chống cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng và quy hoạch 3 loại rừng để quản lý, sử dụng tốt hơn. Đồng thời, tiến hành xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia; lập các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; thực hiện giao đất, khoán rừng,... cho các hộ gia đình quản lý, sử dụng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước hướng tới xã hội hoá nghề rừng. Đến nay, ngành kiểm lâm Thanh Hoá có 15 hạt kiểm lâm, 1 trạm kỹ thuật bảo vệ rừng, 3 khu bảo tồn thiên nhiên, 1 đội kiểm lâm cơ động và 3 phòng nghiệp vụ, với 150 cán bộ có trình độ đại học, còn lại hầu hết là cao đẳng và trung cấp.

2.1. Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao phẩm chất cho cán bộ, chiến sỹ kiểm lâm

Để thực hiện thành công các chương trình đề ra, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã không ngừng rèn luyện nâng cao phẩm chất của cán bộ, chiến sỹ kiểm lâm. Ngay trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã mở 2 cuộc vận động rèn luyện chính trị tư tưởng, kiện toàn tổ chức làm trong sạch lực lượng. Qua đó, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã đưa 175 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi ngành, đồng thời tiếp nhận lực lượng bổ sung (chủ yếu là cán bộ trẻ, được đào tạo qua các trường đại học, trung học). Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã xây dựng chiến lược đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và rèn luyện phẩm chất, đạo đức thông qua quá trình chiến đấu và học tập tại trường. Chương trình này được đặc biệt chú trọng đối với những chiến sỹ kiểm lâm mới. Thông qua rèn luyện, phẩm chất của người chiến sỹ kiểm lâm được nâng lên. Nhiều chiến sỹ tận tuỵ với nghề, gắn bó với đồng bào miền núi đã được biểu dương khen thưởng kịp thời, qua đó đã có tác động lớn để động viên, cổ vũ các chiến sỹ kiểm lâm trong toàn lực lượng.

Gần đây, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã đẩy mạnh cải cách hành chính, tích cực giảm biên chế, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Trong đó, hơn 30 trạm kiểm soát trung gian bị giải thể, giảm biên chế hành chính, đưa kiểm lâm viên về xã, ban hành 5 điều kỷ luật của ngành, chuyển hướng từ kiểm soát tại trạm thành phương châm "sát dân, bám rừng, bảo vệ rừng tại gốc". Để tăng thêm sức mạnh trong công tác bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, Chi cục Kiểm

lâm Thanh hóa đã thành lập đội kiểm lâm cơ động trực thuộc cơ quan chi cục do Chi cục Trưởng trực tiếp chỉ huy, đấu tranh chống phá rừng và vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép. Do được tổ chức chặt chẽ, chỉ đạo sát sao và phương pháp hoạt động tốt, tinh thần dũng cảm mưu trí, biết dựa vào dân và chính quyền cơ sở, đội kiểm lâm cơ động đã hoạt động thực sự có hiệu quả. Đội đã ngăn chặn và xử lý kịp thời nhiều vụ vi phạm, góp phần giảm thiểu nạn chặt phá rừng. Các vụ buôn lậu gỗ và động vật hoang dã lớn trên tuyến liên tỉnh (quốc lộ 1A) liên tục giảm qua các năm. Nhiều ổ nhóm khai thác, buôn bán lâm sản trái pháp luật trong nội tỉnh bị triệt phá. Điển hình như vụ triệt phá một nhóm đối tượng chuyên chặt phá và buôn bán gỗ trái phép ở xã Thanh Phong (Như Xuân), đồng thời đưa ra khỏi rừng hàng chục đối tượng đang sinh sống trong rừng và phá bỏ hàng chục lán trại dựng trái phép trong rừng. Nhờ đó, an ninh rừng, ngày một ổn định, tình trạng khai thác, buôn bán lâm sản trái phép trên địa bàn tỉnh đã giảm hẳn qua các năm. Năm 2002, toàn ngành đã xử lý 3.673 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, giảm 484 vụ so với năm 2001; tịch thu nhiều lâm sản và động vật hoang dã, nộp ngân sách nhà nước trên 8 tỷ đồng. Trong số đó, đội kiểm lâm cơ động đã phát hiện và tham mưu xử lý 782 vụ (bằng 21,2% so với số vụ toàn ngành xử lý), tịch thu và nộp ngân sách trên 6 tỷ đồng (bằng 75% so với toàn ngành). Với những thành tích đã đạt được, đến nay đội kiểm lâm cơ động tỉnh Thanh Hoá được mệnh danh là "quả đấm thép" trong công tác đấu tranh chống buôn lậu lâm sản.

2.2. Thực hiện tốt các chương trình bảo vệ và phát triển rừng

Công tác bảo vệ và phát triển rừng được thực thi ngày một tốt hơn kể từ khi thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng của Đảng và Nhà nước. Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án "Đổi mới tổ chức, quản lý, bảo vệ rừng theo hướng xã hội hoá". Sau khi đề án được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã quyết định đưa 121 cán bộ, chiến sỹ xuống công tác tại 144 xã và các lâm trường trọng điểm để tuyên truyền, hướng dẫn công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân và các chủ rừng; tham mưu cho chính quyền xã thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp ở địa phương. Với phương châm: sát dân, bám rừng, lấy công tác vận động nhân dân, các chủ rừng, tham mưu có hiệu quả cho cấp uỷ và chính quyền các cấp làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng mà Chi cục đã xác định trong Hội nghị bàn nhiệm vụ năm 2002, công tác bảo vệ và phát triển rừng đã được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc và đạt kết quả cao.

Thực tế cho thấy, sau khi đưa 121 chiến sỹ kiểm lâm xuống xã, đã hình thành hệ thống cụm quản lý bảo vệ rừng cơ sở. Nhờ

Ông Lải Xuân Len – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Trưởng ban Ban PCCR Thanh Hoá phát biểu trong Hội nghị sơ kết Công tác phòng cháy chữa cháy rừng

đó, trên 1.700 vụ vi phạm pháp luật về rừng trong ba năm qua đã bị phát hiện và xử lý. Điển hình là các vụ vi phạm xảy ra ở các huyện Như Xuân, Thường Xuân, Quan Hoá. Bên cạnh việc cử người tham gia cụm quản lý bảo vệ rừng, nhiều xã (điển hình là xã Phương Nghi - Như Thanh), Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá còn đề nghị ngành kiểm lâm và Uỷ ban nhân dân huyện cho xã thành lập tổ chống buôn lậu lâm sản. Hiện nay, mô hình này đã được nhân rộng ra các huyện Lang Chánh, Như Xuân, Ngọc Lạc, đưa Thanh Hoá trở thành tỉnh đầu tiên thực hiện đề án đưa kiểm lâm xuống cơ sở. Để khắc phục nhược điểm cố hữu của ngành kiểm lâm là chỉ chặn bắt vòng ngoài, tức là khi rừng đã bị phá, không chặn được tận gốc thì việc đưa kiểm lâm xuống cơ sở cùng phối hợp với các địa phương quản lý, bảo vệ rừng là giải pháp có tính khả thi tương đối cao. Trong 3 năm, Thanh Hoá đã xử lý tận gốc các vụ phá rừng, khai thác, buôn bán lâm sản trái phép. Điều này chứng tỏ, công tác xã hội hoá nghề rừng đã tiến một bước dài trong việc nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền cấp xã.

Không chỉ có vậy, trong công tác bảo vệ rừng ở những địa phương trọng điểm cháy rừng, sâu bệnh hại rừng, sản xuất nương rẫy, chính quyền xã đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt phương án phòng cháy, chữa cháy, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, quy hoạch và kiểm tra thực hiện quy trình sản xuất nương rẫy, tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, quản lý hồ sơ giao đất lâm nghiệp, hoà giải các vụ tranh chấp đất đai ở địa phương. Bằng nhiều biện pháp hữu hiệu, chính quyền cấp xã đã thực sự phát huy được hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương.

Bên cạnh đó, nghề rừng đã và đang phát triển mạnh qua công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo hướng xã hội hoá. Sau khi cơ bản hoàn thành công tác giao rừng, các chủ rừng và nhân dân đã phát huy vai trò làm chủ trong việc tổ chức khai thác - kinh doanh rừng. Nhiều trang trại hình thành và có xu hướng phát triển, góp phần nâng cao thu nhập của nhân dân miền núi. Kinh tế hộ gia đình dần được cải thiện, nhiều hộ làm giàu từ nghề trồng rừng. Có được thành quả đó là cả quá trình phấn đấu không biết mệt mỏi với mục tiêu giúp đỡ bà con nghiệp vụ trồng rừng, giúp đỡ về giống, kỹ thuật sản xuất nông lâm, khoán quản lý và bảo vệ rừng của các chiến sỹ kiểm lâm. Có thể nói, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá đã thực hiện rất tốt chủ trương của Chính phủ với tinh thần mạnh dạn, kiên quyết, khắc phục tối đa những mặt còn hạn chế do lực lượng mỏng, biên chế còn thiếu quá nhiều so với yêu cầu thực tế.

Trong công tác phòng, chống cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá cũng thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả. Để làm tốt công tác này, ngoài làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ chính quyền địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy, ngành kiểm lâm Thanh Hoá còn phối hợp với đồn biên phòng làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và an ninh biên giới. Cùng với lực lượng kiểm lâm tại chỗ, mỗi đồn biên phòng đã thành lập 1 ban chỉ đạo quản lý bảo vệ rừng và một đội phòng, chống cháy rừng với 150 cán bộ, chiến sỹ. Đối với người dân, kiểm lâm địa bàn đã tổ chức những buổi giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các quy định của Nhà nước về quyền lợi được hưởng của người tham gia quản lý, bảo vệ rừng đến từng nhóm hộ, các cụm dân cư, thôn bản, trực tiếp phổ biến nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng tại các thôn bản, đưa các nội dung quy ước về phòng cháy, chữa cháy vào quy ước thôn, bản. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn đồng bào thực hiện sản xuất nương rẫy theo quy hoạch; tổ chức làm đường ranh cản lửa tại các khu vực sản xuất trọng điểm; thực hiện đốt trước các vật liệu dễ cháy có điều khiển; tổ chức lực lượng tuần tra, bố trí lực lượng canh gác lửa rừng trong các tháng trọng điểm cháy rừng, hướng dẫn nhân dân xử lý thực bì trong sản xuất nông - lâm nghiệp đúng quy định, ngăn chặn tình trạng rừng bị cháy lan tràn. Không chỉ có vậy, Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá còn phối hợp với các bản giáp biên giới với nước bạn Lào như Bản Bó, Piềng Luống, Nọng Lầu bàn biện pháp bảo vệ rừng, bảo vệ an ninh biên giới, ký cam kết

không để cháy rừng. Nhờ vậy, rừng trên địa bàn các xã tiếp giáp biên giới của huyện Mường Lát và một số huyện khác đã được bảo vệ tốt. Hiện tượng cháy rừng do sản xuất nương rẫy gây ra đã giảm hẳn so với trước.

Công tác phòng trừ sâu bệnh hại rừng đã đạt được hiệu quả cao trong những năm qua nhờ sự đổi mới phương thức chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nâng cao trách nhiệm của chủ rừng; tích cực nghiên cứu ứng dụng các biện pháp, phương pháp phòng trừ sâu bệnh có hiệu quả cao. Nhờ đó, rừng được bảo vệ an toàn trước sự đe doạ của nạn dịch sâu bệnh thường xảy ra trước đây.

Với những kết quả đã đạt được, đề án "Đổi mới quản lý, bảo vệ rừng theo hướng xã hội hoá" đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cơ sở, phát huy trách nhiệm của chủ rừng và cộng đồng dân cư, tăng cường tính pháp chế trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, thực hiện giữ rừng tại gốc. Qua đó, vốn rừng không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đưa độ tán che của rừng lên 38,2% (năm 1999, độ che phủ là 36%, năm 1992 là 28%), góp phần phát triển sản xuất, ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi.

Với bộ máy tổ chức được củng cố và kiện toàn, đảm bảo gọn nhẹ, có hiệu lực, ngành kiểm lâm thật sự là công cụ không thể thiếu của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp quản lý, bảo vệ rừng. Đội ngũ công chức kiểm lâm được đào tạo, sàng lọc qua thực tiễn, có kiến thức, năng lực, kinh nghiệm, nhiệt tình công tác, đáp ứng được yêu cầu trước mắt và tạo tiền đề cho kế hoạch sử dụng lâu dài. Cơ chế lãnh đạo, quản lý, điều hành đang từng bước hoàn thiện. Hệ thống chính trị trong ngành ngày càng vững mạnh. Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ được triển khai tương đối đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu xã hội hoá sự nghiệp quản lý, bảo vệ rừng.

Địa chỉ liên hệ:

Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá

Số 03 đường Hạc Thành - thành phố Thanh Hoá
Chi cục Trưởng: LÊ NAM

Chỉ tính từ năm 1995 đến nay, lực lượng kiểm lâm Thanh Hoá đã có hàng trăm tập thể, cá nhân được đón nhận phần thưởng cao quý:

- 1 Huân chương Lao động hạng Hai cho Lực lượng Kiểm lâm Thanh Hoá (năm 2003).

- 3 Huân chương Lao động hạng Ba cho Lực lượng Kiểm lâm Thanh Hoá (năm 1997); Đồng chí Hoàng Cao Trãi, nguyên Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm (năm 2000); Đội Kiểm lâm cơ động (năm 2001).

- 3 cờ thi đua của Chính phủ (1986 - 1996 - 2001).

- 6 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- 4 cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- 46 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- 262 bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh hoá và Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hoá.

THANH HOA FORESTRY

EFFECTIVE FOREST MANAGEMENT, PROTECTION AND DEVELOPMENT

LE NAM
Head of Thanh Hoa Forestry Branch

Along with the economic growth, under the leadership of the Party committees and with the contribution from the people, Thanh Hoa forestry forces have made non-stop growth to be an indispensable entity in the national forest management, protection and development.

There are totally 705,567 ha of forest-land in Thanh Hoa, making two thirds of the local natural area, of which forests cover 436,360 ha. Thanh Hoa enjoys various forest resources with a lot of precious plants and animals congregating in nature preservation zones such as: Pu Hu, Pu Luong, Xuan Lien, Ben En National Park and some part of Cuc Phuong National Park. Moreover, forest resources of Thanh Hoa are of high values in serving the human's life, the society, environment and scientific researches. Therefore, forest management, protection and development are always considered the key responsibilities of the Party committees and authorities of Thanh Hoa in general and Thanh Hoa Forestry Branch in particular.

Trinh Trong Quyen - Member of the Central Communist Party, Secretary of the City's Party Committee - visited and worked with Thanh Hoa Forestry Branch

Establishment

Along with the establishment of Vietnam Forestry Commission on May 21st 1973, Thanh Hoa Forestry Branch started its operation in November 15th 1973 according to the Laws of Forest Management and Protection. In its early time when the country was confronting a lot of difficulties, especially the American war in the decisive period of time, Thanh Hoa forestry force was weak. Over the large area of forest, there worked only 270 people, of which 10 (3.7 percent) have finished university or college, 22 (8.2 percent) have finished vocational school, 25 (9.1 percent) have finished primary training and the others (213 people, accounting for 79 percent) were untrained. The branch consisted of five departments, 15 offices, and 54 stations. After nearly 10 years operating, Thanh Hoa Forestry Branch has experienced changes in structure and organisms in charge. In 1980, it became an interior unit of Silviculture Office instead of being managed by the province. In addition, the branch was cut down to two departments only (Forest Management and Protection

Department and Legislation Department), the others joined into Silviculture Office. At the district level, plantation managers were put in charge of forestry and so was the district People's committee as a trial.

In the late 1980s and early 1990s, due to different causes, Thanh Hoa forests were seriously cut down in both area and deposits. According to the statistics in 1990, the forest-covered area was only 28 percent, reducing 15 percent in comparison to that in 1943. Forest resources have become exhausted, forest ecosystem has been mostly destroyed, more precious plants and animals have been killed, forest products benefits have become seriously limited, and so has been the role to protect and balance the environment.

In such as situation, People's Committee of Thanh Hoa decided to rearrange the forestry forces. Accordingly, Forestry Branch became an entity status under the Silviculture Office with the personnel of 400 people.

Thanh Hoa forestry under the new regulations

Entering the new stage of economic development towards market mechanism under socialist orientation, the forestry sector confronted new challenges. Many forests have been destroyed, partly because people fire the trees to make fields and partly because of the illegal exploitation. From the urgent needs of forest management, protection and development, the National Assembly passed the Laws of Forest Protection and Development in 1991. In 1994, the government issued the Resolution No. 39/CP about the organisation, responsibilities and rights of the forestry forces at any levels. Accordingly, the forestry branch was taken over by the People's Committee of Thanh Hoa instead of the Department of Forestry. Implementing the Party and state's policies and following the Laws of Forest Protection and Development, Thanh Hoa has carried out many forest management, protection and development programs and solutions thus protecting the available forest area and expanding them by planting, regenerating, applying fire prevention and cure methods, pest extermination and planning three kinds of forests to facilitate the management and use. Building nature preservation zones, national parks, establishing boards of management of protective and specialised forests, contracting forest to the households according to the Party and state's policies towards the forestry socialisation. So far, Thanh Hoa forestry has 15 counties, one technical station, and three professional offices with 150 people having finished university and others having finished college and vocational school.

2.1. Consolidating the organisation, improving qualifications of forestry cadres and soldiers

Pursuing the target programs, Thanh Hoa Forestry Branch has made non-stop efforts to improve the qualifications of the forestry cadres and soldiers. Since the early stage of the Renovation, Thanh Hoa Forestry Branch has advocated two campaigns of politic and ideology training, organisation consolidation and purification. Through the campaigns, 175 unqualified people were sacked but new young and strong cadres who have finished university or vocational training schools were employed. Thanh Hoa Forestry Branch has also started training strategy to improve its employees' qualifications and train their virtuous sense through the training and practising at school, especially for the new comers, which has resulted in much higher virtuous sense in the forestry soldiers. Likely to say, almost all the soldiers are serious about their task fulfilment, many are devoted with the job and have close relationship with the mountainous people. The timely rewards and encouragement have made good encouragement to the total forestry forces.

Recently, Thanh Hoa Forestry Branch has intensified the administration reform, actively cut down the personnel, changing the operation content and methods. Accordingly, more than 30 intermediate check points have been closed, administration personnel has cut down, forestry cadres have been sent to communes, five rules of the sector have been issued, applying the motto of "being always at the people and forest's side, closely protecting the forest". To strengthen the forest protection and forestry

products management, Thanh Hoa Forestry Branch has established a mobile forestry team under and directly managed by the branch manager to prevent forest destruction and illegal forest product trafficking. Thanks to the effective organisation, direction and methods, as well as the cadres' resourcefulness in dealing with difficulties and to keep a close relationship with the local people and authorities, the mobile forestry team has been working effectively, timely prevented and dealt with illegal cases. As a result, there has been significant yearly reduction in forest destruction, especially big cases of inter-province (along the National Road No.1A) timber and wide animal smuggling. Quite a few local illegal exploitation and trafficking groups have been crushed, typically, the case in Thanh Phong commune, Nhu Xuan. Tens of illegally set tents have been removed from the forest and the people there have been taken out of the forest. Forest security has become much more stable and the forest product trafficking has been significantly restrained. It is shown clearly in the following statistics. In 2002, the whole sector has dealt with 3,673 cases breaking the Laws of Forest Protection and Development (484 less than those happened in 2001), confiscated a great deal of forest products and animals, contributed over VND8 billion to the state' budget. The mobile forestry team dealt with 782 cases (21.2 percent), confiscating and contributing VND6 billion to the state's budget (making 75 percent of the total contribution by the sector). The mobile forestry team of Thanh Hoa province is called a "steel blow" in the struggle against the trafficking.

2.2. Effective implementation of forest protection and development programs

Since the implementation of the forestry socialisation advocated by the Party and state, the forest protection and development has been better and better implemented and Thanh Hoa Forestry Branch has consulted the local People's Committee in planning the project of "Forest protection organisation and management renovation geared towards the socialisation". As soon as the project got approved by the Chairman of Thanh Hoa People's Committee, the Forestry Branch decided to sent its 121 cadres to 144 key communes and afforestation sites to propagandise and instruct forest protection and development to the people and forest owners, and to consult the local authorities with the state plantation management. Striving to be always at the forest and people's call, propagandising, and effectively consulting the Party committee and authorities at any levels with the forest protection and development defined by the branch at the responsibility discussion in 2002, forest protection and development has been seriously implemented and achieved high results.

In fact, since the 121 forestry cadres were sent to the communes, a network of local forest protection management has been set up. Consequently, 1,700 illegal cases have been timely dealt with in the past three years, typically those cases occurred in Nhu Xuan, Thuong Xuan and Quan Hoa districts. Not only appointed people to join the forest protection teams, communes (especially Phuong Nghi, Nhu Thanh district) also recommended the forestry sector and district people's committee to give them permission to establish a team to control the forest products trafficking. That sample has been widely applied in other districts such as Lang Chanh, Nhu Xuan, and Ngoc Lac, making Thanh Hoa the first province to implement the project of taking forestry cadres to the areas. It is a highly feasible solution to have the forestry cadres co-operating with local authorities in managing the forest protection thus surpassing the inherent shortcomings of the sector (to be there when things have been finished and the forests have been destroyed). As a matter of fact, many cases of illegal forest destruction, exploitation and trafficking have been absolutely controlled. It shows the great progress in the forestry socialisation, improving the roles, responsibilities and management capacity of the commune-level authorities in state's management of forest and plantation.

This is especially visible in the authorities' forest protection activities in the hot places of forest fire.

pests and mountainous farming. The authorities have set up and successfully directed the fire prevention and cure, pest prevention, fields planning and supervision. They observe the forest resources observation, plantation land management and reconcile the land disputes in the area. With so many effective methods, the communal authorities have been really successful with the local forest management, protection and development.

Apart from that, in the forest management protection and development socialisation, the people's forestry has been strongly developed. Having basically completed the afforestation contraction, forest owners and people have been bringing their ownership into play in organising forest business and production, quite a few farms have been built and developing. As a result, the mountainous people's income has been continuously increased, households' incomes have been gradually improved and many of them have become rich by doing afforestation. All those achievements are the results of the tireless efforts of the forestry cadres. They have helped the local people with the professional knowledge of forestry, seeds, techniques, and forest management and protection contraction. Likely to say, Thanh Hoa Forestry Branch has successfully implemented the government's policies with a strong determination despite a great shortage of forces.

Thanh Hoa Forestry Branch has also succeeded with the forest fire prevention, continuously reducing the fire cases. Besides fulfilling well the propaganda activities, assisting the local authorities and people in building and implementing the forest protection, fire prevention and cure, Thanh Hoa Forestry Branch also co-operates with the frontier-guard stations to ensure the forest and boundary security protection management. In addition to the settled forestry force, every frontier-guard station has established one Board of Management of forest protection and one fire brigade of 150 people. The forestry cadres organised meetings in hamlets and groups to introduce the key contents of the Laws of Forest protection and development, directly propagandising the professional knowledge of forest fire prevention and cure to people in the hamlets and listing the regulations of forest protection in the hamlet's regulations. Along with that, Thanh Hoa Forestry Branch directs the people to do the mountainous field production in accordance with the planning, stopping the rash forest destruction, and building the fire-resisting belts around important produc-

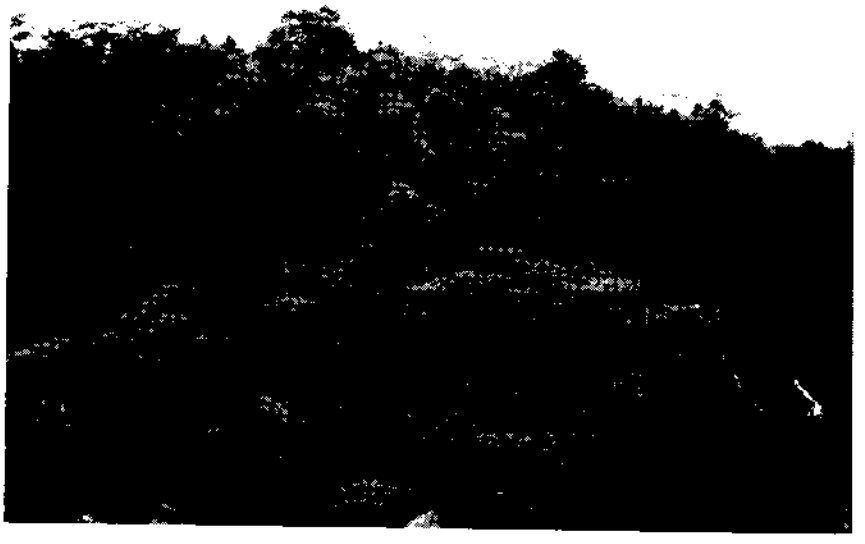

Nhu Thanh Forest is rehabilitating thanks to the policies on contracting with households for plantation land

tion sites. Actively fire the inflammable materials under control, organising patrol forces, and people to watch over the fire and forest especially in hot months of forest fire, guiding the local people to do agriculture and forestry production according to the regulations to prevent the fire from spread. The branch has also co-operated with Laotian boundary villages like Bo, Pieng Luong and Nong Lau to find the best solutions for the forest and boundary protection, signing a commitment not to let the forest fire happen. As a result, the forests located in boundary communes of Muong Lat district and some others have been well protected. The forest fires caused by field production have achieved a great reduction.

Pest presentation and extermination has achieved high results for the past few years thanks to the changes in leadership and implementation, enhancing the forest owners' responsibilities, actively researching and applying highly effective methods. Therefore, forests have been safely protected against the danger of spreading pests.

It is likely to say that the achievements of the project "Forest protection management renovation geared to socialisation" have made great contributions to higher management effectiveness of the local authorities, bringing responsibilities of forest owners and community into play, enhancing the management and forest protection legislation. Forest capital has been continuously expanded in both quality and quantity, and the forest covered area has reached 38.2 percent (which was 36 percent in 1999 and 28 percent in 1992), contributing to the production expansion and life stability of the mountainous people.

The entire organisation of the sector has been streamlined as a really indispensable tool of the Party and state in forest protection and management. The forestry staff has been selected and trained through reality who are well qualified with good capacity and experience and enthusiasms, meeting the current requirement and creating premises or the long-term benefits. The management and leadership are on the way perfecting. The politic system of the sector is becoming stronger. The tasks of Party building and reorganisation together with administration reform, organisation consolidation and personnel arrangement are implemented in a synchronous way, gradually meeting the requirements of the forest protection and management socialisation.

Address:

Thanh Hoa Forestry Branch

No.3 Hac Thanh Street, Thanh Hoa City
Head of the branch: LE NAM

Since 1995, hundreds of units and privates of Thanh Hoa Forestry forces have achieved honour rewards such as:

- One Labour Order - Second Class for Thanh Hoa Forestry Forces in 2003
- Three Labour Orders - Third Class for Thanh Hoa Forestry Forces in 1997, Hoang Cao Trai - former Head of Thanh Hoa Forestry Branch in 2000, the mobile forestry team in 2001
- Three emulation-banners from the government in 1986, 1996 and 2001
- 6 certificates of merits from Prime Minister
- Four emulation-banners from the Ministry of Agriculture and Rural Development
- 46 certificates from Minister of Agriculture and Rural Development
- 262 certificates from the Chairman of Thanh Hoa People's Committee and Labour Union of Thanh Hoa

THUỶ SẢN THANH HOÁ

PHÁT HUY LỢI THẾ, GÓP PHẦN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI

Đánh giá đúng vai trò và nguồn lợi to lớn do ngành thuỷ sản mang lại cho nền kinh tế quốc dân, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước qua những cơ chế, chính sách phù hợp, Thanh Hoá đã coi thuỷ sản là ngành kinh tế mũi nhọn. Vì thế, cùng với tập trung chỉ đạo sát sao, tỉnh còn tạo mọi điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào ngành thuỷ hải sản. Đồng thời, trên cơ sở những tham mưu của Sở Thủy sản, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã xác định chiến lược phát triển của ngành, đó là: đẩy mạnh nuôi trồng thuỷ sản và lấy đây làm khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn.

Thanh Hoá là tỉnh có tiềm năng lớn trong việc khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, với diện tích vùng lãnh hải rộng lớn (17.000 km^2), nằm ở khu vực cửa và giữa Vịnh Bắc Bộ, chịu ảnh hưởng của nhiều dòng hải lưu. Dọc theo bờ biển có 7 cửa lạch lớn, phân bố tương đối đều trên chiều dài 102 km. Đồng thời, chế độ nhật triều với biên độ lớn của biển Thanh Hoá cùng sự tác hợp liên tục giữa các dòng hải lưu với các dòng sông đã tạo ra những bãi triều màu mỡ. Với tổng diện tích 8.000 ha, những bãi triều đã trở thành môi trường thuận lợi cho các loài thuỷ hải sản sinh sôi và phát triển nhanh. Bên cạnh đó, những loài phù du, sinh vật sẽ từ đất liền theo các triền sông tới đây để tạo thành nguồn thức ăn dồi dào cho các bãi cá, tôm. Từ những điều kiện trên, ngành thuỷ sản Thanh Hoá trở thành ngành có thế mạnh lớn (so với miền Bắc) và hàng năm tỉnh có thể khai thác hàng trăm nghìn tấn thuỷ hải sản các loại.

Hiện đại hoá công đoạn khai thác và đánh bắt là việc làm cần thiết của ngành thủy sản Thanh Hoá trong giai đoạn hiện nay

Những kết quả khả quan

Thuỷ sản Thanh Hoá là ngành có tiềm năng lớn so

Thuỷ sản cũng là một trong những thế mạnh của Thanh Hoá. Tính đến nay, Thanh Hoá đã phát hiện được 120 loài hải sản thuộc 82 giống, 58 họ gồm 53 loài cá nổi, 69 loài cá đáy và một số loài đặc sản quý hiếm khác, có tổng trữ lượng 165.000 tấn (trong đó xa bờ 100.000 tấn, ven bờ 65.000 tấn). Hiện toàn tỉnh có 1.043 thuyền được trang bị máy định vị tầm ngư, vô tuyến điện thoại, góp phần hạn chế rủi ro trên biển, hỗ trợ nhau trong việc tìm ngư trường và nâng cao hiệu quả khai thác.

Những kết quả đạt được trong năm 2002

- Giá trị sản xuất: 480,7 tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2001.
- Sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản: 58.200 tấn, tăng 11,2% so với năm 2001.
- Giá trị ngoại tệ: 23.205.000USD, tăng 36,23% so với năm 2001.
- Nộp ngân sách: 2.430 triệu đồng, tăng 09,53% kế hoạch năm.
- Thu hút và tạo việc làm cho 46.055 lao động nghề cá, tăng 2.962 lao động so với năm 2001

với các tỉnh phía Bắc và cũng là ngành đầy hứa hẹn đối với kinh tế Thanh Hoá. Đặc biệt, từ sau Nghị quyết XVI về đổi mới cơ chế quản lý nghề biển được ban hành năm 1990, các chính sách khác của Bộ Chính trị, Nhà nước và tỉnh được ban hành trong các năm tiếp theo đã tăng thêm sức mạnh cho ngành, tạo bước chuyển biến sâu sắc cho ngành thuỷ sản Thanh Hoá.

Trong đó, diện tích nuôi trồng thuỷ sản hiện là 15.000 ha, tăng 5.000 ha so với năm 2001. Phong trào nuôi trồng thuỷ sản nước lợ phát triển nhanh và đồng đều hơn so với những năm trước, tập trung chủ yếu ở các huyện, thị vùng triều như: Hoằng Hoá, Quảng Xương, Hậu Lộc, Nông Cống, Nga Sơn. Phân ngành nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt đã thành công trong việc đưa một số giống mới có giá trị kinh tế và khả năng xuất khẩu cao như tôm càng xanh, cá chim trắng, rô phi hồng... vào sản xuất. Đến nay, nuôi trồng thuỷ sản đã giải quyết việc làm cho 11.060 lao động. Công tác sản xuất và di giống không chỉ dừng lại ở việc khai thác tự nhiên mà đã được quy hoạch lại các trại giống mới, đồng thời kết hợp với các cơ sở giống khác trong và ngoài nước để tạo ra các giống cho năng suất cao. Trong những năm qua, Sở Thuỷ sản đã sản xuất và di giống tôm sú đạt 318,6 triệu con loại P15, tăng 98,6 triệu con so với năm 2001 (trong đó sản xuất tại Thanh Hoá là 23,4 triệu con). Sản xuất các loại giống thuỷ sản nước ngọt cũng đều vượt kế hoạch đề ra. Riêng cá bột các loại, các trại giống đã cho ra đời 660 triệu con, đạt 101,54% kế hoạch năm, trong đó cá chim trắng có 3 triệu con, tôm càng xanh 3 triệu con, rô phi hồng đơn tính đực đạt 50 vạn con.

Vấn đề khai thác và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản đã được ngành quan tâm đúng mức, đặc biệt từ khi có chủ trương đánh bắt cá xa bờ, toàn tỉnh đã xây dựng được đội tàu với 4.210 chiếc tàu thuyền các loại với tổng công suất tương đương 84.000 CV. Trong đó, số tàu thuyền có trọng tải từ 90 CV trở lên là 161 chiếc, tăng 16 chiếc so với năm 2001. Sản lượng khai thác năm 2002 ước đạt 43.458 tấn, tăng 11,1% so với năm 2001, tạo việc làm cho 25.100 lao động. Khai thác đã từng bước được gắn với thu mua. Công tác sơ chế, bảo quản sản phẩm trên biển, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm đã được quan tâm hơn trước.

Chế biến thuỷ sản cũng có những bước phát triển đáng kể. Năm 2002, lượng hàng thuỷ sản xuất khẩu đạt 10.757 tấn, trị giá 23,2 triệu USD, tăng 36,23% so với năm 2001. Đồng thời, các cơ sở chế biến thuỷ sản nội địa cũng đã được sắp xếp, tổ chức lại với 1.299 cơ sở tư nhân, 6 tổ hợp sản xuất, hợp tác xã, 1 công ty cổ phần và 2 doanh nghiệp nhà nước. Năm 2002, các cơ sở, doanh nghiệp chế biến thuỷ sản nội địa đã sản xuất được 10,1 triệu lít nước mắm, 1.720 tấn hải sản khô và 4.300 tấn mắm các loại, không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh mà còn phát triển mạng lưới dịch vụ ra các tỉnh ngoài. Đồng thời, Sở cũng tích cực phối hợp với những trạm khuyến nông của các huyện, thị thực hiện việc chuyển giao công nghệ và đào tạo, tập huấn cho bà con ngư dân mỗi khi triển khai nuôi trồng giống mới; đẩy mạnh việc xây dựng 7 mô hình trình diễn giúp hộ nông dân tiếp thu được phương pháp quản lý và kỹ thuật sản xuất.

Phân ngành khai thác và chế biến thủy sản phát triển đã tạo điều kiện phân ngành dịch vụ hậu cần nghề cá đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Toàn tỉnh hiện có 383 cơ sở dịch vụ, trong đó có 47 cơ sở đóng, sửa tàu, 172 cơ sở sản xuất đá lạnh và 194 cơ sở dịch vụ xăng dầu, lưới sợi. Các loại hình dịch vụ này đã giải quyết cho 2.690 lao động có việc làm. Ngoài ra, công tác xây dựng cơ bản cũng đã được ngành thuỷ sản Thanh Hoá quan tâm đúng mức. Tiến

độ các dự án chuẩn bị đầu tư (6 dự án nuôi tôm công nghiệp đã được phê duyệt) được đẩy mạnh để có thể đi vào hoạt động theo đúng kế hoạch. Chẳng hạn, dự án nâng cấp cảng cá Lạch Hới giai đoạn II cũng được phấn đấu hoàn thành trong năm 2003; Cảng cá Lạch Bạng - Đảo Mê, khu trú bão tàu thuyền Lạch Bạng, nhà máy chế biến xuất khẩu tại Khu công nghiệp Lễ Môn.... đang được chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư với thời gian ngắn nhất. Tổng số vốn đầu tư phát triển ngành thực hiện năm 2002 là 148,7 triệu đồng, tăng 67,4 tỷ đồng so với năm 2001.

Những vướng mắc cần khắc phục

Tuy nhiên, để góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, ngành thuỷ sản Thanh Hoá đang phải đối diện với rất nhiều khó khăn. Hiện nay, việc khai thác, đánh bắt nguồn thuỷ hải sản ven bờ trái phép tuy giảm nhưng chưa phải là đã giải quyết dứt điểm. Chỉ tính riêng trong 9 tháng cuối năm 2002, Sở Thuỷ sản cùng bộ đội biên phòng đã xử lý 145 vụ, xử phạt 67 triệu đồng đối với các chủ phương tiện đánh bắt trái phép. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là đối với người dân vùng Bãi Ngang - nơi tàu thuyền không thể cập bến và khả năng canh tác các loại cây lương thực cũng không mang lại năng suất cao. Để giải quyết vấn đề này, Thanh Hoá cần phải có định hướng đúng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi, giúp nhân dân vùng đồng bằng ven biển phát triển ổn định. Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, ông Đặng Văn Thông - Phó Giám đốc Sở Thuỷ sản Thanh Hoá cho biết: "Chúng tôi đã tham mưu cho các cấp chính quyền, cùng bắt tay giúp bà con nông dân khôi phục lại các làng nghề truyền thống, nơi nào không giải quyết được theo hướng này thì phải khuyến khích, đầu tư, giúp họ hướng theo nghề nuôi trồng thuỷ sản. Từ đó từng bước nâng cao đời sống của người dân, đây mới là cách giải quyết vấn đề cơ bản. Còn nếu chỉ tập trung ngăn chặn hoặc bắt giữ thì không xuể và không xử lý được."

Như vậy, nuôi trồng thuỷ sản sẽ làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, bởi vì nguồn lợi từ nuôi trồng thuỷ sản so với canh tác cây lương thực là rất lớn. Nhưng lấy nguồn đầu tư từ đâu? kế hoạch nuôi trồng và đầu ra cho sản phẩm như thế nào?. Để tìm được lời giải cho những câu hỏi trên quả là không dễ, trong khi đó, ngành vẫn chưa xây dựng và thực hiện mô hình nhà máy gắn kết với vùng nguyên liệu nuôi trồng thuỷ sản. Sự liên kết lỏng lẻo đã khiến nhiều nhà máy không đủ nguyên liệu để sản xuất nên chưa phát huy hết công suất thiết kế dẫn đến hiệu quả thấp, nhiều đơn vị còn thua lỗ kéo dài không có vốn để tiếp tục kinh doanh. Diện tích quảng canh còn lớn nên năng suất nuôi trồng thấp, mang tính tự phát là chủ yếu. Nguồn giống trong những năm qua vẫn chưa chủ động được, chất lượng kém, những biện pháp kiểm soát giống chưa được đầu tư trang bị. Nguồn và chất lượng nước nuôi trồng thuỷ sản cho các vùng chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật. Ngoài ra, Sở cũng chưa coi trọng việc quy hoạch nuôi gắn với thời vụ để xây dựng đề án, cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nuôi trồng thuỷ sản và sản xuất giống tại chỗ.

Một góc phân xưởng chế biến tôm xuất khẩu của Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Thanh Hoá

Bên cạnh đó, vấn đề ô nhiễm môi trường tại một số vùng cửa lạch do nước thải của các nhà máy đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả nuôi ngao của bà con vùng ô nhiễm. Thêm nữa, Khu công nghiệp Nghi Sơn được hình thành với cầu cảng Nghi Sơn, những tác động tiêu cực do sự phát triển nhanh của nền kinh tế và giao thông đường thuỷ, sự biến mất của các bãi san hô, việc di cư của hàng nghìn loại cá đến các vùng biển khác, cùng với sản lượng trai ngọc ngày càng giảm là những "mất mát" mà ngành thuỷ sản Thanh Hoá phải đối mặt.

Phát triển thuỷ sản gắn chặt với chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Năm 2003 được coi là năm bản lề của ngành thuỷ sản Thanh Hoá để thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và góp phần phát huy lợi thế, vượt lên khó khăn, tiếp tục giữ vững tốc độ phát triển của ngành theo hướng ổn định bền vững; từng bước tạo đà chuyển biến mạnh, vững chắc trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu kết hợp khai thác tốt thị trường trong tỉnh và trong nước; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước cải thiện mức sống cho ngư dân; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế là mục tiêu quan trọng của thuỷ sản Thanh Hoá và phải thực hiện bằng cách phát triển toàn diện các lĩnh vực của ngành.

Về nuôi trồng: trong những năm tới, ngành thuỷ sản Thanh Hoá chủ trương lấy nuôi trồng thuỷ sản làm khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phát triển nuôi trồng thuỷ sản, phải quan tâm tới khâu sản xuất và cung ứng giống bằng các giải pháp cụ thể như: khuyến khích tư nhân đầu tư sản xuất giống tại chỗ, các trại quốc doanh chuyển sang cho thuê hoặc liên doanh, tăng tính hiệu quả trong hoạt động. Về nguồn nước nuôi trồng thuỷ sản phải được đảm bảo đầy đủ, có chất lượng tốt. Ngành sẽ đầu tư, phát triển nuôi trồng các loài có nhiều lợi thế ở Thanh Hoá, có thể tiêu thụ rộng khắp và có công nghệ ổn định. Đẩy mạnh việc chuyển đổi hợp lý từ nuôi quảng canh sang bán thâm canh hoặc thâm canh theo hướng giảm dần diện tích quảng canh; khai thác và sử dụng hợp lý các vùng đất, mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản. Ngành tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư cơ sở hạ tầng đồng nuôi theo quy hoạch và các dự án được duyệt. Hoàn thiện quy hoạch nuôi nước ngọt, lấy huyện Hà Trung làm huyện thí điểm cho toàn ngành. Mô hình này được thực hiện thành công sẽ góp phần rất lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Về khai thác và chế biến: Sở sẽ sắp xếp sản xuất nghề cá ven bờ với cơ cấu nghề nghiệp và phương tiện hợp lý theo hướng giảm phương tiện hoạt động đánh bắt ven bờ, chuyển một số bộ phận lao động sang dịch vụ, chế biến, nuôi trồng thuỷ sản. Đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống như: giã tôm, giã mực, câu cá hố, câu chụp mực, nghề lưới, vây cá ngừ, cá thu... phù hợp với từng làng nghề để tạo ra năng suất cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Tiếp tục củng cố đội tàu khai thác xa bờ hiện có. Trong những năm tới, ngành phấn đấu 100% sản phẩm xuất trực tiếp sang các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc. Định hướng các đơn vị chế biến xuất khẩu phải gắn với các vùng nguyên liệu, chủ động đầu tư, liên kết giữa khai thác với nuôi trồng. Đồng thời, ngành cũng tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của các đơn vị thành viên.

Những thành quả đạt được trong những năm qua, cùng với những định hướng phát triển đúng đắn, ngành thuỷ sản Thanh Hoá trong những năm tới sẽ phát huy hơn nữa những tiềm năng, thế mạnh sẵn có để khắc phục những tồn tại và yếu kém, tạo bước phát triển tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn.

Danh sách Ban Giám đốc

1. Giám đốc: Ông Trương Tiến Bao
2. Phó Giám đốc: Ông Lê Anh Dũng
3. Phó Giám đốc: Ông Đặng Văn Thông

THANH HOA FISHERIES

PROMOTING ADVANTAGES, CONTRIBUTING TO SOCIO-ECONOMIC STRUCTURE TRANSFORMATION

Evaluating the role and potentials of the fishery sector in the national economy, under the attention of the Party and State through right orientation and policies, Thanh Hoa has considered aquaculture the key economic sector. Therefore, together with close instruction, the province also creates favorable conditions to encourage investment of the economic sectors in aquaculture. In the meantime, based on the advice of Department of Fisheries, the provincial People's Committee has defined the development strategy of the sector: strengthen aquaculture and take this field as a breakthrough step in the rural-agricultural economic restructuring.

Thanh Hoa province possesses great potentials in aquatic product exploitation and cultivation with a wide sea territory of 17,000 sq.km, with a location within the area of estuaries and Tonkin Gulf, under the influence of several sea currents. There are six estuaries along the coast, allocated evenly on the length of 102 km. Daily tiding mechanism with big amplitude of the sea in Thanh Hoa together with the continuous connection of sea currents and rivers has been creating fecund tide areas. With the total area of 8,000 hectares, the tide areas have become favorable environments for fish species to multiply and develop. Besides, ephemera and creatures from mainland following the river currents have created food source for fish and shrimp. With those advantages, Thanh Hoa has become a strong sector (compared with the North) that can exploit hundreds of thousand tonnes of seafood of different kinds anually.

Fishery is also one of strengths of Thanh Hoa province. So far, Thanh Hoa has discovered 120 species belong to 82 breeds, 58 branches in 53 kinds of superficial fish, 69 kinds of deep fish and other special species with the total reserves of 165,000 tonnes (in which off-shore reserves are 100,000 tonnes, on-shore reserves are 65,000 tonnes). At present, the whole province possesses a number of 1,043 vessels equipped fish detecting device, walkie-talkies, contributing to minimizing risks at sea, supporting each other in finding fishing-grounds and enhancing efficiency in exploitation.

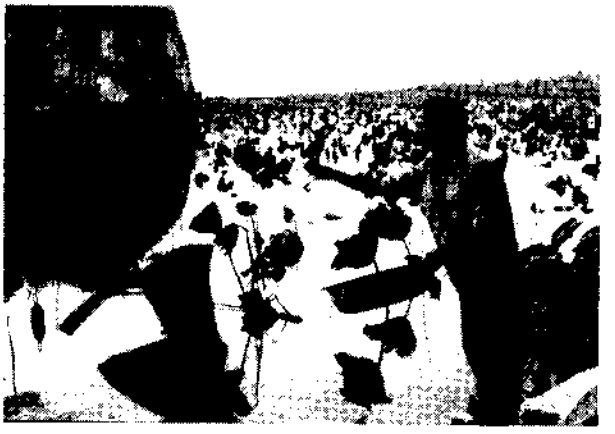

Aquaculture affirms its position in Thanh Hoa fishery sector

Results gained in 2002

- **Production value: VND 480.7 billion, an increase of 10.9% over 2001**
- **Output of aquatic product exploitation and rearing: 58,200 tonnes, an increase of 11.2% over 2001**
- **Foreign currency value: US$23,205,000, up by 36.23% over 2001**
- **Contribution to the State budget: VND 2,430 million, up by 9.53% over the annual plan**
- **Attracting and creating jobs for 46,055 laborers in fishery sector, an increase of 2,962 laborers over 2001.**

Thanh Hoa fishery sector- remarkable results

Thanh Hoa fishery is a sector with big potentials in comparison with North provinces and also a promising sector for Thanh Hoa economy. Especially, after the 16th Resolution on renovation of management mechanism in fishery sector was issued in 1990, the other policies by the Politburo, State and Province in next years have strengthened capacity and create profound changes for Thanh Hoa fishery sector.

Of which, the current area of aquaculture is 15,000 hectares, increase 5,000 hectares against 2001. The movement of brackish water fishery develops more rapidly and synchronously over the previous years, mainly concentrating in districts and towns such as: Hoang Hoa, Quang Xuong, Hau Loc, Nong Cong and Nga Son. The division of fresh water aquaculture has been successful in putting new breeds with high economic value and export potential such as green clawed crayfish, white pomfret and pink African carp into production. Up to now, aquaculture has created jobs for 11,060 laborers. Production and hybridization focus on not only naturally exploiting but also re-planning new breed farms, concurrently combining with other local breed centers and broad to create high-productivity breeds. In recent years, the Department of Fishery has produced and hybridized 318.6 million prawns of P15 kind, increased 98.6 million prawns over 2001 (23.4 million of which were produced in Thanh Hoa Province). The production of fresh water fishery breeds also exceeded the proposed plan. Small young fish of different kinds alone, breed centers hybridized 660 million fishes, reached 101.54% of annual plan, of which white pomfret was 5 million, green clawed crayfish 3 million, unisexed pink African carp 50,000.

Exploitation and protection of fishery sources earn due attention of Thanh Hoa fishery sector. Especially, since the off-shore fishing orientation has been implemented, the whole province has built 4,210 fishing vessels and boats of different kinds with the total capacity of 84,000 CV, 161 of which have capacity of over 90 CV, an increase of 16 vessels and boats against 2001. The exploitation output in 2002 gained about 43,458 tonnes, rose 11.1% over 2001, creating jobs for 25,100 laborers. Exploitation activities have gradually combined with procurement. Besides, more attention is paid to maintenance of fishery products and improvement of product's quality and value.

Fishery processing has seen remarkable developments. In 2002, the export fishery output gained 10,757 tonnes with the value of US$ 23.2 million, increased 36.23% over 2001. Simultaneously, domestic fishery processing bases were rearranged and reorganized including 1,299 private bases, six production co-operatives, a join-stock company and two state-owned enterprises. In 2002, the domestic bases and enterprises produced 10.1 million litres of fish source, 1,720 tonnes of dry-fishery products and 4,300 tonnes of fish source of different kinds, not only meeting the local people's demand but also expanding its service network in other provinces. In addition, the Department has actively co-operated with agricultural promotion centers of districts and towns to transfer technologies and organize training courses for fishermen as

applying new breeds; sped up building seven models of performance to assist farmers to approach new management methods and production techniques.

The development of the division of fishery exploitation and processing has facilitated the division of fishery logistics services to achieve many laudable results. The whole province currently has 383 service bases inclusive of 47 shipbuilding and repairing service bases, 172 ice production bases, 194 gasoline services ones. These kinds of services have created jobs for 2,690 laborers. Besides, an importance has been attached to the basic construction by Thanh Hoa fishery sector. The progress of projects under preparation has been accelerated to ensure their completion as planned (six projects of raising crayfish were approved). For instance, the project of upgrading Lach Hoi second stage has been urgently completed in 2003; Lach Bang - Dao Me Port, Lach Bang Anchorage for fishing vessels and boats, seafood processing factory for export in Le Mon industrial zone, have been directed to complete in the shortest time. Total investment capital disbursed by the sector in 2002 was VND 148.7 million, increased VND 67.4 billion over 2001.

Difficulties need to be solved

In an attempt to contribute to agricultural-rural economic restructuring, however, Thanh Hoa fishery sector is facing with an array of difficulties. Although illegal on-shore fishery exploitation and fishing tend to reduce presently, this issue has not absolutely solved. In the first nine months of 2002, Thanh Hoa Deparment of Fishery and border soldiers dealt with 145 cases and fined VND 67 million with respect to the illegally catching fishermen. This situation is caused by difficulties in economic life of the local residents, especially the people in Bai Ngang area where vessels and boats cannot anchor and crop cultivation in this area brings low productivity. To solve this issue, Thanh Hoa province needs to have right orientation in crops and husbandry economic structure transformation to help the people in the coastal plain area stably develop. Talking about this issue, Vice Director of Thanh Hoa Department of Fishery, Dang Van Thong said: "We advise the levels of authorities and cooperate with the people to recover occupational villages. If any districts or communes cannot follow this orientation, we will encourage and instruct them towards aquaculture, thereof gradually improve the local people's life. Only this way can solve the existing issues radically. If we only concentrate on prohibiting or capturing illegal exploitation cases, it is difficult for us to do and solve".

Undeniably, aquaculture will contribute to transforming rural-agricultural economy, because of its visibly considerable benefits in comparison with crops intensive cultivation. However, at present, it is not easy to answer questions relating to investment sources, aquaculture plans and consumption markets for aqua-products while the sector has not yet built and applied the model of factory in attachment with aquaculture material areas. The loose linkage has caused insufficient materials for production of many factories, failing in utilizing up their full designed capacity, resulting in low efficiency in production and long-lasting loss in business. The area of extensive cultivation remains large, aquaculture capacity therefore is still low and mainly spontaneous. The sector have not been active during past years in finding high quality breed sources, and not invested in breeds control methods. Water source and quality for aquaculture in the areas have not met technical criteria. Besides, the Department has not really paid attention to aquaculture planning in combination with seasonal aquatic breeding to make plans and policies on encouraging economic sectors to invest in aquaculture and on-the-spot breed production.

Additionally, environment pollution in some estuarial areas caused by sewage from factories has exerted adverse impact on efficiency of oyster breeding of the local people in polluted areas. Moreover, Thanh Hoa fishery sector has been facing with nega-

tive impacts caused by the establishment of Nghi Son Wharf in Nghi Son Industrial Zone, rapid economic and waterway traffic development, disappearance of coral beaches, migration of thousands of fishes to other sea areas and reduction of pearl output.

Closely attach fishery development to economic structure transformation

2003 is considered an important year for Thanh Hoa fishery sector to implement five-year plan (2001-2005), make full use of advantages and overcome difficulties to keep its growth rate towards sustainable stabilization; gradually creating impetus for solid transformation in economic restructuring to enhance efficiency and competitiveness. Boosting export in combination with efficiently exploitation of the provincial and national markets; applying achievements of science and technology and improving quality of human resources, gradually raising living standard for fishermen; speeding up economic structure conversion are also the sector's important objectives that must be implemented by developing comprehensively all fields of the sector.

Regarding aquaculture, in the coming time, Thanh Hoa fishery sector intends to take this field as a breakthrough step in economic structure transformation. In order to develop aquaculture, an importance should be attached to production and breed provision through particular solutions such as: encourage private sector to invest in on-the-spot breed production, state-owned stations to be hired or under join-venture, improve operation efficiency. Water source for aquaculture must be sufficient with good quality. Besides, the sector will invest in developing and breeding fishery species of big advanteges in Thanh Hoa, available for wide consumption and stable technology. The sector will also focus on boosting reasonable change from extensive cultivation to semi-intensive cultivation and cultivation towards reduction in extensive cultivation area; exploiting and suitably using land, water surface for aquaculture. The sector continues to direct investment in infrastructure for aquaculture as planned and approved projects, complete the planning of fresh water fishery breeding and take Ha Trung as a pilot district for the whole sector. A successful implementation of this model will make a great contribution to rural-agricultural economic structure conversion.

Regarding fishery exploitation and processing, the department will arrange on-shore fish production with a reasonable occupational structure and means towards reducing the means of on-shore exploitation and transforming a number of labor devisions to services, processing and aquaculture. In addition, the Department will pay attention to developing traditional occupations such as grinding shrimp and cuttle-fish, fishing, knitting fishing-net suitable with occupational villages to create high productivity and export value, continuing to consolidate current offshore exploitation vessels. In the coming years, the sector strives 100% of products will export directly to the EU, American, Japan and China markets. The sector will orient processing units for export on the direction of attaching to material areas, actively invest, associate exploitation with aquaculture, at the same time continue arranging, renovating and equitizing enterprises to enhance operational capacity and competitiveness of its members.

With achievements gained during the past years and the right development orientation, in the coming times, Thanh Hoa fishery sector will further develop its available potentials and strengths to overcome weaknesses and existing difficulties, creating positive developments in rural-agricultural economic structure transformation.

Board of directors

1. **Director: Truong Tien Bao**
2. **Vice Director: Le Anh Dung**
3. **Vice Director: Dang Van Thong**

SỞ THƯƠNG MẠI THANH HOÁ

TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI VÀ HỘI NHẬP

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2010 đã xác định: "Thương mại cần tăng nhanh các mặt hàng xuất khẩu ở tất cả các thành phần kinh tế với khối lượng lớn, ổn định, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2010, giá trị xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ đạt 160 triệu USD, bình quân đầu người đạt 42 USD/người/năm. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm từ 20% trở lên".

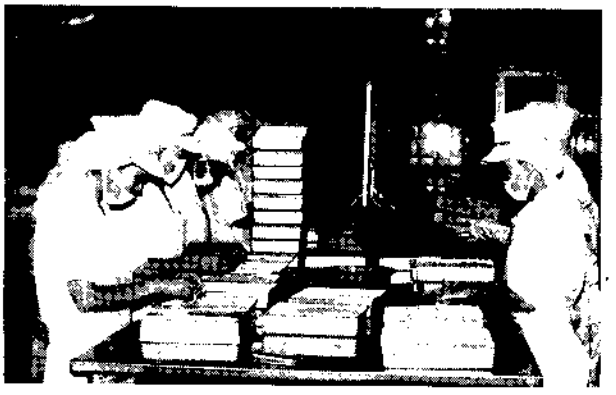

Hàng thuỷ sản là một trong những thế mạnh xuất khẩu của Thanh Hoá

Trong những năm gần đây, hoạt động thương mại tỉnh Thanh Hoá đã có những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Thanh Hoá phát triển. Hoạt động mua bán khá sôi động. Đặc biệt, với sự tham gia tích cực của nhiều thành phần kinh tế, ngành thương mại Thanh Hoá có bước đột phá mạnh mẽ về chất lượng và kim ngạch xuất khẩu. Nếu như trước năm 1999, kim ngạch xuất khẩu chưa năm nào đạt kế hoạch đề ra, càng không thể đạt tới con số 30 triệu USD thì từ năm 1999 trở lại đây kim ngạch xuất khẩu luôn vượt kế hoạch. Riêng năm 2001 đạt 45 triệu USD, tăng 15,6% kế hoạch năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GDP của thương mại Thanh Hoá còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Xây dựng nền móng cho tương lai

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, ngày 18-11-1946, Tỉnh uỷ Thanh Hoá đã đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng, quyết tâm đẩy lùi giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm nhằm củng cố chính quyền nhân dân, từng bước ổn định đời sống kinh tế - xã hội. Nhiều cơ quan chức năng của chính quyền cách mạng tỉnh được thành lập như: Ty Thông tin, Ty Y tế, Ty Giáo dục, Toà án và Ty Kinh tế. Trong đó, Ty Kinh tế chính là tiền thân của Sở Thương mại Thanh Hoá ngày nay.

Được thành lập vào tháng 7 - 1946 (do ông Nguyễn Văn Vân làm Trưởng Ty), Ty Kinh tế Thanh Hoá có nhiệm vụ giúp chính quyền tỉnh chỉ đạo sản xuất, thi hành các chính sách kinh tế và thu mua các mặt hàng phục vụ kháng chiến. Ty Kinh tế là tổ chức chính quyền chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kinh tế Liên khu Bốn.

Sau chiến thắng biên giới năm 1950, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Trung Quốc, Liên bang Nga và các nước xã hội chủ nghĩa khác được mở rộng. Ngày 14-5-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh lập Sở Mậu dịch Trung ương. Tại các liên khu ở miền Bắc cũng thành lập các phân sở mậu dịch quốc doanh, nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của xã hội lúc bấy giờ. Ngày 1-7-1951, Chi sở Mậu dịch nội địa Thanh Hoá và 4 chi điểm được thành lập, trực thuộc Ủy ban Hành chính Kháng chiến Thanh Hoá (do ông Nguyễn Gia Lương làm Chi sở Trưởng).

Các tổ chức thương nghiệp quốc doanh trong tỉnh đã cung cấp những mặt hàng cần thiết cho dân, cung cấp nguyên vật liệu như: hoá chất, dụng cụ đồ nghề, dụng cụ điện, thuốc tân dược.... mua từ vùng địch tạm chiếm, cung cấp cho cơ sở sản xuất thủ công nghiệp. Điểm quan trọng là các thương nghiệp quốc

doanh đã tham gia tích cực vào "bao vây kinh tế địch", mở rộng phạm vi hoạt động giao lưu với huyện Sầm Tớ (của Lào) cung cấp nguồn thực phẩm như: muối, dụng cụ sản xuất, quần áo.... cho nước bạn. Nguồn thu từ hoạt động thương mại đã trở thành nguồn cung cấp kinh phí quan trọng giúp Đảng bộ, chính quyền các cấp duy trì hoạt động.

Khôi phục kinh tế, cùng với miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế, đồng thời từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Bước vào giai đoạn cách mạng mới, ngành thương nghiệp Thanh Hoá có điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, đồng thời cũng phải đảm nhận những nhiệm vụ nặng nề hơn. Đó là quản lý, chỉ đạo các công ty mậu dịch chuyên doanh thực hiện nhiệm vụ: cung cấp hàng hoá, vật phẩm tiêu dùng phục vụ đời sống cán bộ, bộ đội, nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp và phát triển văn hoá - xã hội, thực hiện quản lý thị trường, bình ổn vật giá, làm nòng cốt trong công cuộc tiến hành cải tạo công thương tư bản tư doanh, hướng dẫn tiểu thương đi vào con đường làm ăn tập thể.

Cộng cuộc khôi phục phát triển kinh tế trong những năm 1955 - 1958 đã tạo được bước phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp địa phương và cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh. Sức tiêu thụ hàng hoá được tăng lên, nhiều nhu cầu mới xuất hiện, đòi hỏi ngành thương nghiệp phải mở rộng tổ chức và kinh doanh. Năm 1958, Đại hội đại biểu xã viên toàn tỉnh lần thứ nhất đã định ra phương hướng, mục tiêu mới. Từ đó, phong trào hợp tác xã mua bán phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trở thành một trong 3 ngọn cờ hồng ở Thanh Hoá. Nếu như năm 1955 toàn tỉnh mới có 32 hợp tác xã mua bán, thì đến năm 1960 đã có tới 244 hợp tác xã mua bán. Tỷ trọng hàng hoá bán lẻ của hợp tác xã cũng tăng nhanh, năm 1955 chỉ đạt 0,01% thì đến năm 1960 đã đạt 37,3%. Trong hoạt động kinh doanh của phong trào hợp tác xã, nổi lên nhiều đơn vị điển hình như hợp tác xã mua bán Hoằng Hoá, Nga Sơn, Thọ Xuân, Đông Sơn...

Bước sang năm 1961 - năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960 - 1965) - Thương nghiệp Thanh Hoá đã cung cấp cho thị trường một số lượng hàng hoá khá lớn, 59 nghìn tấn gạo, 13 nghìn tấn muối, 3.330 tấn thịt, 496 tấn đường, 3,3 triệu lít nước mắm, 6,5 triệu mét vải và 376 tấn giấy viết. Đây là một nỗ lực rất lớn của cán bộ, nhân viên ngành thương nghiệp Thanh Hoá. Không chỉ dừng lại ở đó, ngành còn cung cấp cho ngành nông nghiệp tỉnh gần 10 nghìn con trâu, bò kéo, thu mua của nông dân 16 nghìn con trâu, bò già không đủ sức kéo. Đặc biệt, hàng năm, ngành đã cung cấp trên 30 nghìn tấn phân bón các loại, 19 nghìn công cụ sản xuất (liềm, cày, bừa, cuốc....) và thu mua cho nông dân 36 nghìn tấn thuốc lá, 2 nghìn tấn bông hạt, 800 tấn lạc, 300 tấn đậu tương, 3 triệu cây luồng và 80m^3 gỗ.

Ngoài ra, ngành thương nghiệp Thanh Hoá còn tiếp tục giúp đỡ nước bạn Lào xây dựng các hoạt động nội thương và ngoại thương, cử nhiều cán bộ của ngành làm chuyên gia xây dựng tổ chức thương nghiệp từ tỉnh đến xã cho nước bạn. Trong đó, ngành đã giúp nước bạn Lào xây dựng được 8 điểm thương nghiệp lớn ở Mường Xôi, Sầm Tớ, Mường Sầm, Kho trung chuyển Mường Pua, khách sạn Sầm Nưa.

Khắc phục khó khăn, đổi mới tổ chức

Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi, miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bước vào giai đoạn mới, hoạt động thương nghiệp tỉnh Thanh Hoá có nhiều thuận lợi cơ bản, đó là: nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trong cả nước được hình thành; giao lưu hàng hoá giữa hai miền Nam - Bắc, giữa Thanh Hoá và các tỉnh bạn được mở rộng; thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã từng giữ vị trí chủ đạo trên thị trường, nay có điều kiện phát huy năng lực. Hoạt động thương nghiệp trong thời bình cũng được Tỉnh uỷ, chính quyền và nhân dân tỉnh quan tâm hơn trước.

Tuy vậy, bên cạnh những thuận lợi đã xuất hiện nhiều khó khăn. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu từng xuất hiện trong chiến tranh, nay càng trở nên nghiêm trọng hơn. Nhu cầu xã hội và sức mua tăng nhanh so với khả năng sản xuất vốn đã lạc hậu, yếu kém, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề chưa được khôi phục, sản xuất nông nghiệp liên tiếp bị thiên tai tàn phá khiến thị trường lương thực trong tình hết sức căng thẳng, khối lượng hàng viện trợ giảm, sản xuất trong nước, trong tình trì trệ, tổng quỹ hàng hoá giảm sút, khối lượng hàng hoá không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa năng lực sản xuất và nhu cầu tiêu dùng, ngành thương nghiệp Thanh Hoá đã đặt ra nhiệm vụ: phải tổ chức tốt việc lưu thông phân phối hàng hoá, phục vụ đắc lực đời sống, thúc đẩy sản xuất, mở rộng phân công lao động, làm tốt việc thu mua, nắm nguồn hàng hợp đồng hai chiều và giá cả hợp lý,... Thực hiện nghiêm túc phần cam kết về đầu tư vốn, giống, kỹ thuật, theo dõi chỉ đạo hợp đồng đúng hướng, đúng kế hoạch, đề phòng tình trạng vi phạm hợp đồng, sử dụng vốn đầu tư sai mục đích.

Quán triệt Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị về "Đổi mới tổ chức và hoạt động thương mại, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", toàn tỉnh hiện có 40.000 cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ trải rộng khắp trên mọi miền đất nước, trong đó có 29 doanh nghiệp nhà nước, 66 công ty tư nhân, 159 công ty trách nhiệm hữu hạn, 19 công ty cổ phần, tạo thành mạng lưới liên hoàn, đáp ứng thuận tiện cho nhu cầu của xã hội. Đáng chú ý là nhiều doanh nghiệp sản xuất ngày càng nhận thức rõ và đầu tư thích đáng cho hoạt động thương mại như khảo sát nhu cầu thị trường, tổ chức hệ thống cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, triển khai hoạt động tiếp thị, đóng góp thiết thực cho việc phát triển thị trường của tỉnh.

Những cố gắng trên đã từng bước đưa ngành thương mại Thanh Hoá vượt qua khó khăn, thử thách, thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài. Cụ thể, giá trị xuất khẩu năm 2000 - 2001 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng hơn năm trước 24%. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá xã hội tăng bình quân 7 - 8%/năm. Đại bộ phận các đơn vị trong ngành đều hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Hệ thống tổ chức được kiện toàn đã góp phần giảm tỷ lệ lao động gián tiếp từ 20% xuống còn 14.3%. Mở rộng khoán thưởng các đơn vị, xây dựng trên 30 mức khoán tổng hợp và trên 120 mức khoán cá thể.

Chiến lược phát triển đến năm 2010

Trên cơ sở dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội cả nước và các vùng kinh tế, căn cứ vào quan điểm phát triển, lợi thế so sánh và thách thức đặt ra đối với Thanh Hoá, mục tiêu phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2010 là làm cho thương mại thực sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phân công lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Toàn ngành phấn đấu đạt tổng mức lưu chuyển hàng hoá trên địa bàn tỉnh đến năm 2005 là 6.600 tỷ đồng và 11.100 tỷ đồng vào năm 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng mức lưu chuyển hàng hóa xã hội giai đoạn 2001 - 2005 là 12%/năm và giai đoạn 2005 -2010 là 11%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2005 đạt 160 triệu USD và 300 triệu USD vào năm 2010. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2001 - 2005 là 36%/năm, giai đoạn 2005-2010 là 13,4%/năm. Trong đó, GDP thương mại của tỉnh năm 2005 là 1.557 tỷ đồng và năm 2010 là 2.800 tỷ đồng; tỷ trọng ngành thương mại trong GDP đạt 9% vào năm 2005 và 9,5% vào năm 2010. Để đạt được mục tiêu trên, dự kiến, nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực thương mại sẽ là 7.982,2 tỷ đồng cho giai đoạn 2001 - 2010 , trong đó giai đoạn 2001 - 2005 sẽ là 3.070,2 tỷ đồng và giai đoạn 2005 - 2010 là 4.912 tỷ đồng.

Hơn nửa thế kỷ phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, ngành thương mại Thanh Hoá đã vượt qua những khó khăn, gian khổ, hy sinh, tạo nên những giá trị truyền thống và những bài học kinh nghiệm cao quý. Phát huy truyền thống đó, ngày nay, trong xu thế phát triển và hội nhập của tỉnh, ngành thương mại Thanh Hoá sẽ còn đóng góp nhiều hơn nữa cho nền kinh tế xứ Thanh.

THANH HOA DEPARTMENT OF TRADE

TRADING LIBERALIZATION AND INTEGRATION

According to socio-economic strategy of Thanh Hoa province by 2010, "Trading sector needs to rapidly increase export products in all economic sectors with large volume, stabilization and efficiency. The province is striving to reach revenue of export products and services up to US$160 million by 2010, annual per capital income US$42 and annual growth rate of export value over 20%.

In recent years, trading activities of Thanh Hoa Province have seen positive changes, contributing to the acceleration of Thanh Hoa socio-economic development. Trading activities have taken place actively, especially with the active participation of economic sectors. Thanh Hoa trading sector has made significant progresses in quality and export turnover. Before 1999, export turnover never reached the proposed plan and was impossible to gain US$30 million, but since 1999, export turnover has always exceeded the target. 2001 alone, the province obtained US$45 million, an increase of 15.6% over the proposed plan. However, GDP growth rate of Thanh Hoa trading sector stands at low level, incommensurate with its potentials and strengths.

Building foundation for the future

Implementing the Central Party instruction dated November 18, 1946, Thanh Hoa Party Committee has set target for the entire party, army and people to unite and determine to reduce hunger, eliminate illiteracy and push back foreign invaders, gradually consolidate authority and stabilize socio-economic life of the local people. Many functional agencies of the provincial revolutionary authority were established such as Service of Information, Health Service, Education Service, Court and Economic Service, of which Economic Service was the forerunner of the present Thanh Hoa Department of Trade.

Established in July 1946 (led by Director Nguyen Van Van), Thanh Economic Service were in charge of assisting the provincial authorities to direct production, implement policies on economy and procuring goods to serve the war of resistance against the foreign invaders. The Economic Service was a unit under the direct leadership of the provincial people's Committee and Inter-sector Economic Department No 4.

After the bordering victory in 1950, the diplomatic relations among Vietnam, China, Russian and other socialistic countries were strengthened and expanded. On 14th May 1951, President Ho Chi Minh issued Decree on establishment of Central Trading Department. In inter-sections in the North, the State-owned trading branches were also established to serve essential demands of the society at that time. On 1st July 1951, Thanh Hoa Domestic Trading Service and four other sub-branches were formed under Thanh Hoa Administrative Revolutionary Commission (led by Manager Nguyen Gia Luong).

The State trading enterprises in Thanh Hoa Province provided the essential goods for the people, materials such as chemical, tools, electrical instruments and medicines etc. bought from temporary occupied areas for handicraft production bases. An important point was that State enterprises participated actively in "foreign invader's economic blockade", expanded the scale of exchange activities with Sam To District (Laos), concurrently provided salt, production tools, clothes etc for the friendly neighboring

country. Revenue from trading activities became an important expenditure source assisting Party and authorities of all levels to maintain their operation.

Recovering economy, together with the North advance to socialism

After Dien Bien Phu victory, Geneva Agreement was signed, the North was totally liberated, concentrated on healing the war injury and recovering economy, at the same time gradually building socialism as the solid foundation for the cause of the South liberation and the country reunification. Entering a new revolutionary stage, Thanh Hoa trading sector had favorable conditions to develop simultaneously take heavier responsibilities. Concretely, the sector was in charge of managing and directing specilized trading companies to implement the tasks of providing goods and consumption products to serve the life of the officials, soldiers and local people, contributing to accelerating agricultural, handicraft and industrial production and socio-cultural development; managing the markets, stabilizing the price, playing the core role in rebuilding private capital commerce and industry, orienting small-scale traders towards collective operation.

The cause of economic recover and development during 1955 - 1958 created new development paces in local agricultural, handicraft and industrial production and considerably improved the local people's material and spiritual life. An increase in goods consumption power and emergence of new demands required Thanh Hoa trading sector to expand the scale and business activities. In 1958, the first provincial Congress of Co-operative Member Delegates set up new orientation and targets. Accordingly, the movement of trading co-operatives strongly developed and became one of three pink flags of Thanh Hoa Province with 244 trading co-operatives in 1960 against 32 ones in 1955. Proportion of retail goods of co-operatives grew rapidly, lifted from 0.01% in 1955 to 37.3% in 1960. There were many typical trading co-operatives emerged in business activities of the trading co-operative movement such as Hoang Hoa, Nga Son, Tho Xuan and Dong Son.

Entering 1961 - the first year implementing the 1st 5-year plan (1960-1965) - Thanh Hoa trading sector provided market with a big volume of goods including 59,000 tonnes of rice, 13,000 tonnes of salt, 3,330 tonnes of meat, 496 tonnes of sugar, 3.3 million litres of fish sauce, 6.5 million meters of cloth and 376 tonnes of writing paper, which evidenced great efforts of the sector's staff. Furthermore, the sector supplied the provincial agricultural sector about 10,000 strong buffaloes and cows, and procured 16,000 old and weak buffaloes and cows. Especially, annually, the sector also provided over 30,000 tonnes of fertilizer of different kinds, 19,000 production tools (sickles, ploughs, hoes, etc) and procured from farmers 36,000 tonnes of cigarettes, 2,000 tonnes of cotton, 800 tonnes of peanuts, 300 tonnes of soybeans, three million of luong trees (a kind of bamboo) and 80 cu.m of timbers.

Besides, Thanh Hoa trading sector still assisted Laos to strengthen domestic and foreign trading activities, sent many experts of the sector to Laos as specialists to build eight big trading bases in Muong Xoi, Sam To and Muong Sam, entreput Muong Pua and Sam Nua hotel.

Overcoming difficulties, renovating organization

Ho Chi Minh Campaign successfully finished, the South was totally liberated, the entire country has advanced to socialism. Stepping into a new stage, trading activities of Thanh Hoa Province enjoyed radical advantages. Of which, the socialistic trading sector across the country was established, goods exchange between the South and the North, Thanh Hoa and its neighbouring provinces were extended; the State trading enterprises and trading co-operatives, which used to play a key role in the market, now have been facilitated to develop. More attention has also been paid to the trading activities in the peaceful age by the provincial Party Committee, authorities and the people.

However, beside advantages, the sector has been facing with many difficulties. An imbalance between demand and supply happened in the war now is get-

ting more serious. Social demands and purchasing power have been increasing rapidly against the provincial backward and weak production capacities ravaged by the wars that have not yet been recovered. Moreover, agricultural production devastated by continuous natural disasters has tensed the provincial foods market; volume of aided goods has decreased, national and provincial production has stagnated, and the total volume of goods declined that could not meet the social consumption demands.

To solve the imbalance between production capacity and consumption demand, Thanh Hoa trading sector set up the tasks: effectively organizing goods circulation to serve well the local people's life, boosting production, expanding labor allocation, implementing well procurement, managing two-way goods sources under the signed contracts and reasonable price. Additionally, the sector should also seriously conduct its commitments on investing capital, seeds and technique, follow and direct the contract implementation in accordance to the orientation and proposed plan to avoid contract violation and false use of investment capital.

Grasping thoroughly Resolution 12 of the Politburo on "Renovating trading organization and activities, developing the market on socialism orientation", the province presently has 40.000 trade - service establishments across the country including 29 state-owned, 66 private, 159 limited liabilities and 19 join-stock companies, creating a continuous network, meeting demand of society. Notably, a number of production enterprises have realized the importance of trading activities and invested considerably in this field such as surveying on market demands, organizing the system of material provision and products consumption, conducting marketing activities, making practical contributions to the provincial market development.

Those above efforts have been gradually helping Thanh Hoa trading sector overcome difficulties and challenges, and escaped from long-lasting weakness. Concretely, export value in 2000 - 2001 exceeded the proposed plan, up by 24 % over the previous year. Total social goods circulation increased 7-8 % pe year on average. Majority of units of the sector has completed their responsibility of the State budge contribution with year-on-year increase in revenue. Organizational system has been strengthened aiding to reduction of indirect labor rate from 20 % to 14.3 %. The forms of piece-work and bonuses have been expanded with over 30 collective piece-work levels and more than 120 individual piece-wok levels.

Development strategy to 2010

Based on forecasting socio-economic development situation of the whole country and economic zones, development orientation, comparative advantages and challenges for Thanh Hoa Province, the target of the trading sector development until 2010 is to turn it into an impetus to strengthen production, contributing to economic restructuring and labor allocation towards industrialization and modernization. The whole sector strives to gain goods circulation in the province VND 6.600 billion by 2005 and VND 11.100 billion by 2010, annual average growth rate of total goods circulation at 12 % for 2001-2005 and 11 % for 2005-2010.

Export turnover by 2005 is planned to reach US$160 million and US$300 million by 2010. Annual average growth of export turnover in 2001 - 2005 will be 36 %, in 2005-2010 will be 13.4 %. In which GDP in trading sector will be VND 1.557 billion by 2005 and will be VND 2.800 billion by 2010. In order to achieve those target, investment capital in trading field is expected to reach VND 7.982.2 billion in 2001-2010, of which in 2001-2005 will be VND 3.070.2 billion and in 2005-2010 will be VND 4.912 billion.

Over a halt of century serving the revolutionary cause of the Party and the State, Thanh Hoa trading sector has overcome difficulties, created the traditional values and valuable experiences. Promoting this tradition, in the trend of development and integration of the Province nowadays, Thanh Hoa trading sector will continue to contribute further to the provincial economy.

DU LỊCH THANH HOÁ

CẦN BIẾN TIỀM NĂNG THÀNH THẾ MẠNH

Thanh Hoá là một tỉnh có nguồn "tài nguyên" du lịch khá phong phú, đa dạng với nhiều điểm du lịch nổi tiếng. Đặc biệt, trong những năm gần đây, với cơ chế và chính sách phát triển hợp lý đã khơi dậy và phát huy tiềm năng của những danh lam, thắng cảnh vừa mang đậm dấu ấn lịch sử, cùng sự hùng vĩ nên thơ của thiên nhiên, vừa mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa.

Xứ Thanh không chỉ "giàu có" bởi các di tích lịch sử văn hoá mà còn được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều cảnh đẹp hiếm có. Từ Hàm Rồng kỳ thú đến Bến En hoang dã thơ mộng, suối cá "thần" hấp dẫn ở Cẩm Lương - Cẩm Thuỷ, động Từ Thức... Đặc biệt, bãi biển Sầm Sơn đầy nắng gió luôn có sức lôi cuốn và quyến rũ du khách trong những ngày hè nóng nực. Thêm nữa, người dân xứ Thanh nồng hậu, mến khách. Những nét sinh hoạt văn hoá truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc với hội múa đèn Đông Sơn, trò Xuân Phả, Khua Luống, hội cồng chiêng cùng các điệu hò Sông Mã vẫn được lưu truyền trong các lễ hội truyền thống ở các vùng quê.... Tất cả những văn hoá vật thể và phi vật thể đó đã tạo nên những ấn tượng khó quên với bất kỳ ai dù chỉ một lần đến với xứ Thanh đầy quyến rũ và thơ mộng.

Ông Doãn Văn Phú - Giám đốc Sở Du lịch Thanh Hoá

Thành tựu và hạn chế

Phát huy những thế mạnh và tiềm năng sẵn có, trong suốt nửa thế kỷ qua, đặc biệt là trong 15 năm cải cách, mở cửa, sự phát triển của ngành du lịch nói riêng và ngành dịch vụ nói chung đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy kinh tế Thanh Hoá phát triển. Theo báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, nếu như những năm 1990, ngành du lịch - dịch vụ chỉ chiếm 30,6% thì đến năm 2002 tỷ trọng ngành du lịch - dịch vụ chiếm 34,6% GDP, trong khi ngành nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm từ 51,4% xuống còn 39%.

Không chỉ có vậy, trong 3 năm trở lại đây, ngành du lịch Thanh Hóa đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Trong đó, tổng lượt khách du lịch năm 2002 đạt 560 nghìn người, tăng 12,9% so với năm 2000. Doanh thu du lịch tăng từ 84,1 tỷ đồng (năm 2000) lên 125 tỷ đồng (năm 2002). Nộp ngân sách tăng bình quân 18,1%/năm, đạt 7 tỷ đồng vào năm 2002. Để thấy rõ hơn sự tăng trưởng của ngành du lịch Thanh Hóa, chúng ta hãy cùng theo dõi bảng phân tích dưới đây:

Có được những thành quả khích lệ kể trên, trước tiên phải kể đến sự chỉ đạo đúng đắn của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh hoá trong việc khảo sát và xúc tiến quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch Thanh Hoá đến năm 2010. Đặc biệt, kể từ khi Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết 11/TU (tháng 2-1996) đến nay, ngành du lịch Thanh Hoá đã có những bước tăng trưởng khá nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm, thu hút trên 2.000 lao động trực tiếp và hàng nghìn lao động gián tiếp; thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Không chỉ có vậy, Nghị quyết 11/TU còn định hướng cho ngành du lịch Thanh Hoá xác lập kế hoạch, quy hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp và mở rộng phát triển hai khu du lịch chính là thành phố Thanh Hoá và thị xã Sầm Sơn, từng bước phấn đấu trở thành một ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành du lịch Thanh Hóa vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Thực tế cho thấy,

xét tiềm năng và nhu cầu du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, môi trường văn hoá thể thao, nhân văn và nghỉ ngơi,v.v. Thanh Hoá không hề thua kém các tỉnh lân cận với trên 80 điểm di tích văn hoá lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên Bến En hoang dã đầy thơ mộng và khu nghỉ mát nổi tiếng Sầm Sơn.... Thanh Hoá được xếp vào hàng địa phương có tiềm năng du lịch lớn nhất cả nước. Vì thế, kỳ vọng của Thanh Hoá là đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh không phải là không có cơ sở. Tuy vậy, viễn cảnh ấy khó có thể có được trong một sớm một chiều.

Sự chậm trễ đó có nhiều nguyên nhân, trước hết là do chậm quy hoạch, thiếu sự đầu tư đồng bộ ngay từ đầu, đặc biệt là việc đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch và công tác lập các dự án và kêu gọi đầu tư. Đối với một số khu du lịch đã hình thành như Khu du lịch nghỉ mát Sầm Sơn, thành phố Thanh Hoá, công tác quản lý quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch còn nhiều khó khăn, bất cập. Sản phẩm du lịch đơn điệu, nghèo nàn chưa mang tính đặc thù của địa phương. Việc khai thác và quản lý tài nguyên du lịch thiếu hiệu quả, chưa hợp lý, trình độ dân trí, trình độ nghiệp vụ của nhân viên trong du lịch thấp kém, văn minh du lịch không đảm bảo, đã dẫn đến tình trạng chất lượng sản phẩm du lịch chưa cao, hiệu quả hoạt động du lịch thấp, không tương xứng với tiềm năng sẵn có, nên chưa tạo được những ấn tượng tốt đẹp cho du khách khi nói tới du lịch Thanh Hoá.

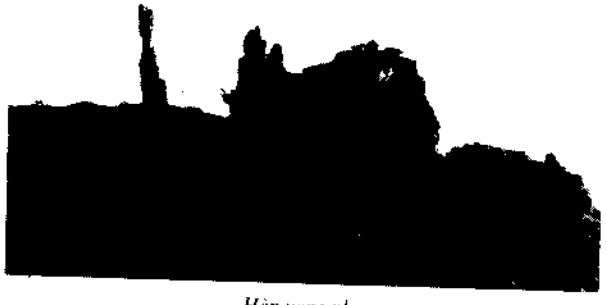

Hòn vọng phu

Để du lịch Thanh hoá thật sự khởi sắc

Do có vị trí địa lý thuận lợi, cộng thêm những ưu đãi của thiên nhiên, cùng nhiều di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, Thanh hoá đang lưu giữ và bảo tồn một hệ sinh thái tự nhiên, cùng quần thể văn hoá vật thể vô cùng phong phú và đa dạng. Hơn nữa, trong cộng đồng dân cư của Thanh hoá có 7 dân tộc anh em cùng chung sống đã tạo nên sự đa dạng về sắc thái văn hoá truyền thống, đó chính là những giá trị hiếm có của văn hoá phi vật thể nhiều màu sắc và sống động . Đây thực sự là những tiềm năng đáng kể và đặc sắc, tạo thế "thượng phong" cho Thanh Hoá trong việc phát triển các loại hình du lịch sinh thái - cả sinh thái tự nhiên và du lịch sinh thái nhân văn, bên cạnh một số loại hình du lịch khác như: nghỉ mát, tắm biển, tham quan thắng cảnh di tích văn hoá - lịch sử, v.v..

Với tiềm năng phong phú và đa dạng của du lịch sinh thái Thanh Hoá, trong những năm tới, Thanh Hoá sẽ tập trung khai thác các điểm du lịch sinh thái Quảng Cư, suối cá thần Cẩm Lương và Vườn Quốc gia Bến En, động Từ Thức. Bên cạnh đó, ngành du lịch Thanh Hóa

Kết quả kinh doanh của ngành Du lịch Thanh Hoá (2000 - 2002)

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2000	2001	2002	So sánh 2002/2000 (%)	Nhịp độ phát triển bình quân (%)
Tổng số lượt khách	1.000 lượt khách	434,9	482,4	560,0	128,7	13,45
- Nội địa	1.000 lượt khách	431,8	479,2	556,3	12,8	13,2
- Quốc tế	1.000 lượt khách	3,1	3,2	3,75	120,3	9,7
Tổng số ngày lưu trú	1 triệu khách	886,1	951,4	1.100	124,1	11,4
- Khách nội địa	–	879,6	944,2	1.090,8	124	11,3
- Khách quốc tế	–	6,5	7,1	9,2	141,2	18,8
Tổng doanh htu	Tỷ đồng	84,1	103,1	125	148,5	21,9
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,0	6,1	7	139,5	18,1

Nguồn: Sở Du lịch Thanh Hoá

đã và đang có kế hoạch tiếp tục khai thác hơn nữa tiềm năng du lịch văn hóa - lịch sử với các địa danh Thành nhà Hồ, Khu di tích Hàm Rồng, Khu di tích Lam Kinh,... đồng thời khôi phục một số làng nghề truyền thống, sản xuất hàng lưu niệm, văn hoá ẩm thực,... Phấn đấu đến năm 2010, ngành du lịch Thanh Hóa sẽ đạt các chỉ tiêu đón khoảng 1,4 triệu lượt khách, trong đó khách nội địa là 1.375 nghìn lượt; khách quốc tế là 25 nghìn lượt. Doanh thu toàn ngành đạt 350 tỷ đồng.

Để biến các tiềm năng sẵn có thành thế mạnh, ông Doãn Văn Phú - Giám đốc Sở Du Lịch Thanh Hóa cho biết: "Sở đã đề ra quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2001 - 2010. Trong đó, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng vào các khu du lịch vốn là thế mạnh của Thanh Hoá để nhanh chóng có sản phẩm du lịch đặc trưng mang đậm bản sắc văn hoá và thiên nhiên xứ Thanh như khu du lịch - văn hoá Hàm Rồng, du lịch biển Sầm Sơn, Khu du lịch sinh thái Quảng Cư; Khu du lịch suối cá thần - Cẩm lương; Khu du lịch sinh thái Bến En, với tổng vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước cho cơ sở hạ tầng. Mặt khác, khẩn trương xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào các khu du lịch này tạo sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư".

Riêng đối với công tác tuyên truyền, Sở Du lịch Thanh Hoá sẽ cho xuất bản sách về du lịch Thanh Hoá bằng hai thứ tiếng Việt - Anh và trang Web để giới thiệu về tiềm năng vùng đất và con người xứ Thanh, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, các khu, tuyến điểm du lịch. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, cũng như của Trung ương, tham gia vào các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh, đưa hình ảnh Thanh Hoá nói chung và du lịch Thanh Hoá nói riêng đến khắp mọi miền đất nước và vươn ra quốc tế. Khuyến khích các doanh nghiệp, khách sạn du lịch tổ chức kinh doanh lữ hành, khai thác triệt để thị trường khách nội địa, tích cực thâm nhập thị trường quốc tế, nhất là thị trường các nước láng giềng như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, v.v..

Có thể nói, trong những năm qua, ngành du lịch Thanh Hóa đã có nhiều cố gắng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thành công ấy là động lực quan trọng giúp ngành du lịch Thanh Hóa tiếp tục phát huy thành tích đã đạt được, từ đó thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, góp phần đưa Luật Di sản Văn hoá mới ban hành sớm đi vào cuộc sống.

Các tuyến du lịch chính

Các tour du lịch trong tỉnh:

- *Tuyến du lịch thành phố Thanh Hoá - Sầm Sơn: tham quan các điểm như Khu di tích lịch sử Hàm Rồng - Nam Ngạn, Đông Sơn, núi Đọ, bãi biển Sầm Sơn, thắng cảnh Hòn Trống Mái, chùa Cô Tiên, đền Độc Cước (Thời gian thăm quan kết hợp nghỉ dưỡng khoảng 3 - 4 ngày)*
- *Tuyến du lịch Sầm Sơn - Thành phố Thanh Hoá - Bến En: tham quan tắm biển Sầm Sơn và Vườn Quốc gia Bến En*
- *Tuyến Du lịch Sầm Sơn- Nga Sơn: kết hợp tắm biển nghỉ dưỡng tại Sầm Sơn và tham quan cụm di tích thắng cảnh ở Nga Sơn; động Từ Thức, chùa Tiên, đảo dưa Mai An Tiêm*
- *Tuyến du lịch Sầm Sơn - Thành nhà Hồ - Suối cá thần Cẩm Lương: nghỉ mát tắm biển ở Sầm Sơn kết hợp thăm quan thành nhà Hồ, suối cá thần Cẩm Lương, làng bản người Mường ở làng Ngọc*
- *Tuyến du lịch Sầm Sơn - Tĩnh Gia, đảo Mê: tham quan bán đảo Lạch Bạch, làng đảo Nghi Sơn, làng chài Do Xuyên*
- *Tuyến du lịch Sầm Sơn - thành phố Thanh Hoá - Hàm Rồng - Nam Ngạn.*

Các Tour du lịch ngoài tỉnh:

- *Thanh Hoá - Hoa Lư (Ninh Bình) - Hà Nội - Đền Hùng*
- *Thanh Hoá - Hà Tây - Hoà Bình*
- *Thanh Hoá - Hải Phòng - Quảng Ninh*
- *Nghệ An - Đà Nẵng - Hội An - Nha Trang - Đà Lạt - Vũng Tàu - thành phố Hồ Chí Minh*
- *Ngoài ra, ngành du lịch Thanh Hoá còn tổ chức, tư vấn và chỉ đạo các công ty lữ hành tổ chức cho khách du lịch đi thăm quan các nước trong khu vực: Trung Quốc, Nhật Bản, Lào, Hàn Quốc, Thái Lan, Xingapo, Malaixia,...*

THANH HOA TOURISM

EXPECTING TO GIVE THANH HOA'S TOURISM A BOOST

Thanh Hoa province possesses a plentiful and multiform tourism "resource" with a variety of well-known tourist sites. Especially in recent years, the appropriate development policies and regulations has awaked and developed the potential of the famous landscapes, which carry the historical imprints and the natural impressiveness and poetry, concurrently bring high economic value, contributing to the economic structure conversion of Thanh Hoa province.

Thanh region is not only affluent with the cultural historical interests but also enjoys natural beautiful landscapes, from amazing Ham Rong, dreamlike Ben En, attractive "genie" fish string in Cam Luong - Cam Thuy to Tu Thuc beautiful cavern. Particularly, Sam Son sunny and windy fascinating beach always lures the sightseers in the hot summer days. Moreover, Thanh residents are warm-hearted and hospitable. The traditional cultural living activities with national special characteristics such as Dong Son lamp-dancing, Xuan Pha game, Khua Luong, gong festival and Song Ma ditty-sung have always been remaining in the traditional festivals in the countryside. All those material and nonmaterial cultural features have made unforgettable impression on any person coming to this attractive and dreamlike region even for the first time.

Trong Mai Stone (Sam Son)

Achievements and limitations

Developing the available strong force and potentiality, during last half of century, especially in 15 years implementing renovation and open-door policies, the development of tourism in particular and of the entire service sector in general had contributed to economic structure conversion and sped up Thanh Hoa economic growth. According to the report of Thanh Hoa People's Committee, the province's tourism - service growth rate reached 34.6 percent of GDP by 2002 against 30.6 percent in 1990 while that of agro-forestry and fishery sectors dropped from 51.4 to 39 percent.

Furthermore, in last three years, Thanh Hoa Tourism had attained satisfactory outcomes. Of which, Thanh Hoa welcomed 560 thousands tourists in 2002, exceeded 12.9 percent over 2000. Tourism revenue increased from VND84.1 billion in 2000 to VND125 billion in 2002. Average increase of State budget contribution amounted to 18.1 percent a year, reached VND 7 billion in 2002. To better recognize Thanh Hoa Tourism's growth, please see the analyzed chart below: *(chart 1)*

Those above-mentioned achievements have been obtained firstly thanks to the right guidance of Thanh Hoa provincial Party committee and People's Committee in investigating and promoting general plan on Thanh Hoa Tourism development by 2010. Especially, after the provincial committee of the Party issued Resolution 11/TU in February 1996, Thanh Hoa Tourism sector has recorded relatively rapid growth with annual average rate exceeded 10 percent, attracting more than 2,000 direct laborers and thousands of indirect ones, pushing up the other economic sectors' growth.

In addition, Resolution 11/TU has also oriented

Thanh Hoa Tourism to work out the plan on investing, improving and expanding two major tour areas (including Thanh Hoa city and Sam Son town), gradually strive to be the pivotal economic sector of the province.

Apart from the achieved attainments, Thanh Hoa Tourism has faced lots of limitations. In fact, Thanh Hoa is second to none of the neighboring provinces in ecological tourism potentiality and demand, in nature landscape, culture, sport, humanity and relaxing environment, etc. With over 80 cultural historical interests, which were acknowledged satisfying national standard, Ben En dreamlike wild natural preservation zone and Sam Son famous beach, Thanh Hoa is ranked among the localities with greatest tourism potentiality nation-wide. Therefore, the province's expectation of turning tourism into the important economic sector is dependable. Nevertheless, that perspective is not within the reach in a short time.

There are many reasons for that lateness, first of which is the delay in planing, lack of initial synchronous investment, especially in tourism infrastructure, in project blueprinting and investment calling. Thanh Hoa faces an array of difficulties and impediments in managing planning work and tourism activities in existing resorts like Sam Son. The tourism products are simple, carrying no expression of the local special characteristics. The exploitation and management of the tourism resource is ineffective, insensible, the people's cultural standard and the professional skills of the tour-guides are rather low and tour civilization is still not been assured. Due to those limitations, tourism products and activities become ineffective, incompatible with the available potentiality, failing in impressing travelers of Thanh Hoa Tourism.

Le Lai Temple in Kien Tho (Ngoc Lac)

How to thrive Thanh Hoa tourism

Thanks to the advantages in geographical position and natural preferences as well as famous cultural historical relics, Thanh Hoa is keeping and preserving the natural ecosystem in concurrent with the abundant and diverse material cultural community. Moreover, Thanh Hoa population consists of seven nationalities creating the diversity in the traditional cultural aspects. Those are really the noticeable and excellent potentialities facilitating Thanh Hoa to develop ecological tourism services including natural and humanistic ecological tours in parallel with other tourist types such as arranging holiday, sea bathing and sightseeing the cultural-historical vestiges.

With the plentiful and multiform potentials of ecological tourism, Thanh Hoa in the time to come will focus on exploitation of Quang Cu ecological tour,

Business results of Thanh Hoa Tourism (2000 - 2002)

Indices	Unit	2000	2001	2002	Comparision 2002/2000 (percent)	Average growth (percent)
Total number of tourists	1,000 tourists	434.9	482.4	560.0	128.7	13.45
- Local	1,000 tourists	431.8	479.2	556.3	12.8	13.2
- International	1,000 tourists	3.1	3.2	3.75	120.3	9.7
- Residence duration	1 million tourists	886.1	951.4	1,100	124.1	11.4
- Local tourists	"	879.6	944.2	1,090.8	124	11.3
- International tourists	"	6.5	7.1	9.2	141.2	18.8
Total revenue	VND Billion	84.1	103.1	125	148.5	21.9
Budget contribution	VND Billion	5.0	6.1	7	139.5	18.1

Source: Thanh Hoa Tourism Department

Ngoc - Cam Luong fish string, Ben En national garden and Tu Thuc cavern. In addition, Thanh Hoa Tourism has been planning on further exploitation of tourism cultural-historical potentialities in such places as Citadel of Ho dynasty, Ham Rong and Lam Kinh interests. Simultaneously, the sector will recover the traditional crafts villages and souvenir production and restore drinking and eating cultures etc., aiming at welcoming 1.4 million tourists in 2010, of whom 1.375 thousands will be local people and 25 thousands foreigners, achieving the sector's total revenue at VND350 billion.

To turn available potentials into power, Thanh Hoa Tourism Department's Director, Nguyen Doan Phu said: " The department has planed for the tourism development in period of 2001-2010. Accordingly, it will focus on infrastructure investment in the provincial potential tourist areas such as Ham Rong culture-tourist sites, Sam Son sea tour, Quang Cu and Ben En ecological and Ngoc Cam Luong fish-string tour sites to promptly provide the tourism products characterized by Thanh Hoa cultural and natural features. Total capital for this project amounts to VND hundreds billion from the State budget. On the other hand, the department will speed up issuing the policies and regulations on encouraging investment in these tourist sites to attract investors."

In propaganda alone, the department will publish the bilingual book on Thanh Hoa tourism in Vietnamese and English and the website to introduce Thanh Hoa's potential, landscapes, historical relics and the diverse tours. The attention has also been paid to intensifying propagation through the Central and local media, participation in the fairs and exhibitions in and out of the province with a view to introduce Thanh Hoa image and Tourism to local market and abroad. The department also encourages the enterprises and hotels to organize travelling business, exploit up local market and actively enter into international market, especially in the neighboring countries such as China, Japan, Taiwan and Thailand.

It can be said that in recent years, Thanh Hoa Tourism sector has recorded numerous efforts and important achievements. Those outcomes is the pivotal driven force helping Thanh Hoa Tourism continually develop the attainments to successfully carry out the set targets, contributing to making the newly issued Law on Cultural Heritage go down in people's life.

The main toursInner-province tours

Thanh Hoa City - Sam Son tour:

- *Visiting such places as Ham Rong - Nam Ngan, Dong Son, Do mountain historical vestige areas, Sam Son beach, Hon Trong Mai scenery, Co Tien pagoda, Doc Cuoc temple (the trip will last about three to four days including relax time).*
- *Sam Son - Thanh Hoa City - Ben En tour: visiting and sea bathing at Sam Son beach, sightseeing Ben En national garden.*
- *Sam Son - Nga Son tour: Sea bathing and relaxing at Sam Son beach and visiting landscape-vestige complex in Nga Son, Tu Thuc cavern, Tien pagoda, Mai An Tiem watermelon island.*
- *A tour to Sam Son - Ho Citadel - Ngoc Cam Luong Genie fish spring, Muong community at Ngoc village.*
- *Sam Son - Tinh Gia, Me island tour: visiting Lach Bach peninsula, Nghi Son island-village, Do Xuyen fishing village.*
- *Sam Son - Thanh Hoa City - Ham Rong - Nam Ngan tour.*

Inter-province tours:

- *Thanh Hoa - Hoa Lu (Ninh Binh) - Ha Noi - Hung Temple*
- *Thanh Hoa - Ha Tay - Hoa Binh*
- *Thanh Hoa - Hai Phong - Quang Ninh*
- *Nghe An - Da Nang - Hoi An - Nha Trang - Da Lat - Vung Tau - Ho Chi Minh City*
- *Besides, Thanh Hoa Tourism also organises, consults and conducts the travel agencies to arrange the trips in the region including China, Japan, Laos, Korea, Thailand, Singapore and Malasia, etc.*

NHỮNG ĐIỂM DU LỊCH MANG LẠI GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO CHO TỈNH THANH HÓA

Thanh Hoá, là một tỉnh có tiềm năng du lịch phong phú, đa dạng với nhiều loại hình du lịch hấp dẫn đang chờ đón các du khách. Thời gian qua, các điểm du lịch này được đầu tư và khai thác có hiệu quả đã khơi dậy tiềm năng du lịch, thu hút đông đảo các du khách trong và ngoài nước đến thăm quan, du lịch. Các khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển Sầm Sơn, Khu du lịch sinh thái Bến En, Khu sinh thái Quảng Cư, suối cá thần Cẩm Lương, thành nhà Hồ, Khu văn hoá lịch sử Lam Kinh, khu du lịch văn hoá Hàm Rồng, động Từ Thức.... đã trở thành những địa chỉ quen thuộc có sức lôi cuốn lạ kỳ đối với du khách trong và ngoài nước.

1. Di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng

Cách thành phố Thanh Hoá 3 km về phía Bắc, trên trục quốc lộ 1A là quần thể danh lam thắng cảnh - di tích lịch sử văn hoá Hàm Rồng mà trong tương lai không xa, với dự án có tổng kinh phí đầu tư 518 tỷ đồng, nơi đây sẽ trở thành khu du lịch văn hoá có tầm cỡ quốc gia. Những đồi thông ngút ngàn đan xen những thung lũng thơ mộng, bao quanh là dãy núi hình 9 khúc rồng nhấp nhô uốn lượn theo dòng sông Mã. Động Long Quang trên núi đầu Rồng là nơi mà du khách có thể thả sức ngắm nhìn toàn cảnh sơn thuỷ hữu tình hết sức độc đáo. Động Tiên Sơn nằm ở núi Rồng là nơi lưu giữ những kiệt tác của tạo hoá.

Không những thế, giờ đây, Hàm Rồng còn là một bảo tàng lịch sử văn hoá đồ sộ. Mỗi ngọn núi, con sông, tấc đất, cây cầu nơi đây đều trở thành một hiện vật sống ghi dấu những chiến công hiển hách của quân và dân Hàm Rồng trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Vì thế, Hàm Rồng đã trở thành biểu tượng hiên ngang, tượng trưng cho tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam và phải chăng đó chính là cách lý giải cho một Hàm Rồng chưa đầy 2 km^2 đã có tới 6 đơn vị và nhiều cá nhân anh hùng. Ngày nay, khi đến Khu di tích Hàm Rồng, trên sườn núi Cánh Tiên, du khách có thể nhìn thấy dòng chữ "Quyết thắng", đã làm nhụt chí kẻ thù.

2. Khu di tích lịch sử Lam Kinh

Khu du tích này thuộc xã Xuân Lam - Thọ Xuân, cách thành phố Thanh Hoá 50 km về hướng Tây. Nơi đây người anh hùng dân tộc Lê Lợi đã phất cờ khởi nghĩa lãnh đạo cuộc kháng chiến chống giặc Minh, dựng lại nền độc lập cho dân tộc Đại Việt vào thế kỷ XV. Những dấu tích còn lại cho thấy, ở đây từng tồn tại một công trình kiến trúc to lớn, độc đáo, những tác phẩm điêu khắc đá tinh xảo với những cung điện thành quách như: thành nội, thành ngoại, sân Rồng, v.v. trong đó đặc biệt là khu mộ của các đời vua triều Lê, bia Vĩnh Lăng, Thái Miếu nhà Lê ở cầu Bố - Thanh Hoá. Đó là đền thờ các vua đời Lê được xây dựng năm 1933. Tại khu di tích này, đến nay, vẫn còn lại bia Vĩnh Lăng (Lê Lợi) được dựng năm 1433, là một trong những tấm bia bằng đá trầm tích lớn nhất với chiều cao 2,97 m; rộng 1,94 m; dày 0,27 m và bia Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Dao, bia vua Lê Thánh Tông, bia vua Lê Hiến Tông, bia vua Lê Túc Tông. Ngoài ra, du khách còn có thể đến thăm đền thờ Lê

Thành nhà Hồ

Lai (cách Lam Kinh 5 km). Đây là nơi thờ vị tướng đã đổi áo cứu Lê Lợi trong lúc nguy cấp.

Lễ hội Lam Kinh là lễ hội lớn nhất trong năm được tổ chức trong ba ngày từ 21 đến 23 tháng 8 âm lịch hàng năm trên quy mô toàn tỉnh, thu hút khoảng 10 vạn khách tới tham quan, dâng hương tưởng niệm.

3. Thành Tây Đô (Thành nhà Hồ)

Đây là công trình kiến trúc quân sự bằng đá kỳ vĩ. Kinh đô của nhà Hồ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, thuộc địa phận 2 xã: Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc (cách thành phố Thanh Hóa 50 km). Khu thành luỹ này được xây hoàn toàn bằng đá, các khối đá xây đều được đục đẽo vuông thành sắc cạnh, trung bình dài 1,5 m, rộng 1 m, dày 0,8 m.

Thành Tây Đô không chỉ là căn cứ quân sự thủ hiểm dựa vào thế núi, thế sông mà còn là một công trình kiến trúc quy mô với những cửa xây cuốn ghép hình "múi cam" cùng hàng tường rào bao quanh xếp đá chồng nhau hình chữ "Cung" thẳng đứng, lối ghép những khối đá tảng sát nhau và dùng lực nén của vật liệu để giữ thăng bằng dù được xây dựng bằng phương pháp thủ công nhưng vẫn tồn tại được bao thế kỷ. Thành Tây Đô, một di sản văn hoá quý báu, một công trình kiến trúc kỳ vĩ cho thấy khả năng kiến trúc của dân tộc Việt Nam cách đây 6 thế kỷ.

4. Đền thờ Lê Hoàn

Cách khu di tích Lam Kinh không xa là đền Lê Hoàn thuộc xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân. Năm 979, Đinh Bộ Lĩnh bị sát hại, trước nguy cơ xâm lược của quân Tống, Thái hậu Dương Vân Nga đã lấy áo Hoàng bào khoác cho Lê Hoàn - ông trở thành vị vua sáng lập ra triều Tiền Lê.

5. Vườn quốc gia Bến En

Đây là quần thể núi, sông, hồ với diện tích 16.634 ha, trong đó có nhiều loại động, thực vật phong phú và thuộc hàng quý hiếm như voi, hổ, gấu,.... cây lim nghìn tuổi nhiều người ôm không xuể, cùng hàng trăm loại cây khác như: lát hoa, chò chỉ, vù hương, săng lẻ rất thích hợp cho các loại hình du lịch sinh thái nằm trên huyện Như Thanh (cách thành phố Thanh Hoá 36 km về phía Tây Nam).

Cá Thần - Cẩm Lương

Đến với Vườn Quốc gia Bến En, du khách có thể du thuyền ngắm cảnh trên mặt hồ rộng 4.000 ha với 21 hòn đảo lớn, nhỏ cùng những cảnh quan kỳ thú. Dãy núi đá Hải Vân với nhiều hang động đẹp như: hang Ngọc, hang Cận, cùng với hang Lò cao kháng chiến Hải Vân - nơi đây dưới sự chỉ huy của Giáo sư Trần Đại Nghĩa - mẻ gang đầu tiên của Việt Nam ra đời, cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất vũ khí, góp phần tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

6. Suối cá "thần" Cẩm Lương

Nằm ở địa phận làng Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thuỷ, cách thành phố Thanh Hoá 80 km về phía Tây. Suối cá "thần" này có tới hàng nghìn con cá, mỗi con có trọng lượng từ 2 đến 8kg, cá chúa có thể nặng đến 30 kg. Ban ngày đàn cá ra suối Ngọc bơi lội, đùa vui cùng người, tối đến lại vào hang. Cửa hang không rộng lắm, chỉ có thể cho một người lọt vào. Dân địa phương phong là cá "thần".

Liền kề khu vực này có động Cây Đăng rất đẹp, có thể ví như động Từ Thức (Nga Sơn). Bên bờ suối là bản Ngọc - một bản làng của người Mường với sinh hoạt và những phong tục tập quán còn mang đậm cốt cách của người Mường như lễ hội cồng chiêng, xắc bùa và đặc sản cơm lam, rượu cần.....

7. Cụm di tích Nga Sơn

Từ thành phố Thanh Hoá với cung đường khoảng 40 km, du khách có thể thăm quan cụm di tích thắng cảnh Nga Sơn - vùng đất của huyền thoại với một loạt các di tích thắng cảnh gần kề nhau như: động Từ

Thức, động Bạch Á, chùa Tiên, Phủ Trèo, cửa Thần Phù, đền Mai An Tiêm, hồ Đồng Vụa, vườn Đào Tiên.

Trong đó, động Từ Thức gắn liền với truyền thuyết Từ Thức gặp Tiên - được ca ngợi là "Nam thiên đệ nhị động". Từ Thức là một quan trị huyện, thích rượu, thích cờ và say mê nghệ thuật. Trong một lần du ngoạn đã gặp nàng Giáng Hương và đã lên cõi tiên để kết hôn cùng nàng. Đấy không chỉ là truyền thuyết, theo đánh giá của các chuyên gia đầu ngành, động Bích Đào (hang Từ Thức) đúng là một cõi tiên, có kho tiền, đụn bạc, kho muối, kho gạo, có đủ các thứ quả cây ăn trái, dê, lợn, bò, trâu, v.v. càng vào trong, phong cảnh càng đẹp, có mâm xôi, đầu rồng, cánh phượng, chân hạc, bàn cờ tiên, ao bèo, đường lên trời, đường xuống âm phủ muôn màu, muôn vẻ và rất lạ lùng.

Bãi biển Sầm Sơn.

8. Khu du lịch Sầm Sơn

Đến Thanh Hoá, du khách không thể không đến bãi biển Sầm Sơn - một khu du lịch nổi tiếng với bãi biển rộng, nước trong, độ mặn vừa phải, bãi cát mịn trải dài 3 km từ lạch Hới đến tận chân núi Trường Lệ.

Đến Sầm Sơn ngoài tắm biển và nghỉ dưỡng, mọi du khách có thể vừa leo núi vừa ngắm cảnh. Dãy núi Trường Lệ mềm mại, nhấp nhô như hình tượng một người con gái kiều diễm gối đầu lên biển ngắm nhìn bầu trời bao la. Đền Độc Cước linh thiêng huyền thoại nép mình bên sườn núi. Hòn Trống Mái - biểu tượng của du lịch Sầm Sơn, chông chênh bên đồi thông ngút ngàn ngày đêm reo hát cùng sóng biển kể về một mối tình thuỷ chung của cặp vợ chồng trẻ sống chết cùng nhau trong nạn hồng thuỷ. Cuối dãy núi Trường Lệ, hướng về phía Nam là chùa Cô Tiên - nơi Bác Hồ đã dừng chân nghỉ ngơi ngắm cảnh khi người vào thăm Thanh Hoá năm 1961.

Hiện nay, kết cấu hạ tầng kỹ thuật của Khu nghỉ mát Sầm Sơn khá hoàn chỉnh. Với hơn 265 cơ sở lưu trú, 4.837 phòng, trong đó có 3.064 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế với 12.290 giường, một trung tâm văn hoá thể thao hiện đại và một số công trình dịch vụ chất lượng cao phục vụ cho du khách. Hàng năm, khách du lịch đi nghỉ tại Sầm Sơn chiếm trên 70% khách du lịch cả tỉnh, chiếm trên 62% doanh thu du lịch tỉnh Thanh Hoá. Con số này cho thấy, Khu du lịch Sầm Sơn có một vị trí rất quan trọng đối với du lịch Thanh Hoá hiện tại cũng như trong tương lai.

9. Khu du lịch sinh thái Quảng Cư

Nằm ở Đông Bắc thị xã Sầm Sơn, có quy mô 354 ha. Ngoài bãi tắm biển nối liền với bãi biển Sầm Sơn, Quảng Cư còn có một hệ thống đầm hồ nuôi tôm, cua, cá nước lợ và rừng phi lao ngăn cát xanh ngắt. Đến đây, du khách vừa được đắm mình vào thiên nhiên, vừa có thể tham gia vào các loại hình du lịch như câu tôm, cá, du lịch bơi thuyền, tìm hiểu văn hoá địa phương, thăm quan làng nghề dệt sức truyền thống.... Ngoài ra, du khách có thể nghỉ lại tại các bangalow, lều, lán, làng trại, v.v. vừa hấp dẫn, vừa mang tính dân tộc, nhưng cũng rất hiện đại.

10. Khu du lịch Nghi Sơn - bãi biển Hải Hoà

Khu du lịch Nghi Sơn bao gồm xã đảo Nghi Sơn và xã Hải Thượng - huyện Tĩnh Gia. Đến với khu du lịch này, quý khách được tham quan các công trình công nghiệp như: nhà máy xi măng Nghi Sơn, cảng nước sâu, hệ thống hang động Trường Lâm, v.v. cách đấy không xa là bãi biển Hải Hoà - đây là một bãi tắm lý tưởng có chiều dài gần 4 km, bãi cát rộng, bằng phẳng, cát sạch. Độ mặn phù hợp và sóng vừa phải rất tốt cho sức khoẻ của con người. Trong tương lai, khu vực này có đủ điều kiện để xây dựng một khu du lịch nghỉ dưỡng và tắm biển phục vụ đông đảo du khách.

THE HIGH ECONOMIC-VALUED TOURIST SITES OF THANH HOA PROVINCE

Thanh Hoa province possesses plentiful and varied tourism potentials with attractive tour types organised for the travellers. In recent years, the effective investment and exploitation of those tour sites have lured lots of local and foreign tourists. Sam Son resort, Ben En and Quang Cu ecotourism areas, Cam Luong fish spring, Ho citadel, Lam Kinh cultural historical interests, Ham Rong cultural tour site and Tu Thuc cavern have become the familiar addresses attracting the local and foreign sightseers.

1. Ham Rong cultural historical interest

Located around 3 km from Thanh Hoa City on the north, by the highway 1A, Ham Rong complex of cultural - historical interests and landscapes, being invested with the project valued VND518 billion of investment capital, in the near future will become the cultural tour site at national scale. The immense pine-hills stand by the dreamlike valleys, which are surrounded by the mountains with shape of nine dragon chunks meandering across Ma River. Long Quang cavern on the Dragon Head Mountain is the place where the sightseers are able to admire the entire special charming landscape. Tien Son cavern lies on the Dragon, keeping the masterpieces of the creator.

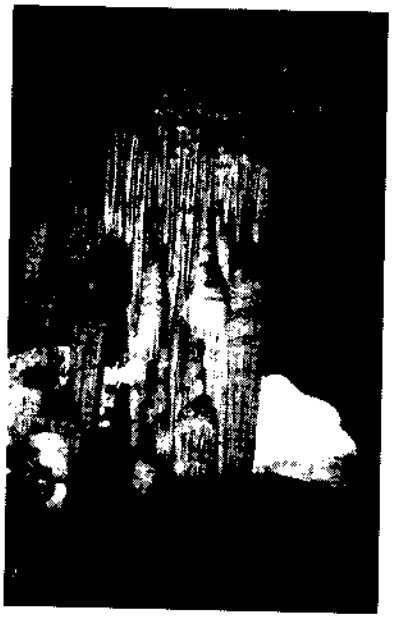

Tu Thuc cavern doorPicture 8: Sam Son beachPicture

Not only that, Ham Rong presently is the huge cultural historical museum. Every mountain, river, plot of ground and bridge there has become the life vestige imprinted the brilliant victory of Ham Rong military and people in the fierce period of the resistance against American Empire. Therefore, Ham Rong has become the proud symbol representing undaunted spirit of Viet Nam nation and probably been the explanation for the Ham Rong with six heroic units and many heroic individuals in only 2sq.km area. Presently, arrived Ham Rong interests, from Canh Tien mountainside, the tourists can see the manuscript "Quyet Thang" (Resolutely win), which dispirited the enemy.

2. Lam Kinh historical interests

This area belongs to Xuan Lam of Tho Xuan District, located 50 km far from Thanh Hoa City on the west. Right from here, the national hero Le Loi raised the flag to rise up in arm, lead the resistance against Minh invader, restored the independence for Dai Viet nation in the XV century. The vestiges show the ever existed special huge architectural works, the skilful engraved stony works and the royal palace and citadels such as internal and external citadels and Dragon yard, speciality of which is the mausoleums of the Le dynasties, Vinh Lang headstone and Thai Temple under Le dynasties at Bo Bridge. That was the temple worshipping the Le reigns, which was constructed in 1933. At these interests, the Vinh Lang headstone (Le Loi King) is still remaining, which was set up in 1433 - one of the biggest sedimentary rock with 2.97m height, 1.94m width and 0.27m thickness and the headstones of the Queen Ngo Thi Ngoc Dao, Le Thanh Tong King, Le Hien Tong King and Le Tuc Tong King. Besides, the travellers can visit Le Lai temple (5 km far from Lam Kinh). This temple worshipping the General, who changed the shirt to rescue Le Loi King in the emergency, is the attractive place for the travellers to visit.

Lam King festival is the biggest festival in the year, which has been organised in three days from August 21st - 23rd lunar calendar at the provincial scale, attracting around 100 thousands visitors.

3. Tay Do citadel (Ho citadel)

This is the grandiose stony military architectural work, being the capital of Ho dynasty at the end of XIV Century, early of XV Century, which belongs to two communes Vinh Tien and Vinh Long of Vinh Loc District (about 50km far from Thanh Hoa). These bastions were constructed by the stones carved in square shape with 1.5m length, 1m width and 0.8m thickness at average.

Tay Do citadel was not only the important military base leaned on the mountains and rivers but also the large-scale architectural work with the arches in orange-section shape and the external walls arranged by the rocks in "Cung" vertical letter, with the rocks joined manually and kept balance by compressing force, existing through centuries. Tay Do citadel, the valuable cultural relic, the grandiose architectural work has showed the excellent capability of Viet Nam people in architecture six centuries ago.

4. Le Hoan King Temple

Le Hoan Temple located not far from Lam Kinh interests, belonging to Xuan Lap commune, Tho Xuan District. In 979, Dinh Bo Linh was killed; in danger of aggression of Tong enemy, Duong Van Nga Queen mother wore the royal robe for Le Hoan and he became the King initiating Tien Le dynasty since then.

5. Ben En national garden

This complex consists of mountains, rivers and lakes with the area of 16,634ha, lying in Nhu Thanh District (36km from Thanh Hoa on the southwest). With plentiful and valuable sorts of animals and plants including elephants, tigers, bears, giant thousands-years-of-age ironwood tree and hundreds of diverse trees such as Lat Hoa, Cho Chi, Vu Huong and Sang Le, Ben En is suitable to the ecological tourism.

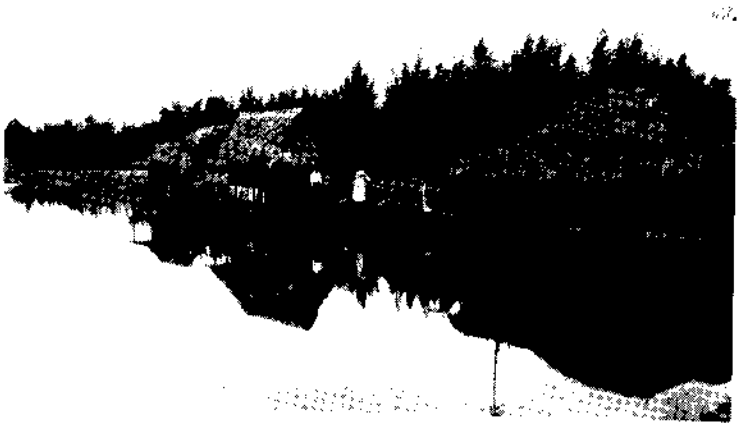

Quang Cu ecological tour site

Coming to Ben En national garden, the sightseers can yacht in the lake with the area of 4,000ha, 21 islands and the wonderful landscapes. Hai Van rocky mountains is home for many beautiful grottoes such as Hang Ngoc, Hang Can and Hang Lo Cao, where the first pig-iron was produced under the conduct of the Professor Tran Dai Nghia, supplied material for the weapon producing industry, contributed to Dien Bien Phu world-shaking victory.

6. Cam Luong "genie" fish spring

Located in Ngoc village, Cam Luong commune of Cam Thuy District, 80km far from Thanh Hoa City on the west, Cam Luong spring has thousands of fishes with two to eight kilograms of each, 30 kilograms of the biggest one. The fish flocks swim at Ngoc spring in daytime and come to the cave in the evening. The cave door is so narrow that enables only one person to get through. The local residents bestow it "the genie fishes".

Adjoining with this area is the marvellous Cay Dang cavern that can be compared to Tu Thuc cavern in Nga Son District. On the spring shore we can see Ban Ngoc - the village of Muong minority, the living activities and customs of whom are bold with characters of ethnic tribe such as gong festival, amulet usage, bamboo-tube rice and "ruou can" specialities.

7. Nga Son complex of interests

About 40 km driving from Thanh Hoa City, the

tourists are able to visit Nga Son interest-landscape complex, the legendary land with a range of such adjoining interests and beauty spots as Tu Thuc and Bach A carvens, Tien and Phu Treo pagodas, Than Phu door, Mai An Tiem temple, Dong Vua lake and Dao Tien (fairy peach) garden. Among those, Tu Thuc cavern, which was praised as "Nam thien de nhi dong" (the second natural beautiful cavern on the south region) is attached to the legend that Tu Thuc met the fairy. Once upon a time, Tu Thuc was the Chief of District, fond of drinking, chess and art. On one sightseeing trip he met Giang Huong fairy and left for the heaven to marry her. According to the leading specialists, that not only the legend as Tu Thuc cavern (also named Bich Dao cavern) is really the paradise with the stalactites in shapes of stores of money, salt and rice, plentiful of fruits and cattle like goats, swine, cows and buffaloes. The more you come inside, the more beautiful scenery you see with the tray of steamed glutinous rice, dragon head, phoenix wings, crane feet, fairy chessboard, water-fern, a way to heaven and a way to hell, creating the extraordinary diversified multicoloured landscape.

8. Sam Son resort

Arriving Thanh Hoa, the travellers could not help coming to Sam Son beach, the famous resort with wide beach, clean and brackish water and smooth sand bank spreading three km from Hoi rivulet to Truong Le Mountain.

Apart from sea-bathing and relaxing in Sam Son, the tourists can climb up the mountain enjoying a view. Truong Le range of mountains is winding and heaved like a image of a charming girl lying on the see, enjoying the vast sky. Legendary and marvellous Doc Cuoc temple nestles close into the mountainside. Hon Trong M the symbol of Sam Son resort is the tottering rocky sl beside immense pine hill, day and night singing with sea waves, telling about the faithful love of the you couple together lived and dead in the deluge. At the e of Truong Le range of mountains on the south is Co Ti (the Fairy) pagoda - where Uncle Ho called a halt enjo ing a view on the way to visit Thanh Hoa in 1961.

Sam Son resort presently has been equipped wi rather comprehensive infrastructure with material ar technical facilities including 265 temporary residence 4,837 rooms, of which 3,064 rooms satisfying interna tional standard with 12,290 beds, one modern cultura sport centre and some high quality service centres. Ever year, the number of tourists spend their holiday at San Son represents more than 70% of the whole province exceeds over 62% revenue of Thanh Hoa tourism. Thes figures show the crucial role of Sam Son resort in Thanh Hoa tourism at present as well as in the future.

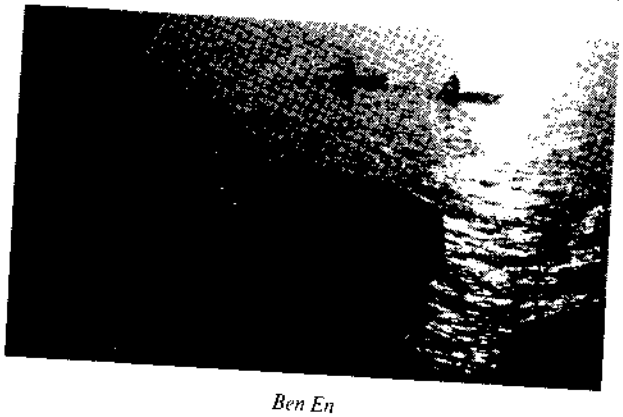

Ben En

9. Quang Cu ecological tour site

Lying in the North-east of Sam Son town, with the area of 354ha, in addition to the bathing beach connecting with Sam Son beach, Quang Cu also owns the system of ponds and lakes breeding brackish shrimps, crabs and fishes and the deep green casuarina forest for sand protection. Coming here, the sightseers wallow in the nature either take part in the entertainment types such as fishing, sailing, studying the local culture and visiting the traditional textile craft villages etc. Besides, the tourists are able to stay at the attractive camps, tents and shacks, which are conveying the national and modern characteristics.

10. Nghi Son resort - Hai Hoa beach

Nghi Son resort includes Nghi Son island-commune and Hai Thuong commune of Tinh Gia District. Coming to this resort, the travellers will be escorted to see the industrial constructions such as Nghi Son Cement Corporation, deep port and Truong Lam caverns. Nor very far from that the tourists will see Hai Hoa beach - the ideal bathing beach of 4km length, wide plain and clean sand-bank, water with reasonably salinity and moderate waves good for people's health. In the future, this region will be facilitated to build the resort for the travellers for relax and entertainment.

SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ THANH HÓA

PHỤC VỤ ĐẮC LỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

PHẠM CƯỜNG VINH - Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá

Trong thời kỳ kháng chiến, nguồn thu ngân sách của Thanh Hoá chủ yếu dựa vào thuế nông nghiệp. Hoà bình lập lại, trong thời gian đầu, việc cân đối thu chi ngân sách gặp rất nhiều khó khăn. Song vượt lên tất cả, Sở Tài chính - Vật giá đã thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách bằng những cố gắng khai thác nhiều nguồn thu, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước, góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng kinh tế, phấn đấu trở thành tỉnh có khả năng cân bằng thu, chi ngân sách.

Ra đời ngay sau khi nhân dân Thanh Hoá giành được chính quyền năm 1945, Sở Tài chính Thanh Hoá đã có nhiều thành tích phục vụ kháng chiến, kiến quốc. Trong những năm tháng kháng chiến, Thanh Hoá đã đóng góp sức người, sức của khá lớn cho tiền tuyến. Thành tích đó có đóng góp tích cực của công tác tài chính - ngân sách. Bước vào thời kỳ đổi mới, trước những đòi hỏi mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Sở Tài chính - Vật giá với vị thế là cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, giá cả trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm tham mưu cho tỉnh, bảo đảm vốn để kinh tế phát triển với tốc độ cao và ngày càng vững chắc đã góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

1. Từng bước đổi mới trong công tác điều hành và quản lý ngân sách nhà nước

Từ khi Luật Ngân sách nhà nước đi vào thực tiễn quản lý của các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở, hoạt động nghiệp vụ của Sở Tài chính - Vật giá đã từng bước đổi mới.

Theo đó, Sở đã tham mưu để Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế điều hành ngân sách đúng như các quy định của Nhà nước, sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Qua đó, các cấp, các ngành, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thu, chi một cách chủ động. Sở Tài chính - Vật giá cũng tăng cường quản lý tài chính, ngân sách bằng các biện pháp đồng bộ từ khâu lập dự toán đến quản lý cấp phát và thanh tra, kiểm tra việc chi tiêu ngân sách, bảo đảm chấp hành nguyên tắc chế độ tài chính ở các cấp, các ngành, đơn vị sử dụng ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước. Nhờ vậy, công tác thu, chi của các đơn vị đã dần đi theo quy định của tỉnh và Nhà nước.

Ông Phạm Cường Vinh – Giám đốc Sở Tài chính – Vật giá Thanh Hoá

Trong lĩnh vực tài chính cấp xã, Sở Tài chính - Vật giá đã phối hợp với ngành Thuế và Kho bạc Nhà nước hướng dẫn quản lý các nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và chỉ đạo phòng tài chính - kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các xã thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn, trong đó chú trọng thực hiện công khai tài chính - ngân sách hàng năm để ổn định tình hình tài chính, góp phần xây dựng chính quyền cơ sở ngày càng vững mạnh. Một trong những hoạt động thiết thực trong công tác quản lý tài chính cấp xã là hàng năm Sở phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn chế độ, chính sách và kế toán ngân sách xã để nâng cao trình độ chuyên môn và ổn định đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ này.

Thu ngân sách địa phương so với dự toán được giao (1996 - 2002)

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Năm	Dự toán đầu năm	Tổng thu ngân sách	Tỷ lệ đạt %
1	1996	559,6	479	89
2	1997	506,6	515,9	101
3	1998	452	563,4	124,6
4	1999	396,2	486	122,7
5	2000	507	537	111,1
6	2001	576	591	110
7	2002	660	636	107,8

Cùng với tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính ngân sách trong tình hình mới, những năm qua, Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hoá tiến hành cải tạo phát triển hệ thống tin học trong quản lý ngân sách nhà nước. Hệ thống tin học quản lý cấp phát ngân sách tại Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hoá đã trợ giúp đắc lực cho công tác quản lý, phối hợp khai thác tài nguyên thông tin phục vụ lãnh đạo.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động thu - chi ngân sách nhà nước

Từ những đổi mới trong điều hành, quản lý ngân sách, công tác thu, chi ngân sách của Sở Tài chính - Vật giá đã được thực hiện khá linh hoạt, kịp thời và chặt chẽ, mang lại hiệu quả cao.

2.1. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn luôn hoàn thành kế hoạch được giao. Trong đó, năm 2002, thu ngân sách từ khu vực doanh nghiệp quốc doanh địa phương bằng 114% so với dự toán, tăng 2% so với năm 2001; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 12,4% so với dự toán. Đồng thời, thu thuế khối công nghiệp ngoài quốc doanh hàng năm đều đạt trên 100%, thuế trước bạ đạt trên 140%/năm.

Để có được kết quả trên, Sở Tài chính - Vật giá đã phối hợp với Cục Thuế tham mưu để Uỷ ban nhân dân tỉnh giao mục tiêu tăng thu tối thiểu 10% so với dự toán Trung ương giao, nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển. Thêm vào đó, những năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh liên tục tăng qua các năm. Riêng năm 2002, GDP tăng 9,25% cao hơn 1,05% so với năm 2001, đây cũng là một trong những nhân tố tăng thu ngân sách. Ngoài ra, việc tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong GDP tăng 20 - 30% đã góp phần tăng thu ngân sách trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhân tố quyết định thắng lợi của công tác thu ngân sách là sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh. Trong đó, chủ trương phát triển sản xuất, cùng các chính sách ưu đãi đầu tư được ban hành đã khiến cho nguồn vốn đầu tư vào Thanh Hóa gia tăng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.2 Chi ngân sách

Trong điều kiện là một tỉnh nghèo, đất rộng, người đông, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội rất khó khăn, Sở Tài Chính - Vật giá đã bám sát chủ trương tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách của Đảng và Nhà nước để triển khai việc phân bổ, quản lý chi ngân sách một cách toàn diện.

Qua số liệu thống kê của Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hoá cho thấy, ngân sách các năm đã thể hiện tiết kiệm chi thường xuyên và tăng chi cho đầu tư phát triển. Nguồn ngân sách nhà nước dành cho đầu tư phát triển đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Thanh Hoá những năm vừa qua. Trong đó, tập trung ưu tiên cho các lĩnh vực như: đầu tư hệ thống đường giao thông, bao gồm nâng cấp các tuyến đường từ trung tâm tỉnh đến các huyện, xây mới các cầu qua sông, các tuyến đường phục vụ phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; đầu tư xây dựng lại hệ thống thuỷ lợi. Nhờ đó, mạng lưới giao thông Thanh Hoá trong một vài năm trở lại đây đã thay đổi nhanh chóng. Hiện nay, đường ôtô đã đến tất cả các trung tâm huyện, 619/633 xã trong toàn tỉnh; mạng lưới thuỷ lợi cũng phát triển khá.

Để đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh lên một tầm cao mới, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách đã đóng

Tổng chi ngân sách giai đoạn 1996 - 2002

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Tổng thu	827	972	1.113	1.343	1.637	1.752	1.825

góp tích cực trong việc đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Lễ Môn, Đình Hương, Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Lam Sơn, Thạch Thành để thu hút đầu tư phát triển kinh tế. Ngoài ra, một trong những lĩnh vực được ưu tiên, đó là đầu tư sản xuất và sử dụng giống mới trong sản xuất nông nghiệp, đầu tư sản xuất giống lúa lai, đầu tư cải tạo đàn bò thịt, phát triển đàn bò sữa và đàn lợn hướng nạc để xuất khẩu. Trong lĩnh vực thuỷ hải sản, đầu tư sản xuất giống tôm, cua, cá và các cơ sở sản xuất, chế biến được chú trọng. Những dự án đầu tư này đã tạo ra sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu cây con, tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm cho giá trị nông - lâm trong GDP giảm về cơ cấu nhưng tăng mạnh về số lượng.

Nhằm phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, Sở Tài Chính - Vật giá Thanh Hoá đang cố gắng phấn đấu để vừa tăng nguồn thu vừa phối hợp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn chi, đẩy mạnh tiết kiệm chống lãnh phí. Đồng thời, Sở Tài Chính - Vật giá tập trung nghiên cứu mọi giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2010 Thanh Hoá có thể tự cân đối thu, chi ngân sách, từ đó ổn định về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong tỉnh. Để đạt được mục tiêu này, trong thời gian tới, Sở Tài chính - Vật giá phải tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Với kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua và những mục tiêu trên chặng đường kế tiếp, Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hoá không những là một công cụ đắc lực trong công tác quản lý ngân sách tỉnh, mà còn là một trong những ngành quan trọng đóng góp một phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hoá trong thiên niên kỷ mới.

Địa chỉ liên hệ:

SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ

88 Triệu Quốc Đạt - Phường Điện Biên - thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá

Giám đốc: Phạm Cường Vinh

Bài học kinh nghiệm từ thực tế

Hơn nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, Sở Tài chính - Vật giá luôn được Đảng, chính quyền và nhân dân chăm lo xây dựng và đạt được nhiều thành tích đáng tự hào. Trải qua chặng đường đầy gian nan nhưng cũng rất đỗi tự hào ấy, Sở Tài chính - Vật giá đã rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động. Thứ nhất, phải thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng và đội ngũ đảng viên một lòng, một dạ phục vụ nhân dân, từ đó được nhân dân tin yêu, tín nhiệm. Xây dựng đội ngũ cán bộ tinh thông nghiệp vụ, biết sử dụng phương tiện hiện đại và quy trình làm việc chặt chẽ. Đây được coi là nhiệm vụ rất quan trọng, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và đáp ứng đòi hỏi của xu thế phát triển mới. Thứ hai, không ngừng chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ về chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ. Coi đây là nhiệm vụ thường xuyên không được lơ là, mất cảnh giác và phải thường trực ý thức phục vụ nhân dân.

Bước vào thời đại mới, thời đại của khoa học - công nghệ thông tin, đòi hỏi công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản lý tài chính nói riêng phải từng bước được cải cách theo hướng thông thoáng trong cơ chế hiện đại hóa trang thiết bị. Vì vậy, công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ và trang bị kiến thức hiện đại cho đội ngũ cán bộ cần được chú trọng. Những bài học này sẽ là một cẩm nang để cho những thế hệ kế tiếp của Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hoá thực hiện tốt sự quản lý ngân sách của mình.

THANH HOA DEPARTMENT OF FINANCE AND PRICING

ACTIVELY SUPPORTING THE PROVINCIAL SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT PROGRAMS

PHAM CUONG VINH
Director of Thanh Hoa Department of Finance and Pricing

During the resistance, budget income of Thanh Hoa province mainly based on agricultural duty. In the first period after the restoration of peace, the province faced lots of difficulties in budget balancing. Above all, Thanh Hoa Department of Finance and Pricing has effectively carried out the State budget collection and spending by making efforts in exploiting diverse sources, enhancing effects in budget expenditure, actively contributing to economic structure conversion and growth, striving to be the capable province in budget balancing.

Established right after Thanh Hoa people seized power in 1945, the provincial Department of Finance and Pricing obtained numerous achievements in supporting resistance for the State foundation. Thanh Hoa province contributed considerable human and material forces for the front including the active part of finance-budget activity. Entered the renovation period era (social and economic reform), facing the new requirements of the market economy towards socialism tendency, the Department in the position of the professional body belonging to Thanh Hoa People's Committee is in charge of State management of finance and pricing in the province, concurrently the general staff for the provincial authorities, ensuring capital to develop economy speedy and stably, helping to boost local economic growth.

1. Gradually renovating in State budget management

Since the Law on State budget was put into effect, the management activities of the sectors, branches and units at basic levels, the professional operation of the Department of Finance and Pricing recorded gradual progress.

Accordingly, the Department has given advice to the provincial People's Committee in promulgating mechanism on State budget management in compliance with the State regulations and suitable to the local political task, supporting active implementation of budget collecting and spending tasks carried out by the sectors, branches and units. The Department has also intensified finance and budget control by synchronously applying the measures including budget estimation and distribution administration, expenditure inspection and control, ensuring strictly abiding the financial regime in the sectors, branches and units operating by State budget and in the State-owned enterprises. Thanks to that, the income and expenditure activity in the units has gradually obeyed the regulations of the province and the State.

In the financial sector at commune level, the Department has co-ordinated with the Taxation sector and State Treasury to conduct budget collection and expenditure management, direct the municipal financial and planning departments to guide the communes implementing democratic regulations at commune, ward and township levels. Of which the importance should be attached to realising finance-budget disclosure annually to stabilise the financial situation and contribute to further empowering basic authorities. One of the Department's practical activities in financial management at commune level is the annual co-ordination with the People's Committees of the districts, towns and city in organising the refresher professional training courses on budget regulations, policies and accounting, stabilising the staff in charge of this task.

Along with the implementation of finance and budget administration in present, Thanh Hoa Department of Finance and Pricing in last years had carried out information technology (IT) improvement and development in State budget management. The Department's IT system mastering budget allocation has efficiently supported the management and co-operation in exploiting information resource for leading activity.

2. Enhancing efficiency of State budget income and expenditure

From the innovations in State budget mastering and managing, the budget collection and expenditure activities of the Thanh Hoa Department of Finance and Pricing have been performed flexibly, promptly, closely and effectively.

2.1 Budget income

The allotted plan on total budget collection in the province has always been accomplished. Of which, budget income from local State-run enterprises in 2002 reached 114% of the estimates, increased 2% over 2001, from foreign-invested businesses exceeded 12.4% over estimates. Concurrently, annual tax collecting from non-State sector recorded over 100% and registration fee accounted for over 140% a year.

To achieve those above-mentioned results, the Department, in co-ordination with Department of Taxation, advised the provincial People's Committee to set the target of increasing minimum budget collection at 10% compared to the Central' estimates aiming at satisfying development investment requirement. Additionally, GDP growth in the province recently increased year-on-year, being the factor raising budget income. In 2002 alone, GDP rose 9.25%, exceeded 1.05% over 2001. Besides, GDP rate of 20%-30% increase in industry-construction sector contributed to raising budget income in this field. However, the close guidance of the leaders at different levels, the provincial Committee of the Party and People's Committee is always a decisive factor for the success in budget collection. Of which, the issued policies on production development and investment incentive have helped increase in investment capital to Thanh Hoa, speeding up economic growth.

2.2 Budget expenditure

Under the circumstances of the needy, large and populated province with poor socio-economic infrastructure, the Department of Finance and Pricing strictly follows the Party's and State's policy on budget expenditure economising and efficiency enhancing, target at comprehensive display of distributing and managing budget expenditure.

The statistics of the Department of Finance and Pricing shows the economy in annual regular expenditure and increase in development investment expenditure. State budget source for development investment has made importance contribution to Thanh Hoa socio-economic growth in recent years. Of which, priority is given to such fields as investing in traffic system including upgrading the roads connecting the provincial centre with the districts, building bridges and the roads supporting pivotal economic areas and investing in rebuilding irrigation system. Thanks to that, the traffic

Local budget collection compared to allotted estimates (1996 - 2002)

Unit: billion VND

No	Year	Estimates at the beginning of the year	Total budget income	Achieved rate %
1	1996	559.6	479	89
2	1997	506.6	515.9	101
3	1998	452	563.4	124.6
4	1999	396.2	486	122.7
5	2000	507	537	111.1
6	2001	576	591	110
7	2002	660	636	107.8

Total budget expenditure for 1996 - 2002

Unit: billion VND

Year	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Total amount	827	972	1,113	1,343	1,637	1,752	1,825

network in Thanh Hoa recently experienced rapid changes. Today, the roads have reached all the district centres and 619/633 communes in the entire province, the irrigation also relatively developed.

Aiming at bringing provincial economic development to the new height, the investment resource from the budget has contributed a great deal in building the Le Mon, Dinh Huong, Nghi Son, Bim Son, Lam Son and Thach Thanh Industrial Zones to attract investment capital for economic growth. Apart from that, one of the sectors enjoying preferential investment policy is production and usage of new breed in agriculture, generating cross-breeding rice, renovating the herds of supper-meat cows, expanding milk cow and porker swine for export. In aquacultural sector, the importance is attached to investing in planting shrimp, crab and fish breeds and in the producing and processing units. Those projects created the considerable conversion in agricultural structure, facilitating active transfer of economic structure, reducing agro-forestry GDP value in structure and powerfully increasing in quantity.

In an attempt to further bringing the obtained achievements into play, Thanh Hoa Department of Finance and Pricing is striving for both raising income sources and co-ordinating close control with check of the budget expenditures, intensifying economy against dissipation. Simultaneously, the Department of Finance and Pricing focuses on researching all solutions to implement the target of budget self-balance in 2010 in the province, leading to stabilising provincial socio-economic infrastructure. To make this aim attainable, the Department in the time to come should centre on building the staff satisfying new task requirements.

With the achieved outcomes in recent years and the forthcoming targets, Thanh Hoa Department of Finance and Pricing is not only the capable tool in budget management in the province but also the crucial sector making remarkable contribution to Thanh Hoa economic development in the new millennium.

The lesson from the reality

Over 50 years of construction and development, Thanh Hoa Department of Finance and Pricing had always earned the attention and support from the Party, authorities and people and gained proud performance. Experienced from such proud but also difficult stages, the Department drawn the lessons from the practical operation. Of which, regularly taking care of faithful Party and Party members that wholeheartedly serve the people, earning people' trust. Setting up professional and well-qualified staff, which are skilful in applying modern equipment and closed working procedures. These are considered the essential tasks, gradually enhancing operation quality and efficiency and meeting the requirements of the new development tendency. Subsequently, constantly improving staff' political ideology, morality and professional skills. Regarding this as the frequent duty, should not be neglected and lacked of vigilant, always be aware of serving the people.

Entering the new era of information technology, the State management in general and financial administration in particular require gradual renovation towards flexibility in equipment modernisation. Therefore, the special attention should be paid to staff fostering, improving their professional qualification and equipping employees with updated knowledge. Those experiences will be the guidance for the next generations of Thanh Hoa Department of Finance and Pricing to effectively carry out its task of budget management.

CÔNG TY BẢO HIỂM THANH HOÁ

MANG ĐẾN CHO KHÁCH HÀNG NHỮNG DỊCH VỤ HOÀN HẢO

Trong cuộc sống, học tập, lao động và công tác luôn tiềm ẩn những yếu tố rủi ro bất ngờ mà chúng ta không thể lường trước được. Vụ cháy chợ Đồng Xuân ở Hà Nội, hàng nghìn vụ tai nạn giao thông hàng năm, lũ lụt ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây đã gây thiệt hại khó lường về người và của. Một trong những công tác trợ giúp đắc lực để chia sẻ đau thương, tổn thất, đảm bảo cho cuộc sống, sinh hoạt, học tập, sản xuất nhanh chóng trở lại bình thường, đó là "Bảo hiểm". Nhận thức được vị trí và vai trò đó, trong những năm qua, Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá đã đóng góp không nhỏ vào các thành tựu về kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá.

Ông Đỗ Văn Chung Giám đốc Công ty bảo hiểm Thanh Hóa

Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá (còn gọi là Bảo Việt Thanh Hoá) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) - doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng đặc biệt, đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Bảo hiểm Thanh Hoá được thành lập theo Quyết định 194/BH của Bộ Tài chính ngày 9-8-1980. Đóng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, Công ty Bảo Hiểm Thanh Hoá có nhiệm vụ chính là tổ chức dịch vụ bảo hiểm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu bảo hiểm, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần ổn định sản xuất và cuộc sống, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước.

Hoạt động bảo hiểm ngày càng mở rộng

Thời gian đầu thành lập, Bảo hiểm Thanh Hoá chỉ có 3 nghiệp vụ bảo hiểm được triển khai là: bảo hiểm tai nạn hành khách, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và bảo hiểm thân tàu thuyền. Hoạt động của Bảo hiểm Thanh Hoá lúc này rất khó khăn do kinh nghiệm chưa nhiều, cán bộ phần lớn còn trẻ cả về tuổi đời và tuổi nghề. Nhưng cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế Thanh Hoá và cả nước, những cơ hội đến với Bảo Việt Thanh Hoá cũng khá nhiều, song rủi ro cũng không phải là ít.

Song, thành công lớn nhất của Bảo Việt Thanh Hoá ở chỗ biết tận dụng những cơ hội tốt, đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro. Vì thế, sau 23 năm xây dựng và trưởng thành, đội ngũ cán bộ nhân viên của Bảo Việt Thanh Hoá đã không ngừng lớn mạnh. Hiện nay, Bảo Việt Thanh Hoá có 45 cán bộ, trong đó 75% có trình đội đại học, cùng hơn 500 đại lý chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và đông đảo đội ngũ cộng tác viên trên khắp 27 huyện, thị, tiến hành triển khai gần 30 nghiệp vụ bảo hiểm trên cả 3 loại hình: tài sản, trách nhiệm dân sự và con người. Những con số nêu trên cho thấy, Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá đã

Kết quả về khai thác bảo hiểm giai đoạn 1998 - 2002

STT	Nhóm nghiệp vụ	Đơn vị	1998	1999	2000	2001	2002
1	Con người	Người	828.504	770.404	487.577	653.437	831.267
2	Xe cơ giới	Chiếc	22.200	15.132	22.029	26.096	27.132
3	Tàu thuyền	Chiếc	103	72	89	132	139
4	Tài sản	Tr.đồng	1.819.288	771.542	998.430	1.339.653	2.107.625

Nguồn: Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá

Các nghiệp vụ bảo hiểm đang được Bảo Việt Thanh Hoá triển khai

1) Nhóm nghiệp vụ bảo hiểm tài sản:
- Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu.
- Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển nội địa.
- Bảo hiểm cháy nổ và rủi ro đặc biệt.
- Bảo hiểm thân xe ôtô.
- Bảo hiểm thân xe môtô.
- Bảo hiểm thân tàu biển, tàu sông và tàu cá.
- Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt.
- Bảo hiểm thiết bị điện tử.
- Bảo hiểm các công trình dân dụng đã hoàn thành.

2) Nhóm nghiệp vụ bảo hiểm con người:
- Bảo hiểm toàn diện con người.
- Bảo hiểm tai nạn con người.
- Bảo hiểm toàn diện học sinh.
- Bảo hiểm tai nạn học sinh.
- Bảo hiểm sinh mạng cá nhân.
- Bảo hiểm thuỷ thủ thuyền viên.
- Bảo hiểm tai nạn hành khách.
- Bảo hiểm khách du lịch.
- Bảo hiểm lái phụ xe, bảo hiểm người ngồi trên xe.
- Bảo hiểm chăm sóc cho người đỉnh sản.
- Bảo hiểm trợ cấp nằm viện và phẫu thuật.

3) Nhóm bảo hiểm trách nhiệm dân sự:
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ xe ôtô đối với người thứ ba.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ xe môtô đối với người thứ ba.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu thuyền và pha sông biển.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu sông.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu cá.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ nuôi chó.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ đầu tư.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ xe đối với hàng hoá vận chuyển trên xe.
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hành khách chở trên xe.

hoàn thiện cơ cấu tổ chức và trở thành doanh nghiệp nhà nước duy nhất trong tỉnh đủ sức phủ kín địa bàn, thoả mãn mọi nhu cầu bảo hiểm cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Về kết quả kinh doanh, trong giai đoạn 1998 - 2002, bình quân hàng năm có 1.407 tỷ đồng giá trị tài sản hàng hoá, 22.625 lượt phương tiện thuỷ bộ, 714.238 lượt người được bảo hiểm tại Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá. Với mục tiêu bảo toàn vốn cho các đơn vị, ổn định sản xuất và đời sống cộng đồng, hoạt động của Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá đã góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước.

Về giải quyết bồi thường, từ năm 1998 đến năm 2002, hàng năm, Bảo Việt Thanh Hoá đã tiến hành giám định và giải quyết bồi thường cho 17.000 vụ thiệt hại về con người, 354 vụ tổn thất về phương tiện thuỷ bộ, 161 vụ thiệt hại về tài sản theo đúng quy tắc bảo hiểm và đáp ứng đầy đủ, kịp thời quyền lợi chính đáng của khách hàng. Trong những năm qua, do tham gia bảo hiểm đầy đủ, nhiều tổ chức, cá nhân không may bị rủi ro đã được bảo toàn vốn, giúp cho quá trình sản xuất - kinh doanh nhanh chóng trở lại bình thường, nhiều người đã sớm ổn định đời sống sinh hoạt, học tập và công tác.

Kết quả công tác bồi thường (1998 - 2002)

STT	Nhóm nghiệp vụ	Đơn vị	1998	1999	2000	2001	2002
1	Con người	Người	12.411	16.553	15.082	17.993	18.032
2	Xe cơ giới	Vụ	327	305	275	341	343
3	Tàu thuyền	"	32	34	35	34	46
4	Tài sản	"	161	116	208	143	176

Nguồn: Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá

Định hướng phát triển đến năm 2010

Trên cơ sở dự báo những cơ hội và thách thức mới của thị trường bảo hiểm Việt Nam, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam đã xác định mục tiêu trong những năm sắp tới là: không ngừng đổi mới, hoàn thiện để giữ vững, phát triển thị trường, tiếp tục khẳng định vị trí doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu ở Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh. Định hướng phát triển đến năm 2010 là tốc độ tăng trưởng về doanh thu gấp 2 lần hiện nay.

Quán triệt mục tiêu và định hướng phát triển của Tổng công ty, Đại hội chi bộ Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá nhiệm kỳ V đã xác định rõ: "Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh tăng trưởng và hiệu quả" theo các chỉ tiêu và định hướng phát triển sau: "Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2003 và những năm tiếp theo đạt tăng trưởng 15% trở lên, phục vụ tốt nhất nhu cầu bảo hiểm góp phần vào sự ổn định và phát triển kinh tế của tỉnh nhà".

Với phương châm "Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển", Bảo Việt Thanh Hóa quyết tâm phấn đấu để tự hoàn thiện mình, phục vụ tốt nhất các nhu cầu bảo hiểm của các tầng lớp dân cư, khẳng định vị trí thiết yếu của mình và tạo được uy tín vững chắc trên địa bàn Thanh Hoá.

Để đạt được mục tiêu trong định hướng chiến lược trên, Công ty Bảo hiểm Thanh Hoá đã đề ra một số giải pháp sau:

1) Cải tiến và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng cáo để việc tham gia bảo hiểm trở thành tập quán trong mọi tầng lớp dân cư, trở thành một nhu cầu trong cuộc sống.

2) Tư vấn để khách hàng lựa chọn được sản phẩm bảo hiểm thích hợp nhất với bảo phí và điều kiện bảo hiểm tối ưu.

3) Phục vụ khách hàng tận tâm, cung cấp sản phẩm tận nơi theo yêu cầu.

4) Nâng cao chất lượng giám định và bồi thường nhanh chóng, chính xác và thuận tiện cho khách hàng với chiến lược: khách hàng là trung tâm của mọi hoạt động.

5) Không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện cho công tác dịch vụ khách hàng và tổ chức quản lý.

Bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm là một trong những nội dung thuộc về trình độ văn hoá cơ bản của mọi công dân. Các Mác đã nói: "Người hạnh phúc nhất là người đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất". Trải qua hơn 20 năm phát triển, Bảo Việt Thanh Hoá luôn phấn đấu dành cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất từ khâu khai thác đến giám định, bồi thường khi không may bị tai nạn, sự cố bất ngờ xảy ra. Luôn cải tiến các quy trình, thủ tục, nghiêm túc trong kỹ thuật nghiệp vụ, cùng với khả năng tài chính vững mạnh và mạng lưới rộng khắp đã giúp Bảo Việt Thanh Hoá tiếp tục góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng quê hương Thanh Hoá ngày càng giàu mạnh, vững bước sánh vai cùng cả nước bước vào thế kỷ XXI.

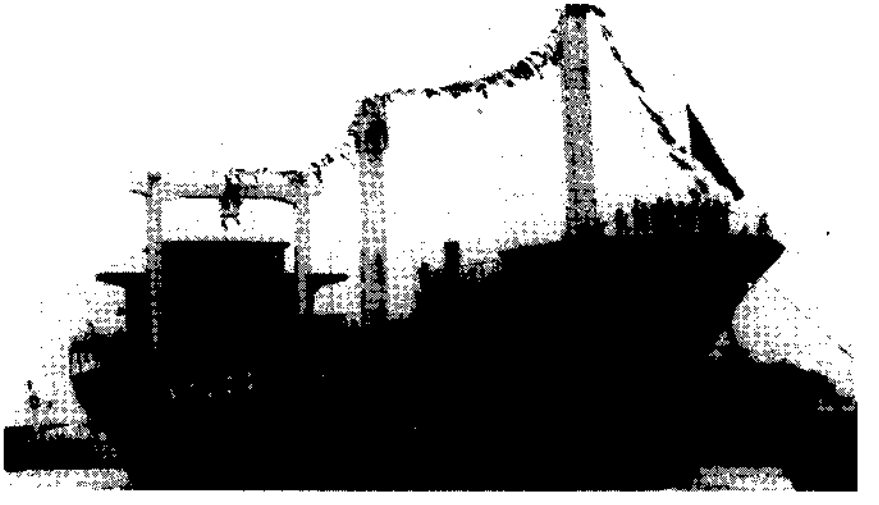

Bảo hiểm tài sản – một trong những loại hình đang được Bảo Việt Thanh Hoá triển khai hiệu quả

THANH HOA INSURANCE COMPANY

BRINGING PERFECT SERVICES TO THE CUSTOMERS

There always exist potential risks out of the blue in our lives and businesses. The recent disasters such as the fire at Dong Xuan Market in Hanoi, the floods in the central region and the Cuu Long Delta and thousands of traffic accidents that happen every year have caused immeasurable damages. In those cases, Insurance become one of the most effective assistant measures to ease the losses and help the life, production and learning soon recover. Perceiving that importance, Thanh Hoa Insurance Company has made significant contributions to Thanh Hoa Province's socio-economic achievements for the past years.

Thanh Hoa Insurance Company (also called Bao Viet Thanh Hoa) is a subsidiary of Vietnam Insurance Corporation (Bao Viet), a special-classed state-owned enterprise that meets the quality management standard of ISO 9001:2000. Thanh Hoa Insurance Company was established according to the Resolution No.194/BH dated August 9th 1980 by the Ministry of Finance. Located in Thanh Hoa Province, Thanh Hoa Insurance Company is in charge of the local insurance services organisation to satisfy the insurance demands in production and life, contribute in stabilising the local people's production and life and serve the country's industrialisation and modernisation cause.

Head Office of the Company

Expanding insurance activities

At its establishment, Thanh Hoa Insurance Company provided only three types of insurance including passenger accident, vehicle owner's liability and ship insurance. The company was faced with great difficulty because most of the cadres were then young and inexperienced. Along with the growth of Thanh Hoa economy in particular and the national economy in general, Thanh Hoa Insurance Company enjoys more opportunities but also confronts more risks.

Results of the insurance exploitation in 1998 – 2002

No.	Objects	Unit	1998	1999	2000	2001	2002
1	Personal	People	828,504	770,404	487,577	653,437	831,267
2	Vehicles	Pieces	22,200	15,132	22,029	26,096	27,132
3	Ships	Pieces	103	72	89	132	139
4	Property	VND million	1,819,288	771,542	998,430	1,339,653	2,107,625

Source: Thanh Hoa Insurance Company

Compensation in 1998 – 2002

No	Objects	Unit	1998	1999	2000	2001	2002
1	Personal	People	12,411	16,553	15,082	17,993	18,032
2	Vehicles	Cases	327	305	275	341	343
3	Ships	Cases	32	34	35	34	46
4	Property	Case	161	116	208	143	176

Source: Thanh Hoa Insurance Company

The biggest achievement of Bao Viet Thanh Hoa is that it could seize the good opportunities and minimise the risks. Therefore, the company's staff has been continuously expanded over the past 23 years of building and growing. Bao Viet Thanh Hoa now has 45 cadres (75 percent of them have finished university), more than 500 agents and a large network of freelance agents over 27 districts and towns. The company covers nearly 30 insurance services including property, civil liability and personal insurance. Those figures show that Thanh Hoa Insurance Company has perfected its organisation and become the only local state-owned enterprise whose business covers the province, meet the insurance demands of the local and external organisations and individuals.

As regards the business results, about VND1,407 billion of property and goods, 22,625 vehicles and ships, and 714,238 people are insured by Thanh Hoa Insurance Company every year in 1998 - 2002. In general, Thanh Hoa Insurance Company has made significant contributions to the country's industrialisation and modernisation by insuring the community life and enterprises' investment in production stability.

Civil liability insurance facilitates unfortunate people's recovery

As regards compensation, from 1998 to 2002, Thanh Hoa Insurance Company annually examined and compensated 17,000 cases of personal, 354 cases of vehicles and ships damages, 161 cases of property losses, following strictly the insurance rules and satisfying the customers' rights. Buying insurance, many organisations and individuals that unfortunately had accidents have been satisfactorily repaid to soon recover their businesses and productions, and rapidly stabilise their living, learning and work.

Development strategy orientation by 2010

Estimating the new opportunities and challenges of Vietnam insurance market, Vietnam Insurance Corporation defines its targets for the coming years as: non-stop renovation and perfection towards market expansion, and continuing to manifest its position of the driving insurance enterprise in Vietnam in the current intense competition. Vietnam Insurance Corporation targets the double of the present revenue in 2010.

Penetrating the corporation's target and development orientation, at its Party branch's meeting (session V), Thanh Hoa Insurance Company decided to "make our best for greater and more effective business" by "fulfilling the yearly business plan of 2003 and achieving the growth of 15 percent up in the following years, and satisfying people's insurance demands, to contribute in the local economic stability and development".

With the motto of "giving customers the best services to develop", Thanh Hoa Insurance Company is making great efforts to perfect itself, provide the best services to the people of any classes, and manifesting

its essential position and prestige across Thanh Hoa Province.

Pursuing the targets of the strategy mentioned above, Thanh Hoa Insurance Company has set up the following solutions:

1. Improve and intensify the propaganda and advertisement to familiarise the people with insurance and its benefits so that buying insurance could soon become a habit and demand in their life.

2. Consult the customers with the most appropriate insurance products to the premiums and optimal terms.

Personal combine insurance one of the insurance type preferred by customers

3. Wholeheartedly serve the customers and provide insurance products at customers' call.

4. Improve the examining quality and hasten the compensation procedures in the best way with the strategy: customers are the central factor of the company's operation.

5. Keep improving quality of the customer service and management organisation.

Insurance and its benefits reflex people's fundamental literacy. Karmarse once said: "Happier people are those who make more others happy". Over 20 the years of development, Bao Viet Thanh Hoa always try to provide the best services from exploitation to examining and compensation. With its non-stop improvements in professional techniques along with the prosperous financial capacity and a large network of agents, Thanh Hoa Insurance Company have made great contributions to building up the more wealthy Thanh Hoa Province that is confidently entering the 21st Century.

Bao Viet Thanh Hoa's insurance services

1) Property insurance:
- Import-export cargo insurance
- Inland transit cargo insurance
- Fire, explosion and special perils insurance
- Car insurance
- Motor vehicle insurance
- Vessels, ships and fishing ships insurance
- Construction and assembling insurance
- Electronic equipment insurance
- Finished civil works insurance

2) Personal insurance:
- Personal combine insurance
- Personal accident insurance
- Student combine insurance
- Student accident insurance
- Personal life insurance
- Crew insurance
- Passenger accident insurance
- Tourist insurance
- Driver, driver's assistant and passenger insurance
- Sterilisation insurance
- Hospital treatment and operation insurance

3) Civil liability insurance:
- Automobile owner's liability to the third party insurance
- Motor owner's liability to the third party insurance
- Ship and ferry owner's liability insurance
- River steamer owner's liability insurance
- Fishing ship owner's liability insurance
- Dog owner's liability insurance
- Investor' liability insurance
- Transport vehicle owner's liability to the freight insurance
- Vehicle owner's liability to the passengers insurance

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA

BƯỚC CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, cùng với việc đổi mới công tác quản lý, áp dụng chiến lược kinh doanh hợp lý, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong những năm vừa qua. Sự chuyển mình đó không những đã góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước mà còn mang ý nghĩa kinh tế - xã hội không nhỏ.

Vốn đất rộng, người đông, người dân nơi đây lại có tinh thần tương trợ, sẵn sàng đóng góp bằng nhiều hình thức để xây dựng quê hương, đất nước nên Thanh Hoá là một thị trường có tiềm năng to lớn để tổ chức khai thác nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Tháng 12-1982, Ban Quản lý Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá, tiền thân của Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá được thành lập. Từ đó đến nay, công ty thực hiện nhiệm vụ độc quyền quản lý, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết trên phạm vi toàn tỉnh, đưa hoạt động xổ số kiến thiết đi vào nền nếp, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của nhân dân, đóng góp ngày một nhiều cho ngân sách nhà nước.

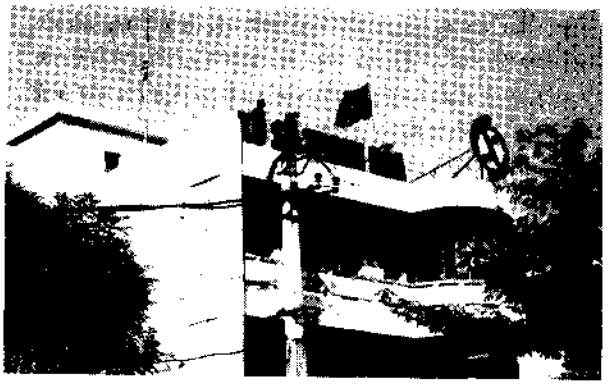

Trụ sở Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa

Bước đột phá trong kinh doanh

Kể từ năm 1997 trở về trước, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hoạt động kinh doanh của Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá phát triển không ổn định, kết quả thu được chưa nhiều. Nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự ủng hộ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong toàn tỉnh đối với công tác tổ chức phát hành các loại hình xổ số kiến thiết nên công ty có bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Nếu năm 1996 tổng doanh thu của công ty đạt 3,6 tỷ đồng thì đến năm 2002 tăng 291,6%, đạt 10,5 tỷ đồng. Năm 1996, công ty nộp ngân sách nhà nước 391 triệu đồng; đến năm 2002, mức nộp ngân sách tăng 241%, đạt 4,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thu nhập của cán bộ, nhân viên cũng dần được cải thiện: nếu năm 1996 thu nhập bình quân của người lao động tham gia trực tiếp vào hoạt động xổ số kiến thiết chỉ khoảng 400.000 - 500.000 đồng/tháng thì đến năm 2002 đã tăng lên 800.000 - 900.000 đồng/tháng.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Tài chính - Vật giá, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá đã và đang tập trung khôi phục, mở rộng thị trường hoạt động. Ông Nguyễn Trọng Quang - Giám đốc Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá - cho biết: " Đến nay, công ty đã mở rộng mạng lưới kinh doanh trên 23/27 huyện thị, với hàng trăm người tham gia bán vé số. Ngoài những loại xổ số truyền thống như xổ số kiến thiết miền Bắc, xổ số biết kết quả ngay, công ty đã đưa thêm hai loại hình mới: xổ số lô tô, xổ số chương trình mục tiêu để đa dạng hoá mặt hàng kinh doanh. Trong 4 loại hình xổ số ấy, loại hình xổ số chương trình mục tiêu thường xuyên được công ty tổ chức phát hành với sự hỗ trợ của các cấp, các ban, ngành, đoàn thể và các huyện thị... nhằm mục đích gây quỹ xây dựng các công trình phúc lợi cho tỉnh".

Cùng với việc mở rộng mạng lưới đại lý và sắp xếp lại cơ cấu quản lý trong kinh doanh, ban lãnh đạo công ty luôn áp dụng những chính sách kinh doanh hết sức hợp lý, nhất là các chính sách được áp dụng đối với các đại lý đã khuyến khích người bán hàng tăng nhanh số lượng xổ số và doanh thu. Bên cạnh đó, trong quá trình kinh doanh, hoạt động giám sát đã được tăng cường, thường xuyên duy trì đầy đủ các thành viên tham gia giám sát, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng

công ty. Đối với các loại vé xổ số kiến thiết miền Bắc, xổ số lô tô, xổ số biết kết quả ngay, công ty thực hiện nguyên tắc thế chấp, mua đứt bán đoạn, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, không để phát sinh công nợ, tạo ra động lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển.

Góp phần dựng xây quê hương giàu đẹp, văn minh

Hoạt động xổ số kiến thiết là một hoạt động có tính chất đặc thù. Nếu xét về mặt kinh tế, hoạt động này đã thực sự trở thành một biện pháp tài chính, một công cụ khai thác thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thật vậy, mặc dù việc đầu tư của nhà nước vào lĩnh vực hoạt động xổ số kiến thiết không nhiều so với các ngành kinh tế khác và đây không phải là một ngành sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng thông qua hoạt động xổ số kiến thiết, Nhà nước đã thu hút được một lượng tiền mặt khá lớn từ trong dân chúng, góp phần điều hoà lưu thông tiền tệ.

Trường Trung học Phổ thông Hàm Rồng– một trong những công trình được xây dựng bằng Quỹ Xổ số Chương trình

Không những thế, ngân sách nhà nước có thêm một nguồn thu không nhỏ, một mặt dùng để cân đối thu, chi ngân sách; mặt khác, bổ sung cho nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có nhiều công trình công cộng mang ý nghĩa

Mục tiêu cơ bản đến năm 2005

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, định hướng hoạt động xổ số kiến thiết của Bộ Tài chính và của khối xổ số kiến thiết miền Bắc đến năm 2010; trên cơ sở những kinh nghiệm sẵn có và tình hình thực tế của địa phương, hoạt động xổ số kiến thiết tỉnh Thanh Hoá tiếp tục đổi mới để phát triển mạnh mẽ theo hướng bền vững, ổn định lâu dài với các loại hình xổ số phong phú, đa dạng, đảm bảo đạt mức tăng trưởng về doanh thu và thu nộp ngân sách tăng từ 15 - 20%/năm. Trên cơ sở đó, mục tiêu cơ bản đến năm 2005 là:

- ***Tổng doanh thu bán vé đạt: 18 - 20 tỷ đồng/năm. Trong đó:***
+ ***Xổ số kiến thiết truyền thống đạt 3,5 - 4 tỷ đồng.***
+ ***Xổ số biết kết quả ngay đạt 2 - 2,5 tỷ đồng.***
+ ***Xổ số lô tô đạt 9 - 9,5 tỷ đồng.***
+ ***Xổ số chương trình mục tiêu đạt 3,5 - 4 tỷ đồng.***
- ***Lãi hàng năm từ 0,8 - 1 tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 5,5 - 7 tỷ đồng/năm.***

Để hoạt động xổ số có thể phát huy tối đa tính ích lợi, khai thác tiềm năng của thị trường và thực sự là công cụ thu ngân sách nhà nước hữu hiệu nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ nhân dân, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa xin đề xuất một số kiến nghị với Uỷ ban nhân dân huyện, tỉnh và các ban, ngành hữu quan:

- Đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét giao chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước về xổ số kiến thiết cho các huyện, thị, thành phố và dự toán thu ngân sách hàng năm để các huyện, thị, thành phố quan tâm hơn nữa đến hoạt động xổ số kiến thiết trên địa bàn, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

- Đề nghị các cấp uỷ và Uỷ ban nhân dân các huyện, thị, thành phố thường xuyên chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể và các xã, phường, thị trấn tuyên truyền cổ động toàn dân tham gia mua vé xổ số, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty Xổ số Kiến thiết khảo sát để mở rộng thị trường các loại hình xổ số đến tận các khu dân cư.

kinh tế - xã hội. Điều này được thể hiện thông qua quá trình đóng góp ngân sách của Công ty Xổ số kiến thiết Thanh Hoá. Trong những năm gần đây, nhờ hoạt động xổ số kiến thiết, công ty đã thu hút được một lượng tiền nhàn rỗi khá lớn trong dân chúng, năm 2001 nộp ngân sách 3,6 tỷ đồng, năm 2002 nộp 4,1 tỷ đồng.

Thông qua các đợt xổ số chương trình mục tiêu mà Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa phối hợp với các ngành, huyện thị phát hành, hàng chục tỷ đồng đã được huy động, góp phần không nhỏ cho đầu tư dựng xây các công trình phúc lợi xã hội, hỗ trợ kinh phí cho công tác văn hoá - xã hội như: xây dựng Trường Phổ thông Trung học Hàm Rồng, sự nghiệp truyền thanh Triệu Sơn, Quỹ hỗ trợ nạn nhân bị chất độc màu da cam, Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, Quỹ khuyến học, Quỹ hỗ trợ nông dân nghèo và xây dựng một số phòng học, trạm xá, bệnh viện ở các huyện như Thọ Xuân, Hà Trung...

Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá đã phối hợp cùng các ban, ngành khác tham gia tích cực phòng, chống các tệ nạn xã hội, đặc biệt là nạn số đề... tuyên truyền để đại bộ phận dân chúng hiểu được tính lành mạnh của xổ số, tham gia vui chơi xổ số với mục đích " ích nước, lợi nhà".

Không chỉ có vậy, hoạt động xổ số kiến thiết còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Hiện nay, thông qua mạng lưới đại lý bán vé của mình, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá đã tạo việc làm cho hơn 400 lao động, trong đó, đại đa số là những người về hưu, mất sức lao động.... Mức thu nhập của các đại lý cũng khá cao và ổn định, có đại lý thu nhập 600.000 - 700.000 đồng/người/tháng, góp phần cải thiện, ổn định đời sống của nhiều gia đình.

Để đảm bảo tính công bằng và quyền lợi của khách hàng, Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá luôn quan tâm và có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của người mua vé. Trong tỉnh Thanh Hoá, mỗi năm có hàng trăm nghìn lượt người may mắn trúng thưởng với tổng giá trị tiền thưởng khoảng 4,5 - 5 tỷ đồng.

Những thành tựu mà Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá đạt được trong những năm vừa qua đã minh chứng hoạt động xổ số kiến thiết là một hoạt động kinh tế, xã hội có tính đặc thù cao, có ý nghĩa lớn về chính trị, kinh tế - xã hội, là hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao.

THANH HOA COUNTRY - BUILDING LOTTERY COMPANY

A VIGOROUS CHANGE

Under the close concern and direction of the provincial Party Committee, People's Committee and Finance Department, renovating its management and applying appropriate business strategies, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company has made a vigorous change in the past few years. The change has made significant contributions in not only the budget income increase but also socio-economic development.

Thanh Hoa is a big potential market for lottery business because it is a large area with large population, and the local people are always willing to help others as well as making contributions to the country building in different ways. The Board of Management of Thanh Hoa Country - Building Lottery (later named Thanh Hoa Country - Building Lottery Company) was established in December 1982. Since then, the company functions as the sole unit to issue country-building lotteries in the province, manage the good operation of lottery to serve the local people's demands for wholesome entertainment and make a greater contribution to the state's budget.

A breakthrough in business

Before 1997, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company used to had an unstable and ineffective business due to many different causes. Thanks to the concern and direction from the provincial Party Committee, People's Committee and People's Council, which are reinforced by the supports from the Party

Ham Rong Secondary School, one of the works built with Object Lottery Fund

bodies and authorities, sectors and organisations over the province, the company has made vigorous developments over the past few years. Thanh Hoa Country - Building Lottery Company achieved the total revenue of VND3.6 billion in 1996 but VND10.5 billion in 2002, increasing to 291.6 per cent. Its contribution to the state's budget was VND391 million in 1996 but VND4.1 billion in 2002, increasing to 241 per cent. Along with that, the employee's income has also achieved great improvement. The average income of the direct workers used to be VND400,000 - 500,000 per month but came up to VND800,000 - 900,000 per month in 2002.

Under the direct guidance from the Department of Finance and Pricing, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company has been concentrating in recovering and expanding its market. "So far, the company has expanded its business throughout 23 of the 27 local districts and towns with a great number people involving in lottery sales. Besides the traditional lotteries such as: the North Building and prompt

Major targets until 2005

Based on the socio-economic development orientation put forward by the Resolution of the municipal Party Committee's Fifteenth Congress, lottery business orientation until 2010 by the Finance Ministry and the north country-building lottery union; the available experience and the local actual situation, Thanh Hoa lottery will continue renovating for the sustainable development with the diversification of lottery types and strive for the annual revenue and budget contribution growth of 15-20 per cent. On that basis, the major targets of the company until 2005 are:

- *Annual revenue: VND18 - 20 billion. Of which:*
- *Traditional lottery: VND3.5 - 4 billion*
- *Prompt result lottery: VND2 - 2.5 billion*
- *Lotto: VND9 - 9.5 billion*
- *Object lottery: VND3.5 - 4 billion*
- *Annual profits of VND0.8 - 1 billion. Annual contribution to the state's budget: VND5.5 - 7 billion.*

To maximise the benefits that lottery brings about, and make it the really effective tool to raise money for the state's budget and enrich the capital for social welfare works, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company would like to recommend that:

- The provincial People's Committee should consider trusting the budget income to the districts, towns and cities' lottery businesses, and make annual budget income estimates so that the districts, towns and cities will pay more concern to their local lottery businesses to achieve bigger state's budget income.

- The Party's bodies and People's Committee of the districts, towns, and cities should regularly direct the wide-range propaganda to call for the whole people's participation in buying lottery, create favourable conditions for the Country-Building Lottery Company to carry out market researches and expansion for the bigger state's budget income.

result lottery, the company is providing its customers with two new types including lotto and object lottery in order to diversify its business. Of those four types, the object lottery, aiming at raising money for the public works, is regularly issued with the assistance from the bodies, sectors, organisations, districts and towns." - said Nguyen Trong Quang - Director of Thanh Hoa Country - Building Lottery Company.

Aside from agent network expansion and business management re-organisation, the company's board of management always applies right policies, especially to the agents to encourage their sales for the better revenue increase. Moreover, the supervision has been intensified with an adequate membership of supervisors to accomplish the council's functions, responsibilities and rights. For the North building lottery, prompt result lottery and lotto tickets, the company applies the rules of mortgaging and definitive sale to ensure the liquidation and non-arisen debt thus creating motivations for the business development.

Making contributions to building the country more prosperous and civilised

Country-building lottery is a specific business that has become a real financial method, a measure to have more incomes for the state's budget. In deed, although lottery business is not invested much by the state like other economic sectors, and is not a productive business, a large volume of money has been raised from the people through the medium of lottery to regulate the money circulation. Thanh Hoa Country - Building Lottery Company has, on one hand, made a great contribution to the state's budget income and expenditure balance; and on the other hand supplemented to the capital for infrastructure construction. In the recent years, with the country-building lottery, the company has lured a large sum of idle money from the people. Its contribution to the state's budget was VND3.6 billion in 2001 and VND4.1 billion in 2002.

Through the medium of object program lottery that Thanh Hoa Country - Building Lottery Company co-operates with industries, districts and towns to issue, tens of billions of dongs has been raised. That money has been used in funding social welfare and cultural works such as: Ham Rong High School, Trieu Son radio network, dioxin infected victims assistance fund, young talent assistance fund, learning encouragement fund, poor farmer assistance fund, some classrooms, heath centres and hospital in Tho Xuan and Ha Trung.

Under the guidance by the provincial Party Committee and People's Committee, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company co-operates with other sectors and industries to preventing social evils, especially gambling, and widely propagandise the good natures of lottery with the aim of "for the country and your own benefits".

In addition, country building lottery helps create employment and brings more income to the labourers. Through its agents network, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company has created employment for more than 400 people, most of who are retired people. The incomes of the agents are rather high and stable, some achieve VND600,000 to VND700,000 per month. That helps improve the livings of many families.

Ensuring the fairness and customers' rights, Thanh Hoa Country - Building Lottery Company is highly responsible for the customers' benefits. Annually, there are hundreds of lottery winners winning totally VND4.5 - 5 billion over Thanh Hoa Province.

It is visible from Thanh Hoa Country - Building Lottery Company's achievements that country - building lottery is a highly specific socio-economic business that makes great socio-economic and political contributions and is a highly effective business that brings benefits to both the country and the ticket buyers.

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG TỈNH THANH HOÁ

CHỖ DỰA ĐÁNG TIN CẬY CỦA DOANH NGHIỆP

Nằm trong hệ thống chi nhánh của các ngân hàng thương mại Việt Nam tại Thanh Hoá, chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá, sau 15 năm xây dựng và trưởng thành, đã nỗ lực phấn đấu vươn lên khẳng định mình. Nguồn vốn tăng trưởng 93 lần so với năm đầu mới thành lập (năm 1988) và chính thức trở thành thành viên của câu lạc bộ các chi nhánh ngân hàng có nguồn vốn huy động trên 1.000 tỷ đồng vào năm 2003.

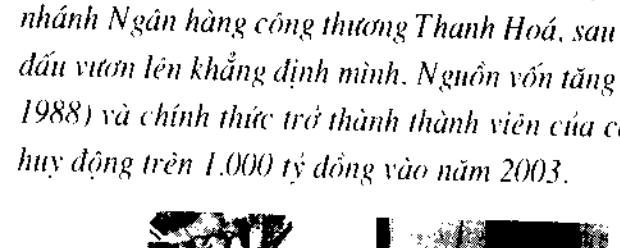

Ông Mai Xuân Thu – Giám đốc Ngân hàng công thương Thanh Hoá

Thực hiện nghị quyết Trung ương 3 (khoá VI) và Nghị định số 53/HĐBT ngày 26-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc chuyển hoạt động ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh trong giai đoạn mới, hình thành hệ thống ngân hàng hai cấp, hệ thống ngân hàng cả nước được tách ra làm 02 chức năng cụ thể: quản lý nhà nước và kinh doanh tiền tệ tín dụng, các dịch vụ ngân hàng.

Đây cũng là mốc son đánh dấu sự ra đời của hệ thống ngân hàng thương mại, tham gia vào công cuộc đổi mới và thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong xu thế này, ngày 1-7-1988, Ngân hàng Công thương Việt Nam đã ra đời và chính thức đi vào hoạt động. Sau thời gian khảo sát, xây dựng mạng lưới tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân hàng Công thương Việt Nam, ngày 01-09-1988, chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Thanh Hoá được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng nhà nước thị xã Thanh Hoá, cùng các phòng tín dụng công nghiệp, tín dụng thương nghiệp của Ngân hàng nhà nước tỉnh và 02 chi nhánh Ngân hàng công thương cấp II (được cấu thành từ Ngân hàng nhà nước Bỉm Sơn, Ngân hàng nhà nước Sầm Sơn) và trở thành đơn vị thành viên của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Buổi đầu thành lập

Khi mới thành lập, chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Thanh Hoá chỉ có 06 phòng ban (chưa có phòng giao dịch), gồm 02 chi nhánh trực thuộc là chi nhánh Ngân hàng công thương Bỉm Sơn và chi nhánh Ngân hàng công thương Sầm Sơn. Với tổng số cán bộ, công nhân viên là 325 người, trong đó có 59 người có trình độ đại học (chiếm 18%), trung cấp 141 người (chiếm 43%), còn lại là 39% sơ cấp và chưa qua đào tạo. Trong đó, cán bộ có khả năng về ngoại ngữ, tin học, chính trị gần như chưa có. Nguồn vốn huy động lúc này (năm 1988) mới đạt 13.400 triệu đồng, dư nợ cho vay là 10.326 triệu đồng. Song, tại thời điểm này, ngân hàng chưa cho vay ngoại tệ, huy động tiết kiệm ngoại tệ và các sản phẩm dịch vụ còn đơn giản, tin học hầu như chưa được áp dụng.

Ngày 14-11-1990, theo Quyết định số 420/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), hệ thống ngân hàng công thương Việt Nam được thành lập lại, hoạt động theo Pháp lệnh Ngân hàng và được coi là pháp nhân hạch toán kinh tế độc lập, có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Hoạt động trong thời điểm bung ra của nền kinh tế nhiều thành phần, chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá cũng bắt đầu mở rộng hoạt động. Hàng loạt các phòng giao dịch được thành lập. Chẳng hạn, Hội sở Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh thành lập 07 phòng giao dịch, chi nhánh Ngân hàng công thương Bỉm Sơn thành lập 03 phòng giao dịch, chi nhánh Ngân hàng công thương Sầm Sơn thành lập 01 phòng giao dịch.

Nhờ mở rộng hoạt động, đến năm 1995, nguồn vốn huy động của chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đạt

Hội thảo triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2002

190,42 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động bằng ngoại tệ (quy VNĐ) đạt 18,03 tỷ đồng (nguồn vốn huy động bằng ngoại tệ được thực hiện từ năm 1994). Đầu tư tín dụng đạt gần 262.976 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước là 127.592 triệu đồng, dư nợ cho vay ngoài quốc doanh 135.384 triệu đồng. Lãi suất đạt 10.053 triệu đồng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công vẫn còn những tồn tại, yếu kém. Hiệu quả hoạt động của các phòng giao dịch thấp, đội ngũ cán bộ công nhân viên không theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế, chất lượng tín dụng bộc lộ nhiều tồn tại, nợ quá hạn bắt đầu tăng lên.

Bước sang năm 1996, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 ngày 21-9-1996 thành lập lại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước. Trong 2 năm đầu thực hiện Quyết định này, chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đã có sự thay đổi lớn về cán bộ lãnh đạo do hầu hết các cán bộ ở vị trí chủ chốt đều đến tuổi nghỉ theo chế độ. Đồng thời, chi nhánh cũng thực hiện một quyết sách lớn trong công tác tổ chức cán bộ theo hướng trẻ hoá, nhằm nâng cao năng lực và tạo sức cạnh tranh, từng bước soát xét lại những khoản nợ đọng, dư nợ do những năm trước chuyển sang. Với những quyết sách đúng đắn, hoạt động của chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá dần ổn định và khẳng định được vị thế

Những thành tích nổi bật trong 15 năm xây dựng và trưởng thành

1. Nguồn vốn tăng trưởng 93 lần so với năm đầu thành lập, đến năm 2003, chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đã chính thức tham gia vào câu lạc bộ các chi nhánh Ngân hàng có nguồn vốn huy động trên 1.000 tỷ đồng.

2. Sớm đối mặt và rút kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn trong cơ chế thị trường, từ đó đưa ra những quyết sách đúng trong khâu tổ chức cán bộ và kiện toàn bộ máy hoạt động.

3. Công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ được quan tâm thích đáng, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến hết năm 2002, trình độ của cán bộ chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đã nâng lên nhanh chóng. Trong đó, thạc sỹ chiếm 1,5%; đại học 36,5%; cao đẳng, cao cấp nghiệp vụ ngân hàng chiếm 20%; trung cấp chiếm 30% (trong số này có đến 50% đang học hàm thụ đại học). Hầu hết cán bộ tín dụng của chi nhánh đều sử dụng thành thạo máy vi tính và tiếng Anh, trình độ nghiệp vụ cao, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện chức năng xuất - nhập khẩu và thanh toán quốc tế đạt hiệu quả kinh doanh cao, đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp và quốc gia.

4. Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ trước những nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp dân cư thuộc mọi thành phần kinh tế.

5. Tiếp cận nhanh chóng và hiệu quả công nghệ thông tin, các thiết bị ngân hàng hiện đại, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong kinh doanh, đáp ứng ngày càng cao trước yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

6. Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được nâng lên theo sự đòi hỏi của thực tiễn trên cơ sở những đúc rút kinh nghiệm của 15 năm đổi mới và sàng lọc khắc nghiệt của cơ chế thị trường.

trong hệ thống ngân hàng thương mại. Chẳng hạn, năm 2002, vốn huy động của chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đạt 841 tỷ đồng, tăng 284% so với năm 1997. Tổng dư nợ đạt 846.185 triệu đồng, tăng 464%, trong đó nợ quá hạn năm 2002 chỉ ở mức 2% (năm 1997 là 24%). Lợi nhuận đạt 11.508 triệu đồng là năm có kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay.

Định hướng phát triển đến năm 2010 và năm 2020

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2010 và năm 2020; yêu cầu phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam theo Chỉ thị số 275/BCS của Ban Cán sự Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh hoá lần thứ XV về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá đến năm 2010, chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá đã hoạch định chiến lược phát triển đến năm 2005 và 2010. Ông Mai Xuân Thu - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá cho biết: "Chúng tôi quyết tâm xây dựng chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Hoá trở thành một ngân hàng hiện đại, kinh doanh có hiệu quả, có ưu thế trong cạnh tranh, có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, với phương châm: phát triển, an toàn và hiệu quả".

Định hướng phát triển đến năm 2005 và năm 2010

- *Tốc độ tăng trưởng vốn huy động bình quân: 25%/năm*
- *Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân: 18 - 20%/năm, trong đó:*

+ *Dư nợ cho vay trung và dài hạn chiếm tỷ trọng 30 - 35% trên tổng dư nợ.*

- *Đẩy nhanh tiến trình cơ cấu nợ và lành mạnh hoá tài chính:*

+ *Trước mắt trong năm 2003, toàn chi nhánh thu hồi được 4.000 triệu đồng nợ đọng (không kể số nợ được xử lý bằng nguồn vốn trích dự phòng rủi ro);*
+ *Phấn đấu đến 2005 cơ bản xử lý xong các khoản nợ đọng.*
+ *Lợi nhuận năm sau tăng 10% so với năm trước.*
+ *Đời sống cán bộ, công nhân viên ngày càng được nâng cao.*

Under the Central Resolution No.3 (Session VI) and Decree No.53/HĐBT dated March 26th 1988 by the Council of Ministers (presently the Government) on the transfer from banking activities to socialistic economic and business accounting, and establishment of two-level banking system, the national banking system was separated into two specific functions: state management and business on credit, currency and banking services.

That landmark marked the establishment of commercial banking system and its participation in the renovation and implementation of industrialisation and modernisation. On that trend, on July 1st 1988, Vietnam Bank for Industry and Commerce was established and officially put into operation. After investigating and building up the operational network of Vietnam Bank for Industry and Commerce, on September 1st 1988, Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Industry and Commerce was established based on the integration of Thanh Hoa Town Branch of State Bank of Vietnam (SBV), the commercial credit services of provincial branch of SBV and two second level branches of Vietnam Bank for Industry and Commerce (formed from Bim Son and Sam Son Branches of SBV) and became a member of Vietnam Bank for Industry and Commerce.

Initial days

At its establishment, Thanh Hoa branch of Vietnam Bank for Industry and Commerce had merely six working offices (without any transaction office) inclusive of two belonging affiliates: Bim Son Branch of Vietnam Bank for Industry and Commerce and Sam Son Branch of Vietnam Bank for Industry. With total 325 officials including 59 university graduates, (occupying 18%), 141 gained intermediate qualification (43%), the rest 39% were elementary qualification and untrained staff, of whom there were likely nobody equipped with proficient knowledge of foreign languages, information technology (IT) and politics. Contemporary mobilised capital (1988) reached only VND13,400 million with outstanding loan of VND10,326 million. However, at that time the branch with its simple banking services and without IT application have not grant loan and mobilised savings in foreign currency.

THANH HOA BRANCH OF VIET NAM BANK FOR INDUSTRY AND COMMERCE
A RELIABLE SUPPORT FOR ENTERPRISES

Belonging to the branch network of Viet Nam Bank for Industry and Commerce, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Industry and Commerce, after 15 years of development and maturity, has striven for its prestige. With the capital source increasing 93 times in comparison with the commencing year (1988), it became an official member of the club of branches with mobilised capital of VND1,000 billion by 2003.

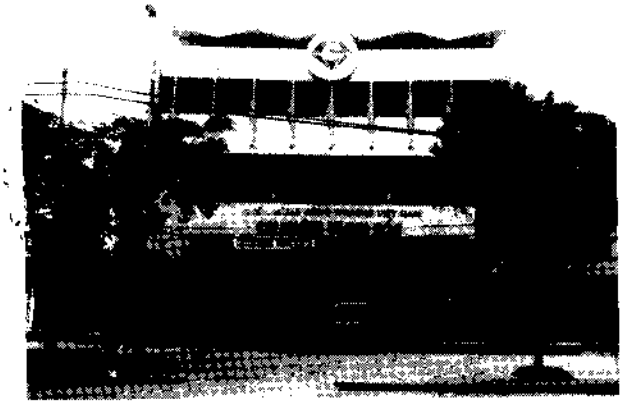

Headquarters of Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Industry and Commerce

On November 14th 1990, under Decision No.420/CT by Chairman of Council of Ministers (presently the Prime Minister), Viet Nam Bank for Industry and Commerce System was re-established, operating under the Ordinance on Bank, being regarded as legal entity with independent cost accounting having dependent cost accounting affiliates. Performing in the blooming multi-sector economy, the Thanh Hoa Branch began its operational extension. A range of transaction offices was established. For instance, the Provincial, Bim Son and Sam Son Branches established seven, three and one transaction offices respectively.

Thanks to its operation expansion, by 1995, mobilised capital of the Thanh Hoa Branch achieved VND190.42 billion including VND18.03 billion of capital in foreign currencies mobilised since 1994. Credit investment reached approximately VND262.976 billion, of which outstanding loan of the state-owned and non-state enterprises was VND127.592 million and VND135.384 million respectively. Its interests attained VND10.053 million. Besides its success, the Thanh Hoa Branch saw impediments and weakness with low operational effectiveness of transaction offices; banking staff failed in catching up with the market economic development; there were limitations in credit quality, and overdue debt increased.

Early 1996, the Governor of State Bank of Vietnam signed Decision No.285/QĐ-NH5 dated September 21st 1996 on re-establishment of Viet Nam Bank for Industry and Commerce under the model of the State Corporation. For the first two years of the Decision implementation, the Thanh Hoa Branch had made great changes in the managerial structure due to important leaders' retirement as regulated. Simultaneously, the branch decided to implement great decisive policy on rejuvenating its personnel to improve their capacity, create its competitiveness and gradually check outstanding debt remained from previous years. By proper decisions, the branch's operation has gradually stabilised and manifested its impetus in the commercial banking system. For example, in 2002, the branch's mobilised capital reached VND841 billion, increased 284% over 1997. Its total outstanding loan achieved VND846.185 million, rose 464% with the 2002 over due debt of 2% (against 24% in 1997). Furthermore, that year ever witnessed the branch's highest interest of VND11.508 million.

Development orientations by 2010 and 2020

Implementing Resolution of the Ninth Congress of Vietnam Communist Party on socio-economic development Strategy by 2010 and 2020 of Vietnam, Requirements for Viet Nam Banking System Development under Instruction No.275/BCS by Party

Salient achievements during 15 years of development and maturity

1. Capital source rose 93 times compared to the first year of establishment; by 2003, the Thanh Hoa Branch became an official member of the club of branches having mobilised capital of VND1,000 billion.

2. Confronting and drawing experiences from the market practical operation to work out proper policies to personnel organisation and operational apparatus consolidation.

3. Paying due attention to staff training and retraining to meet the demands of the socialist market oriented mechanism. By late 2002, the branch's staff's standards had been improved rapidly. Of whom, 1.5%, 36.5%, 20% reached master, tertiary and high-level business qualification respectively and 30% are intermediate qualification, 50% of which were attending a university correspondence course. Almost all the branch's credit officials are proficient in computer using and English with high professional qualification, helping the local enterprises with their importation and exportation as well as international settlement to get higher economic effectiveness and ensure the enterprises' and nation's safety.

4. Diversifying services types to meet increasing and diversified demands of segments of people and every economic sector.

5. Accessing rapidly and effectively IT, updated banking equipment to raise business productivity, quality and effectiveness, satisfying increasing demands for regional and global economic integration.

6. Improving managerial skills of the branch's leaders and managers to satisfy practical requirements based on experiences accumulated during 15 years of renovation and the market mechanism's harsh selection.

Signing Ceremony on Credit Contract, Project on capacity modernisation and improvement of production line No2 of Bim Son Cement

Civil Affairs Committee. Resolution of the 15th Thanh Hoa Provincial Party Committee Congress on Thanh Hoa's socio-economic development Strategy by 2010, the branch has blueprinted development strategy by 2005 and 2010. "We are determined to build up Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank For Industry and Commerce to be a modern bank with high business effectiveness, predominant competitiveness and capability to meet every demand of the clients under the motto: development, safety and effectiveness" - Director the Thanh Hoa Branch, Mai Xuan Thu revealed.

Development orientations by 2005 and 2010

- *Annual average mobilised capital growth rate: 25%*
- *Annual average outstanding loan growth rate: 18 - 20%, of which:*
+ *Mid and long-term loan: 30 - 35 % of the total*
- *Pushing up debt structure process and financial cleaning up:*
+ *Firstly in 2003, the entire branch shall collect VND4,000 million of remaining debts (excluding debt settled by risk preventive capital source)*
+ *By 2005, remaining debts shall mainly be settled*
+ *Achieving interest with year-on-year increase at 10%*
+ *The branch's staff's living standards shall be increasingly improved*

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THANH HOÁ

46 NĂM VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Là một trong ba ngân hàng thương mại quốc doanh đóng trên địa bàn tỉnh, trong nhiều năm qua, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động, tích luỹ kinh nghiệm trong việc tiếp xúc và lựa chọn dự án đầu tư, đặc biệt đã đầu tư đúng hướng, đúng trọng tâm, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Thanh Hoá.

Những bước ngoặt lịch sử

Tháng 7-1957, Chi điếm Ngân hàng Kiến thiết Thanh Hoá (tiền thân của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá) là một trong những chi điếm đầu tiên của hệ thống ngân hàng được thành lập trên cơ sở tách ra từ bộ phận cấp phát tài chính. Mặc dù còn rất non trẻ, song chi điếm ngân hàng đã hoàn thành xuất sắc trọng trách phục vụ sự nghiệp khôi phục và cải tạo nền kinh tế tỉnh Thanh Hoá sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cấp phát và quản lý vốn xây dựng cơ bản cho 30 công trình lớn, nhỏ với nguồn vốn 8,7 triệu đồng. Những năm tiếp theo, nguồn vốn do chi điếm ngân hàng quản lý đã tăng lên 15 triệu đồng với 50 công trình. Nhưng điều đáng nói ở đây, những công trình do chi điếm ngân hàng đầu tư đến thời điểm này vẫn phát huy tác dụng trong quá trình phát triển kinh tế tỉnh như: đập Bái Thượng, Nhà máy giấy Lam Sơn, Nhà máy giấy Mục Sơn, nhà máy cơ khí tỉnh.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, toàn Đảng, toàn dân đồng tâm hợp lực tập trung xây dựng, phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội trước những bước ngoặt lớn của đất nước nói chung và Thanh Hóa nói riêng, Chi điếm Ngân hàng Kiến thiết Thanh Hoá đã không ngừng phát triển và mở rộng cả về lượng và chất. Tính đến năm 1965, ngoài 1 chi nhánh ngân hàng tỉnh còn phát triển thêm 12 chi điếm ngân hàng khu vực, 1 Đảng bộ, 1 tổ chức công đoàn cơ sở và 12 chi đoàn thanh niên. Cũng từ đấy, công tác quản lý xây dựng cơ bản cũng như cấp phát vốn đầu tư các công trình xã hội của Chi điếm Ngân hàng Kiến thiết Thanh Hoá không ngừng tăng lên, từ vài triệu đồng lên 165 triệu đồng, cấp vốn cho 60 - 70 công trình, trong đó có những công trình lớn mang tầm cỡ quốc gia như: cầu Hàm Rồng, công trình Bắc sông Mã, Nam sông Mã.

Bước sang giai đoạn 1965 - 1975, hoà chung khí thế "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", Ngân hàng

Hoạt động giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá

Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá vừa tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản, khôi phục kinh tế, xây dựng lại các công trình, nhà máy, xí nghiệp quốc doanh, các công trình giao thông,... vừa thực hiện tốt chủ trương hậu cần tại chỗ và chi viện cho miền Nam ruột thịt. Tổng số vốn đầu tư trong 10 năm (1965 - 1975) là 734 triệu đồng, tăng gấp 3,9 lần so với giai đoạn 1957 - 1965. Theo ông Vũ Văn Dự - Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa cho biết, sau nhiều năm cấp vốn đầu tư, lần đầu tiên ngân hàng đã xác định thời gian thu hồi vốn và trả nợ ngân hàng, đây là bước chuyển biến lớn, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Thời kỳ 1986 - 1990 là thời gian thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII với nội dung xuyên suốt là thực hiện đổi mới nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tập trung phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn là lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu. Trong 5 năm đổi mới, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa đã thành lập thêm chi nhánh tại các huyện thị, nhằm mở rộng địa bàn hoạt động. Trong đó, ngân hàng đặc biệt chú trọng cho vay phục vụ các mục tiêu kinh tế trọng điểm. Quyết định này kết hợp với những giải pháp linh hoạt đã giúp ngân hàng gặt hái được nhiều thành công. Trong thời kỳ này, ngân hàng đã cấp phát và cho vay 55.763 triệu đồng, tăng gấp nhiều lần so với thời kỳ 1981 - 1985, trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực giao thông, thuỷ lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Năm 1990, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa thực hiện chủ trương xoá bỏ bao cấp trong đầu tư xây dựng cơ bản, các ngành sản xuất vật chất chuyển dần sang đầu tư theo phương thức tín dụng. Phương thức mới này đã góp phần tăng cường vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý kinh doanh, quản lý vốn xây dựng cơ bản. Cũng như bao ngân hàng khác, từ chỗ chỉ quản lý và cấp phát vốn xây dựng cơ bản, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa cũng phải chuyển sang thực hiện kinh doanh tín dụng đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước, với lãi suất ưu đãi từ các nguồn vốn ngân sách, vốn huy động, vốn vay trong và ngoài nước. Nhờ năng động, nắm bắt kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, bám sát sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, chỉ sau một thời gian ngắn, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá đã đạt được những thành tựu khả quan. Nếu như năm 1986,

Kết quả hoạt động năm 2002 và chỉ tiêu phát triển đến năm 2005

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2002	KH 2003	KH 2004	KH 2005
a - Tổng tài sản. Trong đó:	1.040	1.205	1.231	1.565
- Tổng dư nợ TD	882	1.057	1.231	1.425
- Ngắn hạn	520	624	725	838
- Trung và dài hạn	362	433	506	587
b - Tổng tài sản nợ. Trong đó:	1.040	1.205	1.385	1.565
- Vốn huy động	801	973	1.188	1.449
- Dưới 12 tháng	462	571	711	880
- Từ 12 tháng trở lên	339	402	477	569
c - Trích quỹ Dự phòng rủi ro	7,3	5,3	5,0	5,0
d - Lợi nhuận trước thuế	3,3	3,7	4,5	5,0
e - Nguồn nhân lực (người)	111	120	120	130

Nguồn: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá

nguồn vốn huy động của chi nhánh đạt 668 triệu đồng, thì đến cuối năm 1997 lên tới gần 174,5 tỷ đồng, tăng gấp 260 lần; đồng thời đã cho vay được gần 80 lượt dự án với mức vốn trên 120 tỷ đồng. Các loại hình dịch vụ khác cũng được chú ý phát triển như: bảo lãnh, dịch vụ thanh toán, tư vấn ngân hàng trong lĩnh vực đầu tư phát triển và nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Đặc biệt, ngân hàng đã đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt và đa dạng trong hoạt động huy động vốn, giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển. Hầu hết các dự án đầu tư đều phát huy hiệu quả và trả được nợ cho ngân hàng, điển hình là Công ty mía đường Lam Sơn, Nhà máy giấy Mục Sơn, Nhà máy gạch Đông Hương...

Nâng cao hiệu quả hoạt động

Từ tháng 1-1995, sau khi chuyển giao nhiệm vụ quản lý, cấp phát tín dụng ưu đãi thuộc nguồn ngân sách nhà nước sang Cục Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá bắt đầu thực hiện các hoạt động của ngân hàng thương mại theo Pháp lệnh ngân hàng. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng với truyền thống đoàn kết vươn lên, thận trọng trong việc lựa chọn bước đi phù hợp với cơ chế thị trường, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Nếu như năm 1997 nguồn vốn huy động đạt 174,5 tỷ đồng thì đến năm 2001 đã tăng gấp 4 lần, đạt 694,5 tỷ đồng. Số dư huy động vốn năm 1997 là 1.783 triệu đồng/cán bộ, thì năm 2001 đạt 6.431 triệu đồng/cán bộ. Thị phần huy động vốn tăng từ 16% (năm 1997) lên 28% (năm 2001).

Đầu tư tín dụng cũng đạt kết quả cao. Nếu như năm 1997 là 227,5 tỷ đồng thì năm 2001 tăng gấp 3,1 lần, đạt 714,5 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Tỷ lệ nợ quá hạn ngày càng giảm dần, từ 1,5% (năm 1997) xuống còn 0,69% (năm 2001). Thị phần tín dụng của chi nhánh trên địa bàn tỉnh cũng tăng từ 17% (năm 1997) lên 24% (năm 2001). Các dự án đầu tư tín dụng được tập trung phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đều phát huy hiệu quả, nâng cao được sức cạnh tranh của sản phẩm, hoàn trả được vốn vay. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng đặc biệt quan tâm đến công tác đa dạng hoá hình thức tín dụng, từng bước thay đổi cơ cấu khách hàng, mở rộng thị trường tín dụng. Ngoài ra, ngân hàng còn đẩy mạnh các dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ thanh toán, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ ngân quỹ, làm đại lý thanh toán cho các ngân hàng. Kết quả là ngân hàng đã tăng thu dịch vụ bình quân trên 50%.

Với mục tiêu đầu tư đúng hướng, đúng trọng điểm cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá nền kinh tế tỉnh, đến nay, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá không những không bị "đói vốn" mà còn đáp ứng được 59% vốn ngắn hạn và 21% vốn trung và dài hạn phục vụ cho các doanh nghiệp và cá nhân đầu tư, mở rộng sản xuất - kinh doanh.

Để đáp ứng đủ vốn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá đã đề ra phương hướng phát triển năm 2003, trong đó nguồn vốn tăng khoảng 18 - 20% so với năm 2002. Đồng thời, ngân hàng cũng quyết tâm phấn đấu tăng nguồn tiền gửi của dân bằng các biện pháp sau:

1) Thông qua cung ứng trọn gói các dịch vụ ngân hàng với mức phí hợp lý đối với khách hàng tiềm năng để huy động và tận dụng nguồn vốn.

2) Không lấy công cụ lãi suất làm lợi thế để cạnh tranh, mà tập trung sử dụng chất lượng phục vụ, nâng cao tiện ích và đa dạng hoá sản phẩm huy động để thu hút khách hàng.

3) Hình thành mạng lưới rộng khắp ở các khu vực: thương mại - dịch vụ - khu công nghiệp và thị trường đông dân cư để thực hiện tốt chức năng tạo nguồn vốn và đầu tư vốn, cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4) Tích cực thu hồi các khoản nợ đến hạn, đồng thời chuyển dịch cơ cấu tín dụng một cách thích hợp để tăng cường vòng quay vốn tín dụng, tạo nguồn vốn trở lại phục vụ nhu cầu đầu tư tín dụng.

46 năm qua, với bài học kinh nghiệm quý báu phát huy tinh thần đoàn kết trong hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hoá đã không ngừng vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

THANH HOA BRANCH OF VIET NAM BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT

46 YEARS FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

As one of the province-based three biggest state-owned commercial banks, over the past years, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Investment and Development has ceaselessly expanded its operational scale, accumulated experiences in accessing to and choosing investment projects, especially properly invested, making great contributions to Thanh Hoa's industrialisation and modernisation.

The branch's officials are checking money

History turning points

In July 1957, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Construction (the precursor of Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Investment and Development), one of the first branches of the banking system, was established based on separation from the financial distribution unit. The branch, irrespective of its young age, excellently fulfilled its main task of province's economic recovery and development after the war against French colonists; distributed and managed construction capital of VND8.7 million spent on 30 works of various sizes. In the following years, capital source managed by the branch increased to VND15 million with 50 constructions. However, it is notable that by branch invested constructions as Bai Thuong Dam, Lam Son Paper Mill, Muc Son Paper Mill, the Provincial Engineering Plant have now well maintain their operation in the local economic development pace.

After the Third National Party Committee Congress, the Party, joining with the people, pushed up economic development for the industrialisation and modernisation and socialism construction in the North. To meet the demands of the society in the face of great turning points of the country in general and of Thanh Hoa in particular, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Construction kept increasing quantity and improving quality. In addition to one provincial branch, by 1965, 12 regional branches, one Party Committee, one grassroots Trade Union and 12 Youth Unions were established. Since then, the branch's capital construction management and investment capital allotment to social works has been non-stop increasing, from several millions of VND to VND165 million, financing 60 -70 works including such great national-standard works as Ham Rong Bridge, Northern and Southern Ma River Projects.

Entering the period of 1965-1975, under the spirit of "all for front line, all for American empire defeasance", the branch both accomplished its task

of granting investment for capital construction, recovering economy, reconstructing factory, state-owned enterprise and transport system, and fully implemented the guideline of on-the-spot army ordnance and supported the consanguine South. Total investment capital in ten years (1965 - 1975) made up to VND734 million, 3.9 times over 1957 - 1965. According to of the Thanh Hoa Branch Director, Vu Van Du, after many years of investment capital allotment, that was the first time the branch defined deadline for capital collection and debt settlement, which was the great move aimed to raise quality and effectiveness in capital construction investment.

In 1986 - 1990, Resolutions set forth by the Sixth National Party Committee and the twelveth Provincial Party Committee Congress were implemented. The resolutions thoroughly cover the implementation of economic reform, building of multi-sector and socialist market oriented economy that operates on market mechanism regulated by the State, and focusing on three great economic programmes: foods, foodstuffs and exports. During five years of renovation, the Thanh Hoa Branch opened more branches in districts and townships to expand its operational scale. Of which, the branch attached much importance to granting loans serving key economic targets. The decision in co-ordination with flexible solutions brought about successful achievements for the branch. During that time, the branch financed and granted loans of VND55.763 million, increasing much more than that in 1981 - 1985, of which priority was given to transport system, irrigation and infrastructure construction.

Also since 1990, the Thanh Hoa Branch has replaced subsidies in capital construction and material production investment by credit mode. That new mode helped reinforce roles and tasks of the enterprises in their business and capital construction management. Like other branches, the Thanh Hoa Branch, which used to manage and allot capital construction, had to move its business to investment credit under the State's plans with preferential interest from the State budget, mobilised capital and loaned capital from domestic and international sources. Thanks to its activeness in grasping the Party and State's guidelines and the State Bank's instruction, only after a short time, the Thanh Hoa Branch achieved satisfactory achievements. The

2002 performance and development targets by 2005

Unit: billion VND

Indices	2002	2003	2004	2005
a -Total assets, of which:	1,040	1.205	1,231	1,565
- Total credit outstanding loan	882	1,057	1,231	1,425
- Short-term	520	624	725	838
- Mid and long-term	362	433	506	587
b - Total debit assets, of which:	1,040	1,205	1,385	1,565
- Mobilised capital	801	973	1,188	1,449
- Within 12 months	462	571	711	880
- 12 months and upwards	339	402	477	569
c - Fund deduction for risk prevention	7.3	5.3	5.0	5.0
d - Pre-tax profits	3.3	3.7	4.5	5.0
e - Human resources (persons)	111	120	120	130

Source: Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Investment and Development

branch's mobilised capital of VND668 million in 1986 increased to approximately VND174.5 million by the end of 1997 (up to 260 times); simultaneously, loans were granted to nearly 80 projects with the total capital of over VND120 billion. An attention was also paid to the other services such as guaranty, settlement, banking consultancy in development investment and international settlement. Specifically, the branch has worked out flexible and diversified capital mobilisation solutions to help enterprises untie difficulties and speed up their production. Almost all investment projects typically Lam Son Sugarcane Company, Muc Son Paper Mill, Dong Huong Brick Factory, brought about high effectiveness and settled their debts.

Enhancing operational effectiveness

Since January 1995, after handing over its tasks of management and allotment of the State budget's preferential credit to Department of Investment and Development, the Thanh Hoa Branch has performed as a commercial bank under the Ordinance on Bank. Despite many obstacles, the branch, with the tradition of solidarity and carefulness in choosing pace appropriate to market mechanism, by unceasing renovations and raising service quality, has made robust developments. Mobilise capital reached VND694.5 billion in 2001 against VND174.5 billion in 1997 (up to four times). Capital mobilisation surplus of VND1.783 million per cadre in 1997 increased to VND6.431 million in 2001. Capital mobilisation market-share amounted to 28% (2001) from 16% (1997).

Credit investment has also achieved high results, rose by 3.1 times from VND227.5 billion (1997) to VND714.5 billion with the annual average growth rate of 20%. Overdue debts gradually declined, from 1.5% (1997) to 0.69% (2001). The local branches' credit market-share was on the rise to 24% (2001) from 17% (1997). Credit investment projects on the province's socio-economic development, which focused on serving the socio-economic development programmes, promoted their efficiency, raised the products' competitiveness and refunded loaned capital. In addition, the branch has laid special emphasis on the diversification of credit types, step by step changed client structure and expanded credit market. Besides, the branch has accelerated the services like guaranty, settlement, money transfer, treasury, settlement agent for the banks. Consequently, the branch increased the average service fees to over 50%.

With investment targets appropriate to the province's economic industrialisation and modernisation's orientation, so far, the ThanhHoa Branch has not only surmounted "capital hunger" situation but also met demands for 59% of short-term and 21% of mid and long-term capital requirement of the enterprises and individuals' business - production expansion.

To meet demands for sufficient capital for the province's socio-economic development, the Thanh Hoa Branch has mapped out development orientation by 2003, of which capital source shall increase around 18 - 20% compared to 2002. Concurrently, the branch shall definitely endeavour to increase the people' saving deposits by the following solutions:

1) Supplying potential clients with package banking services at reasonable fees to mobilise and make use of capital sources.

2) Instead of regarding interest as an advantage for its competitiveness, the branch shall improve service quality, increase utility and diversify its mobilised products to attract clients.

3) Establishing wide-range network in all the fields including trade - services - industrial parks and populated markets to fully create capital source and capital investment as well as raise business effectiveness.

4) Actively collecting due debts, simultaneously transferring credit structure appropriate to credit capital circulation promotion and capital re-creation for credit investment demands.

Over the past 46 years, with valuable experiences and solidarity promotion of business operation, the Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Investment and Development has been incessantly growing for its successful accomplishment of assigned task, making great contributions to the provincial socio-economic development cause.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THANH HÓA

SAU 15 NĂM TRƯỞNG THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Qua gần 15 năm hoạt động, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã trở thành chi nhánh ngân hàng thương mại lớn nhất tỉnh Thanh Hoá, nguồn vốn huy động và dầu tư tín dụng liên tục có tốc độ tăng trưởng nhanh, đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho sự phát triển của các thành phần kinh tế, góp phần đắc lực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tốc độ nhanh và ổn định.

Bước đầu khởi nghiệp

Ngày 18-5-1988, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hoá được thành lập với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp. Vào thời điểm này, mặc dù, kinh tế Việt Nam đã chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng do bị kìm hãm quá lâu bởi cơ chế quan liêu bao cấp, nên nhiều doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã hoạt động không có hiệu quả, sản xuất - kinh doanh đình đốn, thua lỗ kéo dài, không thể đứng vững trong cơ chế mới.

Trong bối cảnh ấy, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá cũng gặp phải không ít khó khăn, thử thách: đội ngũ cán bộ hầu hết chỉ có trình độ trung, sơ cấp được đào tạo từ thời bao cấp nên còn hết sức bỡ ngỡ khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường; cơ sở vật chất của mạng lưới chi nhánh tại các huyện, thị còn nghèo nàn, lạc hậu. Nguồn vốn huy động của ngân hàng lúc bấy giờ chỉ có 6 tỷ đồng, chiếm 16% thị phần huy động vốn. Tổng dư nợ chưa đầy 13 tỷ đồng, chiếm 23,6% thị phần của các tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn, trong đó 98,9% là dư nợ của các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã đang trong tình trạng tan rã, chờ giải thể, sáp nhập hoặc sắp xếp lại do sản xuất - kinh doanh không có hiệu quả, 1,1% là dư nợ kinh tế hộ gia đình, cá nhân. Trước những khó khăn, thách thức ấy, ban lãnh đạo và cán bộ, nhân viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã sớm xác định hướng đi mới là cần phải tập trung các hoạt động hướng về thị trường nông nghiệp - nông thôn, đồng thời xác định các hộ nông dân là người bạn đồng hành trên bước đường trưởng thành và phát triển.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá - người bạn đồng hành tin cậy của nông dân

Được sự giúp đỡ của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự ủng hộ nhiệt tình, phối kết hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của tập thể cán bộ, nhân viên, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thanh Hóa đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, dần đi vào thế ổn định và phát triển. Chỉ sau 2 năm thành lập, tổng dư nợ của ngân hàng đã có nhịp độ tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng dư nợ bình quân đạt 69%/năm, đạt số dư 53,4 tỷ đồng. Tỷ trọng đầu tư theo thành phần kinh tế cũng đã có sự thay đổi: dư nợ kinh tế quốc doanh từ 64,2% tăng lên 69%, dư nợ kinh tế tập thể từ 34,7% giảm xuống còn 25,6%, kinh tế hộ gia đình từ 1,1% tăng lên 5,4%.

Với quan điểm "đi vay để cho vay", trong công tác huy động vốn, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã ý thức được nguồn vốn là điều kiện tiên quyết đối với sự tồn tại và phát triển của ngân hàng thương mại. Nguồn vốn tự huy động trên địa bàn có tốc độ tăng nhanh, mức tăng bình quân giai đoạn này là 79,2%/năm, tổng số huy động đến 31-12-1990 đạt 34,4 tỷ đồng. Đặc biệt, nguồn tiền gửi tiết kiệm - nguồn vốn có tính chất tương đối ổn định đã có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn, góp phần nâng cao tính chủ động trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh.

Chuyển hướng hoạt động (1991 - 1996)

Vào thời điểm những năm 90 (thế kỷ XX), hàng loạt doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã do không đứng vững được trong cơ chế kinh tế thị trường đã phải tự tan rã, giải thể, sáp nhập hoặc sắp xếp lại theo Quyết định số 315, 388/QĐ-HĐBT, để lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá một khoản nợ khổng lồ, không có khả năng thanh toán. Tình hình này đòi hỏi ngân hàng phải nhanh chóng thay đổi cơ cấu đầu tư theo hướng có chọn lọc, nhất là doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã, đồng thời đẩy mạnh công tác cho vay kinh tế hộ gia đình, cá nhân để tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng và chất lượng tín dụng.

Theo đó, ngân hàng đã đề ra hàng loạt các giải pháp và bước đi phù hợp, tạo ra bước đột phá trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là chuyển hướng mạnh mẽ theo hướng cho vay hộ kinh tế gia đình, cá nhân theo Chỉ thị số 202 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), Nghị định số 14 của Chính phủ. Cùng với các cơ chế, chính sách mở cửa của Đảng, Nhà nước và đặc biệt là hệ thống các văn bản về cơ chế hoạt động của ngành, với tinh thần nỗ lực hết mình của tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động của ngân hàng đã đạt được những kết quả khả quan: tốc độ tăng trưởng nguồn vốn bình quân đạt 54,2%/năm; tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân đạt 55,7%/năm; cơ cấu dư nợ theo thành phần kinh tế chuyển dịch mạnh từ cho vay doanh nghiệp nhà nước (từ 69% giảm xuống còn 10,3%), hợp tác xã (từ 34,7% giảm xuống còn 0,3%) sang cho vay kinh tế hộ gia đình, cá nhân (từ 5,4% tăng lên 82,4%). Cơ cấu dư nợ theo thời gian cũng đã bắt đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần cho vay trung và dài hạn; chất lượng tín dụng từng bước được cải thiện, tỷ lệ nợ quá hạn liên tục giảm (từ 21,1% năm 1991 giảm xuống còn 5,03% năm 1996); mở rộng kinh doanh ngoại hối; thành lập ngân hàng phục vụ người nghèo và thực hiện tín dụng chính sách đối với khu vực II, khu vực III.

Có thể nói, đây là thời kỳ mà Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã có nhiều nỗ lực để ổn định và tăng tốc, cùng với bà con nông dân phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách để tự khẳng định mình trong cơ chế mới, góp phần đắc lực để hoàn thành mục tiêu 1 triệu tấn lương thực quy ra thóc vào năm 1995.

Đa dạng hoá hoạt động phục vụ chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

Từ năm 1997 đến nay, hàng loạt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được ban hành, đặc biệt là chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam nói riêng. Thực hiện Quyết định số 67/QĐ-TTg ngày 30-3-1999 của Thủ tướng Chính phủ về "Một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ và phát triển nông nghiệp, nông thôn", Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã đề ra các giải pháp để tăng tốc và phát triển, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn tín dụng phục vụ chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên phạm vi toàn tỉnh. Nhờ vậy,

Hoạt động nghiệp vụ của nhân viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

hoạt động của ngân hàng đã có những bước tăng tốc đột phá: nguồn vốn huy động liên tục tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Đến nay, tổng nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 1.900 tỷ đồng, tăng 1.200 tỷ đồng so với trước khi thực hiện Quyết định số 67, nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 4 năm là 35%/năm. Tổng dư nợ đạt 2.800 tỷ đồng, tăng 1.600 tỷ đồng so với trước khi thực hiện Quyết định số 67, nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 4 năm là 30%/năm, chiếm 52% thị phần huy động vốn và 60% thị phần tín dụng, trở thành chi nhánh ngân hàng thương mại lớn nhất trên địa bàn tỉnh.

Ngoài nguồn vốn huy động tăng mạnh, vốn cho vay của chi nhánh ngân hàng trong thời gia qua cũng có bước tăng trưởng lớn. Tổng doanh số cho vay 4 năm (4/1999 - 4/2003) gần 7.000 tỷ đồng, trong đó 80% là doanh số cho vay hộ sản xuất kinh doanh với hơn 1.2 triệu lượt hộ vay vốn (90% là hộ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp). Số lượt hộ vay vốn và mức đầu tư bình quân trên mọi hộ vay tăng nhanh qua các năm, tín dụng hộ sản xuất được phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, vốn đầu tư tín dụng đã tập trung chủ yếu cho các dự án, chương trình phát triển kinh tế trọng điểm theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong từng thời kỳ như: mía đường, nuôi trồng khai thác và chế biến thuỷ sản, chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi, kinh tế trang trại, phát triển ngành nghề nông thôn, thương nghiệp, dịch vụ. Đến nay, còn gần 300 nghìn hộ sản xuất - kinh doanh có dư nợ 2.000 tỷ đồng, chiếm 82% tổng số dư nợ thương mại.

Ngoài ra, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa cũng cho hơn 300 nghìn lượt hộ nghèo vay với số vốn 900 tỷ đồng để thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần cùng các cấp, các ngành giúp hơn 50 nghìn hộ thoát khỏi nghèo vươn lên trung bình và khá. Đến nay, 150 nghìn hộ nghèo còn dư nợ ngân hàng 380 tỷ đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa đã cho hơn 265 nghìn lượt hộ nông dân vay trên 100 tỷ đồng để mua gần 2.500 tấn giống các loại (trong đó có hơn 1.700 tấn lúa lai), thực hiện chương trình chuyển đổi giống cây trồng tại địa phương, góp phần đắc lực đưa sản lượng lương thực từ 819 nghìn tấn (quy thóc) năm 1990 lên 1,42 triệu tấn năm 2002, trong đó riêng sản lượng thóc đạt 1,25 triệu tấn, gấp 2 lần năm 1990.

Với hai hình thức đầu tư: đầu tư trực tiếp và thông qua doanh nghiệp chuyển tải vật tư, tiền vốn đến người trồng mía. 4 năm qua, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá đã cho vay gần 350 tỷ đồng cho dự án trồng và chăm sóc hơn 20 nghìn ha mía, góp phần đảm bảo nguyên liệu cho 3 nhà máy đường hoạt động ổn định với công suất 14,5 nghìn tấn mía/ngày. Có thể nói, hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá không những đem lại hiệu quả kinh tế cao mà còn góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hoá - xã hội của một vùng nông thôn rộng lớn, bao gồm: 10 huyện phía Bắc, phía Tây và phía Nam tỉnh Thanh Hoá, giúp cho người dân các vùng này từ bỏ tập quán sản xuất tự cung tự cấp, chuyển sang sản xuất hàng hoá theo hướng nông - công nghiệp, tạo ra bước ngoặt đầu

tiên cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, đứng trước yêu cầu phát triển nghiệp vụ thanh toán quốc tế, đồng thời để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thông tin Tài chính quốc tế (SWIFT). Ngoài ra, năm 1997, ngân hàng còn được kết nối mạng SWIFT, trong đó ngày 20-3-1997 đã thực hiện thanh toán khoản tiền đầu tiên qua mạng SWIFT với số tiền 1,1 triệu USD. Hoạt động kinh doanh đối ngoại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá, bao gồm các nghiệp vụ: huy động vốn ngoại tệ, cho vay ngoại tệ, bảo lãnh vay vốn ngân hàng nước ngoài (bảo lãnh vay hơn 3,2 triệu USD cho Công ty mía đường Thanh Hoá của Ngân hàng Chương Hoá - Đài Loan, góp vốn mua máy móc, thiết bị tham gia liên doanh trong Công ty mía đường Việt Nam - Đài Loan), mua bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, thu đổi ngoại tệ, chuyển tiền kiều hối cho lao động tại Thanh Hoá tham gia xuất khẩu lao động hoặc hợp tác lao động quốc tế,v.v..

Để thực sự là người bạn đồng hành của nông dân, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa đã không ngừng mở rộng mạng lưới chi nhánh cấp II tại các huyện, thị. Đến nay, mạng lưới chi nhánh ngân hàng nông nghiệp đã có mặt tại 26/27 huyện, thị, thành phố trong toàn tỉnh, 63 chi nhánh ngân hàng nông nghiệp liên xã ở khắp các thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp, trong đó có 25 chi nhánh cấp II, 33 chi nhánh cấp III và 5 bàn tiết kiệm huy động vốn ở thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp trong toàn tỉnh.

Chặng đường hoạt động trước mắt còn không ít khó khăn, thử thách, nhưng chúng ta tin tưởng rằng với những kinh nghiệm quý báu được đúc kết qua 15 năm xây dựng và trưởng thành, sự quan tâm chỉ đạo toàn diện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và sự ủng hộ, giúp đỡ nhiệt tình của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cùng trí tuệ, sức lực và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ, nhân viên chi nhánh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá sẽ mãi là người bạn đồng hành gần gũi, đáng tin cậy của nông dân, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thanh Hoá.

Begin a career

On May 18th 1998, Thanh Hoa Branch Viet Nam Bank for Agriculture and Ru Development was established with the init name of Thanh Hoa Branch for Agricultu Development. At that time, although Viet Na economy was shifted to socialism-oriented ma ket economy, since it was long inhibited by t subsidised red-tape, many state-owned ente prises and co-operatives, with ineffective oper tion and stagnant production - business causin long-lasting loss, were unable to develop in t new mechanism.

Under that context, the Thanh Hoa Branc also encountered a range of difficulties and cha lenges: the staff, only reached elementary an intermediate standards trained in subsidiar regime, were bewildered with market mecha nism; the branch's infrastructure in districts wer poor and outdated. The branch's mobilised cap tal totalled merely VND6 billion, occupyin 16% of capital mobilisation market-share. Tota outstanding loan numbered less than VND13 bil lion, making up 23.6% market-share of the local ly performing credit organisations, including 98,9% of the state-owned enterprises and co-operatives in the hedge of collapse, disintegra-tion, mergence or re-organisation due to their ineffective production - business and 1.1% of individual and household businesses. In the face of these impediments, the branch's management board and staff decided to push their operation towards agricultural and rural market and con-sidered farmer households as companions in its maturity and development cause.

With the assistance by the Provincial Party Committee, Provincial People's Committee, enthusiastic support and close collaboration of all levels of authorities as well as staff' efforts, the Thanh Hoa Branch has step by step sur-mounted difficulties and gradually developed. Only two years after establishment, the branch's total outstanding loan saw rapid growth with

THANH HOA BRANCH OF VIET NAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

AFTER 15 YEARS OF MATURITY AND DEVELOPMENT

After 15 years of operation, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development became biggest commercial branch Thanh Hoa Province. Its mobilised capital and credit investment continuously reached fast growth rate, meeting capital demands for economic sectors' development, actively contributing to the local rapid and stable socio-economic development.

Professional activities of the banking officials of ThanhHoa Branch of Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development

annual average of 69% (reached balance of VND53.4 billion). Investment proportion in accordance with the economic sectors also made encouraging changes: outstanding loan of state-owned and household economic sectors increased from 64.2% and 1.1% to 69% and 5.4% respectively, while that of collective economic sector dropped from 34.7% to 25.6%.

With the opinion "borrow to grant loan" in capital mobilisation, the Thanh Hoa Branch is aware that capital is the prerequisite for the existence and development of a commercial bank. Locally self-mobilised capital source was on the drastic rise with the annual average growth of 79.2%, achieving total mobilised capital of VND34.4 billion by December 31st 1990. Especially, savings deposits - a relatively stable capital source - had faster growth rate, contributing to raise the branch's business activeness.

Shifting operation (1991 - 1996)

During 1990s, a range of state-owned enterprises and co-operatives, due to their performance failure in the market mechanism, collapsed, disintegrated, merged or re-organised under Decisions No.315, 388/QD-HDBT, leaving the Thanh Hoa Branch a colossal unliquidated debts. That situation required the branch to rapidly change its investment structure towards selection, particularly with respect to the state-owned enterprises and co-operatives, and simultaneously accelerate granting loans to household and individual businesses to robustly grow in credit quantity and quality.

Accordingly, the branch worked out appropriate solutions, creating a breakthrough in business operation, especially converting dramatically to granting loans to household and individual businesses under Instruction No.202 of the Ministers' Council President (presently the Prime Minister) and Decree No.14 of the Government. The Party and State's open-door policy, particularly the documents on banking system's operational mechanism, together with great efforts by the branch's staff helped the

branch make satisfactory achievements: annual average growth of capital sources and outstanding loans reached 54.2% and 55.7% respectively. Structure of outstanding loan with respect to economic sectors changed remarkably from granting loans to the state-owned and co-operative sectors to the households and individuals. Loans given to state-owned enterprises and co-operatives decreased from 69% and 34.7% to 10.3% and 0.3% respectively and to household and individual businesses increased from 5.4% to 82.4%. Outstanding loan structure with respect to the time initially changed towards increase in mid and long-term loans; credit quality was step by step improved; overdue debt rate declined continuously to 5.03% (1996) from 21.1% (1991); foreign exchange business was expanded. The Provincial Branch of Viet Nam Bank for the Poor was established; credit on preferential policy applied in regions II and III was implemented.

Likely to say, that was the time the branch by its great efforts stabilised and sped up, joining with farmers surmounted difficulties and obstacles to manifest itself in the new mechanism, actively contributing to accomplishing the target of one million tonne foods converted to rice by 1995.

Diversifying activities for the agriculture and rural industrialisation and modernisation

In this period (from 1997 to date), a great number of the Party's guidelines and policies, including banking credit policy on agricultural and rural development, have been promulgated, facilitating economic growth in general and Vietnam banking system's performance in particular. Implementing Decision No.67/QD-TTg dated March 30th 1999 by the Prime Minister on "Policies on Banking Credit on the service of Agricultural and Rural Development", the branch has worked out solutions to accelerate and develop to sufficiently meet demands for credit capital for the agricultural and rur industrialisation and modernisation. As result, the branch has made great brea throughs in its operation: mobilised capital sa year-on-year increase. So far, total local mobilised capital reached VND 1.900 billio rose VND 1.200 billion compared to the perio before implementing Decision No. 67, annu average growth rate in four years was 35% Total outstanding loans achieved VND 2.80 billion, an increase of VND 1.600 billion com pared to that before the Decision No 67 imple mentation, annual average growth in four yea was 30%, occupying 52% of capital mobilisa tion market share and 60% of credit marke share. Consequently, the branch has becom the biggest commercial bank branch across th province.

In addition to drastic increase in capita mobilisation, the branch's loan capital over th past years has made great growth. Total amoun of loan capital in four years (April 1999 - Apri 2003) made up to VND 7.000 billion, 80% o which have been given to 1.2 million house holds for their production - business (90% o those run their business and production on agro - forestry - aquaculture). The number of house holds benefited from capital loans and the aver age investment rate per household have risen annually; credit for production household has raised intensively and extensively. Particularly credit investment capital has been mostly spent on the projects and key economic development programmes directing local socio-economic growth for each period, including sugar cane, aquatic product cultivation, exploitation and processing; conversion of crop and breed structure and farm economy; development of trade - services and handicraft in rural areas. So far, approximately 300 thousand household businesses engaged in outstanding loan of VND 2.000 billion, accounted for 82% of the total trade outstanding loan.

Besides, the Thanh Hoa Branch granted totally VND 900 billion loans to over 300 poor households to realise hunger elimination and poverty alleviation, create jobs, increase income, co-ordinate with the sectors and branches in helping more than 50 thousand households to escape from poverty. So far, there are 150 thousand needy households borrowing VND 380 billion from the branch. The branch granted loans of VND100 billion to 265,000 households to buy nearly 2,500 tonne varied seeds (including 1,700 tonnes hybrid rice), implementing the locally seed shift programme, actively increasing food output from 819 thousand tonnes converted to rice (1990) to 1.42 million tonnes (2002), of which rice yield alone reached 1.25 million tonnes, twice more over 1990.

By two investment forms: directly and via enterprises to transfer materials and loans to farmers cultivating sugarcane, during past four years, the branch loaned around VND 350 billion to the project on growing and caring of over 20,000 ha sugarcane, ensuring material supply for three sugar factories' stable operation with capacity of 14,500 tonnes daily. Likely to say, the branch's credit operation has not only brought about higher economic effectiveness but also helped change the economic-social-cultural image of a vast rural area with 10 districts in the North, West and South of Thanh Hoa Province. It has helped the local people to move from self-supply and self-demand production habit to a commodity production towards agro-industry, creating the first turning point in the local agricultural and rural industrialisation and modernisation.

Today, in the face of requirement on developing professional international settlement as well as meeting better the customers' demands, Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development participated in the Society of World-wide Inter-bank, Finance and Telecommunication (SWIFT). Besides, in 1997, the branch networked the SWIFT line and, on March 20th 1997, settled a debt worth US$1.1 million via SWIFT line. Thanh Hoa Branch's business also consists of foreign currency capital mobilisation, foreign currency loans, guaranty for borrowing from foreign banks (the branch bailed more than US$3.2 million for Thanh Hoa Sugarcane Company in borrowing from ChuongHoa Bank - Taiwan, contributed capital to buy machines and equipment to join business with Viet Nam - Taiwan Sugarcane Company), foreign currency trading for import and export enterprises, foreign currency exchange, foreign currency remittance for the Thanh Hoa labourers who take part in labour export or international labour co-operation etc.

To actually become a farmer reliable companion, the branch has kept expanding the second level branch network in districts and townships. Up to now the branch's network has opened in 26/27 districts, townships, cities across the province with 63 inter-commune branches including 25 second level branches, 33 third level branches and five capital mobilisation savings points throughout townships, towns and industrial parks in the province.

Facing numerous impending difficulties and challenges, however, with valuable experiences accumulated during 15 years of maturity and development, the comprehensive consideration and instruction of Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, the tight conduct of the Provincial Party Committee, People's Council and People's Committee, the enthusiastic supports of the central and local authorities and organisations together with the intelligence, strength and solidarity of the branch's staff, Thanh Hoa Branch of Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development will forever be the farmers' close and reliable companion, helping fulfil the cause of agricultural and rural industrialisation and modernisation of Thanh Hoa Province.

SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ

GẮN LIỀN VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HOÁ

Tốc độ đô thị hoá càng nhanh, vai trò, vị trí của ngành xây dựng càng được khẳng định. Vì thế, bài toán đặt ra cho ngành xây dựng Thanh Hoá những năm gần đây là phải làm như thế nào để quy hoạch, kiến trúc và xây dựng một Thanh Hoá có kiến trúc đô thị hiện đại, văn minh, nhưng phải gắn với nét kiến trúc văn hoá của người Việt. Câu hỏi này đã đặt lên vai tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên toàn ngành xây dựng Thanh Hoá một trọng trách nặng nề, nhưng cũng đầy vinh quang.

Sở Xây dựng Thanh Hoá được thành lập ngày 23-1-1960, với tên gọi ban đầu là Ty Kiến trúc Thanh Hoá, được tách ra từ Ty Thuỷ lợi - Kiến trúc. Với đặc thù là một ngành kinh tế kỹ thuật về xây dựng, cơ quan tham mưu trực tiếp cho Uỷ ban Hành chính tỉnh (nay là Uỷ ban nhân dân tỉnh) trong lĩnh vực, thiết kế kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế quy hoạch đô thị, nông thôn, thi công xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng. Ngày 29-8-1973, Ty Kiến trúc đã hợp nhất với Ban Kiến thiết cơ bản tỉnh thành Ty Xây dựng Thanh Hoá (sau này đổi tên thành Sở Xây dựng Thanh Hoá ngày nay).

Từng bước hoàn thiện và ổn định hệ thống quản lý nhà nước

Công tác quản lý nhà nước về xây dựng ở Thanh Hoá, bao gồm các lĩnh vực: tư vấn, khảo sát thiết kế, sản xuất vật liệu xây dựng, xây lắp. Được đầu tư hệ thống công nghệ, trang thiết bị hiện đại như: 170 máy tính, 100 máy in các loại, 34 chương trình phần mềm nghiệp vụ, kỹ thuật, quản lý,... Bên cạnh đó, phòng thí nghiệm của ngành đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chuẩn LAS-XD-51.

Nhờ được đầu tư trang thiết bị hiện đại, ngành xây dựng Thanh Hoá đã có những bước tiến khá quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý quy hoạch xây dựng đô thị. Hình ảnh thành phố Thanh Hoá nói riêng và toàn tỉnh nói chung ngày càng khang trang, phát triển trên quy mô rộng lớn với sự hiện diện bề thế của những công trình xây dựng như: các khu đô thị mới, Văn phòng Tỉnh uỷ, các toà nhà liên cơ cao tầng, nhà

Bảng vàng thành tích

Với những thành tích đạt được, ngành xây dựng Thanh Hoá đã được Đảng và Chính Phủ trao tặng nhiều phần thưởng cao quý, bao gồm:

- ***02 Huân chương Chiến công hạng Hai và hạng Ba.***
- ***07 Huân chương Lao động, trong đó có 02 Huân chương Lao động trong thời kỳ đổi mới.***
- ***17 Huân chương Lao động hạng Ba, trong đó có 07 Huân chương Lao động trong thời kỳ đổi mới.***
- ***Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tặng 02 Huân chương Hữu nghị.***
- ***Bộ Xây dựng tặng 66 huy chương vàng và 17 bằng khen chất lượng cao, trong đó:***

- ***Xây lắp đạt 39 huy chương vàng và 07 bằng khen chất lượng cao.***
- ***Vật liệu xây dựng đạt 27 huy chương vàng và 07 bằng khen chất lượng cao.***

Ngoài ra, Sở Xây dựng Thanh Hoá còn nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cấp, các ngành khác.

văn hoá, hội trường tỉnh, nhà thi đấu thể thao,... Đặc biệt, trong quy hoạch xây dựng, dự án cấp nước Thanh Hoá - Sầm Sơn có công nghệ tiên tiến nhất Việt Nam hiện nay (công suất giai đoạn I là 30.000m^3/ngày đêm do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ) sẽ được khánh thành và đưa vào sử dụng trong năm 2003. Ngoài ra, các công trình khác như: các khu đô thị ở các thị trấn huyện thị; duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình công cộng như: rạp hát, trường học, bệnh viện, chợ, cùng các khu đô thị mới, trung tâm cụm xã, thị tứ nằm dọc đường Hồ Chí Minh hiện hữu ngày càng nhiều trên khắp các đô thị, miền quê của Thanh Hoá.

Bên cạnh công tác khảo sát địa điểm xây dựng, cấp chứng chỉ, cắm mốc giới quy hoạch, chuẩn bị các công tác liên quan đến xây dựng phát triển đô thị - nông thôn như: lập, thẩm tra, xét duyệt, công bố quy hoạch xây dựng và xây dựng theo quy hoạch, Sở Xây dựng Thanh Hoá đã tham mưu tích cực cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều quyết định về quản lý đầu tư và xây dựng, lập các bộ đơn giá, xây dựng cơ bản, khảo sát xây dựng phục vụ cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm qua, ngành xây dựng đang tập trung phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện miền núi gắn với xoá đói giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn vùng cao và các dự án phát triển khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh và chủ động hội nhập

Tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành xây dựng Thanh Hoá còn được thể hiện ở lĩnh vực sản xuất - kinh doanh. Theo thống kê của Sở Xây dựng Thanh

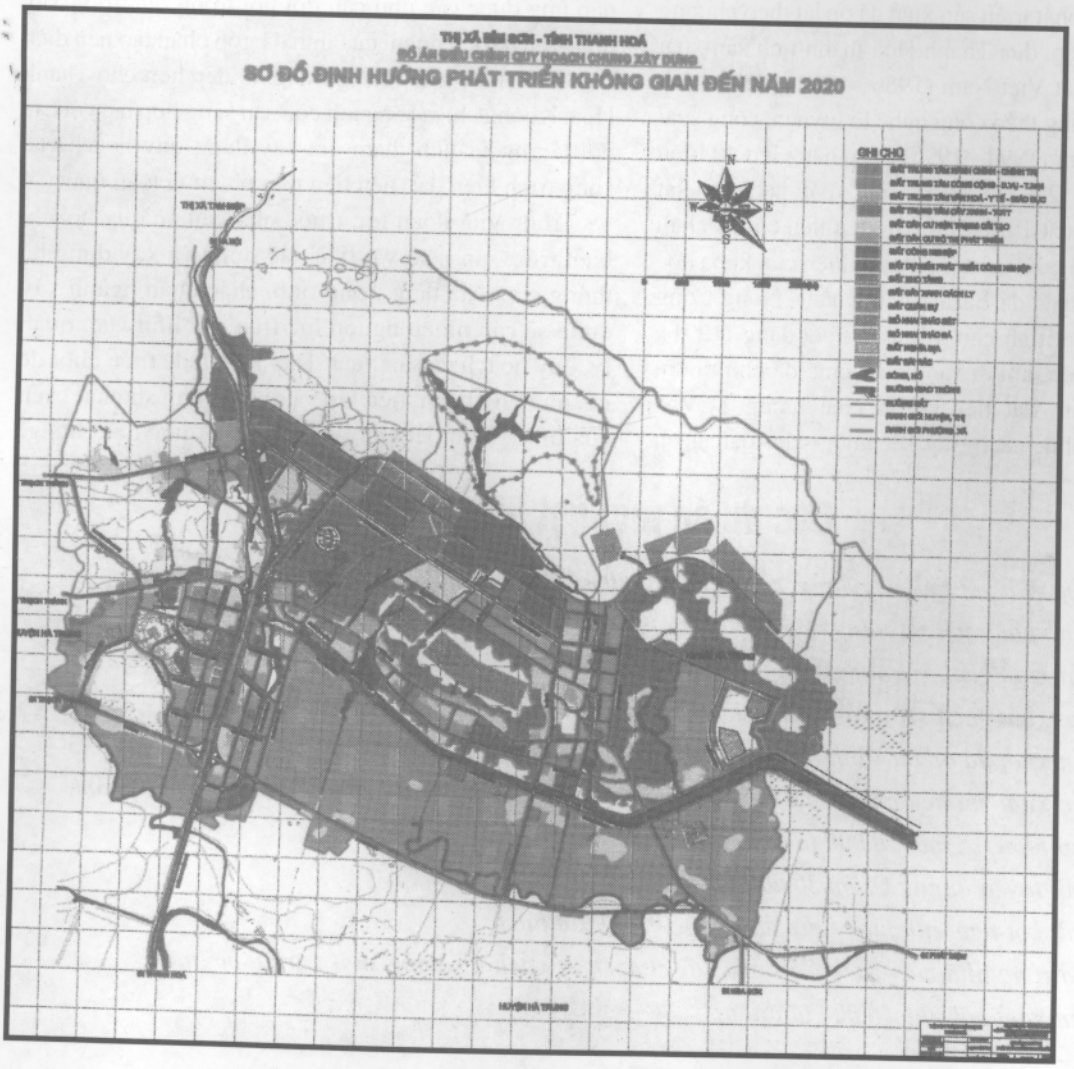

Các khu đô thị được quy hoạch và phát triển sẽ góp phần mang lại diện mạo mới cho tỉnh Thanh Hoá

Hoá, giá trị sản xuất - kinh doanh giai đoạn 1996 - 2000 tăng 2,7 lần so với giai đoạn 1991 - 1995, tốc độ tăng bình quân đạt 26,6%/năm. Dự kiến giai đoạn 2001 - 2005 sẽ tăng 3,15 lần so với giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng bình quân 27%/năm.

Trong lĩnh vực xây lắp, đây là lĩnh vực đạt doanh thu cao nhất trong ngành, chiếm 74,2% giá trị sản xuất toàn ngành với mức tăng trưởng năm 2002 so với năm 2001 là 54,6%/năm.

Đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng cũng được ngành quan tâm đầu tư. Trong đó gồm có: dự án xi măng Cẩm Vân (Xi măng 1), công suất 2.000 tấn/năm (1966 - 1967); dự án Nhà máy xi măng 3/2 theo công nghệ ướt, công suất 10.000 tấn/năm (1974 - 1975); Nhà máy gạch Quảng Yên theo công nghệ lò Hốp man, công suất 15 triệu viên/năm (1976 - 1977); dự án đầu tư và phát triển sản xuất đá ốp lát theo phương pháp công nghiệp, đưa Thanh Hoá thành tỉnh sản xuất đá ốp lát lớn nhất Việt Nam (1986 - 1991); dự án Nhà máy gạch sét nung theo công nghệ lò tuynen, công suất 25 triệu viên/năm (1994 - 1995) được nâng lên 40 triệu viên/năm (năm 2002); dự án sản xuất gạch ốp lát Ceramic công suất 1 triệu m^2/năm đạt tiêu chuẩn châu Âu (2000 - 2001); Xây dựng đề án nghiên cứu khoa học và đầu tư khai thác đá Bazan Như Xuân - Nông Cống làm phụ gia hoạt tính cho xi măng Poóc lăng (1991). Những dự án trên, khi đi vào hoạt động, đã cho ra đời những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN, CEN, ASTM như: gạch xây sét nung các loại, gạch Ceramic, gạch block xây và lát các loại, Granít nhân tạo, sứ vệ sinh, gạch chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng khác. Nhiều sản phẩm đã được tiêu thụ rộng rãi trên toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài như: đá ốp lát thiên nhiên Marlde và Granít, đá tảng lăn tự nhiên, gốm mỹ nghệ;... Để phát triển hơn nữa ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng Thanh Hoá đã tiến hành lập quy hoạch phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2010 và năm 2020.

Riêng lĩnh vực tư vấn, khảo sát, thiết kế, ngành xây dựng tỉnh Thanh Hoá đã đạt được những thành quả đáng mừng. Với đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư hùng hậu được học tập, đào tạo trong và ngoài nước, cùng những kiến thức cơ bản và kinh nghiệm thực tiễn có đủ điều kiện cả về năng lực, công nghệ và khoa học - kỹ thuật đáp ứng được các nhu cầu đòi hỏi trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị của tỉnh đã góp phần tạo nên diện mạo mới ngày một khang trang, to đẹp hơn cho Thanh Hoá. Không chỉ vậy, ngành còn sẵn sàng hợp tác với các đối tác ngoài tỉnh tham gia xây dựng quy hoạch các công trình hiện đại, tiên tiến trên phạm vi toàn quốc.

Trong giai đoạn tới, trước nhu cầu về quy hoạch, kiến trúc, sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng trong tỉnh, chắc chắn ngành xây dựng sẽ cần nhiều nguồn lực trên các lĩnh vực: quản lý, quy hoạch và sản xuất. Đây là vấn đề then chốt để ngành tiến nhanh, tiến kịp và đi lên cùng sự phát triển của tỉnh Thanh Hoá nói riêng và cả nước nói chung.

Các dự án mời gọi đầu tư

- ***Dự án sản xuất vật liệu xây dựng, công suất 1.500 - 2.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng.***
- ***Dự án sản xuất gạch sét nung Sao Vàng - Lam Sơn, công suất 20 triệu viên/năm.***
- ***Dự án sản xuất gạch sét nung Đông Lĩnh - Đông Sơn, công suất 15 triệu viên/năm.***
- ***Dự án sản xuất gạch sét nung Đình Liên - Yên Định, công suất 15 triệu viên/năm.***
- ***Dự án sản xuất đá ốp lát Vĩnh Minh - Vĩnh Lộc, công suất 40.000 - 50.000 m^2/năm.***
- ***Dự án sản xuất vật liệu chịu lửa Trí Nang - Lang Chánh, công suất 5.000 tấn/năm thành phẩm, 10.000 tấn/năm, sa mốt 10.000 tấn/năm sét kết dính.***
- ***Dự án tinh tuyển quặng Crôm 30.000 tấn/năm.***
- ***Dự án tinh bột ngô tinh biến (giai đoạn II) 10.000 tấn/năm.***
- ***Dự án mở rộng nhà máy gạch Ceramic dây chuyền 2: gạch ốp, công suất 1 triệu m^2/năm.***
- ***Dự án sản xuất bột nhẹ 16.000 tấn/năm.***

THANH HOA PROVINCIAL DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CLINGING TO SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF THANH HOA PROVINCE

The more rapid the urbanisation speed is, the more manifestable the construction sector's role and position are. Hence, the problem faced Thanh Hoa in recent years is how and what to do to plan, design and build ThanhHoa with a civilised modern urban architecture in line with the Vietnamese cultural architectural characteristics. This question has put a great but glorious responsibility on entire management, officials and workers of Thanh Hoa construction sector.

Thanh Hoa Provincial Department of Construction was established on January 23rd 1960, formerly named Thanh Hoa Provincial Service of Architecture separated from the Service of Irrigation and Architecture. Being a technical economic sector specialising in construction and direct consulting body of the Provincial Administrative Committee (presently the Provincial People's Committee) on such fields as architectural design of industrial and civil construction; design of urban and rural planning; assembling execution and construction material production. On August 29th 1973, the Provincial Service of Architecture integrated with the Provincial Basic Construction Board to establish Thanh Hoa Provincial Service of Construction (thereafter renamed Thanh Hoa Provincial Department of Construction as presently).

Gradually perfect and stabilise the State administrative system

State administration over construction works in Thanh Hoa covers the following fields: consultancy, design investigation, construction material production and construction. The construction sector is facilitated with updated technical equipment including 170 computers, 100 printers of different types, 34 professional, technical and management software programmes. In addition to the sector's laboratory, which is credited satisfying LAS-XD-51 standard by Ministry of Construction.

Thanks to investment in state-of-the-art equipment, Thanh Hoa's construction sector has made satisfactory progresses, especially in urban construction planning management. The image of Thanh Hoa City particularly and the whole province generally has been more spacious and developed on a large scale with the mighty presence of constructions works like new urban areas, the Provincial Party Committee office, multi-storied buildings, cultural house, provincial meeting hall and house of sports competition. Specially, in terms of construction planning, Thanh Hoa - Sam Son Water Supply Project supported by the Asian Development Bank (ADB), equipped with most advanced technology in Viet Nam presently with its first stage capacity of 30,000 cu.m a day, will be inaugurated and put into operation in 2003. Furthermore, other constructions such as urban areas in towns, districts and townships; preservation, maintenance and upgrade of public buildings like theatre, school, hospital and market together with new urban areas, commune and town centres along Ho Chi Minh Road have appeared across Thanh Hoa province with increasing number.

In addition to investigating the construc-

tion location, issuing license, marking planning landmark, preparing for urban and rural construction and development related works including formulation, examination, approval and proclamation of construction planning and construction and as planned, Thanh Hoa Provincial Department of Construction actively gives advice to the Provincial People's Committee in issuing decisions on investment and construction management, price formation, basic construction, and construction investigation to the service of the site clearance compensation in the province.

Over the past years, the construction sector has focused its service on socio-economic development programmes in mountainous districts in attachment with hunger elimination and poverty alleviation in remote upland special difficult communes and rural area development projects.

Business - production intensification and active integration

Thanh Hoa construction sector saw fast growth rate in its business and production. According to statistics by Thanh Hoa Provincial Department of Construction, business and production value in 1996-2000 increased 2.7 times over 1991 - 1995, reached annual growth rate of 26.6%. The value is forecasted to rise 3.15 times up by 2001-2005 compared to 1996 - 2000 with the annual growth rate of 27%.

Construction and assembling field has brought about highest revenue to the whole sector, making up 74.2% of the sector's total production value with 2002 annual growth rate of 54.6% compared to 2001.

Investment in construction material production is also concern of the sector. Those include Cam Van Cement Project (Cement No.1) with annual capacity of 2.000 tonnes (1966-1967), Cement Plant Project No.3/2 by wet technology, annual capacity of 10.000 tonnes (1974-1975), Quang Yen Brick Factory by Hoffman kiln technology, annual capacity of 15 million bricks (1976-1977), Ashlar Paving Stone Investment and Production Development Project by industrial method shifting Thanh Hoa to be the biggest

Achievement golden table

With achieved outcomes, Thanh Hoa's construction sector was granted many noble rewards by the Party and Government:

- *Two Feat of Arms Orders (one Second-class and one Third-class)*
- *Seven Labour Orders including two Labour Orders in Renovation period*
- *17 Third Class Labour Orders inclusive of seven Labour Orders in Renovation period*
- *Two Friendship Orders awarded by the State of the Socialist Republic of Laos*
- *66 Golden Medals and 17 certificates of merit for high quality awarded by Ministry of Construction, of which:*

- *39 golden medals and seven certificates of merit for high quality to construction area*
- *27 golden medals and seven certificates of merit for high quality to construction material production area*

Besides, Thanh Hoa Provincial Department of Construction was also awarded a number of certificates of merits and recommendation by the Provincial Party Committee, People's Council and People's Committee and other sectors and branches.

ashlar stone production province nation-wide (1986-1991), Clay Brick Plant Project by Tunnel kiln technology lifting annual capacity of 25 million bricks (1994-1995) to 40 million bricks (2002), Ceramic Paving Brick Production Project, capacity of one million cubic square metre satisfying European standards (2000-2001); Project on Scientific Study and Investment in Bazan Stone Exploitation in Nhu Xuan - Nong Cong to supply Pooclang cement with active additives (1991). Those above projects, at their operation, have made products satisfying quality standards of TCVN, CEN, ASTM such as clay brick of varied kinds, Ceramic brick, Block brick, artificial Granite, sanitary porcelain, fire-bearing brick and other construction materials. Many products including Marble and Granite natural paving stone, naturally rolling carved stone and fine art pottery are sold nation-wide or exported to foreign countries. To further develop construction material production, Thanh Hoa Provincial Department of Construction, under the instruction of the Provincial Party Committee and People's Committee, has blueprinted development programmes for construction material production by 2010 and 2020.

Satisfactory achievements were recorded in consultancy, investigation and design areas of the sector. A mighty staff of engineers and architects, who have been educated and trained domestically and abroad, equipped with basic background and practical experiences and scientific and technological knowledge, are capable to meet demands in the province's urban construction and development process, contributing to create a new image of a larger, more spacious and beautiful Thanh Hoa. Additionally, the sector is ready to co-operate with the partners in other provinces to build the modern and advanced works across the province.

For the next period, in face of the province's demands for planning, architecture, construction material production and infrastructure construction, the construction sector will surely need more forces for such areas as management, planning and production. That is the key factor for the sector to rapidly and timely grow with the province's development in particular and the country's in general.

Investment lure projects

- *Construction Material Production Project, capacity: 1,500 - 2,000 tonnes a year, investment capital: VND30 billion*
- *Sao Vang Lam Son Clay Brick Production Project, annual capacity: 20 million bricks*
- *Dong Linh - Dong Son Clay Brick Production Project, capacity: 15 million bricks a year*
- *Dinh Lien - Yen Dinh Clay Brick Production Project, capacity: 15 million bricks a year*
- *Vinh Minh - Vinh Loc Ashlar Paving Stone Production Project, capacity: 40,000 - 50,000 bricks a year*
- *Tri Nang - Lang Chanh Fire-bearing Material Production Project, capacity: 5,000 tonnes of finished products a year, 10,000 tonnes of adhesive clay a year.*
- *Crom Ore Purifying Project, capacity: 30,000 tonnes a year*
- *Refined Maize Starch Project (Period No.2), capacity: 10,000 tonnes a year*
- *Ceramic Brick Factory Enlargement Project production line No.2, capacity: one million square metre a year*
- *Light Powder Production Project: 16,000 tonnes a year*

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG THANH HOÁ

PHẤN ĐẤU VÌ MỤC TIÊU XÂY DỰNG NHIỀU ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI, GIÀU TÍNH NHÂN VĂN

Để thực hiện mục tiêu phát triển các khu đô thị Thanh Hoá xứng tầm với các khu đô thị trong và ngoài khu vực theo ánh sáng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, việc quy hoạch các khu đô thị Thanh Hoá phải đảm bảo kết hợp hài hòa giữa phong cách kiến trúc truyền thống và hiện đại, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với tiêu chí quy hoạch của một đô thị kiểu mẫu hiện nay. Nắm giữ trọng trách này, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá đang vươn lên, từng bước khẳng định vị thế của một đơn vị đầu ngành.

Tiền thân là Viện Quy hoạch Khảo sát Thiết kế Xây dựng Thanh Hoá (thành lập sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết), Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá được thành lập theo quyết định số 1074 QĐ-TC/UB ngày 12-6-1997 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, trực thuộc Sở Xây dựng Thanh Hoá.

Quy hoạch xây dựng - động lực để phát triển kinh tế, xã hội

Những năm gần đây tốc độ đô thị hoá diễn ra rất nhanh. Tuy nhiên, so với tỷ lệ đô thị hoá trung bình của Bắc miền Trung (13,2%) và cả nước (24,76%), tỷ lệ đô thị hoá của Thanh Hoá còn thấp, mới đạt 9,35%. Thêm vào đó, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Thanh Hoá đã cơ bản được hình thành, nhưng còn ở mức thấp và chưa đồng bộ; kiến trúc đô thị manh mún, mang tính tự phát, chắp vá; công tác quản lý quy hoạch xây dựng còn nhiều bất cập. Nguyên nhân là từ trước đến nay Thanh Hoá vẫn rất chú trọng phát triển nông nghiệp (chiếm tỷ trọng lớn trong GDP tỉnh), 90% dân số Thanh Hoá sống ở nông thôn. Chính vì vậy, chức năng kinh tế của các đô thị còn yếu, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch,... chưa trở thành động lực chính thúc đẩy sự phát triển của các đô thị.

Nhận thức rõ ý nghĩa to lớn của công tác quy hoạch xây dựng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển của các đô thị, từ năm 1997 đến nay, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá đã đẩy nhanh công tác nghiên cứu, thiết kế quy hoạch, nâng chất lượng quy hoạch lên tầm cao mới, quy hoạch xây dựng đã bám sát nhu cầu của cuộc sống, có tính khả thi cao và thực sự trở thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá phát triển. Đến nay, hầu hết các đô thị trong tỉnh đã được Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hóa nghiên cứu lập quy hoạch và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đó là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư và quản lý chỉ đạo xây dựng theo quy hoạch. Viện đã vươn lên tự khẳng định năng lực của mình thông qua hàng trăm đồ án quy hoạch được duyệt, từ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến định hướng quy hoạch xây dựng vùng và chiến lược phát triển đô thị toàn tỉnh; từ đồ án quy hoạch tổng thể xây dựng các đô thị, khu công nghiệp đến các quy hoạch thị trấn, thị

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hoá

tứ và các khu chức năng đô thị.

Thông qua các quy hoạch, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hóa đã góp phần quan trọng tham mưu cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh và từng đô thị. Tích cực nghiên cứu, đóng góp nhiều ý kiến có chất lượng đối với các đồ án quy hoạch chuyên ngành khác và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá còn thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn xây dựng, tham gia quản lý, quy hoạch đô thị được duyệt, tham gia chương trình xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Đến nay, viện đã hoàn thành công tác lập dự án đầu tư cho 96 xã nghèo thuộc nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới (WB); lập dự án đầu tư và quy hoạch cho 22 trung tâm cụm xã theo chương trình 135 của Chính phủ; nghiên cứu thiết kế mẫu trường học cho các xã đồng bằng và vùng núi, giảm thời gian và kinh phí đầu tư, làm lợi cho Nhà nước hàng tỷ đồng. Các đồ án này đều được phê duyệt và có tính khả thi cao.

Định hướng phát triển đô thị Thanh Hoá

Kiến trúc sư Lê Đình Nam - Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá cho biết: "Hướng phát triển trong những năm tới của Thanh Hoá là ưu tiên phát triển đô thị, trong đó chú trọng đặc biệt đến phát triển kinh tế đô thị, đầu tư vào sản xuất vì đô thị là môi trường cho công nghiệp, dịch vụ thương mại, làng nghề, du lịch phát triển...". Vì vậy, trong những năm tiếp theo, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu quy hoạch các khu chung cư mới; điều chỉnh các khu đô thị hiện có cho phù hợp với tình hình mới; lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị, quy hoạch các khu công nghiệp; lập hồ sơ cắm mốc chỉ giới đường đỏ tại các đô thị, nghiên cứu biên soạn điều lệ

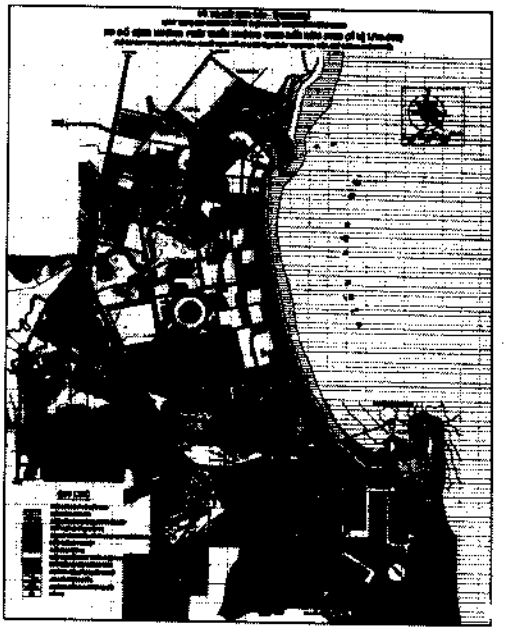

Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Nghi Sơn - Thanh Hoá đến năm 2020

Những thành quả đạt được trong công tác đề xuất quy hoạch

1) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu quy hoạch chung phát triển đô thị Thanh Hoá đến năm 2020 và quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cấp thoát nước đô thị toàn tỉnh đến năm 2020.

2) Đề xuất và tổ chức nghiên cứu quy hoạch chung đô thị mới Nghi Sơn đến năm 2020 (huyện Tĩnh Gia - vùng đất cực Nam tỉnh Thanh Hoá) với điều kiện đất đai cằn cỗi, đời sống dân cư còn nghèo nàn nhưng có nhiều tiềm năng để phát triển thành đô thị công nghiệp, bao gồm: cảng biển nước sâu, lọc hoá dầu, vật liệu xây dựng, hải sản và du lịch. Đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Nghi Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 604/2001/QĐ-TTg ngày 17-5-2001.

3) Đề xuất và tổ chức nghiên cứu quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hoá đến năm 2020. Đồ án này được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 104/QĐ- TTg ngày 11-6-1999.

4) Một số đồ án lớn có tầm quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị đã được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh duyệt như: quy hoạch chung dọc tuyến đường Hồ Chí Minh qua Thanh Hoá, quy hoạch chung xây dựng thị xã Sầm Sơn đến năm 2020, quy hoạch chung đô thị Vân Du - Thạch Thành, quy hoạch chung thị xã Bỉm Sơn, quy hoạch chung khu đô thị mới Bà Triệu phục vụ công nghiệp giấy. Ngoài ra, Viện còn lập 11 đồ án quy hoạch mới và điều chỉnh quy hoạch thị trấn huyện lỵ, thị tứ trong thời kỳ đổi mới đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

quản lý xây dựng tại các khu đô thị,... làm căn cứ cho công tác lập dự án đầu tư, quản lý chỉ đạo xây dựng đô thị theo đồ án quy hoạch được duyệt.

Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Viện tiếp tục nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, xứng tầm với nhiệm vụ mới và theo kịp tiến trình đổi mới của đất nước bằng nhiều hình thức như: đa dạng hoá hoạt động, gắn nghiên cứu lý luận với thực tiễn sản xuất; hợp tác với các cơ quan Trung ương, các trường đại học để cập nhật thông tin, trao đổi kinh nghiệm, giao lưu học hỏi.... Ngoài ra, Viện sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ, phát huy tài năng sáng tạo của từng cá nhân, thu hút nhân tài, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức để xây dựng Viện phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, một vấn đề đang đặt ra là hiện nay, Viện chưa nhận được chủ trương, kế hoạch đối với việc lập quy hoạch chi tiết, đáp ứng kịp thời cho các dự án đầu tư khả thi và nhu cầu phát triển kinh tế đô thị cũng như lập quy hoạch cho các vùng nông thôn. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá cần quan tâm hơn, sâu sát hơn nữa và có những chỉ đạo kịp thời đối với công tác quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Quy hoạch xây dựng là một ngành khoa học mang tính tổng hợp, vừa có ý nghĩa chính trị, kinh tế - xã hội, vừa có ý nghĩa khoa học - kỹ thuật và nghệ thuật. Trải qua 6 năm xây dựng và trưởng thành, khoảng thời gian không dài, nhưng tập thể lãnh đạo và cán bộ, kiến trúc sư Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá đã góp phần đáng kể vào công tác quy hoạch phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân Thanh Hóa.

Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hoá vinh dự được Sở Xây dựng Thanh Hoá, Thành uỷ thành phố Thanh Hoá, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Xây dựng, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam khen thưởng và tặng cờ thi đua xuất sắc; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2003.

Used to be Thanh Hoa Construction Survey, Design and Planning Institute (founded after the Geneva Agreement was signed), Thanh Hoa Institute of Construction Planning was established under the Decision No.1074 QD-TC/UB on June 12th, 1997 by Thanh Hoa People's Committee under Thanh Hoa Department of Construction.

Construction planning - an impetus for socio-economic development

In recent years, the urbanisation speed has rapidly proceeded. However, comparing to the average urbanisation rate of northern Central (13.2%) and nationwide (24.76%), Thanh Hoa's urbanisation rate at 9.35% remains small. In addition, Thanh Hoa's technical and social infrastructure has been fundamentally set up but stayed asynchronous and to-be-improved; urban architecture is insufficient, spontaneous and patchy; construction-planning management remains inadequate. The reason is that Thanh Hoa, from the past to date, has paid much concern on agricultural development (making up a great proportion in the provincial GDP), 90% of Thanh Hoa population live in rural areas. Therefore, the economic function of urban areas stays on weak, the industry and handicraft production, trade and services, tourism... have not become the major leverage for urban areas' development.

Being fully aware of the great significance of the construction planning for the cause of industrialisation, modernisation and development of urban areas, since 1997 to date, Thanh Hoa Institute of Construction Planning has speed up researching planning design, lifting the planning quality to a new height; the construction planning has attached to the life's demand, had high feasibility and factually become the leverage for Thanh Hoa's socio-economic development. So far, most of the provincial urban areas have been researched and planned by the Institute and approved by the authorities at all levels. That is the

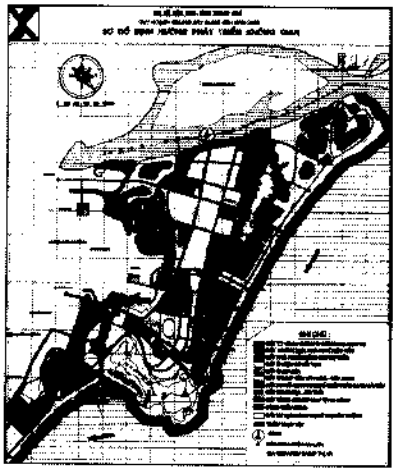

General construction planning for Sam Son Town Thanh Hoa by 2020

THANH HOA INSTITUTE OF CONSTRUCTION PLANNING

STRIVING FOR THE CONSTRUCTION OF MORE MODERN CITIES

For the target development of Thanh Hoa urban areas to the level of the regional and other cities in the light of the 9th National Party Congress, the planning of Thanh Hoa urban areas must ensure the harmonious combination between traditional and modern architecture, to the local socio-economic development strategy and present criteria of a model city. With such a load of responsibility, Thanh Hoa Institute of Construction Planning is growing and step by step asserting its position as a leading unit of the sector.

important legal basis for making the detailed planning schemes, investment projects and conducting construction as planned. The Institute has manifested its capacity through hundreds of approved planning schemes, from the master planning for socio-economic development to the regional building planning orientation and the urban development strategy across the province: from the master planning scheme for building urban areas, industrial zones to township and urban-functioned areas planning.

By planning, the Institute has made a significant contribution to giving advices to the Provincial Party and People's Committee on the socio-economic development orientation over the province and in each urban area. Actively studying, submitting valuable ideas on other specific planning schemes and the investment projects across the province.

Apart from the planning duty implementation, Thanh Hoa Institute of Construction Planning has effi-

Achievements in plan initiation

1) Fulfilling well the general planning study for Thanh Hoa urban area development by 2020 and master planning for urban water supply system development across the province by 2010.

2) Putting forward and studying common planning for the new urban complex of Nghi Son by 2020 (Tinh Gia district - Thanh Hoa province's the land of Southern end) in the conditions of infertile soil and local people's poor life but great potentials for growing into industrial urban complex including deep water seaport, oil refining and petrochemistry, construction materials, seafood and tourism. The scheme of common planning for the new urban complex of Nghi Son was approved by the Prime Minister with the Decision No.604/2001/QD-TTg of May 17th, 2001.

3) Putting forward and studying common planning for building Thanh Hoa City by 2020. The scheme was approved by the Prime Minister's Decision No.104/QD-TTg on June 11th, 1999.

4) Some important projects on the urban development strategy such as common planning along Ho Chi Minh Highway line across Thanh Hoa, common planning for building Sam Son township by 2020, common planning for the urban areas of Van Du - Thach Thanh, Bim Son township common planning, Ba Trieu new urban area common planning for paper industry have been approved by the Chairman of the Provincial People's Committee. In addition, the Institute has made 11 schemes of new planning and planning adjustment on townships, districts and hamlets in the Renovation, which have been approved by the competent agencies.

ciently implemented the construction consultantship, involved in approved urban planning and management, participated in the scheme of hunger alleviation and poverty reduction, mountainous socio-economic development. Up to now, the Institute has accomplished the process of forming investment projects for 96 poor communes under the capital source by the World Bank (WB); making planning and investment projects for 22 communal group centres under the program 135 by the Government; studying school designs for flat and mountainous communes, reducing investment expenditure and time profiting the State billions of dongs. These schemes have been approved and highly feasible.

Thanh Hoa urban area development orientation

Architect Le Dinh Nam - Director of Thanh Hoa Institute of Construction Planning said: "Thanh Hoa's development orientation for the years to come is to give priority to urban expansion, urban economic development, and investment in production since urban areas are good environment for the development of industry, services, trade, occupational villages, and tourism". Therefore, Thanh Hoa Institute of Construction Planning will continue pushing up the new urban areas planning study speed; adjusting the present urban areas so as to be in line with the new context; making detailed planning for urban-functioned areas, planning industrial zones; setting up a file on planting a red-line landmark in urban areas, studying and compiling the construction control regulations in urban areas,... as the foundation for making investment projects, managing and conducting urban areas construction like approved planning schemes.

To brilliantly fulfil the assigned task, the Institute carries on improving the team of cadres' standard corresponding to the new task and keeping pace with the country's renovation process by such methods as diversifying activities, attaching theoretical study to practical production; having cooperation with the Central agencies, universities to update information, exchange experiences, relations and knowledge... Furthermore, the Institute will keep on building and accomplishing the internal management mechanism, promoting individual's creativeness, attracting talented people, raising its personnel's living standard for the comprehensive development of the institute.

However, as a matter of fact, currently the Institute has not received guidelines and plans for making detailed planning, promptly responding to feasible investment projects and urban economic development demand as well as making plans for rural areas. Thanh Hoa Party Committee and People's Committee should pay closer concern and give prompt guidance on master, common and detailed planning process for urban and rural areas across the province.

The planning for the vestige conservation, embellishment and promotion (Lam Kinh complex of historical vestiges) by 2020

Construction planning is a synthetic science, which is politically, socio-economically but also scientifically, technologically and artistically significant. After a period of only six years establishing and developing, the whole, cadres and architects of Thanh Hoa Institute of Construction Planning have made remarkable considerations to planning, developing urban areas and building new rural areas, expanding production and stabilising the local people's life.

Thanks to its outstanding achievements, Thanh Hoa Institute of Construction Planning has been honourably conferred emulation flags by Thanh Hoa Department of Construction, Thanh Hoa City Party Committee, Provincial Labour Union, Vietnam Labour Confederation, the Ministry of Construction, the Provincial People's Committee and Trade Union of Vietnam Construction Industry. It has been rewarded with a Third Class Labour Order by the President in 2003.

SỞ ĐỊA CHÍNH THANH HOÁ

TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Thanh Hoá là một tỉnh lớn, dân số đông, điều kiện tự nhiên - xã hội khá đa dạng với 27 huyện, thị, thành phố, bao gồm 621 xã, phường, thị trấn chưa kể 9 thị trấn nông, lâm trường. Để thuận lợi trong công tác quản lý đất đai, từ đó khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có, đòi hỏi phải nhanh chóng có kế hoạch quy hoạch sử dụng đất cho các cấp trong giai đoạn 2001 - 2010.

Diện tích đất tự nhiên của Thanh Hoá là 11.106,09 km^2, phân bố ở các vùng sinh thái: đồng bằng, trung du, miền núi và miền biển. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp: 239.842,19 ha (21,59% đất tự nhiên); đất lâm nghiệp: 430.423,89 ha (38,76%); đất chuyên dùng: 67.110,99 ha (6,04%); đất thổ cư: 19.292,66 ha (1,74%); đất chưa sử dụng: 235.383,34 ha (31,86%).

Thực trạng quy hoạch và sử dụng đất đai tại địa phương

Để công tác quản lý đất đai tiến hành khoa học, đúng pháp luật và hiệu quả, việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là cần thiết. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là căn cứ pháp lý để xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp xã, cụ thể hoá quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và các chuyên ngành.

Các tài liệu, số liệu về đất đai cũng như về dân số, lao động và các tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, văn hoá, nhân văn khác được điều tra, thu thập khi lập quy hoạch sử dụng đất phải được giới thiệu cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tìm hiểu và xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh phát triển.

Được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, năm 2002 được xem là năm đầu tiên tỉnh Thanh Hoá tiến hành triển khai thực hiện Nghị định số 68/2001/NĐ-CP ngày 01-10-2001 của Chính phủ, Thông tư số 1842/2001/TT-TCĐC ngày 01-11-2001 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) đến 27 phòng địa chính huyện, thị, thành phố. Trong đó:

Ở cấp huyện: 100% đơn vị đã tổ chức triển khai và tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về nội dung, phương hướng lập kế hoạch sử dụng đất cho các cán bộ chuyên môn cơ sở.

Ở cấp thị xã, phường, thị trấn: 100% đơn vị đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất đai và báo cáo kế hoạch sử dụng đất với Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đai năm 2002 cho các đơn vị ở các nội dung:

1) Giao đất cho mục đích chuyên dùng 1.248 ha, đạt 88% kế hoạch, trong đó:

a) Giao đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, trụ sở các cơ quan hành chính, trụ sở thôn, bản, v.v. là 132,5 ha.

b) Thuê đất vào các mục đích sản xuất - kinh doanh, xây dựng các cụm công nghiệp, làng nghề, dịch vụ, thương mại, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, v.v. là 235,6 ha.

c) Giao đất sử dụng vào mục đích giao thông (682 ha), đạt 92,5% kế hoạch; chủ yếu là thực hiện dự án đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 217, Quốc lộ 45 và 47, các dự án đường giao thông trong thành phố, thị xã, các khu công nghiệp.

d) Giao đất cho mục đích khai thác thuỷ lợi (118,5 ha), đạt 66,5% kế hoạch; chủ yếu là thực hiện các dự án thuỷ lợi hồ, đập nhỏ, đắp đê, kè và thuỷ lợi đồng ruộng còn dự án hồ Cửa Đặt chưa thực hiện do kế hoạch đạt thấp.

e) Giao đất cho mục đích an ninh - quốc phòng, văn hoá lịch sử và các mục đích khác được 79,4 ha, đạt 87% kế hoạch.

2) Giao đất cho hộ nhân dân được 173 ha, đạt 55% kế hoạch.

a) Kết quả khai hoang đất nông - lâm nghiệp: khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp được 4.157 ha, đạt 41,8% kế hoạch và trồng được 8.162 ha, đạt 107% kế hoạch.

b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: chuyển đất lúa 1 vụ sang nuôi trồng thuỷ hải sản 273 ha, đất lúa sang trồng cói được 277 ha và chuyển đất lâm nghiệp (giao theo Nghị định số 02/CP) sang trồng cây lâu năm 400 ha.

Vượt lên khó khăn

Năm 2002 là năm đầu tiên thực hiện Luật Đất đai sửa đổi, vì thế trong quá trình tổ chức thực hiện cũng gặp không ít những bất cập, đặc biệt là sự phân cấp về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các huyện. Việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất tại một số huyện vẫn còn gặp khó khăn, chưa đảm bảo được yêu cầu về tiến độ, về số liệu và chất lượng tài liệu.

Ngoài nhiệm vụ đã được giao theo kế hoạch, năm 2002, Sở Địa chính Thanh Hóa phải tổ chức thực hiện một số nội dung đột xuất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai như: Quyết định số 273/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12-4-2002 về kiểm tra việc đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai; nhiệm vụ xây dựng các loại dự án theo kế hoạch do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao. Đây là một loại công việc mới nên còn nhiều bỡ ngỡ trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ công chức phòng địa chính có sự dao động về mặt tư tưởng do chủ trương sáp nhập Phòng Địa chính với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tuy còn gặp không ít khó khăn nhưng ngành địa chính tỉnh phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch của Nhà nước giao:

1) Tham mưu cho tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác triển khai Quyết định số 273/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, quản lý sử dụng đất đai đến Chủ tịch, trưởng phòng địa chính cấp huyện, Giám đốc 80 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch số 1667/NN-UB ngày 30-5-2002 về việc thực hiện Quyết định số 273/QĐ-TTg.

2) Tiếp tục chỉ đạo 10 huyện, thị chỉnh lý bản đồ, hoàn thiện hồ sơ địa chính gồm: Triệu Sơn, Đông Sơn, Bỉm Sơn, Hà Trung, thành phố Thanh Hoá, Sầm Sơn, Thiệu Hoá, Tĩnh Gia, Quảng Xương, Nga Sơn.

Mục tiêu đầu tư lập quy hoạch sử dụng đất

Năm 2000, sau khi làm điểm 4 huyện đại diện cho 4 vùng: Nga Sơn - ven biển, Vĩnh Lộc - đồng bằng, Ngọc Lặc - trung du, Quan Hoá - miền núi cho thấy ngoài số tiền 300 triệu đồng hỗ trợ, các huyện cần phải đầu tư thêm chi phí cho công tác điều tra dã ngoại, tổ chức hội nghị, hội thảo xét duyệt. Huyện Nga Sơn đã đầu tư thêm 15 triệu đồng; huyện Vĩnh Lộc 20 triệu đồng; huyện Ngọc Lặc 30 triệu đồng; huyện Quan Hoá 20 triệu đồng. Tổng số tiền cần đầu tư trong 4 huyện để hoàn thành quy hoạch sử dụng đất là 385 triệu đồng, bình quân mỗi huyện cần khoảng 100 triệu đồng.

Sở Địa chính dự kiến kinh phí lập quy hoạch cho các huyện bắt đầu từ năm 2001 như sau:

- Bình quân 1 huyện đồng bằng: 80 -100 triệu đồng.

- Bình quân 1 huyện miền núi: 120-150 triệu đồng.

+ Năm 2001, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã có quyết định phê duyệt báo cáo đầu tư lập quy hoạch sử dụng đất cho 6 huyện: 734 triệu đồng, tỉnh hỗ trợ 70%, huyện 30%.

+ Năm 2002: 907 triệu đồng (7 huyện).

+ Năm 2003 dự kiến: 999 triệu đồng (6 huyện)

Tổng cả 3 năm từ 2001-2003: 2.640 triệu đồng (đề nghị tỉnh hỗ trợ 70% tổng kinh phí cho các huyện).

Kết quả năm 2002 đã cơ bản hoàn thành việc chỉnh lý bản đồ, hoàn thiện hồ sơ địa chính, với tổng số xã chính lý là 178/193 xã (riêng năm 2002 thực hiện 75 xã với diện tích 31.710 ha); chỉ đạo và tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính cho 103 xã, diện tích 57.935 ha.

3) Hướng dẫn các đơn vị thi công thực hiện đúng quy trình, quy phạm đo đạc và hoàn thiện hồ sơ địa chính. Phê duyệt cho 28 xã thuộc các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Nông Cống, Yên Định, Vĩnh Lộc,... góp phần hoàn thiện hồ sơ địa chính ngay từ cấp cơ sở.

Kết quả công tác lập quy hoạch sử dụng đất đai ở các cấp

Đến nay, toàn tỉnh đã có trên 400 xã ở đồng bằng, ven biển và trung du lập quy hoạch sử dụng đất. Sở đang chỉ đạo hướng dẫn các xã chưa thực hiện tiếp tục thực hiện, những xã đã quy hoạch sử dụng đất đến năm 2000 sẽ chỉnh lý bổ sung đến năm 2005 và năm 2010.

Cấp huyện đã có 5 huyện thực hiện là: Đông Sơn (huyện làm điểm của Tổng cục Địa chính (cũ)) và 4 huyện tỉnh hỗ trợ kinh phí: Quan Hoá, Ngọc Lặc, Vĩnh Lộc, Nga Sơn đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt. Sau khi làm điểm 4 huyện, Sở Địa chính đã báo cáo kết quả với Uỷ ban nhân dân tỉnh và xin chủ trương tiếp tục triển khai.

Công tác quy hoạch, đo đạc, lập bản đồ địa chính, kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ địa chính đã được Sở Địa chính Thanh Hóa từng bước triển khai có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về đất đai và tổ chức sử dụng đất hợp pháp theo luật định, góp phần không nhỏ vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

THANH HOA DEPARTMENT OF LAND ADMINISTRATION

EFFECTIVE IMPLEMENTATION OF LAND USE PLANNING PROGRAMME

Thanh Hoa is a large province with quite diversified natural and social conditions and crowded population including 27 districts and townships, 621 communes, wards, towns exclusive of nine farm and plantation towns. To facilitate the land administration to efficiently exploit the available land area, it is necessary to promptly map out land use planning schemes for all levels during the period of 2001 - 2010.

Thanh Hoa's natural land area is 11,106.09 sq.km allocated in ecological regions: plains, midlands, mountainous and coastal areas. Of which, agricultural land represents 239,842.19 ha (21.59% of natural land area), forestry land 430,423.89 ha (38.76%), special-used land: 67,110.99 ha (6.04%), residential land: 19,292.66 ha (1.74%) and unused land: 235,383.34 ha (31.86%).

Local land use and planning real situation

In order to scientifically, legally and efficiently implement land management, it is essential to plan land use at district level as this is a legal foundation to set up land use planning at communal level, concretise land use planning at the provincial level and of other sectors.

The documents and data on land, population, labour and other humane, cultural and natural resources potentials investigated and compiled when planning land use must be introduced to domestic and foreign investors, facilitating the studying process and investment promotion in the province, helping enhance the local socio-economic development.

Under the close concern and conduct by the Party's executive committees and local authorities, 2002 was seen as the first year Thanh Hoa province carried out Decree 68/2001/ND-CP of the Government dated 1 October 2001, Circular No.1842/2001/TT-TCDC of the General Department of Land Administration (presently called the Ministry of Natural Resources and Environment) dated 1 November 2001 over 27 municipal, district and town land management offices. In which:

At district level: 100% of the units have implemented and trained the grassroots professional cadres in professional skills on the content and methods for planning land use.

At the township, ward and town levels: 100% of units have implemented land use planning and reported it to the District People's Committee.

The Chairman of the Provincial People's Committee made a decision on approval of 2002's land use plan for the units with the following contents:

1) Handing over 1,248 ha of special-used land area, achieving 88% of the plan, in which:

a) Handing over 132.5 ha land for building the works of education, health care, sports - physical activities, offices of administrative agencies, hamlet and village.

b) Renting 235.6 ha land for production and business, building of industrial complexes, occupational villages, services, trade, mineral exploitation, construction materials.

c) Handing over 682 ha land for traffic purpose, achieving 92.5% of the plan mainly for carrying out the project of Ho Chi Minh Highway, National Highways 217, 45 and 47, the projects of traffic roads inside the city, township and industrial zones.

d) Handing over 118.5 ha land for irrigation exploitation, attaining 66.5% of the plan, mainly for realising the irrigation projects of lake, small dam, embankment and field irrigation projects, the project of Cua Dat Lake has not been implemented due to ineffectiveness in plan implementation.

e) Handing over 79.4 ha land for the purposes of national defence and security, culture, history and others, achieving 87% of the plan.

2) Handing over 173 ha land to the households, (55% of the plan).

a) The results of agro-forestry land reclaimation: 4,157 ha agricultural land were reclaimed and expanded, obtaining 41.8% of the plan; and 8,162 ha were cultivated, achieving 107% over the plan.

b) Crop structure transfer: shifting 273 ha of one-crop rice growing land area to aquaculture, 277 ha of rice growing land area to sedge cultivation and 400 ha of forestry land area (handed over in accordance to the Decree 02/CP) for long-term crop cultivation.

Surmounting difficulties

2002 was the first year realising the Amended Land Law, therefore, in the implementation process there were numerous complications, especially the decentralisation of power over allocating and renting land, granting land use right certificate to the districts. Land use planning in some districts confront difficulties, failed in meeting the requirements on speed, data and document quality.

Apart from the assigned duty as planned, in 2002, the department realised a number of unforeseen matters in the State management on land such as Decision 273/TTg by the Prime Minister dated April 12th 2002 on supervising construction investments and land use management, the task of blueprinting projects as the Provincial People's Committee's assigned plan. This was a new kind of work, leading to perplexity in the implementation process. In addition, the team of State officials of the Office of Land Administration faced ideological vacillation resulted from the guideline of merging the Office of Land Management into the Office of Agriculture and Rural Development.

In spite of innumerable difficulties, the provincial cadastral sector is striving to effectively fulfil the duties and plans assigned by the State:

1) Giving advice to the province in issuing documents conducting the realisation of Decision 273/TTg by the Prime Minister on land use management control over the chairman and manager of district cadastral department, the directors of 80 enter-

prises across the province. The chairman of the Provincial People's Committee promulgated the plan No.1667/NN-UB dated May 30, 2002 on the implementation of the Decision 273/QD-TTg.

2) Continuing to conduct 10 districts and towns to correct and edit their maps, perfect cadastral records of Trieu Son, Dong Son, Bim Son, Ha Trung, Thanh Hoa City, Sam Son, Thieu Hoa, Tinh Gia, Quang Xuong and Nga Son. As a result, in 2002, map adjustment and cadastral record perfection were basically accomplished in total 178/193 communes (including 75 communes with the area of 31,710 ha in 2002 alone); cadastral maps measurement was carried out in 103 communes with the area of 57,935 ha.

3) Instructing the executive units to precisely implement measuring procedures and norms, and perfect cadastral records. Approving 28 communes belonging to the districts of Nga Son, Hau Loc, Nong Cống, Yen Dinh, Vinh Loc,... helping perfect cadastral records right at the grassroots level.

The results of land use planning at all levels

So far, the entire province has over 400 flat, coastal and midland communes, which have land-use plan. The department is conducting the rest of communes to implement, the communes having land-use plans by 2000 to adjust and supplement them by 2005 and 2010.

At district level, five districts have implemented land use planning: Dong Son (a pilot district of the former General Department of Land Administration) and four districts financially supported by the province: Quan Hoa, Ngoc Lac, Vinh Loc, Nga Son have been approved by the Provincial People's Committee. After four pilot districts, the Department of Land Administration has reported results to the Provincial People's Committee and asked for instructions to carry on implementation.

The process of planning, measuring, making cadastral map, checking and taking over cadastral records has been step by step carried out efficiently by Thanh Hoa Department of Land Administration, facilitating the State management on land and legal land use in accordance with the law, making considerable contribution to the socio-economic development and stability in the province.

Target for investment in land use planning

In 2000, the test on four districts representing for four regions: Nga Son - coastal area, Vinh Loc - plain, Ngoc Lac - midland, Quan Hoa - upland area showed that apart from aided VND300 million, the districts should spend more on field survey, conference and seminar organisation for approval. The district of Nga Son invested more VND15 million, Vinh Loc VND20 million, Ngoc Lac VND30 million, Quan Hoa VND20 million. The total money needed for four districts to accomplish the land use planning is VND385 million, an average amount of each is approximately VND100 million.

The Department of Land Administration proposed expenditure for the districts' planning since early 2001 as follows:

- A plain district needs an average amount of VND80-100 million

- A mountainous district needs an average amount of VND120-150 million

+ In 2001, the Provincial People's Committee decided to approve the land use planning investment report for six districts with VND734 million, 70% from the provincial assistance and 30% from the district.

+ In 2002: VND907 million (for seven districts)

+ In 2003 expected: VND999 million (for six districts)

Total of three years from 2001 to 2003: VND2,640 million (the province is suggested to assist the districts with 70% of the total expenditure).

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HOÁ

KHÔNG NGỪNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Cùng với các sở, ban, ngành trong toàn tỉnh, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong nhiều năm liền, những dự án được nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn đã góp phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá.

Để khai thác những tiềm năng, thế mạnh phục vụ chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong những năm vừa qua Thanh Hoá đã dành nguồn kinh phí khá lớn cho công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống và đạt được những thành tựu hết sức khả quan. Nhiều đề tài, dự án được nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn đã góp phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Những đề tài nghiên cứu đã góp phần quan trọng giải quyết vấn đề lương thực, xoá đói giảm nghèo; nâng cao năng suất lao động, chất lượng các công trình giao thông, xây dựng, thuỷ lợi, tạo thêm nhiều mặt hàng mới được thị trường chấp nhận.

Một nét nhìn tổng quát về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 105/TTg ngày 11-03-1959 về việc thành lập các ban kỹ thuật địa phương, Thanh Hoá đã tích cực chuẩn bị các điều kiện để Tỉnh uỷ, Uỷ ban Hành chính tỉnh ra Quyết định số 1970TC/CB ngày 17-10-1960 thành lập ban kỹ thuật tỉnh - cơ quan tiền thân của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ngày 11-01-1963, Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hoá đã ra Quyết định số 93 TCCB/TH về việc đổi tên ban kỹ thuật tỉnh thành ban khoa học kỹ thuật tỉnh dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Hành chính tỉnh với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác khoa học - kỹ thuật với các nội dung: tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học - kỹ thuật, kiến thức kỹ thuật vào địa phương, tổ chức áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất.

Cùng với lịch sử phát triển của đất nước, gắn chặt với những yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành khoa học Thanh Hoá cũng đã có một hành trình hơn 40 năm, trải qua các thời kỳ cơ bản sau:

Thời kỳ 1963 - 1994: đây là thời kỳ ngành chịu ảnh hưởng và bị chi phối nhiều bởi mô hình tổ chức hoạt động khoa học và kỹ thuật ở địa phương. Trong điều kiện một số tỉnh giải thể ban khoa học và kỹ thuật hoặc tiến hành sáp nhập với các tổ chức khác rồi sau đó thành lập lại... thì ở Thanh Hoá qua quá trình sắp xếp, cải tiến tổ chức, Ban khoa học và kỹ thuật tỉnh chẳng những vẫn tiếp tục tồn tại mà còn có bước phát triển mới. Ngày 5-8-1983, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 707 QĐ/TC-UB về việc đổi tên Ban khoa học và kỹ thuật tỉnh thành Uỷ ban khoa học và kỹ thuật tỉnh, tăng cường bộ máy tổ chức, thành lập thêm hai đơn vị trực thuộc (chi cục tiêu chuẩn - đo lường chất lượng và trung tâm ứng dụng khoa học - kỹ thuật). Với chức năng chính là tham mưu, tư vấn cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác khoa học - kỹ thuật, chức năng quản lý nhà nước về khoa học - kỹ thuật (đặc biệt là công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng) được xác định và bắt đầu phát huy tác dụng. Nhiệm vụ, hoạt

Trụ sở Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá

động được chú trọng và phát triển toàn diện hơn. Cụ thể, hoạt động trong lĩnh vực khoa học - xã hội đã trở thành một bộ phận quan trọng trong kế hoạch khoa học hàng năm của tỉnh.

Thời kỳ 1994 đến nay, ngày 13-01-1994, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 64 TC/UBHC thành lập Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại Uỷ ban khoa học và kỹ thuật tỉnh. Lần đầu tiên chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và môi trường ở địa phương được xác lập đầy đủ, cụ thể với bộ máy tổ chức hợp lý. Đến nay, văn phòng sở đã có bộ máy tổ chức hoàn chỉnh, với 5 phòng chuyên môn, ba đơn vị trực thuộc (trung tâm tư vấn, chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, trung tâm nuôi cấy mô, chi cục tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng).

Lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật tỉnh cũng đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Toàn tỉnh hiện có trên 44.174 cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên đang công tác ở hầu hết các lĩnh vực, các cấp, các ngành, địa phương trong toàn tỉnh (số liệu điều tra ngày 1-4-1999). Đây là nguồn trí lực vô giá mà theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) cần phải được tập hợp, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ và sử dụng có hiệu quả hơn. Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng không ngừng được phát triển, đáp ứng cơ bản yêu cầu quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ở địa phương.

Thành tựu trong quá trình đổi mới

Với kinh nghiệm được đúc kết từ quá trình hoạt động thực tiễn và được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học - Công nghệ), của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành chức năng, hoạt động khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường ở Thanh Hoá đã có bước phát triển mới, đặc biệt là những bước phát triển về chất.

Trong lĩnh vực điều tra cơ bản - môi trường

Trên nền tảng cơ bản của chương trình 7001, trong giai đoạn 1993 - 2002, Thanh Hoá đã tiến hành 22 dự án thuộc nhiệm vụ điều tra cơ bản và môi trường cấp tỉnh, cấp Nhà nước được thực hiện, với tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước 4.395 triệu đồng (chưa tính các dự án điều tra chuyên ngành của các ngành kinh tế - xã hội khác). Tuy mục tiêu, nội dung các dự án có khác nhau, song đều tập trung vào việc thu thập, phân tích số liệu, xác lập luận cứ khoa học, đáp ứng kịp thời yêu cầu của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh trong quá trình ban hành các cơ chế, chính sách và biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những thông tin, cứ liệu khoa học đó đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng "Dự án quy hoạch, phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 1996 - 2002 và đến năm 2010" mà trọng tâm là xác lập, xây dựng các khu công nghiệp tập trung, vùng kinh tế động lực, các vùng cây công nghiệp

chuyên canh lớn (đặc biệt là mía đường, cà phê, cao su, dứa, sắn...), tạo việc làm cho hàng nghìn lao động, hình thành và phát triển khối liên kết công - nông vững chắc, góp phần đổi mới toàn diện, sâu sắc nhiều vùng nông thôn, miền núi của tỉnh.

Việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống luôn được xác định là nhiệm vụ trọng yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.

Thời gian qua, tuy còn nhiều khó khăn nhưng kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ này từ nhiều nguồn (ngân sách nhà nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh, trong nhân dân...) ngày càng tăng. Chỉ tính riêng nguồn vốn ngân sách nhà nước, từ 1996 đến năm 2002, Thanh Hoá đã đầu tư gần 35 tỷ đồng thực hiện 267 đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Đặc biệt, từ năm 1998 trở lại đây, các dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh được thực hiện đã trở thành giải pháp quan trọng khẳng định kết quả nghiên cứu khoa học, đồng thời hoàn thiện và làm chủ công nghệ trước khi đưa vào sản xuất hàng hoá ở quy mô lớn. Hơn nữa, những dự án này được thực hiện có kết quả đã thu hồi được nguồn kinh phí để đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của những năm tiếp theo, tạo tiền đề thành lập quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp: bằng nhiều con đường và phương thức khác nhau, nhiều thành tựu của công nghệ sinh học hiện đại và các kỹ thuật tiến bộ khác được ứng dụng vào sản xuất và đời sống, góp phần chuyển đổi cơ bản cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Đặc biệt, những thành công trong việc tuyển chọn, lai tạo các loại giống (lúa, ngô, lạc, mía) có năng suất và chất lượng cao, cùng với việc áp dụng có kết quả các kỹ thuật tiến bộ trong canh tác, luân canh, xen canh, tưới tiêu, phòng trừ sâu bệnh... đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực của tỉnh (đặc biệt, Sở đã chủ động sản xuất được hạt giống

Tiến sỹ Lê Văn Bảo trình bày mạng văn phòng tại Hội thảo Công nghệ – Thông tin

ngô lai có giá trị kinh tế cao và hạt giống lúa lai F1 từ các cặp lai Trung Quốc đạt năng suất 2 tấn/ha, giá thành từ 15 - 17 nghìn đồng/kg và đã nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô thực vật vào lưu giữ và nhân giống một số cây trồng chủ yếu, tuyển chọn du nhập các giống mía, dứa, sắn, cà phê...). Năm 2002, tỉnh đã đẩy mạnh việc ứng dụng kỹ thuật che phủ nilon, bón phân cân đối, các biện pháp thời vụ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới về giống để nhân nhanh các giống lạc mới (như L14, MD7) có năng suất chất lượng cao trong vụ đông, với năng suất đạt 26 - 30 tạ/ha (tăng gấp đôi so với phương pháp sản xuất trước đây, đảm bảo cung cấp tốt và kịp thời cho chương trình sản xuất lạc xuất khẩu của tỉnh trên diện tích gần 2.000 ha. Năm 2003, Thanh Hoá tiếp tục khảo nghiệm một số giống lạc mới có năng suất chất lượng cao bổ sung cho sản xuất. Đến nay, hàng trăm héc ta mía, dứa,... không những đã và đang là cây xoá đói giảm nghèo mà còn thực sự trở thành cây làm giàu cho nông dân ở nhiều vùng, miền trong tỉnh.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, việc đưa các loại tre, trúc lấy măng vào trồng và nhân giống phục vụ các vùng nguyên liệu tập trung trong tương lai đã khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai vùng trung du, miền núi, đặc biệt là có tác động thúc đẩy nhanh quá trình phủ xanh đất trống, đồi trọc. Năm 2002, Sở Khoa học,

Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá đã tiến hành trồng thử và nhân nhanh giống tre, trúc lấy măng phục vụ xuất khẩu trên diện tích 20 ha, sản xuất giống đủ cung cấp cho 30.000 - 40.000 ha, đồng thời xây dựng mô hình áp dụng kỹ thuật thâm canh luồng trên diện tích hàng trăm héc ta nhằm phát triển nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến luồng được xây dựng trong năm 2003. Hiện nay, Thanh Hoá tiếp tục tiến hành tuyển chọn một số loài cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện lập địa, bổ sung cho cơ cấu rừng trồng song song với việc chú trọng nghiên cứu trạng thái rừng khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, đưa ra một số kỹ thuật lâm sinh cụ thể thích hợp với địa phương (đã xác định được 9 loài cây mới bổ sung cho rừng trồng và quan sát thực trạng 1.333 ha rừng thuộc diện khoanh nuôi tái sinh giai đoạn 1994 - 1999, đề xuất giải pháp đẩy mạnh tăng cường công tác khoanh nuôi tái sinh trong việc tái tạo lại rừng phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay).

Trong ngành chăn nuôi, nhiều kỹ thuật tiến bộ cũng đã được chuyển giao vào các huyện trung du, miền núi và các huyện đồng bằng ven biển: ưu thế lai đã được áp dụng để tăng trọng đàn lợn xuất chuồng, cải tạo tầm vóc đàn bò, nâng cao chất lượng thịt gia súc, gia cầm... Thành quả nghiên cứu, triển khai đó đã được khẳng định thông qua việc triển khai nhân rộng mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc bằng phương pháp nuôi công nghiệp ở nhiều nơi trong năm 2002 như: huyện Yên Định, huyện Triệu Sơn, huyện Vĩnh Lộc, huyện Thiệu Hoá... Đồng thời, Thanh Hoá đã xây dựng có kết quả tốt mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thụ tinh nhân tạo bằng tinh động viên để sản xuất bò sữa giống phục vụ chương trình nuôi bò sữa của tỉnh, là căn cứ để tỉnh quyết định chương trình đầu tư cải tạo đàn bò và nuôi bò sữa trên quy mô 5 huyện.

Cũng trong những năm gần đây, nhờ ứng dụng các công nghệ mới, kinh tế biển ở Thanh Hoá đã có sự tăng trưởng rõ rệt cả về quy mô, diện tích và kỹ thuật nuôi trồng thủy đặc sản xuất khẩu trên các vùng triều mặn, lợ ven biển để nuôi tôm sú, các loại thuỷ sản có giá trị kinh tế cao như: cá chim trắng, tôm càng xanh, rô phi hồng... khơi dậy và thúc đẩy vùng bãi triều rộng lớn phát triển kinh tế đem lại hiệu quả cao, góp phần quan trọng trong việc giúp nhiều hộ nông ngư dân vốn từ lâu phải chịu đói nghèo giờ đã có của ăn cửa để, có cơ hội đổi đời, chủ động làm giàu trên chính mảnh đất quê hương.

- *Trong lĩnh vực công nghiệp:* khi chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động sản xuất - kinh doanh trong các ngành công nghiệp - giao thông - xây dựng... gặp không ít khó khăn. Để tháo gỡ khó khăn, cùng với các giải pháp về tổ chức, quy hoạch, tài chính, thị trường... giải pháp công nghệ đã được đặc biệt chú trọng. Các hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực này, những năm gần đây, đều hướng vào việc tìm kiếm giải pháp đổi mới thiết bị; lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và đa dạng hoá sản phẩm; áp dụng hệ thống chất lượng (ISO 9000, Q-Base, HAC-CAP, 5S...) để ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong những năm qua, các giải pháp công nghệ đã góp phần không nhỏ nhằm duy trì và từng bước tăng khả năng cạnh tranh của các mặt hàng mũi nhọn, truyền thống: phân bón, giấy bao bì các loại, bia, thuốc lá, hải sản đông lạnh, may mặc. Thêm nhiều mặt hàng mới được phát triển như nước giải khát, bánh kẹo, đường và các sản phẩm sau đường, xi măng, gạch, ngói, thép cán các loại, phụ gia xi măng, chất kết dính làm vữa trong xây dựng cơ bản. Nhiều công nghệ mới như: đúc ly tâm, dầm dự ứng lực, vải địa kỹ thuật, phụ gia bê tông chống thấm, chất CONAID để gia cố mặt đường, kỹ thuật, công nghệ mới được ứng dụng trong xây dựng... đã góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng các công trình giao thông, xây dựng và thuỷ lợi.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: trong giai đoạn 1996 - 2000, Thanh Hoá đã thực hiện 44 đề tài. Các đề tài đã tập trung vào việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học giúp cấp uỷ Đảng, chính quyền giải quyết một số vấn đề có tính bức xúc khi thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh, tiêu biểu như: nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học cho quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2010; nghiên cứu

Một số hoạt động khác

Hiện nay, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá còn đẩy mạnh phát triển toàn diện các hoạt động như: quản lý công nghệ; quản lý môi trường; thanh tra khoa học, công nghệ và môi trường; hoạt động thông tin, tư liệu và sở hữu công nghiệp; công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, quản lý về khoa học, công nghệ môi trường cấp huyện và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ.

xây dựng luận cứ khoa cho việc xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng gò đồi nghèo khó tỉnh Thanh Hoá; nghiên cứu xác định cơ cấu, tiêu chuẩn cán bộ chủ chốt phục vụ công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo của tỉnh Thanh Hoá đến năm 2010; nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục...

Nghiên cứu xây dựng các căn cứ khoa học phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên một số lĩnh vực cụ thể như: tổng kết vai trò lãnh đạo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một số huyện ven biển; xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các đơn vị sự nghiệp khoa học trên địa bàn tỉnh; quy hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học của tỉnh đến năm 2010; quy hoạch chiến lược phát triển công nghệ thông tin; nghiên cứu về thực trạng, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh việc khai thác, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính trong các đơn vị sự nghiệp phục vụ công tác xã hội hoá sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao; tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của Uỷ ban kiểm tra Đảng ở cơ sở; nghiên cứu tìm giải pháp đẩy mạnh công tác cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước; khôi phục, phát triển làng nghề và du nhập nghề mới; xây dựng quy trình chuẩn bị, ban hành, triển khai Nghị quyết của cấp uỷ; quy trình cải cách thủ tục hành chính trong một số ngành trọng tâm.

Các kết quả nghiên cứu, triển khai đã được các cấp, các ngành vận dụng vào thực tiễn một cách hiệu quả rõ rệt.

Kế hoạch trên chặng đường kế tiếp

Phát huy những thành tích đã đạt được, trong những năm tới, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường sẽ tiếp tục triển khai thực hiện 9 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm giai đoạn 2001 - 2005 và Chương trình hành động số 32/CTr-TU của Tỉnh uỷ Thanh Hoá nhằm thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá IX) về tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010, từng bước đưa khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tập trung phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với tiềm năng, lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động của từng địa phương; ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật có chất lượng cao vào sản xuất; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với thị trường; hình thành sự liên kết công - nông nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái; góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, nâng cao đời sống của dân cư nông thôn; có đủ các căn cứ khoa học về các nhiệm vụ ưu tiên của tỉnh nhằm phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những kết quả mà Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá đã đạt được trong những năm vừa qua đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu ngân sách, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tạo sức vươn mới, sức cạnh tranh mới của nền sản xuất hàng hoá tỉnh Thanh Hoá trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE, TECHNOLOGY AND ENVIRONMENT

NON-STOP SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL RESEARCHING AND APPLYING FOR BETTER CONTRIBUTION TO THE LOCAL SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

Like other departments, sectors and industries, Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment plays an important part in the local economic development. The researched and applied projects have made great contributions to the socio-economic development of Thanh Hoa Province over the past consecutive years.

Cam Chau Project

Exploiting the local potentials and strong points for socio-economic development scheme, Thanh Hoa has spent quite a lot in researching and applying scientific and technological advances in actual production and has gained satisfactory achievements. Many projects and researches applied have made great contributions to the local economic development, especially in agriculture, forestry and aquaculture. They have helped solve the problem of food, hunger eradication and poverty alleviation, improve quality of transport, construction and irrigation works and bring more products to the market.

Overview on Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment

Since the Government adopted the Instruction No.105/TTg dated March 11th 1959 for the establishment of the local technical departments, Thanh Hoa has actively prepared good conditions for the municipal Party Committee and Administration Committee to make Decision No. 1970 TC/CB dated October 17th, 1960 on establishing the provincial technical department - now called the Department of Science, Technology and Environment. Decision No.93 TCCB/TH. Accordingly, Thanh Hoa Technical Department was renamed Thanh Hoa Department of Science and Technology and put under the direction of the municipal Administration Committee. Since then, the department mainly functions as a consultant to the municipal Party Committee and authorities in scientific and technological matters, particularly in

propagandising and popularising technical knowledge, the Party and State's policies on science and technology to the local people, and directing the technical initiatives application in production.

Along with the nation's development history and for the local socio-economic development requirements, the science sector of Thanh Hoa has experienced a history of 40 years through the basic stages as follows:

From 1963 to 1994: the sector was seriously impacted by the local scientific and technological organisation model. In some other provinces, scientific and technological departments experienced disbandment or integration into other organisations and re-establishments. Thanh Hoa Department of Science and Technology sustained its remarkable development thanks to the organisation rearrangement and improvement. On August 5th 1983, the municipal People's Committee issued the Decision No.707 QD/TC-UB, renaming the Thanh Hoa Department of Science and Technology by Thanh Hoa Commission of Science and Technology. The commission's organisation was then reinforced with two subsidiaries (Standard and Quality Testing Branch and Scientific and Technological Application Centre). The commission started functioning as a consultant to the local Party Committee and authorities on scientific and technological matters, state management functions in science and technology (especially standard and quality testing). Since then, socio-scientific activities have become a crucial part in the province's annual scientific plan.

From 1994 up to now: the municipal People's Committee adopted the Decision No.64 TC/UBHC dated January 13rd 1994 for the establishment of Thanh Hoa Department of Science and Technology on the basis of the provincial science and technology commission. It was the first time the state management function in science, technology and environment across the province has been fully established with an appropriate organisation. So far, the department has built a perfect organisation with five professional offices, three subsidiaries (consultancy office for scientific - technological and environmental transfer, tissue culturing centre, and standard and quality testing branch).

The provincial scientific and technological cadres have also grown in both quantity and quality. There are totally more than 44,174 cadres having finished colleges and upper levels of qualification working in almost all sectors, levels, industries and localities across the province (according to the survey released on April 1st 1999). That is an invaluable source of mental power that should be collected, provided with further professional knowledge training and utilised better according to the guideline of the Central Resolution No. 2 (VIII Congress). Facilities have been continuously improved to meet the requirements of the local state management, scientific research and technology development.

Achievements in the Renovation period

With its practical experience and the regular concern and direction from the Ministry of Science, Technology and Environment (presently, Ministry of Science and Technology), municipal Party Committee, People's Committee, and functional industries' close co-operation, the local scientific, technological and environmental activities have achieved new developments, especially in quality.

As regard surveys and environment

On the basis of the Program No.7001, during the period of 1993 - 2002, Thanh Hoa carried out 22 survey and environmental projects at the provincial and state level with the total

expenditures of VND4,395 million funded by the state's budget (excluding professional surveys in other socio-economic sectors). Although the targets and contents of each project are different, they all focus on figures collection, analysis and scientific foundations to timely supply the municipal Party Committee and People's Committee's demands in issuing regulations, policies and solutions for the local socio-economic development. Those scientific information and foundations have made remarkable contributions to the completion of "Overall Socio-economic Planning and Development in the period of 1996 - 2002 and by 2010" Project which emphasises the establishments of concentrated industrial zones, motive economic zones, large specialised industrial plantations of sugar-canes, coffee, rubber, pineapple and cassava. The contributions also cover employment for thousands of people, the establishment and development of a solid coalition between workers and peasants, and intensive renovation of the rural and mountainous areas over the province.

The research and application of scientific and technological advances in production and living are always considered the key tasks of the scientific and technological activities.

Despite so many obstacles, Thanh Hoa has achieved the increasing investment in the fulfilment of those tasks from the state's budget, businesses and productions as well as from the people. In terms of state's budget alone, Thanh Hoa invested around VND35 billion in carrying out 267 scientific and technological projects, theses and activities from 1996 to 2002. Since 1998 particularly, the effective trial production projects at the provincial level have become important solutions to confirm the scientific research results, perfect and penetrate the new technology before applying in large-scale productions. Moreover, those projects, when successful, have collected the capital to continue the investment in scientific and technological tasks of the following years, and created good premises for the establishment of the local scientific and technological development assistance fund.

- *In agriculture, forestry and aquaculture*: modern biotechnological achievements and advanced techniques have been applied in production by many different ways, making remarkable contribution to the fundamental cultivation and husbandry reform. Especially, the achievements in selecting, crossbreeding and fertilising the breeds of high productivity and quality, and the effective application of advanced techniques in cultivation, rotation, and complex cultivation, irrigation and pest prevention and extermination, etc. have contributed a lot to the local food security. Especially, the Department of Science, Technology and Environment has successfully produced high economic value crossbred maize and F1 crossbred rice from the Chinese breeds, which achieved the yield of two tonnes per hectare and the price at VND15-17,000/kg, and has researched and applied plant-tissue growing technology in restoring and multiplying some main crops, selectively imported new breeds of cane, pineapple, cassava, and coffee. In 2002, the province intensified the application of nylon covering techniques, latest scientific and technological advances to multiply the new peanut breeds (L14 and MD7 with the productivity of 2,600 - 3,000 kg/ha, doubled that of the old method). As a result, good and timely supply for the province's 2,000 ha export peanut production program has been ensured. In 2003, Thanh Hoa continues experimenting on some new peanut seeds of high quality to enrich the local production. There have been also hundreds of hectares of canes and pineapple grown as the crops for hunger eradication and poverty alleviation and making the local people rich.

As regard forestry, planting bamboo for sprouts and for future concentrated material areas has effectively exploited the land potentials of the mountainous midland, especially accelerating the treeless land and hills. In 2002, Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment sampled the plantation and multiplication of bamboo sprouts for export over the area of 20 ha, produced enough seeds to supply the cultivation of 30,000 - 40,000 ha. Concurrently, the department applied intensive bamboo farming model over hundreds of hectares in order to develop the material sources for the bamboo processing factory established in 2003. At present, Thanh Hoa is continuing the selection of appropriate plants to enrich the afforestation along with the research on natural regenerated forests, finding out forestry techniques that are suitable to the localities. The province has found nine new plants for the planted forest and is observing the growth of 1,333 ha of the regenerated forests in the period of 1994 -1999, suggested solutions for the forest regeneration in the current practical economic condition.

As regard husbandry, advanced technologies have been transferred to the midland, mountainous and coastal delta districts: cross-breeding has been applied in fattening the porkers, improving the quality of the cattle and fowls. The achievements have been confirmed through the porkers breeding by industrial method in 2002 in places such as Yen Dinh, Trieu Son, Vinh Loc, and Thieu Hoa districts. In addition, Thanh Hoa has successfully applied scientific advances and artificial insemination with frozen pill sperm to produce breeding milch cows to serve the province's milch cow breeding program, which is the base for the province to adopt the cow improvement and milch cow breeding program in five local districts.

Over the past few years, thanks to the new technology application, Thanh Hoa maritime economy has achieved great developments in scale and area. Thanh Hoa has also expanded the export fishery farming technique application in coastal salty or brackish areas to breed high economic value aquatic products such as: tiger prawn, white pomfret, green clawed crayfish and pink Tilapia, awakened and stimulated the economic development of a large tidal flat area. As a result, a great improvement in living standard has been made for the local poor fishermen and farmers' households.

- In industry: As shifting from subsidy to the socialist oriented market mechanism, the industrial, transport and construction businesses and productions faced innumerable difficulties. To overcome those difficulties, besides organisation, planning, finance and market, technology has been attached with special importance. The scientific and technological activities related to industry have been aiming at finding machinery renovation solutions, selecting appropriate technology, renovating and diversifying products; applying the quality management system ISO 9000, Q-Base, HAC-

Some other activities

At present, Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment is intensifying the overall expansion of such activities as: technology management, environment management, scientific, technologic and environmental inspection; information, documentation, industrial property, quality and standard testing; information technology application and development; and the scientific and technologic non-productive units.

CAP and 5S to stabilise and improve the product quality. Technologies have made significant contributions to maintaining and reinforcing the competitiveness of the traditional and key products such as: fertilisers, wrapping papers, beers, cigarettes, frozen seafood and garments. Aside from that, many other products have been developed such as: beverages, sweets and cakes, sugar, and sugary products, cement, bricks and tiles, laminated steels, cement additives, mortar adhesives in capital construction. Such new technologies as impervious cement additives, geo-tech cloths, CONAID for road surface reinforcement applied in construction have made great contributions to the better quality of labour, transport, construction and irrigation works.

- *In social and humanity science:* from 1996 to 2000, Thanh Hoa carried out 44 theses that focus on practice research and collection to supply scientific grounds for the overall planning for socio-economic development of Thanh Hoa by 2010. The theses also focus on researching the scientific grounds for building the scientific and technological application models to serve the socio-economic development of the poor hilly areas in Thanh Hoa. In addition, the research on establishing structure, criteria of the key cadres for the cadre organisation of Thanh Hoa by 2010 and strategy to develop scientific and technological application in some sectors such as health and education.

In addition, the theses cover the research and establishment of scientific grounds for the local socio-economic development plan in such sectors as economic reform in some coastal districts, development planning and plans for scientific non-productive units across the province. Manpower training and developing planning by 2010 and information technology development strategy planning are also included. Moreover, the theses research and suggest practical solutions to intensify effective exploitation and management and utilisation of the natural resources in the non-productive units that the localisation of education and training, health, culture, physical culture and sports. Finding the way to enhance the operation quality of the Party's local bodies control commission, finding the way to stimulate the equitisation of the state-owned enterprises, restoring and developing occupation villages and adopting new occupations. Preparing the procedures for the promulgation and implementation of the municipal Party committee's Resolutions, and the procedures to renew the administration procedures in some key sectors.

All the research results have been effectively applied in practice by the sectors and bodies.

Plan for the next stage

Continuing its achievements, Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment will continue implementing nine key scientific and technological schemes in the period of 2001 - 2005 and the action program No.32/CT-TU by the Thanh Hoa Party Committee so as to fulfil the Central Communist Party (IX Congress) - 6th Session's conclusion on the continual scientific and technological development by 2010. Gradually making science and technology the direct production forces, focussing on the development of agriculture and rural areas, reinforcing the agricultural production and rural economic development reform; establishing adequate specialised production areas according to the potentials and advantages of local climate, soil and labour; applying hi-tech advances in production. Agriculture should be developed along with processing industry, and production with market. The co-operation among industry, agriculture, service and market in rural areas should be reinforced. Finding effective way to exploit and utilise the local natural resources, protect the ecosystem, create employment for the local people, improve the rural living standard and find out sufficient scientific grounds for the province's prior tasks to serve the provincial socio-economic development plan and planning.

In conclusion, Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment has, for the past years, made great contributions to employment creating, budget income increase, economic reform stimulation, hunger eradication and poverty alleviation, and helped reinforce Thanh Hoa production competitiveness in the domestic, regional and international market.

TRUNG TÂM NUÔI CẤY MÔ THỰC VẬT THANH HOÁ

GẮN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VỚI CUỘC SỐNG

Nhờ ứng dụng công nghệ sinh học - quy trình kỹ thuật nuôi cấy mô mà hàng nghìn, hàng vạn cây mía, cây dứa, hoa.... được nhân giống từ Trung tâm Nuôi cấy mô thực vật Thanh Hoá, tạo tiền đề cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, gắn tiến bộ khoa học kỹ thuật với sản xuất và đời sống.

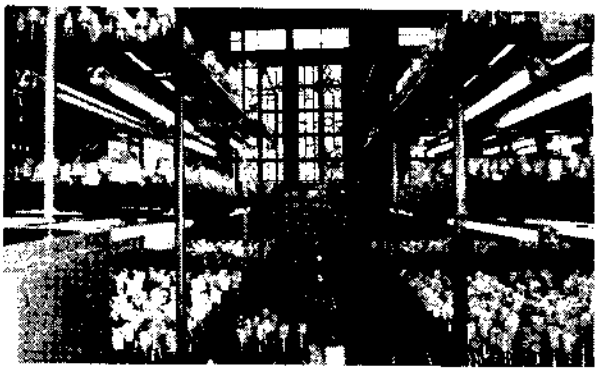

Phòng nuôi cấy mô

Trung tâm Nuôi cấy mô thực vật Thanh Hoá thuộc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường được thành lập theo Quyết định số 1762/QĐ-UB ngày 31-8-1999 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là tập trung nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ công nghệ nuôi cấy mô thực vật để chọn tạo và nhân nhanh các giống cây trồng.

Những thành tựu bước đầu

Tuy mới được thành lập, vừa hoạt động, vừa tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất nhưng trung tâm đã thu được những thành tựu hết sức khả quan: ứng dụng thành công quy trình công nghệ nhân giống bằng kỹ thuật nuôi cấy mô các giống dứa, mía, phong lan,...

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hóa, trung tâm đã hoàn thành giai đoạn Invitro, giai đoạn vườn ươm và giai đoạn ruộng giống mía cấp I. Kết quả đã tạo ra được giống mía ở dạng hom, phù hợp với điều kiện khí hậu và kỹ thuật sản xuất của nông dân tại vùng mía nguyên liệu. Hiện nay, giống mía nuôi cấy mô của trung tâm đang được trồng thử nghiệm tại Trung tâm mía của Công ty mía đường Nông Cống.

Đối với cây dứa, trong thời gian qua, trung tâm đã hoàn thành giai đoạn Invitro, giai đoạn vườn ươm và đang triển khai trồng thử nghiệm tại vùng nguyên liệu dứa Như Thanh. Trong tương lai, cùng với cây mía, cây dứa sẽ là một trong những cây công nghiệp chủ lực, góp phần không nhỏ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tạo công ăn việc làm cho nhiều nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo cho nhiều hộ gia đình.

Bên cạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ, trong thời gian qua, trung tâm cũng đã thực hiện tốt công tác nghiên cứu, thử nghiệm quy trình kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô các giống cây trồng tại Thanh Hoá như cây chuối, cây keo lai, hoa phong lan,...

Sản phẩm của công nghệ nuôi cấy mô có những đặc tính ưu việt như: tính đồng đều cao, năng suất, chất lượng tốt, sạch sâu bệnh. Thực tế đã minh chứng, ở nhiều địa phương khác nhau, sản lượng của cây trồng áp dụng phương pháp nuôi cấy mô đạt năng suất cao hơn cây trồng từ giống tự nhiên. Tuy nhiên, các giống cây được nhân giống từ công

Để có thể đạt được mục tiêu một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất, ông Lê Quang Châu - Giám đốc Trung tâm Nuôi cấy mô thực vật Thanh Hóa cho biết: "Cần phải nhanh chóng và mạnh dạn đa dạng hoá công nghệ để thực hiện "đi tắt đón đầu", nhất là phải khẳng định được vai trò của công nghệ sinh học trong hoạt động của các khu nông nghiệp cao và chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh. Đồng thời, từng bước tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ của đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng sản xuất hàng hoá thương phẩm trong ngành nông - lâm nghiệp. Để công nghệ nuôi cấy mô có thể đi vào thực tiễn một cách rộng rãi cần phải tập trung nghiên cứu để hạ giá thành sản phẩm nuôi cấy mô".

nghệ nuôi cấy mô có giá thành cao nên người sản xuất chưa mạnh dạn ứng dụng vào thực tiễn, gây khó khăn cho trung tâm trong quá trình nghiên cứu - ứng dụng để đưa giống cây tới bà con nông dân.

Có thể nói, chỉ trong một thời gian ngắn, những thành công mà trung tâm đạt được trong công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vượt quá sức tưởng tượng của nhiều người. Khi đề cập đến vấn đề này, lãnh đạo trung tâm cho biết: "Đạt được những thành tựu đó, trước hết, phải kể đến sự cố gắng của tập thể lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên, sự say mê sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Ngoài ra, không thể không nhắc đến sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của các cấp, các ngành trong tỉnh, đặc biệt là của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường".

Định hướng phát triển

Để khắc phục khó khăn, tạo đà cho sự phát triển bền vững, trong thời gian tới, trung tâm tập trung nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật theo các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh giai đoạn 2001 - 2005 và 2001 - 2010, nhất là việc xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học - công nghệ hàng năm, với mục tiêu phấn đấu hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà Uỷ ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hoá giao. Trước mắt, trung tâm sẽ tập trung vào các hoạt động cụ thể như: tiếp tục hoàn thiện công nghệ nhân giống các loài cây phục vụ cho các vùng nguyên liệu của tỉnh, tìm hướng hạ giá thành và tạo nhiều cây giống phù hợp với sản xuất đại trà; xây dựng vườn lưu giữ, sản xuất và cho ra đời các giống cây trồng nông - lâm nghiệp - sản phẩm nuôi cấy mô và công nghệ sinh học; từng bước hình thành các mô hình trình diễn cây nuôi cấy mô tại các huyện, vùng sản xuất, để thực sự gắn liền tiến bộ khoa học với thực tiễn sản xuất và đời sống.

Sự ra đời và tồn tại của Trung tâm Nuôi cấy mô thực vật Thanh Hóa là rất cần thiết đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật của tỉnh, đặc biệt là trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, để trung tâm thực sự phát huy được thế mạnh của mình, ngoài sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên trung tâm, còn cần đến sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa của các ngành, các cấp đối với các hoạt động của trung tâm, nhất là trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi đưa sản phẩm nuôi cấy mô đến với người nông dân.

THANH HOA CENTRE OF BOTANICAL TISSUE GROWING

FOR PRACTICAL APPLICATION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

Thanks to the application of biological technology and tissue growing techniques, thousands of sugarcanes, pineapples, and flowers have been multiplied by Thanh Hoa Centre of Botanical Tissue Growing, creating a premise for agricultural economic structure transference and practical application of technical and scientific advances.

Thanh Hoa Centre of Botanical Tissue Growing under Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment was established pursuant to the Decision No.1762/QD-UB dated August 31st 1999 by the chairman of Thanh Hoa People's Committee. The centre's major functions are to focus on researching and applying advanced technologies to botanical tissue growing for rapid crops multiplication.

Initial achievements

Despite new establishment and to-be-perfect facilities, the centre has gained satisfactory achievements in growing tissues of pineapples, sugarcanes, and orchids by applying successfully multiplication technologies.

Under the direct leadership and conduct by Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment, the centre has finished the stage of Invitro, arboreta and first-grade sugarcane variety. Eventually, the centre has created cutting sugarcane variety suitable for the weather and production techniques of farmers in the material sugarcane area. The

sugarcane varieties from tissue growing are experimentally being grown in the sugarcane centre of Nong Cong Sugarcane Company.

The centre has recently finished the stage of Invitro and arboreta of pineapples and started growing experimentally in Nhu Thanh material pineapple area. It is estimated to have pineapple plant, along with, sugarcane plant as one of the key industrial crops in the future that would make considerable contributions to the agriculture reform, employment creating, hunger eradication and poverty alleviation.

Along with technological applications, the centre has done well researching and experimenting multiplication techniques by methods of growing tissues which applied for banana plants, cross-bred keo, orchids, etc.

Produces from tissue growing have pre-eminence such as high identicality, high quality and productivity and healthy. It has been factually proved in different areas that tissue-growing method gives much higher productivity than natural one. However, seeds of tissue growing technologies have not widely been used in production, which makes it difficult for the centre's researching and application.

In only a short time of operation, the centre has gained admirable successes. "Those achievements have been made thanks to the great efforts by the centre's managers and staffs, our researchers' and technicians' keen creativeness, close concerns and conducts by the provincial governmental bodies and sectors, especially Department of Science, Technology and Environment" - said the manager.

To be really helpful

For challenges overcoming and sustainable development, the centre shall focus on researches and applications of technological advances in accordance with provincial programmes of sciences and technologies in the periods of 2001-2005 and 2001-2010, especially the formation of annual science-technology activities, targeting the excellent fulfilment of the tasks assigned by Thanh Hoa People's Committee and Department of Science, Technology and Environment. First focuses will be on: the completion of seed multiplication for material zones; cost reduction and suitable seeds for mass production; the establishment of preservation garden; production of agro-forestry tissue growing and biotechnology; performance models establishment in districts and production areas for the purpose of practical scientific application.

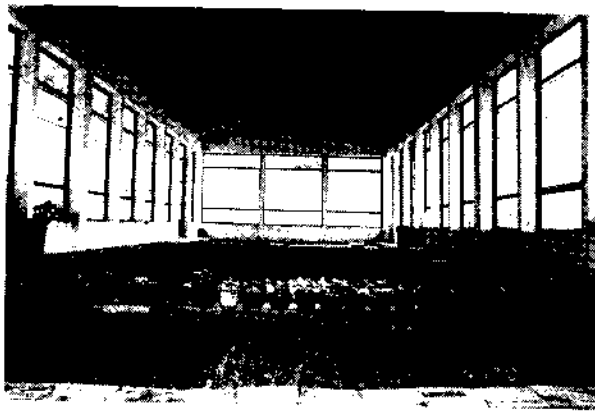

The net house for growing tissuesSource: documentation

The establishment of Thanh Hoa Centre of Botanical Tissue Growing is really necessary to the province's economic development and application of scientific-technological advances, mostly to the industrialization, modernization and rural development. But, apart from efforts of managers and staffs in the centre, the concerns from other branches are essential for the centre to overcome difficulties and obstacles in applying tissue-growing produces in production.

For the pursuit of those targets, "It is necessary to diversify biological technologies for "taking a successful short-cut", especially for affirming its advantages in high agricultural areas and in an industrialization and modernization of provincial agricultural development. At the same time, scientific-technological potentials should be gradually strengthened to meet the requirements of science-technology activities according to agro-forestry goods production. Studies on cost reduction should be focused on for the wide application of tissue growing in production" - said Director of Thanh Hoa Centre of Botanical Tissue Growing, Le Quang Chau.

CỤC HẢI QUAN THANH HOÁ

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC HẢI QUAN

Trải qua những năm tháng xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm của các cấp chính quyền, cán bộ, công chức Cục Hải quan Thanh Hoá đã đoàn kết một lòng khắc phục khó khăn, từng bước trưởng thành, lập được nhiều thành tích, chiến công vẻ vang, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đến nay, Cục Hải quan Thanh Hoá được Đảng, Nhà nước, ngành và các địa phương tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý.

Cán bộ hải quan cùng bộ đội biên phòng, kiểm dịch đang kiểm tra hàng hoá nhập khẩu từ Lào qua cửa khẩu Na Mèo

Hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, Cục Hải quan Thanh Hoá đã có những bước tiến dài trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh; phòng - chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu... Trong những năm thực hiện đường lối "đổi mới" của Đảng, Nhà nước và nhất là từ khi Luật Hải quan có hiệu lực từ 01-01-2002 bằng nhiều việc làm thiết thực, Cục Hải quan Thanh Hoá đã góp phần thúc đẩy kinh tế đối ngoại của các địa phương phát triển, được các doanh nghiệp hoan nghênh, dư luận đồng tình ủng hộ.

Không ngừng cải tiến phương thức làm việc thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển

Để thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại, Cục Hải quan Thanh Hoá đã tập trung cải cách hành chính, từng bước hiện đại hoá công tác hải quan, phục vụ cho công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước theo phương châm "Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, hiệu quả bền vững" do Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra.

Cục Hải quan Thanh Hoá đã thường xuyên thực hiện và duy trì việc công khai hoá các quy định về chính sách, thủ tục gắn liền với rà soát, bổ sung, xây dựng mới các quy định nhằm ngăn ngừa, đấu tranh loại trừ những biểu hiện tiêu cực, phiền hà, sách nhiễu, tạo thuận lợi tối đa cho hàng hoá xuất khẩu, quản lý chặt chẽ đúng pháp luật đối với hàng hoá nhập khẩu.

Trong thời gian 5 năm (1998 - 2002), Cục Hải quan Thanh Hoá đã làm thủ tục cho hàng hoá xuất nhập khẩu trị giá 613 triệu USD, nhiều năm liền đạt và vượt mức chỉ tiêu thu nộp ngân sách, tạo điều kiện thu hút đầu tư, nhiều công trình kinh tế trọng điểm của các tỉnh được xây dựng và đi vào hoạt động theo đúng tiến độ, đang phát huy vai trò đối với nền kinh tế như: Công ty liên doanh xi măng Nghi Sơn, Công

Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu giai đoạn 1996 - 2002

Nội dung	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Làm thủ tục cho hàng hoá xuất nhập khẩu *(triệu USD)*	62	29	90	153	133	110	127
Thu thuế xuất nhập khẩu *(tỷ đồng)*	34	14	19	62	202	196,3	191,5

Nguồn: Cục Hải Quan Thanh Hoá

ty liên doanh mía đường Việt Nam - Đài Loan, Công ty đường Lam Sơn (ở Thanh Hoá); Công ty cải tạo hệ thống cấp thoát nước, Công ty cổ phần Kinh doanh hàng công nghiệp, Công ty điện tử - điện lạnh, Công ty Dệt (Nam Định); Công ty thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (Ninh Bình)...

Trên mặt trận đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển hàng hoá trái phép và chống gian lận thương mại

Cục Hải quan Thanh Hoá đã tranh thủ triệt để sự lãnh đạo của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo của Tổng cục Hải quan, chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng hữu quan như: công an, bộ đội biên phòng, đội quản lý thị trường... biết dựa vào nhân dân, phát huy tính tích cực của quần chúng để tạo sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh "xoá" một số "điểm nóng" về buôn lậu dọc tuyến biên; phát hiện bắt giữ nhiều vụ buôn bán ma tuý, hàng hoá trái phép, truy thu cho ngân sách nhà nước hàng tỷ đồng.

Tăng cường công tác thông tin, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hoá qua các cửa khẩu, các địa điểm thông quan, phục vụ cho công tác kiểm tra trước - trong - sau thông quan.

Cán bộ Cục Hải quan Thanh Hoá giám sát tàu Niu Dilân nhập cảnh tại cảng Nghi Sơn

Công tác xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh

Cục Hải quan Thanh Hoá luôn luôn coi trọng công tác bồi dưỡng, giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, công chức. Thường xuyên giáo dục truyền thong cách mạng nhằm nâng cao đạo đức, danh dự và trách nhiệm nghề nghiệp cho cán bộ, công chức.

Quan tâm đến công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ. Đến nay, toàn ngành đã có 55% cán bộ, công chức có trình độ đại học và cao đẳng, nhiều người đang theo học các ngành như: chính trị, quản lý kinh tế, ngoại thương, tài chính... ở bậc cử nhân, đây là điểm tựa để hải quan Thanh Hoá đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Tích cực đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật tạo điều kiện nâng cao kết quả công tác và từng bước hiện đại hoá công tác hải quan.

Tổ chức phong trào và tạo điều kiện thuận lợi để các tập thể và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, tìm ra phương pháp làm việc tốt nhất nhằm hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

Phương hướng và giải pháp đến năm 2010

Từ nay đến năm 2010, Cục Hải quan Thanh Hoá phấn đấu đạt chuẩn hoá cán bộ công chức để "xây dựng hải quan Thanh Hoá thành lực lượng chuyên nghiệp có chuyên môn sâu và hiện đại, hoạt động minh bạch, liêm chính và hiệu quả cao", với những nội dung chính như sau:

Kết quả phát hiện, bắt giữ, xử lý (1996 - 2002)

Năm	Phát hiện (số vụ)	Trị giá hàng hoá (triệu đồng)	Tang vật khác
1996	34	200	Bắt 12 đối tượng, thu 37,65 kg thuốc phiện.
1997	15	800	Bắt 7 đối tượng, thu 11,8 kg thuốc phiện.
1998	22	1.000	Bắt 2,82 kg thuốc phiện và 01 súng K54
1999	31	4.000	Bắt 30 gr hêrôin
2000	23	1.900	
2001	9	390	
2002	19	919	Bắt 50 gr hêrôin

Nguồn: Cục Hải quan Thanh Hoá

1) Tập trung mọi nguồn lực và điều kiện để từng bước hiện đại hoá công tác hải quan theo quy trình tiêu chuẩn hoá, tin học hoá, hiện đại hoá; từ đó tổ chức thực hiện tốt "Luật Hải quan" trên địa bàn các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định.

2) Hoàn thành việc rà soát - đánh giá - phân loại cán bộ công chức; xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại theo hướng chuyên sâu, từng bước chuẩn hoá; bố trí sắp xếp cán bộ, công chức theo khả năng chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ, công việc cụ thể của từng người và thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo quy định của ngành. Tăng cường các biện pháp để giữ vững an ninh chính trị nội bộ, không để cán bộ, công chức mắc khuyết điểm trong công tác, sinh hoạt và vi phạm pháp luật. Phát huy vai trò năng động, sáng tạo của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh; từ đó tạo nên phong trào thi đua sôi nổi, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, Cục Hải quan còn tổ chức nhiều hoạt động mang tính nhân văn để nâng cao hiểu biết và động viên cán bộ, công chức phấn đấu vươn lên, thực thi tốt nhiệm vụ.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Cục Hải quan Thanh Hoá đang và sẽ tiến hành những giải pháp như:

a) Quán triệt và vận dụng tốt các chủ trương công tác của Đảng, Nhà nước, của ngành. Thực hiện triệt để quan điểm "lấy dân làm gốc", dựa vào nhân dân và kết hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên lắng nghe thu thập ý kiến của nhân dân nơi các đơn vị thường trú, ý kiến của các doanh nghiệp để phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế.

b) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện bộ máy, đảm bảo tinh gọn, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định.

3) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vững mạnh cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và tri thức xã hội; mẫn cán trước nhiệm vụ được giao; tự giác chấp hành nội quy công tác nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

4) Ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào các lĩnh vực công tác để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá công tác hải quan, nhất là tự động hoá quy trình thủ tục hải quan ở những khâu và địa bàn trọng điểm.

Hoà nhịp với sự chuyển mình của đất nước trên con đường vươn tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", là lực lượng "gác cửa" nền kinh tế đất nước trong xu hướng hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, cán bộ, công chức Cục Hải quan Thanh Hoá sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp vươn lên nắm bắt tri thức; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; phục vụ đắc lực và quản lý tốt hoạt động kinh tế đối ngoại của đất nước và của các địa phương, lập nên những thành tích mới, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp: "Bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân".

Những mốc son trong quá trình xây dựng và trưởng thành của hải quan Thanh Hoá

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1) Quá trình ra đời và trưởng thành:

Năm 1951, "Chi sở thuế xuất nhập khẩu" được thành lập tại Thanh Hoá - tiền thân của Cục Hải quan Thanh Hoá ngày nay, đây cũng là thời điểm đánh dấu nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan ở Thanh Hoá chính thức bắt đầu.

- *Cuối năm 1955, "Đội Kiểm soát Hải quan lưu động" được thành lập trực thuộc Sở Hải quan Trung ương.*
- *Ngày 28-6-1962, Bộ Công thương có Quyết định số 495 thành lập "Phòng hải quan Na Mèo" trực thuộc Uỷ ban hành chính tỉnh Thanh Hoá.*
- *Ngày 1-4-1963, Uỷ ban hành chính tỉnh Thanh Hoá ban hành Quyết định số 706 đổi tên "Phòng Hải quan Na Mèo" thành "Phòng hải quan Thanh Hoá".*
- *Ngày 12-12-1971, Bộ Ngoại thương ra Quyết định thành lập "Chi cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá" trực thuộc Cục Hải quan Trung ương.*
- *Thực hiện Nghị quyết số 68 ngày 25-4-1984 và Nghị định số 139 ngày 20-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) "Chi cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá" được đổi tên thành "Hải quan tỉnh Thanh Hoá".*
- *Ngày 14-9-1994, Tổng cục Hải quan có Quyết định số 278/TCHQ-TCCB và ngày 31-12-1994 có Công văn số 175/TCHQ-TCCB về việc đổi tên "Hải quan tỉnh Thanh Hoá" thành "Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá".*
- *Hiện tại, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá đang thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan ở 2 cửa khẩu (1 cửa khẩu đường bộ tiếp giáp với Lào, 1 cửa khẩu cảng biển) và 2 điểm thông quan hàng hoá xuất nhập khẩu tại hai tỉnh Ninh Bình và Nam Định; 1 đội kiểm soát chống buôn lậu và 04 phòng tham mưu giúp việc.*

2) Những phần thưởng cao quý đã được trao tặng:

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tam của các cấp chính quyền, được đồng bào các dân tộc đùm bọc, giúp đỡ, Cục Hải quan Thanh Hoá đã đoàn kết một lòng khắc phục khó khăn, từng bước trưởng thành, lập được nhiều thành tích, chiến công vẻ vang, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà ngành và các địa phương giao phó. Với thành tích đó, Cục Hải quan Thanh Hoá đã được Đảng, Nhà nước và các địa phương tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý. Trong đó:

- *Về Đảng bộ: Đảng bộ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá 7 năm liền (1996 - 2002) đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh", năm 2001 được Thường vụ Tỉnh uỷ Thanh Hoá tặng bằng khen.*
- *Về chuyên môn: Được thưởng hai Huân chương Lao động hạng Ba (trong đó có 1 huân chương trong thời kỳ đổi mới - năm 2000); 1 Huân chương Chiến công hạng Ba (năm 1999); 4 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; nhiều bằng khen của Bộ Ngoại thương, của Uỷ ban nhân dân các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định và của Tổng cục Hải quan.*
- *Về các đoàn thể quần chúng:*

+ *Công đoàn cơ sở Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá 5 năm liền (1998 - 2002) được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen.*
+ *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá 6 năm liền đạt danh hiệu cơ sở đoàn xuất sắc, được nhận 01 cờ thi đua luân lưu và 5 bằng khen của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.*

THANH HOA DEPARTMENT OF CUSTOMS

SUCCESSFUL COMPLETING STATE MANAGEMENT OF CUSTOMS TASKS

After years of construction and development, under the direction of the Party and supports of the authorities and ethnic compatriots, Thanh Hoa Department of Customs' officers had unanimously surmounted all difficulties to grow up and obtain numerous and glorious achievements, successfully accomplished the entrusted tasks. Thanks to that, they were granted many noble awards and appellations by the Party, the State, sector and local authorities.

Customs officers in co-ordination with the border soldiers and quarantine forces are controlling the imported goods crossing Na Meo frontier pass

Over 50 years building and growing up, Thanh Hoa Department of Customs has experienced considerable development in controlling and supervising import-export goods and immigration transport means; traffic prevention and protection, illegal commodity-transport crossing the border; organize enforcement of the laws on import-export taxes. During the years carrying out the reform ("Renovation") policy of the Party and the State, especially since the Law on Customs became effective from January 1st 2002, the Department has practically contributed to boosting foreign economic development in the areas, earning popularity and appreciation among the enterprises and the people.

Promoting foreign economic development by constant amelioration of working styles

Targeted at speeding up foreign economic operation, the Department has focused on administrative reform and gradual customs procedure modernization, supporting the national integration into international economy under the motto: "Developing internal forces in concurrence with utilizing up external forces to integrate actively into international economy for the rapid, stable, and effective growth" offered by the Ninth National Party Congress Resolution.

Thanh Hoa Department of Customs has regularly implemented and maintained the publicity of the policies and procedures in close attachment with revising, supplementing and issuing regulations in order to prevent and eliminate the negative and troublesome manifestations, facilitate export commodities, closely and legally manage import goods.

During five years (1998-2002), The Department had carried out the customs procedures for the import-export commodities worth US$613 million, reached and exceed-

ed the budget collection target, create favorable conditions for investment attraction, actively supported many crucial economic works in setting up and operating promptly. The role of those works is economy has been developing such as Nghi Son Cement Joint-venture Corporation, Vietnam-Taiwan Sugar-cane Joint-venture Company, Lam Son Sugar Company (in Thanh Hoa), Water Supply and Drainage System Reinforcement Company, Industrial Commodity Trading Joint-stock company, Electric-Electronic Company, Nam Dinh Textile compnay, Dong Giao Foodstuff Export Company (Ninh Binh) etc.

On the front against smuggling, illegal transport and trade fraudulence

Making use of the leadership and instruction of the local committees, authorities and General Department of Customs, the Department has actively collaborated with the concerning bodies including police, border soldiers and market management forces, based on the people and developed their activity, creating its strength to struggle against traffic trouble-spots along the coast. Is also uncovered and captured the drug-related and illegal trading cases, collected VND billion to submit to the State budget.

The success also recorded in enhancing communication, implementing the professional measures to timely uncover and prevent the tricks in smuggling, trade fraudulence and illegal transport through the frontier passes and customs clearances, supporting the control before-during-after customs clearance.

Building up clear and strong customs force

Thanh Hoa Department of Customs always attaches importance to improvement and education of Marxism-Leninism, Ho Chi Minh ideology, the Party's policies and the State laws and regulations for the customs officers. The department has frequently educated the revolutionary tradition aiming at enhancing staff' morality, honor and responsibility.

The attention has also been paid to training and re-training tasks. So far the sector has 55 percent officers holding university and college degrees, a number of them are studying to be the bachelor of art of politics, economic management, foreign trade and finance, creating the fulcrum for Thanh Hoa Customs to meet the impending and long-term duty requirements.

Moreover, the department will focus on investment in material and technical facilities, creating favorable conditions to raising working effectiveness and gradually modernizing customs tasks, launching the movements and facilitating the teams and individuals to carry out scientific research to find out the most effective working way.

Orientation and solution by 2010

By 2010, Thanh Hoa Department of Customs will strive to standardize the staff to "Build Thanh Hoa Customs into professional, high-qualified and modernized force with clear, upright and effective activities" with the main contents as follows:

1) Concentrate all forces and conditions to gradually modernize the customs tasks towards process of standardization, computerization and modernization with an aim to successfully realize "the Law on Customs" in the areas of Thanh Hoa, Ninh Binh and Nam Dinh provinces.

2) Accomplish regular staff' revision-evaluation-classification, build up and implement the plan on specialized training and re-training and gradual stan-

Import-export report of 1996 - 2002

Content	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Dealt with customs procedures for import-export commodities (million US$)	62	29	90	153	133	110	127
Import-export taxes collection (billion VND)	34	14	19	62	202	196.3	191.5

Source: Thanh Hoa Department of Customs

Report of dealt cases in 1996 - 2002

Year	Cases	Cost (VND mil.)	Others
1996	34	200	12 crimes and 37.65 kg heroin arrested
1997	15	800	7 crimes and 11.8 kg heroin arrested
1998	22	1,000	2.82 kg heroin and one K54 arrested
1999	31	4,000	30 gr heroin arrested
2000	23	1,900	
2001	9	390	
2002	19	919	50 gr heroin arrested

Source: Thanh Hoa Department of Customs

dardization: assign customs officers to the suitable positions and duties based on their professional capability and rotate the staff in compliance with the regulations of the sector. Enhance the measures on ensuring internal political security, restrain the officers from making mistakes in working and activities and violating the laws. Develop flexible and creative role of the trade and youth unions, women and veteran associations, then motivate the ebullient emulative movements, fulfill the entrusted tasks. Apart from that, the Department has also held the humane activities to improve the staff' knowledge and encourage them to better themselves and effectively carry out their duties.

With a view to successfully realize the above-mentioned targets, Thanh Hoa Department of Customs has been implementing the following solutions:

a) Grasp thoroughly and make use of the policies of the Party, State and sector. Strictly execute the opinion of "base on the people" and closely co-ordinate with the concerning bodies to fulfill the tasks. Regularly listen to the people's comments, collect the opinions of the enterprises to develop the advantages and overcome the limitations.

b) Continue to build, improve and streamline the organization to operate effectively in accordance with the regulated functions and duties.

3) Build up the staff, which is strong in political and moral virtue, professional skills and social knowledge, diligent in assigned jobs, self-conscious in implementation of working regulations to satisfy the new task requirements.

4) Apply the science - technical advances in working fields to speed up the customs task modernization process, especially the customs procedure automation at the pivotal phases and areas.

Keeping pace with the country's vigorous change for the target of "Rich people, powerful country, equitable, democratic and civilized society", Thanh Hoa Department of Customs' officers, as the 'bodyguard' of the national economy on the integration trend into global economy, will continually develop good traditions, strive to perceive the knowledge to excellently implement the entrusted duties, actively support and well manage the national and local foreign economic activities, obtain satisfactory achievements, deservedly contribute to the cause of "Protecting national sovereignty and security, State benefits, legal right and interest of the organizations and individuals".

Highlights of Thanh Hoa Customs construction and growth

1) Establishment and development process

- *In 1951, The forerunner of present Thanh Hoa Department of Customs - the "Import-export division" was established in Thanh Hoa, marked the moment the State management on customs in Thanh Hoa initiated officially.*
- *At the end of 1955, "the mobile Customs Control Group" belonging to the Central Customs Department was set up.*
- *On June 28th 1962, Ministry of Commerce and Industry issued Decision 495 on the establishment of "Na Meo Customs Chamber", which belonged to Thanh Hoa provincial Administration Committee.*
- *On April 1st, 1963, Thanh Hoa provincial Administration Committee issued Decision 706 to rename "Na Meo Customs Chamber" to "Thanh Hoa Customs Chamber".*
- *On December 12th, 1971, Ministry of Foreign Trade issued Decision on the establishment of "Thanh Hoa Customs Division" belonging to the Central Customs Department".*
- *Pursuant to Resolution 68 dated April 25th, 1984 and Decree 139 dated October 20th, 1984 of the Council of Ministries (now called the Government), "Thanh Hoa Customs Division" was renamed of "Thanh Hoa Customs".*
- *On Sept 14th, 1994, General Department of Customs issued Decision 278/TCHQ-TCCB and the letter No. 175/ TCHQ-TCCB dated Decemher 31st, 1994 on renaming "Thanh Hoa Customs" to " Thanh Hoa Department of Customs".*
- *Presently, Thanh Hoa Department of Customs are carrying out the State management of customs tasks at two frontier passes (one road pass with Laos and one harbor pass) and two customs clearances at Ninh Binh and Nam Dinh provinces, one anti-smuggle controlling team and four advisory divisions.*

2) The noble awards Over 50 years building and growing up, under the conduct and attention of the Party and authorities, with the help and protection of the ethnic communities, Thanh Hoa Department of Customs had unanimously overcome difficulties, gradually developed, obtained numerous glorious achievements and excellently accomplished the tasks allotted by the sector and locality. With such outcomes, the department was granted many noble rewards and appellations of the Party, the State and the localities. Of which:

- *As for the committee of the Party: Thanh Hoa Department of Customs' Party committee achieved the title of "The clean and strong committee of the Party" in seven consecutive years (1996-2002) and was granted the certificate of merit in 2001 by Thanh Hoa provincial standing committee of the Party.*
- *In terms of profession skills: The department was awarded two Third-grade Labor Orders (one of which was in the renovation period - 2000), one Third-grade Service Order (1999), four certificates of merit granted by the Prime Minister and many certificates of merit by Ministry of Foreign Trade, the provincial People's Committees of Thanh Hoa, Ninh Binh and Nam Dinh provinces and General Department of Customs.*
- *In terms of mass organizations:*

+ *The basic trade union of Thanh Hoa Department of Customs in five consecutive years (1998-2002) was granted certificates of merit by the Viet Nam General Confederation of Labor.*
+ *Ho Chi Minh communist youth union of Thanh Hoa Department of Customs in six consecutive years was deserved to receive the appellation of excellent youth unit, one triumphant stimulation flag and five certificates of merit of Ho Chi Minh Central Communist Youth Union.*

CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA

CƠ SỞ TIN CẬY CHO CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Cục Thống kê Thanh Hoá là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng cục Thống kê, được quản lý theo hệ thống dọc từ Trung ương tới tỉnh và huyện. Sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 6-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 61/SL thành lập Nhà Thống kê Việt Nam (tiền thân của Cục Thống kê Việt Nam) thuộc Bộ Kinh tế quốc dân. Đây được coi là ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam và cũng là ngày hình thành ngành thống kê Thanh Hoá. Từ đó đến nay, ngành thống kê Thanh Hoá đã có nhiều thành công trong việc thu thập và bảo lưu thông tin chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và lãnh đạo.

Cục Thống kê Thanh Hóa là cơ quan thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế - xã hội và cung cấp cho các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức các cấp những thông tin cần thiết làm cơ sở đánh giá, hoạch định chính sách phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; đồng thời có chức năng quản lý nhà nước về công tác thống kê ở địa phương.

Trọng trách lớn lao

Quyết định số 141/TTg ngày 21-10-2002 của Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: "Số liệu thống kê Nhà nước là thông tin có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống thông tin quốc gia, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ kịp thời, đầy đủ yêu cầu của Đảng và Nhà nước, nhu cầu thông tin của mọi đối tượng trong xã hội". Đây cũng chính là sự khẳng định vai trò, vị trí của ngành trong xã hội. Do tính khách quan, bảo đảm độ tin cậy, thông tin thống kê là căn cứ chính thống được sử dụng thống nhất trong việc đánh giá, phân tích thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các ban, ngành đoàn thể. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách trước mắt và lâu dài.

Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất

Từ ngày thành lập đến nay, ngành thống kê Thanh Hoá không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ công tác thống kê trong mỗi giai đoạn cách mạng. Đặc biệt, từ khi Đảng và Nhà nước thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành thống kê Thanh Hoá đã bám sát đường lối đổi

mới, tổ chức nhiều cuộc điều tra toàn diện, điều tra chuyên đề, thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin phục vụ kịp thời và hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành nhằm phát triển các mục tiêu kinh tế - xã hội. Ngoài các báo cáo thống kê định kỳ, các niên giám thống kê, ngành thống kê đã cung cấp nhiều báo cáo phân tích chuyên đề về tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các ngành và thành phần kinh tế. Đó là những thông tin quan trọng để lãnh đạo các cấp, các ngành quyết định các mục tiêu và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội.

Từ ngày thành lập tới nay, Cục Thống kê Thanh Hoá vẫn không ngừng trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Với những thành tích đã đạt được, ngành Thống kê Thanh Hóa đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: 1 Huân chương Lao động hạng Nhất (1998), 3 Huân chương Lao động hạng Nhì, 3 Huân chương Lao động hạng Ba, nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Tổng cục Thống kê và của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, 7 năm liên tục (1996 - 2002) là đơn vị dẫn đầu ngành thống kê các tỉnh, thành phố trong cả nước được nhận Cờ thi đua của Chính phủ.

Nâng cao hiệu quả của công tác thống kê

So với yêu cầu quản lý, việc cung cấp thông tin của ngành thống kê địa phương vẫn còn những bất cập như số lượng báo cáo phân tích chưa nhiều, đặc biệt các báo cáo có chất lượng còn ít, các thông tin dự báo còn hạn chế, một số thông tin chưa có sự thống nhất giữa tỉnh và huyện; các thông tin đánh giá hiệu quả sản xuất - kinh doanh, lao động, thu nhập, việc làm, chất lượng lao động, cân đối cung cầu, thông tin về các tệ nạn xã hội, v.v. còn sơ lược. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và bộ máy tổ chức của ngành còn hạn chế đã ảnh hưởng tới việc cung cấp thông tin.

Để nâng cao hiệu quả công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, xã hội của các cấp, các ngành, định hướng phát triển ngành Thống kê Việt Nam đến năm 2010 nói chung, ngành thống kê địa phương nói riêng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu: "Thống kê Việt Nam đổi mới cả về nội dung và hình thức nhằm cung cấp kịp thời thông tin kinh tế - xã hội đầy đủ về nội dung, toàn diện về phạm vi, tin cậy về chất lượng, nhằm phục vụ tốt nhất yêu cầu của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đáp ứng ngày càng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sử dụng thông tin của đối tượng khác".

Bảo đảm thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời, phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin của mọi đối tượng là quá trình phấn đấu gian khổ, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ hàng loạt các giải pháp.

Thứ nhất, sau khi có Luật Thống kê, phải triển khai việc thực hiện Luật và các văn bản pháp quy tới mọi tổ chức, cá nhân; đồng thời phải kiểm tra thường xuyên để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ hai, tất cả các sản phẩm thống kê phải được đổi mới, chuẩn hóa về thời gian, nội dung, hình thức, bổ sung các chỉ tiêu chủ yếu về số lượng, chất lượng và hiệu quả để phản ánh đồng bộ diễn biến tình hình kinh tế - xã hội. Quá trình biên soạn niên giám thống kê sẽ từng bước được chuẩn hoá theo chuẩn mực trong nước và phù hợp với thống kê quốc tế, thuận tiện cho các đối tượng sử dụng. Phấn đấu xử lý nhanh để công bố kịp thời các cuộc điều tra chuyên đề và toàn diện. Mọi số liệu thống kê khi biên soạn và công bố cần đảm bảo tính so sánh về thời gian, không gian và có sự phân tích sâu sắc.

Thứ ba, phấn đấu tính đúng, tính đủ các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, chỉ số phát triển con người (HDI), tuổi thọ bình quân, hiệu quả của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, v.v. Tăng cường sử dụng các nguồn thông tin sẵn có của các ngành cho công tác thống kê như tài liệu kế toán, hệ thống thuế, tài liệu đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, xây dựng, v.v. để nâng cao chất lượng và tiết kiệm kinh phí của Nhà nước.

Thứ tư, từng bước tăng cường kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin trong hoạt động của Cục Thống kê Thanh Hóa cũng như của các phòng thống kê huyện, thành phố, thị xã, tiến tới nối mạng trong toàn ngành. Ứng dụng các phần mềm chuyên dùng nhằm tự động hoá các khâu xử lý, tính toán, phân tích. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế, xã hội của địa phương phù hợp với các bảng phân bổ, bảng danh mục về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp tính để phục vụ yêu cầu của các đối tượng dùng thông tin thống kê. Phấn đấu đến năm 2005 tất cả các phòng thống kê huyện, thị xã, thành phố có máy vi tính, tới năm 2010 mỗi cán bộ từ tỉnh tới huyện có một máy vi tính để làm việc và nối mạng tới Cục Thống kê Thanh Hóa và Tổng cục Thống kê.

Thứ năm, xây dựng, củng cố bộ máy tổ chức, đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ cho cán bộ, viên chức làm công tác thống kê; sắp xếp lại bộ máy tổ chức ở tỉnh và huyện trên cơ sở rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ, viên chức; xây dựng, củng cố tổ chức thống kê xã, phường, thị trấn và doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cộng tác viên điều tra ở các cấp, các ngành và cơ sở.

Bên cạnh sự phấn đấu nỗ lực của cán bộ, viên chức trong toàn ngành nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, ngành thống kê Thanh Hóa rất cần sự quan tâm, giúp đỡ có hiệu quả về mọi mặt của các cấp, các ngành từ Trung ương tới tỉnh và cơ sở. Hoàn thành định hướng và giải pháp trên, nhất định ngành thống kê Thanh Hoá sẽ thực hiện tốt trọng trách lớn lao, tiếp tục giữ vai trò, vị trí quan trọng mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội; đầu tư và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

THANH HOA DEPARTMENT OF STATISTICS

RELIABLE FOUNDATION FOR CONDUCT AND MANAGEMENT

Thanh Hoa Department of Statistics is a professional body directly governed by the General Department of Statistic from central to provincial and district levels. After the August Revolution, on May 6th 1946, Ho Chi Minh President signed Decree No61/SL on establishment of Viet Nam Statistics House (the precursor of Viet Nam Department of Statistics) under the Ministry of National Economics. That day is regarded as the establishment day of Statistics Sector of Viet Nam in general and Thanh Hoa in particular. Since then, Thanh Hoa Statistics Sector has made significant achievements in information collection and preservation, facilitating conduct and management.

Thanh Hoa Department of Statistics is a body in charge of collecting, summarising, processing and analysing socio-economic information and supplying them to the Party bodies, authorities and organisations as the foundation to evaluate and make policies on economic development, social stabilisation and people's living standard improvement; simultaneously of State management over local statistics operation.

Great responsibility

Decision No 141/TTg of the Prime Minister dated October 21st 2002 pointed out: "Figures of State statistics are the most legally valued information in the national information network, reflecting the national socio-economic development, timely and sufficiently meeting demand for information of the Party, State and people". Accordingly, statistics sector's role and

position in the society are manifested. Because of its objective and reliability. Statistics information is an official base used commonly in the socio - economic reality assessment, analysis and developed trend of the Provincial Party Committee. People's Council, and People's Committee and other authorities and organisations. Simultaneously it is also the crucial foundation for the immediate and long-term socio - economic development and budget strategies blueprinting.

Since its establishment, Thanh Hoa Statistics Sector has comprehensively kept growing, timely met the demands for and tasks of statistics works in each revolutionary period. Especially, after the Party and State launched renovation, developing multi-sector economy on the socialistic - oriented market mechanism, the sector has closely grasped thoroughly renovation policies, organising a number of comprehensive and professional investigations, collecting, processing, synthesising and analysing information to timely and effectively serve the conduct and management of the sectors and branches targeted at socio-economic development. In addition to periodical statistics reports and annual statistics publications, the sector has supplied many special subject analysis reports on economic growth rates and restructuring of the economic branches and sectors. That information is of importance for the leaders at all levels of different sectors to work out socio-economic development targets and solutions.

Raising effectiveness of statistics sector's operation

Nevertheless, in meeting demands for management, there have been limitations in the local statistics sector's information provision. Those include small number of analysis reports, especially reports with high quality, limited prediction information, inconsistent information between provincial and district levels, sketchy information of production - business effectiveness assessment, labour, income, employment, labour quality, supply and demand balancing and social evils. The sector's material and technical facilities and administrative apparatus are restrained, exerting adverse impacts on information supply.

Aimed to raising the sector's operational effectiveness, meeting requirement for socio-economic management of authorities at all levels, the development orientations of Viet Nam Statistics Sector by 2010 in general and the local statistics sector in particular obtaining approval of the Prime Minister worked out the target: "Viet Nam Statistics Sector will reform both its substance and form to timely provide socio-economic information sufficient in substance, comprehensive in scale, reliable in quality to best meet requirement of the Party and State in the national building and development and of others for using information sufficiently and conveniently."

Ensuring adequate, exact and timely statistics information to the State bodies to assess and forecast situation, issue policies, work out plan on socio-economic development to satisfy demand for information of all cases is the hard endeavour, requiring the synchronous implementation of the following solutions:

First, after issuance of the Law on Statistics, the Law and legal documents must be implemented by every organisation and individual, which should be examined regularly to ensure the law's strictness.

Second, statistics sector's products should be renovated, standardised in terms

Since its establishment, irrespective of management forms, Thanh Hoa Department of Statistics has continued growing comprehensively and excellently implemented its assigned tasks. With achieved outcomes, Thanh Hoa Departments of Statistics was granted noble rewards by the Party and State: one First-class Labour Order (1998), three Second-class Labour Orders and three Third-class Labour Orders; many certificates of merits by the Prime Minister, General Department of Statistics and Thanh Hoa Provincial People's Committee; being in seven consecutive years the leading unit of the statistics sector among the provinces and cities nation-wide (1996-2002) awarded Emulation Flag by the Government.

of time, content, form and be supplemented with targets mainly including quality, quantity and effectiveness to reflect synchronously the socio-economic situation. Yearly statistics book compilation process shall be step by step standardised towards domestic standards, appropriate to international statistics and convenient for every user. Information shall be rapidly processed for the special and comprehensive investigation proclamation. Every statistics data during its compilation and proclamation should be ensured its comparison in terms of time, space and profound analysis.

Third, general economic targets, Human Development Index (HDI), average life expectancy, economic restructuring effectiveness etc should be correct and sufficient. Other sectors' existing statistics information such as accountancy documents, taxation system, business registration documents, investment and construction licensing should be intensified to increase quality and save the State expenditures.

Forth, information technological infrastructure in Thanh Hoa Department of Statistics' s operation and in the districts, cities and communes shall be strengthened for the entire sector's networking. Specific software shall be applied to automatise the information process, calculation and analysis. Local socio-economic database appropriate to allocation tables, lists and index systems and calculation method should be set up to meet the requirement of statistics information users. The sector is striving to equip every statistics office in districts, cities and towns with computers by 2005 and each official from province to district level with a computer by 2010 for working and networking with Thanh Hoa Department of Statistics and General Department of Statistics.

Fifth, It is of necessity to set up organisation apparatus, train and retrain the staff to improve their professional qualification, rearrange administration organisation at province and district levels; set up and consolidate statistics organisations in communes, wards, townships and enterprises and build co-ordinator - investigators at grassroots levels.

Out of the great efforts by the sector's staff in synchronous implementation of those above solutions, Thanh Hoa Statistics Sector needs the effective and comprehensive supports from authorities and organisations from central to district and grassroots levels. Once the above-mentioned orientations and solutions are accomplished, Thanh Hoa Statistics Sector will well fulfil its great responsibility, continually playing its important role and position, bringing about higher effectiveness in socio-economic reality assessment and management, investing and constructing the local socio-economic development plans.

CHƯƠNG II: ĐA DẠNG HÓA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ THANH HOÁ

ĐI LÊN CÙNG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HOÁ

Sau gần 10 năm thực hiện Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VIII) và sau 9 năm đi vào hoạt động theo Luật Hợp tác xã, kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở Thanh Hoá đã có những chuyển biến quan trọng và tích cực. Vai trò, vị trí của Liên minh Hợp tác xã Thanh Hóa ngày càng được nâng cao cả trong nhận thức cũng như tổ chức thực hiện, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, hình thành các mô hình kinh tế hợp tác xã trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, Thanh Hoá đã trở thành địa phương có loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển khá mạnh của cả nước.

Trần Văn Lâm – Uỷ viên thường vụ Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá

Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam (nay là Liên minh Hợp tác xã Việt Nam), tháng 01-1994, Đại hội Đại biểu các hợp tác xã toàn tỉnh lần thứ nhất được tổ chức. Đại hội đã chính thức thông qua quyết định hình thành tổ chức Hội đồng Liên minh các hợp tác xã tỉnh Thanh Hoá (nay là Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá), đưa Thanh Hoá trở thành địa phương đầu tiên trong cả nước tổ chức Đại hội đại biểu các hợp tác xã và thành lập tổ chức Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh.

Tiền đề cho sự phát triển

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự điều tiết, quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Liên minh Hợp tác xã đã tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh dần xoá đi tư tưởng mặc cảm, góp phần tạo điều kiện cho các cơ sở phát triển nhanh, hiệu quả và đúng hướng. Các hình thức kinh tế dân doanh này phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay, và là bước quá độ để thành lập hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã. Những lúng túng, thiếu đồng bộ trong công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn dần được các thành viên trong ban lãnh đạo liên minh khắc phục.

Trong những năm gần đây, các cấp uỷ, chính quyền địa phương đã tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề bàn về lĩnh vực kinh tế này, qua đó ban hành những nghị quyết, quy định chỉ đạo phát triển thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, kinh tế hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn. Từ năm 1995, sau khi Tỉnh uỷ Thanh Hóa ra Nghị quyết số 09/NQ-TW về: "Đổi mới hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác...", các huyện, thị, thành phố đều thành lập Ban chuyển đổi hợp tác xã và công tác chỉ đạo có sự tập trung, sâu sát hơn. Nhiều địa phương đã triển khai thực hiện và đạt được kết quả khá quan như: huyện Thiệu Hoá, huyện Nga Sơn, huyện Thọ

Nguyễn Văn Hưng - Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá

Xuân, thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn, huyện Hậu Lộc, huyện Tĩnh Gia, huyện Triệu Sơn, huyện Yên Định,.... Hiện nay, các loại hình hợp tác xã được phân bố ở 20/27 huyện, thị, thành phố trong tỉnh. Như vậy, tính đến tháng 3-2003, 7 huyện còn lại chưa có hợp tác xã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã đều là các huyện miền núi như: Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh.

Thành công từ hợp tác xã kiểu mẫu

Công tác tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh ngày càng được kiện toàn, đổi mới theo hướng ổn định và bền vững hơn, tuân theo các quy định của Luật Hợp tác xã. Sau khi chuyển sang mô hình hợp tác xã kiểu mới, nội dung hoạt động của các thành viên đã trở nên đa dạng và rõ nét hơn. Các hợp tác xã được chuyển đổi và thành lập mới không ngừng tăng lên. Nếu như năm 1999, toàn tỉnh chỉ có 431 hợp tác xã, thì đến tháng 3-2003 đã lên tới 607 hợp tác xã, tăng gần 41%. Trong đó, số thành viên của Liên minh Hợp tác xã là 278 đơn vị, chiếm 46% tổng số hợp tác xã trên toàn tỉnh.

Các hợp tác xã hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau, trong đó có 432 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (chiếm 71% tổng số hợp tác xã toàn tỉnh) hoạt động trong 3 khâu dịch vụ chủ yếu là tưới tiêu nước, bảo vệ thực vật và khuyến nông. Nhiều hợp tác xã đã đổi mới phương thức sản xuất - kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu theo hướng đa nghề, nhạy bén trong việc chuyển đổi ngành nghề, mặt hàng, cung ứng nhiều mặt hàng và dịch vụ mới như: dịch vụ vật tư, dịch vụ giống cây con, dịch vụ điện sản xuất, sinh hoạt và dịch vụ tiêu thụ sản

Bảng vàng thành tích

- *Năm 1999:*
  - *+ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 03 đơn vị, 01 cá nhân.*
  - *+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 04 đơn vị, 02 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
  - *+ Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng bằng khen cho 01 đơn vị, 01 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
- *Năm 2000:*
  - *+ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 03 đơn vị, 03 cá nhân.*
  - *+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 04 đơn vị, 03 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
  - *+ Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng bằng khen cho 03 đơn vị, 02 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
- *Năm 2001:*
  - *+ Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Tân Thành - Nga Sơn.*
  - *+ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 03 đơn vị, 02 cá nhân.*
  - *+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 06 đơn vị, 02 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
  - *+ Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng bằng khen cho 03 đơn vị, 01 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
- *Năm 2002:*
  - *+ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 02 đơn vị, 02 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
  - *+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 08 đơn vị, 05 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*
  - *+ Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng bằng khen cho 02 cá nhân; tặng cờ thi đua cho 01 đơn vị.*

Ngoài ra, trong nhiều năm liền, Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng cờ thi đua dẫn đầu khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

phẩm, để kịp thời thích ứng với sự biến động của thị trường. Nhiều hợp tác xã dịch vụ mở rộng lĩnh vực hoạt động từ 7 - 11 khâu như: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Thiệu Hưng (11 khâu); Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Thành (7 khâu).... Trong đó có nhiều hợp tác xã đã hình thành nên các bộ phận chuyên ngành tiểu thủ công nghiệp, chăn nuôi, vận tải.... Các hợp hợp tác xã thuộc các lĩnh vực khác đều có sự tăng trưởng nhanh hơn về năng lực sản xuất và mở rộng đầu tư. Trong đó, tính đến tháng 3-2003, toàn tỉnh đã xây dựng được 49 đơn vị hợp tác xã ngành tiểu thủ công nghiệp; 15 đơn vị giao thông - vận tải; thương mại 02 đơn vị; thủy sản 50 đơn vị; tín dụng 30 đơn vị; môi trường 05 đơn vị; muối 05 đơn vị; tiêu thụ điện 09 đơn vị.

Đặc biệt, Thanh Hoá đã hình thành được một số mô hình liên kết kinh tế đạt hiệu quả cao, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đơn cử như: mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp nhà nước vùng mía đường Lam Sơn; liên kết giữa các hợp tác xã làm muối (Tĩnh Gia) với Công ty muối Thanh Hoá...

Trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá IX), Tỉnh uỷ Thanh Hoá đã đề ra chủ trương: "Nhân rộng hợp tác kinh tế và hợp tác xã theo mô hình mía đường Lam Sơn ra các vùng cây - con khác như dứa, sắn, cao su, cà phê, chăn nuôi lợn hướng nạc, bò sữa....". Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá đã tích cực tổ chức, thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, đào tạo nghề cho các thành viên như: mộc dân dụng, khảm trai, điêu khắc đá, may mặc, mỹ nghệ vàng bạc, cơ khí gò hàn, trung cấp kế toán.... Số lượng học viên được đào tạo ngày càng tăng: từ 566 người (năm 1999) lên 730 người (năm 2002), tăng 29%. Liên minh Hợp tác xã Thanh Hóa đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm quản lý kinh tế hợp tác xã cho hơn 400 cán bộ cơ sở tại các địa phương trong tỉnh (trong 5 năm 1998 - 2002) với sự trợ giúp của Liên minh Hợp tác xã Tiêu dùng Thuỵ Điển (KF). Ngoài ra, Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá còn hỗ trợ các cơ sở trong việc giải quyết khó khăn về vốn và thông tin thị trường,... để phát triển sản xuất - kinh doanh (chủ yếu từ nguồn vốn quốc gia về giải quyết việc làm, với số vốn bình quân 600 - 800 triệu đồng/năm).

Chiến lược và định hướng phát triển đến năm 2010

Trong những năm tới, các cơ sở kinh tế hợp tác và hợp tác xã cũng như Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá cần nỗ lực hơn nữa, tạo sự chuyển biến mạnh hơn về phát triển sản xuất - kinh doanh và kiện toàn, củng cố tổ chức vững mạnh; tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phù hợp

Những kiến nghị

- Cần tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò, vị trí, tính tất yếu khách quan cũng như hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; từ đó tạo ra sự chuyển biến mới trong hoạt động thực tiễn và điều kiện thúc đẩy kinh tế tập thể ở từng địa phương, từng ngành, phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

- Cần hình thành tổ chức quản lý, chỉ đạo thống nhất ở các cấp, các ngành đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, có sự phân công cụ thể.

- Cần hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển, nhất là các chính sách khuyến khích, Luật Hợp tác xã.

- Tăng cường vai trò của Liên minh Hợp tác xã, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX). Trong đó, đề nghị các cấp chính quyền tập trung xem xét giao thêm một số nhiệm vụ cho Liên minh Hợp tác xã, đồng thời tạo thêm điều kiện, công cụ cần thiết để liên minh các hợp tác xã có đủ năng lực thực hiện ngày càng đầy đủ và tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao.

với tốc độ tăng trưởng của lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Liên minh Hợp tác xã Thanh Hoá góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tại mỗi địa phương trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống cho xã viên, người lao động, xoá đói giảm nghèo, huy động mọi nguồn lực trong dân và phát huy thế mạnh của tỉnh để mở rộng sản xuất - kinh doanh; qua đó góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tác động vào sự thay đổi bộ mặt nông nghiệp, nông thôn trong tỉnh.

Liên minh Hợp tác xã Thanh Hóa sẽ tiếp tục nêu cao vai trò trong việc chủ động, thường xuyên tổ chức tập hợp và nắm chắc tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh tại các cơ sở cũng như quá trình đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác xã tại các địa phương trong tỉnh. Phối hợp với các ngành, các cơ quan hữu quan nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của cơ sở. Từ đó, nghiên cứu, đưa ra những đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách, các giải pháp nhằm khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế tập thể. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý của các hợp tác xã nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực kinh tế tập thể, đáp ứng những đòi hỏi của thời kỳ mới trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Theo sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã Thanh Hóa sẽ khẩn trương thực hiện dự án nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất của Trường dạy nghề thủ công nghiệp tại địa điểm mới. Tổ chức tốt phong trào thi đua nhằm tạo khí thế sôi nổi trong sản xuất - kinh doanh của các hợp tác xã, góp phần xây dựng phong trào hợp tác xã Thanh Hóa ngày càng vững mạnh.

CHAPTER II: DIVERSIFYING ECONOMIC CLASSES

THANH HOA CO-OPERATIVE ALLIANCE

STEPPING UP WITH THE PROVINCIAL SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

After nearly ten years implementing Instruction 68/CT-TW of the Central Party Secretariat (Session VIII) and nine years operating in accordance with the Law on Co-operative, Thanh Hoa collaboration and co-operative economy experienced importance and active changes. The role and position of Thanh Hoa co-operative alliance is getting enhanced in both awareness and implementation, actively supporting development of non-State economic sectors, setting up the co-operative economic models in multi-sector economy and operating in line with the market economic mechanism towards socialism. Therefore, Thanh Hoa became the first locality nationwide having the rapid developed collaboration and co-operative economy.

Under the consideration, direction and instruction of Thanh Hoa provincial Party Committee, People's Committee and Vietnam Central Council for Co-operative Alliance (now called Vietnam Co-operative Alliance), the first Meeting of Co-operatives' Delegates, which was held in January 1994, officially adopted the Decision on establishment of Thanh Hoa provincial Council for Co-operative Alliance (presently named Thanh Hoa Co-operative Alliance). The issuance of this Decision turned Thanh Hoa into the first province nation-wide organized the meeting for the co-operatives' delegates and set up the co-operative

Vice Chairman of Thanh Hoa Co-operative Alliance, Nguyen Huy Thanh

alliance at provincial level.

Premise for the development

Resolution of the Sixth national Party Congress in 1986 put forward the policy on reform and development of the multi-sector commodity economy under the State regulation and management in the orientation of socialism. Implementing its task, the alliance has actively and tightly co-operated with the sectors and branches in conducting and helping the non-State economic sectors eradicate the though of complex, facilitate the bases to develop rapidly, effectively and on the right direction. Those privately owned forms are suitable to the development standard of the present production force, being the transitional pace in establishing the co-operatives of new model in line with the Law on Co-operative. The troubles and asynchronism in administration, conduct and guidance are gradually surmounted by the alliance' managers.

In recent years, the local Party Executive Committees and authorities had organized many specialized seminars on this economic sector, through which issued the resolutions and regulations directing development of non-State, collaborated and co-operative economic sectors in the area. Since 1995, after Thanh Hoa provincial Committee of the Party issued Resolution 09/NQ-TW on "Reforming agricultural co-operatives, developing collaborated economic forms", the commissions of co-operative conversions were founded in the districts, towns and city, the concentrated and closed conduct was clearly seen. The implementation has been displayed and recorded satisfactory results in many localities such as Thieu Hoa, Nga Son and Tho Xuan districts, Thanh Hoa City, Bim Son town, Hau Loc, Tinh Gia, Trieu Son and Yen Dinh districts. Presently, the co-operative forms have been allocated in 20/27 districts, towns and city in the province. So, by March 2003, seven remaining districts without co-operatives converted according to the Law on Co-operative are the mountainous ones consisted of Quan Hoa, Quan Son, Muong Lat, Nhu Xuan, Nhu Thanh and Lang Chanh districts.

Success from the sample co-operative

The co-operatives' organization and operation in the province are getting consolidated, renovated and more stable and in accordance with the regulations of the Law on Co-operative. The contents of the members' activities became more diversified and obvious after conversion. The number of converted and newly built co-operatives is constantly increased, reached 607 co-operatives by March 2003, rose nearly 41% against 431 ones in 1999 in the whole province. Of which, 278 units are the Co-operative Alliance's members, accounts for 46% of the total co-operatives in the entire province.

The operation scope of the co-operatives belongs to different economic fields inclusive 432 of agricultural service (represents 71% total provincial co-operatives) operating in three main stages of irrigation, vegetation protection and agricultural extension. Many co-operatives have renovated the production-business mode, shifted structure on the multi-occupation tendency, supplied vary new commodities and services including supplying materials, breed and crops, powers for production and living, and providing service on product consumption.

A number of the co-operatives expanded the operation scope from seven to eleven stages such as Thieu Hung Agricultural Service Co-operative (eleven stages) and Tan Thanh Agricultural Service Co-operative (seven stages). Some co-operatives established the departments specializing in small-industry and craft, husbandry and transport etc. Although operating in the different fields, the co-operatives have productivity growth and investment expansion in common. By March 2003, there had been 49 construction establishments, 15 transportation, 2 trading, 50 fishery, 30 credit, 5 environmental, 5 salt and 9 electricity units.

The roll of honor of achievements

- *In 1999:*

  + Prime Minister conferred three units and one individual Certificates of Merit;

  + Chairman of provincial People's Committee granted four units and two individuals Certificates of Merit and offered one unit stimulation flag;

  + The Executive Committee of Thanh Hoa Co-operative Alliance granted one unit and one individual Certificate of Merit; presented one unit stimulation flag.

- *In 2000:*

  + Prime Minister conferred three units and three individuals Certificates of Merit;

  + Chairman of provincial People's Committee granted four units and three individuals Certificates of Merit and offered one unit stimulation flag;

  + The Executive Committee of Thanh Hoa Co-operative Alliance granted three units and two individuals Certificate of Merit; presented one unit stimulation flag;

- *In 2001:*

  + Tan Thanh - Nga Son Agricultural Service Co-operative was conferred the Third-grade Labor Order by Vietnam President.

  + Prime Minister granted three units and two individuals Certificates of Merit;

  + Chairman of provincial People's Committee offered six units and two individuals Certificates of Merit and presented one unit stimulation flag;

  + The Executive Committee of Thanh Hoa Co-operative Alliance granted three units and one individual Certificate of Merit; offered one unit stimulation flag.

- *In 2002:*

  + Prime Minister conferred two units and two individuals Certificates of Merit; offered one unit stimulation flag;

  + Chairman of provincial People's Committee granted eight units and five individuals Certificates of Merit and gave one unit stimulation flag;

  + The Executive Committee of Thanh Hoa Co-operative Alliance granted two individuals Certificate of Merit; offered one unit stimulation flag.

  Apart from that, in consecutive years, Thanh Hoa Co-operative Alliance was conferred emulation flag for its leading position in the Center of Vietnam and Highland (Tay Nguyen) by the Co-operative Alliance of Viet Nam.

Particularly, the province has formed some efficient economic collaborated models, contributing to boosting socio-economic development. For instance, the model of association between co-operative and State-own enterprise operating in Lam Son sugar-cane area or the co-operatives producing salt (Tinh Gia) and Thanh Hoa Salt Company.

In the action program on implementing Central Resolution 5 (Session IX), the provincial Executive Party Committee offered the policy on "Extending economic association and co-operatives according to the model of Lam Son sugar-cane to the planting and breeding areas growing pineapple, manioc, rubber, coffee and rearing supper-meat pig and milk cow". Thanh Hoa Co-operative Alliance has actively organized and carried out the activities including supporting, consulting, occupation training for the members on civil carpentry, inlaying, stone-sculpturing, garment, jewels fine art, mechanics welding and intermediate accounting. The number of trainees is increasing, from 566 people in 1999 to 730 in 2002, rose 29%. The Thanh Hoa Co-operative Alliance organized the courses to foster co-operative economic knowledge and management experiences for more than 400 cadres in the provincial localities (in five consecutive years of 1998-2002 with the support from Sweden Consumption Co-operative Alliance (KF). Besides, Thanh Hoa Co-operative Alliance has also assisted the bases in dealing with

difficulties concerning capital and market information to develop production-business (mainly from the national capital for resolving employment with annual average amount of VND600-800 millions).

Development strategy and orientation by 2010

In the time to come, the units of collaboration and co-operatives economy and Thanh Hoa Co-operative Alliance should further endeavor to make stronger change in production - business and organization consolidation. The attention also needs to be focused on construction and gradual accomplishment of new production relations suitable to the production force growth in the period of speeding up industrialization and modernization. The Alliance is required to contribute to boosting economic development in every provincial localities, especially create jobs and improve living standard for the co-operative members and laborers, eradicate hunger and reduces poverty, mobilize all people's forces and bring the provincial strength into play to expand production-business. As a result, it will actively contribute to the economic structure conversion and influence the change of agricultural and rural image in the province.

The Alliance will continue to enhance its role actively and regularly summarize and evaluate the p duction-business situation in the bases as well as t economic reform and development process in t provincial localities. The Alliance should co-ordina with the industries and concerning bodies to resolve t difficulties and impediments in the bases' operation, as result to research and offer the proposals on buildin adjusting and supplementing the policies, regulatio and solutions aiming at encouraging and facilitating c operative economic development. Training and impro ing the co-operatives' managers with a view to constan ly enhance human resource, satisfying the requiremen of the new era in the tendency of regional and intern tional integration are also drawing much attention.

Under the direction of the provincial People Committee, Thanh Hoa Co-operative Alliance going to implement rapidly the project on upgradin and building infrastructure of the Occupationa School for Handicraft at a new location. The Alliance is required to well organize emulation movements t create ebullient impetus in co-operatives' productio and business, contributing to building up Thanh Ho co-operative movements more and more powerful.

Proposals

- Focus on promoting propaganda to enhance the people' awareness of the role, position, indispensability and objectiveness of the collective economic development as well as the Party's and State's policies and regulations concerning. Basing on that, to make a new change in the practical operation and conditions for intensifying collective economy in every locality and sector into rapid, strong and stable development.

- Building up the united management and steering organizations at the sectors and branches in collective economy with detailed assignment.

- Complete legal system with an aim of facilitating the collective economic development, especially the preferential policies and the Law on Co-operative.

- Strengthen the role of the Co-operative Alliance under the spirit of Central Resolution 5 (Session IX). Of which, petition the authorities at the levels to consider allotting more tasks to the Co-operative Alliance, concurrently create more necessary conditions and tools for the Alliance to be capable of comprehensive and effective implementation of the assigned duties.

CÔNG TY BIA THANH HOÁ

CHẤT LƯỢNG QUYẾT ĐỊNH THƯƠNG HIỆU

Trong một buổi trao đổi nội bộ, ông Nguyễn Chí Thành - Tổng giám đốc Công ty Bia Sài Gòn đã nói: "Nếu muốn hiện đại hoá dây chuyền sản xuất theo hướng tự động hoá, chúng ta nên nghiên cứu cách hiện đại hoá của Công ty Bia Thanh Hoá". Câu nói thẳng thắn, mộc mạc, nhưng đã khẳng định được năng lực của Công ty Bia Thanh Hoá - một doanh nghiệp sản xuất bia địa phương bằng những sản phẩm có chất lượng cao đã dần khẳng định uy tín thương hiệu trên thị trường bia Việt Nam.

Trong những năm gần đây, kinh tế Thanh Hóa phát triển khá nhanh, đời sống của người dân được nâng cao khiến nhu cầu sử dụng các sản phẩm đồ uống cũng vì thế mà tăng theo. Nắm bắt được nhu cầu đó, ngày 21-2-1989, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ký Quyết định số 220/QĐ-UBTH thành lập Công ty Bia Thanh Hoá trên cơ sở hợp nhất Xí nghiệp Rượu - Bia - Nước ngọt (thuộc Sở Thương nghiệp Thanh Hóa) và Xí nghiệp Chế biến mỳ Mật Sơn (thuộc Công ty Liên hiệp Lương thực tỉnh Thanh Hoá). Tháng 3-2001, Công ty trở thành thành viên chính thức, hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Rượu - Bia - Nước giải khát Việt Nam.

Ngành nghề sản xuất - kinh doanh chính của công ty bao gồm bia các loại, nước ngọt có gaz, không gaz, nước khoáng,.... Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty Bia Thanh Hoá đã tạo dựng cho mình nền tảng phát triển khá vững chắc dựa trên chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu.

Chú trọng đầu tư công nghệ ngay từ ban đầu

Ngay từ khi thành lập, Ban Giám đốc Công ty đã xác định việc hoàn thiện trang thiết bị công nghệ sẽ là nhân tố quan trọng quyết định sự thành bại của công ty. Bởi muốn tồn tại và phát triển không có con đường nào khác là phải nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh với các hãng đồ uống nổi tiếng trên toàn quốc. Với nguồn vốn ít ỏi ban đầu, cùng với nguồn vốn vay, công ty đã tập trung đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại, đổi mới một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất bia để đảm bảo công suất 3 triệu lít/năm. Xét trong bối cảnh lúc bấy giờ, khi nhu cầu tiêu thụ các loại nước uống trong tỉnh còn thấp, người dân thu nhập chưa cao, đặc biệt là chưa có thói quen uống bia thì điều này đã minh chứng cho quyết tâm và sự mạnh dạn rất đáng biểu dương của tập thể cán bộ, công nhân viên công ty.

Nhờ có trang thiết bị hiện đại, sản phẩm của Công ty Bia Thanh Hoá đã đạt chất lượng cao, nhất là trong vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khoẻ người tiêu dùng. Công ty Bia Thanh Hoá đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và trở thành "thương hiệu" được ưa chuộng của đông đảo khách hàng. Năng lực sản xuất của công ty đã không ngừng tăng qua các năm. Nếu như năm 1991 mới là 5 triệu lít/năm thì đến năm 2000, sản lượng bia đạt 16,2 triệu lít; nước giải khát các loại đạt 1,66 triệu lít, doanh thu đạt xấp xỉ 92 tỷ đồng. Hiện nay, các sản phẩm của công ty đã và đang được tiêu thụ rộng rãi trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và

Với chất lượng không ngừng được nâng cao, sản phẩm của Công ty Bia Thanh Hoá đang ngày càng được khách hàng ưa chuộng

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 1998 - 2002

Năm	Sản lượng tiêu thụ (Tr. lít)	Doanh thu tiêu thụ (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân 1.000 đồng/người/tháng
1998	15	87,2	39,3	1,9	597
1999	15,5	88,7	32,2	5,46	599
2000	14,2	89,36	34,4	5,59	850
2001	17,2	91,32	34,48	5,84	950
2002	20,45	108,8	38,6	7,74	1.050

Nguồn: Công ty Bia Thanh Hoá

các địa phương khác như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng.

Giải thích cho những thành tích đã đạt được của ngày hôm nay, ông Lương Xuân Dũng - Giám đốc Công ty Bia Thanh Hóa cho biết: "Kể từ ngày thành lập, chúng tôi không ngừng đầu tư trang thiết bị hiện đại để các sản phẩm khi xuất xưởng đạt chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng. Chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư chiều sâu, đảm bảo tốt vệ sinh công nghiệp như: máy chiết, rửa chai, máy thanh trùng, máy lọc bia, thiết bị chiết bia tươi (theo công nghệ hiện đại của Cộng hòa Liên bang Đức), hệ thống thiết bị phụ trợ cho các phân xưởng sản xuất, nồi lọc, xưởng nấu,... Nhờ đầu tư đúng hướng và kịp thời, các sản phẩm của chúng tôi như: bia lon, bia chai, bia hơi, rượu vang Pháp đóng chai, nước ngọt các loại... đã giành được huy chương vàng trong các năm (1995 - 2001) và được bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao".

Thành tích lớn nhất của Công ty Bia Thanh Hoá trong năm 2002 là được cấp chứng chỉ đạt tiêu chuẩn quản lý ISO 9001: 2000. Thành tích này đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của công ty trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, đảm bảo môi trường sản xuất luôn sạch sẽ, đạt tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp thực phẩm. Hiện nay, công ty đã hoàn thiện hệ thống xuất bán bia hơi, giảm sức lao động phổ thông tại các công đoạn bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ; nghiên cứu và triển khai thành công nhiều đề tài sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong đó, công trình nghiên cứu cải tiến và nâng cấp quy trình chiết chai trên máy Krones đã mang lại hiệu quả chất lượng cao và ổn định.

Yếu tố con người luôn được chú trọng

Cùng với đầu tư trang thiết bị, công nghệ, ban lãnh đạo cũng như bản thân người lao động cũng ý thức được rằng: "Đổi mới về con người, nhất là đội ngũ công nhân trực tiếp vận hành máy móc, điều khiển dây chuyền sản xuất sẽ là yếu tố quyết định cho sự phát triển. Bởi trong nền kinh tế thị trường, việc kinh doanh sẽ không thể có hiệu quả nếu thiếu đi sự song hành này". Vì thế, đào tạo nhân lực, nâng cao trình độ tay nghề của người thợ nhằm đáp ứng yêu cầu mới luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công ty. Để làm được điều này, công ty đã thực hiện chính sách khuyến học bằng cách cho công nhân hưởng 100% lương trong thời gian đi học. Ngoài ra, công ty còn phụ cấp thêm 1 - 2 triệu đồng/năm tùy theo năm công tác thực tế tại công ty của từng người. Hiện nay, trong tổng số 634 lao động, số cán bộ nhân viên có trình độ đại học chiếm 8,2%, cao đẳng và trung cấp là 23,7%.

Đồng thời, để công việc có thể vận hành một cách thuận lợi, đạt hiệu quả, Công ty Bia Thanh Hoá đã tổ chức các phòng, ban, phân xưởng sản xuất phù hợp với những yêu cầu, nhiệm vụ mới. Bố trí lao động hợp lý dựa trên khả năng và năng lực của từng người phù hợp với dây chuyền sản xuất mới theo công nghệ hiện đại. Từ các phòng ban xuống đến các khâu sản xuất đều được thống nhất, nâng cao tinh thần làm chủ cho mỗi công nhân, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tính hiệu quả trong kinh doanh, tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát huy sáng kiến

Những sản phẩm tiêu biểu làm nên danh tiếng cho Công ty Bia Thanh Hoá

li tiến kỹ thuật.

Theo ông Lương Xuân Dũng, hiện ay, Công ty Bia Thanh Hóa có 634 cán ộ, công nhân viên trong biên chế (280 o động nữ). Trong đó, 48 người có ình độ đại học, 174 người có trình độ ao đẳng, trung cấp, còn lại là công hân lành nghề. Ngoài việc tạo công ăn ệc làm với mức lương ổn định, công chúng tôi còn luôn quan tâm đến đời ống, điều kiện làm việc, trang bị bảo ộ lao động, chăm lo đến sức khoẻ của gười lao động, cùng các chính sách hác như chế độ ăn cho công nhân làm heo ca. Phải chăng đây chính là tiền đề uan trọng để công ty phát huy nội lực, ao chữ tín cho nhãn hiệu Bia Thanh Hoá.

Mở rộng thị trường, xác lập uy tín thương hiệu

Nhằm đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao năng lực ản xuất, công ty đã đầu tư mở rộng dây chuyền đóng hai và phân phối các loại rượu vang ALLIANCE, BORDEAUX do Pháp cung cấp, được đóng chai trên ây chuyền thiết bị hiện đại của Đức. Tuy đây là sản hẩm mới, nhưng qua thực tế đã được người tiêu ùng chấp nhận.

Cũng chính việc đầu tư hệ thống các trang thiết bị, náy móc hiện đại, mặt bằng sản xuất rộng rãi, thoáng nát, nguồn nước dồi dào và hệ thống lọc nước đạt tiêu huẩn vệ sinh công nghiệp, nên từ năm 2002, Công ty Bia Thanh Hoá là một trong số ít nhà máy bia địa hương phía Bắc được chọn làm đơn vị sản xuất bia hai cho Công ty Bia Sài Gòn. Để chuẩn bị tốt các điều kiện cho hợp đồng mới, từ giữa năm 2002, được sự giúp đỡ của các chuyên gia kỹ thuật của Công ty Bia Sài Gòn, Công ty Bia Thanh Hoá tiếp tục đầu tư hệ thống lọc, xử lý nước, hệ thống điều khiển tự động nhiệt độ Tank lên men.... Tháng 9-2002, mẻ bia đầu tiên được thực hiện theo công nghệ bia Sài Gòn đã chính thức được nấu tại Công ty Bia Thanh Hoá. Theo hợp đồng đã được ký giữa hai bên, Công ty Bia Thanh Hoá sẽ sản xuất 20 triệu lít bia cho Công ty Bia Sài Gòn trong năm 2003.

Động thái này cho thấy, công ty đã thể hiện được mình bằng sự vươn lên trong cách nghĩ, cách làm, khẳng định được trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong việc đáp ứng yêu cầu sản xuất bia chất lượng cao. Khi đề cập đến vấn đề này, ông Lương Xuân Dũng còn cho biết thêm: "Để ghi nhận những gì mà công ty chúng tôi đã làm được trong thời

Tình hình phát triển sản xuất kinh doanh qua các năm

- *Năm 1990: hoàn thành dây chuyền sản xuất bia công suất 3 triệu lít/năm.*
- *Năm 1991: đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất bia 3 triệu lít/năm.*
- *Năm 1992: hoàn thành dây chuyền sản xuất bia công suất 5 triệu lít/năm.*
- *Năm 1993: hoàn thành dây chuyền sản xuất bia công suất 10 triệu lít/năm.*
- *Năm 1995: hoàn thành dây chuyền sản xuất bia 20 triệu lít/năm.*
- *Năm 2002: dự án đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị, đầu tư dây chuyền sản xuất bia chất lượng cao: 10 triệu lít/năm (theo công nghệ hiện đại của Cộng hoà liên bang Đức, với số vốn đầu tư lên đến gần 70 tỷ đồng).*
- *Năm 2010: dự kiến tốc độ tăng trưởng lên 10%, công ty sẽ đạt công suất 70 triệu lít/năm.*

gian qua, Bộ Công nghiệp đã quyết định phê duyệt dự án đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, hệ thống nhà nấu, hệ thống Tank lên men và thiết bị phụ trợ với tổng mức vốn đầu tư lên đến trên 63 tỷ đồng, trong đó nhà thầu SUDMO (CHLB Đức) sẽ cung cấp thiết bị. Khi dự án dây chuyền sản xuất bia chất lượng cao đi vào hoạt động, công ty chúng tôi có thể cạnh tranh với các loại bia hiện đang rất nổi tiếng trên thị trường Bia Việt Nam như: Heneiken, Tiger, Bia Hà Nội, Halida,....".

Giờ đây, với vị thế là doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Rượu - Bia - Nước giải khát, Công ty Bia Thanh Hoá có thêm nhiều thuận lợi nhưng cũng phải đối mặt với không ít thách thức mới. Đó là, làm thế nào để tổ chức quản lý sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn nữa, mở rộng thị trường tiêu thụ, chinh phục khách hàng không chỉ bằng số lượng ngày càng tăng mà còn phải đảm bảo không làm mất đi cái "gu" riêng trong chất lượng sản phẩm, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước với chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước,... góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Công ty Bia Thanh Hoá nói riêng và sự nghiệp đổi mới của đất nước nói chung.

Nói về định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới, ông Lương Xuân Dũng cho biết: "Công ty sẽ nâng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm của Bia Thanh Hoá tại thị trường Thanh Hoá từ 20 triệu lít (năm 2003) lên 27 triệu lít (năm 2005). Đồng thời, áp dụng sản xuất sạch, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thực hành tiết kiệm mọi nguồn lực, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh".

Nhìn lại chặng đường đã qua, bằng việc từng bước vừa đầu tư cơ sở vật chất và con người, vừa tổ chức hoạt động sản xuất - kinh doanh, Công ty Bia Thanh Hóa đã xây dựng được cơ sở vật chất khá khang trang, hiện đại với giá trị tài sản cố định lên tới hàng trăm tỷ đồng. Hy vọng rằng, với thực lực của chính mình, cộng thêm sự giúp đỡ, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban, ngành hữu quan, Công ty Bia Thanh Hoá sẽ tiếp tục vươn lên, lớn mạnh hơn nữa, góp phần vào sự phát triển của kinh tế Thanh Hóa trong những năm tới.

Công ty Bia Thanh Hoá

Địa chỉ: 152 Quang Trung - thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá.
Điện thoại: 037. 852503 - Fax: 037.853270
Giám đốc: Lương Xuân Dũng.

THANH HOA BEER COMPANY

QUALITY MAKES THE TRADEMARK'S PRESTIGE

Once, Nguyen Chi Thanh - the General Manager of Sai Gon Brewery said at an internal meeting: "The modernisation methods of Thanh Hoa Beer Company should be studied as the typical example of the production lines modernisation towards the automation." Those frank words confirmed the technological capacity of Thanh Hoa Beer as a local beer enterprise that have confirmed its prestige in Vietnam beer market with its high quality products.

For the past few years, Thanh Hoa economy has been making rapid growth. Better living standard led to the increasing demands for drinks. Understanding that, the chairman of Thanh Hoa People's Committee signed the Decision No.220/QD-UBTH dated February 21st 1989 to approve the establishment of Thanh Hoa Beer Company by joining the Alcohol, Beer and Soft Drinks Enterprise with Mat Son Wheat Processing Enterprise (under Thanh Hoa General Food Company). In March 2001, the company became an official non-financed unit in Vietnam Alcohol, Beer

Business and production results (1998-2002)

Year	Consumption volume (million litres)	Consumption revenue (VND bil.)	Budget contribution (VND bil.)	Profits (VND bil.)	Per capita monthly income (VND thousand)
1998	15	87.2	39.3	1.9	597
1999	15.5	88.7	32.2	5.46	599
2000	14.2	89.36	34.4	5.59	850
2001	17.2	91.32	34.48	5.84	950
2002	20.45	108.8	38.6	7.74	1,050

Source: Thanh Hoa Beer Company

and Beverage Corporation.

The major business lines of the company include beers, fizzy and non-fizzy soft drinks, and mineral water. After 10 years of development, Thanh Hoa Beer Company has established the solid development foundation with its product quality and trademark prestige. These achievements have resulted from the following factors:

Attaching great importance to the technology investment since the beginning

As soon as the company was established, the Board of Directors understood that the perfection of technology would be the decisive factor to the company's success and failure. Because the company can only develop by improving the quality, reducing price and enhancing its competitiveness. With the initial small capital and some loans, the company improved its machinery system and invested in the renovation of some stages in the brewery lines to ensure the capacity of three million litres per year. At that time, the local demands for drinks were small due to the low income of the local people who did not have the habit of drinking beer. The situation demonstrated the encouraging determinations and boldness of the company's staff.

Thanks to the modern machinery, Thanh Hoa Beer achieved high quality, ensuring the food hygiene and safety and was good for consumers' health. Thanh Hoa Beer soon conquered the market and became a preferable label of the mass customers. The factory was capable of only five million litres per year in 1991 but produced 16.2 million litres of beer and 1.66 million litres of beverages with the revenue of approximately VND92 billion. At present the products by the company have been widely consumed all over the province, Ho Chi Minh City, Ha Noi and other regions like Quang Tri, Thua Thien Hue and Da Nang.

"Since the establishment, we have been making non-stop investment in the modern machinery to have high quality products that meet the consumers' requirements. Our strategy is to make intensive investment to ensure well the industrial hygiene such as: bottling lines, bottle washing, beer sterilising and filtering systems, draught beer bottling (with modern technology from Germany) and the subsidiary equipment for the production workshops, filters and boiling workshops. Thanks to the right and timely investment, our products such as: canned beer, bottled beer and keg beer, French bottled wine and soft drinks have won the golden medals and selected as Vietnam high quality products consecutively from 1995 to 2001."- said Luong Xuan Dung, Director of Thanh Hoa Beer Company.

The most significant achievement of Thanh Hoa Beer Company in 2002 was the certificate of management standard ISO9001: 2000, which marked the great growth of the company in enhancing the labourers' sense of responsibility, ensuring the clean production environment, meeting the hygiene standard of food industry. The company has now completed the draught beer selling system, cut down the manual work in selling procedures, improved the

service quality, studied and successfully implemented many production theses that bring high economic values. For example, the research project on upgrading the bottling procedures with Krones machinery has achieved high and stable quality.

All the leaders and staff of the company understand that along with the investment in the machinery and technology, "The human resources renovation, especially the workers who directly operate the machines and the production lines will be the decisive factor to the development. Because the business in the market economy can not be effectively performed without the combination of these factors." Therefore, training the manpower and improving the workers' skills to meet the new requirements are always important tasks of the company. To achieve the target, the company has implemented the study encouragement policy by paying the workers their full salary during the course they take. In addition, the company also supports each of them one or two million dongs per year in accordance to their actual working years for the company. At present, the company has 634 employees, of which 8.2 percent have finished universities and 23.7 percent graduated from colleges and vocational schools.

In addition, Thanh Hoa Beer Company has organised the departments and production workshops according to the new requirements and tasks, and allocated the labourers to the production lines suitable to their abilities so that the business can operate effectively. From the departments to the production procedures all run in harmony, the workers' ownership has been enhanced, the production emulation movement as well as the business and marketing effectiveness have been intensified, consumer market has been expanded and initiatives for technology improvement have been effectively brought into play.

According to Luong Xuan Dung, Thanh Hoa Beer Company has the personnel of 634 people (including 280 women), of whom 48 have graduated from universities, 174 have finished colleges or vocational schools, and the others are highly skilful workers. The company not only ensures the employment with stable salary but also concerns much about the living

Typical products that make known Thanh Hoa Beer

standard, working conditions, labour safety equipment, workers' health ad such policies as regimen for shift workers. All those mean important premises for the company to mobilise its internal strengths and make the firm reputation for Thanh Hoa Beer brand.

Market and trademark prestige expansion

Diversifying the products and improving the production capacity, Thanh Hoa Beer Company has invested in expanding the bottling lines and distribution network of ALLIANCE and BORDEAUX imported from France and bottled with German modern machinery. Those products have been accepted by the consumers despite being new products.

Since 2002, thanks to the investment in modern machinery, spacious production site, rich source of water and standard filter system, Thanh Hoa Beer Company has become one of the few local breweries in the Northern Vietnam to be selected as bottled beer production unit for Saigon Brewery. Since the middle of the year 2002, with the help from the technical experts from Saigon Breweries, Thanh Hoa Beer continued investing in the water filter system and automatic controlling temperature of the fermenting tanks to be well prepared for the new contracts. The first batch of beer produced with technology of Saigon Breweries by Thanh Hoa Beer finished in September 2002. According to the contract between the two parties, Thanh Hoa Beer will produce 20 million litres of beer for Saigon Beer in 2003.

It is visible from the situation that the company

has established its position by growing in both thoughts and dos, asserting the qualification of the managers and technicians in meeting the requirements of high quality beer production. About this, Luong Xuan Dung added: "Acknowledging what our company has achieved, the Ministry of Industry has approved the investment project on the renovation of technology, boiler system, fermenting tanks system and subsidiary equipment with the total investment of VND63 billion. (The equipment will be supplied by the contractor SUDMO (from Germany). As soon as the high quality beer production project works, Thanh Hoa Beer will be able to compete with the famous brands in Vietnam beer market such as Heineken, Tiger, Hanoi Beer and Halida, etc."

Nowadays, as a non-financed enterprise in Vietnam Alcohol, Beer and Beverage Corporation, Thanh Hoa Beer is enjoying many advantages but also more challenges. For instance, how to organise more effective business and production management, expand consumption markets and win the customers' preference not only with the increasing quantity but also the unchanged special 'taste' of the product quality. How to fulfil the task to make bigger annual contribution to the state's budget, and to the industrialisation and modernisation of Thanh Hoa Beer Company in particular and the Renovation of the country in general.

About the development orientation of the company in the future, Director Luong Xuan Dung says: "The company will increase the sales volume in Thanh Hoa market from 20 million litres in 2003 to 27 million litres in 2005. The company will also apply clean production procedures, bring initiatives into play, improve the technology, saving all strengths, limiting the production expenses thus reducing the price of the products and creating competitive advantages."

Looking back to the past, Thanh Hoa Beer has achieved modern facilities with the real estate of hundreds of billions dongs by gradually investing in the facilities and human resources and effective business and production operation. With its internal forces and the supports from Vietnam Alcohol, Beer and Beverage Corporation as well as other member enterprises, Thanh Hoa Beer Company is believed to constantly grow making a remarkable contribution to the economy growth of Thanh Hoa in the coming years.

Thanh Hoa Beer Company

Address: 152 Quang Trung - Thanh Hoa City - Thanh Hoa Province
Tel: (037) 852503
Fax: (037) 853270
Director: Luong Xuan Dung

Annual Business and production development

1990: finishing beer production lines with the capacity of three million litres per year
1991: investing in the perfection of the above mentioned production lines
1992: finishing the beer production lines with the capacity of five million litres per year
1993: finishing the beer production lines with the capacity of 10 million litres per year
1995: finishing the beer production lines with the capacity of 20 million litres per year
2002: carrying out the intensive investment project on machinery renovation, investing in high quality beer production lines with the capacity of 10 million litres per year (applying modern German technology with the investment of VND 70 billion)
2010: (estimated) achieving the growth rate of 10 per cent and the production capacity of 70 million litres per year

NHÀ MÁY THUỐC LÁ THANH HOÁ

37 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

"Tập trung đầu tư chiều sâu, hoàn thiện quy trình chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm độc hại cho người tiêu dùng; nghiên cứu đa dạng hoá mặt hàng nhằm tạo thêm việc làm và tăng thu nhập của cán bộ, công nhân viên; nâng cao doanh số bán hàng, tăng lợi nhuận và hàng năm phấn đấu nộp ngân sách với một chỉ tiêu cao nhất". Đó là những mục tiêu mà Đảng bộ, ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá đặt lên hàng đầu trong quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển.

Cách đây 37 năm, ngày 12-6-1966, giữa lúc cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đang diễn ra ác liệt trên phạm vi cả nước, từ một vùng đồi của xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Lộc, Xí nghiệp Thuốc lá Cẩm Lệ ra đời (tiền thân của Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá). Tại thời điểm lúc bấy giờ, nhà máy ra đời là một sự kiện có ý nghĩa và đáng ghi nhớ trong bước đường phát triển của ngành công nghiệp địa phương.

Nguyên Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đến thăm cán bộ, công nhân viên nhà máy

Quá trình xây dựng và phát triển

Trong suốt 37 năm xây dựng và phát triển, Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Trong đó, từ tháng 6-1966 đến tháng 4-1985, nhà máy trực thuộc Ty Công nghiệp Thanh Hoá (nay là Sở Công nghiệp Thanh Hoá); từ tháng 4-1985 đến tháng 12-1995, nhà máy trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; từ năm 1995 đến nay trực thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

Trên chặng đường đã qua, từ một xí nghiệp nhỏ bé, lạc hậu, với số cán bộ công nhân viên lúc ban đầu chỉ có 120 người, lao động thủ công là chủ yếu, đã vượt qua bao biến cố, thăng trầm bằng tất cả ý chí và nghị lực để từng bước đi lên, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn. Hiện nay, số cán bộ, công nhân viên lên tới gần 1.000 người (lúc cao điểm là 1.800 người). Không chỉ là đơn vị có tiềm lực đáng kể trong ngành thuốc lá Việt Nam, nhà máy còn là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu toàn diện của ngành công nghiệp Thanh Hoá.

Một số chỉ tiêu kinh doanh giai đoạn 1998 - 2003

Năm	Đơn vị	1998	1999	2000	2001	2002	Kế hoạch 2003
Nộp ngân sách	tỷ đồng	70,04	65,624	75,625	85,097	99,006	109
Thu nhập bình quân	1.000 đồng/ người/tháng	640	667	928	1.150	1.150	1.200

Ghi chú: mức lương trung bình ở Thanh hoá là 300.000 - 400.000 đồng/người/tháng

Nguồn: Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá

Công nhân đang điều khiển máy cuốn điếu

Là ngành sản xuất mặt hàng nhạy cảm, nhưng với nhu cầu chưa thể thiếu, qua mỗi thời kỳ khác nhau, nhà máy đã góp phần tích cực phục vụ nhu cầu cho xã hội. Đồng thời, nhà máy còn tham gia bình ổn cung cầu thuốc lá trong cả nước, chống thuốc lá nhập lậu và nhiều năm tham gia xuất khẩu thuốc lá sang các nước Đông Âu, thu về lượng ngoại tệ không nhỏ. Vì thế, trong suốt quá trình hoạt động, nhà máy luôn hoàn thành và đạt được chỉ tiêu kế hoạch, phấn đấu trở thành đơn vị đóng góp lớn cho ngân sách của tỉnh. Đơn cử năm 2002, Nhà máy đã nộp ngân sách 99 tỷ đồng (chiếm 15,54% tổng thu ngân sách của tỉnh). Dự kiến trong năm 2003, mức đóng góp ngân sách sẽ vào khoảng 109 tỷ đồng. Với kết quả ấy, trong nhiều năm liền, nhà máy luôn là đơn vị dẫn đầu thành tích nộp ngân sách của tỉnh. Chính vì vậy, có thời kỳ, Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá được coi như "giải pháp" quan trọng để cân đối nguồn ngân sách của tỉnh.

Không chỉ có vậy, sự ra đời và phát triển của Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá ở vùng đất Lèn, một thị trấn mới hình thành, khiến diện mạo của cả một vùng nông thôn rộng lớn đổi thay nhanh chóng. Đặc biệt, sự ra đời của nhà máy đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, đời sống người dân Vĩnh Lộc, Yên Định, Hà Trung và Thọ Xuân dần đi vào ổn định, qua đó tình cảm khối liên minh công nông được tăng cường và củng cố. Những thành quả đạt được trong hoạt động sản xuất - kinh doanh đã đưa Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá trở thành một doanh nghiệp tiêu biểu trong phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Hà Trung nói riêng, Thanh Hoá nói chung. Hiện nay, hệ thống nhà xưởng, kho tàng, thiết bị máy móc hiện đại trị giá hàng trăm tỷ đồng, cùng khu nhà khách, nhà văn hoá, nhà trẻ - mẫu giáo, khu vui chơi, khu tập thể... đều rất khang trang, sạch đẹp. Chính vì lẽ đó, cùng với Nhà máy xi măng Bỉm Sơn và Nhà máy đường Thạch Thành, Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá đã tạo thành khu công nghiệp Bắc Thanh Hoá nổi tiếng trong cả nước.

Những nhân tố mang đến thành công

Có thể khẳng định, những thành tựu mà nhà máy đạt được trong 37 năm qua là rất to lớn, song không mấy dễ dàng. Con đường nhà máy đã đi có lúc bằng phẳng thuận chiều, có lúc cũng gặp phải không ít khó khăn, thậm chí đã có lúc tưởng chừng như không thể vượt qua. Nhưng nhờ sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên và đặc biệt sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ và công đoàn, nhà máy từng bước đi lên và có được sự trưởng thành như ngày nay.

Vai trò của Đảng bộ

Ngay từ khi thành lập, nhà máy đã đặt ra mục tiêu: muốn phát triển trước tiên phải xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, "lấy kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt". Muốn làm được như vậy, Đảng uỷ nhà máy đã coi nhiệm vụ hàng đầu là phải nâng cao năng lực lãnh đạo trong sản xuất - kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Hàng quý, Đảng uỷ có nghị quyết định hướng lãnh đạo, hàng tháng các chi bộ ra nghị quyết tổ chức thực hiện. Mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng đều được quán triệt đến từng cán bộ, đảng viên và quần chúng, khắc phục tư tưởng, lối sống xa rời quần chúng, nói nhiều làm ít của một số cán bộ đảng viên. Vì vậy, qua mỗi kỳ sinh hoạt, hoặc tiếp xúc với công nhân tại các phân xưởng, ban lãnh đạo nhà máy đều nhận thấy ý thức tự giác trong lao động sản xuất được nâng lên. Nhưng trên hết, công nhân đều thấm nhuần định hướng của cấp uỷ Đảng, lãnh đạo nhà máy.

Hiện nay, đội ngũ đảng viên của nhà máy là 270 người, sinh hoạt tại 14 chi bộ, các đảng viên đều nêu cao trách nhiệm trong việc củng cố và xây dựng đơn vị, duy trì nền nếp chế độ sinh hoạt, học tập chính trị theo Nghị quyết của Đảng.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng trong hàng chục năm qua đã ghi nhận rõ mục tiêu xây dựng nhân tố mới, điển hình tiên tiến là cách tốt nhất để đưa nghị quyết của Đảng bộ vào cuộc sống. Qua đó, nhiều đảng viên đã có lời phát biểu tâm huyết trong những lần đại hội Đảng bộ của nhà máy "chi bộ thực sự là chỗ dựa của quần chúng công nhân trong từng phân xưởng".

Những thành quả có được hôm nay đã khẳng định Đảng bộ nhà máy giữ vai trò rất quan trọng. Thêm nữa, bề dày truyền thống đoàn kết, cùng nhau xây dựng đơn vị vững mạnh là động lực phát triển sản xuất - kinh doanh. Đảng bộ luôn giữ vững vai trò nòng cốt, từng bước vượt qua khó khăn để lãnh đạo đơn vị trụ vững và phát triển.

Công đoàn - chỗ dựa tinh thần của người lao động

Cùng với việc thành lập nhà máy, Công đoàn Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá ra đời với tư cách là một tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và người lao động.

Công đoàn Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá đã tạo nên truyền thống tốt đẹp, là cơ sở giải quyết tốt nhất công ăn việc làm cho người lao động. Hiện nay, công đoàn đã trở thành chỗ dựa tinh thần của cán bộ, công nhân viên nhà máy và bạn bè đồng nghiệp. Trong quá trình hoạt động, công đoàn nhà máy đã đạt được nhiều thành tích đáng kể trong việc cùng với nhà máy xây dựng những công trình phúc lợi phục vụ đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ, công nhân viên. Những thành tích có thể kể đến như: tổ chức các hoạt động văn hoá thông tin, xây dựng nhà thư viện, hệ thống nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá... tạo môi trường cho công nhân tiếp cận những tinh hoa văn hoá của dân tộc và nhân loại dưới nhiều hình thức, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt xã hội, tăng cường chất lượng cuộc sống cho cán bộ, công nhân viên trước sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của thời đại khoa học - công nghệ.

Ngoài ra, để có được thành quả như ngày hôm nay còn có phần đóng góp không nhỏ của các tổ chức đoàn thể khác như: Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ của nhà máy và sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá...

Bằng tất cả những gì đạt được, nhất là những đóng góp của nhà máy trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá, Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý. Trong đó có những phần thưởng đáng tự hào như: bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 1978), Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba của Chủ tịch nước vào các năm 1984, 1985, 1989, 2001. Tất cả những thành quả đó đang và sẽ là phần thưởng khích lệ toàn thể cán bộ, công nhân viên phấn đấu đưa nhà máy phát triển tiến nhanh, tiến mạnh, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hoá, thúc đẩy kinh tế - xã hội Thanh Hoá phát triển.

Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn

Lấy công tác tổ chức, cán bộ là khâu then chốt: chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ một cách toàn diện, không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý và sản xuất, để bạt cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất vào những vị trí then chốt, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận tạo ra sự kế tục liên tiếp có hiệu quả giữa các thế hệ,... Khuyến khích cán bộ, công nhân viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận và hiểu biết xã hội, đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên, từ đó phát huy được trí tuệ người lao động trong nhà máy.

Để tạo thế phát triển ổn định, tập thể cán bộ công nhân viên nhà máy phải đoàn kết thành một khối thống nhất. Khối đoàn kết này từ Đảng bộ đến quần chúng, từ tổ sản xuất đến phân xưởng, trên cơ sở đó phát huy vai trò của các tổ chức: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên,...

Không ngừng cải thiện và nâng cao thu nhập của cán bộ công nhân viên, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên.

THANH HOA TOBACCO FACTORY

37 YEARS OF CONSTRUCTION AND DEVELOPMENT

"Focusing on investment in speciality, perfecting processing procedures, improving product quality, reducing harms for the consumers; studying on diversifying commodities to generate employment and increase staff' income, raising production sale turnover, increasing profit and striving for the highest annual payment for State budget". All those targets are of top priority set by the Party Cell, management and entire staff of Thanh Hoa Tobacco Factory in the building and growing process.

Cam Le Tobacco Factory (the forerunner of Thanh Hoa Tobacco Factory) was established at the hill area of Vinh Hoa commune, Vinh Loc District 37 years ago, on June 12th, 1966, when the anti-American war nation-wide entered the severe phase. At that time, the establishment of the Factory marked the significant and noteworthy event in the local industrial development.

Construction and development process

During 37-year building and growing, Thanh Hoa Tobacco Factory experienced many different development phases. From June 1966 to April 1985, the Factory belonged to Thanh Hoa Industrial Service (now became Thanh Hoa Department of Industry), after that it was under the control of Thanh Hoa provincial People's Committee till December 1995 and has been belonging to Vietnam Tobacco Corporation since then.

Making best efforts in dealing with mountains of challenges over years, the Factory, from the small and outdated base with 120 employees, which mainly worked manually, has striven to be the modern factory with the staff consisted of about 1,000 employees (even of 1,800 people in most demanded period). Not only being the potential enterprise in Vietnam tobacco industry, Thanh Hoa Tobacco Factory is also the leader in Thanh Hoa Industry in all aspects.

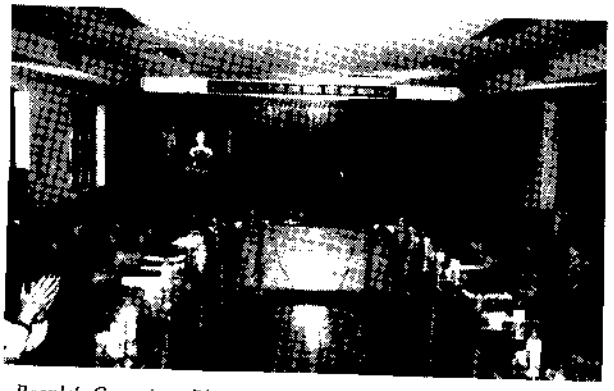

People's Committee Pham Minh Doan wishes the Factory's staff a Happy New Year (2003)

Though producing the sensitive commodity, the Factory through times has actively contributed to meeting this indispensable demand of the society,

Business targets for 1998-2003

Year	Unit	1998	1999	2000	2001	2002	2003 plan
Budget contribution	Billion VND	70.04	65.624	75.625	85.097	99.006	109
Average income	1,000VND/per capital/month	640	667	928	1,150	1,150	1,200

Note: Per capita average income in Thanh Hoa is 300,000-400,000 VND/month

Source: Thanh Hoa Tobacco Factory

Product quality control department

concurrently stabilised the tobacco supply and demand nation-wide, opposed tobacco contraband and exported to the East European countries, earned a great amount of foreign currencies. Hence, during the operation process, the Factory has always accomplished and exceeded the targets, striving to contribute a great deal to the provincial budget. In 2002 for instance, the Factory paid VND 99 billions for the State budget (represented 15.54% total budget income in the province). This number supposed to increase to approximately VND 109 billion in 2003. With such performance, the Factory in consecutive years stands at the leading position in the State budget contribution of the province and therefore is considered the important "solution" to balance provincial budget in different period of time.

Additionally, the establishment of Thanh Hoa Tobacco Factory in Len, the newly formed township, has rapidly changed the image of the large rural area. Especially, the Factory has contributed to creating jobs for thousands of labourers, stabilising the people's life in Vinh Loc, Yen Dinh, Ha Trung and Tho Xuan Districts and therefore consolidating and enhancing the tie of the worker-farmer alliance. The outcomes Thanh Hoa Tobacco Factory attained in the production-business activities turned it into the typical enterprise in the socio-economic development in Ha Trung District in particular and in Thanh Hoa province in general. Presently, the workshops and storage system, modern equipment worth hundreds of billion VND, guest-houses, cultural houses, kindergartens, leisure centres and living quarters were built spaciously and neatly. For that very reason, together with Bim Son Cement Plant and Thach Thanh Sugar Factory, Thanh Hoa Tobacco Factory has formed the North Thanh Hoa Industrial Zone famous nation-wide.

The factors for the success

It can be affirmed that 37-year achievements of the Factory were considerably, but not easy to reach. The way to the success was so rough that sometime it looked as if the Factory could not overcome. However, making use of the efforts of entire staff and particularly the leadership of the Party Cell and Trade Union, the Factory has been gradually stepping towards for the present growth.

Role of the Party Cell

The Factory's target to develop right from its establishment was to set up clean and strong Party Cell firstly, considering "Developing economy is important, setting Party is essential". To make this aim attainable, the Factory should grant priority on enhancing Party's leading capability in production and business, creating jobs and stable income for the labourers. The Resolution on leading orientation of the Party Committee is issued quarterly and the Resolution on implementation of the Party Cell is made out monthly.

All Party's policies and Resolutions are thoroughly grasped by every member and the masses to eradicate some existing thought and lifestyle of isolating from the masses and speaking more than doing. Hence, the Factory's management recognises the progress in the staff' self-consciousness in production and business through every regular activity and the meetings with the workers. Above all, the workers are well penetrated with the orientation of the Party Committee and management.

Presently, the Factory's Party Committee consists of 270 members divided to 14 cells. All of those members always raise their responsibility in consolidating and building the Factory' maintaining order and discipline in political activity and study in com-

pliance with the Party Resolutions.

The Party building and development in past decades acknowledged that the targets of creating new and typical examples was the best way to bring the Party Resolutions into the life. Expression: "the Party Cell is really the mainstay of the workers in every workshop" was wholeheartedly stated at the Factory's Party Committee congresses.

The outcomes today have affirmed the crucial role of the Factory's Party Committee. Moreover, the rich tradition of unity to build up the strong unit is the motive force for production-business development. The Party Cell always plays the key role to surmount the challenges and gradually lead the Factory to become stable and developed unit.

Trade Union - the spiritual mainstay of the labourers

Parallel with the Factory's establishment, the Trade Union of Thanh Hoa Tobacco Factory was set up in its capacity as the social-political organisation of the worker class and labourers. The Trade Union has created the good tradition, being the best way to generate employment for the labourers and become the moral support of the Factory's employees and colleagues. The Trade Union has obtained numerous remarkable achievements in co-operation with the Factory to build the welfare works, supporting staff' spiritual and material life. Such performances include organising cultural information activities, constructing library, kindergartens, creche and clinics etc., facilitating the workers to approach cultural spirits of the nation and humanity by many ways aiming at enhancing social knowledge and improving living standard for the employees in the increasing stormy growth of science technology era.

Besides, those attainments were achievable thanks to great contributions of other organisations such as Veterans' Organisation, the Youth Union, the Women Association of the Factory and the prompt direction and support of Vietnam Tobacco Corporation as well as the attention of the sectors and branches from the Central to the locality, especially of the provincial Party's Committee, People's Council and People's Committee.

Thanh Hoa Tobacco Factory was granted many noble awards for its achievements, particularly for the contributions in the provincial socio-economic development. Such proud rewards include the Certificate of Merit in 1978 of the Prime Minister, the Labour Orders of First, Second, and Third grade of the Vietnam President in 1984, 1985, 1989 and 2001. Those attainments have been and will be the encouragement for the entire staff to endeavour for rapid and strong growth, contribute to the industrialisation and modernisation, speed up Thanh Hoa socio-economic development.

Experience from the reality

Considering the staff organisation the key point: comprehensively fostering the staff, consistently improving the management and production, promoting the capable cadres to the crucial positions, attaching importance to the training and strengthening cadres to keep effective continuity of the generations. Encouraging the employees to ceaselessly study and improve the professional skills as well as social knowledge; educating on professional skills enhancement to develop the labourers' intelligence. To stabilise the development, the solidarity of the Factory's cadres and workers should be of necessity. This united bloc originates from the Party Cell to the mass, from the production groups to the workshops, basing on that to develop the roles of the organisations inclusive Party, the Trade Union and the Youth Union etc.Continually ameliorating and raising the staff' income, regularly taking care of their material and spiritual life.

CÔNG TY VẬT TƯ TỔNG HỢP THANH HOÁ

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ MỘT HƯỚNG ĐI MỚI

Đối với một huyện miền núi, việc nhà máy chế biến tinh bột sắn xuất khẩu ra đời sẽ là một "cú huých", là động lực thúc đẩy công cuộc xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao mức sống cho hàng nghìn lao động.

Một góc nhà máy chế biến tinh bột sắn

Thành lập vào tháng 3-1965, Công ty Vật tư Tổng hợp Thanh Hoá là một trong những đơn vị đã góp sức không nhỏ vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bước vào thời kỳ đổi mới, thay vì chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị vật tư tổng hợp, công ty còn tham gia vào lĩnh vực sản xuất. Đây được coi là bước đột phá mang chiến lược lâu dài và to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty.

Táo bạo khai phá hướng đi mới

Trong thời kỳ bao cấp, Công ty Vật tư Tổng hợp Thanh Hoá là đơn vị giữ vai trò chủ đạo cung cấp vật tư tổng hợp như: xi măng, sắt, thép, hoá chất, vật liệu phụ tùng cho tỉnh Thanh Hoá. Khi mới bước vào nền kinh tế thị trường, phải tự hạch toán thu chi nên công ty gặp rất nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Công ty chỉ mới thực sự tìm lại được chỗ đứng kể từ năm 1999 trở lại đây. Để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, được sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Thương mại, ban lãnh đạo công ty đã quyết định xây dựng một nhà máy chế biến tinh bột sắn ở huyện Như Xuân, với công suất 15.000 tấn/năm.

Để đảm bảo tính khả thi cho ý tưởng kinh doanh mới, trong một thời gian dài, ban lãnh đạo công ty đã đi tham quan nhiều nhà máy chế biến tinh bột sắn ở trong nước cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là ở Thái Lan - nước có ngành chế biến tinh bột sắn phát triển nhất trên thế giới, để học tập kinh nghiệm quản lý và kỹ thuật sản xuất. Để xây dựng nhà máy, công ty đã huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó vốn tự có gồm: vốn phát triển của Nhà nước, vốn vay của ngân hàng thương mại... Với nguồn vốn này, công ty đã tập trung đầu tư máy móc thiết bị từ những nước có nền công nghệ phát triển trên thế giới như: thiết bị điện được nhập từ Nhật Bản, những bộ phận công nghệ cao được nhập từ Đức.... Sau nhiều thời gian chuẩn bị, Nhà máy Chế biến tinh bột sắn Như Xuân đã hình thành và đi vào sản xuất từ tháng 5-2003.

Tạo động lực cho sự phát triển

Phải nói rằng, sự ra đời của Nhà máy Chế biến tinh bột sắn Như Xuân góp một phần không nhỏ vào

sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Như Xuân - một huyện miền núi có số hộ đói nghèo chiếm tỷ lệ cao so với các huyện khác trong tỉnh. Với công suất chế biến 15.000 tấn tinh bột/năm, nhà máy cần 60.000 - 80.000 tấn sắn củ/năm. Để có thể cung ứng một lượng nguyên liệu lớn như vậy đòi hỏi phải có 42.000 ha đất trồng sắn, qua đó giải quyết việc làm cho 7.000 - 8.000 lao động nông nghiệp. Ông Trịnh Thanh Hoằng - Giám đốc Công ty Vật tư Tổng hợp Thanh Hóa cho biết: "Nhà máy chế biến tinh bột sắn ra đời sẽ khai thác được tiềm năng của địa phương, làm thức dậy một vùng đồi đất từ lâu đã bỏ hoang chưa có hướng đi thích hợp, mở ra hướng tiêu thụ nông sản rất lớn cho người dân, góp phần xoá đói giảm nghèo cho vùng sâu, vùng xa. Cùng với đường Hồ Chí Minh đi qua huyện Như Xuân, nhà máy sẽ là một động lực để phát triển kinh tế, mở mang dân trí, phát triển cơ sở hạ tầng của huyện Như Xuân và các huyện lân cận".

Để gắn việc sản xuất chế biến tinh bột với phát triển kinh tế cho người trồng sắn, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã đầu tư một triệu đồng cho một ha khai hoang, trợ giá cước vận tải giống sắn cho nông dân và đang có kế hoạch làm đường giao thông trong vùng dự án. Ngoài những công việc chuẩn bị cho việc xây dựng nhà máy, ban lãnh đạo công ty còn có chiến lược phát triển vùng nguyên liệu. Theo đó, công ty bỏ vốn đầu tư ban đầu cho dân, hướng dẫn kỹ thuật cho họ biết cách canh tác, trồng sắn thực sự có hiệu quả. Ông

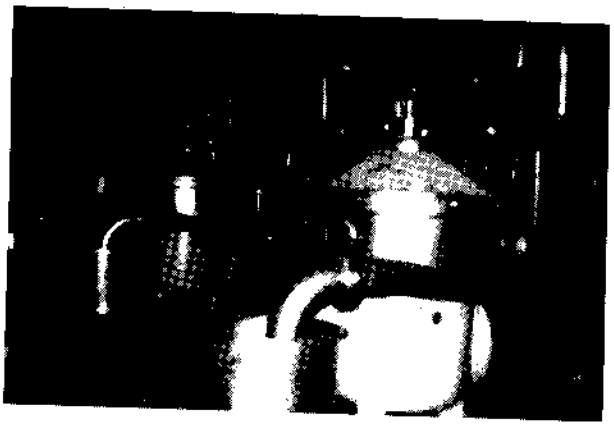

Hệ thống dây chuyền sản xuất

Hoằng cho biết thêm: "Với cái tâm của nhà sản xuất, công ty đảm bảo bao tiêu hết sản lượng sắn do nông dân trồng, ngay cả trong những điều kiện khó khăn nhất, thanh toán ngay sau khi mua bán". Chính vì vậy, ngay từ khi nhà máy đang trong giai đoạn khởi công xây dựng, hàng nghìn ha sắn đã bắt đầu được đưa vào trồng với không khí phấn khởi của bà con nông dân, các dân tộc trong vùng dự án.

Có thể khẳng định rằng, sự ra đời của Nhà máy Chế biến tinh bột sắn Như Xuân là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Nhưng để đạt được điều đó, ngoài sự nỗ lực của Công ty Vật tư Tổng hợp Thanh Hoá, đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền tỉnh, sự hợp tác, giúp đỡ từ nhiều phía, trong đó có các huyện và nhân dân các dân tộc trong vùng dự án.

Định hướng phát triển trong tương lai

Với nhận thức kinh tế đất nước ngày càng phát triển sẽ kéo theo nhu cầu vật tư ngày càng cao, cùng với quá trình hoạt động của Nhà máy Chế biến tinh bột sắn, công ty sẽ tiếp tục giữ vững mặt hàng kinh doanh truyền thống đã được khẳng định qua thời gian. Đồng thời, công ty sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh ra ngoài tỉnh, phát triển vào thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác. Dự kiến vào cuối năm 2003, công ty sẽ xây dựng thêm nhà máy nấu phôi thép để đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh bạn.

Với những định hướng đặt ra, công ty đang tiến hành đồng bộ các giải pháp để thực hiện mục tiêu đề ra một cách tốt nhất, đạt hiệu quả cao nhất. Trong đó, giải pháp tối ưu vẫn là học tập kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm sản xuất của những đơn vị đi trước và tiếp tục cử cán bộ công nhân viên đi học dài hạn, ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, rà soát năng lực của cán bộ để phân bổ vào những công việc phù hợp, đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

THANH HOA GENERAL MATERIALS COMPANY

SOCIO-ECONOMIC EFFECTS FROM THE NEW HEADING

The establishment of the Factory producing cassava for export in the mountainous district will be the motive force pushing hunger elimination and poverty eradication, developing local economy and improving living standard for thousands of laborers.

Established in March 1965, Thanh Hoa General Materials Company was one of the units making considerable contributions to the anti-American resistance for the national salvation. Entering the renovation (Doi moi) era, the company has also participated in the production field instead of only trading in general materials and equipment like before. This is the long-term and great strategic breakthrough for the local socio-economic development and the company's growth.

Assembly line transporting the cleaned materials into processing

Boldly looking for the new heading

Under the subsidiary period, Thanh Hoa General Materials Company played a key role in supplying such general materials as cement, iron, steel, chemicals and other accessories for the province. On the first steps in the self-financing market economy, the company faced a range of difficulties resulting in low business effects. Only since 1999, its position has been practically affirmed. With a view to increase productivity and sale volume, under the direction of the provincial people's Committee and Ministry of Trade, the company's management decided to build the factory processing cassava in Nhu Xuan District with capacity of 15,000 tons per year.

To ensure the feasibility of the new business idea, the company leaders spent much of time visiting many factories processing cassava throughout the country and abroad, especially in Thailand – the most developed country worldwide in cassava processing with an aim of studying managing experiences and producing technology. Investment capital for the factory construction has been mobilized from different sources inclusive its own capital, State development capital and loans from the commercial banks etc. Making use of those capital sources, the company focused investment in importing equipment from the advanced technological countries such as electrical equipment from Japan, high-tech accessories from Germany etc. After long time of well preparation, Nhu Xuan Cassava Processing Factory was set up and put into operation from May 2003.

Creating motive force for development

It should be said that the birth of Nhu Xuan Cassava Processing Factory contributed a great deal to the socio-economic development of Nhu Xuan – a mountainous district with higher rate of needy household compared to others in the province. With annual productivity of 15,000 tons of cassava, the Factory demands 60,000 – 80,000 tons of maniocs. To supply such a large amount of materials, the land

Workshop processing cassava

area for planting manioc should be 42.000 ha and jobs for 7,000-8.000 agricultural laborers therefore will be generated. The Director of Thanh Hoa General Materials Company, Trinh Thanh Hoang said: "the factory processing cassava will exploit the local potentials, arousing the fallow hill area, creating new heading for the people" agricultural product consumption, contributing to hunger elimination and poverty reduction in the rural and remote areas. Together with Hochiminh Highway through Nhu Xuan District, the Factory will be the motive force to broaden people's knowledge, develop economy and infrastructure of Nhu Xuan and the other neighboring districts.

In an attempt to attach processing cassava with developing economy for the manioc planters, the provincial People's Committee grants investment of one thousand dong for one ha reclaiming land, supports seed manioc transport charges for the farmers and works out the plan on building roads in the project area. In addition to the preparation for the factory construction, the company management also maps out the strategy on material area development. Accordingly, the company invests the start-up capital for the farmers, conducts them how to effectively cultivate and plant manioc. "With the heart of the producer, the company ensures that it will consume all cassava output of the farmers even in the most difficult conditions and pay right after purchase", Hoang also added. For that very reason, right from the factory construction was started, thousands of hectares manioc was planted in the exciting atmosphere among the farmers in the project area.

It is probably to affirm that the establishment of Nhu Xuan Cassava Processing Factory is the driving force for the socio-economic development in the district. To make this target achievable however, out of the great efforts of Thanh Hoa General Materials Company, the attention and leadership of the provincial authorities, the support from diverse sources including the districts and residents' in the project area are of necessity.

Development orientation in the future

Being aware that the more the country develops, the more demand on materials increases, parallel with the operation of the factory processing cassava, the Company will maintain trading the traditional commodities, which has been affirmed over years. Concurrently, the Company will continue to expand its sale network outside the province, approach to the markets in Ho Chi Minh City and some other provinces. The company is expected to build one more plan producing rough steel to meet the local demand and other neighboring provinces in late 2003.

With the set orientation, the Company has been synchronously carrying out the solutions to reach the targets by the best way and most effectively. The optimal solution of which is studying management and production experiences of the preceded units, continuing to send the employees to the long-term and short-term training course on professional skills, checking the staff' capability to assign them to the right positions and simultaneously recruiting personnel satisfying the Company's growth requirement.

XI MĂNG BỈM SƠN
VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bỉm Sơn - vùng đất hội tụ lịch sử và những truyền thuyết, vùng đất có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng; nằm ở cửa ngõ phía Bắc tỉnh Thanh Hoá nên còn được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nguồn tài nguyên đá vôi và đá sét với trữ lượng lớn. Tại vùng đất này, ngay từ những năm 70 của thế kỷ XX, khi chiến tranh vừa mới qua đi, một nhà máy sản xuất xi măng hiện đại và lớn nhất Việt Nam thời bấy giờ đã được xây dựng như một món quà thắm tình hữu nghị Việt - Xô.

Những thành tựu mà Công ty Xi măng Bỉm Sơn (trước đây là Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn) đạt được trong suốt hơn 20 năm qua đã khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng và Nhà nước trong công cuộc dựng xây, kiến thiết đất nước; thể hiện sức mạnh và sự trưởng thành vững vàng của công ty trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, những thành quả đó đã đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn hiện đại hoá công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Thương hiệu xi măng "Con Voi" của Công ty Xi măng Bỉm Sơn đã đến với mọi miền của đất nước, mang lại niềm tin cho người sử dụng và sự bền vững của những công trình.

Từ nền tảng ban đầu

Nhằm *"Xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"* theo lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đáp ứng nhu cầu xi măng cho công cuộc tái thiết đất nước sau chiến tranh, Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn được Bộ Xây dựng quyết định thành lập vào ngày 4-3-1980. Được xác định là công trình trọng điểm quốc gia, Đảng và Nhà nước đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ khâu khảo sát, thăm dò địa chất để xác định nguồn nguyên liệu, vị trí xây dựng, đến công tác chuẩn bị nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất, thi công lắp đặt, xây dựng các hạng mục công trình.... Sau thời gian dài thi công xây dựng (1974 - 1981), Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn đã được hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động.

Công ty có diện tích khoảng 50ha, nằm trong địa hình thung lũng đá vôi và đá sét của Bỉm Sơn. Theo khảo sát của các nhà địa chất, đá vôi thuộc dãy núi Tam Điệp có trữ lượng 270 triệu tấn với hàm lượng $CaCO_3$ khá cao. Nguyên liệu đá vôi được khai thác ở mỏ Yên Duyên, cách nhà máy 3km, chuyên dùng sản xuất vôi và xi măng. Đất sét ở Bỉm Sơn chạy dọc theo trục đường B (Bắc - Nam), có trữ lượng 69 triệu tấn. Đá sét được khai thác ở mỏ Cổ Đam, cách nhà máy 2km. Đây là điều kiện thuận lợi của Công ty Xi măng Bỉm Sơn.

Với tinh thần hợp tác hữu nghị, Liên Xô (trước đây) đã giúp đỡ Việt Nam toàn bộ công nghệ, trang thiết bị hiện đại, thiết kế kỹ thuật để xây dựng nhà máy với 2 dây chuyền sản xuất xi măng có công suất 1,2 triệu tấn/năm. Để xây dựng công trình, Liên Xô (trước đây) đã đưa sang Việt Nam tổng cộng 36 nghìn tấn thiết bị nâng hàng, 160 ngàn tấn thiết bị

Sau khi khảo sát, thăm dò địa chất vùng đất Bỉm Sơn, Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn được xây dựng tại địa điểm có điều kiện giao thông thuận lợi: có quốc lộ 1A, có đường tỉnh lộ đi qua thị xã Bỉm Sơn và cách ga xe lửa 3km về phía Đông Bắc. Các tuyến đường hầu hết đều được rải nhựa hoặc bê tông hoá, ngoài ra còn có tuyến đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng.

Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn đặt ở vị trí trung tâm giao thương của các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam..., tiếp xúc với vùng kinh tế động lực miền Bắc.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Công ty Xi măng Bỉm Sơn (25-08-2002)

công nghệ. Bên cạnh đó, một tập thể chuyên gia Liên Xô có trình độ chuyên môn cao đã tình nguyện sang Việt Nam giúp xây dựng, lắp đặt, vận hành máy móc, đồng thời kèm cặp, truyền đạt kỹ thuật, kinh nghiệm cho đội ngũ công nhân Việt Nam về lập trình vận hành và sửa chữa thiết bị. Đây là sự hợp tác, giúp đỡ đầy ý nghĩa của nhân dân Liên Xô (trước đây) đối với nhân dân Việt Nam.

Đến khẳng định thương hiệu sản phẩm

Giờ phút trọng đại đã đến, ngày 22-12-1981, lò nung số 1 nhả khói, ngày 3-2-1982 khánh thành dây chuyền sản xuất số 1 và bắt đầu sản xuất theo kế hoạch Nhà nước giao. Đây là thành quả, niềm vui đầu tiên của hàng vạn cán bộ, công nhân cũng như của Đảng, Nhà nước sau nhiều năm xây dựng nhà máy. Ngay sau khi bàn giao dây chuyền số 1, cán bộ công nhân toàn công trường tiếp tục, khẩn trương thi công, xây lắp và đưa dây chuyền số 2 vào hoạt động ngày 6-11-1983.

Trong thời kỳ này, hoạt động của nhà máy gặp không ít khó khăn, ngay từ khâu cung ứng nguyên liệu, năng lượng (thiếu hụt về điện năng, cung cấp không đủ than theo kế hoạch, chất lượng than không đạt đúng tiêu chuẩn) đến khâu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... Để vượt qua những khó khăn ban đầu ấy, tập thể cán bộ, công nhân viên nhà máy đã nỗ lực rất lớn. Qua 2 năm đi vào sản xuất, bộ máy cán bộ quản lý đã từng bước đi vào nền nếp, đội ngũ công nhân trưởng thành cả về lượng và chất, công suất máy móc, thiết bị và năng suất lao động được nâng lên. Trong thời gian vừa sản xuất, vừa tham gia lắp đặt dây chuyền 2, cán bộ, công nhân Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn đã sản xuất và đưa ra thị trường tấn xi măng thứ 1 triệu vào năm 1985. Thành quả này đã đánh dấu bước trưởng thành trong giai đoạn đầu của Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn.

Nhà máy bước vào một giai đoạn mới với khí thế mới, phát động các phong trào thi đua, đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh, tranh thủ tiếp thu công nghệ mới, trang thiết bị hiện đại và đặc biệt là phong trào thi đua hữu nghị Việt - Xô. Công nhân đã sản xuất chủ động hơn, đề xuất nhiều sáng kiến mới trong sản xuất - kinh doanh. Các bộ phận nghiệp vụ cũng đề ra phương thức quản lý mới trong hạch toán kinh tế, sổ sách cập nhật và phân tích hoạt động kinh tế định kỳ,... Nhờ vậy, nhà máy đã đưa nhịp độ sản xuất lên cao, sản lượng tăng dần. Ngày 3-2-1990, tấn xi măng thứ 4 triệu ra lò, thiết thực chào mừng lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng và nhà máy vừa tròn 10 tuổi.

Ở vào thời điểm lúc bấy giờ, 4 triệu tấn xi măng thực sự chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng của đất nước, nhưng đã cho thấy sự phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn với tinh thần trách nhiệm và lòng tự hào được tham gia đóng góp sức mình vào xây dựng những công trình then chốt như: Cầu Thăng Long, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, bảo tàng Hồ Chí Minh,... và những công trình công nghiệp - dân dụng khác trên mọi miền của Tổ quốc.

Bước vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sau khi Liên Xô (trước đây) và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn gặp rất nhiều khó khăn do mất đi sự hỗ trợ đắc lực về chuyên gia, cũng như thiết bị, vật tư kỹ thuật. Song với tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, lại được tiếp thêm luồng gió đổi mới của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VII) về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhà máy đã phát động phong trào thi đua mới, từ đó nâng sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 1 triệu tấn/năm với mức tăng trưởng bình quân 9,8%/năm. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu sự đổi mới về trình độ, năng lực quản lý kinh tế, kỹ thuật và phương pháp điều hành sản xuất của Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn. Năm 1993, nhà máy chính thức đổi tên thành Công ty Xi măng Bỉm Sơn, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Bộ Xây dựng, nhằm thực hiện đầy đủ các quy trình, quy phạm

từ sản xuất tới tiêu thụ sản phẩm.

Để tăng cường, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, ban giám đốc công ty đã có chủ trương đầu tư cải tạo, hiện đại hoá công ty, chuyển đổi phương pháp sản xuất từ ướt sang khô, nâng cao công suất từ 1,2 triệu tấn/năm lên 1,8 triệu tấn/năm. Dây chuyền mới đã đi vào hoạt động trong quý II năm 2003. Đặc biệt, Chính phủ đã chấp nhận gói thầu "thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật cho dự án cải tạo hiện đại hoá Công ty Xi măng Bỉm Sơn". Cùng với triển khai dự án trên, công tác cổ phần hoá cũng được tích cực thực hiện. Năm 1999, công ty đã cổ phần hoá thành công phân xưởng may bao bì thành Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn.

Hiện nay, Công ty Xi măng Bỉm Sơn vừa duy trì sản xuất - kinh doanh, vừa từng bước tiến hành hiện đại hoá, đổi mới công nghệ để nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập nền kinh tế quốc tế. Ngày 10-10-2002, Chủ tịch nước đã ký quyết định phong tặng cho cán bộ, công nhân Công ty Xi măng Bỉm Sơn danh hiệu cao quý: Đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới. Vinh dự càng lớn, trách nhiệm càng cao. Năm 2002, Công ty Xi măng Bỉm Sơn đã sản xuất và tiêu thụ 1,5 triệu tấn xi măng, vượt 15,4% kế hoạch Nhà nước giao, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và đảm bảo thu

Giám đốc Lê Văn Chung cùng lãnh đạo công ty thăm và tặng quà Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Thạch Thành (7-2002)

Định hướng trong tương lai.

Vào cuối năm 2001, tình hình tiêu thụ xi măng trên thị trường Việt Nam có biến động lớn - "cung không đủ cầu". Hầu hết các công ty xi măng trong nước (cả xi măng lò đứng) đều phát huy hết công suất theo chủ trương kích cầu của Nhà nước, điển hình là công trình đường Hồ Chí Minh - một trong những công trình trọng điểm quốc gia. Trước tình hình này, Chính phủ đã phê duyệt một số đề án nâng công suất thiết kế của các công ty xi măng trong nước, trong đó có Công ty Xi măng Bỉm Sơn. Từ năm

Bảng vàng thành tích

- *Từ năm 1998 đến nay, sản phẩm của công ty luôn được cấp dấu chất lượng cấp I.*
- *Từ năm 1993 đến nay, liên tục được Bộ Xây dựng Việt Nam và công đoàn ngành tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.*
- *Từ năm 1990 đến nay, liên tục được cấp Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế Hàng công nghiệp Việt Nam.*
- *Từ năm 1994 đến nay, liên tục được cấp chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn cho xi măng PC30, PCB30 có các chỉ tiêu chất lượng phù hợp TCVN (2682 - 1992).*
- *Uỷ ban quốc tế tổ chức BID có trụ sở tại thủ đô Madrid - Tây Ban Nha đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho Công ty Xi măng Bỉm Sơn.*
- *Các năm 1998 - 2000, được bình chọn và chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao".*
- *Năm 1999, được tặng cúp Bạc giải thưởng Chất lượng Việt Nam.*
- *Được cấp chứng chỉ chất lượng quốc tế ISO-9002 của Tổ chức QUACERT & DETNORSKE VERITAS.*
- *Năm 2000, được tặng cúp Vàng "Hàng Việt Nam chất lượng cao".*

2003 đến năm 2006, Nhà nước đặt kế hoạch đầu tư mở rộng công ty với một dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại có công suất 2 triệu tấn/năm với lò nung 5.500 tấn clanhke/ngày, nâng tổng công suất lên trên 3 triệu tấn/năm vào năm 2006. Chính vì vậy, ngoài việc giữ vững thị phần hiện có, việc mở rộng thị trường là nhiệm vụ rất quan trọng mà bộ phận tiêu thụ Công ty Xi măng Bỉm Sơn phải tích cực triển khai trong thời gian tới. Năm 2003 và những năm tiếp theo, công ty phấn đấu sản xuất, tiêu thụ 1,8 triệu tấn trở lên, đồng thời tích cực triển khai dự án dây chuyền mới để hiện đại hoá, đồng bộ hoá nhà máy, tạo cơ sở bền vững cho cạnh tranh, hội nhập quốc tế và góp phần xây dựng đất nước.

Thắng lợi vẻ vang của năm 2002 về sản xuất-kinh doanh, cải tạo, hiện đại hoá dây chuyền 2, đặc biệt là danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới do Nhà nước phong tặng đã tạo tiền đề mới cho Công ty Xi măng Bỉm Sơn vững bước hơn trên con đường thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, sự giúp đỡ nhiệt tình của cấp uỷ Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể tỉnh Thanh Hoá và thị xã Bỉm Sơn chính là nguồn động viên lớn lao để tập thể cán bộ công nhân viên công ty tiếp tục khẳng định mình trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Kỹ sư Lê Văn Chung - Giám đốc Công ty Xi măng Bỉm Sơn tự hào và tin tưởng nói: "Chúng tôi - những người thợ Xi măng Bỉm Sơn luôn sát cánh cùng với mọi người lao động trong cả nước, phấn đấu thi đua lập nhiều thành tích, đẩy mạnh phong trào sản xuất - kinh doanh giỏi, hiện đại hoá công nghệ, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh".

BIM SON CEMENT

WITH THE TARGET OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Bim Son - the land of history and legends, the land with politically, economically and militarily strategic position in the northern gateway of Thanh Hoa Province is naturally endowed with the natural resources of limestone and clay-stone in great capacity. In this land, since early 1970s, when the war had just ended, a largest and most advanced cement producing plant of Vietnam at that time was built as a gift of Vietnam - Soviet friendship..

The achievements Bim Son Cement Company (previously called Bim Son Cement Plant) obtained over last 20 years have manifested the proper and clever leadership policies of the Party and State in the cause of building the country; showing the company's strength and stable growth in the socialistic-oriented market mechanism. Moreover, those achievements have laid a firm foundation for the company modernisation phase, making a great contribution to the cause of national industrialisation and modernisation, heading for the target of sustainable development and international integration. The cement trademark "Con Voi" (The Elephant) of the Bim Son Cement Company has reached every corner of the country, bringing credit to the users and sustainability to construction works.

From initial foundation

Aiming at "Building our country more spacious and more beautiful" as President Ho Chi Minh's last recommendation and responding to the cement demand for the after-war national re-establishment, Bim Son Cement Plant was established by the Ministry of Construction on March 4, 1980. Being defined as a national key work, the Party and State have made careful preparations from geological survey to identify raw material sources and construction location to the human resource preparation, infrastructure construction, works installation and construction. After a long time of construction (1974 - 1981), Bim Son Cement Plant was accomplished and officially put into operation.

After the geological survey and prospect in Bim Son land, Bim Son Cement Plant was built at a convenient traffic location with the National Road No.1A, the provincial road running across the town of Bim Son, three kilometres far from the railway station in the north-east. Most of the roads have been concretised out of an exclusive railway of the cement plant.

Bim Son Cement Plant is located in the trade exchanging centre of the provinces of Thanh Hoa, Nghe An, Thai Binh, Ninh Binh, Nam Dinh, Ha Nam..., connecting with the Northern key economic zone.

The company with an area of 50 ha is situated in Bim Son's terrain of limestone and clay-stone valley. According to the survey by geologists, limestone in Tam Diep mountain ranges possesses a capacity of 270 million tonnes with relatively high content of $CaCO_3$. Limestone exploited in Yen Duyen mine, three kilometres from the plant, is specifically used to produce lime and cement. Clay in Bim Son lying across the B road axis (North - South) owns a capacity of 69 million tonnes. Clay stone is exploited in Co Dam mine, which is two kilometres from the plant. This is a favourable condition for Bim Son Cement Company.

With the friendly co-operative spirit, the former USSR has assisted Vietnam with the entire updated technology, equipment and technical design to build the plant with two production lines of 1.2 million-tonne annual capacity. To build that work, the former USSR brought to Vietnam totally 36 thousand tonnes of goods lifting equipment, 160 thousand tonnes of technological devices. Besides, a team of highly qualified Russian experts voluntarily came to Vietnam to help build, install and operate machines, simultaneously tutor, instruct techniques and experience to Vietnamese workers about equipment operation and repair procedures. This is a significant co-operation and assistance by the former USSR's people toward Vietnamese people.

To product trademark affirmation

An important moment came, on December 22nd 1981, the kiln No.1 discharged smoke; on February 3rd 1982, the production line No.1 was inaugurated and started its production in accordance with the State entrusted plan. This was the first achievement and satisfaction of tens of thousands of officials and workers as well as the Party and State after many years building the plant. Right after the hand-over of the production line No.1, the officials and workers across the site speedily continued to build, install, and put the production line No.2 into operation on November 6th 1983.

During that period, the plant faced numerous difficulties in its operation from supplying raw materials and energy (lack of electricity, insufficient coal supply as planned and substandard coal quality) to production and consumption. The plant's staff of officials and workers has made great efforts to surmount those initial difficulties. After two years of production, the apparatus of managerial officials step-by-step went on in a good order, the teams of workers grew up in quantity and quality; a capacity of machines, equipment and labour productivity were enhanced. During the period of both production and the second production line installation, the officials and workers of the plant produced and marketed the one-millionth tonne of cement in 1985. That attainment has marked the growth at the initial stage Bim Son Cement Plant.

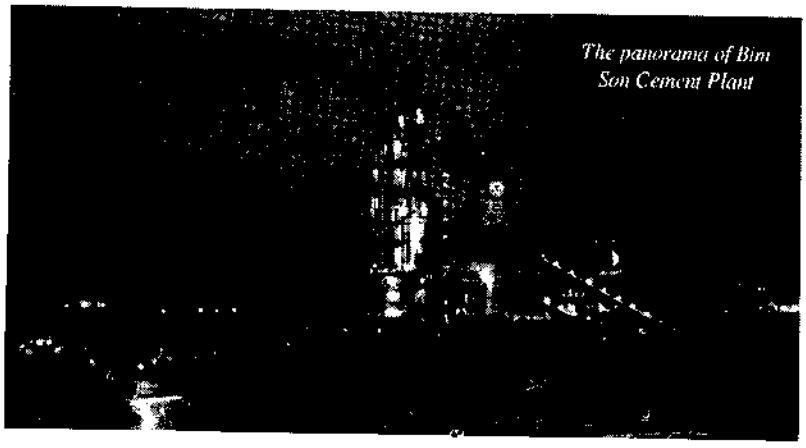

The panorama of Bim Son Cement Plant

The plant entered a new stage with a new impetus, launching emulation movements, boosting production - business, making full use of new technology, advanced equipment and especially Vietnam - Soviet friendship emulation movement. The workers have become more active, proposed a number of initiatives in production - business. The professional divisions have planned new management methods in cost accounting, book update and periodically economic operational analysis. As a result, the plant intensified production speed and increased productivity. On February 3rd 1990, the four-millionth tonne of cement came out of the kiln, practically celebrating the 60th anniversary of the Party establishment and the plant's tenth birthday.

At that time, four million tonnes of cement didn't factually satisfy the country's construction demand. However, that showed the non-stop efforts of the plant's officials and workers, with high responsibly and proud, have contributed to building the national key projects namely Thang Long Bridge, Pha Lai Thermo-electricity Plant, Hoa Binh Hydroelectricity Plant, Ho Chi Minh Museum and other industrial and civil works across the country.

Entering 1990s, after the collapse of the former USSR and Eastern European socialist countries, Bim Son Cement Plant confronted numerous difficulties resulted from the removal of whole-hearted assistance in experts, equipment and techniques as well. However, thanks to the spirit of self-help for self-improvement, active creativeness in addition to Doi Moi (renovation) gust of wind by the Party, particularly the Seventh Central Resolution (Session VII) on industrialisation and modernisation, the plant launched a new emulation movement to raise its annual production and consumption productivity up to one million tonne with an annual average growth at 9.8%. That was a milestone marking the reforms in professional level, economic management ability, production conduct methods and techniques by Bim Son Cement Plant. In 1993, the plant was officially renamed Bim Son Cement Company under the direct supervision of the Vietnam Cement Corporation and Ministry of Construction, gearing to fully implement procedures from production to consumption of products.

To strengthen product quality and productivity, the company's Board of Directors has planned to invest in upgrading and modernising the company, apply wet production method instead of dry one, increase the annual capacity from 1.2 to 1.8 million tonnes. The new production line has been put into operation since the Second Quarter of 2003. Specially, the Government has approved the bidding packet of "designing, supplying raw materials and

The roll of honours of achievements

- *Since 1998 to date, the company's products have been always given the stamp for Grade 1 quality.*
- *Since 1993, being continually awarded with the flag of certifying high quality product by Vietnam Ministry of Construction and the sector's trade union.*
- *Since 1990, being continually granted with the Golden Medal at the International Fair on Vietnam Industrial Products.*
- *Since 1994, being continually granted with the certificate of standardised products on PC30 and PCB30 cement with quality indices consistent with TCVN (Vietnam's standard) (2682 - 1992).*
- *International Committee of BID organisation based in Madrid, Spain decided to award Bim Son Cement Company with "International Golden Star" for its collective spirit and product quality.*
- *In 1998 - 2000, being chosen and certified as "High quality Vietnamese Product".*
- *In 1999, being offered with the Silver Cup for Vietnam Quality Award.*
- *Being awarded with the international standard certification ISO-9002 by the organisation of QUACERT & DETNORSKE VERITAS.*
- *In 2000, being offered with the Golden Cup for " Vietnamese High Quality Product".*

technical services for Bim Son Cement Company modernisation improvement project". Along with the project implementation, the equitization was actively carried out. In 1999, the company successfully equitized the packing tailoring workshop into Bim Son Packing Joint-stock Company.

Presently, Bim Son Cement Company is both maintaining its production - business and implementing modernisation, technological reform so as to further enhance competitiveness in the international economic integration process. On October 10th 2002, Viet Nam President signed a decision on conferring the noble title of Heroic Labour Unit in Doi Moi period to Bim Son Cement Company's officials and workers. The greater the honour, the higher the responsibilities. In 2002, Bim Son Cement Company produced and consumed 1.5 million tonnes of cement, exceeding 15.4% over the plan entrusted by the State, brilliantly accomplishing the State budget paying obligation and ensuring the officials' and workers' income.

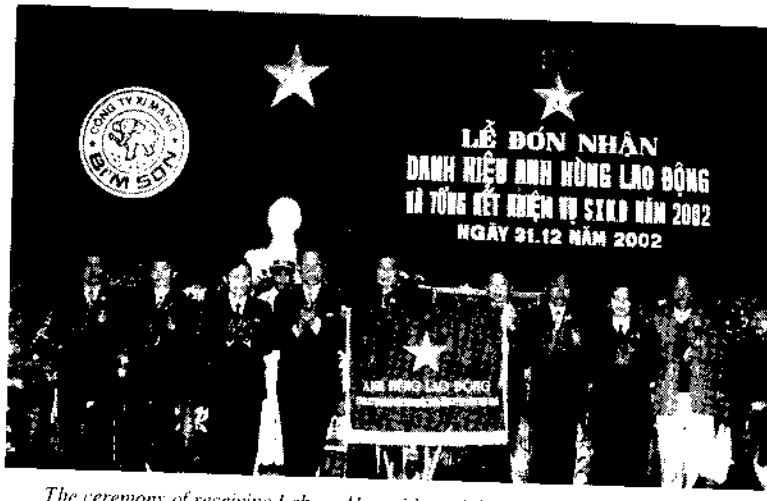

The ceremony of receiving Labour Hero title and the summation of production - business tasks in 2002

Orientation for future

At the end of 2001, the cement consumption in the market of Vietnam met a great change - "demand exceeded supply". Most of the domestic cement companies (including blast furnace cement) utilised up all their capacity under the State's policy on demand promotion, typically the work of Ho Chi Minh Highway- one of the national key projects. Facing this fact, the Government approved a number of schemes targeted at raising design capacity of the domestic cement companies including Bim Son Cement Company. From 2003 to 2006, the State plans to invest in expanding the company with a modern cement production line with the annual capacity of two million tonnes using the kiln of 5,500 tonnes of clanhke per day, raising total annual capacity of over three million tonnes by 2006. Therefore, apart from maintaining the present market share, the market expansion task is of a great importance that the consumption department of Bim Son Cement Company has to actively carry out for the time to come. In 2003 and the coming years, the company is striving to produce and consume 1.8 million tonnes upwards, concurrently actively implement the new production line project so as to modernise and synchronise the company, creating sustainable foundation for international competition, integration and making considerable contribution to the country building.

The glorious victory of 2002 on production - business, improvement and modernisation of the production line No.2, especially the title of Labour Hero at the Doi Moi stage conferred by the State have created new premises for Bim Son Cement Company to take firms steps on the road of modernisation and industrialisation implementation. Moreover, the leadership of the Party Committee, the close conduct of the Ministry of Construction, Vietnam Cement Corporation, the wholehearted assistance of the Party's executive committees, the government at various levels, organisations and associations of Thanh Hoa Province and Bim Son Town are great encouragement for the company's officials and workers to keep self-assertive in the international economic integration process. The director of Bim Son Cement Company, engineer Le Van Chung proudly and confidently said:" We - Bim Son Cement workers always side by side with all labourers nation-wide strive to emulate and make great achievements, boosting the movement of good production - business, technology modernisation, making contribution to building a prosperous country".

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỜNG MÍA VIỆT NAM - ĐÀI LOAN

ĐẢM BẢO MỤC TIÊU QUY CHẾ, TIẾP CẬN BẠN HÀNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đường mía Việt Nam - Đài Loan được thành lập theo giấy phép đầu tư số 989/GP ngày 14-09-1994 của Uỷ ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư), là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Đài Loan trong lĩnh vực sản xuất đường, mật rỉ từ cây mía.

Nhà máy được xây dựng trên địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn của Thanh Hoá. Nhưng từ khi thành lập đến nay, công ty luôn cố gắng phát triển nguồn nguyên liệu, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, vượt qua khó khăn để kinh doanh có hiệu quả.

1. Quá trình hình thành và phát triển

Mía đường là ngành phát triển rất mạnh ở Đài Loan, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Đài Loan phát triển. Tổng Công ty Đường Đài Loan có hơn 50 năm kinh nghiệm trong sản xuất đường. Để đạt được mục tiêu 1 triệu tấn đường (năm 2000) mà Chính phủ Việt Nam đã đề ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đường mía Việt Nam - Đài Loan ra đời là điểm mốc cho chủ trương hợp tác của Chính phủ Việt Nam và Văn phòng Văn hoá Đài Bắc tại Việt Nam. Sau nhiều lần nghiên cứu, khảo sát và đàm phán, xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã được lựa chọn là địa điểm xây dựng nhà máy. Hồ sơ dự án xây dựng Nhà máy Đường Việt Nam - Đài Loan chính thức được ký duyệt vào tháng 4-1994 với sự tham gia của 6 nhà đầu tư (trong đó, Việt Nam có 2 công ty, chiếm 25%; Đài Loan có 4 công ty, chiếm 75%)

Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thăm và nói chuyện với cán bộ, công nhân viên công ty

Tuy nhiên, để thực hiện thắng lợi dự án này quả là nỗ lực rất lớn của tập thể cán bộ, chuyên gia, nhân viên Việt Nam, Đài Loan và các nhà sản xuất chế tạo thiết bị, các nhà cung cấp, nhà thầu, cùng sự hỗ trợ về mặt tinh thần của các cấp lãnh đạo tỉnh Thanh Hoá. Nhà máy Đường Việt Nam - Đài Loan chính thức được khánh thành vào ngày 7-5-1997. Sau thời gian vận hành thử, nhà máy đã đạt yêu cầu kỹ thuật đặt ra với công suất 6.000 tấn mía/ngày.

Sau khi đi vào hoạt động, công ty đã tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý trên cơ sở phân cấp trách nhiệm, quyền hành hợp lý. Phát huy tích cực vai trò của người lao động, các tổ chức đoàn thể trong thi đua lao động sản xuất - kinh doanh, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Bên cạnh đó, công ty luôn đảm bảo để nhà máy được duy trì và vận hành ổn định, khai thác tối đa công suất thiết kế và an toàn lao động, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp

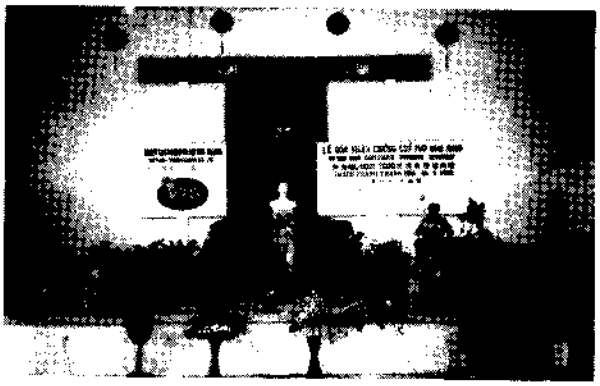

Lễ đón nhận ISO 9001-2000 ngày 09-05-2002

quan trọng khác như: tiết kiệm, duy trì chất lượng cao, tối ưu hoá hệ thống phân phối bán hàng... nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2. Thế và lực đưa Công ty Đường mía Việt Nam - Đài Loan phát triển

Với thế mạnh là dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất máy ép 6.000 tấn mía/ngày, có thể mở rộng đến 12.000 tấn mía/ngày, Công ty Đường mía Việt Nam - Đài Loan là một trong những nhà máy có công nghệ hiện đại nhất Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công lại là nhân tố con người. Thực tế quá trình thực hiện dự án, cũng như trong quản lý và điều hành nhà máy, các đối tác liên doanh đều là các tập đoàn mạnh, giàu kinh nghiệm. Tập thể lãnh đạo, đội ngũ kỹ sư, công nhân viên còn khá trẻ, đầy năng động và sáng tạo. Các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội của nhà máy như: Đảng uỷ, công đoàn đã đóng vai trò tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, công ty còn có những quy định rõ ràng về chế độ lương, thưởng, gắn quyền lợi của người lao động với hiệu quả công việc, cùng với các chính sách đãi ngộ, phúc lợi khác như: nhà ở, đào tạo phát triển nâng cao tay nghề ở các nước phát triển, đã động viên người lao động gắn bó với công ty.

Không chỉ có vậy, ban lãnh đạo Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đường mía Việt Nam - Đài Loan còn rất quan tâm đến vấn đề thị trường bằng việc tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng đặc điểm thị trường và thói quen tiêu dùng của người Việt Nam. Đồng thời, công ty cũng tiến hành xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm rộng khắp cả nước, nỗ lực nghiên cứu, chiếm thị phần ở những nơi chưa có sản phẩm của công ty. Vì thế, sản phẩm của công ty đã giành được tín nhiệm cao của người tiêu dùng cả trong nước và ngoài nước. Trong tương lai gần, sản phẩm của công ty sẽ được xuất khẩu rộng rãi trên thị trường quốc tế.

3. Công ty Đường mía Việt Nam - Đài Loan nhìn về tương lai

Trong 7 năm qua, mặc dù có vô vàn những khó khăn như: hạn hán, lụt lội, biến động giá cả, cung vượt cầu trên thị trường nội địa, ảnh hưởng nghiêm trọng tới công tác quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu của công ty, nhưng lãnh đạo công ty đã vô cùng nhạy bén, kiên định chèo lái công ty vượt qua khó khăn, khẳng định vị trí sản phẩm trên thương trường. Bên cạnh đó, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá luôn quan tâm, giúp đỡ công ty quy hoạch lại đất đai để giải quyết dứt điểm những khó khăn về nguyên liệu, đảm bảo nhà máy có thể vận hành hết công suất thiết kế.

Trong quản lý, công ty luôn tìm cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Năm 2001, công ty đã vinh dự được SGS - Thuỵ Sỹ công nhận đạt chứng chỉ ISO9001:2000, đây là bước đột phá lớn, tạo đà cho công ty trên con đường hội nhập khu vực và thế giới.

4. Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn kinh doanh

Qua những năm tháng trưởng thành và phát triển của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đường mía Việt Nam - Đài Loan đã minh chứng rõ nét những kinh nghiệm phát triển cần phải được phát huy hơn nữa, đó là:

1) Phải tiếp cận địa phương, bạn hàng.

2) Phải nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

3) Đảm bảo được mục tiêu, quy chế, an toàn.

4) Phát triển được nguồn vốn, sản phẩm, thị trường.

Các chính sách này sẽ đưa công ty Việt Đài phát triển nhanh, mạnh để trở thành một trong những nhà máy đường sản xuất - kinh doanh hiệu quả nhất tại Việt Nam.

VIETNAM - TAIWAN SUGARCANE COMPANY LIMITED

REGULATION TARGET GUARANTEE, PARTNER APPROACH, QUALITY ENHANCEMENT AND DEVELOPMENT

Vietnam - Taiwan Sugarcane Company Limited established under the investment licence No.989/GP dated September 14th 1994 by the State Committee on Co-operation and Investment (presently the Ministry of Planning and Investment) is a joint-venture unit between Vietnam and Taiwan in the production of sugar and honey from sugarcanes.

The plant is located in Thanh Hoa's special difficult economic area of Thanh Hoa Province. However, since its establishment, the company has continually made great efforts to expand the source of raw materials, improve technology, strengthen quality, reduce product cost and surmount difficulties to do business efficiently.

1. Process of establishment and development

Sugarcane is a dramatically developed industry in Taiwan, helping accelerate Taiwan's socio-economic growth. Taiwan Sugar Corporation experienced over 50 years of sugar production. To fulfil the target of 1million tonnes of sugar (in 2000) set by the Government of Vietnam, the establishment of Vietnam - Taiwan Sugarcane Company Limited is the linkage for co-operation policy of the Vietnamese Government and Taipei Cultural Office in Vietnam. After many studies, surveys and negotiations, finally, Thanh Van Commune, Thach Thanh District, Thanh Hoa Province has been chosen to build the plant. The dossier of Vietnam - Taiwan Sugar Plant building project was officially approved in April 1994 with the participation of six investors (of which, Vietnam has two companies making up 25% capital, Taiwan holds four companies accounting for 75%).

However, successful implementation of this project resulted from great efforts by the Vietnamese and Taiwanese officials and experts, and the equipment manufacturers, suppliers, contractors in addition to the spiritual supports from Thanh Hoa province's leaders at all levels. Vietnam - Taiwan Sugar Plant was officially inaugurated on May 7th 1997. After the duration of trial operation, the plant has met the technical requirements with the daily capacity of 6,000 tonnes of sugarcane.

After coming into operation, the company has focused on developing human sources, strengthening

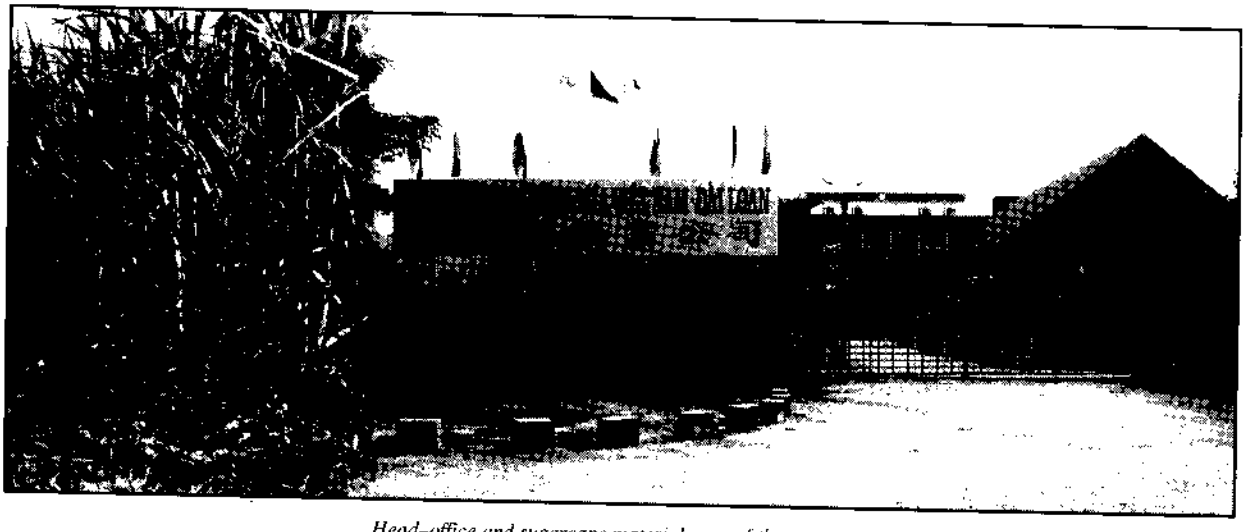

Head-office and sugarcane material area of the company

management efficiency on the basis of proper power and responsibility decentralisation, actively promoted the role of labourers and trade unions in the production and business labour emulation and developed initiatives in technical improvement. Furthermore, the company always ensures the plant's maintenance and stable operation, fully exploits design capacity and guarantees labour safety, simultaneously takes many other crucial solutions such as saving, maintaining high quality, utilising sales distribution network targeted at high economic efficiency.

2. Impetus for Vietnam - Taiwan Sugarcane Company's development

Thanks to the strength of advanced production line, daily capacity of pressing machine at 6,000 tonnes of sugarcane, possible to extend up to 12,000 tonnes, Vietnam - Taiwan Sugarcane is one among the plants with the most advanced technology in Vietnam today.

Nevertheless, the most important decisive factor for success is human resource. The factual process of project implementation as well as plant management shows that joint-venture partners are robust and experienced corporations. The team of leaders, engineers and staff are quite young, active and creative. The plant's political organisations and social unions namely the Party Executive Committee and trade union have played an active role and contributed to successfully implement the company's production - business plan. Besides, the company has also issued clear regulations on payment, rewards, attaching labourers' benefits to labour efficiency together with other welfare and preferential policies such as offering dwelling-houses, training courses to improve professional skills in developed countries, which have encouraged labourers to keep close to the company.

Moreover, the management board of Vietnam - Taiwan Sugarcane Company Limited has also paid much concern to market matter by doing careful research on market characteristics and consumption habit of Vietnamese people. At the same time, the company has also set up the product consumption network nation-wide, makes great efforts to research and win market-share in the places where the company's products have not reached. Therefore, the company's product has gained high reliance from domestic and foreign consumers. In the near future, the company's product will be extensively exported to the international market.

3. Vietnam - Taiwan Sugarcane Company gearing toward the future

Over past seven years, despite innumerable difficulties like drought, flood, price fluctuation, supply exceeding demand in the domestic market that critically impacted the company's material area development and planning, its management with flexibility and consistence drove the company out of obstacles, asserting the product's position on the market. Additionally, the Government, the Ministry of Agriculture and Rural Development, Thanh Hoa Provincial People's Committee always pay much attention and assist the company in land re-planning so as to absolutely settle the difficulties in raw materials, ensuring full operational design capacity of the plant.

In view of management, the company always manages to improve technology, raise labour productivity and reduce product cost. In 2001, the company had great honour of being certified ISO 9001:2000 by SGS - Switzerland, which is a great breakthrough giving an impetus to the company on the road to the international and regional integration.

4. Lessons of experience from business practice

The process of growing up and development of Vietnam - Taiwan Sugarcane Company Limited have clearly evidenced that the development experience should be further promoted, that is:

1) Approaching to the locality, clients

2) Raising production - business productivity, quality and efficiency

3) Ensuring targets, regulations and safety

4) Developing capital sources, products and market

These policies will help Viet - Dai company make rapid and vigorous developments to become one of the most efficient production - business sugarcane plants in Vietnam.

CÔNG TY XI MĂNG NGHI SƠN

TRUNG TÂM VÙNG KINH TẾ ĐỘNG LỰC "NAM THANH - BẮC NGHỆ"

Hai tập đoàn lớn của Nhật Bản là Xi măng Taiheiyo và Vật liệu Mitsubishi đã khảo sát rất kỹ lưỡng vùng đất giàu tiềm năng, đầy triển vọng tại xã Hải Thịnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá nơi tiếp giáp với tỉnh Nghệ An. Nơi đây, được xem là vùng đất thiên thời, địa lợi với trữ lượng đá vôi, đất sét rất lớn, lại gần cảng biển chuyên dụng, cộng thêm dây chuyền công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, với hệ thống băng tải khép kín từ vùng nguyên liệu đến nơi chế biến thành sản phẩm xi măng "Ba quả núi" được đưa tới tận tàu chuyên dụng, tiêu thụ bằng đường biển rất tiện lợi. Đây là một hướng đầu tư đúng của liên doanh Nhật Bản với Việt Nam.

Tháng 7-2000, một nhà máy Xi măng mang thương hiệu "Ba quả núi" với công suất 2,15 triệu tấn/năm đã chính thức đi vào hoạt động. Sự ra đời của Công ty Xi măng Nghi Sơn được xem là thành công bước đầu trong hơn 10 năm không ngừng tìm kiếm địa điểm, gây dựng cơ sở, cùng các chiến lược cho sự phát triển sau này của công ty. Không những thế, đây còn là thành quả hợp tác giữa các tập đoàn lớn trong lĩnh vực xây dựng của Nhật Bản và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam. Dù mới đi vào hoạt động được 2 năm và là thành viên trẻ nhất trong đại gia đình ngành Xi măng Việt Nam, nhưng Xi măng Nghi Sơn đã tận dụng được những thế mạnh của mình để vượt qua những khó khăn, thách thức, đóng góp trên 3,3 triệu tấn sản phẩm cho thị trường xi măng Việt Nam và đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

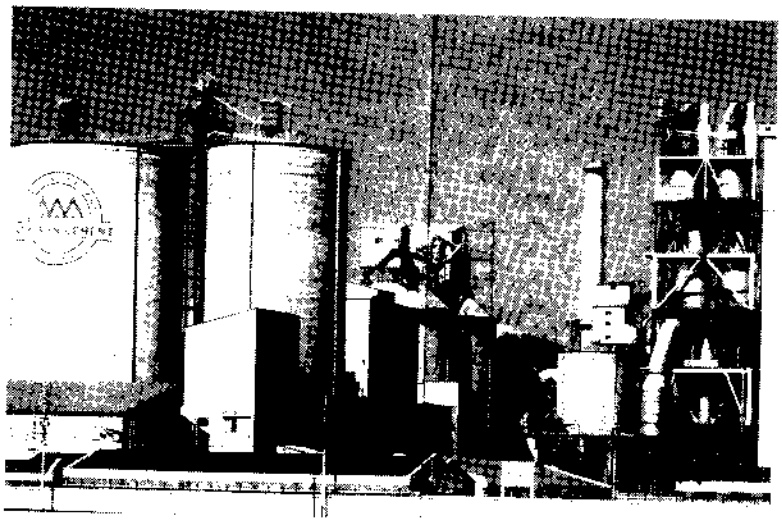

Nhà máy Xi măng Nghi Sơn

Tạo thế vững chắc ...

Để đảm bảo tính ổn định trong sản xuất, đạt hiệu quả kinh tế cao, tất cả thiết bị sản xuất chính như máy nghiền nguyên liệu, tháp trao đổi nhiệt, tiền nung, lò nung, máy nghiền xi măng, lọc bụi.....đều được thiết kế tối ưu và sử dụng công nghệ tiên tiến của Nhật Bản. Các thiết bị còn lại đều do các nhà sản xuất hàng đầu thế giới như: Đức, Thuỵ Điển, Pháp, Đan Mạch cung cấp. Toàn bộ hoạt động sản xuất của Nhà máy được giám sát và điều khiển bằng những thiết bị hiện đại, đảm bảo tính đồng bộ cao và chất lượng ổn định của sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao thông qua hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu và điện năng.

Các nguyên liệu, nhiên liệu và các loại chất phụ gia đầu vào được đưa về nhà máy qua hệ thống băng tải dài. Cảng biển chuyên dụng Nghi Sơn có thể cho phép tầu 40.000 tấn cập mạn dễ dàng. Xi măng thành phẩm được chuyển vào trạm phân phối tại thành phố Hồ Chí Minh bằng tàu chuyên dụng cỡ lớn với chi phí thấp (bằng nửa chi phí tàu bách hoá) giúp cho Nghi Sơn có lợi thế trong việc cạnh tranh về giá cả trên thị trường phía Nam. Qua cảng thương mại Nghi Sơn cách nhà máy 3 km, các sản phẩm của Xi măng Nghi Sơn có thể đến tay người tiêu dùng miền Trung khá dễ dàng, còn thị trường miền Bắc được xem như "sân nhà" của Nghi Sơn.

Song có thể nói, yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công lại là nhân tố con người. Thực tế quá trình thực hiện dự án, cũng như trong quản lý và điều hành nhà máy, các đối tác liên doanh đều là các tập đoàn mạnh, giàu kinh nghiệm. Tập thể lãnh đạo, đội ngũ kỹ sư, công nhân viên còn khá trẻ đầy năng động và sáng tạo. Các tổ chức chính trị, đoàn thể, xã hội của Nhà máy như: chi bộ Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên đã đóng góp vai trò rất tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn có những quy định rõ ràng về chế độ lương, thưởng, gắn quyền lợi của người lao động với hiệu quả công việc, cùng với các chính sách đãi ngộ, phúc lợi khác như: nhà ở, đào tạo phát triển, nâng cao tay nghề tại các nước phát triển, đã động viên người lao động gắn bó với công ty.

Tất cả những công đoạn sản xuất xi măng được kiểm soát bởi công nghệ tiên tiến nhất.

Không chỉ có vậy, ban lãnh đạo Công ty Xi măng Nghi Sơn còn rất quan tâm đến vấn đề thị trường bằng việc tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng đặc điểm thị trường và thói quen tiêu dùng của người Việt Nam. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước và cung cấp thông tin thường xuyên về các chủng loại sản phẩm mới, chính sách giá và các thông tin thị trường khác cho mạng lưới tiêu thụ để có thể phát huy hiệu quả một cách tối đa. Vì thế, khi loạt sản phẩm đầu tiên ra đời đã ngay lập tức giành được sự tín nhiệm của người tiêu dùng. Xi măng Nghi Sơn PCB - 40 giờ đây đã trở thành thương hiệu có uy tín cao trên thị trường xi măng Việt Nam, tạo đà cho Xi măng Nghi Sơn hướng tới mục tiêu lớn hơn, đó là xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới trong tương lai gần.

... đưa Xi măng Nghi Sơn phát triển bền vững

Với chiến lược phát triển đúng hướng, các chỉ tiêu kinh tế mà Công ty Xi măng Nghi Sơn đạt được trong năm 2002 là rất khả quan. Sản xuất và tiêu thụ mới đạt trên 2 triệu tấn xi măng PCB 40 (100% kế hoạch), doanh thu 130 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 100 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 8,7 triệu USD (theo Chuẩn kế toán quốc tế) lợi nhuận thuần 4,1 triệu USD (theo Chuẩn kế toán Việt Nam.

Tuy vậy, khó khăn lớn nhất hiện nay là phải đảm bảo vận hành nhà máy một cách ổn định trong điều kiện tình hình cấp điện và chất lượng than chưa đáp ứng đúng nhu cầu. Chế độ hai giá với nhiều chi phí đầu vào (đặc biệt là giá điện cao hơn các đơn vị khác 20%) đang làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Ngoài ra, các yếu tố khác như: sự mất giá của tiền Việt Nam so với đồng đôla Mỹ, việc mở rộng thị trường xi măng sau khi gia nhập AFTA (năm 2006) cũng là những khó khăn thách thức không nhỏ.

Để có thể khắc phục những khó khăn và thách thức, triệt để khai thác những ưu thế và thuận lợi, đặc biệt là những yếu tố chất lượng cao, ổn định, phương thức vận chuyển ưu việt, Xi măng Nghi Sơn quyết tâm duy trì mọi hoạt động ổn định để phát huy hết các công suất vận chuyển vào thị trường miền Nam và phấn đấu có lãi trong năm 2002. Tập trung cao độ

phát triển nguồn nhân lực, từng bước cải thiện đời sống tinh thần, vật chất cho cán bộ công nhân viên, các chế độ đãi ngộ, các điều kiện phúc lợi....luôn được công ty chú trọng.

Nghiên cứu khả năng từng bước đầu tư bổ sung, tối ưu hoá tính đồng bộ giữa năng lực sản xuất và xuất hàng, cải thiện khả năng vận chuyển thêm hàng vào miền Nam nhờ tàu chuyên dụng thứ 2 trong Trạm phân phối tại Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả việc nhập khẩu xi măng. Xi măng Nghi Sơn cũng đang nghiên cứu khả năng mở rộng thêm cơ sở tại miền Trung, mở rộng công suất Nhà máy khi có thời cơ thuận tiện.

Củng cố và phát triển cả về số lượng và chất lượng mạng lưới các đại lý trên toàn quốc, tiếp tục hoàn chỉnh chính sách bán hàng, chính sách giá với phương châm ưu tiên quan tâm bảo vệ lợi ích khách hàng.

Hợp tác chặt chẽ với Hiệp hội Xi măng Việt nam (VNCA), Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VNCC), cùng các nhà sản xuất xi măng Việt Nam khác về thông tin thị trường, các hoạt động hỗn hợp khác nhau, nhằm tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững của ngành Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Bước sang năm 2003, Công ty phấn đấu sản xuất và tiêu thụ 2,1 triệu tấn xi măng để đưa lãi kinh doanh đạt 10,6 triệu USD.

Có được những thành quả của ngày hôm nay là thành quả tất yếu từ những nỗ lực phấn đấu không biết mệt mỏi của toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên trong công ty. Với những gì đã đạt được trong thời gian qua, công ty hoàn toàn tin tưởng sẽ tiếp tục phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hoá nói riêng và Việt Nam nói chung, đưa Nghi Sơn trở thành một liên doanh kiểu mẫu giữa Việt Nam và Nhật Bản, xứng đáng trở thành nhà phân phối và sản xuất xi măng số 1 Việt Nam.

NGHI SON CEMENT CORPORATION

CENTER OF THE MOTIVE ECONOMIC AREA IN "THE SOUTH OF THANH HOA - THE NORTH OF NGHE AN"

Taiheiyo Cement Corporation and Mitsubishi Materials Corporation, the two reputable corporations om Japan carried out carefully a survey on the potential and prosperous land at Hai Thinh commune of inh Gia District, Thanh Hoa province adjoining Nghe An province. This land is considered clement weath- and favorable terrain with great capacity of limestone and clay, locating near the exclusive port. By apply- g advanced state-of-the-art technology from Japan, raw materials and other additives are transported to e Plant by the long distance belt conveyor system (LDBC) and the exclusive jetty. The product named hree Mountains" reaches customers by the bulk cement carriers through waterway conveniently. Nghi Son ement expresses the right investment orientation of the joint venture between Japan and Vietnam.

Nghi Son Cement Plant with the trademark "Three Mountains" with capacity 2.15 million tons per year officially started commercial production from July 2000. The establishment of Nghi Son Cement Corporation recorded the initial success in ten years continually searching place for the plant setting and determining business strategy. Moreover, this is also the cooperation performance between two reputable multinational construction corporations from Japan and Vietnam National Cement Corporation. Just starting operation only 2 years as a youngest member of Vietnam cement manufacture

family, Nghi Son Cement has utilized advantages, successfully overcome difficulties and brought over 3.3 billion tons of product for Vietnam cement market, satisfying the requirement on developing the country industrialization and modernization.

Creating solid foundation...

With a view to ensure stable production and high economic performance, all main production equipment such as Raw Mill, Preheater, Precalciner, Rotary Kiln, Precipitator etc., are optimally designed and manufactured as state-of-the-art technology from Japan. Remaining equipment are supplied by the world leading manufactures from Germany, Sweden, France and Denmark. The whole Plant operation is supervised and controlled by modern equipment, ensuring high and stable quality of the product and the best economic performance through high productivity of natural resources, fuel and electrical power consumption.

Raw materials, fuel and other additives are transported to the Plant by the long distance belt conveyor system. Nghi Son Exclusive Jetty can easily accommodate vessels up to 40,000 DWT. The product is carried to Hochiminh City Distribution Terminal by large bulk cement carriers at low freight (half of freight by general cargo), which creates for Nghi Son Cement valuable competitive advantages in the big South market. Through Nghi Son General Port 3km from the Plant, Nghi Son Cement product reaches the customers in the Central Viet Nam, and the North market became the "backyard" of Nghi Son Cement.

It can be said that the most important and decisive strength of the Company is human factor. All sponsors are strong corporations, very experienced and supportive to Nghi Son Cement operation in the project implementation as well as Plant management. The management, engineers and workers are still young, creative and highly motivated. The Plant's social and political organizations such as Communist Party Cell, the Trade Union and The Youth League also make significant contributions to the business goals of the Company. Besides, proper remuneration system, linking the performance and benefit of employees and many other welfare like housing, training and development effectively enhance the relationship between the employees and the Company.

Additionally, the management of the Company has attached special attention to the market by carrying out carefully Vietnam cement market study including the people consumption habit. Concurrently, the Company has set up nationwide distribution network, which is regularly updated with information on product, pricing policies as well as other market inputs so as to develop the best effectiveness. Hence, Nghi Son Cement gained the trust of the consumers right after the first product was originated. Its PCB-40 presently became

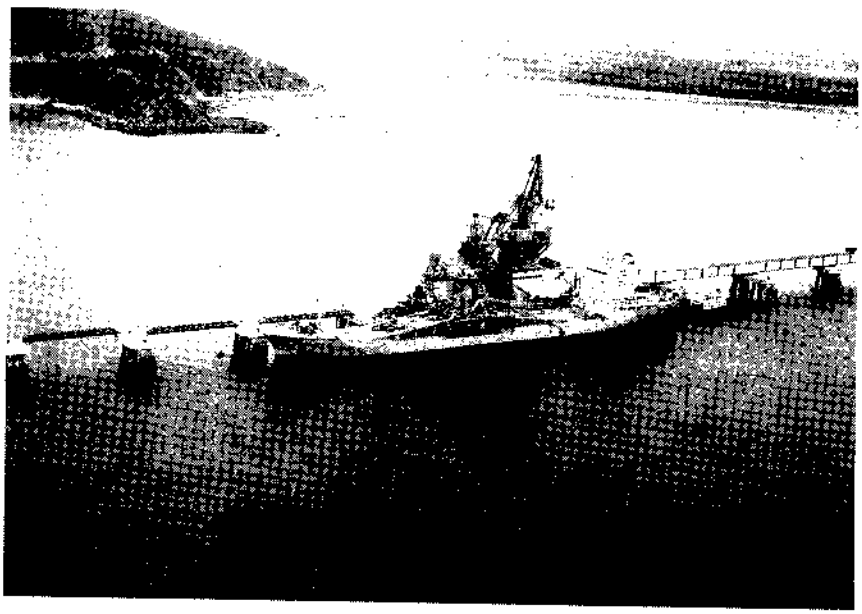

Specialized Vessel – M.V. Development

highly reputable trademark in Vietnam Cement market, first step for higher target - future export.

... Toward sustainable development

Thanks to the right development strategy, Nghi Son Cement achieved satisfactory results in 2002. Production and sales volume implemented just over 2 million tons of PCB-40 product (100% plan), operation profit amounted to about 130 billion VND and payment to the State budget reached 100 billion VND. Business income achieved about 8.7 million USD (IAS basis) and net income accounted for approximately 4.1 million USD after depreciation of all pre-operating expenses (VAS basis).

However, the biggest problems for Nghi Son Cement now is to ensure stable Plant's operation under insufficient supply of electrical power and coal. Double price system applicable to various inputs (especially electrical price at 20% higher than other domestic enterprises) much affects the Company competitiveness. Moreover, the other factors such as devaluation of Vietnam Dong against US Dollar, opening Vietnam cement market to ASEAN (2006) are the big challenges for the Company.

Making best efforts in dealing with difficulties, challenges, best use of all available advantages, especially high and stable quality, superior logistic planning elements, Nghi Son Cement is determined to maintain stable operation at the full capacity, to increase shipping volume to the South, to realize full sale and to make 2002 the profitable year. The Company always attaches importance to human resources development, progressively improves living conditions for the employees, remuneration and other welfare etc.

Nghi Son Cement is considering possibilities for additional investment, optimization of synchronization between production capacity and shipment ability, gradually increasing shipping capacity to the South using second cement carrier, second silo in Hochiminh City Distribution Terminal including cement import. The company also studies some sites in the Central for a new terminal, upgrading cement plant in Nghi Son when the right time comes.

Consolidating and upgrading the nationwide network of wholesalers in terms of both quality and quantity, tuning the sale policies, pricing policies in the principle concept that customer satisfaction is always the Company's top priority.

Cooperating with Vietnam National Cement Association (VNCA), Vietnam Cement Corporation (VNCC) and other cement manufacturers in Vietnam in information exchange and other joint activities to create healthy competitive environment for the sustainable development of Vietnam Cement Industry. In 2003, the Company strives for the targets of cement production and sale about 2.1 million tons to reach operation profit at 10.6 million USD.

The indispensable attainments today have been achieved owning to the continuous tireless efforts of the managers and employees of Nghi Son Cement Corporation. With the outcomes obtained in recent years, Nghi Son Cement has confidence to believe that the Company will keep going and further growing, generating significant contributions to socio-economic development of Thanh Hoa province in particular and of Viet Nam in general. Nghi Son Cement Corporation will be a good example of joint venture between Vietnam and Japan, worthy to become Vietnam No.1 Cement Manufacture and Distributor.

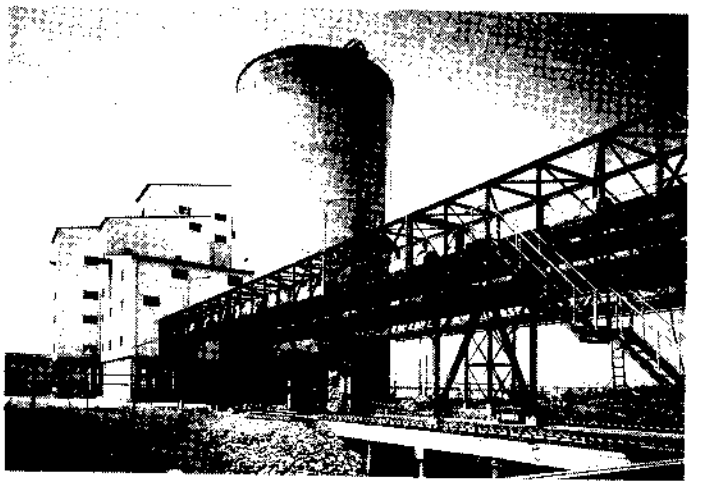

Cement from the distribution stations

CÔNG TY LIÊN DOANH PHÂN BÓN THẦN NÔNG THANH HOÁ

ĐI LÊN TỪ HƯỚNG ĐẦU TƯ ĐÚNG

Với nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và trên 80% dân số sống bằng nghề nông, trong những năm gần đây, Thanh Hoá đã từng bước ổn định, đảm bảo an toàn an ninh lương thực, hướng tới xuất khẩu nhiều sản phẩm từ nông nghiệp,... tạo đà cho ngành Nông nghiệp Thanh Hoá phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để làm được điều đó, ngoài sản xuất cây con giống, sản xuất phân bón phục vụ cho sự tăng trưởng cây trồng và đảm bảo an toàn trong lương thực, đây còn là một vấn đề hết sức quan trọng và cấp thiết.

Công ty Liên doanh Phân bón Thần Nông Thanh Hoá là một trong những công ty ra đời muộn hơn cả trong làng sản xuất phân bón Việt Nam. Với tổng vốn đầu tư gần 7 tỷ đồng, công ty được khởi công xây dựng vào tháng 2-2001 và chính thức đi vào sản xuất từ tháng 7-2001 trên diện tích khoảng 2ha (trong đó diện tích kho tàng nhà xưởng 7.000m2); dây chuyền, trang thiết bị được chuyển giao từ Công ty Thương mại Dịch vụ Tấn Hưng - Sài Gòn, với công suất thiết kế ban đầu là 20.000 tấn/năm.

Ông Mai Danh Lưu - Giám đốc Công ty Phân bón Thần Nông (người đứng bên phải) tại Hội chợ Thương mại Thanh Hoá (26-11-2001)

Từ một hướng đầu tư đúng

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng trong sản xuất phân bón là nhằm tiết kiệm thời gian bón phân; tăng năng suất cây trồng, góp phần giảm giá thành nông sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho sản xuất nông nghiệp; môi trường sinh thái ổn định; chất lượng sản phẩm tăng lên, đảm bảo sức khoẻ cho con người và vật nuôi, cùng với nâng cao trình độ thâm canh và kỹ thuật bón phân cho cây trồng của bà con nông dân, từ đó tạo ra các vùng sản xuất nông sản rộng lớn, phục vụ cho chiến lược tiêu thụ và xuất khẩu nông sản của tỉnh, theo Nghị định số 80/CP của Chính phủ, công ty đã liên doanh cùng Công ty Tấn Hưng - Sài Gòn chuyển giao dây chuyền, thiết bị sản xuất phân ba màu. Đây là công nghệ sản xuất phân bón tiên tiến nhất đang được sử dụng miền Bắc Việt Nam, vì đã khắc phục được những nhược điểm của công nghệ sản xuất phân một màu mà các doanh nghiệp khác đang sản xuất. Sau khi tiếp nhận chuyển giao, Phân bón Thần Nông tiếp tục nâng cao chất lượng dây chuyền công nghệ, nhằm đảm bảo sản phẩm được sản xuất ra phù hợp với cây trồng, chất đất ở miền Bắc. Với công nghệ này, sản phẩm của Thần Nông được sản xuất dưới dạng viên to và riêng rẽ từng loại nên tránh được các tương tác hoá học gây phản ứng xấu trong quá trình chế biến, bảo quản. Với tính năng ưu việt, cây trồng hấp thụ phân bón tốt hơn, giữ được nguồn dinh dưỡng ở lại lâu hơn cho cây trồng, góp phần nâng cao hiệu suất hấp thụ phân bón của cây trồng tăng lên.

Ngoài việc cung ứng các loại phân có tính năng ưu việt cho ngành trồng trọt, Thần Nông còn chú trọng phổ biến kỹ thuật bón phân đến từng hộ nông dân. Vì tất cả các loại cây trồng cần được cung cấp đầy đủ, hợp lý và kịp thời các chất dinh dưỡng. Tuy nhiên, đối với mỗi loại cây, mỗi thời kỳ sinh trưởng đòi hỏi chế độ cung cấp chất dinh dưỡng khác nhau. Nông dân không nắm được quy luật này sẽ hạn chế rất nhiều tính năng, tác dụng của phân bón, không đem lại hiệu quả

như mong muốn. Để khắc phục tình trạng này, phương thức chế biến sản, kết hợp với hướng dẫn chi tiết trên bao bì sản phẩm được Thần Nông hết sức chú trọng. Vì thế, trong thời gian qua, Công ty Liên doanh Phân bón Thần Nông Thanh Hoá đã sản xuất được hàng loạt các loại phân cho từng loại cây và thích hợp với nhu cầu dinh dưỡng của từng thời kỳ phát triển của cây. Thông qua đó, Thần Nông Thanh Hoá đã góp phần nâng cao ý thức và kỹ thuật bón phân của đại bộ phận nông dân tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh lân cận hiện nay.

Với chiến lược phát triển đúng hướng, thương hiệu Phân bón Thần Nông Thanh Hoá mới xuất hiện trên thương trường trong thời gian 2 năm trở lại đây, song có được sự tăng trưởng vượt bậc. Do đội ngũ cán bộ chủ chốt sẵn có kinh nghiệm làm công tác xuất nhập khẩu, Thần Nông Thanh Hoá có lợi thế về kinh nghiệm trong thâm nhập và mở rộng thị trường. Trên bước đường phát triển, Phân bón Thần Nông đã sớm xác định hướng đi và phương thức bán hàng linh hoạt. Cung cấp sản phẩm trực tiếp đến từng hộ sản xuất theo phương thức trả tiền ngay, trả chậm, thậm chí công ty sẵn sàng ứng trước phân bón cho nông dân đến cuối vụ thu hoạch sẽ khấu trừ vào phần nông sản thu mua. Thêm vào đó, sau mỗi vụ sản xuất, công ty tiến hành tổ chức đúc rút kinh nghiệm về thâm canh và kỹ thuật bón phân, từ đó không ngừng nâng cao và bổ sung kiến thức nghề nông cho bà con nông dân. Với hình thức này, Phân bón Thần Nông đã nhanh chóng đến được với bà con nông dân. Tháng 7-2001, Công ty Liên doanh Phân bón Thần Nông chính thức đi vào sản xuất với sản lượng phân bón cung cấp cho vụ mùa cùng năm là 700 tấn thì vụ chiêm xuân sau đó sản lượng đã tăng lên gấp 10 lần, đạt 7.000 tấn. Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được năm 2002, công ty tiêu thụ được 17.000 tấn, tăng 13,5% so với kế hoạch năm. Đây là thành công ban đầu ngoài mong đợi, góp phần khẳng định vị thế của công ty trên thương trường và chữ tín của Phân bón Thần Nông đối với người nông dân.

Định hướng cho một hướng đầu tư đúng

Một hướng đầu tư đúng, một cách nghĩ, cách làm đúng đã đem lại cho phân bón Thần Nông những thành quả ban đầu đáng tự hào. Trước mắt, công ty đang mở rộng những cơ hội đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh, tăng nhanh sản lượng phân bón,... Đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức không nhỏ đòi hỏi lãnh đạo công ty phải có những bước đi sáng suốt.

Nằm ở vùng đất có tiềm năng lớn về sản xuất nông nghiệp, cơ hội mở rộng thị trường đang nằm trong tầm tay của công ty. Thêm vào đó, cùng với nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm và tâm huyết với nghề nông, Phân bón Thần Nông Thanh Hoá đang ngày càng chiếm được lòng tin của bà con nông dân và xây dựng được chữ tín trên thương trường. Đây là động lực để công ty tiếp tục mở rộng năng lực sản xuất - kinh doanh

Bước sang năm 2003, công ty sẽ đưa sản lượng phân bón lên 23.000 tấn, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của đông đảo bà con nông dân, tăng mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên lên 1 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, công ty còn đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tạo ra những loại phân bón mới, góp phần cải tạo chất đất, nâng cao năng suất, tăng sức kháng bệnh cho cây trồng, tạo ra ngày càng nhiều nông sản sạch phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, đưa nền nông nghiệp Thanh Hoá nói riêng và Việt Nam nói chung phát triển bền vững trong tương lai.

Ông Mai Danh Lưu - Giám đốc Công ty Liên doanh Phân bón Thần Nông Thanh Hoá cho biết thêm: "Đi đôi với sản xuất phân bón và nâng cao kỹ thuật, hướng dẫn cho bà con nông dân cách bón phân phù hợp với từng loại cây trồng, từng chất đất,... Công ty sẽ đẩy nhanh việc hình thành những vùng sản xuất nông sản rộng lớn, kết hợp với thu mua nông sản xuất khẩu, vừa phát triển công nghiệp chế biến, vừa tạo đầu ra vững chắc cho các sản phẩm của bà con nông dân, nhằm tiếp tục thực hiện Quyết định số 80/CP của Chính phủ đạt hiệu quả".

Nhân viên của Công ty Phân bón Thần Nông đang phổ biến kinh nghiệm về bón phân cho nông dân.

THANH HOA THAN NONG FERTILISER JOINT-VENTURE COMPANY
DEVELOPING FROM RIGHT INVESTMENT

With the agriculture-based economy and over 80% of the provincial population living on agricu ture production, during the last years, Thanh Hoa has gradually stabilised and ensured food securi ty and geared toward agricultural product exportation, creating impetus for agriculture developmen in the period of industrialisation and modernisation. To make these achievable, apart from seedling and fertiliser production for plants' growth and ensuring food security are crucial and urgent issues

Thanh Hoa Than Nong Fertiliser Joint-Venture Company is one of Vietnamese latest companies engaging in fertilizer production. With the total invested capital of VND seven billion, the company was firstly built in February 2001 and officially came into operation in July 2001 in total area of 2 ha including the warehouse area of 7.000sq.m. The company's equipments and production lines were transferred from Tan Hung - Sai Gon Trade and Service Company with annual designed capacity of 20,000 tonnes.

From right investment orientation

The company is aware that importance and role of fertiliser production are to save time in fertilising, increase cultivation productivity conducive to decrease agricultural product costs and bring high economic efficiency for agricultural production, stabilise ecological environment, increase product quality and ensure people and livestock's health along with improve the intensive cultivation and fertiliser technique for the farmers, consequently establish large agricultural production areas serving provincial consumption and export strategy. Hence, pursuant to Decision 80/CP of the Government, the company join-ventured with Tan Hung -Sai Gon Company to transfer technology and equipment for 3-colour fertiliser production . This is the most advanced fertiliser production technology in northern Vietnam since it surmount limitations of 1-colour fertiliser production technology in other enterprises. After transfer, Than Nong Fertiliser continues to improve technological chains to make fertilisers adaptable to Vietnamese northern land and plants. With such technology, Than Nong fertilisers are produced in the form of single and big pills, so avoidable to chemical interaction in preservation and processing phases. With these pre-eminent characteristics, fertilisers can be easily absorbed and provide plants with lasting nutrition, and fertiliser absorbed efficiency is accordingly enhanced.

Apart from supplying pre-eminent fertilisers for the cultivation sector, Than Nong also focus on technique dissemination for households as it is necessary to provide all plants with sufficient, adequate and timely nutrition. However, each plant requires different nutrition in its different growing periods. If farmers don't perceive this rule, fertiliser will not be fully exploited to bring expected results. To overcome this situation, the company also attaches importance to processing method and detailed instructions on fertilisers' bags. Therefore, during the last period, Thanh Hoa Than Nong Fertiliser Joint-Venture Company has produced variety of fertilizers suitable to each sort of plants and nutrition demand of every growing period. As a result, Than Nong Thanh Hoa has made contribution to improve awareness and technique perception of vast majority of farmers in Thanh Hoa and other adjoining provinces.

Thanks to right development strategy, Than Nong Thanh Hoa trademark has newly been introduced in the market for 2 years but achieved gigantic progress. With the experienced key staff in import-export activities, Than Nong Thanh Hoa has advantageously experienced in market research and

expansion. In the development period, Than Nong Fertilizer has early set out its orientation and the flexible sale mode. The company is ready to deliver its products directly to every household in due or overdue pay, or even accept deduction from purchased agricultural products at the end of crops. In addition, after each production phase, the company seriously draw experiences from intensive cultivation and fertilizer use technique, in order to continuously provide and improve agriculture production knowledge for farmers. Accordingly, farmers can rapidly use Than Nong fertilisers. If in July 2001, when Thanh Hoa Than Nong Fertiliser Joint-Venture Company officially came into production, produced 700 tonnes of fertilizers in its initial operation serving autumn crop, in the next spring and autumn crops, fertilizer production rose 10 times, accounting for 7,000 tonnes. Promoting those achievements, in 2002, the company sold 17,000 tonnes, 13.5 % higher than projected. That success is greater than expected, affirming the company's position in business market and creat farmers' confidence in Thanh Nong fertilizers.

New maize variety fertilised by NPK of Than Nong Fertilizer Company gains high productivity

Adequate investment orientation

Adequate investment orientation, a right way of thinking and doing has brought Than Nong fertilizer initially proud success. First and foremost, the company is expanding chances to boost production-business and increase fertilizer productivity. At the same time, the company leaders must make lucid steps to overcome many challenges.

Located in agricultural potential province, opportunity in extending consumption market is within the reach of the company. Furthermore, thanks to great efforts of experienced and whole-hearted staff, Thanh Hoa Than Nong Fertilizer is day by day gaining farmers' trust and building its credit in the market. It is also an impetus for the company to expand its production - business avalability.

Entering 2003, the company will produce up to 23,000 tonnes of fertilizers, meeting the increasing demand for majority of farmers, raising its staff' per capita income up to VND1million per month. Besides, the company also enhance scientific researches, create new kinds of fertilizers, contribute to upgrade land quality, and intensify the plants' resistance ability and produce increasingly a number of fresh agricultural products for consumption and export, lifting Thanh Hoa and Vietnam agriculture to the stable development in the future.

Director of Thanh Hoa Than Nong Fertiliser Joint-Venture Company Mai Danh Luu added: "Parallel with producing fertilizer and improving technique, instructing farmers on fertilizing suitable to each kind of plan and land, our company will push up establishment of a large agricultural production area, purchase agricultural products, develop processing industry as well as find stable outlets for agricultural products to continue effective implementation of Decision 80/CP of the Government.

CHƯƠNG III: CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

LÀNG NGHỀ MÂY TRE ĐAN XÃ HOẰNG THỊNH

HỨA HẸN MỘT TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG

Nghề mây tre đan không biết có từ bao giờ nhưng theo lời kể của những người già trong làng thì có lẽ, nghề này được hình thành vào thời nhà Nguyễn, khoảng cuối thế kỷ XIX. Trải qua hơn 100 năm tồn tại và phát triển với bao biến cố, thăng trầm, nghề mây tre đan xã Hoằng Thịnh - Hoằng Hoá - Thanh Hoá đang ngày càng khởi sắc, đời sống của người dân làng nghề từng bước được cải thiện bằng chính nghề truyền thống của mình.

Nhìn con đường làng rộng rãi, khang trang, dẫn đến trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Hoằng Thịnh được trải bê tông phẳng lỳ và những ngôi nhà mái bằng, nhà hai, ba tầng còn thơm mùi vôi dọc hai bên đường, chúng tôi cảm nhận được sự thay da, đổi thịt của làng nghề nơi đây. Đón chúng tôi với nụ cười rạng rỡ, vừa dẫn chúng tôi đi một vòng tham quan các cơ sở hạ tầng của xã như: trụ sở uỷ ban nhân dân, trường học, trạm xá,... được xây dựng khang trang, sạch đẹp, ông Chủ tịch xã Hoằng Thịnh vừa hào hứng kể: "Cách đây hơn chục năm, nơi đây còn là một vùng quê nghèo. Nền kinh tế thị trường đã đem lại sức sống mới cho làng nghề, hàng hoá của chúng tôi đã được xuất khẩu ra nhiều nước. Bây giờ chúng tôi đã nghĩ đến chuyện làm giàu".

Nghề mây tre đan đang giúp các hộ dân xã Hoằng Thịnh vươn lên khá giả

Khởi sắc làng nghề

Trong cơ chế bao cấp, do thị trường không lớn nên nghề mây tre đan ở Hoằng Thịnh hoạt động theo kiểu tự sản tự tiêu, chủ yếu lấy công làm lãi, hàng hoá có chất lượng thấp, mẫu mã đơn giản, đa phần tiêu thụ ở các xã quanh vùng, chỉ xuất khẩu được số lượng rất ít sang Liên Xô (trước đây) và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Nhiều người dân trong làng không sống được bằng nghề, phải bỏ ra các thành phố lớn tìm kế mưu sinh, làng nghề có nguy cơ bị mai một.

Bước sang thời kỳ đổi mới, cùng với sự đổi thay của đất nước, làng nghề Hoằng Thịnh cũng có bước chuyển mình mạnh mẽ. Từ năm 1999 đến nay, Hoằng Thịnh đã nhận được nhiều hợp đồng xuất khẩu các mặt hàng như rổ, rá, sọt đựng hoa quả cung cấp cho các thị trường như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc với số lượng lớn. Xác định uy tín, chất lượng là hàng đầu, các nghệ nhân làng nghề mây tre đan Hoằng Thịnh luôn chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã nên các sản phẩm rất đa dạng và phong phú. Hiện có tới 80% số hộ tham gia sản xuất tại nhà, thu hút nhiều lao động nhàn rỗi, từ người già cho tới các em nhỏ. Bên cạnh đó, nhiều tổ hợp tác sản xuất với quy mô lớn đã được hình thành, năng lực sản xuất 40 - 50 nghìn sản phẩm/ngày.

Với sự phát triển của làng nghề, người dân Hoằng Thịnh giờ đây đã sống được bằng nghề với mức thu nhập tương đối ổn định, trung bình khoảng 25 - 30 nghìn đồng/người/ngày, người nào làm giỏi có thể đạt 40 - 50 nghìn đồng/người/ngày. Vào thăm gia đình ông Nguyễn Văn Quỳnh, một nghệ nhân của làng, đồng thời cũng là ông chủ của một tổ hợp tác đang làm ăn rất phát đạt, ông tâm sự: "Nghề mây tre đan ở đây đã thực sự hồi sinh, phát triển nhờ được xuất khẩu đi nhiều nước. Bây giờ bà con đã có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, điều đó đã tạo ra sự yên tâm, cố gắng hết mình vì nghề của người dân nơi đây". So với mặt bằng chung ở Thanh Hoá (thu nhập bình quân đầu người còn rất thấp, chỉ khoảng 4 - 8 nghìn đồng/người/ngày), những gì mà Hoằng Thịnh đã và đang làm được thực sự không phải là nhỏ. Mô hình phát triển của làng nghề Hoằng Thịnh cần được phát huy và nhân rộng trong công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh Thanh Hoá.

Vươn vai cùng đất nước

Cũng như bao làng nghề khác ở Việt Nam, bên cạnh những kết quả đạt được, làng nghề xã Hoằng Thịnh đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng, mà nếu chỉ trông đợi vào "nội lực" của chính quyền xã cũng như bà con nhân dân không thể giải quyết được. Kế đó là việc thiếu mặt bằng phục vụ cho sản xuất và mở rộng sản xuất: hàng làm ra chất thành từng đống, không có chỗ tập kết, không có kho xưởng, phải để ở nhiều nơi gây khó khăn cho khâu vận chuyển. Các tổ hợp, doanh nghiệp muốn mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng kho tàng, đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại để xử lí công đoạn sấy và nhúng dầu sản phẩm cũng "lực bất tòng tâm", "cái khó bó cái khôn". Không mở rộng được quy mô sản xuất, phải duy trì việc sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, Hoằng Thịnh thực sự gặp khó khăn trong việc thực hiện các đơn đặt hàng lớn.

Để khắc phục phần nào những khó khăn trên, trong kế hoạch phát triển làng nghề trong những năm tới, Đảng bộ, chính quyền xã Hoằng Thịnh đã nhóm họp và xác định nghề mây tre đan là nghề mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương; phù hợp với lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động dư thừa, kể cả lao động phụ, góp phần xoá đói giảm nghèo. Trên cơ sở đó, chính quyền xã đã đề ra chủ trương phát triển ngành nghề mây tre đan truyền thống:

1) Nâng cao chất lượng, số lượng, đa dạng và cải tiến mẫu mã, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh.

2) Hoàn thiện việc xây dựng khu trung tâm làng nghề, xây dựng hệ thống giao thông trị giá hơn 2 tỷ đồng. Tổ chức cho các nghệ nhân và lao động kỹ thuật đi học hỏi thêm ở các địa phương khác ngoài tỉnh.

3) Giảm thiểu các đầu mối thu gom cho các doanh nghiệp tư nhân và các công ty xuất nhập khẩu ở nơi khác như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tây, Hải Hưng, Nam Định, tiến tới địa phương thống nhất tổ chức quản lí mặt hàng này thành một mối.

4) Khuyến khích thành lập các công ty, tổ hợp tác, kêu gọi đầu tư, tạo hành lang pháp lí thuận lợi, cho thuê mặt bằng, miễn giảm thuế để kích thích, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và các công ty.

Chính sách hội nhập và phát triển kinh tế về thương mại và dịch vụ của Nhà nước đang mở ra cơ hội cho các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp nói chung và các mặt hàng mây tre nói riêng có điều kiện phát triển mạnh hơn, góp phần giải quyết việc làm, giúp người dân làng nghề có cuộc sống ổn định. Vì vậy, việc đưa ra các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ, chính quyền xã Hoằng Thịnh là kịp thời và đúng đắn, giúp người dân ý thức rõ hơn trong việc phát triển kinh tế làng nghề, tạo tâm lí đoàn kết, cố gắng nâng cao tay nghề, hoàn thiện về chất lượng, đa dạng về mẫu mã để vươn tới những thị trường lớn hơn ở trong và ngoài nước.

CHAPTER III: TRADITIONAL OCCUPATION VILLAGES

HOANG THINH TRADITIONAL OCCUPATION VILLAGE OF RATTAN-BAMBOO WEAVING

PROMISING A BRIGHT FUTURE

Rattan-bamboo weaving occupation has been existed for a long time without certain time of being born, but according to the elderly of the village, this handicraft might be born in Nguyen dynasty, late of 19th century. Over 100 year of existence and growth with ups and downs, rattan-bamboo weaving occupation in Hoang Thinh Village, Hoang Hoa District, Thanh Hoa Province has increasingly developed and brought about people's gradually improved lives.

Feasting our eyes on the scene of wide concrete road leading to Hoang Thinh village People's Committee head office and newly-built flat-roofed houses, two and three storied houses along road's sides, we deeply felt the positive changes of the village. Greeting us with a radiant smile, Chairman of Hoang Thinh Village said eagerly: "Over 10 years ago, this village was still poor. But market economy has brought about vitality to it; our goods have been exported to many countries. That makes us think about getting rich".

Prosperity from traditional occupation village

Due to small market in the subsidiary mechanism, rattan-bamboo weaving occupation in Hoang Thinh operated under the self-produced and self-consumed mechanism and mainly making little benefit from work. That made low-quality and simple-model products, which were mostly consumed in adjacent villages and to the Union of Socialist Soviet Republics (formerly) and Western European Socialist Republic countries with the very little amount. A large number of the village's people could not support their life by the traditional occupation, hence, left to big cities to earn their living, causing the danger of oblivion of the traditional occupation.

Along with changes nation-wide in Doi Moi (renovation), Hoang Thinh traditional craft village has undergone a vigorous change. Since 1999, Hoang Thinh has signed many contracts for export of the large amount of weaving varied baskets to the Japanese, Korean, Taiwan and Chinese markets. Considering prestige and quality the top, the village's craftsmen have always attached special importance to both quality enhancement and model improvement resulting in various products. Presently, there are 80% households having private production at home, attracting numerous leisured labourers at any age. Besides, large-scale production combinations have been formed with the daily capacity of 40 - 50 thousand products.

Thanks to the development of the traditional craft village, Hoang Thinh's people presently can live on traditional occupation with considerable per capita average income around 25-30 thousand VND a day and 40-50 thousand VND for skilful artisans. We visited family of Nguyen Van Quynh, a craftsman of the village and owner of a thriving production combination. He said "Rattan-bamboo weaving in this village has been completely revived and developed as

products have been exported to many countries. Inhabitants' stable income from the traditional craft has created their comfortableness and efforts to the craft". Compared to daily per capita average income of Thanh Hoa people in general (of about 4-8 thousand VND), Hoang Thinh's achieved results for years are considerably significant. The development model of Hoang Thinh traditional occupational village should be promoted and enlarged for Thanh Hoa's economic development.

Developing together with the nation

Like other occupational villages in Viet Nam, Hoang Thinh, apart from its achievements, is facing with seriously polluted environment, which can not be solved by the "internal strengths" of the village authority and inhabitants. In addition, lack of site for production and production enlargement results in shortage of space to store untidy piles of products, causing difficulties to transportation. Moreover, production co-operations and businesses, which want to extend their production scale, build stores and buy updated equipment for drying process and soaking products in oil, fall into the situation of "the spirit is willing but the flesh is weak" and "adversity holds back wisdom". Unable to enlarge production scale and but obliged to maintain small-scale production, Hoang Thinh is facing difficulties in carrying out big orders.

To partly overcome those difficulties, in its future development plan, Hoang Thinh Party Committee and authority have discussed and defined rattan-bamboo weaving the key occupation in the local socio-economic development, suitable to rural labourers, creating employment to thousands of idle labourers and sub-labourers, contributing to hunger eradication and poverty alleviation. Accordingly, the village authority has set the targets to develop the rattan-bamboo weaving traditional craft as follows:

1) Increasing quality and quantity, diversifying and improving styles, satisfying customers' taste and lowering products' prices for competition.

2) Complete setting up traditional occupation centre and building transportation system worth more than VND two billion. Facilitating craftsmen and skilled labourers to learn from the areas outside province.

3) Minimising the purchasing points that collect products for private enterprises and import - export companies in Ha Noi, Ho Chi Minh City, Ha Tay, Hai Hung and Nam Dinh, striving to manage the products consistently and comprehensively.

4) Encouraging establishment of companies and production co-operations, luring investment, creating favourable legal framework, leasing land, exempting and reducing tax to impulse and facilitate business of the investors and companies.

The State's integration and economic development policies in trade and services are bringing about opportunities for handicraft in general and rattan-bamboo weaving products in particular to stronger develop, contributing to creating employment, helping the people in the traditional occupation village to lead a stable life. Therefore, socio-economic development policies issued by Hoang Thinh administration are timely and appropriate, helping the people be aware of traditional occupation village's economic development, creating solidarity among them, improving professional skills and perfecting quality and diversifying models to approach bigger local and international markets.

NGHỀ CHẠM KHẮC ĐÁ NÚI NHỒI

THỔI HỒN VÀO ĐÁ

Đến thăm làng nghề chạm khắc đá núi Nhồi, chúng ta dường như lạc vào một thế giới huyền ảo với những vườn tượng thật kỳ thú. Lặng ngắm hàng trăm, hàng nghìn pho tượng, phù điêu, các mẫu vật bằng đá hết sức tinh xảo được trưng bày trong một khung cảnh rất ấn tượng, lòng thầm cảm phục những người thợ, những nghệ nhân với đôi bàn tay tài hoa, khéo léo đã "thổi hồn" vào đá.

Theo ghi chép và những hiện vật còn lại đến nay, có lẽ nghề chạm khắc đá ở núi Nhồi có từ thời Nhà Lý. Nhắc đến nghề làm đá ở Thanh Hoá, người dân ở đây lại nhớ đến núi Nhồi, bởi sản phẩm của làng không chỉ bền, đẹp, mẫu mã phong phú mà còn trang trí họa tiết hết sức tinh xảo. Các nghệ nhân làng Nhồi, từ xưa đến nay, đã tạo ra nhiều loại hình sản phẩm như: đồ thờ cúng, đá xây dựng (đền đài, thành quách, nhà thờ, chùa chiền....), tượng đá, bia đá.... Những sản phẩm của làng Nhồi mang đậm phong cách và giá trị truyền thống cũng như tư tưởng văn hoá của làng nghề, góp phần tạo nên nhiều công trình có giá trị văn hoá, nghệ thuật bằng đá.

Danh tiếng làng nghề

Hiện nay, nghề chạm khắc đá thủ công ở Thanh Hoá chủ yếu tập trung ở làng Nhồi thuộc xã Đông Tân - huyện Đông Sơn. Vùng đất này có nhiều điều kiện lí tưởng để hình thành và phát triển nghề chạm khắc đá: có nguồn nguyên liệu dồi dào với nhiều loại đá quý hiếm ít thấy trên đất nước ta. Từ xa xưa, vẻ đẹp và chất lượng đá ở đây đã được sử sách ghi nhận: "Sắc đá óng ánh như ngọc lam, chất xanh biếc như khối nhạt". Chính từ những loại đá chất lượng cao như vậy, những nghệ nhân nơi đây với đôi tay khéo léo đã làm ra những sản phẩm nổi tiếng còn lưu truyền cho tới tận ngày nay: "Ví như dẽo thành khánh, đánh lên thì ngân tiếng muôn dặm, dùng làm bia văn chương để lại thì còn mãi muôn đời". Ngoài ra, vị trí địa lí thuận lợi cũng tạo điều kiện để sản phẩm đá làng Nhồi có cơ hội lưu thông: ven sông (Nhà Lê), cạnh núi (An Hoạch, núi Nhồi).

Song cũng như số phận của nhiều làng nghề truyền thống khác, làng chạm khắc đá núi Nhồi cũng có lúc thăng trầm. Sau ngày giải phóng, làng nghề tuy vẫn tồn tại nhưng do tình hình lúc đó còn nhiều khó khăn, sản phẩm đá mỹ nghệ các loại không tìm được thị trường khiến nhiều thợ, nhất là thợ trẻ phải chuyển sang làm nghề khác. Đến đầu năm 1980, cả làng chỉ còn vài chục hộ hành nghề.

Năm 1986, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, chuyển đổi nền kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh chung có nhiều thuận lợi, làng nghề chạm khắc đá núi Nhồi có cơ hội phát triển mạnh. Đầu những năm 1990, cả làng đã có hàng trăm hộ với khoảng 500 lao động làm nghề. Đến nay, nghề đá chạm khắc đá mỹ nghệ ở núi Nhồi đã trở thành nguồn thu nhập chính của hơn 90% số hộ gia đình ở đây, thu hút được nhiều lao động, kể cả lao động phụ như người già và các em nhỏ. Trò chuyện với chúng tôi, ông chủ tịch xã Đông Tân cho biết: "Năm 2002, toàn xã có 520 lao động làm nghề chạm đá truyền thống, thu nhập bình quân là 0,8 - 1 triệu đồng/người/tháng, quanh năm đều có việc làm". Sản phẩm đá mỹ nghệ của làng Nhồi có chất lượng rất cao, mẫu mã phong phú, đa dạng rất được khách hàng nước ngoài ưa chuộng.

Những năm gần đây, cùng với sự tồn tại của nghề chạm khắc đá ở núi Nhồi, nghề đá

và sản xuất vật liệu xây dựng ở Đông Sơn cũng đang trên đà phát triển mạnh. Tiêu biểu là làng đá và sản xuất vật liệu xây dựng ở Đông Hưng (Đông Sơn) với nhiều nghành nghề mới như khai thác và sản xuất đá ốp lát, đá 1x2, 4x6. Đá của Đông Sơn đa dạng về màu sắc từ đen tuyền, vân mây, trắng xám, vàng chanh được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng. Trên địa bàn huyện Đông Sơn, 10/20 xã có núi đá, đặc biệt các xã phía Tây Nam huyện như Đông Tân, Đông Hưng, Đông Vinh, Đông Quang, Đông Văn; có ba cụm núi đá các bon nát là núi Vức, núi Nhồi, núi Nấp với tổng diện tích là 104ha, trữ lượng 44.179.000 m^3. Ngoài ra còn có cụm núi Đông Nam, Đông Phú với trữ lượng khai thác chưa đáng kể. Hiện nay, đá ốp lát, đá mẻ của Đông Sơn là mặt hàng nổi tiếng ở trong nước và đã được xuất khẩu sang nhiều thị trường như: Bỉ, Hà Lan, Hàn Quốc, Nga, Italia. Đến nay, toàn xã Đông Hưng có có 3 doanh nghiệp tư nhân, 3 công ty, 2 hợp tác xã, 27 tổ hợp và hàng trăm hộ gia đình làm đá, doanh thu bình quân đạt 26 tỷ đồng/năm, kim nghạch xuất khẩu đạt 21 tỷ đồng (1,45 triệu USD), thu hút 2.500 lao động (chiếm 70% lao động toàn xã).

Có thể nói, nghề chạm khắc đá truyền thống và nghề sản xuất đá vật liệu xây dựng ở Đông Sơn nói chung đang có tiềm năng và cơ hội rất lớn để phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi như: nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao, đội ngũ thợ lành nghề.... Đông Sơn cũng gặp muôn vàn khó khăn trong việc duy trì, ổn định và tiếp tục phát triển nghề truyền thống trước ngưỡng cửa hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Để làm được điều này, ngoài sự nỗ lực cố gắng của chính quyền và nhân dân địa phương, cần có sự hỗ trợ và quan tâm đúng mức của các bộ, ban, ngành và lãnh đạo tỉnh Thanh Hoá.

Đưa vẻ đẹp của đá đi xa

Năm 2002, có hàng trăm đoàn khách quốc tế đến thăm làng nghề ở huyện Đông Sơn, trong đó 85% mua ngay hoặc đặt hàng từ vài trăm đến hàng chục nghìn USD. Ngoài những khách hàng truyền thống như: Nga, Pháp, Hà Lan, Nhật Bản.... sản phẩm đá mỹ nghệ làng Nhồi đang tìm cách vươn tới những thị trường mới đầy tiềm năng như: Liên minh châu Âu (EU), Mỹ. Muốn làm được điều này, ngoài việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm, cần có sự đầu tư quan tâm của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các ban ngành có liên quan như: Cục Xúc tiến Thương mại, hệ thống ngân hàng.... Sự hỗ trợ của các ban, ngành là rất cần thiết để làng nghề chạm khắc đá và sản xuất đá vật liệu xây dựng ở núi Nhồi có cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế, chính quyền và người dân ở đây cũng cần phải hết sức quan tâm đến việc bảo vệ môi trường. Vì hiện nay, ở các làng nghề nói chung, tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày một trầm trọng. Đặc biệt là các làng nghề làm đá, tình trạng ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động. Các chỉ số về môi trường như: tiếng động, khói bụi, nguồn nước thải.... đang vượt nhiều lần mức cho phép.

Chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và xu hướng hội nhập kinh tế thế giới đã tạo nên sức sống mới cho nền kinh tế nói chung và kinh tế làng nghề thủ công mĩ nghệ nói riêng. Nắm bắt được điều này, Đảng bộ, Uỷ ban nhân dân các xã: Đông Tân, Đông Hưng.... đã nhóm họp và đưa ra các giải pháp hợp lý như: tiến tới thống nhất tổ chức quản lý mặt hàng này thành một mối, khuyến khích thành lập các công ty, tổ hợp tác, tạo hành lang pháp lí thuận lợi, miễn giảm thuế để thu hút vốn đầu tư. Mặt khác, việc đầu tư xây dựng, quy hoạch khu làng nghề thành nơi sản xuất tập trung, hiện đại là rất cần thiết, vì như vậy vừa thuận lợi cho việc sản xuất, vận chuyển hàng hoá vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo sức khoẻ cho nhân dân trong vùng.

Hy vọng rằng, với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, danh tiếng của làng nghề chạm khắc đá núi Nhồi sẽ không chỉ ở trong sách vở mà vẻ đẹp tinh xảo của những sản phẩm đá nơi đây sẽ hiện hữu trong từng nếp nhà Việt Nam và được bạn bè thế giới tôn vinh.

STONE CRAFT OF NHOI VILLAGE

GOLDEN HANDS MAKE STONE SOUL

Coming to the stone engraving village of Nhoi Mountain, visitors shall be surprised by a world of wonders with thousands of mysterious statues. Amazingly gazing at the beauty of thousands of stone statues, embossments and thousands of objects made of stone that are being displaying openly under the sky, no one cannot help to admire artisans of gold hands who have put their soul into lifeless stones.

Depending on remained ancient documents and objects, the stone engraving in Nhoi Mountain appeared since the Ly dynasty (1009-1225). Speaking about the stone engraving in the coastal central province of Thanh Hoa always reminds every connoisseur about stone works of Nhoi village because they fascinate all of us not only with extremely fine lines but also with plentiful models. From generation to generation, artisans of Nhoi village have long created varied works such as worshipping objects, stone statues, grave stones and building stones for constructions of palaces, citadel and rampart, temples, churches, etc. These works fully carry the national tradition style and value as well as thoughts and cultural ideology of the Vietnamese people, making great contributions to create a number of cultural, artistic and religious constructions.

Fame of the village

The stone engraving in Thanh Hoa now mostly concentrates in the village of Nhoi, Dong Tan commune, Dong Son District, enjoying ideal conditions for the establishment and development of this special career. For example, the availability of plentiful source of valuable and rare stones those are scarce in Vietnam. The beauty and quality of stones here have long been seen acknowledged in ancient historical documents such as "Sparkling stones like deep blue pearl". With such aristocratic stones and their own golden hands, the artisans here have created thousands of well-known works that have long passed from generations to generations: "once they pare gongs, the sound shall modulate far away; once they pare literature monuments, these works shall be everlasting from generation to generation". Furthermore, the convenient location (near Nha Le river, An Hoach and Nhoi mountains) also facilitate trade of stony works of Nhoi village.

Sharing the same face with many other traditional trade villages nation-wide, Nhoi village has, sometimes, experienced ups and downs periods. After Vietnam liberation, there was no consumption market for stone engraving works of the village, consequently, hundreds of handicraftsmen, particularly young ones, were forced to change their job for their own survive. Early 1980, there were only tens of households pursuing the craft.

And then, thanks to favourable circumstances from the Doi Moi (innovation) policy of the Party and State as well as economic conversion into gradually shifted to the socialistic-oriented market one, the stone engraving village of Nhoi has started to recover since 1986. Early 1990s, hundreds of households with about 500 skilled laborers engaged in developing their traditional craft. This occupation has, so far, become a major tool of living for over 90% of households in the village and generated jobs for all most every one here including the elderly old-age persons and chil-

dren. Fine art stony pit should be noted that products of the village become a favorite of the oversea consumers for their high quality and various models. "In 2002, there are 520 stone engravers in the entire commune with per capita average income of 0.8 – 1 million/month and year-round employment, said the Chairman of Dong Son Commune.

In recent years, parallel with the stone engraving in Nhoi village, the building material production of Dong Son is also on the sharp progress. Typical example is the stone exploitation and building material production in Dong Hung, Dong Son with many new products such as ashla facing stone of 1X2 and 4X6. Both domestic and international clients are really interested in stone products of Dong Son because of their variety of colours from shiny black, celedon, grey bright to light yellow. Ten out of 20 communes of Dong Son district have rocky mountains, especially south-western communes of Dong Tan, Dong Hung, Dong Vinh, Dong Quan and Dong Van, main carbonic mountain branches with the gross acreage of 104 hectares and the reserves of 44,179,000cu.m are located in Vuc, Nhoi, and Nap. In addition, there are another branches of Dong Nam and Dong Phu with inconsiderable exploited reserves. So far, ashlar facing stone and rubble of Dong Son has become popular locally and exported to many foreign markets of Belgium, Holland, South Korea, Russia, Italy, etc. Up to now, Dong Hung has three private businesses, three companies, two cooperatives, 27 groups and hundreds of families engaging in the stone production with annual revenue of VND 26 billions, export turnover of VND21 billion (USD 1.45 million), attracting 2,500 workers or 70% of the commune's labour force.

Likely to say, both the traditional stone engraving and construction material production in Dong Son are having prosperous futures. However, despite of its abundant and high-quality materials, skilful workers, etc, Dong Son has series of difficulties in maintaining and speeding up the traditional handicraft due to the pressure of the ongoing integration of Vietnam into the global economy. Therefore, out of internal forces, further due assistance of Thanh Hoa authorities and branches to Dong Son is extremely important to ensure a stable development of this district.

Boosting up expert of stony products

In 2002, hundreds of international visitor groups came to craft villages of Dong Son, eighty-five percent of whom directly bought or ordered for the local products valued up to ten thousands of U.S. dollars. Apart from trading with traditional partners of Russia, France, Holland, Japan, etc., the district is making efforts to export its products to new markets of the United States, European Union, etc. To make this attainable, parallel with product quality improvement, style diversification and cost reduction, more helps by the Provincial Executive Party Committee, People's Committee and concerning bodies such as Trade Promotion Department and banks are of necessity for the craft's further development. Not only developing the economy, the district authority and people also need to give the utmost care to the environment protection in the region because the pollution is sharply increasing in handicraft villages up to warning levels in the stone craft village in particular. Indicators of noise, smoke, and sewage, are exceeding the possible standards.

The Doi Moi policy of the Party and the State together with the ongoing integration into the global economy are generating the new vitality to the whole economy in general and handicraft villages in particular. Striking while the iron is hot, the provincial executive committee of the Party and commune People's Committees of Dong Tan, Dong Hung, etc have achieved some following agreements: "Strive to achieve the unity of managing local products, promote the foundation of the companies, collectives, create favourable legal framework, exempt and cut taxes to attract more investment". Moreover, the planning and construction of handicraft villages into modern production zones are obviously necessary for the development of production and transportation as well as environment and local people's health protection.

Hopefully, once mentioned measures are undertaken synchronously, they shall blow up the fame of stone engraving village of Nhoi mountain far and wide and the beauty of traditional products of this locality shall exist more and more in both Vietnamese and overseas families.

CHIẾU CÓI NGA SƠN

HY VỌNG VÀO TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP HƠN

Nói đến Thanh Hoá, không ai là không biết chiếu cói Nga Sơn, một sản phẩm nổi tiếng của vùng đất ven biển này, vật biểu trưng cho niềm hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau,... Chiếc chiếu nổi tiếng đã được lưu truyền qua bao đời, bao thế hệ trên khắp mọi miền của đất nước. Nó nổi tiếng đến mức đã đi vào câu ca dao, tục ngữ của người Việt Nam:

Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông

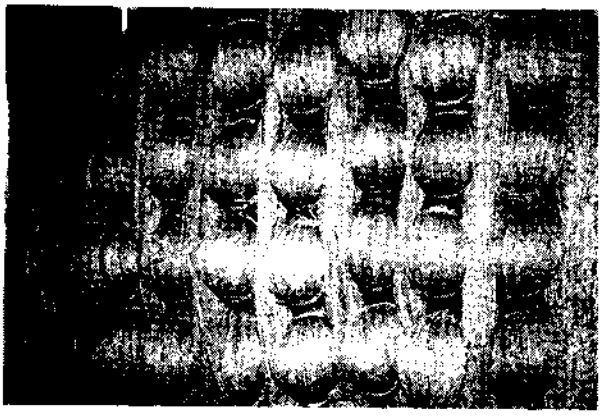

Cói thành phẩm

Nga Sơn là vùng đất nằm sát biển, cách thành phố Thanh Hoá 40km về hướng Đông Bắc. Với 8 xã nằm dọc bờ biển là một vùng triều mầu mỡ, ngoài trồng sú vẹt, mảnh đất này chỉ trồng được một loại cây duy nhất là cói, dệt nên chiếu Nga Sơn - niềm kiêu hãnh của vùng quê này.

Một thời vang bóng

Cói Nga Sơn nổi tiếng là sợi nhỏ, dai, óng mượt. Điều đặc biệt ít có nơi nào có thể trồng được loại cói dài như ở vùng này, loại cói chuyên dùng để dệt nên những tấm chiếu vừa đẹp lại vừa bền.

Theo lời các cụ kể lại, ngày xưa, chiếu cói Nga Sơn cùng chiếu cói của Kim Sơn (Ninh Bình) là một trong những vật cống tiến triều đình, được các bậc vua chúa, quý tộc ưa dùng. Trải qua hơn 150 năm tồn tại với không biết bao nhiêu thăng trầm, giờ đây, người dân Nga Sơn không đơn thuần chỉ dệt chiếu cói, nhiều sản phẩm từ cói đã được đôi bàn tay tài hoa, khối óc giàu tính sáng tạo của những người thợ đã "nâng đời" trở thành những mặt hàng thủ công mỹ nghệ với những nét hoạ tiết, văn hoa khác nhau dành cho xuất khẩu. Những tấm thảm lót sàn, chiếu xe đạp, làn, dép đi trong nhà, đồ dùng trang trí,... đã có mặt tại thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Nhưng không phải đến tận bây giờ, cây cói mới trở thành thế mạnh của kinh tế Nga Sơn mà ngay từ những năm 1965, những chiếc chiếu đậu, chiếu hoa, cùng các mặt hàng từ cói đã xuôi ngược khắp các nẻo đường đất nước từ những làng quê lên thành phố, từ những ngõ nhỏ lắt léo đến những đường phố lớn, từ bắc vào nam,... xa hơn nữa là thị trường các nước trên thế giới, chủ yếu là thị trường Đông Âu. Theo ông Hoàng Đình Long - người xã Nga Liên: "Lúc cao điểm, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Đông Âu đạt trên 30 tỷ đồng, đưa Nga Sơn đã trở thành huyện có kim ngạch xuất khẩu cói lớn nhất cả nước".

Vượt qua khó khăn

Nổi tiếng như vậy, nhưng do không lường hết được những khó khăn về thị trường, nên khi hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, những năm đầu của thập niên 90 (thế kỷ XX), chiếu cói Nga Sơn mất dần thị trường, dân vùng trồng cói lao đao trong cơn bĩ cực. Đứng trước tình hình đó, chính quyền và nhân dân trong huyện đã cùng nhau tìm hướng đi mới để phát triển nghề cói ở đây.

Theo đó, chính quyền sở tại đã ban hành nhiều

nghị quyết, cơ chế thúc đẩy nghề dệt cói phát triển, còn nhân dân trong huyện dựa vào những định hướng, nghị quyết đó để tổ chức sản xuất và tìm kiếm thị trường. Bước đầu, toàn huyện Nga Sơn tập trung vào thị trường trong nước và từng bước tiếp cận thị trường Trung Quốc, tiếp đó là Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và thị trường Bắc Âu. Giờ đây, Nga Sơn không chỉ có chiếu cói mà còn có hàng chục mặt hàng thủ công mỹ nghệ khác nhau. Trong đó, việc khai thác thị trường Trung Quốc đã mở ra hướng xuất khẩu chiếu cói mới. Bởi Trung Quốc là thị trường có những nhu cầu lớn về cói xe (cói sơ chế), hiện đang chiếm trên 50% tổng sản lượng chiếu cói hàng năm tại Nga Sơn. Mỗi tuần có hơn mười tấn hàng được đưa xuống tàu biển xuất sang Trung Quốc. Nhờ tìm được đầu ra, đến nay, toàn huyện đã có trên 9.600 cơ sở sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp, trong đó chủ yếu là các mặt hàng về cói.

Những năm gần đây, do người dân đã biết áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trồng cói nên đã tạo được giống mới có thể chịu mặn, chịu chua, cho năng suất cao, chất lượng đảm bảo về độ dai, bền và độ dài (trên 2m). Cũng giống như lúa trồng một năm hai vụ, cói vụ chiêm đầu tháng 5 và cói vụ đông vào tháng 10 hàng năm. Nhờ biết vận dụng tốt các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nên trong cả vụ, người nông dân chỉ tốn công bỏ phân vào đầu vụ và vài lần làm cỏ, sau 4 - 5 tháng là có thể thu hoạch được. Tại các xã Nga Liên, Nga Thanh, Nga Hải,... người dân nơi đây đang phấn khởi về những cánh đồng cói và nghề sản xuất cói của mình.

Hiện nay, cói nguyên liệu và cói thành phẩm không còn ế ẩm như trước nữa. Nếu một hecta đất nông nghiệp nuôi trồng các loại cây, con khác mỗi năm cho thu hoạch 20 - 25 triệu đồng mà vẫn khó khăn thì một hecta cói lại cho thu nhập nhiều gấp 1,5 - 2 lần, thậm chí nếu là cói chất lượng cao thì có thể gấp đôi hoặc gấp ba lần.

Theo nhận xét của ông Đặng Duy Cương - Bí thư Huyện uỷ Nga Sơn: "Từ khi huyện uỷ đưa ra chính sách khuyến khích tất cả các xã, kể cả các xã vùng lúa, vùng màu phát triển tiểu thủ công nghiệp thì diện mạo của huyện đã đổi khác. Từ trung tâm huyện lỵ vòng qua các xã Nga Thanh, Nga Tân, Nga Liên, đâu đâu

Người dân Nga Sơn đang ôm mộng làm giàu từ những cánh đồng cói

cũng có thể nghe thấy tiếng rộn ràng của máy se sợi, tiếng go dệt chiếu. Có thể nói, chủ trương đa ngành nghề đã thật sự ngấm sâu vào từng hộ gia đình". Trong mỗi gia đình, hầu như mỗi người đều có một nghề, mà mỗi nghề lại có vô vàn những sản phẩm mà điển hình nhất vẫn là nghề cói: chiếu cói, thảm cói, cói quay,...

Vẫn cứ là đầu ra

Việc phát triển tiểu thủ công nghiệp đã giúp huyện Nga Sơn khai thác tốt các tiềm năng, nhất là tiềm năng về nguồn lao động dồi dào. Chỉ tính riêng ba doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn huyện là Việt Trang, Hoàng Long, Huy Hoàng đã thu hút được khoảng trên 600 công nhân tập trung và hàng chục nghìn lao động gián tiếp, cùng hàng trăm tổ hợp tác. Mức thu nhập bình quân của người làm cói đạt 400 - 500 nghìn đồng/tháng, thậm chí cao nhất có người lên đến 1,5 - 2 triệu đồng/tháng. Hiện nay, người dân Nga Sơn đang nhờ vào những cánh đồng cói để ôm mộng làm giàu.

Mặc dù nghề cói đang có cơ hội phát triển, nhưng người dân Nga Sơn cũng chưa hết lo. Theo ông Dương Đình Dịu - Giám đốc Công ty Huy Hoàng: "Hiện nay, việc xuất khẩu cói vẫn do các cơ sở tư nhân tự tìm đầu ra, chưa có cơ quan nhà nước nào đứng ra giúp nhân dân trong huyện thu mua cói để xuất khẩu. Bên cạnh đó, việc tiếp cận các thị trường lại càng khó khăn hơn, do thường phải thông qua các trung gian, dẫn đến những thiệt hại không đáng có cho các nhà sản xuất: sản phẩm làm ra thường bị ép giá, rủi ro cao là chuyện tất yếu. Thêm nữa, công

nghệ sản xuất cói hiện vẫn còn mang tính thủ công, năng suất không cao, khó có thể đáp ứng được yêu cầu của các thị trường khó tính như EU".

Nói về tương lai phát triển của cói Nga Sơn, ông Hoàng Thế Dân - Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện Nga Sơn - cho biết: "Trong thời gian tới, huyện chúng tôi vẫn coi nghề làm cói là ngành sản xuất mũi nhọn, dự tính sẽ đưa cây cói đi khắp các xã trong huyện, kể cả các xã vùng màu, vùng trũng để nâng diện tích cây cói. Ngoài ra, hướng phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp của chúng tôi là gắn việc mở rộng làng nghề với quy hoạch vùng nguyên liệu cói, kết hợp với sản xuất theo mô hình hợp tác xã, củng cố và tăng năng lực sản xuất của các xí nghiệp, tiến tới hình thành các cụm tiểu công nghiệp và làng nghề, mở đầu là cụm Nga Mỹ. Hiện nay, Nga Sơn đang hình thành và tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các thành phần kinh tế tham gia phát triển tiểu thủ công nghiệp như: miễn thuế đất 5 năm cho các doanh nghiệp, các cá nhân đầu tư vào cụm tiểu thủ công nghiệp làng nghề, hỗ trợ 20% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài khuôn viên cụm công nghiệp. Đối với các vùng đất chiêm trũng, đất mầu, cơ sở sản xuất nào thu hút được khoảng 50 lao động trở lên, liên tục ổn định trong một năm sẽ được huyện hỗ trợ kinh phí ban đầu 50.000 đồng cho mỗi lao động. Các sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả kinh tế, được nhân dân áp dụng rộng rãi sẽ được các cấp chính quyền khen thưởng."

Chiếu cói Nga Sơn đã dệt nên tiếng thơm ngàn đời cho vùng đất ven biển Nga Sơn. Mong rằng, trong tương lai không xa, việc phát triển ngành nghề truyền thống sẽ gắn liền với phát triển ngành du lịch sinh thái và các danh lam thắng cảnh huyền ảo mà thiên nhiên ban tặng cho vùng đất Nga Sơn, góp phần làm giàu cho vùng cói ngút ngàn này.

NGA SON SEDGE MAT

HOPE FOR A BRIGHTER FUTURE

Thanh Hoa often makes people think of Nga Son sedge mat - a famous product of this coastal area, an item representing the young loving couple's happiness. The well-known mat has been handed down from one generation to another across the country. The mat is so renowned that it has gone down into the folk songs and sayings by Vietnamese:

Nga Son mat, Bat Trang brick
Nam Dinh silky cloth, Ha Dong silk

The coastal district of Nga Son is located close to the sea, 40 km far from Thanh Hoa city in the Northeast. With eight communes lying along the fertile coastal area, this land, apart from aegiceras cultivation, is only available to plant sedge, which is used to weave Nga Son mats - a pride of this homeland.

Ever illustriousness

Nga Son sedge is famous for its shinning, tough and small fibres. Specifically, only a few of places can plant the long sedge as this land, the kind of sedge is specially used to make beautiful and durable mats.

As told by old people, in the past, Nga Son sedge mats together with Kim Son ones (Ninh Binh) are among the offerings to the court favoured by kings, lords, princes and aristocrats. Over 50 years of innumerable ups and downs, presently, Nga Son people do not simply weave sedge mats but a lot of sedge products have been made by workmen' skilful hands and creative heads to "upgrade them to a new life" and become handicraft items with differently patterned flowers for export. The carpet for floor or

automobile seats, hand-baskets, slippers used indoors and decorative items etc have been introduced on the markets of Japan, South Korea and China.

Not until now, sedge tree just becomes a superiority of Nga Son's economy, but right from early 1965, plain and flowered mats together with other sedge products have reached every corner of the country, from villages to cities, from twisting small alleys to large streets, from the North to the South.... and further, to the markets of Eastern Europe. According to Hoang Dinh Long, a man from Nga Lien commune, "At the peak time, Nga Son's export turnover to Western European market achieved over VND30 billion, turning Nga Son into a district with the largest sedge export turnover nation-wide".

Overcoming difficulties

Being so famous, however, due to unforeseeable market difficulties, when the system of socialist countries in Eastern Europe collapsed in early 1990s, Nga Son sedge mat gradually lost its market and the local people in sedge planting areas confronted a range of hardships with misfortune. Facing that situation, the district's authorities and people altogether hunted for a new way to develop sedge occupation.

Accordingly, the local authorities have promulgated a number of resolutions and orientations on boosting sedge weaving occupation development; and the district people in the light with those resolutions and orientations have performed production and looked for markets. Initially, the entire district of Nga Son focused on the domestic market and made a step-by-step approach to the markets of China, next Taiwan, South Korea, Japan and Northern European market. Currently, Nga Son has not only sedge mats but also tens of different handicraft items. In which, the exploitation of Chinese market has opened new direction for sedge mat export because preliminary processing sedges in China are of high demand, making up over 50% of the total annual sedge mat productivity in Nga Son. More than ten thousand tonnes of goods are weekly exported to China by vessels. Thanks to finding out

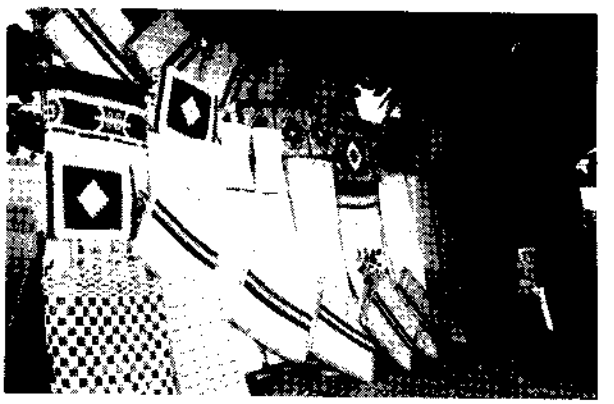

Sedge products made by Nga Son people have become well-known locally and internationally

consumption market, so far, the entire district is home to more than 9,600 production establishments for handicraft products, most of which are made from sedge.

In recent years, the local people have applied scientific and technological advances to sedge planting, which helps generate new varieties resistible to saltiness and sourness, bringing about high productivity and quality with toughness, durability and length (over two metres). Like yearly two-crop rice, spring crop sedge is planted in early May and winter crop sedge in October every year. Owing to well application of scientific and technological advances, during the crops, it costs farmers little labour to fertilize at the beginning of the crop and weed for some times, the harvest time will come after four or five months. In the communes of Nga Lien, Nga Thanh, Nga Hai,.... the local people are satisfied with their sedge fields and sedge production occupation.

Presently, finished product and material sedge is no longer unmarketable. If one hectare of agricultural land for planting various trees and raising animals hardly generates yearly turnover of VND20 - 25 million, one hectare of sedge will increase income of 1.5 - 2 times, even tripled in case of high sedge quality.

According to the comments of Nga Son District Party Committee Secretary, Dang Huy Chuong: "Ever since the district Party committee put forward the incentive policy for all communes including the planting rice and other crops to intensify handicraft,

the district's image has changed. The sounds of bustling sound from fibre making machine and the sound of mat weaving woof are heard everywhere, from the district centre to the communes of Nga Thanh, Nga Tan and Nga Lien. Likely to say, the multi-occupational policy has been thoroughly grasped by every household". In each family, almost each member has their own occupation with incalculable products, the most popular of which is made from sedge: sedge mat, sedge carpet etc.

Output still remains a problem

Handicraft development has helped Nga Son well exploit potentials, especially abundant labour force. Only three private-owned enterprises being Viet Trang, Hoang Long, Huy Hoang in the district have lured over 600 concentrated workers and tens of thousands of indirect labourers in addition to hundreds of co-operative groups. Per capita monthly income of sedge makers reaches VND400 - 500 thousand, even of VND1.5 - 2 million. Currently, Nga Son people are dreaming of enriching themselves thanks to sedge fields.

In spite of development opportunity of sedge occupation, the district people can't get rid of worries yet. The Director of Huy Hoang Company Duong Dinh Diu, said:" Presently, seeking customers to export sedge is still carried out by private-owned establishments, no State-owned body takes responsibility in helping the district people collect sedge for export. Besides, the approach to demand market gets more difficult, therefore, it's often done by middleman, leading unearned losses for producers: finished products usually suffer from forced price, high risk is unavoidable. Moreover, present sedge producing technology is still hand-made, resulting in low productivity, difficult to meet the requirements of demanded markets like EU".

Talking about development future of Nga Son sedge occupation, Manager of Nga Son District People's Committee Office Hoang The Dan said: "In the time to come, our district will still consider sedge occupation a target production industry and plan to spread sedge trees to all the parts of the district including low-lying and crops growing communes so as to expand sedge planting area. Furthermore, our orientation for handicraft development is to attach occupational village expansion to sedge material area planning in combination with co-operative production model, to consolidate and strengthen enterprises' productivity, targeting to set up groups of small-industries and occupational villages. The group of Nga My is the commencement. Currently, Nga Son is on the way to create an open legal framework for the economic sectors to join in handicraft expansion, such as: offering a 5-year land tax exemption for enterprises and individuals investing in the groups of handicrafts and occupational villages, supporting 20% of expenses for infrastructure construction outside industrial group. As for low-lying and crop planting areas, any production establishment attracts approximately 50 labours upwards and keeps stable operation within a year will be benefited from the district with initially support of VND50,000 to each labourer. The initiatives bringing about economic efficiency and being widely applied by the local people will be awarded by the local authority at various levels".

Nga Son sedge mat has woven eternal good reputation for the coastal area of Nga Son. Hopefully, in the near future, the traditional occupation expansion will be closely attached with the development of eco-tourism and fanciful scenic spots naturally granted to the land of Nga Son, helping enrich this immense sedge area.

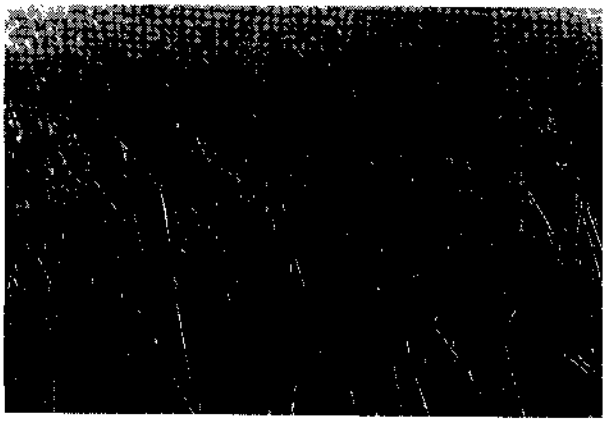

Sedge forest - Nga Son

QUẢNG XƯƠNG VỚI NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Quảng Xương là huyện có nghề truyền thống sản xuất mây tre đan, dệt chiếu,... phát triển. Sản phẩm của các nghề này đã có mặt ở thị trường trong và ngoài nước. Phát triển tiểu thủ công nghiệp được Quảng Xương coi là một hướng đi đúng đắn nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân.

Phát triển tiểu thủ công nghiệp vốn là một trong bốn chương trình kinh tế - xã hội lớn của Đảng bộ huyện trong giai đoạn 2001 - 2005. Ngành thủ công nghiệp ở Quảng Xương trong những năm gần đây đã đạt được những kết quả đáng mừng, chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế huyện. Một số xã đã xây dựng được phương án phát triển làng nghề phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương như: Quảng Đức, Quảng Vọng, Quảng Khê,...

Chú trọng toàn diện từ đầu vào đến đầu ra

Cùng với việc khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, trong một vài năm gần đây, các cấp các ngành trong huyện đã quan tâm, mở rộng quy mô đào tạo nghề thủ công và đưa nghề mới vào nông thôn. Huyện đã mở rộng giao lưu với nhiều cơ sở làng nghề trong nước như cơ sở sản xuất Ngọc Động (huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) đưa nghề mới mây giang xiên vào sản xuất, nhằm đa dạng hoá ngành nghề thủ công trong huyện. Đồng thời, Quảng Xương còn không ngừng mở rộng vùng nguyên liệu để phục vụ việc phát triển làng nghề mà trước hết là vùng nguyên liệu trồng cói. Những năm trước đây, ở một số xã, cây cói và cây đay không được quan tâm phát triển đúng mức nên sản lượng rất bấp bênh. Hiện nay, huyện đã tập trung đầu tư 54 triệu đồng cộng với hơn 120 triệu đồng của các hộ sản xuất để cải tạo 100 ha cói đã thoái hoá ở các xã như: Quảng Phúc, Quảng Long, Quảng Tường,... và chuyển đổi 50 ha trồng lúa năng suất thấp sang trồng cói ở các xã Quảng Vọng, Quảng Khê,.... Nhờ vậy, diện tích trồng cói đã tăng lên 457 ha, tạo ra nguồn nguyên liệu tương đối ổn định cung cấp cho sản xuất.

Bên cạnh đó, huyện còn tiếp tục tổ chức mở các lớp học nghề ở nhiều xã như: Quảng Đức, Quảng Phong, Quảng Vân,... với hơn 600 lao động theo học. Trước yêu cầu đổi mới mẫu mã, kỹ thuật, công cụ, để nâng cao chất lượng sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, các cán bộ từ huyện đến cơ sở đã đi tham quan các đơn vị bạn nhằm nghiên cứu, học hỏi, rút kinh nghiệm, vận dụng linh hoạt vào điều kiện thực tế của huyện. Sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trong quá trình sản xuất là vấn đề quan trọng, song trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm chính là yếu tố quyết định sự sống còn. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, lãnh đạo huyện, xã, các chủ tổ hợp, hợp tác xã đã đi khắp các địa phương trong tỉnh, tỉnh bạn, để khảo sát thị trường, đầu mối với các đơn vị (như Công ty Xuất nhập khẩu miền Trung, Công ty Mây tre đan Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu Hà Tây,...) để tìm đầu ra cho sản phẩm.

Hiệu quả từ một chủ trương đúng

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo huyện, trong hai năm gần đây, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP, (năm 2002 chiếm 14%), chủ yếu là những ngành nghề như: dệt chiếu, mây tre đan, mây giang xiên, dệt len,...

Đối với nghề trồng cói dệt chiếu, cây cói hiện đã được thâm canh theo vùng và được chăm bón kịp thời nên cho năng suất cao (năm 2001 đạt 10 tấn/ha, năm 2002 đạt 11,6 tấn/ha), nhiều hộ ở Quảng Vọng, Quảng Phúc đạt năng suất 15 - 16 tấn/vụ. Sản lượng cói chẻ cũng tăng nhanh: năm 2001 đạt 2.997 tấn thì đến năm 2002 đã lên tới 5.247 tấn, tăng 75%. Diện tích đay năm 2001 đạt 42 ha, thì đến năm

2002 tăng hơn 100%, đạt 98 ha với sản lượng đạt 429 tấn. Ở một số xã như Quảng Khê, Quảng Hợp,... diện tích trồng đay gấp hai lần diện tích trồng lúa và hiệu quả kinh tế mang lại cao hơn. Nhờ chủ động nguồn nguyên liệu, nghề dệt chiếu cói ở Quảng Xương phát triển mạnh. Hiện nay, toàn huyện có 8.200 lao động tham gia dệt chiếu cói với 4.300 go, bình quân đạt hai triệu là chiếu/năm. Nghề xe lõi, dệt thảm được mở rộng đến các xã vùng ven biển như: Quảng Nam, Quảng Thạch, Quảng Đại,... Số lao động tham gia nghề dệt lõi tính đến đầu năm 2003 là 1.100 người, cùng 581 máy tham gia sản xuất với sản lượng hơn 1.200 tấn cói/năm, thu nhập bình quân của người lao động đạt 400 nghìn đồng/tháng. Sự lớn mạnh của nghề dệt cói tạo điều kiện cho các tổ hợp sản xuất công cụ cung cấp cho các xã trong huyện phát triển. Điển hình có tổ hợp trong hai năm đã sản xuất 200 máy xe lõi, cung cấp cho nhiều xã như: Quảng Đại, Quảng Nam,...

Bên cạnh nghề dệt cói, nghề mây tre đan cũng phát triển mạnh và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Các xã Quảng Phong, Quảng Đức vẫn là cái nôi của nghề này, lực lượng lao động tham gia ngày càng tăng, tính đến nay có hơn 2.800 lao động tham gia sản xuất. Nghề mây giang xiên đã và đang thu hút nhiều lao động, thu nhập của người sản xuất bước đầu đã đạt 15 - 20 nghìn đồng/ngày. Để đáp ứng cho sự phát triển của nghề mây giang xiên, nhiều xã đã đầu tư mua máy chẻ mây, chấm dứt tình trạng phải mua mây chẻ sẵn của tỉnh ngoài.

Có thể thấy rằng, chủ trương phát triển ngành nghề truyền thống và mở rộng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khác của huyện Quảng Xương là hết sức đúng đắn. Với chủ trương này, bước đầu đã giải quyết việc làm cho 12.300 lao động với mức thu nhập tương đối ổn định, góp phần nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho nhân dân, tạo nên sự chuyển mình mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương.

QUANG XUONG WITH TRADITIONAL OCCUPATIONS

Quang Xuong is a district with developed traditional work of making goods from rattans and bamboos. The products of those crafts are popular in domestic and foreign markets. In Quang Xuong, handicraft development is considered an appropriate orientation to generate jobs in rural areas and contribute to hunger eradication, poverty reduction and living standard amelioration.

Handicraft development is one of four major socio-economic programs of the district's Party Committee in the period of 2001-2005. During last years, Quang Xuong handicraft has achieved encouraging results and played an important role in the district's economic structure. Occupation development projects have been worked out in appropriation to local reality in some communes such as Quang Duc, Quang Vong and Quang Khe.

Paying attention to the whole process: from input to output

Along with restoration and development of traditional occupational villages, the district authorities have also paid attention to expand handicraft training scale and introduce new occupations in rural areas. The district also exchanges with other occupational villages such as Ngoc Dong (Duy Tien district, Ha Nam province) to produce knitted rattan to diversify the handicraft sector in the district. Concurrently, Quang Xuong continuously expands material production areas serving traditional occupations, firstly sedge growing area. During previous years, in some communes, due to lack of adequate attention, sedge and jute production was unstable. So far, the district has invested VND54 million in addition to VND120 million from the local house-

holds in upgrading eroded 100 ha sedge growing area in such communes as Quang Phuc, Quang Xuong, Quang Long and Quang Tuong, turning 50 ha of low-yield rice into sedge growing are in Quang Vong and Quang Khe. Consequently, sedge-growing area increased to 457 ha, providing relatively stable material source for production.

Besides, the district continues to organise vocational training course in many communes like Quang Duc, Quang Xuong and Quang Van, attracting more than 600 learners. Base on the demand for renovation of style, technique and equipment, with an aim to improve handicraft products' quality, the cadres from district to commune levels have paid visit to neighbouring units to learn experiences then flexibly applied what they have learnt to the district's real conditions. The leadership and management in production process are very important, however, in handicraft production, finding more outlets for production is the vital factor. Being aware of that importance, the commune and district authorities, cooperative and collective owners have travelled across Thanh Hoa and neighbouring provinces to made market research and contact with other units (such as Central Export-import Company, Vietnam Bamboo-cane Company, Ha Tay Export-Import Company) to find outlets for products.

Results from accurate guideline

Thanks to the concern and tight guidance of the district's authorities, during last two years, handicraft has taken increasingly high proportion in GDP, (in 2002 making up 14 %), with main occupations like: mat weaving, rattan and wool knitting.

Sedge has been intensively cultivated in each region and promptly fertilised so as to produce high productivity (10 tonnes per ha in 2000, 11.6 tonnes per ha in 2002, or in Quang Vong, Quang Phuc 15-16 tonnes per ha). The sedge yield rapidly increased: from 2, 997 tonnes in 2001 to 5,247 tonnes, an increase of 75 % over 2001. The jute area increased by 100 % from 42 ha in 2001 to 98 ha in 2002 with the productivity of 429 tonnes. In some communes like Quang Khe, Quang Hop, the jute production area is doubled in comparison with rice growing area, brings about higher efficiency. Thanks to activeness in adequate materials provision, the sedge mat knitting craft in Quang Xuong has rapidly developed. For the time being, in the district, there have been 8,200 labourers knitting sedge mats with 4,300 go (a kind of tool), making average two million mats a year. The carpet knitting has been extended to coastal communes such as Quang Nam, Quang Thach and Quang Dai... By the early 2003, a number of labourers working in in sedge core knitting craft accounted for 1,100 with 581 machine of 1,200-tonne capacity a year, creating per capita income of VND400,000 per month. The growth of mat knitting paves the way for the development of tool producing collectives in communes. Typically, some collectives in two years have provided 200 sedge-core twining machines for many communes like: Quang Dai, Quang Xuong..

Apart from sedge knitting, bamboo and cane knitting also develops strongly and brings about high economic efficiency. Quang Phong and Quang Duc communes are cradles of this occupation with the increasing number of labourers, which amounted to 2,800 engaging in this production so far. Rattan knitting has attracted a great number of labourers that initially bring income of VND15,000-20,000 a day. With an aim to serve the development of rattan knitting, many communes have invested in purchasing rattan-splitting machines, no longer buy available split rattans from other provinces.

Obviously, thanks to the right guideline on developing the traditional occupation and expanding other handicraft occupations, the district has generated jobs for 12,300 labourers with relatively stable income conducive to improve local's physical and spiritual life, creating dramatic changes in Quang Xuong's socio- economic life.

Phần VI

HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Part VI

MOBILIZING ALL FORCES FOR ECONOMIC DEVELOPMENT

ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

So với cả nước, nguồn vốn đầu tư đổ vào Thanh Hoá trong những năm vừa qua chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Tuy nhiên, tỷ trọng đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Để cải thiện tình hình, tỉnh Thanh Hoá đã nỗ lực hết mình từ tạo tiền đề cơ bản đến ban hành những chính sách ưu đãi nhằm thu hút hơn nữa nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt là 10 năm gần đây, Thanh Hoá luôn quan tâm đến công tác huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, vì thế kinh tế - xã hội tỉnh đã có bước phát triển khá. Tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh tăng đều qua các năm, đạt 9,25% vào năm 2002. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2002 công nghiệp chiếm tỷ trọng gần 30% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 1996 - 2000 đạt gần 2 tỷ đồng/năm, riêng năm 2002 đạt 3,6 tỷ đồng, tăng 21,6% so với năm 2001.

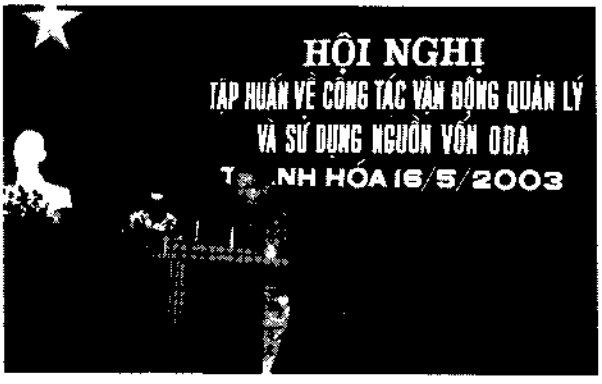

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá phát biểu trong Hội nghị tập huấn về công tác vận động quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA (16-5-2003)

Thực trạng đầu tư

Thanh Hoá là tỉnh lớn của Việt Nam với diện tích 11 nghìn km2, dân số gần 3,5 triệu người, có kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp mạnh, nền nông nghiệp phát triển vững chắc, dịch vụ khá hoàn chỉnh. Xét về góc độ địa lý, Thanh Hoá có cả vùng núi, trung du, đồng bằng và biển là nền tảng vững chắc cho nền kinh tế phát triển một cách toàn diện. Trong kết cấu hạ tầng, Thanh Hoá có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ khá hoàn chỉnh; hệ thống thuỷ lợi phát triển; hệ thống trường học, bệnh viện đủ mạnh; cùng hàng loạt các danh lam thắng cảnh giàu tiềm năng du lịch. Đặc biệt, Thanh Hoá còn có đội ngũ nhân lực dồi dào, thông minh, sáng tạo đã từng làm nên nhiều kỳ tích trong tiến trình phát triển của đất nước.

Phát huy những thế mạnh trên, cùng với nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hoá trong việc thu hút vốn đầu tư, đến nay, Thanh Hoá đã thu hút được 9 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đã đăng ký hơn 443 triệu, trong đó số vốn đã đưa vào thực hiện là 394 triệu USD, chiếm gần 90%. Thành tích này đã đưa Thanh Hoá đứng ở vị trí thứ 11 trong 61 tỉnh thành cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nếu xét riêng ở miền Bắc, Thanh Hoá đứng thứ 4, sau Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương.

Nhìn chung, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài ở Thanh Hoá làm ăn có hiệu quả. Trong đó, Công ty Xi măng Nghi Sơn là minh chứng sống động nhất cho những nỗ lực của Thanh Hoá trong việc xúc tiến đầu tư, cùng hợp tác kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Là liên doanh giữa Tổng công ty Xi măng Việt Nam với Tập đoàn Mitsubishi và Niho Cement của Nhật Bản, với tổng vốn đầu tư 373 triệu USD, chỉ sau 4 năm xây dựng, lắp đặt, nhà máy đã đi vào hoạt động. Năm 2002 - năm thứ hai đi vào sản xuất - nhà máy đã kinh doanh có lãi. Nhận định về Công ty Xi măng Nghi Sơn, Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, ngài Norio Hattori cho biết: "Cần phải ca ngợi

nỗ lực của các nhà chức trách tỉnh Thanh Hoá nhằm thu hút FDI. Dự án đầu tư lớn nhất của Nhật Bản vào Việt Nam là ở chính tỉnh này, đó là Công ty Xi măng Nghi Sơn. Thành công của dự án này có thể là hạt nhân để thu hút nhiều nhà đầu tư của Nhật Bản vào Thanh Hoá trong các lĩnh vực khác". Tổng giám đốc Công ty Xi măng Nghi Sơn cũng nhận xét: "Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng tôi cho rằng: yếu tố then chốt quyết định thành công chính là ý chí quyết tâm, phấn đấu không biết mệt mỏi của các thế hệ lãnh đạo tỉnh Thanh Hoá. Thiện chí sẵn sàng lắng nghe nhu cầu của doanh nghiệp và cùng chung sức tháo gỡ khó khăn chính là nguồn động viên vô giá để thực hiện thành công dự án".

Cùng với Công ty Xi măng Nghi Sơn, Nhà máy Mía đường Việt Nam - Đài Loan, liên doanh giữa Tổng công ty Mía đường Việt Nam với đối tác Đài Loan đã đi vào hoạt động từ năm 1997. Trong những năm đầu còn gặp nhiều khó khăn về vùng nguyên liệu, tỉnh đã giành hơn 40 tỷ đồng đầu tư hạ tầng vùng trồng mía, đồng thời ban hành nhiều chính sách như hỗ trợ khai hoang trồng mía, khuyến khích phát triển giống mới.... Đến nay, tuy chưa đảm bảo 100% nguyên liệu theo thiết kế, nhưng công ty liên doanh cũng đã kinh doanh có lãi.

Bên cạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Thanh Hoá cũng thu hút được nhiều dự án đầu tư trong nước như Công ty Chế biến tinh bột sắn, Khu công nghiệp Lễ Môn, các dự án trong ngành may xuất khẩu và sản xuất đá xây dựng, vật liệu xây dựng và chế biến xuất khẩu thuỷ sản. Hầu hết các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào Thanh Hoá đều kinh doanh có hiệu quả. Trong đó phải kể đến nhiều mô hình đầu tư trong nước sản xuất đạt hiệu quả cao như Công ty Xi măng Bỉm Sơn, Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn, Công ty Bia Thanh Hoá, các nhà máy gạch tuy nen, các cơ sở sản xuất đá ốp lát,...

Không chỉ có vậy, trong những năm gần đây, người Việt Nam đang sản xuất - kinh doanh ở nước ngoài cũng tham gia đầu tư một số dự án tại Thanh Hoá. Điển hình như chi nhánh Công ty SOTO, vốn đầu tư 60 tỷ đồng xây dựng cụm công nghiệp - du lịch ở Quảng Xương, cách thành phố Thanh Hoá 18 km, thu hút gần 1.000 công nhân làm dệt len.

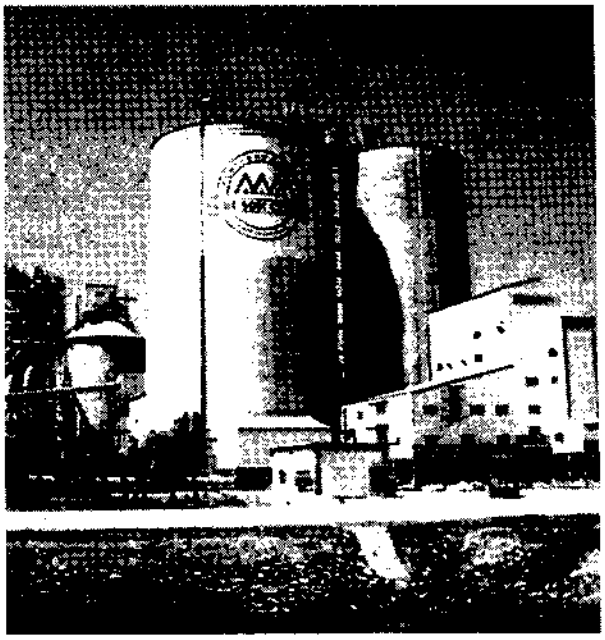

Công ty Xi măng Nghi Sơn – dự án có vốn đầu tư nước ngoài mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Cải thiện môi trường đầu tư - chìa khoá mang đến thành công

Mặc dù đạt được nhiều kết quả khả quan, nhưng để có thể thu hút hơn nữa các dự án đầu tư cả trong và ngoài nước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hoá cũng nhận thức rằng: môi trường đầu tư cần phải được cải thiện theo hướng ngày một tốt hơn, bởi môi trường đầu tư liên quan trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì thế, việc tạo môi trường đầu tư ổn định, thuận lợi cho các doanh nghiệp là trách nhiệm của tỉnh, đồng thời Thanh Hoá cũng luôn mong muốn cho các nhà đầu tư thu được nhiều lợi nhuận khi bỏ vốn đầu tư ở Thanh Hoá.

Nhận thức được điều đó, trong những năm gần đây, ngoài việc ban hành các chính sách thu hút vốn đầu tư, thành lập 4 khu công nghiệp và chuẩn bị cơ sở hạ tầng tốt, Thanh Hoá đặc biệt quan tâm đến cải cách thủ tục hành chính, áp dụng cơ chế "một cửa" trong việc cấp giấy phép đầu tư; giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư trong nước và ngoài nước, từ khâu khảo sát ban đầu đến nhận giấy phép đầu tư. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng,

giải quyết các thủ tục cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư, đảm bảo tiến độ cho nhà đầu tư.

Đối với doanh nghiệp gặp khó khăn, nhưng sử dụng nhiều lao động sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí trong những năm đầu sản xuất - kinh doanh. Đối với các dự án cần phát triển vùng nguyên liệu, tỉnh sẽ quy hoạch đất, bố trí đủ diện tích và giúp đỡ nông dân trong vùng dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo đúng quy hoạch đã cam kết với nhà đầu tư. Các dự án đầu tư trong khu công nghiệp sẽ được tỉnh đảm bảo xây dựng kết cấu hạ tầng đến hàng rào khu công nghiệp. Các dự án sử dụng lao động là người địa phương có hợp đồng không xác định thời hạn, với số lượng 500 lao động trở lên sẽ được tỉnh hỗ trợ 1 triệu đồng/lao động/lần. Các dự án có đào tạo công nhân kỹ thuật cao (thời gian đào tạo từ 2 năm trở lên) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đào tạo nghề cho mỗi lao động. Đặc biệt, chính quyền tỉnh Thanh Hoá quản lý các hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm tra trong các doanh nghiệp; ngăn chặn và không cho phép các hoạt động thanh tra tuỳ tiện, gây phiền hà cho các nhà đầu tư và ách tắc sản xuất. Đúng như nhận xét của đại diện Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam: "Đây là một trong những bước đột phá mạnh nhất của Thanh Hoá trong việc cải thiện môi trường đầu tư".

Với những bước đi đúng đắn, Thanh Hoá đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các nhà đầu tư trong và ngoài nước ngay tại Hội thảo "Thanh Hoá - Cơ hội đầu tư và kinh doanh" tổ chức tại Hà Nội vào ngày 25-6-2003. Trong đó, đại diện Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ký được các biên bản ghi nhớ với 10 nhà đầu tư bao gồm hơn 20 dự án với tổng vốn đầu tư bước đầu lên tới trên 25 nghìn tỷ đồng, trong đó có Liên doanh xi măng Nghi Sơn đầu tư 15.000 tỷ đồng, Tổng công ty Sông Đà đầu tư 3.000 tỷ đồng, Vinaconex đầu tư 800 tỷ đồng.

Với những tiềm năng, thế mạnh vốn có, sự chỉ đạo tập trung của Trung ương và quyết tâm của lãnh đạo và nhân dân Thanh Hoá, trong những năm tới, Thanh Hoá sẽ trở thành trung tâm công nghiệp với các dự án lọc - hoá dầu và công nghiệp phụ trợ, các dự án sản xuất gia công hàng xuất khẩu, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Thanh Hoá phát triển.

Một số nhận định về môi trường đầu tư Thanh Hoá

** Hoàng Văn Dũng - Phó Chủ tịch thường trực Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam: phát huy những tiềm năng sẵn có, trong nhiều năm qua, Thanh Hoá đã có những chủ trương phát triển kinh tế đúng đắn, ban hành nhiều cơ chế chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp và ngành chế biến hàng xuất khẩu, nhất là hàng nông - lâm sản, thủ công mỹ nghệ, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản.*

** Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư: có được thành tích trong thu hút vốn đầu tư những năm vừa qua là do Thanh Hoá đã chủ động và tích cực tìm kiếm, gọi vốn đầu tư nước ngoài, cũng như từ các trung tâm kinh tế lớn trong nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Lãnh đạo tỉnh Thanh Hoá luôn tôn trọng các nhà đầu tư và làm hết sức mình để có thêm từng doanh nghiệp một.*

** Thứ trưởng Bộ Thương mại Mai Văn Dâu: Thanh Hoá đã cố gắng hỗ trợ, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất - kinh doanh của một số dự án đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Cùng những chính sách đầu tư thông thoáng, Thanh Hoá cũng đã ban hành chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chính sách khuyến khích xuất khẩu.... Chính vì vậy, trong những năm gần đây, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đã lựa chọn Thanh Hoá làm điểm đầu tư và đã đầu tư có hiệu quả tại đây.*

INTENSIFYING INVESTMENT FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

Investment capital inflow in Thanh Hoa over the past years has made up a relatively great proportion compared to the nation as a whole. However, that proportion is not correspondent with the province's potentialities and strengths. To improve the situation, Thanh Hoa has made gigantic efforts from main premises creation to preferential policy promulgation to further attract investment capital source for the province's socio-economic development.

In the years of Doi Moi (renovation) process, especially in ten recent years, Thanh Hoa has regularly paid attention to mobilising all forces for its development investment. As a result, the province's socio-economy has made great progresses. The province's GDP growth rate saw year-on-year increase, reaching 9.25% in 2002. Economic structure has converted positively with the industrial proportion of 30% of GDP. Total social investment capital achieved nearly VND two billion a year in 1996 - 2000 and VND3.6 billion in 2002 (21.6% over 2001).

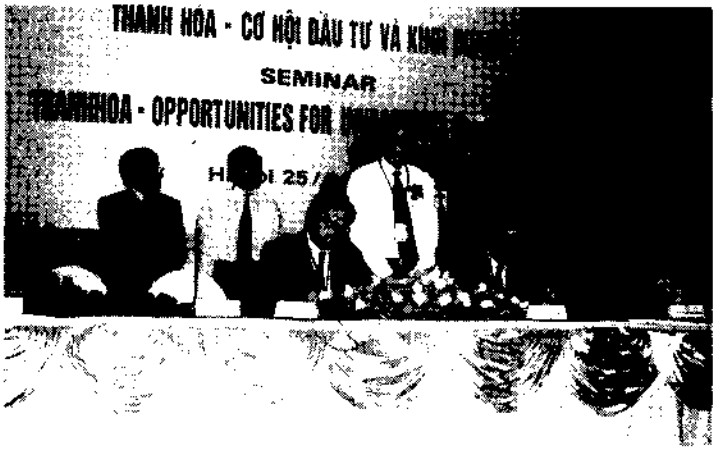

Memorandum Signing Ceremony in workshop "Thanh Hoa – Business and Investment Opportunity"

Investment reality

Thanh Hoa is a big city of Viet Nam with the total area of 11.000 kilometres, population of approximately 3.5 million, relatively synchronous infrastructure, strong industrial enterprises, sustainable industrial development and comparatively perfect services. In terms of geography, Thanh Hoa has mountains, midland, plains and sea, which is the foundation for the comprehensive economic development. Regarding infrastructure, Thanh Hoa has fully-made transport system with roads, railways and waterway, developed irrigation system, good schools and hospitals and numerous beauty-spots rich in tourism potentials. Especially, the province is the home to abundant, intelligent and creative labour force ever made brilliant achievements in the country's development process.

Promoting the above strengths, with attempt by the Provincial Party Committee, authority and local people in investment capital attraction, so far Thanh Hoa has lured nine foreign invested projects with the total registered capital of more than USD443 million including implemented capital of USD394 million. That achievement has lifted Thanh Hoa to rank the 11th of the total 61 provinces nation-wide for its foreign invested capital attraction. In the North alone, Thanh Hoa ranks the forth to Ha Noi, Hai Phong and Hai Duong.

Generally, foreign invested projects in Thanh Hoa have been operated effectively. Nghi Son Cement Corporation is regarded as the most virtual illustration for Thanh Hoa's great efforts in investment promotion, business co-operation for high economic

effectiveness. As a joint-venture between Viet Nam Cement Corporation and Japan Misubishi and Niho Cement Corporation, with the total investment capital of USD373 million, only four years after its construction and installation, the plant was officially put into operation. In 2002, the second year of operation, the plan already made interest. Talking about Nghi Son Cement Corporation, Viet Nam based Japanese Ambassador, Norio Hattori said: "Gigantic efforts in foreign direct investment (FDI) attraction by Thanh Hoa's authorities should be praised. Japan's biggest investment project in Viet Nam flowed to this province - Nghi Son Cement Corporation. The project's success can be regarded as the nuclear factor to attract Japanese investors in Thanh Hoa's other business lines". " Looking back the past time, we think that the key factor making our success is the strong determination and tireless efforts of the province's generations of leaders. The goodwill of ready to listen to enterprises' demands and together to surmount difficulties is the priceless encouragement for the project's successful implementation".

In addition to Nghi Son Cement Corporation, Viet Nam - Taiwan Sugarcane Factory, joint by Viet Nam Sugarcane Corporation and the Taiwan partner was put into full performance in 1997. In its initial years when the company encountered numerous difficulties in raw materials, the province spent over VND40 billion investing in infrastructure in sugar cane cultivating areas along with the issuance of policies supporting reclamation for sugarcane cultivation, new breed development encouragement... Up to now, although the company has not supplied the total raw material as planned, it has made profits.

Apart from foreign investment attraction, Thanh Hoa has lured domestic invested projects as Cassava Starch Processing Company, Le Mon Industrial Park, textile and garment for exportation, construction stone and construction material production and aqua-product processing and exportation. Almost all of domestic and foreign enterprises investing in Thanh Hoa have made satisfactory achievements in their business. Of which, domestic investment patterns like Bim Son Cement Company, Lam Son Sugar Cane Joint Stock Company, Thanh Hoa Brewery Company, Tuy Nen Brick Plant, Ashlar Facing Stone Factories... reached high economic effectiveness.

Furthermore, in recent years, over-sea Vietnamese business people have invested in some projects in Thanh Hoa. Typically, Thanh Hoa Branch of SOTO Company spent its investment capital of VND60 billion on the construction of Quang Xuong Tourism - Industry Complex, 18 kilometres from Thanh Hoa City, attracting approximately 1,000 weavers.

Improving investment environment - key to success

In spite of satisfactory achievements, in an attempt to further lure domestic and foreign invested projects, Thanh Hoa Provincial Party Committee, authority and local people realised that the investment environment should be better improved because it directly exerts influences on enterprises' operation. Hence, creating a stable and favourable investment environment for enterprises and bringing about high interest to investors are the local authority's task and expectation.

Aware of how important the investment environment is, recently, in addition to the promulgation of policies on investment capital attraction, four industrial park establishment and good infrastructure preparation, Thanh Hoa has paid special attention to the procedure administrative reforms; applying "one door" mechanism to investment licensing; entrusting

Nghi Son Cement Plan, by domestic investment capital is on its effective operation

the Provincial Department of Investment and Planning with domestic and foreign investment related works from initial investigation to investment license receipt: well implementing site clearance: settling procedures on land lease: licensing land use right certificate for investors and ensuring investment speed.

For enterprises confronting difficulties but recruiting a large number of labourers, their business - production will be partly financed by the provincial budget for the first years. For projects expecting to develop raw material area, the province shall make land planning with sufficient area and help farmers in those areas to convert plant and livestock structure as planned and committed with the investors. Projects in industrial zone (IZ) shall be facilitated with infrastructure construction to the IZ fences. The province shall support those employing 500 local labourers up with time-limitless contracts with VND one million/person/time. Those training high skilful workers (from two years up) shall be supported 30% of vocational training expenditure per labourer from the provincial budget. Moreover, Thanh Hoa authority shall supervise inspection organisations' operation over the enterprises'; prevent and prohibit arbitrary inspection, which causes inconvenience to investors and production congestion. Just as remarked by Viet Nam based World Bank Representative: " This is one of the greatest breakthroughs by Thanh Hoa in its investment environment improvement".

By proper steps, Thanh Hoa was supported enthusiastically from domestic and foreign investors right at the workshop " Thanh Hoa- investment and business opportunity" in Ha Noi on June 25th. In the workshop, the Provincial People's Committee Representative signed memorandums with 10 investors with over 20 projects with the initial investment capital up to VND25,000 billion, of which VND15,000, VND3,000 and VND800 are from Nghi Son Cement Joint-Venture, Song Da Corporation and Vinaconex respectively.

With available potentialities and strengths, the central concentrated conduction and Thanh Hoa's leaders and people' determination, for the time being, Thanh Hoa will become an industrial centre with projects on oil refining and filtering; auxiliary industry; processing and production for exportation, helping promoting the province's socio-economic development.

Some comments on Thanh Hoa's investment environment

- Standing Vice-President of Viet Nam Chamber of Industry and Commerce, Hoang Van Dung: promoting available potentialities, over past years, Thanh Hoa has worked out proper economic development orientations, enacted policies on attracting and encouraging investment in IZs and exports processing zones, especially agro-forestry products, handicrafts, fine art articles and aqua-product rearing and processing

- Ministry of Investment and Planning Representative: what Thanh Hoa has achieved in the past years is resulted from its activeness in seeking for and luring capital from foreign investors and from such big economic centres as Ha Noi and Ho Chi Minh City. Thanh Hoa's leaders always respect investors and make every effort to have more enterprises.

- Deputy Minister of Trade, Mai Van Dau: Thanh Hoa has timely attempted to surmount difficulties and impediments arising in some locally operating projects' business - production. In line with open policies on investment, Thanh Hoa issued policies on industry and handicraft development, exportation encouragement... As a result, in recent years, domestic and foreign enterprises belonging to every economic sector has chosen Thanh Hoa as a destination for their effective investment.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THANH HOÁ

GẶP VỊ LÃNH ĐẠO HẾT LÒNG VÌ CÔNG VIỆC

Với vóc dáng đậm đà cùng giọng nói ấm áp, cả tư duy cùng cách nói chuyện của ông đã phần nào toát lên tính cách con người ông: chân thành, cởi mở, năng nổ, nhưng không mất đi sự khoan thai, đĩnh đạc trong công việc và cuộc sống. Khi tiếp xúc với ông có thể thấy câu nói: "Trai mùng một, gái hôm rằm" quả thật không sai chút nào khi được dùng để nói về ông, một con người đã gắn bó tâm huyết với ngành Tài chính Thanh Hoá trong suốt 20 năm qua.

Ông Lưu Trọng Sướng – Giám đốc Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Thanh Hoá

Ông là Lưu Trọng Sướng - Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Giám đốc Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển tỉnh Thanh Hoá. Ông sinh năm 1949 tại huyện Yên Định - tỉnh Thanh Hoá. Thời còn là sinh viên Trường Đại học Tài chính - Kế Toán (1967 - 1972), ông luôn là học sinh giỏi. Tốt nghiệp năm 1972 với tấm bằng loại giỏi, ông được cử làm giáo viên Trường Tài chính III (Thái Nguyên). Năm 1977, trường giải thể, ông chuyển về giảng dạy tại Trường Tài chính II (Hà Bắc cũ).

Về quê hương khởi nghiệp

Đến tháng 6-1983, ông trở về Thanh Hoá và công tác trong ngành tài chính, kế toán của tỉnh với nhiệm vụ của một thanh tra viên. Sáu tháng sau, ông được đề bạt làm Phó trưởng ban Ban Thanh tra, sau đó là Trưởng ban Ban Thanh tra Sở Tài Chính. Từ tháng 10-1985 đến năm 1994 ông được đề bạt làm Phó Giám đốc Sở Tài Chính, rồi Cục trưởng Cục Đầu tư Thanh Hoá kiêm Giám đốc Quỹ Hỗ trợ Đầu tư Quốc gia (1995 - 1999). Sau khi Cục giải tán ông quay trở lại làm Phó Giám đốc Sở Tài Chính. Tháng 12-2000, Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thường vụ Tỉnh uỷ điều ông quay về làm Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển tỉnh Thanh Hoá.

Trang bị cho mình những thông tin chính về cuộc đời và sự nghiệp của ông, cũng như đã được nghe nhiều người kể về những tâm huyết, trăn trở trước những khó khăn của đồng bào miền núi, của các doanh nghiệp đang cần vốn để mở rộng sản xuất - kinh doanh, chúng tôi tìm đến Quỹ Hỗ trợ Phát triển tỉnh Thanh Hoá với những ý tưởng phần nào hiểu rõ hơn về bản thân ông, cũng như về lĩnh vực hỗ trợ tài chính của một trong những địa phương có diện tích lớn nhất nước đang trên bước đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nghe chúng tôi nhắc về những thành tích đã đạt được trong sự nghiệp của mình, ông Sướng chỉ cười và nói: "Có gì đâu, với cương vị và trách nhiệm bản thân, tôi chỉ đóng góp một phần nhỏ trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà, hỗ trợ thúc đẩy kinh tế các huyện vùng sâu, vùng xa ngày một khấm khá hơn, để đồng bào ta đỡ khổ. Trong tâm niệm của tôi như thế đã cảm thấy vui rồi". Khi được hỏi về kinh nghiệm, cũng như các bài học kinh nghiệm của bản thân được rút ra từ công tác quản lý, lãnh đạo, ông Sướng cho biết: "Thật ra, đấy chỉ là những bài học được rút ra từ những thất bại của chính bản thân và của người khác, để từ đó tự tìm cho mình

hướng đi đúng đắn. Song điều quan trọng nhất là mình phải làm việc bằng chính cái tâm của mình. Nếu cái tâm không sáng, không hết lòng vì công việc thì khó có thể làm được việc gì. Tôi cho rằng mình đã được Nhà nước cho ăn học thì bây giờ cũng là lúc mang những gì đã học được giúp cho bà con nông dân trên quê hương mình thoát khỏi đói nghèo".

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển

Trao đổi với chúng tôi về những đóng góp của Quỹ Hỗ trợ Phát triển trong sự nghiệp phát triển kinh tế Thanh Hoá, cũng như công tác hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, ông cho biết: "Trong những năm gần đây, Thanh Hoá đã có những bước chuyển mình nhanh chóng và khá bền vững, trong đó có phần đóng góp đáng kể của Quỹ hỗ trợ phát triển. Hiện nay, quỹ có 4 nhiệm vụ chính được Chính phủ giao:

Một là, cho vay tín dụng trung và dài hạn để phát triển kinh tế, trong đó chú trọng vào các ngành chế biến nông, lâm, hải sản và làm hàng xuất khẩu; các dự án đầu tư có thể giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động.

Hai là, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp với điều kiện các doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả, quỹ sẽ hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp để có lãi trả ngân hàng. Theo ông Sướng, đây là một chủ trương đúng đắn của Nhà nước trong việc khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất...

Ba là, bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay tín dụng thương mại. Cho vay hỗ trợ xuất khẩu đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Mặc dù đây là nhiệm vụ mới (hoạt động trong 6 tháng cuối năm 2002), nhưng quỹ đã cho vay được 20 tỷ đồng hỗ trợ xuất khẩu (chủ yếu là phục vụ cho các doanh nghiệp như Công ty Xuất nhập khẩu Thanh Hoá, Công ty Xuất nhập khẩu thuỷ sản - hai doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu cao nhất tỉnh), góp phần khuyến khích sản xuất.

Tính đến hết ngày 31-12-2002, tổng số dư nợ tín dụng trung và dài hạn của quỹ xấp xỉ 501 tỷ đồng, theo ông Sướng: "Con số này không phải là lớn, nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng vì được đầu tư vào các lĩnh vực mà Nhà nước đang khuyến khích và ưu đãi đầu tư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hoá. Hiện nay, với nguồn tín dụng Nhà nước, Thanh Hoá đã có 2 nhà máy chế biến tinh bột sắn, 1 nhà máy chế biến tinh bột ngô, sắp tới là nhà máy chế biến thịt lợn xuất khẩu và hàng loạt các nhà máy sản xuất công nghiệp; thu hút hàng chục nghìn lao động, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn cho kinh tế Thanh Hoá".

Nguyện gắn bó cả cuộc đời với nông dân

Tỉnh Thanh Hoá được xem như một Việt Nam thu nhỏ, có đồng bằng, miền núi, miền biển, và trung du. Được thiên nhiên ưu đãi như vậy, nhưng tại sao người dân vẫn khổ, vẫn nghèo, làm thế nào để bà con nông dân có thể thoát được tình cảnh đó? Câu hỏi ấy luôn thôi thúc ông tìm cho ra được lời giải.

Ông Sướng cho biết: "Thanh Hoá với trên 80% dân số làm nông nghiệp, do đó đầu tư mạnh cho công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển là giải pháp hữu hiệu giúp người nông dân có cơ hội thoát khỏi đói nghèo".

Là con người của công việc, ngoài các chức vụ chuyên môn Giám đốc Lưu Trọng Sướng còn là thành viên của Ban Thường vụ Đảng uỷ cơ quan cấp tỉnh trong các năm 1992 - 1997, Uỷ viên Ban chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hoá các khoá XII, XIII. Bởi người dân Thanh Hoá hiểu rằng, ông chính là đại diện xứng đáng cho họ. Họ tin tưởng vào ông, một con người luôn sẵn sàng giúp họ vượt qua khó khăn, đói nghèo để vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn.

THANH HOA DEVELOPMENT ASSISTANCE FUND

WITH THE DEVOTED MANAGER

His open-minded, honest and active but dignified personalities are somewhat expressed in his warm and friendly voice. It is true to talk about him, who have been devoted his heart and soul to his hometown's finance sector over the past 20 years, with the idiom "1st day born boys and 15th day born girls".

He is Luu Trong Suong, a Master of Business Management and also the Director of the Development Assistance Fund -Thanh Hoa Branch. He was born in 1949 in Yen Dinh, Thanh Hoa. When studying at Hanoi University of Finance (1967 -1972) he was always an excellent student and in 1972, graduated with distinction, he was appointed to be a lecturer at the School of Finance No.3 in Thai Nguyen. Until 1977, when the university was dissolved, Suong started teaching at the School of Finance No.2 in the former Ha Bac province.

Head office

Back to the hometown for a new job

In June 1983, Suong returned to Thanh Hoa and started working as an inspector of the province's finance and accounting. Six months later, he was promoted to be the Deputy Chief of the Inspection Department of Thanh Hoa Department of Finance, then Vice Director of Finance Department and later became the Chief of Thanh Hoa investment Bureau cum Director of the National Investment Aided Fund (1995-1999). When the Bureau went bankrupt, he returned to the position of the Director of Thanh Hoa Department of Finance. In December 2000, the Minister of Finance and the provincial standing committee of the Party appointed him to be the Director of Thanh Hoa Development Assistance Fund again.

We visited Thanh Hoa Development Assistance Fund for further understanding of the financial assistance operation in one of the largest provinces of Vietnam on industrialisation and modernisation after having much information on his life and career, difficulties of the people and enterprises in mountainous areas who need capital for business and production expansion.

Talking about his achievements, Suong smiled: "That is my responsibility, I have made only a small contribution to the cause of my hometown's industrialisation and modernisation and the assistance to the economic development of the remote areas so that the local people's life can be improved to some extent. It is just my pleasure to do all those things." Answering our questions about the lessons from his management experience, Suong says: "In fact, those

are the lessons I learnt from my own failures as well as those from the others so as to find a right direction for my career. The most important lesson is that one should work with all of his heart. If he does not devote his heart and soul to the business, it would be extremely difficult for him to be successful. In my opinion, I was trained by the state, and now it is the time I should mobilise what I have learnt to help my fellow-countrymen escape from the poverty."

Assisting the enterprises in the development investment

Talking about what the Development Assistance Fund has made in accelerating the province's economic development and the financial aids to the enterprises in difficulty, Suong says: "The Development Assistance Fund has made remarkable contributions to the rapid developments of Thanh Hoa in recent time. The followings are the main tasks entrusted by Government:

1. Provide medium and long term credits for the economic development with more priorities to the agricultural, forestry and marine foods processing and exports as well as the projects creating many jobs for the local people.

2. Assist the enterprises with post-invested interests provided that they operate effectively and support them with the interests to pay the banks. According to Suong, this is a sound and appropriate policy of the state to encourage enterprises to invest in the production expansion.

3. Act as guarantee for the enterprises to borrow in commercial credits.

4. Provide loans for the export support to enterprises of any economic classes. Although being implemented in the late 2002, the new task has helped encourage the production. The fund has lent VND20 billion export assistance, mainly to Thanh Hoa Import -Export Company and Fishery Import -Export Company, two enterprises with the highest import and export turnover in Thanh Hoa.

As of December 31st 2002, the total medium and long-term debit balance of the fund was approximately VND501 billion. "The number is not so big but very significant since the investments are made in the fields preferred by the state, contributing to the local economic restructure. Presently, in Thanh Hoa, there are two factories processing cassava, one factory processing corn starch and there will be one for processing pork for export and series of industrial production factories thanks to the state's credits. Those factories are employing tens of thousands of labourers and creating a great volume of commodities for the local economy."

The promise be always with the farmers

Thanh Hoa is likened to a miniature of Vietnam with plain, mountainous areas, the sea and the midland. Endowed by such natural advantages but the local people are still so poor. Suong keeps wondering how to take the local farmers out of the circumstance.

"Since over 80 percent of the Thanh Hoa population engaged with farming, without an intensive investment in agricultural, forestry and marine products processing, the farmers will not have opportunities to eliminate the poverty." -said Suong.

Being a person of business, a part from his current position, the Director Luu Trong Suong also is a member of the provincial standing committee of the Party from 1992 to 1997, a member of the Thanh Hoa Labour Union during the session seventh and eighth because Thanh Hoa people think that he is their right choice. They believe in him who is always willing to help them overcome the poverty and strive for a better life.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

KINH TẾ THANH HOÁ BỨT PHÁ BẰNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Trong những năm qua, bằng chính sách mở cửa, phát huy nội lực, khuyến khích đầu tư, Thanh Hoá đã đạt được những bước phát triển đáng kể. Tuy nhiên, để có thể tạo sự bứt phá cho nền kinh tế, phát triển ngành công nghiệp mà trọng tâm là các khu công nghiệp là sự lựa chọn tất yếu. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá đã được thành lập theo Quyết định số 39/1999 QĐ-TTg ngày 6-3-1999 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng là cơ quan quản lý trực tiếp các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, sẽ gánh trên vai trọng trách hiện thực hoá mục tiêu trên.

Trải qua hàng trăm năm cày sâu cuốc bẫm, người xứ Thanh hiểu rằng, nông nghiệp chỉ có thể đảm bảo cho người ta no bụng, nhưng muốn làm giàu phải bằng con đường công nghiệp hoá. Khát vọng có một nền công nghiệp hiện đại là mong muốn của lãnh đạo tỉnh, các cấp, các ngành. Chính vì vậy, việc hình thành các khu công nghiệp là cơ hội phát triển kinh tế của một vùng đất địa đầu miền Trung.

Cánh cửa mở ra triển vọng to lớn

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá đã trở thành đầu mối giao dịch quan trọng, giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư sản xuất - kinh doanh, phục vụ sự phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, ban quản lý còn tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản có liên quan phục vụ công tác quản lý như: điều lệ quản lý các khu công nghiệp, thủ tục hồ sơ, quy chế phối hợp thẩm định dự án cấp giấy phép đầu tư, quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp. Đặc biệt, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá đã tham mưu cho tỉnh đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng cơ chế quản lý "một cửa - tại chỗ", trong đó Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá là nơi trực tiếp giải quyết các yêu cầu của nhà đầu tư. Với việc cải tiến cơ chế, các nhà đầu tư được giảm thiểu các thủ tục phiền hà, thuận tiện mà chắc chắn. Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn, từ khi thành lập đến nay, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá đã thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho 2 dự án đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp theo uỷ quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 9 dự án đầu tư trong nước theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Quá trình thẩm định, trình thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật, nhanh chóng, giảm thiểu các thủ tục phiền hà, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh, sự phối hợp nhịp nhàng với các ban ngành chức năng, cùng với quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên Ban quản lý, diện mạo các khu công nghiệp Thanh Hoá đã dần hình thành và ngày càng phát triển mạnh. Đến nay, theo đánh giá của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghiệp Thanh Hoá đang trên đà phát triển, sản xuất - kinh doanh mang lại hiệu quả cao như: Xí nghiệp Giầy Thể thao Xuất khẩu (Khu công nghiệp Lễ Môn), Nhà máy Gạch Ceramic (Khu công nghiệp Lễ Môn), Nhà máy Xi măng Nghi Sơn (Khu công nghiệp Nghi Sơn), Nhà máy Sản xuất Vật liệu bê tông (Khu công nghiệp Nghi Sơn)....

Diện mạo các khu công nghiệp

Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển 4 khu công nghiệp gắn với 4 vùng kinh tế trọng điểm, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hoá, vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và Bắc Trung Bộ, đó là: Khu công nghiệp Lễ Môn, Khu công nghiệp Nghi

Sơn, Khu công nghiệp Lam Sơn - Mục Sơn và Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành.

2.1 Khu công nghiệp Lễ Môn

Khu công nghiệp Lễ Môn được thành lập theo Quyết định số 186/1998/QĐ-TTg ngày 25-9-1998 của Thủ tướng Chính phủ. Quy mô 300 ha, giai đoạn I: tổng diện tích là 62,61ha, tổng vốn đầu tư là 74 tỷ đồng, đầu tư xây dựng trong 5 năm (1998 - 2002).

Khu công nghiệp Lễ Môn ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao sử dụng nhiều lao động và sản xuất mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng như: dệt may, giầy da, chế biến nông, lâm thuỷ sản, lắp ráp cơ khí điện tử, thiết bị viễn thông, công nghiệp vật liệu xây dựng, các ngành nghề thủ công truyền thống, các ngành nghề dịch vụ,...

Đến nay, cơ sở hạ tầng ở Khu công nghiệp Lễ Môn đã được đầu tư đồng bộ, bao gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, các tuyến đường bên trong khu công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải, thoát nước mặt và các cơ sở hạ tầng khác phục vụ Khu công nghiệp như bưu chính - viễn thông, trường học, bệnh viện, khu chung cư,... Theo ông Trần Minh Bảo - Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp Thanh Hoá cho biết: "Hiện nay, Khu công nghiệp này đã có 21 dự án, trong đó có 2 dự án đầu tư nước ngoài và 19 dự án đầu tư trong nước thuê đất với tổng số vốn đăng ký 737,954 tỷ đồng; diện tích đất thuê 32,5/42,5ha, đất công nghiệp chiếm 76,6% tổng diện tích đất công nghiệp cho thuê. Trong đó có hai dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Công ty Justnine - Nhật Bản và Công ty Công nghiệp Thiết bị Oxy bảo vệ môi trường Cáp Nhĩ Tân - Trung Quốc.

2.2. Khu công nghiệp Nghi Sơn

Nghi Sơn là một địa danh nằm ven đường quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc - Nam thuộc huyện Tĩnh Gia, nằm trong vùng công nghiệp "Nam Thanh - Bắc Nghệ" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng đến năm 2020 tại Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 17-5-2001. Diện tích khu công nghiệp này là 1.550ha, bao gồm: đất công nghiệp 870ha, trong đó đất dành cho phát triển công nghiệp hoá dầu khoảng 400ha, công nghiệp cơ khí, điện hoá chất, công nghiệp nhẹ khoảng 313ha và một phần dành để mở rộng Nhà máy Xi măng Nghi Sơn và phát triển một số ngành công nghiệp khác. Ngoài ra, Khu công nghiệp Nghi Sơn còn dành một phần diện tích để xây dựng cảng chuyên dụng phục vụ công nghiệp xi măng, lọc - hoá dầu, cảng cá, cảng tổng hợp khoảng 410ha.

Khu công nghiệp Nghi Sơn là hạt nhân hình thành khu đô thị mới Nghi Sơn của tỉnh Thanh Hoá. Theo các chuyên gia kinh tế, các nhà hoạch định chiến lược, Khu công nghiệp Nghi Sơn đóng vai trò đặc biệt quan trọng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá. Hiện tại, Khu công nghiệp Nghi Sơn đã hội đủ các điều kiện về dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật: điện, nước, bưu chính - viễn thông, ngân hàng, bệnh viện, trường học,... đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các nhà đầu tư và của nhân dân.

Hiện nay, Khu công nghiệp Nghi Sơn có Nhà máy Xi măng Nghi Sơn, liên doanh giữa Tổng công ty Xi măng Việt Nam và Tập đoàn Mitsubushi Nhật Bản với công suất 2,3 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 374 triệu USD đang hoạt động. Bên cạnh đó, Khu công nghiệp còn có các dự án như: dự án cảng biển sâu, cầu tàu số 1 cho tàu 1 vạn tấn đã đi vào hoạt động cuối quý I năm 2002, dự án nhà máy nước do Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam làm chủ đầu tư, công suất 20.000m^3/ngày đêm; dự án Khu Liên hợp Lọc - Hoá dầu số 2 do Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư,...

2.3. Khu công nghiệp Đình Hương.

Nằm trong hệ thống Khu công nghiệp Thanh Hoá - Sầm Sơn, cạnh tuyến quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Đình Hương được xây dựng trên cơ sở sắp xếp, quy hoạch lại các doanh nghiệp hiện có. Với vị thế nằm gần trung tâm thành phố, cơ sở hạ tầng về cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các ngành dịch vụ đã được đầu tư hoàn chỉnh.

Đình Hương là khu công nghiệp vừa và nhỏ, chủ yếu thu hút các ngành nghề cơ khí, vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ và phục vụ việc di dời của các cơ sở sản xuất từ nội thành, nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu vực, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của địa phương. Hiện tại, Khu công nghiệp Đình Hương có 18 cơ sở sản xuất - kinh doanh đang hoạt động, với tổng số vốn đầu tư 200,441 tỷ đồng, diện tích đã đưa vào sử dụng là 28,85ha.

2.4. Khu công nghiệp Lam Sơn - Mục Sơn

Nằm ở phía tây của tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá 40km, gần sân bay Sao Vàng với quy mô khoảng 200ha. Khu công nghiệp Lam Sơn - Mục Sơn

có thị trấn Lam Sơn và các vệ tinh là thị trấn Sao Vàng, Bái Thượng. Khu công nghiệp này nằm trong vùng có nhà máy đường Lam Sơn, công suất 6.000 tấn mía/ngày; Nhà máy Giấy Mục Sơn, công suất 9 vạn tấn/năm và nhiều xí nghiệp vệ tinh khác đang hoạt động. Đây chính là nhân tố có vai trò quan trọng, là động lực thúc đẩy và hình thành Khu công nghiệp - Đô thị Lam Sơn Sao Vàng.

2.5. Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành.

Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành rộng 450ha, nằm ở phía Bắc của tỉnh, hệ thống giao thông thuận lợi: gần quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường tỉnh lộ 7, đường sông Bưởi và Tam Điệp.

Theo quy hoạch, Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành được chia ra làm 2 khu, khu số 1 có diện tích 300ha, nằm trên địa bàn Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn, công suất 1,2 triệu tấn/năm đang hoạt động có hiệu quả (hiện Nhà máy đang nâng công suất lên 1,8 triệu tấn/năm). Khu số 2 có diện tích 150ha, hiện có nhà máy liên doanh mía đường Việt Nam - Đài Loan, công suất 6.000 tấn mía/ngày, vốn đầu tư 66 triệu USD đã đi vào sản xuất có hiệu quả. Ngoài ra, Thanh Hoá đang khuyến khích các ngành nghề khác đầu tư vào Khu công nghiệp này bao gồm: sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, gạch ngói, bê tông đúc sẵn; công nghiệp mía đường, bánh kẹo, cồn, thức ăn gia súc; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

Với ý nghĩa và vai trò của các Khu công nghiệp trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các khu công nghiệp Thanh Hoá đang thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá đã và sẽ luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đi khảo sát các khu công nghiệp để tìm cơ hội đầu tư. Xây dựng các khu công nghiệp Thanh Hoá là hành động thiết thực, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, tạo đà cho Thanh Hoá đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp. Các khu công nghiệp hình thành và phát triển không chỉ biến những vùng này thành hạt nhân phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm đô thị, mà còn là động lực quyết định bước nhảy vọt về kinh tế của tỉnh Thanh Hoá và khu vực Nam Thanh - Bắc Nghệ và Bắc Trung Bộ.

Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp Thanh Hoá

1. Các dự án về kết cấu hạ tầng

- *Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp tập trung Nghi Sơn I, quy mô 110ha và Khu công nghiệp Nghi Sơn 155ha, tổng vốn đầu tư 100 triệu USD.*
- *Cảng tổng hợp và cảng xuất, nhập dầu công suất 14 triệu tấn/năm.*
- *Cảng thương mại cho phép tàu trọng tải trên 1 vạn tấn ra vào, vốn đầu tư 160 triệu USD.*
- *Dự án khả thi cấp nước mặt, công suất 110.000m³/ngày đêm, tổng vốn đầu tư 40 triệu USD.*
- *Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, vốn đầu tư 40 triệu USD.*
- *Nhà máy thu gom và xử lý nước thải, vốn đầu tư 10 triệu USD.*
- *Nhà văn phòng, thương mại và khu dân cư đô thị.*

2. Các dự án sản xuất công nghiệp

- *Liên hợp lọc hoá dầu công suất 7 triệu tấn dầu thô/năm, vốn đầu tư 2,488 tỷ USD.*
- *Nhà máy sản xuất Polyester công suất 200.000 tấn/năm.*
- *Nhà máy sản xuất Polypropylene công suất 150.000 tấn/năm.*
- *Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp PTA, PEJ công suất 500.000 tấn/năm.*
- *Tổng kho xăng dầu công suất 38.000m³.*
- *Nhà máy sản xuất Benzen, Xylen (BTX) công suất 400.000 tấn/năm.*
- *Nhà máy cơ khí chế tạo, lắp ráp, sửa chữa xe cơ giới.*
- *Nhà máy sản xuất sợi, dệt, nhuộm và hoàn tất công suất 5 - 10 nghìn tấn sợi/năm, 40 triệu tấn mét vải/năm.*
- *Nhà máy nhiệt điện chạy dầu công suất 300 MW, vốn đầu tư 300 triệu USD.*
- *Nhà máy thép hình công suất 100.000 tấn/năm; vốn đầu tư 8 triệu USD.*
- *Nhà máy chế biến đông lạnh hải sản công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.*
- *Nhà máy sản xuất đồ gỗ, bao bì công suất 5 - 7 triệu m³/năm.*
- *Nhà máy đóng và sửa chữa phương tiện thuỷ cỡ 100.000 DWT, vốn đầu tư 10 triệu USD.*

MANAGEMENT BOARD OF THANH HOA INDUSTRIAL ZONES

THANH HOA ECONOMY MAKES BREAKTHROUGH BY INDUSTRIAL ZONES

Over the past years, implementing the open-door policy, internal strength promotion and investment incentive, Thanh Hoa has achieved remarkable developments. However, to create a breakthrough for the economy, developing industry with centrally Industrial Zones (IZs) is an inevitable choice. The Management Board of Thanh Hoa IZs established under Decision No.39/1999 QD-TTg dated March 6th 1999 by the Prime Minister functioning as direct management body of IZs across the province will shoulder heavy task of realising the above targets.

After hundreds of years of whole-heartedly doing farming work, Thanh region people have come to conclusion that agriculture just helps them fill up their stomach; however, to enrich themselves, they must follow industrialisation. Mastering a modern industry is the great aspiration of the provincial leadership, departments and agencies. Thus, the establishment of IZs is the economic development opportunity of the Central border area.

The door opens a grand prospect

Since its operation, the Management Board of Thanh Hoa IZs has become an important transaction link, dealing with the matters of production - business and infrastructure development investment, serving development of IZs in the province. In addition, the management board also gives advice to the Provincial People's Committee on promulgating relevant documents in the service of management work such as: management regulations for IZs, filing procedures, combined regulations of investment licensing and project approval, State management combined regulations for IZs. In particular, the Management Board of Thanh Hoa IZs has advised the province to strengthen administrative reforms, adopt management mechanism "one door - on the spot", in which the Management Board of Thanh Hoa IZs takes responsibility for directly coping with investors' requirements. Thanks to the mechanism improvement, investors have a chance to minimise formerly troublesome procedures, which are now convenient and assured. Hence, only for a short time since establishment, the Management Board of Thanh Hoa IZs examined and issued investment license to two foreign-invested projects in the IZs authorised by the Ministry of Planning and Investment, and investment certificate to nine domestic investment projects authorised by the Provincial People's Committee. The process of examination and issuance of investment license is realised in accordance with legal regulations, which is prompt and minimises complicated procedures, creating maximally favourable conditions for investors.

Thanks to close conduct by the provincial leadership, harmonious co-operation with relevant sectors and departments in addition to the determination of the management board's officials and staff, the image of Thanh Hoa IZs has been gradually formulated and increasingly developed. So far, according to the assessment by Thanh Hoa Department of Planning and Investment, the enterprises operating in the Thanh Hoa IZs namely Export Sport Shoes Enterprise (Le Mon IZ), Ceramic Brick Plant (Le Mon IZ), Nghi Son Cement Plant (Nghi Son IZ), Concrete Material Production Plant (Nghi Son IZ) are on the way to development with high-efficiency production - business.

The image of IZs

According to the overall planning for the provincial 2001 - 2010's socio-economic development approved by the Prime Minister, the development planning for four IZs is attached to four key economic areas as an impetus to the socio - economic development of Thanh Hoa, Southern Thanh - Northern Nghe and Central Northern Parts including: Le Mon IZ, Nghi Son IZ,

Lam Son - Muc Son IZ and Bim Son - Thach Thanh IZ.

2.1 Le Mon IZ

Le Mon IZ was established under Decision No.186/1998/QD-TTg dated September 25th 1998 by the Prime Minister. Its scale is 300 ha; in the phase 1: total area comprises 62.61 ha with total investment capital of VND74 billion to build for five years (1998 - 2002).

Le Mon IZ gives priority to developing labour-intensive high-tech clean industries and producing export goods of high economic value and the consumption goods industries include textile, garment, leather shoes, aquatic and agro-forestry products processing, electronic and mechanical assembly, telecommunication equipment, construction material industry, traditional handicraft occupations, services industry.

So far, Le Mon IZ's infrastructure system including water and electricity supply, the IZ's inner roads, surface drainage and sewage treatment system and others like posts and telecommunications, schools, hospitals and living quarters serving the IZ has been synchronously invested. Head of the Management Board of Thanh Hoa IZs, Tran Minh Bao said: "So far, this IZ has leased 21 projects including two foreign invested and 19 domestic ones with total registered capital of VND737.954 billion; total leased area occupies 32.5/42.5 ha, industrial land makes up for 76.6% of the total industrial land area. Those include two projects enjoy foreign direct investment of Justnine Company - Japan and Environment Protection Oxygen Equipment Industrial Company of Haerbin - China.

2.2 Nghi Son IZ

Nghi Son is a place lying along the National Highway 1A, the North - South road belonging to Tinh Gia District, in the industrial part of "Southern Thanh - Northern Bac" with construction planning by 2020 was obtaining approval of the Prime Minister in Decision No.604/QD-TTg dated May 17th 2001. The IZ's area is 1,550 ha, in which: industrial land occupies 870 ha including 400 ha for oil-chemistry industry development, approximately 313 ha for mechanical industry, electrochemical and light industry, and a part for expanding Nghi Son Cement Plant and developing a number of other industries. Additionally, Nghi Son IZ also sets aside a land area of nearly 410 ha to build exclusive port for the industries of cement, oil-chemistry and refinement, fish port and collective port.

Nghi Son IZ is the core for forming Nghi Son new urban area of Thanh Hoa Province. According to economic specialists and policy makers, Nghi Son IZ plays a vital role as a momentum to pushing up the socio-economic development of Thanh Hoa province. Presently, Nghi Son IZ has kept in hand sufficient conditions on services and technical infrastructure: electricity, water, post - telecommunications, bank, hospital and school, satisfying essential demands of investors and people.

Currently, Nghi Son IZ has Nghi Son Cement Plant - a joint-venture between Vietnam Cement Corporation and Japanese Mitsubishi Group with the annual capacity of 2.3 million tonnes, total investment capital of USD374 million is in operation. Besides, the IZ also holds a number of such projects as deep-sea port, wharf No.1 for ten thousand-tonne capacity ships started its operation at the end of the first quarter in 2002, water plant with capacity of 20,000 cu.m per day is invested by Vietnam Construction Import - Export Corporation, the Oil-chemistry and Refinement Complex No.2 is invested by Vietnam Petroleum Corporation.

2.3 Dinh Huong IZ

Belonging to the system of Thanh Hoa - Sam Son IZ by the National Road No.1A, Dinh Huong IZ has been established based on re-organising and re-planning available enterprises. Thanks to the favourable position near the city centre, the infrastructure on electricity and water supply, communication and services have been completely invested.

Dinh Huong is a small and medium IZ, mainly attracting mechanical industry, construction material and light industry, supporting move of production establishments away from urban areas, aiming at overcoming environmental pollution in the areas, raising efficiency of utilising local human resources. Today, Dinh Huong IZ owns 18 operating business - production establishments with total investment capital of VND200.441 billion and used land area of 28.85 ha.

2.4 Lam Son - Muc Son IZ

Situated in the west of Thanh Hoa province, 40 km from Thanh Hoa City and near Sao Vang Airport (Golden Star), Lam Son - Muc Son IZ occupies 200 ha land. It has Lam Son Town and satellites including the towns of Sao Vang, Bai Thuong. The IZ belongs to the region with Lam Son Sugar Plant with daily capacity of 6,000 tonnes of sugarcane; Muc Son Paper Mill, 90,000

tonnes a year and other operating satellite enterprises. This is an important factor and a leverage for formulating the IZ - Lam Son Sao Vang Urban Area.

2.5 Bim Son - Thach Thanh IZ

Bim Son - Thach Thanh IZ represents 450 ha, located in the north of the province with the convenient traffic system: by the National Highway 1A, North - South railway, provincial road No.7, Tam Diep and Buoi river road.

As planned, Bim Son - Thach Thanh IZ is divided into two regions. The region No.1 has an area of 300 ha situated in the area of Bim Son Cement Plant with efficient operation of 1.2 million tonnes annual capacity (presently the plant is raising annual capacity up to 1.8 million tonnes). The region No.2 occupies 150 ha, presently with Vietnam - Taiwan Sugarcane Joint-venture Plant with effective production of 6,000 tonnes daily capacity of sugarcane and investment capital of USD66 million. Moreover, Thanh Hoa is encouraging other industries and occupations including construction material, cement, brick, tile and ready-to-use concrete production; sugarcane, candy, alcohol and cattle foods industry; food, agro-forestry products processing to invest in the IZ.

Bearing the meaning and role of IZs in the provincial socio-economic development, Thanh Hoa IZs are drawing the attention of foreign and domestic investors. The Management Board of Thanh Hoa IZs have been facilitating investors to make study tours around the IZs so as to seek investment opportunities. Building IZs is a practical action, helping implement the Fifteenth Provincial Party Committee Congress Resolution giving an impetus to Thanh Hoa by 2020 to fundamentally become an industrial province. The establishment and development of IZs not only turn these areas into development core of key economic regions and urban centres but also act as a decisive impetus for economic leaps by Thanh Hoa Province, Southern Thanh - Northern Nghe and Central Northern parts.

List of projects calling for investment in Thanh Hoa IZs

1. *Infrastructure projects*
- *Investment project of concentrated IZ infrastructure construction of Nghi Son I with the scale of 110 ha and Nghi Son IZ of 155 ha with total investment capital of USD100 million.*
- *General port and oil export - import port with annual capacity of 14 million tonnes.*
- *Commercial port accommodating over 10,000-tonne capacity vessels' operation with investment capital of USD160 million.*
- *Feasible project of surface water supply with capacity of 110,000 cu.m per day and total investment capital of USD40 million.*
- *Drainage and sewage treatment system with investment capital of USD40 million.*
- *Sewage treatment and collecting plant with investment capital of USD10 million.*
- *Office, commercial building and urban residential area.*

2. *Industrial production projects*
- *Oil-chemistry and refinement complex with annual capacity of seven million tonnes of crude oil and investment capital of USD2.488 billion.*
- *Polyester production plant with annual capacity of 200,000 tonnes.*
- *Polypropylene production plant with annual capacity of 150,000 tonnes.*
- *PTA, and PEJ synthetic fibre production plant with annual capacity of 500,000 tonnes.*
- *Gasoline and oil base depot with capacity of 38,000 cu.m.*
- *Benzen, Xylen (BTX) production plant with annual capacity of 400,000 tonnes.*
- *Mechanical factory of manufacturing, assembling and repairing motor vehicles.*
- *Fibre production, textile, dyeing plant accomplishing annual capacity of five to ten thousand tonnes of fibres and 40 million tonnes of metres of cloth.*
- *Oil-using thermoelectricity plant with capacity of 300 MW and investment capital of USD300 million.*
- *Shaped iron plant with annual capacity of 100,000 tonnes and investment capital of USD8 million.*
- *Frozen seafood processing plant with annual capacity of 5,000 tonnes of products.*
- *Wrapping and wooden furniture production plant with annual capacity of five to seven million cu.m.*
- *100,000 DWT under-water means fixing and building plant with investment capital of USD10 million.*

Phần VII

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Part VII

CULTURE - SOCIETY

NGÀNH VĂN HOÁ - THÔNG TIN

TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU MỚI

Trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm của đất nước Việt Nam, sự tồn tại và phát triển của dân tộc cũng là sự trường tồn của một nền văn hoá mang đậm bản sắc, đẫm hồn núi sông. Thanh Hoá - vùng đất địa linh, nhân kiệt đã góp phần đáng kể trong việc tôn tạo, gìn giữ và phát huy mạnh mẽ nền văn hoá đặc sắc đó.

Ông Ngô Hoài Chung Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá

Xứ Thanh cùng với lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước đã để lại nhiều dấu ấn trong nền văn hoá Việt Nam, từ hùng khí của Bà Triệu cưỡi voi xung trận, của Lam Sơn tụ nghĩa bình Ngô, tới chí khí ngất trời của Ba Đình, Mã Cao, Hùng Lĩnh... người ta còn biết tới xứ Thanh với văn hoá Đông Sơn, Núi Đọ - nơi được coi là cái nôi của loài người cùng những nét sơ khai của nền văn hoá Việt Nam. Đây cũng là quê hương xứ sở của nhiều danh nhân tiêu biểu cho một dân tộc anh hùng. Trong hàng ngàn năm văn hiến, từ Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần - Lê đến Tây Sơn và Nhà Nguyễn, biết bao công trình kiến trúc nghệ thuật nguy nga, bề thế đã được xây dựng trên đất này. Từ thành Tây Đô (thành nhà Hồ) với ý nghĩa chiến lược thủ hiểm lâu dài và là quốc đô của nước Đại Ngu non trẻ, đến nền điện Ly Cung nơi chuẩn bị cho một cuộc thay ngôi đổi chủ trong lịch sử. Vẫn còn đó Lam Kinh - căn cứ địa đầu tiên của Lam Sơn tụ nghĩa và sau này là hành cung của triều Lê. Không chỉ có thế, nghệ thuật kiến trúc xứ Thanh còn được thể hiện ở các đình, chùa, miếu mạo và những phương pháp điêu khắc trên mọi chất liệu mang đậm màu sắc dân gian độc đáo, thể hiện được nét tài hoa của các nghệ nhân xưa. Ngoài ra Thanh Hoá còn là nơi lưu giữ một kho tàng văn hoá dân gian phong phú (truyền thuyết, truyện cười, cổ tích, ca dao, hò vè...). Nơi đây là cái nôi của thiên sử thi "Đẻ đất đẻ nước" của các truyện thơ dài như: Khăn Panh, Út Lót - Hồ Liêu và những điệu hò sông Mã, hát múa Đông Anh, múa Xuân Phả, đối đáp của chèo chải ... Các loại hình như trên đã và đang góp phần không nhỏ làm giàu hơn kho tàng văn hoá Việt Nam. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên và nhân tài vật lực cùng truyền thống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc, đã tạo nên một xứ Thanh có nền văn hiến riêng đặc trưng, rất thuận lợi cho việc giữ gìn và phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin. Đó cũng là nền tảng để Thanh Hoá tiếp cận nhanh với nền văn hoá hiện đại, làm giàu thêm vốn văn hoá của mình.

Xây dựng văn hoá cơ sở - gốc của mọi thành công

Ngành Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá được hình thành rất sớm và gắn chặt với các phong trào đấu tranh cách mạng từ thời tiền khởi nghĩa. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công "Ty Thông tin - Tuyên truyền" của tỉnh ra đời trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Theo từng giai đoạn lịch sử, ngành Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá đã qua nhiều thời kỳ với những tên gọi

khác nhau; nhưng bất kể lúc nào, thời kỳ nào với tên gọi nào, dù là Ty Thông tin - Tuyên truyền, Ty Thông tin, Ty Tuyên truyền và Văn nghệ, Ty Văn hoá, rồi Ty Văn hoá - Thông tin hay giờ đây là Sở Văn hoá - Thông tin thì đội ngũ cán bộ, công nhân viên của ngành vẫn luôn gắng hết sức mình để hình thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Trong những tháng năm đất nước còn chìm trong khói lửa chiến tranh, ngành Văn hoá -Thông tin Thanh Hoá đã đưa cán bộ, văn nghệ sĩ xuống tận cơ sở, ra chiến trường, tới nơi sản xuất để kịp thời phục vụ nhân dân và phản ánh trung thực, sinh động công cuộc kháng chiến kiến quốc vĩ đại của dân tộc ta. Đây là thời kỳ lực lượng làm công tác văn hoá thông tin tuyên truyền trưởng thành nhanh chóng và phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề cho ngành phát triển hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo. Năm 1975 đến năm 2000, đất nước đã trải qua khoảng thời gian đầy khó khăn, thử thách và không ít biến động; mọi hoạt động của ngành văn hoá - thông tin nằm trong sự vận hành của tiến trình lịch sử đó cũng không tránh khỏi những thăng trầm. Nhưng từ các hoạt động thực tiễn cùng nhiều kết quả đã đạt được, trong thời gian qua, ngành Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá đã chứng tỏ được vai trò nòng cốt trong việc nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân và đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Ngành đã xác định: quan tâm xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, chính là nhiệm vụ then chốt, tác động nhiều mặt tới việc nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Trong đó trọng tâm là xây dựng quy ước nếp sống văn hoá, gia đình văn hoá, làng văn hoá. Xuất phát từ quan điểm trên, lãnh đạo ngành đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị 28 về "Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá, gia đình văn hoá, và xây dựng đời sống văn hoá cơ sở". Đồng thời ngành cũng lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp của mình như: nhà văn hoá thông tin triển lãm, thư viện, bảo tàng... thường xuyên có cán bộ theo dõi, chỉ đạo phong trào văn hoá nghệ thuật, thông tin cơ sở. Nhiều huyện đã được ngành hỗ trợ làm tốt công tác xây dựng làng văn hoá như: Nga Sơn, Đông Sơn, Nông Cống, Hậu Lộc, Bỉm Sơn, Bá Thước, Thọ Xuân.... Cùng với việc tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3152/199-QĐUB ngày 24-12-1999 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn làng văn hoá, ngành tập trung khai thác phát huy vốn văn hoá cổ truyền như dân ca, dân vũ, trò chơi, trò diễn, khôi phục nghề truyền thống ở các địa phương để hướng nhân dân vào các hoạt động lễ hội, vui chơi lành mạnh. Thực hiện song hành cùng các hoạt động trên, ngành cũng trực tiếp theo dõi và kết hợp với các huyện, thị chỉ đạo việc mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ các phòng ban trực thuộc, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn để đáp ứng những yêu cầu mới. Với 5 nội dung cơ bản và 7 phong trào cụ thể của cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" do ban chỉ đạo Trung ương phát động đã được ngành phối hợp với chính quyền các cấp triển khai rộng khắp, thu hút được mọi nguồn lực của toàn xã hội tham gia vào các hoạt động sáng tạo văn hoá và xây dựng đời sống văn hoá mới. Đến nay toàn tỉnh đã có 2.419 làng văn hoá (trong đó có 332 làng, bản, phố, cơ quan văn hoá đạt danh hiệu cấp tỉnh). Số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá có trên 430/800 nghìn hộ và hiện có trên 600 làng xây dựng quy ước nếp sống văn hoá. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở ở Thanh Hoá mang một ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, góp phần tô đậm thêm bản sắc văn hoá quê hương, từ đó tạo tiền đề cho việc ổn định tinh thần của nhân dân, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng và phát huy

Lễ hội Lam Kinh

những tiềm lực dồi dào của quần chúng trong sự nghiệp xây dựng địa phương giàu mạnh.

Trong những năm qua, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin cổ động, trưng bày triển lãm hay thực hiện nếp sống văn minh trong việc tổ chức lễ hội, cưới xin, ma chay... theo tinh thần Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị, chỉ thị 14 của Thủ tướng đều có sự chỉ đạo, hướng dẫn của ngành văn hoá thông tin. Việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị thuộc Sở đã tạo điều kiện thúc đẩy phong trào văn hoá cơ sở có những thành công mới. Nhiều điểm trắng văn hoá ở các vùng sâu, vùng xa đã được xoá bỏ khi các đoàn nghệ thuật, đoàn chiếu phim lưu động, trung tâm thông tin triển lãm của tỉnh về phục vụ và tạo cơ sở văn hoá tại địa phương. Công tác quản lý nhà nước về việc hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá luôn được quan tâm đúng mức, ngành đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng khác như: công an, quản lý thị trường, phòng chống tệ nạn xã hội, cùng chính quyền các cấp,... tiến hành hướng dẫn kiểm tra, xử lý mọi vi phạm trong hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá kịp thời, không cho lan rộng khiến ảnh hưởng tới môi trường văn hoá trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, vấn đề khai thác văn hoá vật thể và phi vật thể đã được ngành phát huy tốt các giá trị văn hoá truyền thống được đề cao phần nào và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo ngày càng lớn của nhân dân; kế hoạch trùng tu, tôn tạo và giới thiệu các khu di tích, các danh thắng có ý nghĩa, giá trị lịch sử đã được ngành xây kỹ lưỡng. Nhiều dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang đi vào thực hiện. Bảo vệ và khai thác có hiệu quả vốn văn hoá vật thể đang là mối quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, bởi đó cũng là một trong những hình thức tạo điều kiện giao lưu văn hoá, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trao đổi về vấn đề này, ông Ngô Hoài Chung, Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin, cho biết: "Đến nay, toàn tỉnh đã có hơn 4.600 di tích được đăng ký bảo vệ cấp tỉnh và xếp hạng quốc gia. Tuy còn gặp nhiều khó khăn như kinh phí có hạn, trong khi số di tích, danh thắng của Thanh Hoá lại rất nhiều nên chúng tôi đã tham mưu cho các cấp chính quyền tập trung ưu tiên cho các di tích cách mạng, kháng chiến và các di tích lịch sử, văn hoá trọng điểm. Đối với loại hình văn hoá phi vật thể, chúng tôi đã có những hoạt động thiết thực để lưu giữ như: quay băng, thu âm các làn điệu hò sông Mã, múa Xuân Phả, Trò ma (Mường) và chúng tôi sẽ tiếp tục có những kế hoạch bảo vệ thiết thực hơn để lưu giữ, để phát triển".

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tài năng nghệ thuật của ngành cũng đạt được nhiều

kết quả khả quan. Hàng năm, Trường Trung học Văn hoá - Nghệ thuật Thanh Hoá đã không chỉ đáp ứng đủ về nhu cầu số lượng cho ngành văn hoá - thông tin, ngành giáo dục - đào tạo mà chất lượng cũng ngày càng được nâng cao qua việc liên tục đổi mới phương pháp dạy và học. Nhiều học sinh, sinh viên của các lớp năng khiếu đã đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia được tổ chức hàng năm. Riêng năm 2002 trong liên hoan âm nhạc sân khấu, kịch hát truyền thống các trường văn hoá nghệ thuật toàn quốc diễn ra tại Huế, Trường Văn hoá - Nghệ thuật Thanh Hoá tham gia 6 tiết mục đã chiếm 3 giải A, 1 giải B. Nhà trường đã thực sự là nơi bồi dưỡng tài năng nghệ thuật cho phong trào quần chúng và tạo cho ngành có một nguồn cán bộ hoạt động văn hoá - thông tin dồi dào.

Văn hoá thông tin trước những yêu cầu mới

Để sự nghiệp văn hoá - thông tin của tỉnh đạt được kết quả tốt trong những năm tiếp theo, đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hoá ngày càng cao của nhân dân, Ngành Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá đã tập trung chỉ đạo, thực hiện một số nội dung mang tính chất định hướng chiến lược lâu dài.

Thứ nhất, đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hoá cơ sở mà nòng cốt là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Tập trung vào các mục tiêu chính đã được phát huy có kết quả trong thời gian qua như: xây dựng gia đình văn hoá, làng, bản, phố văn hoá... Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để thực hiện cuộc vận động đạt kết quả tốt. Ngành phấn đấu đến năm 2005, toàn tỉnh sẽ có 3.430 làng, bản, phố, xã, phường, cơ quan khai trương đơn vị văn hoá, trong đó có 650 làng bản, phố, cơ quan đạt danh hiệu "Đơn vị văn hoá" cấp tỉnh. Dự tính tới năm 2010, toàn tỉnh sẽ có 5.988/8.054 đơn vị cơ sở khai trương xây dựng "Đơn vị văn hoá" cấp tỉnh, trong đó có 1.630 làng, bản, xã, phường, cơ quan đạt danh hiệu "Đơn vị văn hoá" cấp tỉnh. Riêng việc xây dựng các hộ gia đình văn hoá, ngành dự tính đến năm 2010 sẽ có 475.000 gia đình đạt chuẩn (chiếm 60% tổng số hộ gia đình toàn tỉnh).

Thứ hai, đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trên địa bàn đối với các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hóa. Tăng cường phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành chức năng để ngăn chặn kịp thời các hoạt động phi văn hoá tạo môi trường xã hội lành

Số lượng các tài sản - di sản văn hoá của tỉnh Thanh Hoá

(Tính đến năm 2002)

- *Số lượng nhà văn hoá: có 2.000 nhà văn hoá từ cấp thôn đến cấp tỉnh.*
- *Số lượng thư viện: có 52 thư viện từ cấp xã đến cấp tỉnh.*
- *Số lượng phòng đọc tại bản, làng: có 880 phòng.*
- *Số lượng bảo tàng: có 3 bảo tàng*
- *Số lượng phòng trưng bày: có 3 phòng.*
- *Số lượng di tích: có 1.535 di tích, trong đó công trình kiến trúc - nghệ thuật có 1.162, di tích cách mạng kháng chiến có 114, di tích khảo cổ có 184, danh thắng có 75 (127 di tích được xếp hạng quốc gia, 333 di tích được xếp hạng cấp tỉnh).*

mạnh. Ngành tiếp tục công tác tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền phát huy vai trò của ngành trong công tác quản lý di tích theo Luật di sản văn hoá. Từng bước chấn chỉnh công tác trùng tu, tôn tạo, phát huy hiệu quả các di tích theo hướng đẩy mạnh công tác xã hội hoá. Hiện nay, toàn tỉnh Thanh Hoá có 1.335 di tích và thắng cảnh (trong đó có 127 di tích đã được xếp hạng quốc gia và 333 di tích đã được tỉnh ra quyết định bảo vệ). Việc quản lý và khai thác có hiệu quả các khu di tích, danh thắng trên trong thời gian tới cần phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa ngành và các địa phương.

Thứ ba, nâng cao chất lượng hoạt động trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, thông tin, tuyên truyền và biểu diễn trên cơ sở giữ gìn, phát huy vốn truyền thống văn hoá quê hương. Đồng thời cũng không ngừng đẩy mạnh công tác nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ của ngành và phát huy tốt năng lực sáng tạo của anh em văn nghệ sĩ. Sở chủ trương đến năm 2010 có 100% cán bộ văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao xã, phường được đào tạo nghiệp vụ với trình độ từ trung cấp trở lên. 100% hạt nhân văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao của các đơn vị được bồi dưỡng có trình độ tương đương sơ cấp. 70% cán bộ văn hoá - thông tin cấp huyện, thị có trình độ đại học (trong đó có 10% trên đại học). Riêng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, số cán bộ tốt nghiệp đại học sẽ chiếm 80% trở lên (trong đó có 10% trên đại học). Đa phần các nhạc công, diễn viên sẽ có trình độ trung cấp và 40% tốt nghiệp đại học. Ngành cũng có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, thiết chế văn hoá, tạo điều kiện nâng cao nhu cầu và mức hưởng thụ văn hoá - thông tin. Ngành phấn đấu đến năm 2010 sẽ có 100% trung tâm xã, phường có hệ thống thông tin ổn định và 4.027/8.050 đơn vị cơ sở có phòng đọc sách, báo, tạp chí, 100% xã có điểm bưu điện - văn hoá. Mức hưởng thụ nghệ thuật (chuyên và không chuyên) đến năm 2010 sẽ đạt 2 lần/người/năm, trong đó xem biểu diễn chuyên nghiệp là 0,6 lượt/người/năm. Sở cũng đề ra thiết chế văn hoá đến năm 2010 phải có 90% đơn vị cơ sở có đội văn nghệ thông tin và 100% làng, bản có nhà văn hoá.

Thứ tư, ngành Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá sẽ tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và đề án sắp xếp tổ chức của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Bộ máy tổ chức của ngành sẽ được tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực quản lý và phát huy tốt năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ. Thiết lập kỷ cương, kỷ luật chặt chẽ hơn nữa để xây dựng ngành vững mạnh, đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ mới trong giai đoạn mới.

Công cuộc đổi mới của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã mở ra cho sự nghiệp văn hoá - thông tin của đất nước nói chung và của Thanh Hoá nói riêng có những bước phát triển mạnh mẽ. Tuy là tỉnh đất rộng, người đông gây nhiều trở ngại trong hoạt động quản lý văn hoá - thông tin, nhưng trong những năm qua, ngành đã không ngừng phấn đấu, vượt mọi khó khăn để đưa văn hoá - thông tin đến với từng người dân. Các phong trào do Sở phát động và chỉ đạo đã nhận được sự hưởng ứng rất lớn của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời đó cũng là nền tảng cho sự ổn định về tư tưởng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng của địa phương. Với những đóng góp trên, trong những năm qua, Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất và 6 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ cùng nhiều bằng khen của Bộ, tỉnh, các ban ngành chức năng.

CULTURE - INFORMATION SECTOR

FACING NEW REQUIREMENTS

Through thousands of years of Vietnamese history, the existence and development of the nation is also the perpetuity of a culture full of the national identity and characteristics. Thanh Hoa - a land of sanctuary and talents has made considerable contribution to embellishing, preserving and bringing into full play that extraordinary culture.

Thanh region with thousand-year history of national building and defence has left numerous traces in Vietnamese culture, from strong impetus of Ba Trieu (a heroine) riding elephant to the battle and of Lam Son insurgent army under Ngo dynasty, to fervent fighting will of Ba Dinh, Ma Cao and Hung Linh. Thanh region is also famous for Dong Son culture. Do mountain which is considered the cradle of human beings together with original features of Vietnamese culture. It is also the homeland of a number of well-known men typical for a heroic nation. During thousands of years of national building and defence, from the dynasties of Dinh, pre-Le, Ly, Tran, Le to Tay Son and Nguyen, many influential and magnificent architectural works were built in this land, from Tay Do citadel (under Ho dynasty) bearing long-lasting leading strategic meanings and being the capital of young country of Dai Ngu, to Ly Cung palace where prepared for the ownership change in history. Lam Kinh - the first revolutionary base of Lam Son insurgent army and later the royal step-over place of Le dynasty has still remained there. Moreover, Thanh region's architectural art is exposed via the communal houses, pagodas, temples, and sculpture methods on every material deeply filled with national unique characteristics, showing natural gifts of former craftsmen. Furthermore, Thanh Hoa is the place of storing a treasure of bounteous folk cultural types (legends, comedy, fairy tales, folk songs and ditties). The cradle of the epic named "De dat de nuoc" (The birth of the nation) and of long poetic stories namely Khan Panh, Ut Lot - Ho Lieu and Ma river ditties, Dong Anh dances and songs, Xuan Pha dance, repartees of traditional operetta... These types have been making significant contribution to enriching the treasure of Vietnamese culture. Advantages of natural conditions, talents and material power as well as copious cultural traditions full of national identity have built up a Thanh region with its own distinguished culture facilitating preservation and development of the culture and information cause. This fundamentally enables Thanh Hoa to rapidly

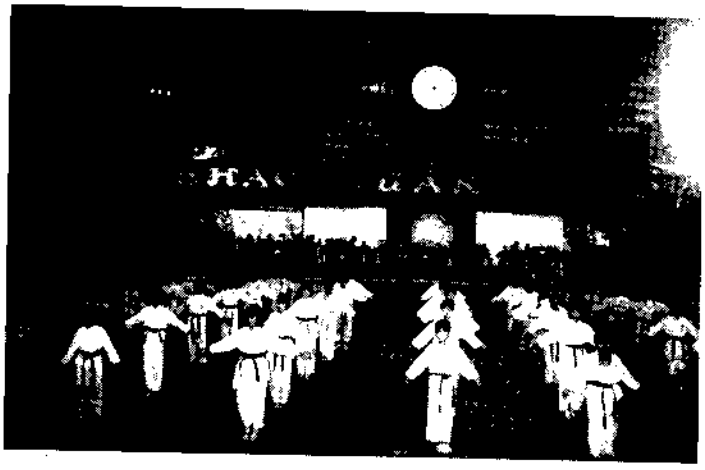

New Year's Eve welcoming the new millennium, Tan Ty year of 2001

approach modern culture and enrich its own cultural knowledge.

Building grassroots culture - a foundation for every success

Thanh Hoa Cultural - Information Sector has been early formulated and closely attached to revolutionary struggle movements since the pre-war time. Right after the success of August Revolution, "the Service of Information - Propaganda" of the province was born in the cause of struggle and national construction. Over periods of history, Thanh Hoa Cultural and Information sector has gone through numerous phases with various names; however, at any time, any phase with any name, even with the Service of Information - Propaganda, Service of Information, Service of Propaganda and Art, Service of Culture, and Service of Culture and Information or presently called the Department of Culture and Information, the sector's staff has always tried their best to accomplish all the tasks entrusted by the Party and people.

During the time when the country was sunk in the smoke of wars, Thanh Hoa Cultural and Information sector sent its cadres and artists to the grassroots, battlefields and production zones so as to promptly serve the people, honestly and visibly reflect the process of building and resistance of Vietnamese nation. This was the time when people in charge of cultural, information and propaganda sector speedily grew up and vigorously improved, creating premises for the sector's further developments in the following phase. Between 1975 and 2000, the country experienced difficulties, challenges and numerous changes; ups and downs in cultural information sector during that history process were therefore inevitable. However, from the practical activities and obtained results, over the past time, Thanh Hoa Cultural and Information sector has manifested its core role in improving spiritual and material life for the whole people in the province. The sector defined paying concern to setting up grassroots cultural life as the key task, placing multi-sided impacts on raising people's intellectual standard, alleviating hunger, reducing poverty and speeding up socio-economic development, the core of which is to build up regulations of cultural life-style, families and villages. Pursuing those orientations, the sector's leadership has given advice to the Provincial People's Committee on the issuance of Instruction 28 on " Promoting the movement of building up cultural life-style and family, .and grassroots cultural life". Concurrently, the sector has also led its administrative units like houses of culture, information and exhibition, libraries, museums, assigning cadres to conduct grassroots informational and artistic cultural movements. A number of the districts being Nga Son, Dong Son, Nong Cong, Hau Loc, Bim Son, Ba Thuoc and Tho Xuan have been supported by the sector to effectively fulfil the cultural village building. Coupled with advising the Provincial People's Committee to issue regulation No.3152/199-QDUB dated December 24th 1999 on the issuance of cultural village criteria, the sector has also focused on exploiting and promoting traditional cultural reserves such as folk songs, folk dances, games and performances, restoring traditional occupations in the localities aiming to direct the people to healthy festivities and games. Parallel with these activities, the sector directly supervises and together with the districts conducts the opening of professional skills training classes for cadres of affiliated departments, step by step improving professional quality to satisfy new requirements. Five principal points and seven concrete movements of the campaign "National solidarity to build up the cultural life in residential areas" launched by the Central steering committee have been extensively implemented by the sector in combina-

tion with the authorities at various levels, attracting all walks of life to join in culturally creative activities and new cultural life building. So far, the entire province is home to 2,419 cultural villages (of which 332 cultural villages, towns and bodies are certified at provincial level). 430/800 thousand households have attained cultural family criteria and presently over 600 villages have built up cultural life-style regulations. The movement of establishing grassroots cultural life in Thanh Hoa bears significant meaning in preserving and promoting national cultural values, helping deepen homeland cultural identity, then create premises for the people's spiritual stability, accelerate socio-economic growth, preserve national defence and security and promote abundant potentials of the masses in building powerful localities.

Over the past years, cultural, musical, propaganda information, display activities or realisation of civilised way of life in festivals, weddings and funerals pursuant to Instruction 27 of the Politburo, Instruction 14 by the Prime Minister have been led by the cultural and information sector. Reinforcement and quality enhancement of activities of the units under the department have helped promote grassroots cultural movements to attain new achievements. Cultural activities have reached every remote and isolated areas through the presence of the artistic groups, mobile film presenting groups and exhibition information centre of the province to serve and set up local cultural establishments. Due attention has always been paid to the State management on cultural activities and services; the sector has taken initiatives of co-ordinating with relevant agencies such as police, market management forces, social evil protection and authorities at all levels to inspect and promptly settle violations in cultural activities and services, preventing their spread affecting cultural environment across the province. Specifically, material and immaterial cultural exploitation has been fully brought into play, traditional cultural values are partly heightened and respond to the people's increasingly creative and enjoyment demand; the plan of restoring, embellishing and presenting vestige sites, historically valuable and significant scenic spots have been thoroughly outlined. A number of projects have been approved by the authorities at various levels and put into practice. Effective protection and exploitation of material cultural reserves are drawing the provincial leadership's concern since this is one of the ways facilitating cultural exchange, contributing to socio-economic development in the locality. Speaking of this matter, the Director of Cultural and Information Department, Ngo Hoai Chung said "Up to now, the entire province has had more than 4,600 vestiges registered for protection at provincial level and nationally ranked. In spite of numerous difficulties like limited expenses contrary to profuse vestiges and beauty spots of Thanh Hoa, we have advised the authorities at all levels to give top priorities to resistance, revolutionary vestiges as well as noteworthy cultural and historical vestiges. As for immaterial cultural types, we have taken practical actions to conserve them such as camera shooting, recording Ma river ditties, Xuan Pha dances, Tro Ma (Muong), and will continue to make more prac-

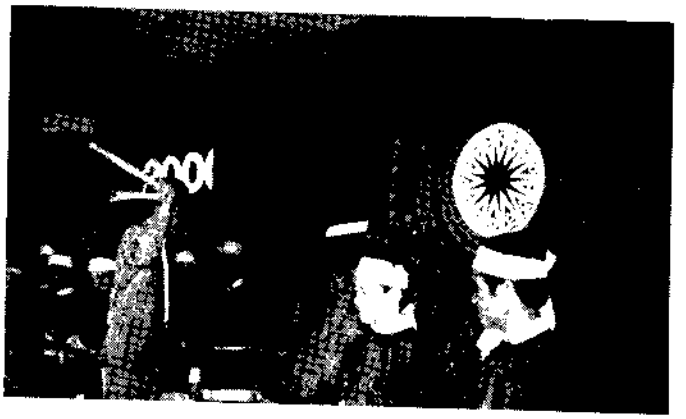

The secretary Trinh Trong Quyen drumming to open the night festival of a new millennium, 2000

tical protection plans for conservation and development".

The sector's training and nurturing of artistic talents have produced plentiful satisfactory results. Every year, Thanh Hoa High School of Culture and Arts not only satisfies sufficient quantity demand for the sector of culture - information, education - training but also improve their quality by continual reforms in teaching and studying methods. A great number of students from gifted classes have won high prizes in the yearly national examinations. In 2002 alone, in the stage and traditional musical festival of the national artistic cultural schools organised in Hue city, Thanh Hoa School of Culture and Arts took part in six shows and won three prizes A, one prize B. The school is virtually the place of fostering artistic talents for public movements and offering an abundant source of cultural - information cadres to the sector.

Culture and Information facing new challenges

To make the provincial cultural and information sector achieve good results in the years to come and meet progressively culturally creative and enjoyment needs of the people, Thanh Hoa Cultural and Information sector has focused on conducting and accomplishing a number of long-term strategic targets.

Firstly, strengthening the grassroots cultural life building, centrally the movement of "National solidarity to build up the cultural life in residential areas". Putting an emphasis on major targets effectively promoted over the past time such as establishing cultural families, villages, hamlets, street.Closely co-operating with departments and associations, mobilising all the forces to efficiently carry out the movement. By 2005, the sector strives to inaugurate cultural units in 3,430 villages, hamlets, streets, communes, wards and agencies across the province and bring about the "Cultural Unit" title at provincial level to 650 villages, streets and agencies. By 2010, 5,988/8,054 grassroots units over the province are expected to start building the provincial "Cultural Unit", of which 1,630 villages, hamlets, communes, wards and agencies win the title of provincial "Cultural Unit". As for the establishment of cultural households, by 2010, the sector is estimated to reach 475,000 standardised families (making up for 60% of total households across the province).

Secondly, pushing the State management in the area with respect to the cultural activities and services, intensifying close co-operation with relevant institutions to promptly stop non-cultural activities, creating healthy social environment. The sector will continue to give the local executive committee and authorities advice in promoting its roles in managing vestiges under the laws of cultural heritage. Step by step regulating restoration, embellishment and bringing into full play the vestiges' effectiveness towards socialisation promotion. Currently, the entire province possesses 1,335 vestiges and scenic spots (of which 127 vestiges are nationally ranked and 333 are protected under a decision of the province). Efficient management and exploitation of vestige and beauty spot sites in the coming time are in need of further co-operation of the sector and localities.

Thirdly, improving the quality of performing, propaganda, information, artistic and cultural activities on the basis of preserving and promoting homeland cultural traditional reserves. Concurrently, incessantly raising professional knowledge for the sector's cadres and maximally developing creativeness of artists. By 2010, the department plans to offer professional training courses at intermediate level upwards to 100% of the communal and ward cultural - information and sporting cadres. 100% of the cultural - information and sporting active forces from units are trained to master knowledge equivalent to elementary level.

70% of the cultural and information cadres at district level have completed higher education (10% of whom with postgraduate education). Most of the instrumentalists and artists will accomplish intermediate education and 40% graduate from universities. The sector also plans to strengthen material facilities and cultural institutions, helping speed up the demand for and capability of receiving culture and information. By 2010, the sector endeavours to equip 100% of the ward and communal centres with stable information system and 4,027/8,050 grassroots bodies with reading rooms of books, newspapers, magazines, 100% of the communes with cultural and post offices. Art performance (professional and unprofessional) will serve the people twice a year between now and 2010, professionally of which will be 0.6 turn a year. The department also works out cultural institutions, including 90% of the grassroots bodies with informational artistic groups and 100% of the villages and hamlets with houses of culture by 2010.

Fourthly, Thanh Hoa Cultural and Information sector will carry on consolidating organisation mechanism in accordance with the Seventh Central Resolution (Session VIII) and structural arrangement scheme by the Provincial People's Committee. The sector's organisation mechanism will be arranged in the orientation of centralising, enhancing management efficiency and effectively promoting management capability of cadres. Mapping out stricter rules so as to build it into a powerful sector, promptly fulfilling the new tasks in the new period.

The country's socialist-oriented renovation process led by the Party has opened up dramatic developments to the cause of culture and information of the country in general and Thanh Hoa in particular. Although Thanh Hoa is a large and density populated province resulting in a range of difficulties in cultural and information management, over the past years, the sector has perpetually made great efforts to surmount obstacles and bring culture and information to every resident. The movements launched and conducted by the department have earned popularity among the mass of people, simultaneously, created a foundation for ideological stability, making contribution to socio-economic developments and reinforcing local security and national defence. Thanks to these achievements, Thanh Hoa Cultural and Information Department in recent years has been awarded the First Labour Order by the State and flags for six times by the Prime Minister together with congratulatory certificates from the ministry, province and relevant institutions.

Number of assets - cultural heritages of Thanh Hoa Province

(By 2002)

- ***Houses: 2,000, from village to provincial level***
- ***Libraries: 52, from communal to provincial level***
- ***Reading rooms in the villages: 880***
- ***Museums: 3***
- ***Showrooms: 3***
- ***Vestiges: 1,535 including 1,162 artistic***
- ***Architectural works, 114 resistance revolutionary vestiges, 184 archaeological vestiges, 75 scenic spots (127 vestiges are nationally ranked and 333 provincially).***

ẨM THỰC XỨ THANH

Thanh Hoá không chỉ được biết đến là một vùng đất nổi tiếng còn lưu giữ những giá trị văn hoá đặc sắc qua các loại hình dân gian như: lễ hội, các danh lam thắng cảnh, khu nghỉ mát Sầm Sơn,... mà xứ Thanh còn nổi tiếng với văn hoá ẩm thực, từ nem chua Hạc Thành, chè lam Phủ Quảng, bánh gai Tứ Trụ, cùng những món ăn được chế biến từ hải sản như cua biển, ghẹ, sò huyết, tôm, mực, cá thu, cá trà,... ở Sầm Sơn, Hải Thanh, Tĩnh Gia.... Tất cả những giá trị trong văn hoá ẩm thực đó đều mang trong mình một giá trị đủ sức lôi cuốn mọi du khách và những ai đã từng đến thăm Thanh Hoá nhưng chưa một lần được thưởng thức những đặc sản của quê hương này thì xem như chưa từng qua Thanh Hoá.

Nhắc đến Thanh Hoá, đến hương vị quê Thanh không thể không kể đến đặc sản nem chua còn gọi là nem quả. Từng quả nem đại diện cho tình cảm gắn bó của người xứ Thanh lưu luyến tiễn chân du khách. Chỉ bằng bì lợn, thính, thịt lợn, gia vị, chiếc lá đinh lăng bánh tẻ quấn ngoài, cùng một ít bí quyết gia truyền mà cái khối nhỏ vuông vắn có màu xanh của lá chuối, màu trắng của lạt đã làm say lòng người đến thế.

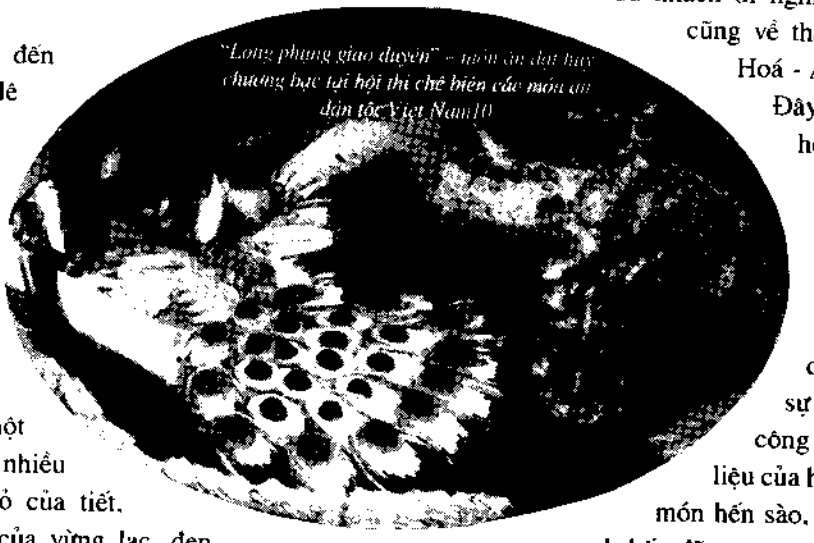

Kế đến phải kể đến đặc sản tiết canh dê cùng các sản phẩm từ thịt dê. Dê phải kén loại dê núi ở vùng núi đá Hà Trung, Vĩnh Lộc. Với bàn tay khéo léo và kỹ thuật pha chế điêu luyện, bát tiết canh dê như một bức hoạ tuyệt vời với nhiều gam màu xen kẽ: đỏ của tiết, xanh của rau, vàng của vừng lạc, đen xám của thịt dê song lại rất mát, nhắm kèm với rượu ngâm mật dê thì mới hợp khẩu vị. Nhân nói về rượu, xin thưa ngon nhất phải kể đến rượu Nga Liên (Nga Sơn) được chưng cất bởi giống gạo nếp cái đã được chọn lựa cẩn thận. Nhấp một chút rượu đã có cảm giác thơm đầu lưỡi mùi nếp mới, cay của men say.... Thứ đến là rượu làng Quảng. Tuy chỉ nấu bằng gạo tẻ, song không biết là do men, do nước hay do bí quyết nhà nghề mà độ rượu rất cao, rất đậm song lại rất êm....

Mấy năm gần đây, các món ăn từ hến được nhiều du khách đến Thanh Hoá đặc biệt ưa thích. Trong các hội nghị liên hoan, gặp gỡ, sinh nhật, thậm chí du khách đi nghỉ mát Sầm Sơn cũng về thành phố Thanh Hoá - A lô! cơm hến!. Đây cũng là dịp để hến làng Giàng tự khẳng định một lần nữa tinh hoa trong văn hoá ẩm thực sẵn có của mình. Với sự kết hợp giữa công thức và nguyên liệu của hai miền đã làm món hến sào, cơm rang hến, canh hến đã tạo nên cảm giác thèm được nếm thử món ăn mộc mạc mà dân dã này. Và phải chăng, sự khác biệt về màu sắc (hến làng Giàng có vỏ màu vàng còn loại hến khác có vỏ màu đen) đã làm cho nước hến thêm ngon, thêm trong còn ruột hến thì thơm hơn, ngậy hơn.

Nói đến làng Giàng thì không thể không kể đến

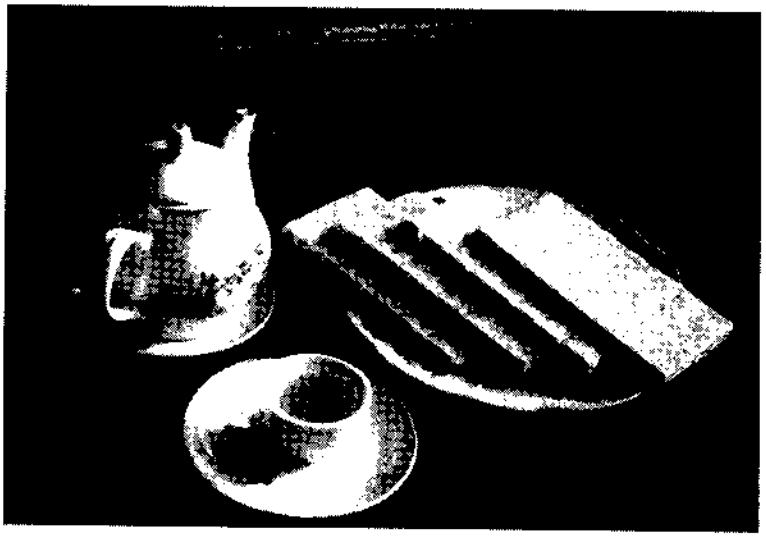

Đặc sản chè Lam - Phủ Quảng

Phi Cầu Sài rất hiếm có ở các địa phương khác, rất ngon, rất mát. Thỉnh thoảng lại thấy nhớ và bất chợt thoảng nghe đâu đây tiếng rao của bà bán hàng rong "Ai phi mua !".

Chưa hết, còn một "kho" đặc sản khổng lồ của xứ Thanh mà đâu đâu cũng biết đó là nguồn hải sản dọc biển Hậu Lộc, Quảng Xương, Tĩnh Gia. Nào cua biển, ghẹ, sò huyết, tôm, mực, cá thu, cá chà... Cũng là những sản phẩm từ biển nhưng con cua, con cá ở đây thơm, ngon một cách lạ lùng. Chính vì thế, các loại mắm và nước mắm Thanh Hoá ngon nổi tiếng cả nước.

Chớm hè, mới tới địa phận phía Bắc thành phố Thanh Hoá du khách đã được chiêm ngưỡng từng "kim tự tháp" dừa xanh mọc hai bên đường "địa phận huyện Hoằng Hoá". Dường như tạo hoá đã thiên vị khi ban tặng cho mảnh đất anh hùng, kiên cường trong kháng chiến loại dừa sai quả, nhiều nước và ngọt mát đến thế.

Ai có dịp qua huyện Thọ Xuân thì không thể không mua bánh gai Tứ Trụ về làm quà. Cũng từ bột gạo nếp, đậu xanh, dừa, mỡ lợn nhưng khác là có thêm lá gai đã trở thành đặc sản Thanh Hoá. Còn sản phẩm nửa bánh, nửa kẹo nhưng lại rất hấp dẫn bởi cái cay của gừng tươi, cái thơm của bột gạo nếp, mật mía, lạc tạo nên một sản phẩm vừa cứng vừa giòn đó là chè Lam - Phủ Quảng. Dự kiến trong thời gian tới, tỉnh có kế hoạch đầu tư khôi phục và phát triển sản phẩm này như một đặc sản dân tộc.

Còn nhiều lắm những món ăn tuy dân dã nhưng lại thể hiện sự tinh tế của văn hoá ẩm thực xứ Thanh, nào là cam Giàng, dứa Thạch Thành, mía Kim Tân, rồi ong Yên Khương, bánh đa cầu Bố, rượu cần dân tộc Thái... đã tạo nên một hương vị xứ Thanh rất gần gũi nhưng lại rất riêng.

Nem Qua (also called Nem Chua) is a very typical speciality of Thanh Hoa people's food and drink culture. The rolls of fermented pork are as unforgettable as the friendliness that Thanh Hoa people give to tourists. Only with some small thin pieces of pork skin, some powdered rice, spices and a small dinh nang leaf (a special kind of plant in Vietnam), the skilful craftsmen have made that small square clot memorable to the tourists.

The second speciality of Thanh Hoa should be Tiet canh de (soup of congealed fresh goat blood) and goat meat. The best goats should be those from Ha Trung and Vinh Loc rocky mountains. The fresh red blood, green vegetable, yellowish peanuts and sesame added with the dark grey goat meat all make a bowl of Tiet canh de a colourful picture. The quality is so good and the taste is so mouth-watering, especially when accompanied by some goat-gall wine. Regarding wine, Nga Lien (Nga Son) is famous for its high quality wine that is distilled from very carefully selected sticky rice. The flavour of the new sticky rice and the spicy taste of the ferment are so worth trying. Ranking the second is the wine made in Quang Village. Even though it is made of ordinary rice only, the taste and the spirit are mysteriously strong.

Giang Village is always talked about with Phi Cau Sai, a delicious and nutritious kind of food, which can hardly be found in any other places. Once you have tasted it, you

THANH HOA FOOD AND DRINK CULTURE

Thanh Hoa is well-known not only for the remained special cultural values in traditional folk festivals, landscapes and Sam Son Resort, but also for its food and drink culture with such specialities as Nem Chua Hac Thanh, Che lam Phu Quang, Banh gai Tu Tru, and such kinds of seafood as crabs, oyster, shrimp, cuttlefish, mackerel, etc that can be easily found in Sam Son, Hai Thanh and Tinh Gia. All those specialities are really attractive to tourists, and it would be not worth paying a visit to Thanh Hoa without tasting them.

Specialities of Thanh Hoa.

will remember and still sometimes it comes to you the peddler's voice: "Phi, please"

Another great rich 'deposit' of specialities in Thanh Hoa, which is so well-known all over the country, is seafood along the coastal areas such as: Hau Loc, Quang Xuong and Tinh Gia, which includes crab, oyster, shrimp, cuttlefish, and mackerel... Those crabs and fishes in the region are surprisingly delicious. That is the reason why Thanh Hoa is so well known over the country for the delicious salted fishes and fishes sauce.

Approaching Thanh Hoa from the north, tourists can soon find the high green coconut trees that look like "pyramids" along both sides of the roads in Hoang Hoa. It seems that the Creator had a bias towards this heroic revolutionary land to give it such a kind of fruitful and milky coconut.

Passing over Tho Xuan District, few can resist buying some Banh Gai Tu Tru as gifts to their relatives. Banh gai, a speciality of Thanh Hoa is made of sticky rice, green peas, and coconut lining, pig fat added with a pulp of boiled Gai leaves. One more speciality of Thanh Hoa should be a kind of half-sweet and half-cake food, which is made of fresh ginger powder, sticky rice, molasses and peanut. That a bit hard product is called Che Lam made in Phu Quang. The province is making a plan to invest in restoring and developing this product as one of the national specialities.

There are many more common kinds of foods that show the spirit of the food and drink culture of Thanh Hoa. For example, Giang Orange, Thach Thanh pineapple, Kim Tan sugarcane, Yen Khuong bee, Bo Bridge dry pancake and Ruou can of Thai minority. All those special foods and drinks have made a common but very particular taste of Thanh Hoa.

ĐỀN CÔ TIÊN

MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ TIÊU BIỂU CỦA XỨ THANH

Ngày nay, khu du lịch Sầm Sơn đã trở nên quen thuộc với du khách trong và ngoài nước. Mỗi tên đất, tên người nơi đây dường như đều gắn liền với những truyền thuyết, huyền thoại, tạo nên đức tin và tình cảm của mỗi người với vùng biển quê hương yêu dấu của mình.

Ấn tượng của du khách khi đến với Sầm Sơn không chỉ là biển xanh hiền hoà, dải cát trắng mịn, là những món đặc sản mặn nồng hương vị của biển mà còn là những truyền thuyết, những huyền tích mang hồn thiêng sông núi vọng về từ ngàn xưa. Một trong những di tích nổi tiếng của Sầm Sơn đó là đền Cô Tiên trên đỉnh tượng Đầu Sơn.

Những truyền thuyết từ ngàn xưa vọng lại

Trước đây, Sầm Sơn có khá nhiều làng chài heo hút dưới chân núi Trường Lệ, men theo dải cát dài ven biển Đông. Sống chung với biển, bao thế hệ người dân Sầm Sơn với sức sống mãnh liệt đã vượt qua ngàn sóng gió, đấu tranh vì sự sinh tồn và xây dựng vùng đất này ngày một giàu đẹp hơn. Những truyền thuyết và huyền thoại cổ xưa của Sầm Sơn không chỉ được tạc xây vào tâm thức của người dân nơi đây mà còn được lưu giữ ngay trong những địa danh, di tích cụ thể.

Đến Sầm Sơn, ghé thăm nghè Bà Triệu ở làng Triều, chúng ta sẽ được nghe câu chuyện kể về ân đức của người đã dạy cho nhân dân nơi đây biết dệt súc để đánh bắt hải sản. Dãy núi Trường Lệ là sự hoá thân của người thiếu phụ bụng mang dạ chửa, lấy thân mình ngăn sóng chở che cho dân làng. Đền Độc Cước trên đỉnh Trường Lệ là hiện thân của người con trai xả thân chống lại loài quỷ biển để bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân. Hòn Trống Mái lại gắn liền với câu chuyện xúc động kể về đôi vợ chồng thuỷ chung son sắt, sống chết cùng có nhau, hoá đá để muôn đời sau ngưỡng mộ.

Truyền thuyết đền Cô Tiên

Nhưng có lẽ trong quần thể di tích lịch sử - văn hoá Sầm Sơn, Đền Cô Tiên là tiêu biểu hơn cả. Nằm ở cuối dãy Trường Lệ về phía Nam, Đền Cô Tiên toạ lạc trên tượng Đầu Sơn - tức núi Đầu Voi. Tương truyền ngôi đền này thờ các tiên nữ đã phù hộ cho dân làng để mưa thuận gió hoà, nhân dân sống khoẻ mạnh và làm ăn gặp nhiều may mắn.

Đền Cô Tiên có một truyền thuyết ly kỳ và hấp dẫn. Chuyện kể rằng: từ xa xưa, khi Sầm Sơn còn là vùng đất hoang vu, dân cư thưa thớt và nghèo đói quanh năm, trên tượng Đầu Sơn thường xuất hiện những hào quang lấp lánh, có hình dáng giống người đang di chuyển. Trong sâu thẳm tâm thức của mọi người, đó là hình ảnh của các tiên nữ giáng trần đang nhảy múa, báo hiệu một vùng đất lành, vùng đất của sự sinh sôi, phát triển. Từ đó, người dân nơi đây đã chọn tượng Đầu Sơn làm nơi xây đền thờ cúng các tiên nữ và đặt tên là đền Cô Tiên.

Tương truyền, đền Cô Tiên được dựng vào thời Lý. Ngôi đền được xây dựng theo hướng nam, hướng ra biển Đông gồm: hậu cung, trung đường và tiền sảnh. Ngày nay, quần thể kiến trúc của khu di tích đền Cô Tiên gồm 3 ngôi đền họp lại: Đền Cô Tiên hay còn gọi là đền Thánh Mẫu là trung tâm, còn 2 bên đền Thánh Mẫu là đền thờ Cô Chín và đền thờ các quan giám sát.

Đền Cô Tiên là sự phản ánh tục thờ Mẫu của người Việt. Đền Cô Tiên cũng giống những đền, miếu ở Sầm Sơn như đền Độc Cước, nghè Bà Triệu được nhân dân nơi đây chăm lo hương khói quanh năm. Họ coi đây như là một hình thức sinh hoạt văn hoá, ghi nhớ công ơn tổ tông, những người có công bảo vệ, dạy dỗ cho dân làng cách làm ăn, sinh sống, xây dựng mảnh đất quê hương ngày càng ấm no và giàu đẹp.

Đền Cô Tiên đã vinh dự được Chủ Tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ghé thăm. Trong lần ghé thăm này (từ ngày 17 - 19 tháng 7 năm 1960), Bác Hồ đã chọn đền Cô Tiên làm nơi nghỉ ngơi, gặp gỡ, tiếp xúc với nhân dân Sầm Sơn.

Đền Cô Tiên hôm nay gắn liền với quần thể di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng Sầm Sơn, là một địa chỉ hấp dẫn khiến du khách đến Sầm Sơn không thể không ghé thăm. Đền Cô Tiên với huyền thoại chứa đựng hồn thiêng sông núi giờ đây không chỉ là niềm tự hào của riêng người dân Thanh Hoá mà đã được vinh dự công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia.

CO TIEN TEMPLE

A TYPICAL HISTORICAL AND PLACE OF THANH HOA

Sam Son with its beaches and resorts has become familiar to not only Vietnamese but also foreign tourists. There seems to be legends explain every name of the places and people in the area, which made up the local people's belief and love for their homeland.

Tourists who come to Sam Son are not only impressed with the tender blue sea, long smooth white beaches or special seafood but also with the immemorial legends of the fatherland. Co Tien Temple (Fairy Temple) on the top of Dau Son Statue in Sam Son is one of the famous historical sites in Sam Son.

The immemorial legends

In the past, there used to be many out-of-the-way finishing villages in the valley of Truong Le Mountain, along the long beach of the Eastern Sea. Generations of Sam Son people with their strong vitality have surpassed numerous ups and downs to fight for their existence and to build the land more and more beautiful and prosperous. The immemorial legends are eternal not only in the local people's hearts but also with the preserved historical places.

Pay a visit to Ba Trieu Temple in Trieu Village, we will have a good chance to listen to the stories about a lady's kindness to teach the local people the way to weave nets to catch fishes. Truong Le Mountain is the embodiment of the young pregnant lady who put herself against the great wave to protect the villagers. Doc Cuoc Temple on the peak of Tuong Le Mountain is the embodiment of the young men sacrificed his life to fight against the leviathans for the peaceful life of the local people. Trong Mai Island would make us recall the story about the faithful couple who pledged to be by each other's side and became rocks leaving behind the next generations' great admiration.

The legend of Co Tien Temple

In the historical and cultural community of Sam Son, Co Tien Temple is the most typical landscape. Located on Truong Le Mountain in the south, Co Tien Temple stands on the Dau Son Statue (Dau Voi Mountain). It is said that the temple is dedicated to the fairies that protect the villagers and give them favourable weather, good health and good lucks.

It is said that, long - long ago, when Sam Son was still a deserted land with sparse and hungry habitants, there usually appeared the twinkling haloes that looked like human bodies moving around. Deep inside the local people's souls, those haloes were thought to be the fairies dancing to signal the land for good life and development. Therefore, people built the temple dedicated to the fairies on Dau Son Statue and named it Co Tien Temple.

It is said that Co Tien Temple was built in the time of Ly Dynasty. The temple looks towards the Eastern Sea, faces the south and has one harem, the central palace and an anteroom. Nowadays, the architectural work of Co Tien Temple site includes: Co Tien Temple (also called Thanh Mau Temple (dedicated to the Holy Mother) in the centre, Co Chin Temple is on one side of Thanh Mau Temple and the temple dedicated to the supervisor mandarins is on the other side.

Co Tien Temple is a typical example of the Vietnamese custom of worshipping mothers. Like other temples and shrines in Sam Son such as Doc Cuoc Temple and Ba Trieu Temple, Co Tien Temple is carefully watched over by the local people. The local people considered that a cultural activity to remember their ancestors who protected and taught them the way to earn their livings and build their homeland more prosperous and beautiful.

Co Tien Temple was once visited by President Ho Chi Minh on a three-day trip (from 17th to 18th of July 1960). On his visit, President Ho stayed and had meetings with Sam Son people in Co Tien Temple.

Co Tien Temple is an indispensable part of the community of historical and cultural landscape in Sam Son. It is an attractive address that no tourist can ignore when coming to Sam Son. Co Tien Temple with its legend of the country's holy spirits is now not only a pride of Thanh Hoa people but also a national historical place.

BAN DÂN TỘC MIỀN NÚI

KHÔNG NGỪNG PHẤN ĐẤU VÌ KHỐI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Hơn 55 năm kể từ ngày thành lập, các thế hệ cán bộ Ban Dân tộc Miền núi không ngừng phấn đấu vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vì sự tiến bộ và công bằng của các dân tộc, góp phần làm nên những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng.

Ông Lê Văn Nhàn – Trưởng ban Ban Dân tộc Miền núi

Nói đến Thanh Hoá là nói đến đại gia đình của 7 dân tộc anh em. Từ xa xưa, các dân tộc đã có truyền thống đoàn kết, tụ họp bên nhau tạo nên sức mạnh chống chọi với thiên nhiên, đánh giặc giữ nước và xây dựng bản làng, quê hương đất nước ngày một phồn vinh và hùng mạnh.

Chỗ dựa vững chắc của khối đoàn kết dân tộc

Vừa mới ra đời sau Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước non trẻ đã phải đương mặt với những thử thách "ngàn cân treo sợi tóc": giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Đặc biệt ở vùng núi xứ Thanh, thực dân Pháp từ Lào cùng bọn Lang đạo liên kết với nhau để thiết lập "Hành lang Đông Tây", nhằm chờ đợi thời cơ tiến đánh vào trung tâm tỉnh lỵ và hậu thuẫn cho thực dân Pháp tại các chiến trường Thượng Lào và Tây Bắc, Điện Biên Phủ (Việt Nam).

Trước tình thế cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 41 về thành lập Uỷ ban hành chính đặc biệt miền thượng du Thanh Hoá để giúp Uỷ ban hành chính tỉnh giải quyết các công việc ở 6 huyện thượng du Thanh Hoá, động viên dân chúng, chuẩn bị kháng chiến, đốc xuất việc tăng gia sản xuất và phát triển phong trào bình dân học vụ. Cùng với thành lập Ủy ban hành chính đặc biệt, tỉnh uỷ đã tăng cường cán bộ lên miền núi và thành lập Đảng uỷ miền Tây. Cũng từ đây, đồng bào dân tộc thiểu số thực sự có chỗ dựa vững chắc để hăng hái sản xuất, xây dựng chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi tiềm lực và lực lượng cho 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Vào những năm 1948 - 1949, tình hình chiến sự ở Tây Bắc đã bước vào thời kỳ căng thẳng, quyết liệt. Thực dân Pháp cho 3 mũi quân từ Lào theo dọc sông Mã, sông Lô và sông Luồng đánh thẳng vào các xã giáp biên của ba huyện: Quan Hoá, Vang Chánh và Thường Xuân. Quân địch luôn tìm cách mở rộng vùng chiếm đóng xuống khu vực Đông Nam (Thanh Hóa) với mục đích là quyết tâm làm chủ phía Tây biên giới Việt - Lào. Nhận rõ âm mưu của kẻ thù, Đảng uỷ miền Tây, cùng Uỷ ban hành chính đặc biệt đã nhanh chóng phát động chiến tranh nhân dân, động viên thanh niên các dân tộc tham gia chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân du kích và bán vũ trang. Thành lập 2 đại đội tập trung là Hà Văn Mao và Cần Bá Thước, tiếp đó được tỉnh uỷ bổ sung đại đội Tống Duy Tân hợp thành lực lượng chủ lực.

Trong lúc quân địch với mục tiêu "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" nhưng đi đến đâu cũng gặp phải cảnh "vườn không nhà trống" và những trận đột kích bất ngờ của lực lượng dân quân du kích với vũ khí

truyền thống như bẫy đá, súng kíp, chông tre.... Quân Pháp không những không mở rộng được vành đai chiến tranh mà lực lượng ngày một tiêu hao. Lối đánh du kích của đồng bào dân tộc đã lung lay và làm dao động ý chí chiến đấu của quân địch, góp phần không nhỏ để bộ đội chủ lực tấn công, tiêu diệt 2 đồn quan trọng của thực dân Pháp tại Yên Khương (Lang Chánh) và Bát Ngọt (Thường Xuân). Đồng thời, các điểm chốt của Pháp ở Nam Xuân, Nam Đông, Phú Nghiêm - huyện Quan Hoá bị lực lượng dân quân du kích tiến công phá tan. Âm mưu lập khu "Thái - Mường tự trị" của chúng bị thất bại hoàn toàn. Ngoài chiến đấu và xây dựng lực lượng chiến đấu, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, Uỷ ban hành chính đặc biệt và Đảng uỷ miền Tây còn vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào diệt giặc dốt, tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm để xây dựng miền núi thành hậu phương lớn cho phong trào cách mạng cả tỉnh và chiến trường lớn Điện Biên Phủ. Kết quả ban đầu đã có 50 - 60% cán bộ, đồng bào dân tộc được xoá nạn mù chữ. Các năm 1952 - 1954 lần đầu tiên sản

Điểm qua một số nét đặc trưng của các dân tộc thiểu số ở Thanh Hóa

- Dân tộc Mường *là dân tộc thiểu số đông dân nhất của Thanh Hoá. Trước Cách mạng Tháng Tám dân số của đồng bào Mường có khoảng 103.888 người. Hiện nay, con số này đã lên tới hơn 30 vạn người sống chủ yếu ở các vùng đồi núi thấp và dọc theo 2 bên lưu vực sông Mã, sông Bưởi, sông Âm, sông Mực thuộc các huyện Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành, Như Xuân... Trước Cách mạng Tháng Tám, cuộc sống của đồng bào Mường dưới sự quản lý của Thổ ty Lang đạo với những luật lệ khắt khe do 7 dòng họ thống trị: họ Hà, họ Phạm Thúc, họ Phạm Văn, họ Lê Xuân, họ Trương Công, họ Nguyễn Đình, họ Cao và họ Quách.*

- Dân tộc Thái *sinh cư lập nghiệp chủ yếu ở các huyện Mường Lát, Quan Hoá, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh và Thường Xuân. Người Thái sống thành từng mường theo dòng họ. Trưởng dòng họ là thủ lĩnh và cũng là người cai trị. Trước Cách mạng Tháng Tám, người Thái có 39 mường thuộc 6 dòng họ như: Hà, Phạm Bá, Lang, Đinh... dân số khoảng 60.507 người, hiện nay là 20 vạn người.*

- Dân tộc Thổ *có nơi gọi dân tộc Thổ là Mường, cư trú trên địa bàn các xã Yên Lễ, Cát Vân, Hoá Quí, Bình Lương, Xuân Bình... thuộc huyện Như Xuân. Trước Cách mạng Tháng Tám, dân số có khoảng 2.000 người, hiện nay là 9.000 người.*

- Dân tộc Mông *sống trên địa bàn vùng cao biên giới thuộc huyện Mường Lát, Quan Sơn và Quan Hoá. Nhiều chòm bản dân tộc Mông sống ở độ cao từ 1.400 - 1.500 mét như Phú Đứa, Pha Đen (xã Phù Nhì),... Trước Cách mạng Tháng Tám, dân số của người Mông có khoảng 1.431 người, đến nay đã lên tới 14.000 người. Trong đó có đến 9.000 người di cư tự do từ nơi khác đến. Người Mông không thích sống xen kẽ với các dân tộc khác, lại sinh sống trên các vùng núi cao, nên ít va chạm với xã hội. Người Mông tôn sùng tộc trưởng. Tộc trưởng thuộc dòng họ lớn có uy tín là người có quyền quyết định mọi việc quan trọng không chỉ trong dòng họ mà ngay cả trong xã hội người Mông.*

- Dân tộc Dao, *trước Cách mạng Tháng Tám có khoảng 1.100 người, đến nay đã lên tới 4.400 người. Người Dao có các ngành khác nhau: Dao Đỏ sống ở các xã biên giới Phù Nhì, Quang Chiểu thuộc huyện Mường Lát. Dao Quần Chẹt sống ở vùng núi thấp thuộc huyện Cẩm Thuỷ và Ngọc Lặc.*

- Dân tộc Khơ mú *là dân tộc thiểu số ít người nhất so với các dân tộc thiểu số khác ở miền núi Thanh Hoá. Theo thống kê, hiện nay, dân tộc Khơ mú có khoảng 700 người sống ở 2 bản thuộc xã biên giới Mương Chanh huyện Mường Lát. Người Khơ mú từ xưa tới nay sống theo kiểu khép kín trong chòm bản.*

Chương trình 135 của Chính phủ đã về các bản

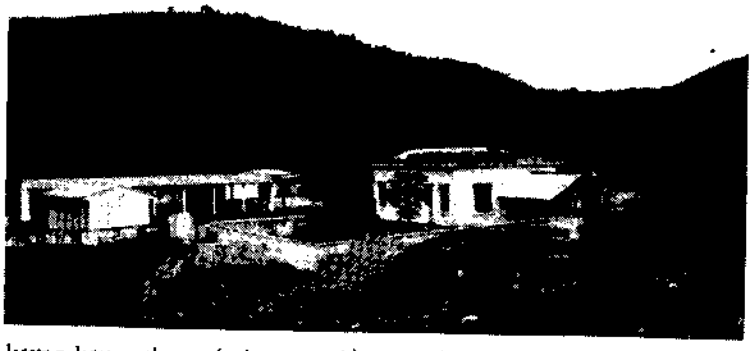

lượng lương thực các huyện miền núi đủ khả năng "tự cung, tự cấp", riêng huyện Ngọc Lạc năm 1954, nộp thuế đạt trên 4.000 tấn thóc.

Những thành quả tạo đà cho sự phát triển

Sau ngày hòa bình lập lại (năm 1954), quân dân Thượng du Thanh Hoá không chỉ tự hào về những chiến thắng, những thành tựu đạt được mà còn khẳng định sự lớn mạnh của chính quyền địa phương. Chỉ sau một thời gian ngắn cùng với 500 cán bộ ở miền xuôi được bổ sung, phong trào khai hoang phục hoá, làm thuỷ lợi, thâm canh tăng vụ đã được triển khai rộng khắp các bản làng. Năm 1957, diện tích canh tác các huyện miền núi đã đạt 27.229 ha, tổng sản lượng lương thực quy đổi đạt 50.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt trên 249 kg, cao hơn thời gian kháng chiến. Chăn nuôi, nghề rừng cũng được phát triển mạnh, năm 1957 toàn khu vực đã có trên 51.600 con trâu, bò, trên 60.000 con lợn, khai thác gần 13.000 m^3 gỗ các loại, 14 tấn cánh kiến, 4.000 tấn sa nhân, 50 tấn sợi gai .... bán cho Nhà nước. Công cuộc vận động đoàn kết sản xuất đã tổ chức được 6.000 nhóm sản xuất và tổ đổi công. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh được thành lập với 7 cửa hàng đặt tại trung tâm huyện lỵ và 5 tổ bán hàng lưu động ở các xã vùng cao, biên giới như Na Mèo, Yên Khương, Bát Ngọt... Các xã vùng thấp được xây dựng trường cấp I, một vài xã lớn có điều kiện đã xây dựng trường cấp II, trung tâm huyện Ngọc Lặc có trường thanh niên dân tộc, trường sư phạm 7+2, trường trung cấp nông nghiệp và trường đào tạo cán bộ cho khu vực miền núi. Một số phong tục, tập quán lạc hậu cũng được vận động xoá bỏ.

Thực hiện cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ miền núi, năm 1960, 7 huyện miền núi đã xây dựng được 984 hợp tác xã nông nghiệp quy mô chòm bản với 25.288 hộ, chiếm 86,84% hộ nông dân, gần 13.000 ha ruộng đất bằng 74,6% ruộng đất và trên 24.000 con trâu bò được đưa vào hợp tác xã.

Trong thời kỳ từ năm 1960 đến năm 1991, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc Miền núi đã nhanh chóng cùng Đảng bộ và chính quyền các huyện miền núi phát động "phong trào ba nhất". Chỉ trong thời gian ngắn, phong trào khai hoang, làm thuỷ lợi, phong trào thâm canh, trồng rừng, khai thác lâm sản diễn ra sôi nổi khắp các bản làng từ vùng thấp đến vùng cao. Sản xuất nông - lâm nghiệp tiếp tục đạt được những kết quả mới. Năm 1965, tổng sản lượng lương thực đạt trên 123.000 tấn, tăng 38,5% so với năm 1960. Miền núi không những không phải nhận viện trợ lương thực từ miền xuôi mà còn nộp cho Nhà nước trên 12.000 tấn/năm và khai thác bán cho Nhà nước trên 90.000 m^3 gỗ/năm và 3,2 triệu cây luồng/năm.... núi rừng miền núi đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến mới như: Hợp tác xã Chiếu Bang, Hợp tác xã Lốc Toong...

Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, ngày 12-3-1968, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) ban hành Nghị quyết 38/CP về cuộc vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hoá đối với đồng bào còn du canh du cư. Sau 3 năm thực hiện, bước đầu đã làm được 789 km đường giao thông, trong đó có gần 50% là đường ô tô, 11 cầu treo, 32 trường học, 39 trạm y tế,... khai hoang được 4.676 ha đất canh tác, trong đó có 2.343 ha ruộng nước. Phong trào chăn nuôi, thâm canh cây trồng cũng được phát triển, phong trào trồng rừng được đặc biệt quan tâm, nhất là cây luồng và các cây đặc sản. Đến năm 1980, toàn vùng đã trồng được 17.827 ha luồng, 32,6 ha quế.... khiến sản xuất và đời

sống nhân dân có nhiều chuyển biến, văn hoá xã hội có bước phát triển mới.

Bước đột phá trong 10 năm đổi mới

Có thể nói, năm 1992 là năm đầu tiên thực hiện nhiệm vụ mới, đồng thời cũng là năm Trung ương và tỉnh có chủ trương, chính sách quan trọng đối với dân tộc miền núi như chương trình định canh định cư, chương trình vùng cao và chương trình thôi trồng cây thuốc phiện và chương trình cai nghiện hút thuốc, chương trình hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn... Để thu hút được nhiều nguồn vốn của Trung ương, Ban Dân tộc Miền núi đã tập trung chỉ đạo xây dựng các dự án. Tính đến hết năm 1998, Ban đã xây dựng được 37 dự án định canh định cư với tổng vốn được duyệt là 230 tỷ đồng. Xây dựng được 6 dự án trung tâm cụm xã, dự án về chuyển đổi cây trồng thay thế cây thuốc phiện, dự án hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn chủ yếu là dân tộc Khơ Mú... Thực hiện các chương trình dự án trên đã góp phần phát triển nhanh, toàn diện kinh tế - văn hoá xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Về kinh tế, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới và chính sách giao đất giao rừng cho hộ nông dân tự chủ sản xuất theo pháp luật, kinh tế - xã hội vùng dân tộc miền núi Thanh Hoá thực sự có sự chuyển biến mạnh và toàn diện. Cụ thể, tốc độ tăng tổng sản phẩm xã hội (thời kỳ 1991 - 2001) tăng bình quân 5,5%/năm; diện tích gieo trồng năm 2001 đạt 114.500 ha, tăng 20,5% so với năm 1992. Các tiến bộ khoa học - kỹ thuật được đưa vào sản xuất đã tạo ra nhiều giống mới có năng suất cao. Nhờ đó, năng suất lúa mấy năm gần đây đạt bình quân 36 - 37 tạ/ha/năm, năng suất ngô đạt 25 - 26 tạ/năm. Tổng sản lượng lương thực toàn vùng năm 2001 đạt 211.300 tấn, tăng 40,5% so với năm 1992, bình quân lương thực đạt 275 kg/người/năm.

Về văn hóa - xã hội, đến nay, 11 huyện miền núi đã có 11 bệnh viện và 18 phòng khám đa khoa khu vực với 960 giường bệnh, bình quân 1 vạn dân có 11 giường bệnh, 100% xã có trạm y tế, trên 80% thôn bản có cán bộ y tế và hiện có khoảng 2,6 bác sĩ/vạn dân. Những năm gần đây, các tỉnh miền núi Thanh Hoá không để xảy ra bệnh dịch, nhất là bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ giảm nhiều. Trong đó, số bệnh nhân bướu cổ giảm từ 38% (năm 1991) xuống còn 15% (năm 2002).

Giáo dục - đào tạo, theo báo cáo của Ban Dân tộc Miền núi, đến nay, 100% xã có trường tiểu học. Nhiều thôn bản có lớp học cho học sinh tiểu học, trong đó 60% phòng học được xây kiên cố. Năm học 2001 - 2002, số học sinh tiểu học của toàn khu vực là 107.491 học sinh, 6.150 giáo viên; trung học cơ sở là 74.179 học sinh và 4.838 giáo viên; phổ thông trung học là 21.789 học sinh và 506 giáo viên. Trong 5 năm (1997 - 2001) gần 200 con em các dân tộc được cử tuyển vào các trường đại học và cao đẳng Trung ương. Hiện nay, toàn miền núi có khoảng 1.300 cán bộ công chức, trong đó đại học chiếm 28%, trung cấp 35% và sơ cấp chiếm 8%, tỷ lệ cán bộ được đào tạo tăng gần 3 lần so với năm 1990. Nhiều cán bộ người dân tộc giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở cấp huyện, cấp tỉnh và Trung ương.

Ông Lê Văn Nhàn, Tỉnh uỷ viên - Trưởng ban Ban Dân tộc Miền núi cho biết: "Sau 3 năm (1999 - 2001) thực hiện chương trình 135 và chương trình trung tâm cụm xã, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng được 265 hạng mục công trình hạ tầng thiết yếu với tổng giá trị 115 tỷ đồng, trên địa bàn 12 xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Hiệu quả chương trình đã trực tiếp tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn miền núi. Thông qua chương trình 135 và trung tâm cụm xã được lồng ghép với các chương trình dự án khác đã làm cho tỷ lệ nghèo đói toàn khu vực miền núi giảm 25 - 20%/năm. Số xã có đường ô tô đến trung tâm đạt 92%, 11 huyện miền núi có trường học kiên cố và bán kiên cố đạt gần bằng 50%.

Phát huy thành tích 55 năm công tác dân tộc và miền núi, với sự cố gắng vượt bậc của cán bộ nhân dân các dân tộc, được sự hỗ trợ của các cấp các ngành, trong tương lai, công tác dân tộc và miền núi sẽ đạt được nhiều thành tích to lớn góp phần phát triển đời sống kinh tế - xã hội của 7 dân tộc Thanh Hoá ngày càng lớn mạnh, để không phụ lòng lời dạy của Bác Hồ " Xây dựng Thanh Hoá thành tỉnh kiểu mẫu".

MOUNTAINOUS ETHNIC COMMITTEE

INCESSANTLY STRIVING FOR THE NATIONAL UNITY

Over 55 years of establishment, the generations of the Mountainous Ethnic Committee has continually striven for the highland socio-economic development and the nationalities' progress and equitableness, contributed a great deal to the important achievements in the socio-economic development and national security and defence consolidation.

Referring to Thanh Hoa means to talk about the great family of seven minorities. Over years, the minorities had traditionally united to create a joint force to fight against natural powers and aggressors and build up the native land to be more and more strong and prosperous.

The firm mainstay of national united bloc

Newly established after the August Revolution, the pledging State had to face a precarious situation: the hunger, illiteracy and aggressors. Especially in the Thanh's mountainous area, the French colonists in company with Lang religion to create "West-East corridor", waiting for the chance to fight the township and back up for the French colonists at the fronts of Thuong Lao and Tay Bac, Dien Bien Phu (Viet Nam).

Under such urgent situation, President Ho Chi Minh signed Decree No 41 on establishment of the special Administrative Committee in Thanh Hoa mountainous area. The committee will support the provincial Administrative Committee in dealing with the tasks of the six local highland districts; encourage the people to prepare for the struggle, speed up production and expand the studying movement. In addition, the provincial Party's Committee sent the cadres to the mountainous area to settle the West Committee of the Party. Also since then, the ethnic minorities had firm mainstay to depend on, to work actively and build up the revolution powers, prepare all the potentials and forces for nine-year protracted resistance against French colonists.

In 1948-1949, the fighting situation in the North-west entered to the stressful and fierce period. The French colonists ordered three directions of attach from Laos along Ma, Lo and Luong rivers to storm into the border communes of Quan Hoa, Vang Chanh and Thuong Xuan Districts. The aggressor was always looking for the way to expand the occupied area to the South-East region of Thanh Hoa with an aim to decisively seize control of the West of Viet-Lao border. Being aware about the enemy's conspiracy, the West Committee of the Party in combination with the special Administrative Committee had quickly launched the people's war, mobilized the minorities' youths to go out to battle, build up militia and guerillas and semi-armed forces. Two concentrated companies Ha Van Mao and Can Ba Thuoc were set up, supplemented by Tong Duy Tan company to create the main forces.

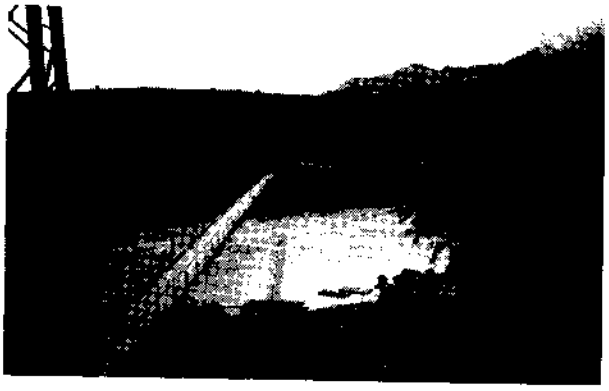

Hanging bridge at Lat commune of Muong Lat District, Thanh Hoa province invested in 2002 by Mountainous Ethnic Committee

With the intention of "The war supports the war", the enemy, falling into the "Empty gardens, unoccupied hous-

es" everywhere, was attacked surprisingly by our militia and guerillas forces with the traditional arms such as stone traps, flint-locks and bamboo spikes. The aggressor was not only unable to expand the war-belt but also consumed its strength day by day. Especially, the compatriots of the ethnic origins had waged guerilla warfare, shaking and fluctuating the enemy's fighting will, considerably helping our main force to attack and wipe out two crucial military posts of the French colonists at Yen Khuong (of Lang Chanh) and Bat Ngot (Thuong Xuan). Concurrently, the French commanding positions at Nam Xuan, Nam Dong and Phu Nghiem (of Quan Hoa District) were attacked and annihilated. The enemy's plot of establishment "Thai - Muong self-rulling region" was absolutely failed. Apart from struggling, setting up fighting forces and strong political basis, the special Administrative Committee and West Committee of the Party also mobilized the people to boost illiteracy eliminating, active working and economy practicing in a bid to build the highland to be great rear for the whole provincial revolution movement and for Dien Bien Phu front. The first results had been recorded with 50% - 60% cadres and ethnic compatriots were illiteracy eradicated. In 1952-1954, for the first time, food production of the mountainous region was able to "self-supply, self-provide". Ngoc Lac District alone in 1954 submitted over 4,000 tons of rice in tax.

Thanh Hoa's ethnic minorities' highlights

- **Muong** *is the most populous ethnic minority of Thanh Hoa province. Before the August Revolution, Muong minority lived under the management of Hereditary Chief of Lang religion with the stern regulations ruled by seven families named Ha, Pham Thuc, Pham Van, Le Xuan, Truong Cong, Nguyen Dinh, Cao and Quach with population of 103,888 people. Presently, this number exceeded 300 thousands, resided mainly in the low mountain and hill areas and along two banks of Ma, Buoi, Am and Muc rivers belonging to Ba Thuoc, Lang Chanh, Ngoc Lac, Cam Thuy, Thach Thanh and Nhu Xuan Districts.*

- **Thai** *minority settles mainly in the Districts of Muong Lai, Quan Hoa, Quan Son, Ba Thuoc, Lang Chanh and Thuong Xuan. Thai people are divided to clans according to the families. The clan chief is a ruler. Before the August Revolution, Thai people consisted of 39 clans belonging to six families including Ha, Pham Ba, Lang and Dinh etc., with the population around 60,507 people against 20,000 thousands presently.*

- **Tho** *minority (also called Muong) resided in Yen Le, Cat Van, Hoa Qui, Binh Luong and Xuan Binh communes, which are belonged to Nhu Xuan District. Before the August Revolution, its population amounted to 2,000 people against 9,000 today.*

- **Mong** *minority lived in the mountainous bordering areas of Muong Lat, Quan Son and Quang Hoa Districts. Some communities of Mong settle in the land area of 1,400 - 1,500m height such as Phu Dua and Pha Den (of Phu Nhi commune). The population of Mong minority represented around 1,431 people before the August Revolution and increased to 14,000 people presently including around 9,000 free immigrants from others areas. Mong people are familiar with the life in the high mountainous area, isolated from the others nationalities and society. They venerate the patriarch, who is belonging to the big prestigious family, having the right to decide every important issue not only in his family but also in the Mong community.*

- **Dao** *minority consisted of approximately 1,100 residents before the August Revolution against 4,400 people today. Dao residents are divided to different groups: Dao Do lives in Phu Nhi and Quang Chieu border communes of Muong Lat District, Dao Quan Chet lives in the low mountainous areas belonging to Cam Thuy and Ngoc Lac Districts.*

- **Khomu** *is the minimum ethnic minority in Thanh Hoa highland. According to the statistics, at present, this minority consists of 700 people living isolated in two villages of Muong Chanh border commune belonging to Muong Lat District.*

Development impetus on the achievements

After the peace restored (1954), Thanh Hoa highland civilians and military were not only proud of their victory but also affirmed the rapid development of the local authorities. After only a short time, with the supplement of 500 cadres from the plain area, the movement on reclaiming waste land, irrigating and cultivating was widely launched in all the villages and communes. In 1957, the highland cultivating area represented 27,229 ha, total foods output in conversion achieved 50,000 tons, average per capita production gained 249 kg, exceeded that of the resistance period. Livestock breeding and forestry has been strongly developed with 1957's achievements in the whole region of over 51,600 cattle heads, more than 60,000 pig heads, exploitation of nearly 13,000 cu.m diverse timbers, 14 tons lac, 4,000 tons cardamom, 50 tons flax fiber etc for selling to the State. In the united production movement, 6,000 producing groups and mutual aid teams were organized. The State trading system was set up with seven shops located in the township centers and five mobile selling groups at the highland and border communes such as Na Mao, Yen Khuong and Bat Ngot. The primary schools have been built in the lowland communes and the secondary schools in some larger communes. Ngoc Lac District center possesses the ethnic youth school, the pedagogic school 7+2, the agriculture intermediate school and the school for training the cadres for the mountainous area. Some backward usage and customs were mobilized to wiped out.

In implementation of the agricultural co-operatives movement in combination with highland democratic renovation, in 1960, the seven mountainous districts set up 984 agricultural co-operatives at village scale with 25,288 households, accounted for 86.84 % total agricultural households, nearly 13,000 ha land equivalent to 74.6 % land area and over 24,000 cattle heads.

In the period of 1960-1991, under the direct conduct of the Provincial Committee of the Party and People's Committees, the Mountainous Ethnic Committee had speedy co-operated with the Party Committee and the authorities of the highland districts to launch the "three First" movement. Only in a short time, the movements on waste land reclaiming, irrigating, cultivating, forest planting and exploiting forestry product were ebulliently launched in every communes and villages from the lowland to the highland. The new attainments were continually achieved in agricultural and forestry production with total foods output exceed 123,000 tons in 1965, increased 38.5% over 1960. The highland not only required no food aid from the lowland but also contributed more than 12,000 tons to the State and exploited over 90,000cu.m timbers and 3.2 tons of bamboo to sell to the State annually. Many new progressive symbols such as Chieu Bang and Loc Tong co-operatives were acknowledged.

Under the Ethnic policy of the Party, on December 03rd, 1968, the Council of Ministers (now called the Government) issued Resolution 38/CP on the movement of settling agriculture and fixing residence in coordination with organizing the nomadic people into cooperatives. After three years of implementation, the initial results had been recorded: 789 km traffic roads were repaired including nearly 50% main roads, 11 hanging bridges, 32 schools and 39 health stations; 4,676 ha cultivating land consisted of 2,343 ha wet land were reclaimed. The breeding and planting movements was also developed: the attention was paid to forest planting, especially bamboo and the special trees. By 1980, the entire region has planted 17,827 ha bamboo, 32.6 ha cinnamon-trees, helping change the production and people's life, develop society and culture.

Breakthrough in ten years of renovation

It can be said that 1992 was the first year carrying out the new tasks, concurrently was the moment when the Central and provincial authorities issued the important policies and regulations referring the mountainous minorities. Those programs include settling agriculture and fixing home, high land, stopping opium-tree planting, drug giving up and supporting the special difficult minorities. To attract a number of capital resources from the Central, the Mountainous Ethnic Committee has focused on directing the projects blueprinting. By the end of 1998, the Committee had worked out 37 projects on agriculture settlement and residence fixation with total approved capital of VND230 billion. The commis-

sion had set up six projects on commune complexes centre, on planting conversion to replace the opium trees and on supporting the special difficult minorities, especially Kho Mu residents. The implementation of those projects contributed to the comprehensive development of economy, culture and society in the ethnic and mountainous areas.

As for economy, the continual implementation of the renovation (Doi Moi) cause and policies on handing over the land and forest area to the farmer households to work in line with the laws created the sound and complete change in Thanh Hoa highland socio-economy. Concretely, the growth rate of total social output (for the period of 1991-2001) increased 5.5% annually, the planting area in 2001 reached 114,500 ha, rose 20.5% over 1992. The science-technological advances were applied in production had generated many new breeds with high productivity. Thanks to that, average rice yield in recent years obtained 3.6 - 3.7 tons/ha, maize yield gained 2.5 - 2.6 tons. Total foods output of 2001 in the whole region reached 211,300 tons, exceeded 40.5% in comparison with 1992, per capita average foods production accounted for 275 kg a year.

In terms of culture and society activities, so far in 11 mountainous districts, 11 hospitals and 18 regional clinics have been built with 960 beds with the rate of 11 beds for ten thousands people. All the communes has medical stations, more than 80% communes and villages are examined and treated with health workers with the rate of 2.6 doctor/ ten thousands residents. Recently, no epidemics were recorded in Thanh Hoa highland, some diseases like malaria and goiter have been considerably reduced. Of which, number of goiter-contracted patient drop from 38% in 1991 to 15% in 2001.

In education and training fields, according to the report of the Mountainous Ethnic Committee, so far all the communes have primary schools. Many villages have classes for the primary pupils, of which 60% classrooms have been solidly reinforced. In 2001-2002, the whole region had 107,491 pupils, 6,150 teachers of primary schools, 74,179 pupils and 4,838 teachers of lower secondary schools, 21,789 pupils and 506 teachers of upper secondary schools. In five years (1997-2001), nearly 200 ethnic pupils were selected to the

Residential quarter for the teachers of Quang Chien secondary school, Muong Lat District

Central universities and colleges. At present, the whole mountainous area has around 1,300 regulars cadres and employees including 28% university graduates, 35% intermediate and 8% elementary levels, the number of trained cadres increased threefold compared to 1990. Many ethnic cadres are holding the important positions in the Central, provincial or municipal bodies.

The provincial Party's Committee's member - Head of the Mountainous Ethnic Committee, Le Van Nhan said: " After three years (1999-2001) carrying out 135 and commune - residence complex center programs, the province had invested VND115 billion to build 265 essential infrastructure works in 12 special difficult communes and in the rural and remote areas. The effects of those programs have directly affected on the socio-economic development, stabilizing production and remarkably changing the image of the mountainous rural area. Through the programs 135 and commune - residence complex centers in combination with the other projects, the poor households in the whole region drop from 25% to 20% a year. 92 % communes have the main roads and the reinforced and half-reinforced schools of 11 highland districts reached approximately 50%.

Developing the 55-year achievements and the great efforts of the minorities' people, with the sectors' and branches' supports, the mountainous and ethnic tasks will attain great outcomes, contributed to the increasing development of the socio-economic life, following the Uncle Ho's teaching "Building up Thanh Hoa into the typical province".

ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH THANH HOÁ

BỐN MƯƠI BẢY NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

"Đây là Đài Truyền thanh Thanh Hoá" câu nói ấy đã được phát đi lần đầu tiên vào ngày 26-9 1956 tại thị xã Thanh Hoá, đánh dấu sự khởi đầu của quá trình xây dựng và phát triển đầy gian nan vất vả, song cũng rất đỗi tự hào của tập thể cán bộ công nhân viên Đài Truyền thanh Thanh Hóa (na là Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa). 47 mùa xuân đã trôi qua là 47 năm phấn đấu phá triển từ thô sơ đến hiện đại, từ truyền thanh, phát thanh đến phát thanh và truyền hình để câu nói â trở nên rất đỗi thân quen và không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân Thanh Hoá.

Ông Cao Cường Đệ Giám đốc Đài Phát thanh-Truyền hình Thanh Hoá

Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hoá là cơ quan ngôn luận của Cấp uỷ - Chính quyền tỉnh, là diễn đàn của nhân dân. Vì thế, trong bất kỳ giai đoạn nào, dù là thời chiến hay thời bình, Đài vẫn luôn bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đưa tiếng nói của Đảng và Nhà nước đến với người dân ở khắp các vùng, các miền trong tỉnh, góp phần động viên phong trào cách mạng của quần chúng, biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực sinh động trong đời sống kinh tế - xã hội.... Để hiểu được những thành tích đáng ghi nhận ấy, chúng ta hãy ngược dòng thời gian trở về với quá trình xây dựng và phát triển không ngừng của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.

Quá trình xây dựng truyền thanh và phát thanh (1954 - 1977)

Tháng 4-1956, thực hiện chương trình viện trợ của Chính phủ Liên Xô, các chuyên gia Liên Xô cùng các thiết bị máy móc, kỹ thuật truyền thanh đã đến Việt Nam với nhiệm vụ xây dựng Đài Truyền thanh Thanh Hoá. Sau 5 tháng lao động khẩn trương, ngày 26-9-1956, Đài Truyền thanh Thanh Hoá đã khánh thành và chính thức đi vào hoạt động. Mặc dù quy mô củ Đài lúc bấy giờ không lớn, nhưng những máy móc, thiết bị kỹ thuật lại khá hiện đạ đủ khả năng đảm bảo cho Đài hoạt động thường xuyên ngay cả trong điều kiện khó khăn, thậm chí kể cả khi không có nguồn điện lưới. Mạng lưới đường dây, loa truyền thanh của Đài đã có mặt ở khắp các tiểu khu của thị xã Thanh Hoá và được mở rộng đến các xã Hoằng Long, Hoằng Quang thuộc huyện Hoằng Hoá - cách thị xã Thanh Hoá từ 8 đến 10 km. Nhiệm vụ chủ yếu của Đài Truyền thanh Thanh Hoá lúc bấy giờ là tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam đồng thời mỗi ngày có chương trình 15 phút phát tin địa phương.

Xuất phát từ nhu cầu theo dõi tin tức trong tỉnh của nhân dân và sự chỉ đạo điều hành của Tỉnh uỷ, Ủy ban Hành chính tỉnh, cuối năm 1972, Đài Truyền thanh tỉnh được tái lập (trực thuộc Ty thông tin Thanh Hoá). Với sự hỗ trợ thiết bị và hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật Cục Truyền thanh thuộc Tổng cục Thông tin, Đài Truyền thanh Thanh Hóa đã sử dụng máy phát UKV loại DT 20 để truyền các chương trình phát thanh đến các huyện thị và các đài truyền thanh hợp tác xã. Đặc biệt, kể từ ngày 1-5-1973, sau khi Đài Truyền thanh tỉnh chính thức phát

sóng tại phố Hàng Than - thị xã Thanh Hoá, bằng máy phát sóng UKV công suất 20W và cột ăng ten cao 24m, sóng của Đài đã phủ đến một số huyện đồng bằng, ven biển của tỉnh. Hàng trăm đài truyền thanh huyện, thị xã và hợp tác xã đã tiếp âm tốt chương trình của Đài tỉnh. Hàng vạn hộ gia đình lần đầu tiên được nghe tiếng nói của tỉnh. Thành công này đã thực sự đưa Đài Truyền thanh Thanh Hoá trở thành phương tiện tuyên truyền nhanh chóng và rất hiệu quả mọi mặt mà từ trước đến nay chưa bao giờ thực hiện được.

Không hài lòng với những gì đã có, cuối năm 1975, với mục đích mở rộng hơn nữa tầm phủ sóng, Ủy ban Hành chính tỉnh đã cho phép Ty Thông tin xây dựng đài phát thanh sóng trung và sóng ngắn thay thế cho hệ thống phát sóng UKV. Các máy phát sóng trung công suất 5.000W và máy phát sóng ngắn công suất 1.000W, cùng 2 cột ăng ten sóng trung cao 54m và 2 cột ăng ten cao 20m được xây dựng đã nâng tầm phủ sóng của Đài tỉnh vươn tới nhiều huyện miền núi như: Ngọc Lặc, Lang Chánh, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành.... Trên đà phát triển đó, Ty Thông tin Thanh Hoá đã xin phép Uỷ ban Hành chính tỉnh thành lập Công ty Truyền thanh với chức năng chuyên lo công tác thiết kế, thi công, bảo dưỡng, sửa chữa các đài truyền thanh cơ sở.

Đồng thời, Trường Kỹ thuật Truyền thanh cũng được thành lập với nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật, cung cấp cho các đài truyền thanh cơ sở. Năm 1973, Ty Thông tin mở thêm lớp biên tập tin tức, trường lấy tên là Trường Cán bộ thông tin.

Thời kỳ xây dựng Phát thanh và Truyền hình (1977 - 1995)

Không dừng lại ở các chương trình phát thanh, ngày 2-9-1978, chương trình truyền hình đầu tiên của tỉnh được phát thử nghiệm. Bắt đầu từ đây, Đài Thanh Hóa đã có thêm nhiệm vụ mới, đó là chuyển tiếp tín hiệu của Đài Truyền hình Tam Đảo. Đây cũng là lần đầu tiên nhân dân trong tỉnh được xem truyền hình. Năm 1985, đài được trang bị máy phát hình đen trắng với công suất 100W để chuyển tiếp chương trình Đài Truyền hình Việt Nam qua đường viba. Tháng 5-1990, Đài được đầu tư máy phát hình màu ThomSon với công suất 1.000W và hệ thống thu tín hiệu qua vệ tinh. Ngày 19-5-1990, tín hiệu truyền hình đã toả sóng phục vụ đông đảo nhân dân cả vùng đồng bằng rộng lớn và một phần đất trung du phía tây của tỉnh.

Cùng với việc tăng cường thiết bị kỹ thuật, công tác biên tập nội dung của Đài cũng được chú trọng bằng việc củng cố và tăng cường đội ngũ phóng viên, biên tập viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ làm báo. Hai tờ báo (báo nói và báo hình) đã thực sự là công cụ truyền thông nhanh nhạy, vừa phục vụ sự chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền, vừa là diễn đàn của nhân dân.

Tuy thế, vào những năm cuối thập kỷ 80 (thế kỷ XX), truyền thanh cơ sở bị đặt trong tình trạng khó khăn. Tại nhiều huyện, hệ thống truyền thanh chỉ còn lại một số cụm loa ở phố huyện, hoạt động không đều đặn, có huyện gần như không còn hoạt động. Số trạm truyền thanh giảm đáng kể. Trước tình trạng trên, ban lãnh đạo ngành phát thanh - truyền hình tỉnh Thanh Hóa xác định: "Nâng cấp chất lượng thông tin, cải tiến các nội dung chương trình, đầu tư đổi mới trang thiết bị là yếu tố sống còn của Đài".

Năm 1986, thực hiện Quyết định 855 VX/UBTH của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá mở thêm chương trình tiếng Thái. Chương trình này đã mang đến cho nhân dân các dân tộc vùng cao tiếng nói của Đảng và Nhà nước. Năm 1992, được sự quan tâm của hai đài quốc gia và lãnh đạo tỉnh, Đài đã lập phương án phát triển hệ thống phát thanh - truyền hình toàn tỉnh, xây dựng các trạm phát lại truyền hình cho các huyện vùng núi trong tỉnh. Đến năm 1995, Đài đã xây dựng được 8 trạm cho 8 huyện miền núi.

Thời kỳ ổn định để phát triển (1995 - 2003)

Xét về thời lượng phát sóng, sự gia tăng được đánh dấu bằng sự kiện ngày 19-5-1995, Đài tăng thời lượng phát sóng chương trình truyền hình từ 30 - 45 phút lên 60 - 90 phút/chương trình, đồng thời số lượng các chương trình cũng tăng từ 4 chương trình lên 6 chương trình/tuần kể từ ngày 2-9-1995.

Trong các năm 1996 - 2001, thời lượng phát sóng

Trung tâm truyền hình kỹ thuật số

là 120 phút/ngày. Đến đầu năm 2002, nâng lên 360 phút/ngày và từ ngày 1-10-2002 tăng lên 480 phút/ngày với 7/7 ngày trong tuần. Việc tiếp phát sóng Đài Truyền hình Việt Nam cũng tăng đáng kể. Với mục tiêu tăng thời lượng tiếp sóng Đài Truyền hình Việt Nam từ 8 giờ lên 18 giờ trong ngày và phủ sóng phần lớn các huyện đồng bằng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu giải trí của nhân dân.

Để có thể tăng thời lượng phát sóng, Đài Phát Thanh và Truyền hình Thanh Hoá đã lắp đặt thêm máy phát công suất 500W (vào tháng 8-1995), xây dựng trung tâm phát sóng trên đồi Quyết Thắng Hàm Rồng với sự giúp đỡ của Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam. Sau hơn 1 năm xây dựng, đến cuối năm 1998, trung tâm đã khánh thành và chính thức đưa vào khai thác, sử dụng. Đặc biệt, tháng 12-2001, sau khi Trung tâm truyền hình kỹ thuật số được đưa vào vận hành (chương trình được xây dựng bằng nguồn vốn ODA của chính phủ Đan Mạch), Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hoá được xếp vào hàng những địa phương có thiết bị kỹ thuật hiện đại và đồng bộ, tăng năng lực sản xuất chương trình và thời lượng phát sóng. Từ đây, Đài Phát Thanh và Truyền hình Thanh Hoá đã đủ điều kiện tiếp sóng cả 3 chương trình VTV1, VTV2, VTV3 của Đài Truyền hình Việt Nam và phát sóng kênh TTVcủa Đài tỉnh với toàn bộ thời lượng mà 4 kênh phát sóng. Cùng với truyền hình, thời lượng tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam được thực hiện liên tục 24/24 giờ trong ngày trên hệ thống sóng FM, nâng thời lượng phát thanh của tỉnh lên 165 phút hàng ngày, trong đó có 60 phút phát trực tiếp từ 11 đến 12 giờ, tạo sự phong phú và sức hấp dẫn đối với người nghe phát thanh.

Về phát triển sự nghiệp phát thanh và truyền hình trong tỉnh, đến cuối năm 2002, trên địa bàn tỉnh đã có 40 trạm phát lại truyền hình, 29 trạm phát sóng FM, hơn 399 trạm truyền thanh xã, hơn 400 trạm truyền thanh thôn bản, gần 300 trạm thu tín hiệu từ vệ tinh (VTRO), 10/27 huyện đã truyền thanh hoá. Bên cạnh đó, để theo kịp công cuộc đổi mới kinh tế của tỉnh, các đơn vị trực thuộc của Đài gồm Trường Nghiệp vụ Phát thanh - Truyền hình; Công ty Phát triển Phát thanh - Truyền hình đã bám sát quy hoạch phát triển của ngành để phục vụ và đã đạt được những bước phát triển khá.

Mục tiêu mà Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hoá đề ra đến năm 2010 là điện phủ sóng truyền hình phải đạt 95% trên phạm vi toàn tỉnh; 100% xã trên phạm vi toàn tỉnh được nghe phát thanh. Xây dựng trạm phát lại truyền hình công suất 100W trở lên, 06 trạm phát lại truyền hình công suất 50W; 13 trạm; điểm phát lại truyền hình công suất nhỏ từ 10 - 20W cho các xã, bản, làng khuất sóng truyền hình: 55 điểm. Củng cố nâng cấp các trạm phát lại truyền hình hiện có. Những dự án này khi được hoàn thành sẽ tạo nên bước chuyển biến to lớn nhằm chuyển tải tin tức, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Từ đó, thực hiện tốt những nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước cũng như Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá giao phó.

THANH HOA RADIO AND TELEVISION

47 YEARS OF DEVELOPMENT PACE

"This is a voice of Thanh Hoa"- this sentence was transmitted for the first time on September 26th 1956 in Thanh Hoa Town, marked the beginning of the hard and strenuous but proud period of development of Thanh Hoa Broadcasting Station (Thanh Hoa Radio and Television presently). 47 last springs have been the period of endeavour for development from rudimentary to modern level, from broadcasting to broadcasting and televising station so as to make this sentence familiar and indispensable to Thanh Hoa people's spiritual life.

Thanh Hoa Radio and Television is the mouthpiece of the provincial Executive Committee and Authorities and also a public forum. Thus, whatever war or peace time it is, the station has strictly obeyed the State and Party's policies and instructions and brought the State and Party's voice to the people, making contribution to encourage public revolutionary movement, flexibly realising Party policies and the State laws in socio-economic life. To perceive those outstanding achievements, we shall look back the time to the establishment and constant development of Thanh Hoa Radio and Television.

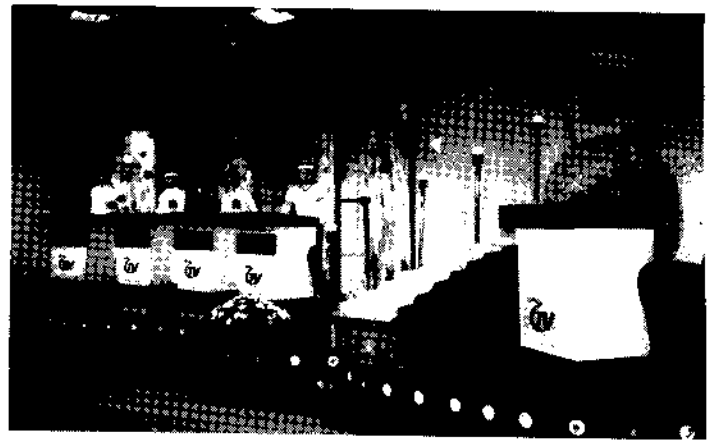

Thanh Hoa history and culture study contest on Thanh Hoa Radio and Television

Building process of Broadcasting Station (1954-1977)

In April 1956, under the assistance program of Soviet Union Government, Soviet Union experts bringing broadcasting equipment and techniques came into Vietnam with the task of establishing Thanh Hoa Broadcasting Station. After five months working tensely, on September 26th 1956, Thanh Hoa Broadcasting Station was inaugurated and officially came into operation. Thanks to updated technical machines and equipment, the small-scale station could regularly operate even in difficult situation even when there was lack of grid electricity. The wire network and megaphone system were installed across Thanh Hoa Town and were extended to Hoang Long, Hoang Quang in Hoang Hoa district, 8-10 km from Thanh Hoa Town. The key task of Thanh Hoa Broadcasting Station then was to relay the Voice of Vietnam and have a daily 15 - minute program of local news.

Based on the provincial people's demand for news and the management of Provincial Party Committee and Administrative Committee, in the end of 1972, Thanh Hoa Broadcasting Station was re-established under Thanh Hoa Department of Information. With the equipment support and guidance from the technicians of

Broadcasting Department under the General Department of Information, Thanh Hoa Broadcasting Station used DT20 UKV generator to transmit broadcasting programs to districts, towns, and cooperatives' broadcasting stations. Especially, since May 1st 1973, after the provincial Broadcasting Station officially broadcasted in Hang Than Street, Thanh Hoa Town through UKV transmitters at 20W and an 24 meter -high antennas, its radio wave has been covered some plain and coastal districts in the province. Hundreds of broadcasting stations of the districts, towns and co-operatives has been able to relay its programs well. Tens of thousands of households can hear the voice of the provincial broadcasting station. With those achievements, the station has become the fast and effective means of propaganda than ever before.

Not satisfied with obtained achievements, by late 1975, with an aim to further expand the broadcasting scope, the Provincial Administrative Committee permitted the Information Department to build medium and short wave broadcasting stations to replace UKV transmitter system. 5.000W medium and 1.000W short wave transmitters along with two 54 meter-high medium wave antennas and two 20 meter-high antennas were installed to extend the broadcasting range to many mountainous districts like Ngoc Lac, Lang Chanh, Cam Thuy and Thach Thanh. Thanh Hoa Department of Information under the permission of the Administrative Committee established a Broadcasting Company in charge of planning, construction, maintenance and repair of local broadcasting stations.

Concurrently, the Broadcasting Technique College was opened to train technical workers for local broadcasting stations. In 1973, Thanh Hoa Department of Information opened a course for information editor, and the college was called the College for Information Staff.

Establishment of Radio and Television Station (1977-1995)

Out of the broadcasting programs, on September 2nd1978, the first pilot television program was launched, and Thanh Hoa Broadcasting Station has taken a new task of transmitting Tam Dao Televising Station since then. This was also the first time for the provincial people to watch a television program. In 1985, the station was equipped with a 100W black and white television to relay Vietnamese Television's programs via viba wave. In May 1990, the Station was provided with a 1.000W colour television Thomson and a satellite transmission system. On May 19th 1990, the televising program was already extended to provincial entire large plain areas and a part of provincial western midland.

Along with technical equipment improvement, the station's editorship has also been given emphasis through enhancement and improvement of professional reporters and editors. Both of televising and broadcasting forms have been the fast mass media conducive to authorities' management as well as also public forums.

However, in the late 1980s, local broadcasting activities were in difficult condition. In many districts, a few remaining megaphones irregularly or rarely operated. A number of the broadcasting stations decreased remarkably. In such situation, the authorities of Thanh Hoa Broadcasting and Televising sector decided: "It is now vital for the station to improve information quality, ameliorate program contents and invest into equipment renovation".

In 1986, pursuant to Decision No.855VX/UBTH of the Provincial People's Committee, Thanh Hoa Radio and Television started Thai spoken programs which has

brought the State and Party's voice to mountainous ethnic groups. In 1992, thanks to concern of the two national Stations' (the Broadcasting and Televising Stations) and provincial authorities, the Thanh Hoa Radio and Television schemed to develop broadcasting and televising system across the province and establish televising stations in mountainous districts. The televising stations therefore had been built in eight mountainous districts.

Stability for development (1995-2003)

An increase in the amount of broadcasting time was marked on May 19th 1995 from 30-45 minutes to 60-90 minutes per program daily, and on September 2nd 1995 when a number of programs was lifted from 4 to 6 a week.

The amount of broadcasting time increased from 120 minutes daily during 1996-2001 to 360 minutes in early 2002 and to 480 minutes daily for a whole week since October 1st 2002. The programs relaying Vietnam Televising Station have been remarkably increased. Thanh Hoa Radio and Television is aiming at increasing the time for relaying programs from eight to 18 hours daily and providing television programs to the plain districts to better meet the people's demand for entertainment.

With a view to augment the amount of broadcasting time, Thanh Hoa Radio and Television installed a 500W transmitter in August 1995 and tended to build a transmitting centre on Quyet Thang Ham Rong Hill with the help of the Voice of Vietnam and Vietnam Television. By the end of 1998, the centre was inaugurated after a year of construction and officially come into operation. Especially, in December 2001, after Digital Television Centre sponsored by Denmark's ODA came into operation, Thanh Hoa Radio and Television has been ranked among localities with updated and synchronous technical equipment, increased program transmission capacity and amount of broadcasting time. Since then, Thanh Hoa Radio and Television has been able to fully relay three channels of the Vietnam Television VTV1,VTV2 and VTV3 and broadcast the provincial channel TTV. Apart from televising programs, the time relaying the Voice of Vietnam programs on FM wave is full day, raising the amount of provincial programs' broadcasting time to 165 minutes daily, of which 60 minutes for live programs from 11 to 12 o'clock, creating variety of programs to draw audience's attention.

As for provincial broadcasting and televising development, by the end of 2002, there are 40 television relaying stations, 29 transmitting stations and 399 commune broadcasting stations, over 400 village broadcasting stations and 300 satellite transmission stations (VTRO) and 10 of 27 districts have been installed broadcasting systems. Besides, with an aim to keep up with the economic renovation, the station's units including Professional Broadcasting and Televising College and Broadcasting and Televising Development Company have followed strictly the development plan to make dramatic progress.

Thanh Hoa Radio and Television goals by 2010 are include providing television program to 95% of provincial area and radio program to 100% of the provincial communes, installing six television relaying stations at over 100W and 13 stations at 50W, and 55 points for the wave hidden communes and villages. The existing television relaying stations will be improved. Achieving these goals will create great changes in information transmission, bringing the State and Party policies and guidelines to provincial ethnic groups so as to well implement the tasks given by the State and Party as well as Provincial Party Committee and Thanh Hoa Provincial People's Committee.

NHÀ IN BÁO THANH HOÁ

HIỆU QUẢ TỪ ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU CHO TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

Tăng cường đầu tư chiều sâu cả về trang thiết bị lẫn con người là phương châm mà Nhà in Báo Thanh Hoá đã lựa chọn ngay từ ngày đầu thành lập. Trên cơ sở phương châm ấy, trong suốt 15 năm hoạt động, Nhà in Báo Thanh Hoá không những hoàn thành nhiệm vụ chính trị, mà hiệu quả hoạt động luôn đạt mức tăng trưởng cao, quy mô sản xuất không ngừng mở rộng.

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền - Uỷ viên TW Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Thanh Hoá đến làm việc với Nhà in Báo Thanh Hoá.

Xuất phát từ yêu cầu của Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, ngày 20-6-1988, xưởng in báo của tỉnh Thanh Hóa đã chính thức ra đời với nhiệm vụ phục vụ công tác tuyên truyền của Đảng bộ và chính quyền địa phương. Để phù hợp với những yêu cầu thực tiễn, năm 1990, xưởng in chính thức đổi tên thành Nhà in Báo Thanh Hoá, trực thuộc Ban Tài chính Chính trị Tỉnh uỷ. Rồi sau đó chuyển về trực thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ (năm 1998) và Sở Văn hoá (từ năm 2000)

Những thành tích đáng khích lệ

Trong những năm đầu hoạt động, Nhà in báo Thanh Hoá hầu như chỉ hoạt động trong lĩnh vực in báo của Tỉnh uỷ và hầu hết các tờ báo, tạp chí của tỉnh. Sau khi đất nước đổi mới, để phù hợp vòng quay của nền kinh tế thị trường, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, kể từ năm 1993 trở lại đây, phạm vi và quy mô hoạt động của Nhà in đã mở rộng sang tất cả các lĩnh vực liên quan đến công tác in ấn.

Nhờ mở rộng sản xuất - kinh doanh, đến nay, Nhà in Báo Thanh Hóa đã có quan hệ bạn hàng truyền thống với hầu hết các đối tác trong và ngoài tỉnh từ Tuyên Quang, Hà Nội cho đến các tỉnh thuộc dải đất miền Trung. Để đáp ứng yêu cầu của bạn hàng và số đơn hàng ngày một tăng, Nhà in Báo Thanh Hóa đã đầu tư xây dựng xưởng in bao bì, đồng thời từng bước thay thế nhiều trang thiết bị, ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác in ấn nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Nhờ vậy, Nhà in Báo Thanh Hóa không chỉ hoàn thành nhiệm vụ được giao mà năng suất hoạt động của Nhà in không ngừng tăng qua các năm. Trong đó, nếu như năm 2000 năng suất của nhà in mới đạt 550 triệu trang thì đến năm 2001 tăng lên 820 triệu trang, gấp hơn 1,5 lần. Dự kiến trong năm 2003, con số này có thể lên đến 1.500 triệu trang. Công suất tăng đã kéo theo hiệu quả kinh tế mà Nhà in Báo Thanh Hóa đạt được cũng tăng tương ứng. Nếu như năm 2000, doanh thu đạt 7,5 tỷ đồng thì đến năm 2002 đạt 10,5 tỷ đồng, tăng gấp 1,4 lần. Dự kiến trong năm 2003, doanh thu có thể đạt 20 tỷ đồng.

Kinh doanh phát triển đã tạo công ăn việc làm ổn định cho 150 cán bộ công nhân viên với mức thu nhập cao. Không những thế, Nhà in Báo Thanh Hóa còn trở thành đơn vị luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu giao nộp ngân sách hàng năm. Trong đó, năm 2002, mức nộp ngân sách vượt chỉ tiêu 25%, năm 2003 phấn đấu vượt 50%.

Trải qua 15 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tựu đạt được, Nhà in Báo Thanh Hoá đã nhận được những phần thưởng hết sức cao quý như: bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 1996); Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1998); năm 2002 được lựa chọn là doanh nghiệp trẻ tiêu biểu của toàn quốc. Ngoài ra, Nhà in còn nhiều bằng khen khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá và Bộ Văn hoá - Thông tin trao tặng. Tất cả những phần thưởng cao quý đó đang và sẽ là một động lực thúc đẩy toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Nhà in nỗ lực, phấn đấu sản xuất, đạt nhiều thành tựu mới trong tương lai

Đầu tư chiều sâu là chìa khóa của sự thành công

Thành tích trên là kết quả tất yếu từ chiến lược đầu tư chiều sâu cho trang thiết bị và con người. Đến nay, trong sản xuất, Nhà in Báo Thanh Hóa đã đầu tư hệ thống trang thiết bị tiên tiến, đổi mới công nghệ phù hợp với thị hiếu, yêu cầu của khách hàng và quá trình phát triển công nghệ của thế giới. Đến nay, tất cả các thiết bị in của Nhà in được nhập về từ những nước có nền khoa học phát triển như Đức, Nhật Bản. Hệ thống máy in công nghệ cao đã đáp ứng được yêu cầu của các đơn hàng lớn với chất lượng tốt. Đặc biệt, năm 2002, Nhà in Báo Thanh Hóa đưa vào hoạt động máy in trị giá gần 7 tỷ đồng và một dây chuyền in bao bì. Với công nghệ hiện đại, Nhà in đã thành công trong việc ứng dụng công nghệ in Ofseft trên bao bì.

Bên cạnh đó, khâu tạo mẫu, chế bản thiết kế cũng được đầu tư bằng những công nghệ hiện đại, phòng in vi tính được khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối, tạo dây chuyền hoàn hảo cho chất lượng.

Không chỉ tập trung đầu tư vào trang thiết bị, công nghệ, Nhà in Báo Thanh Hóa còn tập trung đầu tư vào con người. Bởi theo ông Nguyễn Duy Hoa - Giám đốc Nhà in Báo Thanh Hóa cho biết: "Với mục tiêu nâng cao chất lượng của mỗi trang in mà chỉ đầu tư nâng cấp trang thiết bị thôi thì chưa đủ mà còn cần phải đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ kinh doanh". Thực hiện phương châm này, Nhà in đã tuyển dụng đội ngũ kỹ sư có trình độ tay nghề, chuyên môn cao trong tất cả các khâu. Đội ngũ cán bộ trong công tác thiết kế tạo mẫu được tuyển dụng có trình độ cao, lại không ngừng học hỏi, tiếp thu những thành tựu mới nhất trong công tác thiết kế mẫu đã đáp ứng yêu cầu, thị hiếu của bạn hàng. Đội ngũ kỹ sư làm công tác in ấn hàng năm được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề, đã và đang đáp ứng được yêu cầu sử dụng công nghệ in tiên tiến.

Bên cạnh việc chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, Nhà in Báo Thanh Hóa còn tập trung vào tuyển dụng, đào tạo một đội ngũ cán bộ kinh doanh năng động, có trình độ và am hiểu thị trường để có thể xây dựng được mạng lưới thị trường rộng lớn. Tính đến nay, số cán bộ có trình độ đại học chiếm 70 - 78% tổng số cán bộ công nhân viên. Đại đa số cán bộ công nhân viên trong Nhà in là những người có tuổi đời trẻ, đầy năng động, nhiệt huyết đã đưa Nhà in ngày một tiến lên.

Cùng đó, ban lãnh đạo Nhà in luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên. Toàn bộ những người mới tuyển vào đã được đảm bảo một chỗ làm ổn định, lâu dài và có được thu nhập cao trong quá trình sản xuất lao động.

Nhờ vào đầu tư chiều sâu cả về trang thiết bị lẫn con người, Nhà in báo Thanh Hoá đã có được thành quả như hiện nay. Để giữ vững thành quả trong 15 năm dày công xây dựng, trong những năm tiếp theo, Nhà in Báo Thanh Hóa, ngoài thực hiện nhiệm vụ chính trị còn tiếp tục giữ vững ngành nghề truyền thống để có thể đảm nhận tất cả các mặt hàng liên quan đến in ấn. Tạo đà phát triển hơn nữa, từ nay đến năm 2005, Nhà in Báo Thanh Hoá sẽ hoàn thiện và ổn định cả về mặt thị trường cũng như năng lực sản xuất của hai nhà máy, có thể khai thác được thị trường rộng lớn. Đến năm 2010, đi sâu vào hiện đại hoá hệ thống thiết bị in và sao in đáp ứng nhu cầu tự động hoá khép kín, xây dựng và hoàn thiện nhà máy giấy vở học sinh mang thương hiệu Thanh Hoá, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

THANH HOA NEWSPAPER PRINTING HOUSE

EFFECTIVE INTENSIVE INVESTMENT IN EQUIPMENT AND HUMAN RESOURCES

Since its establishment, Thanh Hoa Newspaper Printing House has been applying the motto of intensive investment in machinery and human resources. On the basis of that motto, over its 15 years operating, Thanh Hoa Newspaper Printing House has always fulfilled its political responsibilities and achieved high growth rates with the expanding production.

As required by the Party Committee and People's Committee of Thanh Hoa Province, Thanh Hoa Newspaper Printing Workshop was officially established on June 20th 1998 to serve the propaganda of the local Party committee and authorities. To meet the practical requirements, the workshop was officially renamed Thanh Hoa Newspaper Printing House under Provincial Bureau of Political Finance in 1990, under the Provincial Party Committee Office in 1998, and taken over by the Department of Culture in 2000.

Encouraging achievements

In the beginning years of its operation, Thanh Hoa Newspaper Printing House mainly covered the printing of the provincial newspapers and magazines as well as the newspaper by the Party Committee. After the Renovation (Doi moi), to catch up with the market economy circulation and ensure the employment, the printing house has expanded its business line to all related fields to printing (since 1993).

Thanks to the business and production expansion, Thanh Hoa Newspaper Printing House has set up the trading relations with almost all the local and external partners from Tuyen Quang, Hanoi and the central provinces. To meet the requirements of its partners and the increasing orders, Thanh Hoa Newspaper Printing House has invested in building the wrapping printing workshop, gradually replacing the outdated machinery with modern ones and applying advanced technology in printing thus enhancing the production capacity and quality. Therefore, Thanh Hoa Newspaper Printing House fulfils well its plan and the printing capacity achieves remarkable yearly increase. For instance, the printing house was capable of only 550 million pages in 2000, but 820 million in 2001, increasing by 1.5 times. It is estimated that its capacity will be 1.500 million pages in 2003. The better capacity results in the equivalent economic growth. The printing house achieved the revenue of VND7.5 billion in 2000 but 10.5 billion in 2002, increasing by 1.4 times. It is estimated that the revenue will reach VND20 billion in 2003.

The growing business is creating settable employment for 150 staff with high incomes. Moreover, Thanh Hoa Newspaper Printing House has become a unit that always exceeds the yearly budget contribution. It is planed that 25 percent exceeding in 2002 will be raised to 50 percent in 2003.

Intensive investment - key to success

The above achievements are indispensable results of the intensive investment in machinery and human resources. So far, the Thanh Hoa Newspaper Printing House has invested advanced machinery and technology in accordance with the customers' tastes and requirements and the international technology development. All the present printing equipment of the printing house were imported from the developed countries of science like Germany and Japan. The hi-tech printing machinery is to the requirements of the big orders for high quality. In 2002 particularly, Thanh Hoa Newspaper Printing House started to operate a new printing costing VND7 billion and wrapping line. With modern technology, the printing house has succeeded in applying Ofseft printing technology.

For its 15-year operation with those significant achievements, Thanh Hoa Newspaper Printing House has received noble rewards such as: Certificate of merits by the Prime Minister in 1996, Labour Order - Third Class in 1998, and was selected to be typical young enterprise of the nation in 2002. It has also been granted with other certificates of merits from Thanh Hoa People's Committee and the Ministry of Culture and Information. Those noble rewards have been strong incentives for the whole cadres and staff of the printing house to make their best for new achievements in production.

In addition, the designing and plate making are also invested with modern technology and absolutely close computer printing room, creating a perfect line for high quality production.

Not only focussing on the investment in machinery and technology, Thanh Hoa Newspaper Printing House put great attention to the manpower. Because, according to Nguyen Duy Hoa, the Director of Thanh Hoa Newspaper Printing House, "It is not yet enough to invest in machinery only, but to enhance the quality of the products, it is essential to also train and improve the capacity of the scientific, technical and business cadres". In that way, the printing house has employed a staff of high-qualified engineers who are enthusiastically learning the latest achievements of the pattern designing, meeting the requirements of the printing house's partners. The engineers in charge of the printing are annually sent to training courses for skill improvement have met the requirement of the advanced printing technology operation.

Thanh Hoa Newspaper Printing House also emphasises the employing and training an active marketing staff with high qualification and good knowledge of the market to build up a wide market network. Up to now, the number of people who have finished university education accounts for 70-80 percent of the total staff. The printing house is growing with its young, active and devoted employees.

Along wit that, the Board of Management of the printing house pay great attention to the life of their staff. Those who have been employed are ensured with a long-term and stable job with high income.

Thanks to the intensive investment in both machinery and human resources, Thanh Hoa Newspaper Printing House has gained so good results. To continue the achievements of the hard 15 years building, besides fulfilling the political responsibilities, Thanh Hoa Newspaper Printing House will continue the traditional occupation and cover all printing-related products. Creating impetus for better developments, Thanh Hoa Newspaper Printing House will perfect and stabilise its market and production capacity to cover larger markets. By 2010, the printing house will intensify the modernisation of the printing machines and copy-printers that meet the requirements of the close automation, building a factory producing school paper of high quality with the trademark "Thanh Hoa".

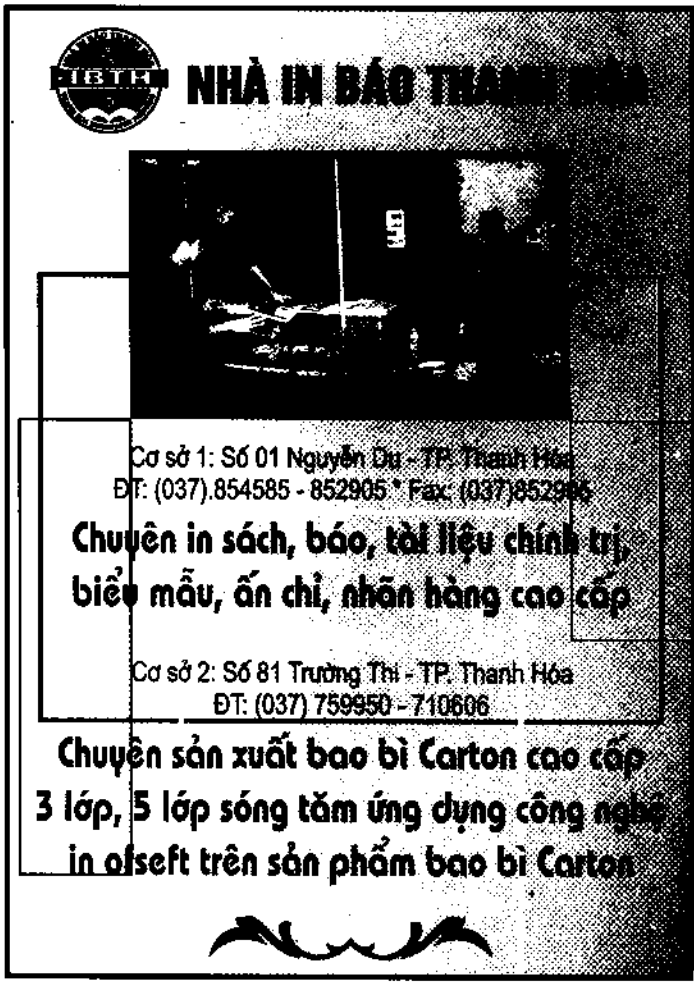

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRUNG TÂM CUNG CẤP NHÂN LỰC - VẬT LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trải qua 57 năm hoạt động, cùng với những thành tựu trong quá trình đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá đã cố gắng vươn lên, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong 5 năm trở lại đây, cùng với nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 7,3%/năm, ngành đã giải quyết việc làm cho hơn 16 vạn lao động, đào tạo nghề cho gần 85 nghìn người; xoá đói giảm nghèo trên 75.600 hộ (bình quân giảm hơn 2%/năm), hạ tỷ lệ hộ nghèo còn 18% (năm 2002).

Cần giải pháp tổng thể nâng cao chất lượng nguồn lao động

Đoàn kết tạo thành sức mạnh

Giai đoạn 1945 - 1954 là giai đoạn toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, giành độc lập cho đất nước. Trong bối cảnh ấy, với nhiệm vụ chủ yếu là vận động nhân dân tham gia phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đã vận động hơn 6 vạn thanh niên tham gia vào lực lượng vũ trang, gần 2 vạn thanh niên xung phong và trên 1 triệu lượt người với gần 29 triệu ngày công phục vụ hoả tuyến. Trong đó, chiến dịch Tây Bắc đã huy động được 141.600 người, chiến dịch Thượng Lào 336.075 người. Đặc biệt, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Thanh Hoá đã huy động được gần 173.900 người và 14.219 phương tiện vận chuyển lương thực, thực phẩm và vũ khí, góp phần làm nên trận Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu.

Theo ông Lê Hồng Lương, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá, để huy động được lực lượng lớn tình nguyện đem sức người và của cải, vật chất phục vụ hoả tuyến, trước hết phải kể đến tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết của người dân Thanh Hoá, cùng sự quyết tâm cao độ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác vận động, tuyên truyền về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngoài việc động viên thanh niên nhập ngũ, cung cấp lao động phục vụ cho cuộc kháng chiến, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá còn tổ chức hướng dẫn làm tốt công tác chăm lo đời sống tinh thần vật chất cho những người ở hậu phương, giúp ủy ban kháng chiến quản lý, theo dõi lao động trong tỉnh, phát động phong trào thi đua sản

Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống – một trong những giải pháp quan trọng giải quyết vấn đề lao động nhàn rỗi ở nông thôn.

xuất và tiết kiệm vì tiền tuyến thân yêu.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch nhận thương binh về làng, từ năm 1950 đến năm 1954, Thanh Hoá đã tiếp nhận 11.587 thương bệnh binh từ các chiến trường chuyển về. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn, không chỉ đối với nhân dân Thanh Hoá mà với toàn khu vực miền Bắc, bởi nạn đói năm 1945 và trận lụt lớn năm 1954 đã cướp đi biết bao sinh mạng và phá huỷ tài sản của nhân dân trong tỉnh. Nhưng với tấm lòng "lá lành đùm lá rách", Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Thanh Hoá đã vận động các ngành, các hội làm tốt công tác điều dưỡng cho thương bệnh binh và chăm lo đời sống nhân dân tản cư ở các vùng kháng chiến. Những việc làm này không chỉ góp phần quan trọng trong việc huy động nguồn nhân lực, phát triển phong trào thi đua ái quốc mà còn khích lệ các chiến sĩ ngoài mặt trận tăng cường sức mạnh tổng hợp đưa cuộc kháng chiến toàn dân đến thắng lợi vẻ vang.

Thời kỳ khôi phục và phát triển (1954 - 1964): sau cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược, kinh tế Thanh Hoá rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, "giặc đói", "giặc dốt" hoành hành. Trong lúc đó, thù trong giặc ngoài luôn là mối đe doạ tiềm tàng. Nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đề ra trong giai đoạn này là phải nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, dần ổn định đời sống của nhân dân.

Theo đó, để khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước đưa kinh tế - xã hội Thanh Hoá phát triển ổn định, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đã đi đầu trong việc giúp Uỷ ban Hành chính tỉnh huy động 437.621 lượt người với trên 13 triệu ngày công khôi phục các công trình giao thông, thuỷ lợi bị chiến tranh tàn phá như: đập Bái Thượng, thuỷ nông Sông Chu, Quốc lộ 1A.... Ngoài ra, tỉnh còn huy động 12 nghìn thanh niên xung phong tham gia công trình xây dựng đường Tây Bắc và khu gang thép Thái Nguyên....

Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước: với tinh thần "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "tất cả vì tiền tuyến, tất cả vì đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", hàng năm, khoảng 2 vạn thanh niên và dân quân Thanh Hoá gia nhập quân đội và khoảng 41.000 thanh niên xung phong phục vụ hoả tuyến. Ngoài ra, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh còn huy động gần 7,5 triệu lượt người với trên 223,7 triệu ngày công phục vụ chiến đấu ở các chiến trường: A, B và C. Tỉnh cũng đã phát động phong trào đỡ đầu, chăm sóc thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình quân nhân tái ngũ. Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch "Thương binh tàn nhưng không phế", Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá đã tập trung xây dựng 15 cơ sở nuôi dưỡng thương binh, cơ sở sản xuất của thương binh để phục hồi chức năng, bồi dưỡng văn hoá.... Đồng thời, Sở còn tiếp nhận 11.960 cháu học sinh từ Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, vùng chiến sự ác liệt không có điều kiện học tập. Cùng với công tác tiếp nhận, nuôi dưỡng, đào tạo và tìm việc làm cho thương bệnh binh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá còn tập trung giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho 30.658 liệt sĩ, 45.138 thân nhân liệt sỹ, 13.308

thương binh, 1.994 trẻ mồ côi và trên 3.592 người già cô đơn không nơi nương tựa.

Thực hiện nhiệm vụ đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

Với số dân 3.670 nghìn người (đứng thứ hai, sau thành phố Hồ Chí Minh), số người trong độ tuổi lao động của Thanh Hóa gần 1,7 triệu người, chiếm 48,78%, trong đó lực lượng lao động trẻ chiếm 30%. Ngoài ra, hàng năm, số lao động bổ sung thêm khoảng 3%. Trong khi đó, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu (chiếm 90%), đất canh tác bình quân đầu người khoảng 500 m^2 nằm trong kinh tế hộ ổn định lâu dài, nông dân phân công lao động gia đình, tự nó đã dôi ra. Theo nhận xét của ông Bùi Sĩ Lợi, nguyên Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá, "Lao động Thanh Hoá chỉ được lượng, còn chất thì kém lắm". Điều này cho thấy, vấn đề việc làm cho lao động dôi dư là hết sức nan giải.

Từ thực tế trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá xác định rõ: giải quyết việc làm cho người lao động và xoá đói giảm nghèo là vấn đề cốt lõi, góp phần nâng cao đời sống cho các đối tượng chính sách và nhân dân trong tỉnh. Thực hiện chương trình quốc gia về giải quyết việc làm và các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm qua, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đã kết hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, đoàn thể chính trị - xã hội hỗ trợ vốn tạo việc làm, khôi phục các làng nghề truyền thống, du nhập nghề mới, đặc biệt là sự nỗ lực tự tạo việc làm của người lao động, bình quân hàng năm tỉnh đã giải quyết việc làm cho 3 - 3,5 vạn lao động. Đến nay, tỷ lệ thất nghiệp ở Thanh Hoá chỉ còn 6% và tỷ lệ sử dụng quỹ thời gian lao động ở nông thôn là 75,26% (chỉ số này trước đây là 20% và 45-50%), nâng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề từ 15,9% (năm 1998) lên 21,3% (năm 2002).

Các tổ chức chính trị xã hội trong tỉnh đã tham gia tích cực thực hiện các chương trình xoá đói giảm nghèo. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã kết hợp với Hội phụ nữ tỉnh xây dựng 10.124 tổ tiết kiệm, huy động được 23.673 triệu đồng cho 69.259 lượt hội viên nghèo vay. Với những nỗ lực không ngừng của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá, công tác xoá đói, giảm nghèo đã thu được những kết quả nhất định. Số hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất đã không ngừng tăng lên, giải quyết việc làm

Bảng thành tích

1) 1 Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2002

2) 1 Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1997

3) 2 Huân chương Lao động hạng Nhì các năm 1985, 1992

4) 2 Huân chương Lao động hạng Ba các năm 1976, 1984

5) 1 Huân chương Tự do do Chính phủ Lào trao tặng

6) 1 cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu và 6 Bằng khen của Chính phủ trao tặng các năm 1975, 1978, 1986, 1997, 2001

7) Ngoài ra, Sở còn nhận được 3 cờ thi đua, 3 bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 1 bằng khen của Tỉnh uỷ, 9 bằng khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá và 6 năm liền được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

cho hơn 16 vạn người ở tuổi lao động, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống còn 18% vào năm 2002. Ngoài ra, tỉnh đã xây dựng được 4.090 nhà tình nghĩa với tổng số tiền 17 tỷ đồng, tặng 16.600 sổ tiết kiệm với số tiền trên 2,1 tỷ đồng và phụng dưỡng 1.419 Bà mẹ Việt Nam anh hùng (trong đó có 205 mẹ Anh hùng còn sống).

Mục tiêu và chiến lược đến năm 2005

Năm 2003 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Để hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005, từ năm 2003 trở đi, Thanh Hoá cần nỗ lực hơn nữa, tạo thế đột phá để đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP đạt 10%/năm trở lên, tạo sự chuyển biến rõ rệt về hiệu quả kinh tế.

Hoà chung với quyết tâm trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hoá đề ra mục tiêu đến năm 2005 cần tập trung nâng cao mức sống cho các đối tượng chính sách. Trong đó, trước mắt, tập trung hỗ trợ, giúp đỡ số hộ nghèo vươn lên thoát khỏi nghèo đói, phấn đấu đến năm 2005 không còn hộ chính sách nghèo theo chuẩn mới. Bình quân giảm 2%/năm tỷ lệ hộ nghèo, đến năm 2005 tạo được 185.000 việc làm mới.

Với nhận thức đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thanh Hoá thời kỳ 2001 - 2010, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sự phân bố lao động xã hội mới trên địa bàn, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 21,3% (năm 2002) lên 37 - 38% vào năm 2010. Ngoài ra, ngành cần tiếp tục tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp dân cư về công tác phòng chống tệ nạn xã hội và tập trung cai nghiện tốt ở những trung tâm 05-06 và tại cộng đồng.

Hơn 57 năm qua, cùng với sự phát triển của đất nước, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá đã có nhiều cố gắng trong công tác đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực, góp phần không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Phát huy những thành quả đã đạt được, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ còn đóng góp nhiều hơn nữa cho tỉnh trong quá trình phát triển và hội nhập.

DEPARTMENT OF LABOUR, WAR INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS

A CENTRE PROVIDING HUMAN AND MATERIAL RESOURCES FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

Over the 57 past year of operation, together with achievements gained in the process of war for independence and building socialist republics, the sector of labour, War Invalids and Social Affairs has strived, making worthy contributions to the cause of national liberation, socialism building and Vietnam socialist homeland defence. In the recent 5 years, falling in line with the GDP growth rate of 7.3%, the sector has created jobs for 16,000 people, training occupations for nearly 85,000 people, eradicating hunger and reducing poverty for over 75,000 households (decreased by 2% in average), contributing to reducing the rate of needy households to 18% in 2002.

Creating strength from unity

The period of 1945-1954 was a stage that the entire Party and people united and waged a long war of resistance against French colonialist for national independence. In this context, with a mission of agitating the entire people to participate in struggle against the French colonialist, Thanh Hoa Labour, War Invalids and Social Affairs sector mobilised more than 60,000 youths to take part in armed force, nearly 20,000 vanguard youths and over 1 million

people with about 29 million working days serving for front line. In particular, Tay Bac and Thuong Lao campaigns agitated 141,600 and 336,075 people respectively. Especially, in the historical Dien Bien Phu campaign, Thanh Hoa moved nearly 173,000 people and 14,219 means for transportation of foods, foodstuff and weapons, contributing to the great Dien Bien Phu victory.

According to Nguyen Hoang Luong - Vice Director of Thanh Hoa Labour, Invalids and Social Affairs Department: "Thanh Hoa mobilised a huge force of volunteers willing to devote their properties and life to revolutionary cause thanks to spirit of patriot and unity, and great determination of the department in agitating and propagandizing on the war of resistance against the French colonialist". Apart from encouraging young people to join the army, providing labour force to serve the war of resistance, the Department made efficient implementation of the work of fostering the spiritual and material life for the people in the rear.

Supporting the call of President - Ho Chi Minh "To welcome the war invalids to the villages" from 1950 to 1954, Thanh Hoa province received 11,587 wounded soldiers from battlefields back to rear. This was a very hard duty not only for Thanh Hoa but also for the whole northern region because the horrific famine in 1945 and the flood in 1954 claimed the life of million people and destroyed their properties. With the heart of "la lanh dum la rach"(supporting the poorer), The Department of Labour, Invalids and Social Affairs mobilized all sectors, organizations to successfully carry out the treatment for wounded and sick soldiers and cater to evacuator's life. The above work of Labour, Invalids and Social Affair Department of Thanh Hoa Province made important contributions to not only mobilising human resources and developing patriot emulation movement, but also encouraging soldiers in the front to enhance universal strength, taking the war of the entire people to a total glorious victory.

Encouragement of economic development of households has been contributing to poverty reduction.

The period of recovering and development (1954-1964): After the battle against French invader, the economy of Thanh Hoa province felt into a crisis with spreading of famine and illiteracy as foes while "internal enemy, outside invaders" was always an implicit threat. The duty that the Party and State mapped out in this stage was to quickly heal the war's losses, recover and develop the socio-economy, gradually stabilise the people's life. Accordingly, to surmount the war's consequences, step-by-step stabilising and developing the economy, Labour, Invalids and Social Affairs sector was in vanguard in assisting provincial administrative Commission to mobilise 437,621 people with over 13 million working days to restore traffic and irrigational works damaged by the war such as Bai Thuong dam, Song chu irrigational station, national road No1, etc. In addition, the Province moved 12,000 vanguard youths to engage in building Tay Bac road and Thai Nguyen cast iron - steel zone, etc.

The period of war against US empire for national salvation: With the heart of "rice is not short of 1kg, army force is not short of one soldier", "all for front-line, all for the struggle against US imperialist", around 20,000 youths and militia annually joined army and about 41,000 vanguard youths volunteered to serve frontline. In addition, the Department motivated approximately 7.5 million people with more than 223.7 million working days serving struggle in battlefields A, B and C. The province also motivated the campaign of fostering and caring the serious wounded people, the families of revolutionary martyrs and re-engaged soldiers. Implementing the teaching sentence of Uncle Ho "disable but not unusable", the Department concentrated on building 15 bring-up centres for wounded soldiers and production centres to restore the health of wounded people and cultivate culture, at the same time receiving 11,960 pupils without conditions for learning from Quang Tri, Quang Binh, Thua Thien Hue and the aggressive battle zones. Together with receiving, fostering, training and looking for jobs for wounded and sick soldiers, the Department paid special attentions to resolving timely and suitably social policies for 30,658 martyrs; 45,138 martyr's relatives; 13,308 wounded soldiers; 1,994 orphans and more than 3,592 homeless-old and single people.

Implementing the task of renovation (from 1986 to now)

Thanh Hoa Province is home to about 3.670 million people (after Ho Chi Minh City), 1,7 million of which are in working age, accounting for 48.78 percent (30 percent is young labour force). Additionally, labour force is annually supplemented by about 3 percent. Agricultural economy plays the key role, occupying 90 percent, per-capital cultivate land is about 500m^2 only for stable-economic households and farmers themselves carries out labour allocation for their family creating a redundant labour force. According to Bui Si Loi-former Director of Thanh Hoa Labour, Invalids and Social Affairs Department "Labour force of the province is good in number but poor in quality". This shows difficulties in resolving existing problems of redundant labour force.

From above facts, the Department defines that resolving problems of jobs for laborrers and hunger alleviation and poverty reduction are the core task, contributing to improving the life of groups belong to the Government and the local people. Implementing the national programmes on creating jobs for labourers and other programmes of socio-economic development, over the past few years, the Department has closely combined with all levels, agencies, political and social organisations in terms of supporting capital to create jobs, restore traditional occupation villages and receive new occupations. Especially, with endeavours in self-job creation of labourers, in average the province annually creates jobs for 30,000-35,000 people. The rate of unemployment and using labour-time fund has been so far only 6 percent and 75.26 percent respectively (the former figures were 20 percent and 45-50 percent respectively), giving an increase of trained-labour rate from 15.9 percent in 1998 to 21.3 percent in 2002.

Socio-political organizations in the province have actively participated in the implementation of poverty reduction programmes. The Department has cooperated with provincial women association to build 10,124 saving units, mobilising over VND 23,673 millions serving for the loan demand of 29,259 poor members. The Department of Labour, Invalid and Social Affairs together

with its unceasing efforts has been gaining laudable results in implementation of poverty reduction. The number of poor households borrowing capital for their production development has been continuously increasing, contributing to creating jobs for more than 160,000 people in working age and decreasing the rate of needy households to 18 percent in 2002. Besides, the province has also built 4,090 houses of gratitude with a total amount of VND 17 billions, presented 16,600 saving books with amount of VND 2.1 billions and fostered 1,419 heroic mothers of which 205 mothers are alive.

Objectives and strategy to 2005

Year 2003 is the third year to implement 15th Party Congress's Resolution. In order to complete the target of economic development in the period of 2001-2005, from 2003 Thanh Hoa needs to make further efforts with a view to creating breakthroughs to ensure per-year GDP growth rate of over 10 percent, generating positive changes in economic efficiency.

Falling in line with efforts of the Province, the Department has mapped out the objectives to 2005 that focus on improving the life of groups belong to the Government in which concentrating first on supporting and assisting needy households to overcome the poverty level and up to 2005, there will not any poor households pursuant to the new standard. This means, the Department attempts to decrease the rate of needy households by 2 percent per year and create new jobs for 185,000 people to 2005.

Considering training one of the significant tasks of socio-economic development strategy of Thanh Hoa in the period of 2001-2010, contributing to promoting the transformation of economic structure and creating a suitable socio-labour allocation in the Province, the sector of Labour, Invalids and Social Affairs strives to increase trained labor rate to 37-38 percent in 2010 from 21,3 percent in 2002. In addition, the sector needs to widely propaganda the activities of socio-evil prevention and being through with drug in Centre 05 - 06 and in community to people.

Over the past 57 years, together with the development of the country, the sector has made many efforts in training and providing human resources, making significant contributions to provincial socio-economic development process. Bring results gained into full play, the Department will continue to contribute further to the process of development and integration of the Province.

Roll of honours

1) *The third rank Independence Decoration in 2002.*
2) *The first rank Labour Decoration in 1997.*
3) *Two the second Labour rank Decorations in 1985 and 1992.*
4) *Two the second Labour rank Decorations in 1976 and 1984.*
5) *One Decoration of Freedom rewarded by Laos Government.*
6) *One Emulation Flag for the leading unit and six Certificates of Merit rewarded by the Government in 1975, 1978, 1986, 1997, 2001.*
7) *Three Emulation Flags, three Certificates of Merit granted by Ministry of Labour, Invalids and Social Affair, one Certificate of Merit by the Provincial Party, nine Certificates of Merit by Thanh Hoa People's Committee and six continuous years of transparent and strong provincial communist Party.*

LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

CẦN GIẢI PHÁP TỔNG THỂ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN LỰC

Thanh Hoá là tỉnh lớn với số dân khoảng 3,6 triệu người. Hiện nay, số người trong độ tuổi lao động có khoảng 1,7 triệu người (chiếm 48,78%), trong đó lực lượng lao động trẻ chiếm gần 30%. Hàng năm, số lao động này được bổ sung thêm 3%, nhưng đa phần là lao động phổ thông. Do chưa qua đào tạo nghề, chất lượng kém, số lao động này đã trở thành gánh nặng cho địa phương.

Khó khăn chồng chất

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm là do công tác quản lý Nhà nước về đào tạo nghề bị buông lỏng trong thời gian dài. Việc chuyển giao công tác quản lý lao động giữa các ngành giáo dục - đào tạo, lao động - thương binh và xã hội khiến các cơ quan quản lý công tác đào tạo nghề bị co hẹp dần, sự chỉ đạo điều hành bị phân tán, hiệu lực giảm.

Thêm vào đó, Thanh Hoá lại chưa có quỹ giải quyết việc làm, hoàn toàn trông chờ vào nguồn hỗ trợ của Trung ương, nên luôn ở trong tình trạng bị động. Mặc dù vậy, tính đến năm 2003, toàn tỉnh có khoảng 48 cơ sở hướng nghiệp và đào tạo nghề, nhưng chỉ đào tạo được các nghề mà các cơ sở có khả năng đào tạo; chưa đào tạo được các nghề mà xã hội cần để đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vì thế, số lao động thất nghiệp vẫn còn nhiều.

Trong khi tỷ lệ thất nghiệp còn cao thì các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh lại "chê" lao động Thanh Hoá. Sự mâu thuẫn này cho thấy một thực tế là chất lượng lao động của Thanh Hoá thấp, nên khả năng cạnh tranh với lao động các tỉnh khác không cao. Theo thống kê của Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Thanh Hoá, năm 1999, tỷ lệ lao động chưa biết chữ và chưa tốt nghiệp cấp 1 chiếm 10,6%; tốt nghiệp cấp I và cấp II là 68,9%; tốt nghiệp cấp III là 20,4%.

Theo ông Vũ Văn Nho - Giám đốc Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ việc làm cho biết: "Hàng năm, Thanh Hoá cần một lượng lao động đã qua đào tạo ngắn hạn và dài hạn khoảng 37.000 người phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh. Trong khi đó, khoảng 40.000 người đổ về thành phố tìm việc làm (chủ yếu là lao động phổ thông). Có thể nói, giải quyết số lớn những lao động dư thừa này là việc làm quá sức đối với Thanh Hoá, số lượng lao động có tay nghề rất ít (chiếm khoảng 12,18%)".

Giải thích về tỷ lệ thất nghiệp cao (thành thị khoảng 7%, hiệu suất sử dụng lao động ở nông thôn 72%) và cơ hội giải quyết cho những đối tượng lao động phổ thông là không nhiều, ông Nguyễn Huy Minh - Giám đốc Công ty Liên doanh May Việt - Thanh cho biết: "Nhiều nhà đầu tư, cả trong và ngoài nước, chỉ đầu tư vào những địa phương lân cận mà không đầu tư vào Thanh Hoá. Trong khi thế và lực của Thanh Hoá thuộc hàng các tỉnh có tiềm năng, phải chăng lý do chính là "thiếu" lao động....?"

Thêm nữa, do 2/3 trong tổng số 150 doanh nghiệp Thanh Hoá làm ăn thua lỗ nên số lao động mất việc làm không phải là nhỏ. Số lao động này bổ sung vào đội quân thất nghiệp hàng năm khiến việc giải quyết vấn đề lao động dôi dư càng trở nên khó khăn hơn.

Những giải pháp bước đầu

Để tạo thêm nhiều việc làm và giảm dần tỷ lệ thất nghiệp, thời gian qua, tỉnh Thanh Hoá và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng định hướng phát triển đào tạo nghề đến năm 2010 và chia thành 2 giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010. Đến nay, chương trình này đã được triển khai. Trong đó,

nhiệm vụ quan trọng hiện nay là đầu tư phát triển các trường dạy nghề, xây dựng hai trường dạy nghề trọng điểm, củng cố và thành lập các trung tâm dạy nghề cấp huyện; tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên dạy nghề, đào tạo công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật cho các vùng kinh tế trọng điểm, các ngành kinh tế, các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Mở rộng quy mô đào tạo nghề ngắn hạn; từng bước đào tạo nghề phổ cập, trong đó ưu tiên đào tạo phổ cập nghề cho lao động nông thôn nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn; khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất.

Bên cạnh đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các trung tâm xúc tiến việc làm trực thuộc còn hỗ trợ cho người lao động lập dự án vay vốn để từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển vùng cây công nghiệp thế mạnh như mía, cao su, cà phê,... Bên cạnh đó, hướng số lao động dư thừa tại nông thôn vào một số ngành nghề tập trung như: lâm nghiệp, ngư nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản biển và chế biến xuất khẩu,...

Công tác đào tạo phải được xem là trọng tâm trong việc phát triển nguồn nhân lực. Việc đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phải được tăng nhanh cả về quy mô và chất lượng, hiệu quả, tạo ra cơ cấu và phân bổ lao động hợp lý giữa các ngành và các vùng.

Theo ông Vũ Văn Nho: "Hàng năm, trung tâm cố gắng giải quyết khoảng 800 - 900 lao động (trong đó khoảng 600 người có việc làm ngay). Để giải quyết việc làm cho số lao động trên, chúng tôi đã liên kết với các địa phương như: Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh - những địa phương có nhu cầu sử dụng nhiều lao động. Sau khi đã đào tạo nghề ngắn hạn tại trung tâm của tỉnh, chúng tôi sẽ cung cấp cho các doanh nghiệp cần người. Ngoài ra, trong giai đoạn 2000 - 2003, Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ Việc làm đã đưa 1.500 - 2.000 người đi xuất khẩu lao động ở Malaixia. Phấn đấu đến năm 2005, trung tâm sẽ đưa khoảng 800-1.000 lao động đi xuất khẩu và đến năm 2010 sẽ là 1.500 - 2.000 lao động sang xuất khẩu tại Malaixia và các nước khác. Nhờ có những chủ trương đúng đắn kịp thời, từ năm 2001 đến nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hoá đã giải quyết cho khoảng 37.000 lao động".

Hiện nay, công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm đang được xem như một giải pháp tích cực trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có tay nghề. Vì thế, Trung tâm giới thiệu và Dịch vụ Việc làm hàng năm đã kết hợp với các trường Cao đẳng thuộc Bộ Thương binh Xã hội và các trường đại học đào tạo khoảng 200 cán bộ xoá đói giảm nghèo của tỉnh và của các huyện (theo chương trình của tổ chức CILIP-Canada tài trợ), 300 học sinh tốt nghiệp Cao đẳng xã hội. Kết hợp với trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn đào tạo 110 học viên, cán bộ cho ngành.

Nhằm phục vụ tốt công tác dạy nghề và tạo việc làm trong thời gian tới, tỉnh sẽ tập trung phát triển kinh tế - xã hội. Đây là hướng cơ bản quan trọng nhất nhằm ổn định việc làm cho những người đang làm việc và tạo ra 185.000 chỗ làm mới đến năm 2005; phấn đấu đến năm 2010 đưa tỷ lệ lao động đã qua đào tạo lên 36 - 38%, trong đó đào tạo nghề đạt 25%. Cần tập trung chỉ đạo một số chương trình phát triển kinh tế trọng điểm, tạo việc làm và thu hút nhiều lao động như: Chương trình phát triển nông thôn cần khoảng 1,1 - 1,2 triệu lao động; công nghiệp - dịch vụ cần khoảng 150 nghìn lao động; ngành thuỷ sản cần 22 nghìn lao động; xây dựng, vật liệu xây dựng; 26 nghìn lao động; giao thông - vận tải (đường bộ, đường sông, đường biển): 21 nghìn lao động; xuất khẩu lao động: 40 nghìn người.

Trong thời gian tới, mỗi năm, Thanh Hoá sẽ đào tạo 1.200 - 1.400 học viên đa ngành, đa nghề phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cho các tỉnh bạn và phục vụ nhu cầu xuất khẩu lao động; đồng thời trở thành trung tâm điều phối chuyển giao kỹ thuật mới về nghề cho các trường, các trung tâm dạy nghề cấp huyện và các cơ sở khác có dạy nghề, phấn đấu hạ tỷ lệ thất nghiệp xuống mức thấp nhất có thể.

Với những cố gắng và nỗ lực không ngừng, Thanh Hoá hy vọng sẽ đào tạo và cung ứng một đội ngũ tay nghề chuyên nghiệp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động thực tế tại địa phương, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động.

LABOR AND EMPLOYMENT

NEED A UNIVERSAL SOLUTION TO ENHANCING HUMAN RESOURCE QUALITY

Thanh Hoa is a big province with about 3.6 million people. At present, the number of people at working age is about 1.7 million people (accounting for 48.78 %), of which 30 % are young people. This number is annually supplemented by 3 %, but majority is manual labourers. However, those low-quality labourers, have not been trained, become a burden for the Province.

Mountain of difficulties

One of the reasons leading to the shortage of jobs is loosened State management on vocational training for a long time. The transfer of labour management between education-training sector and labor, invalids and social affairs sectors has shrunk the vocational training management bodies, dispersed direction and administration and lowered effectiveness.

Furthermore, Thanh Hoa has not set up employment funds, fully dependent on State assistance resulting in its passivity. Although until 2003, the entire province has about 48 occupational orientation and vocational training units, those units train only what they can but not what the society needs to meet demand on economic restructuring, causing high rate of unemployment.

While the unemployment rate is still high, enterprises inside and outside the province seems to" disparage" its labour force. This contradiction shows a reality, the quality of Thanh Hoa Province's labour force is still low resulting in low competitiveness in comparison with the other provinces. According to the statistics of Thanh Hoa Department of Labour, Invalids and Social Affairs, in 1999, rate of illiterate laborers and not finished primary schools accounted for 10.6%, while the laborers finished primary and secondary schools made 68.9% and from high schools occupied 20.4%.

According to Director of Vocational Training and Job Service, Nguyen Van Nho - "Annually, Thanh Hoa Province needs about 37.000 short-term and long-term trained labourers supporting its economic development programs, while about 40.000 people look for jobs in the city (majority are manual labourers). Possibly speaking, solving the problem of redundant labour force is beyond Thanh Hoa province's capability, while the number of high-skilled laborers is inconsiderable (accounting for about 12.18 %)".

Explaining the high rate of unemployment (around 7% in the urban area, 72% idle time in rural area and only a few employment chance for manual laborers), Director of Viet-Thanh Garment Joint venture Company Nguyen Huy Minh said: "Many domestic and international investors just choose its neighbouring provinces to invest in stead of Thanh Hoa, though it is one of the potential provinces. Could it be that Thanh Hoa lacks labor force?

Moreover, two third of the 150 enterprises in Thanh Hoa Province lose in their business resulting in a big number of unemployed laborers that is supplemented to the annual unemployed labour force making solution to the redundant labor force issue.

The initial solutions

To create more jobs and gradually reduce the unemployment rate, over the past years, Thanh Hoa Province and the Department of Labor, Invalids and Social Affairs have set up orientation on vocational training development by 2010 and divided it into two stages 2001-2005 and 2006-2010. Until now, this orientation has been conducted. Of which, an important tasks presently include investing in vocational school development, building two more vital vocational schools, consolidating and establishing voca-

tional training centres in districts, improving quality of teachers and training skillful workers to meet demands on technical workers of key economic zones, IZs, economic the labour export sectors. Additionally, expanding scale of short-term vocational training courses; gradually training manual vocations, in which the priority is given to training labourers in rural areas to strengthen the economic restructuring, industrialize rural agriculture; encouraging and facilitating enterprises' production extension also should be carried out.

Besides, the Department of Labor, Invalids and Social Affairs together with its job promotion centres supports labourers in planning the capital borrowing projects to gradually transform the crop structure and develop potential industrial trees such as sugarcanes, rubber, coffee, etc. Additionally, those units also orient the redundant labour force towards working in some such concentrated vocations and sectors as forestry, fishery, aquaculture and fishery processing for export, etc.

Training activity should be considered the focus in developing human resources. Vocational training and job introduction should be rapidly boosted in scale, quality and efficiency, creating a reasonable labour structure and allocation between the sectors and areas.

According to Vu Van Nho "the centre annually tries to look for about 800 - 900 jobs for labourers (of which 600 labourers receive jobs immediately). To create jobs for those labourers, the centre has co-operated with localities of high demands for using labourers such as Binh Duong, Dong Nai province and Ho Chi Minh city. After completing short-term training courses, the centre will provide the trained laborers to enterprises required. In addition, in the stage of 2000-2003, the vocational training and job service Centre exported a labour force of 1,500-2,000 people to work in Malaysia. The centre is striving to export about 800 - 1000 labourers by 2005 and 1,500 - 2,000 to Malaysia and many other countries by 2010. Thanks to the sound orientation and guidelines, since 2001, the Department of Labour, Invalids and Social Affairs has created jobs for about 37,000 labourers".

At present, vocational training and job introduction are regarded as an active solution to increasing rate of high-qualified labourers. Therefore, the Centre of job service and introduction annually co-operates with colleges under the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs and universities to train about 200 staff responsible for hunger alleviation and poverty reduction for province and communes (according to the program sponsored by a Canadian organization - CILIP), 300 students from Social Colleges. Besides, the centre also associates with the University of Science, Society and Humanity to train 110 students, staff for the sector.

With a view to better serving the vocational training and job introduction, in the coming times, the Province will focus on socio-economic development. This is the most basic and important orientation to stabilize working people's jobs and create 185,000 new jobs until 2005. Additionally, the Province strives to increase the rate of trained labourers to 36-38%, of which 25% are from vocational training courses. Furthermore, the Province will concentrate on some key economic development programs to create jobs and attract many labourers such as: the rural development program with the need of about 1.21-1.2 million labourers; industry-service: 150,000 labourers; fishery 22,000 labourers; construction and building materials: 26,000 people; transportation (road, river, sea): 21,000 people, and labour export: 40,000 people.

In the next time, each year, Thanh Hoa Province will train 1,200 - 1,400 multi-sectorial and vocational students serving the cause of the socio-economic development of the Province, neighbouring provinces and satisfying the demands of labour export. In the meantime, the Province will also attempts to become a centre of new technology coordination and transfer to vocational training schools, centres in communes and other vocational training units, and to reduce the unemployment rate down to the lowest possible level.

With the endeavours and persistent efforts, Thanh Hoa hopes to train and provide highly skillful labourers, meeting the demands of using labourers in the Province, at the same time creating jobs for labourers.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC DẠY NGHỀ 05 - 06 THANH HOÁ

NƠI CUỘC SỐNG HỒI SINH

Hiện nay, hoạt động của các trung tâm dạy nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm diễn ra khá sôi nổi, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội. Tuy nhiên, Trung tâm Giáo dục Dạy nghề 05- 06 Thanh Hóa lại là một đơn vị đặc biệt - nơi tiếp nhận những đối tượng tệ nạn xã hội. Cán bộ của trung tâm không chỉ dạy nghề, tạo việc làm cho các đối tượng mà còn kiêm luôn vai trò của người thầy, người cha, người anh, người chị trong gia đình. Trong 9 năm qua, mặc dù phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, trở ngại nhưng toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ trung tâm đã cố gắng không ngừng, đánh thức và vực dậy những cuộc đời lầm lạc, đưa họ trở về hoà nhập cùng cộng đồng, góp phần ổn định tình hình an ninh - xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá nói riêng và cả nước nói chung.

Lễ kỷ niệm 6 năm ngày thành lập trung tâm

Những khó khăn mang tính đặc thù

Những đối tượng mà trung tâm hiện đang quản lý - gái mại dâm (05) và người nghiện ma tuý (06) là những thành phần vô cùng phức tạp (có tiền án, tiền sự). Hầu hết các đối tượng vào trung tâm đều do chính quyền cưỡng chế hoặc do gia đình các đối tượng này gửi đến, ý thức tổ chức kỷ luật kém, chưa quyết tâm từ bỏ lối lầm. Vì thế, họ luôn tìm cách phá phách, chống đối các quy định của trung tâm, thường xuyên bỏ trốn, thậm chí nhiều đối tượng còn tấn công cán bộ. Khó khăn lớn nhất là chưa có chế tài xử lý cụ thể để buộc các đối tượng phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của trung tâm nên hiệu quả giáo dục thấp. Bởi với thành phần phức tạp như thế mà chỉ sử dụng biện pháp khuyên răn, thuyết phục, giáo dục vẫn chưa đủ, đòi hỏi phải có những biện pháp mạnh, những chế tài có hiệu lực để nâng cao hiệu quả công tác của trung tâm.

Thêm nữa, các đối tượng vào trung tâm mắc rất nhiều bệnh, ít cũng 2 bệnh, nhiều đến 4 - 5 bệnh. Vì thế, công tác chăm sóc, điều trị bệnh cho các đối tượng rất khó khăn, nhiều khi điều trị được bệnh này thì lại phát sinh thêm những bệnh mới. Nguy hiểm hơn, vài năm trở lại đây trung tâm đã phát hiện 52 trường hợp nhiễm HIV/AIDS, chiếm 25 - 30% số đối tượng vào trung tâm (chưa kể số đối tượng đã xét nghiệm, phát hiện nhiễm HIV từ bên ngoài). Công việc giáo dục, điều trị cho các đối tượng nhiễm HIV gặp nhiều khó khăn, thậm chí còn nguy hiểm đến tính mạng cho cán bộ trung tâm, nhất là khi các biện pháp bảo đảm an toàn cho cán bộ làm việc tại trung tâm vẫn còn nhiều hạn chế. Với những đối tượng

phức tạp lại mắc nhiều bệnh tật như vậy, trung tâm cần có những khu điều trị, giáo dục riêng biệt. Nhưng hiện tại, cơ sở vật chất của trung tâm ngày càng xuống cấp, địa điểm quá hẹp và không ổn định nên hiệu quả công tác chưa được như mong muốn.

Chỉ cần có tấm lòng

Song vượt lên muôn vàn khó khăn, thử thách, tập thể cán bộ Trung tâm Dạy nghề 05-06 Thanh Hóa với tâm huyết của người thầy và trách nhiệm với nghề, với xã hội đã âm thầm, nhẫn nại nâng đỡ những con người lầm đường lạc lối, đưa họ hoà nhập trở lại với cuộc sống cộng đồng. Những thành quả đạt được chính là nguồn cổ vũ, động viên to lớn, khích lệ cán bộ trung tâm quyết tâm trụ vững với nghề.

Công tác chữa bệnh

Đa số đối tượng nghiện ma tuý khi vào trung tâm thể trạng sức khoẻ đều gầy yếu, cá biệt có đối tượng chỉ cân nặng 32 - 37kg. Bằng phác đồ điều trị cai cắt cơn, kết hợp với chống rối loạn thần kinh thực vật và nâng đỡ sức khoẻ, trong thời gian từ 7 đến 10 ngày, các đối tượng đều cắt cơn an toàn. Các di chứng phát sinh sau khi đối tượng cắt cơn đều được điều trị kịp thời. Sau thời gian cai nghiện từ 6 đến 12 tháng, các đối tượng này đều hồi phục sức khoẻ, tăng cân từ 10 đến 20kg. 100% đối tượng là gái mại dâm sau khi điều trị từ 1 đến 2 tháng tại trung tâm đều khỏi bệnh.

Công tác giáo dục

Ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh nội quy và nếp sống kỷ luật, hàng tuần, hàng tháng, các đối tượng được họp bình xét theo tiêu chuẩn của trung tâm. Sau thời gian chữa bệnh, phục hồi sức khoẻ, trung tâm tổ chức các lớp học chính trị, pháp luật theo giáo trình thống nhất của Cục Phòng chống Tệ nạn xã hội nhằm giáo dục nhân cách cho học viên. Bên cạnh đó, trung tâm còn mở rộng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao,... nhằm giúp học viên thực sự hòa nhập vào các phong trào, xoá bỏ mặc cảm, yên tâm học tập, rèn luyện, làm lại cuộc đời.

Công tác dạy nghề và tái hoà nhập cộng đồng

Trong những năm qua, Trung tâm Giáo dục Dạy nghề 05- 06 Thanh Hóa liên tục mở các lớp dạy nghề cho đối tượng như: dạy cắt may, làm biển quảng cáo, dạy làm đậu phụ, mộc dân dụng, cơ khí, làm mộc nhĩ,... giúp đối tượng tham gia lao động - sản xuất tại trung tâm. Mặc dù hiệu quả kinh tế mang lại không cao, song đã giúp các đối tượng phục hồi sức khoẻ nhanh, nâng cao ý thức trách nhiệm và ý thức lao động, tạo cơ sở để đối tượng có khả năng tìm kiếm việc làm khi trở về hoà nhập cùng cộng đồng.

Qua hơn 9 năm hoạt động, trung tâm đã chẩn trị, cai nghiện và tái hoà nhập cộng đồng cho hơn 400 đối tượng 05 và hơn 1.200 đối tượng 06. Sau 1- 2 năm hoà nhập với cộng đồng, 25-35% học viên của trung tâm đã có cuộc sống ổn định, không tái phạm.

Một tin vui đến với toàn thể lãnh đạo và cán bộ của trung tâm là ngày 10-3-2003, tại thôn Kim Sơn, xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hóa đã tổ chức lễ khởi công xây dựng Trung tâm Giáo dục Dạy nghề 05- 06. Trung tâm mới được xây dựng trên diện tích 19,68ha, với tổng vốn đầu tư trên 18 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục công trình: nhà quản lý trung tâm, nhà dạy nghề và hướng nghiệp, nhà ăn và các công trình phụ trợ khác, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện làm việc cho 65 cán bộ và môi trường học tập, rèn luyện cho 500 đối tượng 05- 06.

Với tấm lòng bao dung của tập thể cán bộ, cùng với sự quan tâm của các cấp, các ngành cũng như của toàn xã hội, Trung tâm Giáo dục Dạy nghề 05 - 06 Thanh Hóa đã thực sự trở thành nơi đánh thức niềm tin và khát vọng sống, đánh thức phần thiện trong những con người đã một thời lầm lạc, giúp họ làm lại cuộc đời, góp phần làm trong sạch và lành mạnh hoá xã hội.

THANH HOA OCCUPATIONAL EDUCATION CENTER 05-06

WHERE THE LIFE REVIVES

At present, the activities of the centers on occupation training and employment introducing service are taken place ebulliently, contributed in enhancing the quality and quantity of the human resource for the society. However, Thanh Hoa Occupation Education Center 05-06 is the special unit – where receives the social evildoers. The center's cadres are not only in charge of vocational training but also play the role of the teacher, father, brother or sister in the family. During past nine years, despite numerous difficulties, the whole center's leaders and staff had nonstop striven, aroused and revived the misguided cases, bringing them back to the community's normal life, contributing to social security stabilization and economic development in Thanh Hoa province in particular and nation-wide in general.

The regular activity of the center

The special difficulties

Those cases, which have been managed and controlled at the center presently – the prostitutes (05) and drug addicts (06), are the extremely sophisticated elements (with previous conviction or/and judicial offence). Almost of such cases, which are coerced to be there by the authorities or sent by their families, are bad at discipline and not determine to unlearn the mistakes. Therefore, they always attempt to devastate and oppose the center's regulations, escape or even turn on the cadres. The biggest impediment is the shortage of the detailed sanctions to force them to strictly execute the center's regulations, resulting in ineffectiveness in education. With such complicated cases, out of using of admonishment, convincement and education methods, the center is required to apply the resolute measures and the effective sanctions to raise the center's activities effects.

Moreover, the cases coming to the center contract at least two or even four to five diseases. Hence, the difficulties are unavoidable in caring and treating their diseases, hardly had one disease been cured, when the other occurred. More dangerously, in recent years the center has detected 52 HIV/AIDS infected cases, amounted to 25% -30% cases in the center (excluded the HIV infected cases tested from outside). The center's staff faces an array of obstacles in education and treat-

ment for the HIV infected patients, which are dangerous for their life, especially in the context of limited secure measures. With such complicated and disease-infected cases, the center should have the separate treatment and education areas. Presently however, the infrastructure of the center is getting downgraded with narrow and unstable area causing the unexpected results.

Only with the heart

Overcoming a arrange of difficulties and challenges, the staff of Thanh Hoa Occupation Education Center 05-06, with the strong will of the teachers and responsibility to the work and society, has patiently assisted the misguided cases, leading them to integrate to the community's life. The obtained achievements are the great encouragement, stimulating the center officials determinedly stay with the profession.

Disease treatment

Most of the drug-addicts on arriving the center have weak habitus, particularly weigh only 32kg-37kg. Applying the treatment method by fit cutting in combination with opposing vegetative nervous disorder and fostering the health during seven to ten days, the fit cut is safety carried out. The sequela arising after fit cutting have been timely treated. The health recovery is always seen after six to twelve months giving up, the patients' weight increases from 10kg to 20kg. 100% prostitutes after one to two months being treated at the center have been recovered from illness.

Education

Apart from strictly obeying the regulations and disciplined lifestyle, those cases have been selected weekly according to the center's standard. After treatment and recovery period, the center organizes the training courses on politics and laws in line with the united textbooks of the anti-social evil department aiming at educating personality for them. Besides, the center has also expanded the cultural, artistic and sport activities for trainees to take part in with a target of wiping out their complex and helping them feel secured in studying, training to make a fresh start in life.

Occupational training and reintegration into the community

In last years, Thanh Hoa Occupation Education Center 05-06 has regularly opened the courses to train sewing, making advertising banners, soya curd, wood and mechanics to help the trainees participate in labor and production in the center.

Although the economic effect is not high but it helps trainees faster recovered, enhance their sense of responsibility and sense of labor, facilitate them to find the job on returning to the normal life.

After nine years of operation, the center has diagnosed, helped giving up and reintegrating for more then 400 cases of 05 and over 1200 cases of 06. After one to two years returning to the community, 25%-35% cases live stably, putting and end to relapsing into crime.

The good news for the entire center's leaders and staff is that on March 10th, 2003 at Kim Son village, Hoang Giang commune of Nong Cong District, the Thanh Hoa Department of Labor, Invalid and Social Affair organized the groundbreaking ceremony of building Occupation Education Center 05-06. The new center was built in the area of 19.68ha with total investment capital of more than VND18billion, including the works of the center's managing office, occupation training and orientation house, restaurant and the auxiliary works, considerably contributing to the improvement of the working conditions for 65 officials and studying, training environment for 500 cases of 05 and 06.

With the tolerant heart of the center staff together with the attention of the sectors and branches as well as of the entire society, Thanh Hoa Occupation Education Center 05-06 has really become the place arousing the living faith and aspire, enlightening the good part of the ever mistaken persons, assisting them to start life afresh, contributing to cleaning up the society and making it healthy.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM THANH HOÁ
CẦU NỐI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thanh Hoá là một tỉnh có nguồn lao động dồi dào, trung bình mỗi năm có trên 1,9 triệu người đến độ tuổi lao động. Đây vừa là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế vừa đặt ra thách thức lớn trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Cùng với các ban, ngành hữu quan khác, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hoá được xem như chiếc "cầu nối" trong việc đào tạo và hướng nghiệp cho lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh.

Thanh Hoá là một tỉnh có nguồn lao động dồi dào, trung bình mỗi năm có trên 1,9 triệu người đến độ tuổi lao động. Đây vừa là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế vừa đặt ra thách thức lớn trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Cùng với các ban, ngành hữu quan khác, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hoá được xem như chiếc "cầu nối" trong việc đào tạo và hướng nghiệp cho lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, năm 1989, cùng với một số đơn vị khác có liên quan, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa đã ra đời, tham gia tích cực vào công tác đào tạo và giới thiệu việc làm, từng bước ổn định trật tự an toàn - xã hội trên địa bàn tỉnh. Khi mới được thành lập, trung tâm có 30 cán bộ, nhân viên, trong đó có 35% đạt trình độ đại học trở lên, số còn lại được đào tạo qua các chuyên ngành cơ bản khác.

Buổi học nghề tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hoá

Tư vấn và hướng nghiệp cho người lao động

Nhờ sự nhiệt tình và cố gắng hết mình của cán bộ nhân viên Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa, hàng năm, trung bình có khoảng 1.000 lao động được giới thiệu vào những địa chỉ tin cậy, phù hợp với năng lực và có mức thu nhập ổn định. Hiện nay, số lao động được trung tâm giới thiệu làm việc trong nước chiếm phần lớn, tập trung ở các tỉnh phía Nam như: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương. Trung tâm đã tạo được chữ tín lâu dài tại các thị trường này về chất lượng nguồn nhân lực do trung tâm giới thiệu. Bên cạnh đó, Trung tâm tiếp tục phấn đấu mở rộng quan hệ hợp tác, nhằm từng bước chiếm lĩnh thị trường lao động, đáp ứng kịp thời nhu cầu bức xúc về việc làm của người lao động.

Bàn về vấn đề xuất khẩu lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa cho rằng: đây là một hướng đi đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Chỉ tính riêng năm 2002, Trung tâm đã đưa được 110 lao động sang làm việc tại Malaixia, Đài Loan.... Tuy nhiên, hướng đi này còn gặp rất nhiều khó khăn. Bởi lẽ, muốn làm việc ở nước ngoài, người lao động phải đóng một khoản tiền khá lớn so với mức thu nhập bình quân của họ. Trong khi đó, thu nhập của người dân Thanh Hoá còn thấp, muốn huy động một lúc mấy chục triệu đồng quả là vấn đề nan giải. Cũng chính vì thế, trong vài năm qua, số lượng lao động được làm việc tại nước ngoài còn rất khiêm tốn.

Đào tạo và dạy nghề

Số lao động cần giải quyết việc làm hàng năm ở Thanh Hoá vào khoảng 40 - 50 nghìn người. Vì vậy, vấn

để giải quyết việc làm được xem là nhiệm vụ cấp bách cũng như lâu dài, là hướng ưu tiên trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Song muốn giải quyết triệt để vấn đề này, việc đầu tiên là phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, công tác đào tạo nghề được Trung tâm hết sức coi trọng nhằm tăng thêm sự tự tin cho người lao động khi bắt tay vào công việc mới do Trung tâm giới thiệu. Tuy công nghệ và trang thiết bị của Trung tâm vẫn còn lạc hậu, song với đội ngũ cán bộ, nhân viên nhiệt tình, năng động, trong những năm qua, Trung tâm đã trang bị cho người lao động những kiến thức cơ bản, giúp họ có đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc. Thực hiện mục tiêu chiến lược theo Quyết định số 133/1998/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, trung tâm đã đào tạo được nhiều cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo cho các huyện, thị, thành phố và các xã, phường trong tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm còn liên kết với Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Cao đẳng Lao động Thương binh và Xã hội đào tạo cán bộ phục vụ cho các chuyên ngành này. Thông qua các chương trình đào tạo tại Trung tâm, nhiều lao động đã sớm tìm được việc làm, ổn định đời sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá.

Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 26-3-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia giai đoạn 2003 - 2005 và định hướng đến năm 2010 đã xác định rõ mục tiêu: "Từ năm 2003 đến năm 2010, phấn đấu đưa 40 - 45 nghìn lao động ra nước ngoài làm việc, trong đó giai đoạn 2003 - 2005 đưa 14 nghìn lao động". Để thực hiện thắng lợi mục tiêu này, cùng với các ban, ngành hữu quan, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa đang phấn đấu giới thiệu việc làm cho khoảng 800 - 1.000 lao động và tham gia xuất khẩu vài trăm lao động mỗi năm.

Những hoạt động thiết thực của Trung tâm trong lĩnh vực đào tạo nghề và giới thiệu việc làm đã phần nào đáp ứng được nhu cầu bức xúc của người lao động, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

THANH HOA LABOUR CENTRE

A BRIDGE LINKING TO LABOURERS

Thanh Hoa Province has abundant labour force with more than 1.9 million people at working age per year, which is both favourable conditions for the provincial economic development and challenges in creating jobs for labourers. Together with the related sectors and agencies, Thanh Hoa Labour Centre is considered a "bridge" in training and occupational orientation for labour force across the province.

Adopting "Doi Moi" policy of the Vietnamese Party and State, in 1989 Thanh Hoa Labour Centre together with the related agencies was established and actively participated in the vocational training and job introduction, step by step stabilising social safety and order in the province. At its early establishment, the centre had 30 staff, 35% of which reached university qualification upwards, and the rest were trained on different programmes.

Occupational consultancy and orientation for labourers

Thanks to the enthusiasm and the great efforts of the staff of Thanh Hoa Labour Centre, about 1,000 labourers every year have been introduced to reliable and suitable workplaces with a stable income. At present, the number of labourers introduced by the centre to work in the country represented majority, mostly in the South such as Ho Chi Minh City and

Binh Duong Province. Through introduction of quality human resources, the centre's prestige has been created in those markets. In addition, the centre is currently striving to expand the co-operative relations, gradually occupying the labour market, timely meeting the labourers' urgent employment demands.

A class at Thanh Hoa Labour Centre

Talking about labour export, the centre affirmed: labour export is a right orientation, bringing about socio-economic high efficiency. In 2002 alone, the centre introduced 110 labourers to work in Malaysia, Taiwan, etc. However, this orientation has been encountering with many difficulties. The reason is that, in order to work in foreign countries, the labourers have to pay a big amount of money in comparison with their low average income, leading to difficulty in mobilising tens of millions VND. Hence, over the past years the number of labourers capable to work in foreign countries was modest.

Vocational Training

Every year, Thanh Hoa Province has to create jobs for about 40 - 50 thousands of people. Therefore, creating jobs for labourers is considered an urgent and long-term tasks and one of the top priorities in the socio-economic development policy of the province. However, to radically solve this matter, the foremost thing that needs to be done is to improve the quality of human resource. Being aware of that, special importance is attached to the vocational training with a view to increasing the confidence for labourers when they start a new job introduced by the centre. Although equipment and facilities of the centre remain outdated, with the enthusiastic and dynamic staff, over the past year the centre has equipped labourers with principle knowledge, aiding their capability to meet working demand. Adopting the strategic objective pursuant to Decision 133/1998/TTg of the Prime Minister, the centre has trained many staff responsible for hunger alleviation and poverty reduction for communes, townships, cities, villages and wards across the province. Additionally, the centre has also associated with the University of Social Science and Humanity, the college of Labour, War Invalids and Social Affairs to train staff in charge of this fields. Through training programs at the centre, many labourers have soon found suitable jobs, stabilised their life, actively contributing to the acceleration of socio-economic development of Thanh Hoa Province.

Resolution No.05/NQ/TU of the Provincial Standing Committee dated March 26th 2003 on labour and expert export for 2003-2005 and orientation by 2010 defined the objective "from 2003 to 2010, the province will strive to take 40-45 thousands of labourers to work in foreign countries, 14,000 of which will be taken in the stage of 2003-2005". To successfully implement this objective, together with related sectors and agencies, Thanh Hoa Labour Centre is attempting to introduce jobs for about 800 - 1,000 labourers and export hundreds of labourers each year.

The practical activities of Thanh Hoa Labour Centre in the field of vocational training and job introduction have partially met labourer's pressing demand, contributing to the stabilisation of socio-economy in the Province.

THỂ DỤC - THỂ THAO THANH HOÁ

LỚN MẠNH CÙNG THỜI GIAN

Ngành Thể dục - Thể thao Việt Nam đã ghi nhận nhiều trang sử vẻ vang của lớp lớp vận động viên Thanh Hoá ở các thế hệ, thuộc các môn thể dục, thể thao đoạt giải trong nước, khu vực và thế giới qua các thời kỳ. Vùng đất này đã sản sinh, dày công tạo dựng lên lớp lớp thế hệ đó, góp phần làm rạng danh nền thể dục - thể thao Việt Nam trên đấu trường quốc tế.

Cách đây 55 năm, trong lời kêu gọi toàn dân tập thể dục ngày 27-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phát động: "Dân cường thì nước thịnh, tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục". Hưởng ứng lời kêu gọi đó, người dân Thanh Hoá đã cùng nhau xây dựng phong trào thể dục - thể thao để đưa ngành phát triển từ không thành có, chuyển yếu thành mạnh. Phong trào ấy đã phát triển rộng khắp từ miền núi ngút ngàn đến miền biển rì rầm sóng vỗ, từ miền đồng bằng mênh mông sóng lúa cho đến miền trung du đồi núi nhấp nhô,... đâu đâu cũng rộn lên không khí hào hùng, tươi vui của người dân vừa trút nhẹ được gánh nặng xiềng xích nô lệ.

Các vận động viên tham gia giải chạy việt dã Báo Thanh Hoá lần thứ 8-2002

1. Những bước đi ban đầu

Khi nói về ngành Thể dục- Thể thao Thanh Hoá, các chuyên gia trong ngành đều cho rằng, đặc điểm để nhận thấy của thể dục - thể thao Thanh Hoá là rất khó có thể tách bạch đâu là những sinh hoạt văn hoá và đâu là những hoạt động thể dục - thể thao cổ truyền. Bởi trong những ngày lễ, tết, ngày hội và cả trong những ngày tổ chức mít tinh nghe diễn thuyết người ta thường thấy xuất hiện những trò chơi như kéo co, võ vật, đua thuyền, cướp cờ,... Với người dân miền núi còn có những trò chơi như đua ngựa, tung còn... Để thấy rõ hơn về nhận định này, chúng ta hãy cùng quay về quá khứ để tìm hiểu và thấy được lịch sử hình thành và phát triển ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá.

1.1. Giai đoạn 1946 - 1956

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hoạt động thể dục - thể thao khá đa dạng, phong phú, thể hiện truyền thống thượng võ, lôi cuốn đông đảo thanh niên tham gia tập luyện. Các hoạt động mang tính thể thao diễn ra vô cùng phong phú và đa dạng, mặc dù chỉ mang tính tự giác trên cơ sở phát huy vốn cổ của dân tộc, chưa có sự hướng dẫn chỉ đạo của bất kỳ tổ chức chuyên môn nào. Những người đứng ra tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao bấy giờ là các đoàn thể quần chúng (chủ yếu là đoàn thanh niên), các đơn vị bộ đội và dân quân tự vệ. Riêng những hoạt động thể dục - thể thao ở miền núi lại được biểu hiện dưới một sắc thái riêng. Trong các ngày lễ, ngày tết và lễ hội của đồng bào dân tộc thường tổ chức chơi tung còn, đánh đu, bắn nỏ, leo núi, đua ngựa, ném lao. Trong số các môn thể thao truyền thống, đấu vật là bộ môn được duy trì và phát triển khá bền vững trên mảnh đất Thanh Hoá. Phong trào tập võ dân tộc diễn ra thường xuyên tại nhiều địa phương trong tỉnh, thu hút khá đông thanh thiếu niên tham gia dưới sự hướng dẫn của hội võ sĩ Thanh Hoá. Trong đó, nổi tiếng nhất phải kể đến các đô vật ở Lò vật Bản Thuỷ (hay Kênh Thuỷ, thuộc xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc) như Hoàng Văn Mông, Nguyễn Trực; lò vật Phú Khê còn gọi là Kẻ Đằng (nay thuộc hai xã Hoằng Phú và Hoằng Quỳ); lò vật Quảng Lưu, Quảng Đại (huyện Quảng Xương),.... Chính những

Bảng vàng thành tích (1946 - 1956)

1. *Bóng chuyền: thời kỳ này, có khoảng 100 vận động viên. Trong đó, vận động viên tiêu biểu nhất là các "cây đập", "cây nêu", "cây phát" như: Hoàng Kim, Nguyễn Trường Sinh, Lê Kim Giác, Lê Trọng Nghĩa, Lê Đình Huyến.*
2. *Bóng đá: là môn thể thao được nhân dân yêu thích, hâm mộ. Ngoài đội bóng đá Thanh Hoá (tức đội Lam Sơn) có rất nhiều thành tích trong luyện tập và thi đấu, tỉnh còn có hàng chục đội bóng khác tại các địa phương và các ngành như: Huyện Thọ Xuân có 4 đội bóng là Bái Thượng (Xuân Bái), Tứ Trụ (Thọ Diên), phố Đầm(Xuân Thiên), Cốc Nam Cai (Xuân Lộc - Nam Giang); các ngành, đặc biệt là ngành Công an Thanh Hoá từ trước năm 1949 có ít nhất 2 đội bóng đá.*
3. *Các vận động viên tiêu biểu:*

- *Vận động viên bóng bàn Nguyễn Khắc Thịnh xếp hạng nhì toàn miền Bắc.*
- *Vận động viên Vũ Văn Bảy: giải nhất cuộc đua xe đạp vòng quanh hồ Hoàn Kiếm*
- *Vận động viên điền kinh Đồng Huy Thành đoạt 2 huy chương vàng cự ly 800m và 1500m*

hoạt động thể dục - thể thao mang tính truyền thống đã trở thành nền tảng cho sự phát triển của các môn thể dục - thể thao hiện đại.

1.2. Giai đoạn 1955 - 1964

Nét nổi bật của thời kỳ này là phong trào có khí thế quần chúng với tinh thần tự nguyện, tự giác cao. Song, công tác chỉ đạo còn yếu, cơ sở vật chất khoa học - kỹ thuật có hạn, cán bộ khoa học - kỹ thuật còn thiếu và yếu nên chưa thúc đẩy phong trào phát triển theo kịp với yêu cầu đặt ra lúc bấy giờ. Tuy vậy, nếu so sánh với các tỉnh trong khu vực phía Bắc, Thanh Hoá vẫn là một trong những địa phương mạnh cả về phong trào quần chúng và công tác xây dựng lực lượng vận động viên, huấn luyện viên. Về mức độ của phong trào, miền núi nổi trội hơn cả, rồi đến miền biển sau đó mới đến miền trung du, đồng bằng. Phong trào phát triển đồng đều trong các đối tượng học sinh, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Việc thực hiện luyện tập và kiểm tra rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn dần được đi vào nề nếp.

1.3 Giai đoạn 1965 - 1975

Bước sang giai đoạn 1965 - 1975, ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá lại một lần nữa phải đối mặt với nhiều khó khăn do cuộc chiến tranh leo thang đánh phá miền Bắc của đế quốc Mỹ mà trong đó Thanh Hóa là tỉnh bị đánh phá ác liệt nhất. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc chiến tranh, các hoạt động thể dục - thể thao vẫn duy trì và phát triển tốt. Những cuộc thi đấu vẫn thường diễn ra ngay trên các công trường dày đặc hố bom. Những hoạt động thể dục - thể thao đã tạo nên sức sống mãnh liệt, vươn lên trên những gian khổ hy sinh trong cuộc sống lao động và chiến đấu của nhân dân.

Trong thời kỳ này, ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã chọn 6 môn làm trọng tâm, đó là điền kinh, bóng đá, bơi lội, bắn súng, bóng chuyền và bóng bàn. Trong đó, hai môn điền kinh và bơi lội đã đạt nhiều thành tích đáng tự hào. Trong phong trào thể thao quần chúng, cuộc vận động đạt các danh hiệu: "Đơn vị có phong trào chạy, bơi, rèn luyện thân thể" được coi là phương thức chỉ đạo đem lại hiệu quả thiết thực nhất, điển hình như: "Làng

Cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thanh Hoá điều hành tại Đại hội Thể dục – Thể thao toàn tỉnh lần thứ 3 (năm 2002)

Bảng vàng thành tích (1955 - 1964)

Trong giai đoạn này, 12 môn thể thao như: điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bơi lội, bóng bàn, bắn súng, xe đạp, võ vật, bóng rổ, tàu lượn, thông tin vô tuyến điện và thể dục dụng cụ đã có bước phát triển sâu rộng, từng bước tham gia các giải thi đấu toàn miền Bắc và đạt được nhiều thứ hạng cao. Nhiều vận động viên đã tham gia đội tuyển quốc gia và giành được nhiều thành tích tốt.

- *1963: Uỷ ban Thể dục - Thể thao tặng Thanh Hoá danh hiệu và cúp phalê: "Tỉnh có phong trào bơi lội".*
- *Năm 1961: Vận động viên bơi lội Nguyễn Thị Thuận - vô địch vượt sông.*
- *Năm 1962: Vận động viên Đặng Hùng - huy chương vàng bơi 100m bơi ngửa và huy chương bạc vượt sông Hồng.*
- *Năm 1964: Vận động viên Trần Đương - vô địch bơi vượt sông Nhật Lệ; Vận động viên Trịnh Thị Nho - huy chương bạc môn bắn súng Brônô 4 toàn miền Bắc.*

chạy Minh Sơn"; "Làng bơi Cẩm Tú" và nhiều đơn vị, chi đoàn, xã đoàn khác. Sự kiện đáng ghi nhớ trong thời kỳ này là công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, vận động viên và hướng dẫn viên được quan tâm đúng mức, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo.

Có thể nói, giai đoạn 1955 - 1975 là chặng đường đánh dấu những bước chuyển biến sâu sắc và cơ bản, tạo đà cho phong trào thể dục - thể thao chấp cánh bay cao ở thời kỳ mới - thời kỳ cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2. Phát triển theo cả bề rộng lẫn chiều sâu

2.1 Giai đoạn 1975 - 1985

Nói về mức độ phát triển phong trào ở thời kỳ này, khiêm tốn mà nhận định: "Phong trào không những có những bước tiến mang tính nhảy vọt, song lại khá vững chắc và phát triển khá nhanh". Bên cạnh đó, phong trào thể dục - thể thao cũng diễn ra khá sôi nổi tại các ngành, đơn vị, trong đó Công an Thanh Hóa là đơn vị có phong trào rèn luyện thân thể xuất sắc trong lực lượng công an toàn quốc.

Những hoạt động thể dục - thể thao thời kỳ này diễn ra sôi nổi trên khắp các địa bàn trong tỉnh. Hàng nghìn đội bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, vật,... tập luyện và thi đấu rầm rộ ở các cơ sở. Phong trào tập thể dục hàng ngày cũng thu hút khá đông các tầng lớp nhân dân tham gia. Năm 1985 đã có tới 60 vạn người tập thể dục hàng ngày và trên 21 vạn người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Sơ dĩ phong trào thể dục - thể thao Thanh Hoá trong 10 năm qua (1975 - 1985) đã vươn lên giành được những thành tích cao, được thể hiện khá rõ nét trong Đại hội Thể dục - Thể thao tỉnh lần thứ nhất. Có được thành

Bảng vàng thành tích (1965 - 1975)

- *Giai đoạn 1955 - 1965, xã Cổ Lũng (Quốc Thành - Bá Thước), lá cờ đầu miền núi về phong trào thể dục - thể thao toàn miền Bắc, được Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.*
- *Năm 1966, tại Đại hội Thể dục - Thể thao quốc phòng toàn miền Bắc, cô gái người dân tộc Thái Mai Thị Chưởng (Cổ Lũng) đoạt huy chương bạc toàn năng.*
- *Trong các năm 1967 - 1969, vận động viên Nguyễn Thị Học - vô địch cá nhân nữ giải việt dã toàn quốc.*
- *Năm 1970, vận động viên Bùi Thị Vượng, Nguyễn Thị Vinh vô địch việt dã toàn quốc*
- *5 năm liền (1967 - 1971), đội nữ việt dã Thanh Hoá luôn giành giải nhất.*
- *3 năm liền (1970 - 1972) đội việt dã Thanh Hoá đã giành chức vô địch toàn đoàn.*

tích đó là do nhân dân trong tỉnh đã nhiệt tình cổ vũ, động viên cộng với sự giúp đỡ của các cấp, các ngành và nhất là sự quan tâm, lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã tạo điều kiện cho phong trào có những bước phát triển mới.

2.2 Giai đoạn 1986 - 1996

Bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với những định hướng đúng đắn và sự động viên kịp thời nên phong trào rèn luyện thân thể ở mọi tầng lớp nhân dân đã được phát triển lên tầm cao mới. Tại các trường học, công tác giáo dục thể chất cho học sinh được nâng cao về chất. Các huyện như Thọ Xuân, thị xã Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn đã có 100% số trường được tổ chức kiểm tra với kết quả 90% học sinh đạt tiêu chuẩn thể chất đúng theo lứa tuổi. Tại các trường phổ thông đang hình thành các lớp chọn ra các môn thể thao thế mạnh và đã xuất hiện những tài năng thể thao trẻ.

Vận động viên Trịnh Thị Mùi (Thanh Hoá) đạt huy chương vàng hạng 60kg môn pencaksilát trong 3 kỳ SEAGAMES liên tiếp (19, 20, 21).

Trong lực lượng vũ trang, công tác kiểm tra tiêu chuẩn "người chiến sĩ trẻ" và tổ chức thi đấu các môn thể thao mà quần chúng ưu thích như: bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông được diễn ra thường xuyên. Trong thôn xóm, làng bản, khối phố đã hình thành các đội bóng đá, bóng chuyền, lò vật, lò võ, câu lạc bộ võ thuật tự giác tập luyện và tự lo kinh phí, cơ sở vật chất. Các hình thức thi đấu giao hữu giữa các làng trong xã, các xã trong huyện, trong vùng diễn ra thường xuyên với không khí sôi nổi.

Kết quả chỉ đạo công tác thể dục - thể thao trong thời kỳ đổi mới được phản ánh qua đại hội thể thao các cấp. Toàn tỉnh có 35% xã, phường, 70% số trường phổ thông, 30% số trường trung học chuyên nghiệp.... ở những mức độ khác nhau đã tổ chức tốt những ngày hội thao của cấp mình. Đối với huyện, thị, xã và các ngành đã có 17/23 huyện, thị xã và 5 ngành tiến hành tổ chức được đại hội với sự hưởng ứng của hàng vạn quần chúng và hàng trăm vận động viên tham gia thi đấu các môn thể thao.

2.3 Giai đoạn 1996 - 2000

Trong giai đoạn này, định hướng chỉ đạo của ngành là: "Phát triển toàn diện ngành Thể dục - Thể thao tỉnh

Bảng vàng thành tích (1975 - 1985)

1. Các gương mặt tiêu biểu

- ***Năm 1982, thị xã Bỉm Sơn đạt danh hiệu lá cờ đầu trong phong trào thể dục - thể thao của tỉnh, đến năm 1985 có thêm 8 huyện, thị xã đạt danh hiệu này.***
- ***Năm 1984, tại giải thi đấu quốc tế "hữu nghị 84" ở Mátxơva, Vận động viên Nguyễn Trung Hoa phá 2 kỷ lục quốc gia về chạy 100m, 200m.***
- ***Năm 1985, hai vận động viên bơi lội Phạm Ngọc Thành và Phạm Văn Hoa đã phá hai kỷ lục quốc gia và cùng với Nguyễn Đình Luyện được bầu là những vận động viên bơi lội xuất sắc nhất thời kỳ này.***
- ***Các năm 1983 - 1985, vận động viên Phạm Văn Hoa đã phá 2 kỷ lục quốc gia về bơi 100m, 200m ngửa, vô địch giải bơi vượt sông Bạch Đằng.***
- ***Đội nữ việt dã đoạt huy chương vàng; vận động viên Bùi Thị Toàn đoạt huy chương bạc.***

2. Thành tích chung

Trong 10 năm qua, ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và được Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng thưởng bức trướng "Phong trào rộng, lực lượng mạnh, tổ chức vững" vào tháng 3 năm 1986.

Bảng vàng thành tích (1986-1996)

Tháng 9-1995, tại Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội, đoàn thể thao Thanh Hoá giành 16 huy chương vàng, 15 huy chương bạc, 18 huy chương đồng, xếp thứ 5 toàn quốc sau: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quân đội và Hải Phòng, trở thành đơn vị đứng đầu hàng tỉnh. Trong bảng vàng thành tích thể thao Việt Nam vẫn còn in đậm danh sách 26 vận động viên Thanh Hoá đã phá và giữ các kỷ lục quốc gia. Trong đó, thành tích thi đấu thể thao toàn quốc của ngành giai đoạn 1958 - 1990 như sau:

- *177 huy chương vàng, 287 huy chương bạc, 191 huy chương đồng, 16 lần vận động viên Thanh Hoá phá kỷ lục quốc gia.*
- *78 vận động viên được phong cấp kiện tướng; 244 vận động viên được phong cấp I*

Thanh Hóa dựa trên nền tảng vững chắc vừa mang tính nhân dân, tính dân tộc, vừa mang tính khoa học, tương xứng với tầm vóc của đất nước, con người Thanh Hoá. Từ đó, tiến tới xây dựng ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hóa trở thành thành một đơn vị mạnh trong ngành Thể dục - Thể thao Việt Nam, đóng góp ngày càng nhiều tài năng cho quốc gia, góp phần đưa nền Thể thao Việt Nam lên nganh tầm khu vực Đông Nam Á".

Với chủ trương đúng đắn, phong trào thể dục - thể thao Thanh Hóa đã phát triển nhanh chóng theo cả bề rộng lẫn chiều sâu. Trong đó, phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển đều khắp, toàn tỉnh không còn điểm trắng các xã về thể dục - thể thao và đang tiến dần tới xoá điểm trắng các làng. Thể thao thành tích cao luôn duy trì và phát triển tốt, không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh tố chất con người Thanh Hoá, đưa vị trí thể thao tỉnh nhà ngang tầm các đơn vị mạnh của cả nước, đóng góp ngày càng xứng đáng cho nền Thể thao Việt Nam. Đồng thời, công tác đào tạo được chú trọng toàn diện, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên thể dục - thể thao trong và ngoài ngành. Không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt nhất là trình độ tổ chức, năng lực lãnh đạo, tổ chức, quản lý. Tính đến hết năm 2000, toàn tỉnh có 50 kiện tướng và dự bị kiện tướng, cùng với 55 vận động viên cấp I quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, 5 năm qua, ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hóa cũng bộc lộ những tồn tại cần khắc phục. Tỷ lệ người tham gia tập các môn thể thao ở nông thôn và miền núi còn thấp so với mức trung bình toàn tỉnh (nông thôn bình

Bảng vàng thành tích

Số huy chương giành được tại các giải thi đấu cấp quốc gia		Số huy chương giành được tại các giải thi đấu cấp quốc tế	Số vận động viên đạt đẳng cấp	
			Cấp kiện tướng	Cấp I
1995	105	1	37	32
1996	144	0	37	34
1997	180	12	41	40
1998	243	18	45	43
1999	178	13	45	47
2000	85	321	55	63
2001	159	11	55	77
2002	255	18	57	77

Nguồn: Sở Thể dục - Thể thao Thanh Hoá

quân 15%, miền núi 11% so với tỷ lệ 16,5% toàn tỉnh năm 1999). Thành tích một số môn thể thao tập thể còn thấp, riêng bóng đá bị tụt hạng do cầu thủ đi khỏi đội quá nhiều. Đến giai đoạn năm 2000 mới được củng cố lại và đang có nét khởi sắc mới.

3. Hướng tới đỉnh cao mới

Với mục tiêu cùng cả nước xây dựng thành công nền thể dục - thể thao phát triển và tiến bộ, góp phần nâng cao sức khoẻ, thể lực, tầm vóc con người Thanh Hoá, đáp ứng yêu cầu văn hoá, tinh thần của nhân dân và góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và luôn giữ vững vị thế cao trong các hoạt động thể dục - thể thao nước nhà trong các cuộc thi đấu quốc tế. Mục tiêu cơ bản để phát triển ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đến năm 2010, gồm có:

1) Thực hiện tốt việc giáo dục thể chất trong nhân dân, trong các trường học trong các lực lượng an ninh vũ trang. Thực hiện có hiệu quả việc xã hội hoá các hoạt động thể dục - thể thao, góp phần thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương.

2) Chú trọng đào tạo tài năng thể thao, đẩy nhanh tốc độ phát triển trình độ thể thao, đạt được thành tích cao ở một số môn thích hợp, phấn đấu luôn có vị trí xứng đáng trong các hoạt động thể dục - thể thao trong nước, có một số môn phải đạt thành tích cao trong các giải quốc gia.

3) Kiện toàn thêm một bước các điều kiện đảm bảo cho ngành thể dục - thể thao phát triển vững chắc như: củng cố hệ thống tổ chức đào tạo, hệ thống quản lý tổ chức các cấp, xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo tập luyện và thi đấu, cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng hệ thống chế độ chính sách....

Để cụ thể hoá các mục tiêu trên, Sở Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã đề ra các chỉ tiêu cơ bản trong thời kỳ 2003 - 2010. Trong đó:

Thể thao quần chúng, phấn đấu năm 2003 số người luyện tập thể dục - thể thao thường xuyên là 770 nghìn người, đạt tỷ lệ 21,18% và đến năm 2010 là 1,2 triệu người, đạt 30 - 31%. Số hộ gia đình tham gia luyện tập năm 2003 là 90 nghìn hộ, đạt tỷ lệ 11,12% và đến năm 2010 có 175,7 nghìn hộ, đạt 19 - 20%. Số trường học nội khoá tốt và ngoại khoá nền nếp năm 2003 đạt tỷ lệ 75% và 46% và đến năm 2010 nâng lên 98% và 85%. Phấn đấu đến năm 2010, toàn tỉnh có 3.000 - 3.200 câu lạc bộ thể dục - thể thao.

Thể thao thành tích cao, từ nay đến năm 2010, ngành Thể thao Thanh Hoá tiếp tục củng cố hệ thống đào tạo vận động viên 4 tuyến, trong đó tuyến tỉnh có 400 vận động viên (60 - 70 vận động viên cấp kiện tướng, 110 - 120 vận động viên cấp I và dự bị kiện tướng). Đồng thời, tỉnh sẽ tập trung phát triển các môn thể thao trọng điểm như: điền kinh, bơi lặn, cử tạ, bắn súng, bóng đá, bóng chuyền, vật, judo, pencaksilat, teakwondo, karatedo, wushu, cầu mây, đá cầu, cầu lông, bóng bàn và đầu tư thêm các môn mới có thế mạnh, tạo sự phát triển vững chắc cho thể thao thành tích cao.

Trong công tác đào tạo từ nay đến năm 2010, ngành sẽ tập trung đào tạo 3 đối tượng cơ bản sau: học sinh năng khiếu tuyến tỉnh (từ nay đến năm 2005) là 350 em và ổn định đến năm 2010; đào tạo trung học sư phạm thể dục - thể thao hệ 12+2, mở thêm các lớp chương trình 4 năm cho các vận động viên có thành tích cao đang tiếp tục thực hiện nhiệm vụ (khoảng 220 vận động viên đến năm 2005); đào tạo nghiệp vụ (hệ bồi dưỡng) cho cán bộ văn hoá - thể dục - thể thao cơ sở. Đối với đội ngũ cán

Các danh hiệu mà ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hoá được Nhà nước tặng thưởng

- *Năm 1986, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.*
- *Năm 1991, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai.*
- *Năm 1995, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.*
- *Năm 2001, được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.*
- *Vận động viên Trịnh Thị Mùi được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai (năm 2001).*
- *Trong các năm 1966 - 2002, 13 Huân chương lao động được trao cho tập thể và cá nhân đạt thành tích về công tác thể dục - thể thao.*

bộ của ngành, thời kỳ 2003 - 2010, cần đào tạo mới 2 tiến sĩ, 4 thạc sĩ thể dục - thể thao, 6 cử nhân chính trị, 2 chính trị cao cấp, nhiều cán bộ được học quản lý Nhà nước và có 20 chuyên viên chính, huấn luyện viên chính. Hàng năm, ngành còn mở các lớp ngắn hạn (7 - 10 ngày) bồi dưỡng cho 30 - 40% cán bộ cơ sở (200 - 250 người) để trong kỳ kế hoạch 100% cán bộ văn hoá - thể dục - thể thao cấp xã, phường, được bồi dưỡng nghiệp vụ thể dục - thể thao.

Tuy nhiên, để thực hiện một cách tốt nhất các nhiệm vụ trên, cơ sở vật chất là yếu tố vô cùng quan trọng. Theo Chỉ thị 274/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch đất đai phục vụ cho phát triển thể dục - thể thao, từ nay đến năm 2004, ở cấp tỉnh, ngành Thể dục - Thể thao sẽ xúc tiến làm dự án xây dựng khu trung tâm thể dục - thể thao và cải tạo mặt bằng sân bóng đá hiện có. Tại cấp huyện, trong 2 năm 2004 - 2005, hoàn chỉnh việc quy hoạch đất đai, đảm bảo ở mỗi trung tâm thể dục - thể thao cấp huyện có các công trình như: sân vận động 5.000 - 10.000 chỗ ngồi, nhà thi đấu thể thao, nhà tập, nhà làm việc, xây dựng bể bơi, trường bắn có diện tích 6 - 7ha.

Hiện nay, Thanh Hoá đã có 7 đơn vị là có nhà thi đấu và sân vận động. Đến năm 2010, ít nhất 8 - 10 đơn vị cấp huyện có trung tâm thể dục - thể thao với các công trình cơ bản trên. Đối với cơ sở, trong các năm 2003 - 2005, phấn đấu hoàn thành cơ bản việc quy hoạch đất đai cho thể dục - thể thao và 100% xã, phường, trường học có diện tích 1,5 - 2ha và 2/3 số làng, bản, khu phố có công trình thể dục - thể thao. Trong đó, cấp xã có ít nhất 01 sân bóng đá, các làng có ít nhất 01 bãi bóng đá hạc, 01 sân bóng chuyền. Đến năm 2010, toàn tỉnh phấn đấu hoàn thành cơ bản xây dựng sân chơi, bãi tập và thực hiện giao đất thể dục - thể thao có địa chỉ quản lý. Theo dự kiến, kế hoạch đầu tư của năm 2003 là 22,4 tỷ đồng, đến năm 2005 là 63,75 tỷ đồng và năm 2010 là 124 tỷ đồng.

Với lịch sử phát triển lâu đời và định hướng phát triển đúng đắn trên cơ sở phát huy bề dày thành tích đã đạt được, trong những năm tới, ngành Thể dục - Thể thao Thanh Hóa hứa hẹn nhiều mùa thi đấu thành công với những thành tích mới để vươn lên trở thành một trong những trung tâm thể thao mạnh của cả nước.

THANH HOA PHYSICAL CULTURE AND SPORTS

GRADUAL DEVELOPMENT

Thanh Hoa athletes for generations have recorded many glorious pages in Vietnam Physical Culture and Sports history with provincial, regional and international championships. This province has given birth and trained those generations to make Vietnam Physical Culture and Sports honorable fame in the arena.

55 years ago, on March 27th 1946, to appeal to the whole people to do physical exercises, President Ho Chi Minh said "Healthy people leading to prosperous nation. I hope our entire people to try to do physical exercises". To follow this appeal, Thanh Hoa people altogether established the movement of physical culture and sports for the sector's development. The movement has been widespread from mountainous to coastal areas, from plain land to midland and an excited atmosphere of a nation escaped from chains of slaves is pervading everywhere.

1. Initial steps

According to the sector's experts, in Thanh Hoa Physical Culture and Sports sector, it is very difficult to distinguish between cultural activities and traditional physical culture and sports activities. On the occasion of festivals and meetings, there often appears regatta, tug of war, wrestling and marathon. In mountainous areas, there are horse racing and con throwing. To perceive this comment, we shall look back the establishment and development of Thanh Hoa physical culture and sports sector.

Thanh Hoa ethnic minority women's volleyball team who obtained the National Championship for ethnic minorities in region I held in Lao Cai (May - 2003)

1.1. In the period of 1946-1956

During the resistance war against French colonialists, physical culture and sports activities were varied, showing traditionally martial spirit and drawing large participation of youth. Other sport-like activities were also in diverse although they only based on traditional sports and spontaneously organised. Sports organisers then were public unions (mostly youth unions), army forces and militias. Specially, sports activities in mountainous areas showed special nuances. On the occasion of festivals and Tet holidays, the ethnic groups often played con throwing, swinging, horse race, mountaineering and javelin throwing, arbalest shooting. Among traditional sports, wrestling is stably maintained and developed in Thanh Hoa. Traditionally martial art movement was regularly taking place in numerous areas in the province and attracted teenagers' participation under the instruction of Thanh Hoa Wrestler Union. Among them, some famous wrestlers were Hoang Van Mong and Nguyen Truc from Ban Thuy wrestling team (or Kenh Thuy in Vinh Thinh commune, in Vinh Loc district), Phu Khe groups or Ke Dang (presently in Hoang Phu and Hoang Quy communes) and Quang Lu and Quang Dai wrestling groups in Quang Xuong district. Those traditional sports activities created the foundation for the development of modern physical culture and sports.

1.2. In the Period 1955-1964

In that period, the movement was outstandingly pervaded with the people's high spontaneous and voluntary spirit. However, due to weak leadership, limited technology-technical infrastructure and lack of efficient staff, the movement could not develop in line with the requirements then. Nevertheless, compared to the Northern provinces, Thanh Hoa was among the localities with strong public sports movement and personnel development activities. The movement developed mostly in mountainous areas and least in the midland and then, the plain. The

Roll of honours (1946-1956)

1. ***Volleyball: During that period, there were about 100 volleyball athletes with some typical titles " hitting expert" " raising expert" " sending expert" given to: Hoang Kim, Nguyen Truong Sinh, Le Kim Giac, Le Trong Nghia and Le Dinh Huyen.***
2. ***Football: is popular and people's favourite sports. Besides provincial team (Lam Son-Thanh Hoa) with many achievements in national championships, there are tens of teams of the locality and sectors: four teams of Tho Xuan district namely Bai Thuong (Xuan Bai), Tu Tru (Tho Dien), Dam street (Xuan Thieu) and Coc Nam Cai (Xuan Loc-Nam Giang) and teams of other sectors with at least two teams of Thanh Hoa Police established before 1949.***
3. ***The typical athletes:***

- ***Table tennis athlete: Nguyen Khac Thinh - second rank in the North***
- ***Athlete Nguyen Van Bay, the champion in cycling competition around Hoan Kiem Lake.***
- ***Marathon athlete: Dong Huy Thanh: two gold medals in 800 m and 1,500 m running competition.***

Roll of honours (1955-1964)

In that period, 12 sports such as athletics, football, swimming, table tennis, shooting, cycling, kung fu and volleyball, gliding, and gymnastics made great growth and achieved high ranks in the Northern championships. A number of athletes were recruited to national teams and gained many achievements.

- *In 1963: Thanh Hoa was honoured "Province of swimming movement" title by Physical Culture and Sports Committee.*
- *In 1961: Swimming athlete Nguyen Thi Thuan – champion of river crossing.*
- *In 1962: Swimming athlete Dang Hung-a gold medal of 100 m in backhand stroke competition and Silver Medal in Hong river crossing competition.*
- *In 1964: Athlete Tran Duong- the champion of Nhat Le river crossing*
- *Athlete Trinh Thi Nho – Silver medal in Brono 4 gunfiring in the North.*

movement drew the participation of pupils, civil officers, the army forces and para-military forces. Sports training and examination of physical exercising standard was gradually in order.

1.3. Period 1965-1975

Entering the period of 1965-1975, Thanh Hoa physical culture and sports sector again faced many difficulties as a result of escalating war in the North waged by American empire when Thanh Hoa was the most destroyed province. During the harsh war, physical culture and sports activities were, however, organised and developed. Sports competitions were often organised on the area of high density of craters. Those sports activities created the people's powerful vitality to overcome these difficulties and losses in their working , life and struggles.

Six key sports namely athletics, football, swimming, gunfiring, volleyball and table tennis were chosen to be key sports. Of which, Thanh Hoa achieved many proud results in athletics and swimming. In the public sports movement, the most effective and typical method was to strive for the hon-

Roll of honours (1965-1975)

- *1955-1965: Co Lung commune (in Quoc Thanh- Ba Thuoc)- the mountainous leading unit in the North physical culture and sports movement, was honoured the third-class Labour Order by Council of the Ministers (presently the Government).*
- *In 1966, in the Games of North national defence forces, an ethnic minority Thai girl – Mai Thi Chuong (Co Lung) gained silver medal for versatile sports.*
- *During the years 1967-1969, athlete Nguyen Thi Hoc – woman champion in the national marathon championship.*
- *In 1970: Athlete Bui Thi Vuong and Nguyen Thi Vinh won champions in the national marathon championship.*
- *During five consecutive years (1967-1971), women marathon's team kept obtaining the championship.*
- *During three consecutive years (1970-1972), Thanh Hoa marathon team kept winning the collective championship.*

ourable name: "Unit of physical training, running and swimming movement" with some achievements such as: "Minh Son swimming village" and Cam Tu running village". The training activities for the staff, trainers, athletes and instructors were paid adequate attention, paving the way for the successive development.

It is possible to say: the period 1955-1975 marked the dramatic and fundamental change in sport movements, creating impetus for the movement to develop in the new period of the country's development toward socialism.

2. Intensive and comprehensive development

2.1 Period 1975-1985

It is modest to talk about the sports movement in that period: " The sports movement not only achieved breakthrough but also made firm and rapid progress". Besides, the physical culture and sports movement was also ebullient in many units, branches, of which Thanh Hoa Police was a unit of excellent physical training and sports movement in National Police forces.

The physical culture and sports movement at that time developed across the province. Thousands of football, volleyball, table tennis, badminton and wrestling têams were trained and took part in many local competitions. The movement of doing regular excises drew participation of majority of people. In 1985, there were 60 ten thousand people doing daily exercises and over 21 ten thousand people reaching physical training standard.

During 10 years (1975-1985), Thanh Hoa physical culture and spots strived to obtain high achievements thanks to the people's enthusiasm, encouragement and assistance from other branches and sectors, especially provincial Party Committee and provincial People's Committee, creating favourable condition for the sports movement to make new progress. This success was evidently shown in The First Provincial Sport Games.

2.2. Period 1986-1996

Entering the period "Doi Moi", with the sound orientation and timely encouragement assistance, the physical training movement among the people from all walks of life was lifted to a new height. At

Roll of honours (1975-1985)

1. *The typical names*

- *In 1982, Bim Son Town obtained "Leading flag" title in the provincial physical culture and sports movement, which granted to eight additional districts and communes in 1985.*
- *In 1984, in international championship "Friendship 84", athlete Nguyen Trung Hoa broke national records in 100m and 200m running competitions.*
- *In 1985, two swimming athletes Pham Ngoc Thanh and Pham Van Hoa broke national records and along with Nguyen Dinh Luyen, were chosen to be the most excellent swimming athletes in that period.*
- *During years 1983-1985, athlete Pham Van Hoa broke 2 national records in 100m and 200m backhand stroke and won the championship of Bach Dang river crossing.*
- *The women marathon's team won the Gold Medal. Athlete Bui Thi Toan won the Silver Medal.*

2. *General achievements*

- *During the last 10 years, Thanh Hoa physical culture and sports was honoured a third –class Labour Medal by The State's Council and given a laudatory writing:" Extensive movement, strong staff and stable organisation" by Provincial People's Committee in March 1986.*

schools, the physical training activities for pupils was improved in the quality. In Tho Xuan district, Thanh Hoa and Bim Son Town, 90% of the pupils in the 100% of examined schools reached prompt physical training standard. At schools, the exclusive classes on key sports were established and young sport talents therefrom appeared.

In army forces, the examination of " young soldier" standard and the organisation of sports championships like football, volleyball, table tennis and badminton took place regularly. In communes and villages, the self-financed football teams, and volleyball and martial art clubs were privately established. Friendship competitions among villages and among communes took place regularly and ebulliently in excited movement.

The physical culture and sports achievements in the "Doi Moi" period were shown through the games at all levels. In the province, 35 % of communes and wards, 70% of schools, 30% of professional colleges at different levels well organised the Games at their own levels. There were 17/23 districts and towns and five branches organised The Games with popularity of tens of thousands of people and participation of hundreds of athletes participating in sports competitions.

2.3. Period 1996-2000

In that period, Thanh Hoa physical culture and sport sector aimed at: " Develop Thanh Hoa physical culture and sports sector comprehensively on the solid basis of people's spirits, nationality and scientism matching with the stature of the country and Thanh Hoa people, thus, establishing Thanh Hoa physical culture and sports sector to become a strong unit in Vietnam physical culture and sports, contributing more to national talents conducive to push Vietnam sports to keep pace with Southeast region sports"

Thanks to sound guidelines, Thanh Hoa physical culture and sports movement developed rapidly. Among which, the public sports movement were widespread across the province to the communes, and strove to reach villages. Professional sports achievements were constantly maintained and developed. The province's potentials and human advantages were continuously developed to make adequate contribution to Vietnamese Sports. Concurrently, comprehensive attention was paid to the training activities to meet better the demand of sports staff and trainers supplementation inside and outside the sector. The quality of organisation and the capacity of leadership and management were constantly improved.

Beside these obtained achievements, during five years, Thanh Hoa physical culture and sports sector shown some shortcomings to be overcome. Rate of sport participants in the rural and mountainous areas were relatively low compared to the province average (15% in rural and 11% in upland areas against 16.5 % in the entire province in 1999 at average). Collective sports' achievements were limited, especially the football was lowered its grade due to the increasing number of football players left the team. Only until 2002, the movement was consolidated and signaled some new progress.

Roll of honours (1986 - 1996)

In September 1995, in the Third National Sport Games in Ha Noi, Thanh Hoa sports delegation ranked the fifth to Ho Chi Minh, Ha Noi, The Army and Hai Phong with 16 Gold Medals, 15 Silver Medals, 18 Bronze Medals and became the leading units in provinces' rank. The Vietnamese sport roll of honours has boldly imprinted the list of 26 Thanh Hoa athletes who broke and maintained the national record including the achievements in national sports in the period of 1958-1990:

- ***177 Gold Medals, 287 Silver Medals, 191 Bronze Medals and 16 times.broke the national record***
- ***78 athletes were appointed to be sport veterans and 244 athletes were conferred to be the first- class athletes.***

3. Striving for new pinnacle

With the aim of establishing the national progressive and developing physical culture and sports which meets the demand of the spiritual and material life of people, for the successful fulfilment of socio-economic development task, maintaining the high position in national and international sport competitions, Thanh Hoa set out fundamental targets:

Athlete Nguyen Van Hung who obtained the Gold Medal in over 80kg Pencak Silat competitions of three consecutive 19th, 20th, 21sSea Games

1) Well implement physical training among the people, at schools and armed forces. Carry out effectively the socialisation of physical culture and sports activities, contributing to fulfil the task of local modernisation and industrialisation.

2) Focus on sports talents, speed up development rate of sports standard to obtain high achievements in suitable subjects, strive for deserving position in national physical culture and sports activities and achieve some national prizes.

3) Consolidate the conditions for a stable physical culture and sports sector such as: strengthening the system of training organisation and management at all levels and building infrastructure for training and competition activities, applying science-technology advances and the system of policies and regulations.

To specify those targets, Thanh Hoa Department of Physical Culture and Sports has set out following indices in the period of 2003-2010:

Public sports:

Strive to increase number of people doing regular exercises to be 770,000 by 2003 and 1.2 million by 2010, accounting for 30-31%. Number of families exercising to 90,000 in 2003, reaching 11.12 % and 175.7 thousand by 2010, reaching 19-20%. Rate of good regular and extracurricular schools in 2003 at 75% and 46% and to 98% and 85% by 2010 respectively. The province is expected to have 3,000-3,200 sports clubs by 2010.

The professional achievement in sports: By 2010, Thanh Hoa physical culture and sports sector will consolidate the system of training four-level athletes

Roll of honours

The number of Gold medals in national championships		The number of medals in international championships	The number of standard athletes	
			Sports veterans	The first-class
1995	105	1	37	32
1996	144	0	37	34
1997	180	12	41	40
1998	243	18	45	43
1999	178	13	45	47
2000	85	321	55	63
2001	159	11	55	77
2002	255	18	57	77

Source: Thanh Hoa Department of Physical Culture and Sports

inclusive of 400 athletes at provincial levels (60-70 athletes of veteran rank and 110-120 first-class athletes and reserve veterans). At the same time, the province will focus on the development of key sports such as: athletics, swimming, gun firing, weight-lifting, football, volley ball, wrestling, judo, Pencak Silat, Teakwondo, shuttlecock kicking, Karatedo, Wushu, badminton, table tennis and invest more in new advantageous sports to create the firm development for professional sports.

In sports training activities from now to 2010, the sector will focus on training: provincial talented pupils (350 pupils from now to 2005 as well as until 2010), physical training at college level 12+2, four-year classes opening for working athletes of high achievements (about 220 athletes by 2005), professional training (fostering) for culture, physical training and sports staff at local levels. As for the sports' staff, during 2003-2010, two doctors, four maters, six political bachelors, two high-level political bachelors and 20 specialists and trainers will be trained and many cadres will be provided with State management knowledge. Every year, the sector organises the short-time classes (7-10 days) for 30-40% local staff (200-500 people) and for 100% culture-physical training and sports staff in the commune and ward level.

However, to best carry out those tasks, infrastructure plays a crucial role. Pursuant to the Decree No.274/TTg of Prime Minister on the land planning for physical culture and sports development, from now to 2004, at provincial level, Thanh Hoa Physical Culture and Sports sector is on the way to realise the project on construction of physical culture and sports centre and stadium ground upgrading. At district level, in two years 2004-2005, the land planning will be completed and the physical culture and sport centres will have stadiums capable for 5,000-10,000 seats, competition houses, training houses, working offices, swimming pools and 6-7 ha firing grounds.

Presently, seven units in Thanh Hoa have competition houses and stadiums. By 2010, physical culture and sports centres in at least 8-10 district units will have those works. At local levels, in the period of 2003-2005, the land planning will be completed and 100% of the communes, wards have schools possess the area of 1.5-2 ha and 2/3 of villages and quarters will have spots infrastructure. Of which, there will be at least one stadium for communes and at least one stadium and one volleyball ground for villages. By 2010, the province is striving to finish the establishment of stadiums and playing grounds and hand over sports grounds contract. Total investment is expected to reach VND22.4 trillion in 2003, VND63.75 trillion by 2005 and VND124 trillion by 2010.

With the long development history and sound development orientation based on the continuation of obtained achievements, in the coming years, Thanh Hoa physical culture and sports will promisingly obtain new outcomes in successful competition seasons and strive to be the strong sports centre of the whole country.

Titles of Thanh Hoa physical culture and sports sector honoured by the State

- *In 1986, the third-class Labour Order*
- *In 1991, the second-class Labour Order*
- *In 1995, the first-class Labour Order*
- *In 2001, the third-class Independence Order*
- *Athlete Trinh Thi Mui was honoured the second-class Labour Order (in 2001) by the State*
- *1996-2002, 13 Labour Orders were honoured to the collective and individuals for achievements in physical culture and sports activities.*

TRƯỜNG TRUNG HỌC THỂ DỤC - THỂ THAO THANH HOÁ

VƯỜN ƯƠM NHỮNG TÀI NĂNG

Cách đây 37 năm (4-6-1966), tại xã Thọ Minh - một xã hẻo lánh của huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hoá - Trường Trung học Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã chính thức được thành lập theo Quyết định 2008/UBHC của Chủ tịch Uỷ ban hành chính Thanh Hoá (nay là Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá). Với chức năng đào tạo các vận động viên nòng cốt, cung cấp tài năng thể thao cho tỉnh và quốc gia; tập huấn đội tuyển nhằm sẵn sàng tham gia các giải thi đấu quốc gia và quốc tế. Bên cạnh đó, trường còn thực hiện chức năng đào tạo cán bộ thể dục - thể thao với trình độ trung học, cung cấp cho ngành giáo dục - đào tạo và các địa phương trong tỉnh.

Hiệu trưởng Nguyễn Truật – phát biểu trong lễ khai giảng năm học mới

Những khởi đầu tốt đẹp

Ra đời trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh cùng các sở ban ngành hữu quan, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ và Giám đốc Sở Thể dục - Thể thao Thanh Hoá, tập thể giáo viên, học sinh của trường đã đồng tâm nỗ lực phấn đấu, dày công khổ luyện thành tài, đưa trường vượt qua những khó khăn cả về cơ sở vật chất và điều kiện tập luyện để từng bước trưởng thành.

Trong đó, nhiều thế hệ vận động viên là học sinh của trường khi tham gia thi đấu các giải cấp tỉnh, cấp quốc gia đã thi đấu xuất sắc và giành được nhiều thứ hạng cao. Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong những năm đầu thành lập, cũng được nhà trường hết sức quan tâm và chú trọng phát triển. Nhà trường đặt ra chỉ tiêu cho các học sinh là từ 2 - 3 năm phải tốt nghiệp bổ túc phổ thông trung học và đạt đẳng cấp chuyên môn cấp I trở lên, trình độ tương đương trung học thể dục - thể thao.

Ngoài ra, trường còn tích cực tham gia phát triển phong trào thể dục - thể thao cơ sở, biểu diễn thành công nhiều màn đồng diễn lớn trong các hoạt động thể dục - thể thao của tỉnh phục vụ nhiệm vụ chính trị và đối ngoại.

Đánh thức những tiềm năng to lớn

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp thể dục - thể thao trong thời kỳ đổi mới, Trường Trung học Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã phát huy những tiềm năng sẵn có của một đơn vị đầu ngành trong việc đào tạo nhân tài thể thao trong tỉnh.

Trong 10 năm (1992 - 2002), nhà trường đã đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho khoảng 90% cán bộ, giáo viên giảng dạy tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh, 750 lượt vận động viên cấp I, 90 lượt dự bị kiện tướng và 650 kiện tướng. Trong đó, nhiều vận động viên tiêu biểu đã trưởng thành từ mái trường này như Lưu Văn Hùng (8 năm liền vô địch điền kinh toàn quốc), Nguyễn Thị Dung (2 lần vô địch U12, U16 giải cờ vua thế giới) và nhiều vận động viên nổi tiếng khác như vô địch thế giới môn pencatsilat Trịnh Thị Mùi, Nguyễn Văn Hùng, Đào Xuân Thắng,... Đặc biệt, trong năm 2000, các vận động viên, học sinh đã đóng góp vào

bảng thành tích của ngành với 321 huy chương các loại, gồm 109 huy chương vàng, 33 huy chương bạc, 110 huy chương đồng, trong đó có 23 huy chương quốc tế (12 huy chương vàng, 8 huy chương bạc, 3 huy chương đồng).

Theo ông Nguyễn Truật, Hiệu trưởng Trường Trung học Thể dục - Thể thao: "Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, dạy chữ, luyện tài đi đôi với hoàn thiện trí tuệ, tâm hồn, thể chất, nhân cách cho học sinh, nhà trường luôn chăm lo đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho giáo viên, học sinh; xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, xuyên suốt quá trình đào tạo, góp phần xây dựng con người mới "cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, dồi dào về trí tuệ và lành mạnh trong các mối quan hệ xã hội". Do đó, mỗi học sinh, giáo viên luôn có thái độ lao động, học tập nghiêm túc và tinh thần thi đua, rèn luyện, phấn đấu trở thành vận động viên, giáo viên, đảng viên xuất sắc".

Bên cạnh đó, xác định: "Trình độ tri thức, đạo đức người thầy có tác động không nhỏ đến chất lượng đào tạo, hoàn thiện nhân cách cho học sinh", vì thế nhà trường luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Theo đó, trường thường xuyên cử cán bộ, giáo viên theo học các khoá đào tạo trình độ chuẩn và trên chuẩn. Nếu trước đây, khi mới thành lập, trường chỉ có 1 giáo viên có trình độ đại học, thì đến nay 43 giáo viên giảng dạy của trường đều có trình độ đại học trở lên. Trong đó có 1 tiến sĩ, 2 thạc sĩ và nhiều giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp cơ sở, nhiều huấn luyện viên được cử huấn luyện cho các đội tuyển và tuyển trẻ quốc gia; trên 30% số công nhân viên chức nhà trường được tặng thưởng huy chương "Vì sự nghiệp giáo dục". Ngoài thành tích mang tính nghiệp vụ, tập thể nhà trường đã giành giải nhất trong các cuộc thi về an toàn giao thông, thanh niên với hiểm hoạ HIV, Tiếng hát sinh viên và đặc biệt là giải nhất trong cuộc thi Olympic về chính trị do tỉnh tổ chức.

Cùng với đầu tư vào nhân tố con người, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và huấn luyện cũng luôn được nhà trường chú trọng đầu tư nâng cấp, phát huy hết công suất và khai thác hiệu

Các đội bóng tham dự giải bóng đá mini truyền thống của nhà trường

quả khu liên hợp như: sân bóng, bể bơi nước nóng, trường bắn, nhà tập, sân tập đa năng.... Đây là những nền tảng cơ bản góp phần nâng cao chất lượng và thành tích trong tập luyện, cũng như trong thi đấu của các vận động viên, học sinh nhà trường.

Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp nhà nước đang được các cán bộ, giáo viên nhà trường chú trọng và đưa vào thử nghiệm nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tuyển chọn, đào tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào lĩnh vực thể dục - thể thao.

Tất cả vẫn còn ở phía trước

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ sở vật chất của nhà trường vẫn cần

Sau 37 xây dựng và phát triển, Trường Trung học Thể dục - Thể thao Thanh Hoá đã đào tạo được 15 khoá trung học, kết hợp với Trường Cao đẳng Thể dục - Thể thao Trung ương I đào tạo 7 khoá với 369 giáo viên; phối hợp với Đại học Vinh đào tạo 2 khoá với 101 giáo viên và Trường Đại học Thể thao Trung ương I đào tạo 2 khoá tại chức với 109 học viên. Đến nay, nhà trường đã cấp bằng tốt nghiệp Trung học Sư phạm Thể dục - thể thao cho khoảng 980 học sinh và chứng chỉ về công tác thể dục - thể thao cho 1.076 cán bộ cơ sở.

nhận được sự quan tâm đầu tư hơn nữa của Uỷ ban nhân dân tỉnh và các ban ngành hữu quan để thực hiện thành công mục tiêu "nhanh hơn, cao hơn, xa hơn".

Ông Nguyễn Truật cho biết: "Bước sang thế kỷ XXI, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, với những truyền thống vẻ vang được xây đắp bởi 37 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã tiến hành đổi mới nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Nhà trường luôn coi đây coi là nhiệm vụ hàng đầu. Ngoài ra, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào công tác giảng dạy và huấn luyện cũng được nhà trường hết sức quan tâm. Ngoài ra, trường chúng tôi luôn đổi mới, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện đại để kịp thời phục vụ cho việc nâng cao thành tích thể thao và đào tạo những nhân tài, góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhà trường cũng đề nghị với Bộ Giáo dục - Đào tạo, Uỷ ban nhân dân tỉnh sớm nâng cấp trường thành trường cao đẳng trong một tương lai gần, để có thể phục vụ tốt hơn sự nghiệp phát triển thể dục - thể thao của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Phấn đấu đưa thành tích thể thao Thanh Hoá lên hạng 5 toàn quốc và hạng nhất các tỉnh trong cả nước".

Nhà trường sẽ phấn đấu để luôn là vườn ươm tài năng thể thao cho tỉnh, góp phần đưa nền thể thao Việt Nam hội nhập thành công vào nền thể thao khu vực và thế giới.

Để ghi nhận những công lao đóng góp của nhà trường trong công cuộc xây dựng một nền thể thao vững mạnh của tỉnh Thanh Hoá nói riêng, cả nước nói chung, nhân dịp kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, nhà trường đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Nhà nước trao tặng.

THANH HOA SCHOOL OF PHYSICAL CULTURE AND SPORTS

A CRADLE OF YOUNG TALENTS

Thirty-seven years ago, on June 4th 1996, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports was officially established in Hoang Van Thu Street. The functions of the school are training key athletes, supplying sports talents for the provincial and national teams and training the teams for national and international championships. It is also in charge of training the teachers of physical culture and sports for the provincial education and training sector and localities.

Good commencement

The school was established during years of national war against the American invaders. Under the direction of the Committee of the Party, People's Committee and related authorities, especially the direct guidance from the Party Executive Committee and the Director of Thanh Hoa Department of Physical Culture and Sports, the school's teacher staff and students have made great efforts to surmount the difficulties in both facilities and practising conditions for better growth.

Many athlete generations that used to be students of the Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports have made great achievements through the provincial and national competitions. The training and scientific research were attached with great importance in the first years. The school adopts the policy that all the students must finish the high-school continual course, reach the level of the first-grade and have a qualification of a physical culture and sports school graduate after two or three years.

In addition, Thanh Hoa School of Physical

Board of management of Thanh Hoa Physical Culture and Sports Department attending the school year's summation meeting at the school.

Culture and Sports has actively participated in the local physical culture and sports movements and have succeeded in grant performances for the purposes of politics and external relation.

Wakening great untapped potentials

Following the Party and State's policies to improve the education and training quality to satisfy the development demand of the physical culture and sports in the renovation time, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports, as the leading unit in training sports talents for the province, has been mobilising its available potentials.

For the past 10 years (1992-2002), the school has trained and fostered professional knowledge of 90 per cent of the cadres and teachers teaching at secondary schools and high schools, 750 first-grade players, 90 champion-level reservists and 650 champions competitors. Many well-known sports players have grown up from the school such as Luu Van Hung (a national champion for consecutive eight years), Nguyen Thi Dung (international champion of U12 and U16 chess), and some famous Pencat Silat champions such as Trinh Thi Mui, Nguyen Van Hung and Dao Xuan Thang. In 2000, the student athletes enriched the sector's list of achievements with 321 medals of different kinds, including 109 golden, 33 silver and 110 bronze medals, of which 23 are international medals (12 golden, eight silver and three bronze).

"To improve the comprehensive education and training quality and perfect not only their physical strengths but also personalities, minds and souls, the school has attached great importance to the politic and ideological education which is considered the crucial task during the training to develop a new generation of "well-built bodies, rich minds and spirits with wholesome social relations". Therefore, all the teachers and students are always serious about the teaching and learning to become excellent teachers, athletes and members of the Party." - said Nguyen Truat, the Director of Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports.

In addition, identifying that: "The teachers' knowledge and behaviours have great influences on the training quality and the students' personalities", Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports always attach much importance to the teachers' responsibilities and professional conscience. The school regularly sends its teachers to the standard and over-standard training courses. When the school was newly established, there was only one teacher graduating from university, but now the number is 43 of which there are one Doctorate, two Masters, many locally and nationally excellent teachers, and many coaches have been appointed to train national teams and young teams. More than 30 percent of the school's staff have been rewarded with the "For Education" Order. A part from the professional achievements, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports has achieved some first prizes for the contests on traffic security, the Youth and the HIV disaster, Students' singing and especially for the politic Olympic contest organised by the province.

Along with the investment in the human, the material facilities for the teaching and training are always upgraded. The multi-purposes places such as football stadium, hot swimming pool, shooting

Regular activities of the school

ground, versatile sports house and stadium are effectively exploited. All those are the basic foundations to improve the training quality and achievements of the student athletes. Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports also intensifies the investment in laboratories and provincial and national level scientific projects and apply these researches in order to meet the demand for recruitment, training and applying scientific and technological advances in Physical Culture and sports.

Everything ahead

Upon the requirements of the industrialisation and modernisation cause, the material facilities of Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports should be further invested with more assistance from the provincial People's Committee and related organisations so as to pursuit the target: "faster, higher, further".

"On the threshold of the 21st century, following the Resolution of Communist Party's Ninth Congress and continuing its 37-year glorious traditions, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports has renovated to improve the training quality and foster the teacher staff with the qualification of Master degree or higher. This is always the important task. Besides, the scientific application in teaching and training is one of the most important concerns of the school. The school regularly renovates and upgrades itself with modern material facilities to meet the demands for higher sports achievements and more talents, to contribute to the province's industrialisation, modernisation and its economic development. Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports has also recommended the Ministry of Education and Training to soon allow to upgrade to a college so that the school can serve better the development of Thanh Hoa Physical Culture and sports. The school is striving to take Thanh Hoa to the fifth position of in the national sports and the first position in the inter-province competition."

Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports is striving to be a good cradle for the sports talents of the province, making a remarkable contribution to the integration of Vietnam into the regional and international sports.

To acknowledge the contributions that the school has made in building a solid sports sector in Thanh Hoa in particular and Vietnam in general, the State awarded Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports with the Labour Order - Third Class on the occasion of the school's 35th establishment day.

Over the past 37 years of the development, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports has carried out 15 training courses; co-operated with the National College of Physical Culture and Sports No.1 in implementing seven courses with 369 learners; with Vinh University to organise two courses with 101 learners; and National University of Sports No.1 in organising two in-service training courses with 109 learners. So far, Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports has granted around 980 learners with the certificates of teacher of physical culture and sports, and 76 cadres from the local organisations with the certificates of physical culture and sports profession.

Phần VIII

BÀI HỌC THÀNH CÔNG

Part VIII

LESSONS OF SUCCESS

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BỈM SƠN

VỮNG VÀNG TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG HỘI NHẬP

Với chiến lược phát triển của thị xã Bỉm Sơn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ sang công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, nông - lâm nghiệp (giai đoạn 2002 - 2010), việc phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng là hết sức cần thiết. Là đơn vị thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam, Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn đã có những bước trưởng thành vượt bậc, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị xã.

Những thành quả thu được sau khi cổ phần hóa

Kể từ khi Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) ra đời, Tổng công ty Xi măng Việt Nam đã quyết định chuyển xưởng sản xuất bao bì của Công ty Xi măng Bỉm Sơn thành Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh sản phẩm bao bì nhựa và giấy Kraft.

Là đơn vị tiến hành cổ phần hoá đầu tiên trong Tổng công ty Xi măng Việt Nam, sau gần 4 năm chuyển đổi (7-1999), công ty đã trưởng thành vượt bậc. Trong đó, năm 2002, sản lượng tăng 73,3%, doanh thu tăng gần 2,2 lần so với năm 1999. Thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện với mức lương bình quân 1,5 - 1,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 66,7% - 89% so với trước khi cổ phần hoá.

Để thấy hết ý nghĩa của các con số trong bảng thống kê trên và những thành quả có được từ sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên công ty trong thời đầu chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, chúng ta cùng phân tích kết quả của đơn vị này trước khi cổ phần hoá. Theo đó, từ khi thành lập tới năm 1997, tốc độ tăng trưởng của xưởng sản xuất bao bì (thuộc Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn) không mấy khả quan. Sản lượng hàng năm chỉ đạt 15 triệu bao, bằng 75% công suất thiết kế (số liệu năm 1998). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do hầu hết người lao động tại xưởng đều là lao động dôi dư được điều về từ các phân xưởng khác, thêm nữa trình độ tay nghề thấp.

Đã thế, trong thời gian đầu cổ phần hoá, do còn nhiều bỡ ngỡ với mô hình mới nên còn gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục tình trạng này, ban lãnh đạo công ty đã tổ chức lại bộ máy quản lý, tiến hành công tác đào tạo và đào tạo lại tay nghề, kết hợp với tuyên truyền để người lao động nâng cao tay nghề và hiểu được vai trò làm chủ của mình trong công ty. Mặt khác, công ty cũng nhận được sự giúp đỡ tận tình của

Kết quả sản xuất - kinh doanh giai đoạn 1999 - 2003

Năm	ĐVT	1999	2000	2001	2002	2003 (dự kiến)
Sản lượng	Triệu bao	15	22	23	26	28
Doanh thu	tỷ đồng	27,7	61,2	58,4	60,0	67

Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn

ban lãnh đạo Công ty Xi măng Bỉm Sơn. Nhờ đó, trình độ tay nghề của người lao động đã được nâng lên. Song điều quan trọng nhất là người lao động nhận thức được rằng mô hình cổ phần hoá là một bước đi đúng đắn, đảm bảo quyền lợi cho họ, từ đó người lao động có ý thức hơn trong sản xuất. Nói về vấn đề này, ông Ngô Đức Lưu - Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn cũng khẳng định: "Nhờ mô hình cổ phần hoá mà công ty chúng tôi có được thành tựu như ngày hôm nay".

Mở rộng sản xuất, tăng kênh huy động vốn.

Không dừng lại ở đó, với mục tiêu mở rộng sản xuất - kinh doanh, tăng khả năng huy động vốn cho phát triển sản xuất, ban lãnh đạo công ty quyết định một bước đi táo bạo, đó là tham gia thị trường chứng khoán.

Mặc dù niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là cách huy động vốn còn khá mới mẻ đối với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng đó lại là kênh huy động vốn hữu hiệu, thể hiện vị trí và tiềm năng của công ty và những ích lợi mà thị trường mang lại. Trên cơ sở nhận định đánh giá như vậy, ban lãnh đạo công ty đã quyết định tham gia niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Ngày 11-4-2002, cổ phiếu mang tên BPC của Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn chính thức được

Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đến thăm công ty

niêm yết. Động thái này đã mở ra triển vọng mới cho công ty trên bước đường hoà nhập, giúp công ty có được những lợi ích nhất định trong ưu đãi về thuế, về vốn và quảng bá được sản phẩm đến với mọi đối tượng khách hàng, đồng thời mở ra cơ hội tìm đối tác làm ăn.

Cùng với xu thế phát triển đi lên của nền kinh tế Việt Nam nói chung, của tỉnh Thanh Hoá nói riêng, tốc độ đô thị hoá sẽ ngày càng nhanh, nhu cầu đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ngày một tăng. Dự báo được điều đó, ban lãnh đạo công ty đã quyết định đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bao bì với công suất thiết kế là 20 triệu bao/năm. Dự kiến khi dây chuyền này đi vào hoạt động, công suất thiết kế của công ty sẽ tăng gấp đôi, đạt 40 triệu bao/năm. Để chuẩn bị cho kế hoạch này, thời gian qua, công ty đã ban hành nhiều chính sách như: đào tạo, tiền lương, thưởng... nhằm thu hút nhân tài nhằm đáp ứng khả năng phát triển của công ty.

Có thể nói, việc thực hiện chủ trương đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước mà Đảng và Chính phủ đề ra đã mang lại diện mạo mới cho Công ty Cổ phần Bao Bì Bỉm Sơn. Với đà phát triển như hiện nay, hy vọng rằng, công ty sẽ còn đạt được nhiều thành tích hơn nữa trong thời gian tới.

Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn

Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn có vốn điều lệ 38 tỷ đồng, phát hành cổ phiếu 38 tỷ đồng, mệnh giá một cổ phiếu là 10.000 đồng. Phần vốn nhà nước chiếm 65,26% (Công ty Xi măng Bỉm Sơn 50%, Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng 10%; Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam 5,26%), số vốn còn lại do các cổ đông khác đóng góp.

- *Hội đồng quản trị: 5 người (chủ tịch, phó chủ tịch, 3 uỷ viên), trong đó có 3 đồng chí đang công tác tại công ty.*
- *Ban kiểm soát: 3 người, có 1 đồng chí đang công tác tại công ty.*
- *Ban giám đốc: 2 đồng chí (giám đốc; phó giám đốc).*
- *Đơn vị trực thuộc: 6 đơn vị (3 văn phòng, 3 xưởng)*
- *Tổng số cán bộ công nhân viên: 239 người*

BIM SON PACKAGING JOINT-STOCK COMPANY

STEADY INTEGRATION

Implementing Bim Son's development strategy in the economic structure transformation from industry - home crafts, agriculture and services to industry - construction, trading - services, agriculture and forestry in the period of 2002-1010, it is essential to develop the construction material production. As a subsidiary of the Vietnam National Cement Corporation, Bim Son Packaging Joint-stock Company has made spectacle growths and contributions to the town's economic structure transformation.

Achievements since the equitisation

Since the Communist Party's Resolution No.3 (the 3rd Session), Vietnam National Cement Corporation made a decision to establish Bim Son Packaging Joint-stock Company on the basis of the packaging workshop in Bim Son Cement Factory. The company specialises in plastic and Kraft Packaging business and production.

As the first joint-stock company under the Vietnam National Cement Corporation, Bim Son Packaging has made spectacle developments for the past four years (since July 1999). In 2002, the output increased by 73.3 percent and the revenue doubled that of the year 1999. The staff's incomes are progressively improved with the monthly salary of VND1.5 -1.7 million per person on average, 66.7 - 89 percent bigger than that before the equitisation.

It is visible from the company's business and production reports before the equitisation how meaningful the figures in the above table and the non-stop efforts by the company's staff are. Accordingly, until 1997, the packaging workshop under Bim Son Cement Factory was making unsatisfactory growth rates. Its annual output was only 15 million sacks, equal to 75 percent of the available capacity at that time (according to the data collected in 1998). One of the major causes of the circumstance is that most of the workers were then redundant labour forces with low professional skills collected from other workshops.

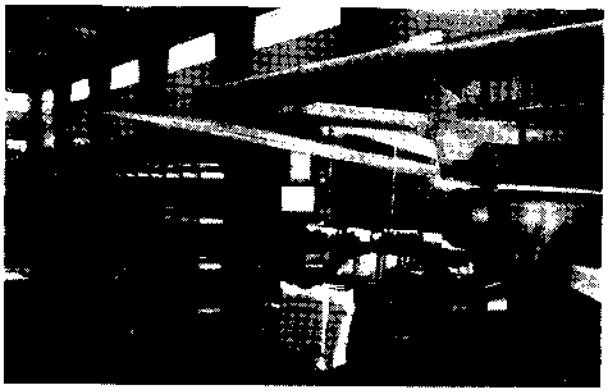

PP fibre machine

As a matter of fact, at the beginning of the equitisation, the company was faced with a great deal of difficulties caused by its lack of experience for a new operation. Overcoming the situation, the leaders of the company implemented the management reorganisation, the profession training and retraining, and encour-

Business and production results from 1999 to 2003

Years	Units	1999	2000	2001	2002	2003 (Estimated)
Output	Million sacks	15	22	23	26	28
Revenue	VND billion	27.7	61.2	58.4	60.0	67

aging its employees to improve their professional skills and making them aware of their ownership. In addition, Bim Son cement Company helped a lot. Thanks all the above, the workers' professional skills were improved then. More importantly, they became aware of the rightness and essentiality of the equitisation and had better sense of responsibility to the production. "The equitisation has made what we have today" - confirmed Ngo Duc Luu, the Director of Bim Son Cement Company.

Production expansion for the increasing capital mobilisation

Targeting the business and production expansion as well as the extensive capital mobilisation for the production expansion, the board of directors of the company made a daring decision to take part in the securities market.

Although unfamiliar to almost all the Vietnamese enterprises, the bringing the securities to the market is an effective way to mobilise the capital and to show the company's position and potentials of the company, and to take benefits brought about by the market. On the basis of that assessment, Bim Son Packaging Joint-stock Company decided to bring their securities into the market.

On April 11th 2002, the securities named BPC by Bim Son Packaging Joint-stock Company were officially listed on the electric boards of the securities market. This movement has brought about new opportunities for the company's integration and helped it achieve certain preferential tax and loans, as well as expand the advertisement to all kinds of customers and create opportunities to find trading partners.

In the growing Vietnam economy in general and Thanh Hoa economy in particular, along with the increasing urbanisation, the demands for better infrastructure become crucial. Foreseeing the trend, the Board of Directors of Bim Son Packaging Joint-stock Company invested packaging production lines with the designed capacity of 20 million sacks per year. It is estimated that, when the production lines operate, the company's capacity will be doubled to 40 million a year. Preparing for the implementation of the plan, the company has adopted some new policies on training, salary and rewards in order to attract talents to the requirements of the development capacity of the company.

It is likely to say that, the policies to renovate and reorganise state-run enterprises advocated by the Party and State have helped create a new image for the Bim Son Packaging Joint-stock Company. It is hoped that the company will continue its present development pace and achieve more successes.

The organisation of Bim Son Packaging Joint-stock Company

Bim Son Packaging Joint-stock Company has an authorised capital of VND38 billion, issuing the shares with the face value of VND10,000 each and the total value of VND38 billion. The state owns 65.26 percent of the total capital, of which 50 percent is owned by Bim Son Cement Company, 10 percent by Cement Import - Export Company and 5.26 percent by Vietnam Insurance Corporation. The rest belongs to other shareholders.

- *Board of Management: five people (including the chairman, vice chairman and three members), of which three are working at the company.*
- *Board of Control: three people, of which one is working at the company.*
- *Board of Directors: one Director and his deputy.*
- *Inferior units: six, including three offices and three workshops.*
- *Present total staff: 239 people.*

HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI HỢP LỰC

ĐI LÊN TỪ SỨC MẠNH TẬP THỂ

Hơn 7 năm hoạt động đối với một doanh nghiệp tuy chưa phải là dài, nhưng nhờ phát huy được sức mạnh tổng lực của tập thể xã viên nên Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực đã vượt qua mọi khó khăn, tìm được hướng đi đúng đắn, mở rộng thị trường, ký kết hàng loạt hợp đồng vận chuyển hàng hoá cho các công ty lớn, tạo nên bước phát triển vượt bậc. So với năm 2001, doanh thu năm 2002 đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 4%; nộp ngân sách 65,4 triệu đồng, tăng 8%; thu nhập bình quân của người lao động là 900 nghìn đồng/người/tháng, tăng 12%.

Giám đốc Hợp tác xã Vận tải Hợp lực Thanh Hoá đọc báo cáo trong hội nghị: Thủ tướng Chính phủ gặp gỡ các các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực - thành phố Thanh Hoá được thành lập từ năm 1996 và tiến hành chuyển đổi theo Nghị định số 16/CP của Chính phủ từ năm 1997. Hợp tác xã có 120 xã viên và 120 xe ôtô. Nhiệm vụ chính của hợp tác xã là chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách.

Trải qua những năm tháng thăng trầm

Sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo Nghị định số 16/CP của Chính phủ, Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực đã gặp phải không ít khó khăn và thách thức. Do thị trường kinh doanh có nhiều biến động nên hợp tác xã chỉ lo được 40% số lượng hợp đồng vận tải cho nhân viên, số còn lại do xã viên tự tìm kiếm ở bên ngoài. Thu nhập thấp, bập bênh đã gây tâm lý chán nản cho một bộ phận xã viên. Thêm vào đó, sau khi chuyển đổi theo Nghị định số 16/ CP của Chính phủ, hợp tác xã không được hưởng các quyền lợi quy định số tại Nghị định số 15/CP của Chính phủ như tiền thuê đất, vay vốn, miễn giảm thuế. Thậm chí, số thuế mà hợp tác xã phải nộp cao hơn trước. Chẳng hạn với thuế môn bài, mỗi xã viên phải nộp khoán 240 nghìn đồng/xe/tháng, ngoài ra hợp tác xã còn phải nộp 10% theo tổng doanh thu của xã viên. Như vậy, hợp tác xã phải nộp 2 lần thuế.

Năm 1999, nhiều xã viên xin ra khỏi hợp tác xã để làm ngoài do không thấy được lợi ích khi hoạt động trong hợp tác xã. Từ 1-2-1999 đến 10-1999, hợp tác xã phải báo cáo ngừng hoạt động, bến bãi thu thuế quá cao nên hợp tác xã cũng buộc phải bàn giao cho hợp tác xã thương mại quản lý. Tình trạng thiếu vốn triền miên, thị trường hoạt động hạn hẹp, một số đồng chí lãnh đạo hợp tác xã cũng nản lòng xin ra khỏi tổ chức đã khiến Hợp tác xã Vận tải Hợp lực đứng trước nguy cơ giải thể.

... Để đạt được những thành công của ngày hôm nay

Với trăn trở, suy nghĩ không để hợp tác xã rơi vào tình trạng giải thể, lãnh đạo Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực đã có những quyết sách và bước đi đúng đắn,

Những thành tích được cấp trên khen thưởng

- Năm 1999 được Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hoá tặng giấy khen
- Năm 2000 được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tặng bằng khen
- Năm 2001 được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc
- Năm 2002 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc

năng động, nhạy bén nhằm mở rộng thị trường. Một phương thức mà ban quản trị Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực vận dụng thành công là tìm đến các đơn vị sản xuất - kinh doanh lớn trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vận chuyển lớn để ký kết hợp đồng.

Đến năm 2000, hợp tác xã đã ký hợp đồng vận tải hàng hoá cho Nhà máy Xi măng Nghi Sơn, tạo công ăn việc làm cho các xã viên. Ngoài ra, hàng năm, hợp tác xã còn ký hợp đồng với khách hàng để vận chuyển phân bón các loại, vật liệu xây dựng đi các tuyến trong và ngoài tỉnh với khối lượng lớn. Nhiều lúc, các xã viên còn phải vận chuyển 24/24 giờ để tiếp nhận hàng hoá, giải phóng nhanh các tàu vận chuyển hàng đi các tỉnh phía Nam. Đặc biệt, đầu năm 2003, hợp tác xã được Công ty Mía đường Lam Sơn ký hợp đồng vận chuyển gần 1.000 con bò sữa từ cảng nước sâu Nghi Sơn về nông trường Sao Vàng. Vì tính chất quan trọng của đàn bò, Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rút ngắn thời gian vận chuyển xuống 20 giờ và giao trách nhiệm này cho Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực. Với sự quyết tâm cao của ban quản trị hợp tác xã trong việc tổ chức và điều hành hết năng lực vận tải của hợp tác xã, đoàn tàu chở bò từ New Zealand cập bến lúc 10 giờ sáng thì đến 18 giờ chiều cùng ngày, hợp tác xã đã đưa đàn bò về đến địa điểm an toàn, rút ngắn thời gian vận chuyển xuống còn 7 giờ. Qua sự việc này, Uỷ ban nhân dân tỉnh và phía khách hàng đánh giá cao về khả năng vận tải và điều hành của ban quản trị hợp tác xã.

Nhằm thực hiện tốt công tác điều hành, quản lý và Nghị định số 36/CP của Chính phủ, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Thanh Hoá, ban quản trị hợp tác xã đã huy động vốn của xã viên để xây dựng bãi đỗ xe tập trung. Ngoài hoạt động sản xuất - kinh doanh, Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực còn tham gia các tổ chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hoá, là thành viên chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Mục tiêu phát triển sản xuất - kinh doanh nhiệm kỳ 2003 - 2007

Phát huy những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ 1998 - 2002, tập thể xã viên Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu về các chỉ tiêu doanh thu, thuế, thu nhập bình quân của xã viên năm sau cao hơn năm trước 10%:

Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh (1998 - 2002)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	2001	2002
Doanh thu	30	90	1.600	14.625	17.000
Thuế	20	35	55	112	120
Lương	0,3	0,35	0,5	0,5	0,9
Từ thiện	0,5	1	2	4	15
Hội phí	0,5	0,5	0,6	1	1,2

Nguồn: Hợp tác xã Vận tải Hợp lực

giữ vững các danh hiệu thi đua đã được Chính phủ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh trao tặng. Để đạt được những mục tiêu trên, Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực đề ra những biện pháp cụ thể như:

Về công tác tổ chức, hợp tác xã sẽ tổ chức 4 đội vận tải, 1 trạm tiếp nhận vận chuyển ở Nghi Sơn, bộ phận văn phòng bao gồm kế toán, kế hoạch điều vận, bãi xe, khách sạn.

Về xây dựng cơ bản, hợp tác xã sẽ tổ chức xây dựng hoàn chỉnh bãi đỗ xe tại địa điểm mới với diện tích 4.700m^2 và xây dựng khu nhà nghỉ 9 tầng với tổng diện tích sử dụng 2.800m^2, có 50 phòng nghỉ với đầy đủ tiện nghi và phòng ăn uống để phục vụ khách hàng và lái xe nghỉ qua đêm.

Về vận tải, hợp tác xã duy trì và thực hiện tốt hợp đồng vận tải cho 2 Nhà máy Xi măng Nghi Sơn và Xi măng Hoàng Mai, vận chuyển thép cho Công ty Thiết bị Thép Sim Co, Công ty Bao bì Thanh Hoá. Thêm vào đó, hợp tác xã mở rộng ký hợp đồng vận chuyển cho Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn, Xi măng Tam Điệp - Ninh Bình, Nhà máy Cồn, Nhà máy Sữa của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, Nhà máy Giấy Châu Lộc - Hậu Lộc. Thời gian tới, hợp tác xã còn mở rộng liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác trong và ngoài tỉnh như: liên kết với hợp tác xã thêu ren may xuất khẩu, liên doanh với các hợp tác xã ven biển nuôi tôm trên cát ở các huyện Tĩnh Gia, Hậu Lộc, Hoằng Hoá.

Thành công của Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực ngày hôm nay càng khẳng định tính ưu việt của mô hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã, trong đó sức mạnh tập thể được phát huy tối đa. Nhờ nhu cầu vận chuyển trong và ngoài tỉnh lớn cộng thêm sự năng động, nhạy bén của ban quản trị, Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực đã thành công trong việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh, nâng cao đời sống của xã viên, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá.

HOP LUC TRANSPORTATION CO-OPERATIVE

GROWING UP WITH COLLECTIVE STRENGTH

More than seven years of operation is not a long time for an enterprise, however, thanks to collective strength promotion of co-op members, Hop Luc Transportation Co-op has surmounted all difficulties, found out proper direction, expanded market, signed series of good transporting contracts for big companies, making gigantic developments. Over 2001, 2002's turnover achieved VND16.6 billion, an increase of 4%; contribution to the State budget of VND65.4 million, an increase of 8%; per capita average income is VND900,000 per month, rose 12%.

Hop Luc Transportation Co-op - Thanh Hoa City was established in 1996 and made change under Decree 16/CP by the Government since 1997. The co-op includes 120 members and 120 cars. Its main task is to carry out business of passenger and goods transporting services.

Experiencing ups and downs...

After changing its operation under Decree 16/CP by the Government, Hop Luc Transportation Co-op has confronted numerous difficulties and challenges. Due to changes in business market, only 40% of the transportation contracts was gained by the Co-op, and the rest was hunted from exterior by its members themselves. Unstable and low income resulted in depressed temper for a part of co-op members. Furthermore, after its conversion under Decree 16/CP by the Government, the co-op was not bene-

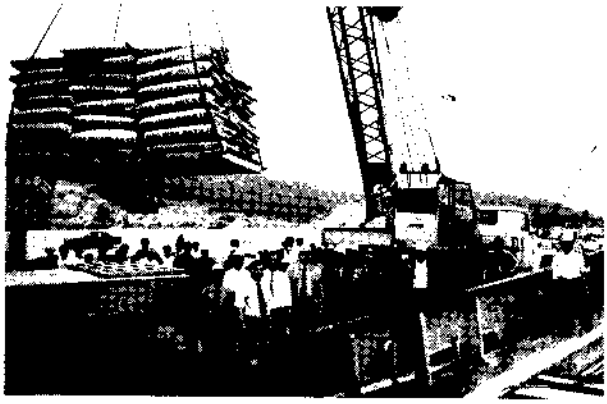

Hop Luc Transportation Co-op is arranging and loading a ship with goods.

fited from the rights such as land rental, capital borrowing, tax exemption and reduction regulated in Decree 15/CP by the Government. The co-op even was obliged to pay taxes at higher level than before. Taking the license tax as an example: each co-op member had to pay a monthly fixed sum of VND240,000 for a car in addition to 10% of the total incomes of its members. Thus, the co-op had to pay double tax.

In 1999, a large number of members asked for a leave from the co-op to be self-employed because of their unforeseeable benefits at the co-op. Between February 1st 1999 and October 1999, the co-op must announce its operation pause. Excessively high tax rate on parking forced the co-op to hand over the management to the trading co-op. The capital shortage was perpetual, the market operation was limited and a lot of the co-op leaders were so discouraged that they left the organisation, making Hop Luc Transportation Co-op face the danger of dissolution.

...To success today

Strongly determining to prevent the co-op from falling into dissolution, the leadership of Hop Luc Transportation Co-op has worked out resolute policies and taken appropriate, active and clear-headed steps to expand market. The method the management board of Hop Luc Transportation Co-op successfully adopted was to come to the provincial large-scale production - business units to sign contracts.

By 2000, the co-op entered into goods transporting contracts with Nghi Son Cement Plant, creating jobs for its members. In addition, every year the co-op also makes contracts with customers for transporting all kind of fertiliser, great quantities of construction materials to places within and outside the province. The members frequently have to do transportation during 24/24 hours to receive goods, rapidly unload goods transporting ships to Southern provinces. Specifically, in early 2003, the co-op signed a contract with Lam Son Sugarcane Company to transport approximately 1,000 cows from Nghi Son deep-water Port to Sao Vang Plantation. Because of the cowherd's great importance, the provincial People's Committee requested to shorten transporting time to 20 hours and entrusted this duty to Hop Luc Transportation Co-op. Thanks to sound deter-

Production - business operation outcomes (1998 - 2002)

Unit: million VND

Indices	1998	1999	2000	2001	2002
Revenue	30	90	1,600	14,625	17,000
Tax	20	35	55	112	120
Wage	0.3	0.35	0.5	0.5	0.9
Charity	0.5	1	2	4	15
Membership fee	0.5	0.5	0.6	1	1.2

mination of its management board in organising and fully utilising transporting capacity of the co-op. the cows transporting ship from New Zealand landed at 10 a.m. and at 18 o'clock of that day, the co-op carried the cows to the destination safely, saving seven hours. After that case. the provincial People's Committee and customers have highly appreciated the conducting and transporting capability of the co-op's management board.

With a view to effectively implement its management task and Decree 36/CP by the Government, making contribution to guaranteeing traffic safety order in Thanh Hoa City, the co-op's management board has mobilised capital from its members to build the concentrated car park. Apart from the production - business operation, Hop Luc Transportation Co-op also joins the organisations under Thanh Hoa Province Co-op Alliance - a full member of Vietnam Chamber of Industry and Commerce.

Production - business development target for 2003 - 2007

Promoting the achievements obtained in the period of 1998 - 2002. the team of Hop Luc Transportation Co-op members are determined to make great efforts to accomplish targets of year-on-year increase in turnover. tax and co-op members' average income 10%; preserve emulation titles awarded by the Government and the Chairperson of Provincial People's Committee. To fulfil those targets, Hop Luc Transportation Co-op has mapped out concrete measures as follows:

As for organisation task. the co-op will formulate four transporting teams, one transportation receiving station in Nghi Son. the office section including book-keeping, transportation arranging planning, car parking, hotel.

As for capital construction, the co-op will manage to complete the building of car park at the new place in 4,700 sq.m and 9-storied guest-house site with total area of 2,800 sq.m including 50 well-equipped rest rooms and dining rooms in service of customers and drivers staying overnight.

As for transportation work, the co-op will continue its operation and efficiently accomplishe contracts of transporting for the two plants of Nghi Son and Hoang Mai Cement, transporting steel for Sim Co Steel Equipment Company, Thanh Hoa Packing Company. In addition, he co-op also extends to sign transporting contracts with Bim Son Cement Plant, Tam Diep - Ninh Binh Cement Plant, Alcohol Plant, Milk Factory under Lam Son Sugarcane Joint-stock Company, Chau Loc - Hau Loc Paper Mill. In the coming time, the co-op plans to co-operate with other economic sectors within and outside the province such as: co-operating with the export garment and embroidery co-op, coastal co-op raising shrimps on the sand in the districts of Tinh Gia, Hau Loc and Hoang Hoa.

Hop Luc Transportation Co-op's success today affirms the superiority of co-op and joint economic models, in which the collective strength is brought into full play. Thanks to great demand for transportation services inside and outside the province in addition to the management board's activeness and clear-headedness, Hop Luc Transportation Co-op has successfully enlarged business line, improving its members' living standard, making contribution to socio - economic development cause of Thanh Hoa Province.

Achievements awarded by the superior levels

- *In 1999, being presented with the commendation by Thanh Hoa Province Co-op Alliance.*
- *In 2000, being awarded the Certificate of Merits by Vietnam Co-op Alliance.*
- *In 2001, being offered the outstanding Emulation Flag by the Provincial People's Committee.*
- *In 2002, being awarded the outstanding Emulation Flag by the Prime Minister.*

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MÔ HÌNH THÀNH CÔNG CỦA LIÊN MINH CÔNG - NÔNG

"Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn là một mẫu mực thành công về kết hợp công nghiệp và nông nghiệp, công - nông nghiệp với khoa học - công nghệ, kết hợp kinh tế, xã hội và văn hoá, một mô hình thành công về liên minh công nông, đưa đến hiệu quả và chất lượng sản phẩm ngày càng cao, đời sống vật chất, văn hoá của công nhân và nông dân ngày càng được cải thiện, coi trọng định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời khuyến khích trách nhiệm và động lực lợi ích của từng người". (Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Từ một doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản, sau 12 năm phấn đấu, đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đã thành doanh nghiệp mía đường hàng đầu Việt Nam, có tên tuổi trên thị trường quốc tế. Sản lượng đường và doanh số tăng gấp 100 lần, nộp ngân sách tăng gấp 70 lần, vốn tích lũy tăng gấp 20 lần, thu nhập của người lao động tăng 12 lần. Những thành quả này cho thấy, Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn đã thực sự trở thành một trung tâm kinh tế, góp phần đổi mới cả một vùng kinh tế ở miền Tây Thanh Hoá.

Không lùi bước trước khó khăn

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được đầu tư xây dựng từ thập niên 80 (thế kỷ XX) với những thiết bị do hãng FCB (Pháp) đầu tư (vốn ban đầu 15 triệu USD). Trong suốt 6 năm đầu hoạt động, cán bộ công nhân viên công ty phải vật lộn với biết bao khó khăn, gian khổ, có lúc tưởng chừng đã đứng trên bờ vực phá sản, nhất là thời điểm đang xây dựng dở thì chuyên gia rút về nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật của công ty còn non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm. Song với lòng nhiệt tình, yêu quý nhà máy và đặc biệt vì sự sống còn của hàng trăm công nhân, cuối cùng năm 1986, nhà máy đã hoàn thành và đi vào chạy thử, với công suất thiết kế 1.500 tấn mía cây/ngày, sản xuất 20 nghìn tấn đường/năm. Tuy vậy, trong vụ mía đầu tiên, nhà máy ép được 9.636 tấn mía, chế biến được 360 tấn đường thô, đạt 5% công suất thiết kế. Những năm tiếp theo, nhà máy cũng chỉ sản xuất cầm chừng, mỗi năm chỉ chạy máy khoảng 60 - 70 ngày, đạt khoảng 10 - 15% công suất.

Trang thiết bị Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Để giải quyết tình trạng thiếu nguyên liệu triền miên, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã thành lập ban chỉ đạo do Phó Chủ tịch tỉnh làm trưởng ban. Nhưng do chính sách chưa thoả đáng, chưa phù hợp với cơ chế quản lý và điều hành, nhất là chưa có giải pháp cụ thể, nên diện tích gieo trồng và sản lượng hàng năm đạt được còn thấp. Đặc biệt trong 2 năm 1989 -

1990, diện tích mía nguyên liệu và sản lượng đường có xu hướng giảm mạnh, từ 1.520 ha (năm 1988) xuống còn 960 ha và từ 2.500 tấn đường xuống còn 1.900 tấn, nhà máy đứng bên bờ vực phá sản, 800 công nhân không có việc làm, tác động rất lớn đến tinh thần của cán bộ công nhân viên nhà máy. Thêm vào đó, nhiều ý kiến cho rằng việc xây dựng một nhà máy có công suất lớn như Lam Sơn tại địa phương là không phù hợp, cần phải chuyển đến nơi có vùng nguyên liệu đáp ứng đủ nhu cầu.

Thành công tiếp nối thành công

Đứng trước thực trạng trên, lãnh đạo nhà máy không còn lựa chọn nào khác là phải tập trung sức lực và trí tuệ, đoàn kết một lòng, phấn đấu đưa nhà máy trở lại hoạt động, tạo đà cho sự phát triển sau này. Được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là tinh thần lao động hăng say của bà con nông dân trong vùng nguyên liệu, công ty đã có bước phát triển mới, dần khẳng định thế đứng ổn định, vững chắc của một doanh nghiệp lớn trên thị trường trong và ngoài nước. Ngoài 2 nhà máy đường có công suất 7.000 TMN, mỗi năm cung cấp trên 100 nghìn tấn đường các loại, công ty còn có một nhà máy bánh kẹo với công suất 6.500 tấn/năm, 2 nhà máy sản xuất phân bón với công suất 50 nghìn tấn/năm. Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty tăng trưởng với tốc độ nhanh. Từ một doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản, trong vòng 10 năm (1986 - 1997), sản lượng đường tăng 120 lần; doanh số năm 1997 đạt 300 tỷ đồng, bằng 150 lần so với năm 1988; nộp ngân sách nhà nước năm 1997 tăng 110 lần, so với năm 1990; vốn của công ty luôn được bảo toàn và phát triển. Đồng thời, năm 1997 là năm thứ 10 công ty liên tục hoàn thành và vượt mức kế hoạch. Nếu xét trong giai đoạn 1990 - 2002, sản lượng đường của công ty tăng 29 lần, doanh số tăng 92,5 lần, nộp ngân sách tăng gần 100 lần, vốn tích luỹ công ty tăng gần 7 lần và thu nhập của người lao động tăng 12 lần. Riêng vụ ép niên vụ 2002 - 2003, dự kiến đạt 1 triệu tấn mía nguyên liệu, sản lượng đường ước đạt 100.000 tấn. Tổng giá trị kinh doanh năm 2002 đạt 530 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 38 tỷ đồng.

Trong những năm qua, công ty đã gắn kết, dẫn dắt và hỗ trợ nông dân khai hoang trên 10.000 ha đất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang trồng mía, phủ xanh toàn bộ đất trống đồi trọc, hình thành một vùng mía chuyên canh với diện tích trên 16 nghìn ha, hàng năm cung cấp cho nhà máy hơn 1 triệu tấn mía nguyên liệu. Nhưng có lẽ thắng lợi hơn cả là từ mô hình tạo vùng nguyên liệu, công ty đã tạo việc làm cho hơn 30 vạn lao động thường xuyên, đời sống vật chất và tinh thần của gần 1 triệu nông dân trong vùng trồng mía ngày càng được cải thiện, số hộ đói không còn và tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt (dưới 8%). Đặc biệt, thực hiện Quyết định của Chính phủ về sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, từ năm 2000 đến nay, công ty đã thực hiện thành công mô hình cổ phần hoá với số vốn điều lệ 200 tỷ đồng.

Hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ Công ty mía đường Lam Sơn đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2001 - 2010, đó là tập trung nguồn lực xây dựng vùng mía đường Lam Sơn trở thành một vùng công - nông nghiệp sản xuất, chế biến nông - lâm sản có quy mô tập trung, khối lượng hàng hoá lớn; phát triển chăn nuôi bò thịt, bò giống, bò sữa và chế biến sữa, cây ăn quả, cây lâm nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm.

Trong đó, từ nay đến năm 2005, công ty sẽ tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng và hiệu quả 2 nhà máy đường hiện có, nâng công suất từ 7.200 tấn mía/ngày lên 10.000 tấn mía/ngày (khi điều kiện thị trường cho phép). Thực hiện dự án thâm canh mía công nghệ cao, đảm bảo cung cấp 1,2 triệu tấn nguyên liệu mỗi năm, năng suất bình quân đạt 75 - 80 tấn/ha, chữ đường lớn hơn 11CCS. Hoàn thiện nhà máy cồn xuất khẩu 25 triệu lít/năm, để đến quý IV năm 2003 có sản phẩm xuất khẩu. Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, công suất 100 nghìn tấn/năm với tổng số vốn đầu tư 1,5 triệu USD. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sữa có công suất 10 triệu

lít /năm, vốn đầu tư 3 triệu USD. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nước trái cây cô đặc, công suất 4 - 5 tấn/giờ với số vốn đầu tư 3,5 triệu USD. Như vậy, tổng vốn đầu tư cho các dự án trên ước tính khoảng 45 - 50 triệu USD, trong đó 15 - 20% là vốn tự có, 30 - 40% vốn huy động cổ đông, khoảng 40 - 50% còn lại là vốn vay từ quỹ đầu tư phát triển và các ngân hàng thương mại. Công ty phấn đấu đến năm 2005 đạt mức tăng trưởng bình quân 15 - 20%/năm, đạt doanh số 1.000 tỷ đồng, trong đó 30% là xuất khẩu, nộp ngân sách từ 600 tỷ đồng trở lên. Hàng năm, tích luỹ vốn khoảng 10 - 15%, lợi tức 10 - 12%/năm, thu nhập bình quân của người lao động đạt 1,5 - 2 triệu đồng/tháng, tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới.

Mặc dù thời gian chưa dài, nhưng những gì mà Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn làm được có giá trị thực tiễn vô cùng to lớn. Đó là minh chứng sống động nhất cho sự cần thiết phải xây dựng một liên minh giữa công nhân - nông dân và trí thức trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần có sự chỉ đạo của Nhà nước hiện nay.

Những bài học kinh nghiệm

Trải qua biết bao thăng trầm, Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm xương máu, có tính chất cốt lõi, cần được tiếp tục phát huy và hoàn thiện trên bước đường phát triển. Đó là:

1) "Dựa vào dân, lấy lợi ích của dân làm động lực", muốn dựa vào dân, trước hết phải tạo ra cơ hội và môi trường cho dân. Cụ thể, trên một vùng trung du nghèo, đói triền miên của Thanh Hoá, công ty đã tạo ra cơ hội và môi trường cho dân có điều kiện để phát huy dân chủ, tự nguyện tôn trọng lợi ích của mọi thành viên nhằm thúc đẩy sản xuất - kinh doanh phát triển. Tạo cho nông dân tiếp cận với vốn, công nghệ tiên tiến, được chuyển giao kiến thức cùng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngày càng được mở rộng.

2) "Phát huy vai trò, vị thế của doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chủ động hợp tác liên kết", thúc đẩy các thành phần kinh tế trên địa bàn cùng phát triển. Ngược lại, các nông trường, hợp tác xã và hộ nông dân chỉ hợp tác, liên kết với doanh nghiệp mới có thể giải quyết được cái thiếu, cái khó mà bản thân mỗi cá thể không thể giải quyết được là: vốn, kiến thức công nghệ mới và đặc biệt là đầu ra (thị trường).

3) "Phát huy nội lực, nêu cao ý thức tự lực" để khai thác và tranh thủ mọi nguồn lực, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới và phương pháp quản lý mới. Quan tâm và làm tốt chiến lược con người, thường xuyên chăm lo, nâng cao năng lực cho cán bộ công nhân viên, tạo mối quan hệ giữa kỷ cương và dân chủ trong tập thể những người lao động để có động lực phát triển ngày càng cao hơn. Đặc biệt, hết sức coi trọng thị trường, tạo lập những yếu tố đặc trưng, phong cách độc đáo cho sản phẩm mang thương hiệu riêng của mình, có đủ sức cuốn hút, hấp dẫn người tiêu dùng trong và ngoài nước.

4) "Xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh là hạt nhân lãnh đạo, phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, xây dựng tập thể những người lao động tự giác, dân chủ, đoàn kết, kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán có trí tuệ, có bản lĩnh và quyết tâm cao, coi đổi mới là mục tiêu hành động và luôn đặt mình vì lợi ích chung.

LAM SON SUGAR-CANE JOINT STOCK COMPANY

A SUCCESSFUL MODEL OF WORKER-FARMER ALLIANCE

"Lam Son Sugar-cane Join stock Company is a sample of success in the combination of industry and agriculture, industry-agriculture and science-technology, socio-economy and culture, a successful model of worker-farmer alliance, bringing efficiency and high quality products, improving worker and farmer's spiritual and material life, following socialism orientation and encouraging the responsibilities and motivation of people". (General - Vo Nguyen Giap)

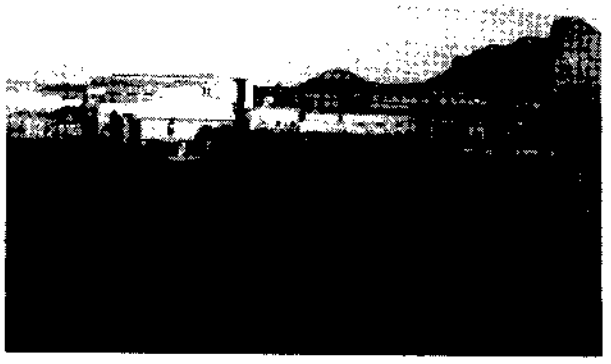

Sugar Factory on the Lam Son sugarcane area

From a unit in the situation of bankruptcy, after 12 years of great efforts, Lamson Sugarcane Join stock Company now becomes a leading one in Vietnam and affirms its prestige in the international market. The output and revenue of sugar production increase 100 times, contribution to State budget rises 70 times, and the employees' income grows 12 times. With significant achievements, the Company has really become an economic centre, contributing to the renovation of an economic zone in the West of Thanh Hoa province.

Making no concessions before difficulties

Lam Son Sugar-cane Join stock company was built in 1980s (XX century) and its facilities were invested by FCB corporation (France) (the initial investment capital was USD 15 million). During the first six years of operation, the staff of the company faced with many difficulties and sometime the company seemed to be in the situation of bankruptcy. One of the most difficulties of the company in this stage was the withdrawing of foreign experts while its factory was under construction with young and inexperienced local technicians. However, with the enthusiasm and solidarity of the staff and especially for the life of hundreds of its workers, finally, in 1996 the factory was put into trial with the designed capacity of 1,500 tonnes of sugarcane per day and 20,000 tonnes of sugarcane per year. In the first sugarcane production, the factory's sugarcane output was 9,636 tonnes, 360 tonnes of unrefined sugarcane per year, reaching 5% of the designed capacity. During the following years, the factory's production was at low output level, the operating time of the machine was 60 - 70 days per year of approximately 10 - 15% of its capacity.

To solve the problem of materials shortage, the Provincial People's Committee established the Steering Board led by Vice Chairman of the Province. However, due to unreasonable policies, being dissymmetrical with the prevailing management mechanism, in the lack of detailed solutions, the material sugarcane area and annual sugar production output remained low. Especially, during two years 1989-1990, sugarcane area and sugar output tended to decrease dramatically to 960 hectares from 1,520 hectares in 1988 and to 1,900 tonnes from 2,500 sugar tonnes. The company was on the edge of bankruptcy with 800 workers staying idle, causing adverse affects to the spirit of its employees. In addition, it was said that building such a high-capacity factory as Lam Son

in that local was not unreasonable; it was commented to be moved to the areas with available resources sufficiently meeting the demand of production.

Successes following successes

Facing such difficulties, the only one choice for the leaders of the factory is to mobilize strength and knowledge, being united and striven to resume the factory's operation, creating momentum for the future development. With special attention of the Government, the support from concerned authorities at all levels, especially the enthusiastic working spirit of all farmers in the material area, the company has achieved considerable developments, gradually affirmed its position of a big company in the domestic and international market. Apart from two sugar factories with the capacity of 7,000 TMN, providing ver 100 sugar tonnes of different kinds a year, the company currently possesses a candy factory with the annual capacity of 6,500 tonnes, two factories producing alcohol for foods with annual capacity of 25 million litres, two factories producing fertilizer with annual capacity of 50,000 tonnes. The result of the company's business and production has grown rapidly. From a company in the situation of bankruptcy, during 10 years (1986-1997) the output increased 120 times; the revenue in 1997 reached about VND 300 billion, equal to 150 times to 1988; the contribution to the state budget in 1997 grew up for 110 times in comparison with 1990. The capital of the company was always ensured and developed. At the same time, 1997 is the tenth year the company continuously fulfilled and exceeded its plan. If reviewing the stage 1990-2002, the sugar output of the company increased 29 times, its revenue grew 92.5 times, contribution to the state budget increased about 100 times, accumulated capital rose about 7 times and the income of workers grew 12 times. In the annual pressing plan 2002-2003 alone, the company expects to reach 1 million of material sugarcane, the output of sugar estimates to reach 100,000 tonnes. The total revenue in 2002 obtained VND 530 billion, contributed to the state budget VND 38 billion.

Over the past years, the company has closely cooperated with, oriented and supported the farmers to reclaim 10,000 hectares of land area, transformed the crop structure into growing sugarcane, covering the whole bare and hilly lands, forming a specialised sugarcane area a of over 16,000 hectares, providing the factory over one million tonnes of material sugarcane per year. Perhaps the most important achivement is by setting up material areas, the company has created jobs for over 30,000 regular labourers, the life of about one million local farmers in the sugarcane growing area was improved both spiritually and financially, the number of hunger households was eliminated and the rate of poor households has dramatically decreased. Especially, implementing Decision of the Prime Minister on arrangement and renovation of enterprises, from 2000 until now, the company has successfully carried out the equitization model with the registered capital of VND 200 billion.

Towards a sustainable development

Thoroughly implementing the Resolutions of the Ninth national Party Congress and of the Central Party's Committee, Party's Committee of Lam Son sugar-cane Join stock Company has set up the development strategy in the stage 2001-2010. In particular, the company will focus its strengths on building a Lam son sugarcane area as an area of agricultural-industry production, agricultural-forestry processing with concentrated scale, large production volume; developing the feeding of cows, breed cows, milk cows and milk processing, fruit trees, forestry trees and agricultural products.

In which until 2005, the company will concentrate on improving, upgrading the quality and efficiency of two current sugar factories, and increasing the capacity from 7,200 sugarcane tonnes per day to 10,000 tonnes per day (based on the market conditions). Besides, the company will also focus on implementing the project of sugarcane intensive cultivation with applying high technologies, ensuring to provide 1.2 million of material per year, the average capacity of 75-80 tonnes per hectare. In addition, completing alcohol factory with the exports of 25 million litres per year is one of the top priories of the

company to ensure, until the fourth quarter of 2003, the company can export. Furthermore, the company will pay attention to building the factory of foods processing for breeding with the annual capacity of 100.000 tonnes and investment capital of USD 1.5 million. Besides, the company will invest in building the milk processing factory with the capacity of 10 million litres per year; the condense fruit juice processing factory with the capacity of 4-5 tonnes per hour and investment capital of USD 3.5 million. The total investment capital of those projects estimated about USD 45-50 million of which15 - 20 percent are available capital, 30 - 40 percent are mobilised from the company's shareholders and the rest are the loans from the development investment fund and commercial banks. The company is striving until 2005 to reach the average growth rate of 15-20 percent per year and obtain the revenue of VND 1.000 billion, of which 30 percent are from export; contributing to the state budget VND 600 billion and more.

Annually, the accumulated capital accounts for about 10-15 percent, profits are 10-12 percent, monthly average income of labourers reaches VND 1.5-2 million. The company is also attempting to continue maintaining and developing the tradition of heroic unit in the renovation period.

Having overcome not so long period, what the company gained have great practical values. These are vivid evidences for necessity of building an alliance between workers, farmers and white-collar workers under the conditions of multi-sectorial economic development under the direction of the State.

Experience lessons

Experienced numerous ups and downs, Lam Son Sugar-cane Join stock Company has accumulated valuable lessons that need to be continually to be completed on the development pace, particularly:

1) Relying on the local people, taking the people as the main momentum: To lean on the people, the company should create opportunities and environments for the people at first. Concretely, on a persistent poor midland of Thanh Hoa Province, the company has created opportunities and environments for the local people to have good conditions to develop democracy, spontaneously respect all the members' interests aimed at boosting production - business development.

2) "Fully developing the role and position of an industrial-processing company, actively co-operating" to push up the development of economic sectors in the province. Conversely, the farms, collectives, and households co-operate with the company to solve problems of shortage and difficulties that are unsolvable to the single entity including capital, knowledge of new technologies and especially output (market).

3) "Fully developing internal strength, enhancing self-reliance" to exploit and take advantages of all resources, applying advances of science and technology and new management methods. Taking care of and implementing well human strategies, regularly paying attention to and improving the staff' capability, creating a good relation between discipline and democracy in the collective of labourers to build motivations for further development. Especially, focusing on the market, building features and styles of products showing its own trademark that is attractive for domestic and international customers.

4) "Building strong and transparent Party in the leading role, fully developing the role of unions and mass organizations, setting up staff of spontaneous, democratic, united, disciplined laborers and intellectual strong-willed key cadres, considering renovation the operation target and acting for the public interests.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀM RỒNG THANH HOÁ

VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN ĐÓN NHẬN VẬN HỘI MỚI

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Cổ phần Hàm Rồng (tiền thân là Nhà máy Phân lân Hàm Rồng) luôn mang trong mình sức mạnh ý chí và truyền thống của mảnh đất Hàm Rồng lịch sử. Trong cuộc chiến đấu anh dũng bảo vệ cầu Hàm Rồng, bảo vệ con đường huyết mạch Bắc - Nam, mỗi chiến thắng đều thấm đẫm máu và nước mắt của các thế hệ cán bộ, công nhân viên công ty. Chiến tranh đã đi qua, trí tuệ và sức lực của các thế hệ nối tiếp lại được phát huy cao độ để xây dựng nên một Hàm Rồng mới - Hàm Rồng của uy tín và phát triển.

Sức mạnh tiên phong

Với phương châm coi yếu tố con người là tiền đề của mọi thành công, chú trọng đầu tư, chăm lo thu hút nhân tài, đoàn kết nhất trí cùng đổi mới, Công ty Cổ phần Hàm Rồng luôn là đơn vị đi tiên phong trên mọi lĩnh vực - là đơn vị đầu tiên trong tỉnh thực hiện cổ phần hoá thành công. Tiếp đến, xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn, là sức mạnh và uy tín của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, công ty đã đi đầu trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000.

Không dừng lại với những với thành công đã đạt được, công ty đã tập trung nội lực và phát huy những điều kiện thuận lợi do cơ chế mới mang lại để mở rộng quy mô sản xuất theo hướng đa ngành, đa nghề, đa sản phẩm. Từ sản phẩm phân bón truyền thống, đến nay, công ty đã mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực: chế biến thức ăn chăn nuôi, chế biến nước mắm, chế biến thực phẩm, sản xuất gạch tuynen

Bảng vàng thành tích

- *Huân chương Lao động hạng Nhì*
- *Huân chương Lao động hạng Ba*
- *Cờ và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Uỷ ban nhân dân tỉnh,...*
- *Giải Vàng chất lượng Việt Nam*
- *Quả cầu Vàng chất lượng*
- *Cúp Vàng "Vì sự nghiệp xanh"*
- *Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO 9001:2000*

Điểm đến của tương lai

Như con tàu luôn tiến về phía trước, với tinh thần nỗ lực sáng tạo xây dựng thương hiệu Hàm Rồng ngày thêm vững mạnh, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Hàm Rồng luôn mong muốn cộng tác và chia sẻ cơ hội với các nhà đầu

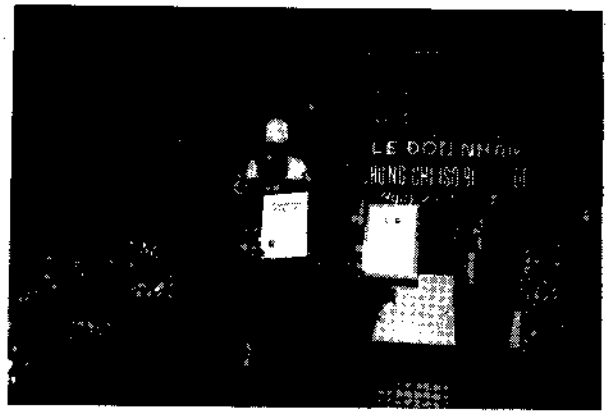

Lễ đón nhận chứng chỉ ISO 9001:2000

tư, bạn hàng trong và ngoài nước trên các lĩnh vực kinh doanh hiện tại, cũng như các hướng đầu tư mới mà công ty có lợi thế như du lịch sinh thái, chế biến nông hải sản xuất khẩu, sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Công ty Cổ phần Hàm Rồng đã xây dựng hệ thống vườn thực vật, hồ sinh thái trên diện tích 10ha (lưng tựa vào dãy núi Rồng, mặt hướng ra dòng sông Mã) nằm trong khu Du lịch Hàm Rồng đã được Nhà nước phê duyệt và đang đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại. Các nhà đầu tư có thể hợp tác với công ty để xây dựng khu "Liên hợp vui chơi giải trí": thế giới nước, bể bơi, sân tennis, nhà hàng ăn uống, nhà nghỉ và bến chính để trung chuyển khách du lịch thuộc tour du lịch trọng điểm: ngược dòng sông Mã đến với suối cá Cẩm Lương - Cẩm Thuỷ, khu di tích lịch sử Lam Kinh, khu khảo cổ học trống đồng Đông Sơn, hồ Kim Quy hoặc xuôi dòng về với bãi biển Sầm Sơn thơ mộng ...

Với khát vọng biến tiềm năng thành khả năng, biến cơ hội thành lợi nhuận, Công ty Cổ phần Hàm Rồng đang thực sự bước vào giai đoạn phát triển mới - giai đoạn thể hiện sức mạnh của "người mở đường".

HAM RONG JOIN-STOCK COMPANY OF THANH HOA

STEADILY RISING TO WELCOME NEW OPPORTUNITY

Over 40 years of establishment and growing, Ham Rong join-stock company (its predecessor was Ham Rong phosphat fertilizer company) has always born in itself the power of will and tradition of Ham Rong historical land. In the heroic struggle to protect Ham Rong bridge and North-South artery road, every victory was deeply filled with blood and tears of generations of the company's personnel. War was over, however the will and forces of the successors is again highly promoted in order to create a new Ham Rong of prestige and development.

Pioneering power

With the motto of considering human factor as the premise for every success, of focusing on investment, caring and attracting talents, of consensus and solidarity to innovate, Ham Rong join-stock company has always been the pioneer in every aspect as the first unit in the district succeeding in equitization. Defining product quality a vital matter, power and prestige of the company in the market mechanism, it has pioneered in applying international quality management standard ISO 9001:2000.

Far from satisfaction with those achievements, it

has focused its internal strength and displayed favorable conditions created by the new mechanism on expanding its production scale in the direction of diversifying products, branches, and businesses. From the traditional product of fertilizer, so far the company has extended its operation into the fields of fodder, fish sauce and food processing, Tuynen brick production.

Electronically packing section

Future destination

As a ship going forwards, with creative efforts to build increasingly powerful Ham Rong trademark, the company's staff always look forward to cooperating and sharing business opportunities with investors, partners inside and outside the country in the current business field as well as its new advantageous investing trends such as: eco-tourism, agro-forestry product processing for export and garment production for export.

Ham Rong Join-stock Company has built a system of botanical gardens, eco-lakes on 10 ha (Leaning against Rong range of mountains, directing Ma river) in the Ham Rong tourism site approved by the State, and its infrastructure is being constructed modernly. The investors can cooperate with the company to construct "the entertainment complex": water world, swimming pool, tennis courts, restaurants, guesthouses and principal terminal to transport tourists to the main resorts: upstream Ma river to Cam Luong - Cam Thuy fishy spring, Lam Kinh historical interests, Dong Son bronze drum archeological site, Kim Quy lake, or down back to the dreamlike Sam Son beach,...

Desiring to turn potentials into capacity, opportunities into benefit, Ham Rong join-stock company has actually been entering into a new period of development - the period of performing the power of "a pioneer".

Roll of honors

- *Labor Order - second class*
- *Labor Order - third class*
- *Emulation flags and Certificates of Merits by Prime Minister, Ministries, Vietnamese General Confederation of Labor, the Provincial People's Committee*
- *Golden Award for Vietnamese quality*
- *Golden Ball for quality*
- *Golden Cup "for the sake of the greenness"*
- *ISO 9001:2000*

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HOÁ

TỪNG BƯỚC KHẲNG ĐỊNH MÌNH

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc triển khai quy hoạch tổng quan phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, thêm nữa trước tốc độ đô thị hoá đang tăng nhanh, những doanh nghiệp có đủ năng lực cả về trình độ và công nghệ, trang thiết bị có thể thi công các hạng mục công trình đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và giá thành như Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Thanh Hoá là một điểm sáng, cần được nhân rộng.

Những bước đi ban đầu

Khi mới thành lập, công ty chỉ có 4 kỹ sư và đội ngũ nhân viên ít ỏi. Vì thế, trong thời gian đầu hoạt động, công ty gặp rất nhiều khó khăn về nhân lực trong quá trình thi công các công trình. Đặc biệt, sau khi Nhà nước xoá bỏ cơ chế bao cấp, chuyển dần sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các nhà thầu xây dựng trong nước bước vào cuộc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm thị trường. Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó.

Trụ sở Văn phòng Tỉnh uỷ tỉnh Thanh Hoá đang được xây dựng

Tuy nhiên, đó chưa phải là khó khăn lớn nhất mà công ty phải đương đầu. Bởi việc cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường đã khó, đổi mới tư duy, cách nghĩ, cách làm của tập thể cán bộ, công nhân viên càng khó khăn gấp bội. Nếu như trước kia trông vào kế hoạch giao, thì đến nay doanh nghiệp phải tự bươn trải để tìm kiếm việc làm. Trước những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, đại hội cán bộ, công nhân viên của công ty đã nhất quán với cương lĩnh: phải cải cách hệ thống tư tưởng, quan điểm, công nghệ,... Lấy cương lĩnh làm kim chỉ nam, toàn thể cán bộ, công nhân viên trong công ty đã nhất trí, đồng lòng bằng nội lực của chính mình, từng bước vượt khó vươn lên với những bước bứt phá ngoạn mục, đưa công ty thoát khỏi giai đoạn trầm lắng.

Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai

Đến nay, công ty đã xây dựng được đội ngũ

Tên gọi công ty qua các thời kỳ

- ***Năm 1976, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng được thành lập với tên gọi là Công ty San nền.***
- ***Năm 1984, đổi tên thành Công ty Xây dựng Công trình Đô thị***
- ***Năm 1989, tiếp tục đổi thành Công ty Xây dựng Công trình Kỹ thuật Đô thị***
- ***Năm 2003, do trùng lặp tên gọi cũng như chức năng nhiệm vụ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã ban hành quyết định số: 910/QĐTC ngày 21-3-2003, theo đó đổi tên thành Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng.***

Trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá

chuyên viên, kỹ thuật viên khá hùng hậu, với 117 nhân viên có trình độ đại học, 120 người có trình độ cao đẳng và trung cấp các loại, 500 công nhân kỹ thuật tay nghề cao. Chính vì vậy đã tạo nền tảng cho những bước tiến vững chắc: nguồn vốn luôn tăng trưởng, sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả cao, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động và đóng góp nghĩa vụ đầy đủ đối với Nhà nước. Điển hình, nếu năm 1995 giá trị tổng sản lượng của công ty chỉ đạt 7,6 tỷ đồng thì đến hết năm 2002 đã đạt xấp xỉ 200 tỷ đồng. Không chỉ có vậy, trong năm 2001, công ty đã đầu tư 60 tỷ đồng lắp đặt dây chuyền sản xuất gạch ceramic, với công nghệ hiện đại nhất của Italia, công suất 1 triệu m 2/năm.

Con đường dẫn đến thành công

Có được thành công đó là do công ty đã chủ động đa dạng và mở rộng thị trường sang các lĩnh vực khác như: xây dựng thuỷ lợi, san lấp mặt bằng, xây dựng điện, nước, khai thác chế biến sản xuất - kinh doanh vật liệu xây dựng, các cấu kiện bê tông thương phẩm, kinh doanh xuất nhập khẩu gạch ceramic, tư vấn xây dựng giao thông,... Đồng thời, công ty đã cơ cấu lại bộ máy tổ chức, với 27 đơn vị gồm các phòng ban, đội sản xuất và các xí nghiệp, nhà máy trực thuộc. Nhờ đó, địa bàn hoạt động của công ty đã trải rộng khắp tại các tỉnh thành trên toàn quốc. Trong đó, riêng thị trường của Nhà máy Gạch ceramic với thương hiệu Thanhcera được tiêu thụ rộng khắp từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau.

Để tăng khả năng cạnh tranh và khẳng định uy tín của doanh nghiệp qua các công trình, việc đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất luôn được công ty quan tâm. Theo ông Đỗ Đức Ty - Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Thanh Hoá cho biết: "Ngoài được công ty đầu tư các thiết bị cần thiết, các đội sản xuất thi công, các xí nghiệp bằng vốn tự có cũng đầu tư mua sắm nhiều máy móc thiết bị như: ôtô, máy lu, máy ủi và các máy xúc, máy chuyên dùng để thi công công trình". Do đầu tư kịp thời các trang thiết bị hiện đại, công ty đã đấu và thắng thầu nhiều công trình lớn như: Toà nhà Văn phòng Tỉnh uỷ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp.

Tuy nhiên, nhân tố quyết định quan trọng mang lại những kết quả như ngày hôm nay chính là chiến lược phát triển con người đã được chuẩn bị rất kỹ lưỡng từ nhiều năm trước. Theo đó, công ty đã cử nhiều cán bộ, nhân viên tham gia các lớp đào tạo ngắn và dài hạn để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách ưu đãi hấp dẫn nhằm thu hút các cán bộ trình độ đại học, trung cấp, những công nhân kỹ thuật lành nghề đến làm việc tại công ty.

Định hướng cho những năm tiếp theo

Vì sự lớn mạnh và phát triển của công ty trong những năm tiếp theo, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng đang có chiến lược phát triển công ty trở thành tổng công ty mạnh với phương châm đa dạng hoá các sản phẩm, đa ngành nghề và đa sở hữu trong doanh nghiệp. Mục tiêu chính của công ty trong thời

Với những thành tích đã đạt được, cũng trong năm 2001, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba; Chính phủ tặng cờ thi đua phong trào thi đua xuất sắc trong 3 năm liền (1999 - 2001). Ngoài ra, công ty còn nhận được nhiều bằng khen, giấy khen do Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng, công đoàn các cấp, các ngành trao tặng.

gian tới là tiếp tục phát triển ngành truyền thống kinh doanh xây dựng và công trình giao thông, mở rộng sản xuất công nghiệp, trước mắt đầu tư tăng sản lượng gạch ceramic để hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh trên thị trường, đồng thời phát triển kinh doanh nhà. Ba lĩnh vực này đều được công ty coi trọng và xác định là ba mũi tiến công.

Để có thể thực hiện tốt những mục tiêu trên, công ty hiện đang tăng cường đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị để có thể tham gia đấu thầu và thắng thầu những công trình lớn không những trên địa bàn tỉnh mà còn các tỉnh lân cận.

Trong sản xuất công nghiệp, công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền thứ 2 với công suất dự kiến gấp 3 lần dây chuyền 1 cho Nhà máy Gạch CERAMIC nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm, đầu tư xây dựng Nhà máy Bê tông Nghi Sơn, dây chuyền sản xuất đá tiêu chuẩn tại Nghi Sơn, Nhà máy Bê tông thương phẩm và Bê tông cấu kiện tại Nghi Sơn, Nhà máy Gạch Tuynen tại Sao Vàng (Thọ Xuân).

Trong sản xuất - kinh doanh, nhiệm vụ hàng đầu mà công ty đặt ra là nâng cao chất lượng sản phẩm, thi công công trình đảm bảo tiến độ, giữ vững và phát huy chữ tín trên các lĩnh vực kinh doanh hạ giá thành sản phẩm và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên. Mục tiêu phấn đấu của toàn công ty đến năm 2005 đạt doanh thu 450 - 500 tỷ đồng.

Để có thể xây dựng thành công mô hình công ty vững mạnh trên địa bàn tỉnh, ngoài phát huy nội lực trong việc quản lý chất lượng các công trình xây dựng, chất lượng các sản phẩm công nghiệp để tăng uy tín, sức cạnh tranh và phát triển, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng cũng cần sự quan tâm giúp đỡ của các cấp các ngành, của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Được như vậy, mô hình mở rộng từ điều hành đến sản xuất - kinh doanh của công ty sẽ tạo nên một chỉnh thể thống nhất, có mối liên kết từ ban lãnh đạo công ty xuống đến từng người công nhân. Chỉ trên nền tảng cơ sở đó, công ty mới thành công trong các mô hình mà mình đã đề ra.

THANH HOA INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION COMPANY

STEP BY STEP ASSERTING ITSELF

Following the instruction of the Provincial Party and People's Committee on implementation of overall planning of the socio-economic development in the province, additionally, facing rapidly increasing urbanisation speed, such enterprises competent in both knowledge and technology and equipment capable to build construction works guaranteed prompt speed, quality and price as Thanh Hoa Infrastructure Development and Construction Company did is a highlight that needs to be multiplied.

Initial steps

In its commencing days, the company employed only four engineers and a few staff. Therefore, during its initial operation time, the company confronted innumerable difficulties in human resources in the process of building works. Particularly, ever since the State abolished the subsidiary mechanism and gradually geared to socialist-oriented market one, the domestic construction entrepreneurs have plunged into fierce competition so as to seek market, the Infrastructure Development and Construction Company is also not beyond that orbit.

However, that is not the greatest hardship that the company has to face. It is so difficult to compete and control the market, to renew the way of thinking and working of its staff gets even multiplicatively complicated. It is now forced to run about to seek employment against the dependence on assigned plan as previously. Facing the seemed to-be unsurmountable difficulties, the congress of cadres and workers of the

company have been consistent to the programme on the reform of ideological system, viewpoint, technology.... Taking the programme as a lodestar, the entire company's staff unanimously make use up their internal strength to step by step overcome chanllenges and grow up with breathtaking breakthroughs, driving the company out of slackness period.

A calm comes after a storm

So far, the company has formulated a powerful team of specialists and technicians including 117 university graduates, 120 graduates from colleges and high schools, 500 skilful technicians, laying a foundation for steady advances: multiplying capital sources, high-efficient production - business, fully accomplishing policies for labourers and adequately fulfilling obligations to the State. For instance, the company's total production value attained only VND7.6 billion in 1995 but rose to approximately VND200 billion in late 2002. Furthermore, in 2001, the company spent VND60 billion on installing ceramic brick production line applying Italy's most advanced technology with the annual capacity of one million cubic metres.

Thanks to obtained achievements, also in 2001, the Infrastructure Development and Construction Company was awarded with the Third-class Labour Order by the State; the emulation flag in the outstanding emulation movement for three consecutive years (1999-2001) by the Government. In addition, the company have also received numerous congratulatory certificates and commendations from the Provincial People's Committee, the Ministry of Construction, trade unions at various levels and sectors.

Road to success

The achieved success resulted from the company's initiative in diversifying and

110 kV electricity station of Sam Son Town - Thanh Hoa Province

expanding market to other areas such as irrigation construction, earth-levelling, electrical and water installation, exploitation, processing, production and business of construction materials and commercial concrete building components, ceramic brick import and export trading, traffic building consultancy.... Simultaneously, the company has restructured organisational apparatus with 27 units including departments, production teams and affiliated enterprises and plants. Thus, the company's operation scale has stretched nationwide, in which the products by ceramic Brick Plant with the Thanhcera trademark have been extensively consumed from Lang Son province up to Ca Mau cape.

To intensify competitive capability and assert the prestige of the enterprise by works, the company has always paid attention to intensive investment, technological reform and advanced equipment purchase for the sake of production. According to the Director of Thanh Hoa Infrastructure Development and Construction Company Do Duc Ty, "Apart from essential equipment invested by the company, the production teams and enterprises also spend their reserve capital buying such equipment and machines as motor cars, roller, bulldozing machine, excavators and specific machines for construction". Thanks to timely investment in

The company's names through periods

- *In 1976, the Infrastructure Development and Construction Company was established, named Ground Levelling Company.*
- *In 1984, its name was changed into Urban Work Construction Company.*
- *In 1989, it was renamed Urban Technical Work Construction Company.*
- *In 2003, due to the coincidence in name and functions, the Chairman of Thanh Hoa Province People's Committee has promulgated the Decision No.910/QDTC dated March 21st 2003, accordingly, it is renamed the Infrastructure Development and Construction Company.*

advanced equipment, the company has bid and won a number of large-scale works like the buildings of Provincial Party Committee, Department of Planning and Investment, the Department of Industry....

However, the important decisive factor for results today is well-prepared human development strategy over years. Accordingly, the company has appointed its cadres and staff to attend short and long-term training courses to improve their professional knowledge. Moreover, the company also issues appealing preferential policies to lure cadres at university and high school qualification, skilful technicians to work in the company.

Orientations for the coming years

For the company's growth and development in the coming years, the Infrastructure Development and Construction Company is planning to enlarge the company into a robust corporation under the motto of product diversification, multi-occupations and multi-shareholders in enterprise. The company's main target for the time to come is to continually develop traditional fields of construction business and traffic works, enlarge industrial production, initially focussing on increasing the productivity of ceramic brick so as to reduce cost and enable it to compete in market, simultaneously accelerate housing business. These three fields altogether are attached special importance by the company as three crucial directions.

To fulfil well the above targets, the company is increasing investments so as to improve equipment capacity to be competent for bidding and win large-scale works not only within the province but also in neighbouring ones.

In industrial production, the company continues investing in the second production line with the expected capacity of three-fold more than the first one for ceramic Brick Plant, increasing product quality and reducing its price, investing in building Nghi Son Concrete Plant, standard stone production line in Nghi Son, building components and commercial Concrete Plant in Nghi Son, Tuynen Brick Plant in Sao Vang (Tho Xuan).

In production - business, the company's top duty is to enhance the product quality, build the construction works guaranteed in progress, maintain and promote the "Prestige" word in business, reduce product cost and improve the staff' standard of living, aimed to achieve revenue of VND450 - 500 billion by 2005.

To be able to successfully build the company into a robust model in the province, apart from promoting internal strength in quality management on construction and industrial products in an attempt to strengthen prestige, competitiveness and development, the Infrastructure Development and Construction Company also needs concern and assistance from levels, departments, Thanh Hoa Province Party and People's Committee. The company's expanded model from management to production and business therefore will create a unity, linked from the company's management to every worker. Only on that basis, does the company achieve success in the models formed by itself.

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA

ĐỊA CHỈ TIN CẬY CỦA PHỤ NỮ THANH HOÁ

Được sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo trực tiếp của ngành, sự chăm lo củ Hội Liên hiệp Phụ nữ, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành kết hợp với việc phát huy nội lực, trong nhữn năm qua, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá luôn hoàn thành xuất sắc mọi chức năng, nhiệm vụ được gia

Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá được thành lập theo Quyết định số 106/TC-UBTH ngày 20-02-1980 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Hiện nay, bệnh viện có 209 cán bộ biên chế và 14 cán bộ hợp đồng, với tổ chức bộ máy ngoài ban giám đốc có 5 phòng chức năng, 1 khoa khám bệnh, 9 khoa lâm sàng và 5 khoa cận lâm sàng với tổng số 200 giường bệnh.

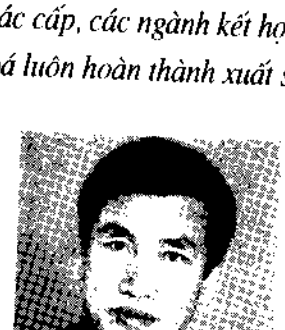

Ông Nguyễn Văn Giáp – Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá

Thành quả đáng khích lệ

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện chuyên khoa phụ sản tuyến tỉnh là: quản lý, chăm sóc thai nghén, đỡ đẻ khó, chăm sóc sức khoẻ trẻ sơ sinh, khám và điều trị các bệnh phụ khoa, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật kế hoạch hoá gia đình, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa luôn chú trọng nâng cao chất lượng công tác cấp cứu, khám chữa bệnh, phục vụ bệnh nhân. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ bệnh viện, sự điều hành quản lý của ban giám đốc, sự tham mưu phối hợp thực hiện nhiệm vụ của các phòng chức năng và các tổ chức đoàn thể trong bệnh viện, toàn thể cán bộ, y bác sĩ của Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá đã đoàn kết một lòng, khắc phục mọi khó khăn, thử thách, đặc biệt là các khó khăn do nguyên nhân khách quan như: quá tải giường bệnh, chỉ tiêu cán bộ và kinh phí ngân sách được giao thấp, các thiết bị y tế được trang bị chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và phát triển của bệnh viện. Bên cạnh đó, bệnh viện cũng không ngừng nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh, phát triển các kỹ thuật chuyên sâu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong tỉnh. Nhờ vậy, số bệnh nhân điều trị nội trú và công suất sử dụng giường bệnh năm sau luôn cao hơn năm trước. Nếu như năm 1998, số bệnh nhân điều trị nội trú là 11.467 người, bằng 157%, công suất s dụng giường bệnh bằng 125%, thì đế năm 2002 tăng lên 15.312 người bằn 209% kế hoạch, công suất sử dụng giườn bệnh bằng 157% kế hoạch.

Đặc biệt, bệnh viện đã giảm đượ ngày điều trị trung bình từ 9,1 ngày (năm 1998) xuống còn 7,5 ngày (năm 2002) Kết quả khám chữa bệnh không ngừng được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh năm sau thấp hơn năm trước Trong đó, tỷ lệ tử vong ở bà mẹ giảm từ 0,1% (năm 1998) xuống còn 0,027% (năm 2002); ở trẻ sơ sinh giảm từ 2,68% xuống còn 2,088%.

Đầu tư chiều sâu - con đường dẫn đến thành công

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, trong những năm qua, bệnh viện đã không ngừng tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc, từng bước hiện đại hoá bệnh viện. Vì thế, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa trở thành một trong những bệnh viện đi đầu trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật chuyên sâu trong khám và điều trị như: gây mê hồi sức trên các bệnh nhân nặng (tim sản, sản giật, thai ngén có các bệnh nội khoa hiểm nghèo), phẫu thuật nội soi, phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn trong bao, cắt tử cung đường âm đạo, bước đầu ứng dụng thành công kỹ thuật mới trong điều trị vô sinh hiếm muộn theo phương pháp mới (I.U.I), chăm sóc sơ sinh non yếu theo phương pháp bà mẹ Căngguru; sử dụng các thiết bị hiện đại như: máy định lượng nội tiết, máy đếm tế bào, Monitor theo dõi chuyển dạ, Monitor theo dõi chức năng sống của người bệnh, xét nghiệm lâm sàng lọc HIV,...

Cùng với đầu tư nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá luôn chú trọng đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên ngành phụ sản từ tuyến tỉnh đến

tuyến huyện cả về chuyên môn lẫn y đức nhằm thực hiện tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ được giao. Từ năm 1998 đến năm 2002, bệnh viện đã đào tạo được 2 bác sỹ chuyên khoa cấp II, 2 bác sỹ có trình độ cao học (trong đó có 1 bác sỹ tốt nghiệp tại Mỹ), 7 bác sỹ chuyên khoa cấp I, 1 cán bộ chủ chốt tốt nghiệp lớp cử nhân chính trị chuyên ngành xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, nâng tổng số thầy thuốc có trình độ chuyên môn cao (chuyên khoa I, chuyên khoa II, cao học) của bệnh viện lên 28 cán bộ, chiếm 60% tổng số cán bộ có trình độ đại học và bằng 14% tổng số cán bộ công chức toàn bệnh viện. Bên cạnh đó, bệnh viện còn là cơ sở hướng dẫn thực hành cho sinh viên Khoa Y Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá (mỗi năm trung bình có 1.000 sinh viên đến thực tập); mở các lớp bổ túc tay nghề cho đội ngũ cán bộ chuyên khoa sản, bảo vệ bà mẹ và trẻ em - kế hoạch hoá gia đình tuyến huyện, thị; mở các lớp tập huấn, đào tạo lại cho cán bộ ngành phụ khoa, kế hoạch hoá gia đình theo chương trình đào tạo của Uỷ ban Dân số - Gia đình - Trẻ em.

Những thành tích đáng ghi nhận của Bệnh viện Phụ sản

Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đến thăm Bệnh viện Phụ sản Thanh Hoá

Thanh Hoá trong những năm qua là minh chứng sống động nhất cho tinh thần nỗ lực vượt khó, một lòng vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân của toàn thể cán bộ nhân viên trong bệnh viện. Phát huy những thành tích đã đạt được, trong những năm tới, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa phấn đấu hơn nữa để xứng đáng là địa chỉ tin cậy của phụ nữ trên địa bàn tỉnh.

Bảng vàng danh dự

Bệnh viện đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì về thành tích khám chữa bệnh 5 năm 1993 - 1997. Trong 5 năm 1998 - 2002, bệnh viện đã nhận được nhiều bằng khen của các cấp, các ngành về thành tích hoạt động xuất sắc:

- **Năm 1998:**

+ ***Bộ Y tế tặng bằng khen về thành tích khám chữa bệnh.***

+ ***Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua về thành tích đạt được trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.***

- **Năm 1999:**

+ ***Bộ Y tế tặng bằng khen về thành tích khám chữa bệnh.***

- **Năm 2000:**

+ ***Bộ Y tế tặng cờ thi đua về thành tích khám chữa bệnh***

+ ***Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen về thành tích phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc (1996 - 2000).***

- **Năm 2001:**

+ ***Bộ Y tế tặng bằng khen về thành tích khám chữa bệnh và tặng cờ bệnh viện đạt danh hiệu bệnh viện tình thương.***

- **Năm 2002:**

+ ***Chính phủ tặng cờ thi đua về thành tích khám chữa bệnh.***

Trong 5 năm (1998 - 2002), 2 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, 2 thầy thuốc được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú. 1 khoa và 1 cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, Bộ Y tế, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh còn trao tặng 36 bằng khen cho tập thể một số khoa, phòng và cá nhân.

Liên tục trong các năm 1992 - 2002, Đảng bộ bệnh viện được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

THANH HOA OBSTETRIC HOSPITAL

A CREDIBLE ADDRESS OF THANH HOA WOMEN

Under the direction of the provincial Party Committee, People's Committee, direct leadership of the sector, attention of Women's Union and assistance of all levels and sectors, and with internal strength promotion, Thanh Hoa obstetric hospital always fulfil its functions and tasks.

Thanh Hoa obstetric hospital was established according to Decision No.106/TC-UBTH of the Chairman of Thanh Hoa Provincial People's Committee dated February 20th 1980. At present, the hospital employs 209 regular and 14 contract staff. Apart from the organisational structure of directorate, the hospital consists of one treatment, nine clinical and five para-clinical departments with the total 200 beds for patients.

Doctors are directing the patients to implement the method "mother of Canguru"

Laudable achievements

Implementing the provincial obstetric hospital's functions and tasks in managing, taking care of pregnancy, delivering women in childbirth, caring new-born babies, diagnosing and treating gynaecological diseases, conducting the technical services on family planning, Thanh Hoa obstetric hospital always pays attention to enhancing the quality of emergence, examination and treatment. Over the past years, the hospital has faced with many difficulties and challenges, mainly from the objective reasons such as overused beds for patients, low expenses for hospital's operation and limited number of personnel, medical equipment system failed in meeting requirement of implementing the tasks and developing the hospital. However, under the leadership of the hospital's party committee, the management of directorate and with the combination of functional departments and union organisations of the hospital in implementing its tasks, the whole-hearted workers of the hospital have united to overcome difficulties and challenges. Moreover, the hospital has unceasingly enhanced its staff' responsibility and attitudes in serving the patients, fostered high professional skills for health workers, improved the quality of examination and treatment and carried out the technical services in caring the health of mothers and new-born babies. As the result, the number of treated patients and bed-used capacity saw year-on-year increase. The number of treated patients increased from 11,467 in 1998 to 15,312 in 2002 (209% exceeded the plan), and the rate of bed-used capacity rose from 125% in 1998 to 157% in 2002. Especially, the hospital has reduced time of treatment, from 9.1 days (in 1998) to 7.5 days (in 2002) at average. The result of treatment recorded increasing improvement: the death rate of mothers and new-born babies has decreased each year, in which the death rate of mothers was from 0.1 % (in 1998) to 0.027 % (in 2002) and of new-born babies from 2.68 % to 2.068 %.

Investment in medical facilities - a key to success

To fulfil its functions and tasks, over the past years, Thanh Hoa obstetric hospital has unceasingly upgraded material facilities, invested in medical equipment and gradually modernised the hospital. Therefore, it has become one of the leading hospitals in applying the advance of science and technology, modern techniques in examination and treatment such as anaesthetisation and recover for serious patients (pregnant patients with heart attack or with therapeutic diseases), internal diagnostics and observer, uterus operation in foetus. Additionally, the hospital has initially applied successfully the new method (I.U.I) in childless treatment, cared for new-born babies by the method "the mother of Canguru", used modern facilities such as endocrine quantitative machine, cell counting machine, Monitor observer, HIV clinical testing machine, etc.

Parallel with the investment in material facilities, Thanh Hoa obstetric hospital attaches importance to the training of

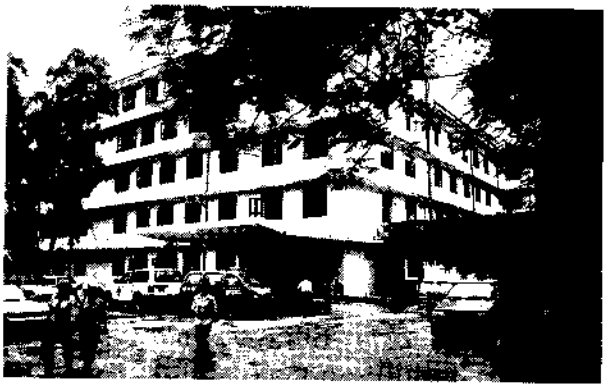

A part of Thanh Hoa Obstetric Hospital

obstetric staff from the province to the district line both in expertise and morality so as to fulfil its functions and tasks. During 1998-2002, the hospital trained two grade II specialised doctors, two postgraduate doctors (one of them was trained in the United State), seven grade I specialised doctors, one key employee graduated from the political training course specialised in building the Party and authority, increasing the number of the hospital's high qualified doctors (grade I, II and postgraduate doctors) to 28, accounting for 60% of its total number of graduated doctors and equal to 14% total regular staff. In addition, the hospital is also the unit supervising the probation students of Medicine Faculty of Hong Duc University of Thanh Hoa (each year there are about 1,000 students practising in the hospital). Besides, the hospital opens classes to give the professional refresher course to staff of obstetric, mothers and children protection, family planning Departments of the district and town lines. Concurrently, the training courses are opened to train and retrain the gynaecological and family planning staff according to the training course of the Population, Family and Children Commission.

The remarkable achievements of Thanh Hoa obstetric hospital over the past years have been the most vivid evidences for the efforts and solidarity of the whole hospital's staff to overcome difficulties and for the cause of caring and protecting the people's health. Fully developing the gained achievements, in the years to come, Thanh Hoa obstetric hospital will make further efforts to be commensurate with the credible address of the provincial women.

Roll of honours

Thanh Hoa obstetric hospital was rewarded the second rank Labour Order by the President of Viet Nam for the achievements in examination and treatment in five years 1993-1997. During five years 1998-2002, the hospital received a number of Congratulatory Certificates of all levels, sectors for their great achievements:

- **In 1998:**

+ ***The Ministry of Health rewarded the Certificate of Merits for the achievement in examination and treatment.***
+ ***The provincial people's Committee rewarded emulation flag for the achievements in the public movement of national security.***

- **In 1999:**

+ ***The Ministry of Health rewarded the Certificate of Merits for the achievement in examination and treatment***

- **In 2000:**

+ ***The Ministry of Health rewarded the emulation flag for achievements in examination and treatment***
+ ***The provincial people's Committee rewarded the emulation flag for achievement gained public movement of national security***

- **In 2001:**

+ ***The Ministry of Health rewarded the Certificate of Merit for achievements in examination and treatment, and the flag for the hospital to be honoured the name of "the hospital of mercy".***

- **In 2002:**

+ ***The Government rewarded the emulation flag for achievement in examination and treatment.***

During five years (1998-2002), two individuals of the hospital were rewarded the third class Labour Order; two doctors were rewarded the honourable name of "excellent doctor" by the State President. One department and one individual were rewarded the Certificate of Merit by the Prime Minister. In addition, the Ministry of Health, the Provincial People's Committee, Vietnam General Confederation of Labour, the Provincial Labour Confederation rewarded 36 Certificates of Merit for the collective of some departments and individuals of the hospital.

During 1992-2002, the hospital's Party Committee was certified as a strong and transparent Party.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN THANH HOÁ

CÁNH CHIM ĐẦU ĐÀN CỦA NGÀNH THUỶ SẢN THANH HOÁ

Với ban lãnh đạo năng động, đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, đầy lòng nhiệt huyết, với trang thiết bị hiện đại,... Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Thanh Hoá đã tạo ra bước bứt phá ngoạn mục trong những năm cuối thế kỷ XX, đạt mức tăng trưởng bình quân 170%/năm, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động trực tiếp và gián tiếp, đồng thời khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

Ngay từ buổi đầu thành lập (năm 1980), Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Thanh Hoá đã là một doanh nghiệp lớn của tỉnh và toàn miền Bắc, hoạt động trong lĩnh vực chế biến thuỷ hải sản. Trong những năm gần đây, trước ngưỡng cửa hội nhập nền kinh tế thế giới, công ty đã tiến hành đầu tư chiều sâu cả về con người, lẫn trang thiết bị.

Hiệu quả từ hướng đầu tư đúng

Mặc dù là một doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực chế biến thuỷ hải sản, song từ năm 1996 trở về trước, công ty hoạt động không mấy hiệu quả, thậm chí có những lúc tưởng chừng đã đứng bên bờ vực phá sản,... Trước tình trạng ấy, dưới sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Thuỷ sản và Sở Thuỷ sản Thanh Hoá, công ty đã tiến hành "cải tổ" bộ máy quản lý, quy tụ đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề và thu hút thêm lao động, đồng lòng vượt khó đi lên.

Sau khi kiện toàn bộ máy tổ chức, ban lãnh đạo công ty xác định rõ phương châm "Đứng trước ngưỡng cửa hội nhập nền kinh tế thế giới, cần phải đầu tư chiều sâu về cả con người lẫn trang thiết bị". Vì vậy, chỉ một thời gian ngắn, công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công nhân viên hùng hậu, công nghệ cũ lần lượt được thay thế bằng công nghệ hiện đại. Đặc biệt, năm 2002, công ty đã xây dựng nhà máy chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu mới với tổng số vốn đầu tư 42,5 tỷ đồng, công suất 2,5 - 3 nghìn tấn/năm, với công nghệ hiện đại nhập từ Nhật Bản, sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường EU và Bắc Mỹ. Bên cạnh đó, công ty còn liên doanh với Hàn Quốc sản xuất mặt hàng Surimi độc quyền từ Đà Nẵng trở ra. Với dây chuyền này (đặt tại phân xưởng Mật Sơn, công suất 2.000 tấn/năm), công ty sẽ thu mua tất cả các loại cá tạp từ các phương tiện khai thác trên biển với mức giá cao hơn giá thị trường.

Ông Võ Duy Sang – Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Thanh Hoá

Cùng với đầu tư công nghệ và thiết bị mới, ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo. Hàng năm, công ty đều cử cán bộ đi học tại các trường chuyên ngành về hải sản, kỹ thuật vận hành máy móc ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ quản lý, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Đồng thời, công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm từ khâu tiếp quản nguyên liệu đến khâu bao gói, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm,

mẫu mã đa dạng, tạo sức hút đối với khách hàng.

Với những bước cải tổ ấy, công ty thực sự có bước bứt phá mạnh trong những năm gần đây, năng lực sản xuất thuộc hàng đầu so với các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu trên địa bàn và khu vực phía Bắc. Trong những năm gần đây, mức tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 170%/năm. 2 năm liền hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao. Trong đó, nếu năm 1999 doanh thu đạt 2 triệu USD thì đến năm 2002, mặc dù vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh vừa hoàn thiện quá trình đầu tư nhà xưởng nhưng tổng doanh thu của công ty vẫn tăng gấp 3 lần, đạt 6 triệu USD, dự kiến năm 2003 đạt 10 - 12 triệu USD. Mức tăng trưởng sản lượng bình quân hàng năm là 2,5 lần, tạo việc làm và mức thu nhập ổn định cho gần 600 lao động và hàng nghìn ngư dân ven biển, giải quyết đầu ra cho sản phẩm từ đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. Đặc biệt, công ty đã khẳng định được chữ tín, chất lượng và vị trí trên thương trường. Nếu như những năm trước, công ty phải xuất khẩu thông qua uỷ thác; thì nay với uy tín, chất lượng, thời gian giao hàng và phong cách giao dịch, các mặt hàng như: tôm, mực, sò, cua, sứa.... của công ty đã xuất trực tiếp sang hầu hết các thị trường được coi là khó tính như: Nhật Bản, Pháp, Đài Loan, Hàn Quốc....

Tạo dựng nền tảng cho bước phát triển mới

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong những năm tới, ngoài mặt hàng truyền thống là chế biến thuỷ sản xuất khẩu, công ty sẽ đi vào khai thác một số mặt hàng có giá trị cao như sản xuất đồ hộp. Hiện nay, để chuẩn bị

Toàn cảnh phân xưởng tôm xuất khẩu

cho hướng đầu tư mới này, công ty đã cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm sản xuất ở Nhật Bản, Pháp, Mỹ (trong đó có 35 cán bộ được cử đi đào tạo ở Mỹ) và sản xuất thí điểm thành công một vài mặt hàng. Dự kiến năm 2004, hàng giá trị gia tăng sẽ chiếm 60% tổng giá trị sản xuất, đến năm 2005 tổng doanh thu sẽ đạt 40 triệu USD.

Để đạt được mục tiêu này, công ty vẫn xác định tiếp tục đầu tư chiều sâu cả về trang thiết bị lẫn con người, thực hiện chính sách khuyến khích người lao động làm việc hăng say và thu hút nhân tài. Coi trọng công tác xây dựng, bám sát các vùng nguyên liệu, đề ra những chính sách khuyến khích người nông dân cùng tham gia vào hoạt động sản xuất của công ty.

Với những thành tích đạt được trong những năm qua, Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Thanh Hoá được đánh giá là doanh nghiệp giữ vị trí tiên phong và là con chim đầu đàn của ngành xuất nhập khẩu thuỷ sản Thanh Hoá, xứng đáng là một trong những doanh nghiệp điển hình của tỉnh trong thế kỷ XXI.

Bảng vàng thành tích

- *1 Huân chương Lao động hạng Ba.*
- *Cờ thi đua của Chính phủ năm 2000 về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.*
- *Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh năm 1999 về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ .*
- *Bằng khen của Bộ Thuỷ sản năm 1996.*
- *Từ năm 1998 đến nay, Đảng bộ công ty liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.*

THANH HOA AQUATIC PRODUCT IMPORT- EXPORT COMPANY

THE LEADING ENTERPRISE IN THANH HOA AQUACULTURE

Being managed by an active Executive Board with high-qualified and enthusiastic staff and modern equipment, Thanh Hoa Aquatic Product Import-export Company has made excellent breakthroughs in the late 20th century, reaching the annual average growth rate of 170%, creating jobs for thousands of people directly and indirectly as well as affirming the company's position in domestic and international markets.

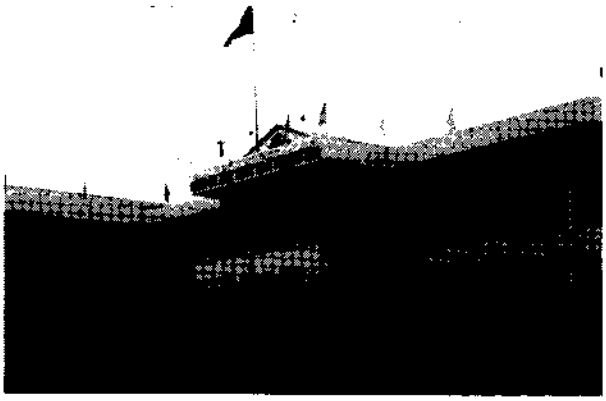

The company's Head office

Since 1980's establishment, Thanh Hoa Aquatic Product Import-export Company has been a big enterprise of the province and the North specialising in processing aquatic products. During the last few years, on the threshold of world economic integration, the company has invested intensively and comprehensively both in human resource and equipment.

Efficiency from proper investment

Despite being big aquatic product processing enterprise, before 1996, the company was ineffective operation and used to be nearly on the edge of bankruptcy. Under such circumstance, thanks to the supports and instructions from Provincial Party Committee, Provincial People's Committee, Ministry of Fishery and Thanh Hoa Department of Fishery, the company has renovated management mechanism, mobilising its engineers and skilful workers, recruiting more labourers to overcome difficulties.

After restructuring its organisation, the Executive Board defined the guideline: "On the threshold of world economic integration, it is necessary to invest inclusively into both human resource and equipment". Therefore, only in short time, the company has built up a strong human resource, the old technology has been replaced with an updated one. Especially, in 2002, the company has built a factory processing refrigerated aquatic products for export with the total invested capital of VND42.5billion, the capacity of 2.5-3 thousands tonnes per year, being processed by advanced Japanese technology, the products can meet EU and Northern American's standards. In addition, the company also join-ventured with Korea in monopoly Surimi production from Da Nang province to the north provinces. With the production chain (installed in Mat Son department with the capacity of 2.000 tonnes), the company purchases all kinds of fish from catching marine means at higher price than market price.

Along with the investment into new technology and equipment, the executive board has always attached special importance to training activities. Annually, the company's officials are sent to the colleges specialising in marine products, machine operation technique in Vietnam and overseas countries to improve their professional and management knowledge to meet the requirements of new period. At the

same time, the company also focuses on products' quality from receiving materials to packaging, assuring the products hygiene and safety standard of various styles to attract customers.

By taking these renovation steps, the company has made breakthroughs during the last few years with leading production capacity among Northern aquatic product processing enterprises. Recently, the average turnover growth rate has reached 170% per year, higher than expected level for 2 consecutive years. Of which, the turnover was only at USD2 million in 1999 and increased by three times to USD6 million in 2002 when the company not only carried out production-operation but also strived to complete housing investment. This number is expected to reach USD10-12 million in 2003. The annual average productivity growth is up for 2.5 times, creating jobs and stable income for nearly 600 people and thousand of fishermen and providing outlets for catching and feeding aquaculture products. Especially, the company has confirmed its reputation and position in the market. Previously, the company's products were exported via authorised dealers. Presently, thanks to the good reputation, high quality, exact delivery time and professional transaction manner, the company has exported many kinds of products (such as shrimp, cuttle, arca, crab and medusa) directly to the "hard-to-pleased" markets such as Japan, France, Korea and Taiwan.

Creating foundation to new development

In order to have further improvements to the efficiency of production-business in the coming years, in addition to processing the traditional products for export, the company will target to exploit high-value products such as canned food. For the time being, in preparation for this new investment, the company has sent its officials to learn the production experiences in Japan, France and United States (of which 35 officials sent to United States) and made some successful pilot production of some commodities. It is expected that the added value accounts for 60% of the total production amount by 2004 and the total revenue will reach USD40 million by 2005.

Workers in the company are examining export shrimp products.

To achieve this target, the company aims to invest inclusively in both human resource and equipment, encouraging its employees to work enthusiastically, attracting more skilful personnel. Special importance has been attached to setting up material sources, issuing policies on encouraging farmers to take part in the company's operation.

With the achievements during last years, Thanh Hoa Aquatic Product Export-import Company is considered the first and leading enterprise in Thanh Hoa aquatic product import- export and one of the province's typical enterprises in the 21st century.

Roll of honours

- ***One Third-class Labour Order***
- ***Emulation Flag of the Government 2000 on task well -implementation.***
- ***Emulation Flag of Provincial People's Committee in 1999 on task well -implementation.***
- ***Certificate of Merit of Ministry of Aquaculture in 1996***
- ***Since 1998, the Party Committee has continuously obtained "Transparent and powerful Party Committee" award.***

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN LỰC THANH HOÁ

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Thực hiện cương lĩnh Đại hội Đảng VIII và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo tinh thần của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, phát triển điện khí hoá nông thôn, vươn tới vùng sâu, vùng xa theo lời di huấn của Người: "... Bác chỉ mong sao, miền núi tiến kịp miền xuôi...", Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá (tiền thân là Công ty Xây lắp Điện lực Thanh Hoá) đã ra đời theo Quyết định số 1282-QĐ-TC/UBTH ngày 7-11-1996 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Được thành lập trên cơ sở sáp nhập Công ty Xây lắp Điện Thanh Hoá (thuộc Sở Xây dựng Thanh Hoá) vào Công ty Điện lực Thanh Hoá (trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá) với tên gọi Công ty Xây lắp Điện lực Thanh Hoá (trực thuộc Sở Công nghiệp Thanh Hoá), sau 5 năm hoạt động, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. So với năm 1996, giá trị sản xuất năm 2001 đạt 44 tỷ đồng, tăng 4,9 lần; doanh thu đạt 38 tỷ đồng, tăng 8,3 lần; thu nhập bình quân của người lao động là 900 nghìn đồng/tháng, tăng 4,5 lần. Tốc độ tăng trưởng bình quân 20 - 30%/năm. Nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất - kinh doanh, đồng thời thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Trung ương 3 (khoá IX), một lần nữa, công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá.

5 năm - một chặng đường phát triển

Với chặng đường phát triển không dài, nhưng công ty đã có bước phát triển vượt bậc, tạo thế và lực vững chắc để vươn lên trong cơ chế thị trường, xứng đáng với vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Có được thành công đó là nhờ đường lối đổi mới của Đảng, cơ chế quản lý của Nhà nước, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo

Kết quả sản xuất - kinh doanh giai đoạn 1996 - 2001

Các chỉ tiêu	ĐVT	1996	1997	1998	1999	2000	2001
1. Giá trị sản xuất	Tr. đồng	8.900	13.600	15.700	16.500	21.000	44.000
2. Giá trị doanh thu	"	4.600	12.500	14.800	15.000	18.000	38.000
3. Nộp ngân sách	"	330	459	319	404	487	415
4. Đầu tư sản xuất	"		41	27	141	360	2.513
5. Thu nhập bình quân đầu người/tháng	1.000 đồng	200	350	430	550	600	900

** Số liệu bao gồm cả Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng của các năm 1999, 2000, 2001*

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá

của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Công nghiệp, cùng các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện, thị, thành phố đã hỗ trợ, hợp tác và cộng tác tích cực, tạo đà cho công ty phát triển. Bên cạnh đó, sự chỉ đạo sáng suốt, năng động của bộ máy lãnh đạo, quản lý và tập thể cán bộ, công nhân viên trong công ty với trách nhiệm, kỷ luật cao, nhất trí, đồng lòng, quyết tâm vượt khó là nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp đến những thành quả đạt được của ngày hôm nay. Nhiều công trình, dự án mà công ty đã thắng thầu trong suốt thời gian qua là thành quả xứng đáng của những phấn đấu, nỗ lực không ngừng. Trong đó phải kể đến các công trình như: đưa điện về vùng sâu, vùng xa huyện Cần Giuộc (Long An), Công trình điện 35kV huyện Cam Lộc và Kỳ Anh (Hà Tĩnh), công trình điện huyện Nghĩa Đàn (Nghệ An). Ngoài ra, hàng năm, công ty còn thi công trung bình 60 - 70 công trình lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số công trình trọng điểm như: Công trình 35kV tại Bá Thước (Quan Sơn), Quan Sơn - Na Mèo; Công trình 35kV Quan Hoá - Mường Lát, các công trình vùng sâu, vùng xa tại các huyện miền núi Thanh Hoá. Bên cạnh đó, công ty còn tham gia thi công các công trình bên nước bạn Lào. Hầu hết các công trình này đều được các chủ đầu tư đánh giá cao cả về tiến độ, chất lượng và giá thành, góp phần đưa giá trị sản xuất của công ty đạt mức hàng trăm tỷ đồng mỗi năm, tạo công ăn, việc làm thường xuyên cho gần 300 lao động với mức thu nhập bình quân tăng 20 - 30%/năm, trong đó riêng năm 2001 đạt 900 nghìn đồng/người/tháng (tăng gấp 4,5 lần so với năm 1996).

Cổ phần hoá - tạo bước đột phá cho sự phát triển

Những thành quả đạt được trong thời gian qua đã tạo nền tảng vững chắc cho công ty tiến hành cổ phần hoá. Trong năm 2001 - khi mới thực hiện cổ phần hoá - công ty đã tiến hành ổn định lại bộ máy tổ chức, tiếp tục đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân viên, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, tìm ra bí quyết thắng thầu trong điều kiện cùng lúc có nhiều nhà thầu tham gia. Trong đó, công ty đặc biệt chú ý đến việc phân tích rõ những lợi thế và

Bảng vàng thành tích

- *04 Huân chương Lao động hạn Ba cho tập thể và cá nhân*
- *12 năm liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.*
- *05 năm liền được tặng thưởng cờ công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc; 8 huy chương tặng cho các cá nhân vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn*
- *01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng tập thể cán bộ công nhân viên công ty về phong trào vì An ninh Tổ quốc; 2 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho cá nhân; Chính phủ (năm 2002) và Uỷ ban nhân dân tỉnh (năm 2001) tặng cờ thi đua.*
- *01 huy chương vàng của Bộ Xây dựng tặng về chất lượng công trình*
- *07 huy chương tặng cho cá nhân vì sự nghiệp công nghiệp; 01 huy chương vì sự nghiệp lao động - xã hội.*
- *123 lượt người đạt danh hiệu chiến sĩ thu đua và 375 lượt người đạt lao động giỏi.*
- *Ngoài ra, tập thể, cá nhân của công ty còn nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành và đoàn thể trong tỉnh.*

quyền lợi của người lao động khi trở thành công ty cổ phần.

Với bước đi và cách làm đúng đắn, các chỉ tiêu kinh doanh năm 2002 tăng trưởng nhanh. Trong đó, giá trị sản lượng đạt 60.330 triệu đồng, tăng 139%; doanh thu đạt 56.707 triệu đồng, tăng 157%; thu nhập bình quân đạt 950 nghìn đồng/người/tháng, tăng 105%; đầu tư phát triển sản xuất đạt 1.954 triệu đồng, tăng 105% so với năm 2001. Trong đó, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng là đơn vị có cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá đã vươn lên khẳng định mình khi thực hiện cổ phần hoá. Điển hình là năm 2002, giá trị sản lượng của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng đạt 10 tỷ đồng, tăng 143%; doanh thu đạt 9 tỷ đồng, tăng 150%; thu nhập bình quân đạt 1,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 12,9% so với năm 2001. Những thành quả đó đã đưa Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá trở thành đơn vị dẫn đầu tỉnh trong lĩnh vực xây lắp, đồng thời là một trong mười đơn vị điển hình của tỉnh.

Phát huy những truyền thống đạt được, ông Nguyễn Đức Đủ - Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hoá - cho biết: "Dù bất cứ khó khăn nào cũng quyết tâm phấn đấu đưa công ty từng bước phát triển ở tầm cao hơn. Trước mắt, năm 2003, công ty phấn đấu giá trị sản lượng 101,5 tỷ đồng, doanh thu 85 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực là 1,1 triệu đồng/tháng, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng là 1,25 triệu đồng/tháng; Công ty Tư vấn Xây dựng là 1,2 triệu đồng/tháng. Các năm 2004 và năm 2005, phấn đấu đạt mức tăng trưởng 10 - 15% so với năm 2003, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

THANH HOA JOINT-STOCK ELECTRIC ASSEMBLING COMPANY

PROMOTING TRADITION, HEADING TO THE FUTURE

Implementing the policy outline of the Eight Party Congress and industrialisation and modernisation process under the spirit of 9th National Party Congress, to expand rural electrification to mountainous and remote areas following Uncle Ho's last recommendation: " I only hope that, mountainous areas can keep pace with plain areas...", Thanh Hoa Join-stock Electric Power Assembling Company (previously Thanh Hoa Electricity Assembling Company) was established pursuant to Decision No.1282-QD-TC-UBTH dated November 7th 1996 of Thanh Hoa People's Committee.

Based on the integration of Thanh Hoa Join-stock Electricity Assembling Company (under Thanh Hoa Department of Construction) and Thanh Hoa Electric Assembling Company (under Thanh Hoa People's Committee) into Thanh Hoa Electric Assembling Company (under Thanh Hoa Department of Industry), during five years of operation, the company has achieved many encouraging results. Compared to 1996, the production value in 2001 reached VND44 million, an increase of 4.9 times, with the revenue of VND 38 million, rose 8.3 times, an average income of VND 900 thousand per month, increased 4.5 times. The annual average growth rate reaches 20-30%. To develop production-business efficiency as well as implement renovation guideline on rearrangement of

The production-business results in the period 1996-2000

Indices	Unit	1996	1997	1998	1999	2000	2001
1. Production value	Million	8,900	13,600	15,700	16,500	21,000	44,000
2. Revenue value	Million	4,600	12,500	14,800	15,000	18,000	38,000
3. Budget contribution	Million	330	459	319	404	487	415
4. Production investment	Million		41	27	141	360	2,513
5. Per capita average income per month	VND1,000	200	350	430	550	600	900

**Including indices of Thanh Hoa Join-stock Cement and Construction Company in 1999, 2000,2001*

Source: Thanh Hoa Join-stock Electric Company

State-owned enterprises pursuant to Central Resolution No.3 (Session IX), the company was renamed Thanh Hoa Join-stock Electric Power Assembling Company.

Five years - a development pace

The company, after a short period of development, has made great progress, creating solid image in market mechanism, deserved the leading roles in multi-sector economy. This success is attainable thanks to the Party's renovation policy, the State management mechanism and active consideration and support from Provincial Party Committee, People's Committee and Ministry of Industry and other sectors, branches and organisations at all levels. Besides, the important, decisive factor for the company's performance today is the clever conduct of its management along with its staff' high responsibility, unanimity and determination in overcoming difficulties. Thanks to the endless efforts, the company have won contracts for many works and projects. Of which, electric work in mountainous and remote areas in Can Giuoc (Long An) and 35kV work in Cam Loc and Ky Anh (Ha Tinh), electric work in Nghia Dan (Nghe An). Additionally, the company has also executed 60-70 installation works yearly including some key works: 35kV power works in Ba Thuoc (Quan Son), Quan Son-Na Meo and Quan Hoa-Muong Lat, the works in mountainous and remote areas in Thanh Hoa's mountainous districts. Besides, the company also contributed to electric works in Laos. Most of the works earn appreciation in respect of quality, rate and price, contributing to lifted the country's annual production value to hundred of billion of VND, creating jobs for nearly 300 people with average income increase of 20-30 % per year, in which, annual per capita average income in 2001 was 900.000 (up 4.5 times over 1996).

Equitisation - breakthrough in development

The company's recent achieved outcomes have obtained during past years has created firm foundation for it to carry out equitisation. At the early of the equitisation in 2001, the company stabilised its organisation mechanism, continued to train and improved qualified employees' skills, invested into new technology and equipments and found out the know-how to win the bid over many other contractors. The company also paid special

attention to analyse workers' advantages and rights when it became a join-stock company.

With adequate orientation, business targets in 2002 rapidly increased with productivity of VND60,330 million, an increase of 139%, the revenue of VND56,707million, an increase of 157%, the average income of VND950,000 per capita per month, increased 105% and the production expansion investment of VND1,954 milion, rose 105% compared to 2001. The Join-stock Concrete and Construction Company which has decisive share in the Join-stock Electric Power Assembling Company has tried to stand on its own two feet when it was equitised. For example, in 2002, its productivity reached VND10 trillion, an increase of 143%; the turnover reached VND9 million, an increase of 150%, the average income reached VND1,1 million per capita per month, increased 12,9 % over 2001. With those achievements, the Join-stock Electric Power Assembling Company has become provincial leading assembling enterprise as well as one of ten typical units in the province.

Promoting the achievements, Director of the Join-stock Electric Assembling Company Nguyen Duc Du said: "Facing any difficulty, the company has determined to gradually develop to a new height. Firstly, in 2003, it is expected to obtain the productivity of VND101.5 billion monthly, turnover of VND85 billion, per capita average income of VND1.1 million per month, VND1.25 million, VND1.2 million in the Join-stock Electric Power Assembling Company, The Join-stock Concrete and Construction Company and the Construction Consultant Company respectively. In 2004, and 2005, the growth rate is expected to reach 10-15% in comparison to 2003, contributing to implement the Ninth Party Congress Resolution, for the aim of "wealthy people, prosperous country, and fair democratic and civilized society"

Roll of honours

- *Four Third-class labour Order for the collective and individuals*
- *Entitled " Pure and strong Party Committee" for 12 consecutive years*
- *Honoured "Strong and excellent Trade Union Flag", 8 Gold Orders for individuals who contributed to Trade Union development process for 5 consecutive years.*
- *One Certificate of Merit given by the Prime Minister for the staff in the National Security movement, two Certificate of Merits given by the Prime Minister for individuals, Emulation Flags given by the Government in 2002 and by Provincial People's Committee in 2001*
- *One Gold Order given by the Ministry of Construction for works' quality*
- *Seven Orders for individuals who contributed to industry development process, one Order for Labour-Society cause*
- *123 turns of people obtained " Emulation Worker" and 375 turns of people obtained "Excellent Worker"*
- *Besides, the company has been honoured many Certificate of Merits by provincial People's Committee and other sectors, branches and organisations in the province.*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BỈM SƠN

THÀNH CÔNG TỪ MỘT HƯỚNG ĐI ĐÚNG

Cổ phần hoá là con đường đúng đắn mà Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn đã lựa chọn. Toàn thể cán bộ, công nhân viên trong công ty đã thực hiện phương châm: năng động sáng tạo, phát huy nội lực, vượt khó đi lên bằng những chủ trương, biện pháp cụ thể, linh hoạt, sáng tạo. Nhờ vậy, công ty đã có những bước phát triển mạnh trong những năm gần đây.

Cách đây hơn 15 năm, đứa con đầu lòng của ngành công nghiệp quốc doanh thị xã Bỉm Sơn - Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn ra đời theo Quyết định số 991 QĐ/UBTH của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Trải qua hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, từ một phân xưởng sản xuất gạch đỏ nghèo nàn, công nghệ sản xuất lạc hậu, đời sống của người lao động khó khăn, thiếu thốn trăm bề; dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thị uỷ, Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành tỉnh và thị xã Bỉm Sơn, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn đã đoàn kết một lòng vượt khó đi lên, duy trì và từng bước phát triển sản xuất, ổn định đời sống công nhân. Đặc biệt, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, công ty đã tiến hành cổ phần hoá vào tháng 12-1999.

Cổ phần hoá đem lại hiệu quả kinh tế cao

Kể từ khi cổ phần hoá đến nay, trên cơ sở nhận thức đúng, vận dụng linh hoạt nội dung của Luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty cổ phần, Đảng uỷ, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã thường xuyên rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các mặt công tác quản lý trên phạm vi toàn công ty cũng như với các đơn vị, các phân xưởng sản xuất. Do đó, hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty ngày càng chủ động, linh hoạt và hiệu quả.

Ngay từ thời gian đầu cổ phần hoá, công ty đã tiến hành hoàn thiện bộ máy tổ chức và bố trí lại lao động, tạo nên sự đồng bộ trong lãnh đạo và chỉ đạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ đảng viên và người lao động. Mối quan hệ giữa người trực tiếp sản xuất với người phục vụ sản xuất, giữa công ty với các phân xưởng, giữa người chỉ huy điều hành với người lao động được phân định rõ ràng. Vì

Kết quả sản xuất - kinh doanh giai đoạn (1999 - 2003)

Chỉ tiêu	Đơn vị	1999	2000	2001	2002	2003 (DK)
Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	8,463	11,211	26,356	35,855	39,0
Doanh thu sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	8,681	10,891	20,579	28,860	31,5
Nộp ngân sách	Triệu đồng	316	402,4	484,8	642,8	750
Tổng số lao động	Người	300	250	270	315	315
Tiền lương bình quân	1.000 đồng/người/tháng	370	457	850	875	

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bỉm Sơn

Khu nhà kính để gạch mộc

thế, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên được nâng cao, người lao động ý thức được quyền làm chủ, toàn tâm toàn ý vì sự phát triển của công ty.

Bên cạnh đó, cổ phần hoá đã khiến ban lãnh đạo công ty mạnh dạn hơn, năng động hơn trong các quyết định đầu tư công nghệ sản xuất và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Để hoàn thiện đồng bộ công nghệ sản xuất tiên tiến đối với 2 sản phẩm chính của công ty là gạch tuynenl và xi măng, công ty đã tiến hành đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ đáp ứng cả về số lượng và chất lượng các loại sản phẩm theo nhu cầu của thị trường. Đầu năm 2001, hai hạng mục công trình lớn được đưa vào sản xuất là lò nung sấy gạch tuynenl công suất 15 triệu viên/năm và hệ thống dây chuyền nghiền xi măng 6T/h số 2 cùng với hệ thống cân bằng điện tử tự động phối trộn nguyên liệu đầu vào. Cho đến nay, 2 hạng mục công trình đang phát huy hiệu quả, 2 sản phẩm chính gạch xây tuynenl và xi măng PCB30: vật liệu xây dựng Bỉm Sơn được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001, được khách hàng tín nhiệm, tiêu thụ tốt, tạo nên những chuyển biến căn bản trong hoạt động sản xuất - kinh doanh cũng như đời sống của người lao động, khích lệ công ty tiếp tục vững bước trên con đường đã lựa chọn.

Bảng vàng thành tích

Trải qua hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý: 1 Huân chương Lao động Hạng Ba, 1 cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ. Đồng chí Giám đốc Nguyễn Tất Quán được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 3 năm liền (1998 - 2000).

Ngoài ra, công ty còn được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong sản xuất - kinh doanh, bảo vệ an ninh và thực hiện cổ phần hoá các năm 1991, 1993, 1994, 1995, 1998, 1999, và năm 2000. Ngoài ra, công ty còn nhận được nhiều bằng khen của các bộ, ngành Trung ương và địa phương.

Hiện nay, hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm của công ty không chỉ có mặt tại các huyện, thị trên địa bàn tỉnh mà còn mở rộng ra các tỉnh, thành khác như: Ninh Bình, Nam Hà (cũ, nay là Nam Định và Hà Nam), Hà Nội, Quảng Bình, thậm chí sang cả nước bạn Lào. Tốc độ tăng trưởng ngày càng cao: nếu như năm 1999 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 8,4 tỷ đồng thì đến năm 2002 đã tăng gấp 4,24 lần, đạt 35,8 tỷ đồng. Mức tăng trưởng cao kèm theo đó là thu nhập của 315 lao động cũng ngày càng được cải thiện và ổn định với mức thu nhập bình quân gần 900 nghìn

Định hướng phát triển đến năm 2005

Năm	Giá trị tổng sản lượng (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Các sản phẩm chủ yếu	
			Gạch các loại (triệu viên)	Xi măng (tấn)
2003	39	31,5	20	50
2004	50	43	21	70
2005	60	55	22	95

Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bỉm Sơn

đồng/người/tháng (tăng 236% so với năm 1999).

Kế hoạch trên bước đường tương lai

Đại hội Đảng bộ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn khoá VIII nhiệm kỳ 2003 - 2005 đã xác định mục tiêu: giữ vững sản xuất - kinh doanh trên cơ sở công nghệ hiện có của 2 phân xưởng sản xuất gạch xây và xi măng; tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, nâng cao sản lượng tiêu thụ, nhất là xi măng. Đồng thời, thực hiện đầu tư nâng cấp phân xưởng sản xuất xi măng vào 6 tháng cuối năm 2003, đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định và phát triển vững chắc, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, công ty còn nghiên cứu sản phẩm và dịch vụ sau sản xuất nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty và giải quyết thêm việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động.

Trải qua hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thị uỷ, Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn, sự giúp đỡ của các ban, ngành cấp tỉnh và thị xã và những nỗ lực phấn đấu không biết mệt mỏi của cán bộ, công nhân viên trong công ty, thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Đảng và Nhà nước, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bỉm Sơn đã đi từ không đến có, từ ít đến nhiều. Từ xuất phát điểm sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, đến nay, công nghệ sản xuất của công ty thuộc hàng tiên tiến, trở thành một doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng vững mạnh của thị xã Bỉm Sơn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước.

BIM SON BUILDING MATERIAL JOINT-STOCK COMPANY

SUCCESS RESULTED FROM THE RIGHT DIRECTION

Equitization is the right way that Bim Son Building Material Joint-stock Company had chosen. The whole cadres and workers in the company have realised the motto: be initiative and active, exploiting internal force and overcoming difficulties to develop concretising by the active, flexible and specific measures and guidelines. Therefore, the company has made the rapid development in the recent years.

15 years ago, the first enterprise of the state owned industry in Bim Son Town - Bim Son building Material Enterprise - was established under the Decision No 991 QD/ UBTH of Thanh Hoa Provincial People's Committee. Passing through 15 years of establishment and development, the start point of the company was just the old and outdated producing workshops, the labourers' difficulty-stricken life and the lack of facilities. Under the direct leadership of the Provincial Party Committee, Bim Son Town People's Committee and supports of the branches and bodies at provincial and town levels, the company's entire staff has whole-heartedly united to overcome difficulties, maintain and gradually develop its production and stabilise workers' life. Especially, in the implementation of the Party's and State's guidance, the company was equilized in December 1999.

Equitization bringing the highly economic effectiveness

Since its equitization, the company's Party Committee, Management Board and Board of Directors have regularly checked, adjusted and completed the management at all aspects of the company, its units and producing workshops basing on the right perception and active application of the Enterprise Law and regulations on joint - stock company. As a result, that has made the production - business of the

The cement product PCB 30, with trademark Ham Rong is the favourite product of the consumers in Vietnam.

company more and more active, flexible and effective.

Right from the beginning of the equitization, the company carried out the accomplishment of its organisation apparatus and rearranged its work force in order to create the well co-ordinated in the leadership and guidance and raise the responsibility of the cadres and labourers. The relationship between the direct producing workers and the people involving in the production, the company and the workshops, the managers and the labourers is clearly defined. Hence, responsibility of the labourers has been raised and they are aware of their ownership right and make all the efforts for the development of the company.

In addition, the equitization has made the Management Board bolder and more active in making decision on investment in the updated manufacturing lines and in searching for new markets. For a synchronous completion of the advanced manufacturing lines with respect to the two main products: tynel brick and cement, the company has undertaken the intensive investment and the technological renovation to meet the demand for the quantity and quality of the products in the markets. In the early 2000, the two big items of work were put into operation including a tuynenl brick furnace with capacity of 15 million bricks per year and a cement grinding line No 2 with capacity of 6 tonnes per hour combined with an electronic weighing machine automatically mixing the input materials. So far, these two items of work have brought their effectiveness into play. The two main products: tuynel brick and the PCB30: VLXD Bim Son cement were certified satisfying ISO 9001 standard, which earn the customers' goodwill and of full sale, creating the radical changes in its production - business and the labourers' living standard, encouraging the company to confidently keep on way they had chosen.

At present, the distribution system of the company is not only found in the districts of the province but also in the other provinces such as Ninh Binh, Nam Ha (presently Nam Dinh and Ha Nam), Ha Noi and Quang Tri... and even in Laos, the neighbouring country. The growth rate of the company is ever increasing: the industrial production value increased by 4.24 times to 35.8 billion VND in 2002 from 8.4 billion VND in 1999. Additionally, the income of 315 labourers has ever been improved and stabilised, the monthly per

Results of production - business in the period of 1999-2003

Indices	Unit	1999	2000	2001	2002	2003 (Estimated)
Industrial production value	Billion VND	8.463	11.211	26.356	35.855	39.0
Industrial production revenue	Billion VND	8.681	10.891	20.579	28.860	31.5
Budget contribution	Million VND	316	402.4	484.8	642.8	750
Total labourers	People	300	250	270	315	315
Average salary	1.000VND/person/month	370	457	850	875	

Source: Bim Son Building Material Joint-Stock Company

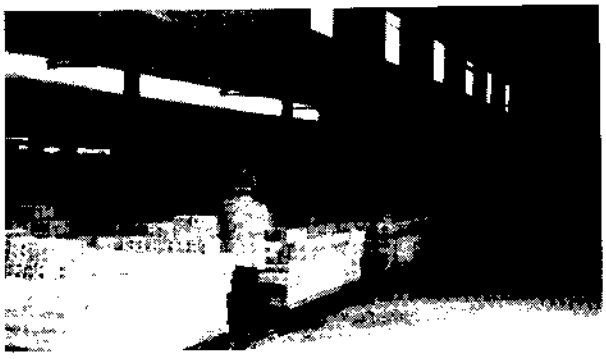

Bringing the unburned bricks into the tuynel furnace

Plan for the coming time

The aims of maintaining production - business basing on the available facilities of the two building brick and cement workshops, promoting the marketing activities, expanding market and improving product quality (especially cement) are defined by Bim Son Building Material Joint-Stock Company in their Party Committee Congress, Legislature VIII tenure 2003-2005. At the same time, the upgrade of the cement manufacturing workshop by late 2003 will guarantee the stability and steady development of the production - business, and better meet the demand of the customers. Moreover, the company has carried out the research on production and post-production services with an aim to increase the revenue for the company, create more employment for the people and improve the labourers' standard of living.

Over 15 years of establishment and development, under the leadership and guidance of Bim Son Town Party Committee and People's Committee, and thanks to the supports of the branches and bodies at provincial and town levels and the endless efforts of the entire company staff, Bim Son Building Material Joint-Stock Company has continuously prospered since its equitization according to the Government's and Party's policies. In stead of using the outdated technology as previously, the production of company has equipped with advanced-technology that makes it to be the leading company producing the building materials in Bim Son Town. The development of the company has made the great contribution to the cause of industrialisation and modernisation of the province and the country.

Roll of honour of the achievements

After 15 years of establishment and development, Bim Son Building Material Company has been offered the noble awards including a Labour Order - third class and a Emulation Flag by the Prime Minister. The Director Nguyen Tat Quan was offered the Congratulatory Certificate by the Prime Minister in three consecutive years (1998-2000).

In addition, the company was offered the congratulatory certificates by the Provincial People's Committee for their outstanding achievements in production - business, security protection and implementation of equitization in the years 1991, 1993, 1994, 1995, 1998, 1999 and 2000, and other congratulatory certificates by the Central and provincial branches, bodies.

Development orientation by 2005

Year	Total value of products (billion VND)	Revenue (billion VND)	Main products	
			Brick of all types (million brick)	Cement (tonnes)
2003	39	31.5	20	50
2004	50	43	21	70
2005	60	55	22	95

Source: Bim Son Building Material Joint-Stock Company

PHỤ LỤC

APPENDIX

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

1. Những lĩnh vực kêu gọi đầu tư:

- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp
- Chế biến nông, lâm, hải sản
- Sản xuất hàng dệt, may
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế biến xuất nhập khẩu
- Khai thác chế biến khoáng sản
- Công nghiệp nặng
- Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật
- Ứng dụng công nghệ về sinh học
- Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất máy tính, phần mềm
- Đầu tư khai thác phát triển du lịch, thương mại

2. Những chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư: ***(có kèm theo những quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh ở phần sau)***

Nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, tỉnh Thanh Hoá có các chính sách ưu đãi với các nhà đầu tư như sau:

- Các nhà đầu tư đầu tư vào Thanh Hoá được hưởng ưu đãi đầu tư ở mức thấp nhất về nghĩa vụ, cao nhất về quyền lợi theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Thanh Hoá còn có chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư:

+ Được thuê đất với mức thấp nhất theo khung giá của Nhà nước quy định.

+ Được tỉnh cam kết đảm bảo tiến độ trong việc tổ chức thực hiện đền bù và giải phóng mặt bằng để nhà đầu tư thực hiện dự án.

+ Được hỗ trợ trong tuyển dụng vào đào tạo lao động.

+ Được tỉnh cam kết đảm bảo quy hoạch đủ diện tích đất phù hợp để phát triển vùng nguyên liệu.

+ Được xem xét hỗ trợ về thuế VAT và thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp hàng năm (phần ngân sách tỉnh được hưởng).

+ Được quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ việc triển khai thực hiện các dự án.

+ Về giải quyết thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá là cơ quan thực hiện chức năng một đầu mối từ khâu hướng dẫn khảo sát ban đầu đến khi hình thành dự án, thẩm định và cấp giấy phép đầu tư (các dự án đầu tư vào khu công nghiệp do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá là đầu mối giải quyết). Đối với tất cả các loại dự án, thời gian xem xét thẩm định cấp giấy phép đầu tư giảm ít nhất một nửa so với thời gian quy định.

- Để cụ thể hoá các chính sách chung này, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã ban hành các chính sách khuyến khích ưu đãi vào Khu công nghiệp Lễ Môn, Khu công nghiệp Nghi Sơn, chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, chính sách khuyến khích xuất khẩu và các chính sách phát triển các loại cây con... (có giới thiệu riêng).

QUYẾT ĐỊNH SỐ 2462/2000/QĐ-UB NGÀY 9-10-2000 CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ VỀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP LỄ MÔN

(trích lược)

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

- Quyết định này ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào khu công nghiệp Lễ Môn - Thanh Hoá (có danh mục và tiêu chuẩn các dự án được thu hút đầu tư kèm theo).

- Các hoạt động đầu tư vào Khu công nghiệp Thanh Hoá dưới bất kỳ loại hình, hình thức kinh doanh nào trong khuôn khổ pháp luật cho phép đều được chấp nhận và khuyến khích hưởng ưu đãi đầu tư mức thấp nhất về nghĩa vụ, cao nhất về quyền lợi trong các quy định hiện hành của Nhà nước, ngoài ra còn được hưởng ưu đãi đầu tư của tỉnh nêu trong quyết định này.

1. Đối với doanh nghiệp phát triển hạ tầng khu công nghiệp:

- Được miễn 10 năm tiền thuê đất (theo giá nguyên thổ) kể từ khi ký hợp đồng thuê đất.

- Ngân sách tỉnh cấp toàn bộ kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

2. Đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư nằm trong danh mục thu hút đầu tư, được lựa chọn đầu tư vào Khu công nghiệp Lễ Môn:

a- Được hưởng ưu đãi về thuê đất:

Các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Lễ Môn được hưởng giá thuê lại đất có kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh ở mức thấp nhất so với tất cả các khu công nghiệp trong cả nước. Phần chênh lệch giữa giá cho thuê đất của công ty kinh doanh hạ tầng do Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt với giá thuê đất thấp nhất (được Uỷ ban nhân dân tỉnh thông báo hàng năm) do ngân sách tỉnh thanh toán cho công ty kinh doanh hạ tầng thay cho doanh nghiệp thuê đất.

b- Ưu đãi về tài chính:

Các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp Lễ Môn, 5 năm đầu, được ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ vốn đầu tư bằng 10% thuế VAT doanh nghiệp thực nộp hàng năm (phần ngân sách tỉnh được hưởng).

c- Ưu đãi về sử dụng lao động:

- Các dự án sản xuất trong khu công nghiệp được miễn lệ phí tuyển dụng lao động.

- Các dự án có sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên, theo thể loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, được ngân sách tỉnh hỗ trợ thu hút lao động một lần 1.000.000đ/1 lao động.

- Các dự án đầu tư trong giai đoạn 2000 - 2005, có đào tạo công nhân kỹ thuật cao (thời gian đào tạo liên tục từ 2 năm trở lên) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đào tạo cho mỗi lao động.

d- Về thủ tục hành chính:

Ban quản lý các khu công nghiệp Thanh Hoá thực hiện quản lý Khu công nghiệp Lễ Môn theo cơ chế một cửa có trách nhiệm:

- Hướng dẫn thủ tục lập dự án vào khu công nghiệp;

- Cấp chứng chỉ quy hoạch cho dự án đầu tư vào khu công nghiệp;

- Tiếp nhận hồ sơ dự án và cấp giấy phép đầu tư nước ngoài theo uỷ quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư trong nước không sử dụng vốn ngân sách.

- Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các dự án đầu tư vào khu công nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước (thời gian thẩm định cấp giấy phép đầu tư cho các dự án nêu trên là 15 ngày).

- Thẩm định quy hoạch mặt bằng dự án đầu tư tại khu công nghiệp Lễ Môn trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các ngành chức năng thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công (phần xây lắp) của các dự án đầu tư; cấp giấy phép xây dựng trong khu công nghiệp; cấp giấy phép và quản lý lao động trong khu công nghiệp.

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Lễ Môn được làm thủ tục hải quan tại khu công nghiệp.

- Thực hiện quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại của các doanh nghiệp tại khu công nghiệp Lễ Môn theo uỷ quyền của Bộ Thương mại.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ NGÀNH NGHỀ THUỘC CÁC LĨNH VỰC ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CỦA TỈNH THANH HOÁ TẠI KHU CÔNG NGHIỆP LỄ MÔN

(Kèm theo Quyết định số 2462/2000 QĐ-UB ngày 9-10-2000 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

1. Các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng, kinh doanh, chuyển giao (BOT) thuộc danh mục được Nhà nước khuyến khích.

2. Các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ cao, chế tạo và gia công từ nguồn nguyên vật liệu trong tỉnh.

- Sử dụng công nghệ sinh học, ứng dụng quy trình công nghệ mới trong sản xuất thuốc chữa bệnh cho người, vật nuôi, cây trồng, thức ăn cho người và vật nuôi; kích tố trong sinh sản, phân bón sinh học đạt tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật tiên tiến.

- Sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, bán dẫn, thiết bị viễn thông; công nghiệp sản xuất phần mềm.

- Sản xuất gạch lát trang trí cao cấp, thiết bị vệ

sinh cao cấp, vật liệu xây dựng cao cấp.

3. Chế biến nông, lâm, thủy sản.

4. Sản xuất hàng dệt, may, hàng da, nhựa cao cấp, dụng cụ học tập, đồ chơi.

5. Các ngành nghề truyền thống: trạm trổ, khảm, sơn mài, mây tre đan mỹ nghệ, thảm lụa tơ tằm, thêu ren thủ công, đúc và gò đồng.

6. Một số dự án đặc biệt khác được Uỷ ban nhân dân tỉnh xét duyệt khi thấy cần thiết thu hút đầu tư vào khu công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 975/2002/QĐ-UB NGÀY 03/4/2002 CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ VỀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP NGHI SƠN TỈNH THANH HOÁ

(trọc trích)

- Khu công nghiệp Nghi Sơn thuộc khu chức năng đất công nghiệp, kho tàng theo quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Nghi Sơn đến năm 2020, có diện tích và chỉ giới cắm mốc được quy định tại Quyết định số 3050/QĐ-UB ngày 13-11-2001 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước có dự án trong danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào Khu Công nghiệp Nghi Sơn (ban hành theo Quyết định này) đầu tư trong giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2006 phù hợp với qui hoạch chi tiết Khu công nghiệp Nghi Sơn được hưởng mức ưu đãi cao nhất về quyền lợi và thấp nhất về nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, ngoài ra còn được hưởng các ưu đãi sau đây:

1. Ưu đãi về thuế đất và miễn giảm tiền thuê đất:

- Được hưởng mức giá thuê đất thấp nhất theo khung giá quy định của Nhà nước.

- Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản và miễn tiếp 10 năm kể từ khi hết thời hạn miễn giảm theo quy định của Nhà nước.

2. Về giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

- Uỷ ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, đảm bảo giao mặt bằng đúng thời gian, tiến độ cho các nhà đầu tư. Nhà đầu tư thuê đất vào khu công nghiệp được nhận mặt bằng đã giải phóng và phải trả kinh phí bồi thường về đất và tài sản theo quy định hiện hành.

- Đối với doanh nghiệp gặp khó khăn ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường về đất để thực hiện dự án, nhưng tối đa không quá 30% tổng kinh phí bồi thường về đất trên diện tích đất doanh nghiệp thuê.

- Uỷ ban nhân dân tỉnh đảm bảo đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đến hàng rào của từng phân khu chức năng trong khu công nghiệp gồm: hệ thống đường giao thông, cấp nước, điện, thông tin liên lạc.

3. Ưu đãi về tài chính:

- Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ bằng 20% thuế VAT doanh nghiệp nộp vượt kế hoạch hàng năm (phần ngân sách tỉnh được hưởng) để bổ sung vốn đầu tư trong 5 năm đầu; 50% thuế thu nhập doanh nghiệp nộp vượt kế hoạch hàng năm (phần ngân sách tỉnh được hưởng) trong thời gian 5 năm kể từ khi có nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Ưu đãi trong việc sử dụng lao động:

- Được miễn lệ phí tuyển dụng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 21, Nghị định số 72/CP ngày 31 tháng 10 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm.

- Các dự án thu hút 150 lao động trở lên là người hiện có hộ khẩu ở Thanh Hoá vào làm việc ổn định lâu dài, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần 1 triệu đồng/lao động để doanh nghiệp bổ sung vốn kinh doanh.

5. Về xuất nhập khẩu:

- Thực hiện việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp tại khu công nghiệp. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được làm thủ tục hải quan tại khu công nghiệp một cách nhanh chóng, thuận lợi.

6. Về an ninh trật tự:

- Các nhà đầu tư được các cấp chính quyền của tỉnh bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, đảm bảo về các quyền lợi, lợi ích hợp pháp theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

7. Về thủ tục hành chính:

- Thực hiện các thủ tục đầu tư, quản lý các hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp theo cơ chế "một cửa, một đầu mối" tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá. Các ngành chức năng căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình và quy chế phối hợp của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành, có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá thực hiện cơ chế này, giải quyết các thủ tục cho các nhà đầu tư thuận lợi trong thời gian ngắn nhất.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hoá có trách nhiệm cung cấp miễn phí các tài liệu về Khu công nghiệp Nghi Sơn và hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu công nghiệp Nghi Sơn trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP NGHI SƠN TỈNH THANH HOÁ

(Ban hành theo Quyết định số 975/2002/QĐ-UB ngày 03-4-2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

1. Các dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ khu công nghiệp gồm: hệ thống cấp thoát nước, điện, giao thông, cảng, xử lý chất thải, trụ sở văn phòng cho thuê, nhà ở cho công nhân.

2. Công nghiệp lọc - hoá dầu; sản xuất phân bón, hoá chất; công nghiệp vật liệu xây dựng; sản xuất và chế biến thép; cơ khí sửa chữa, lắp ráp, đóng sửa tàu thuyền; công nghiệp dịch vụ cảng; tổng kho xăng dầu.

3. Một số dự án đặc biệt khác được Uỷ ban nhân dân tỉnh xét duyệt khi cần thiết thu hút đầu tư vào khu công nghiệp này.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 467/2003/QĐ-UB NGÀY 12-2-2003 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(lược trích)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và địa bàn áp dụng

1. Đối tượng

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) ở trong và ngoài tỉnh đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất - kinh doanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thuộc các ngành nghề dưới đây:

- Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, thủy tinh.
- Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt, may, cơ khí nhỏ.
- Chế biến nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề.
- Sản xuất phân bón, hoá chất.
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

2. Địa bàn đầu tư

Khu vực 1: thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn, thị xã Sầm Sơn.

Khu vực 2: Các huyện Đông Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoằng Hoá, Nga Sơn, Nông Cống, Quảng Xương, Thiệu Hoá, Thọ Xuân, Tĩnh Gia, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định.

Khu vực 3: Các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Thanh, Bá Thước, Lang Chánh, Mường Lát, Như Xuân, Quan Hoá, Quan Sơn, Thường Xuân.

Điều 2: Các cơ sở xây dựng thuộc đối tượng quy định ở khoản 1, Điều 1 nêu trên được hưởng những ưu đãi khuyến khích đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc chính sách ưu đãi của tỉnh quy định tại chương II của Quy định này.

CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 3: Về mặt bằng tổ chức sản xuất:

- Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau

đây gọi là Uỷ ban nhân dân huyện), căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp của địa phương và của tỉnh, lập quy hoạch sử dụng đất, bố trí vị trí thuận lợi cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dành đất xây dựng các cụm công nghiệp, cụm nghề. Trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất thì hằng năm vẫn phải lập kế hoạch sử dụng đất và dành vị trí đất thuận lợi để giải quyết cho các chủ đầu tư có mặt bằng thực hiện dự án sản xuất kinh doanh.

- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với các quy định của pháp luật thì các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận sử dụng đất.

- Cơ sở sản xuất có nhu cầu mặt bằng để đầu tư phát triển sản xuất (kể cả cho khai thác khoáng sản), Uỷ ban nhân dân xã, huyện có trách nhiệm giới thiệu, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thuê mặt bằng. Hộ có đất bị thu hồi được đền bù theo quy định hiện hành của Nhà nước và được ưu tiên tuyển dụng lao động vào làm việc tại cơ sở sản xuất (nếu đủ điều kiện).

- Trường hợp đất đang sử dụng hợp pháp, nay chuyển sang sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chủ hộ được tạo điều kiện để chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 4: Về tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tiền thuê đất: Giá thuê đất là mức giá thấp nhất theo khung giá do Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm ký hợp đồng thuê đất và được miễn tiền thuê đất trong thời gian 10 năm đầu kể từ khi ký hợp đồng thuê đất và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (đối với các cơ sở thuộc khu vực 1); được miễn hoàn toàn tiền thuê đất (đối với các cơ sở thuộc khu vực 2 và 3).

- Tiền chuyển mục đích sử dụng đất: được miễn 100% tiền chuyển mục đích sử dụng đất cho những dự án đầu tư thuộc khu vực 3; giảm 70% đối với những dự án đầu tư thuộc khu vực 2; giảm 50% đối với những dự án đầu tư thuộc khu vực 1.

Điều 5: Về thực hiện thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

- Tổ chức hoặc cá nhân phải có đơn xin thuê đất theo quy định tại Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24-11-2000 của Thủ tướng chính phủ.

- Sở địa chính, phòng địa chính các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm cung cấp mẫu và hướng dẫn làm thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Thời gian làm thủ tục đối với những đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp huyện (hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã) không quá 15 ngày.

+ Đối với những đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp tỉnh (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh), trong thời gian 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Địa chính phải trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6: Đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Hàng năm các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí dành đất xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất thuê đất để đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh.

- Các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh cho phép làm chủ đầu tư cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thẩm định dự án theo quy chế đầu tư và xây dựng hiện hành của Nhà nước trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Các hạng mục hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, bao gồm: hệ thống giao thông - vận tải; hệ thống điện; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống thoát nước, sau khi được phê duyệt, được ngân sách nhà nước (Trung ương, tỉnh, huyện) hỗ trợ một phần (theo thông tư số 79/2001/TT-BTC ngày 28-9-2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/TTg ngày 24-11-2000 của Thủ tướng Chính phủ).

- Cơ sở hạ tầng trong cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được đầu tư từ nhiều nguồn vốn hợp pháp, kể cả các nguồn vốn vay lãi suất thấp, vốn kích cầu (nếu có). Các dự án thuộc đối tượng ưu đãi và có tính khả thi cao được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí giải phóng mặt bằng từ nguồn ngân sách, nhưng

tối đa không quá 30%.

B. ƯU ĐÃI VỀ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG

Điều 7: Ưu đãi thực hiện đầu tư:

Các cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và tạo điều kiện thuận lợi để vay vốn theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, những dự án sản xuất thuộc đối tượng quy định tại mục 1, Điều 1, thu hút trên 100 lao động (đối với khu vực 1), trên 70 lao động (đối với khu vực 2), trên 30 lao động (đối với khu vực 3) còn được hưởng các ưu đãi sau đây:

- Đối với những dự án có mức đầu tư từ 100 triệu đồng trở lên được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí lập dự án (cấp sau khi dự án đi vào hoạt động sản xuất - kinh doanh).

- Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực tỉnh khuyến khích được bố trí để vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển với lãi suất ưu đãi. Trường hợp phải vay vốn của các ngân hàng thương mại, được hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các cơ sở sản xuất mới thành lập thuộc nghề sản xuất chiếu cói, đan lát, dệt, may, sử dụng trên 300 lao động, các ngành nghề khác sử dụng từ 200 lao động trở lên, có ký hợp đồng lao động lâu dài, đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo Luật lao động, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 1 lần 1 triệu đồng cho 1 lao động.

Điều 8: Ưu đãi về thuế:

Các cơ sở sản xuất mới được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:

1. Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Trong năm thứ 2 và thứ 3 kể từ khi đi vào sản xuất - kinh doanh, nếu cơ sở sản xuất nộp thuế VAT tăng so với năm trước thì được tỉnh hỗ trợ 50% số thuế VAT nộp tăng nói trên.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Khu vực 1: được hỗ trợ lại bằng 100% số thuế đã nộp trong 3 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và 50% cho 4 năm tiếp theo.

Khu vực 2: được hỗ trợ lại bằng 100% số thuế đã nộp trong 5 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và 50% cho 6 năm tiếp theo.

Khu vực 3: được hỗ trợ lại bằng 100% số thuế đã nộp trong 7 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và 50% cho 10 năm tiếp theo.

3. Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu số máy móc thiết bị phải nhập để tạo tài sản cố định thuộc dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các nghệ nhân, hợp tác xã, hiệp hội mở các lớp truyền nghề, dạy nghề cho lao động, được thu tiền học của học viên trên nguyên tắc thoả thuận và được miễn các loại thuế trong hoạt động truyền nghề.

5. Các cơ sở ngành nghề nông thôn được miễn thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 3-9-1998 của Chính phủ.

C. VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO

Điều 9: Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các sở: Khoa học Công nghệ Môi trường, Tài chính - Vật giá và các ngành liên quan, xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức phổ biến hướng dẫn thực hiện.

Điều 10: Các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn để thực hiện đề tài, dự án khoá học - công nghệ phù hợp với mục tiêu của các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh, được hỗ trợ bằng 1/3 số tiền phải trả thù lao cho tác giả (Theo Nghị định số 45/1998/NĐ-CP của Chính phủ). Các hoạt động dịch vụ khoa học - công nghệ được hỗ trợ vốn sự nghiệp khoa học không lãi suất (từ nguồn kinh phí khoa học - công nghệ), mức vay từ 40 - 100% giá trị hợp đồng dịch vụ khoa học - công nghệ.

Điều 11: Địa phương, cơ sở sản xuất tổ chức đào tạo, dạy nghề cho 50 lao động trở lên (thời gian đào tạo tối thiểu 3 tháng), ổn định việc làm từ 6 tháng trở lên để khôi phục, phát triển làng nghề, ngành nghề được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần 350.000 đồng/lao động.

Điều 12: Các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có nhu cầu đào tạo lao động kỹ thuật cao là người địa phương (thời gian đào tạo liên tục từ 6 tháng đến 3 năm) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đào tạo nghề trên cơ sở quyết toán hợp đồng lao động đào tạo. Các cơ sở đào tạo của nhà nước phải ưu tiên dành chỉ tiêu đào tạo cho cơ sở ngành nghề nông thôn trong phạm vi kế hoạch kinh phí hàng năm Nhà nước cấp.

Điều 13: Hàng năm, Sở Công nghiệp phối hợp với ban tổ chức chính quyền tỉnh lập kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý (chủ doanh nghiệp, kế toán trưởng và cán bộ khoa học - kỹ thuật) cho các cơ sở

sản xuất - kinh doanh của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và tổ chức truyền nghề của các nghệ nhân.

D. VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Điều 14: Khuyến khích các cơ sở sản xuất - kinh doanh ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở kinh doanh khác. Các cơ sở tham gia xuất khẩu được hưởng các chính sách quy định tại Điều 2, Quyết định số 3431/2002/QĐ-UB ngày 21-10-2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về chính sách khuyến khích phát triển xuất khẩu.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 3431/2002/QĐ-UB NGÀY 21-10-2002 CỦA CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU

(trích)

Điều 1: Chính sách khuyến khích xuất khẩu áp dụng cho các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất - kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh, có tham gia xuất khẩu trực tiếp hoặc uỷ thác.

Đối tượng áp dụng chính sách khuyến khích phát triển xuất khẩu là khối lượng hoặc giá trị hàng hoá, dịch vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, được đơn vị tổ chức xuất khẩu, tính theo trị giá FOB tại cửa khẩu Việt Nam.

Điều 2: Một số chính sách chủ yếu khuyến khích xuất khẩu:

1. Chính sách khuyến khích hoạt động xúc tiến thương mại:

Tỉnh khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu như hội thảo thương mại, hội chợ, triển lãm, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước. Căn cứ vào yêu cầu cụ thể hàng năm, Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức các đoàn công tác xúc tiến thương mại, khảo sát và tìm kiếm thị trường xuất khẩu để thực hiện nhiệm vụ chung của tỉnh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí cho cán bộ, công chức, 50% chi phí cho doanh nhân là thành viên tham gia các đoàn này.

Doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục mặt hàng đặc biệt khuyến khích xuất khẩu của tỉnh, được giảm 50% chi phí thuê gian hàng khi tham gia các hội chợ tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Chính sách thưởng khuyến khích xuất khẩu:

2.1. Thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng xuất khẩu:

Doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch hàng năm do cấp có thẩm quyền giao và đạt tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu 20% trở lên so với năm trước liền kề, với giá trị tuyệt đối từ 100.000 USD trở lên được thưởng 1% trên giá trị tăng trưởng, mức tối đa là 50 triệu đồng.

2.2. Thưởng khuyến khích xuất khẩu mặt hàng mới, thị trường mới:

- Doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp mặt hàng (hoặc một chủng loại của mặt hàng) sản xuất tại Thanh Hoá, chưa nằm trong danh mục hàng xuất khẩu của tỉnh, lần đầu tiêu thụ ở thị trường nước ngoài, đạt giá trị 50.000 USD trở lên được thưởng 1% trên trị giá kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng đó, mức tối đa là 50 triệu đồng.

- Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá ra thị trường xuất khẩu mới, chưa nằm trong danh mục thị trường xuất khẩu của tỉnh, đạt giá trị 50.000 USD trở lên được thưởng 1% trên trị giá kim ngạch xuất khẩu, mức tối đa là 50 triệu đồng.

3. Thưởng xuất khẩu hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng đặc biệt khuyến khích xuất khẩu

3.1. Căn cứ vào tình hình thị trường thế giới và những thế mạnh của địa phương, tỉnh đặc biệt khuyến khích xuất khẩu các loại hàng hoá sau:

- Hàng nông, lâm, thuỷ sản.
- Hàng thủ công, mỹ nghệ.
- Danh mục hàng hoá đặc biệt khuyến khích xuất khẩu do Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

3.2. Doanh nghiệp tự tổ chức sản xuất, chế biến, hoặc ký hợp đồng với cơ sở sản xuất chế biến trong tỉnh để thu mua và xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng trong danh mục đặc biệt khuyến khích xuất khẩu được thưởng như sau:

- Xuất khẩu 500 tấn lạc nhân trở lên được thưởng

30.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 100 tấn vừng trở lên được thưởng 100.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 1.000 tấn rau, củ, quả trở lên được thưởng 30.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 300 tấn cà phê trở lên được thưởng 50.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 300 tấn thịt súc sản trở lên được thưởng 200.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 20 tấn tơ tằm trở lên được thưởng 200.000 đồng/tấn

- Xuất khẩu 50.000 USD dược liệu trở lên được thưởng 100 đồng/USD

- Xuất khẩu 100.000 USD hàng thủ công mỹ nghệ trở lên được thưởng 150 đồng/USD.

Mức thưởng theo giá kim ngạch được quy ra tiền Việt Nam theo tỷ giá giao dịch ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm xét thưởng.

Giám đốc doanh nghiệp được sử dụng 40% các khoản kinh phí thưởng ở mục 2, 3 nêu trên để thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có công sức đóng góp vào thành tích chung của doanh nghiệp. Số còn lại được hạch toán vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ vốn kinh doanh khuyến khích phát triển xuất khẩu:

4.1. Doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý kinh doanh có hiệu quả, đạt kim ngạch xuất khẩu từ 3 triệu USD trở lên được ưu tiên xem xét bổ sung vốn theo khả năng ngân sách hàng năm.

4.2. Doanh nghiệp nhà nước được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thu mua nông sản thời vụ tạm trữ để xuất khẩu, được xét hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay vốn ngân hàng trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng.

5. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu

Cơ sở sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu tổ chức đào tạo, dạy nghề cho từ 50 lao động là người có hộ khẩu ở Thanh Hoá, xuất khẩu ổn định từ 6 tháng trở lên, được tỉnh hỗ trợ 350.000 đồng cho một lao động.

Điều 3: Nguồn kinh phí khuyến khích phát triển xuất khẩu được dự toán chi từ ngân sách tỉnh hàng năm.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 1012/QĐ-UB NGÀY 28-3-2003 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ VỀ CHÍNH SÁCH XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA

(lược trích)

Mục tiêu chung: Giai đoạn 2003 -2010, toàn tỉnh phấn đấu đưa 40.000 - 45.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên lao động ở khu vực nông thôn, lao động thuộc gia đình chính sách, lao động của các hộ nghèo, bộ đội hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

1. Chính sách giải quyết vốn ban đầu cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua các hình thức:

- Khuyến khích người lao động chủ động huy động nguồn vốn từ gia đình, dòng họ hoặc từ người thân, bạn bè đang lao động ở nước ngoài hỗ trợ để tham gia xuất khẩu lao động.

- Các ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 17-4-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn số 392/NHNo-TD ngày 21-2-2003 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về vay vốn đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Đẩy mạnh huy động vốn đảm bảo cân đối đủ vốn cho vay đối với tất cả các đối tượng có nhu cầu vay vốn đi xuất khẩu lao động khi đảm bảo các điều kiện quy định.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí học bổ túc nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; kinh phí hỗ trợ được trích từ ngân sách tỉnh, ngoài kinh phí đào tạo hàng năm và cấp trực tiếp đến người tham gia xuất khẩu lao động qua các đơn vị đào tạo (khi có xác nhận của Sở Lao động - Thương binh Xã hội).

3. Hỗ trợ cho Công ty Xuất khẩu Lao động của tỉnh để tìm kiếm thị trường xuất lao động ở nước ngoài.

4. Tổ chức thường xuyên hội chợ việc làm và xuất khẩu lao động của tỉnh.

PREFERENTIAL POLICY FOR INVESTORS

1. Sectors to attract investment:

- Agricultural, forestry and aquatic production
- Agricultural, forestry and aquatic processing
- Garment and textile production
- Construction materials production
- Production and processing for imports - exports
- Minerals production and processing
- Heavy industries
- Infrastructure constructions
- Bio-technological application
- Hi-tech industry, computer and software production
- Investment in the development of tourism and trade

2. Policies on investment encouragement and business promotion: *(see the attached decisions by Thanh Hoa People's Committee)*

Creating a favourable environment to attract foreign and domestic investors, Thanh Hoa has adopted the following policies aside from boosting socio-economic and infrastructure development:

- Investors in Thanh Hoa enjoy investment incentives with the lowest level of responsibilities and highest level of rights pursuant to the prevailing regulations by the State. Besides, Thanh Hoa also adopts investment assistant policies as follows:

+ Enjoy the lowest level of land rent under the price frame of the State's.

+ The provincial People's Committee is responsible for ensuring the process of site clearance and compensation

+ The province committed to ensure sufficient land area for material development area planning

+ Enjoy assistance from the provincial government for employee recruitment and retraining

+ Enjoy VAT refund and preferential real annual enterprise income tax payment (from the province's budget)

+ Enjoy investment in infrastructure development to facilitate the implementation of the projects

+ In terms of administration procedures: Thanh Hoa Department of Planning and Investment functions as the only door for services from the initial survey conduct to the project formation; assesses and licenses the projects (investment projects in industrial zones shall be solved by Thanh Hoa Management Board of Industrial Zones). Duration time to assess and license the investment to any project shall be shortened by a half of the defined time.

- To concretise those general policies, Thanh Hoa People's Committee has issued preferential policies for the investments in Le Mon IZ, Nghi Son IZ, incentive policies on the development of traditional crafts, exports, cultivation and husbandry, etc. (see the introduction attached)

DECISION NO.2462/2000/QD-UB DATED OCTOBER 9, 2000 BY THE PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA PROVINCE ON INVESTMENT ENCOURAGEMENT AND BUSINESS PROMOTION IN THE LE MON INDUSTRIAL ZONE

(Summary)

Scope and Applicable Entities:

- This Decision aims to encourage and facilitate investment of Vietnamese and foreign businesses of all economic sectors in the Le Mon industrial zone (IZ) in Thanh Hoa province (the list of and criteria for encouraged projects are enclosed)

- Investment in the Le Mon IZ under any form in conformity with the law shall be accepted and encouraged. These projects shall have the lowest level of obligations and highest level of preferences in the current Government regulations, and shall enjoy the preferences of Thanh Hoa Province as provided for in this decision.

1. Enterprises investing in the IZ's infrastructure development:

- Enterprises shall enjoy 10-year land exemption as of the date of signature of the land lease contract.

- The Province's budget shall cover the costs for

compensation and site clearance in accordance with the annual land use plan.

2. Enterprises having projects in the investment encouragement list that have been selected for investment into Le Mon IZ:

a. Preferential land rent:

Investment projects in Le Mon IZ shall pay the lowest level of land rent sublet as compared to other IZs throughout the country for land with full infrastructure. The difference between the land rent set by the infrastructure development company approved by the People's Committee and the lowest land rent (announced annually by the People's Committee) shall be covered by the province's budget.

b. Financial preferences:

In the first five years, projects in Le Mon IZ shall be earmarked an amount of 10% of VAT contribution by the investor annually to the province's budget.

c. Preferential treatments in terms of labour use:

- Production projects in the IZ shall be exempted from recruitment fees.

- Projects using, on a regular basis, 500 or more workers with indefinite-term contracts shall receive VND 1,000,000 per worker by the province's budget as recruitment assistance.

- Projects implemented during the period of 2000 - 2005 with training programs for highly-skilled workers in two years or longer shall receive 30% of the training overhead for each worker by the province's budget.

d. Administrative procedures:

The Thanh Hoa IZ Management Board implements the one-stop shop in Le Mon IZ, which shall:

- Provide instructions on investment procedures in the IZ.

- Issue planning certificate for investment projects.

- Receive projects profiles and issue foreign investment licenses under the authorization of the MPI.

- Issue licenses to domestic investors who do not use budget fund.

- Preside and coordinate with relevant agencies in appraising budget-funded projects in the IZ to be submitted to Chairman of the provincial People's Committee for decision (within 15 days).

- Appraise land planning for projects in Le Mon IZ to be submitted to Chairman of the provincial People's Committee for decision.

- Preside and coordinate with relevant agencies in appraising the technical design of the works components of the projects; issue construction permits in the IZ; issue work permits and manage the labour force in the IZ.

- Clear customs procedures for imports and exports of enterprises at Le Mon IZ.

- Practice management of import - export and other trade activities of enterprises at Le Mon IZ under the authorization of the Ministry of Trade.

ENCOURAGEMENT LIST OF PROJECTS AND INDUSTRIES IN LE MON IZ OF THANH HOA PROVINCE

(Attached to Decision No.2462/2000/QD-UB dated October 10, 2000 by Thanh Hoa Province)

1. Build - Operate - Transfer (BOT) projects encouraged by the Government

2. High-tech Projects using local materials:

- Applying bio-technology and new technologies to produce medicine for human, animals and plants, food and feed; reproductive stimulants; bio-fertilizers of advanced economic-technical standards.

- Producing electric devices, electronics, semiconductors, communication equipment, and software industry.

- Producing high-quality decorative tiles, sanitation fittings, and construction materials.

3. Projects in agricultural, forestry and aquatic processing.

4. Projects in textile, garments, high quality leatherwear and plastic, learning instruments, toys.

5. Projects in traditional crafts like carved and encrusted products, lacquer, woven bamboo and rattan, silk mats, embroidery, bronze cast.

6. Other special projects approved by the People's Committee when it deems necessary to attract investment in the IZ.

DECISION NO 975/2002/QD-UB DATED APRIL 3, 2002 BY THE PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA ON INCENTIVE FOR INVESTMENT IN NGHI SON INDUSTRIAL ZONE IN THANH HOA

(Summary)

Nghi Son Industrial Zone (IZ) is located in an industrial development anh warehouse area belonging to the Nghi Son new urban zone Planning until 2020. The area and demarcation are stated in Decision No 3050/QD-UB dated November 13, 2001 by the People's Committee of Thanh Hoa.

Investors of all economic sectors who implement projects categorized as encouraged ones in accordance with the Decision and matching the detailed Planning of Nghi Son IZ during the period of 2002-2006 will enjoy the highest level of incentives and the lowest level of obligations stated in current regulations of the State. Additional incentives are:

1. Incentive in land lease and reduction of land rent:

- Lowest level of land rent under the price frame of the State.

- Exemption from land rent during infrastructure construction period with 10-year grace period in accordance with State regulations.

2. Site clearance and technical infrastructure construction:

- The provincial People's Committee is responsible for instructing agencies of the province in site clearance, ensuring deadline of site clearance requested by investors. Investors who rent land in Izs will be allocated with cleared site and pay compensation for land and assets in accordance with current regulations.

- In case of disadvantaged enterprises, the province Budget will cover a part of land compensation which is not more than 30% of the total cost.

- The provincial People's Committee is responsible for providing door-to-door service in the construction of necessary infrastructure for each functional sub-section of the IZ, including the road, water supply, electricity and communication networks.

3. Financial incentives:

- Enterprises with VAT and income tax over fulfillment will enjoy 20% VAT refund to replenish investment capital for the first 5 years and 50% income tax for the first 5 years after income tax payment.

4. Labour incentives:

- Exemption from recruitment fees in accordance with provision 1, article 21 of the Government Decree 72/CP dated October 31, 1995 on the implementation several articles of the Labour Code.

- The province will grant 1 million per worker to assist projects that recruit 150 workers or more with Thanh Hoa residential registration and implement all labour policies.

5. Import - Export:

- All import - export activities of enterprises are administered at the IZ. Imports and exports of these enterprises will enjoy convenient and fast customs procedures clearance at the IZ.

6. Security and public order:

- Local authorities will be responsible for the security and public order for investors and protecting their legitimate rights and interests in accordance with the Vietnamese law.

7. Administrative procedures:

- Practice "one stop shop" investment procedures and management in the IZ at the Steering Board of IZs in Thanh Hoa. With reference to their own functions and the coordination regulations issued by the Province People's Committee, relevant agencies shall coordinate with the Steering Board to implement this mechanism to clear investment procedures in the earliest.

- The Steering Board is responsible for providing, on the complimentary basis, reference documents on Nghi Son IZ and instructing investors to clear procedures to enjoy preferential treatments, which will be submitted to the provincial People's Committee for approval.

ENCOURAGEMENT LIST OF PROJECTS IN NGHI SON IZ, THANH HOA PROVINCE

(Attached to the Decision No 975/2002/QD-UB of the Provincial People's Committee)

1. Construction projects in forms of Building - Operation - Transfer (BOT), Building - Transfer - Operation (BTO), Building - Transfer (BT); projects investing in construction of technical infrastructure, including water drainage and supply, electricity, roads and ports, waste treatment, offices for rent and houses for workers.

2. Petro-chemical industry; fertilizer and chemicals production, construction materials steel manufacturing; machinery and repair assembly, ship building, port services, petroleum base deport.

3. Other special projects approved by the Province People's Committee.

DECISION NO 467/2003/QD-UB FEBRUARY DATED 12, 2003 BY PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA ON INCENTIVES FOR THE DEVELOPMENT OF INDUSTRY AND HOME INDUSTRY IN THE PROVINCE

(Summary)

CHAPTER 1: GENERAL PROVISIONS

Article 1: Scope of application

1. Entities concerned:

Enterprises, organizations and individuals of all economic sectors (hereinafter called production establishment) in and outside the province, who engage new investments or business expansion in the province, including the followings:

- Agriculture, forestry and aquaculture processing and preserving.
- Construction materials, ceramics, glass.
- Wooden, bamboo and rattan products, clothes, and small-scale machinery.
- Fertilizers and chemicals.
- Handicrafts.

2. Investment location

Zone 1: Thanh Hoa city, Bim Son and Sam Son towns.

Zone 2: Dong Son, Ha Trung, Hau Loc, Hoang Hoa, Nga Son, Nong Cong, Quang Xuong, Thieu Hoa, Tho Xuan, Tinh Gia, Trieu Son, Vinh Loc, Yen Dinh districts.

Zone 3: Thach Thanh, Cam Thuy, Ngoc Lac, Nhu Thanh, Ba Thuoc, Lang Chanh, Muong Lat, Nhu Xuan, Quan Hoa, Quan Son, Thuong Xuan districts.

Article 2: Production establishments subject to Provision 1, Article 1 are entitled to investment preferences and incentives provided by current State regulations or provincial regulations in Chapter II of this Decision.

CHAPTER II: SPECIFIC REGULATIONS

A. LAND POLICY

Article 3: Production ground:

- People's Committee of districts, towns and cities (hereinafter called District People's Committee), based on socio-economic development orientations, the industry and home industry development plan of each locality and the whole province, develop land use master plans, allocate land at favorable locations for industries, home industries, industrial zones and vocational clusters. In case land use master plans have yet to be developed, annual land use plan should be set up and land at favorable locations should be allocated to investors to facilitate their business and production.

- Production establishment in industries and home industries which are using land in conformity with the laws and not subject to land dispute will be granted land-use certificate.

- Commune and district People's Committees are responsible to provide guidelines and facilitate production establishments which need land for business and production development (including mining activities) to rent land. Households whose land is confiscated are entitled to compensation according to current State regulations and given priority to have jobs in production establishment once they meet recruitment requirements.

In case household's land is legally used, household heads will enjoy favorable conditions to transfer land-use purpose in order to engage in industrial and home industrial production activities.

Article 4: Land rent and transfer of land use purpose

- Land rent is at the lowest level in the price frame set by Provincial People's Committee at the time of signing land-rent contract. The rent is exempted for the first 10 years since the signing of the contract, discounted by 50% for the next 5 years (for production establishments in Zone 1) and free (for production establishments in Zone 2 and 3).

- Transfer cost of land use purpose is completely exempted for investment projects in Zone 3; discounted by 70% for those in Zone 2; and 50% for those in Zone 1.

Article 5: Land rent and land-use purpose transfer procedures:

- Organizations and individuals must submit land rent application according to Decision No. 132/2000/QD-TTg dated 24th November 2000 by the Prime Minister.

Land Administration Departments and Sections of districts, towns and cities are responsible for providing application forms and instructions on land rent and transfer of land use purpose.

+ Land rent application of households, individuals and cooperatives is subject to district jurisdiction and is processed no more than 15 days since the submission of legal application.

+ Land rent application of private enterprises, limited liability companies, joint-stock companies, partnership companies is subject to Provincial jurisdiction, which is submitted by The Land Administration Department to Provincial People's Committee for decision within 15 days since the submission of legal application.

Article 6: Infrastructure Investment for industrial, home industrial clusters and craft villages:

- Districts, towns, and cities set up annual land allocation plan for industrial and home industrial clusters, mobilize funds for infrastructure development and facilitate production establishments to rent land for production and business purposes.

- Eligible organizations and individuals will be selected by Chairman of Provincial People's Committee as investors in industrial and home industrial clusters. The Planning and Investment Department coordinates with relevant agencies to appraise investment projects according to current State Regulations on Investment and Construction and submit them to Provincial People's Committee for approval.

Infrastructure items of industrial and home industrial clusters includes transportation, electricity, information and telecommunication, drainage systems. After these items are approved, part of financial support from State budget will be provided for construction work according to Circular No. 79/2001/TTk-BTC dated 28th September 2001 by the Ministry of Finance on the implementation of Decision No.132/TTg dated 24th November 2000 by the Prime Minister.

- Investment capital for infrastructure development in industrial and home industrial clusters is mobilized from different legal funds including loans with low interest rates and available fiscal stimulant funds. For projects entitled to preferential treatment and with high feasibility, part of financial support form State budget will be considered for site clearance, which must not exceed 30% of total cost of site clearance.

B. FINANCIAL AND CREDIT INCENTIVES

Article 7: Investment Incentives.

Production establishments of all economic sectors are given incentives in accessing loans on an equal basis in accordance with current State regula-

tions. In addition, production projects under Item 1 of Article 1 which attract more than 100 employees (for Zone1), 70 employees (for Zone2), and 30 employees (for Zone3) are entitled to the following preferences.

- Projects with investment over VND100 million receive financial support from provincial budget to cover 50% of project design cost (provided after projects are implemented).

- Projects in areas of priority of the province can borrow loans from the Development Support Fund with preferential interest rates. In case these projects have to borrow loans from commercial banks, they will be compensated for interest rate differences according to current State regulations.

- Newly-registered production establishments in areas such as sedge mat production, knitting, textile and garment with more than 300 employees, and in other areas with more than 200 employees under long-term working contracts, which covet social security, health insurance for employees and fully observe labour policies according to Labour Law will receive VND1 million support per worker from provincial budget.

Article 8: Tax incentives:

Newly-registered production establishments are entitled to the following tax incentives:

1.Value Added Tax (VAT):

50% VAT refund for the increase in VAT payment each year in the 2nd or 3rd year of business and production.

2.Business Income Tax:

Zone 1: 100% tax refund in the first three years since taxed income is generated and 50% tax refund for the next four years.

Zone 2: 100% tax refund in the first five years since taxed income is generated and 50% for the next six years.

Zone3: 100% tax refund in the first seven years since tsxed income is generated and 50% for the next ten years.

3. Import tariff:

Imported machines and equipment which serve as projects' fixed assets are exempted from import tariff according to current State regulations.

4. Craftsmen, cooperatives, associations which open vocational training courses for workers are allowed to collect tuition fee and are exempted from all taxes on vocational training activities.

5. Establishments in the rural sector are exempted from natural resources tax according to Article 12, Decree No. 68/1998/ND-Cp dated 3rd September 1998 of the Government.

C. SCIENCE-TECHNOLOGY AND TRAINING

Article 9: The Department of Industry, in coordination with Departments of Technology and Environment, Finance and Pricing and other agencies concerned, develops support policies to encourage production establishments to apply scientific and technological advances and submit them to Provincial People's Committee for approval and provides instructions for implementation.

Article 10: Organizations and individuals who use their own fund to carry out Science and Technology projects and studies conducive to the province's key science and technology programs receive financial support for one third of the royalty for project author according to Decree No. 45/1998/ND-Cp. Scientific and technological service activities can borrow from the Scientific Career Fund without interest rate with the loan level covering 40% to 100% of the value of scientific and technological service contract.

Article 11: Localities and production establishments, which organize vocational training courses for more than 50 workers within minimum three months, provide jobs for more than six months to restore and develop traditional handicraft village receive financial support from provincial budget for VND 350,000 per worker.

Article 12: Production establishments in industries and home industries in need of intensive high-skill training for local workers from six months to one year are supported with 30% of vocational training cost from provincial budget on the basis of working contracts. Public training centers must give training priority to rural production establishments on the basis of

annual State budget allocation for training activities.

Article 13: Every year, the Department of Industry coordinates with Provincial Organization Committee to set up training plan for local managers including enterprise owners, chief accountants and scientific and technological officers for production establishments of non-state sector and vocational training organizations of craftsmen.

D. MARKET AND PRODUCT CONSUMPTION.

Article 14: production establishments of industries and home industries are encouraged to expand market and sell products for other businesses. Production establishments which export products are subject to incentives on export promotion stipulated in Article 2. Decision No.3431/2002/QD-UB dated 21st October 2002 of Thanh Hoa People's Committee.

DECISION NO.3431/2002/QD-UB DATED 21ST OCTOBER 2002 BY THE CHAIRMAN OF THANH HOA PEOPLE'S COMMITTEE ON INCENTIVE POLICY FOR EXPORT PROMOTION

(extract)

Article 1: The policy of export encouragement is applied to all enterprises except foreign-invested enterprises, cooperatives, business and production establishments which are based in the province and involved in direct or authorized export activities.

This policy covers the quantity or value of goods and services produced in Thanh Hoa Province and exported on FOB price basis at Vietnam's border gates.

Article 2: Some major policies of export encouragement

1. Policy of encouraging trade promotion activities:

- The province encourages and creates favorable conditions for enterprises to take part in trade promotion activities, to look for and expand export markets through workshop, trade fairs and exhibitions, product advertisement and introduction at home and abroad. On the basis of specific requirements every year, Provincial People's Committee organizes trade promotion missions to conduct market surveys and explore export markets. 100% of costs for provincial staffs and 50% of costs for businessmen participating in these missions are covered by provincial budget.

- Enterprises producing and trading goods and services subject to special export incentives enjoy 50% discount of the cost of booth renting at trade fairs held in the province.

2. Policy of export reward:

2.1. Reward for target-fulfilled and target-surpassed export growth activities:

Enterprises which fulfil annual plan assigned by provincial authorities and achieve 20% annual export growth rate with net value of at least 100,000 USD are rewarded 1% of export growth value which should not exceed VND50 million.

2.2. Reward for export encouragement of new products and new markets exploration:

- Enterprises which directly export one product (or one product item) produced in Thanh Hoa Province, that is not yet included in the Province's export list, to overseas market with the value of more than 50,000 USD are rewarded 1% of the total export value of that product which must be less than VND50 million.

- Enterprises which export goods to a new market not yet included in the Province's list of export markets and earn more than 50,000 USD are rewarded 1% of the total export value which must be less than VND50 million.

3. Reward for exported goods included in the list of export items subject to special export encouragement.

3.1. Based on world market situation and advantages of each locality, the Province especially encourages export of the following items:

- Agriculture, forest and aqua-culture products.
- Handicrafts.

The list of items subject to export incentives is released by Provincial People's Committee every year.

3.2. Enterprises which organize production, processing activities or sign contracts with production and processing establishments in the province to purchase and directly export items included in the list of special export incentives are rewarded as follows:

- 30.000 VND/per ton for export of more than 500 tons of groundnut.

- 100.000 VND/per ton for export of more than 100 tons of sesame.

- 30.000 VND/per ton for export of more than 1000 tons of vegetable, fruit and bulb.

- 50.000 VND/per ton for export of more than 300 tons of coffee.

- 200.000 VND/per ton for export of more than 300 tons of livestock meat.

- 200.000 VND/per ton for export of more than 20 tons of silk.

- 100 VND/per dollar for export of more than 50.000 USD worth of medicine.

- 150 VND/per dollar for export of more than 100.000 USD worth of handicraft.

Rewards are in Vietnamese currently converted at inter-bank exchange rate at the time of reward consideration.

Director of enterprises are allowed to extract 40% of the above-mentioned rewards to reward units and individuals who have contributed to the enterprises' common success. The rest of the reward is incorporated into the enterprise's business account.

4. Support of business capital for promoting export growth:

4.1. State-owned enterprises administered by the Province which make profit and achieve export value of more than USD3 million are given priority in terms of capital supplementation on the basis of annual budget.

4.2 State-owned enterprises assigned by Provincial People's Committee to buy temporarily-stored seasonal agricultural products for export are exempted from 50% of loan interest within the period of three to six months.

5. Financial support for training activities and production of export goods:

Enterprises which produce and trade export goods, organize vocational training for more than 50 workers permanently residing in Thanh Hoa Province and are able to maintain export activities for more than 6 months are entitled to financial support of 350.000 VND/per worker.

Article 3: The fund for export growth encouragement is allocated from annual provincial budget.

DECISION NO.1012/QD-UB DATED 28TH MARCH 2003 BY THE CHAIRMAN OF THANH HOA PEOPLE'S COMMITTEE ON POLICY ON LABOR AND EXPERT EXPORT

(extract)

Overall goal: For the period of 2003-2010, the Province strives to dispatch 40.000 to 45.000 labour to work in foreign countries under time contract.

With regards to labor export, priority is given to those who live in rural areas, families with preferential treatment, poor households, demobilized soldiers, redundant labour due to SOEs reshuffle.

1. Policy on seed capital for laborers working abroad:

- Encourage laborers to be active in mobilizing money from their family and relatives or friends who are working abroad.

- Commercial banks continue to implement Decision No.440?QD-NHNN dated April 17th, 2001 of the Governor of the State Bank of Vietnam and Instruction No.392?NHNo-TD dated Feb.21st, 2003 of the General Director of Vietnam's Agriculture and Rural Development Bank on providing loan provided to laborers who are going to work abroad under time contract. Capital mobilization should be intensified in order to ensure adequate loan for those who meet all criteria and want to borrow money for working abroad.

2. Apart from the annual training budget directly allocated, through training agencies, to laborers who are going to work abroad under time contract, 50% of the tuition overhead for skill refreshing, learning foreign languages and orientation sessions will be covered by the provincial budget.

3. Support to labor export companies in the province in exploring new labor markets abroad.

4. Regularly organize employment and labor export fairs in the province.

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

MỜI GỌI ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2005 VÀ NĂM 2010

I. Công nghiệp - Xây dựng

1. ***Chương trình phát triển các cụm công nghiệp làng nghề trong toàn tỉnh:***

- Mục tiêu: xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề tại các huyện, thị, phát triển sản xuất hàng mây tre đan, thảm, chiếu cói, cơ khí nhỏ, gốm sứ, chế biến hải sản, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống.
- Địa điểm: các huyện thị trong toàn tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: đến năm 2010 xây dựng 40 cụm với quy mô 5 - 20 ha.
- Tổng vốn đầu tư: 5 - 15 tỷ đồng/cụm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

2. ***Sản xuất linh kiện thiết bị điện gia dụng***

- Mục tiêu: sản xuất các linh kiện, thiết bị điện gia dụng phục vụ thị trường trong tỉnh, trong nước.
- Địa điểm: Khu công nghiệp Lễ Môn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

3. ***Nhà máy sản xuất cấu kiện thép***

- Mục tiêu: xây dựng nhà máy sản xuất, chế tạo kết cấu thép phục vụ cho nhu cầu sản xuất, xây dựng.
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh Gia - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: trên 100.000 tấn/năm
- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 8 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

4. ***Đóng và sửa chữa phương tiện thuỷ***

- Mục tiêu: đóng và sửa chữa tàu biển cỡ 1 vạn tấn trở lên, tàu thuyền phục vụ đánh bắt hải sản
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh Gia - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: 2 triệu tấn/năm
- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

5. ***Cụm công nghiệp dệt may***

- Mục tiêu: xây dựng cụm công nghiệp dệt may từ kéo sợi đến dệt nhuộm hoàn tất vải tổng hợp và các loại vải khác, sản xuất phụ liệu ngành may
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn, Lễ Môn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: kéo sợi bông và sợi tổng hợp 30.000 cọc, dệt nhuộm vải tổng hợp 20 triệu m/năm; dệt vải sơ mi 10 triệu m/năm; dệt vải quần 10 triệu m/năm; sản xuất sợi Polyester 30.000 tấn/năm.
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

6. ***Nhà máy sản xuất đồ gỗ, bao bì***

- Mục tiêu: xây dựng nhà máy đồ gỗ, gỗ ván ép, bao bì
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh gia - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: công suất 5 - 7 triệu m^3/năm
- Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

7. Nhà máy đúc cấu kiện bê tông

- Mục tiêu: xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông dùng trong công nghiệp, xây dựng.
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh Gia - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: 100.000 m^3/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

8. Xây dựng mới nhà máy xi măng

- Mục tiêu: sản xuất xi măng Portland
- Địa điểm: Phố Cống - huyện Ngọc Lặc, Yên Thái - Nông Cống
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: 1,4 triệu tấn/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

9. Nhà máy sợi thuỷ tinh

- Địa điểm: Khu Công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

10. Lắp ráp, sản xuất thiết bị khai thác mỏ, xây dựng, giao thông các loại

- Mục tiêu: chế tạo phụ tùng, thiết bị, nội địa hoá lắp ráp.
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

11. Lắp ráp, sản xuất xe ô tô tải thông dụng

- Mục tiêu: chế tạo phụ tùng, nội địa hoá lắp ráp
- Địa điểm: Khu công nghiệp Bỉm Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

12. Sản xuất phân bón NPK

- Mục tiêu: sản xuất phân bón hỗn hợp NPK
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: 300.000 tấn/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp

13. Sản xuất đá marble

- Mục tiêu: sản xuất đá ốp lát xuất khẩu
- Địa điểm: các huyện trong tỉnh
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: năng lực hiện tại của các cơ sở sản xuất trong tỉnh khoảng 1,3 triệu m^2, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng công suất lên 2,8 - 3 triệu m^2
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

14. Sản xuất Soda

- Mục tiêu: sản xuất Soda
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô dự kiến: 200.000 tấn/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

15. Sản xuất khí hoá lỏng

- Mục tiêu: sản xuất khí hoá lỏng phục vụ công nghiệp và dân dụng
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

16. Luyện Cromit, sản xuất thép Ferro chrome

- Mục tiêu: xây dựng nhà máy luyện quặng cromit, sản xuất thép Ferro chrome
- Địa điểm: Khu Công nghiệp Nghi Sơn

- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

17. Sản xuất giày, dép túi, xuất khẩu

- Mục tiêu: sản xuất sản phẩm từ da, giả da các loại
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

18. Nhà máy vật liệu cơ khí xây dựng

- Mục tiêu: sản xuất sản phẩm cơ khí xây dựng đa dạng (bản lề, khoá...)
- Địa điểm: Khu công nghiệp Bỉm Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

19. Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học

- Mục tiêu: sản xuất thuốc bảo vệ thực vật sinh học, an toàn cho người
- Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công nghiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

20. Đầu tư các nhà máy may mặc xuất khẩu

- Mục tiêu: đầu tư các nhà máy may thu hút lao động tại các huyện đồng bằng, thị xã Bỉm Sơn và thành phố Thanh Hoá
- Địa điểm: huyện Nga Sơn, Bỉm Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoằng Hoá, Quảng Xương, Tĩnh Gia, thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: (tuỳ từng dự án)
- Quy mô: mỗi địa điểm có 1 - 2 nhà máy, với quy mô 1.000 thiết bị trở lên.
- Tổng vốn đầu tư:
- Địa chỉ liên hệ: Sở Công ngtiệp Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.227
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Công nghiệp Thanh Hoá

II. Dịch vụ - Du lịch

1. Trùng tu tôn tạo di tích lịch sử văn hoá thành nhà Hồ

- Mục tiêu: trùng tu tôn tạo Thành nhà Hồ, các hạng mục công trình trong và ngoài thành, bảo tồn di tích lịch sử
- Địa điểm: xã Vĩnh Long, Vĩnh Tiến - huyện Vĩnh Lộc - Thanh Hoá
- Địa chỉ liên hệ: Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 34 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.059
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá

2. Đầu tư khu du lịch sinh thái xã Quảng Cư

- Mục tiêu: đầu tư khu du lịch sinh thái gồm các khu vực vui chơi giải trí kết hợp tắm biển trên diện tích 325 ha
- Địa điểm: Xã Quảng Cư, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 6 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.821.318
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn

3. Đầu tư khu du lịch Nam Sầm Sơn

- Mục tiêu: đầu tư khu du lịch, nhà nghỉ, khách sạn cao cấp
- Địa điểm: Quảng Hùng, Quảng Xương
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Xương
+ Địa chỉ: thị trấn Lưu Vệ - Quảng Xương
+ Điện thoại: 037. 863.021
+ Người đại diện: Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Xương

4. Đầu tư khu du lịch sinh thái suối cá Cẩm Lương

- Mục tiêu: đầu tư khu vui chơi giải trí kết hợp du lịch sinh thái
- Địa điểm: xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thuỷ, Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư: 2 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Du lịch Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 34 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 852.298
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Du lịch Thanh Hoá

5. Đầu tư Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê

- Mục tiêu: xây dựng Trung tâm thương mại với quy mô 9 - 12 tầng
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 27 Trần Phú - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.152
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố

6. Đầu tư khu du lịch văn hoá Hàm Rồng

- Mục tiêu: xây dựng khu du lịch văn hoá Hàm Rồng là nơi vui chơi giải trí với các tính chất: du lịch sinh thái cảnh quan; du lịch văn hoá lịch sử; du lịch hội nghị, hội thảo; du lịch nhân văn; du lịch cắm trại, thể dục - thể thao.
- Địa điểm: Phường Hàm Rồng - thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: 568,8 ha
- Tổng vốn đầu tư: 21 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 27 Trần Phú - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 852.152
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

7. Dựng công viên trung tâm thành phố Thanh Hoá

- Mục tiêu: xây dựng khu công viên vui chơi giải trí
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư: 3,5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 27 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.152
+ Người đại diện: Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá

III. Nông, lâm, ngư nghiệp

1. Đầu tư phát triển dâu tằm tơ

- Mục tiêu: quy hoạch trồng mới 5.000 ha dâu tằm, xây dựng trung tâm sản xuất và khảo nghiệm giống dâu tằm; xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm dâu tằm tơ.
- Địa điểm: huyện Yên Định, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hoá, Cẩm Thuỷ.
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư: 6 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 41 Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.855.308
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

2. Xây dựng hệ thống chăn nuôi lợn nạc

- Mục tiêu: xây dựng hệ thống chăn nuôi hiện đại, sản xuất lợn giống ngoại cung cấp cho chăn nuôi và xuất khẩu.
- Địa điểm: huyện Yên Định
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Tổng vốn đầu tư: 7 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân huyện Yên Định

+ Địa chỉ: thị trấn Quán Lào
+ Điện thoại: 037.869. 202
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện

3. Trồng và chế biến cây ăn quả

- Mục tiêu: trồng cây ăn quả để chế biến xuất khẩu và tiêu dùng nội địa
- Địa điểm: tại các huyện trung du và bán sơn địa
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: diện tích 5.000 ha
- Tổng vốn đầu tư: 6 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 41 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.855.308
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4. Trồng rừng nguyên liệu giấy

- Mục tiêu: trồng rừng nguyên liệu đảm bảo cho nhà máy giấy 6 - 10 vạn tấn/năm
- Địa điểm: các huyện miền núi và bán sơn địa
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: 6.570 nghìn ha
- Tổng vốn đầu tư: 52 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 41 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.855.308
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Nuôi tôm công nghiệp

- Mục tiêu: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nuôi tôm công nghiệp ở các huyện ven biển
- Địa điểm: các huyện miền biển Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hoá, Quảng Xương, Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc vay vốn ODA
- Quy mô: 1.000 - 1.500 ha
- Tổng vốn đầu tư: 8 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Thuỷ sản Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 103 Nguyễn Trãi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 857.882
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Thuỷ sản Thanh Hoá

6. Đầu tư trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thuỷ sản

- Mục tiêu: đầu tư trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thuỷ sản, xây dựng mới trại thực nghiệm nuôi thuỷ sản, bảo tồn đa dạng sinh học biển đối với loài tôm, cá quý hiếm.
- Địa điểm: các huyện
- Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc vay vốn ODA
- Tổng vốn đầu tư: 6 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Thuỷ sản Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 103 Nguyễn Trãi, thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 857.882
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Thuỷ sản Thanh Hoá

7. Đầu tư nhà máy chế biến thịt lợn xuất khẩu

- Mục tiêu: đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thịt lợn xuất khẩu
- Địa điểm: Yên Định, Hoằng Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: + Chế biến thịt lợn mảnh xuất khẩu 10.000 tấn/năm
+ Chế biến thịt lợn xuất khẩu 850 tấn/năm
- Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá
+ Địa chỉ: thị trấn Quán Lào - Yên Định
+ Điện thoại: 037.896.202
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện

8. Đầu tư nhà máy chế biến thuỷ sản

- Mục tiêu: xây dựng mới nhà máy chế biến thuỷ sản với công nghệ hiện đại để nâng cao sản lượng và chất lượng thuỷ sản xuất khẩu
- Địa điểm: Tĩnh Gia - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Quy mô: công suất 2.500 - 3.000 tấn/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Thuỷ sản Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 103 Nguyễn Trãi - Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 857.882
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Thủy sản Thanh Hoá

IV. Hạ tầng kỹ thuật

A. Giao thông

1. Xây dựng cảng sông Lèn

- Mục tiêu: xây dựng cảng sông Lèn cho tàu dưới 1.000 tấn ra vào thuận lợi
- Địa điểm: huyện Hà Trung
- Hình thức đầu tư: ODA hoặc BT
- Địa chỉ liên hệ: Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 42 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037. 857.302
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá

2. Xây dựng cầu cảng số 2 Nghi Sơn

- Mục tiêu: xây dựng cầu cảng số 2 Nghi Sơn đảm bảo tàu 3 vạn tấn ra vào thuận lợi
- Địa điểm: Cảng Nghi Sơn - Tĩnh Gia
- Hình thức đầu tư: liên doanh liên kết, vay vốn ODA
- Địa chỉ liên hệ: Sở Giao thông vận tải
+ Địa chỉ: 42 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.857.302
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá

3. Nâng cấp đường giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá

- Mục tiêu: sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông trong tỉnh theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải giai đoạn 2001 - 2005 nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá
- Địa điểm: các huyện Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước và các huyện khác.
- Hình thức đầu tư: Vay vốn ODA

- Tổng vốn đầu tư: 18,7 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 42 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.857.302
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải Thanh Hoá

B. Thuỷ lợi

1. Khôi phục, cải tạo hệ thống tiêu huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hoá

- Mục tiêu: đầu tư nâng cấp đảm bảo tiêu thoát nước vào mùa mưa cho huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hoá
- Địa điểm: huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: liên doanh, vay vốn ODA
- Quy mô: công trình cấp IV, tần xuất tiêu P =10%; nạo vét các trục tiêu; xây dựng các công trình giao thông, một số công trình thoát lũ trên kênh; xây dựng 2 trạm bơm tiêu úng trong vùng.
- Tổng vốn đầu tư: 6,7 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 41 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.855.308
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá

2. Quai đê lấn biển phát triển kinh tế vùng biển Nga Sơn

- Mục tiêu: đắp đê lấn biển, xây dựng các công trình đường giao thông, điện, cống qua đê, mương máng phục vụ nuôi trồng thuỷ hải sản, trồng cói.
- Địa điểm: huyện Nga Sơn
- Hình thức đầu tư: ODA
- Quy mô: mở rộng 700 - 800 ha bãi bồi
- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 10 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân huyện Nga Sơn
+ Địa chỉ: Nga Sơn - Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.872.132
+ Người đại diện: Uỷ ban nhân dân huyện Nga Sơn

C. Bưu chính viễn thông

1. Xây dựng Trung kế cáp quang cho các tổng đài Quan Hoá, Mường Lát, Na Mèo tỉnh Thanh Hoá

- Mục tiêu: xây dựng tuyến cáp quang Đồng Tâm - Quan Hoá - Mường Lát và Quan Sơn - Na Mèo; lắp đặt các thiết bị quang và các thiết bị phụ trợ.
- Địa điểm: huyện Bá Thước, Quan Hoá, Mường Lát v khu vực cửa khẩu Na Mèo tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Bưu điện tỉnh Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 33 Trần Phú - phường Điện Biên - thành ph Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.221
+ Người đại diện: Giám đốc Bưu điện tỉnh Thanh Hoá

D. Hạ tầng công cộng

1. Thu gom và xử lý nước thải thị xã Sầm Sơn

- Mục tiêu: xây dựng hệ thống thoát nước mưa; hệ thốn thu gom nước thải.
- Địa điểm: thị xã Sầm Sơn
- Hình thức đầu tư: vay vốn ODA
- Tổng vốn đầu tư: 10 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn
+ Địa chỉ: thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
+ Điện thoại:037.821.318
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Sầm Sơn

2. Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thanh Hoá

- Mục tiêu: đảm bảo việc thoát nước cho thành phố Thanh Hoá, đầu tư khu vực xử lý nước đảm bảo vệ sinh môi trường
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư:18 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 27 Trần Phú - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 307.852.152
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

3. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị thu gom, vận tải và xử lý chất thải rắn thành phố Thanh Hoá - thị xã Sầm Sơn

- Mục tiêu: xử lý 250 - 300 tấn rác/ngày cho 2 đô thị: thành phố Thanh Hoá, thị xã Sầm Sơn và xử lý bãi rác cũ đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá - thị xã Sầm Sơn

- Hình thức đầu tư: vay vốn ODA
- Tổng vốn đầu tư: 7 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 27 Trần Phú - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.852.152
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá

4. Đầu tư cấp nước sinh hoạt cho các huyện lỵ miền núi tỉnh Thanh Hoá

- Mục tiêu: xây dựng 11 hệ thống cấp nước tập trung tại 11 huyện lỵ miền núi
- Địa điểm: 11 huyện miền núi Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Quy mô: dự kiến 600 - 650 m^3 ngày đêm/hệ thống
- Tổng vốn đầu tư: 6,3 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân 11 huyện miền núi
+ Địa chỉ: Uỷ ban nhân dân 11 huyện miền núi
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân 11 huyện miền núi

5. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng

- Mục tiêu: xây dựng đô thị loại IV với các tính chất, chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội phía Tây tỉnh Thanh Hoá
- Địa điểm: huyện Thọ Xuân
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 24 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Uỷ ban nhân dân huyện Thọ Xuân
+ Địa chỉ: thị trấn huyện Thọ Xuân
+ Điện thoại: 037.833.214
+ Người đại diện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện

6. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nghi Sơn

- Mục tiêu: xây dựng cơ sở hạ tầng và trung tâm đô thị phía Nam của tỉnh Thanh Hoá
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh Gia
- Địa chỉ liên hệ: Ban Quản lý Khu đô thị Nghi Sơn
+ Địa chỉ: huyện Tĩnh Gia
+ Điện thoại: 037. 610.359
+ Người đại diện: Trưởng ban Ban Quản lý Khu đô thị Nghi Sơn

7. Xây dựng các khu đô thị mới

- Mục tiêu: xây dựng các khu đô thị mới ven sông Mã, khu đô thị nối thành phố Thanh Hoá với thị xã Sầm Sơn và khu đô thị mới Nghi Sơn.
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá, thị xã Sầm Sơn, Nghi Sơn
- Hình thức đầu tư: (tuỳ thuộc từng dự án)
- Địa chỉ liên hệ: Sở Xây dựng Thanh Hoá
+ Địa chỉ: 36 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.757.371
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hoá

V. Hạ tầng xã hội

A. Giáo dục - đào tạo

1. Đầu tư Trường Đại học Hồng Đức

- Mục tiêu: dự án đã được Chính phủ phê duyệt với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các tỉnh lân cận; nâng cấp trang thiết bị dạy và học tại trường; nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên và sinh viên của trường.
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 22 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Hồng Đức
+ Địa chỉ: 307 Lê Lai - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.910.963
+ Người đại diện: Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức

2. Đầu tư trường đại học dân lập

- Mục tiêu: đầu tư đồng bộ trường đại học đảm bảo đào tạo hàng năm 4.000 - 5.000 sinh viên
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Giáo dục và Đào tạo
+ Địa chỉ: số 2 Hà Văn Mao - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.499
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Thanh Hoá

3. Trường công nhân kỹ thuật Nghi Sơn

- Mục tiêu: xây dựng mới với quy mô 1.000 học sinh
- Địa điểm: Nghi Sơn - Tĩnh Gia
- Hình thức đầu tư: vay vốn ODA
- Tổng vốn đầu tư: 7 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
+ Địa chỉ: Tô Vĩnh Diện - Điện Biên - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.856.705
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

4. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo dạy nghề tại Trường Trung học Thuỷ sản Thanh Hoá

- Mục tiêu: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao quy mô 1.500 - 2.000 học sinh/năm; nâng cao trình độ cán bộ giáo viên, đáp ứng được yêu cầu của khoa học, công nghệ và thực tiễn sản xuất. Xây dựng các xưởng thực hành, cơ sở thực nghiệm, trại, phòng thí nghiệm.
- Địa điểm: huyện Quảng Xương, cảng Hới, Sầm Sơn, tại trường.
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 5,5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Trường Trung học Thuỷ sản Thanh Hoá

+ Địa chỉ: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.
+ Điện thoại: 037. 911.453
+ Người đại diện: Hiệu Trưởng Trường Trung học Thủy sản Thanh Hoá

5. Đầu tư Trường Công nhân Kỹ thuật Ngọc Lặc

- Mục tiêu: Đầu tư trường công nhân kỹ thuật, đào tạo nghề cho con em các dân tộc thuộc các huyện trung du miền núi
- Địa điểm: huyện Ngọc Lặc
- Hình thức đầu tư: liên doanh liên kết hoặc vay vốn ODA
- Quy mô: đào tạo nghề cho 1.200 - 1.500 học sinh/năm
- Địa chỉ liên hệ: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

+ Địa chỉ: đường Tô Vĩnh Diện - phường Điện Biên - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.856.705
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

B. Y tế

1. Đầu tư trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá

- Mục tiêu: nâng cấp bệnh viện phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân với quy mô 600 giường bệnh
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 8,8 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Y tế Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 42 Lê Quý Đôn - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.190
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

2. Xây dựng mới Bệnh viện nhi Thanh Hoá

- Mục tiêu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân tỉnh Thanh Hoá với quy mô 500 giường bệnh
- Địa điểm: phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: vay vốn ODA, BT
- Tổng vốn đầu tư: 14 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Y tế Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 42 Lê Quý Đôn - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.190
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

3. Xây dựng mới bệnh viện đa khoa khu vực

- Mục tiêu: đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong huyện và các huyện lân cận
- Địa điểm: thị trấn Ngọc Lặc - Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: ODA
- Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Y tế Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 42 Lê Quý Đôn - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.190
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

4. Xử lý chất thải lỏng bệnh viện tuyến huyện, tỉnh

- Mục tiêu: xử lý chất thải lỏng bệnh viện, đảm bảo vệ sinh môi trường của 27 bệnh viện tuyến huyện và 4 bệnh viện tuyến tỉnh.
- Địa điểm: tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện
- Hình thức đầu tư: vốn vay, ODA không hoàn lại.
- Tổng vốn đầu tư: 6 triệu USD
- Địa chỉ liên hệ: Sở Y tế Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 42 Lê Quý Đôn - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.190
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

5. Đầu tư bệnh viện tư nhân

- Mục tiêu: xây dựng bệnh viện đa khoa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh với quy mô 300 giường bệnh
- Địa điểm: thành phố Thanh Hoá
- Hình thức đầu tư: các hình thức
- Địa chỉ liên hệ: Sở Y tế Thanh Hoá

+ Địa chỉ: 42 Lê Quý Đôn - thành phố Thanh Hoá
+ Điện thoại: 037.853.190
+ Người đại diện: Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá

Các nhà đầu tư khi đầu tư vào Thanh Hoá muốn biết thêm thông tin

xin liên hệ theo địa chỉ

1. **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**
- Địa chỉ: 35 Đại lộ Lê Lợi - thành phố Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại: 84.37.852246
- Fax: 84.37.851255
- Email:

2. **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THANH HOÁ**
- Địa chỉ: 45 Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại: 84.37.852366
- Fax: 84.37.851451
- Email: dpithoa@hn.vnn.vn

3. **TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THANH HOÁ**
- Địa chỉ: 46 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại: 84.37.755197
- Fax: 84.37.755198

LIST OF PROGRAMMES AND PROJECTS

CALLING FOR INVESTMENT TO THE YEAR 2005 AND 2010

I. Industry - construction

1. ***Programme to develop industrial groups for occupational villages in the whole province***
- Goal: Constructing industrial groups for occupational villages in districts and townships, developing the production of rattan and bamboo wearing, rush carpet and mat, small-scale mechanical products, porcelain and ceramic, seafood processing, and traditional handicrafts
- Location: Every district in Thanh Hoa
- Investment form: Various
- Estimated scale: 40 groups of 5-20 hectares by 2010
- Total investment capital: VND5-15 billion (324,000-970,000 USD/group)

2. ***Production of components for household electric appliances***
- Goal: Producing components, household electric appliances for the provincial and domestic markets
- Location: Le Mon Industrial Park (IP)
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

3. ***Steel structure producing plant***
- Goal: Constructing a plant to manufacture steel struc-

ture for construction and production demand
- Location: Nghi Son, Tinh Gia - Thanh Hoa
- Investment form: Various
- Scale: Above 100,000 tonnes/year
- Total investment capital: 8 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

4. Building and repairing ships
- Goal: Building and repairing sea-line ships of from 10,000 tonnes or above and fishing ships
- Location: Nghi Son, Tinh Gia - Thanh Hoa
- Investment form: Various
- Scale: 2 million tonnes/year
- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

5. Textiles and garments industrial group
- Goal: Constructing a textiles and garments industrial group, producing garment spare parts
- Location: Nghi Son IP, Le Mon IP
- Investment form: Various
- Scale: spinning 30,000 cotton and composite fibre pickets; weaving and dying 20 million metres of composite cloth/year; weaving 10 million metres of trouser cloth/year; weaving 10 million metres of T-shirt cloth/year; producing 30,000 tonnes of polyester cloth/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

6. Wooden products and pack producing plant
- Goal: constructing a plant to produce wooden products, plywood and pack
- Location: Nghi Son IP, Tinh Gia District
- Investment form: Various
- Scale: capacity of around 5-7 million cubic metres/year
- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

7. Concrete structure molding plant
- Goal: constructing a plant to manufacture concrete structures for construction and industries
- Location: Nghi Son, Tinh Gia
- Investment form: Various
- Estimated scale: 100,000 cubic metres/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

8. Constructing a new cement plant
- Goal: producing Portland cement
- Location: Pho Cong, Ngoc Lac District; Yen Thai, Nong Cong District
- Investment form: Various
- Estimated scale: 1.4 million tonnes/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

9. Glass fibre producing plant
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

10. Assembling, producing mining, construction and traffic equipment and facilities
- Goal: manufacturing and localising equipment and facilities
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

11. Assembling, producing normal trucks
- Goal: manufacturing spare parts, localising the assem-

bling work
- Location: Bim Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

12. Producing NPK fertilizer
- Goal: producing NPK fertilizer
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Estimated scale: 300,000 tonnes/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

13. Producing marble
- Goal: producing marble tile for export
- Location: districts in the province
- Investment form: Various
- Estimated scale: raising the current capacity of 1.3 million square metres to 2.8-3 million square metres/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

14. Producing soda
- Goal: producing soda
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Estimated scale: 200,000 tonnes/year
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

15. Producing liquidised gas
- Goal: producing liquidised gas for industrial and civilian purposes
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

16. Refining chromite ore, producing Ferro chrome steel
- Goal: constructing a plant to refine chromite ore and produce Ferro chrome steel
- Location: Nghi Son IP
- form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

17. Producing footwear, handbags for export
- Goal: producing leather and leather-like accessories
- Location: Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

18. Construction material and mechanical plant
- Goal: producing various mechanical and construction products such as locks and hinges
- Location: Bim Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

19. Producing biologically-sourced pesticides
- Goal: producing user-friendly biologically-sourced pesticides
- : Nghi Son IP
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

20. Investing in export garments producing plants
- Goal: constructing textile plants that attracts labour from delta districts, Bim Son Town and Thanh Hoa City
- Location: districts of Nga Son, Bim Son, Ha Trung, Hau Loc, Hoang Hoa, Quang Xuong, Tinh Gia, and

Thanh Hoa City
- Investment form: Project-based
- Scale: 1-2 plants in each location
- Contact address: Thanh Hoa Industry Department
+ Address: 45 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.227
+ Representative individual: Director

II. Service - Tourism

1. Restoring the Ho Citadel historical site
- Goal: restoring and preserving the Ho Citadel and projects inside and outside
- Location: Vinh Long and Vinh Tien communes, Vinh Loc District
- Contact address: Thanh Hoa Culture and Information Department
+ Address: 34 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.059
+ Representative individual: Director

2. Investing in the ecological tourism area of Quang Cu Commune
- Goal: investing a 325-hectare tourism area that include entertainment and beach sections
- Location: Quang Cu Commune, Quang Xuong District
- Investment form: Various
- Total investment capital: 6 million USD
- Contact address: Sam Son Town People's Committee
+ Address: Sam Son Town, Thanh Hoa
+ Tel: 037.821.318
+ Representative individual: Chairman

3. Investing in the Nam Sam Son (Sam Son South) tourism area
- Goal: investing in a tourism, resort and high-ranking hotel area
- Location: Quang Hung Commune, Quang Xuong District
- Investment form: Various
- Contact address: Quang Xuong District People's Committee
+ Address: Luu Ve Township, Quang Xuong District
+ Tel: 037.863.021
+ Representative individual: Chairman

4. Investing in the Cam Luong streamline eco-tourism area
- Goal: investing in an eco tourist and entertainment area
- Location: Cam Luong Commune, Cam Thuy District
- Investment form: Various
- Total investment capital: 2 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Tourism Department
+ Address: 34 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.298
+ Representative individual: Director

5. Investing in an office-for-lease and commercial centre
- Goal: constructing a 9-12 storey commercial centre
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: Various
- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Municipal People's Committee
+ Address: 27 Tran Phu Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.152
+ Representative individual: Chairman

6. Investing in the Ham Rong cultural tourism area
- Goal: constructing an areas for ecological, cultural and historical tourism, conferences, camping and sports.
- Location: Ham Rong Ward, Thanh Hoa City
- Investment form: Various
- Scale: 568.8 hectares
- Total investment capital: 21 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Municipal People's Committee
+ Address: 27 Tran Phu Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.152
+ Representative individual: Chairman

7. Constructing the central park of Thanh Hoa City
- Goal: constructing an entertainment park
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: Various
- Total investment capital: 3.5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Municipal People's Committee
+ Address: 27 Tran Phu Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.152

+ Representative individual: Chairman

III. Agriculture - forestry - aquaculture

1. Investing in and developing silkworms and silk

- Goal: Planning and growing 5,000 hectares of mulberry; constructing a silkworm mulberry strain producing and research centre; constructing a plant for silk products
- Location: districts of Yen Dinh, Tho Xuan, Trieu Son, Quang Xuong, Hoang Hoa, Cam Thuy...
- Investment form: Various
- Total investment capital: 6 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Agriculture and Rural Development Department

+ Address: 41 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.855.308
+ Representative individual: Director

2. Constructing a system of breeding lean pigs

- Goal: constructing a modern pig growing system; producing pig breeds for husbandry and export
- Location: Yen Dinh District
- Investment form: Various
- Total investment capital: 7 million USD
- Contact address: Yen Dinh District People's Committee

+ Address: Quan Lao Township
+ Tel: 037.869.202
+ Representative individual: Chairman

3. Growing and processing fruit plants

- Goal: growing and processing fruit for domestic and foreign markets
- Location: mid-land and mid-mountain districts
- Investment form: Various
- Scale: 5,000 hectares
- Estimated total investment capital: 6 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Agriculture and Rural Development Department

+ Address: 41 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.855.308
+ Representative individual: Director

4. Paper material forestration

- Goal: growing material forests to supply a paper plant 60,000-80,000 tonnes/year
- Location: Mountainous and mid-land districts
- Investment form: Various
- Scale: 65,000-70,000 hectares
- Estimated total investment capital: 52 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Agriculture and Rural Development Department

+ Address: 41 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.855.308
+ Representative individual: Director

5. Industrial shrimp growing

- Goal: investing in infrastructure, developing industrial shrimp growing in coastal districts
- Location: districts of Nga Son, Hau Loc, Hoang Hoa, Quang Xuong and Tinh Gia
- Investment form: Joint venture or ODA loans
- Scale: 1,000-1,500 hectares
- Total investment capital: 8 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Fishery Department

+ Address: 103 Nguyen Trai, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.882
+ Representative individual: Director

6. Investing in an aquacultural breeds research and producing centre

- Goal: investing in an aquacultural breeds research and producing centre; constructing new shrimp growing experimental camps; preserving marine bio-diversity
- Location: districts
- Investment form: Joint venture or ODA loans
- Total investment capital: 6 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Fishery Department

+ Address: 103 Nguyen Trai, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.882
+ Representative individual: Director

7. Investing in an export pork processing plant

- Goal: constructing an export pork processing plant
- Location: districts of Yen Dinh and Hoang Hoa
- Investment form: Various
- Scale:

+ 10,000 tonnes of export pork/year
+ piglets of 850 tonnes/year

- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Yen Dinh District People's Committee

+ Address: Quan Lao Township
+ Tel: 037.869.202

+ Representative individual: Chairman

8. Investing in an aqua products processing plant

- Goal: constructing a modern fishery processing plant so as to raise export fishery capacity and quality
- Location: Tinh Gia District
- Investment form: Various
- Scale: Capacity of 2,500-3,000 tonnes/year
- Contact address: Thanh Hoa Fishery Department
+ Address: 103 Nguyen Trai, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.882
+ Representative individual: Director

IV. Technical Infrastructure

A. Traffic and Transport

1. Constructing Len River port

- Goal: constructing the Len River port for up to 1,000-tonne ships
- Location: Ha Trung District
- Investment form: ODA, BT
- Contact address: Thanh Hoa Traffic and Transport Department
+ Address: 42 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.302
+ Representative individual: Director

2. Constructing Nghi Son wharf 2

- Goal: constructing a wharf for up to 30,000-tonne ships
- Location: Nghi Son Port, Tinh Gia District
- Investment form: Joint venture, ODA loans
- Contact address: Thanh Hoa Traffic and Transport Department
+ Address: 42 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.302
+ Representative individual: Director

3. Upgrading rural roads

- Goal: repairing, upgrading roads in the province in line with the 2001-2005 traffic and transport planning so as to help meet with socio-economic development goals of the province
- Location: districts of Nhu Xuan, Thuong Xuan, Ba Thuoc and other districts
- Investment form: ODA loans
- Total investment capital: 18.7 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Traffic and Transport Department
+ Address: 42 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.857.302; Mobile: 0913293360
+ Representative individual: Director

B. Irrigation

1. Restoring and improving the irrigation system in Dong Son District and Thanh Hoa City

- Goal: upgrading the system to ensure drainage of water during the rainy season in Dong Son District and Thanh Hoa City
- Location: Dong Son District
- Investment form: Joint venture, ODA loans
- Scale: A fourth-level project with drainage capacity (P) of 10 percent; constructing two submerging treatment pump stations and other concerning facilities
- Total investment capital: 6.7 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Agriculture and Rural Development Department
+ Address: 41 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.855.308
+ Representative individual: Director

2. the dyke to encroach the sea in Nga Son District

- Goal: embanking the sea dyke, constructing transport, power and sewer facilities through the dyke and channels that serves fishery and rush growing
- Location: Nga Son District
- Investment form: ODA
- Scale: Expanding by 700-800 hectares of the earth-embanking area
- Total investment capital: 10 million USD
- Contact address: Nga Son District People's Committee
+ Address: Nga Son Township, Nga Son District
+ Tel: 037.872.132
+ Representative individual: Chairman

C. Post and Telecommunications

1. Constructing the mid-voltage optical fibre system for switchboards in Quan Hoa, Muong Lat and Na Meo

- Goal: constructing the optical fibre line of Dong Tam - Quan Hoa - Muong Lat and Quan Son - Na Meo; installing optical fibre instruments and sub-equipment
- Location: districts of Ba Thuoc, Quan Hoa, Muong Lat

and Na Meo bordergate
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Post Office
+ Address: 33 Tran Phu, Dien Bien Ward, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.221 - 757414
+ Representative individual: Director

D. Public infrastructure

1. Collecting and treating sewage in Sam Son Town
- Goal: constructing a rain water drainage and sewage collecting system
- Location: Sam Son Town
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 10 million USD
- Contact address: Sam Son Town People's Committee
+ Address: Sam Son Town
+ Tel: 037.821.318
+ Representative individual: Chairman

2. Constructing sewage drainage and treatment system of Thanh Hoa City
- Goal: ensuring water drainage and treatment for Thanh Hoa City
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 18 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Municipal People's Committee
+ Address: 27 Tran Phu Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.152
+ Representative individual: Chairman

3. Investing the system to collect, transport and treat solid waste in Thanh Hoa City - Sam Son Town
- Goal: treating 250-300 tonnes of waste/day for the two urban areas; resolving the old dumping site
- Location: Thanh Hoa City, Sam Son Town
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 7 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Municipal People's Committee
+ Address: 27 Tran Phu Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.852.152
+ Representative individual: Chairman

4. Investing in fresh water supply for mountainous districts in the province
- Goal: constructing 11 intensive drainage systems in 11 mountainous district capitals
- Location: 11 mountainous districts
- Investment form: ODA
- Scale: 600-650 cubic metres/day per system
- Total investment capital: 6.3 million USD
- Contact address: 11 district people's committees
+ Representative individual: Chairman

5. Constructing technical infrastructure for the Lam Son - Sao Vang urban area
- Goal: constructing a fourth-class urban area that functions as a socio-economic centre for western Thanh Hoa; an agricultural and forestry products processing area
- Location: Tho Xuan District
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 24 million USD
- Contact address: Tho Xuan District People's Committee
+ Address: Tho Xuan Township
+ Tel: 037.833.214
+ Representative individual: Chairman

6. Constructing technical infrastructure for the Nghi Son urban area
- Goal: constructing infrastructure and the centre of the urban area in southern Thanh Hoa that covers 10.000 hectares of land and was approved by the Prime Minister
- Location: Nghi Son, Tinh Gia District
- Contact address: Nghi Son Urban Area Management Board
+ Address: Tinh Gia District
+ Tel: 037.610.359
+ Representative individual: Chief

7. Constructing new urban areas
- Goal: constructing new urban areas by the Ma River; the urban areas linking Thanh Hoa City and Sam Son Town and the new urban area in Nghi Son
- Location: Thanh Hoa City, Sam Son Town and Nghi Son, Tinh Gia District

- Investment form: Project-based
- Contact address: Thanh Hoa Construction Department
+ Address: 36 Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.757.371
+ Representative individual: Director

V. Social Infrastructure

A. Education and Training

1. Investing in Hong Duc University

- Goal: training labour force for Thanh Hoa and neighbouring provinces; upgrading equipment and raising lecturers' capability (This project has been approved by the government)
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 22 million USD
- Contact address: Hong Duc University
+ Address: 307 Le Lai, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.910.963
+ Representative individual: Dean

2. Investing in a private university

- Goal: constructing a university to train 4,000-5,000 students/year
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Education and Training Department
+ Address: 2 Ha Van Mao Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.853.499
+ Representative individual: Director

3. Constructing Nghi Son technical workers school

- Goal: constructing a new school
- Location: Nghi Son, Tinh Gia District
- Investment form: ODA
- Scale: 1,000 students/year
- Total investment capital: 7 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Labour, Invalids and Social Affairs Department
+ Address: To Vinh Dien Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.856.705
+ Representative individual: Director

4. Investing in and upgrading infrastructure for vocational training in the Thanh Hoa Fishery High School

- Goal: training a high-quality labour force of 1,500-2,000 students/year; boosting teachers' capability; constructing practising workshops, camps and laboratories
- Location: the school, Quang Xuong District, Hoi Port, Sam Son Town
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 5.5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Fishery High School
+ Address: Quang Hung Commune, Quang Xuong District
+ Tel: 037.911.453
+ Representative individual: Dean

5. Investing in Ngoc Lac technical workers school

- Goal: investing in a vocational training school for mountainous and mid-land ethnic minorities' children
- Location: Ngoc Lac District
- Scale: Training 1200-1500 workers/year
- Investment form: Joint venture or ODA loans
- Contact address: Thanh Hoa Labour, Invalids and Social Affairs Department
+ Address: To Vinh Dien Street, Dien Bien Ward, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.856.705
+ Representative individual: Director

B. Public Healthcare

1. Investing in equipment for Thanh Hoa provincial general hospital

- Goal: upgrading the hospital to a 600-bed capacity
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 8.8 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Public Healthcare Department
+ Address: 42 Le Quy Don Street, Thanh Hoa City
+ Tel: 037.853.190
+ Representative individual: Director

2. Constructing a new pediatrics hospital of Thanh Hoa

- Goal: constructing a 500-bed hospital to meet with demand of Thanh Hoa people
- Location: Dong Ve Ward, Thanh Hoa City

- Investment form: ODA, BT
- Total investment capital: 14 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Public Healthcare Department
  + Address: 42 Le Quy Don Street, Thanh Hoa City
  + Tel: 037.853.190
  + Representative individual: Director

3. Constructing a new regional general hospital

- Goal: meeting with the regional and neighbouring districts' demand
- Location: Ngoc Lac Township, Ngoc Lac District
- Investment form: ODA
- Total investment capital: 5 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Public Healthcare Department
  + Address: 42 Le Quy Don Street, Thanh Hoa City
  + Tel: 037.853.190
  + Representative individual: Director

4. Treating liquid waste in provincial and district-level hospitals

- Goal: Treating liquid waste in hospitals for 27 district-level and 4 provincial hospitals
- Location: Provincial and district-level hospitals
- Investment form: non-refundable ODA or loans
- Total investment capital: 6 million USD
- Contact address: Thanh Hoa Public Healthcare Department
  + Address: 42 Le Quy Don Street, Thanh Hoa City
  + Tel: 037.853.190
  + Representative individual: Director

5. Investing in a private hospital

- Goal: constructing a 300-bed multi-department hospital for provincial demand
- Location: Thanh Hoa City
- Investment form: Various
- Contact address: Thanh Hoa Public Healthcare Department
  + Address: 42 Le Quy Don Street, Thanh Hoa City
  + Tel: 037.853.190
  + Representative individual: Director

For further informations, please contact

1. THE PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA PROVINCE
   - 35 Le Loi Avenue, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
   - Tel: 84.37.852246
   - Fax: 84.37.851255
   - Email: doingoaithanhhoa@hn.vnn.vn

2. THANH HOA PLANNING AND INVESTMENT DEPARTMENT
   - 45 Le Loi, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
   - Tel: 84.37.852366
   - Fax: 84.37.851451
   - Email: dpithoa@hn.vnn.vn

3. THANH HOA TRADE PROMOTION CENTRE
   - 46 Le Hoan Str, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
   - Tel: 84.37.755197
   - Fax: 84.37.755198
   - Email: thtrade@hn.vnn.vn

Chu Viết Luân
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại

Lời cảm ơn

Kính thưa bạn đọc!

Càng đi sâu khám phá mảnh đất cũng như tâm hồn con người xứ Thanh, chúng ta càng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp và sức sống diệu kỳ của một Việt Nam thu nhỏ - nơi hội tụ hồn thiêng sông núi, nơi mạch ngầm truyền thống vẫn đang bền bỉ chảy không ngừng.

Một Thanh Hoá quật cường trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm với hình ảnh hiên ngang cưỡi voi xung trận của nữ tướng anh hùng Triệu Thị Trinh, với hào khí vang dội của nghĩa quân Lam Sơn, với những Ba Đình, Mã Cao, Hùng Lĩnh,...

Một Thanh Hóa cổ kính với những công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu gắn liền với sự thịnh vượng và suy vong của các triều đại phong kiến Việt Nam, từ Ly Cung, thành nhà Hồ đến điện Lam Kinh, cung điện Yên Trường.

Một Thanh Hóa duyên dáng, đằm thắm mà khoẻ khoắn và căng tràn sức sống với điệu hò sông Mã, hát múa Đông Anh, múa Xuân Phả, chèo chải,...

Một Thanh Hoá tự tin, năng động, hoà nhịp cùng sự chuyển mình của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa với những điển hình xuất sắc đại diện cho mọi thành phần kinh tế. Vị thế của Thanh Hóa trên địa đồ của Tổ quốc hôm nay và mai sau đâu chỉ được tạo dựng nhờ tên tuổi của những danh tướng, những vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa khắc trên bia đá, bảng vàng mà còn nhờ chính những con người bình thường "không ai nhớ mặt đặt tên" nhưng đã "làm nên đất nước" - những con người đang hăng say lao động, lặng thầm cống hiến sức thanh xuân trên những cánh đồng, trên những con thuyền bám biển vươn khơi, trong những nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, công trường.

Đó là những hình ảnh đa chiều, đa diện, những thanh âm, những nhịp đập sống động của mảnh đất Thanh Hoá "địa linh nhân kiệt" - mảnh đất đang vươn lên hội lưu cùng thời đại bằng sức mạnh của quá khứ, của truyền thống lắng đọng, kết tinh suốt mấy ngàn năm.

Đó cũng là nội dung xuyên suốt ấn phẩm ***"Thanh Hoá - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI"*** do Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại biên soạn và phát hành. Hy vọng rằng, đây cũng là cảm nhận của Quý độc giả sau khi ấn phẩm ra mắt và phát hành rộng rãi. Hội đồng Biên soạn xin gửi tới Quý độc giả lời cảm ơn chân thành nhất. Nhân đây, Hội đồng Biên soạn cũng xin ghi nhận và cảm ơn sự chỉ đạo, hỗ trợ và hợp tác cho thành công của ấn phẩm của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Do phạm vi nội dung đề cập trải rộng trên nhiều lĩnh vực, nên ấn phẩm không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Kính mong Quý độc giả thông cảm và đóng góp ý kiến cho những lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CHU VIẾT LUÂN

Acknowledgement

Dear readers,

Dear readers,

The deeper look we have into the land and people of Thanh Hoa, the more we are surprised at the marvellous beauty and life of a miniature of Vietnam – the congregation of the nation's spirits and traditions.

Thanh Hoa with its undaunted people in the historical resistance wars against the invaders with the famous Lady General Trieu Thi Trinh fighting martially on her elephant's back, the sound spirit of Lam Son insurgent army and Ba Dinh, Ma Cao and Hung Linh revolts.

Thanh Hoa with typical ancient architectural works that have witnessed the prosperity and decadency of Vietnamese feudal reigns such as: Ly palace, walls of Ho dynasty, Lam Kinh and Yen Truong Palaces.

Thanh Hoa as a charming and exciting place with the special chanteys on Ma River, Dong Anh song and dance, Xuan Pha dance, etc.

Thanh Hoa as a strong and dynamic province to take part in the nation-wide development in the period of industrialisation and modernisation with outstanding representatives of all economic sectors. Thanh Hoa in the nation's map is marked with not only the ever-famous names of great generals or scholars but also those ordinary people whose names are unknown but "have made the nation" – those who are enthusiastically and silently devoting their hearts and souls to the country from the fields, the sea, factories, enterprises, mines and works.

Thanh Hoa – a holy land of celebrities with all those multi-dimensional images, lively sounds and rhythms is growing rapidly to join the new age with the strengths of traditions accumulated through thousands of years.

Those are the contents throughout the publication ***"Thanh Hoa – New Image in Century XXI"*** published by the Foreign Economic Information Join-stock Company. The Editorial Board would like to express its most sincere thanks to our dear readers and hope that you would share our feelings. We would also like to acknowledge and thank the Central Committee's Commission of Ideology and Culture, National Political Publishing House, Thanh Hoa People's Committee, organisations, industries and enterprises across Thanh Hoa for their conduct, assistance and co-operation that help make the success of this publication.

A wide range of contents but limited time would inevitably lead to shortcomings. We would expect readers' understanding and suggestions for perfect republications in the future.

Yours truly,

GENERAL DIRECTOR
FOREIGN ECONOMIC INFORMATION JOINT-STOCK COMPANY

CHU VIET LUAN

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 3
Lời nói đầu 5
- Tiềm năng thế mạnh kinh tế Thanh Hóa... 9

PHẦN I
Làm quen với mảnh đất và con người Thanh Hóa 21
- Chương I: Lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Thanh Hóa ***23***
- Lịch sử hình thành tỉnh Thanh Hóa 23
- Một số địa danh nổi tiếng 29
- Chương II: Những nền tảng cơ bản phát huy thế mạnh ***33***
- Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý... 33
- Thanh Hóa - Vùng đất địa linh nhân kiệt 39

PHẦN II
Các tổ chức xã hội 55
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa... 57
- Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa... 62
- Đoàn Thanh niên Cộng sản Thanh Hóa trong thời kỳ đổi mới... 67
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Thanh Hóa... 75
- Hội Cựu chiến binh Thanh Hóa... 81
- Hội Nông dân Thanh Hóa... 87

PHẦN III
Tổ chức hành chính kinh tế - xã hội 93
- Thành phố Thanh Hóa... 95
- Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa... 102
- Công ty Kinh doanh Nhà Thanh Hóa... 107
- Công ty Cổ phần ăn uống Dạ Lan... 113
- Công ty Ăn uống và Dịch vụ Thanh Hóa... 117
- Công ty Phát triển và Ứng dụng Công nghệ Tin học Hitech... 121
- Thị xã Sầm Sơn 125
- Nhà nghỉ Bộ Tài Chính... 133
- Thị xã Bỉm Sơn... 136
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tiến Sơn 147
- Công ty Green More Việt Nam 151
- Công ty Gốm Xây dựng Bỉm Sơn 155
- Huyện Hoằng Hóa 160
- Một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở Hoằng Hóa 168
- Huyện Hậu Lộc 174
- Huyện Nông Cống 184
- Huyện Bá Thước 190
- Huyện Quan Hóa 197
- Huyện Vĩnh Lộc 205
- Huyện Cẩm Thủy 213
- Huyện Triệu Sơn 221
- Huyện Thọ Xuân 229
- Huyện Quảng Xương 239
- Huyện Như Thanh 246
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Dương... 257
- Huyện Đông Sơn 263
- Huyện Thạch Thành 277
- Huyện Lang Chánh... 285
- Huyện Như Xuân... 294
- Huyện Yên Định... 301
- Huyện Thiệu Hóa... 308
- Huyện Nga Sơn... 316
- Huyện Tĩnh Gia... 326
- Huyện Thường Xuân... 336
- Huyện Hà Trung... 346
- Lâm trường Hà Trung... 357
- Huyện Ngọc Lặc... 360
- Huyện Mường Lát... 370
- Huyện Quan Sơn... 377

PHẦN IV
Kết cấu hạ tầng 385
- Điện lực Thanh Hóa... 387
- Ngành Giao thông Vận tải Thanh Hóa... 392
- Giáo dục - Đào tạo Thanh Hóa... 402
- Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá... 409
- Trường Đại học Hồng Đức... 413
- Trường Dân tộc Nội trú tỉnh Thanh Hóa... 419
- Ngành Y tế Thanh Hóa... 422
- Hội Đông Y Thanh Hóa... 434
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa... 441
- Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa... 446
- Bưu điện tỉnh Thanh Hóa... 451
- Công ty Cấp thoát nước Thanh Hóa... 456

PHẦN V
Kinh tế - Bức tranh toàn cảnh 459
- Chương I: Các ngành kinh tế trọng điểm ***461***
- Ngành Công nghiệp Thanh Hóa... 461
- Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Thanh Hóa... 470
- Công ty Thuỷ nông Sông Chu... 477
- Kiên cố hóa kênh mương... 481
- Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm... 485
- Ngành Kiểm lâm Thanh Hóa... 489
- Thuỷ sản Thanh Hóa... 499
- Sở Thương mại Thanh Hóa... 507
- Du lịch Thanh Hóa... 513
- Những điểm du lịch mang lại giá trị kinh tế cao cho tỉnh Thanh Hóa 519
- Sở Tài chính - Vật giá Thanh Hóa... 525
- Công ty Bảo hiểm Thanh Hóa... 531
- Công ty Xổ số Kiến thiết Thanh Hóa... 537
- Ngân hàng Công thương tỉnh Thanh Hóa... 542
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Thanh Hóa... 547
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa... 553
- Sở Xây dựng Thanh Hóa 560
- Viện Quy hoạch Xây dựng Thanh Hóa... 566
- Sở Địa chính Thanh Hóa... 571
- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thanh Hóa... 576

- Nhu Thanh District... 252
- Nam Duong Co., Ltd... 260
- Thach Thanh District... 281
- Lang Chanh District... 289
- Nhu Xuan District... 297
- Yen Dinh District... 304
- Thieu Hoa District... 312
- Nga Son District... 321
- Tinh Gia District... 331
- Thuong Xuan District... 341
- Ha Trung District... 351
- Ha Trung Plantation... 358
- Ngoc Lac District... 365
- Muong Lat District... 373
- Quan Son District... 380

PART IV:

Infrastructure ... **385**
- Thanh Hoa Electricity... 389
- Thanh Hoa Transport... 397
- Thanh Hoa's Education and Training Sector... 405
- Thanh Hoa Political School... 411
- Hong Duc University... 416
- Thanh Hoa Boarding Ethnic School... 420
- Thanh Hoa Health Sector... 428
- Thanh Hoa Association of Oriental Medicine... 437
- Thanh Hoa General Hospital... 443
- Thanh Hoa Pharmaceutical and Medical Materials Joint -stock Company... 448
- Thanh Hoa Post Office... 453
- Thanh Hoa Water Supply Company... 457

PART V:

Economy - Overview ... **459**
- ***Chapter I: Key Economic Sectors...*** ***465***
- Thanh Hoa Industry... 465
- Thanh Hoa Department of Agriculture and Rural Development... 473
- Chu River Irrigation Company... 479
- Irrigation Canal Consolidation... 483
- Agriculture and Forestry Extension Centre... 487
- Thanh Hoa Forestry... 494
- Thanh Hoa Fisheries... 503
- Thanh Hoa Department of Trade ... 510
- Thanh Hoa Tourism... 516
- The High Economic - Valued Tourist Sites of Thanh Hoa Province... 522
- Thanh Hoa Department of Finance and Pricing... 528
- Thanh Hoa Insurance Company... 534
- Thanh Hoa Country - Building Lottery Company... 539
- Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Industry and Commerce... 545
- Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Investment and Development... 550
- Thanh Hoa Branch of Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development... 557
- Thanh Hoa Provincial Department of Construction ... 563
- Thanh Hoa Institute of Construction Planning... 569
- Thanh Hoa Department of Land Administration... 573
- Thanh Hoa Department of Science, Technology and Environment... 581
- Thanh Hoa Centre of Botanical Tissue Growing... 587
- Thanh Hoa Department of Customs... 593
- Thanh Hoa Department of Statistics... 599
- ***Chapter II: Diversifying Economic Classes*** ***605***
- Thanh Hoa Co-operative Alliance... 605
- Thanh Hoa Beer Company... 612
- Thanh Hoa Tobacco Factory... 619
- Thanh Hoa General Materials Company... 624
- Bim Son Cement... 629
- Vietnam - Taiwan Sugarcane Company Limited... 635
- Nghi Son Cement Corporation... 639
- Thanh Hoa Than Nong Fertiliser Joint-Venture Company... 644
- ***Chapter III: Traditional Occupation Villages*** ***648***
- Hoang Thinh Traditional Occupation Village of Rattan-bamboo Weaving... 648
- Stone Craft of Nhoi Village... 652
- Nga Son Sedge Mat... 656
- Quang Xuong with Traditional Occupations... 660

PART VI:

Mobilizing all Forces for economic development ... **663**
- Intensifying Investment for Socio-Economic Development ... 668
- Thanh Hoa Development Assistance Fund... 673
- Management Board of Thanh Hoa Industrial Zones... 678

PART VII:

Society-Culture ... **681**
- Culture - Information Sector... 688
- Thanh Hoa Food and Drink Culture ... 695
- Co Tien Temple... 697
- Mountainous Ethnic Committee ... 702
- Thanh Hoa Radio and Television... 709
- Thanh Hoa Newspaper Printing House... 714
- Department of Labour, War Invalids and Social Affairs ... 719
- Labor and Employment... 725
- Thanh Hoa Occupational Education Center 05-06... 729
- Thanh Hoa Labour Centre... 732
- Thanh Hoa Physical Culture and Sports... 740
- Thanh Hoa School of Physical Culture and Sports... 749

PART VIII:

Lessons of success... **752**
- Bim Son Packaging Joint-stock Company... 757
- Hop Luc Transportation Co-operative... 761
- Lam Son Sugar-cane Joint - stock Company... 767
- Ham Rong Joint Stock Company of Thanh Hoa... 771
- Thanh Hoa Infrastructure Development and Construction Company... 775
- Thanh Hoa Obstetric Hospital... 780
- Thanh Hoa Aquatic Product Import-Export Company... 784
- Thanh Hoa Joint - Stock Electric Assembling Company... 788
- Bim Son Building Material Joint-stock Company... 793

APPENDIX

- Preferential Policy for Investors... 807
- List of Programmes and Projects... 823

- Trung tâm Nuôi cấy Mô thực vật Thanh Hóa... 586
- Cục Hải quan Thanh Hóa... 589
- Cục Thống kê Thanh Hóa... 597
- *Chương II: Đa dạng hóa các thành phần kinh tế* 602
- Liên minh hợp tác xã Thanh Hóa ... 602
- Công ty Bia Thanh Hóa 609
- Nhà máy thuốc lá Thanh Hóa... 616
- Công ty Vật tư Tổng hợp Thanh Hóa... 622
- Xi măng Bỉm Sơn... 626
- Công ty trách nhiệm hữu hạn đường mía Việt Nam - Đài Loan... 633
- Công ty Xi măng Nghi Sơn... 637
- Công ty Liên doanh Phân bón Thần Nông Thanh Hóa... 642
- *Chương III: Các làng nghề truyền thống* *646*
- Làng nghề mây tre đan xã Hoằng Thịnh... 646
- Nghề chạm khắc đá Núi Nhồi... 650
- Chiếu cói Nga Sơn 654
- Quảng Xương với ngành nghề truyền thống 659

PHẦN VI

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế **662**
- Đẩy mạnh đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội 665
- Quỹ hỗ trợ phát triển Thanh Hóa... 671
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thanh Hóa... 675

PHẦN VII

Văn hóa - xã hội 681
- Ngành Văn hóa - Thông tin... 683
- Ẩm thực xứ Thanh 693
- Đền Cô Tiên 696
- Ban Dân tộc Miền núi 698
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa 706
- Nhà in Báo Thanh Hóa 712
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 716
- Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05 - 06 Thanh Hóa 727
- Trung tâm Dịch vụ Việc Làm Thanh Hóa 731
- Thể dục - Thể thao Thanh Hóa 734
- Trường trung học Thể dục - Thể thao Thanh Hóa 747

PHẦN VIII

Bài học thành công 753
- Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn 755
- Hợp tác xã Vận tải Hợp Lực... 759
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn... 764
- Công ty Cổ phần Hàm Rồng Thanh Hóa... 770
- Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Thanh Hóa... 773
- Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa... 778
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Thanh Hóa... 782
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hóa... 786
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bỉm Sơn... 791

PHỤ LỤC

- Chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các nhà đầu tư 799
- Danh mục các chương trình, dự án 815

CONTENTS

- Publishing House's Introduction 4
- Foreword 7
- Thanh Hoa with Its Economic Potentials and Strengths... 14

PART I:

Presentation **20**
- *Chapter I: Establishment & Development History of Thanh Hoa Province* *26*
- Thanh Hoa in History 26
- Some Famous Spots 31
- *Chapter II: Fundament to Develop Strong Point* *36*
- Natural Conditions and Geographical Location... 36
- Thanh Hoa - the Homeland of the National Heroes and Celebrities 46

PART II:

The Social Organizations **54**
- Thanh Hoa Committee of Vietnam Fatherland Front... 59
- Thanh Hoa Provincial Federation of Labour... 64
- Thanh Hoa Youth Union in the Reform (Doi Moi) Era... 71
- Thanh Hoa Women's Union... 78
- Thanh Hoa Veterans' Organisation... 84
- Thanh Hoa Farmer Association... 90

PART III:

Socio - economic - administrative structure **93**
- Thanh Hoa City... 98
- Thanh Hoa Urban Works and Environment Company... 104
- Thanh Hoa Housing Company... 110
- Da Lan Joint-Stock Food-Beverage Company... 115
- Thanh Hoa Food-Beverage and Service Company... 119
- Hitech Information Technology Development and Application Company... 123
- Sam Son Town... 129
- Finance Ministry's Resort.. 134
- Bim Son Town... 141
- Tien Son Co, Ltd... 149
- Vietnam Green More Company... 153
- Bim Son Ceramic Company... 157
- Hoang Hoa District... 164
- Typical Occupation Villages in Hoang Hoa... 171
- Hau Loc District... 179
- Nong Cong District... 187
- Ba Thuoc District... 193
- Quan Hoa District... 201
- Vinh Loc District... 209
- Cam Thuy District.. 217
- Trieu Son District... 225
- Tho Xuan District... 234
- Quang Xuong District... 242

THANH HÓA -THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

THANH HOA, NEW IMAGE IN THE CENTURY XXI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:
NGUYỄN CÔNG HÒA
NGUYỄN MINH HUỆ
NGUYỄN TRƯỜNG TAM
PHẠM TUYẾT NHUNG

Trình bày - chế bản vi tính
NGUYỄN THỊ XUÂN GIAO
NHỮ KIM THOA
ĐỖ TUẤN ANH

Sửa bản in: ĐỨC MƯỜI

Đọc sách mẫu: HUỆ - TAM - NHUNG

In 5.000 cuốn, khổ 19x26,5 cm, tại xưởng in Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại.
Giấy phép xuất bản số: 41 - 1290/CXB-QLXB cấp ngày 29 tháng 9 năm 2003
In xong nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2004

Giá bán: 120.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

THANH HÓA

THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

THANH HOA
NEW IMAGE IN CENTURY XXI

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng ban
Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương
Uỷ viên Hội đồng Lý luận Trung ương

PHẠM MINH ĐOAN
Chủ tịch
Uỷ ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa

TRỊNH THÚC HUỲNH
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia

CHỦ BIÊN

CHU VIẾT LUÂN - TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Trụ sở: Số 21-23 và 25-27, Đường số 4, khu A Nam Thành Côn
Tel: (84.4) 7733720, 7733721 * Fax: (84.4) 7733722 * E-mail: feihn
Chi nhánh: 35-37 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ
Tel: (08) 8241375, 8210489 * Fax: (08) 8210491 * E-mail: fei@h

thanh hoá thế và lực trong thế
3
1 004062 200407
120.000 VND